Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh Giảng Ký

Kinh bản hội tập:
Lão cư sĩ Hạ Liên Cư

Chủ giảng:
Lão pháp sư Thích Tịnh Không

Thời gian: Tháng 11 Năm 1991

Địa điểm: Đạo tràng Cư Sĩ Lâm, Tân Gia Ba

Chuyển dịch: Cư sĩ Thanh Trí

Tập 1

Kính thưa chư vị pháp sư, chư vị đồng tu.

Hôm nay, chúng tôi cảm thấy vô cùng vinh hạnh, vui mừng vô hạn, được ở tại Cư Sĩ Lâm, Tân Gia Ba này, cùng với quý đồng tu cùng nhau học tập đại kinh của Tịnh Tông. Bộ kinh này, trước đây ở tại Hoằng Pháp Đoàn, đã từng giảng qua một lần, cũng là ba mươi mấy lần mới giảng xong, mà khi đó những bộ băng cassette, đã nhanh chóng phổ biến đến khắp rất nhiều quốc gia, địa phương. Đây là Tân Gia Ba chúng ta đã cùng với toàn thế giới kết pháp duyên thù thắng.

Lần này cư sĩ Lý Mộc Nguyên của quý Lâm yêu cầu tôi đem bộ kinh lớn này giảng lại một lần nữa, mục đích là ở đâu? Vì lần trước chỉ lưu lại băng cassette, hy vọng lần này có thể để lại một bộ video tức là một bộ băng lục ảnh. Tôi nói: "Tốt lắm, chúng tôi sẽ làm tròn ước nguyện này". Đương nhiên, những năm gần đây, việc niệm Phật tu trì của chúng ta, so với cảnh giới của quá khứ có khác. Nói một cách khác, chúng ta đọc tụng bộ kinh lớn này, càng có thể thực hiện một cách thiết thực trong cuộc sống của mình, có như vậy chúng ta mới đạt được lợi ích thù thắng chân thật của kinh điển.

Hôm nay là ngày đầu khai kinh, về phần nhân duyên, tôi thiết nghĩ

chúng ta có thể tóm tắt rút gọn lại, vì trước đây đã giảng qua nhiều lần rồi; tâm lý của người thời nay, mà việc học Phật cũng không ngoại lệ, nay tùy thuộc vào xu hướng của cả thời đại. Chúng ta vẫn phải cầu mới, cầu biến, cầu nhanh. Trong Phật pháp tu học, chứng quả phải đạt ba nhu cầu căn bản này. Bộ kinh này, pháp môn này, có thể nói rằng vô cùng thích hợp. Thực tế mà nói, thế, xuất thế gian đệ nhất thù thắng, nhất định phải rất đơn giản, rất dễ dàng, giống như đại căn, đại bản của học thuật Trung Hoa. Đây là Dịch Kinh, "dịch" tức là dễ dàng, đơn giản, Phật pháp là nền giáo học tối thù thắng của thế và xuất thế gian, nó đương nhiên phải phù hợp với nguyên tắc này.

Tuy rằng đức Thế Tôn khi còn tại thế, đã vì chúng ta giảng kinh hơn ba trăm hội, thuyết pháp bốn mươi chín năm, nhưng chúng ta biết rằng: Tổng kết lại, chẳng ngoài Giới - Định - Tuệ Tam Học, cho thấy đích thật là đơn giản, là dễ dàng. Tất cả kinh cũng chỉ là đem Giới - Định- Tuệ Tam Học vì chúng ta nói tường tận mà thôi. Khi diễn rộng ra tức là "Nhất Thiết Kinh" trong bổn tông, chỗ nói đến cũng rất đơn giản, toát yếu. Ngẫu Ích đại sư tổng hợp các kinh điển của Tịnh Tông, trong Di Đà Yếu Giải có chỉ rõ cho chúng ta Tín - Nguyện - Hạnh, có trái ngược với tổng cương lĩnh của Thế Tôn không? Đây là điều mà chúng ta cần phải biết.

"Tín", chúng ta phải tin Giới - Định - Tuệ; "Nguyện", cũng là Giới - Định - Tuệ; "Hạnh", cũng chẳng rời Giới - Định - Tuệ. Quý vị hãy tỉ mỉ để thể hội về ý nghĩa này, chúng ta mới có thể nắm được tổng cương lĩnh giáo dục của cả một đời của Thế Tôn. Chúng ta tu học vừa đơn giản và dễ dàng, vả lại chính đồng với lời của chư cổ đức nói, vững vàng, nhanh chóng, khiến chúng ta cầu mới, cầu biến, cầu nhanh; thật sự đã đạt được. Bộ kinh này, trong phần kinh văn nói cho chúng ta ba thứ chân thật, đây là điều chúng ta cần phải chú ý đến.

- Thứ nhất là "Khai hóa hiển thị chân thật chi tế", câu này rất quan trọng. "Khai" là khai thị, Thế Tôn vì chúng ta khai đạo cũng tức là chỉ dạy

cho chúng ta. "Hóa" là thành tích của giáo học, chúng ta nhận sự chỉ dạy của Thế Tôn, quả nhiên đã khởi dậy sự thay đổi. Sự giáo học của thế gian yêu cầu sự thay đổi về khí chất, còn sự giáo học của Phật pháp yêu cầu chúng ta chuyển phàm thành Thánh. Cái chuyển này tức là chuyển biến, chúng ta hôm nay là phàm phu, sau khi nghe Phật khai đạo xong thì chúng ta liền có thể chuyển phàm phu thành Thánh nhân. Thánh nhân tức chúng ta thường gọi Phật, Bồ Tát, cũng tức là bảo người học Phật, nếu chẳng phát tâm làm Phật, có thể nói sự học Phật của anh xem như luống công. Học Phật là phải thành Phật, cùng với Thích Ca Mâu Ni Phật Như Lai, Di Đà Như Lai, nhất thiết chư

Phật Như Lai không hai, không khác; đây là mục đích học Phật của chúng ta. Thiền Tông Trung Hoa thường nói: "Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật", điều này đã nói rõ mục đích của việc tu học; mục đích là phải minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật.

Trong kinh này nói: "Khai hóa hiển thị chân thật chi tế", "chân thật chi tế" tức là Chân Như bản tánh. Câu nói này cùng với câu nói của Thiền Tông: "Minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật", chẳng có sai khác, chỉ là phương pháp chẳng tương đồng. Thiền Tông dùng phương pháp Tham Cứu, Tịnh Tông dùng phương pháp Niệm Phật; niệm Phật so với tham cứu dễ dàng hơn quá nhiều, phương

pháp dễ dàng, phương pháp đơn giản. Sự thành tựu giữa hai Tông, trên thực tế mà nói, chẳng có khác nhau. Thậm chí chư cổ đức nói, sự thành tựu của Niệm Phật siêu việt hơn Thiền Tông, câu nói này cũng không phải là vô lý, khi chúng ta thảo luận đến phần kinh văn, quý vị tự nhiên sẽ hiểu rõ.

- Thứ hai là "Trụ chân thật tuệ", cũng tức là bảo chúng ta tin tưởng Giới - Định - Tuệ. Chúng ta nguyện tu học Giới - Định - Tuệ, đây gọi là "trụ chân thật tuệ". Chữ Trụ này là an trụ, trong tâm chúng ta an trụ; duy chỉ có an trụ nơi trí tuệ chân thật, nó mới tin sâu chẳng nghi, nó mới nhiệt liệt mong ước, ngưỡng mộ truy cầu Giới - Định - Tuệ Tam Học. Đây là nói, chúng ta tự mình tu học, chỗ đạt được

những thành tựu lợi ích thù thắng; chúng ta đối với người khác cũng phải chân thật không hư dối. Trong kinh văn nói với chúng ta "Huệ dĩ chân thật chi lợi", Huệ là hiến tặng cho người khác, cho họ gì đây? Cho họ sự lợi ích chân thật. Lợi ích chân thật tức là Đại Thừa Phật pháp; Phật pháp Đại Thừa của Tịnh Tông, chẳng có gì chân thật hơn, chẳng có gì thù thắng hơn. Bản kinh hội đủ ba thứ chân thật này, đây là một bộ kinh lớn vô cùng hy hữu, kinh văn không dài lắm, nội dung bao hàm tất cả pháp mà Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm. Bất luận là Hiển Giáo, Mật Giáo, Tông Môn, Giáo Hạ, đều nằm trong quyển kinh này. Cho nên đây là tổng

cương lĩnh của một Đại Tạng Giáo, muôn ngàn lần xin chớ sơ suất.

Chư Phật, Bồ Tát, chư đại đức xưa nay đều đồng thanh nói với chúng ta rằng, pháp môn này đích thật là "Tam căn phổ bị, phàm Thánh tề thâu"; đây là nói sự lợi ích của nó thật bất khả tư nghị. Trên đến Đẳng Giác Bồ Tát, như trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy ngài Văn Thù, Phổ Hiền là Hậu Bổ Phật của Hoa Tạng thế giới. Hai vị Bồ Tát này, nơi phần sau của kinh Hoa Nghiêm đã thống lãnh bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân Đại Sĩ của Hoa Tạng thế giới niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ; đây là người thượng thượng căn vãng sanh. Người hạ hạ căn cũng có phần, thậm chí đến Ngũ Nghịch Thập Ác chúng sanh, lúc

lâm chung gặp được thiện hữu chỉ dạy cho họ pháp môn này, họ vẫn có thể thành tựu, vẫn được vãng sanh. Do đây có thể biết, sức độ chúng sanh rộng lớn của pháp môn này, chẳng có bất cứ một pháp môn nào có thể sánh bằng.

Chúng ta được biết, một số kinh luận lớn khác rất là cứu cánh, bất luận về mặt Lý hay về phương pháp cũng rất cứu cánh, tuy nhiên không tiện lợi! Người trung hạ căn chẳng có phần, không có cách nào tu được. Một số kinh luận cũng tiện lợi nhưng chẳng cứu cánh, chẳng cứu cánh thì không thể thành Phật; còn thành A La Hán, thành Bồ Tát, đó chẳng gọi là cứu cánh. Vừa tiện lợi lại vừa cứu cánh, duy chỉ có kinh này; kinh này là pháp

môn để thành Phật, nó lại vô cùng tiện lợi, cho nên mỗi người chúng ta thảy đều có phần. Quý vị đồng tu hiện nay đang ngồi đây, có thể nói rằng, thiện căn, phước đức đều bất khả tư nghị. Như trong kinh nói với chúng ta, nếu không phải do thiện căn, phước đức đầy đủ, thì đối với pháp môn này rất khó chấp nhận, rất khó y giáo phụng hành, chính giống như kinh Di Đà chỗ nói: "Bất khả dĩ thiểu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc". Do đây có thể biết, chúng ta gặp được pháp môn này, đích thật là do từ vô lượng kiếp đến nay, thiện căn, phước đức, nhân duyên của chúng ta đến lúc này đã chín muồi, chúng ta mới có thể gặp được.

Pháp môn này quyết định chẳng phải là pháp môn bình thường, xưa kia chư cao tăng đại đức thường nói, cho dù là Hoa Nghiêm, Pháp Hoa cũng chỉ là sự dẫn đạo của bộ kinh này; nói một cách khác, Hoa Nghiêm, Pháp Hoa dẫn dắt chúng ta quy hướng về Tịnh Độ. Lời nói này đương nhiên chẳng phải là quá đáng, bởi vì kinh Hoa Nghiêm, đến phẩm cuối cùng, ngài Phổ Hiền Bồ Tát Thập Đại Nguyện Vương quy về Cực Lạc; điều này có chứng cứ, chẳng phải tùy tiện mà nói. Khi tôi đọc đến câu này, cảm xúc của tôi rất sâu hơn người khác, vì sao thế? Bởi vì tôi đối với pháp môn Tịnh Độ khởi dậy tín tâm, đích thật là do kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm dẫn dắt tôi đến với

pháp môn Tịnh Độ. Cho nên câu nói này của cổ nhân đã khiến cho tôi có cảm xúc một cách sâu sắc, tôi là từ chỗ này đi vào Tịnh Độ; dường như câu nói đó của họ là nói với chính tôi, chẳng khác.

Trong kinh Lăng Nghiêm nói với chúng ta: "Ức Phật, niệm Phật hiện tiền, đương lai tất định kiến Phật"; đây là ý nói những lợi ích và thành quả là do chúng ta tu học đạt được. Còn phương pháp thì đặc biệt nói rất tinh yếu: "Tịnh niệm tương kế, thâu nhiếp lục căn"; chúng ta chẳng phải nói thêm nữa, bởi vì "tịnh niệm" nhất định "thâu nhiếp lục căn". Chẳng thể thâu nhiếp lục căn thì anh làm sao đến chỗ tịnh niệm? Then chốt là ở chữ Tịnh, "Tịnh" là thanh tịnh, tâm địa

thanh tịnh, quyết định chẳng thể xen tạp, chẳng thể hoài nghi. "Tương kế" tức là không gián đoạn, vậy do đây có thể biết, yếu lĩnh tu hành của pháp môn này là không hoài nghi, không xen tạp, không gián đoạn, quyết định có thể thành công. Trong kinh nói với chúng ta "Tự đắc tâm khai", tự đắc tâm khai cùng với câu nói trên của bộ kinh này: "Khai hóa hiển thị chân thật chi tế" là một nghĩa, cũng tức là nói minh tâm kiến tánh, là sẽ tự nhiên đạt tới cảnh giới này. Lời này đã nói rõ ràng, chúng ta đều có phần; chẳng những chúng ta có phần, sự thành tựu so với những người thượng thượng căn từ xưa đến nay, cũng chẳng có bất cứ sự sai biệt nào khác. Chúng ta đã hiểu những điều này rồi, tự nhiên sẽ

sanh tín tâm, tự nhiên cảm thấy may mắn vui mừng.

Như lúc nãy tôi đã nói, chúng ta cầu mới, cầu biến, cầu nhanh, như vậy căn cứ vào đạo lý gì? Nếu lý luận không rõ ràng, lý luận không chắc thật thì tín tâm của chúng ta rất khó mà xây dựng, điều này vô cùng quan trọng. Cho nên chư cổ đức giảng kinh, trước khi giảng kinh văn, nhất định phải đem những căn cứ, lý luận trong bộ kinh này của Phật nói ra, khiến chúng ta đối với nó, sanh ra lòng tin chân thật. Tất cả những kinh điển Đại Thừa này đều y cứ vào thật tướng để mà nói, chỗ gọi là Thật Tướng, là chân tướng của sự thật, vậy đương nhiên là chúng ta yên tâm rồi. Tất cả chỗ nói đến đều là chân tướng của sự

thật, chẳng phải lý tưởng của Phật, chẳng phải sự suy đoán của Phật; chỗ nói đến hoàn toàn là chân tướng của sự thật.

Phật nói với chúng ta: "Nhất thiết vạn pháp, duy tâm sở hiện, duy thức sở biến", trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Duy tâm sở hiện"; cho nên tất cả vạn pháp chẳng có hai thứ, đây là "bất dị". "Duy thức sở biến", một khi đã biến, đương nhiên chẳng phải một thứ, thì là "bất nhất". Cho nên rất nhiều kinh luận Đại Thừa nói với chúng ta là "bất nhất, bất dị"; còn chúng ta đối với cách nói này rất khó thể hội. Cho nên chư cổ đức, vì muốn thuyết minh rõ ràng cho chúng ta, bất đắc dĩ phải nêu ra thí dụ để nói. Thí dụ, quý vị nên hiểu rằng, chỉ có thể thí dụ một

cách tương tự, chứ chẳng cách chi cho hoàn toàn thật giống, là hy vọng chúng ta từ trong thí dụ để tâm lãnh hội. Thí dụ nói: "Lấy vàng làm đồ vật, món nào cũng đều là vàng"; dùng thí dụ này khiến cho chúng ta hiểu, vàng là thể; chúng ta dùng vàng, hiện nay thường dùng nhất là dây chuyền vàng, lắc vàng, bông tai vàng, cho đến tất cả đồ dùng. Tuy nhiên chất vàng đều giống nhau chẳng có khác, đều dùng vàng để làm, vàng là Thể chẳng khác nhau, đều là một thứ kim khí; nhưng nhìn từ trên món đồ, thì là dây chuyền, lắc đeo tay, chẳng giống nhau. Lắc và bông tai cũng không giống nhau, tướng khác nhau, chỗ dùng cũng khác nhau; đây tức là chúng ta nói đến Thể - Tướng - Dụng. Thể của tất cả vạn

pháp đều tương đồng, nhưng Tướng thì khác nhau cho nên tác dụng mới khác nhau, do đó mà Thể - Tướng - Dụng khác nhau; chúng ta trước tiên cần phải nhận thức rõ ràng về điều này.

Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, ba chữ "Đại Phương Quảng" này, tức là hình dung Thể - Tướng - Dụng của vũ trụ, vạn pháp. Đại là tán thán về Thể, Phương là nói đến Tướng, Quảng là nói đến Tác Dụng, tác dụng vô lượng vô biên. Đây là cương lĩnh đầu tiên mà chúng ta cần phải nắm lấy. Còn Giới - Định - Tuệ, lại từ đâu đến? Đều từ trong chân tướng của sự thật nói ra. Phật trong kinh điển thường nói: "Tinh, Nhất, Trung, Hòa"; đây đều nói về

cương lĩnh tu hành cho chúng ta. Tinh - Nhất tức là Định, Trung - Hòa tức là Giới, đặc biệt là Đại Thừa Phật pháp chủ trương Trung Đạo. Thật tại mà nói, nhà Nho Trung Hoa cũng phi thường lắm, nhà Nho nói đến Trung - Hòa, đều biết dùng chữ Trung; đây là trí tuệ chân thật. Như vậy mới có thể đạt đến tri kiến của Phật, như kinh Pháp Hoa nói: "Khai thị ngộ nhập Phật tri kiến", tri kiến của Phật tức là Tuệ; cho nên Giới - Định - Tuệ là từ chỗ này mà có. Do đây có thể biết Giới - Định - Tuệ này chẳng do Phật phát minh, là từ trong chân tướng của sự thật hiển thị ra.

Nói theo người hiện nay, đây là Chân Lý, quyết định chẳng thể trái ngược được; trong Phật pháp chúng ta

gọi là Đức Tánh, là Chân Như bản tánh. Ở trong quý vị là đức năng trong chân tâm lý thể của quý vị, là đức năng vốn có chẳng phải từ bên ngoài đến. Tùy thuận pháp tánh, tức là tùy thuận Giới - Định - Tuệ; tác dụng của Giới - Định - Tuệ, có thể giúp chúng ta chứng đắc Đại Bồ Đề, Đại Niết Bàn, đây là quả vị tu hành cứu cánh viên mãn của Phật pháp. Trong kinh này, tức là: "Nhất tâm bất loạn, định tuệ đẳng trì", bởi thế chúng ta mới thật sự hiểu rõ các pháp cần phải dung thông, nhất định dung thông. Muốn đạt tới cảnh giới này, đối với cá nhân chúng ta mà nói, nói đến cá nhân, các pháp tức là nhiều tế bào khí quản trong cơ thể của chúng ta dung thông không chướng ngại thì thân thể

của chúng ta khỏe mạnh, trăm thứ bệnh chẳng sanh, mạnh khỏe, trường thọ, vui vẻ. Trong Phật pháp quý vị đều có thể đạt được, trong gia đình chúng ta mỗi một phần tử, cha con, anh em, chị em đều có thể dung thân thì gia đình hòa mục, gia đình hạnh phúc; xã hội đại chúng nếu có thể đạt đến chỗ dung thông thì xã hội hòa hài, xã hội phùng vinh. Thậm chí lại mở rộng thêm thì thế giới hòa bình, đây là Phật pháp.

Phật pháp ngày nay cần phải thực hiện trên cơ sở của sự lợi ích chân thật, chúng ta mới cảm thấy Phật pháp là điều thật sự cần thiết cho chúng ta; hơn nữa nó là nhu cầu bức thiết nhất đối với chúng ta trong thời đại này. Tuy nhiên, có lẽ có một vài

đồng tu nói rằng: "Tôi cũng thường nghe nói nhóm người học Phật này bất hòa, chẳng giống như những điều chúng ta nói, chẳng giống như lời Phật nói trong kinh". Phật nói không sai! Vì họ chẳng có làm, trách nhiệm này chẳng ở nơi Phật, họ chẳng có y giáo phụng hành. Thậm chí học Phật đã nhiều năm, hỏi Phật giáo là gì? Cũng không hiểu. Quy y rất nhiều năm, hỏi cái gì gọi là quy y? Vẫn chẳng hiểu. Điều đó chẳng có gì lạ lùng.

Hôm nay chúng ta có quyển sách nhỏ này là do một vị đồng tu ở đây phát tâm in tặng cho quý vị, "Nhận Thức Phật Giáo" quyển sách nhỏ này là vào năm 1991, tôi giảng tại tiểu bang Florida, Miami Mỹ Quốc, có vài

vị đồng tu Đài Bắc đem chỉnh lại in thành quyển sách nhỏ này. Quyển sách này có thể giúp quý vị đồng tu hiểu rõ cái gì là Phật giáo! Chúng ta học Phật rồi, người khác hỏi chúng ta cái gì là Phật giáo, đáp không ra; đây là điều rất khó coi, chúng ta phải nói cho rõ ràng, minh bạch, chúng ta những người học Phật không mê tín. Cho nên nhất định phải biết dung thông, chúng ta mới đạt được lợi ích chân thật của Phật pháp.

Trong Tịnh Tông, vị đạo sư mà chúng ta tôn sùng là A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát. A Di Đà Phật là đại biểu cho "chân thật chi tế", chân như bản tánh, đây là Phật Bảo, trong Tam Bảo đây là Phật Bảo. "Trụ chân thật tuệ" là

Pháp Bảo. Quán Âm đại biểu cho Từ Bi, Đại Thế Chí Bồ Tát đại biểu cho Trí Tuệ, từ bi là Tăng Bảo; cho nên từ trên pháp mà nói, pháp của hai vị Bồ Tát này là thuộc về Pháp Bảo, còn tướng người của hai vị Bồ Tát này tức là Tăng Bảo. Chúng ta cúng dường Tây Phương Tam Thánh, Tam Bảo đầy đủ, đây tức là tự tánh của chúng ta, là toàn thể đức dụng của chúng ta, cũng tức là nơi quy y chân chánh của chúng ta. Phía trước tôi xin đơn giản với quý vị đến đây, sau đây chúng ta bắt đầu xem từ đề kinh; những chỗ giản lược rất nhiều, bởi vì phần trước ý nghĩa chỗ nói đến, có thể bổ sung.

Đề kinh của bộ kinh này là "Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình

Đẳng Giác Kinh"; đề kinh này, chúng ta có thể chia làm tám đoạn nhỏ để giới thiệu.

"Đề" là cương lĩnh của toàn bộ kinh, đối với đề kinh đã hiểu rõ thì đại ý của toàn bộ kinh cũng có thể hiểu được đại khái của mục đích.

"Kinh", chúng ta biết, đều do Phật thuyết; vì sao một số kinh có hai chữ "Phật thuyết", còn một số kinh khác lại không có? Ví dụ như quyển mà quý vị rất quen thuộc, Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa Kinh, phía trước không có hai chữ "Phật thuyết"; Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, phía trước cũng chẳng có hai chữ "Phật thuyết"; Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, phía trước lại cũng không có hai chữ "Phật thuyết". Quyển kinh

này của chúng ta có chữ "Phật thuyết", quyển tiểu bổn A Di Đà Kinh cũng có "Phật thuyết"; điều này, do cổ nhân lúc dịch kinh, khi định về đề mục phải có một quy củ. Phàm là kinh văn của phần Chánh Tông, câu thứ nhất do Phật tự nói, thông thường loại kinh điển này, phía trên đều có thêm vào hai chữ "Phật thuyết". Nếu như phần Chánh Tông là do đệ tử Phật hỏi, sau đó Phật mới giải thích thì câu đầu tiên chẳng phải Phật nói, thì chẳng dùng hai chữ "Phật thuyết". Đây là một quy củ khi lập đề kinh của các pháp sư dịch kinh.

Chữ "Phật" là dịch âm của Phạn ngữ Ấn Độ, ý nghĩa của nó là Giác, là giác ngộ; Phật là nghĩa giác ngộ, trong đó bao hàm Tự Giác, tự mình

giác ngộ. Đã triệt để giác ngộ, đối với chân tướng của vũ trụ và nhân sinh triệt để minh bạch; đây là Tự Giác. Đồng thời lại có thể giúp người khác giác ngộ, gọi là Giác Tha, giúp người khác giác ngộ. Cho đến khi đạt đến rốt ráo viên mãn, như thế mới có thể xưng là Phật; bởi vì A La Hán, Tiểu Thừa A La Hán, Bích Chi Phật, họ cũng giác ngộ, đối với chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, họ cũng hiểu rõ, nhưng họ chẳng chịu chỉ dạy người khác; vì giáo hóa chúng sanh rất khó. Quý vị xem, Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh, chẳng phải đã nói rõ rồi sao? "Diêm Phù Đề chúng sanh cang cường khó giáo hóa", quý vị có lòng tốt để giúp đỡ họ, họ vẫn chẳng chấp nhận, thậm chí ngược lại còn

gây rắc rối cho quý vị; cho nên người Tiểu Thừa không mấy vui lòng đi giúp đỡ người khác. Quý vị đến cầu họ, họ giúp đỡ quý vị; quý vị không cầu họ, họ tuyệt đối chẳng tự mình đi tìm phiền phức, đây là thánh giả của Tiểu Thừa.

Còn Đại Thừa Bồ Tát, họ không sợ phiền phức, cho nên họ có thể chủ động đi giúp đỡ tất cả chúng sanh; điều này thật vô cùng hiếm có, tự giác, giác tha. Tuy nhiên Bồ Tát chưa đạt đến chỗ viên mãn, chỗ gọi là viên mãn, tất Kiến Tư, Trần Sa, Vô Minh phiền não, tất cả đều phải đoạn hết, đó mới gọi là viên mãn. Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn một phẩm Thân Tướng Vô Minh chưa phá; vậy nói cách khác, họ vẫn chưa viên mãn.

Như Phổ Hiền Bồ Tát, vì sao cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới? Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng có gì khác, chỉ là để đoạn một phẩm sau cùng là Thân Tướng Vô Minh; điều này đã nói rõ, muốn đoạn ba thứ phiền não này, thì ở Tây Phương Cực Lạc thế giới là hoàn cảnh tu học lý tưởng nhất. Giả như Hoa Tạng thế giới của Tỳ Lô Giá Na Phật, nếu mà dễ dàng đoạn được phiền não, thì ngài Văn Thù Phổ Hiền lại hà tất phải cầu sanh Tịnh Độ? Nhất định là Tây Phương Tịnh Độ so với Hoa Tạng thế giới này dễ dàng hơn nên họ mới đi, cách này thì mới giảng được thông; điều này đã hiển bày rõ ràng, Tây Phương thế giới quả thật là thù thắng chẳng chi sánh bằng.

Như vậy thì vị Phật ở đây, tức là đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. Kinh này phía trước có thêm hai chữ "Phật thuyết", tức là Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật chỗ nói. Nhưng bộ kinh này đặc biệt, Tịnh Độ Tam Kinh đặc biệt, Phật Thuyết Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, Phật Thuyết A Di Đà Kinh; phần trên của Tịnh Độ Tam Kinh đều có hai chữ "Phật thuyết". Vị Phật này, không những là Thích Ca Mâu Ni Phật, mà có thể nói là bao hàm cả mười phương tam thế nhất thiết chư Phật, vì sao vậy? Là vì tất cả chư Phật, chẳng có vị Phật nào chẳng giảng kinh Vô Lượng Thọ, chẳng có vị Phật nào chẳng giảng Tịnh Độ Tam Kinh. Những loại kinh khác, không nhất định phải giảng; mà phải xem cơ,

khế cơ, không khế cơ Phật sẽ chẳng nói. Ba bộ kinh này, chỗ gọi là: "Tam căn phổ bị, phàm Thánh tề thâu", cho nên tất cả chư Phật đều giảng, vì thế nên trên đề kinh phía trước có chữ "Phật thuyết"; đặc biệt duy chỉ có ba bộ kinh này, chữ Phật ở đây là bao gồm tất cả chư Phật. Đây là điều chúng ta nhất định phải nhận thức rõ ràng, quý vị mới biết được, nó cùng với những kinh điển khác, chẳng giống nhau.

Chữ "Thuyết" này, ngày xưa là nghĩa "hỷ duyệt", vui mừng mới thuyết; người với người gặp mặt nhau rất vui mừng thì sẽ nói nhiều, nếu không vui mừng thì một câu cũng chẳng có nói; vui mừng mới nói. Cổ đức giải thích chữ này là "duyệt sở

hoài", trong lòng Phật thường nghĩ, thường niệm đến, nay vừa gặp được cơ hội thì Ngài rất hoan hỷ vì chúng ta mà nói ra. Tâm sự của Phật là gì đây? Phàm phu đều có tâm sự, Phật cũng có tâm sự; tâm sự của Phật cùng với phàm phu chúng ta không giống nhau. Tâm sự của Phật là độ chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh lìa mê khai ngộ, giúp đỡ chúng sanh lìa khổ được vui, giúp đỡ chúng sanh liễu thoát sanh tử ra khỏi tam giới, giúp đỡ chúng sanh mau chóng thành Phật, đây là tâm sự của chư Phật Như Lai, ngoài những điều này ra, Phật chẳng có tâm sự.

Hôm nay nhìn thấy căn cơ của chúng sanh đã thành thục rồi, quý vị nghĩ xem, Ngài vui mừng biết mấy,

vui mừng chẳng gì sánh bằng; đây chẳng phải là cơ duyên thông thường, mà là cơ duyên thành Phật đã thành thục. Cũng tức là bảo, có thể đem phương pháp thành Phật này, kinh điển này truyền thọ cho quý vị; quý vị đã có được rồi, một đời này quý vị sẽ làm Phật. Điều này thật chẳng thể nghĩ bàn, quý vị xem, Phật trong Đại Thừa kinh luận thường nói với chúng ta, phàm phu muốn tu hành thành Phật phải trải qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp, thời gian tu lâu dài như vậy; nay quý vị được pháp môn này, chỉ cần vài ngày công phu là đã đủ rồi, đâu cần phải thời gian dài như thế? Quý vị xem, trong kinh A Di Đà, chẳng phải là đã nói: "Nhược nhất nhật" đến "nhược thất nhật" thì là thành công

rồi ư! Nói một cách khác, trong một đời này anh nhất định thành tựu. Thử hỏi, Phật gặp được một người như vậy, sự vui mừng của Ngài quả thật chúng ta chẳng thể nào hình dung ra được. Có thể chấp nhận pháp môn Tịnh Độ này, trong một đời này anh sẽ có được sự lợi ích cứu cánh viên mãn.

Ngẫu Ích đại sư trong A Di Đà Kinh Yếu Giải có nói với chúng ta, Ngài nói Phật lấy việc độ sanh làm bổn hoài, vì cơ duyên thành Phật của chúng sanh nay đã thành thục. Câu nói này, quả thật xưa nay chưa có ai nói qua, quả thật câu nói này của Ngẫu Ích đại sư đã đi sâu vào trong tâm khảm của Phật, thật là hiếm có. Vì nói cái pháp khó tin, cho nên pháp

này A La Hán, Bích Chi Phật, Quyền Giáo Bồ Tát cũng đều chẳng tin. Tuy là pháp khó tin, nhưng vì sao quý vị lại tin? Vì cơ hội thành Phật trong đời này của quý vị đã thành thục, bây giờ là đã thành thục rồi; cho nên quý vị mới tin và có thể chấp nhận. Phật quả thật có thể giúp chúng ta, trong một kiếp ngắn ngủi này được rốt ráo giải thoát. Cho nên Phật hoan hỷ, vui vẻ vì chúng ta mà nói pháp môn này. "Thuyết" là ý nghĩa như vậy.

Tiểu tiết thứ ba là "Đại Thừa", Đại Thừa là thí dụ. Chữ Thừa này thời xưa đọc là Thặng, hiện nay mọi người chúng ta đều đọc là Thừa. Chúng tôi cũng đọc theo là Thừa, nếu theo âm xưa thì ngược lại chẳng ai hiểu, khiến người nghe cảm thấy kỳ

quái, cảm thấy không tự nhiên phải không? Cho nên mọi người đều sai, chúng tôi cũng theo họ sai luôn, nhưng ý nghĩa không sai là được rồi! Thật tình mà nói, nó là công cụ vận chuyển tức là xe; xe có lớn nhỏ, xe nhỏ thời xưa là xe dê, xe do dê kéo; xe hưu do hưu kéo, dê và hưu đều không lớn cho nên xe kéo nhỏ này chỉ được một người ngồi. Còn xe lớn là xe gì? Xe ngựa thì lớn, có thể ngồi được rất nhiều người; cho nên trong kinh thường nói là xe bò trắng lớn là để hình dung xe lớn, kỳ thật xe bò trắng lớn tức là xe ngựa.

Đương nhiên hiện nay khoa học kỹ thuật phát đạt, hiện nay xe nhỏ cũng có thể ngồi được bốn, năm người; còn xe lớn như xe lửa cũng có

thể chở được vài trăm người, điều này người thời xưa chẳng thể tưởng tượng được. Cho nên hai chữ "Đại Thừa" này, ý nghĩa là phổ độ chúng sanh, lợi ích tất cả chúng sanh; Tiểu Thừa là lợi ích cho riêng mình, lợi ích cho riêng mình thì gọi là Tiểu Thừa. Như vậy, trong bộ kinh này, chỗ nói đến "năng niệm chi tâm", đây là dạy chúng ta niệm Phật. "Năng niệm chi tâm", bổn lai là Phật, tâm tức là Phật, Phật tức là tâm. "Năng thừa giả đại", khởi tâm niệm Phật tức là niệm niệm làm Phật. "Sở thừa giả đại", năng sở đều đại cả; đúng thật là Đại Thừa. Cổ đức nói pháp môn này là Đại Thừa trong Đại Thừa, liễu nghĩa trong liễu nghĩa, đệ nhất liễu nghĩa của trong

các kinh liễu nghĩa; họ đã đem bộ kinh này tán thán đến chỗ cùng cực.

Phần dưới là "Vô Lượng Thọ", Vô Lượng Thọ là tánh đức, là đức năng của chân tâm tự tánh vốn sẵn có của chúng ta. Phạn ngữ gọi A Di Đà, ba chữ A Di Đà này là Phạn âm. Mật ngữ cũng giống như Chú vậy, nó hàm nghĩa vô lượng. Nếu chúng ta từ trên mặt chữ mà nhìn, chữ A nghĩa là Vô, Di Đà là Lượng; đức năng của tự tánh vô lượng vô biên. Trong kinh điển Phật đem vô lượng nghĩa này mà chỉ nói cho chúng ta có hai nghĩa, là Vô Lượng Quang và Vô Lượng Thọ. Quý vị phải hiểu rằng, Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ chỉ là hai ý nghĩa trong vô lượng nghĩa. Tuy nhiên hai nghĩa này rất là thù thắng, bởi vì "thọ

mạng" có thể đại biểu cho thời gian quá khứ, hiện tại, vị lai; "quang minh" biến chiếu có thể đại biểu cho không gian. Như vậy là nói, một cái Thời và một cái Không, trong "thời, không" nó bao gồm tất cả vô lượng, chẳng sót một cái nào! Hai nghĩa này rất hay, quý vị phải hiểu rằng, hàm nghĩa trong hai chữ "Vô Lượng" thật vô cùng rộng lớn.

Thí dụ chúng ta nói, trí tuệ vô lượng, đức năng vô lượng, tài nghệ vô lượng, mọi thứ vô lượng, tất cả vô lượng, chúng đều nằm trong ý nghĩa của ba chữ A Di Đà này. Tuy nhiên người xưa lại nói, trong tất cả vô lượng, thọ mạng là đệ nhất nghĩa; lời này nghe cũng có lý lắm! Bởi vì sao? Vì nếu không có thọ mạng, tất cả vô

lượng cũng chỉ là trống không. Thí dụ như người đời nay rất là thực tế, quý vị có vô lượng vàng ròng, vô lượng tiền của mà chẳng có thọ mạng, như vậy tất cả vàng bạc của quý vị đều bị người khác thọ dụng hết, vì vậy quý vị cũng chẳng thể có được; nhất định chính mình phải có thọ mạng thì mới có được tất cả. Cho nên trong tất cả vô lượng, thọ mạng là đệ nhất nghĩa; câu nói này cũng rất hữu lý, cũng không sai. Như vậy, đây là Tây Phương Cực Lạc thế giới, chữ Đạo của đạo sư cũng đã nói rõ ràng, A Di Đà Phật khi còn ở nhân địa, cũng tức là lúc chưa thành Phật, giống như tình trạng của chúng ta hiện nay trong thời kỳ mới phát tâm học Phật, từ nơi kinh điển chúng ta cũng có thể đọc thấy

đại hạnh, đại nguyện của Pháp Tạng tỳ- kheo lúc còn ở nhân địa. Mãi đến khi Ngài tu hành thành Phật và sau khi thành Phật, Ngài đã dùng đủ loại phương tiện thiện xảo để trang nghiêm Tịnh Độ, tiếp dẫn pháp giới tất cả chúng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới để mà tu hành chứng quả. Nói một cách khác, Ngài đã ban cho chúng ta một hoàn cảnh tu học tối thù thắng, tối viên mãn, khiến cho chúng ta có thể đến đó để tu hành thành tựu. Đây cũng là những gì được nói trong bộ kinh này.

"Trang Nghiêm", tức là tốt đẹp mà ngày nay chúng ta thường hay nói mà trong Phật pháp gọi là "trang nghiêm", trong kinh có nói: "Nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu

độ”. A Di Đà Phật, có thể nói từ lúc Ngài là sơ phát tâm mãi cho đến lúc thành Phật, nhất tâm nhất ý để xây dựng cái đạo tràng ở Tây Phương Cực Lạc thế giới này, là cái hoàn cảnh tu học tốt đẹp cung ứng cho tất cả chúng sanh đến để tu hành; đây chính là “nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ”. Chúng ta cũng có thể cảm giác được ở nơi đạo tràng Cư Sĩ Lâm này; tại nơi đây, trên từ chư vị đồng sự, dưới đến tất cả đạo hữu... Mỗi lần chúng tôi đến Tân Gia Ba tham học mà những gì chúng tôi thấy được, cảm nhận được, là mọi người ở đây cũng đang “nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ”. Chúng tôi mỗi lần đến đây cũng nhìn thấy hoàn cảnh đều có khác, điểm này cùng với nhân

địa của A Di Đà Phật rất là kề cận, rất là tương tự, đã cung cấp cho quý vị đồng tu đến nơi này để tham học. Chúng ta có được hoàn cảnh vô cùng tốt đẹp để mà ở tại nơi đây nghe kinh, ở tại nơi đây niệm Phật, ở tại nơi đây cộng tu.

Trong kinh lại nói: "Trang nghiêm chúng hạnh", điều này chúng ta phải thật sự nỗ lực để làm, với câu nói này là ý nghĩa ra sao? Là chúng ta phải y theo những lý luận và lời dạy, chỗ nói trong kinh điển để làm tiêu chuẩn, phải thật sự y giáo phụng hành. Trong kinh điển, Phật dạy chúng ta những gì không được làm, không nên làm thì chúng ta quyết định không làm. Những việc thuộc công đức chân thật thì chúng ta nên cố gắng để làm,

chúng ta nên hết lòng để làm; đoạn ác, tu thiện, đây chính là "trang nghiêm chúng hạnh", Hạnh là hành vi, là làm sao khiến cho hành vi và đức năng của chúng ta đều được tương ưng. Tu học tánh đức là cần phải có sự nhận thức tuệ giải rất sâu, thì trí tuệ sẽ hiện rõ tất cả chân tướng của sự thật; nhiên hậu quý vị sẽ vô cùng hoan hỷ để làm.

Vậy Phật nói với chúng ta về cái đại ác của chúng ta; gốc rễ cái đại ác đó là gì? Là tham, sân, si, ba thứ độc phiền não, là tam độc đấy. Cho nên Phật dạy cho chúng ta, trước tiên phải đem ba thứ độc phiền não ấy bứng đi, phải nhổ trừ thì chúng ta mới là người khỏe mạnh, mới là người tốt; người tốt, người khỏe mạnh sẽ không bệnh. Nếu có tam độc này thì người họ sẽ

chẳng khỏe mạnh, vì họ có độc trong người, rồi chất độc sẽ bộc phát, một khi nó bộc phát thì sanh bệnh. Cho nên những bệnh tật vô lượng vô biên từ đâu đến? Nó từ tam độc phiền não phát khởi. Cho nên khi ba thứ độc đã được bứng trừ rồi thì bệnh của quý vị cũng không còn nữa, từ đây về sau sẽ chẳng bao giờ sanh bệnh; bệnh căn là tam độc tham, sân, si.

Cho nên Phật dạy chúng ta dùng bố thí để nhổ trừ tham độc, dùng nhẫn nhục để nhổ trừ sân giận, dùng trí tuệ để nhổ trừ si độc; cho nên Lục Độ Bồ Tát là đối trị tam độc phiền não, bởi thế Phật dạy chúng ta phải bố thí. Quý vị xem trong Bồ Tát Hạnh, điều thứ nhất là dạy chúng ta bố thí, công đức bố thí thì lợi ích vô lượng vô biên.

Tài bố thí thì được tài phú; Pháp bố thí thì được thông minh, trí tuệ; Vô Úy bố thí thì được khỏe mạnh, trường thọ. Chúng ta in kinh bố thí, như hiện nay có thể làm các loại băng, băng cassette và video để bố thí, thế là hội đủ tất cả ba loại bố thí. Quý vị xem, quý vị muốn in kinh hay làm băng cassette, tất nhiên phải dùng tiền, tiền là Tài bố thí; nội dung bên trong là Phật pháp, là Pháp bố thí; sau khi mọi người nghe xong thì được tâm khai ý giải, cũng chẳng còn lo âu sợ hãi thì đây là Vô Úy bố thí; đấy gọi là "nhất cử tam đắc". Ai biết làm việc này? Người thông minh biết làm, tôi biết được đạo lý này. Khi tôi mới bắt đầu học Phật, nhờ thầy tôi đã dạy cho tôi nên tôi đã hiểu rõ. Tôi vô cùng ưa

thích tu học pháp môn này, cho nên quý vị cúng dường cho tôi, tôi lấy hết đem đi in kinh bố thí.

Hôm nay trong đạo tràng, quý vị đang dùng quyển kinh này và đây là quyển kinh in rất đẹp, nguyên bản là do Tân Gia Ba ở đây làm mà bên Đài Loan cũng có in, cũng là do một số đồng tu ở bên đấy phát tâm. Quyển này với giá in tại Đài Loan đại khái là một đồng Mỹ kim; quý vị xem, in mười ngàn quyển cùng với mười ngàn người kết pháp duyên thì trong tâm vui mừng biết bao, hơn nữa là pháp duyên thù thắng nhất để chân thật trang nghiêm, "trang nghiêm chúng hạnh"; đây là chúng tôi cử một thí dụ để giải thích rõ ràng.

Trong kinh lại nói: "Ngã dĩ thành tựu trang nghiêm Phật độ, thanh tịnh chi hạnh"; đây đều là nói rõ việc A Di Đà Phật đã tu nhân chứng quả; sau khi Ngài đã thành Phật mà Ngài vẫn không quên "trang nghiêm Phật độ", vẫn chẳng quên cái hạnh thanh tịnh, vẫn cung cấp cho một đạo tràng tốt như vậy để thành tựu đại chúng. Trong đề kinh này, Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm đều thuộc về Tánh Đức mà trong tự tánh chúng ta vốn là đầy đủ; cũng như Lục Tổ đại sư sau khi Ngài khai ngộ, Ngài đã nói như vầy: "Hà kỳ tự tánh, bổn lai cụ túc"; Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm đều là "bổn lai cụ túc". Thế nhưng, ngày nay chúng ta đã đem tánh đức mê mất nên nó chẳng thể

hiện tiền, cho nên nhất định phải có Tu Đức mới có thể hiển lộ Tánh Đức, đây cũng tức là nói, tu hành đối với chúng ta mà nói thì là vô cùng quan trọng. Tu gì đây? Tu như thế nào? Phải đem hết tất cả các thứ bệnh tật, tập khí trái ngược với tánh đức của chúng ta, hãy đem nó tu chỉnh trở lại thì tánh đức của chúng ta sẽ tự nhiên hiển bày. Trên đề kinh có nói Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác; ba câu này là dạy cho chúng ta cái tổng cương lĩnh của sự tu học.

Trước tiên nói: "Thanh Tịnh", nơi ba nghiệp thân, khẩu, ý của chúng ta. Nghiệp là sự tạo tác, là những điều tạo tác không thanh tịnh của chúng ta. Điều thứ nhất là tâm lý chúng ta chẳng thanh tịnh, bởi vì trong tâm có

vọng tưởng mà vọng tưởng nó là mê hoặc. Người giác ngộ chẳng có vọng tưởng, người mê hoặc mới có vọng tưởng; vọng tưởng là ảo giác của mê, là tướng trạng của mê. Có phiền não thì phiền não cũng là sự ô nhiễm nghiêm trọng; tham, sân khuể, ngu si, tham dục, cống cao ngã mạn; thật tại là những thứ nghiêm trọng này, chúng đã làm nhiễm ô tâm thanh tịnh của chúng ta; đây là chỗ khác nhau giữa phàm phu cùng với Phật.

Tâm của Phật, Bồ Tát là thanh tịnh, tâm của phàm phu là ô nhiễm; chúng ta làm cách nào đem tất cả ô nhiễm của tâm địa, nói theo người thời nay, là ô nhiễm của tinh thần, ô nhiễm của tư tưởng, ô nhiễm của kiến giải, phải làm sao đem nó tẩy rửa cho

thật sạch sẽ để khôi phục lại tâm thanh tịnh của mình; đây mới là trọng tâm trong sự tu học Phật pháp. Bởi vì tâm thanh tịnh rồi, thì thân và khẩu tự nhiên cũng sẽ thanh tịnh; tâm chính là chủ tể đấy. Phật trong các kinh luận Đại Thừa thường nói, và thường chỉ dạy chúng ta "tất cả pháp từ tâm tưởng sanh", câu nói này vô cùng quan trọng. Phật dạy cho chúng ta pháp môn này vì pháp môn này rất nhanh chóng, rất vững vàng để thành Phật. Thật tại mà nói, đều là căn cứ trên nguyên lý này đây "tất cả pháp từ tâm tưởng sanh"; vậy thì tại sao chúng ta không tưởng Phật! "Niệm Phật, tưởng Phật, nhớ Phật, hiện tiền tương lai nhất định thấy Phật", đây là căn cứ trên cái đạo lý này.

Phàm phu mê hoặc, điên đảo, họ chẳng hiểu mỗi ngày đang khởi vọng tưởng, mà khởi vọng tưởng thì là phàm phu, còn tưởng Phật thì là thành Phật, tưởng Bồ Tát thì là thành Bồ Tát; nhưng ngày ngày đều nghĩ đến kiếm tiền thì là biến thành ngạ quỷ, bởi vì quỷ tham tài. Phật giảng cho chúng ta, quỷ là tâm tham, địa ngục là tâm sân giận; chớ có nên tức giận, nếu thường thường tức giận, ngày ngày tức giận, đây là tạo nghiệp nhân của địa ngục đấy là chẳng tốt, đó là nghĩ tưởng đến địa ngục còn nghĩ tưởng phát tài tức là làm ngạ quỷ, cũng chẳng tốt đâu! Vậy thì tại sao không tưởng Phật? Tưởng Phật thì sẽ đến Cực Lạc thế giới thành Phật rồi? Đây là căn cứ trên cái đạo lý này mà

nói: "Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh". Cho nên tưởng Phật, tưởng Bồ Tát thì là tâm thanh tịnh, nó sẽ đem những thứ ô nhiễm này của chúng ta, từ vô lượng kiếp đến nay đi tẩy rửa sạch hết, đấy là Phật dạy chúng ta "tẩy tâm dị hành". Làm thế nào để tẩy rửa tâm? Niệm A Di Đà Phật, nghĩ tưởng A Di Đà Phật; ngoại trừ A Di Đà Phật và Tây Phương Cực Lạc thế giới ra, tất cả những thứ khác đều chẳng nên nghĩ tưởng; đây là lời nói thật.

Người thời nay họ mê mà lại mê đến mức độ trầm trọng, họ nhận giả chẳng nhận chân, A Di Đà Phật là thật mà họ chẳng tin, cái gì là giả? Tiền bạc. Họ cứ mãi tin chẳng biết đó là giả, đó không phải là thật vì "sanh không mang đến, chết không mang

đi”; hơn nữa, vì những thứ này mà ngày ngày sanh phiền não để cho khổ đến cực độ. Người thông minh thì là đem nó vất đi và tuyệt đối chẳng nghĩ đến nữa; cho nên quý vị hãy lắng lòng để tư duy cho kỹ, bình tỉnh để suy nghĩ thì quý vị sẽ là thông minh, sẽ là có trí tuệ, thì quý vị có thể nhìn thấu thế giới. Thế giới này, cái gì là thật, cái gì là giả, quý vị sẽ nhận diện nó; vả lại, chúng ta cần cái thật chẳng cần cái giả. Vậy thì tất cả ác nghiệp phải quyết định sẽ không tạo, bởi thế chỗ gọi là Tâm tịnh thì Phật Độ tịnh. Trong sinh hoạt thường ngày, như tôi đã nói ở phía trước là cá nhân một đời được vui vẻ, hạnh phúc, gia đình được mỹ mãn, xã hội hòa hài, đều lấy tâm thanh tịnh làm cơ sở. Con người

tâm địa thanh tịnh, họ có tâm thanh tịnh tức là họ có tâm chân thành.

Kế đến là “Bình Đẳng”; tại trong kinh có nói, bình đẳng tức là Chân Như, bình đẳng tức là Bất Nhị pháp môn; nếu là Nhị thì chẳng phải bình đẳng, cho nên Bất Nhị là bình đẳng. Trong cuộc sống chúng ta xử sự, đối người, tiếp vật, là từ ở trên những sự tướng này mà tu tâm bình đẳng, mà học hạnh bình đẳng. Cho nên chân chánh tu hành, chân chánh dụng công, thì tu ở đâu? Có người nói, phải vào tận trong núi tìm một ngôi chùa hoặc một đạo tràng để tu; cho dù có được duyên phần này, quý vị cũng không hẳn có thể thành tựu! Chân chánh tu hành là ở ngay trong sinh hoạt, là ở ngay trong cuộc sống hằng ngày để tu

cách xử sự, đối người, tiếp vật. Nếu quý vị là thật sự tu học Đại Thừa, thật sự tu học pháp môn Di Đà là ngay trong sinh hoạt của chính mình, ngay trong cách xử sự, đối người, tiếp vật, mà tu tâm thanh tịnh, tu tâm bình đẳng. Dùng phương pháp gì để tu? Dùng một câu danh hiệu Phật này. Khi tâm của chúng ta không thanh tịnh, cái gì là không thanh tịnh? Tham, sân, si khởi lên, mê hoặc điên đảo khởi lên, vọng tưởng khởi lên, đấy là tâm không thanh tịnh thì liền mau niệm A Di Đà Phật. Câu A Di Đà Phật này sẽ đem cái vọng tưởng loại mất, cũng đem cái ý niệm tham, sân, si loại mất. Danh hiệu của A Di Đà Phật là phương thuốc thanh khiết, đem những ô nhiễm trong tâm chúng

ta lập tức hóa giải, đây gọi là dụng công.

Mà chẳng phải là mỗi ngày niệm một vạn tiếng Phật hiệu, mà tham, sân, si vẫn cứ nổi dậy, đó chẳng có ích lợi gì; dù cho niệm mười vạn tiếng Phật hiệu đi nữa, đó cũng là uổng công. Người xưa nói là: "Thét bể cổ họng cũng uổng công", niệm cách đó chẳng có ích lợi; niệm câu Phật hiệu hữu dụng nhất là lúc có thể đem vọng tưởng, đem phiền não hóa giải mất. Người xưa thường nói là: "Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm"; chữ Giác này, tức là câu Phật hiệu lập tức đề khởi mà có thể đem phiền não hóa giải, đây gọi là dụng công. Dụng công lâu ngày thì công phu sẽ đắc lực, cái dáng của công phu đắc lực ra làm sao?

Là vọng tưởng ít dần, phiền não nhẹ dần, tâm địa thanh tịnh, nhìn việc, nhìn người rõ ràng hơn, thông minh hơn trước kia là đã có trí tuệ; đây là hiện tượng tốt, đây tức là công phu đắc lực. Tâm địa từng ngày từng ngày thanh tịnh hơn, phiền não từng năm từng năm giảm thiểu hơn, tự quý vị sẽ cảm thấy rất là vui vẻ, rất là hạnh phúc, đây là hiện tượng của công phu đắc lực.

Nếu như chúng ta học Phật đã lâu rồi mà chẳng cảm thấy được điều này, phiền não vẫn còn nhiều, vọng tưởng vẫn còn nhiều, vậy nói một cách khác, trong sự tu hành của quý vị đã có vấn đề, đó là tu hành không như pháp; nhất định là phương pháp của quý vị có sai trái, lý luận có sai trái. Cho nên

mặc dù quý vị rất siêng năng tu học, nhưng quý vị chẳng đạt được thành tích, chẳng có hiệu quả, vậy điều này quý vị phải thật lòng để kiểm thảo, để phản tỉnh, để cải chính và nhất định phải đạt được hiệu quả thật tốt. Thí dụ như ngày xưa, tôi nhìn người không được bình đẳng, nhìn sự việc cũng thường bất bình thì đây là phiền não, đây là sai lầm! Bây giờ thì sao? Bây giờ tôi xem điều gì đều rất hài lòng, đều rất bình đẳng, chẳng còn so đo như trước nữa; đấy tức là đã có tiến bộ vậy. Có lẽ có người hỏi, vậy thì trước kia tôi sáng suốt còn bây giờ có phải tôi hồ đồ rồi chăng? Tôi, hiện nay cả chuyện phải trái, xanh đỏ, đen trắng đều chẳng phân biệt, đều hồ đồ rồi sao? Vậy đúng là hồ đồ rồi! Công

phu đắc lực chẳng phải là hình dáng như thế! Là phải rõ rõ ràng ràng minh minh bạch bạch, nhưng mà tâm địa thì bình lặng; cho nên tất cả thiện ác, thị phi, đều rõ rõ ràng ràng liễu liễu phân minh, nhưng cái tâm thì bình lặng; đây mới gọi là công phu, điều này cần phải phân biệt rõ ràng. Chẳng thể đem hồ đồ cho là trí tuệ, vậy thì là sai lầm! Chẳng thể đem hồ đồ cho là công phu đắc lực; điều này là không thể được.

Chữ "Giác", tức là giác mà không mê. Trong tựa đề này, cổ đức nói về Bình Đẳng Giác, nó có đến bốn ý nghĩa để cho chúng ta học tập; bốn ý nghĩa này đều rất hay.

- Ý nghĩa thứ nhất, "Bình đẳng phổ giác tất cả chúng sanh", nghĩa

này rất hay, thực tế mà nói, tức đây là pháp môn bình đẳng thành Phật của tất cả chúng sanh. Quý vị thử nghĩ, đây đích thật là thù thắng chẳng gì sánh bằng; như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, tuy là nói thành Phật nhưng chẳng bình đẳng. Hoa Nghiêm có Ngũ Giáo là Tiểu, Thủy, Chung, Đốn, Viên, Pháp Hoa là Tứ Giáo của tông Thiên Thai có Tạng, Thông, Biệt, Viên nghĩa là không bình đẳng. Còn pháp môn này của chúng ta là bình đẳng thành Phật, trên từ Đẳng Giác Bồ Tát, dưới đến địa ngục chúng sanh, đều bình đẳng được độ, đều bình đẳng thành Phật; đây thật là pháp khó tin. Sự khó tin này cũng chẳng phải giả, vì sao lại có thể bình đẳng? Trong đây có đại đạo lý, tôi hy vọng trong ba

mươi ngày này, quý vị có thể để tâm kỹ lưỡng để nghe bộ kinh này, lắng lòng để thể hội vì lời giải đáp đều nằm trong phần kinh văn; thật tại là tuyệt diệu chẳng thể diễn tả được.

- Ý nghĩa thứ hai, "Dùng pháp bình đẳng để giác ngộ chúng sanh", pháp bình đẳng đây tức là chỉ cho bộ kinh điển này, cũng là sáu chữ Hồng Danh. Cho nên, đích thật là chúng ta đã thật sự minh bạch, hiểu rõ đại ý trong bộ kinh này và nay thật sự tin rồi, thật sự phát nguyện rồi; ngay lúc này sẽ được mười phương tất cả chư Phật Như Lai gia trì cho chúng ta. Cho nên pháp môn này có thể bình đẳng giác ngộ tất cả chúng sanh, đối với sức mạnh lớn lao này thì bất luận

là kinh luận nào cũng chẳng thể sánh bằng.

- Ý nghĩa thứ ba, "Bình Đẳng Giác, tức là chỉ cho Chánh Giác của Như Lai", trong kinh thường nói là trên quả địa của Như Lai, chỗ chứng đắc là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác; mà Bình Đẳng Giác tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bởi vì khi đạt đến địa vị này mới thật là hoàn toàn bình đẳng, Bồ Tát tuy là Đẳng Giác Bồ Tát nhưng Đẳng Giác Bồ Tát, nói một cách nghiêm khắc là họ vẫn chưa bình đẳng; nhất định phải đến lúc thành Phật mới thật sự đạt đến bình đẳng rốt ráo viên mãn.

- Ý nghĩa thứ tư, "Bình Đẳng Giác cũng tức là biệt hiệu của A Di

Đà Phật", trong kinh có nói điều này. Thế Tôn vì A Nan giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới, đã từng hỏi ông rằng: "Ông có muốn thấy Bình Đẳng Giác không?" Bình Đẳng Giác tức là chỉ cho A Di Đà Phật, cho nên mới có bốn ý nghĩa như vậy.

Chúng ta lại đem ba câu của việc Tu Đức hợp lại và đặt vào trong Tam Bảo mà xem: Thanh Tịnh là Tăng Bảo, Bình Đẳng là Pháp Bảo, Giác là Phật Bảo. Cho nên trong đó đã đầy đủ tự tánh Tam Bảo, đồng thời cũng là Giới - Định - Tuệ Tam Học. Thanh Tịnh là Giới học, Giới là thanh tịnh, Giới là thanh lương. Bình Đẳng là Định học. Giác là Tuệ học. Cho thấy trong danh xưng này là hội đủ viên mãn Tam Học, cũng là tự tánh Tam

Bảo. Sự tu học Tịnh Độ của chúng ta là lấy điều này làm yếu lệnh tối cao; cho nên, nếu có người muốn hỏi chúng ta, vì chúng ta là tu Tịnh Độ. Quý vị cầu điều gì? Chúng tôi cầu Vô Lượng Thọ, Trang Nghiêm chẳng cầu chi khác! Chúng tôi chỉ cầu Vô Lượng Thọ, Trang Nghiêm. Vậy thì quý vị tu đó là những gì? Chúng tôi tu Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác. Quý vị dùng phương pháp gì để tu? Chúng tôi dùng Tín - Nguyện - Trì Danh.

Quý vị xem, điều này thật là rõ rõ ràng ràng minh minh bạch bạch, một tí cũng đều chẳng có mê hoặc. Vô Lượng Thọ, Trang Nghiêm là quả báo và cũng là điều sở cầu của chúng ta, làm thế nào mới cầu được? Đó là nhất định phải tu tâm thanh tịnh, bình đẳng,

giác. Dùng phương pháp gì? Dùng Tín - Nguyện - Trì Danh. Cho nên trong Tín - Nguyện - Trì Danh đã đầy đủ cả Tam Học, Tam Bảo.

Tam Học, Tam Bảo, như chúng ta đã biết, là bao gồm toàn bộ Phật pháp, chẳng chỉ là đức Thích Ca Mâu Ni Phật, chỗ nói tất cả pháp trong bốn chín năm, thậm chí mười phương ba đời chư Phật chỗ tuyên thuyết các pháp, tất cả đều bao gồm trong đó. Một câu A Di Đà Phật đều bao gồm đủ hết tất cả, cho nên công đức của danh hiệu này chẳng thể nghĩ bàn, thật sự là bất khả tư nghị.

Chữ phía sau, "Kinh" là thông đề; phàm là Phật nói đều gọi là Kinh. Chữ này cũng bao hàm rất nhiều nghĩa, chúng tôi cũng thường giới

thiệu, cho nên cũng chẳng cần phải nói thêm nữa. Thông thường nhất là dùng bốn chữ "Quán, Nhiếp, Thường, Pháp" để giải thích. Chữ thứ nhất, "Quán" là quán xuyên cái lý chỗ nói, dùng cách nói hiện nay tức là Phật giảng kinh rất có thứ lớp, hợp tình, hợp lý, rất thứ tự lớp lang, đây là những lời nói hay và văn chương hay. Chữ thứ hai, "Nhiếp" là nhiếp trì tất cả chúng sanh, dùng cách nói hiện nay là lời dạy của Phật, kinh luận của Phật mà chúng ta nói đến hôm nay, nó có sức nhiếp thọ khiến chúng ta sau khi tiếp xúc rồi, dù có muốn thôi cũng chẳng được, nó giống như sắt nam châm vậy, nó có thể hút sắt vì từ lực có thể hút sắt, nó có một sức mạnh lớn như vậy và điều này cũng

rất rõ ràng. Tỷ như chúng ta đọc chữ nghĩa của thế gian, thông thường là báo chí mà mọi người ngày ngày đều xem báo, đã xem qua một lần rồi, quý vị có muốn xem tiếp lần thứ hai không? Chẳng muốn xem lần thứ hai, vì sao? Vì nó chẳng có sức thu hút. Một quyển tiểu thuyết hay, lời văn hay, tuy đã xem qua một lần rồi vẫn muốn xem tiếp một lần; thậm chí vẫn còn muốn xem tiếp một lần nữa. Tuy nhiên xem đến tám lần, mười lần thì suốt đời quý vị sẽ chẳng muốn xem nữa; vì đây là sức thu hút của nó rất có hạn.

Nhưng kinh Phật lại khác, như bộ kinh Vô Lượng Thọ này, từ lúc mới phát tâm chúng ta đã đọc nó, đọc mãi cho đến khi thành Phật, cái mùi vị đó

vẫn còn nồng, vĩnh viễn không cùng tận, đây chính là sức thu hút của nó quá lớn, quá lớn. Tôi giảng bộ kinh này mà đã giảng rất nhiều lần, giảng hoài mà không chán, càng giảng càng thấy hoan hỷ, càng đọc càng thấy có mùi vị, vĩnh viễn đọc không chán. Khi tôi còn nhỏ, thời gian còn học ở trường, tôi rất thích xem tiểu thuyết, bốn quyển tiểu thuyết lớn nổi tiếng của Trung Hoa, là Hồng Lâu Mộng, Truyện Thủy Hử, Tây Du Ký…, đại khái là tôi đều đọc qua mười mấy lần; còn như bây giờ, quý vị xem, nếu bày ra trước mặt dù nhìn tôi cũng chẳng muốn nhìn nữa, vì sức mạnh của nó chẳng qua chỉ là hơn mười lần mà thôi, cùng với sức thu hút của kinh

Phật mà so sánh, thì nó kém quá xa, quá xa.

Nghĩa chữ thứ ba, "Thường", Thường nghĩa là xưa nay "bất di bất dịch", người thế gian chúng ta gọi là Chân Lý; nó là chân lý vĩnh hằng không thay đổi. Nghĩa chữ thứ tư, "Pháp", Pháp là pháp tánh. Bất luận là trong quá khứ, hiện tại hay vị lai, nếu quý vị muốn trong một kiếp này liễu sanh tử, xuất tam giới để viên mãn thành Phật, quý vị phải tuân thủ phương pháp này thì sự quyết định đó sẽ không sai! Vì có hội đủ bốn ý nghĩa này mới có thể gọi là Kinh. Đây cũng là một chữ được người Hoa vô cùng tôn trọng đối với các điển tích.

Như vậy trong bộ kinh này, nếu muốn phối hợp ba thứ giác mà nói thì

cũng đầy đủ. Vô Lượng Thọ là Bổn Giác, "phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm", đây tức là Thỉ Giác. Thỉ Giác hợp với Bổn Giác và mãi cho đến Cứu Cánh Giác viên mãn, đó tức là Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác như trong đề kinh, bởi vì Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác là đức hiệu của chư Phật Như Lai. Cũng có thể nói Bình Đẳng Giác là Bổn Giác, Trang Nghiêm là Thỉ Giác; chứng đắc Vô Lượng Thọ tức là Bình Đẳng Giác. Cho nên Bình Đẳng Giác cũng là cái nhân để chúng ta tu và Vô Lượng Thọ là quả đức của chúng ta. Diệu lý bên trong thật là vô cùng tận, quý vị mà đọc đi đọc lại nhiều lần đề kinh này thì dần dần quý vị sẽ thể hội được, sau đó quý vị mới thật sự hiểu rõ sức

thu hút của bộ kinh này. Thật tình mà nói, tất cả những kinh điển khác đều chẳng thể sánh bằng.

Kinh văn tổng cộng có bốn mươi tám phẩm cũng chẳng dài lắm; phần Tựa có ba phẩm, phần Chánh Tông có ba mươi chín phẩm còn sáu phẩm sau cùng là phần Lưu Thông. Cho nên văn tự chẳng quá dài, nhưng cách kết cấu của nó, đích thật là cách kết cấu của một bộ đại kinh như là Hoa Nghiêm, Pháp Hoa; là những loại đại kinh này. Cách kết cấu là tương đồng, tuy nhiên kinh văn so với Hoa Nghiêm, Pháp Hoa thì ngắn hơn rất nhiều, rất thích hợp cho người thời nay đọc tụng, thọ trì. Hôm nay thì giờ đã đến, chúng tôi xin giảng đến đây, ngày mai chúng tôi sẽ chính thức

giảng đến phần kinh văn. A Di Đà Phật

Tập 2

Xin lật phần kinh văn trang thứ nhất, phía dưới cùng của trang này, phần dưới cùng, đề số La Mã, trang thứ nhất.

Pháp Hội Thánh Chúng - Đệ Nhất

Kinh Phật, thể lệ của nó tự chia làm ba phần đây tức là phần Tựa, phần Chánh Tông và phần Lưu Thông; hôm qua chúng tôi đã giới thiệu sơ lược cùng với quý vị. Phần Tựa, trong phần này đã nói rõ cho chúng ta duyên do của pháp hội lần này, phần Chánh Tông là phần chủ yếu nhất của pháp hội, đem toàn bộ ý thú quan

trọng của pháp hội hoàn toàn phát huy ra. Sau cùng phần Lưu Thông là hy vọng những người được nghe bộ kinh này, những người đọc được bộ kinh này, đều có trách nhiệm, có nghĩa vụ đem pháp môn này tận tâm tận lực để tuyên dương. Cũng tức là đẩy mạnh giới thiệu cho chúng sanh, khiến cho tất cả chúng sanh được lợi ích viên mãn của đại pháp. Vậy do đây có thể thấy trong Phật pháp, có cùng một tâm lượng rất là rộng lớn, cho nên trong kinh Đại Thừa thường nói: "Ngang khắp mười phương, dọc cùng tam tế", đấy là tâm lượng của chư Phật, Bồ Tát. Chúng ta học Phật, mục đích là phải thành Phật; cũng là bảo phải khôi phục lại tâm lượng và

bản năng của chúng ta, cùng với chư Phật Như Lai chẳng khác.

Bây giờ xin xem phần kinh văn, phẩm thứ Nhất trong kinh văn "Pháp Hội Thánh Chúng", giới thiệu cho chúng ta về lần pháp hội này, cũng như trạng huấn trong pháp hội này.

Pháp Hội Thánh Chúng - Đệ Nhất

Kinh văn: "Như thị ngã văn, nhất thời Phật tại Vương Xá thành, Kỳ Xà Quật sơn trung. Dữ đại tỳ-kheo chúng, vạn nhị thiên nhân câu".

Đây là một đoạn nhỏ, trước tiên chúng ta xem đoạn nhỏ này; đoạn nhỏ

này giống như phần ký lục trong hội nghị của chúng ta hiện nay, đem thời gian, nơi chốn và người thuyết pháp cùng đại chúng tham gia trong pháp hội đều có ghi chép lại. Việc này cùng với sự giáo học thông thường như là thầy giáo vào lớp dạy học, hơi có một tí khác nhau.

Câu thứ nhất, "Như thị ngã văn", chúng ta là những người thường đọc kinh Phật, nhất định phải biết tất cả kinh Phật vừa mở đầu đều có câu này, đều là giống nhau cả. Như đã nói mỗi một bộ kinh ở phần trước mở đầu đều là có câu này, do đây có thể biết câu này vô cùng quan trọng. Bốn chữ này, rốt cuộc là đã nói lên ý nghĩa gì? Thật tại mà nói, bốn chữ này là nói rõ tất cả những kinh mà Phật vì chúng ta đã

nói, cái căn cứ trọng yếu của nó là trong một câu này. Nói một cách khác, Thích Ca Mâu Ni Phật trong bốn mươi chín năm chỗ thuyết pháp, nếu đem nó tổng quát trở lại, Ngài nói những gì đây? Là chỉ nói một cái "Như Thị", cách nói này thật là cực kỳ tuyệt diệu của chữ Như này. Nếu chỉ hiểu từ trên mặt chữ, cạn cợt mà nói: "Như thị ngã văn", thì chữ Ngã này là người kết tập kinh, tức là tôn giả A Nan.

Chúng ta đều biết, Thế Tôn năm xưa lúc còn tại thế, giảng kinh nói pháp Ngài hoàn toàn dùng khẩu ngữ, chẳng có văn tự ghi chép. Mãi cho đến sau khi Phật viên tịch, chúng đệ tử cảm thấy một đời của thầy đối với đại chúng, đã cống hiến biết bao

nhiêu điều dạy dỗ quý báu, cũng nên cần phải lưu truyền cho đời sau. Nếu nhờ vào khẩu truyền thì rất là khó khăn, hơn nữa dễ phát sanh ra sự sai lầm, cho nên phương pháp tốt nhất là dùng văn tự mà đem nó ghi chép lại toàn bộ. Việc ghi chép này cũng phải chính xác, vì chẳng thể dẫn dắt sự sai lầm cho người đời sau, cho nên việc làm này phải làm một cách vô cùng cẩn trọng. Đồng thời sự kết hợp này là do một đoàn thể mà làm, chẳng phải là thuộc về một cá nhân nào. Phương thức kết tập này là thỉnh A Nan tôn giả, đem tất cả những kinh mà Thế Tôn đã giảng trong quá khứ, giảng lặp lại một lần. A Nan tôn giả là một trong nhóm học trò mà Ngài nổi tiếng là đa văn đệ nhất, cũng tức là

những kinh điển một thời do Thế Tôn giảng nói, A Nan tôn giả đều đã nghe qua; với sức ký ức của A Nan tôn giả thì rất tốt vô cùng, nó gần giống như máy ghi âm của chúng ta vậy, sau khi nghe qua một lần thì Ngài sẽ không quên, có thể giảng y như Phật.

Điều này, có thể quý vị rất khó tin là có một sức ký ức quá tốt như vậy! Nhưng riêng tôi thì tôi tin. Hiện nay tôi đã già, lúc tôi còn trẻ theo học Phật với thầy Lý, khi tôi nghe Ngài giảng kinh, tuy là tôi không nhớ hết một trăm phần trăm, cái khả năng này thì tôi chẳng có; tuy nhiên tối thiểu tôi có thể nhớ đến chín mươi lăm phần trăm, tôi có cái khả năng này. Cho nên, A Nan tôn giả có thể ghi nhớ đến một trăm phần trăm, tôi rất tin tưởng;

nếu có được một khả năng như vậy, thì việc học tập tự nhiên sẽ rất nhanh chóng. Vì thế cho nên đại chúng mời A Nan tôn giả đăng tòa giảng kinh, bên cạnh thì có người ghi chép lại, còn thính chúng là năm trăm vị A La Hán. Tôi thấy bên hông lầu bốn của chúng ta, cũng có năm trăm vị A La Hán đã cùng đến; năm trăm vị A La Hán này đều là học sinh của Phật, họ đều đã từng nghe Phật giảng kinh, chúng ta thỉnh họ đến nơi đây để chứng minh. Sau khi A Nan tôn giả tuyên thuyết, nếu như trong đó có một người đề ra ý kiến phản đối, nói rằng: "Cách nói này của A Nan tôn giả, tôi chưa từng nghe qua", thì đoạn thuyết giảng đó phải xóa bỏ chẳng được ghi chép. Cho nên sự nghiêm cẩn của

việc chép tập kinh này, đòi hỏi phải có sự công nhận của năm trăm vị thính chúng, họ đều chẳng nói một lời nào; như vậy mới có thể ghi chép xuống, chẳng phải như hiện nay, thường nói là đa số thông qua là được. Sự kết tập kinh này thì không thể được, chỉ một người đưa ra ý kiến thì chẳng được ghi chép, nhất định phải là người người đều tán thành, người người đều đồng ý lời nói này là xác thật, chắc chắn là lời Phật nói.

Cho nên bộ kinh điển này sau khi ghi chép xong, thì câu thứ nhất mở đầu dùng "Như thị ngã văn", nghĩa là bộ kinh này là do chính tôi nghe Phật nói; Phật nói như thế nào thì tôi ghi chép lại như thế đó, cũng như chính miệng Phật nói vậy. Như vậy, đây gọi

là Tín Thành Tựu, đây là khiến cho người đời sau có thể tin được, và đây là ý nghĩa của việc kết tập, cái ý thật sự thâm sâu của nó trong Phật pháp gọi là Mật Nghĩa. Chữ Như này là Chân Như, cũng tức là hiện nay chúng ta chỗ nói chân tướng của sự thật; nếu cùng với chân tướng của sự thật này mà hoàn toàn phù hợp, thì đây tức là Thị. Nếu chẳng phải là chân tướng của sự thật, thì đó là Bất Thị. Cho nên hai chữ này đặt ở đây, đã hiển thị những gì Thế Tôn vì chúng ta nói, tất cả đều là chân tướng của sự thật. Đây là một cách nói thông suốt, cách nói như vậy mới có thể hợp với tất cả kinh điển. Tuy nhiên Ngài ở nơi mỗi một bộ kinh, mỗi một pháp hội đều có ý nghĩa đặc

biệt riêng của Ngài. Chẳng hạn như trên hội này, Thế Tôn đã vì chúng ta nói rõ về Tây Phương Cực Lạc thế giới y chánh trang nghiêm, đây cũng toàn là sự thật, tuyệt đối chẳng phải hư cấu.

Hư không quá rộng lớn còn thế giới vô lượng vô biên; trí tuệ, tri thức, năng lực của chúng ta thì quá ư nhỏ bé. Đừng nói chi là trong thái không có rất nhiều những chân tướng của sự thật, mà chúng ta chẳng hiểu rõ; ngay nơi quả địa cầu này mà chúng ta hiện nay đang ở, cũng có rất nhiều rất nhiều những chân tướng của sự thật, mà chúng ta cũng chẳng có cách chi hiểu nổi, huống chi là tha phương thế giới! Phật và Đại Bồ Tát, với trí tuệ của các Ngài vô lượng vô biên, tận hư

không biến pháp giới họ đều có thể nhìn thấy "vô sở bất tri, vô sở bất năng", những gì chúng ta chẳng nhìn thấy, họ đều có thể nhìn thấy. Những điều Phật nói với chúng ta đều là sự thật, tuyệt đối chẳng phải là lý tưởng, tuyệt đối chẳng phải là suy đoán; Ngài nói với chúng ta về Cực Lạc thế giới thì Cực Lạc thế giới quả thật là có; Ngài nói với chúng ta về lục đạo luân hồi, thì lục đạo luân hồi cũng thật là có cũng chẳng phải là giả. Cho nên đây là nghĩa của chữ Như, vậy câu nói này là Tín Thành Tựu.

Tín là điều kiện căn bản nhất trong việc tu học, Phật tại trong kinh Hoa Nghiêm có nói: "Tín vi năng nhập", đem Phật pháp làm thí dụ cho biển cả, nếu tin thì sẽ nhập vào được.

Biển cả của Phật pháp, thật tại mà nói, tức là biển cả của Trí Tuệ; trí tuệ vô lượng vô biên, vì thế quý vị phải tin quý vị mới có thể đạt được. Cho nên nói: "Tín vi đạo nguyên công đức mẫu", Đạo tức là con đường lớn để thành Phật, là con đường để thành tựu trí tuệ rốt ráo viên mãn này; ý nghĩa này đây tức là Tín. Công đức vô lượng vô biên cũng là do từ tín tâm mà sanh ra, còn chữ Mẫu này nghĩa là Mẹ dùng làm thí dụ cho ý nghĩa Năng Sanh, nó có thể sanh vô lượng vô biên công đức, cũng tức là tín tâm. Tín thì vô cùng quan trọng, Ngẫu Ích đại sư trong kinh A Di Đà Yếu Giải nói với chúng ta "y thật tướng lý", thật tướng đây tức là chân tướng của sự thật. Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài y theo

đạo lý của chân tướng sự thật này mà vì chúng ta nói rõ sự niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, cái đạo lý này quyết định là chính xác thì đây gọi là Như Thị, điều này quý vị có thể thấy đã giảng trong kinh. Cách thuyết của Ngẫu Ích đại sư vô cùng viên mãn, Phật nói cho chúng ta biết đó là chân tướng của sự thật. Phật dạy chúng ta cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng quyết định là chính xác.

Vậy thì đã là như vậy, vì sao Phật lại nói rất nhiều kinh luận, vì sao phải nói nhiều như thế! Chỉ cần nói cho chúng ta một bộ kinh này thì là được rồi. Vì sao phải nói nhiều như vậy khiến cho chúng ta hôm nay bị hoa mắt, rối ren, mà chẳng biết đâu là đúng, thế đây là nguyên nhân gì? Bên

trong có đạo lý của nó, bởi vì chúng sanh căn tánh không đồng, vì vậy chẳng phải là mọi người đều có thể chấp nhận, đối với pháp môn này. Thực tế mà nói, bất luận bộ kinh luận nào, bất luận một pháp môn nào, cũng vô phương bảo mọi người cùng chung tiếp thọ, do đó Phật mới tùy thuận căn tánh của chúng sanh mà giáo hóa. Quý vị thích pháp môn nào thì Ngài sẽ giảng pháp môn đó cho quý vị, cho nên đây là ứng cơ thuyết pháp.

Căn cơ của chúng sanh vô lượng vô biên thì Phật cũng giảng vô lượng vô biên pháp môn, cho nên trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện nói: "Pháp môn vô lượng thệ nguyện học", là đạo lý như vậy. Tuy Phật nói rất nhiều pháp nhưng quý vị phải biết, mặc dầu rất là

nhiều pháp nhưng đến cuối cùng cũng chỉ quy về một pháp "vạn pháp quy nhất", như vậy mới là chánh lý, cho nên nói: "Thù đồ đồng quy" nghĩa là khác đường lối nhưng cùng một mục đích. Chữ Nhất ở đây là gì? Nhất ở đây là Cực Lạc thế giới cũng tức là Tây Phương Tịnh Độ, điều này chúng ta có thể nhìn thấy rất rõ ràng.

Vô lượng pháp môn đều đồng quy về Hoa Tạng thế giới, Hoa Tạng thế giới giống như biển cả, sau khi đến Hoa Tạng thế giới thì Văn Thù, Phổ Hiền, hai vị Bồ Tát dùng Thập Đại Nguyện Vương dẫn về Cực Lạc, có như thế chúng ta mới có thể tưởng tượng, mới thể hội được là, thì ra Tây Phương thế giới, nói đại khái chính là trung tâm của Hoa Tạng. Đây là Hoa

Tạng của Hoa Tạng, đây là tinh hoa của Hoa Tạng. Cho nên Bồ Tát ở Hoa Tạng thế giới đều phải đến Cực Lạc để gặp A Di Đà Phật, đến nơi đó để tu học thành quả, cho thấy rằng đây quả thật là Đại Thừa trong Đại Thừa, liễu nghĩa trong liễu nghĩa, sự thù thắng này chẳng chi sánh bằng. Vậy nếu như chúng ta tu hành từ con đường khác mà đi, nghĩa là từ pháp môn khác tu học, cho đến cuối cùng khi đến Hoa Tạng thế giới, rồi lại theo Phổ Hiền Bồ Tát đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, như vậy phải tu bao lâu nữa? Trong kinh Hoa Nghiêm, Phật nói lời chân thật với chúng ta rằng, không những chỉ có mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp mà là vô lượng kỳ kiếp, chẳng phải chỉ có ba đại A-tăng-

kỳ kiếp mà thôi, quả là thời gian này thật quá dài quá dài. Vì sao phải mất thời gian quá dài như vậy? Bởi vì họ có tiến tiến thoái thoái; thật tại mà nói, tiến thì ít, thoái thì nhiều, vì họ có thoái chuyển cho nên cái thời kiếp này vô cùng vô cùng dài lâu.

Pháp môn này thì là dễ dàng, ngay trong một đời quyết định thành tựu, chẳng cần phải mất thời gian quá dài như vậy. Vậy theo trong kinh A Di Đà mà nói: "Nhược nhất nhật, nhược nhị nhật đến nhược thất nhật", thì đã thành công. Cổ đức nói với chúng ta, người lợi căn chỉ cần một ngày thì thành tựu; người độn căn thì bảy ngày cũng có thể thành tựu. Điều này so với ba đại A-tăng-kỳ kiếp, vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, thật là chẳng

thể so sánh được. Vậy thì chúng ta thử đặt câu hỏi, là thời gian này vừa ngắn, lại vừa nhanh, thế nhưng quả báo của sự thành tựu cùng với người tu ba đại A-tăng-kỳ kiếp mà đem so sánh, cuối cùng thì người nào cao hơn? Nếu như trong bảy ngày thành tựu, mà chẳng thể sánh bằng cái cao của người tu ba đại A-tăng-kỳ kiếp, chúng ta chẳng thể nào bì được, vậy thì pháp môn này cũng chẳng có gì gọi là rất thù thắng, cũng chẳng có gì gọi là rất kỳ đặc.

Thế nhưng, Phật trong kinh nói với chúng ta rằng, nếu y theo pháp môn này mà tu học, thì sự thành tựu của họ so với người tu ba đại A- tăng-kỳ kiếp, so với tu vô lượng A-tăng-kỳ kiếp vẫn còn cao hơn, vẫn còn thù

thắng hơn; quả thật đây là bất khả tư nghị. Cho nên pháp môn này được gọi là "nan tín chi pháp", pháp khó tin.

Trong nhà Phật chúng ta cũng có rất nhiều vị đại pháp sư, đại thiện tri thức, đại cư sĩ không tin; điều này cũng chẳng lấy gì làm lạ, vì sao thế? Vì còn có rất nhiều vị A La Hán, Bích Chi Phật cũng không tin, lại còn có rất nhiều vị Bồ Tát cũng không tin, thật sự là "nan tín chi pháp", Phật nói pháp môn này "duy Phật dữ Phật phương năng cứu cánh". Khi nào họ thành Phật rồi, khi ấy họ mới tin, lúc đó họ chẳng còn gì để nói nữa, họ hoàn toàn minh bạch, Đẳng Giác Bồ Tát nếu mà chẳng được Phật lực gia trì, thật tại mà nói, họ cũng chẳng thể hiểu rõ được. Thế mà chuyện lạ lùng

này đã xảy ra, là đối với cái pháp môn khó tin này, vì sao chúng ta lại có thể tin? Điều này thật lạ lùng. Pháp môn này giảng cho quý vị, nhưng quý vị không tin thì đó là chuyện rất bình thường, chẳng có chi lạ lùng; nếu quý vị tin thì đây mới là lạ lùng, điều này chẳng phải là bình thường. Sở dĩ quý vị có thể tin, như trong kinh này Phật cũng đã nói rất rõ ràng, rất minh bạch, là bởi vì quý vị tu hành trong kiếp quá khứ, mà cái thiện căn, phước đức, nhân duyên, trong vô lượng kiếp đó đã đến lúc này thành thục, và đây là công đức của chính quý vị. Đồng thời đây cũng là nói hiện tại, quý vị hiện tại được sự gia trì do bổn nguyện của mười phương tất cả chư Phật Như Lai, thì đây gọi là Tha Lực. Do vậy pháp

môn này được gọi là Nhị Lực pháp môn.

Cho nên khi chúng ta nghe đến bộ kinh điển này, nghe đến danh hiệu của A Di Đà Phật, liền được sanh tâm hoan hỷ, lý giải được thấu triệt và chịu phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đây cũng tức là đã được sự gia trì của tất cả chư Phật Như Lai, thật sự là bất khả tư nghị, chúng ta nhất định phải tin sâu chẳng nghi. Vậy thì theo giáo nghĩa của bổn tông mà nói, chữ Như này là "Thị tâm thị Phật", đây là nghĩa của chữ Như; còn chữ Thị đây là "Thị tâm tác Phật", chúng ta ngày nay phải làm Phật vì đây là việc tối quan trọng, đây mới là đại sự nhân duyên chân chánh. Trong kinh Pháp Hoa chỗ nói: "Phật vì một

đại sự nhân duyên xuất hiện tại thế gian", thật sự đây mới là đại sự, tức là cơ hội làm Phật trong một đời này của chúng ta đã thành thục, đây thật là đại sự, là ý nghĩa của hai chữ Như Thị. Hai chữ Ngã Văn là Văn Thành Tựu, là chính A Nan tôn giả tự thân Ngài nghe Phật nói chẳng phải là nghe đồn; vì nghe lời đồn đãi thì chưa chắc đã là chân thật, còn đây là chính Ngài nghe, thì đối với sự lặp lại này của A Nan tôn giả, chúng ta có thể sanh khởi lòng tin.

Hai chữ "Nhất Thời", đây là Thời Gian Thành Tựu, là nói vào lúc nào? Vẫn chẳng có thấy đem ngày, tháng, năm ghi chép xuống. Trước kia, khi tôi mới bắt đầu học Phật, đối với sáu thứ Thành Tựu trong kinh điển này

rất kính phục, duy chỉ có đối với hai chữ Nhất Thời này thì tôi hoài nghi. Sức ký ức của A Nan đã tốt như vậy, mỗi một câu nói của Phật ông ta đều chẳng quên, đây là năm nào, tháng nào, ngày nào mà Phật đã nói? Lẽ ra phải đem nó ghi chép xuống chứ! Còn nay thì nói Nhất Thời một cách hồ đồ, tổng quát, nói cách này chẳng thể khiến người khâm phục, tâm phục khẩu phục, thật là chẳng phải dễ dàng. Còn phần chú giải của người xưa, cũng chẳng nói được viên mãn, đương nhiên nói cũng có đạo lý. Bởi vì năm xưa Phật giảng kinh, chẳng phải chỉ ở một địa phương, điều này chúng ta đã biết được, Thế Tôn, trong bốn mươi chín năm dấu chân của Ngài có thể nói là cùng khắp xứ Ấn

Độ. Ấn Độ là một nước rất rộng lớn, Ngài đến khắp nơi để giảng kinh; lúc bấy giờ Ấn Độ vẫn chưa thống nhất, cùng với tình trạng của Trung Hoa giống nhau là thuộc về thời đại của bộ lạc, xưa kia bộ lạc là một nước nhỏ. Vậy thì lúc Phật ra đời là đúng vào thời đại triều nhà Châu Trung Hoa.

Triều nhà Châu Trung Hoa, quý vị học lịch sử đều có thể biết, có được bao nhiêu quốc gia? Tám trăm chư hầu nghĩa là có tám trăm quốc gia, mà cách dùng lịch của mỗi một quốc gia lại khác nhau. Tại Trung Hoa, đến triều nhà Châu đã là khá rồi, hầu như tất cả chư hầu triều nhà Châu đều dùng lịch của triều nhà Châu. Nói một cách khác, đối với chữ Thời này là có thể thống nhất, nhưng tại Ấn Độ thì

khác, lịch pháp mỗi quốc gia đều không giống, do đó việc ghi chép chẳng biết phải tra cứu từ đâu, đây là sự thật. Mặc dầu không thể tra cứu, nếu như có thể ghi chép lại, người hậu thế chúng ta khi xem thì trong tâm cũng có thể cảm thấy thiết thực, chữ Nhất Thời vẫn cảm thấy nó hàm hồ chẳng rõ.

Đến sau này, tôi đối với kinh điển Đại Thừa mới hiểu rõ thêm một tí thì mới biết được, Ngài dùng chữ Nhất Thời này, cái ý nghĩa này rất sâu. Thật tại mà nói, nó chẳng phải là chỉ cho năm, tháng, ngày, giờ, nói cách đó là chết cứng, còn chữ Nhất Thời này là sống động, là hoạt bát. Cổ đức cũng có cách giảng, chỗ gọi là: "Lúc sư chất đạo hợp, lúc cơ cảm tương

ưng", cách nói này cũng hợp lý lắm, cũng có thể giảng được thông. Trong lịch sử Trung Hoa có ghi chép, vào đời nhà Đường, ngài Trí Giả của tông Thiên Thai Trung Hoa, Ngài đọc kinh Pháp Hoa bỗng nhiên nhập định. Ngài đọc đến phẩm Dược Vương thì nhập định, vừa nhập định thì thân người của Ngài vẫn ở tại núi Thiên Thai tỉnh Triết Giang, nhưng thần thức của Ngài đã đến Ấn Độ; chính tại nơi đây Vương Xá thành, Kỳ Xà Quật sơn, quả núi này chúng ta cũng thường gọi là Linh Thứu sơn, tức là chỗ này. Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh Pháp Hoa tại núi Linh Thứu, mà kinh Vô Lượng Thọ cũng giảng tại núi Linh Thứu; Trí Giả đại sư khi đến núi Linh Thứu, thấy Thích Ca Mâu Ni

Phật đang giảng kinh Pháp Hoa, Ngài còn ngồi phía dưới nghe được một buổi. Khi xuất định Ngài nói với mọi người, pháp hội của Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh Pháp Hoa vẫn chưa tan, vẫn còn đang giảng. Nhất Thời, vậy do đây có thể biết chữ Nhất trong bổn tông giảng là "nhất tâm bất loạn". Nếu khi chúng ta chứng được nhất tâm bất loạn, thì Thế Tôn tại pháp hội ở núi Linh Thứu giảng kinh Vô Lượng Thọ đến nay cũng vẫn chưa tan, quý vị cũng có thể ở núi Linh Thứu đích thân nghe Thích Ca Mâu Ni Phật đang giảng kinh. Chữ Nhất này, ý nghĩa của nó thì là dài thăm thẳm, vả lại nó rất là sống động, hoạt bát. Như vậy, cũng có thể nói khi hội đủ ba thứ tư lương đây, đối với Tịnh

Tông chúng ta mà nói: "Tín, Nguyện, Trì Danh", cũng giống như trong kinh này chỗ nói: "Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm". Đến lúc này quyết định được cảm ứng đạo giao, tất có cảm ứng đạo giao; chúng ta nhất định thấy được Thế Tôn, thậm chí còn đến tất cả pháp hội của tất cả chư Phật Như Lai đang giảng kinh Vô Lượng Thọ. Cho nên chữ Nhất này quá hay quá hay, ý nghĩa của nó vô cùng thâm sâu.

"Phật" là đức Thích Ca Mâu Ni Phật, Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, ở chỗ này chúng ta phải nhận thức rõ ràng Phật giáo là giáo dục, là nền giáo dục chân thật nhất, viên mãn nhất, rốt ráo nhất, của đức Thích Ca Mâu Ni Phật đối với tất cả chúng sanh; nó

chẳng phải là tôn giáo, điểm này chúng ta nhất định phải nhận thức rõ ràng. Chúng ta xưng Phật, xưng Bổn Sư, Ngài là vị thầy căn bản, vị thầy sáng lập ra nền giáo dục này, tức là vị thầy đầu tiên sáng lập ra nền giáo dục Phật Đà. Chúng ta xưng Ngài là Bổn Sư, còn chúng ta tự xưng là đệ tử Tam Bảo, đệ tử là học sinh, cho nên sự quan hệ của chúng ta với Phật là sự quan hệ thầy trò. Điều này quý vị nhất định phải hiểu rõ, trong tôn giáo chẳng có quan hệ thầy trò, chỉ có trong giáo dục mới có quan hệ này. Phật là thầy của chúng ta, có lúc chúng ta tôn xưng Ngài là Đạo Sư, vì Ngài dẫn đạo chúng ta.

"Tại Vương Xá thành" mà chẳng nói Ngài trụ, vì sao? Phật xuất gia rồi

thì là không còn có nhà nữa. Có nhà nên mới có trụ, bởi vậy khi hỏi quý vị trụ ở đâu, nhà tôi ở đằng kia. Phật không có trụ vì Phật xuất gia rồi; khi Ngài xuất gia rồi, cách tốt nhất là hỏi Phật hiện tại ở đâu, giảng kinh ở đâu; do vậy nơi nào thỉnh thì Ngài sẽ đến nơi đó, Ngài chẳng có chỗ nhất định. Cho nên, muốn hỏi Phật ở tại địa phương nào thì chữ "Tại" với "Trụ", chúng không giống nhau. Phật tại Vương Xá thành, tên của địa phương này, chúng ta có thể đem nó nói tóm tắt, chẳng cần phải giới thiệu tỉ mỉ, vả lại, điều này trong một số chú giải đã được giới thiệu rất cặn kẽ.

"Dữ đại tỳ-kheo chúng, vạn nhị thiên nhân câu", đây là nhóm đại chúng tham dự pháp hội lúc bấy giờ,

chúng ta nhìn thấy tình trạng này, nhất định sẽ có một cảm giác bất khả tư nghị. Giảng đường này của chúng ta, tôi nghĩ thính chúng nhiều lắm cũng không quá một ngàn người, chúng ta thuyết pháp vẫn phải cần đến microphone, máy khuếch âm. Còn giảng đường của đức Thích Ca Mâu Ni Phật, mười hai ngàn người, so với người của chúng ta nhiều gấp mười hai lần, lúc đó chẳng có microphone, chẳng có máy khuếch âm, Phật nói pháp mà mỗi người nghe được rõ rõ ràng ràng minh minh bạch bạch. Đồng thời quý vị còn phải hiểu rằng, đại chúng đến tham dự pháp hội, chẳng phải đến từ một nơi! Vào thời đó, Ấn Độ đều là những nước nhỏ, từ rất nhiều những quốc gia tới, ngôn

ngữ cũng đều khác nhau và văn tự cũng bất đồng.

Phật dùng "nhất âm" để nói pháp, còn chúng sanh tùy loại họ đều được lý giải, cho nên âm thanh của Phật được gọi là Diệu Âm, chúng ta cũng từ chỗ này mà thể hội. Giả như Phật thuyết pháp, mà người ngồi phía sau nghe không hiểu; người nghe chẳng hiểu nếu không giải tán thì cũng chạy mất, có ai lại còn muốn ngồi ở đây nữa! Từ chỗ này chúng ta có thể tưởng tượng được là Phật có thần lực chẳng thể nghĩ bàn, đích thật là dùng âm viên mãn để thuyết pháp. Thông thường chúng ta từ trong nhiều kinh thấy đại chúng trong hội, tổng cộng có một ngàn hai trăm năm mươi người, đây là những đệ tử thường đi

theo Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật đến đâu, đoàn người này họ đi theo đến đó, hầu như cả đời chẳng xa lìa Thích Ca Mâu Ni Phật, là một ngàn hai trăm năm mươi người. Cho nên trong rất nhiều kinh điển khi kết hợp đến đại chúng, đều dùng họ làm đại biểu, đương nhiên ngoài chúng thường tùy này ra, còn có rất nhiều người tham gia nhưng chẳng có ghi trong văn tự.

Những điều ghi chép ở đây khiến chúng ta cảm thấy được nó cùng với kinh Pháp Hoa giống nhau. Phật giảng kinh Pháp Hoa, thính chúng cũng là mười hai ngàn người, điều này nói rõ kinh này cùng với kinh Pháp Hoa là bình đẳng. Pháp Hoa trong toàn bộ Phật pháp; Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, mọi người đền tôn xưng là

Nhất Thừa Viên Giáo, điều này nói rõ bộ kinh này là Nhất Thừa Viên Giáo, cùng với Pháp Hoa tương đồng. Tiếp tục xin xem hai câu dưới, đây là tán thán đức năng của đại chúng trong pháp hội.

Kinh văn: "Nhất thiết đại thánh, thần thông dĩ đạt".

Hai câu nói này, chẳng phải tùy tiện mà nói. "Nhất Thiết" là chỉ cho mười hai ngàn vị đại tỳ-kheo trong hội, họ đều là Đại Thánh. Chữ "Đại Thánh" này, nếu nói theo Tiểu Thừa tức là A La Hán, Tứ Quả A La Hán của Tiểu Thừa là Đại Thánh, Tam Quả trở xuống thì chẳng thể xưng là Đại Thánh. Thế nhưng chúng ta thấy

ở phía trước Ngài nói đại tỳ-kheo, Ngài chẳng nói tiểu tỳ-kheo, bộ kinh này kinh Đại Thừa chẳng phải kinh Tiểu Thừa, cho nên đại tỳ-kheo đây tức không phải Tiểu Thừa mà là Đại Thừa. Hơn nữa chỗ nói đến ở đây là Đại Thánh, Đại Thánh trong Đại Thừa Phật pháp, nhất định phải chứng được Địa Thượng Bồ Tát mới có thể xưng được Đại Thánh, bình thường lúc chúng ta tán Phật, Bồ Tát Ma Ha Tát, Ma Ha Tát tức là Đại Thánh. Bồ Tát chỉ chung cho tam hiền vị Bồ Tát, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, chúng ta xưng là Bồ Tát. Từ Sơ Địa đến Thập Địa, đến Đẳng Giác, chúng ta xưng Ma Ha Tát, đây là Đại Thánh; do đây có thể biết, nhóm người này chẳng phải là người tầm

thường, đều là Thập Địa Đẳng Giác Bồ Tát trở lên.

Họ hóa thân thị hiện thân phận tỳ-kheo tham dự pháp hội nghe Phật giảng kinh để làm ảnh hưởng chúng, ý nghĩa này rất sâu và chẳng phải tầm thường, những người này "thần thông dĩ đạt", trí tuệ thần thông của họ đều đạt đến viên mãn, chữ Đạt này là thông đạt vô ngại. Điều này, không phải người bình thường có thể làm được. Phía dưới đề cử cho chúng ta một thí dụ, "Thượng Thủ", thượng thủ đây cũng giống như vị trưởng lớp trong đại chúng, trong đại chúng có những biểu hiện kiệt xuất, đề cử họ ra làm đại biểu:

Kinh văn: "Kỳ danh viết: Tôn giả Kiều Trần Như, tôn giả Xá Lợi Phất, tôn giả Đại Mục Kiền Liên, tôn giả Ca Diếp, tôn già A Nan đẳng, nhi vi thượng thủ".

Chúng ta nơi mỗi một bộ kinh, mở đầu thường thấy tên của những người này, tuy nhiên tên những người này đều khác nhau. Như vậy hãy xem tỉ mỉ những danh tự được sắp trong bộ kinh này rất là đặc biệt, đặc biệt ở chỗ nào? Vị thứ nhất được liệt danh là Kiều Trần Như. Quý vị hãy lưu ý khi xem những kinh Phật, bộ kinh nào mà đem ngài Kiều Trần Như sắp lên hàng đầu, quý vị phải biết cái thứ tự sắp tên này nó hàm ý rất thâm sâu, chẳng phải là tùy tiện sắp. Kiều Trần Như là nhân vật gì? Đọc Thích Ca Mâu Ni

Phật truyện ký, chúng ta đều biết Thế Tôn ở dưới cội Bồ Đề thị hiện thành đạo và sau đó tại vườn Lộc Uyển, Ngài độ năm vị tỳ-kheo, đây là buổi thuyết pháp đầu tiên của Thích Ca Mâu Ni Phật để độ năm vị tỳ-kheo này. Bổn Sư vì năm người này thuyết pháp mà Kiều Trần Như là người đầu tiên khai ngộ. Là người đầu tiên chứng quả cho nên tên Ngài được sắp đầu tiên ở đây, cái dụng ý này chẳng phải là tầm thường. Tức là nói rõ đây là bộ kinh đệ nhất để thành Phật, là bộ kinh đệ nhất để tu hành chứng quả trong tất cả pháp môn, cho nên lấy Kiều Trần Như làm đại biểu. Vậy thì ngày nay, chúng ta tiếp nhận bộ kinh này và y theo pháp môn này tu học, thì quý vị mới biết đây là bộ kinh đệ

nhất để được độ, đây là pháp môn đệ nhất để thành Phật; bởi vì được vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì sẽ viên chứng Tam Bất Thoái, nghĩa là trong một đời này nhất định sẽ thành tựu Phật quả viên mãn.

Vị thứ hai là Xá Lợi Phất tôn giả. Xá Lợi Phất, Ngài đại biểu cho trí tuệ, nếu chẳng phải đại biểu cho trí tuệ thì chẳng thể chấp nhận pháp môn này, cũng chẳng thể tin pháp môn này; nếu có thể chấp nhận và có thể tin, đây chính là đại trí tuệ. Quý vị nên hiểu rằng, trí tuệ và thông minh không giống nhau; người thông minh chưa chắc có trí tuệ, còn người có trí tuệ chưa hẳn là thông minh, điều này quý vị phải nhận định và phân biệt cho rõ ràng. Trí tuệ là biết phân biệt chánh-

vọng, biết phân biệt tà-chánh, biết phân biệt lợi-hại, đây gọi là trí tuệ. Lục đạo luân hồi là hư vọng, lục đạo luân hồi là đại hại. Vãng sanh Tịnh Độ vĩnh viễn sẽ thoát luân hồi, một đời chứng đắc Phật quả cứu cánh viên mãn. Đây là cái rộng lớn của sự lợi ích này, cho dù tất cả chư Phật đã trải qua vô lượng kiếp tuyên nói cũng chẳng cùng tận cho sự lợi ích này, đây cũng là chân tướng của sự thật. Cho nên dùng Xá Lợi Phất đại biểu cho đại trí tuệ, như vậy chúng ta mới có thể phát sanh ra năng tín, năng nguyện, năng trì danh.

Vị thứ ba là Mục Kiền Liên tôn giả. Đại Mục Kiền Liên, Ngài là vị thần thông đệ nhất trong pháp hội của Thế Tôn, người đắc thần thông duy

chỉ có Đại Mục Kiền Liên thì mới chịu tín, nguyện, trì danh. Vì sao vậy? Ngài có thể thông đạt hiểu rõ, "Thông" là nghĩa thông đạt, "Thần" là thần kỳ, đây là sự chẳng thể suy đoán được. Nói một cách khác, nghĩa là chẳng phải do sự thường thức bình thường của chúng ta mà có thể đoán được. Người thế gian rất thích thần thông, thích trí tuệ; thật sự muốn có thần thông, trí tuệ rốt ráo viên mãn thì chỉ có ở Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị xem, ngài Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên họ hâm mộ mơ ước Tây Phương Tịnh Độ. Ca Diếp tôn giả đại biểu cho Tông Môn và đại biểu cho Thiền Tông, Ngài là sơ tổ của Thiền Tông. A Nan tôn giả đại biểu cho Giáo Hạ, toàn bộ Phật pháp đều bao

gồm cả hai vị tôn giả này. Ngoài trừ Thiền Tông ra, chín tông phái còn lại đều gọi là Giáo Hạ, cho nên lấy hai vị này làm đại biểu cho toàn bộ Phật pháp, nhưng vẫn không rời khỏi Tịnh Độ. Toàn bộ Phật pháp đến cuối cùng đều quy về Tịnh Độ, cho nên cũng lấy hai vị này là thượng thủ và đây là Thanh Văn chúng. Đoạn phía dưới lại nói với chúng ta về Bồ Tát chúng:

Kinh văn: "Hựu hữu Phổ Hiền Bồ Tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Di Lặc Bồ Tát, cập Hiền kiếp trung nhất thiết Bồ Tát, giai lai tập hội".

Pháp hội này, thật tại mà nói là vô cùng vô cùng thù thắng, ngài Phổ Hiền và Văn Thù là hai vị Đại Bồ Tát

trong hội Hoa Nghiêm, cũng là Hoa Nghiêm Tam Thánh. Phật là Tỳ Lô Giá Na còn Bồ Tát tức Văn Thù, Phổ Hiền, họ là Hoa Nghiêm Tam Thánh. Ý này đã nói rõ bổn kinh cùng với kinh Hoa Nghiêm là bình đẳng, tức là kinh này là kinh Hoa Nghiêm. Phía trước chúng ta thấy nói đến một vạn hai ngàn vị đại tỳ- kheo câu hội; trên thực tế mà nói, bộ kinh này tức là kinh Pháp Hoa, nó cùng với kinh Pháp Hoa không khác. Điểm này cũng nói cho chúng ta biết bổn kinh tức là kinh Hoa Nghiêm, cho nên cổ nhân từng xưng kinh Vô Lượng Thọ là trung bản của kinh Hoa Nghiêm, kinh A Di Đà là tiểu bản của kinh Hoa Nghiêm. Sự quan hệ của Tịnh Tông với kinh Hoa Nghiêm vô cùng

mật thiết, thật sự Tịnh Độ là nơi quy hướng của kinh Hoa Nghiêm. Bởi thế Ngẫu Ích đại sư đã nói trong Tịnh Độ, là kinh Vô Lượng Thọ và kinh A Di Đà là áo tạng của kinh Hoa Nghiêm, là bí tủy của kinh Pháp Hoa. Từ chỗ này, chúng ta có thể tìm được sự chứng minh lời của Ngẫu Ích đại sư, đích thật là có căn cứ chẳng phải tùy tiện mà nói.

Bộ kinh điển này, trên địa vị của toàn bộ Phật pháp mà nói, thì nó là đăng phong tạo cực, là đạt đến đỉnh tối cao và quả thật nó là đệ nhất kinh; đồng thời Phổ Hiền Bồ Tát này lại là sơ tổ của Mật Tông, cho nên Ngài đại biểu cho Mật Tông. Cho nên kinh Vô Lượng Thọ ở trong đó có Thiền, có Mật; thậm chí, Phật nói tám vạn bốn

ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn thảy đều ở trong bộ kinh này. Có thể nói tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn đều từ trong bộ kinh này mà lưu xuất ra. Nói một cách khác, tất cả các pháp môn đến sau cùng đều trở về kinh Vô Lượng Thọ, vì đây là cội nguồn, đây là căn nguyên. Sự truyền thừa của Mật Tông, chúng ta từ trên lịch sử thấy được, là sau khi Phật nhập diệt sáu trăm năm, lúc đó có một vị Long Thọ Bồ Tát xuất hiện ở thế gian, ngài Long Thọ Bồ Tát vô cùng thông minh, trí tuệ, năng lực của Ngài quả thật vượt hẳn người thường. Những kinh luận lưu truyền ở thế gian, Long Thọ Bồ Tát, Ngài chỉ có vỏn vẹn trong vài tháng mà toàn bộ đã đọc hết cả. Ngoài kinh

điển của Phật pháp, còn có kinh điển của ngoại đạo vì ở Ấn Độ có rất nhiều tôn giáo, tất cả các loại kinh điển ấy Ngài đều đọc và cũng đều học hết cả. Bởi thế nên tự mình cống cao ngã mạn, vì những gì có trên thế gian Ngài toàn bộ học hết, và nghĩ rằng chẳng còn có ai sánh được với Ngài.

Trong kinh Kim Cang thường hay nói Đại Bồ Tát phải hộ niệm Tiểu Bồ Tát, do đó Đại Long Bồ Tát nhìn thấy ngài Long Thọ, sanh khởi lòng từ mẫn nên mới mời ngài Long Thọ đến long cung, trong long cung có tàn trữ những kinh điển thật là phong phú. Đến long cung để tham quan thì Ngài cũng rất hoan hỷ, bèn cùng Đại Long Bồ Tát đến long cung tham quan, lúc ấy Ngài nhìn thấy những kinh Phật do

Đại Long Bồ Tát sưu tầm, số lượng là bao nhiêu? Mười cái tam thiên đại thiên thế giới vi trần kệ, nhất tứ thiên hạ vi trần phẩm. Long Thọ Bồ Tát vừa nhìn thấy liền sửng sốt, và cái tâm cống cao ngã mạn tức thời chẳng còn nữa, vì sao thế? Vì những cái mình đã học thật là quá ít, khi nhìn qua những thứ ở nơi đây quá phong phú như vậy. Cái mà mình đã học thì quá nhỏ nhoi, vậy đây là bộ kinh gì? Là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, nó là một trong toàn bộ kinh điển mà đức Thích Ca Mâu Ni Phật đã giảng, tất cả đều được cất giữ tại long cung. Long Thọ Bồ Tát vừa nhìn thấy liền tán thán khôn cùng, và Ngài cũng biết chúng sanh ở Diêm Phù Đề chẳng có khả năng tiếp thọ,

cho nên Ngài mới xem qua trung bản nhưng số lượng của trung bản vẫn còn quá lớn, mà chúng sanh ở đây vô phương tiếp nhận, vì thế Ngài lại xem qua tiểu bản, tiểu bản là gì? Là mục lục trọng yếu, giống như quyển Tứ Khố Toàn Thư trong thế gian này vậy. Tôi nghĩ trong thư viện quốc gia của Singapore phải có Tứ Khố Toàn Thư, mà trong Toàn Thư cũng có một mục lục quan trọng.

Hiện nay Mục Lục Trọng Yếu được in loại bìa cứng, sách dầy như thế này và tổng cộng có năm quyển. Ngài Long Thọ Bồ Tát đem quyển Mục Lục Trọng Yếu của kinh Hoa Nghiêm về cho nhân gian chúng ta, đây tức là kinh Hoa Nghiêm mà hiện tại chúng ta nhìn thấy. Số lượng có

được bao nhiêu? Là mười vạn kệ mà một kệ ở đây là bốn câu, cách tính về sách của người Ấn Độ khác với người Hoa; người Hoa tính số chữ, có nghĩa là quyển sách này có bao nhiêu chữ, họ tính số chữ. Như quyển Ngũ Thiên Ngôn của Lão Tử, quyển này đây là năm ngàn chữ, người Hoa tính chữ, còn người Ấn Độ không tính chữ mà họ tính mỗi bốn câu, không kể là câu dài hay ngắn, cứ bốn câu thì gọi là một kệ. Lấy kệ làm đơn vị, tổng cộng có mười vạn kệ tức là bốn mươi vạn câu, đây là mục lục đề yếu của kinh Hoa Nghiêm thì là tổng cộng có bốn mươi phẩm. Tóm lại bộ Mục Lục Trọng Yếu này có bốn mươi phẩm, tức là mười vạn kệ.

Từ thời Đông Tấn, kinh Hoa Nghiêm mới được truyền sang Trung Hoa, bởi vì bộ kinh này quá lớn, vả lại thời xưa chẳng giống như bây giờ, kỹ thuật ấn loát đã tiến bộ, thời đó chẳng có ấn loát cũng chẳng có giấy, đều chép bằng tay và viết trên lá Bối, lá của cây Bối Đa La. Có thể quý vị đã thấy qua, loại lá đó rất lớn và dầy, dầy như lá chuối của chúng ta vậy! Đem nó cắt ra từng miếng, cứ mỗi một miếng viết được bốn hàng, còn mỗi đầu thì khoét một cái lỗ dùng dây xâu nó lại. Bộ kinh Hoa Nghiêm đây, nếu dùng xe hàng lớn của thời nay, e rằng phải cần đến vài chiếc mới có thể chứa đựng hết bộ kinh này, kinh điển thời đó chẳng như hiện nay. Cho nên quý vị biết được thời đó kinh dễ

bị thất thoát, dễ bị đánh mất, chẳng dễ bảo quản được. Vì vậy lần đầu tiên kinh được truyền sang Trung Hoa thời đó, tức là quyển tàn khuyết và không được hoàn chỉnh, tổng cộng chỉ có ba vạn sáu ngàn câu kệ tụng; kinh có mười vạn kệ mà giờ chỉ còn ba vạn sáu, quý vị xem, chỉ có hơn một phần ba mà thôi. Trung Hoa đem nó phiên dịch vào thời đó tức là thời Đông Tấn phiên dịch, được gọi là Lục Thập Hoa Nghiêm gồm có sáu mươi quyển, khi chúng ta đọc kinh, thường thường đọc đến chỗ đó, bỗng thấy hình như là bị đứt đoạn, phần dưới chẳng nối phần trên, kinh văn có chỗ thiếu sót; quả thật là bị thất lạc nên không được hoàn chỉnh khi truyền sang Trung Hoa.

Vào thời nhà Đường, ngài Thực Xoa Nan Đà từ Ấn Độ đem kinh Hoa Nghiêm sang vẫn không hoàn chỉnh, tuy nhiên so với kinh của nhà Tấn nhiều hơn chín ngàn câu kệ, cho nên tổng cộng có được bốn vạn năm ngàn kệ, gần như là được phân nửa. Vào thời nhà Đường phiên dịch, tức là quyển mà hiện nay quý vị nhìn thấy, đó là Bát Thập Hoa Nghiêm; đấy chỉ là phân nửa của toàn phần, nhưng phần phân nửa này cũng còn thiếu một chút. Cũng vào thời Đường, ngài Đức Tông là vua của nước Ô Trà và đây là một nước nhỏ; vua nước đó có đem tấn cống cho triều đình Trung Hoa, việc tấn cống này tức là đem lễ vật tặng cho hoàng đế. Trong số lễ vật ấy có phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh

Nguyện; mà phẩm này được hoàn chỉnh chẳng có khiếm khuyết, cho nên đem phiên dịch ra là bốn mươi quyển, gọi là Tứ Thập Hoa Nghiêm. Cho nên ở Trung Hoa, kinh Hoa Nghiêm đã có ba lần phiên dịch, đều chẳng được hoàn chỉnh. Tuy nhiên sau khi đến Trung Hoa, thì Tứ Thập Hoa Nghiêm được hợp cùng với Bát Thập, tuy là nó chẳng hoàn chỉnh, nhưng đại ý nghĩa của nó cũng có thể hiểu được; đây là lịch sử của kinh Hoa Nghiêm truyền đến Trung Hoa.

Đây cũng là nói đến Long Thọ Bồ Tát, ngài Long Thọ Bồ Tát tại Nam Thiên mở tháp sách, khi mở tháp sách ra nhìn thấy Kim Cang Tát Đỏa Bồ Tát, cũng gọi là Kim Cang Thủ Bồ Tát. Danh vị Kim Cang Tát Đỏa còn

gọi Kim Cang Thủ ở đây là cùng một vị, cũng là hóa thân của ngài Phổ Hiền Bồ Tát. Kim Cang Tát Đỏa đem Mật pháp truyền cho ngài Long Thọ, từ ngài Long Thọ mới truyền xuống đời hậu thế. Mật Tông là đến bằng cách này, cho nên Mật Tông là do Phổ Hiền Bồ Tát truyền. Quán Thế Âm Bồ Tát đây mà mọi người đều biết đến, Quán Thế Âm Bồ Tát ở trong Mật Tông gọi là Chuẩn Đề Bồ Tát, mà Chuẩn Đề là hóa thân của Quán Âm Bồ Tát, là hóa thân ở trong Mật Tông. Cho nên Kim Cang Tát Đỏa là Phổ Hiền Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát ở chỗ này là đại biểu cho Mật Giáo. Văn Thù Bồ Tát đại biểu Thiền Tông, chữ Thiền này chẳng phải là nói Thiền Định trong Lục Độ; quý vị

nên biết rằng Thiền là Bát Nhã Ba La Mật trong Lục Độ. Quý vị xem Đàn Kinh, ngài Lục Tổ đại sư vừa mới mở đầu, đã bảo mọi người đều niệm Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa, mà chẳng bảo họ niệm Thiền Định, bảo họ niệm Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật Đa, cho nên Thiền là ngài Văn Thù đại biểu.

Hai vị Bồ Tát ở chỗ này đã hiển thị Mật-Tịnh bất nhị, Thiền-Tịnh bất nhị, cho nên trong Tịnh Tông là có Thiền, có Mật, có Giáo; tất cả pháp môn đều có ở trong bộ kinh này. Vì vậy bộ kinh này thì là rất quý báu, bộ kinh này đích thật là tinh hoa của Phật pháp, chúng ta đọc xong rồi và thừa nhận là tất cả Phật pháp đều có ở trong đó, cho nên chẳng cần phải mất nhiều tinh thần, nhiều thì giờ để đi

săn tìm nhiều thứ kinh luận khác, việc đó chẳng cần thiết nữa vì một bộ kinh này đều đã bao gồm tất cả rồi. Di Lặc Bồ Tát, Ngài đây là "đương lai hạ sanh tôn Phật", hiện nay đang ở cõi trời Đâu Suất làm vị Phật Bổ Xứ. Thế gian này của chúng ta, không ít người hâm mộ mơ ước Di Lặc Bồ Tát, bởi vì biết Ngài sẽ đến thế gian này để thành Phật, họ đều rất thích làm đệ tử của Ngài giống như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên đi theo đức Thích Ca Mâu Ni Phật vậy. Cho nên có rất nhiều người muốn sanh về nội viện của Đâu Suất, tương lai Bồ Tát xuống đây làm Phật thì họ đi theo xuống làm đệ tử, cái tâm nguyện này rất tốt, tuy nhiên đến nội viện của Đâu Suất Thiên, nào phải là chuyện dễ dàng! Tu học pháp

môn này mà ngày nay thường gọi là Di Lặc Tịnh Độ; tu Di Lặc Tịnh Độ đem so với Di Đà Tịnh Độ còn khó hơn quá nhiều. Quý vị xem trong kinh Di Đà Tịnh Độ có nói nhược nhất nhật, nhược nhị nhật, nhược tam nhật… nhược thất nhật thì được vãng sanh, còn tu Di Lặc Tịnh Độ bảy ngày chẳng thể vãng sanh, chẳng dễ dàng như vậy. Di Lặc Bồ Tát là tổ sư của Pháp Tướng Duy Thức, Ngài là chuyên gia của Pháp Tướng Duy Thức rất là quyền uy. Nếu quý vị ở trong Pháp Tướng Duy Thức không thể xây dựng một cơ sở thật tốt, e rằng Ngài chẳng thâu nhận quý vị, điều này đây là rất khó. Vả lại Pháp Tướng Duy Thức, đích thật là pháp môn chẳng phải dễ học; ngày nay trên

thế gian này, các vị pháp sư đại đức mà tôi được biết, thì người có nghiên cứu đối với Pháp Tướng Duy Thức đích thật là không nhiều. Tại Tân Gia Ba có pháp sư Diễn Bồi, Ngài chuyên nghiên cứu về Pháp Tướng Duy Thức, đối với Duy Thức Tông, Ngài thật sự có tâm đắc; đây là Ngài tu Di Lặc Tịnh Độ, chẳng phải là rất dễ dàng.

Tuy nhiên, nếu chúng ta thật muốn gặp Di Lặc Bồ Tát, tôi có một phương pháp, bí quyết này dễ dàng hơn Ngài và còn thù thắng hơn Ngài, vì sao? Vì khi sanh vào nội viện Đâu Suất sẽ làm học trò của Di Lặc Bồ Tát, gặp được thầy đương nhiên phải cung cung kính kính, cũng chẳng dám tùy tiện nói chuyện. Còn như chúng ta cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, hơn

nữa quyết định nắm phần vãng sanh, khi đến Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ làm học trò của A Di Đà Phật. Đồng thời Di Lặc Bồ Tát cũng là học trò của A Di Đà Phật; nếu chúng ta đến nội viện đi dạo một vòng, đương nhiên là nhìn thấy lão học trưởng, điều đó khác hẳn phải không? Khẳng định là khác hẳn, đây là đường lối bí quyết đi đường tắt. Cho nên chúng ta muốn tìm Di Lặc Bồ Tát chẳng khó! Huống chi phần sau của bộ kinh này từ phẩm Ba Mươi Hai trở đi, Di Lặc Bồ Tát là đương cơ trong kinh này. Cho nên kinh Vô Lượng Thọ có đến hai vị đương cơ, phía trước là A Nan tôn giả đương cơ, nửa phần sau là Di Lặc Bồ Tát đương cơ. Vậy do đây có thể biết Di Lặc Bồ Tát sau này thành

Phật, tất phải giảng Tịnh Độ Tam Kinh, nhất định cũng khuyên người niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Như thế có thể quý vị sẽ hỏi rằng, Di Lặc Bồ Tát khi nào sẽ tới thế gian này của chúng ta để làm Phật? Thích Ca Mâu Ni Phật trong Di Lặc Hạ Sanh Kinh có nói, Ngài có nói với chúng ta phải tới năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau, Di Lặc Bồ Tát mới đến thế gian này của chúng ta để làm Phật, thời gian này chúng ta vừa nghe, ôi chao! Quả là con số thiên văn, thật là quá dài quá dài, đây là sự thật. Cái thời gian này tính như thế nào? Quý vị phải nên biết, Di Lặc Bồ Tát hiện đang ở cõi trời Đâu Suất; một ngày ở Đâu Suất Thiên là bốn trăm năm của

nhân gian chúng ta, một năm cũng là ba trăm sáu mươi lăm ngày. Thọ mạng của Ngài là bốn ngàn tuổi, quý vị thử tính xem con số này thì sẽ biết ngay, hơn năm mươi sáu ức năm Ngài mới từ trên đó đạt được Báo Thân, sau mới hạ sanh đến thế gian này của chúng ta thị hiện thành Phật. Cho nên, hiện nay có một số người dùng lời yêu mị mê hoặc quần chúng, nói rằng Di Lặc Bồ Tát đã hạ sanh rồi, nói rằng Di Lặc Bồ Tát đã làm vua thiên đình, lời yêu mị mê hoặc đại chúng này chẳng có căn cứ, cho nên chúng ta nhất định phải "y pháp bất y nhân", phải y những lời nói trong kinh điển, đây mới là chính xác; trong kinh điển không có, mà chỉ là tạo lời đồn nhảm, quyết định không thể tin nghe.

Phần dưới là "Cập Hiền kiếp trung, nhất thiết Bồ Tát", cái đại kiếp này có một danh từ khác gọi là Hiền kiếp. Thích Ca Mâu Ni Phật là vị tôn Phật thứ tư của Hiền kiếp, ngài Di Lặc là tôn Phật thứ năm. Thế Tôn nói với chúng ta rằng, trong một đại kiếp có một ngàn vị tôn Phật ra đời, đặc biệt là người hiền rất nhiều và Thánh nhân cũng rất nhiều cho nên đại kiếp này được gọi là Hiền kiếp. Tất cả Bồ Tát trong Hiền kiếp, tức là kể từ Di Lặc trở về sau trong số một ngàn vị Phật này, thì còn có chín trăm chín mươi lăm vị tôn Phật hiện nay họ đang là Bồ Tát. Trong nhà Phật chúng ta thờ ngài Hộ Pháp Vi Đà Bồ Tát, đó là vị Phật sau cùng trong một ngàn vị Phật, là vị tôn Phật sau cùng. Những

vị Phật này đều đến tham gia tập hội, đây là những người vô cùng quan trọng; ý nghĩa của nó, thực tế mà nói, cũng là rất rõ ràng, tức là nói rõ một ngàn vị Phật này cùng Thích Ca Mâu Ni Phật đều không khác. Chẳng có vị nào chẳng giảng kinh Vô Lượng Thọ, chẳng có vị nào chẳng khuyên người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Do đây có thể biết, pháp môn này là được tất cả chư Phật cùng tuyên dương, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là nguyện vọng chung của tất cả chư Phật đối với chúng sanh.

Vì vậy giúp chúng sanh phát tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, tất cả chư Phật đều hoan hỷ, một khi các Ngài đã hoan hỷ thì đương nhiên sẽ

gia trì, đương nhiên sẽ bảo hộ chúng ta. Cho nên quý vị niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, chẳng những Phật A Di Đà bảo hộ quý vị, mà tất cả chư Phật Như Lai mỗi mỗi đều bảo hộ quý vị, mỗi mỗi đều gia trì cho quý vị; công đức thù thắng này, chẳng có gì khác có thể cùng nó so sánh, thật sự là thù thắng chẳng gì bằng, đây là nói về sự tập hội. Nói tóm lại, những gì các Ngài nói với chúng ta, tức là một câu vạn đức hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật, tức là một câu này. Những vị A La Hán này, chúng ta từ trên tướng tích mà xem, Kiều Trần Như, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên tôn giả cùng với những vị Bồ Tát này, thật tại đều là nói với chúng ta rằng vô lượng vô biên pháp môn đều quy về Tịnh

Độ, "Thù đồ đồng quy", chúng ta phải hiểu được mật nghĩa này, hiểu được thâm ý của nó.

Phần kinh văn phía dưới, vừa mở đầu sắp chư vị Thượng Thủ ở phần trước, chư vị đó đều là Bồ Tát tại gia; điều này chúng ta cần phải đặc biệt lưu ý. Ngài Hạ Liên Cư lão cư sĩ không đem đoạn văn này nối liền với phía trên [của phẩm Một] mà đem nó chia ra [vào phẩm Hai]. Bởi vì nếu nói theo lý phải là câu "Hựu Hiền Hộ đẳng thập lục Chánh Sĩ" cho đến "Giải Thoát Bồ Tát nhi vi Thượng Thủ", câu này lẽ ra phải hợp với phẩm thứ nhất thì nhìn thấy mới thuận hơn. Nhưng Ngài lại lấy từ đoạn này chia nó vào phẩm thứ Hai, cốt là để gợi sự chú ý cho chúng ta,

để nói cho chúng ta biết một chân tướng của sự thật. Đó chính là pháp môn này lấy việc độ cư sĩ tại gia làm chủ yếu; chủ yếu là phổ độ chúng sanh tại gia đồng tu mới là nhiều, còn số người xuất gia thì ít, tại gia nhân số nhiều. Người tại gia cứ nghĩ rằng tại gia nghiệp chướng sâu dầy, còn xuất gia tương lai mới được thành tựu; người tại gia không thể thành tựu, đều có quan niệm sai lầm như vậy! Đâu ngờ rằng bộ kinh này là dạy người tại gia một đời thành Phật, chẳng thua gì xuất gia. Vậy từ trong kinh văn này, quý vị có thể thấy được.

Đức Tuân Phổ Hiền - Đệ Nhị

Kinh văn: "Hựu Hiền Hộ đẳng thập lục Chánh Sĩ".

"Chánh Sĩ" tức là cách xưng hô của Bồ Tát, "Chánh" là chánh giác, "Sĩ" tức là thế gian chúng ta thường nói người có học vấn, có đạo đức; người chánh giác có học vấn, có đạo đức là tôn xưng của Bồ Tát. Cho nên Bồ Tát, trong nhà Phật thường xưng hô là Đại Sĩ, giống như chúng ta thường xưng Quán Thế Âm Đại Sĩ, Văn Thù Đại Sĩ, Phổ Hiền Đại sĩ. Cho nên có thể xưng Đại Sĩ hoặc là xưng Chánh Sĩ, còn chỗ này xưng Chánh Sĩ, cũng có thể xưng Khai Sĩ; Khai là khai ngộ, đây đều là cách xưng hô đối với Bồ Tát, tôn xưng đối với Bồ Tát. Nói đến đây tôi cũng xin sơ lược nhắc

qua cùng quý vị, đó là hiện nay có một số người tôn kính người xuất gia, họ tôn kính xưng hô quá khỏi đầu, hơi quá đáng; đối với người xuất gia xưng là Đại Sư điều không thể được. Chẳng thể xưng là Đại Sư, danh vị Đại Sư chỉ có đối với Phật mới kính xưng như vậy mà thôi, quý vị xem, ngài Quán Âm Bồ Tát xưng Đại Sĩ, người xuất gia mà xưng là Đại Sư, so với Quán Âm Bồ Tát còn cao hơn ư! Như vậy còn ra thể thống gì? Điều này chẳng thể được, cho nên chúng ta cần phải biết. Người không biết Phật Học thường thức, họ hiểu lầm thì chẳng nói, vì họ vô tri mà, còn chúng ta đã hiểu thì không được, chẳng thể xưng hô như vậy. Cho nên danh vị Đại Sư là tôn xưng đối với Phật, chẳng phải

tùy tiện người xuất gia nào cũng có thể xưng được, điều này cần phải biết.

Vậy ở đây kể ra mười sáu vị Bồ Tát, họ toàn là Bồ Tát tại gia; tại gia có đến mười sáu vị, còn người xuất gia, quý vị thử xem, ngài Phổ Hiền, Văn Thù, Di Lặc, ở đây chỉ kê ra có ba vị là Bồ Tát xuất gia, còn Thanh Văn xuất gia chỉ kê có năm vị, tại gia kê mười sáu vị. Tỷ lệ này chẳng phải đã thuyết minh rõ ràng, pháp môn này là độ người tại gia hay sao? Trong mười sáu vị Bồ Tát tại gia, chỉ có một vị Hiền Hộ Bồ Tát là ở thế gian này của chúng ta; lúc Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế, Ngài cũng thị hiện ở Ấn Độ, lúc đó Hiền Hộ Bồ Tát là tại gia Bồ Tát. Những vị Bồ Tát tại gia còn lại đều là từ thế giới khác đến, ý

nghĩa này cũng rất thâm sâu, đã chứng minh mười phương chư Phật đều nói pháp môn này. Hôm nay họ nghe đức Thích Ca Mâu Ni Phật cũng nói về pháp môn này, họ vô cùng hoan hỷ đến tham dự tập hội này để làm ảnh hưởng chúng, đây toàn là tại gia Bồ Tát.

Hiền Hộ, trước tiên chúng ta nhìn xem ý nghĩa đại biểu bên trong của danh từ này, danh hiệu này là đại biểu "Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ Tát", câu này là lời Phật nói trong kinh Kim Cang. Chúng ta chân chánh phát tâm cầu sanh Tịnh Độ là thật sự phát tâm chẳng phải là giả, trên thực tế mà nói, thật sự phát tâm rất khó! Thật sự phát tâm cầu sanh Tịnh Độ, cái tâm này vừa mới phát thì quý vị là Bồ Tát

rồi, quý vị liền được tất cả chư Phật hộ niệm; tuy nhiên, quý vị phải thật sự phát tâm còn giả thì không được! Cái gì là giả? Phát tâm muốn cầu sanh Tịnh Độ, nhưng thế gian này những nỗi bồn chồn, lo nghĩ, chẳng thể buông xả; đó là giả trất, cách đó sẽ không được chư Phật hộ niệm. Chân chánh phát tâm là mọi thứ ở nơi đây, tất cả đều buông xả sạch hết, thật sự trong tâm chẳng còn lo nghĩ, chẳng còn lưu luyến; một lòng một dạ để nhất tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, thì người này lập tức được tất cả chư Phật hộ niệm, được chư Phật gia trì. Cho nên nhất định phải hiểu rõ điều này. Vị thứ hai:

Kinh văn: "Sở vị Thiện Tư Duy Bồ Tát".

Trong danh hiệu, vị Bồ Tát này đại biểu cho Trí Tuệ chân thật. Chúng ta thường nói trí tuệ minh liễu. Tư Duy là nghĩa Minh Liễu, lục căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài, vừa tiếp xúc thì liền minh liễu, cái minh liễu này là Tam Tuệ, Văn - Tư - Tu Tam Tuệ, mà chẳng phải là sau khi tiếp xúc rồi mới đi nghiên cứu, mới đi suy nghĩ; vừa mới suy nghĩ thì là hỏng rồi! Vì nghĩ tưởng là đã lạc vào trong ý thức thứ sáu, như vậy là trở thành phân biệt của hư vọng, cho nên Bồ Tát cùng với trong Lăng Nghiêm chỗ nói: "Xả thức dụng căn"; sự quan sát của họ tuyệt đối chẳng dùng tâm ý thức "ly tâm ý

thức", đó chính là trí tuệ chân thật, nghĩa là vừa tiếp xúc thì hiểu rõ. Ý nghĩa hiểu rõ ở đây, chúng ta gọi là Tư Tuệ, hiểu rõ đương nhiên là không mê hoặc, nghĩa của không mê hoặc chúng ta gọi là Tư Tuệ. Trên thực tế Văn - Tư - Tu chẳng hề có sai biệt, mà là cùng hoàn thành trong một lúc. Văn - Tư - Tu, nó là một mà ba, ba mà một, nó chẳng phải là ba giai đoạn. Nếu là ba giai đoạn thì đã lạc vào trong ý thức rồi, đó là phàm phu, đó chẳng phải là Thánh nhân, chúng ta phải hiểu danh hiệu của Thiện Tư Duy Bồ Tát.

Kinh văn: "Tuệ Biện Tài Bồ Tát".

Ý nghĩa này hết sức rõ ràng, Ngài có trí tuệ chân thật, biện tài vô ngại.

Kinh văn: "Quán Vô Trụ Bồ Tát".

Trong kinh Kim Cang có nói: "Ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm",

Lục Tổ đại sư là từ câu này mà khai ngộ, từ câu này mà minh tâm kiến tánh. Vị Bồ Tát này có lẽ cũng giống như Lục Tổ, là từ một câu kinh văn này mà ngộ nhập cho nên Ngài được gọi là Quán Vô Trụ Bồ Tát. Ở đây còn thêm vào chữ Quán thì đạo vị càng sâu hơn, có đạo vị của Quán Tự Tại Bồ Tát. Trong Tâm Kinh nói đến Vô Trụ mới tự tại, Trụ thì là không tự tại. Cho nên danh hiệu này có thể

cùng với ý nghĩa của danh hiệu của Quán Thế Âm Bồ Tát giống nhau.

Kinh văn: "Thần Thông Hoa Bồ Tát".

Vị Bồ Tát này đại biểu cho hành quyền phương tiện, quyền xảo phương tiện mới có thể lợi ích tất cả chúng sanh, mới có thể giúp đỡ tất cả chúng sanh. Vị thứ sáu là:

Kinh văn: "Quang Anh Bồ Tát".

Quang là quang minh, Anh là phát huy. Quang minh anh phát là hiện tượng triển hiện, tức là nghĩa quang minh biến chiếu, đó là Quang Anh Bồ Tát.

Kinh văn: "Bảo Tràng Bồ Tát".

Tràng là nghĩa cao hiển. Vào thời xưa, sự thiết bị về thông tin chẳng phát đạt như hiện nay. Đạo tràng vào thời xưa, không phải là một trường học, cho nên Phật giảng kinh là việc giáo học mà nói theo hiện nay là thuộc về Xã Giáo, nghĩa là giáo dục của xã hội mà chẳng có lập trường học để chiêu học sinh, không có. Cũng giống như hiện nay chúng ta giảng kinh nói pháp, đại chúng hoan hỷ đến nghe chẳng có sự hạn chế nào cả. Thế thì làm sao để thông báo? Chúng ta thì được tiện lợi hơn họ, hiện nay có thể phát thông báo gửi đến nhà của quý vị, đôi khi cũng có thể thông báo trên báo chí, thậm chí

đài phát thanh cũng có thể truyền đạt tin tức này. Vào thời trước, không có những công cụ như vậy, còn như bưu điện cũng chẳng có. Thế nên, ở trước giảng đường đều có một cột cờ rất cao, cột cờ này chẳng phải là để treo quốc kỳ mà là treo tín hiệu. Tràng là cái hình tròn, nó giống như cái ống gió ở phi trường, nó có hình dáng như vậy, cái hình tròn này treo trên cột cờ, mọi người nhìn thấy cái này thì biết hôm nay tại địa phương này có pháp sư đến giảng kinh. Những người thích nghe kinh nhìn thấy cái này họ liền tìm đến, đó là tín hiệu, cho nên đạo tràng giảng kinh cũng thường gọi là Pháp Tràng Cao Thụ, là ý nghĩa như vậy, cũng là kéo pháp tràng này lên. Thông thường mỗi khi làm pháp hội

thì treo Phan, phan thì là dẹp hơn, phan dẹp treo trên cột cờ, ý nói hôm nay chúng ta có pháp hội, còn khi Tràng hình tròn kéo lên, ý nói hôm nay tại đây có giảng kinh.

Bảo Tràng, Phật pháp là quý báu, còn châu báu của thế gian chúng ta có được rồi, có thể cải thiện sinh hoạt cùng vật chất của chúng ta. Cho nên khi có tài bảo rồi, thì sinh hoạt vật chất có thể sống sung túc hơn một tí; tuy nhiên, quý vị phải biết chúng ta có một vấn đề lớn nhất là "sanh tử sự đại", ở thế gian này dù có tiền tài vật chất nhiều hơn đi nữa, cũng chẳng có cách nào khiến quý vị không già, chẳng cách nào khiến quý vị không bệnh, chẳng cách nào khiến quý vị không chết. Vua Tần Hoàng, Hán Võ

đều vì việc này mà trong lòng lo lắng, bất an, tìm đủ phương pháp đến hải đảo nọ để tìm tiên nhân xin thuốc không chết, kết quả họ vẫn phải chết. Thế nhưng, Phật pháp chân chánh có thể giúp chúng ta giải quyết vấn đề này, là chân thật chẳng phải hư dối. Phật pháp là quý báu, Bảo Tràng Bồ Tát nghĩa là tuyên dương Phật pháp, là có thể đem trân bảo của Phật pháp truyền thọ cho đại chúng.

Kinh văn: “Trí Thượng Bồ Tát”.

Đây là trí tuệ vô thượng, là sở cầu của Phật pháp. Chúng ta học Phật, là học những gì? Chính là học cái trí tuệ rốt ráo viên mãn, trong kinh Phật gọi là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ

Đề, đó là mục đích tu học Phật pháp của chúng ta. Có được trí tuệ thì mới có thể giải quyết mọi vấn đề. Tiếp theo phía dưới:

Kinh văn: "Tịch Căn Bồ Tát".

Ngài đại biểu cho lục căn thanh tịnh vô nhiễm, đây tức là tịnh. Lục căn là sáu căn, sáu căn thanh tịnh, Đại Thế Chí Bồ Tát dạy cho chúng ta đô nhiếp lục căn, Tịch là tịch tịnh. Theo trong Định công mà nói đây là tầng tối cao, kinh Nhân Vương có nói Bồ Tát có năm đẳng cấp, nó là dùng Nhẫn, Nhẫn tức là Định, đẳng cấp tối cao gọi là Tịch Diệt Nhẫn, cao hơn Vô Sanh Pháp Nhẫn. Bồ Tát của Vô Sanh Pháp Nhẫn là Thất Địa, Bát Địa,

Cửu Địa. Tịch Diệt Nhẫn là Bồ Tát của Thập Địa, Đẳng Giác, Diệu Giác. Diệu Giác tức là Phật, cho nên đây là Tịch Căn Bồ Tát, đại biểu cho ý nghĩa này.

Chúng ta nói tu hành, nói công phu hoặc giả nói hưởng thụ, thử hỏi cái mà người thế gian cho là hưởng thụ, rốt cuộc họ hưởng thụ những gì? Họ đều là hàm hồ chẳng hiểu rõ, đúng là mê hoặc điên đảo. Quý vị đang hưởng đó là những gì? Trong mắt của Phật nhìn rất rõ ràng, rất sáng suốt, cái mà quý vị hưởng thụ đó là Khổ. Ngoài khổ ra, quý vị còn hưởng thụ những gì? Quý vị hãy tự lắng lòng nghĩ xem, từ sáng sớm thức dậy đến tối đi ngủ, trong một ngày này có phải chỉ là thọ khổ hay là không? Bất luận

quý vị làm việc gì mà trong Phật pháp gọi đó là tạo nghiệp, quý vị tạo nghiệp gì? Tạo thiện nghiệp, ác nghiệp và vô ký nghiệp. Nói tóm lại một câu, những gì quý vị thọ đó đều là khổ chẳng có vui. Cái vui đó là gì? Là cái vui chích ma túy, vui chỗ nào đâu; đây là khổ hải vô biên, cho nên quay đầu là bến, tóm lại là chẳng có vui. Niềm vui chân chánh là gì? Tịch diệt, tâm địa thanh tịnh, đó mới là chân lạc. Quý vị chẳng có cách chi thể hội được, vì sao thế? Từ trước đến nay chưa từng hưởng thụ qua, quý vị làm sao có thể thể hội được chứ? Nếu tâm địa thanh tịnh, chẳng có vọng tưởng, chẳng có phiền não, chẳng có ưu tư, chẳng có lo lắng, niềm chân lạc đấy, rõ rõ ràng ràng minh minh bạch

bạch. Cho nên đây là niềm vui bên trong, đó là chân lạc. Cho nên nói thanh tịnh, tịch diệt là sự hưởng thụ tối cao, đây đích thật là mảy trần không nhiễm, vô sở bất tri.

Trong Phật pháp thường dùng hai chữ Tịch Chiếu này rất nhiều. Tịch là tâm thanh tịnh, Chiếu là khởi dụng của trí tuệ, là mọi thứ đều hiểu rõ. "Tịch mà thường chiếu", đây là Phật; Phật đã thanh tịnh, tịch diệt rồi thường chiếu, lợi ích tất cả chúng sanh. Bồ Tát thì "chiếu mà thường tịch", Chiếu thì mọi thứ hiểu rõ, trong mọi thứ hiểu rõ mà tu tâm thanh tịnh, đây là Bồ Tát. Tâm đã thanh tịnh rồi, đó là Phật; Bồ Tát trong mọi thứ đều hiểu rõ, tu tâm thanh tịnh. Như trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử

trải qua năm mươi ba tham vấn, trải qua Sự để luyện Tâm. Trải qua Sự là mọi thứ đều hiểu rõ, luyện Tâm là luyện tâm thanh tịnh, phải khiến cái tâm này trong tất cả cảnh giới đều mảy trần chẳng nhiễm, đạt đến sự thanh tịnh chân chánh, đây là Bồ Tát.

Kinh văn: "Tín Tuệ Bồ Tát".

Trong Tín có Tuệ, tín này là chân tín, thật tín, tín tâm chân thật.

Đặc biệt là trong bổn tông, bởi vì sự tu hành của Tịnh Tông có ba điều kiện tối quan trọng, Tín - Nguyện - Hạnh, cho nên phải tin một cách chân chánh.

Kinh văn: "Nguyện Tuệ Bồ Tát".

Tín tiếp theo phần dưới là Nguyện, Nguyện sanh Tịnh Độ, Nguyện thành Phật đạo, Nguyện độ chúng sanh. Vị thứ mười hai:

Kinh văn: "Hương Tượng Bồ Tát".

Hương Tượng là thí dụ, trong Phật pháp thường dùng sư tử, dùng voi lớn để làm thí dụ. Quý vị xem, ngài Văn Thù Bồ Tát cởi đó là sư tử, Phổ Hiền Bồ Tát cởi đó là đại tượng; kỳ thật ngài Văn Thù, Phổ Hiền không cởi sư tử cũng chẳng cởi voi lớn, vì sao phải vẽ như vậy? Họa là ý nghĩa biểu trưng. Sư tử đại biểu cho

dõng mãnh, đại biểu cho trí tuệ, trí tuệ tối dõng mãnh. Voi đại biểu cho gì đây? Đại biểu cho vững vàng, voi hình dáng vững nặng, cho nên đại biểu cho vững vàng, cũng đại biểu cho Định, khi bước đi nó cũng rất vững vàng, từng bước từng bước chẳng vội vàng, đại biểu cho Định. Tòa của ngài Phổ Hiền là ngồi trên Định, Ngài Văn Thù ngồi trên Tuệ, là mang ý nghĩa này.

Kinh văn: "Bảo Anh Bồ Tát".

Vị Bồ Tát này là đại biểu cho nguyện hải trang nghiêm.

Kinh văn: "Trung Trụ Bồ Tát".

Đại biểu cho Trung Đạo, trung trụ, đây tức là trung đạo.

Kinh văn: "Chế Hạnh Bồ Tát".

Đại biểu trì giới niệm Phật, Chế là pháp chế tức là giới luật.

Kinh văn: "Giải Thoát Bồ Tát".

Đại biểu cho thành tựu, đại biểu cho tự tại, thọ dụng chân thật, giải thoát, phiền não giải trừ rồi, mê hoặc điên đảo giải trừ rồi, thoát ly biển khổ sanh tử, thoát ly lục đạo luân hồi, thoát ly thập pháp giới, là mang ý nghĩa như vậy. Cho nên giải thoát là từ trên quả mà nói, nói một cách khác, mười sáu vị phía trước là từ trên nhân

mà nói, vị này là từ trên quả mà nói. Cho nên ý nghĩa này diễn đạt được vô cùng viên mãn.

Kinh văn: "Nhi vi Thượng Thủ".

Mười sáu vị Bồ Tát đây là Thượng Thủ của tại gia đồng tu. Tuy nhiên quý vị phải hiểu rõ, mười sáu vị đây đều là Đẳng Giác Bồ Tát, quả vị mà họ chứng đắc cùng với Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền hoàn toàn đồng đẳng. Nhóm kia là xuất gia Đẳng Giác Bồ Tát, còn nhóm này là tại gia Đẳng Giác Bồ Tát; đây là nói rõ việc tu hành chứng quả của người xuất gia cùng người tại gia chẳng có quan hệ gì, điều này nhất định quý vị

phải biết rõ. Như vậy xuất gia, tại gia rốt ráo là vì cái gì? Xuất gia là vì chuyên nghiệp hoằng pháp, sự giáo dục của Phật tốt đẹp như vậy, nếu mà chẳng có nhân viên chuyên nghiệp đẩy mạnh thì chúng sanh sẽ chẳng được lợi ích chân thật của Phật pháp. Cho nên nhất định phải có nhân viên chuyên nghiệp đi đẩy mạnh, đi tuyên truyền, đem nó phát dương quảng đại, cho nên xuất gia là phải gánh vác cái trách nhiệm này.

Còn tại gia? Là vì hộ trì. Người tại gia sẽ nhất định là hộ pháp, quý vị nên biết đạo tràng quyết định là phải do người tại gia xây dựng, người tại gia quản lý. Còn người xuất gia thì sao? Chỉ có hoằng pháp. Người xưa, chỗ gọi là "thiết đã thường trụ lưu

thủy tăng", xuất gia có trách nhiệm là đi hoằng pháp. Hôm trước, Mính Sơn lão hòa thượng có đi ngang qua đây, lúc đó tôi cũng trong ở phi trường và cũng có gặp Ngài. Ngài còn nói rằng người xuất gia phải đi hoằng pháp, nơi nào thỉnh thì phải đến nơi đó, chẳng thể từ chối nói không đi, chẳng có lý do này! Phật pháp là vì phải hoằng thông, đâu thể nói lúc có người đến mời mà có thể không đi? Chẳng có lý do không đi, cho nên người hoằng pháp là phải lưu động. Đạo tràng là do đồng tu tại gia xây dựng, phát tâm quản lý, trụ trì, thỉnh pháp sư đến địa phương này hoằng pháp lợi sanh, giảng kinh thuyết pháp giáo hóa một phương này. Còn tại gia Bồ Tát, đây là sứ mạng đệ nhất của họ, đương

nhiên tại gia Bồ Tát cũng có thể giảng kinh thuyết pháp, điều này ngày xưa đều có. Tuy nhiên người xuất gia, nhất định là phải gánh vác sứ mạng lợi sanh. Hôm nay thì giờ đã đến, giảng đến đây cũng là một đoạn. A Di Đà Phật

Tập 3

Xin lật quyển kinh trang thứ ba, hàng thứ hai, câu thứ hai bắt đầu xem. Trước tiên chúng tôi xin đọc vài câu kinh văn để đối chiếu xem.

Kinh văn: "Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền Đại Sĩ chi đức, cụ túc vô lượng hạnh nguyện, an trụ nhất thiết, công đức pháp trung. Du bộ thập phương, hành quyền phương tiện. Nhập Phật pháp tạng, cứu cánh bỉ ngạn".

Tới đây là một đoạn nhỏ, từ trong kinh văn chúng ta có thể thấy rõ, đại chúng ở Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là tu hạnh Phổ Hiền. Tu hạnh

Phổ Hiền tức là Phổ Hiền Bồ Tát. Cùng một đạo lý, nếu tu hạnh Quán Âm thì người này là Quán Thế Âm Bồ Tát, tu hạnh Địa Tạng thì người đó là Địa Tạng Bồ Tát; điều này quý vị nhất định phải hiểu rõ, phải minh liễu. Đức hiệu của Bồ Tát là đại biểu cho một pháp môn, chẳng hạn như Phổ Hiền Bồ Tát là trong kinh Hoa Nghiêm, nếu mà y theo kinh Hoa Nghiêm để tu hành, đây là hạnh Phổ Hiền.

Như vậy Quán Thế Âm Bồ Tát có tất cả là ba bộ kinh, ba bộ kinh này chẳng phải tự độc lập mà là phụ thuộc vào đại kinh. Bộ thứ nhất, Quán Tự Tại Bồ Tát ở trong phần Quán Tự Tại Bồ Tát Chương trong kinh Hoa Nghiêm, trong phần này là Thiện Tài

đồng tử tham vấn Quán Thế Âm Bồ Tát, Quán Âm Bồ Tát vì Thiện Tài đồng tử nói pháp. Bộ thứ hai, trong kinh Lăng Nghiêm nơi quyển thứ sáu, vừa mở đầu là Quán Thế Âm Bồ Tát Nhĩ Căn Viên Thông Chương. Bộ thứ ba, Quán Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn Phẩm ở trong kinh Pháp Hoa. Nếu y theo ba bộ kinh này mà tu hành thì người này tu pháp môn Quán Âm, họ tức là Quán Thế Âm Bồ Tát, họ là một vị sơ phát tâm Quán Thế Âm Bồ Tát. Chúng ta thường thấy Tây Phương Tam Thánh, vị đứng bên cạnh A Di Đà Phật là Quán Thế Âm Bồ Tát, đó là Đẳng Giác Quán Âm Bồ Tát. Đối với địa vị thì kém rất xa vì có một bên là sơ phát tâm nên chẳng tương đồng, cũng như học sinh

đi học ở trường vậy, một người là lớp nhỏ Ấu Trĩ, còn một người là đại học đã là lớp Bác Sĩ; dù chẳng giống nhau nhưng đều là học sinh, đều học chung một pháp môn này.

Cùng một đạo lý, tu học pháp môn Phổ Hiền thì gọi Phổ Hiền Bồ Tát. Chúng ta niệm Phật, lập định chí nguyện trong một đời quyết định cầu sanh Tịnh Độ, như vậy có thể nói hiện tại quý vị là lớp nho nhỏ của lớp Phổ Hiền, lớp nho nhỏ của lớp Ấu Trĩ. Một khi vừa sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta biết rằng phiền não chúng ta chưa đoạn, chân chân thật thật đới nghiệp vãng sanh, sanh về Tây Phương Cực Lạc, Phàm Thánh Đồng Cư Độ, đây là Hạ Hạ Phẩm vãng sanh. Hạ Hạ Phẩm tức là

lớp Một, so với lớp nho nhỏ của chúng ta thì cao hơn nhiều lắm, đây là lớp Một của Phổ Hiền Bồ Tát. Tại Tây Phương thế giới, Phổ Hiền Bồ Tát có bao nhiêu đẳng cấp? Quý vị phải biết, có năm mươi hai đẳng cấp, giống như lớp Một, lớp Hai, lớp Ba đến lớp Năm Mươi Hai mới tốt nghiệp, tốt nghiệp thì thành Phật, cho nên có năm mươi hai giai cấp. Tất cả đều là Phổ Hiền Bồ Tát, nơi đó đích thật là pháp giới của Phổ Hiền Bồ Tát, đây là tối thù thắng bất khả tư nghị. Thế Tôn, trong kinh Hoa Nghiêm nói với chúng ta, Bồ Tát nếu không tu Phổ Hiền hạnh thì chẳng thể viên thành Phật đạo, viên thành Phật đạo tức là chứng được Phật quả Viên Giáo. Điều này cũng nói rõ nếu chẳng phải

tu hạnh Phổ Hiền, nếu theo cách nói của Thiên Thai Tông, quý vị có thể chứng được Phật quả của Tạng Giáo, Phật quả của Thông Giáo, Phật quả của Biệt Giáo, còn Viên Giáo không cách chi chứng đắc được. Viên Giáo nhất định phải tu hạnh Phổ Hiền, hạnh Phổ Hiền tức là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Phổ Hiền Bồ Tát trong phần cuối của Đại Kinh, đem việc tu hành làm một tổng quy nạp cũng là tổng cương lĩnh tu học của Bồ Tát, tổng cộng có mười điều, chúng ta gọi nó là Thập Đại Nguyện Vương.

Như vậy ở chỗ này đã nói: "Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền Đại Sĩ chi đức"; cương lĩnh tu hành của Phổ Hiền Bồ Tát, chúng tôi cũng phải làm

một cuộc giới thiệu đơn giản. Điều thứ nhất là “Lễ kính chư Phật”, điều thứ hai là “Xưng tán Như Lai”, điều thứ ba là “Quảng tu cúng dường”, cho đến điều thứ mười “Phổ giai hồi hướng”. Tôi tin rằng rất nhiều vị đồng tu đều quá quen thuộc mười nguyện này, bởi vì trong khóa tụng sáng tối đều có, mỗi ngày đều tụng và tụng rất thuộc. Tuy tụng rất thuộc, nhưng hàm nghĩa của mười điều này không hiểu rõ thì nói chi đến việc tu hành, ngay trong đó nói những gì cũng chẳng cách chi hiểu được, như thế làm sao có thể gọi là tu hạnh Phổ Hiền?

- Điều thứ nhất, “Lễ kính chư Phật”, Phổ Hiền Bồ Tát cùng với một số Bồ Tát đều tu lễ kính. Một số Bồ Tát cũng lễ kính chư Phật, Phổ Hiền

Bồ Tát cũng lễ kính chư Phật, chúng ta cũng lễ kính chư Phật. Như vậy thì rốt ráo sai biệt ở chỗ nào? Sai biệt ở tâm cảnh khác nhau. Cái tâm của chúng ta có phân biệt, có chấp trước; một số Bồ Tát, tuy so với chúng ta, công phu họ có phần cao thâm hơn nhiều, nhưng tâm của họ chẳng phải là chân chánh thanh tịnh. Nói một cách khác, họ vẫn còn phân biệt, chấp trước vi tế hơn chúng ta, do đó họ không phải là tu hạnh Phổ Hiền. Tâm cảnh của hạnh Phổ Hiền, nhất định phải phù hợp với đề kinh của bổn kinh là Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác. Tâm Thanh Tịnh, trong tâm một tơ hào tạp nhiễm cũng chẳng có; tâm Bình Đẳng sanh Phật bình đẳng và vạn pháp bình đẳng, trong kinh Hoa

Nghiêm có nói: "Tình dữ vô tình đồng viên chủng trí", đây là vạn pháp bình đẳng. Phổ Hiền Bồ Tát dùng cái tâm này để tu, cho nên Ngài có thể viên thành Phật đạo. Do đây có thể biết Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác là tổng nguyên tắc, là tổng cương lĩnh của sự tu hành.

Phổ Hiền Bồ Tát Thập Nguyện là điều mục tu hành, đây cũng là nói thực hiện vào trong sinh hoạt hằng ngày, trong tất cả sự vật chúng ta phải làm cách nào để tu Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác. Như vậy tâm địa thanh tịnh thì tâm cung kính tất nhiên sẽ viên mãn, tâm địa không thanh tịnh thì làm sao tâm cung kính có thể viên mãn? Lễ tiết trong nhà Phật chúng ta là mọi người gặp mặt nhau biết chấp

tay. Chấp tay là ý nghĩa gì? Chấp tay là đại biểu nhất tâm. Bình thường bàn tay của chúng ta, các ngón tay chia rời ra thì đây là tán loạn, nó biểu thị là có rất nhiều vọng niệm. Làm thế nào để biểu thị cung kính? Tất cả vọng niệm đều phải dập tắt và hợp nhất lại để đạt được nhất tâm, sự nhất tâm là cung kính. Cho nên quý vị phải biết, tâm thanh tịnh là cung kính, tâm bình đẳng là cung kính, tâm giác ngộ là cung kính, tóm lại, tất cả đều là tu Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác. Đối với người cung kính, đối sự cung kính, đối vật cung kính, chỗ này quý vị phải đặc biệt lưu ý.

Cách lễ kính này chẳng phải là khi gặp người thì gật đầu lễ bái, nếu tu như vậy thì người đó sẽ trở thành

bệnh thần kinh là không bình thường. Trên đường phố nhiều người như vậy, gặp ai cũng gật đầu mà có gật hoài cũng chẳng hết! Làm gì có đạo lý như vậy? Chữ Kính này là kính ở trong tâm, thế còn về mặt Sự thì sao? Về mặt Sự thì phải là chẳng đi ngược với thế gian pháp, chỗ gọi là "Phật pháp tại thế gian, bất hoại thế gian pháp", người thế gian dùng lễ tiết gì thì chúng ta dùng lễ tiết đó, nên phải "hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức", đây đều là trong Thập Nguyện có nói đến.

Tỷ như trước đời nhà Thanh là thời đại của vua chúa, lễ cung kính nhất là ba cái quỳ, chín cái khấu đầu. Hiện nay quý vị xem hát có thể thấy được trong những vở tuồng cổ trang,

quý vị có thể thấy được những lễ tiết của thời đó; còn lễ tiết của thời nay thì sao? Lễ tiết cung kính nhất là ba cái cúc cung. Chúng ta đang đối diện với người thời nay, cho nên chúng ta lễ kính nhất là ba cái cúc cung là đủ rồi, đó là lễ kính nhất. Tuy nhiên, thông thường chúng ta chỉ dùng lễ chào là khi gặp mặt thì gật đầu, hiện nay gặp mặt gật đầu tức là lễ kính. Nếu quý vị hành lễ ba cái cúc cung thì người ta lại cảm thấy đầu óc của quý vị có vấn đề, bất bình thường. Cho nên lễ tiết cũng phải tùy tục mà hành.

Tâm cung kính là tâm chân thành, đối với người phải có ý kính nể và phải có kính tâm thì đây là hạnh Phổ Hiền. Đối với Sự, làm thế nào tu lễ

kính? Sự việc phải tận tâm tận lực, thật lòng phụ trách làm cho tốt, đây là đối Sự lễ kính. Bất luận là chuyện lớn hay chuyện nhỏ, bất luận là chuyện của chính mình hoặc chuyện công, khi quý vị làm việc hoặc làm cho cơ quan chính phủ hoặc làm cho công ty tư nhân, phải tận tâm tận lực làm cho viên mãn thì đây là hạnh Phổ Hiền. Nếu chẳng có thật lòng lại không có trách nhiệm, đã vậy còn có ý niệm đầu cơ thủ xảo, thì quý vị chẳng thể vãng sanh, điều này quý vị cần phải biết. Cho nên người niệm Phật thì nhiều, người vãng sanh thì ít, tại vì sao? Nơi miệng thì niệm Phật còn trong tâm cùng đạo lý trái ngược. Pháp môn này là pháp môn Phổ Hiền, chẳng phải là pháp môn thông thường,

hy vọng mọi người thật sự trong tâm nghĩ tưởng một đời này phải vãng sanh, thì quý vị đặc biệt phải lưu ý. Chúng ta nơi Thân, Khẩu, Ý tam nghiệp phải nhất trí, chẳng thể khẩu thị tâm phi, vậy là sai rồi! Đó là chẳng phải là tu hạnh Phổ Hiền. Đối với vật cung kính, thí dụ như nói trong giảng đường này của chúng ta, những bàn ghế, bảng… cũng phải cung kính đối với chúng, chúng ta đem nó sắp đặt cho ngay ngắn và lau chùi thật sạch sẽ, đây tức là đối với vật lễ kính.

Cho nên lễ kính đều chẳng ngoài việc đối người, đối sự, đối vật; vì thế đây đều gọi là chư Phật, vì sao đều gọi là chư Phật? Bởi vì tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đã có Phật

tánh thì tương lai nhất định sẽ là Phật. Cho nên trong mắt của Phổ Hiền Bồ Tát là bình đẳng đối với tất cả vạn vật, vì chúng đều có Pháp tánh. Phật tánh và Pháp tánh là một tánh, chẳng phải hai tánh, cái Tánh này tức là chân tâm bản tánh, nó là một và nó có thể sanh ra vạn pháp. Lục Tổ đại sư lúc khai ngộ nói rằng: "Hà kỳ tự tánh, năng sanh vạn pháp", thập pháp giới y chánh trang nghiêm đều là do tự tánh sở sanh, đều là do tự tánh chỗ biến hiện ra. Tự tánh là Phật, những sự biến hiện của tất cả vạn sự, vạn vật đương nhiên đều là Phật. Phải dùng tâm lượng như vậy và quan sát như vậy, để đối với tất cả đều cung kính, như thế mới gọi là "Lễ kính chư Phật". Cho nên cùng với cách hành lễ thông

thường của chúng ta không giống nhau, cảnh giới cũng chẳng giống nhau, do đây có thể biết hạnh Phổ Hiền thật sự quảng đại vô cùng, là trong hành môn của Bồ Tát thật sự đạt đến cứu cánh viên mãn. Chúng ta là học sinh của A Di Đà Phật, ước nguyện cầu sanh Tịnh Độ, thì phải để mắt chú ý chỗ này, phải từ chỗ này mà hạ thủ dụng công.

- Điều thứ hai, "Xưng tán Như Lai", Xưng là xưng dương, Tán là tán thán. Có một điều kỳ lạ là ở đây không dùng Chư Phật mà lại đổi thành Như Lai. Nếu vậy Như Lai và Chư Phật có gì sai biệt? Nếu nói Chư Phật cũng tức là Như Lai, Như Lai cũng tức là Chư Phật, vậy thì ở đây chẳng nên đổi, một khi đã đổi tức là

có cách nói khác, chẳng sai! Cũng như trong kinh Kim Cang chỗ nói, quý vị đọc kinh Kim Cang nếu hơi để ý một chút thì sẽ thấy trong kinh Kim Cang đôi khi nói Chư Phật, đôi khi nói Như Lai. Nói Chư Phật và Như Lai thì ý nghĩa hoàn toàn chẳng giống nhau; nói Chư Phật là từ trên Tướng mà nói còn nói Như Lai là từ trên Tánh mà nói, điều này không giống nhau. Như vậy ý nghĩa này là nói rõ Lễ Kính là từ trên Tướng mà nói, nhất thiết cung kính chẳng thể có phân biệt, chấp trước. Chúng ta đối với Phật cung kính như thế nào thì chúng ta đối với cha mẹ, sư trưởng cũng phải cung kính như thế đó, mà đối với tất cả chúng sanh cũng phải cung kính như thế. Thậm chí đối với những kẻ

vô tri không chừa một việc ác nào cũng phải cung kính như vậy, quyết định chẳng có phân biệt, quyết định chẳng có chấp trước, thì đây là Lễ Kính.

Tuy nhiên, Xưng Tán thì lại khác, bởi vì sao? Xưng Tán có thể ảnh hưởng đến xã hội, phong tục, nhất định phải xưng dương mặt phải còn mặt trái chúng ta không xưng dương, cũng tức là chúng ta xưng dương cái thiện mà chẳng xưng dương cái ác. Thiện là tánh đức cho nên dùng Như Lai, bất thiện là trái ngược với tánh đức chúng ta không xưng tán, có lễ kính nhưng không xưng tán. Điều này, cổ nhân thường nói là chúng ta đối với số người ác, việc ác thì "kính nhi viễn chi", quý vị xem chữ Kính ở đây

cũng là lễ kính chẳng có khác. Viễn là gì? Là chẳng học theo họ, chẳng xưng tán họ và chẳng bắt chước họ, như vậy thì là đúng. Viễn này là chẳng phải lánh cho thật xa, nó chẳng phải ý nghĩa này, nếu như theo ý nghĩa này thì tâm cung kính sẽ bị đánh mất, sẽ không còn kính ý; còn ý nghĩa chính xác là không xưng tán, không theo họ mà học, là ý nghĩa như vậy. Cho nên những cương lĩnh này phải thực hiện trong sinh hoạt hằng ngày của chúng ta, chúng ta học rồi thì liền biết dùng ngay, từ nay trở đi khi xử sự, đối người, tiếp vật, chúng ta phải tuân thủ nguyên tắc này, tuân thủ cương lĩnh này để làm, thật sự nỗ lực để làm, đây tức là tu hành. Đem những quan niệm sai lầm trước kia của chúng ta như là

cách suy nghĩ sai lầm, cách nhìn sai lầm và cách làm sai lầm, toàn bộ đem tu chỉnh trở lại, đây gọi là tu hành.

Điều này, trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta có thể nhìn thấy rõ ràng Thiện Tài đồng tử năm mươi ba tham vấn, tức là đem hạnh Phổ Hiền thực hành trong sinh hoạt hằng ngày cho chúng ta xem, Ngài biểu diễn cho chúng ta xem. Cho nên kinh Hoa Nghiêm đích thật là bộ sách giáo khoa tốt nhất trong sách giáo khoa của thế gian, trong sách giáo khoa của thế gian, chẳng có sách nào viên mãn như vậy. Trong Hoa Nghiêm có lý luận, lý luận viên mãn; có phương pháp, phương pháp vô cùng tinh tế, lại còn có biểu diễn, biểu diễn này tức là Thiện Tài đồng tử năm mươi ba

tham vấn, vả lại Thiện Tài tức là đại biểu cho chúng ta, mô phạm của chúng ta. Thông thường quý vị vừa nghe đến Thiện Tài đồng tử, liền nghĩ đến một đứa bé đứng bên cạnh Quán Âm Bồ Tát, đang chấp tay bái ngài Quán Âm; đó là Thiện Tài đồng tử, quan niệm này đã ăn sâu vào trong lòng của mọi người. Bởi thế cho nên đối với Phật pháp, thật sự chẳng biết một chút gì, đây là một điều vô cùng đáng tiếc.

Thật tại mà nói, Thiện Tài tức là chính chúng ta, nghĩa là người tu hạnh Phổ Hiền thì gọi là Thiện Tài. Thiện là gì? Thiện căn, có thiện căn; Tài là đại biểu cho phước đức, quý vị xem trong kinh Di Đà nói: "Bất khả sở dĩ thiểu thiện căn, phước đức, nhân

duyên, đắc sanh bỉ quốc", do đây có thể biết mỗi một người vãng sanh, họ đều là Thiện Tài, cho nên quý vị phải biết, gọi Thiện Tài tức là gọi chính mình, chẳng phải là gọi người khác. Ồ, vậy tôi là người nữ còn Thiện Tài là nam, có lẽ chẳng phải là tôi. Quý vị nghĩ vậy là sai rồi! Thiện Tài chẳng có phân biệt nam hay nữ, người nam cũng là Thiện Tài, người nữ cũng là Thiện Tài; bất luận là người nào mà hội đủ thiện căn, phước đức thì gọi là Thiện Tài. Cho nên chúng ta phải hiểu rõ chân thật nghĩa trong kinh, quý vị xem bài Khai Kinh Kệ sẽ biết, chúng ta vừa thăng tòa giảng kinh bèn "Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa", đừng nên đem ý Phật hiểu sai, điểm này vô cùng vô cùng quan trọng.

Vậy thì kỳ pháp hội này rất thù thắng, nhân đây chúng tôi có quyển Nhận Thức Phật Giáo xin cúng dường đại chúng, hy vọng mọi người hãy xem nhiều lần để chúng ta có sự nhận thức chính xác đối với Phật pháp, có sự lý giải chính xác, được vậy thì Phật pháp đối với chúng ta mới khởi tác dụng chân chánh, có thể mang lại hạnh phúc chân chánh cho chúng ta. Như vậy, năm mươi ba vị thiện tri thức tức là chúng ta từ sáng đến tối sống trong xã hội tiếp xúc với mọi người, từng nhân vật trong năm mươi ba vị này là đại biểu, trong số đó người xuất gia chỉ có năm vị, vẫn là người tại gia nhiều hơn; năm mươi ba vị chỉ có năm vị xuất gia, tại gia thì nhiều hơn. Mà trong những người tại

gia, quý vị hãy nhìn kỹ xem, các ngành, các nghề, nam, nữ, lão, thiếu, tất cả đều có; đây là đại biểu cho mọi giai tầng nhân vật. Từ sáng đến tối, mỗi ngày đều gặp, đây là hoàn cảnh tu hạnh Phổ Hiền của chúng ta.

Chúng ta nhất định phải biết cách tu, Thiện Tài đồng tử là tuân theo thứ tự mười điều cương lĩnh của Phổ Hiền Bồ Tát để tu hành; thế nhưng, những đại chúng trong xã hội, thật sự là có người tốt mà cũng có người chẳng tốt. Bởi vậy, năm mươi ba vị thiện tri thức, trong đó có đại biểu cho thiện và cũng có đại biểu cho ác; như Thắng Nhiệt Bà La Môn, Cam Lồ Hỏa Vương, họ đại biểu cho mặt ác chẳng phải thiện. Thắng Nhiệt Bà La Môn đại biểu cho ngu si; Cam Lồ

Hỏa Vương là sân khuể, tánh rất nóng, gặp người liền nổi nóng đánh người, chửi người, thậm chí sát hại người; Bạt Tô Mật Đa là kỹ nữ, dâm nữ, là đại biểu tham ái. Ba người này đại biểu cho tham, sân, si tam độc phiền não. Thiện Tài đồng tử khi tiếp xúc với họ thì lễ kính nhưng không tán thán, vì sao thế? Tham, sân, si thì là trái ngược với tánh đức. Điều này là nói với chúng ta, những người và việc bất thiện, chúng ta đối với họ phải lễ kính nhưng không tán thán, còn người thiện điều thiện chúng ta phải tán thán. Đây là phù hợp với sự răn dạy của cổ đức Trung Hoa "ẩn ác dương thiện", thấy người không tốt thì chẳng nói, một lời cũng chẳng nhắc; thấy người tốt thì tán thán, tán dương thì xã hội

này của chúng ta mới có quang minh, xã hội mới có thể chuyển ác thành thiện, khiến cho mọi người đều đạt được hạnh phúc, đều đạt được mỹ mãn. Cho nên sự xưng tán này là Như Lai mà chẳng phải là Chư Phật, ý nghĩa là ở tại chỗ này.

- Điều thứ ba, "Quảng tu cúng dường", điều này vô cùng vô cùng quan trọng đối với các vị Bồ Tát thông thường; vì tâm của họ chẳng bình đẳng, tâm họ vẫn chưa thanh tịnh, cho nên các Bồ Tát đó phải tu Bố Thí. Quý vị xem, các Bồ Tát đó phải tu Lục Ba La Mật, tu trì giới, tu nhẫn nhục cùng với tu bố thí. Còn Phổ Hiền Bồ Tát thì tu cúng dường, quý vị xem, cái tâm đó cung kính biết bao. Ví như chúng ta tu bố thí thì khi

đối với Phật gọi là cúng dường còn đối với người bình thường gọi là bố thí, quý vị xem, cái tâm đó tất đã có phân biệt rồi. Phổ Hiền Bồ Tát chẳng có phân biệt, đối với Phật là cúng dường, đối với chúng sanh cũng là cúng dường, đối với người tốt cũng là cúng dường, thậm chí đối với kẻ ác vẫn là cúng dường, thật sự bình đẳng, chân bình đẳng. Cho nên tâm lượng của Phổ Hiền Bồ Tát, so với người khác chẳng giống nhau.

Cúng dường là nhân, quả báo là phước; Tài cúng dường được tài phú, Pháp cúng dường được thông minh trí tuệ, Vô Úy cúng dường được khỏe mạnh trường thọ. Quý vị xem, ba thứ này đều là nhu cầu của chúng ta, người không học Phật cũng mong

muốn được như vậy. Chẳng những Phật giáo, các ngoại giáo khác như Cơ Đốc Giáo, Thiên Chúa Giáo, tôi gặp họ vừa nhắc đến ba thứ nhu cầu này thì họ cũng đều cần; họ cũng rất thích trường thọ, yêu thích khỏe mạnh, yêu thích có tiền và có tài phú nhưng họ chẳng biết tu nhân, thì họ làm sao có được? Nhờ cậy vào Phật, Bồ Tát phò hộ, nhờ vào Thượng Đế thần minh ban cho quý vị, đó gọi là nằm mơ chẳng thể có chuyện như vậy! Họ nói có bằng chứng, người nào đó tin giáo rất là chí thành thì Thượng Đế sẽ ban cho họ phước báo, chỉ có một người; mấy ngàn, mấy vạn người tin Thượng Đế chỉ có một người có được, ngoài ra chẳng ai được. Thượng Đế sao lại thiên vị như vậy? Đây chẳng

phải thật, nếu quả là thật mỗi người cầu xin, mỗi người đều đạt được, đó là thật. Nếu quả là thật, tôi cũng tin theo Thượng Đế rồi.

Phật, Bồ Tát nói lời thật cho chúng ta rằng, phước đức này là phải tự mình tu, tự mình chẳng tu, Phật, Bồ Tát chẳng có khả năng ban cho quý vị. Phật, Bồ Tát nói ban phước cho quý vị, vậy là Phật, Bồ Tát trở thành gạt quý vị rồi! Phật, Bồ Tát chẳng có cách nói này mà là Phật, Bồ Tát chỉ là dạy cách tu hành cho chúng ta mà thôi! Đây là sự thật. Chúng ta không hiểu thì Phật, Bồ Tát dạy cho chúng ta, đem phương pháp này dạy cho chúng ta; cho nên quý vị xem người thế gian này có tài, họ có tài phú lại còn phát đại tài, có người phát

tài rất vui mừng, vì sao thế? Họ chẳng có bận tâm, tài nguyên này của họ cuồn cuộn mà tới. Có người cũng phát tài nhưng phát một cách rất cực khổ, rất khó khăn mới kiếm được; tuy nhiên quý vị nên biết, dễ dàng kiếm được với cực khổ có được đều là do cái nhân của kiếp trước bố thí.

Nếu kiếp trước không bố thí, dù cùng một ngành nghề, tôi đi làm ăn bảo đảm lỗ vốn, bởi vì sao? Kiếp trước chẳng có tu bố thí thì tài phú từ đâu đến? Cho nên tuyệt đối chẳng thể nói kiếp này rất thông minh, rất tài cán, vận khí rất tốt, đó là quý vị nhìn bề ngoài thôi, vì sao thế? Người thông minh, tài cán, vận khí tốt còn nhiều hơn họ, tại sao người ta không phát tài? Vì sao chỉ có họ phát tài? Do cái

nhân trồng ở tiền kiếp nên kiếp này được hưởng quả báo, phải biết đạo lý này. Vậy thì kiếp trước bố thí Tài, bố thí một cách rất vui vẻ, rất hoan hỷ, thì kiếp này sẽ được tài phú một cách rất dễ dàng, rất hoan hỷ, họ chẳng có một chút bận tâm. Kiếp trước bố thí rất khổ sở như là bị cắt thịt vậy, chao ôi, thấy người bố thí, chẳng thể không bố thí một tí, bố thí là vì thể diện nên kiếp này cũng được tài phú nhưng được một cách chẳng dễ dàng, được một cách cực khổ, là ý nghĩa như vậy. Thí dụ nói, chúng tôi xin cử một thí dụ đơn giản là chúng ta cúng dường ẩm thực cho người khác. Ví như quý vị là người học Phật biết cúng dường pháp sư, chúng ta làm cơm thức ăn ngon, làm xong rồi mang đến đây

cúng dường pháp sư, phước báo mà quý vị làm đó là tự tại; nếu như chúng ta mời pháp sư đến một nơi nào đó dùng cơm, pháp sư phải cực nhọc đi đến nơi đó để ăn một bữa cơm, thì tương lai phước báo mà quý vị được đó cũng rất khổ mới có được, nếu quý vị chẳng cực khổ thì sẽ không có. Quý vị hãy từ thí dụ này mà suy nghĩ thì quý vị sẽ rõ ngay, cho nên bố thí cúng dường phải rất vui vẻ, rất hoan hỷ, khiến người nhận chẳng phải quá cực khổ, tương lai chúng ta sẽ dễ dàng được phước báo, điều này nhất định phải biết.

Pháp bố thí được thông minh trí tuệ, cũng cùng một đạo lý như vậy. Chúng ta cúng dường Phật pháp trong thời đại ngày nay như kinh sách, băng

cassette, video, những thứ này đều là Pháp Bảo, chúng ta sanh tâm hoan hỷ, tận tâm tận lực cúng dường, điều này sẽ được trí tuệ, được thông minh trí tuệ. Đương nhiên cũng có thể xây dựng một đạo tràng, nếu tự mình chẳng đủ khả năng xây dựng đạo tràng, mướn hoặc mượn chỗ để thỉnh pháp sư giảng kinh thuyết pháp, đây cũng là Pháp bố thí, Pháp cúng dường. Thật tại mà nói, ngày nay chúng ta làm những việc này thì ba thứ bố thí đều hội đủ cả, vì trong sự cúng dường này, cứ lấy việc in kinh mà nói, in kinh phải cần tiền thì tiền là Tài bố thí, trong kinh sách là Phật pháp thì là Pháp bố thí, mọi người được đọc kinh điển, tiếp nhận kinh điển này và y giáo phụng hành, thì đây thuộc về Vô

Úy bố thí; họ trong một đời này có thể thoát ly tam giới luân hồi, có thể liễu sanh tử thành Phật đạo. Sự cúng dường này thật sự là đạt đến cứu cánh viên mãn, cái phước báo đó thực tế mà nói, dù là chư Phật, Bồ Tát cũng chẳng thể nói trọn hết, đương nhiên là tôi lại càng không có được cái năng lực này. Cho nên cúng dường là nhân của phước tuệ, cần phải rộng tu cúng dường.

Có thể nói Bồ Tát từ lúc mới phát Bồ Đề tâm, đó là Bồ Đề tâm chân chánh đã giác ngộ chẳng còn mê hoặc nữa, thật sự giác ngộ rồi thì từ nay về sau niệm niệm đều vì tất cả chúng sanh, tâm tâm vì hoằng dương Phật pháp tạo lợi ích cho chúng sanh. Trong thời đại này Tịnh Độ đặc biệt

là khế cơ, nói một cách khác, tất cả pháp môn trong Phật pháp, hoằng dương pháp môn Tịnh Độ có thể khiến chúng sanh được chân thật lợi ích, được lợi ích hiện tiền. Như vậy, ở đây chẳng phải là nói những pháp môn khác không có lợi ích! Nhưng lợi ích đó chẳng phải là hiện tiền, nói một cách khác, trong một kiếp này chưa hẳn đạt được lợi ích mà là phải đợi đến kiếp sau, đời sau. Đời sau nếu chẳng thể xuất tam giới, nói một cách khác, sự bố thí cúng dường của quý vị đều biến thành phước báo, tức là quý vị ở trong thế gian này sẽ có địa vị, có tài phú, nghĩa là biến thành những người hưởng phước này. Biến thành những người này cũng không tệ lắm vì cũng có thể hưởng thụ cả một đời,

giả như trong kiếp này lại mê hoặc, lại điên đảo, một khi phước đã hưởng hết rồi thì kiếp sau lại phải bị đọa lạc. Cho nên cách bố thí cúng dường này là chẳng phải cứu cánh, chẳng phải viên mãn.

Cho nên nói pháp môn Tịnh Tông là ngay hiện tiền được lợi ích, đây là điều chúng ta cần phải thật sự suy xét. Lấy cái phước báo hữu hạn trước mắt của chúng ta cùng cái thời gian hữu hạn này, phải nên làm sao để tu phước, làm sao để tu cúng dường? Kỳ thật, phạm vi của việc cúng dường vô cùng rộng lớn, nhưng chỉ tiếc là tâm lượng của chúng ta quá nhỏ mà chẳng phải là hạnh Phổ Hiền. Tỷ như các bà ở trong nhà, các bà là một nội trợ trong gia đình, mỗi buổi sáng thức

dậy đem hoàn cảnh trong gia đình dọn dẹp sạch sẽ, ba bữa cơm nấu cho thật ngon, cúng dường cha mẹ các bà thì đây là cúng dường đấy; khiến cả nhà ai nấy đều ăn ngon miệng, nghĩa là quý vị đang cúng dường cả nhà, nhưng quý vị chẳng mang cái tâm cúng dường, quá đáng tiếc. Việc cúng dường, quý vị đều có làm cả chỉ là quý vị không có cái tâm cúng dường, do đó phước báo mà quý vị đạt được sẽ chẳng viên mãn; nếu quý vị có cái tâm cúng dường, ồ, chắc chắn phước báo của quý vị sẽ rất viên mãn. Nếu có thể lại đem cái tâm cúng dường này và việc làm cúng dường mở lớn ra, điều tất yếu là lấy tâm bình đẳng đối đãi với tất cả đại chúng.

Tôi ở Tân Gia Ba, đối với Cư Sĩ Lâm rất có thiện cảm, thiện cảm gì đây? Là vì quý vị, một năm ba trăm sáu mươi lăm ngày đều ở nơi đây tu cúng dường, phòng ăn phía dưới của quý vị chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước. Chẳng phải nói, nếu không phải là đồng tu của đạo tràng này thì không thể đến ăn cơm! Người nào cũng có thể đến ăn cơm, điều này thật là phi thường, đây thật sự là quảng tu cúng dường. Cho nên pháp duyên của Cư Sĩ Lâm rất thù thắng, Phật pháp mỗi ngày một hưng vượng, là có đạo lý của nó. Quý vị có tâm lượng lớn như vậy, thiết tha ở đây tu cúng dường, ở đây tu bố thí, cho nên đạo tràng này được phước, tất cả đồng tu trong đạo tràng này đều có

phước; thật là hiếm có, thật là hiếm có. Cho nên việc cúng dường bố thí này, chúng ta phải vô cùng coi trọng, phải thiết tha cố gắng mà tu học.

Hiện nay có rất nhiều người đều cảm thấy mình rất khổ, đều muốn cải thiện vận mạng của mình, cải thiện hoàn cảnh sinh hoạt của mình, mà chẳng biết từ đâu cải thiện. Vậy thì trước kia tôi đã giới thiệu cho quý vị sách Liễu Phàm Tứ Huấn, vả lại tôi còn luôn khuyên quý vị đồng tu, phải đem quyển Liễu Phàm Tứ Huấn niệm ba trăm biến, niệm xong ba trăm biến thì ấn tượng của quý vị sâu và đạo lý hiểu rõ ràng, thì sẽ biết nên làm thế nào để xử sự, đối người, tiếp vật. Quý vị đã biết được cách tu phước rồi thì đó chính là cái mà chúng ta phải cải

tạo vận mạng, cải thiện hoàn cảnh sinh hoạt của chính mình; đó là một phần tài liệu tu học rất là tốt. Thế nhưng, hạnh Phổ Hiền đích thật là cứu cánh viên mãn, so với Liễu Phàm Tứ Huấn chẳng biết là cao hơn bao nhiêu lần, điều đó chẳng thể so sánh được. Chúng ta phải coi trọng điều này, đây là coi trọng hạnh phúc của chính mình.

- Điều thứ tư, "Sám hối nghiệp chướng", đây cũng là có nhiều vị đồng tu đều cảm giác nghiệp chướng của mình nặng lắm, từ vô thỉ kiếp mãi đến kiếp này tạo tội nghiệp quá nhiều, nghiệp chướng quá sâu nặng, đều muốn đến tu sám hối. Sám hối bằng các nào đây? Không biết, thường nghĩ rằng trong Phật Đường lạy vài bộ

Lương Hoàng Sám, lạy vài bộ Đại Bi Sám thì nghiệp chướng sẽ được sám trừ hết. Sau khi lạy xong, về nhà bình tĩnh suy nghĩ xem, nghiệp chướng của quý vị đã sám trừ hết chưa? Nếu nghiệp chướng vẫn còn chưa có sám trừ, vậy cái sám lạy đó gọi là uổng công phí sức. Sám có hiệu quả hay không? Thật sự là có hiệu quả, vì sao quý vị lạy mà chẳng có hiệu quả? Là vì thân quý vị lạy, còn tâm thì không lạy; thật sự có hiệu quả thì phải là hữu khẩu mà cũng hữu tâm! Xem kìa, quý vị đang gật đầu lễ bái nhưng trong tâm lại khởi vọng tưởng, tâm và hạnh chẳng tương ưng chút nào, cho nên nghiệp chướng của quý vị chẳng có được sám trừ.

Ở đây, chúng ta phải đem ý nghĩa này nói rõ ràng hơn, minh bạch hơn một tí. Cái gì gọi là nghiệp chướng? Nếu ngay đến nghiệp chướng mà cũng chẳng hiểu thì làm sao để sám? Vậy sám, làm sao biết được là có hiệu quả? Cho nên trước tiên phải biết cái gì là nghiệp chướng. Nghiệp là tạo tác, quý vị xem, thường thường chúng ta gặp một người mới quen biết, thế nào cũng hỏi anh ta làm nghề gì; khi đó quý vị sẽ biết anh ta làm hành nghiệp nào thì anh ta tạo hành nghiệp đó. Anh ta đang tạo nghiệp, tạo nghiệp đương nhiên là có chướng rồi; người người đều đang tạo nghiệp, không những người thành niên trong xã hội tạo nghiệp, thậm chí trẻ nhỏ vừa mới đi học, quý vị xem, bài học trong sổ

bài tập mà mỗi ngày chúng phải làm bài, đấy là chúng đang tạo nghiệp và bắt đầu chúng thọ nghiệp rồi. Chữ Nghiệp này, thực tế mà nói, tức là Sự, trong lúc chúng ta đang tạo tác được gọi là Sự. Việc đã làm xong rồi, cái kết quả đó gọi là Nghiệp, cho nên gọi là sự nghiệp (Sự là trong lúc tạo tác, kết quả tạo tác gọi là Nghiệp).

Sự có thiện có ác, vì vậy nên nghiệp cũng có thiện có ác, còn công cụ tạo tác là Thân, Khẩu, Ý, đây là công cụ. Trong lòng khởi tâm động niệm là tạo Ý Nghiệp thì đấy là trong tâm đang tạo nghiệp; khởi một niệm thiện thì quý vị đã tạo thiện nghiệp, khởi một niệm ác thì quý vị đã tạo ác nghiệp, nói tóm lại là khởi tâm động niệm đều là đang tạo nghiệp. Ngôn

ngữ trong miệng gọi là Khẩu Nghiệp, thân thể tạo tác gọi là Thân Nghiệp. Trong ba nghiệp này thì ý nghiệp làm chủ; ý chẳng động, tâm chẳng động thì thân, khẩu của quý vị làm sao tạo nghiệp được? Cho nên Ý là chủ. Ác nghiệp là chướng ngại mà thiện nghiệp cũng là chướng ngại, chướng ngại gì đây? Chướng ngại cái Tự Tánh thanh tịnh của chúng ta, tức là chướng ngại điều mà trong kinh chỗ nói đến ba đại cương lĩnh của sự tu học, đó là Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, đây là chướng ngại cái này. Bởi vậy mới gọi là nghiệp chướng, chướng cái gì? Chướng tâm Thanh Tịnh, chướng tâm Bình Đẳng, chướng tâm Giác. Tự Tánh thanh tịnh, bình

đẳng của chúng ta chẳng thể hiện tiền, thì đây gọi là nghiệp chướng.

Nếu sám hối được thì nghiệp chướng của chúng ta có thể tiêu trừ, hình dáng của sự tiêu trừ này là gì? Tâm đã thanh tịnh thì vọng tưởng ít, tạp niệm ít, phiền não ít, phiền não tức là tham, sân, si, mạn. Phiền não đã ít đi rồi và tâm cũng đã thanh tịnh rồi, hốt nhiên trong tâm quý vị có trí tuệ, đây tức là hiện tượng nghiệp chướng sám trừ. Ngày trước đối với điều gì cũng đều hàm hồ, đều không rõ ràng, hiện nay thì nhìn sự vật, nghe sự vật thì tất cả đều nghe rất rõ ràng, rất minh bạch, đây tức là hiện tượng nghiệp chướng sám trừ. Cho nên việc sám nghiệp này, sám hối nghiệp chướng phải từ trên tâm địa mà hạ thủ

công phu! Phải làm cách nào đây? Điều thứ nhất, quý vị phải biết lỗi lầm của mình, ngoài ra mỗi ngày phải phản tỉnh, phải kiểm điểm, hôm nay có những lỗi lầm nào. Phàm phu chúng ta quả thật nghiệp chướng quá nặng, nặng đến trình độ nào? Nghĩ cách nào cũng chẳng thể nghĩ ra hôm nay tôi có những lỗi lầm gì. Đây chính là nghiệp chướng quá nặng, suốt ngày đều đang phạm lỗi lầm mà họ chẳng hay biết, họ tìm chẳng ra lỗi lầm của chính mình, vấn đề này thì vô cùng nghiêm trọng, cho nên nhất định phải đem lỗi lầm của chính mình tìm ra. Biết được lỗi lầm của mình rồi thì xin thưa với quý vị, đây tức là khai ngộ; sau đó đem lỗi lầm của mình cải chính trở lại, đó gọi là tu hành. Chỗ

gọi là tu hành, tức là sám trừ nghiệp chướng và sửa lỗi tự tân. Một ngày có thể sửa một lỗi lầm, nếu mà liên tục sửa trên ba năm, xin thưa với quý vị, nếu quý vị không là Thánh nhân thì cũng là Hiền nhân. Quý vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng những nắm phần chắc chắn, thậm chí phẩm vị của quý vị nhất định sẽ cao, vì sao thế? Tâm thật sự đã thanh tịnh rồi thì người này được gọi là chân chánh tu hành. Chân chánh tu hành, chẳng phải nói rằng mỗi ngày niệm bao nhiêu bộ kinh, niệm bao nhiêu câu Phật hiệu, lạy bao nhiêu lạy! Đó là giả trất, đó là hình tướng và đó cũng là hình thức mà thôi.

Chân tu hành là ở nơi tâm địa, chẳng phải là ở nơi hình thức; hình

thức chẳng có quan hệ gì còn tâm địa mới thật là vô cùng trọng yếu. Điều quan trọng là phải sửa tâm, phải đem cái tâm ác cùng ý niệm ác sửa thành thiện, nhiên hậu đem ý niệm thiện sửa thành thanh tịnh. Cho nên người niệm Phật gọi là tu Tịnh Nghiệp, chẳng phải gọi là tu thiện nghiệp mà là tu Tịnh Nghiệp. Tâm tịnh tức Độ tịnh thì mới được vãng sanh, mới được cùng Tây Phương Cực lạc thế giới cảm ứng đạo giao. Do đây có thể biết, sám hối nghiệp chướng là trọng điểm tu hành của chúng ta, bất luận là tông phái nào, bất luận là pháp môn nào, điều này đều là trọng điểm; trọng điểm này rốt cuộc phải từ chỗ này thật sự hạ thủ công phu. Thật tại mà nói, bốn đại cương lĩnh này có thể nói là hành

môn cùng sự tu hành của Bồ Tát đều được nói rõ ra hết, điểm chủ yếu là bốn điều này. Phần sau, có thể nói là phần ý nghĩa phụ theo, bởi vì Bồ Tát chẳng những phải tự mình thành tựu, mà còn hy vọng giúp đỡ tất cả chúng sanh thành tựu, "tự lợi lợi tha, tự hành hóa tha", do đó, nên chẳng thể quên đi quảng đại quần chúng, chẳng thể bỏ rơi tất cả chúng sanh. Bởi thế cũng nên có vài điều cương lĩnh ở phần dưới.

- Điều thứ năm, "Tùy hỷ công đức", trong đây có tự hành, hóa tha, chẳng giống như bốn điều ở phần trên là hoàn toàn tự mình tu học, hoàn toàn tự lợi; còn trong phần này có tự lợi lại có lợi tha. Điều này là do Phổ Hiền Bồ Tát đặc biệt liệt ra là Ngài có

dụng ý rất sâu, bởi vì tất cả chúng sanh có thể nói từ vô thỉ kiếp đến nay, đã có một thứ phiền não từ lúc mới ra đời, chẳng cần phải học, phiền não gì đây? Là tâm đố kỵ. Người nào mà chẳng có? Nhìn thấy người khác hay hơn mình thì trong tâm cảm thấy khó chịu, tâm đó thì là đố kỵ. Tâm đố kỵ khởi dậy thì tâm sân giận cũng theo đó mà khởi dậy luôn, lại còn muốn tìm cách chướng ngại họ, đi phá hoại họ chẳng để họ thành tựu, như vậy thì quý vị đã tạo tội nghiệp rất nặng rồi đấy.

Thánh nhân của thế gian dạy cho chúng ta phải "thành nhân chi mỹ", nhìn thấy người làm việc tốt phải tận tâm tận lực giúp đỡ họ, vậy là đúng, chẳng thể đi phá hoại họ vì phá hoại

họ là sai, chướng ngại họ là sai, đây là cái phiền não rất phổ biến cũng là rất nghiêm trọng. Vì vậy, Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát, xem ở trong phần sau, sám trừ nghiệp chướng. Điều thứ nhất là dạy cho chúng ta phải học tùy hỷ công đức, khi nhìn thấy người khác có thiện hành, có thiện nguyện, chẳng những quý vị không đố kỵ mà có thể sanh tâm hoan hỷ, tận tâm tận lực đi giúp đỡ họ, thành tựu cho họ thì đây gọi là tùy hỷ công đức. Họ có công đức lớn bao nhiêu thì công đức của quý vị cùng với họ không hai, không khác, tục ngữ của thế gian chúng ta gọi là "mượn ánh sáng".

Họ có ánh sáng, chúng ta tiêm nhiễm một phần ánh sáng, phần ánh sáng mà chúng ta tiêm nhiễm cùng

với ánh sáng của bản thân họ không hai, không khác. Nếu chúng ta chẳng có khả năng, chẳng thể giúp họ nhưng sanh tâm hoan hỷ thì công đức này cũng vẫn viên mãn như nhau, đây là dạy cho chúng ta cách tu tùy hỷ công đức để phá cái phiền não của đố kỵ, bỏn xẻn, tham lam. Phá đố kỵ, bỏn xẻn, tham lam; căn bản phiền não.

Thế gian pháp hay Phật pháp, trong đó có rất nhiều thiện nhân, trong kinh Phật thường nói thiện nam tử, thiện nữ nhân, họ có thiện tâm, thiện hạnh; chúng ta là Phật tử chân chánh thì phải nên giúp đỡ họ, thành toàn cho họ, khiến cho thiện hành của họ có thể truyền bá trong xã hội này, khiến xã hội đại chúng đều được lợi ích của họ, đều được hưởng thụ

phước báo của họ. Công đức này thì là rất lớn. Thậm chí những người tu tùy hỷ công đức như chúng ta, so với công đức của họ còn lớn hơn đấy, nguyên nhân tại đâu? Họ đã làm việc thiện hữu ích cho xã hội đó thì quý vị nghĩ xem, được bao nhiêu là người tán thán, được bao nhiêu là người biểu dương, vì thế công đức của họ tiêu mất hết. Còn chúng ta tùy hỷ công đức, chẳng có ai tán thán cũng chẳng có ai biểu dương, tất thì công đức của chúng ta đều được tích lũy. Công đức mà chúng ta tích lũy được đó là âm đức còn họ làm đó là dương đức, vì mọi người đều tán thán báo đáp nên họ mới bị mất hết; cho nên quý vị phải hiểu rõ đạo lý này, quý vị mới biết tùy hỷ công đức thật sự là

bất khả tư nghị. Quý vị làm điều thiện tâm và làm điều thiện hành, quyết định sẽ có thiện báo.

- Điều thứ sáu, "Thỉnh chuyển pháp luân", đây là đệ nhất thiện hành trong tất cả thiện hành, chúng ta cũng đều biết trong thế, xuất thế gian nhất thiết pháp, duy chỉ có Phật pháp là chân thật. Phật pháp có thể giúp cho con người giác ngộ, có thể giúp phá mê khai ngộ, có thể giúp một người hiện tiền ngay trong đời này có được hạnh phúc vui vẻ, có thể giúp đỡ một gia đình được mỹ mãn, sự nghiệp được thuận lợi thành công, xã hội được hòa hài, quốc gia được phú cường, thế giới được đại đồng. Đây là sự lợi ích của Phật pháp đối với hiện tiền, đích thật là quảng đại vô biên, nó

còn có sự ích lợi thù thắng rốt ráo khác, đó tức là liễu sanh tử, xuất tam giới, vĩnh thoát luân hồi để viên thành Phật đạo, đây là tất cả pháp khác đều chẳng thể sánh bằng. Tuy nhiên, nếu Phật pháp không có người thuyết, "tuy trí mạc năng giải", thì trong thế gian này, dù là người thông minh trí tuệ mà đối với Phật pháp cũng chẳng có cách gì mà lý giải được, nhất định phải có người thuyết.

Người thuyết pháp họ chẳng phải tự nhiên tới địa phương nào đó để giảng kinh, nhất định là phải có người phát tâm đi thỉnh họ, ai đi thỉnh đây? Những người hiểu Phật pháp như chúng ta mới biết thỉnh, người không hiểu Phật pháp chẳng hề biết thỉnh pháp sư đại đức đến giảng kinh, nhất

định phải là người biết Phật pháp. Chúng ta tự mình có được lợi ích của Phật pháp, chúng ta muốn báo ân Phật thì báo bằng cách nào? Thờ tượng Phật, Bồ Tát, mỗi ngày cúng một ít chuối, trái cây, dập đầu lễ bái, như vậy là báo ân sao? Không phải vậy, thực tế mà nói, Phật, Bồ Tát tuyệt chẳng ham thích sự cúng dường này của quý vị, tâm nguyện của Phật, Bồ Tát là hy vọng đem những lời răn dạy của các Ngài, có thể truyền bá phổ biến rộng rãi đến tất cả đại chúng, khiến tất cả đại chúng đều có được Phật pháp, đều có hiểu được Phật pháp, đều có thể y giáo tu hành, đây là tâm nguyện của Phật, Bồ Tát. Vì vậy, thỉnh pháp sư đại đức đến địa

phương nào để giảng kinh thuyết pháp, đây là đệ nhất đại phước báo.

Cho nên chúng ta nói tu phước, tu phước báo nào lớn nhất? Phước báo này là lớn nhất. Giả như tự mình quý vị, một người, chẳng có khả năng này vì thỉnh pháp sư giảng kinh phải tốn kém chẳng ít, nếu như tự mình không có đạo tràng thì quý vị phải đi thuê chỗ, nơi, xong thỉnh pháp sư đến giảng một tháng. Mướn một chỗ, tiền thuê mướn một tháng chẳng phải là ít, hơn nữa đối với sinh hoạt của pháp sư còn phải chiếu cố, thậm chí đến thính chúng cũng phải chiếu cố. Nếu một người có khả năng thì một người làm rất tốt, một người không có khả năng thì tập họp đại chúng đồng tu, mời vài người chí đồng đạo hiệp đến để cùng

phát tâm, công đức này cũng đồng nhau. Như phần trước đã giảng tùy hỷ công đức, có một hoặc hai người dẫn đầu lễ kính pháp sư đến giảng kinh thuyết pháp, đây gọi là thỉnh chuyển pháp luân. Chữ Pháp Luân này là thí dụ, thật tại mà nói, đó chính là dấu hiệu trong nhà Phật chúng ta, là cái (mark) nhãn hiệu, dấu hiệu trong nhà Phật chúng ta là pháp luân. Dùng pháp luân, dùng hoa sen, thông thường dùng hai thứ này và còn có dùng chữ Vạn, chữ Vạn là đại biểu cho nghĩa Cát Tường.

Ý nghĩa của pháp luân là viên mãn, Luân, vật này rất có ý nghĩa, luân bánh xe là tròn, tròn là động, bởi vì nó động cho nên mới kéo theo khoa học kỹ thuật hiện đại. Ngày nay

khoa học kỹ thuật phát đạt như thế, do lực lượng nào khởi động? Do bánh xe khởi động. Cho nên, chẳng những là tại thế giới này của chúng ta, tha phương thế giới cũng chẳng ngoại lệ, quý vị xem trong kinh nói Chuyển Luân Thánh Vương, đây là thống trị bao nhiêu tinh cầu, phước báo đó mới thật là lớn. Cái bánh xe đó là công cụ giao thông của Ngài, cũng là đại biểu cho vũ lực của Ngài. Những năm gần đây, chúng ta phát hiện có dĩa bay UFO hoặc phi hành, có lẽ là luân bảo của Luân Vương đến nơi đây chúng ta để thị sát, cho nên nó cũng là hình tròn, bởi thế tác dụng của cái bánh xe này vô cùng lớn rất viên mãn, Phật pháp dùng cái này.

Còn có ý nghĩa sâu hơn, vòng tròn là động, tâm của vòng tròn là Tịnh, tâm vòng tròn không động, Phật pháp thường nói: "Động tịnh không hai, thể tướng nhất như", cho nên tâm là Không, tướng là Có, nó còn đại biểu cho "chân không diệu hữu", tượng trưng cho ý nghĩa này. Bởi thế giảng kinh thuyết pháp là thí dụ chuyển động pháp luân, dùng pháp luân này làm đại biểu, còn hoa sen đại biểu ý nghĩa thanh tịnh, mọc từ bùn nhơ mà chẳng nhiễm, đại biểu tâm thanh tịnh. Cho nên cách biểu trưng thù thắng nhất, viên mãn nhất vẫn là cái bánh xe này, vẫn là pháp luân, thỉnh chuyển pháp luân tức là thỉnh pháp sư giảng kinh thuyết pháp, hoằng pháp lợi sanh. Hiện nay chúng ta lợi dụng

công cụ khoa học, khiến cho hiệu quả của chúng ta mở rộng ra rất nhiều rất nhiều, cũng là lần đầu tiên mà trước kia chẳng có. Xưa kia pháp sư giảng kinh, nhiều lắm chỉ là học trò của họ lúc nghe kinh chép lại thành bút ký, sau đó mới in thành sách để lưu thông, số lượng so ra rất có hạn. Còn hiện nay chúng ta có thể đem nó làm thành băng cassette, băng video lưu hành khắp nơi, khiến những người chẳng có tham dự pháp hội của đạo tràng chúng ta cũng có cảm thọ như đích thân đến đạo tràng vậy. Đây là công cụ khoa học đem đến cho người hiện đại một phần hậu lễ, cho nên việc hoằng dương truyền bá Phật pháp, nhất định phải hiện đại hóa, nhất định phải khoa học hóa. Hôm nay lực

lượng chúng ta chưa đạt tới, đương nhiên đây vẫn phải chịu sự quan hệ của hoàn cảnh, nếu trong tương lai khoa học kỹ thuật tiến bộ hơn, hoàn cảnh cho phép thì trên lầu của Phật Đường chúng ta đây, tốt nhất là có một đài phát vô tuyến; tuy chúng ta giảng kinh ở đây nhưng truyền hình của mỗi nhà vừa mở ra, tất cả đều có thể xem thấy. Quý vị xem, chúng ta ở giảng đường này giảng kinh, xem như là hoằng dương trên toàn thế giới rồi, như vậy mới là hiện đại hóa đạo tràng, nhất định phải hướng về phương hướng này và mục tiêu này mà nỗ lực. Cho nên sau này khoa học kỹ thuật phát đạt, thật tình mà nói, đạo tràng này chẳng cần phải lớn lắm nhưng nhất định phải dùng vô tuyến điện,

dùng vệ tinh truyền bá; đạo tràng giảng kinh này chẳng cần phải thật lớn mà vẫn có thể mang hiệu quả truyền khắp thế giới. Đó là nói việc thỉnh giảng kinh.

- Điều thứ bảy, "Thỉnh Phật trụ thế", đây đúng là một bước lại tiến thêm một bước, thỉnh pháp sư giảng kinh, bộ kinh giảng xong thì họ đi mất. Quý vị thử nghĩ xem, có mấy người nghe xong một bộ kinh thì liền khai ngộ, nghe xong một bộ kinh thì liền chứng quả? Lúc Phật Đà còn tại thế thì có đấy, nhưng sau khi Phật diệt độ thì chưa từng nghe qua, như vậy phải làm sao? Tỷ như lúc nãy tôi vừa nói là nghiệp chướng của chúng ta quá nặng, phương pháp duy nhất là phải huân tu, huân tu cũng là thí dụ

mà thôi. Giả sử cổ nhân thời xưa dùng nước hoa chẳng tiện lợi như bây giờ, như hiện nay y phục trên người xịt một cái liền thơm ngay, cách này nhanh biết bao, vả lại vừa sạch sẽ lại vừa dễ coi, còn như người thời xưa muốn y phục thơm tho, phải làm cách nào? Ướp hương, dùng khói thơm để ướp trên y phục này, đại khái ít nhất phải xông một ngày y phục đó mới có mùi thơm, tức là phải có thời gian dài để huân tập.

Như thế là sao? Là nhất định phải thỉnh pháp sư thường trụ ở một nơi đừng có đi, mỗi ngày vì chúng ta giảng kinh mà hằng năm chẳng gián đoạn, trường kỳ huân tập như thế thì trung hạ căn tánh cho đến người nghiệp chướng nặng cũng đều khai

ngộ. Đương nhiên việc này phải dự bị đủ một số điều kiện, so với việc lâm thời thỉnh pháp sư đến giảng kinh thì cần có nhiều điều kiện hơn, điểm này rất quan trọng. Trong lịch sử Trung Hoa, quý vị hãy quan sát kỹ xem, những vị tổ sư đại đức Trung Hoa, thường thường tại một đạo tràng ở mấy mươi năm, thậm chí cả đời không rời khỏi đạo tràng này, do đó số người thành tựu rất nhiều, điều này chúng ta cần phải hiểu rõ. Đương nhiên bên trong, duyên là nhân tố trọng yếu hàng đầu, tôi đối với vấn đề này lý giải rất sâu, tôi đều muốn có thể trụ ở một nơi bất động, nhưng không có được phước báo này vì chẳng có duyên phần, người thế gian gọi đó là mạng số bôn ba, lao nhọc.

Hôm nay địa phương này đến tìm tôi, qua hai ngày sau địa phương khác lại tìm tôi, đối với tôi mà nói, cũng có chỗ tốt. Người thế gian rất khó đả phá quan niệm về cái nhà, tôi đã thật sự không còn quan niệm này nữa, tôi chỉ biết mình là khách nên đều ở quán trọ, ở vài ngày rồi lại đi. Cho dù quý vị biết tôi ở Đài Bắc có đạo tràng, tôi ở đạo tràng đó cũng chỉ là khách vì một năm cũng ở không hơn hai, ba tháng, mỗi lần về Đài Loan đại khái chỉ ở ngoài một tháng, chưa đến hai tháng thì lại phải đi, cho nên tất cả chỉ là khách thôi. Điều đó giúp tôi đem thân tâm thế giới tất cả buông xuống, chẳng buông xuống chẳng được mà phải buông xuống thôi, vì vậy tôi chẳng còn quan niệm về cái nhà nữa.

Tuy nhiên, việc tôi làm chỉ là tuyên truyền Phật pháp, đem Phật pháp giới thiệu cho mọi người, dù muốn giúp đỡ cho quý vị thành tựu tôi vẫn chưa làm được vì chẳng có duyên phận này. Tôi muốn thật sự giúp đỡ quý vị thành tựu thì nhất định phải ở lâu dài tại một nơi, quanh năm suốt tháng cùng đại chúng ở một nơi huân tu, như trước kia chúng tôi ở Đài Trung, thầy Lý Bỉnh Nam, Ngài trụ ở Đài Trung hết ba mươi tám năm, ba mươi tám năm không rời khỏi Đài Trung, ngày ngày giảng kinh thuyết pháp, cho nên số người vãng sanh ở Đài Trung rất nhiều, đó là sức mạnh của sự huân tu. Tôi ở Đài Trung hết mười năm theo thầy Lý học giảng kinh và cũng học trọn hết mười năm,

nếu chẳng có thời gian dài như thế quyết định chẳng thể học được chi cả, cho nên muốn thật sự học hiểu một thứ gì thì cần phải có một thời gian khá dài.

Còn việc thỉnh Phật trụ thế, tuy là Phật hiện nay chẳng còn nữa thì chúng ta có thể thỉnh thiện tri thức xuất gia hay tại gia, thỉnh được thiện tri thức có tu, có học, có chứng thật là khó khăn; người thật sự có tu, có học cũng là vô cùng hiếm hoi. Cương lĩnh tu học, đến đây có thể nói là đã giảng viên mãn rồi, cương lĩnh tu học của Phổ Hiền Bồ Tát đã giảng viên mãn. Thập nguyện, thực tế bảy điều này là nguyện còn ba điều sau là thuộc về Hồi Hướng. Ba điều sau là hồi hướng gồm có hồi hướng Bồ Đề, hồi hướng

chúng sanh, hồi hướng thực tế; hồi hướng ba nơi này.

- "Thường tùy Phật học", đây là hồi hướng Bồ Đề.

- "Hằng thuận chúng sanh" là hồi hướng cho chúng sanh.

- "Phổ giai hồi hướng" là hồi hướng thực tế, thực tế tức là chân như bản tánh, nhất thiết pháp đều quy về nơi tự tánh. Cho nên tất cả vạn pháp đều lưu xuất từ nơi tự tánh, tất cả vạn pháp đề trở về tự tánh, cho nên "phổ giai hồi hướng" này, ý nghĩa cũng rất sâu trong hồi hướng Bồ Đề.

- Điều thứ tám, "Thường tùy Phật học", cái cương lĩnh này rất trọng yếu cho chúng ta muốn học Phật, Phật mới là tiêu chuẩn tu học của chúng ta, mới là tấm gương tu học của chúng ta,

chúng ta phải noi theo Phật để học, thì đây là tối thượng thừa. Tôi cũng có nghe, trong số quý vị đồng tu đối với tôi rất tôn kính, rất ngưỡng mộ nên muốn bái tôi làm thầy thì đây là tác dụng của tình cảm, tại sao quý vị không bái đức A Di Đà Phật làm thầy? Làm đệ tử của đức A Di Đà Phật, đó mới là đúng "thường tùy Phật học". Tôi là lấy A Di Đà Phật làm thầy, quý vị cũng lấy A Di Đà Phật làm thầy, do đây chúng ta là bạn học, như vậy mới là đúng. A Di Đà Phật ở đâu? Kinh Vô Lượng Thọ tức là A Di Đà Phật. Chúng ta mỗi ngày mở quyển kinh ra đọc tụng kinh Vô Lượng Thọ, tức là tiếp nhận lời răn dạy của A Di Đà Phật, tiếp nhận sự khai thị của A Di Đà Phật. Mỗi ngày đều đọc tụng, lấy

tâm thanh tịnh để đọc tụng, lấy tâm chân thành để đọc tụng, lấy tâm cung kính để đọc tụng, quý vị ngày ngày đều có chỗ ngộ, đọc một biến hiểu rõ thêm một tí thì đây tức là thọ dụng, sau khi hiểu được ý của Phật rồi quý vị y theo đó mà làm.

Ngày ngày có chỗ ngộ, nói một cách khác, Phật ngày ngày khai thị cho chúng ta; đó chẳng phải mỗi ngày quý vị niệm kinh này, cũng chẳng thấy được Phật? Quý vị sai rồi! Lúc nãy tôi đã nói với quý vị, quý vị phải dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm cung kính để niệm thì Phật ở tại nơi đây gia trì và Phật quang đang chiếu đến quý vị. Chẳng những Phật quang gia trì cho quý vị mà tất cả chư Phật Như Lai cũng đều gia trì cho quý

vị, làm gì có đạo lý chẳng khai ngộ chứ? Ngày ngày có chỗ ngộ, cho nên quý vị có pháp hỷ sung mãn, mỗi ngày đều có một chút giác ngộ, đều hiểu rõ thêm một chút, điều này vui sướng biết mấy, đây mới thật sự quý báu, chẳng có gì quý báu hơn cái này và không có gì hoan hỷ hơn cái này. Tuy nhiên quý vị nhất định phải làm theo và phải y theo tu hành, quý vị thật sự tu hành thì ngày mai lại có chỗ ngộ. Ngày ngày có chỗ ngộ, ngày ngày thiết tha tu hành, như vậy mới thật sự là đệ tử của Phật. Cho nên chúng ta y theo kinh Vô Lượng Thọ tức là y theo A Di Đà Phật, huống chi trong kinh mà Phật đã nói rõ với chúng ta, là A Di Đà Phật còn có danh hiệu khác gọi là Thanh Tịnh,

Bình Đẳng, Giác. Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác tức là A Di Đà Phật. Nếu chúng ta có thể tu như vậy, đó mới thật là điều răn dạy của Phổ Hiền Bồ Tát. Thường tùy Phật học, chúng ta đã thật sự thực hiện, quả thật chẳng luống qua.

- Điều thứ chín, "Hằng thuận chúng sanh", phải học Phổ Hiền Bồ Tát, phải học Thiện Tài đồng tử năm mươi ba tham vấn. Chúng sanh tập khí chẳng tương đồng và căn tánh cũng không giống nhau, cho nên có thiện có ác. Chẳng những ở thế gian này của chúng ta, nếu mở rộng phạm vi ra còn có lục đạo chúng sanh, thập pháp giới chúng sanh cho đến tha phương thế giới chúng sanh, đúng là vô lượng vô biên. Chúng ta ở trong

những cảnh giới này chỗ gọi là hoàn cảnh nhân sự, hoàn cảnh vật chất. Hoàn cảnh nhân sự là chánh báo, hoàn cảnh vật chất là khí thế gian của y báo, chúng ta ở trong đó tu hạnh Phổ Hiền; tu Phổ Hiền Bồ Tát thập đại cương lĩnh là lấy thập đại cương lĩnh để hoàn thành tổng cương lĩnh của kinh Vô Lượng Thọ đó là Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác. Do đây mới có thể biết, bộ kinh Vô Lượng Thọ này thật sự là vô giá chi bảo. Phần trước chúng tôi đã nói qua với quý vị, là chân truyền duy nhất của Như Lai, là bảo tàng chân truyền của chư Phật, chẳng phải dễ dàng có được; chúng ta thật sự là có phước báo rất lớn rất lớn, nên chúng ta mới gặp được ở trong kiếp này, vả lại còn được nghe. Quả

nhiên khi nghe hiểu rồi có thể y giáo phụng hành, vậy thì xin chúc mừng quý vị, trong một đời này quý vị thành Phật rồi, chẳng còn luân hồi và cũng chẳng còn làm phàm phu nữa. Vì vậy đối với chúng sanh phải hằng thuận, cũng tức là bảo trong tất cả hoàn cảnh nhân sự, trong cảnh giới của hữu tình chúng sanh tu tâm thanh tịnh, tu tâm bình đẳng của chính mình. Điều gì thấy chướng mắt, từ từ luyện tập thấy thuận mắt thì đây gọi là tu hành.

- Điều thứ mười, "Phổ giai hồi hướng", đây là đem tất cả công đức do chính mình tu hồi hướng cho pháp giới lý thể, đây tức là trong bài Hồi Hướng Kệ thường nói: "Nguyện dĩ thử công đức, trang nghiêm Phật Tịnh

Độ”, Phổ giai hồi hướng tức là trang nghiêm Phật Tịnh Độ, là ý nghĩa này. Phổ Hiền Bồ Tát, trong danh hiệu này cùng với Hồi Hướng có mối quan hệ, “Phổ giai hồi hướng”, hiển thị chữ Phổ, Phổ Hiền Bồ Tát là “tâm bao thái hư lượng châu sa giới”, còn Hằng thuận? Đây là Hiền. “Thường tùy Phật học, Hằng thuận chúng sanh”, đây là Hiền, cho nên trong ba câu hồi hướng này đã đem danh hiệu của Phổ Hiền Bồ Tát bao hàm trong đó.

Trong kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát tự mình đã nói, Ngài nói: “Ngã ký vãng sanh bỉ quốc dĩ”. Phổ Hiền và Văn Thù đều phát nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sau khi đến Cực Lạc thế giới, Ngài lại nói: “Tôi đã vãng sanh đến

Cực Lạc quốc độ của A Di Đà Phật, hiện tiền thành tựu thử đại nguyện"; câu nói này rất quan trọng, đây là vì sao Phổ Hiền Bồ Tát phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, đem nguyên nhân này đã nói ra. Tức là nói rõ đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thấy được A Di Đà Phật thì thập nguyện của Ngài viên mãn, nói một cách khác, nếu như không đến Tây Phương Cực Lạc thế giới mà vẫn ở Hoa Tạng thế giới tu hành, Ngài cảm giác rằng nguyện của Ngài chưa được viên mãn vẫn còn khiếm khuyết, đến được Tây Phương thế giới mới là cứu cánh viên mãn. Đây cũng hiển thị rằng, đến được Tây Phương Cực Lạc thế giới thì viên thành Phật đạo, cho thấy Tây Phương Tịnh Độ là thù thắng chẳng chi sánh

bằng. Ngay đến Phổ Hiền, Văn Thù đều phải cầu sanh, vì sao chúng ta lại không đi chứ? Chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi, cùng với Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí đứng ngồi ngang nhau, vì sao thế? Họ là học trò của A Di Đà Phật và chúng ta cũng là học trò của A Di Đà Phật, cái quan hệ của chúng ta với họ là bạn đồng học, họ là học trưởng của chúng ta còn chúng ta là học đệ của họ. Cho nên, địa vị là đương nhiên bình đẳng, vả lại họ có nhiệm vụ phải thường chiếu cố chúng ta vì học trưởng phải chiếu cố học đệ. Cho nên nhất định phải nắm rõ những điều này, thì tâm nguyện của chúng ta mới chắc thật, tín tâm mới kiên cố.

Cho nên Phổ Hiền Bồ Tát lại nói: “Phổ nguyện trầm nịch chư chúng sanh, tốc vãng vô lượng quang Phật sát”, nguyện vọng của Phổ Hiền Bồ Tát là hy vọng tất cả chúng sanh đang trầm luân trong lục đạo luân hồi, hãy mau mau niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Và đây cũng là nguyện thứ Ba Mươi Sáu trong bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật là giáo hóa tùy ý nguyện, hiển thị một cách chân thật trước mặt chúng ta cái nguyện vọng của Phổ Hiền Bồ Tát. Do đây có thể biết, đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật của chúng ta cùng với một số Đại A La Hán tham dự pháp hội lần này, mà trong số Đại Bồ Tát theo gót Thích Ca Mâu Ni Phật đó, rất có thể là Bồ Tát của Tây Phương Cực Lạc

thế giới tái lai, thị hiện đến để tiếp dẫn chúng ta, về mặt lý luận mà nói thì điều này quyết định nói được thông. Câu kinh văn này, chúng tôi xin giới thiệu tới đây. Chúng ta tiếp tục xem phần kinh văn phía dưới, trang thứ ba, dòng thứ hai, câu chót:

Kinh văn: "Cụ túc vô lượng hạnh nguyện, an trụ nhất thiết công đức pháp trung".

Trước tiên nói về hai câu này, "Cụ Túc" tức là bổn lai vốn cụ túc, người người đều cụ túc, nhất thiết chúng sanh tất cả đều cụ túc vô lượng hạnh nguyện, cho thấy rằng hạnh nguyện là Tánh Đức chẳng phải từ bên ngoài đến. "Hạnh", Bồ Tát hành

Lục Độ, "Nguyện", như lúc nãy vừa nói Phổ Hiền Bồ Tát Thập Nguyện, là tổng cương lĩnh hạnh cứu cánh viên mãn của Bồ Tát. Lục Độ là Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Bát Nhã, sáu điều này, tôi thiết nghĩ quý vị đều rất quen thuộc, tuy nhiên tinh nghĩa của nó thì người biết được chẳng nhiều. Cho nên mỗi mỗi ai cũng biết niệm mà chẳng biết tu, điều này thật là đáng tiếc! Nhất định phải biết được tinh nghĩa của nó, phải biết được cách nào để tu. Chỗ gọi là cách tu, là đem nó biến thành sinh hoạt thường ngày của chúng ta.

- Bố Thí. Trong đó có Tài bố thí, có Pháp bố thí và có Vô Úy bố thí; trong Tài bố thí nó có đến hai loại là

nội tài và ngoại tài. Vật ngoài thân là ngoại tài còn như thân thể, thể lực của chúng ta là nội tài; thí dụ nói, trong đạo tràng này có rất nhiều vị đồng tu đến làm công quả, ra sức làm, ra sức là bố thí nội tài cũng là cúng dường nội tài. Ra tiền là ngoại tài nghĩa là vật ngoại thân đều là ngoại tài; còn tôi dùng lao lực của tôi để làm việc là nội tài, cho nên nội ngoại cũng đều là bố thí cúng dường. Chúng ta từ sáng đến tối, quý vị ở nhà phục vụ và vì cả nhà mà công tác là quý vị bố thí cho cả nhà, cúng dường cả nhà của quý vị, nếu như quý vị hiểu rõ đạo lý này, thì quý vị biết ta đang ở trong gia đình tu Bồ Tát đạo, quý vị tu đó là Bồ Tát Hạnh, nhiên hậu quý vị sẽ làm việc rất vui vẻ, tâm địa thanh tịnh, tràn đầy

trí tuệ, tràn đầy hỷ duyệt. Giả như quý vị mê hoặc điên đảo, ta ở nhà vì những người nhà làm những việc cực khổ, làm lao công, ngày ngày hầu hạ họ, ngay đến cảm ơn ta cũng chẳng có. Suốt ngày hờn giận, thì tuy nói là bố thí nhưng trong đó mang theo phiền não, cho nên tương lai quả báo của quý vị sẽ chẳng được tự tại. Điều này, Phật, Bồ Tát đã nói rõ vì sao khi học Phật rồi, thì sẽ mang đến cho quý vị niềm hạnh phúc khoái lạc chân chánh, công việc làm được một cách vui vẻ, chẳng hề khởi phiền não, đó là vì sao? Vì ta đang bố thí cúng dường và ta đang tu phước, tu phước đương nhiên là việc vui vẻ. Chúng ta ở trong đoàn thể tận tâm tận lực làm việc, cũng là đang tu bố thí.

Trong công ty hãng xưởng, chúng ta vì chủ nhân phục vụ, vì công ty phục vụ thì đó cũng là bố thí, cũng là cúng dường. Bất luận là lúc nào, bất luận ở nơi chốn nào, nếu chẳng dùng ngoại tài thì là dùng nội tài, ngày ngày thời thời khắc khắc bất cứ nơi nào đều đang tu bố thí, đều đang tu cúng dường. Nhưng rất tiếc quý vị chẳng có cái quan niệm này, vậy thì đang ở đó tạo nghiệp, quý vị xem, có phải đáng tiếc lắm không! Nếu như Ý niệm vừa chuyển thì cái nghiệp đó tức thời trở thành bố thí cúng dường, biến thành tác nghiệp bố thí cúng dường; quý vị xem, lục đạo phàm phu vừa chuyển biến thì là Bồ Tát nghiệp, Tịnh nghiệp. Học Phật thì phải biết chuyển là biết chuyển cảnh giới, biết

chuyển sự tướng; đem ý niệm chuyển rồi thì quý vị sẽ vô cùng vui vẻ. Hơn nữa, Phổ Hiền Bồ Tát không hề nhàm chán, không hề mệt mỏi, là vì sao? Vì pháp hỷ sung mãn. Đây là nói về bố thí, chư vị hãy lắng tâm suy nghĩ để thể hội nghĩa này, sau đó ngày ngày đều làm, chúng ta phải chuyển phàm thành Thánh. Trước kia chúng ta là phàm phu, cảm thấy sự cực khổ của mình đều là vì kẻ khác, kẻ khác vẫn chẳng cảm kích biết ân. Khi làm thì oán than rên siết, trong tâm bất bình. Ý niệm vừa chuyển thì tâm bình ngay, thì vui vẻ ngay, trong tâm vừa vui vẻ thì khỏe mạnh trường thọ, phải đem quan niệm này chuyển trở lại.

- Trì Giới. Tức là thủ pháp, đây thuộc về nghĩa rộng không phải nghĩa

hẹp. Bất luận làm việc gì cũng đều phải có trình tự nhất định, có phương pháp nhất định, và điều trọng yếu là phải tuân thủ. Chuyện công, chuyện tư, chuyện lớn, chuyện nhỏ đều phải có quy tắc, chúng ta nên hiểu rõ ràng, cần phải tuân thủ mới khiến cho những gì chúng ta làm, mọi thứ đều như pháp, mọi thứ đều ngăn nắp có tầng thứ, chẳng tán loạn. Thứ tự thì đâu vào đó.

- Nhẫn Nhục. Tức là nhẫn nại, bất luận làm việc gì mà thành công đều phải nhờ tâm nhẫn nại, chuyện lớn thì phải nhẫn nại nhiều, chuyện nhỏ thì nhẫn nại ít. Người không có tâm nhẫn nại, làm việc thì chẳng thể thành tựu, nhất định phải có tâm nhẫn nại; phải đem việc làm này mà quan sát cho rõ

ràng, minh bạch, thì biết được cơ duyên khi nào chín muồi, cho nên chẳng cần quá bận tâm nôn nóng. Có được cái tâm như vậy thì từ từ nó sẽ định lại, cho nên sau đó sẽ có tinh tấn, thiền định.

- Tinh Tấn. Tấn là tiến bộ, Tinh là tinh thuần, không tạp loạn. Chúng ta học hành, học khoa hệ nào thì ngay trong khoa hệ đó sẽ cầu tiến bộ; sau khi đã tốt nghiệp rồi, bước vào xã hội làm việc cho một ngành nghề nào, thì trong ngành nghề đó cũng cầu tiến bộ, thế mới là đúng. Tâm của quý vị Chuyên, chuyên nhất trong tiến bộ thì sẽ có được Định.

- Định. Tức là trong tam-muội mà chúng ta thường nói, tam-muội là sự hưởng thụ bình đẳng, là sự hưởng thụ

bình thường, tức là người thông thường chỗ nói hạnh phúc vui vẻ, sự nghiệp thuận lợi, thành công mỹ mãn. Sáu điều cương lĩnh này của Bồ Tát, thập nguyện của Phổ Hiền Bồ Tát có thể thật sự giúp chúng ta đạt đến tam-muội này. Quý vị hãy suy xét kỹ xem, làm cách nào ứng dụng nó vào sinh hoạt, ứng dụng nó vào gia đình, ứng dụng nó vào sự nghiệp, vì nó là sống thật chẳng phải chết. Kinh Phật nếu học mà chẳng có chỗ dùng, ai học làm gì? Chỗ lợi ích của nó là vừa học xong lập tức có chỗ dùng, dùng rồi lập tức có hiệu quả, thật sự là nhanh chóng tức thời thấy có hiệu quả. Tâm thanh tịnh tất sanh trí tuệ, cho nên điều sau cùng là:

- Bát Nhã. Tức là trí tuệ, tâm thanh tịnh, tâm có chủ tể, trong tâm không có động loạn cũng chẳng có tạp niệm, chẳng có vọng tưởng thì nó sẽ sanh trí tuệ và hạnh nguyện vô lượng vô biên. Phật vì chúng ta nói pháp, đem nó quy nạp thành mấy điều đại cương, cho nên Bồ Tát Hạnh có sáu đại cương (Lục Độ), Phổ Hiền Bồ Tát có mười đại cương tức là Thập Đại Nguyện Vương, đầy đủ vô lượng hạnh nguyện, tánh đức. Thuận tánh đức, chúng ta xưng tán, tánh đức này, "an trụ nhất thiết công đức pháp trung", tất cả pháp công đức này, xưa nay một số đại đức đều cho là vô lượng công đức của quả địa Như Lai. Thực tế nếu phối hợp với phần trên mà nói, phần trên là tánh đức, tuy

nhiên cần phải tu đức thì tánh đức mới có thể hiển hiện ra. Cho nên thật sự phải tu, như vậy câu này chúng ta nên dựa vào giáo nghĩa của bổn tông để nói, nhất thiết công đức pháp này tức là chỉ cho bộ kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ tức là nhất thiết công đức pháp môn. Chúng ta đem tâm an trụ nơi kinh Vô Lượng Thọ, mỗi ngày chúng ta đọc nó, mỗi ngày tư duy, mỗi ngày thực hành, có nghĩa là ta phải đem nó làm cho bằng được, phải đem nó biến thành hành vi thực tế trong sinh hoạt của chính mình, đây mới thật sự là an trụ nơi nhất thiết công đức pháp trung. Tất cả là viên mãn, một chút công đức cũng chẳng sót, công đức viên mãn.

Kinh văn: "Du bộ thập phương, hành quyền phương tiện. Nhập Phật pháp tạng, cứu cánh bỉ ngạn".

Phía trước hai câu này ý nghĩa rất rõ ràng, chúng ta tự mình đã an trụ trong kinh Vô Lượng Thọ, tự mình đạt được tất cả pháp công đức và có được lợi ích chân thật. Tuy nhiên, tiến thêm một bước là phải đem công đức của đại kinh này mở rộng ra, phải giới thiệu cho tất cả chúng sanh, tức là "du bộ thập phương", đi tuyên truyền cùng khắp, đi giới thiệu, đi tiến cử, đi làm những việc này. "Hành quyền phương tiện", đây tức là thường nói thiện xảo phương tiện. Có số người không chấp nhận, chúng ta dùng phương pháp xảo diệu để khiến họ có

thể hoan hỷ tiếp nhận, đó là hành quyền phương tiện. Khi họ chẳng thể tiếp nhận và bài xích, thì không nên miễn cưỡng, vì sao? Vì nhân duyên chưa thành thục. Họ ưa thích những pháp môn khác thì cứ dùng những pháp môn khác dẫn dụ họ, đến sau cùng quay đầu trở lại thì là nhập vào pháp môn này rồi. Cho nên quý vị phải biết phương pháp xảo diệu có thể dẫn dụ tất cả chúng sanh nhận thức Phật pháp, nhận thức kinh Vô Lượng Thọ, nhận thức pháp môn Tịnh Độ, điều này vô cùng vô cùng quan trọng.

"Nhập Phật pháp tạng", câu này thường gọi là Nhất Thừa đại pháp, như Phật trong kinh Pháp Hoa có nói: "Duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị diệc vô tam, trừ Phật phương tiện

thuyết”, bổn kinh là Nhất Thừa trong Nhất Thừa, là tinh thuần nhất chẳng gì hơn. Cho nên chư cổ đức có nói kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa vẫn là dẫn đạo của kinh Vô Lượng Thọ, câu nói này rất có đạo lý. Đây là Nhất Thừa quả hải, tức là Tây Phương Cực Lạc thế giới, tức là một câu danh hiệu này Nam Mô A Di Đà Phật.

“Cứu cánh bỉ ngạn”, Bỉ Ngạn tức là viên mãn thành Phật, thành vị Phật cứu cánh chẳng phải Phần Chứng Phật. Tông Thiên Thai có Tạng, Thông, Biệt, Viên, thì Viên Giáo Phật mới là “cứu cánh bỉ ngạn”, dùng phương pháp gì? Niệm Phật thành Phật, đây thật là bất khả tư nghị. Cho nên pháp môn này, phương pháp đơn giản dễ dàng, “Phát Bồ Đề tâm, nhất

hướng chuyên niệm A Di Đà Phật" là được. Tuy nhiên quý vị nên ghi nhớ, quý vị phải dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ bi để tu Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác, thì câu A Di Đà Phật sẽ tương ưng. Bởi thế "Nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật". Bình thường chúng ta niệm câu A Di Đà Phật này, niệm rất nhiều, vì sao chẳng tương ưng? Vì sao công phu chúng ta chẳng được đắc lực? Vì tâm của chúng ta không chân thành, không thanh tịnh, không bình đẳng, không từ bi. Chúng ta đem Lục Độ, Thập Nguyện tất cả đều quên sạch hết trọi; tuy nhiên, tuy có niệm nhưng niệm không tương ưng, niệm không đắc lực.

Hôm nay chúng ta đã hiểu rõ rồi, minh bạch rồi, đem hết những căn bệnh chẳng tương ưng trước kia sửa đổi trở lại hết, từ nay về sau thì sự niệm Phật của chúng ta sẽ "Nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật". Nhất định sẽ được vui vẻ, hạnh phúc được mỹ mãn. Thôi, chúng tôi hôm nay xin giảng đến đây. A Di Đà Phật

Tập 4

Xin lật quyển kinh ra, trang thứ ba, dòng thứ tư, câu thứ hai bắt đầu xem, chúng tôi xin đem phần kinh văn đọc một đoạn để đối chiếu.

Kinh văn: "Nguyện ư vô lượng thế giới thành Đẳng Chánh Giác, xả Đâu Suất, giáng vương cung, khí vị xuất gia, khổ hành học đạo, tác tư thị hiện, thuận thế gian cố".

Từ chỗ này bắt đầu xem, phần trước nói đến những vị Đại Thánh dự hội, trí tuệ và đức năng của họ hiển thị một cách rất cụ thể cho chúng ta. Trong tất cả hạnh Bồ Tát thì Phổ Hiền Hạnh là tối thù thắng, các vị Bồ Tát

này đều là tu hạnh Phổ Hiền và cùng với Phật đồng tâm đồng nguyện tận hư không biến pháp giới lấy pháp môn này tiếp dẫn quảng đại chúng sanh. Phần dưới cho chúng ta một thí dụ, những bậc Thánh giả này đồng với kinh Pháp Hoa phẩm Phổ Môn chỗ nói đến đều giống nhau. Nên dùng thân gì để được độ thì họ liền hiện thân đó, giống như Quán Thế Âm Bồ Tát có ba mươi hai Ứng Thân, ba mươi hai này là ba mươi hai loại, mỗi một loại trong đó là sự tương ứng hóa, thật tại mà nói là vô lượng vô biên. Hiển thị ra đức năng của những vị Bồ Tát này, chỗ này cho chúng ta một thí dụ "Ưng dĩ Phật thân nhi đắc độ dã, tức hiện Phật thân nhi vị thuyết pháp", chúng ta xem thí dụ hiện thân

Phật của đoạn này. Nếu nên lấy Bồ Tát thân, Ngài liền hiện Bồ Tát thân mà thuyết pháp, chỗ này là nêu lên hiện thân Phật, tức là "Nguyện ư vô lượng thế giới thành Đẳng Chánh Giác", đây tức là dùng thân phận của Phật. Tuy hiện thân Phật, quý vị phải biết vẫn là dùng pháp môn niệm Phật này, giáo hóa tất cả chúng sanh niệm Phật thành Phật, bởi vì pháp môn này là đệ nhất pháp môn, là pháp môn viên mãn cứu cánh, là nhất thiết chúng sanh bình đẳng đắc độ pháp môn, thật sự là thù thắng chẳng gì sánh bằng.

Phần dưới đây nói đến Bát Tướng Thành Đạo, điều này chư vị đồng tu đều rất quen thuộc; tuy nhiên trong đó có chỗ đáng cho chúng ta học hỏi,

chúng ta chẳng thể bỏ luống qua. "Xả Đâu Suất", Bồ Tát muốn đến thế gian này thị hiện thành Phật thì phải rời khỏi trời Đâu Suất. Đâu Suất, hoàn cảnh sinh hoạt ở nơi đó rất tốt, rất là vui sướng và vô cùng tự tại. Đâu Suất là Phạn ngữ, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tri Túc; Đâu Suất Thiên tức là Tri Túc Thiên. Tri túc thì thường lạc, chúng ta hãy xem, hiện tại có rất nhiều người trên thế gian này đích thật là có địa vị rất cao, có rất nhiều tài phú, nhưng họ vẫn rất ư là khổ. Vì sao lại khổ? Vì không tri túc. Tiền tài có rồi, đã có rồi lại muốn có thêm, đã nhiều rồi lại muốn nhiều thêm, cái này mới thật là khổ, đây thật là khổ. Tri túc thì là vui vẻ ngay, tri túc là gì? Người tri túc là chẳng có mong cầu,

người đến mức độ chẳng có mong cầu mà theo tục ngữ Trung Hoa nói thì phẩm cách tự nhiên cao, thật sự được an vui là tri túc. Tầng trời này gọi là Tri Túc Thiên. Như vậy tất cả Đẳng Giác Bồ Tát, Bổ Xứ tôn giả, (Bổ Xứ đây tức là Hậu Bổ Phật) đều ở tại nơi trời Đâu Suất, đều từ trời Đâu Suất giáng xuống thế gian thị hiện thành Phật. Nơi đây là ý nghĩa biểu pháp rất sâu, nói một cách khác, Bồ Tát tu hành nếu như chưa đến mức tri túc thì công phu của Bồ Tát chưa viên mãn, do đó được biết là vì họ vẫn chưa tri túc, tri túc rồi thì sẽ thành Phật ngay.

Chúng ta đọc trong các bộ kinh lớn, thấy được Bồ Tát cũng vẫn còn tham, tham độ chúng sanh, tham công đức, cho nên họ vẫn là chẳng tri túc,

một khi tri túc tức thành Phật ngay, sự việc này chúng ta nhất định phải ghi nhớ. Bất luận là thế pháp hoặc xuất thế pháp, đều phải nên biết tri túc; thí dụ hiện nay chúng ta học Phật pháp, kinh điển Phật pháp rộng lớn bao la như biển cả, như hiện nay chúng ta xem Đại Tạnh Kinh này. Đại Tạng Kinh hiện nay đều dùng loại chữ nhỏ để xuất bản, bìa rất dầy như thế này mà vẫn phải có đến một trăm quyển, nếu từ đầu chí cuối xem qua một lần, phải mất bao nhiên năm mới có thể xem hết! Thứ nào cũng muốn học, cả mỗi một tông phái đều muốn học, mỗi một pháp môn đều muốn học, mỗi một bộ kinh đều muốn học; đó gọi là tham, như vậy thì chẳng buông xả được. Khi chúng ta đã tri túc rồi, thì

một bộ kinh tức là một bộ kinh Vô Lượng Thọ là được rồi, như cổ đức nói: "Tam Tạng thập nhị bộ, nhường cho những kẻ khác bất tri túc để ngộ; tám vạn bốn ngàn hạnh, nhường cho những kẻ bất tri túc để hành". Còn chúng ta tri túc rồi, chỉ cần một bộ kinh, một câu A Di Đà Phật, điều này thì vui sướng biết mấy; cho nên tri túc thì là vui vẻ, tu hành cũng như thế chẳng có chi khác, nhất định là phải tri túc. Một bộ kinh này, nội dung đã bao hàm hết tất cả kinh, phía trước đã báo cáo cùng quý vị rồi, cho nên phải xả được, phải buông xuống.

"Xả Đâu Suất", đây là trong Bát Tướng Thành Đạo là tướng đầu tiên, vì vậy giáng sanh là tướng thứ nhất. Phật ứng hóa đến thế gian này, tuyệt

đối chẳng phải sanh vào gia đình dân giả bình thường, vì sao vậy? Vì sức ảnh hưởng chẳng rộng lớn. Chúng ta là thân nghiệp báo nên đành phải chịu, vì tự mình không thể làm chủ, nghiệp lực bảo quý vị đi đầu thai đó là khi gặp duyên chẳng thể không đi. Phật, Bồ Tát là nguyện lực, các Ngài chẳng phải do nghiệp lực, nguyện lực thì có thể tùy sự lựa chọn của mình. Cho nên các Ngài nhất định chọn gia đình quốc vương để giáng sanh, khi hạ sanh là thân phận thái tử và sau đó xuất gia, như thế mới thật là hy hữu. Người thế gian từ sáng đến tối, đầu óc đều suy nghĩ những gì? Danh văn lợi dưỡng, từ sáng đến tối bận rộn cũng là vì danh văn lợi dưỡng. Bồ Tát giáng sanh vào trong vương cung,

danh văn lợi dưỡng đều đầy đủ cả, nếu nói địa vị, tương lai Ngài là địa vị của quốc vương, người Hoa chỗ gọi là “Quý vi thiên tử, phú hữu tứ hải”, phú quý danh lợi của thế gian Ngài đều có đầy đủ, Ngài có thể buông bỏ để xuất gia khiến cho chúng ta phải suy nghĩ cho đàng hoàng.

Chúng ta ngày ngày tranh danh đoạt lợi, còn Ngài thì vì sao chẳng cần? Cách làm này có thể khiến chúng ta khai ngộ, khiến cho chúng ta hiểu rõ ý nghĩa chân chánh của kiếp người, giá trị chân chánh của kiếp người phải có niềm khoái lạc hạnh phúc chân chánh, thì người này trong một đời mới chẳng bị luống qua. Một đời đều ở trong khổ cực, một đời đều ở trong bận rộn, chẳng hiểu vì ai mà

bận rộn, người này thật là đáng thương. Trong kinh Phật thường nói: "Khả lân mẫn giả", không hiểu bận rộn vì ai, cổ nhân cũng có nói vì ai cực khổ, vì ai bận rộn, họ chẳng có biết, quý vị bảo đáng thương biết bao! Thậm chí bận rộn để được cái gì? Bận rộn đến ba bữa cơm cũng không có thì giờ ăn, quý vị bảo đáng thương biết mấy. Ăn chẳng ngon, ngủ chẳng yên, suốt ngày bận rộn đến tối, địa vị họ dù có cao, tài phú có nhiều đi nữa cũng chỉ là những người đáng thương thôi, không hạnh phúc như chúng ta. Chúng ta ba bữa cơm theo đúng giờ ăn, tối ngủ thì rất thoải mái thì đây mới thật sự là có phước báo, đây mới là vui vẻ, mới là hạnh phúc.

"Giáng vương cung", giáng sanh tại trong hoàng cung là hai tướng trong Bát Tướng Thành Đạo, một cái là đầu thai và một cái là ra đời, ở trong hoàng cung đầu thai mà cũng ở trong hoàng cung ra đời.

"Khí vị xuất gia", là đi xuất gia, đây là tướng thứ tư trong Bát Tướng Thành Đạo, Ngài đem ngôi vua xả bỏ, phú quý xả bỏ để đi xuất gia, nếu chẳng phải là người có trí tuệ chân chánh thì họ chẳng thể làm nổi, còn người chân chánh đối với chân tướng của sự thật thì triệt để minh bạch. Người thế gian đều mê hoặc trong danh lợi, họ bỏ thân mạng ở đó mà tranh đoạt, đối với bây giờ không phải là tranh thủ mà là cướp đoạt lấy. Sự tranh danh đoạt lợi của thế gian Ngài

xả bỏ hết, vì sao thế? Vì Ngài thật sự giác ngộ rồi, thật sự hiểu rõ những thứ này đều là giả, là Không, là phiền phức, là đau khổ, tuyệt đối chẳng phải hạnh phúc, chẳng phải vui thú. Lúc nãy tôi nói nơi người đó có tiền của, người đó có địa vị, suốt ngày bận rộn đến nỗi thì giờ ăn cơm đều chẳng có, thì giờ ngủ nghỉ cũng chẳng có, quý vị bảo đáng thương biết bao. Còn Ngài thì hiểu rõ ràng rồi, Ngài đã giác ngộ rồi, không cần nữa vì là đồ giả đấy mà, nên Ngài xuất gia đi tu đạo.

"Khổ hành học đạo", Khổ Hành, người thế gian nghĩ rằng người xuất gia rất là khổ, đây là họ lấy nhãn quan của thế tục để nhìn. Người xuất gia kỳ thật là vui sướng nhất, kiếp người ở thế gian này chẳng có gì vui sướng

bằng. Lúc tôi mới xuất gia thọ giới, vị hòa thượng truyền giới của chúng tôi là Đạo Nguyên lão pháp sư kể cho chúng tôi một câu chuyện có thật. Vào năm đầu Dân Quốc, lúc Ngài còn làm một chú tiểu, Ngài thấy trong thôn của Ngài có một người ăn xin, cuộc sống của người ăn xin này rất là đắc ý, rất là tự tại. Mỗi ngày ra ngoài đi xin cơm, tối đến tự tiện vào trong miếu cũ ngủ một giấc; con ông ta phát đạt, phát tài, là tài chủ của địa phương đó. Đương nhiên người ngoài liền nói: "Ông xem, gia thế của ông lớn như vậy, giàu như vậy, tại sao lại có thể để cha của ông ra ngoài đi xin cơm, làm kẻ ăn mày?" Chính người con cũng cảm thấy mất mặt, tìm đủ mọi cách, phái rất nhiều người đi tìm cha mang

về, sau khi tìm về rồi, thay quần áo mới cho ông ta, cúng dường ông ta đàng hoàng. Đại khái qua một tháng sau, người cha này lại lén chạy mất, lại đi xin ăn nữa, người ta hỏi ông ta: "Ông đang làm gì?" Ông nói: "Cuộc sống của tôi như vậy mới tự tại, nhốt tôi ở trong đó hưởng thụ, việc này không tự tại, làm gì bằng mỗi ngày đi rong chơi khắp nơi, du sơn ngoạn thủy, đi đến đâu ăn đến đó, đúng không? Đi đến đâu ngủ đến đó, cuộc sống như vậy thích ý biết bao, tự tại biết bao".

Ông ta có cái triết học nhân sinh của ông, có cái vui thú thật sự của ông, thông thường chúng ta nhìn thấy là kẻ ăn mày, kẻ ăn xin, họ có một cuộc sống thật là khổ. Thực tế mà nói,

ông ta làm kẻ ăn xin chẳng phải vì bắt buộc, chẳng phải vì gia đình không có ăn, gia đình ông ta rất giàu có. Ông ta là người vui vẻ, ông nhìn thấu hồng trần, cảnh giới của người này thật phi thường, tuyệt đối chẳng phải người bình thường.

Cho nên người bình thường cho là khổ, thật tại người xuất gia mới có nhiều lạc thú, sinh hoạt đơn giản ít tạo nghiệp, tâm địa thanh tịnh thì lượng nhu cầu giảm ít. Người xuất gia ngày xưa là ba y một bát, cái gì cũng chẳng có, điều này mới thật sự là vui sướng, một tí phiền toái cũng chẳng có, mỗi ngày ăn một bữa, một bữa cơm rất dễ kiếm được, hơn nữa người cúng dường cũng rất tôn kính, cũng rất hoan hỷ. Chỉ ăn một bữa, vậy một

bữu ăn, có đủ không? Quá đủ rồi, vì sao vậy? Vì tâm thanh tịnh. Thân thể chúng ta là một bộ máy, máy thì phải động và nó phải vận tác, vận tác thì cần có năng lượng vận chuyển nó, năng lượng là từ ẩm thực mà có. Nhưng quý vị nên biết, vì sao bị tiêu hao năng lượng? Là vì chín mươi lăm phần trăm tiêu hao trên vọng tưởng, phiền não. Vì vậy người thế gian phải ăn ba bữa một ngày, vả lại còn phải ăn điểm tâm, ăn buổi tối, thế mới thật là khổ. Kết quả ăn xong rồi thì sao? Ăn đến mang cả một thân bệnh, bệnh tùng khẩu nhập mà, làm sao mà chẳng sanh bệnh được?

Người tu hành thì vọng tưởng ít, phiền não ít, nên sự tiêu hao năng lượng của họ cũng ít, cho nên mỗi

ngày họ chỉ cần bổ sung một lần là đủ rồi, cuộc sống như vậy không phải cầu cạnh người, thật sự là vui sướng biết bao, hạnh phúc biết bao; cho nên chúng ta đối với ẩm thực phải nên hiểu biết. Tu hành là tu tâm thanh tịnh, tâm địa càng thanh tịnh thì về mặt ăn uống, quý vị nhất định phải tự giảm thiểu chẳng cần đòi hỏi nhiều vì đã đầy đủ rồi. Cho dù ngày ăn ba bữa nhưng quý vị cũng sẽ ăn rất ít, thể lực của quý vị chắc chắn rất bình thường và nhất định rất là khỏe; người thế tục chẳng hiểu được đạo lý này, chẳng hiểu được cảnh giới này nên cho đó là khổ, thực tế mà nói, đó là thường lạc, là chân lạc. Học đạo, Đạo là gì? Đạo tức là tâm thanh tịnh, Đạo tức là tâm

bình đẳng, Đạo tức là tâm giác ngộ; Giác mà không mê, là học cái này.

"Tác tư thị hiện, thuận thế gian cố", hai câu này đã đem cái bản nguyên nói rõ ra cho chúng ta, Ngài là thị hiện chẳng phải lần này mới phát tâm xuất gia, Ngài là thị hiện đến để biểu diễn cũng giống như đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni của chúng ta vậy. Vào ba ngàn năm trước, Thích Ca Mâu Ni xuất hiện tại Ấn Độ là thị hiện Bát Tướng Thành Đạo, phàm phu chúng ta đều nghĩ rằng, Thích Ca Mâu Ni ngồi dưới cội Bồ Đề nhìn sao trời mà hốt nhiên đại ngộ thành Phật, chúng ta chỉ thấy tướng này, mà trên thực tế, Thế Tôn trong kinh Phạm Võng nói với chúng ta, Ngài lần này đến đây thị hiện làm Phật đã là lần

thứ tám ngàn rồi, Ngài đến thế gian này của chúng ta đã là lần thứ tám ngàn. Chúng ta mới hoảng nhiên đại ngộ, mới hiểu rằng Ngài là tác tư thị hiện tùy thuận thế gian, người thế gian đều phải tìm cha mẹ để đầu thai, giả như Phật xuất hiện trên thế gian này mà chẳng có cha mẹ, từ trên trời giáng xuống thì Ngài khó giáo hóa chúng sanh. Chúng ta vừa nhìn thấy Ngài, bèn nghĩ chúng ta là do cha mẹ sanh ra còn Ngài là từ trên trời xuống, vậy thì làm sao mình có thể bằng Ngài được? Làm sao có thể học thành đạt được? Sự biểu diễn của Ngài là tùy thuận thế gian, chúng ta là do cha mẹ sanh, Ngài cũng là do cha mẹ sanh, chúng ta từ nhỏ lớn lên, Ngài cũng từ nhỏ lớn lên; cho nên Ngài có

thể thành Phật, chúng ta cũng có thể thành Phật. Sự biểu diễn này khiến chúng ta tăng trưởng tín tâm, Ngài đã làm cái gương cho chúng ta xem, tuy là thị hiện nhưng trên mặt giáo hóa mà nói, đích thật là một sự thật. Nếu như chúng ta hiểu được đạo lý này, hiểu được phương pháp này, có thể y giáo phụng hành thì ngay trong một kiếp này, đích thật chắc chắn có thể ra khỏi tam giới, liễu sanh tử thành Phật đạo. Cho thấy sự thị hiện của Thế Tôn chẳng hề lừa dối chúng ta, đều là sự thật.

Kinh văn: "Dĩ định huệ lực, hàng phục ma oán".

Đây là tướng thứ năm, Hàng Ma. Câu nói này, ý nói trong đồng tu chúng ta tâm thường chẳng buông xả được thì gọi là ma chướng, nghiệp chướng, ma chướng cùng nghiệp chướng đều là một việc. Vậy thế nào là ma? Trước tiên chúng ta phải nhận thức nó. Nhận thức được nó thì quý vị sẽ có phương pháp hàng phục nó, nếu quý vị không nhận thức nó được, quý vị chẳng có cách chi đối phó được nó. Kinh Lăng Nghiêm có một thí dụ, thí dụ chúng ta muốn bắt kẻ trộm, quý vị phải nhận biết nó mới có thể bắt được nó, nếu quý vị không nhận biết nó, thì đến chỗ nào để bắt nó? Thí dụ này rất hay. Như vậy ma là gì? Kinh Bát Đại Nhân Giác nói với chúng ta rất rõ ràng, rất minh bạch, Ma có bốn loại

(bốn thứ); chúng ta chẳng thể không rõ, chẳng thể không biết.

- Thứ nhất, Ngũ Ấm là ma, thân thể này của chúng ta là thân ngũ ấm, ngũ ấm [sắc, thọ, tưởng, hành, thức]. Sắc là vật chất, là nhục thân này của chúng ta; vật chất này gọi là Sắc Thân. Thọ, Tưởng, Hành, Thức là Tâm cũng là cùng với tác dụng của tâm lý, con người của chúng ta là do ngũ ấm kết hợp thành; bản thân của ngũ ấm tức là Ma, quý vị bảo thứ này phiền phức biết mấy. Nếu như chẳng liễu sanh tử, quý vị làm sao có thể thoát được ma ngũ ấm? Bồ Tát tu hành trên con đường Bồ Đề, có biết bao nhiêu là chướng nạn, căn nguyên đều là do ngũ ấm. Trong kinh Lăng Nghiêm nói có năm mươi đại loại ấm ma, năm

mươi đại loại này tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, trong mỗi một ấm có mười đại loại, [thành năm mươi loại ấm ma]. Cho thấy ngũ ấm quả thật là cội nguồn của ma oán, chúng ta phải nhận biết nó rõ ràng.

- Loại thứ hai, Phiền Não ma [tham, sân, si, mạn], những thứ này dầy vò chúng ta, ma là nghĩa dầy vò, khiến thân tâm chúng ta chẳng được thanh tịnh, thân tâm chẳng được tự tại, cái này cũng rất khổ.

- Thứ ba là Thiên ma, loại này là ở phía ngoài, chúng ta nói đến nó là nói hoàn cảnh bên ngoài, cái này chẳng phải là từ nơi bản thân, bởi vì Ngũ Ấm ma và Phiền Não ma đều là tự thân, đều là từ bản thân của chính mình. Vậy thì Thiên ma chẳng thuộc

vào hai loại này mà thuộc về sự quấy nhiễu của bên ngoài, tất cả những chướng ngại ở bên ngoài thì đều gọi là Thiên ma, đây là từ bên ngoài, là chướng nạn của hoàn cảnh nhân sự và hoàn cảnh vật chất.

- Thứ tư gọi là Tử ma, con người chẳng thể sống mãi trên thế gian, con người sẽ phải chết; điều này quý vị không nên kiên kỵ, vả lại chúng ta là người học Phật không kiên kỵ. Người thế gian sợ chết, hễ nghe đến chết họ sẽ chẳng vui cũng chẳng muốn, chúng ta là người học Phật thì biết được có Sanh tất có Tử, chết là chuyện rất bình thường. Tuy nhiên, vì thọ mạng quá ngắn ngủi cho nên công phu tu hành của chúng ta chưa thành tựu đã phải chết rồi, như vậy sự tu trì của

kiếp này, thực tế mà nói, là vô cùng đáng tiếc vì công việc tu hành chưa xong, cho dù được luân hồi trở lại nhưng việc luân hồi trở lại này vẫn bị cái mê cách ấm, tất cả sự việc của kiếp trước quên sạch rốt ráo. Cho dù gặp được thiện duyên, gặp gỡ thiện tri thức tốt vẫn phải tu lại từ đầu, quý vị đồng tu tại đây đều là kẻ tái lai, đều là người trở lại, trong kiếp quá khứ đã từng tu qua và cũng là tu rất khá, thế mà vừa luân hồi trở lại đến kiếp này, nghĩ xem như thế nào?

Chúng ta đã hiểu rõ cái chết, nó thật sự là dầy vò chúng ta, nếu không có chết thì sự tu học của chúng ta sớm đã thành tựu rồi. Thế giới này có sanh tử luân hồi cho nên vô cùng vô cùng rắc rối, vậy thì chúng ta có thể tìm

đến một nơi chẳng có Tử ma không? Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đến nơi đó rồi mọi người đều là vô lượng thọ, hoàn cảnh nơi này tốt lắm, cho nên bốn thứ ma chướng này đều chẳng có tại Tây Phương Cực Lạc thế giới. Còn thế giới này của chúng ta, chẳng có một ai có thể tránh khỏi cái chết.

Oán là oan gia, thứ này vô cùng rắc rối, oan gia là gì? Chúng ta đối với tất cả chúng sanh, có những chúng sanh mà chúng ta sát hại, nay chúng đến đòi mạng trả thù, còn như chúng ta lợi dụng hay thiếu tiền họ, những món nợ ta thiếu họ đó thì đương nhiên họ sẽ đến đòi; thiếu nợ thì phải trả nợ, thiếu mạng thì phải đền mạng, đây là oan gia trái chủ.

Vào năm 1979 ở Hong Kong, tôi giảng kinh Lăng Nghiêm tại Quang Minh giảng đường. Quang Minh giảng đường là do Thọ Giả lão hòa thượng xây dựng, trên giảng đường của Ngài có treo một bộ đối liễn, tôi xem thấy rất cảm động. Ngài nói vợ chồng là duyên, không duyên phần chẳng thể thành vợ chồng. Cho nên câu đối trên là "Phu thê thị duyên, hữu thiện duyên, hữu ác duyên, oan oan tương báo". Câu dưới là "Nhi nữ thị trái, hữu đào trái, hữu hoàn trái, vô trái bất lai", Ngài nói rất đúng chẳng sai chút nào cả. Trên thế gian sự quan hệ giữa người và người, cái chân tướng sự thật đó là gì? Báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ; là làm những việc như thế, đây tức là oán đấy.

Chúng ta thật sự đem những sự việc thế gian nhìn thấu rồi, thì nên tận tâm tận lực mà tu Định, tu Tuệ. Nhìn Thấu là Tuệ, Như Như bất động là Định. Sự việc đã nhìn thấu thì mới có thể hàng phục ma oán, nhất định phải nhìn thấu, phải buông xuống. Nhìn Thấu là Tuệ, Buông Xuống là Định, thật sự có thể "nhìn thấu, buông xuống" thì ma oán sẽ chẳng thể quấy nhiễu quý vị nữa, cho nên nhất định phải có Định - Tuệ lực; không có định lực cũng không có trí tuệ thì chẳng thể nhìn thấu cũng chẳng thể buông xuống. Từ sáng đến tối, từ đầu năm mồng Một đến cuối năm Ba Mươi, quý vị làm sao có thể thoát khỏi bàn tay của ma? Đây là điều chúng ta cần phải giác ngộ, cần phải hiểu rõ.

Kinh văn: "Đắc vi diệu pháp, thành tối Chánh Giác".

Đây là tướng thứ sáu trong Bát Tướng Thành Đạo, thành đạo là thị hiện thành Phật. Thành Phật, làm thế nào thành Phật? Ngẫu Ích đại sư trong A Di Đà Yếu Giải nói rất hay "Đức Thích Ca Mâu Ni Phật là do niệm Phật mà thành Phật", câu nói này, đích thật trước đây chưa từng nghe nói qua. Trước đây chưa có ai nói như vậy duy chỉ có mỗi mình Ngẫu Ích đại sư; Ngẫu Ích đại sư, Ngài có chứng cứ, cái chứng cứ ấy tức ở trong kinh A Di Đà, thế mà chúng tôi mỗi ngày tụng kinh A Di Đà mà chẳng có phát hiện, đến khi trải qua Ngài vừa

chỉ điểm, chúng tôi xem lại quả nhiên không sai. Cho nên được vi diệu pháp tức là gặp được pháp môn niệm Phật này, pháp môn niệm Phật này là tối vi diệu chi pháp. Nếu cửu giới hữu tình chúng sanh chúng ta thật sự được gặp rồi, thật sự tin tưởng thì niệm Phật là thành Phật.

Thực tế mà nói, Thế Tôn trong nhiều đại kinh, đại luận, cũng có nói với chúng ta một nguyên lý rất quan trọng, đó là "Nhất thiết pháp tùng tâm tưởng sanh", câu nói này quả là chân lý. Nếu quý vị muốn hỏi tôi, Thế Tôn giảng kinh nói pháp trong bốn mươi chín năm, câu nói nào quan trọng nhất? Thì tôi sẽ cho quý vị biết, câu nói này là quan trọng nhất, "nhất thiết pháp tùng tâm tưởng sanh". Cho nên Phật

dạy cho chúng ta phương pháp niệm Phật, trong tâm chúng ta niệm Phật, tưởng Phật thì là thành Phật, đây là từ tâm tưởng sanh. Cho nên quý vị phải biết rằng, niệm cái gì thì thành cái đó, đây cũng là nguyên lý trong kinh Hoa Nghiêm đã nói với chúng ta "Thập pháp giới y chánh trang nghiêm, duy tâm sở hiện, duy thức sở biến", Thức đây tức là tâm tưởng. Vậy thập pháp giới y chánh trang nghiêm từ đâu mà có? Là do tâm tưởng biến hiện ra. Thập pháp giới, chúng ta tưởng Phật thì hiện Phật pháp giới, tưởng Bồ Tát thì hiện Bồ Tát pháp giới, tưởng La Hán thì hiện La Hán pháp giới.

Hiện nay người thế gian nghĩ những gì? Ngày ngày họ nghĩ phát tài, nghĩ phát tài là pháp giới gì? Là pháp

giới của ngạ quỷ, tâm tham đấy. Tham là ngạ quỷ, sân khuể là địa ngục, ngu si là súc sanh, họ ngày ngày đều tưởng những thứ này, cho nên trong tương lai sau này đều phải đi làm quỷ, quý vị bảo có oan uổng hay không chứ? Hôm nay chúng ta hiểu rõ chân tướng của sự thật này rồi cùng đạo lý cũng hiểu rõ rồi, thì chúng ta nên tưởng Phật, "ức Phật niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật"; nó là từ tâm tưởng mà sanh và đây là "vi diệu pháp thành tối Chánh Giác". Thập phương tam thế nhất thiết chư Phật thành Phật, họ tu học đều từ đạo lý này và cũng đều từ phương pháp này, do đây chúng ta mới khẳng định đây là sự thật, mới hoàn toàn tin tưởng. Cho nên quý vị

nên nhớ kỹ, ngày ngày nên tưởng đến hạnh phúc, tưởng đến vui vẻ, đừng tưởng đến phiền não, đừng tưởng đến đau khổ, tại sao thế? Tại vì đều là từ tâm tưởng sanh mà. Ngày tháng đã khổ lắm rồi, mà ngày ngày quý vị còn tưởng đến cái khổ, vậy là trong khổ lại thêm một cái khổ nữa; tuổi đã cao rồi mà lại nghĩ đến già thì lão hóa sẽ rất nhanh, sau khi già rồi, người già đều có bệnh vì ngày ngày thường nghĩ đến bệnh, không bệnh cũng phải sanh ra bệnh, vả lại còn rất nhiều thứ bệnh. Cho nên cái này là tưởng già, tưởng bệnh, tưởng chết, đây là cách suy tưởng chẳng bổ ích nhất, là căn bệnh trầm trọng của tư tưởng và kiến giải của chúng ta.

Chúng ta là người học Phật chẳng nghĩ tưởng như vậy, mà ngày ngày chỉ tưởng A Di Đà Phật, tưởng Tây Phương Cực Lạc thế giới y chánh trang nghiêm, như thế là đúng và đây là tâm lý khỏe mạnh nhất. Chúng ta thường nói tâm lý khỏe mạnh nhất, tâm lý vệ sinh nhất là tâm thanh tịnh, dùng tâm thanh tịnh tưởng Phật; chúng ta mỗi ngày tụng kinh Vô Lượng Thọ, nghĩ tưởng những đạo lý mà Phật giảng trong kinh, hiểu rõ những cảnh giới thù thắng trong đó và hành theo những lời giáo huấn của Ngài, thì chúng ta sẽ đồng như Phật vậy.

Thường thường nghĩ tưởng, ngày ngày nghĩ tưởng, chẳng hay chẳng biết thì đã thành Phật rồi, đây chính là

sự gia trì của Thích Ca Mâu Ni Phật đối với chúng ta, đây là ân đức của Phật đối với chúng ta. Nếu Phật chẳng dạy cho chúng ta, chúng ta làm sao có thể biết được? Đây đích thật là chân tướng của sự thật, là bí mật của vũ trụ. Phật ở chỗ này đã nói huỵch toẹt cho chúng ta rồi đấy, Ngài đem điều này nói cho chúng ta biết, cho nên thành Tối Chánh Giác tức là thành Phật vậy. Đoạn văn phía dưới này là tướng thứ bảy.

Kinh văn: "Thiên nhân quy ngưỡng, thỉnh chuyển pháp luân".

"Quy" là Quy Y, "Ngưỡng" là cảnh ngưỡng, cũng có nghĩa là tôn kính. Thỉnh chuyển pháp luân ở chỗ này ý nói là họ thỉnh Phật thuyết pháp.

Thực tế mà nói, chúng ta nhìn thấy Phật vui vẻ như thế, tự tại như thế, vì vậy trong kiếp nhân sinh ở thế gian này những gì Ngài biểu hiện đều chứa đầy trí tuệ, chứa đầy đức năng, đây đều là những thứ chúng ta mong cầu, mơ ước, hâm mộ. Chúng ta rất mong muốn Phật chỉ bảo cho chúng ta cái phương pháp mà Ngài làm cách nào để tu học thành tựu, huống chi là sự tối thù thắng bất khả tư nghị, đó là việc liễu sanh tử thoát luân hồi. Ngài chẳng có sanh tử, Ngài chẳng có luân hồi; chẳng những luân hồi Ngài đã đột phá mà thập pháp giới Ngài cũng đột phá luôn. Đây là điều mà chúng ta rất muốn hiểu rõ, muốn biết đến, muốn học tập, muốn thỉnh đức Thích Ca Mâu Ni Phật đến chỉ dạy chúng ta,

Ngài vì chúng ta nói rõ đạo lý bên trong, vì chúng ta nói rõ chân tướng của sự thật để chúng ta dễ dàng học tập.

Kinh văn: "Thường dĩ pháp âm, giác chư thế gian".

Pháp, trong đây có hai ý nghĩa, thứ nhất là đạo lý và thứ hai là phương pháp, Phật đem đạo lý của vũ trụ và nhân sinh vì chúng ta nói ra, Ngài cũng đem sự tướng chân thật vì chúng ta nói ra. Làm thế nào có thể đột phá những mê hoặc điên đảo của chúng ta, để mà chứng đắc chân tướng của sự thật và cùng những phương pháp tu học. Thường là Ngài không ngừng vì chúng ta nói, chẳng

gián đoạn vì chúng ta tuyên thuyết. "Giác chư thế gian", câu chư thế gian này bao gồm lục đạo, bao gồm cửu pháp giới hữu tình chúng sanh, họ đều cần sự chỉ dạy của Phật. Bốn câu phía dưới là lược giảng về thành quả của giáo học, hoặc nói là hiệu quả của giáo học.

Kinh văn: "Phá phiền não thành".

Phiền não của chúng ta quá nhiều quá nhiều. "Phiền não vô tận thệ nguyện đoạn", Phật trong lúc giảng kinh thuyết pháp, Ngài đem vô lượng vô biên phiền não quy nạp lại thành tám vạn bốn ngàn. Tám vạn bốn ngàn này là có con số, còn vô lượng vô

biên chẳng có con số. Tám vạn bốn ngàn chẳng phải mơ hồ tùy tiện mà nói, xác thật từng điều từng điều nói rõ cho chúng ta, nói đủ tám vạn bốn ngàn điều. Người thế gian chúng ta thích đơn giản, sợ phiền phức, sợ rườm rà, sợ mất nhiều thì giờ, điều này Phật rất hiểu. Do đó nên Phật đã đem nó quy nạp thêm một lần nữa, quy nạp thành một trăm lẻ tám điều, và đây chính là cương lĩnh. Một trăm lẻ tám loại gọi là Bách Bát Phiền Não, xâu chuỗi niệm Phật của chúng ta là một trăm lẻ tám hột, ý nói phải niệm A Di Đà Phật, niệm Giới-Định-Tuệ để mà đoạn diệt một trăm lẻ tám cái phiền não, là mang ý nghĩa này.

Thế nhưng một trăm lẻ tám điều mà vẫn còn chê là rườm rà, còn chê là

phiền phức, bởi vậy ngài Thiên Thân Bồ Tát soạn quyển Bách Pháp Minh Môn Luận, Ngài đem những phiền não này lại quy nạp thêm một lần nữa thành ra hai mươi sáu loại. Như vậy thì là dễ dàng, cho nên hiện nay thông thường giảng kinh nói pháp, nói đến con số của phiền não, đều y theo cách nói của Thiên Thân Bồ Tát. Hai mươi sáu loại này, có sáu cái căn bản phiền não với hai mươi cái tùy phiền não; hai mươi sáu loại phiền não ở chỗ đây, chúng ta chẳng cần thiết phải nói cho kỹ ở phần này. Trong căn bản phiền não này là tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến, sáu cái này gọi là căn bản; ác kiến tức là tà tri tà kiến, đây là sáu cái căn bản phiền não.

Phật vì chúng ta thuyết pháp, chỉ dạy chúng ta làm cách nào đem những phiền não này nhổ trừ. Trong hành môn của Bồ Tát, tức là cương lĩnh tu hành của Bồ Tát và cũng là sinh hoạt thường nhật của Bồ Tát, cần nhất là phải tuân thủ nguyên tắc này; sáu thứ mà chúng ta gọi nó là Lục Độ, mục đích của sáu điều này tức là đoạn phiền não. Bố Thí Ba La Mật là phá bỏn xẻn tham lam, quý vị xem, cái căn bản phiền não này, cái thứ nhất là tham (tham, sân, si). Nhẫn Nhục Ba La Mật là phá sân khuể. Bát Nhã Ba La Mật là phá ngu si. Cho nên Bồ Tát tu Lục Độ này, đối với tự mình mà nói tức là "phá phiền não thành", Thành là thí dụ, nó vô cùng kiên cố rất khó công phá, vì thế Bồ Tát dùng

phương pháp Lục Độ để công phá phiền não thành, thành là thí dụ.

Kinh văn: “Hoại chư dục tiệm”.

Chữ “Tiệm” này là con sông để hộ thành, thành thị thời nay chẳng còn nữa, thành thị xưa kia thì có. Hiện nay tại Trung Hoa Đại Lục vẫn còn gìn giữ được vài cái cổ thành, như ở Tây An vẫn còn vài bức tường thành; phía ngoài của bức tường thành là sông hộ thành, con sông đó gọi là Tiệm, là dùng để phòng thủ thành trì xưa kia, vậy cái này cũng chỉ dùng để thí dụ. Chữ “Dục” này là ngũ dục tài, sắc, danh, thực, thùy, mà Phật thường nói trong kinh đây là năm cái gốc của địa ngục, những thứ này nếu

chẳng đem nó bứng trừ đi, dù muốn siêu việt tam giới lục đạo, cũng khó lắm. Chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, cũng phải đem những phiền não này bứng đi, quý vị mới có thể đi được, chớ nghĩ rằng ta niệm Phật, lúc lâm chung Phật sẽ đến tiếp dẫn ta! Không sai. Phật sẽ đến tiếp dẫn quý vị, nhưng năm cái gốc của địa ngục vẫn còn buộc chặt nơi đó, Phật có kéo cũng kéo không nổi, quý vị vẫn chẳng đi được. Nhất định phải đem những thứ này đạm hóa nó đi, chúng ta phải hiểu những thứ này đều là có hại, có độc; ý niệm tham, sân, si này là trong tâm có độc thì cái tâm này chẳng tốt mà là tâm hư hỏng rồi. Nếu trong thân thể ta có chỗ nào bị bệnh, quý vị đều phải biết nhanh chóng đi tìm bác sĩ,

mau chóng giải phẩu đem nó cắt bỏ. Tâm của quý vị đang bị hư mà quý vị chẳng hay biết, quý vị chẳng nôn nóng trong tâm có tham, sân, si, tâm này hỏng rồi là đại chướng ngại, niệm Phật cũng chẳng thể vãng sanh.

Cho nên chúng ta nhất định phải biết, phải hiểu rõ, phải đem tham, sân, si, buông xuống thì chúng ta mới có thể làm Phật. Phật, Bồ Tát chẳng có tham, sân, si. Phật, Bồ Tát tuyệt đối không lưu luyến ngũ dục lục trần, tâm các Ngài là thanh tịnh, chẳng mảy may có những thứ này. Vậy hôm nay trong tâm chúng ta có những thứ này, thì tâm này đang có bệnh, tâm này đang có độc, tâm này chẳng phải là hảo tâm, vì vậy nhất định phải hết lòng niệm câu A Di Đà Phật để hồi

phục lại tâm thanh tịnh của chúng ta. Cho nên nói công phu của người niệm Phật, thì công phu sử dụng ở chỗ nào? Tâm tham vừa khởi dậy, dùng câu A Di Đà Phật đem tâm tham đè xuống, tâm sân khuể vừa nổi dậy thì niệm A Di Đà Phật, cơn giận không phát lên nữa và tâm sân khuể cũng đánh mất luôn. Đây là người xưa thường nói: "Không sợ niệm khởi, chỉ sợ giác chậm". Niệm là phiền não vọng tưởng, phiền não vọng tưởng khởi lên không sợ, phải giác ngộ cho nhanh, sự giác ngộ này tức là một câu Phật hiệu. Ý niệm thứ nhất là phiền não, ý niệm thứ hai là A Di Đà Phật, thì đem những tạp niệm của vọng tưởng phiền não đánh tan mất, đây mới gọi là dụng công, là thật sự biết dụng công.

Cách niệm Phật này mới gọi là đắc lực, niệm lâu rồi vọng tưởng phiền não tự nhiên ít dần, tự nhiên nhẹ đi, vọng tưởng phiền não nhẹ rồi thì nó sẽ chẳng sanh ra chướng ngại nữa. Khi Phật đến tiếp dẫn, quý vị thật sự có thể buông xả được sạch sẽ như vậy, như thế mới có thể theo Phật vãng sanh Tây Phương thế giới. Cho nên thế, xuất thế gian pháp đều chẳng thể tham, phải hiểu rằng mọi thứ đều là giả tạo, đều là Không, quyết định chẳng có một pháp nào quý vị có thể được. Trong Tâm Kinh nói lời chân thật cho chúng ta biết "vô trí diệc vô đắc", Vô Đắc mới là thật có. Đừng nghĩ rằng cái này là của ta, cái kia cũng là của ta; vậy thì hỏng bét, đó là tạo tam ác đạo vậy.

Kinh văn: "Tẩy trạc cấu ô, hiển minh thanh bạch".

Phiền não ngũ dục đã rời xa rồi thì tâm sẽ thanh tịnh, bởi vì những thứ này làm ô nhiễm tâm thanh tịnh của chính mình. Giờ phút này có thể xa rời nó thì là sẽ phá mê, nếu phá được mê thì sẽ khai ngộ. Phá mê rồi, như đại đức Thiền Tông chỗ nói: "Hồi thoát căn trần, linh quang độc diệu". Căn là lục căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, Trần là cảnh giới bên ngoài: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; chẳng những trần không nhiễm, mà căn cũng chẳng dùng. Đúng như trong kinh Lăng Nghiêm, ngài Giao Quang đại sư có nói: "Bỏ thức dùng

căn”, là dùng cái Tánh trong căn, đây mới thật là cao minh, cùng với chư Phật, Bồ Tát giống nhau.

Kiến, dùng kiến Tánh để thấy, chẳng phải dùng Nhãn thức, thức là ô nhiễm, Tánh là quang minh, linh quang độc diệu. Nghe, chẳng cần Nhĩ thức để nghe, dùng Tánh nghe để nghe; dùng căn tánh của lục căn, căn tánh của chân tâm cũng gọi là chân như và cũng gọi là bản tánh, đây là dùng cái này. Đương nhiên, câu nói này, nói thì dễ làm thì rất khó, chúng ta là phàm phu nên nghiệp chướng sâu dầy quyết chẳng thể biết dùng, suốt ngày dùng đó vẫn là dùng sáu thức. Tuy dùng sáu thức cũng có thể vãng sanh, cái ưu thế của chúng ta là ở chỗ này, đây gọi là Đới Nghiệp

Vãng Sanh. Nếu như là dùng cái Tánh trong căn, như thế thì chẳng phải là đới nghiệp nữa, vì nghiệp đã hoàn toàn tiêu trừ hết thảy, người nào như thế niệm Phật vãng sanh, phẩm vị sẽ cao. Sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, họ là sanh vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ, họ chẳng phải ở Phàm Thánh Đồng Cư Độ.

"Hiển minh thanh bạch", đây là linh quang độc diệu, là tâm địa thanh tịnh rõ ràng. Hai câu này, nếu dùng lời của Đại Thế Chí Bồ Tát mà nói tức là "Đô nhiếp lục căn, tịnh niệm tương kế", chúng ta dùng hai câu nói này của Đại Thế Chí Bồ Tát thì sẽ dễ hiểu hơn. Công phu thuần thục rồi sẽ tự đắc tâm khai, "hiển minh thanh bạch" tức là cảnh giới của tự đắc tâm

khai. Thực tế mà nói, đây tức là minh tâm kiến tánh của Thiền Tông và cũng là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Vì sao chúng ta ngày nay không khai ngộ? Tức là bởi vì có nghiệp chướng, có phiền não, có dục vọng, chúng đã đem tâm tánh quang minh của chúng ta làm chướng ngại mất, nên chẳng thể khai ngộ. Nhất định phải đem những thứ này vất đi, sau đó trí tuệ quang minh trong tâm tánh của chúng ta sẽ tự nhiên hiển lộ ra, đó gọi là khai ngộ, đó gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, kiến tánh thì thành Phật rồi! Vậy đây là nói rõ, Phật vì chúng ta nói pháp môn này thì là chúng ta có thể đạt tới những cảnh giới đó. Xin xem tiếp phần kinh văn phía dưới.

Kinh văn: "Điều chúng sanh, tuyên diệu lý, trữ công đức, thị phước điền".

Đây vẫn còn nằm trong phần (thỉnh chuyển pháp luân), đoạn thứ hai, phía trước là đoạn thứ nhất (phá mê khai ngộ), nghiêng nặng về mặt Tuệ. Có Tuệ vẫn cần phải có Phước nữa, quý vị xem, thành Phật rồi thì Phước Tuệ đều đầy đủ, vì vậy Phật được gọi là Nhị Túc Tôn: Túc là mãn túc, viên mãn, Nhị là hai thứ viên mãn, một thứ là trí tuệ viên mãn, một thứ là phước báo viên mãn; trí tuệ và phước báo hai thứ đều viên mãn cả. Phía trước là trí viên mãn thì tuệ viên mãn. Tuệ viên mãn rồi, bây giờ Ngài

dạy chúng ta tu Phước, phước cũng phải viên mãn. Tu phước, tu bằng cách nào đây? "Điều chúng sanh", Điều là điều ngự, điều lý; chúng sanh có vọng tưởng, tạp niệm, phiền não rất nhiều, phải đem nó điều lý trở lại, khiến cho nó có thể thuận pháp tánh, chẳng đi ngược lại với pháp tánh. Như thế dần dần họ có thể viễn ly vọng tưởng, phân biệt, chấp trước; trước tiên phải điều thuận nó, đây tức là chư Phật, Bồ Tát đối với tất cả chúng sanh mà chỉ dạy chỗ gọi là thiện xảo phương tiện.

Dùng phương pháp gì để điều lý? Cần phải nói rõ thêm một tí, nó gọi là "Tuyên diệu lý", Tuyên là tuyên thị, cũng tức là nói, đem chân tướng của vũ trụ và nhân sinh (vũ trụ là hoàn

cảnh sinh hoạt, nhân sinh là bản thân chúng ta), thật tại mà nói, đây là đối với ta có quan hệ vô cùng mật thiết. Nói một cách khác, Phật muốn nói với ta để cho ta biết chân tướng của hoàn cảnh sinh hoạt của chính ta; chân tướng đã hiểu rồi thì sự việc này sẽ làm dễ dàng, vì chúng ta biết những gì nên buông xả thì tự nhiên biết buông xả, những gì nên giữ lấy thì tự nhiên biết giữ lấy, nên xả chúng ta biết xả. Đã hiểu rõ rồi chẳng cần người khuyên bảo nữa, ngày nay có rất nhiều người khuyên bảo chúng ta phải xả, vì sao chúng ta vẫn chẳng chịu xả? Vì chân tướng của sự thật chưa nắm rõ. Quý vị bảo ta xả, ta sẽ hỏi vì sao ta xả, vì sao những người kia chẳng xả, vì sao bắt ta phải xả?

Chân tướng của sự thật chưa nắm rõ, nhất định phải nói rõ ràng, "tuyên diệu lý" đây là điều trong Phật pháp thường nói: "Khai thị ngộ nhập". Phật vì chúng ta khai thị, chúng ta phải tự có thể ngộ nhập. Ngộ nhập là việc của chúng ta, là việc của học sinh, còn thầy đối với chúng ta là khai thị tức là nói rõ.

"Trữ công đức", công đức là trọng yếu, Công là công phu, chỗ gọi là một phần cày cấy nhất định có một phần thu hoạch. Công đức, điều nhất định phải hiểu rõ và phải biết cách tu tập. Phần dưới A Di Đà Phật làm cái gương cho chúng ta xem lúc Ngài chưa thành Phật, khi còn đang tu Bồ Tát đạo, Ngài tu hành như thế nào để tích công lũy đức, vì vậy mới biết

được người ta thật sự tu hành. Chúng ta cử một thí dụ để nói là trì giới là công, được định là đức (trì giới thì được định); tu định là công, khai trí tuệ tức là đức. Cho nên Giới - Định - Tuệ Tam Học cũng là cái trước là công, cái sau tức là đức. Cùng một đạo lý, bố thí là công, phá trừ bỏn xẻn tham lam là đức; trì giới có công, phá ác là đức; nhẫn nhục là công, đoạn trừ sân khuể là đức. Điều này chúng ta phải nhận thức rõ ràng cái gì gọi là Công, cái gì gọi là Đức.

Công đức và phước đức không giống nhau, công đức có thể đoạn phiền não, công đức có thể phá vô minh, bởi vì được định thì đoạn được phiền não, tuệ có thể phá được vô minh; có thể giúp quý vị liễu sanh tử,

xuất tam giới viên thành Phật đạo, đây đều phải nhờ vào công đức. Phước đức cũng rất quan trọng, phước đức giúp quý vị độ chúng sanh, bởi vì nếu quý vị chẳng có phước báo thì quý vị độ chúng sanh sẽ khó khăn hơn. Chúng sanh ngu si, họ rất thích thân cận người có đại phước báo, họ rất chán ghét khi nhìn thấy người không có phước báo. Cho nên Phật nhất định phải giáng sanh trong gia đình đế vương, mọi người đối với Ngài kính ngưỡng, ngưỡng mộ, họ sẽ theo Ngài học Phật; nếu như Phật xuất hiện trong một gia đình ăn xin, thì có ai đếm xỉa đến? Cho dù học vấn có giỏi hơn, đạo đức có tốt hơn đi nữa, cũng chẳng có ai muốn thân cận. Cho nên thân phận và địa vị là chỗ

mà người đời mê đắm, Phật cũng phải hằng thuận chúng sanh, Ngài cũng có phương tiện thiện xảo của Ngài, nhất định phải biết tu phước.

"Thị phước điền", chỉ thị cho chúng ta là người thế gian rất coi trọng phước báo, phải làm cách nào để tu phước? Điểm này, quý vị đồng tu nên luôn luôn ghi nhớ, phải nhận thức rõ ràng, phước báo phần nhiều là do tiền kiếp tu được. Trong kinh Phật thường nói: "Nhân quả thông ba đời", lại nói với chúng ta: "Dục tri quá khứ nhân, kim sanh thọ giả thị", là nếu quý vị muốn biết trong đời quá khứ của quý vị tu nhân gì, Phật nói với chúng ta rằng những gì chúng ta hưởng thụ trong kiếp này là nó. Sự hưởng thụ trong kiếp này là quả báo,

như thị nhân nhất định được như thị quả, nhân quả là tương ưng. "Dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị", nếu như chúng ta muốn biết quả báo trong kiếp sau của chúng ta như thế nào, Phật nói cho chúng ta rằng những gì chúng ta tạo tác trong kiếp này là nó. Trong kiếp này của chúng ta nếu tạo tác thiện nghiệp thì kiếp sau chúng ta được thiện quả; kiếp này tạo ác nhân thì kiếp sau nhất định là ác báo, "nhân duyên quả báo tơ hào chẳng sai".

Cho nên tài phú từ đâu đến? Tài phú là do Tài bố thí mà có. Quý vị chẳng chịu bố thí Tài, quý vị làm sao có được tài phú? Cho nên phải biết, bố thí Tài là nhân, tài phú là quả báo, phải biết tu nhân; Pháp bố thí là nhân, thông minh trí tuệ là quả báo; Vô Úy

bố thí là nhân, khỏe mạnh là quả báo. Năm nay, vào hai tháng trước tôi giảng kinh tại Vancouver Canada, vị hội trưởng Hội Phật Giáo tại Vancouver, ông Phùng Công Hạ lão cư sĩ, vị lão cư sĩ này năm nay đã chín mươi hai tuổi, nhưng nhìn giống như người sáu mươi tuổi, vả lại vừa có tiền lại vừa thông minh trí tuệ, ông ta ở bên đó giảng kinh Lăng Nghiêm, vừa khỏe mạnh vừa trường thọ. Ông ta đang đứng ở đó, tôi nói đây là một điển hình tốt nhất, trong đời quá khứ ông đã bố thí Tài, bố thí Pháp, bố thí Vô Úy, ba thứ bố thí này ông đều làm đủ cả. Ngày nay quả báo của ông đã bày rõ ngay trước mắt chúng ta; quý vị chẳng tu nhân, làm sao có được quả báo này!

Trong kiếp quá khứ quý vị không có tu, hiện nay lại muốn cuộc sống được tốt hơn một tí, vậy phải làm sao? Nhất chí cố gắng tu thì có thể được. Ông Viên Liễu Phàm, trong đời quá khứ tu chẳng đủ, cho nên cuộc sống rất khổ may sao gặp được Vân Cốc thiền sư, Ngài bèn đem phương pháp tu phước trong Phật pháp "thị phước điền" nói cho ông, nghe rồi ông thật sự làm, vả lại cả nhà đều làm. Vào lúc tuổi già, phước báo tuổi già là do kiếp này ông tu được chẳng do kiếp quá khứ của ông, mà ngay đến thọ mạng cũng được kéo dài. Bởi vậy Khổng tiên sinh đoán vận mạng cho ông, ông chỉ thọ có năm mươi ba tuổi mà ông đã sống đến bảy mươi tuổi, trong mạng ông không có con nhưng ông đã

có hai đứa con. Những thứ tài phú, con cái, khỏe mạnh, trường thọ đều do chính ông tu được trong kiếp này, cho nên hiện giờ chúng ta cũng tu, đợi tuổi già hưởng vẫn hãy còn kịp, hiện giờ nếu chẳng chịu tu, hưởng sạch hết sẽ không còn nữa. Cho nên quý vị nhất định phải biết được đạo lý này, biết được chân tướng của sự thật này, chúng ta mới biết nên phải làm cách nào tự cầu nhiều phước báu. Đây chính là lợi ích chân thật của Phật pháp.

Những năm trước khi tôi giảng kinh, tôi cũng thường nói với quý vị, chính bản thân tôi là một điển hình, vì trong đời quá khứ tôi chẳng tu phước, còn tu tuệ thì tu cũng chẳng đủ, cho nên quả báo đời này có được một tí

thông minh trí tuệ, còn phước báo một tí cũng chẳng có. Hơn nữa thọ mạng lại ngắn, lúc trước coi bói xem tướng họ đều nói tôi không qua khỏi bốn mươi lăm tuổi, lúc đó tôi rất tin. Cho nên khi học Phật, tôi mới đem thời gian ngày giờ hoạch định cho đến bốn mươi lăm tuổi, vì đến bốn mươi lăm tuổi phải chết rồi, chẳng có cách gì hơn. Cho nên tôi phải tu cho đàng hoàng, phải tận hết lòng mà làm và bây giờ tôi đã sắp bảy mươi tuổi rồi, tuổi thọ này là do kiếp này tu được chẳng phải của kiếp trước. Hiện nay tôi vẫn cảm thấy mình rất có phước báo, sống rất hạnh phúc, rất vui sướng, tất cả đều là do kiếp này tu được; giờ tôi có được lợi ích chân chính của Phật pháp, nên tôi mới

mách cho quý vị. Nếu như tôi chẳng thật sự có được lợi ích chân chánh đó thì tôi chẳng dám quả quyết nói với quý vị; tôi thật sự đã có được, đã chứng minh những lời nói trong Phật pháp là chân thật bất hư, mỗi mỗi đều là chân thật. Cho nên khi tôi nói với quý vị thì tôi vô cùng khẳng định điều này, tôi quyết định chẳng phải mơ hồ hàng hai vì chính tôi đích thân đạt được.

Đây là Phật đã đem cách tu phước điền nói cho chúng ta rồi, tức là Tài bố thí, Pháp bố thí, Vô Úy bố thí. Mà trong tất cả sự bố thí, Phổ Hiền Bồ Tát nói cho chúng ta rằng Pháp bố thí là tối thù thắng; đệ nhất thù thắng là bố thí Pháp, vì trong Pháp đã bao gồm cả Tài và Vô Úy. Cho nên quý vị

có thể tu Pháp bố thí, đó là điều thông minh nhất và quả báo mà quý vị được cũng nhanh nhất, cũng rõ rệt nhất. Trước kia khi tôi học ở Đài Trung, thầy Lý thường nhìn thấy trong số bạn học, có người mạng số rất bạc; người bạc mạng số, có thể nhìn biết từ tướng trên mặt, tướng đoản mạng chẳng có phước báo. Thầy Lý khuyên họ phát tâm giảng kinh, phước báo giảng kinh lớn nhất và cũng nhanh nhất, cho nên Ngài tìm những người này khuyên họ học giảng kinh, khuyên họ phải nỗ lực tu bố thí Pháp. Cách chuyển vận mạng này, đích thật là chuyển rất nhanh so với các thứ bố thí khác, hiệu quả cũng vô cùng rõ rệt. Câu dưới là đề cập đến sự việc này.

Kinh văn: "Dĩ chư pháp dược, cứu liệu tam khổ".

Tam Khổ là đối với chúng sanh mà nói, vô số chúng sanh đều ở trong ba cái khổ này. Tam khổ là nói về cái gì? Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, nghĩa là nói lục đạo luân hồi, "Dĩ chư pháp dược, cứu liệu tam khổ" tức là dùng Phật pháp mà cứu vớt chúng sanh ở lục đạo luân hồi, là như vậy. Phật pháp thì quảng đại không bờ mé, làm thế nào có thể thực hiện vào đời sống thực tế của chúng ta? Điều này vô cùng quan trọng. Nếu như chẳng thể thực hiện vào trong sinh hoạt thường ngày, thì Phật pháp này chỉ là nói huyền nói diệu, chúng ta cũng chẳng có được thọ dụng. Cho nên đối

với chư pháp, chúng ta nhất định phải tìm cho được cái cương lĩnh của nó là đơn giản, rõ ràng, dễ hiểu, có như vậy mới dễ dàng tu. Trong Tịnh Tông, sự tu học của chúng ta quy nạp thành năm khoa mục, cái này thì mọi người sẽ rất dễ nhớ.

Thứ nhất là Tu Phước, thật tại mà nói, không có phước là không được, trong Quán Vô Lượng Thọ Kinh, Phật dạy cho chúng ta Tam Phước, ba điều này rất là quan trọng. Thế Tôn rõ ràng vì chúng ta tuyên nói là "Tam thế chư Phật, Tịnh nghiệp chánh nhân". Nói một cách khác, quá khứ Phật, hiện tại Phật, vị lai Phật, muốn thành Phật nhất định phải xây dựng trên cơ sở này, rời khỏi cơ sở này họ chẳng có cách chi thành Phật được. Quý vị mới

biết rằng ba điều này là đại căn, đại bản của sự tu hành của chúng ta.

a- Phước thứ nhất, "Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp"; chúng ta có thật lòng để làm không? Nếu chẳng thật lòng để làm thì Phật pháp mà quý vị đã học được đó hoàn toàn không có kết quả, cho dù một ngày niệm mười vạn tiếng Phật hiệu cũng chẳng thể vãng sanh, điều này quý vị nhất định phải ghi nhớ, vì sao thế? Vì tam thế chư Phật đều lấy đây làm nền tảng tu học, quý vị không có nền tảng thì làm sao được? Không có một vị Phật nào mà không hiếu thuận cha mẹ, chẳng có một vị Bồ Tát nào mà chẳng hiếu thuận cha mẹ, chúng ta đối với cha mẹ không hiếu thuận, vậy thì quý

vị đừng nên học Phật, quý vị đừng nhắc đến nữa. Cho nên học Phật, phải bắt đầu từ đâu? Từ chỗ hiếu thuận cha mẹ mà bắt đầu học. Có nhiều người niệm Phật đã sơ suất việc này, cho nên niệm Phật, niệm cả một đời mà vẫn chẳng thể vãng sanh, trước kia thầy Lý Bỉnh Nam thường nói, người niệm Phật ở Đài Trung rất nhiều, một vạn người niệm Phật thật sự có thể vãng sanh, chỉ có năm, ba người mà thôi. Vì sao nhiều người chẳng thể vãng sanh như vậy? Vì chẳng có nền tảng, không hết lòng để tu nền tảng này.

Phàm người có thể vãng sanh, quý vị thử đi hỏi thăm xem cái điều kiện căn bản này họ nhất định làm được, họ biết hiếu thuận cha mẹ, họ

biết tôn kính sư trưởng, "tôn sư trọng đạo", tâm địa của họ từ bi, nhất định họ có thể trì ngũ giới và tu thập thiện, người như thế mới có thể vãng sanh. Cho nên chúng ta có thể thấy được trong kinh điển như kinh Vô Lượng Thọ, kinh Quán Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà, Phật đều thường nói đến thiện nam tử thiện nữ nhân. Nếu như Tam Phước một điều này cũng làm không được, vậy thì chẳng phải là thiện nam tử thiện nữ nhân. Niệm Phật vãng sanh phải là thiện nam tử thiện nữ nhân, tiêu chuẩn của Thiện đó tức là bốn câu này, nó vô cùng vô cùng quan trọng, quyết định chẳng thể sơ suất được. Nếu như trong một đời này của chúng ta thật sự muốn sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới

thì quý vị chẳng thể sơ sót, quý vị phải hết lòng cố gắng để làm.

b- Phước thứ hai là "Thọ trì Tam Quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi", vậy phước báo này lại càng lớn hơn. Thọ trì Tam Quy, Tam Quy trên mặt hình thức, mọi người đã thọ qua, khi tôi còn ở Đài Bắc có một vị đồng tu nói với tôi một cách cảm khái rằng "Rất nhiều người khi thọ xong Tam Quy rồi, chẳng hiểu Tam Quy là gì?", cứ nghĩ rằng đã quy y một vị pháp sư, điều này đã sai lầm. Chúng tôi có một quyển sách nhỏ nói về Truyền Thọ Tam Quy, ở phía ngoài kia đều có tặng biếu miễn phí để kết duyên, những vị đã thọ Tam Quy rồi hoặc những đồng tu chưa thọ Tam Quy đều phải nên xem, xem thêm vài lần để

hiểu thế nào gọi là Tam Quy Y. Từ đâu mà Quy? Nương nhờ cái gì? Phải rõ rõ ràng ràng minh minh bạch bạch, chẳng thể sai lầm, đây là căn bản của việc tu hành, là nền tảng của sự tu hành. Từ Tam Quy Y lại phát tâm trì giới, giới luật, quả nhiên ngày nay chúng ta đã đem ngũ giới thập thiện làm được rồi, thì quyết định được vãng sanh, những giới điều khác thì khó chẳng dễ dàng, chỉ cần đem ngũ giới thập thiện làm cho tốt là được rồi.

Cho nên hôm nay, cho dù đã xuất gia Hoằng Nhất đại sư nói rất hay, trong quyển Giảng Diễn Ký có vài trang diễn văn, là trước kia ở tại Mân Nam Phật Học Viện, giảng tại Hạ Môn. Ngài nói Trung Hoa sau thời Nam Tống đã không còn những vị tỳ-

kheo chân chánh nữa, chúng ta thọ những giới này chỉ là hình thức "hữu danh vô thực", điều này tự mình phải biết rõ. Cho nên Ngẫu Ích đại sư là người nghiên cứu giới luật, một đời Ngài chỉ tự xưng là Bồ Tát Giới Sa Di, Ngài chẳng dám xưng là Tỳ Kheo, chỉ xưng Bồ Tát Giới Sa Di. Đồ đệ của Ngài là Thành Thật pháp sư, Ngẫu Ích đại sư toàn tập là do học sinh của Ngài biên tập, xuất bản cho Ngài, người này đối với Phật pháp cũng có sự cống hiến rất lớn, nếu không có người này, trứ tác của Ngẫu Ích đại sư chẳng cách chi lưu truyền đến hậu thế được, do người này giúp Ngài lưu thông. Bởi vì thầy tự xưng Sa Di, nên phần đệ tử không dám xưng là Sa Di, vậy phải xưng thế nào? Xuất Gia Ưu

Bà Tắc. Thành Thật pháp sư là người đầu tiên tự xưng là Xuất Gia Ưu Bà Tắc. Vào đầu năm Dân Quốc, Hoằng Nhất đại sư cũng tự xưng như vậy, là Xuất Gia Ưu Bà Tắc đây là sự thật. Cho nên người xuất gia chúng ta có thể đem Ngũ Giới Thập Thiện làm tốt, làm một vị Xuất Gia Ưu Bà Tắc, danh xưng và thực tế phù hợp, đây cũng quyết định được sanh về Tịnh Độ. Cho nên, không phạm oai nghi, giữ lễ tiết và giữ quy củ, làm người một cách quy củ, vậy thì là đúng và đây là phước thứ hai.

c- Phước thứ ba là Đại Thừa Bồ Tát chỗ tu "Phát Bồ Đề tâm, thâm tín nhân quả, đọc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả". "Phát Bồ Đề tâm" này là chân chánh giác ngộ, chân chánh

hiểu rõ chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. "Thâm tín nhân quả", chuyên môn chỉ niệm Phật là nhân thành Phật là quả, quyết định tin niệm Phật thành Phật, Đại Thế Chí Bồ Tát chỗ nói: "Ức Phật niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật; bất giả phương tiện, tự đắc tâm khai", chúng ta đối với việc này một tơ hào cũng chẳng hoài nghi, đây gọi là thâm tín nhân quả. "Đọc tụng Đại Thừa", chúng ta mỗi ngày tụng Đại Thừa Vô Lượng Thọ Kinh, chúng ta một đời đem hết hình hài thọ mạng để phụng hành, thọ trì phụng hành, chúng ta phải đọc cho thật thuộc, phải hiểu rõ ràng những đạo lý được giảng bên trong, nhất định phải đem nó ứng dụng vào trong cuộc sống hằng ngày xử sự, đối người,

tiếp vật, đều tuân theo lời giáo huấn của Phật. "Khuyến tấn hành giả", chúng ta tự mình y theo phương pháp này tu hành, chúng ta có nghĩa vụ, có trách nhiệm để đi tuyên dương, khuyến dẫn đại chúng tu học pháp môn này, khiến tất cả đại chúng đều có được lợi ích thù thắng nhất của Phật pháp, đây là Tam Phước.

Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật phải ghi nhớ rất thuộc, rất rõ ràng, rất minh bạch, trong sinh hoạt thường ngày của chúng ta nhất định phải tuân theo, đây là căn bản của phước điền. Con người chẳng thể rời xa xã hội để sinh tồn, nói một cách khác, con người không thể xa rời nhân quần, con người là phải phụng sự hoạt động của xã hội, phải sống

cuộc sống tập thể. Do đó Phật dạy chúng ta sống chung phải tu Lục Hòa, Lục Hòa cũng là giới điều căn bản của chúng ta tức là phải tu Lục Hòa Kính. Trong Lục Hòa, điều thứ nhất là "Kiến Hòa Đồng Giải" tức là hiện nay thế gian chỗ gọi là kiến lập cộng thức, xây dựng ý thức chung. Cách nghĩ, cách nhìn của chúng ta phải kề cận, phải tương đồng, như thế mới có thể hòa mục sống chung với nhau. Sự giáo hóa của các bậc Thánh Hiền của thế, xuất thế gian chẳng có chi khác, thật tại mà nói, là giúp chúng ta kiến lập cộng thức. Như thế xã hội mới có thể hòa hài, thế giới mới có thể đại đồng.

Điều thứ hai "Giới Hòa Đồng Tu", Giới là thủ pháp, Phật ban cho chúng

ta giáo giới quý vị phải tuân thủ. Pháp luật của một quốc gia, phong tục tập quán của xã hội, quan niệm đạo đức, mỗi điều đều phải tuân thủ, đây là Giới Hòa Đồng Tu. Nuôi dưỡng một tinh thần thủ pháp, thủ quy củ, như vậy sẽ khiến kiến giải tương đồng, tư tưởng rất kề cận, người người đều có thể thủ pháp, sau đó mới có thể thật sự làm đến "Thân Đồng Trụ", "Khẩu Vô Tranh", "Ý Đồng Duyệt", mọi người sống chung một nơi một cách hoan hỷ, như vậy mới là hạnh phúc vui vẻ. Điều sau cùng, "Lợi Hòa Đồng Quân"; Lợi Hòa Đồng Quân, ý nói mức sinh hoạt của chúng ta phải kề cận, giàu nghèo chẳng thể có khoảng cách quá lớn, khoảng cách sai biệt quá lớn sẽ dẫn đến sự động loạn

trong xã hội. Cũng tức là nói, người giàu sang chịu bố thí, giàu phải chịu bố thí, phải biết bố thí, đây là tu phước. Kẻ bần tiện mà biết tu phước thì xã hội này sẽ hòa hài, quốc gia sẽ thái bình chẳng thể có động loạn, đây là nhân tố vô cùng quan trọng. Người người đều giữ được Lục Hòa, cổ nhân Trung Hoa thường nói: "Gia hòa vạn sự hưng", gia đình phải hòa mục, tuân thủ lời giáo huấn của Phật thì gia đình quý vị sẽ được hòa. Tự viện, đạo tràng, tứ chúng của chúng ta cũng có thể hòa mục thì đạo tràng này sẽ hưng vượng. Còn quý vị làm ăn, công ty hãng xưởng, chủ nhân với công nhân có thể tu Lục Hòa Kính thì hãng của quý vị mới hưng thịnh, sự nghiệp của

quý vị mới thuận lợi, mới được thành công.

Cho nên Lục Hòa từ ở một gia đình cho đến công ty, đến xã hội, đến quốc gia, thậm chí đến cả thế giới, người người đều có thể tu Lục Hòa Kính thì thế giới này sẽ hòa bình và tự nhiên đại đồng. Vậy do đây có thể biết, sự chỉ dạy của Phật chẳng phải là nói huyền nói diệu, nó là chân chân thật thật mang đến hạnh phúc cho chúng ta, thật sự vì chúng ta giải quyết được nhiều mối khốn nhiễu, nhiều sự tranh luận. Nó đích thật có thể giúp chúng ta giải quyết, từ trên nền tảng này để xây dựng Phật pháp tức là Tam Học, Lục Độ, Thập Đại Nguyện Vương. Chúng ta từ nơi năm khoa mục này, từ trong cương lĩnh

đơn giản này hết lòng học tập sẽ được lợi ích thù thắng không gì sánh bằng. Cũng chính là trong bộ Đại Kinh có nói: "Một là tất cả, tất cả là Một", cho nên pháp môn này là toàn thể Phật pháp, pháp môn này là sự lợi ích của toàn thể, sự lợi ích rốt ráo viên mãn thật sự có thể giúp chúng ta giải quyết được tam khổ.

Kinh văn: "Thăng quán đảnh giai, thọ Bồ Đề ký".

Phần trước đã thưa cùng quý vị, trong bộ kinh này bao gồm hết tất cả pháp môn, vô lượng pháp môn, hai câu nói này tức là Mật Tông, mà người thời nay rất quen thuộc. Quán đảnh là cách tu trong Mật Tông, cách

tu học của Mật Tông trong Phật pháp là thuộc về Phật pháp cao cấp, điều này quý vị nên hiểu. Nếu dùng trường học của thời nay làm thí dụ, Mật Tông là viện nghiên cứu, là sở nghiên cứu, đây là Phật pháp cao cấp.

Quán là nghĩa từ bi gia trì, Đảnh là pháp môn tối cao, Đảnh pháp chẳng có gì cao hơn nữa, Phật đại từ đại bi đem pháp môn tối cao truyền thọ cho quý vị, đây gọi là quán đảnh. Cho nên xin quý vị chớ hiểu lầm là vị thượng sư lấy một tí nước rưới lên đầu quý vị đó gọi là quán đảnh, quán đảnh như vậy, quý vị mỗi ngày trong lúc đi tắm, cách quán này còn thoải mái hơn, điều này phải biết. Chân chánh quán đảnh là Phật đem pháp môn tối cao đệ nhất truyền thọ cho

quý vị thì đây mới là quán đảnh, trên mặt hình thức thì sự quán đảnh này là nghi thức, nghi thức chẳng quan trọng, thực chất mới quan trọng. Vậy bây giờ chúng ta đã hiểu rõ rồi, bộ kinh này trong tất cả kinh điển của đức Thích Ca Mâu Ni Phật là đỉnh điểm chí cao vô thượng, chúng ta được bộ kinh này tức là Phật đã vì chúng ta quán đảnh. Chúng ta đem bộ kinh này từ đầu đến cuối tụng qua một lần, chẳng những là Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta quán đảnh, A Di Đà Phật vì chúng ta quán đảnh, mà thập phương tam thế nhất thiết chư Phật Như Lai quán đảnh cho chúng ta một lần, tụng hai lần thì quán đảnh hai lần, tụng ba lần thì được quán đảnh ba lần, vị thượng sư nào đó chẳng thể sánh

bằng, hà tất phải đi tìm những thứ phiền phức ấy? Tự mình ở nhà nhưng vẫn được nhất thiết chư Phật Như Lai đã quán đảnh cho quý vị, rồi quý vị phải tự biết, phải hiểu rõ ý nghĩa là như vậy quyết định không thể hiểu lầm.

Cận đại có Hoàng Niệm Tổ lão cư sĩ, Ngài đã từng học qua Mật Tông, trong Mật pháp Ngài cũng đạt được trình độ khá cao, Ngài là Kim Cang A Xà Lê, quý vị xem, chú giải của Ngài trong kinh Vô Lượng Thọ Chú Giải có giải thích đoạn này, Ngài giảng rất rõ ràng, giảng rất minh bạch, Ngài chẳng lừa dối người, Ngài đã nói như vậy. "Thọ Bồ Đề ký", bộ kinh này trong phần cuối, có thể nói là Phật đã vì chúng ta phổ biến thọ ký, rồi nói rõ

Sa Bà thế giới chúng sanh niệm Phật tương lai đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, tại Tây Phương Cực Lạc thế giới thành tựu rồi sau đó đến những thế giới khác để thị hiện thành Phật độ hóa chúng sanh, đều gọi là Diệu Âm Như Lai, như vậy thì Phật đã thọ ký cho chúng ta ngay trong bộ kinh này rồi.

Cho nên lần đầu tiên chúng tôi giảng kinh Vô Lượng Thọ tại Tân Gia Ba, có một hôm làm lễ Quy Y mà số đồng tu quy y hình như có hơn hai trăm bảy người, cho nên chẳng kịp đặt pháp danh. Tôi liền nghĩ đến trong kinh đã thọ ký cho chúng ta thì tương lai chúng ta đều là Diệu Âm Như Lai, hiện giờ tất cả đều là Diệu Âm cư sĩ, cho nên chúng tôi dùng Diệu Âm làm

pháp danh, điều này rất hay và rất thân thiết. Tên của chúng ta ở trong kinh Vô Lượng Thọ vậy là Phật đã thọ ký cho chúng ta; bây giờ là Diệu Âm cư sĩ, tương lai là Diệu Âm Như Lai, quý vị xem cách này thân thiết biết mấy, đây là thọ Bồ Đề ký. Cho nên chúng ta thọ kỳ Tam Quy, dùng pháp danh Diệu Âm là từ chỗ này mà có, là từ nơi kinh Vô Lượng Thọ mà có, Phật đã thọ ký cho chúng ta, như thế còn sai được sao? Cho nên pháp danh này là do Phật đặt chẳng phải do tôi đặt, là do Phật đặt.

Kinh văn: "Vị giáo Bồ Tát, tác A Xà Lê, thường tập tương ưng, vô biên chư hạnh. Thành thục Bồ Tát, vô biên thiện căn".

Đây cũng là một đoạn nhỏ, tất cả đều thuộc trong một đoạn chuyển pháp luân này, điều này quả thật vô cùng vô cùng hiếm có. Trong đoạn chuyển pháp luân có thể nói là Hiển, Mật, Tông Giáo đều nói đến cả, văn tự không nhiều nhưng giảng rất viên mãn, khiến cho chúng ta khi xem đến thật đã sanh tâm hoan hỷ và thật sự tin bộ kinh này, nó là cô đọng của tất cả kinh điển, pháp môn này là tổng cương lĩnh của tất cả pháp môn. "Nhất tu, nhất thiết tu" thì tâm này mới thật sự an ổn, chẳng còn hoài nghi nữa. "A Xà Lê" cũng là lối xưng hô trong Mật Tông, trong Hiển Tông chúng ta thường đều xưng Pháp Sư, trong Mật Tông thường xưng A Xà

Lê. Thật tại mà nói Hiển-Mật đều thông dụng nhưng hiện nay trong Mật Tông có thói quen xưng là A Xà Lê, trong Hiển Tông thì xưng Pháp Sư. Đây là Phạn ngữ, ý nghĩa của nó là Quỹ Phạm Sư, tức là ngôn hành của họ có thể làm mẫu mực cho chúng ta, có thể làm mô phạm cho chúng ta thì xưng là A Xà Lê.

"Thường tập tương ưng, vô biên chư hạnh", câu nói này vô cùng quan trọng, chữ Thường là không gián đoạn, Tập là học tập, phải có tâm hạnh tương ưng với Phật pháp. Phật, Bồ Tát mang cái tâm như thế nào thì tâm của chúng ta phải giống như Phật, Bồ Tát; nguyện của chúng ta phải giống như Phật, Bồ Tát; ngôn ngữ hành vi cũng giống như Phật, Bồ Tát,

thì đây tức là tương ưng vô biên chư hạnh. Vậy có lẽ quý vị sẽ hỏi: "Tôi hiện giờ đang làm ăn buôn bán, tôi đi làm một ngành nghề nào đó, vậy có cách nào cho tôi tu?" Có, đều có khuôn mẫu. Kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử năm mươi ba tham vấn, năm mươi ba vị thiện tri thức đó đại biểu cho nam, nữ, già, trẻ, các ngành các nghề, quý vị hãy xem quý vị đang theo ngành nghề nào, hãy tìm xem vị Bồ Tát nào giống với ngành nghề của quý vị thì theo học họ.

Học thế nào là đúng? Giáo pháp của Phật rất viên mãn cho nên năm mươi ba tham vấn, thật tại mà nói, tức là sự triển khai của bốn câu này, tức là cách thuyết minh tường tận của bốn câu này. Cho nên thuyết minh tường

tận là trong Tứ Thập Hoa Nghiêm bốn mươi quyển, ở chỗ này của chúng ta tức là "Vị giáo Bồ Tát, tác A Xà Lê, thường tập tương ưng, vô biên chư hạnh. Thành thục Bồ Tát, vô biên thiện căn", mấy câu này đã đem toàn bộ Tứ Thập Hoa Nghiêm nói ra hết cả, đây tức là tổng cương lĩnh của năm mươi ba tham vấn. Mục đích của giáo học tức là thành thục vô biên thiện căn của Bồ Tát, thiện căn của Bồ Tát viên mãn, vậy thì thành Phật rồi. Hôm nay thì giờ đã đến, chúng tôi chỉ xin giảng đến đây. A Di Đà Phật

Tập 5

Xin lật quyển kinh, trang thứ năm, dòng thứ nhất, bắt đầu xem từ câu cuối.

Kinh văn: "Vô lượng chư Phật, hàm cộng hộ niệm. Chư Phật sát trung, giai năng thị hiện. Thí thiện huyễn sư, hiện chúng dị tướng, ư bỉ tướng trung, thật vô khả đắc. Thử chư Bồ Tát, diệc phục như thị".

Đến đây là một đoạn nhỏ, phần trước chỗ giảng đó là các vị Đại Bồ Tát dự hội, đều là Bồ Tát hóa thân thị hiện của Tây Phương Cực Lạc thế giới, do đó trí tuệ, đức năng của họ đều là chẳng có cùng tận. Tuy là Đại

Bồ Tát thị hiện, trong đó có nhiều chỗ đáng cho chúng ta học tập, cho chúng ta rất nhiều khải thị, chúng ta cần phải hết lòng nỗ lực để học theo. Như vậy cũng chắc chắn sẽ được chư Phật hộ niệm, mặc dù đây là sơ phát tâm. Sơ phát tâm mà phát được cái tâm như vậy, thật tại chẳng phải là dễ dàng. Đúng như trong kinh Thế Tôn nói với chúng ta, đây là từ vô lượng kiếp đến nay thiện căn, phước đức đến lúc này đã thành thục, cho nên mới gặp được nhân duyên thù thắng như vậy, có thể phát tâm chân chánh, nguyện thiết, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, nhất định cũng được chư Phật Như Lai hộ niệm.

Tám câu dưới đây nói về trí đức, "diệu trí thành hạnh, chư Phật sát

trung", do đây có thể biết sự thù thắng của việc vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chư Phật chẳng có nói những Phật sát nào quý vị không thể đến đó để hóa thân thị hiện, không có. Nếu đã chẳng có, vậy tức là nói tận hư không biến pháp giới tất cả chư Phật sát độ, thật sự sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới thì tất cả Phật sát này đều có phần, đúng như lời của người xưa nói: "Nhất sanh, nhất thiết sanh", cùng các Phật độ khác chẳng giống nhau. Thí dụ chúng ta nói về Di Lặc Tịnh Độ sanh về Đâu Suất Thiên, sanh đến Di Lặc Tịnh Độ thì không được tiện lợi như vậy, muốn đến những Phật sát khác thì chẳng dễ dàng rất khó rời khỏi Đâu Suất. Duy chỉ có Tây Phương Cực

Lạc thế giới, đây là mặc tình đi du ngoạn ngắm cảnh, tham học thập phương chư Phật thế giới, điều này đã hiển thị sự thù thắng chẳng gì sánh bằng.

"Giai năng thị hiện", đương nhiên được Phật lực gia trì, bốn mươi tám nguyện của Bổn Sư A Di Đà Phật, oai thần gia trì của bổn nguyện này. Đây là trong kinh chúng ta đọc thấy được, chúng ta nếu có thể liên tưởng đến cũng được sự gia trì của tất cả chư Phật Như Lai, vì sao thế? Trong kinh A Di Đà chúng ta niệm đến sáu phương chư Phật, trong kinh Vô Lượng Thọ tuy chẳng có nói cặn kẽ nhưng cũng đã nói đến thập phương chư Phật, điều này tức đã nói rõ rằng tất cả chư Phật đều sẽ gia trì cho

chúng ta. Còn "giai năng thị hiện" là tùy loại mà hóa thân, kỳ thật như chúng ta khi vãng sanh đến Cực Lạc thế giới, đây là phàm phu một phẩm phiền não cũng chưa đoạn, là mang theo nghiệp mà đi, tuy nhiên đến nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới thì trí tuệ, thần thông, năng lực của chúng ta cùng với Quán Thế Âm Bồ Tát cũng gần như nhau. Quán Âm là Đẳng Giác Bồ Tát, năng lực của chúng ta cùng Ngài không xa cách lắm, quý vị xem trong phẩm Phổ Môn Ba Mươi Hai Tướng, chúng ta đến nơi đó rồi người người đều có được bản lãnh này, đều có thể dùng ba mươi hai ứng thân đi thăm viếng chư Phật sát độ. Ưu tiên này, đến đâu mới có thể tìm được? Chúng ta nhất định phải hiểu

rõ, ngoại trừ pháp môn này ra chẳng thể tìm ra ở đâu được nữa.

Hôm qua một đoạn chúng ta đọc đó, đoạn này chưa giảng xong Bát Tướng Thành Đạo tức là tùy loại hóa thân, trong ba mươi hai tướng ứng thân cử ra một thí dụ, phần dưới này là thí dụ. Thí dụ như thiện ảo sư "thí thiện huyễn sư", thiện ảo sư này tức là chúng ta thường gọi là nhà ảo thuật, làm trò ảo thuật. Ở bên đó đến mười phương thế giới ứng hóa tham học cũng như nhà ảo thuật, ảo thuật thì dễ dàng như thế, thật sự có thể theo ý muốn mà biến hóa. "Hiện chúng dị tướng", Chúng là nhiều, là thân phận khác nhau và hình dáng khác nhau, đây là nói trên mặt sự tướng. Tuy thị hiện như vậy, chúng ta sẽ lo lắng khi

đến những thế giới khác để độ sanh, có thể thoái chuyển hay không? Đích thật là điều mà chúng ta rất lo lắng chỉ sợ là bị thoái chuyển, điều này chúng ta có thể yên tâm vì đã có A Di Đà Phật gia trì cho chúng ta, khiến chúng ta vĩnh viễn chẳng thể thoái chuyển cũng giống như ở Cực Lạc thế giới chẳng khác. Viên chứng Tam Bất Thoái, đây là Phật lực gia trì, là đạo lý gì vậy?

Phía dưới nói: "Ư bỉ tướng trung, thật vô khả đắc", Phật dùng sự lý chân thật này để gia trì những Bồ Tát này, khiến cho những vị Bồ Tát này trong chư Phật sát độ đều biết được. "Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng", Phật trong kinh Kim Cang đã vì chúng ta nói như vậy, trong Viên

Giác Kinh nói lại càng hay "Tri huyễn tức Giác", chúng ta biết tất cả pháp đều là huyễn hóa đây tức là giác rồi, giác thì chẳng mê, không mê tức là không thoái chuyển. Sự thoái chuyển này là mê rồi mới thoái, người giác ngộ sẽ chẳng thoái chuyển, cho nên trong này có lý và có sự. "Thử chư Bồ Tát, diệc phục như thị", những vị Bồ Tát này tức là những vị ở Tây Phương Cực Lạc thế giới cùng với những vị Bồ Tát tham dự pháp hội, đều là viên mãn đầy đủ Quyền-Thật hai trí cùng với chỗ nói ở đây hoàn toàn giống nhau. Xin xem tiếp đoạn kinh văn phía dưới.

Kinh văn: "Thông chư pháp tánh, đạt chúng sanh tướng".

Phật giáo hóa chúng sanh, chúng ta thường nghe nói đến giảng kinh thuyết pháp, những gì giảng đó nhất định là phải khế cơ khế lý. "Thông chư pháp tánh", tức là khế lý tuyệt đối chẳng thể nói sai, câu này, thực tế mà nói, tức là minh tâm kiến tánh trong Thiền Tông chỗ nói, Thông là thông đạt vô ngại, Đạt là đạt đến, quyết định chẳng có chướng ngại. Câu thứ hai là khế cơ, đối với căn tánh của chúng sanh cũng hiểu rõ, cũng thông đạt "đạt chúng sanh tướng", vì vậy cho nên giáo hóa chúng sanh phải khế cơ khế lý, có thể khiến tất cả chúng sanh người người đều được lợi ích chân thật. Phần dưới đây là đem những phương thức giáo học chỉ dạy sơ lược cho chúng ta, thứ nhất:

Kinh văn: "Cúng dường chư Phật".

Đây là từ căn bản tu. Phần trước đã nói qua với quý vị, chúng ta học Phật phải từ Tam Phước hạ thủ, phải từ "hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng" bắt đầu làm. Quý vị xem Bồ Tát dạy cho chúng ta "cúng dường chư Phật", đây tức là hiếu kính Phật, Bồ Tát, không chỉ là nói mà các Ngài còn làm cho chúng ta xem. Thế Tôn, sau khi xuất gia thành Phật, khi cơ duyên đã chín muồi Ngài đặc biệt lên cõi trời Đao Lợi vì mẫu thân thuyết pháp, độ mẫu thân của Ngài là tận hiếu. Chúng ta đọc trong truyện ký khi Phật ra đời, Ma Da phu nhân sau

khi sanh Phật ra, liền sanh lên trời Đao Lợi. Theo cái nhìn của người thế tục, chúng ta cho rằng Thích Ca Mâu Ni Phật mệnh không tốt, quý vị xem, vừa sanh ra là mẹ chết liền, đây là cái nhìn của người thế tục. Thực tế công đức của mẹ Ngài quá lớn, phải đến trời Đao Lợi để hưởng phước, cho nên Ngài là nhờ dì mẫu nuôi lớn, mẹ sanh ra Ngài ở trời Đao Lợi, Ngài phải đến Đao Lợi thiên cung vì mẫu thân thuyết pháp. Thuyết pháp gì đây? Là Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh, mọi người chúng ta thường đọc qua, kinh Địa Tạng là giảng tại Đao Lợi Thiên vì mẹ Ngài thuyết Hiếu Kính, kinh Địa Tạng là kinh báo hiếu trong nhà Phật vô cùng quan trọng,

cho thấy Phật đã làm cái gương cho chúng ta xem.

Kinh văn: "Khai đạo quần sanh".

Câu nói này tức là ngôn giáo, vì đại chúng giảng kinh thuyết pháp, nếu như những gì đã nói mà chính mình lại chẳng làm được thì chẳng thể khiến người khác tín phục. Người ta làm sao có thể tin được? Nhất định phải tự mình làm được, sau đó mới nói ra thì mọi người mới có thể tin, mới có thể tiếp nhận, mà còn hoan hỷ tín thọ nữa. Đây tức là ngôn giáo, nhất định phải lấy thân giáo làm nền tảng, trước có thân hành, sau mới có

ngôn giáo, cái thứ tự này chẳng thể đảo ngược.

Kinh văn: "Hóa hiện kỳ thân, do như điện quang".

Phật ứng hóa ở thế gian, nên dùng thân gì để độ thì Ngài liền hiện thân đó. Kỳ thật đức Thích Ca Mâu Ni Phật lúc nào cũng ở thế gian, điều này người thế gian chẳng nhận biết được, đây là sự thật chẳng phải giả. Trong lịch sử Trung Hoa chúng ta có ghi lại vào đời nhà Đường cuối đời Tùy đầu nhà Đường, Thiên Thai Tông Trí Giả đại sư tức là Thích Ca Mâu Ni Phật hóa thân tái lai. Thế Tôn vào ba ngàn năm trước thị hiện ở Ấn Độ là ba mươi hai tướng tám mươi vẻ đẹp, lúc

bấy giờ cơ duyên của mọi người đã thành thục, nên dùng thân Phật để độ Ngài liền hiện thân Phật. Hơn một ngàn năm sau tại Trung Hoa, nên dùng thân phận tổ sư để độ Ngài liền hiện thân phận tổ sư xuất hiện, quý vị xem, đây không phải là ba mươi hai tướng đó sao? Đây là những gì chúng ta biết được, còn những thứ không biết đến mới là nhiều, thân phận chẳng hề lộ ra thì là quá nhiều, thân phận hiển lộ thì không nhiều, đây đều là chứng minh "Hóa hiện kỳ thân".

"Do như điện quang", câu này là thí dụ, điện quang tức là điện chớp, mấy ngày nay trời mưa chúng ta đều thấy điện chớp, điện chớp này rất hữu dụng, nó có tác dụng là nó không trụ, một sát-na thì chẳng còn nữa, nó

không trụ, thí dụ cho ý nghĩa này. Không trụ, thí dụ nói không trụ nghĩa là tướng độ hóa tất cả chúng sanh mà chẳng chấp trước cái tướng độ hóa chúng sanh thì họ sẽ tự tại, phàm phu chúng ta sở dĩ chẳng tự tại là vì chấp tướng, điều này rất là khó, chấp tướng đấy. Vậy điện quang, điểm thứ nhất nó nhanh chóng một sát-na thì không còn nữa, rất nhanh chóng; điểm thứ hai là nó rất sáng, cái ánh sáng này mang ý nghĩa phá tối tăm; điểm thứ ba là nó không trụ và ý nghĩa thứ tư là nó chẳng phân biệt. Cái này là thí dụ cho Phật, Bồ Tát thị hiện nơi thế gian cũng mang ý nghĩa như vậy, căn cơ chúng sanh chín muồi rồi chúng sanh có cảm Phật, Bồ Tát tất có ứng, căn cơ chúng sanh thành thục tức là có

cảm tự nhiên sẽ có ứng, các Ngài sẽ đến ứng.

Bởi thế cho nên chúng ta hiểu rõ được đạo lý này, biết rõ sự thật chân tướng này, nếu chúng ta muốn Phật, Bồ Tát đến Tân Gia Ba này nhiều, thường trụ để hoằng pháp lợi sanh và chỉ dạy chúng ta thì chúng ta phải có cảm mới được. Cảm này là gì? Tâm phải chân thành, chúng ta muốn học Phật thì Phật, Bồ Tát tự nhiên sẽ đến ngay. Nếu như quý vị khẩu thị tâm phi, miệng thì nói học Phật mà trong tâm vẫn còn tham, sân, si, mạn thì Phật, Bồ Tát sẽ chẳng đến; tâm chân thành muốn học Phật thì Phật, Bồ Tát sẽ đến. "Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân" Phật, Bồ Tát nhất định sẽ đến. Cho nên hoàn toàn bằng vào cảm

ứng của chúng ta, chúng ta không có cảm các Ngài chẳng thể đến, cái cảm ứng này cũng giống như chúng ta gõ cái khánh lớn vậy, cái khánh để ở đây, quý vị gõ thì nó mới kêu, quý vị không gõ thì nó chẳng kêu. Gõ là cảm, tiếng kêu là ứng; chúng ta gõ càng mạnh, tiếng kêu của nó càng lớn thì âm thanh càng dài, là đạo lý như vậy. Phật, Bồ Tát tâm địa thanh tịnh, một niệm không sanh, cho nên chúng sanh có cảm, các Ngài tất có ứng.

Kinh văn: "Liệt ma kiến võng, giải chư triền phược".

Hai câu này cần phải nói qua một tí, đây là thí dụ. Liệt, cũng tức là nghĩa đem nó tiêu trừ. Ma kiến, Kiến

là kiến giải, tất cả những kiến giải sai lầm, cách nhìn sai lầm, cách suy nghĩ sai lầm mang đến cho chúng ta vô lượng vô biên khổ nạn, đây gọi là ma kiến. Võng là thí dụ cho nhiều, thí dụ nó phức tạp, những tư tưởng sai lầm của chúng ta quả thật nhiều, vô cùng vô cùng phức tạp. Duy chỉ có Phật, Bồ Tát chỉ dạy chúng ta, chúng ta mới có thể xa lìa những kiến giải tư tưởng sai lầm này, đây gọi là ma kiến võng. "Giải chư triền phược", Triền phược là phiền não, Triền là quấn trói, Trược là dùng dây thừng cột trói lại, như vậy thì tự do đã mất, đây là thí dụ. Trong kinh Phật có nói cho chúng ta bát triền, tam phược, nói tóm lại đều là phiền não cả. Bát Triền này là gì? Kỳ thật những thứ này trong Phật Học Tự

Điển và Giáo Thừa Pháp Số đều có, ở đây chỉ nói sơ lược một tí, thứ nhất là Vô Tàm, thứ hai là Vô Quý, chúng ta thường nói Tàm Quý. Quý vị xem, vào đầu năm Dân Quốc có vị đại đức của Tịnh Tông chúng ta là ngài Ấn Quang lão pháp sư, Ngài có một biệt hiệu là Thường Tàm Quý Tăng, trong mười một thiện pháp có tàm quý, tàm quý này là thiện pháp. Cái gì gọi là Tàm? Tàm tức là tự mình làm chuyện sai quấy thì chính mình cảm thấy rất ấy náy, tức là chúng ta thường nói lương tâm cắn rứt, cho nên họ sẽ chẳng làm chuyện sai quấy vì làm chuyện sai quấy tâm họ chẳng an bị lương tâm cắn rứt, người này có lương tâm, Tàm là ý nghĩa như vậy. Còn Quý, Quý là lời phê bình của dư

luận bên ngoài, quý vị làm việc xấu xa có rất nhiều người phê bình, quý vị nghe được rất là áy náy nên cũng chẳng dám làm chuyện xấu nữa, đây tức là có Tàm có Quý.

Nếu không có Tàm Quý thì vấn đề sẽ trở nên nghiêm trọng, thứ nhất là khi làm chuyện quấy họ chẳng thấy trong lòng không yên, làm chuyện xấu xa mà tâm vẫn an dù bên ngoài phê bình họ cũng mặc, điều này thì là vô phương cho nên cái vô tàm vô quý này là đại phiền não, đây là cái phiền não nghiêm trọng. Hai chữ này, thế xuất thế gian Thánh nhân đều rất coi trọng. Vào thời xưa ở Trung Hoa, ông Quảng Trọng đã từng nói, ông nói: "Lễ nghĩa liêm sĩ, quốc chi tứ duy". Lễ, Nghĩa, Liêm, Sĩ bốn chữ này là

bốn điều cương kỷ của quốc gia. "Tứ duy bất trương, quốc nại diệt vong", quốc dân của một quốc gia không biết Lễ, chẳng biết Nghĩa, không biết Liêm, hiện nay tham ô tức là không biết liêm, nếu không biết Sĩ, không biết Sĩ là gì? Tức là vô tàm vô quý thì quốc gia này rất là nguy hiểm, quốc gia này rất dễ bị diệt vong. Cho nên nhà Nho thường nói với chúng ta "tri sĩ cận hồ dũng", biết sĩ nhục là kề cận với dũng, nếu chúng ta có thể biết sĩ, biết sĩ nhục, biết sai lầm thì người này có thể hạ quyết tâm dõng mãnh tinh tấn, cho nên đây là một điều vô cùng quan trọng trong mục tu hành về mặt Đức.

Xã hội này của chúng ta là một xã hội bệnh tật nghiêm trọng, xã hội này

bệnh tật quá nhiều rồi, muốn chữa căn bệnh này phải bắt đầu từ căn bệnh nào chữa đây? Tật bệnh quá nhiều như vậy, quả thật nếu mỗi người đều có thể biết sĩ nhục, đều có thể có tâm tàm quý, thì chúng ta sẽ được cứu; chính mình được cứu và xã hội cũng được cứu, thậm chí quốc gia cũng được cứu. Cho thấy tàm quý và biết sĩ nhục này vô cùng vô cùng quan trọng. Trong Tứ Duy, đây là một điều tối quan trọng, có thể biết sĩ nhục tức tự nhiên biết thủ lễ, tự nhiên có thể tận nghĩa vụ, tự nhiên có thể liêm khiết, chữ Sĩ đây đích thật là vấn đề trung tâm. Cho nên năm nay ở Houston Mỹ Quốc, có vài vị trưởng lão là lão cư sĩ tại gia, chúng tôi ngồi lại với nhau đàm luận về vấn đề này, cho nên tôi

có ý muốn thành lập một Học Xã Tri Sĩ, chúng tôi đến để đề xướng, đề xướng Tri Sĩ. Tôi vô cùng tán đồng đây là một việc tốt, thật sự có thể cứu vãn thế đạo nhân tâm, hy vọng tương lai ở Tân Gia Ba chúng ta cũng có thể đẩy mạnh, khi thật sự có người hữu tâm thực hiện thì chúng ta đến đẩy mạnh vận động.

Điều thứ ba là Đố Kỵ, tâm đố kỵ cũng là một trong tám cái triền phược, cũng là loại phiền não nghiêm trọng. Điều thứ tư là Bỏn Xẻn, cái này với tham là một thứ, tham là tham cầu, bỏn xẻn là tự mình có, tiếc rẻ chẳng dám cho người, tiếc rẻ chẳng dám giúp người, bỏn xen tài, bỏn xẻn pháp, đây là bỏn xẻn. Điều thứ năm là Ác Tác, người thế gian chúng ta thường

nói chơi trò tinh nghịch phá phách, mặc dù chẳng cố ý, tuy nhiên những sự tạo tác này không phải là thiện pháp, chẳng phải thiện, những chuyện như vậy trong xã hội hiện nay rất nhiều rất nhiều. Đem những việc làm ác này cho là một hiện tượng bình thường như vậy là nguy to, đâu biết rằng ngôn ngữ tạo tác của chính mình gây ra ảnh hưởng phản diện tiêu cực đối với xã hội lớn biết chừng nào, là cái ảnh hưởng bất thiện. Thí dụ ngày nay chúng ta nhìn thấy báo chí, tạp chí, tivi, radio, thanh thiếu niên chúng ta suốt ngày cứ tiếp xúc những thứ này, tai và mắt tiêm nhiễm, dần dần đã trở thành thói quen, những ảnh hưởng chẳng chính đáng này tạo thành sự tổn thương trên mặt tâm lý,

rất khó đem nó tu chỉnh trở lại chỗ gọi là "thiếu thành nhược thiên tánh", từ nhỏ đã tập thành như vậy.

Đây là nỗi lo âu sâu kín của toàn thể xã hội toàn thế giới, tuy nhiên những người biết được vấn đề này thì không nhiều, những người có cảm giác cũng chẳng nhiều. Trước đây tôi cũng từng nghe Phương Đông Mỹ tiên sinh có một lần nói chuyện với nhóm bạn bè của ông, có người xin thỉnh giáo với thầy Phương. Lúc bấy giờ thế lực của Mỹ rất mạnh, chẳng như hiện nay thế lực của Mỹ đã suy thoái, việc này là vào khoảng ba mươi năm về trước, là lời của Phương tiên sinh. Có người hỏi thầy Phương: "Mỹ có thể bị mất nước không?", thầy Phương mỉm cười nói: "La Mã cũng

bị mất, trong lịch sử phương Tây đế quốc La Mã, thời gian được kéo dài lâu nhất, cuối cùng vẫn bị mất nước", điều này nói rõ chẳng có bất cứ một quốc gia nào mà chẳng bị diệt vong, chẳng bị thay đổi triều đại. Họ tiếp tục hỏi: "Đã là có thể bị mất nước, vậy cái nhân tố mất nước thứ nhất là gì? Tại sao có thể mất nước?" Cái nhân tố mất nước thứ nhất là gì? Câu trả lời của thầy Phương thật chẳng ai có thể ngờ được, thầy trả lời rất nhanh, cho thấy thầy rất am hiểu chẳng có một tí do dự, ông nói: "Đó là tivi, nước Mỹ sau này bị mất nước là ở nơi chiếc máy tivi". Ôi chao! Chúng ta nghĩ lại thấy thật có lý, quý vị xem chiếc máy tivi kia trong hai mươi bốn giờ đồng hồ, trẻ con từ sáng đến tối

ngồi trước tivi xem những thứ bẩn thỉu, những thứ ô nhiễm, như vậy thì làm sao được chứ?

Lúc bấy giờ chính phủ Đài Loan đang đề xướng cuộc vận động phục hưng văn hóa, các viên chức của bộ Giáo Dục xin thỉnh giáo với thầy Phương: "Việc vận động phục hưng văn hóa của chúng tôi, phải nên làm thế nào mới có hiệu quả?" Thầy Phương đại khái ngưng khoảng năm phút, thái độ vô cùng nghiêm trọng, sau đó mới nói: "Có, phương pháp thì có", người ta hỏi: "Phương pháp gì?", thầy nói: "Báo chí, tạp chí trên toàn quốc nhất luật đình bản, tivi radio tất cả hủy bỏ". Người này lắc đầu nói: "Điều này làm không nổi", thầy nói: "Như vậy là hết cách rồi, những thứ

này ngày ngày đang phá hoại đạo đức văn hóa truyền thống của Trung Hoa. Bao giờ còn những thứ này tồn tại, anh muốn phục hưng văn hóa thì không thể được", đó là người ta thật sự có học vấn, thật sự nhìn ra chỗ xuất phát của bệnh căn.

Chúng ta ngày nay những người niệm Phật, vì sao chẳng được nhất tâm? Một ngày niệm Phật vài tiếng đồng hồ, nếu xem nửa tiếng hoặc một tiếng tivi thì hỏng hết cả, cho nên chúng ta là người niệm Phật, không thể xem tivi, chẳng thể nghe radio, tốt hơn hết ngay đến báo chí cũng đừng nên xem. Quý vị lật tờ báo ra, tôi thì không hề xem báo chí, ở đây có những vị đồng tu mỗi ngày đều mua báo, tôi thỉnh thoảng lật thử xem,

trong đó hỗn loạn tùm lum, báo dầy một đống mà những gì thật sự có thể xem không được nửa trang, những thứ này thật có vấn đề, đây đều thuộc về ác tác. Cho nên trong tám phiền, quý vị xem điều mục này chẳng biết những thứ gì thuộc về ác tác, thì những thứ này đều là ác tác. Chúng ta muốn bảo vệ mình thì phải rời xa, quý vị muốn bảo hộ gia đình của quý vị thì phải bảo trẻ nhỏ rời xa nó, phải khiến trẻ nhỏ hiểu được. Chúng không biết vì sao những bạn nhỏ khác có thể xem mà mình chẳng thể xem, chúng sẽ đem những lý do này để hỏi quý vị, quý vị phải trả lời được; để bảo vệ tâm thanh tịnh của chúng nó, điều này rất quan trọng. Tâm thanh tịnh có thể sanh trí tuệ là chân trí tuệ,

nếu bị những thứ này nhiễm ô, cho dù thông minh cũng là tà tri tà kiến.

Điều thứ sáu là Thùy Miên, ngủ nghỉ đương nhiên là quan trọng, quý vị ngủ được ngon thì tinh thần rất sung mãn nhưng chẳng thể tham ngủ, ngủ nhiều quá thì sẽ bị hôn trầm, ngủ nhiều quá không tốt, cho nên đây cũng là một cái phiền não. Người tham ngủ, ngủ rất nhiều thì đây là phiền não. Kế tiếp nữa là Trạo Cử, trạo cử tức là tâm không an, tâm chẳng thể định được, trong tâm rất loạn, đây thuộc về trạo cử. Hôn trầm tức là tinh thần không phấn chấn được, đặc biệt là trong lúc niệm Phật, quý vị xem, lúc chúng ta làm Phật Thất rất thường thấy, trong lúc niệm Phật vừa ngồi xuống chỉ tịnh là ngủ

liền, ngủ gục ngay, có những người công phu khá hơn là lúc đi nhiễu Phật đều ngủ gục, họ cũng có thể vừa ngủ vừa nhiễu Phật thì đây là hôn trầm, là hiện tượng của hôn trầm, điều này quý vị phải biết đó chẳng phải là công phu mà là hiện tượng hôn trầm, chúng ta phải hiểu rõ.

Tám thứ này gọi là Triền còn chữ Phược, thực tế mà nói, là tam độc phiền não, tham, sân, si chúng ta có những thứ này thì quý vị làm sao được tự tại? "Giải chư triền phược", đem những triền phược này giải trừ là tốt ngay.

Kinh văn: "Viễn siêu Thanh Văn, Bích Chi Phật địa".

Những người như các đệ tử của Thế Tôn, thường tùy chúng là một ngàn hai trăm năm mươi người, thân phận biểu hiện là Thanh Văn tức là Tiểu Thừa A La Hán, là những thân phận này. Trên thực tế họ là Bồ Tát, là chúng Đại Bồ Tát thị hiện, không những là Bồ Tát mà bên trong còn có Phật như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên, họ đều là cổ Phật tái lai tức là chẳng phải Bồ Tát, cổ Phật tái lai thị hiện làm đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật. Cũng như hát tuồng vậy, Thích Ca Mâu Ni Phật đóng vai chánh còn họ đóng vai phụ, phía sau sân khấu có lẽ người đóng vai phụ lại là thầy của vai chánh, đều không nhất định. Cho nên trước sân khấu là hình dáng như vậy, còn hình dáng đàng sau chúng ta

không hiểu được, cho nên trong nhóm đệ tử có rất nhiều vị là cổ Phật tái lai, bởi thế họ "viễn siêu Thanh Văn, Bích Chi Phật địa", câu nói này là đem cái thân phận phía sau hậu trường thố lộ ra một chút cho chúng ta biết, khiến chúng ta phải biết thật sự cung kính chẳng được xem thường, đây là cổ Phật, Đại Bồ Tát tái lai.

Kinh văn: "Nhập Không, Vô Tướng, Vô Nguyện pháp môn. Thiện lập phương tiện, hiển thị tam thừa".

Không, Vô Tướng, Vô Nguyện, Đại Tiểu Thừa đều có, đây gọi là tam giải pháp môn. Đây là nghĩa gì? Ba phương pháp này có thể chứng đạo,

có thể chứng quả, là ba cái cửa này, thực tế mà nói, ba cửa này là thông đạt vô ngại. Dùng ba cửa này để làm thí dụ các pháp Thật Tướng chứng đắc được, cũng tức là nói Chân Như bản tánh chứng đắc mà tục ngữ chúng ta gọi là thành Phật rồi, cho nên thành Phật tức là chứng được Chân Như bản tánh cũng tức là chứng được chư pháp Thật Tướng, đây là ý nghĩa này, cho thấy ba phương pháp này rất là quan trọng. Tuy nhiên, ba phương pháp này đều không dễ "thông đồ pháp môn", tám vạn bốn ngàn pháp môn đều đi từ ba cửa này mà vào? Như vậy tương lai chúng ta chứng quả thành Phật, có phải đi vào ba cửa này không? Vẫn phải đi theo ba cửa này. Tuy nhiên, chúng ta có phương pháp thủ xảo là

chúng ta đến Cực Lạc thế giới trước; A Di Đà Phật dẫn chúng ta đi thì là dễ dàng, tự mình đi thì quá khó quá khó, sự lợi lạc là ở chỗ này, chúng ta nên biết điều này.

Như vậy nếu từ cửa Không mà vào. Cửa Không mà vào phải là chẳng thấy tướng Không, Thiền Tông Trung Hoa và Pháp Tướng Tông là đi từ cửa này mà vào. Tuy nhiên là phải chẳng thấy tướng Không, nếu như còn thấy tướng Không thì họ đã chấp vào Không, họ chẳng thể vào được, cách này rất khó rất khó. Thiền Tông, Lục Tổ Đàn Kinh, quý vị nên đọc kỹ lưỡng, Kim Cang kinh, Bát Nhã Tâm Kinh đều có quan hệ mật thiết với Đàn Kinh, đều từ cửa Không mà vào. Chúng ta ngày ngày đều đọc chẳng

thành vấn đề nhưng không vào được, dù niệm cách nào cũng không vào được, vậy thì nếu chẳng vào được thì đi từ cửa thứ hai là Vô Tướng, có cùng một đạo lý. Nếu như đã chấp vào Vô Tướng, vẫn không thể vào được, vậy thì cửa này chẳng còn phương cách chi nữa. Vậy thì đi từ cửa thứ ba là Vô Nguyện, Nguyện cũng là tạo tác. Từ nơi cửa này, nói một cách khác, không có bất cứ sự tạo tác mà chẳng khởi tâm động niệm; chỗ này quý vị phải ghi nhớ nguyên tắc của nó giống như phía trên. Giả như chúng ta có chấp trước thì sao? Thì cửa này vẫn chẳng thể vào được. Khi nghe nói vô nguyện, vô tác; được rồi, ta chẳng có nguyện gì hết cũng không có tạo tác gì cả, như vậy quý vị

có thể vào được không? Không được. Vậy là đã giải sai nghĩa của Như Lai, sự tạo tác này là khởi tâm động niệm, chẳng phải bảo quý vị thân chẳng tạo tác, thân chẳng tạo tác thử hỏi quý vị có phải ăn cơm không? Ăn cơm là tạo tác. Quý vị ngủ cũng là tạo tác, đi đường cũng là tạo tác, ngồi trên ghế vẫn là tạo tác, làm sao không tạo tác được?

Trong tâm dù làm bất cứ việc gì mà không khởi tâm, không động niệm, không phân biệt, không chấp trước đó gọi là không tạo tác, cho thấy điều này cũng chẳng phải là điều mà chúng ta có thể làm được. Cho nên suy đi nghĩ lại, tám vạn bốn ngàn pháp môn thì cũng rất hay đó, riêng đối với tôi không chọn được cửa nào

cả; tám vạn bốn ngàn pháp môn, cửa nào tôi cũng không vào được. May thay có pháp môn Niệm Phật, cửa này thì được, nghĩ lại cửa này mình có thể được, còn có thể từ cửa này mà vào, đó gọi là Lão Thật Niệm Phật. Như thế, điều mà trong kinh này nói tức là bộ kinh này của chúng ta bao hàm hết tất cả pháp môn, đúng là "nhất tu nhất thiết tu". Đây là nói về hiện tượng tu chứng của chư vị Bồ Tát, biết được Tánh không, Tướng giả; do đó, nên trong tất cả pháp đều có thể viễn ly vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

"Thiện lập phương tiện, hiển thị tam thừa", là giúp đỡ chúng sanh, Bồ Tát có hoằng nguyện phải độ tất cả chúng sanh, như câu thứ nhất trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện "Chúng sanh

vô biên thệ nguyện độ", chúng ta phải giúp đỡ tất cả chúng sanh, vì sao thế? Bởi vì tất cả chúng sanh với mình là đồng một Thể, đồng một Pháp Tánh. Trong kinh Đại Thừa thường nói: "Thập phương nhất thiết Phật, cộng đồng nhất Pháp Thân"; mười phương nhất thiết Phật bao gồm cả chính mình trong đó, chính tự ta cũng chẳng ngoài cộng đồng nhất Pháp Thân. Cho nên lòng từ bi đó của Phật, Bồ Tát gọi là "đồng thể đại bi, vô duyên đại từ", phàm phu mê là mê ở việc này, chư Phật, Bồ Tát giác ngộ cũng là giác ngộ ở việc này. Giác ngộ gì đây? Tất cả pháp là đồng thể, do đó lòng từ bi của các Ngài chẳng có bất cứ một điều kiện nào, trong tâm thật sự đã giải thoát, tâm khai ý giải, cảnh

giới đó mới thật là vui sướng không gì bằng.

Tam Thừa, đó là phương tiện thiết lập mà thôi, làm gì mà có tam thừa? Phật trong kinh Pháp Hoa đã nói lời thật "Duy hữu Nhất Thừa pháp, vô nhị diệc vô tam, trừ Phật phương tiện thuyết", vậy đây là thiện lập phương tiện, phương tiện nói thôi. Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, Bồ Tát Thừa là phương tiện nói, hoặc giả chúng ta nói Đại Thừa, Tiểu Thừa, ngay đến cái này cũng chỉ là phương tiện để nói, còn Nhân Thừa, Thiên Thừa lại càng là phương tiện, cho nên người hiện nay nói Ngũ Thừa Phập pháp.

Còn một điều nữa là gần đây tôi đã từng nghe người ta nói không được rõ lắm, đó là có người đề xướng nhân

gian Phật pháp, Nhân Thừa Phật pháp, nội dung của nó tôi không hiểu mấy. Nếu bảo chúng ta ở tại nhân gian này hưởng phước, kiếp sau chẳng mất thân người, phải lấy cái này làm mục tiêu, đây chẳng là pháp cứu cánh, vì sao vậy? Vì thoát không khỏi lục đạo luân hồi. Kiếp này tu thiện tích đức, kiếp sau được thân người hưởng phú quý, thường thường phú quý làm người ta mê, khi vừa mê thì lại tạo tác tội nghiệp, phước đó hưởng hết rồi, tội báo lại hiện tiền thì phải đọa tam đồ thọ khổ. Cho nên điều này, tuyệt đối chẳng phải là pháp cứu cánh.

Thật sự là pháp cứu cánh, thật sự là pháp chân thật, duy chỉ có niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, có thể quý vị sẽ hỏi người niệm Phật hiện tiền có

phước báo hay không? Hiện tại có được vui sướng, hạnh phúc không? Tôi nói cho quý vị biết, cái tầng thứ tối cao chúng ta có thể đạt được, thì những cái thấp nhất này, sao lại chẳng có được? Giống như chúng ta xây nhà vậy, nhà này là lầu năm tầng, tôi có tầng thứ năm, sao tôi lại chẳng có thể có tầng dưới ư? Là đạo lý nhất định mà, quý vị xây nhà chỉ xây một tầng ở dưới, vậy quý vị sẽ không có tầng thứ hai, đương nhiên tầng thứ ba, thứ tư cũng chẳng có, như thế quý vị sẽ thật sự hiểu rõ người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là người vui sướng nhất. Tu học bất cứ pháp môn nào, bất cứ tông phái nào cũng chẳng thể sánh bằng, bởi vì sao? Vì tất cả những gì họ được đều là chân thật cả.

Bộ kinh này của chúng ta là bằng chứng, tôi cũng đã từng nói với quý vị đồng tu hết bao nhiên lần rồi, chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới có an toàn, có bảo chứng, bảo chứng gì? Quyển kinh này là bảo chứng thư, chúng ta đều cầm trong tay. Quý vị xem pháp danh chúng ta đều gọi là Diệu Âm, trên bảo chứng thư có tên chúng ta, thế thì làm sao sai được? Giảng đến chỗ này, đây là tướng thứ bảy trong Bát Tướng Thành Đạo, chuyển pháp luân. Chuyển pháp luân, giảng nhiều ý nghĩa như vậy, cho thấy cái pháp luân này là pháp luân viên mãn, trong đó Viên Giáo, Mật Giáo, Tông Môn, Giáo Hạ, tất cả đều có, đều bao gồm cả trong đó.

Kinh văn: "Ư thử trung hạ, nhi hiện diệt độ".

Đây là tướng sau cùng trong Bát Tướng Thành Đạo, Niết Bàn. Niết Bàn, Phật, Bồ Tát, kể cả A La Hán đều bất sanh bất diệt, Phật sao có thể diệt độ? Làm gì có đạo lý như vậy! Trong kinh văn nói rất rõ ràng minh bạch: "Ư thử trung hạ, nhi hiện diệt độ", như vậy với thượng căn thì sao? Thượng đẳng thì chẳng có, người thượng căn biết Phật, Bồ Tát, luôn cả A La Hán đều chẳng có diệt độ, bất sanh bất diệt, trung hạ là phàm phu, trong mắt của kẻ phàm phu, ôi chao! Thấy có Phật xuất thế, Phật diệt độ rồi, viên tịch rồi, là cái nhìn trong mắt

của phàm phu. Người thượng thượng căn, cách nhìn của họ khác với chúng ta, chư Phật, Bồ Tát chẳng có sanh diệt, chẳng có khứ lai, bất sanh bất diệt, bất lai bất khứ, đó là sự thật, người thượng căn có thể thấy. Cho nên sự thị hiện diệt độ là đối với người trung hạ căn mà nói, quý vị xem kinh văn này quá rõ ràng "ư thử trung hạ, nhi hiện diệt độ"; tướng thành đạo một đoạn lớn này, đến đây đã giảng xong. Đây là tùy loại hiện thân, cử một thí dụ khiến cho chúng ta hiểu được Tây Phương Cực Lạc thế giới thù thắng chẳng gì sánh bằng, chúng ta sanh về bên đó đều giống như hình dáng này; cho nên chỗ nói trong kinh tức là nói chúng ta hoặc hiện tại, hoặc tương lai ở Tây Phương

Cực Lạc thế giới, hoặc giả ở tha phương thế giới giáo hóa chúng sanh, cúng dường chư Phật; những trạng huống chân thật này, từng chữ từng câu đều có quan hệ mật thiết với chúng ta, mới biết chỗ lợi ích của bộ kinh này. Lại xem tiếp phần kinh văn phía dưới.

Kinh văn: "Đắc vô sanh vô diệt chư tam-ma-địa".

Câu này là nói thật, phía trước sự diệt độ là thị hiện không phải thật, là thị hiện, thật là sao? Thật là không sanh không diệt "đắc vô sanh vô diệt chư tam-ma-địa".

Kinh văn: "Cập đắc nhất thiết đà-la-ni môn".

Trước tiên chúng ta nói về hai câu này, đây là nói rõ đức dụng vô lượng vô biên của chư Bồ Tát, đây là tự thọ dụng, tự lợi, đức tự lợi bất sanh bất diệt, sanh diệt là khổ, bất sanh bất diệt thì là tự tại. Tam-ma-địa là Phạn ngữ, dịch sang tiếng Hán sẽ là Chánh Thọ, Thọ là hưởng thụ, sự hưởng thụ bình thường, sự hưởng thụ hôm nay của chúng ta là chẳng bình thường. Phật trong kinh điển nói, sự hưởng thụ của phàm phu chúng ta có năm thứ Khổ, Lạc, Ưu, Hỷ, Xả, năm thứ thọ. Bất luận sự hưởng thụ của chúng ta có bao nhiêu, đem nó quy nạp lại chẳng ngoài năm thứ này. Tâm có ưu, tuyệt

đại đa số người trong tâm đều có âu lo, có vui, trong tâm có ưu hỷ, khi thuận theo ý thì vui nhưng lo thì nhiều mà vui thì ít.

Còn thọ của thân, hưởng thụ có khổ, có vui, cũng vậy lúc khổ thì nhiều khi vui thì ít. Khi mà chẳng khổ, chẳng vui, chẳng lo, chẳng mừng thì gọi là Xả Thọ, cái này đương nhiên là tốt nhất rồi, tuy nhiên chẳng thể lâu dài và không thể bảo trì. Cho nên Phật đem những sự hưởng thụ của chúng ta, sự hưởng thụ của thân tâm quy nạp lại thành năm thứ Khổ, Lạc, Ưu, Hỷ, Xả, những thứ này đều chẳng bình thường. Sự hưởng thụ bình thường không có năm thứ thọ này, tất cả đều chẳng còn nữa, đó gọi là Chánh Thọ, đó là tam-muội mà trong

kinh nói đến, tam-ma-địa đều là nghĩa này, là sự hưởng thụ bình thường.

"Cập đắc nhất thiết đà-la-ni môn", đà-la-ni cũng là Phạn ngữ, Môn là thí dụ. Đà-la-ni dịch là Tổng Trì, hiện nay chúng ta dịch là Cương Lĩnh, cương lĩnh của tất cả pháp, quý vị đã nắm lấy được rồi thì tất cả pháp của thế, xuất thế gian không một thứ nào chẳng thông đạt. Vì sao có thể thông đạt? Cái tổng cương lĩnh đó đã nắm được rồi, câu nói này là nghĩa như vậy. Các Ngài có năng lực như thế, thứ nhất các Ngài đã đạt được bất sanh bất diệt, đạt được chánh thọ, khổ, lạc, ưu, hỷ, xả, đều chẳng còn nữa, lại nắm được tổng cương lĩnh của tất cả pháp, cho nên các Ngài:

Kinh văn: "Tùy thời ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội, cụ túc tổng trì bách thiên tam-muội".

Đây tức là thế, xuất thế gian tất cả các pháp, các Ngài đều hoàn toàn đạt được. Hoa Nghiêm có nói Nhất Chân pháp giới, tức là chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, thuật ngữ trong Hoa Nghiêm gọi là Nhất Chân pháp giới. Chúng ta tự mình đối với lý luận này hoàn toàn rõ ràng, thông đạt chân tướng của sự thật này thì gọi là Hoa Nghiêm tam-muội. Danh từ Hoa Nghiêm này, có thể nói là tổng cương lĩnh của tất cả Phật pháp, tổng đề mục của tất cả các pháp, hiện nay Trung Hoa hội tập các kinh điển của Phật, chúng ta gọi nó là Đại Tạng Kinh,

đây là tất cả kinh điển của Phật đều quy vào trong đó, kỳ thật trong kinh Phật nó vốn có cái tên gọi là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh. Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh là cái tên chung của tất cả kinh điển. Hoa Nghiêm là thí dụ, giống như một vườn hoa lớn, đại hoa viên, trong hoa viên này tất cả các thứ hoa cây giống đều có đủ, chẳng sót một loại nào thì cái vườn hoa này mới xinh đẹp. Chữ Nghiêm này nghĩa là đẹp, Trang Nghiêm tức là mỹ lệ, đề kinh của nó nguyên là Tạp Hoa Trang Nghiêm, người Hoa thích gọi là Vạn Hoa Trang Nghiêm, là ý nghĩa này, cho nên đây là danh xưng chung.

Vậy thì Hoa Nghiêm là dùng Nhất Chân pháp giới, vô tận duyên khởi để

làm cái lý luận y cứ, điều này chúng ta có thể tin được. Vô tận duyên khởi tức là rất nhiều rất nhiều điều kiện mà hiện nay chúng ta thường nói, toàn cái vũ trụ hình thành phát sanh diễn biến, đích thật là rất nhiều rất nhiều điều kiện chẳng phải ngẫu nhiên, vô cùng vô cùng phức tạp. Ai có thể hiểu rõ ràng minh bạch điều này? Là Phật và Đại Bồ Tát. Các Ngài làm sao biết rõ, làm sao minh bạch được? Điều này khi chúng ta suy nghĩ, căn bản quý vị nghĩ không được thông, chúng ta suy nghĩ điều này, căn bản chẳng thể nghĩ được. Chúng ta chẳng thể nghĩ được là có duyên do, vì sao? Vì chúng ta dùng tâm phân biệt, dùng tâm chấp trước, dùng tư duy tưởng tượng, điều này không thể được, năng lực này là

có hạn, dùng năng lực hữu hạn để thông đạt cảnh giới vô hạn là một việc làm chẳng nổi.

Vậy Phật dùng phương pháp gì để biết rõ tất cả? Liễu giải tất cả? Phật dùng Thiền Định. Phương pháp này cao minh, thiền định, tâm thanh tịnh; trong tâm một niệm chẳng sanh, cái tâm này quảng đại không bờ mé. Tâm vừa khởi, tâm động niệm liền có giới hạn thì tự mình chướng ngại chính mình, trong tâm chẳng khởi tâm, chẳng động niệm thì tâm thanh tịnh, thanh tịnh tâm không có chướng ngại. Tận hư không biến pháp giới, tâm thanh tịnh khởi tác dụng thì là trí tuệ, trí tuệ này chẳng pháp nào không biết, chẳng pháp nào không rõ, nhất thiết đều thông đạt, chẳng cần đi tư duy

tưởng tượng, không cần đi học tập. Phật dùng phương pháp này, phương pháp này rốt ráo là thật hay là giả? Phật dùng phương pháp này, thông đạt rồi Ngài mới nói cho chúng ta, nếu chúng ta cũng dùng phương pháp này và thật sự thông đạt, chứng minh lời Phật nói không sai, đệ tử của Phật có rất nhiều người đã nhập vào cảnh giới này, đã chứng minh được sự thật này.

Sự giáo học của Phật chẳng phải là giả thuyết, chẳng phải là một sự tưởng tượng, nó hoàn toàn là sự thật, cho nên chúng ta y theo những lời Phật nói về lý luận, phương pháp, cảnh giới mà tu học, hết lòng để làm, chúng ta cũng có thể lấy tất cả hạnh trang nghiêm Phật quả, đây gọi là

Phật Hoa Nghiêm. Trong nhà Phật, thực tế mà nói, bộ kinh được giảng viên mãn nhất, thấu triệt nhất, cứu cánh nhất chính là Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh, bộ kinh này cổ nhân gọi nói là trung bản Hoa Nghiêm, lý luận, phương pháp, cảnh giới cùng với Đại Kinh hoàn toàn giống nhau, trên mặt văn tự được cô động lại, đương nhiên chúng ta chỉ nói đại cương không thể nói kỹ, nếu nói kỹ tất biến thành Đại Phương Quảng Hoa Nghiêm Kinh.

Tuy nhiên tôi từng nói với một số đồng tu, nếu quý vị đồng tu muốn phát tâm, muốn trong tương lai hoằng dương Tịnh Độ, muốn học giảng kinh thuyết pháp, học giảng kinh Vô Lượng Thọ, học giảng kinh A Di Đà,

thì tôi khuyên họ nhất định phải hết lòng để học kinh Hoa Nghiêm. Vì sao thế? Khi kinh Hoa Nghiêm thật sự thông đạt rồi, thì giảng kinh này mới thật khoan khoái lâm ly thắm thiết, một chút chướng ngại cũng chẳng có, vì sao? Vì quý vị đã triệt để hiểu rõ rồi thì quý vị giảng dài, giảng ngắn, giảng sâu, giảng cạn, đều là tự tại, đây là lấy Hoa Nghiêm làm cơ sở, vì nó là cương yếu của kinh Hoa Nghiêm. Vậy thì cái nhất tâm chuyên tu hoặc là chuyên tinh, đây gọi là Tam Muội, đây tức là Hoa Nghiêm tam-muội, vậy thì Hoa Nghiêm tam-muội, thực tế mà nói, là trang nghiêm Pháp Thân, trang nghiêm bản Thể của vũ trụ. Pháp Thân tức là Chân Tâm, tức là Chân Như bản tánh.

Phật thường nói: "Tất cả pháp là từ pháp giới này lưu xuất ra, tất cả pháp đều quy về pháp giới này", Phật trong Đại Kinh nói: "Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến", cũng là ý nghĩa này. Một người trong một đời có thể đem kinh Hoa Nghiêm xem qua một lần, chẳng phải là chuyện dễ, nếu trong một đời có thể nghe qua một lần kinh Hoa Nghiêm, đó cũng thật là hy hữu. Trung Hoa từ xưa đến nay, các vị pháp sư đại đức bất luận giảng kinh gì cũng không có ghi chép, nhưng khi giảng kinh Hoa Nghiêm, thì trong lịch sử đều có ghi chép, do đó cho thấy rằng, đối với kinh này mọi người vô cùng coi trọng, đây là nói: "Tùy thời ngộ nhập Hoa Nghiêm tam-muội", phải hội đủ điều kiện phía trước quý

vị mới có thể tùy thời ngộ nhập trang nghiêm Pháp Thân, trang nghiêm vạn pháp vậy.

"Cụ túc tổng trì bách thiên tam-muội". Tam-muội, sao lại có nhiều như thế? Nói cho kỹ tam-muội quả thật là nhiều, tam-muội ở đây tức là tâm bình thường. Tất cả pháp vô lượng vô biên, nên do đó tam- muội cũng vô lượng vô biên, ví như chúng ta cử một thí dụ người này không tham tài, tiền tài bày trước mặt họ, họ cũng chẳng động tâm, ý niệm đều chẳng có, thì người này đã nhập vào tiền tài tam-muội. Tuy nhiên, khi cho họ một vinh dự họ liền động tâm, như vậy thì không được, vậy trên vinh dự người này chưa được tam-muội, trên tiền tài có được tam-muội. Quý vị

hiểu được đạo lý này thì sẽ hiểu "bách thiên tam- muội" tức là trong tất cả vạn pháp họ đều chẳng khởi tâm, chẳng vọng niệm, chẳng phân biệt, chẳng chấp trước.

Trong thế, xuất thế gian nhất thiết pháp họ đều được tam-muội, cái này mới gọi là tam-muội viên mãn, đây là cảnh giới của quả địa Như Lai, Đẳng Giác Bồ Tát vẫn chưa được. Đẳng Giác Bồ Tát, đương nhiên trong tất cả cảnh giới các Ngài cũng chẳng khởi tâm, chẳng động niệm, nhưng nếu quý vị nói với họ việc thành Phật, các Ngài có thể vẫn còn động một ý niệm, bởi vì họ vẫn còn mong thành Phật, về việc này họ vẫn chưa đắc tam-muội. Cho nên bách thiên tam-muội,

vô lượng tam-muội này là ý nghĩa như vậy.

Kinh văn: "Trụ thâm thiền định".

"Thâm thiền định" này là tánh Định, tự tánh vốn Định, như trong kinh Lăng Nghiêm chỗ nói: "Thủ Lăng Nghiêm đại định", đó là thâm định, là cảnh giới của quả địa Như Lai, cũng gọi là Lý Định. Nó chẳng phải Sự, là cái định trên Lý, đây là Thiền Định chân chánh.

Kinh văn: "Tất đổ vô lượng chư Phật".

Vô lượng chư Phật này là Quá Khứ chư Phật, Hiện Tại chư Phật, Vị Lai chư Phật. Vị Lai chư Phật này, chúng ta chỉ nhìn thấy toàn là phàm phu tục tử, các Ngài nhìn thấy chúng ta đều là chư Phật, chúng ta tự mình vẫn không thừa nhận. Điều này là nói rõ, trong mắt Phật thấy tất cả chúng sanh đều là Phật, trong mắt phàm phu thấy tất cả chư Phật đều là phàm phu. Cho nên nếu quý vị thật sự muốn biết mình thuộc về cảnh giới gì, chẳng cần hỏi người khác, quý vị tu hành có cảm thấy mình chứng được quả vị Bồ Tát chưa? Quý vị nhìn xem, tất cả chúng sanh này có phải là Bồ Tát không? Nếu tất cả đều là Bồ Tát thì quý vị tự biết rõ mình đã là Bồ Tát rồi. Nếu một ngày nào đó vừa mở mắt ra

xem, tận hư không biến pháp giới đều là chư Phật, vậy thì chúc mừng quý vị, quý vị thành Phật rồi đó. Nếu quý vị tu hành, đã tu đã nhiều năm rồi, nhìn thấy chúng sanh vẫn còn là phàm phu, vậy nhất định quý vị là phàm phu chẳng cần phải hỏi ai. Quý vị tự biết mình là một người tốt hay người xấu, nếu mắt vừa nhìn người trên toàn thế giới, ai ai đều là người tốt thì quý vị là người tốt, nếu quý vị nhìn thấy họ đều là người xấu thì chính quý vị là người xấu, đây là chân lý.

Quý vị xem Lục Tổ nói đó: "Nhược chân tu đạo nhân, bất kiến thế gian quá", khi vẫn còn thấy cái lỗi của thế gian, đó chẳng phải là người tu đạo, một chút công phu cũng chẳng có vẫn là phàm phu. Vì sao nói nhìn

tất cả người thế gian đều là người thiện? Sở hữu tất cả vạn pháp đều do tự tâm biến hiện, khi tâm của chúng ta tốt, cảnh giới biến hiện ra đều là tốt cả. Thiện Tài đồng tử năm mươi ba tham vấn lễ kính chư Phật, tuy nhiên trong tất cả chúng sanh, đích thật có thuận với pháp tánh, có trái ngược với pháp tánh; thuận với pháp tánh thì chúng ta gọi là Thiện, chẳng thuận với pháp tánh chúng ta gọi là Ác. Thiện, chúng ta tán thán, Ác không tán thán, sai biệt là ở chỗ này. Ngoại trừ điểm này ra chẳng có một tơ hào sai biệt nào khác, người thiện là Phật, người ác cũng là Phật. Người hành thiện chúng ta tán thán, tạo ác thì không tán thán, tuy nhiên tâm cung kính hoàn toàn giống nhau. Cho nên

điều đáng quý nhất trong việc học Phật, đó là trong sinh hoạt hằng ngày của chúng ta khi xử sự, đối người, tiếp vật, phải dùng tâm chân thành, dùng tâm thanh tịnh, dùng tâm bình đẳng, dùng tâm từ bi, quý vị tu được như vậy thì bất luận quý vị làm việc gì, đều là Phật pháp cả. Mặc áo, ăn cơm đều là Phật pháp, đối người, tiếp vật cũng đều là Phật pháp, chẳng có một thứ nào chẳng phải Phật pháp. Nếu dùng tâm hư dối, tâm sân, tâm đố kỵ, đó là sai rồi, ngày ngày tụng kinh Vô Lượng Thọ cũng chẳng phải là Phật pháp. Vậy là sai rồi vì tâm mê, Phật là nghĩa Giác, giác là tâm giác, miệng không thể giác được, tâm phải giác, tâm nhất định phải chân thành, quyết định không bị thiệt thòi.

Các bạn đồng tu cũng có phản ứng nói: "Thưa pháp sư, không phải con chẳng biết, nhưng con bị lừa gạt thiệt thòi, con không gạt người nhưng người khác gạt con, vì sợ bị lừa, bị thiệt thòi nên cũng phải đi gạt họ". Quý vị bảo việc này có tệ hại không chứ, như vậy là bị ma kéo rồi, kéo xuống tới lục đạo luân hồi, cho nên nhất định phải giữ chắc nguyên tắc của mình, người gạt ta, ta không gạt người; họ tạo luân hồi, ta đến Cực Lạc thế giới, là hai con đường chẳng phải chỉ có một con đường. Nên phải rõ ràng, phải minh bạch, phải tự mình độ mình, thật sự là người khác không thể giúp, nhất định là chính mình giúp mình mà thôi. Như vậy nếu bàn luận một cách nghiêm khắc, thực tế thì câu

nói này vẫn có thể giải thích là "Niệm Phật Thấy Phật". Niệm Phật tam-muội, sở dĩ xưng là Bảo Vương tam-muội tức là ý nghĩa này, ngài Đại Thế Chí Bồ Tát nói cho chúng ta: "Nhớ Phật niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật".

Kinh văn: "Ư nhất niệm khoảnh, biến du nhất thiết Phật độ".

Cho thấy sự tự tại của các Ngài, "nhất niệm khoảnh" là thời gian ngắn không cần thời gian dài, chỉ một niệm, một sát-na thì có thể du khắp tất cả chư Phật sát độ. Cho thấy đạo lực thần thông của các Ngài thật là quảng đại, làm sao có thể dạo khắp tất cả sát

độ? Đương nhiên là các Ngài phân thân, hóa thân mà đi, nếu chẳng thể phân thân, hóa thân thì làm sao trong một niệm có thể đến được khắp tất các nơi? Những việc này là sự thật. Tuy nhiên, hiện nay chúng ta không gặp được những người như vậy. Trong Cao Tăng Truyện, chúng tôi có đọc qua, khi tôi mới học Phật rất thích đọc những loại sách này, bây giờ đã nhiều năm không có đọc nữa, vẫn còn một chút ấn tượng, tên của những người đó tôi đều quên hết không nhớ nổi. Trong Cao Tăng Truyện tôi đọc có thấy một đoạn như vầy, có một vị pháp sư, là pháp sư Ấn Độ hoằng pháp tại Trung Hoa, một hôm Ngài phải trở về Ấn Độ. Ngày đầu có rất nhiều tín đồ muốn tiễn đưa pháp sư,

mời pháp sư dùng cơm, pháp sư rất từ bi nên đều nhận lời cả, nhiều người mời Ngài đều nhận lời tất cả. Trong truyện ký có ghi chép rằng, hôm sau Ngài về nước, những người đó đều đến để tiễn đưa, tiễn độ mười dặm tới ngoại thành đều ngưng lại, mọi người rất hoan hỷ nói pháp sư từ bi đêm qua đến nhà tôi ứng cúng. Người đó nghe nói đêm qua pháp sư đến họ, rõ ràng pháp sư đã đến nhà mình, mọi người cùng đối diện, năm trăm nhà thỉnh Ngài, Ngài hóa thân đến cả năm trăm nhà, khi đó mới biết vị pháp sư này có thần thông. Ngài có được năng lực này, quý vị xem "nhất thời" có thể đến ngay bất cứ chỗ nào thỉnh Ngài, Ngài đều đến, như tôi đây không có khả năng này. Quý vị mời tôi, tôi chỉ

có thể đến một nhà, không thể đến hai nhà. Ngài có bản lãnh, năm trăm nhà thỉnh Ngài, Ngài đều đến đủ, đến cùng một lúc, đây là trong Cao Tăng Truyện, Thần Thông Truyện của chúng ta đều có ghi chép, quý vị có thể tìm đọc, những vị đó tên gì tôi chẳng còn nhớ, đối với chuyện này tôi vẫn còn ấn tượng rất sâu, ở Trung Hoa thật sự có chuyện này. Cho nên trong kinh điển Phật nói: "Ư nhất niệm khoảnh biến du nhất thiết sát độ", Bồ Tát của Tây Phương thế giới phải nên có năng lực này, huống hồ lại được Phật lực gia trì.

Kinh văn: "Đắc Phật biện tài, trụ Phổ Hiền Hạnh".

Đây là đức lợi sanh, lợi ích tất cả chúng sanh. "Biến du nhất thiết chư Phật sát độ", có hai sự kiện, thứ nhất là cúng Phật nghe pháp, hướng Phật thỉnh giáo, nghe Phật thuyết pháp; thứ hai là giúp đỡ Phật giáo hóa chúng sanh. Những chúng sanh ở khu vực này có duyên với mình, nhất định phải giúp đỡ Phật để độ hóa họ, cho nên là làm hai sự việc này. "Đắc Phật biện tài", các Ngài chưa thành Phật chỉ là Bồ Tát, nhất là như chúng ta vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, vẫn còn là phàm phu nhưng chúng ta cũng được biện tài của Phật, đây là do A Di Đà Phật gia trì.

Chúng ta cũng "trụ Phổ Hiền Hạnh", trụ Phổ Hiền Hạnh, có rất nhiều câu này trong bộ kinh này,

chúng ta phải đặc biệt lưu ý, từ những chỗ này đã chứng thật Tây Phương Cực Lạc thế giới là pháp giới của Phổ Hiền Bồ Tát. Sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới tức là Phổ Hiền Bồ Tát, cho nên năm mươi mốt giai cấp của Phổ Hiền Bồ Tát là Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác. Vị này là từ Thập Tín Vị trở lên. Vị thứ Bồ Tát có năm mươi mốt giai cấp, sanh lên đó tức là Phổ Hiền Bồ Tát, điều này thật vô cùng vô cùng bất khả tư nghị.

Kinh văn: "Thiện năng phân biệt chúng sanh ngữ ngôn".

Nếu chúng ta phải đi học tập thì là bất thiện rồi, chẳng học mà biết, đó gọi là thiện, thế giới vô lượng vô biên, chúng sanh vô lượng vô biên, ngôn ngữ vô lượng vô biên, chẳng cần phải học mà hiểu được hết, đây gọi là Thiện. Sự việc này, thoạt mới nghe qua chúng ta cảm thấy rất kỳ quái, kỳ thật về mặt Lý nói được thông, "tâm thanh tịnh, tâm vô phân biệt, có thể thông đạt tất cả vạn pháp". Ngày nay chúng ta đã mất đi năng lực này, tại sao đánh mất? Chúng ta có phân biệt, có chấp trước, chúng ta "hữu tri" cho nên mới "hữu sở bất tri", những thứ không biết thì thật là quá nhiều quá nhiều. Chư Bồ Tát tu đó là tu cái "vô tri", trong Tâm Kinh có nói: "Vô trí diệc vô đắc, vô tri vô sở bất tri, vô

đắc vô sở bất đắc”; cái chi họ cũng đều được cả, chúng ta bởi vì có “hữu đắc” nên chẳng một thứ nào đắc được cả, “hữu tri” nên một thứ cũng “bất tri”; quý vị xem rắc rối là từ chỗ này sanh ra.

Phật trong kinh thật sự chỉ một câu đã điểm phá cho chúng ta, chúng ta phải hiểu rõ, phải biết được ý của Phật nói, phải thật sự để làm, để tu, đem những chỗ sai lầm của chúng ta tu chỉnh lại. Thí dụ nói, chúng ta “hữu tri”, đây là sai lầm, chúng ta đem nó tu chỉnh trở lại thành “vô tri”. Chúng ta “hữu đắc”, quan niệm đắc - thất là sai lầm, chúng ta đem nó tu chỉnh lại thành “vô đắc”. Khi đó cái Tri - Đắc của chúng ta sẽ cùng với chư Phật, Bồ Tát như nhau, sẽ là “vô sở bất tri, vô

sở bất đắc”. Mọi thứ sẽ chẳng còn khiếm khuyết, cái này mới gọi là chân khoái lạc, gọi là đại tự tại. Đây là “Thiện năng phân biệt ngôn ngữ của chúng sanh”.

Kinh văn: “Khai hóa hiển thị chân thật chi tế”.

Câu này rất quan trọng, trong kinh này nói đến ba sự thật, đây là cái thứ nhất. Khai là khai thị, Phật vì chúng sanh khai thị, Hóa là ngộ nhập, Hóa là biến hóa, Phật vừa khai thị chúng ta liền giác ngộ, chúng ta liền nhập, nhập cái gì? Nhập “chân thật chi tế”. “Chân thật chi tế” tức là Chân Như bản tánh trong Thiền Tông nói đến, nhà Thiền nói minh tâm kiến tánh, cái

này tức là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật. Cho nên quý vị có thể ngộ nhập được "chân thật chi tế" thì quý vị thành Phật rồi.

Kinh văn: "Siêu quá thế gian, chư sở hữu pháp".

Đương nhiên, đừng nói thế gian chư sở hữu pháp, xuất thế gian chư sở hữu pháp cũng chẳng thể sánh bằng pháp môn trực tiếp thành Phật.

Kinh văn: "Tâm thường đế trụ, độ thế chi đạo".

Đây là điều chúng ta nhất định phải học tập. Chúng ta ở thế gian này, nếu chẳng học Phật là luống qua một

đời, chẳng những là luống qua, đời này lại tạo thêm vô lượng vô biên tội nghiệp, tương lai sẽ có những khổ báo khôn cùng, chính mình phải gánh chịu, quý vị bảo việc này rắc rối biết mấy, đáng thương biết mấy. Nhất định phải học Phật, Bồ Tát, tâm của Phật, Bồ Tát là tâm gì? "Tâm thường đế trụ, độ thế chi đạo". Thường là chẳng gián đoạn, Đế là chân thật, Độ là giúp đỡ người thế gian giác ngộ. Cho nên chúng ta học Phật, bất luận là thân phận gì, bất luận là một ngành nghề nào, đều là Bồ Tát. Quý vị ở trong nhà, gia đình tức là đạo tràng, quý vị phải có chân tâm giúp đỡ người trong nhà, giúp đỡ bà con bạn bè giác ngộ, giác mà chẳng mê, sự giúp đỡ chân thật nhất là giúp đỡ họ

niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, phải có cái tâm này. Quý vị tự có một công ty, hãng, hiệu, đó là đạo tràng của quý vị, quý vị phải phát tâm độ tất cả nhân viên, chẳng những phải chiếu cố sinh hoạt của họ, phải chỉ dạy họ, quý vị còn phải giúp họ liễu sanh tử, xuất tam giới, như vậy quý vị là ông chủ Bồ Tát. Quý vị xem trong kinh Hoa Nghiêm, bất luận làm một ngành nghề nào, tất cả đều là Bồ Tát. Nam nữ, già trẻ, các ngành các nghề đều là Bồ Tát, chẳng phải nói, ồ học Phật nhất định phải xuất gia, nhất định phải ở trong chùa, như vậy là quý vị đã hiểu sai rồi.

Sánh hôm nay có một vị đồng tu ở Đài Loan gọi điện thoại cho tôi, là cư sĩ Trần Viên Viên, trước kia chúng tôi

có phát hành một quyển sách nhỏ Nhận Thức Phật Giáo, đó là do Trần cư sĩ chép lại từ trong băng cassette, là quyển sách đầu tiên. Hiện nay quý vị nhận được quyển này là giảng tại Miami vào năm 1991, quyển này tường tận hơn, giảng hết bảy ngày, viết thành quyển sách này, còn quyển kia chỉ giảng một lần, một tiếng rưỡi đồng hồ, giảng ở chùa Mã Tổ Cựu Kim Sơn. Sáng nay bà điện thoại báo cho tôi hay thân phụ của bà đã vãng sanh rồi, cha của bà không tin Phật, bà tin Phật. Hơn một năm trước cha của bà bị bệnh ung thư, bà rất hiếu thuận và khuyên cha bà [niệm Phật], người cha mới chấp nhận. Khoảng gần nửa năm nay, bà ta từ Mỹ trở về Đài Loan, hằng ngày chăm sóc cho

cha bà, ngồi bên cạnh giúp cha bà niệm Phật, đại khái mỗi ngày niệm mười vạn tiếng, đại khái vãng sanh rất là tốt đẹp. Có ba mươi mấy người hộ niệm, giúp ông ta trợ niệm được hai mươi bốn giờ, trong mấy người đồng tu trợ niệm, nhiều người thấy được Phật đến tiếp dẫn, thấy được hình Phật. Lúc còn nằm bệnh, tướng mạo ông ta rất khó coi, đến lúc vãng sanh tướng mạo rất viên mãn, cả gia đình đều được độ.

Bà nói anh của bà và chị dâu đều chẳng tin Phật, thấy được như vậy đều niệm Phật. Còn có một người bà con đang học Thiền Tông, thấy được như vậy cũng không học Thiền nữa mà quay trở lại niệm Phật, độ cả một gia đình. Mọi người nhìn thấy cảnh

tượng như vậy, lòng tin tăng trưởng, chuyện này chẳng phải giả, tướng lành đó vô cùng vô cùng hiếm có, lúc vãng sanh cũng giống như một người thường, một người khỏe mạnh đang ngủ, điều này đã khiến cho mọi người thật sự sanh khởi lòng tin chân chánh. Cho nên chúng ta nhất định phải có cái tâm, tâm này niệm niệm không gián đoạn, tự mình cầu sanh Tịnh Độ, giúp đỡ tất cả mọi người cầu sanh Tịnh Độ. Chúng ta tự mình tin sâu chứ chẳng ngại nghi, phải giúp đỡ tất cả chúng sanh xây dựng lòng tin, người như vậy tương lai sẽ được lợi ích, tương lai có thể vãng sanh. Họ cảm ân vì do quý vị giới thiệu, do quý vị tiếp dẫn, Đại Từ Bồ Tát nói rất hay: "Một người nếu trong một kiếp có thể

thật sự khuyên được hai người vãng sanh", vãng sanh này tức là làm Phật, khuyên hai người nghĩa là nhờ quý vị khuyến khích, họ niệm Phật đến được Tây Phương Cực Lạc thế giới để làm Phật. Đại Từ Bồ Tát nói tiếp: "So với công đức niệm Phật của chính quý vị còn lớn hơn, quý vị đã giúp được hai người thành Phật rồi. Nếu quý vị có thể giúp được mười mấy người thật sự vãng sanh, vậy quý vị thật sự là Bồ Tát, nếu quý vị có thể giúp đỡ mấy trăm, mấy ngàn người vãng sanh, thì quý vị tức là A Di Đà Phật tái lai", Đại Từ Bồ Tát nói như vậy.

Cho nên chúng ta phải "tâm thường để trụ, độ thế chi đạo", câu này vô cùng quan trọng, nhất định phải học tập, phải nỗ lực để làm, hiện

tại duyên thật sự thù thắng sẽ rất tiện lợi. Quý vị xem kinh sách của chúng ta, thực tế mà nói, chúng ta đem Phật pháp giới thiệu cho người khác trong xã hội ngày nay, bốn quyển sách nhỏ là đủ rồi. Thứ nhất Nhận Thức Phật Giáo, thật sự liễu giải Phật giáo; thứ hai Tam Quy Truyền Thọ, Tam Quy là nền tảng nhập môn của chúng ta, rõ rõ ràng ràng minh minh bạch bạch; thứ ba là kinh Vô Lượng Thọ, đem quyển kinh này giới thiệu cho họ, khuyên họ thường thường đọc tụng, họ dần dần hiểu rõ phương pháp tu hành; thứ tư là quyển Khóa Tụng Sáng Tối của Tịnh Tông chúng ta, chúng ta dùng quyển này làm thời khóa công phu sáng tối y giáo phụng hành, thì quyết định sẽ được độ.

Không một tí phiền phức, đối với người thời nay một xã hội bận rộn, đó là một phương pháp tu học rất hay, là một tài liệu giáo học rất được thọ dụng, vì phân lượng không nhiều, lợi ích chân thật.

Kinh văn: "Ư nhất thiết vạn vật tùy ý tự tại, vi chư thứ loại tác bất thỉnh chi hữu".

"Nhất thiết vạn vật tùy ý tự tại" tức là chỉ cho xã hội hiện nay của chúng ta, chúng ta thường nói hoa hoa thế giới, trong Thiền Tông có một câu nói: "Đản tự vô tâm ư vạn vật, hà phương vạn vật thường vi nhiễu", quý vị cần tự mình làm được chủ tể, chẳng cần phải rời khỏi xã hội, không

cần phải rời xa đại chúng, ngay trong xã hội này thành tựu đạo nghiệp của chính mình, kiên định việc Tín - Nguyện - Trì Danh của mình, như vậy là thành tựu. "Vi chư thứ loại", Thứ Loại là chỉ cho tất cả chúng sanh, chúng ta phải chủ động đi giúp đỡ họ, "tác bất thỉnh chi hữu" làm người bạn chẳng mời mà đến, đừng chờ họ đến tìm ta giúp đỡ, chúng ta mới giúp đỡ họ, họ không mời ta cũng phải giúp họ, đây mới là Bồ Tát phát tâm. Đợi người ta đến mời quý vị thì đó chẳng phải là Bồ Tát phát tâm, cho nên nói phải làm người bạn không mời mà tới, chủ động đi giúp đỡ người ta.

Vậy như lúc nãy tôi vừa nói bốn quyển sách nhỏ này, đối với người hiện nay vô cùng vô cùng hữu dụng,

là lợi ích chân thật, những quyển sách này của chúng tôi đều để ở đây để kết duyên chẳng sợ quý vị lấy, lấy càng nhiều càng tốt, hết rồi thì sẽ in thêm, nếu trong túi có địa chỉ của những thân bằng quyến thuộc của mình, quý vị đều nên gửi một quyển cho họ và khuyên dẫn họ, thì Quý vị tức là Bồ Tát rồi, thì tâm quý vị đã thật sự trụ nơi "độ thế chi đạo"; quý vị đã thật sự là "vi chư thứ loại tác bất thỉnh chi hữu", chỉ cần có chỗ liên lạc được, tất cả đều gửi đến, sách gửi hết rồi, chúng tôi sẽ in thêm. Hiện nay kỹ thuật ấn loát rất tiến bộ, rất rẻ, việc quý vị làm là công đức chân thật, quyển sách mà hiện nay trong tay quý vị đang cầm này in một quyển là một đồng Mỹ kim, tiền Tân Gia Ba

khoảng hơn một đồng, chưa tới hai đồng. Quý vị nghĩ xem, nếu quý vị thật sự phát tâm, quý vị có thể độ biết bao nhiêu người, quý vị giúp đỡ biết bao nhiêu người, trong tâm thật sự được vui sướng.

Kinh văn: "Thọ trì Như Lai, thậm thâm pháp tạng".

Thọ là tiếp thọ, Trì là bảo trì, vĩnh viễn chẳng mất, niệm rồi lại niệm, pháp tạng thậm thâm của Như Lai là gì? Tức là sáu chữ hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật, đây là pháp tạng thậm thâm của Như Lai.

Kinh văn: "Hộ Phật chủng tánh, thường sử bất tuyệt".

"Phật chủng tánh" tức là Phật Tánh, tất cả chúng sanh đều có Phật Tánh, người có Phật Tánh nhất định sẽ làm Phật, hiện nay họ mê chẳng giác, chỉ cần chúng ta giúp họ giác ngộ là được rồi, khuyên họ phát tâm, khuyên họ niệm Phật. Ngay trong sinh hoạt hằng ngày, khuyên họ nên tu Tam Phước, Lục Hòa, Lục Độ, chúng ta tự mình cũng làm như vậy, chúng ta thời thời khắc khắc khuyên người khác làm, đây mới thật sự là "hộ Phật chủng tánh". "Thường sử bất tuyệt", công đức này là đệ nhất, công đức vô lượng vô biên ai cũng có thể làm, ai cũng có thể tu, tại sao quý vị lại chẳng làm, tại sao lại để thời gian quý báu ngày ngày luống qua

như vậy? Thật là đáng tiếc quá chừng. Người thời nay hay nói là công việc bận rộn, tranh thủ từng giây từng phút, chúng ta hôm nay cũng tranh thủ từng giây từng phút, tranh cái gì? Tranh làm công đức. Công đức chân thật, chẳng thể để thời gian quý báu luống qua, điều này rất quan trọng, rất quan trọng. Phần dưới là:

Kinh văn: "Hưng đại bi, mẫn hữu tình, diễn từ biện, thọ pháp nhãn, đỗ ác thú, khai thiện môn".

Mấy câu này là chỉ cho chúng ta một cách làm cụ thể, chúng ta bắt đầu từ đâu mà làm? Từ đâu mà hạ thủ? Đây dạy cho quý vị cách làm như thế nào, đương nhiên những gì ở đây nói

đến đều là nguyên tắc, nguyên tắc này rất dễ hiểu, nắm giữ nó trong đời sống hằng ngày, quý vị sẽ chẳng để uổng phí thì giờ, thiết thực tu tích công đức chân thật.

Điều thứ nhất, quý vị phải có tâm đại bi, có từ bi tâm, đây là động lực thúc đẩy quý vị, ngày nay quý vị làm các ngành nghề trong xã hội, vì sao lại phải làm một cách cực khổ như vậy? Cơm thì ăn không ngon, ngủ chẳng yên giấc, đem toàn bộ tinh thần dồn hết vào đó, để vì cái gì? Lực lượng nào đang thúc đẩy quý vị? Danh lợi, quý vị nghĩ xem, có phải không? Nếu như đã chẳng có danh lợi, không có lợi, chẳng có danh, quý vị có còn làm nữa không? Quý vị không làm đâu, vì lợi đang thúc đẩy quý vị,

danh lợi này đang thúc đẩy quý vị làm, đó là tạo nghiệp. Nghiệp luân hồi là mê, chẳng phải giác. Hôm nay Phật pháp này khiến quý vị giác ngộ, giác ngộ là do lực lượng nào thúc đẩy? Đây là tâm từ bi, tâm thương xót, nhìn thấy chúng sanh mê hoặc điên đảo, chúng ta nói tâm từ bi, tâm thương xót, tâm đồng tình là lực lượng đang thúc đẩy, cho nên "hưng đại từ", Hưng là hưng khởi, phát khởi. Phải phát tâm từ bi, phải thương xót tất cả hữu tình chúng sanh, đây tức là đại từ đại bi. Làm bằng cách nào đây?

"Diễn từ biện", đây là khai thị phải từ bi, Diễn là do chính mình làm ra, làm cho họ xem. Biện là gì? Là nói cho họ nghe, họ có nghi vấn, phải biện bạch cho rõ ràng khiến họ giác

ngộ. "Thọ pháp nhãn", Thọ là truyền thọ cho họ, Pháp Nhãn tức là tâm giác ngộ, giác tâm. Nhãn đây chẳng phải là nhục nhãn, [mà là] Tâm Nhãn, trong tâm giác ngộ rồi, trong tâm không hồ đồ nữa, chẳng mê hoặc nữa, đây mới gọi là Pháp Nhãn, tức là cái tâm giác ngộ, phải giúp họ ngộ nhập. "Đỗ ác thú", Ác Thú là gì? Nghiệp nhân của lục đạo luân hồi. Đỗ là ngăn ngừa, dạy cho họ, giúp đỡ họ ngăn ngừa không tạo nghiệp của lục đạo luân hồi, tạo nghiệp lục đạo luân hồi chẳng cách chi không bị thọ báo. Hôm nay chúng ta không tạo nghiệp luân hồi, tất sẽ chẳng bị đọa lạc luân hồi. "Khai thiện môn", Thiện Môn là gì? Là pháp môn vãng sanh Tịnh Độ, đây là chân thiện, những thứ thiện

khác không được, những thứ thiện khác thọ sanh vào tam thiện đạo, cái đó chẳng phải là chân thiện vì vẫn còn phải luân hồi. Cái thiện chân chánh là liễu sanh tử, xuất tam giới vãng sanh Tịnh Độ, nhất định phải đem pháp môn này truyền thọ cho họ, đây mới là "tâm thường đế trụ, độ thế chi đạo"; quý vị làm được như vậy, đó mới gọi là chân, chẳng phải là giả.

Ý nghĩa trong phẩm kinh này, thực tế mà nói, nói chẳng hết, đã giảng hết nhiều ngày rồi, có nhiều đồng tu hỏi "Bộ kinh này, trong ba mươi ngày có thể giảng xong không?" Điều cần thiết, điều quan trọng phải giảng kỹ, đến phần sau, đại khái còn khoảng một phần tư của kinh văn, là giới thiệu về phong cảnh của Tây

Phương Cực Lạc thế giới, vẻ đẹp đó chúng ta đọc qua là được rồi, không cần giảng kỹ. Vì thì giờ đã đến, chúng tôi xin giảng đến đây. A Di Đà Phật

Tập 6

Xin lật quyển kinh ra, trang thứ bảy, hàng chót.

Kinh văn: "Ư chư chúng sanh, thị nhược tự kỷ, chửng tế phụ hà, giai độ bỉ ngạn".

Bốn câu này là một đoạn nhỏ. Trong tâm mục của Bồ Tát, chúng sanh và mình thật tại là không hai, không khác, nhìn thấy chúng sanh chịu khổ chịu nạn thì cũng như chính mình chịu khổ chịu nạn vậy. Cho nên "chửng tế phụ hà" tức là độ chúng sanh, cái trách nhiệm và sứ mạng này của Bồ Tát là cần phải làm, là bổn phận việc làm của Bồ Tát. "Giai độ bỉ

ngạn", đó là mục tiêu, giống như trong Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh chỗ nói, "Chúng sanh không thành Phật thì Bồ Tát thệ nguyện chẳng thành Phật", nhất định phải giúp đỡ chúng sanh thành Phật trước, có cái hoằng nguyện vĩ đại như thế, đây mới là giác ngộ chân thật, giác ngộ triệt để. Kinh văn phần dưới.

Kinh văn: "Tất hoạch chư Phật vô lượng công đức, trí tuệ thánh minh bất khả tư nghị".

Tất là khiến mỗi một chúng sanh đều có thể có được công đức viên mãn như Phật, chúng ta thường nói đến Phước Tuệ, khi chúng ta thọ trì Tam Quy, chúng ta thường thường

niệm đến "Quy Y Phật, lưỡng túc tôn", Lưỡng (Nhị) là hai thứ, Túc nghĩa là đầy đủ, viên mãn, trí tuệ viên mãn, phước đức viên mãn, phước tuệ lưỡng (nhị) túc. Vậy nói đến trí tuệ và phước đức, chín pháp giới chúng sanh đều chẳng thể sánh bằng Phật, cho dù là Đẳng Giác Bồ Tát phước tuệ vẫn còn khiếm khuyết một phần, vẫn chưa viên mãn bởi vì Bồ Tát vẫn còn một phẩm thân tướng vô minh chưa phá. Đây là chỗ chưa viên mãn của phước đức, trí tuệ, nhất định phải chứng đến Phật quả viên mãn, phước tuệ mới viên mãn, chỗ này nói: "Chư Phật vô lượng công đức", tức là phước tuệ viên mãn, địa vị chứng đắc cùng Phật bình đẳng, "trí tuệ thánh minh, bất khả tư nghị".

Kinh văn: "Như thị đẳng chư Đại Bồ Tát, vô lượng vô biên, nhất thời lai tập".

Tất cả những vị Bồ Tát này, không chỉ là của Sa Bà thế giới chúng ta, Bồ Tát ở tha phương thế giới càng nhiều hơn, thế giới này và những nơi khác như phía trước đã nói, các vị Đại Bồ Tát này, trí tuệ và đức năng của họ cùng với Phật đều ngang nhau. Có bao nhiêu vị? Vô lượng vô biên. Nhất thời Thế Tôn vì chúng sanh tuyên giảng kinh Vô Lượng Thọ, tuyên giảng thành Phật đệ nhất pháp môn, cho nên họ đã nhìn thấy, đã nghe thấy, tất cả đều đến đạo tràng để tập hội.

Phần kinh văn đến đây là đã đem trí tuệ, đức năng của các đại tỳ- kheo, Đại Bồ Tát ra để tán thán, cũng là thuyết minh, đến chỗ này là xong một đoạn. Phía dưới nói:

Kinh văn: "Hựu hữu tỳ-kheo-ni ngũ bách nhân".

Đây là trong pháp hội Phật giảng kinh, có đến năm trăm người nữ chúng xuất gia.

Kinh văn: "Thanh tín sĩ thất thiên nhân, thanh tín nữ ngũ bách nhân".

Thanh tín sĩ là người học Phật tại gia, Trung Hoa gọi là cư sĩ, đây là

nam chúng tại gia, nam cư sĩ, có bảy ngàn người, nữ cư sĩ cũng có năm trăm người. Như vậy các tỳ-kheo-ni và tại gia nam nữ, hai chúng hợp lại là tám ngàn người. Phần trước chúng ta thấy các chúng đại tỳ-kheo tham gia pháp hội này, cộng thêm tám ngàn người này nữa, thính chúng tham gia pháp hội của Thích Ca Mâu Ni Phật có đến hai vạn người. Riêng Bồ Tát ở thế giới này và nơi khác chưa kể, con số đó vô lượng vô biên, có một số mắt thịt của chúng ta có thể nhìn thấy, còn phần lớn mắt thịt của chúng ta chẳng nhìn thấy được. Tuy nhiên các Ngài đều đến tham dự đạo tràng pháp hội này, đạo tràng của Thế Tôn trang nghiêm như vậy. Sau Thế Tôn, các đệ tử của Ngài giảng kinh thuyết pháp

nơi đạo tràng cộng tu của đại chúng thế giới này và nơi khác, những vị A La Hán, Bồ Tát cũng thường đến tham dự pháp hội này, mắt thịt của chúng ta cũng không thể nhìn thấy được. Bởi vì có số người này tham gia pháp hội, đều hiển bày sự trang nghiêm thù thắng không chi sánh bằng khiến cho mỗi người chúng ta ở trong đạo tràng đều có thể pháp hỷ sung mãn, đây là dùng cách nói hiện nay mà nói, người đời nay gọi là từ trường, từ trường này chẳng giống nhau, có sự gia trì của chư Phật, Bồ Tát. Ngoài ra còn có thiên nhân, mắt thịt của chúng ta vẫn chẳng thể nhìn thấy được những người này.

Kinh văn: "Dục Giới Thiên".

Có sáu tầng trời.

Kinh văn: "Sắc Giới Thiên".

Có mười tám tầng trời. Vô Sắc Giới Thiên không kể vì Vô Sắc Giới không có hình tướng.

Kinh văn: "Chư thiên Phạm chúng".

Phạm là thanh tịnh, tâm của thiên nhân là thanh tịnh nhất trong lục đạo, so với năm đạo khác thanh tịnh hơn nhiều.

Kinh văn: "Tất cộng đại hội".

Phẩm kinh này, trong phần tựa vẫn là thuộc về Thông Tự, từ điểm này chúng ta có thể nhận ra bộ kinh này, kinh văn chẳng dài lắm, nhưng phần tựa của nó rất dài, đích thật là cấu trúc của một bộ đại kinh.

Đại Giáo Duyên Khởi - Đệ Tam

Phẩm này thuộc tựa riêng biệt, cho nên phần tựa của kinh này chia làm ba phẩm, trong phẩm kinh này Như Lai phóng quang hiện tướng lành, thị hiện tướng lành, tôn giả A Nan nhìn thấy, sanh khởi tâm vô cùng hoan hỷ đến để thỉnh pháp. Thế Tôn đại từ đại bi vì tôn giả A Nan nói rõ sự việc này, và như vậy đã nói ra một bộ kinh Vô Lượng Thọ, đệ nhất hy

hữu, quảng đại viên mãn, trực tiếp tiện lợi và cứu cánh này. Đây là đem nhân duyên thuyết kinh đặt trọn trong một phẩm kinh này.

Tựa kinh có ba phẩm, hai phẩm trước là Thông Tựa, phẩm này là Biệt Tựa, mục đích là vì chánh tín, khiến chúng ta đối với bộ kinh điển này, đối với pháp môn này, thật sự sanh khởi tín tâm không gì bằng. Ngẫu Ích đại sư nói, Tín - Nguyện - Trì Danh là ba điều kiện trọng yếu của sự tu Tịnh Độ, thiếu một cũng không được, trong ba điều kiện này, Tín là điều kiện thứ nhất, do đây có thể biết sự quan trọng của nó. Kinh văn trong bộ kinh này nói rất rõ, trong một phẩm của phần trước, chúng ta đã đọc "khai hóa hiển thị chân thật chi tế", chân thật chi tế

tức là điều trong Quán Kinh chỗ nói: "Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật", cho nên bộ kinh điển này, pháp môn này có thể tin được, cần nên phải tin. Lý luận y cứ của nó rất là chân thật, chẳng phải hư vọng, tác dụng của bộ kinh này là dùng pháp bình đẳng để giác ngộ tất cả chúng sanh, cũng tức là nói pháp môn khiến tất cả chúng sanh bình đẳng thành Phật. "Pháp" là phương pháp, Môn là môn kính, là phương pháp nhập môn khiến tất cả chúng sanh bình đẳng thành Phật.

Cửu pháp giới chúng sanh, thực tế là không bình đẳng; hướng lên trên, nói Bồ Tát Đẳng Giác, Thanh Văn, Duyên Giác tức là nói Bích Chi Phật, Thanh Văn là A La Hán, phía dưới là lục đạo chúng sanh thì làm sao bình

đẳng được, trên Sự mà nói quyết định chẳng bình đẳng, trên mặt Lý mà nói cũng chẳng thể bình đẳng.

Tuy nhiên, cái Lý trong bộ kinh này mà Phật đã nói không phải là Lý bình thường, là cái Lý của pháp tánh chân thật, rốt ráo viên mãn, pháp tánh là bình đẳng, chúng ta là người học Phật, ai cũng biết là từ trong cái Lý này để khai hóa ra. Cho nên pháp môn này, thật sự là thù thắng đến chỗ cùng cực, chẳng gì có thể sánh bằng, không một pháp môn nào có thể so sánh với nó, nó thật sự bình đẳng thành tựu. Chẳng phải là sự thành tựu bình thường, là sự thành tựu viên mãn rốt ráo. Trong kinh lại nói với chúng ta "Huệ dĩ chúng sanh chân thật chi lợi", tức là Phật đem lợi ích chân thật

ban cho chúng ta. Lợi ích chân thật này là gì? Đó là Tín - Nguyện - Trì Danh, là Phật phổ biến rộng lớn, bình đẳng, vô phân biệt ban cho tất cả chúng sanh, chúng ta chỉ cần y cứ vào ba điều kiện này. Thật tại mà nói, ba điều kiện này, người người trong cửu giới chúng sanh đều có thể làm được, chỉ cần quý vị chịu làm, quý vị chịu tin, quý vị chịu nguyện, quý vị chịu niệm Phật, quý vị sẽ bình đẳng được độ, cho nên phương pháp Tín - Nguyện - Trì Danh là pháp bình đẳng.

Chúng ta biết được Hoa Tạng thế giới, bốn mươi mốt vị Pháp Thân Đại Sĩ là dùng phương pháp này được vãng sanh Tây Phương thế giới để thành Phật, lục đạo phàm phu, thậm chí đến địa ngục chúng sanh, nghe

đến pháp môn này, có thể y giáo phụng hành cũng có thể vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới để làm Phật, đích thật là bình đẳng, bất khả tư nghị. Cho nên Liên Trì đại sư nói: "Việt tam kỳ ư nhất niệm", Việt là siêu việt, Tam Kỳ là ba đại A-tăng-kỳ kiếp, tu hành vượt qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp, ba đại A-tăng-kỳ kiếp này là việc tu hành của Bồ Tát bình thường mới có thể thành Phật, trong pháp môn này của chúng ta, vừa niệm một câu Nam Mô A Di Đà Phật thì là thành công ngay. Nói một cách khác, một niệm này vượt qua ba đại A-tăng-kỳ kiếp của họ, đây là nói về mặt thời gian.

"Tề chư thánh ư biến dã", Chư Thánh này nếu luận theo Viên Giáo,

đây là thù thắng tột đỉnh, Viên Giáo Bồ Tát có năm mươi mốt giai cấp, Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, năm mươi mốt vị thứ, chúng ta có cần phải từng vị thứ một để chứng đắc không? Không cần. Chỉ một câu A Di Đà Phật sẽ đốn siêu, trong khoảnh khắc là thành Phật ngay, thông thường các pháp môn khác, phải từng vị thứ một để chứng đắc, đi lên để chứng đắc giống như quý vị đến giảng đường này, giảng đường này ở tầng thứ năm của năm lầu, thông thường các pháp môn khác phải đi bằng cầu thang, từng bậc, từng bậc cao, từ bậc thứ nhất để lên đến lầu thượng. Pháp môn Niệm Phật là đi bằng thang máy lên, chẳng cần phải

leo từng bậc thang, tích tắc là đến liền, điều này quý vị có thể dễ dàng thể hội. Tề là chỉnh tề, đẳng tề, cùng với các bậc Đại Thánh, Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, cùng địa vị của họ bình đẳng, chỉ dùng một câu Nam Mô A Di Đà Phật này là bình đẳng với các Ngài. Bởi thế Liên Trì đại sư tán thán điều này, thật là kỳ diệu đến chỗ cùng cực, thật sự là bất khả tư nghị. Có thể nói là chúng ta vô cùng may mắn, ngày hôm nay cơ duyên đã thành thục rồi, duyên gì đây? Cái duyên làm Phật, duyên làm Phật của chúng ta đã thành thục rồi, "thị tâm tác Phật" rồi. Nghe được bộ kinh điển cứu cánh, viên mãn thành Phật này, trong kinh điển này nói với chúng ta phương pháp thành Phật, thật sự là

"một ngày hy hữu khó gặp từ vô lượng kiếp đến nay", đây là câu nói của cư sĩ Bành Tế Thanh trước thời nhà Thanh, ông ta cũng gặp được pháp môn này, mà mừng rỡ đến chẳng thể tả nổi. Bây giờ chúng ta xem phần kinh văn.

Kinh văn: "Nhĩ thời Thế Tôn, oai quang hách dịch, như dung kim tụ, hựu như minh kính, ảnh sướng biểu lý, hiện đại quang minh, số thiên bách biến".

Đoạn này là Như Lai phóng quang minh, xuất hiện tướng lành, chỗ này chúng ta cần đặc biệt chú ý là, mỗi một chữ trong đó đều hàm chứa ý nghĩa rất sâu, rất rộng. "Nhĩ Thời" là

lúc đại chúng hội tập, thật tại mà nói, cũng là nhân duyên đã đến, Phật thấy nhân duyên này, duyên đã thành thục rồi, Phật muốn vì mọi người tuyên nói pháp môn này, đại chúng có thể tin, có thể hoan hỷ y giáo phụng hành, tức là duyên đã thành thục rồi vậy. Cho nên Phật vô cùng hoan hỷ, bổn nguyện của Phật là giúp đỡ chúng sanh thoát ly sanh tử luân hồi, viên thành Phật đạo. Hôm nay duyên đã thành thục rồi, vì sao Ngài lại chẳng hoan hỷ chứ? Niềm hoan hỷ này là niềm hoan hỷ nhất trong bốn mươi chín năm giảng kinh thuyết pháp của Thế Tôn, cái tâm hoan hỷ này đạt đến tột điểm nên xuất hiện tướng lành như vậy.

"Oai quang hách dịch", Oai là oai đức, Quang là quang minh, người thế gian chúng ta thường nói, người gặp việc vui tinh thần sảng khoái. Nếu một người có niềm vui rất lớn, khi việc vui mừng đó đến, quý vị xem tinh thần của họ có vẻ khác, gương mặt sáng rực. Phật cũng như vậy, lần này Phật gặp được chuyện hoan hỷ như thế cho nên chẳng như lúc bình thường, nét mặt của Ngài rực sáng. "Như dung kim tụ", câu này là thí dụ, thí dụ cho vàng đã là đẹp lắm rồi, màu sắc óng ánh đẹp biết bao, nếu đem vàng đốt dưới nhiệt độ cao cho tan ra, thì màu sắc đó lại càng đẹp hơn, chẳng những màu sắc đẹp mắt mà lại còn óng ánh, phóng ra kim sắc quang minh, đây là thí dụ cho vẻ hoan

hỷ của Phật. Phật nguyên là thân kim sắc, "như dung kim tụ", ý nói thể tướng của Phật trang nghiêm đến cực độ. "Hựu như minh kính", đây cũng là thí dụ, như một tấm gương mảy trần cũng không nhiễm quang minh biến chiếu, câu này thí dụ cho đức dụng của Phật nó khởi tác dụng thì đây là tướng của dụng, câu trước là thể tướng còn câu này là tác dụng, là tướng của dụng; bình thường đều chẳng hề thấy qua, hôm nay hiển thị vô cùng đặc thù. "Ảnh sướng biểu lý", câu này là nói thể dụng của Ngài như như, Ảnh là ảnh tượng, Sướng là không có ngăn cách, trong ngoài nhất như.

"Hiện đại quang minh, số thiên bách biến", đây là sự biểu hiện đại

dụng cụ thể, "hiện đại quang minh", trong đại kinh thường nói Nhất Chân pháp giới. "Số thiên bách biến", tức là nói thập pháp giới đều nằm trong ánh hào quang của Phật hiển hiện ra, đây là nói chỗ biểu đạt của nó. Phật thị hiện như vậy thì là toàn thể của Phật pháp, tất cả chư Phật vì chúng sanh chỗ thuyết của tất cả pháp, tức là chân tướng của sự thật này. Hôm nay chân tướng của sự thật này Phật chẳng nói một lời, từ hào quang nơi thân Ngài đều hiển lộ không sót, đây là đức tướng viên mãn. Tôn giả A Nan là thị giả của Thích Ca Mâu Ni Phật, ngày ngày đều đi theo Phật chưa bao giờ rời khỏi. Trước đây, tôn giả A Nan chưa từng thấy, chưa bao giờ thấy tướng hảo của ngày hôm nay trang

nghiêm như thế đó, chưa bao giờ thấy qua. Cho nên Ngài cảm thấy vô cùng kỳ lạ, hy hữu, đặc thù.

Kinh văn: "Tôn giả A Nan tức tự tư duy: Kim nhật Thế Tôn sắc thân chư căn, duyệt dự thanh tịnh, quang nhan nguy nguy, bảo sát trang nghiêm, tùng tích dĩ lai sở vị tằng kiến".

Ngài A Nan nói, Ngài từ trước đến nay chưa từng thấy Phật hôm nay hiện ra tướng hảo như vậy, vui mừng như vậy. Đoạn kinh văn này, chúng ta chẳng thể hàm hồ lướt qua, trong đó hàm ý rất sâu. "Sắc thân chư căn", Chư Căn là nói lục căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, gọi là chư căn, Duyệt là

khoái lạc, hỷ duyệt, duyệt do thanh tịnh. Người thế gian chúng ta khi vui mừng, tâm họ chẳng thanh tịnh, cho nên không thể "ảnh sướng biểu lý". Lúc thấy chúng ta vui mừng nhưng chẳng thể ảnh sướng biểu lý, tâm chẳng thanh tịnh. Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát tâm rất thanh tịnh, các Ngài không vui mừng thì sắc tướng này đều chẳng hiện ra.

"Quang nhan nguy nguy", Quang là quang minh, Nhan là dung mạo, Nguy Nguy là dáng vóc cao vọi, đây là hình dung, là tán thán. "Bảo sát trang trang nghiêm", câu này là hình dung, là tán thán. "Hiện đại quang minh, số thiên bách biến (số trăm ngàn biến hóa)", tức là thập phương sát hải y chánh trang nghiêm đều từ

nơi quang minh của Phật hiển hiện ra, là tán thán điều này. Đây là Thế Tôn nhìn thấy duyên của chúng sanh thành thục, trong tâm niệm A Di Đà Phật, niệm hạnh nguyện chỗ thành của Di Đà, mà tất cả chư Phật thảy đều bội phục, đều tôn kính, đều tán thán, đây là niệm Phật. Phật niệm Phật được oai thần gia trì của Bổn Nguyện Di Đà, Phật cũng gia trì Phật, Phật đương nhiên hộ niệm Phật. Không những là Di Đà gia trì Thế Tôn, thập phương nhất thiết chư Phật Như Lai, ngay lúc này tất cả đều gia trì đức Thích Ca Mâu Ni Phật, cho nên Thích Ca Mâu Ni Phật hiện sắc tướng như vậy, thật là chẳng gì sánh bằng thù thắng quá. Đồng thời lại niệm tất cả chúng sanh vì cơ duyên thành Phật đã thành thục

rồi, phải nên tuyên nói pháp môn này, chúng sanh hoan hỷ được độ, cho nên hôm nay Phật hiện tướng này, vô cùng kỳ dị đặc thù. Tôn giả A Nan cảm than rằng"Tùng tích dĩ lai, sở vị tằng kiến (Tự mình xưa nay chưa từng thấy qua)", do đây có thể biết hào quang nơi thân Phật, hào quang nơi mặt Phật, nên hiện Nhất Chân pháp giới, thập pháp giới y chánh trang nghiêm đích thật là vô cùng hy hữu.

Kinh văn: "Hỷ đắc chiêm ngưỡng, sanh hy hữu tâm".

Đây là cảm tưởng của ngài A Nan lúc nhìn thấy Thế Tôn phóng quang hiện tướng lành, Phật hiện tướng

tuyệt đối chẳng phải là ngẫu nhiên, nhất định có dụng ý rất sâu khiến cho ngài A Nan phải hỏi.

Kinh văn: "Tức tùng tọa khởi, thiên đản hữu kiên, trường quỵ hiệp chưởng".

Đây là lễ tiết, hướng Phật thỉnh pháp nhất định phải hành lễ trước, vốn là Ngài đang ngồi ở chỗ của Ngài nghe kinh, ngay lúc này Ngài từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước mặt Phật lễ bái để thỉnh pháp, "thiên đản hữu kiên" là sự lễ kính nhất, cách thức của nước Ấn Độ là như vậy. Trong nghi lễ cổ xưa tế kỵ của Trung Hoa, đây là lễ kỵ quang trọng nhất trong cỗ lễ của Trung Hoa là lễ tế tổ tiên, thông thường dân gian là tế tổ tiên, nếu như

quốc vương đại thần còn phải phải tế trời đất, thần sông, thần núi nữa, sự tế kỵ này chẳng phải bình thường như dân chúng. Dân chúng tế tổ tiên, trong phần lễ nghi đây là lễ tiết long trọng nhất, cũng "thiên đản hữu kiên", nghĩa là để lộ vai bên phải ra, vì sao thế? Trong lúc hành lễ nếu được sai bảo đi làm việc gì, động tác của quý vị phải rất nhanh, rất nhạy bén, là ý nghĩa như vậy. Trong lúc đệ tử hành lễ Phật, đôi khi Phật có sai bảo họ đi làm việc, động tác của họ phải rất nhanh, rất tiện lợi, cho nên trong lúc hành lễ phải để lộ vai bên phải ra để bày tỏ sự nguyện chịu phụng sự sư trưởng, sẵng sàng nghe lệnh sai khiến của sư trưởng, vui vẻ vì Ngài phục vụ là ý nghĩa này.

"Thiên đản hữu kiên, trường quỵ hiệp chưởng", chữ Trường Quỵ nếu quý vị nhìn kỹ, đại khái giống trong bức bích họa Đông Hoàng, quý vị có thể nhìn thấy lúc quỳ chỉ quỳ một chân, đầu gối bên trái quỳ xuống, đầu gối bên phải không quỳ, đây cũng là lễ tiết bày tỏ Phật muốn sai bảo chúng ta làm việc, đứng dậy dễ dàng, động tác nhanh nhẹn, là ý nghĩa sẵng sàng nghe lệnh để phục vụ; cho nên đây là lễ "trường quỵ hiệp chưởng" bày tỏ sự cung kính nhất tâm. Bình thường cái tâm này hay tán loạn thì có vọng tưởng tạp niệm, bày tỏ vọng tưởng tạp niệm của mười đầu ngón tay hiệp chưởng, đem nó hợp lại thành một bày tỏ sự nhất tâm, tất cả vọng tưởng tạp niệm đều buông xả, chuyên tâm

nghe thầy sai bảo, cho nên cái hiệp chưởng này là mang ý nghĩa này, tỏ sự tôn kính nhất tâm. "Nhi bạch Phật ngôn", Bạch là hạ đối với thượng, hạ đối với thượng là một kính từ, ngôn từ cung kính.

Kinh văn: "Nhi bạch Phật ngôn: Thế Tôn kim nhật nhập đại tịch định, trụ kỳ đặc pháp, trụ chư Phật sở trụ đạo sư chi hạnh, tối thắng chi đạo. Khứ lai hiện tại Phật Phật tương niệm, vị niệm quá khứ vị lai chư Phật da? Vị niệm hiện tại tha phương chư Phật da? Hà cố oai thần hiển diệu, quang thụy thù diệu nãi nhĩ, nguyện vị tuyên thuyết".

Trong đoạn này, chúng ta nhìn thấy tôn giả A Nan với những câu nói trên, sự phán đoán của Ngài chắc chắn là Ngài đã theo hầu Phật một thời gian khá dài, nên một số động tác của Phật, tôn giả A Nan có thể dự liệu được vài phần. Tướng vì sao lại tốt đẹp như vậy? Quý vị nên biết, người thế tục thường nói: "Tướng tùng tâm chuyển", quý vị xem người coi tướng số cũng nói tướng tùy tâm chuyển. Nói một cách khác, người này tâm của họ tốt thì tướng sẽ rất tốt, một người rất từ bi, quý vị vừa nhìn thấy tướng đó thì là hình dáng của từ bi. Nếu tâm người xảo quyệt gian trá, quý vị nhìn thấy cái tướng đó, tướng mạo bất thiện, nhìn đến thì có khủng bố; điều này nói rõ cái đích thật là tùy

tâm mà chuyển. Bởi thế lúc xưa có người nói con người lúc sau bốn mươi tuổi, tướng mạo phải do chính mình chịu trách nhiệm, tướng mạo trước năm bốn mươi tuổi, thế gian chúng ta gọi là do cha mẹ di truyền.

Kỳ thật, câu nói này trong nhà Phật giảng chẳng thông, trong nhà Phật nói tướng mạo của quý vị thay đổi như thế nào? Là do quý vị lúc đầu thai, quý vị với cha mẹ có duyên, không có duyên sẽ chẳng đến đầu thai, có duyên gặp được thì sanh tâm hoan hỷ ưa thích cha mẹ, ưa thích tướng mạo của cha mẹ, quý vị xem, tướng mạo đó có phải là "duy tâm sở biến" không?

Cho nên đứa bé khi vừa sanh ra, tướng mạo rất giống cha mẹ, là lúc

đầu đầu thai do tâm đứa bé tưởng mà sanh ra, sự việc là như vậy chẳng phải do di truyền chi cả, hình dáng cha mẹ như thế nào thì đứa bé sẽ giống như thế đó chẳng phải vậy, là do trong tâm của đứa bé ưa thích cha mẹ mà mang cái tướng là như thế. Sau khi ra đời đã được bốn mươi năm, đối với cha mẹ đã lãnh đạm, điều này chúng ta có thể hiểu được, trẻ nhỏ bám theo cha mẹ quấn quýt không rời, sau khi trưởng thành tâm luyến ái của nam nữ, tâm yêu sự nghiệp sanh khởi, cái tâm đối với cha mẹ sẽ lợt lạt đi. Do đó nên sau bốn mươi tuổi, tướng mạo sẽ thay đổi, cho nên một người lúc thiếu niên, lúc tráng niên, lúc tuổi già, tướng mạo có thể biến đổi, biến đổi thế nào? Tâm biến. Nếu được sự giáo dục tốt,

con người tâm địa đoan chánh thiện lành, tướng mạo của họ sẽ biến thành rất đoan trang rất từ bi, cho nên nói sau bốn mươi, tướng mạo phải do chính mình chịu trách nhiệm.

Vậy thì hôm nay Thế Tôn hiện tướng thù thắng không gì sánh bằng này, thì tâm cũng là đệ nhất thù thắng chẳng gì sánh bằng, vì sao thế? Phật đều niệm Phật, niệm A Di Đà Phật, niệm nhất thiết chư Phật, đây chẳng chỉ là sự trang nghiêm của một vị Phật, trang nghiêm của vô lượng Phật đều tập trung vào sắc tướng của Phật mà hiển hiện ra, điều này đương nhiên là quá hy hữu. Cho nên khi A Nan tán thán, mới muốn tán thán "Thế Tôn kim nhật nhập đại tịch định", Tịch Định là thọ dụng, là

hưởng thụ, đại tịch định này là gì? Tức là niệm Phật tam-muội, hôm nay Phật là nhập niệm Phật tam-muội.

"Trụ kỳ đặc pháp", Kỳ là hy kỳ, đặc thắng, thù thắng, không gì sánh bằng, ý nghĩa này là sẽ đem pháp môn bình đẳng thành Phật vì tất cả chúng sanh tuyên bố, trong tâm Phật chuẩn bị như vậy, đây tức là "trụ kỳ đặc pháp". "Trụ chư Phật sở trụ", pháp môn niệm Phật là đệ nhất pháp môn, mà mười phương ba đời tất cả chư Phật dùng để độ chúng sanh để thành Phật đạo, đây là "trụ chư Phật sở trụ". "Đạo sư chi hạnh", Đạo là dẫn đạo, dẫn đạo tất cả chúng sanh ngay trong một đời này bình đẳng thành Phật. "Tối thắng chi đạo", Đạo là con đường, tức là phương pháp tu

hành chứng quả, Tối Thắng tức là tối thù thắng, đương nhiên là chỉ cho pháp môn Niệm Phật này. Pháp môn Niệm Phật là tất cả chư Phật chỗ tu, tất cả chư Phật chỗ hoằng dương. Hôm nay Thế Tôn "niệm Di Đà chi sở niệm, hành Di Đà chi sở hành", cùng với A Di Đà Phật, với tất cả chư Phật cảm ứng đạo giao. "Khứ lai hiện tại", Khứ là quá khứ, Lai là vị lai, Hiện Tại là nói đến ba đời tam thế chư Phật, Phật Phật đều tương niệm, Phật Phật đều niệm Phật. Trong "Phật Phật tương niệm", hầu như không một vị Phật nào chẳng niệm A Di Đà Phật, A Di Đà Phật là tất cả chư Phật cùng cộng niệm, Phật mà còn niệm Phật, huống hồ là chúng ta.

"Vị niệm quá khứ vị lai chư Phật da", thực tế là Phật Phật đạo đồng, trong Đại Kinh chúng ta thường thấy "Thập phương nhất thiết Phật, cộng đồng một Pháp Thân", "Sanh Phật bất nhị, sanh Phật nhất thể". Trong kinh Hoa Nghiêm nói với chúng ta rằng "Tình dữ vô tình, đồng viên chủng trí", đây tức là bảo tất cả vạn pháp thể dụng nhất như. Cho nên Phật niệm Phật là điều rất bình thường "pháp dĩ như thị", điều này quả nhiên A Nan đã đoán trúng, Thế Tôn hôm nay là niệm Phật. Tuy nhiên, A Nan không biết Thế Tôn niệm vị Phật nào, Ngài chẳng biết nên mới đặt ra câu hỏi này. "Hà cố oai thần hiển diệu", là oai đức thần minh của Phật, "Quang thụy thù diệu nãi nhĩ", Nãi Nhĩ là giống như

hiện tiền chỗ hiển thị. "Nguyện vị tuyên thuyết", đây là câu nói thỉnh pháp, không những tôn giả A Nan trong lòng mong Phật vì Ngài thuyết minh cặn kẽ, đại chúng dự hội chẳng một ai không có nguyện vọng này, cầu Phật khai thị, đến đây là ngài A Nan thỉnh pháp. Tôn giả A Nan thỉnh pháp Phật vô cùng từ bi, hữu cầu tất ứng, A Nan khải thỉnh, làm gì có đạo lý chẳng nói chứ? Chẳng khải thỉnh cũng phải nói, hà huống A Nan lại đứng ra khải thỉnh. Cho nên:

Kinh văn: "Ư thị Thế Tôn, cáo A Nan ngôn: Thiện tai, thiện tai!"

Phía dưới là Thế Tôn tán thán câu hỏi của tôn giả A Nan, trước khi

thuyết minh thì tán thán Ngài trước: “Thiện tai, thiện tai!”, hai lần Thiện Tai này ý nghĩa rất sâu. “Thiện tai, Thiện tai!” này dùng cách nói của thời nay là quá hay, quá hay, câu hỏi đó quá hay. Ý nghĩa Thiện Tai thứ nhất là xứng cơ, ông hỏi thật đúng lúc cơ hội thành Phật của tất cả đại chúng đã thành Phật rồi, ông vừa hỏi thì Tôi phải nói ra phương pháp bình đẳng thành Phật, cho nên lúc khen ngài A Nan rằng ông hỏi thật quá hay. Câu Thiện Tai thứ hai là gì? Là sự cảm thọ của chính Phật, thọ dụng của Phật. Hôm nay Phật thật là hoan hỷ, thời thời khắc khắc đều muốn tuyên nói pháp môn này, vì cơ duyên chưa thành thục, ngày ngày Phật đều chờ đợi. Quả nhiên chờ được rồi, ngày

nay duyên đã thành thục, quý vị bảo điều này vui mừng biết chừng nào, đem cái pháp mà Phật đã ấp ủ trong tâm từ bấy lâu nay muốn nói ra, hôm nay được cùng đại chúng thố lộ ra, xứng với bổn hoài của Phật, đây thật là vui mừng chẳng gì sánh bằng, nên tán thán: "Thiện tai, thiện tai!", đây cũng là điều đáng cho chúng ta học tập, chúng ta cũng phải hướng về ngài A Nan để học tập.

Kinh văn: "Nhữ vị ai mẫn lợi lạc chư chúng sanh cố, năng vấn như thị vi diệu chi nghĩa".

Câu nói này của Thế Tôn, thật tại mà nói, cũng vì chúng ta thố lộ ra một tí tin tức, ngài A Nan cũng chẳng phải

người thường, trong pháp hội Ngài thị hiện làm đệ tử của Phật, chứng quả vị chẳng cao, chỉ chứng địa vị Sơ Quả của Tu Đà Hoàn, chúng ta nơi kinh Lăng Nghiêm thấy Ngài chỉ chứng đắc quả vị Tu Đà Hoàn, là Tiểu Thừa Sơ Quả. Trên thực tế thì sao? Tôn giả A Nan cũng là Đẳng Giác Bồ Tát tái lai chẳng phải người thường, Ngài cùng Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền chẳng khác. Lần này lên đài biểu diễn, vai tuồng của Ngài được phân phối làm thị giả của Thích Ca Mâu Ni Phật, là ở trước sân khấu biểu diễn trong vai này. Còn phía sau sân khấu Ngài là Đại Bồ Tát đến để hát vở tuồng này, thật là "nhất Phật xuất thế ngàn Phật ủng hộ", những vị đệ tử

này của Phật đều không phải là người thường.

Việc này, Phật đã vì chúng ta thố lộ tin tức, ông đến hỏi câu này là vì "Ai mẫn lợi lạc chư chúng sanh", Chư Chúng Sanh này đặc biệt chỉ cho lục đạo chúng sanh, lục đạo chúng sanh đã quá khổ sanh tử luân hồi, khổ nạn vô biên, ông phát khởi đại từ bi thương xót họ, ông vì họ đến để thỉnh pháp. "Năng vấn như thị vi diệu chi nghĩa", câu "như thị vi diệu chi nghĩa" này là chỉ cho bộ kinh Vô Lượng Thọ, Phật muốn vì chúng ta tuyên giảng, công đức mà ông hỏi quá lớn, công đức ông vừa mới hỏi này đã quá lớn, câu hỏi của ông đã hỏi ra được bộ kinh Vô Lượng Thọ, hỏi ra được pháp

môn "Chúng Sanh Bình Đẳng Thành Phật", công đức này thật là quá lớn.

Kinh văn: "Nhữ kim tư vấn".

Hôm nay ông hỏi câu này, nêu ra vấn đề này.

Kinh văn: "Thắng ư cúng dường nhất thiên hạ A La Hán, Bích Chi Phật".

Thắng là vượt qua, thắng qua, thắng hơn "cúng dường nhất thiết thiên hạ", chữ Nhất Thiên Hạ này giảng như thế nào? Phật nói với chúng ta, thế giới mà chúng ta đang ở là lấy núi Tu Di làm trung tâm, đỉnh của núi Tu Di là trời Đao Lợi chỗ ở

của Đao Lợi Thiên Chủ, giữa núi Tu Di, bốn hướng là chỗ ở của Tứ Đại Thiên Vương. Nơi chúng ta ở gọi là Tiểu Châu, là một tiểu tinh cầu xoay vòng theo trung tâm, Nhất Thiên Hạ tức là một phần tư của toàn thể đại vũ trụ gọi là Nhất Thiên Hạ, số lượng này thật là quá nhiều quá nhiều. Trước đây Phật nói về đơn vị thế giới này chúng ta ngỡ là Thái Dương Hệ, theo ngài Hoàng Niệm Tổ lão cư sĩ, nơi chú giải kinh Vô Lượng Thọ phía sau có một bài văn, tôi có đem nó phụ lục ở phía sau đây là cách nhìn của ông, ông đề ra ý kiến này, trong kinh Phật nói đến đơn vị thế giới, chẳng phải là Thái Dương Hệ, vì sao vậy? Phật nói rất rõ, mặt trời mặt trăng đều quay vòng theo núi Tu Di, như vậy thì

mặt trời mặt trăng không thể xem là trung tâm được, nếu y theo cách nói này thì có thể nói được viên mãn hơn, tức là cái mà ngày nay chúng ta gọi là Hệ Ngân Hà, đích thật là mặt trời của chúng ta xoay quần quanh Hệ Ngân Hà. Trung tâm của Hệ Ngân Hà, người Hoa gọi là Hoàng Cực, quả địa cầu có Nam Cực, Bắc Cực, trung tâm của Hệ Ngân Hà, người Trung Hoa gọi là Hoàng Cực, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ cho rằng đó mới là núi Tu Di, theo cách nói như vậy thì phạm vi sẽ rất lớn. Vậy Nhất Thiên Hạ này tức là một Hệ Ngân Hà, Nhất Thiên Hạ này tức là một phần tư của Hệ Ngân Hà; quý vị hãy nghĩ xem, phạm vi này lớn biết chừng nào. Hệ Ngân Hà, theo như trong kinh nói chỉ là con số

đại khái, chẳng phải là con số chính xác (là một trăm ức cái Thái Dương Hệ), một phần tư của một trăm ức Thái Dương Hệ là hai mươi lăm ức cái Thái Dương Hệ, con số lớn như vậy. A La Hán, Bích Chi Phật đều là những người chứng quả Tiểu Thừa, các bậc Thánh của Tứ Quả trở lên cúng dường họ, cái phước báo đó thật quá lớn quá lớn. Cúng dường chẳng phải một lần, chẳng phải cúng dường một ngày, chẳng phải cúng dường một năm.

Kinh văn: "Bố thí lũy kiếp".

Mỗi ngày cúng dường, tích lũy một kiếp, hai kiếp, lũy kiếp. Phước báo của người này đã tu, chúng ta thật

vô phương tưởng tượng chỉ có thể dùng bốn chữ Bất Khả Tư Nghị để hình dung mà thôi, đây là việc cúng dường các bậc Thánh. Phần dưới vẫn còn có:

Kinh văn: "Chư thiên nhân dân".

Đây thì lại càng nhiều hơn.

Kinh văn: "Quyên phi nhuyễn động chi loại".

Như thế từ trong một câu này đã bao hàm hết đối với lục đạo chúng sanh trong chín pháp giới này, ngoài Bồ Tát ra không kể. Tám pháp giới, quý vị xem, Duyên Giác, Thanh Văn,

phía dưới là lục đạo, đối tượng của sự bố thí lũy kiếp là tám pháp giới.

Kinh văn: "Công đức bách thiên vạn bội".

Câu hỏi của ông vừa hỏi, so với một người thật sự tu những công đức như trên, thì công đức của ông so với họ trội hơn trăm lần, ngàn lần, vạn lần. Đoạn này, quý vị phải nghe cho thật kỹ, suy đoán cho thật kỹ thì quý vị mới có được cảnh giới đó một cách phưởng phất tương tự, bởi vì cảnh giới quá lớn quá lớn. Chúng ta có thể tin được không? Phật biết là sợ chúng ta không thể tin nên lại đem đạo lý này vì chúng ta tuyên nói ra.

Kinh văn: "Hà dĩ cố?"

Vì sao vậy? Vì sao công đức của câu hỏi này lại lớn như thế đó?

Kinh văn: "Đương lai chư thiên nhân dân, nhất thiết hàm linh, giai nhân nhữ vấn nhi đắc độ thoát cố!"

Như vậy Phật đã đem đạo lý này nói ra đây là sự thật, công đức này quả thật vượt hơn người mà đoạn trên đã nói, công đức bố thí cúng dường đương nhiên chẳng thể bì được. Bởi vì câu hỏi của A Nan mà Phật nói ra pháp môn này. "Đương lai (tương lai) chư thiên nhân dân" tức là chỉ cho lục đạo luân hồi, trong lục đạo "nhất thiết hàm linh" là tất cả hữu tình chúng

sanh, nếu họ nghe đến pháp môn này chẳng có một người nào mà chẳng được độ, y theo pháp môn này tu học, vĩnh viễn thoát luân hồi, vãng sanh bất thoái thành Phật, ngay trong một đời được thành tựu. Công đức như thế, đương nhiên chẳng phải sự bố thí lũy kiếp của người được nói đến ở phần trên có thể sánh bằng được, lời trong đoạn này cùng với phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyện Quảng Tu Cúng Dường, Phổ Hiền Bồ Tát chỗ nói: "Nhất thiết cúng dường trung, pháp cúng dường tối". Vô lượng vô biên tài cúng dường đều chẳng lớn bằng công đức của pháp cúng dường, là cùng một đạo lý, cho nên chúng ta muốn tích lũy công đức, tu phước đức chân thật phải biết bố thí, biết cúng dường. Phải biết bố

thí Pháp, pháp cúng dường công đức này vô lượng vô biên. Phần dưới vẫn còn là sự tán thán của Thế Tôn với ngài A Nan. Khi gọi A Nan, phàm là trong kinh Phật, gọi tên của người này, phần khai thị kế tiếp nhất định là rất quan trọng, gọi ngay đến tên là đánh thức Ngài, bảo Ngài đặc biệt chú ý. Chúng ta ở trong kinh thấy được danh từ này, chúng ta phải đặc biệt đề cao cảnh giác.

Kinh văn: "A Nan! Như Lai dĩ vô tận đại bi, căn ai tam giới, sở dĩ xuất hưng ư thế. Quang xiển đạo giáo, dục chửng quần manh, huệ dĩ chân thật chi lợi, nan trị nan kiến, như Ưu Đàm hoa, hy hữu xuất hiện. Nhữ kim sở vấn, đa sở nhiêu ích".

Chúng ta xem đoạn này, đoạn này là do chính Phật tự nói ra, ý nghĩa của bổn hoài "xướng Phật xuất thế". Phật vì sao phải đến thế giới này? Xuất hiện ở thế gian này để làm gì? Giả như chúng ta thường xuyên tự hỏi mình thì chúng ta sẽ khai ngộ. Có mấy ai thường tự hỏi, ta vì sao đến thế gian này? Ta đến thế gian này để làm gì? Quý vị đồng tu có khi nào tự hỏi không? Nếu thường xuyên đặt vấn đề này, cho dù thế giới phồn hoa này cũng không dễ làm mê hoặc. Trí Giả đại sư đời nhà Đường nói: "Như Lai sở dĩ hưng xuất thế, duy thuyết Di Đà bổn nguyện hải"; hai câu nói này của Ngài tức là từ đoạn kinh văn này nói ra, Phật vì sao lại xuất hiện tại thế

gian, tức là muốn vì chúng ta nói rõ pháp môn vãng sanh bất thoái thành Phật, là vì điều này. Đã vì cái này, sao Phật lại chẳng sớm nói ra mà lại nói nhiều kinh điển như thế? Đây là đạo lý gì vậy? Là vì cơ duyên chưa thành thục. Chỗ gọi là cơ duyên chưa thành thục, vì khi Phật nói ra mọi người chẳng tin, mọi người chẳng nghe, thì không còn cách chi nữa. Cho nên Phật nhất định phải đợi chờ cơ duyên, đợi đến duyên thành thục rồi, quý vị có thể tin, có thể tiếp thọ, phát nguyện tu hành, lúc này Phật mới nói ra.

Cho nên chỗ này, Phật rất cảm khái mà nói rằng: "Như Lai dĩ vô tận đại bi", Như Lai là lấy lòng đại bi vô tận, từ bi, đại từ bi, là từ bi bình đẳng; từ bi không bình đẳng thì chẳng gọi là

đại từ bi, chẳng có phân biệt, chẳng có giới tuyến, từ bi như thế mới gọi là từ bi bình đẳng, Phật là đại từ đại bi vô tận. "Căn ai tam giới", Tam Giới tức là lục đạo, tam giới là nói Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới. Trong Dục Giới có Dục Giới Thiên, A Tu La, người, địa ngục, súc sanh, đều nằm trong Dục Giới, Sắc Giới là thiên nhân, Vô Sắc Giới cũng là thiên nhân, cho nên nói tam giới tức là nói lục đạo. Thương xót lục đạo chúng sanh, còn trời thì không cứu cánh. Cho dù sanh lên Vô Sắc Giới Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Thiên, thọ mạng tám vạn đại kiếp, khi thời gian đã đến định lực đã mất, vẫn phải đọa lạc trở xuống, bởi vì phía trên họ chẳng còn nữa, đương nhiên phải đọa lạc trở xuống,

cho nên đây chẳng cứu cánh. Nói một cách khác, vẫn phải chịu cái khổ của luân hồi, đây là điều mà Phật đã giảng vô cùng tường tận trong các Đại Thừa kinh điển, Phật vì thương xót phàm phu trong lục đạo, cho nên xuất hiện ở thế gian. Trong phàm phu có người thông minh, chẳng phải không có, những ai là người thông minh? Biết thế gian là khổ rất muốn ra khỏi luân hồi, nhưng lại chẳng có phương pháp.

Thời xưa ở Ấn Độ cổ xưa, lịch sử chúng ta gọi là quốc gia của tôn giáo, tôn giáo ở Ấn Độ thời xưa là phát đạt nhất, lúc Thế Tôn còn tại thế, những tôn giáo trứ danh có đến chín mươi sáu thứ, những người này đều là người thông minh, đều muốn liễu thoát sanh tử luân hồi. Đại đa số các

tôn giáo nghĩ rằng trời là cứu cánh, sanh lên thiên đường có lẽ sẽ chẳng còn chuyện gì nữa, sẽ không còn sanh tử nữa, sẽ không còn khổ não nữa, coi trời như là cứu cánh. Thế nhưng trời có rất nhiều tầng thứ chẳng giống nhau, Phật nói với chúng ta trời có hai mươi tám tầng, có vài tôn giáo mục tiêu là ở trời Đao Lợi, một số là ở Sắc Giới Thiên, một số tôn giáo khác là ở Đại Phạm Thiên. Cho thấy, trí tuệ và công phu của họ, đích thật là cao thấp bất đồng, cho dù đến được trời Phi Phi Tưởng, đó là tầng cao nhất rồi vẫn là chẳng cứu cánh. Phật vì những chúng sanh này mà xuất hiện tại thế gian; quý vị có chí muốn xuất tam giới, Phật đến giúp đỡ quý vị xuất

tam giới, đây là lý do duy nhất mà Phật xuất hiện tại thế gian.

"Quang xiển đạo giáo", Quang là trí tuệ, Xiển là xiển dương, Phật dùng trí tuệ chân thật vì chúng ta nói rõ chân tướng của sự thật này, chân tướng của lục đạo luân hồi, chân tướng của thập pháp giới. Chữ Đạo này là chân tướng, Giáo là giáo học, giáo hóa, đem những đạo lý này, những chân tướng của sự thật này chỉ dạy cho chúng ta. "Dục chửng quần manh", là chửng tế những chúng sanh này, Manh là chúng sanh mê hoặc điên đảo, muốn thoát ly mà chẳng có phương pháp. Những người này là đối tượng chỉ dạy của Phật bởi vì họ đã giác ngộ được thế gian là khổ, đã giác biết được cái khổ của luân hồi, tâm

tâm đều muốn rời khỏi. Nhóm người này, Phật xuất hiện là vì muốn độ họ.

"Huệ dĩ chân thật chi lợi", lợi ích chân thật nhất, nhất định là chẳng có quanh co, quyết định chẳng có vòng vo khúc chiết, điều mà hôm nay Phật nói với chúng ta là con đường thành Phật trực tiếp, vững vàng, nhanh chóng, rốt ráo, viên mãn. Như thế cái lợi chân thật này chính là chỉ cho Tịnh Độ Tam Kinh, quý vị phải hiểu được cái lợi chân thật của Tịnh Độ Tam Kinh. Nếu lại đem quy nạp cái lợi chân thật lại, tức là lục tự hồng danh, mà cửu giới phàm thánh bình đẳng cộng tu, bình đẳng thành tựu. Tánh chất của Tam Kinh, người niệm Phật chúng ta chẳng thể không biết, kinh Vô Lượng Thọ là khái luận của

Tịnh Tông, đem chân tướng của vũ trụ và nhân sinh vì chúng ta nói ra, đem y chánh trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới vì chúng ta nói rõ, đó là kinh Vô Lượng Thọ. Còn kinh Quán Vô Lượng thọ, Phật nói cho chúng ta về nguyên lý, lý luận, phương pháp tu hành của Tịnh Tông. Mười sáu phép quán này, Quán Tưởng Niệm Phật, Quán Tượng Niệm Phật, Trì Danh Niệm Phật, đều nằm trong mười sáu phép quán, cho nên đem phương pháp dạy cho chúng ta, đặc biệt trước khi áp dụng phương pháp này, phải đặt để nền tảng tu học, nền tảng là Tam Phước, Lục Hòa, đây là nền tảng. Từ nền tảng tu pháp môn Niệm Phật, quý vị dùng Quán Tưởng, dùng Quán Tượng, dùng Trì Danh

đều có thể được mà Trì Danh là tiện lợi nhất.

Kinh A Di Đà, đây là phần sau cùng của Tam Kinh nói đến, nội dung của kinh A Di Đà là Thế Tôn từ bi khuyên dạy chúng ta nên cầu sanh Cực Lạc thế giới, trong kinh này đã bốn lần khuyến cáo, chúng ta thường nói một rồi ba, ba rồi bốn, bốn lần khuyến cáo, khuyên chúng ta phải tin, phải phát nguyện, phải niệm Phật. Ba bộ kinh này là cùng một hệ thống, phân lượng của Tam Kinh không dài, là điển tích viên mãn của Tịnh Tông, là chỗ nương tựa chân chánh của những người niệm Phật chúng ta, là lợi ích chân thật.

"Nan trị nan kiến", Trị (Trực) là gặp được, quả thật là chẳng dễ gặp

được, chẳng dễ thấy được. Kinh điển này từ xưa đến nay số lượng lưu thông chẳng lớn, nguyên nhân này cư sĩ Mai Quang Hy có nói rất tỉ mỉ trong phần tựa của bộ kinh này, quý vị xem sẽ hiểu ngay. Những năm gần đây chúng ta nhờ sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật, tuy việc lưu thông so với trước kia thù thắng hơn nhiều, nhưng trong toàn cả Phật môn số đông đại chúng tu hành khi nghe đến bộ kinh này, hoan hỷ tín thọ phụng hành cũng chỉ là thiểu số mà thôi. Nguyên nhân gì vậy? Nhất định phải là cơ hội thành Phật của họ đã đến, họ gặp được mới có thể sanh tâm hoan hỷ. Nếu không phải cơ duyên thành Phật đã thành thục cho dù họ có gặp, cái tâm hoan hỷ đó rất khó sanh khởi.

Đông đảo đại chúng, có được mấy ai muốn trong một kiếp này thành Phật? Quý vị hãy nhìn thử xem, những người nào hình như muốn thành Phật? Đương nhiên là thiểu số, đạo lý là ở chỗ này. Quay đầu lại, chúng ta tự nghĩ lại mình thật may mắn, chúng ta chính là một thiểu số trong mấy người đó, thật là điều hiếm hoi, thật sự chẳng dễ dàng.

"Nan trị nan kiến như Ưu Đàm hoa", hoa Ưu Đàm hiện ra chỉ trong chốc lát, thời gian nở rất ngắn, thí dụ cho pháp môn này chẳng dễ gặp, vô cùng hy hữu. Thế Tôn, trong kinh này nói với chúng ta tương lai Phật pháp bị diệt tận, bộ kinh này, pháp môn Niệm Phật này vẫn còn lưu truyền một trăm năm, sau cùng mới bị tiêu

mất, cho thấy công đức của bộ kinh này quả thật là vô lượng vô biên. "Hy hữu xuất hiện, nhữ kim sở vấn đa sở nhiêu ích", A Nan vừa hỏi câu này lợi ích thật vô biên, Phật nói những lời này không một chút quá đáng. Chúng ta hiểu rõ được đạo lý này, hiểu rõ được sự thật này, chúng ta phải luôn luôn nghĩ đến, luôn luôn ghi nhớ, để có thể đem pháp môn này giới thiệu cho người khác, tiến cử cho người khác, thì cái lợi ích đó cùng với sự lợi ích của lời khải thỉnh của A Nan không hai, không khác. Điều này đều là chân thật, huống chi chúng ta lại tái bản in ra để lưu thông, in được càng nhiều thì càng tốt, hiện nay ngoài kinh bản được lưu hành, còn có băng cassette, băng video phát hành, công

đức đó như lời Phật đã nói ở đây là không hai, không khác.

Cho nên khi chúng ta nhìn thấy, đừng vì nhìn thấy rồi liền ngưỡng mộ thốt lên, ôi chao! Thời vận của A Nan thật hên. Quý vị xem, chỉ một câu hỏi mà công đức lớn như vậy, còn chúng ta chẳng được thời vận này, chẳng có cơ hội này. Kỳ thật chúng ta cũng có, là ngay ở trước mắt chỉ cần quý vị có lòng, tự mình có ý chịu làm, thì công đức của quý vị cùng với A Nan như nhau. Ngài có cơ hội, chúng ta cũng có cơ hội, chúng ta không thua A Nan, phải hiểu như vậy.

Phía dưới đoạn kinh văn này là Thế Tôn trực diện trả lời A Nan, giảng kỷ cho Ngài nghe, tuy nhiên, nghe kinh phải hội đủ điều kiện, điều

kiện chẳng đủ, có nghe rồi cũng luốn công. Quý vị nghĩ xem, yêu cầu của Phật đối với người nghe kinh là những gì?

Kinh văn: "A Nan! Đương tri, Như Lai Chánh Giác, kỳ trí nan lượng, vô hữu chướng ngại".

Đoạn văn này, chợt xem hình như Phật tự khen mình, vì sao thế? Công đức của Phật không ai có thể biết, chẳng ai có thể khen ngợi, nên Phật đành phải tự nói ra, hy vọng chúng ta có thể hiểu Ngài nhiều hơn, nhận thức Ngài nhiều hơn một tí. Lòng tin của chúng ta đối với Phật có thể tăng trưởng, những lời Ngài giảng chúng ta phải tha thiết ghi nhớ để học tập,

dụng ý của Ngài là ở chỗ này. Câu thứ nhất là nói về trí tuệ của Phật, trí tuệ của Phật là trí tuệ sẵn có trong chân tâm bản tánh của tất cả chúng sanh chúng ta. Chúng ta là mê nên trí tuệ chẳng thể hiện tiền, Phật là Đại Giác chẳng mê nên đức năng của bản tánh hoàn toàn hiển lộ ra, chẳng có một tơ hào chướng ngại "vô hữu chướng ngại". Phật trí tức là trí tuệ vốn sẵn đầy đủ của chúng sanh, điều này phải biết. Dưới đây xin cử một thí dụ, từ trong thí dụ này để thể hội trí tuệ đức năng của Ngài thật là bất khả tư nghị.

Kinh văn: "Năng ư niệm khoảnh".

Niệm khoảnh này là nói đến thời gian vô cùng ngắn tạm, trong một niệm, một sát-na.

Kinh văn: "Trụ vô lượng ức kiếp".

Đây là cảnh giới bất khả tư nghị, trong thời gian rất ngắn có thể biến nó thành thời gian rất dài rất dài. Trong Hoa Nghiêm chỗ nói: "Niệm kiếp viên thông", Phật có thể dùng một niệm khoảnh biến thành vô lượng kiếp, lại có thể đem vô lượng kiếp biến thành một niệm khoảnh, một sát-na. Trên mặt thời gian đã đạt đại tự tại, tự tại về không gian thì càng chẳng cần nói nữa. Về mặt thời gian được tự tại, việc này thật chẳng dễ hiểu, làm

sao có thể đem thời gian rút ngắn được? Kỳ thật, sự thật này cũng chẳng khó thể hội. Thí dụ như một người nằm mộng, trong bút ký tiểu thuyết về Giấc Mộng Hoàng Lương, có lẽ nhiều người đã đọc qua, quý vị xem, thời gian mà người đó nằm mộng rất ngắn chẳng phải dài, trong mộng thấy trải qua mấy mươi năm, khi tỉnh dậy, hoàng lương còn chưa nấu chín, hoàng lương là một loại gạo tiểu mễ (kê vàng). Lấy tiểu mễ để nấu cơm, ông ta ngủ gục nằm mơ, trong giấc mơ thấy đã trải qua mấy mươi năm, đến khi tỉnh lại, nồi cơm ông nấu bằng tiểu mễ vẫn chưa chín, đây há chẳng phải là mấy mươi năm thu gọn trong vài chục phút đó sao?

Do đó chúng ta có thể thể hội, sự việc này là có thể chẳng phải không thể. Cho nên con người có thể về với quá khứ, cũng có thể sớm đi vào tương lai. Hiện nay trong tiểu thuyết của khoa học giả tưởng, nói về đường hầm của thời gian và ánh sáng, đây là huyễn tưởng của một số người, tất cả pháp từ tâm tưởng sanh, người này khi tưởng về tương lai thì có thể biến thành sự thật, vì "nhất thiếp pháp từ tâm tưởng sanh". Cho nên bản năng này, tự tánh đức năng của chúng sanh siêu việt thời gian không gian.

Kinh văn: "Thân cập chư căn, vô hữu tăng giảm".

"Vô hữu tăng giảm" nghĩa là bất sanh bất diệt, có sanh diệt tức có tăng giảm, không sanh [thì] không diệt. Siêu việt thời gian không gian thì "vô hữu lai khứ, bất lai bất khứ", đây đều là bản năng của Tánh Đức. Phật đã chứng đắc, cho nên sự thị hiện của Ngài đều là rất tự tại, chẳng có chướng ngại, đây là từ trên Sự mà nói.

Kinh văn: "Sở dĩ giả hà?"

Vì sao Phật có đức năng như thế? Thứ năng lực này trong kinh Hoa Nghiêm nói rất tỉ mỉ, rất thấu triệt, đó là Tứ Vô Ngại pháp giới. Thanh Lương đại sư nói với chúng ta "Sự vô ngại, Lý vô ngại, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại", đây là Nhất Chân pháp

giới. Chúng ta học Phật, chúng ta muốn thành tựu, thành tựu cái gì đây? Thành tựu tức là hy vọng chúng ta có thể chứng đắc Vô Ngại pháp giới, chúng ta có thể khế nhập vào Vô Ngại pháp giới, giống như chư Phật Như Lai và Đại Bồ Tát, chẳng khác, trí tuệ thần thông đều rất tự tại. Có thể đạt được không? Được. Vì sao có thể đạt được? Bởi vì là bản năng của chúng ta nó vốn sẵn có, đương nhiên có thể chứng đắc, cũng như Mã Minh Bồ Tát trong Đại Thừa Khởi Tín Luận chỗ nói: "Bổn giác bổn hữu, bất giác bổn vô", vốn có đương nhiên có thể chứng đắc, vốn không đương nhiên có thể phá trừ đi. Phiền não, tập khí, vọng tưởng của chúng ta vốn chẳng có, vốn đã chẳng có sao lại không

đoạn được chứ? Vốn không có thì nhất định có thể đoạn dứt, vốn sẵn có thì nhất định có thể khôi phục, có thể chứng đắc, chúng ta từ nơi đây xây dựng lòng tin. Phật ở chỗ này biểu diễn cho chúng ta xem, thị hiện cho chúng ta thấy. "Sở dĩ giả hà?", phần dưới giải thích:

Kinh văn: "Như Lai định tuệ, cứu sướng vô cực".

Là đạo lý như vậy, cái Định trên quả địa của Phật đã viên mãn, Tuệ đã viên mãn, chúng ta thường nói: "Phước tuệ nhị nghiêm", hai thứ trang nghiêm này, Định là phước, trong Phật môn thường nói Thanh Phước. Danh văn lợi dưỡng của người thế

gian, trong nhà Phật gọi là Hồng Phước, là phước báo trong hồng trần, phước báo đó chẳng thanh tịnh, có khổ não. Ôi chao! Anh thật là có phước khí. Có phước theo sau thì có khí, lời nói như vậy chẳng phải là tốt, quý vị có phước khí, quý vị hãy lắng nghe, bỏ đi chữ phước theo sau đó tức là chữ khí, có phước là giả còn khí là thật.

Cho nên trong Phật pháp nói đến Thanh Phước, thanh phước không có chữ khí, chỉ có phước chẳng có khí, thanh phước. Cho nên nói Định là phước báo, tâm địa có chủ tể, tâm địa rất thanh tịnh mới là phước báo chân chánh, vì chẳng có phiền não, chẳng có phản tác dụng, hồng phước của thế gian phiền toái nhiều, phước nhiều thì

khí nhiều, rắc rối nhiều. Tuệ là trí tuệ, "cứu sướng vô cực" là đạt đến cứu cánh viên mãn.

Kinh văn: "Ư nhất thiết pháp, nhi đắc tối thắng tự tại cố".

Trong tất cả pháp họ đạt tự tại tối thù thắng. Trong kinh Hoa Nghiêm, Phật vì chúng ta đem cái tự tại này là tối thù thắng, là vô lượng vô biên; Hoa Nghiêm đem nó quy nạp làm mười đại loại, mười tự tại, mười thứ tự tại. Chúng ta xem Tâm Kinh, mỗi vị đồng tu đều biết tụng, thường tụng Tâm Kinh, trong khóa tụng sáng tối đều có bài Tâm Kinh, câu thứ nhất của Tâm Kinh là Quán Tự Tại Bồ Tát, cái tự tại đó chính là mười thứ tự tại

viên mãn trong kinh Hoa Nghiêm. Tự tại, làm thế nào đạt được? Quán thì sẽ tự tại. Vì chúng ta không biết quán, chúng ta thường thường có vọng tưởng, cái tưởng này tức không tự tại rồi, quý vị nên biết Tưởng là chẳng tự tại, Quán thì là tự tại. Vậy thì chúng ta sẽ hỏi cái gì là Quán? Cái gì gọi là Tưởng? Tưởng là rơi vào trong tâm ý thức, đó thì là chẳng tự tại rồi.

Tâm là A Lại Da Thức, Ý là Mạc Na, Thức tức là ý thức thứ sáu. Tâm ý thức này, thức thứ sáu là phân biệt, thức thứ bảy là Mạc Na, là chấp trước, thức thứ tám là A Lại Da, là ấn tượng, như vậy thì chẳng tốt. Lìa tâm ý thức, chúng ta mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, lục căn tiếp xúc lục trần cảnh giới bên ngoài, chẳng có tâm phân biệt, chẳng

dùng ý thức thứ sáu, chẳng có chấp trước, chẳng dùng Mạc Na, chẳng dùng ý thức, chẳng ghi lại ấn tượng, chẳng dùng thức thứ tám. Lìa tâm ý thức, đây là một nguyên tắc tối quan trọng của Đại Thừa Bồ Tát dụng công. Trong Thiền Tông tham thiền, trong Thiền Đường đại hòa thượng thường thường đề khởi "lìa tâm ý thức tham", phải rời tâm ý thức, tham thiền phải lìa tâm ý thức. Chúng ta tụng kinh, học giáo, niệm Phật, có cần phải lìa tâm ý thức không? Vẫn phải lìa tâm ý thức. Người nghiên cứu về giáo lìa tâm ý thức có thể đại khai viên giải, người niệm Phật lìa tâm ý thức sẽ chứng được Lý nhất tâm bất loạn.

Cho thấy, cái Quán này rất là quan trọng, Quán tức là không dùng

tâm ý thức, cái này gọi là Quán, là trực tiếp, cũng tức là trong kinh Lăng Nghiêm chánh phái, ngài Giao Quang đại sư có nói: "Xả thức dụng căn"; tức là dùng Tánh trong căn. Chúng ta mắt thấy sắc, dùng tánh thấy để thấy, tai nghe tiếng, dùng tánh nghe để nghe, đây gọi là Quán. Cho nên Quán Thế Âm Bồ Tát, Ngài thật cao minh, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần của Ngài chẳng giống như chúng ta, chúng ta dùng tâm ý thức, Ngài lìa khỏi tâm ý thức, hoàn toàn dùng chân như bản tánh để quán thế gian này.

Cho nên Ngài đạt tự tại thâm sâu nhất, Phật và Bồ Tát đều nhập vào cảnh giới như thế. Vậy chúng ta phải nhất định hiểu rõ điều này, cho dù học không thành đi nữa, cũng chẳng

thể không biết. Chúng ta phải rõ rõ ràng ràng minh minh bạch bạch, hiện tại phiền não tập khí quá nặng chẳng cách chi học được, không sao! Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới gặp đức A Di Đà Phật rồi, chúng ta lại tu pháp môn này. Đến lúc bấy giờ sẽ chẳng còn lo sợ nữa, Phật lực gia trì, vọng tưởng phiền não của chúng ta đều tiêu diệt hết, công phu sẽ chẳng khó được hiện tiền. Phần dưới dặn dò:

Kinh văn: "A Nan đế thính".

A Nan đã hỏi, tốt lắm, bây giờ ta nói với ông, ông phải tha thiết lắng nghe, phải nghe thật kỹ. Chữ Đế này tức là phải dụng tâm, phải kỹ lưỡng,

vậy thì ngày nay chúng ta có dụng tâm không? Có lắng nghe kỹ càng không? Nếu như chúng ta vừa nghe kinh, một mặt lại sanh vọng tưởng, như vậy chẳng phải là đế thính. Đế thính gọi là nghe một cách lão thật, khi nghe kinh chẳng có một vọng niệm nào, đó gọi là Đế Thính, nổi dậy vọng niệm thì chẳng phải là đế thính nữa rồi. Đây là Phật đặc biệt dặn dò A Nan, bởi vì tâm địa thanh tịnh chẳng có vọng tưởng, nghe kinh có thể khai ngộ. Cho nên cổ nhân nghe kinh có thể khai ngộ, còn chúng ta hiện nay nghe kinh vì sao chẳng thể khai ngộ? Vì vừa nghe kinh lại vừa vọng tưởng, khó đấy, thật không dễ. Trong đây có hàm ý rất sâu:

Kinh văn: "Thiện tư niệm chi".

Thiện Tư là tu tuệ, Niệm Chi là tu hành, chữ Đế Thính đó là Văn tuệ, "Văn - Tư - Tu Tam Tuệ, tam tuệ cụ túc". Ngài vừa mới nghe xong là có thể lãnh ngộ, Ngài có thể ngộ nhập.

Kinh văn: "Ngô đương vị nhữ, phân biệt giải thuyết".

Phật thật là từ bi, ta đương nhiên phải nói cho ông, phải vì ông thuyết minh cặn kẽ cái sự thật này. Phần biệt tựa này xin giảng đến đây. Tuy nhiên, lúc nãy tôi có đề cập đến tám thứ tự tại trong kinh Hoa Nghiêm, ngày mai tôi sẽ bổ sung phần này cho quý vị.

Được rồi, bây giờ chúng ta niệm Phật hồi hướng. A Di Đà Phật

Tập 7

Xin lật quyển kinh, trang thứ mười ba, dòng thứ nhất.

Pháp Tạng Nhân Địa - Đệ Tứ

Từ phẩm này trở xuống là phần Chánh Tông của bộ kinh này, trong phẩm này, trước tiên là Thế Tôn vì chúng ta nói rõ về nhân duyên phát tâm tu học của A Di Đà Phật lúc còn ở nhân địa, những điểm này cũng rất đáng cho chúng ta học tập. Xin xem phần kinh văn:

Kinh văn: "Phật cáo A Nan: Quá khứ vô lượng bất khả tư nghị, vô ương số kiếp, hữu Phật xuất thế,

danh Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai, Ứng Cúng, Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn".

Trong đoạn văn này cũng hàm chứa huyền cơ rất sâu, bởi vì Phật trong kinh Di Đà nói với chúng ta, A Di Đà Phật từ lúc thành Phật cho đến nay, thời gian chỉ có mười kiếp, mười kiếp là một thời gian rất ngắn. Như vậy, A Di Đà Phật cứu cánh là vị Phật mới thành, hay là cổ Phật ứng hóa tái lai? Bên trong này là hàm chứa huyền cơ, cho thấy A Di Đà Phật, trước đây mười kiếp chẳng phải là vị Phật mới thành, vì sao vậy? Là từ kiếp lâu xa

Ngài đã thành tựu rồi, thời gian đó quá dài, ngày nay chúng ta gọi là con số thiên văn. Dùng con số thiên văn cũng vô phương hình dung được.

"Vô lượng bất khả tư nghị, vô ương số kiếp", đơn vị phía dưới là kiếp, chữ Kiếp này đương nhiên là chỉ cho đại kiếp, điều này chúng ta chẳng cần nói kỹ vì đây là rất lâu rất lâu xa về trước. "Hữu Phật xuất thế", lúc bấy giờ có một vị Phật xuất hiện tại thế gian, danh hiệu của vị Phật ấy là "Thế Gian Tự Tại Vương Như Lai", gọi Thế Gian Tự Tại Vương, kế tiếp là Như Lai, trở xuống là mười đức hiệu của Phật. Lấy mười đức hiệu để hiển thị đức năng của Phật, mười thứ hiệu này là thông hiệu, bất luận một vị Phật nào đều có mười thứ xưng

hiệu này. Như vậy chỉ có Thế Gian Tự Tại Vương cái này là biệt danh, chỉ có vị này tự xưng, những vị Phật khác không thể xưng. Thí dụ như Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật của chúng ta, chữ Thích Ca Mâu Ni chỉ có Ngài xưng, chẳng ai khác xưng, đây gọi là biệt danh, còn như xưng là Như Lai là Đẳng Chánh Giác, Bổn Sư chúng ta cũng xưng, Thế Gian Tự Tại Vương cũng xưng, A Di Đà Phật cũng xưng, đó là thông hiệu. Thông hiệu là ý nghĩa gì? Ở đây chúng tôi sẽ sơ lược giới thiệu cùng với quý vị, đó đều là danh hiệu tánh đức của chính mình.

Trước tiên nói về biệt danh, Thế Gian này tức là nói hai thứ thế gian, [Hữu Tình thế gian, Khí thế gian], Hữu Tình thế gian là chỉ cho chánh

báo của cửu pháp giới, Khí thế gian là nói về y báo cũng tức là nói hoàn cảnh sinh hoạt. Nếu nói rõ hơn một chút để chúng ta dễ hiểu, Phật trong hoàn cảnh nhân sự, trong hoàn cảnh vật chất đều đã được tự tại, đều được tự tại. Theo cách nói trong Phật pháp, có thể nói là chứng đắc Tam Đức viên mãn, Tam Học cũng thành tựu viên mãn, Tam Học là Giới

- Định - Tuệ Tam Học. Cho nên Ngài ở nơi tất cả thế gian được đại tự tại, nên xưng là Thế Gian Tự Tại Vương, Vương là thí dụ, nghĩa là thí dụ cho tự tại. Vào thời xưa, tất cả các thần dân của một quốc gia đều phải nghe lệnh của quốc vương, quốc vương có thể tự do, tự tại phát hiệu tư lệnh, những người khác đều phải

nghe theo lệnh vua, Vương là tự tại, chỗ này là thí dụ, thí dụ Phật ngay trong tất cả pháp được đại tự tại.

Phần dưới là mười thứ đức hiệu, thứ nhất là "Như Lai", quý vị đồng tu học Phật đối với thuật ngữ trong Phật pháp, nhất định phải có sự lý giải chính xác, thế gian này có rất nhiều người đối với Phật pháp chẳng có nghiên cứu, có lẽ đã đọc nhiều tiểu thuyết, đặc biệt là Tây Du Ký, đọc nhiều tiểu thuyết. Khi nhắc đến Phật giáo thì nói ta biết trong Phật giáo, Phật Như Lai là lớn nhất, Tôn Ngộ Không cũng chẳng thể lộn nhào khỏi bàn tay của Như Lai, Phật Như Lai lớn nhất, nói những lời này đều chẳng phải là người trong nghề. Như Lai ý nghĩa của nó, nói một cách rõ, cạn,

kim Phật như cổ Phật tái lai, đã thành Phật rồi, Phật Phật đạo đồng, kim Phật tất đồng như cổ Phật tái lai, [là] một thứ chẳng phải là hai, cho nên xưng Ngài là Như Lai. Như vậy trong kinh Kim Cang có giải thích ý nghĩa, cách giải thích này so ra sâu hơn; tuy nhiên, giải được vô cùng viên mãn. Nói là: "Như Lai giả chư pháp như nghĩa", cách giải thích này vô cùng hay ho. "Trong tất cả pháp, pháp pháp giai như", câu nói này so ra có vẻ khó hiểu, tất cả pháp này là nói về Tướng, hình Tướng. Giai như, Như gì đây? Như kỳ Tánh, Tánh tức là chân tâm, tức là bản tánh, Phật nói với chúng ta, "tất cả vạn tướng đều là chân tâm biến hiện ra". Cho nên cổ đức dùng thí dụ nói giống như vàng và kim khí,

"dùng vàng để làm kim khí, mọi thứ kim khí đều là vàng". Kim khí là Tướng, tức là vạn tướng, vàng là Thể, năng thành chi thể. Mọi thứ đều là vàng, đây là ý nghĩa của chữ Như Thị, pháp pháp đều như, có pháp nào lại chẳng phải là Chân Như bản tánh? Ý nghĩa này nói được rất sâu, tuy nhiên, cách nói theo ý nghĩa này vô cùng viên mãn, cho nên cách nói sâu, nói cạn, chúng ta đều phải biết.

Thứ hai, "Ứng Cúng", Ứng là đáng nên, Phật là thiên nhân đạo sư, ân huệ của Ngài đối với đại chúng thật là quá lớn, Phật giáo hóa chúng sanh là vô điều kiện, cũng chẳng phân biệt kén chọn, so với tâm lượng giáo học của Khổng lão phu tử ở Trung Hoa còn vĩ đại hơn nhiều. Khổng lão

phu tử hữu giáo vô loại, việc này Phật cũng có, tuy nhiên Không lão phu tử, Ngài nói với quý vị một sự kiện, nếu như quý vị phản ứng không giỏi, Ngài không muốn dạy nữa. Cử một góc, căn phòng của chúng ta vuông vức bốn góc, cử một góc để dạy quý vị chỗ này là góc phẳng, ba góc còn lại mà quý vị không biết, Phu Tử sẽ chẳng dạy nữa. "Cử nhất ngôn nhi bất dĩ tam ngôn phản", thì Khổng phu tử sẽ không chịu dạy nữa. Nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật chịu dạy, người dù ngu đi nữa Ngài cũng chẳng bỏ rơi, chỉ cần họ chịu học với Ngài, Ngài liền dạy. Thí dụ như trong nhóm đệ tử Phật có ngài Châu Lợi Bàn Đà, nếu gặp Khổng lão phu tử thì Ngài sẽ nhất định không dạy ông ấy, thế nhưng

gặp được Thích Ca Mâu Ni Phật, Phật từ bi vẫn giúp đỡ ông, Phật có thiện xảo phương tiện, vẫn dạy ông ấy khai ngộ. Cho thấy sự giáo học của Phật thật sự vượt hơn Khổng phu tử, bởi thế ân đức đó đối với chúng ta thật quá lớn, cho nên Phật đáng được tiếp nhận sự cúng dường của trời người, xứng đáng nhận sự cúng dường.

Sinh hoạt của Phật vô cùng đơn giản, yêu cầu đối với đại chúng vẫn không hà khắc, sinh hoạt của Phật chỉ cần tứ sự cúng dường. Phật ở thế gian phải ăn cơm, mỗi ngày ăn một bữa, quý vị xem, đơn giản biết bao, chúng ta nên cúng dường Ngài một bát cơm. Phật cũng chẳng lựa chọn cơm, thức ăn của quý vị cúng dường ngon hay dở, Ngài cũng không phân biệt, cũng

chẳng chấp trước, về y phục, việc cúng dường y phục, một chiếc áo có thể mặc rất nhiều năm, chẳng phải mỗi ngày cúng dường, khi y phục rách rồi mới cúng dường một cái mới cho Ngài. Ngọa cụ là dùng để ngủ, ngọa cụ cũng rất đơn giản, khi đau bệnh thì cúng thuốc men, tức là bốn thứ sự kiện xứng đáng cúng dường của đại chúng, ngoài những thứ này ra, Phật chẳng cần chi cả.

Đó là ở xã hội lúc đó, xã hội hiện nay thì lại khác, xã hội hiện nay, có thể nói là nơi nơi đều khá giả, điều kiện sinh hoạt vật chất so với trước kia tiện lợi quá nhiều quá nhiều, do đó mà sự cúng dường hiện nay không giống như trước. Cúng dường quá nhiều, cúng dường quá đáng, kết quả

nẩy sanh ra tệ nạn, sanh ra tệ nạn gì đây? Lẽ ra người xuất gia này, khi mới xuất gia cái tâm đó rất tốt, sau khi xuất gia, Phật tử tại gia cúng dường quá phong phú, do đây mà tâm tham liền nổi dậy. Dính liền với tâm tham, nào là tâm sân khuể, tâm đố kỵ, tâm kiêu mạn, tất cả đều bọc phát, tất cả cũng do đồng tu tại gia cúng dường mà ra, điều này mới thật là phiền phức lớn đấy, đồng tu tại gia phải hiểu việc tạo nghiệp này ghê gớm lắm, nghiệp này tạo rất nặng rất nặng. Cho nên chúng ta thật sự muốn tu phước phải có trí tuệ, không có trí tuệ, hành sự cảm tình chẳng thể nào tránh khỏi việc tạo tội nghiệp.

Sống trong cái xã hội này, người xuất gia nhất định phải nhận rõ cái tệ

nạn của thời đại này của chúng ta, tôi cũng thường nhận sự cúng dường của quý vị, nhưng tôi rất phập phòng lo ngại, chỉ sợ bị đọa lạc, cho nên những gì quý vị cúng dường cho tôi, tôi liền chuyển tay giùm quý vị cúng dường đến người khác. Phương pháp cúng dường của tôi, thứ nhất là in kinh, phổ biến cúng dường cùng khắp cho đại chúng trên toàn thế giới, ấn tống kinh sách cúng dường. Mấy năm nay lại thêm một mục nữa, là làm học bổng giúp đỡ cho một số học sinh thanh bần ưu tú, giúp đỡ cho họ, tiền của quý vị cúng dường tôi, dùng làm hai việc này, toàn bộ đều bố thí sạch ráo. Trong nhà Phật có câu nói rất thật, đây là nói với người xuất gia; "Kiếp này không liễu đạo, đội lông mang

sừng để trả", món nợ này thật là đáng sợ, vậy thì tôi làm như thế đó, tôi không còn lo sợ cho dù tôi chẳng thể liễu đạo, có rất nhiều người trả thế cho tôi, tôi chẳng cần tự một mình tôi trả, có rất nhiều người thay tôi để trả. Cho nên thực tế mà nói, Phật, Bồ Tát, những người tu hành chứng quả A La Hán trở lên, xứng đáng tiếp nhận cúng dường, vì tất cả chúng sanh tạo phước điền chân thật, đây là chính xác.

Danh hiệu thứ ba là "Đẳng Chánh Giác", Đẳng tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ở đây gọi tắc là Đẳng Chánh Giác, tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đây là mục đích tối cao của việc học Phật, là nguyện vọng chân thật của chúng ta,

nếu dùng cách nói của thời nay, câu này tức là trí tuệ rốt ráo viên mãn. Cho nên Phật pháp là phương pháp của trí tuệ, học Phật là nền học vấn của trí tuệ, học Phật tức là phải khai mở trí tuệ.

Danh hiệu thứ tư là "Minh Hạnh Túc", Minh là quang minh, là chỉ cho trí tuệ, Hạnh là hành vi trong sinh hoạt hằng ngày, hành vi không một mảy may lỗi lầm, Túc là nghĩa viên mãn. Trí tuệ của Ngài viên mãn, đức hạnh viên mãn, chẳng một mảy may lỗi lầm, gọi là Minh Hạnh Túc, nếu như dùng Giới - Định - Tuệ để nói cũng nói được thông, Minh là Tuệ, Hạnh là Giới, Túc là Định, cũng có thể biểu đạt sự viên mãn của Giới - Định - Tuệ Tam Học.

Danh hiệu thứ năm là "Thiện Thệ", danh hiệu này rất chẳng dễ hiểu, chữ Thệ là nghĩa viễn ly, là tịch diệt, cái gì diệt mất đây? Là vọng tưởng diệt mất, phân biệt, chấp trước diệt mất, đây gọi là Thệ. A La Hán đã làm được nhưng chẳng thiện, Phật và Bồ Tát có thiện, có thiện là thiện gì? Là thiện xảo, chỗ gọi là "Tức tướng ly tướng", đó là thiện. Cũng tức là trong kinh Đại Thừa thường nói: "Vô Trụ Niết Bàn", cách nói của kinh Kim Cang cũng là ý nghĩa này, cùng với cách nói về Niết Bàn của Tiểu Thừa hoàn toàn khác nhau. Niết bàn của người Tiểu Thừa là thật sự an trú trong cảnh giới Niết Bàn, Phật và Đại Bồ Tát, tâm thì trong cảnh giới Niết Bàn, còn thân là tại thế gian hằng

thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Tâm cảnh của các Ngài là cảnh giới Niết Bàn, cho nên gọi là Vô Trụ Niết Bàn, chẳng trụ Niết Bàn, chẳng trụ sanh tử. Chẳng trụ Niết Bàn, ở tại thế gian hoằng pháp lợi sanh, giáo hóa đại chúng, chẳng trụ sanh tử là sao? Tâm địa các Ngài thanh tịnh, tịch diệt; thanh tịnh, tịch diệt tức là Thệ. Giáo hóa tất cả chúng sanh là Thiện, ý nghĩa của Thiện Thệ là vậy.

Thứ sáu là "Thế Gian Giải", chữ này dễ hiểu, thế gian pháp, bất luận là Lý, là Sự, là Thể, là Dụng, chẳng có một thứ nào Phật không hiểu rõ, Giải tức là hiểu rõ, mọi thứ đều có thể thông đạt (Thế Gian Giải).

Danh hiệu thứ bảy, "Vô Thượng Sĩ", Sĩ là những người có học ở Trung

Hoa thời xưa rõ lý gọi là Sĩ. Xã hội thời xưa của Trung Hoa, có thể nói là xã hội của phần tử trí thức, đại chúng nơi nơi đều tôn sùng người có học chỗ gọi là "Vạn bang giai hạ phẩm, duy hữu độc thư cao", người có học có thể rõ lý, cho nên xã hội đối với người có học, vô cùng tôn kính. Dù rằng kẻ có học rất nghèo, nếu ở trong buổi hội họp đại chúng, chiếc ghế lớn của chủ tọa nhất định là nhường cho người có học, cho thấy sự tôn trọng phần tử trí thức. Điều này là điểm đặc sắc trên toàn thế giới, chúng ta chưa từng thấy các dân tộc khác tôn sùng người có học, coi trọng giáo dục như vậy, đây là cách coi trọng của Trung Hoa thời xưa. Vô Thượng Sĩ, trong phần tử trí thức là chí cao vô thượng,

chẳng gì cao hơn họ, vậy đây là cách xưng tán đối với Phật, Phật là có đạo đức, có học vấn.

"Điều Ngự Trượng Phu", danh hiệu thứ tám này là cách xưng đối với việc giáo hóa chúng sanh của Phật, Điều là điều tâm, tâm chúng sanh tràn đầy vọng tưởng, phiền não, chấp trước, Phật có thể đem họ điều khai, đem họ điều hóa. Ngự là nghĩa thống ngự, trong đó mang ý nghĩa chỉ đạo, Phật có thể chỉ dạy chúng ta, chỉ thị cho chúng ta con đường hạnh phúc sáng sủa của nhân sinh, lời nói này là thật. Chẳng những có thể dạy chúng ta hiện tiền được hạnh phúc mỹ mãn, quan trọng hơn nữa là Ngài có thể giúp chúng ta vĩnh thoát luân hồi, giúp cho chúng ta ngay trong kiếp

này liễu sanh tử, xuất tam giới, ngay trong một kiếp này chúng ta có thể chứng được bất sanh bất diệt. Lời nói này nghe có vẻ huyền hoặc giống như thần thoại, kỳ thật đây là sự thật muôn ngàn lần chân thật. Con người ai mà không chết, con người đều phải chết, chết rồi là phải luân hồi, chẳng có một ai có thể thoát khỏi luân hồi, chẳng có. Tuy nhiên quý vị nên biết, duy chỉ những người tu học Phật pháp thành công, người đã tu hành chứng quả thì sanh tử không còn nữa, chẳng còn có sanh tử nữa, đương nhiên đây không phải là công phu tầm thường.

Phật vì chúng ta nói rõ sanh tử từ đâu đến, quý vị vì sao lại có sanh tử, vì sao có luân hồi? Bởi vì quý vị có vọng tưởng, quý vị có phiền não.

Vọng tưởng và phiền não tức là nhân duyên của sanh tử luân hồi, là cái gốc của sanh tử luân hồi, cho nên vọng tưởng đoạn rồi, phiền não đoạn hết thì sanh tử luân hồi chẳng còn nữa. Câu này nói thì dễ nhưng làm thì khó, có mấy người ngay trong kiếp này có thể đem phiền não, vọng tưởng đoạn sạch? Phật pháp, nhất là Đại Thừa Phật pháp, vô lượng pháp môn, Pháp là phương pháp, Môn là con đường nhập môn, đều là phương pháp đoạn phiền não, phá vọng tưởng, thì giống như chỗ nói trong kinh Hoa Nghiêm: "Tất cả chúng sanh giai hữu Như Lai trí tuệ đức tướng", đây là lời Phật nói, chúng ta cùng với chư Phật Như Lai vốn không hai, là một, thì vốn chẳng có sanh tử, vốn chẳng có luân hồi.

Vì sao lại biến thành tình trạng như thế này? Phật nói: "Chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà không thể chứng đắc", đây là đã đem cái gốc căn bệnh của chúng ta, một lời nói toạc ra hết là vì chúng ta có vọng tưởng, có chấp trước, chấp trước tức là phiền não. Có những thứ này khiến cho chúng ta, vốn là Phật mà không cách chi chứng đắc quả vị Phật, chẳng cách chi chứng đắc được sự tự tại của Phật, biến thành tình trạng như hiện nay.

Bệnh căn tìm được rồi, chỉ cần đem cái căn nguyên này tiêu trừ thì chúng ta sẽ khôi phục lại bản lai diện mục của mình, sự giáo học của Phật pháp, nói tóm lại, đều để giải quyết vấn đề này. Chúng ta biết rằng vọng

tưởng, chấp trước là phiền não và tập khí, muốn đoạn trừ đâu phải chuyện dễ dàng, cho nên người tu hành thì nhiều, kẻ liễu sanh tử thì quá ít quá ít. Hơn nữa là hoàn cảnh hiện đại này của chúng ta, đối với người tu hành chân chánh, những chướng ngại đã tăng gia chẳng biết bao nhiêu trăm ngàn vạn lần so với người xưa, nguyên nhân gì vậy? Tức là ngày nay chúng ta, lục căn tiếp xúc với cảnh giới lục trần, nơi nơi đều đang dụ hoặc chúng ta, những gì không làm tâm chúng ta được thanh tịnh, đây gọi là ma chướng. Ma chướng của đời nay so với thời xưa tăng gia trăm ngàn vạn lần; thành tựu, đương nhiên càng khó khăn.

May thay chúng ta gặp được pháp môn Niệm Phật này, lợi ích của pháp môn Niệm Phật ở chỗ nào? Là Đới Nghiệp Vãng Sanh. Nghiệp là gì? Nghiệp tức là vọng tưởng, chấp trước. Vọng tưởng, chấp trước, chẳng cần phá cũng có thể liễu sanh tử, xuất tam giới, điều này là phi thường. Chúng ta gặp được pháp môn này, trong thời Mạt Pháp này chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng mới có hy vọng được cứu độ, chúng ta dùng phương pháp này, dùng câu Nam Mô A Di Đà Phật này để điều tâm, lấy Tam Phước, Lục Hòa, Tam Học, Lục Độ, Thập Đại Nguyện Vương, năm khoa mục này để tu chỉnh hành vi, cuộc sống hằng ngày của chúng ta, đây tức là Ngự. Ngự chính là tu chỉnh hành vi

sai trái của chúng ta, đây thì là đúng. Cho nên trong bộ kinh này, hai chữ Điều Ngự, đối với phàm phu chúng ta, thì Phật thật sự đã làm rất viên mãn rồi, thật sự đã đạt được hiệu quả rất tốt. Chúng ta phải nên y giáo phụng hành.

Trượng Phu là xưng tán, cho nên thời xưa xưng tán Phật là Đại Trượng Phu, Đại Trượng Phu này cùng với ý nghĩa đại anh hùng của người Hoa là tương đồng. Người như thế nào mới được gọi là đại trượng phu? Những việc người khác chẳng làm được, họ có thể làm, đây mới được gọi là đại trượng phu. Những việc gì người khác không làm được? Liễu sanh tử, thoát luân hồi, đoạn phiền não, phá vọng tưởng, đây là những điều người

khác chẳng thể làm được. Họ làm được, Phật, Bồ Tát gọi là Đại Trượng Phu. Cho nên Phật điện, nơi chúng ta cúng Phật, quý vị xem, trên tấm biển đều viết Đại Hùng Bửu Điện. Hùng là anh hùng, đại anh hùng bửu điện, ý ở đây nói những việc người thế gian không làm được, Phật làm được, Phật là đại anh hùng, Phật là đại trượng phu, Điều Ngự Trượng Phu là ý nghĩa này. Bốn chữ này hợp lại, có thể nói là giáo hóa chúng sanh có thể thuận lợi như ý, tùy tâm sở dục, là mang ý nghĩa như vậy.

Danh hiệu thứ chín, "Thiên Nhân Sư", đây là điều mà chúng ta phải đặc biệt lưu ý, Phật tại thế gian, thân phận Ngài chẳng phải là quốc vương, chẳng phải là thiên chúa, chẳng phải

thượng đế, chẳng phải thiên thần mà là vị thầy, vị lão sư của nhân gian. Thiên thần cũng bái Ngài làm thầy, cho nên thân phận của Ngài là vị thầy, như vậy chúng ta là học trò của Phật, thiên thần cũng là học trò của Phật, thượng đế cũng là học trò của Phật, cho nên mọi người chúng ta quan hệ với Phật là quan hệ thầy trò, Phật là thầy của chúng ta. Chúng ta xưng Thích Ca Mâu Ni Phật là Bổn Sư, Bổn là căn bản, là người đầu tiên khởi xướng nền giáo dục này, chúng ta xưng Ngài là Bổn Sư, cho nên là Thiên Nhân Sư.

Danh hiệu thứ mười gọi là "Phật", chúng ta thường nói Phật là nghĩa Giác, tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, xưng là Phật. Tự giác, chẳng thể

giác tha, đây là A La Hán, thánh giả Tiểu Thừa tự giác mà chẳng giác tha, tuy nhiên, quý vị cũng nên biết rõ thánh giả Tiểu Thừa, chỗ gọi là chẳng giác tha, là không chủ động đi giác tha. Nếu như chúng ta cầu họ, bái họ làm thầy, họ vẫn chịu dạy cho chúng ta, chúng ta không bái họ làm thầy, không đi cầu họ, họ chẳng chủ động đến dạy chúng ta, cái này gọi là tự giác. Còn Bồ Tát là tự giác, giác tha, Bồ Tát thì không giống như vậy, chúng ta không tìm họ, họ vẫn đến tìm chúng ta, chúng ta chẳng cầu họ, họ sẽ tìm phương kế để chúng ta đi cầu họ, họ có những phương thức này, họ chủ động giáo hóa chúng sanh, chủ động giúp đỡ tất cả chúng sanh. Đây là tự hành hóa tha, Bồ Tát tự hành

hóa tha cũng chưa viên mãn, phiền não của chính mình chưa đoạn hết, vô minh cũng là phiền não.

Phiền não có ba thứ, Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, Vô Minh phiền não. Đại Bồ Tát, Kiến Tư phiền não đương nhiên đã đoạn hết, Trần Sa phiền não cũng đoạn hết, Vô Minh phiền não chưa đoạn hết. Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn một phẩm thân tướng vô minh chưa phá, như vậy vẫn chưa viên mãn, cho đến khi thành Phật đó mới là viên mãn. Một phẩm thân tướng vô minh sau cùng cũng đoạn xong, đây là giác hạnh viên mãn mới xưng là Phật. Vậy đây là mười đức hiệu của Phật.

Hiển thị trí tuệ đức năng trên quả địa của Phật, sau cùng "Thế Tôn",

Thế là đáng cho thế gian tôn kính nhất, xưng là Thế Tôn, Thế Tôn là tổng kết của mười danh hiệu này. Đầy đủ mười thứ đức hạnh này thì là người xứng đáng nhất được người thế gian tôn kính, cho nên xưng là Thế Tôn, như vậy là đã đem mười danh hiệu giới thiệu sơ lược cho quý vị. Kế tiếp chúng ta xem kinh văn:

Kinh văn: "Tại thế giáo thọ tứ thập nhị kiếp".

Chúng ta xem câu này, trong câu này chúng ta có thể hiểu rõ được người của thời đó, phước báo rất lớn, vì sao thế? Vì thọ mạng dài. Thọ mạng của Phật thị hiện cùng với thọ mạng của nhân dân đương thời nhất

định phải tương đương, như ba ngàn năm trước Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện tại Ấn Độ, Ngài trụ thế tám mươi tuổi, người Hoa thường nói: "Hư tuế bát thập tuế". Trên thực tế, theo cách tính tuổi của người ngoại quốc, Thích Ca Mâu Ni Phật là bảy mươi chín tuổi nhập Niết Bàn, viên tịch. Phật bảy mươi chín tuổi cùng với thọ mạng của một số người chúng ta, cũng xấp xỉ, giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm.

Vị Thế Gian Tự Tại Vương Phật này, lúc bấy giờ xuất hiện tại thế gian vì mọi người giảng kinh thuyết pháp bốn mươi hai kiếp, quý vị mới biết thọ mạng của con người thời đó dài biết bao, thọ mạng dài thì phước báo lớn. Phật cũng đã từng nói với chúng

ta, thế gian này thời vận không đồng đều, Sa Bà thế giới chúng ta, thời gian thọ mạng dài nhất là tám vạn đại kiếp. Bốn mươi hai kiếp, nếu đem so với tám vạn đại kiếp, vẫn còn xa lắm. Phật nói với chúng ta, mỗi một trăm năm giảm một tuổi, thọ mạng con người dài nhất là tám vạn đại kiếp, còn ngắn nhất là mười tuổi. Từ tám vạn đại kiếp, mỗi một trăm năm giảm một tuổi, giảm đến mười tuổi, lại từ mười tuổi, cứ một trăm năm tăng một tuổi, tăng đến tám vạn đại kiếp, sự tăng và giảm như thế gọi là một kiếp. Cho nên khi Thế Gian Tự Tại Vương Phật ra đời, nhân dân của thế gian thời đó, phước báo của họ so với chúng ta lớn hơn quá nhiều, Phật giảng kinh thuyết pháp bốn mươi hai

kiếp. Sự thị hiện trụ thế của chư Phật, Bồ Tát cùng với đại chúng hầu như rất kề cận, vậy ở chỗ này, chúng ta phải chú ý đến Phật, Bồ Tát trụ thế để làm gì? Để "giáo thọ", tức là giảng kinh thuyết pháp, chỉ dạy đại chúng, đây là Phật sự trong kinh thường nói, sự nghiệp của Phật tức là giáo học, giáo hóa chúng sanh.

Kinh văn: "Thời vị chư thiên, cập thế nhân dân thuyết kinh giảng đạo".

Như vậy đây là công việc làm của Phật ở thế gian này. Sau Phật diệt độ, đệ tử Phật tại thế gian kế thừa sự nghiệp của Phật, chúng ta đã thấy Ấn Độ thời xưa những vị cao Tăng đại

đức như thế, sau khi Phật giáo truyền đến Trung Hoa, lịch đại cao Tăng đại đức của Trung Hoa cũng giống như Phật, không ngừng vì đại chúng thuyết kinh giảng đạo. Phật pháp hưng long, Phật pháp hưng thịnh, tức là nền giáo dục của Phật phổ cập. Nền giáo dục của Phật phổ cập, thì nhân tâm hướng thiện, thế gian người thiện nhiều, xã hội sẽ hòa hài, quốc thái dân an, chúng sanh tất được phước. Đây là sự thành tựu trong việc đẩy mạnh nền giáo dục của Phật, Phật chính vì việc này mà đến thuyết kinh, tất cả những lời giáo huấn mà Phật đã nói, chúng ta tôn xưng là kinh điển. Điển là điển hình, là mô phạm, Kinh là chân lý, vĩnh viễn chẳng thể thay đổi. Cho nên kinh điển có hai nghĩa, ý

nghĩa hai chữ này là quy phạm vĩnh viễn chẳng thay đổi, quy củ, mô phạm. Nó siêu việt thời gian, siêu việt không gian, bất luận là ở địa phương, khu vực nào cũng thích hợp, đây mới là điều phi thường. Bất luận ở thời đại nào, thời xưa, thời nay, đều vẫn thích hợp, cho thấy đích thật là siêu việt thời gian, không gian. Đây cũng là chân lý mà người thời nay chúng ta thường nói, đó là những gì Phật đã vì chúng ta nói.

"Đạo" là con đường, con đường chính đáng, con đường bình thường, con đường chính xác, sẽ mang đến cho chúng ta hạnh phúc mỹ mãn chân chánh, đây là nói về nội dung giáo học thường xuyên, chẳng gián đoạn của Phật.

Kinh văn: "Hữu đại quốc chủ danh Thế Nhiêu Vương".

Vậy Phật giảng kinh, trong nhóm thính chúng có một vị quốc vương, thực tế mà nói, Phật giảng kinh, trong thính chúng thường có rất nhiều quốc vương. Như trong quá khứ, lúc Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh, thường thường có tới mười mấy, hai mươi vị quốc vương tại tọa, quốc vương ở đâu mà nhiều như thế? Khi Thích Ca Mâu Ni Phật tại thế, Ấn Độ đều là những nước nhỏ, nếu đất đai lớn như Tân Gia Ba này, có thể có đến năm, sáu quốc gia, cho nên Phật vừa giảng kinh, những quốc vương này đều đến. Quý vị xem, các nước lớn ở Trung Hoa

được ghi trong Cổ Thư, một nước lớn chẳng qua là một trăm dặm, gọi là Bách Lý Hầu đại quốc, vuông vức một trăm dặm là nước lớn rồi, còn nước nhỏ chỉ có năm mươi dặm, hai, ba mươi dặm. Cho nên lúc bấy giờ là dân tộc bộ lạc, trong bộ lạc vị tù trưởng là quốc vương, khi Phật vừa giảng kinh, nhiều quốc vương đều đến nghe.

Vậy còn lúc Thế Tự Tại Vương Phật thuyết pháp, cũng có tình hình này, và đây là một quốc vương của một nước lớn tên là Thế Nhiêu Vương; danh xưng này quả thật chẳng sai, Thế là thế gian, Nhiêu là phong nhiêu. Từ trên danh hiệu của Ngài có thể thấy, vị quốc vương này trị quốc rất đúng đường lối, nhân dân của

quốc gia này, tiêu chuẩn văn hóa rất cao, sản vật phong phú, đời sống nhân dân rất tốt, thì mới có thể gọi Ngài là Nhiêu được. Cho nên từ trong danh hiệu có thể thấy được thành tích chính trị của vị quốc vương này, thành tích chính trị của Ngài chúng ta có thể thấy được. Đây là một vị quốc vương tốt, có trí tuệ, có đức hạnh và năng lực.

Kinh văn: "Văn Phật thuyết pháp, hoan hỷ khai giải".

Thường xuyên nghe Phật thuyết pháp, nghe rất hoan hỷ, đương nhiên ông ta lãnh ngộ được và còn lãnh ngộ rất sâu sắc. Chữ Khai tức là bình thường chúng ta nói khai ngộ, đối với

chỗ nói của Phật hoàn toàn có thể lý giải, khai ngộ, hiểu rõ lời Phật nói. Vậy chỗ Phật nói là những gì? Điều này chúng ta vẫn phải biết, tất cả chư Phật vì chúng sanh chỗ nói đó, tóm lại đều là chư pháp thật tướng, cũng tức là nói rõ với mọi người chân tướng của vũ trụ và nhân sinh. Vị quốc vương này nghe xong, hiểu rõ và giác ngộ.

Kinh văn: "Tầm phát vô thượng chân chánh đạo ý".

Đây là đã phát tâm, phát vô thượng tâm, chúng ta thường gọi vô thượng tâm này là Bồ Đề tâm, cũng là nói họ thật sự giác ngộ rồi, thật sự có được một nguyện vọng, hy vọng chính mình và tất cả đại chúng có thể

giống như Phật chứng đắc viên mãn Phật đạo vô thượng, họ phát cái tâm này. Trên thực tế, cái tâm này tức là Tứ Hoằng Thệ Nguyện: "Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành"; chẳng những tự mình muốn thành Phật, hy vọng tất cả chúng sanh, người người đều thành Phật, họ phát cái tâm này thật là phi thường, chẳng phải người bình thường của thế gian có thể phát được. Đây là do nhiều năm nghe kinh, nghe đạo không gián đoạn, nên họ đã giác ngộ.

Kinh văn: "Khí quốc quyên vương, hành tác sa môn".

Không làm quốc vương, đem ngôi vua nhường cho người khác, Ngài xuất gia tu hành, người thế gian chỗ cầu là danh văn lợi dưỡng, người thường trong xã hội ngày nay truy cầu tài phú, truy cầu quyền lợi. Vị quốc vương này, quốc là lợi ích, là tài phú, "quý vi thiên tử, phú hữu tứ hải", họ có quyền lợi, có địa vị. Quyền lợi địa vị chẳng cần nữa, tất cả phú quý cũng không cần, xả bỏ hết để đi xuất gia tu đạo. Quý vị hãy nghĩ xem, Phật đạo này nếu như không tốt, không chân thật, làm sao người ta có thể hy sinh ngôi vua để đi tìm cầu? Do đây có thể biết, sự lợi ích của Phật đạo nhất định vượt hơn ngôi vua, họ mới chịu làm, Thế Nhiêu Vương do vậy mà xuất gia.

Chúng ta thử nghĩ, Thích Ca Mâu Ni Phật của chúng ta cũng xuất gia thế đó, nhưng Thích Ca Mâu Ni Phật là lấy thân phận thái tử để xuất gia, chẳng có làm quốc vương, còn đây là người đã làm quốc vương rồi, xả bỏ ngôi vua để xuất gia. Vậy sau khi Phật diệt độ, người xả bỏ ngôi vua xuất gia cũng chẳng ít, như chúng ta đọc trong kinh, An Thế Cao vị đại sư phiên dịch thời trước, Bát Đại Nhân Giác Kinh quý vị thường thường đọc đó là do An Thế Cao phiên dịch. Trước đây chúng tôi đem đến một số băng cassette trong đó có kinh A Nan Vấn Sự Phật Kiết Hung Kinh, cũng là do An Thế Cao phiên dịch, An Thế Cao đã từng làm quốc vương của nước An Tức. Ngài là hoàng thái tử

của nước An Tức, sau khi phụ thân qua đời Ngài kế thừa ngôi vua, nhưng Ngài làm vua chỉ có nửa năm chưa tới một năm thì đem ngôi vua nhường cho người chú, rồi đi xuất gia học đạo. Ngài có duyên phần rất sâu với người Hoa, đến Trung Hoa hoằng pháp lợi sanh, viên tịch tại Trung Hoa, đây đều là những người xả bỏ ngôi vua. Tên An Tức của Hán triều, tên Ba Tư của nhà Đường, bây giờ là Iran. An Thế Cao là quốc vương của nước Iran thuở xưa, Ngài xuất gia, việc này rất đáng cho chúng ta nghĩ sâu, Ngài thật sự đã giác ngộ.

"Sa môn", ở Ấn Độ thời xưa là lối xưng hô thông thường của người tu hành, chẳng nhất định là học Phật, tất cả tôn giáo đồ tu hành đều gọi là Sa

Môn. Sau khi Phật giáo truyền sang Trung Hoa, chữ Sa Môn này đã trở thành một lối xưng hô của đệ tử Phật, ý nghĩa của nó là Cần Tức, "Cần tu giới định tuệ, Tức diệt tham sân si". Người nào có thể siêng tu Giới - Định - Tuệ, dập tắt tham, sân, si thì gọi là Sa Môn, do đây có thể biết Sa Môn không phân biệt tại gia hay xuất gia. Người tại gia siêng tu Giới - Định - Tuệ, dập tắt được tham, sân, si cũng gọi là Sa Môn, cho nên danh xưng này tại gia - xuất gia đều thông dụng. Ngày xưa thông dụng, còn bây giờ? Người tại gia rất ít dùng, đa số là người xuất gia dùng danh xưng này, thời xưa đều thông dụng cả.

Trong Phật giáo nhiều cách xưng hô như vậy, tại gia - xuất gia đều có

thể thông dụng. Chữ Phật, tại gia - xuất gia đều thông dụng, Bồ Tát cũng là tại gia - xuất gia thông dụng, A La Hán cũng là tại gia - xuất gia thông dụng, cho đến Hòa Thượng mà chúng ta thường nói, người tại gia cũng có thể xưng hòa thượng, chưa cạo đầu vẫn có thể xưng hòa thượng, chẳng phải nói cạo đầu rồi mới được gọi là hòa thượng, như vậy quý vị đã sai rồi. Ý nghĩa của Hòa Thượng là gì? Là Thân Giáo Sư, chủ trì một đạo tràng giáo hóa chúng sanh, thì người này xưng là hòa thượng, giống như hiệu trưởng trong trường học, chủ trì của tự viện, đạo tràng thì xưng là hòa thượng. Chỉ có một người có thể xưng hòa thượng, họ chủ trì sự giáo hóa.

Như vậy đạo tràng Cư Sĩ Lâm này của quý vị, là đạo tràng của cư sĩ tại gia, vị lâm trưởng của Cư Sĩ Lâm tức là hòa thượng, ông ta chủ trì việc giáo hóa. Cho nên hòa thượng không phân tại gia - xuất gia. A Xà Lê cũng chẳng phân tại gia - xuất gia, Pháp Sư, tại gia - xuất gia đều có thể xưng hô, lấy Phật pháp chỉ dạy tất cả chúng sanh, đều có thể xưng là pháp sư. Duy chỉ có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Sa-di, Sa-di-ni, bốn cách xưng hô này người tại gia chẳng thể xưng, ngoài ra người tại gia đều có thể xưng.

Như trước kia ở Đài Trung, chúng tôi theo học Phật với lão cư sĩ Lý Bỉnh Nam, có rất nhiều người tặng thầy Lý những tranh có chữ, trên đó đề là Tuyết Lư Đại Hòa Thượng,

Tuyết Lư là biệt hiệu của Ngài, Ngài là cư sĩ tại gia, vì sao lại xưng là hòa thượng? Đây đều là những người trong nghề viết, đích thật Ngài ở Đài Trung chủ trì Liên Xã Đài Trung, chủ trì Từ Quang Thư Viện, lấy Phật pháp chỉ dạy một vùng, Ngài là vị thầy, là đạo sư của một vùng, nên xưng là Đại Hòa Thượng. Cho nên Hòa Thượng, người tại gia có thể xưng hô, đây là nhân tiện giải thích rõ thêm về cách xưng hô cho quý vị.

Kinh văn: "Hiệu viết Pháp Tạng".

Xuất gia rồi, vị thầy đặt pháp danh cho Ngài, pháp danh của Ngài gọi là Pháp Tạng, ý nghĩa của chữ này

cũng rất hay. Tạng nghĩa là hàm tạng, giống như cái kho, tất cả vạn pháp đều chứa bên trong, ý nghĩa của danh hiệu này rất sâu. Người này tức là A Di Đà Phật sau này, đây là nói rõ về A Di Đà Phật lúc ban sơ xuất gia như thế nào, nguyên nhân gì xuất gia? Là do nghe kinh khai ngộ, thật sự giác ngộ rồi, phát khởi đại Bồ Đề tâm, đại đạo tâm, xả bỏ ngôi vua xuất gia với Thế Tự Tại Vương Phật. Sau khi xuất gia, chúng ta hãy xem Ngài tu trì:

Kinh văn: "Tu Bồ Tát đạo, cao tài dũng triết, dữ thế siêu dị. Tín giải minh ký, tất giai đệ nhất".

Một người thật sự giác ngộ, thật sự phát đạo tâm, chẳng có ai không tinh tấn, chẳng ai không dụng công,

vì sao vậy? Vì họ chỉ theo đuổi một mục tiêu, họ hy vọng có thể sớm được thực hiện, mục tiêu của Pháp Tạng tỳ-kheo là gì? Là thành Phật, vả lại cũng hy vọng tất cả chúng sanh đều thành Phật, đây là mục tiêu của Ngài. Quả nhiên Ngài đã đạt được, quả nhiên là phi thường, những điểm này đều đáng cho chúng ta học tập, chúng ta phải hết lòng để học tập. Tu là tu chỉnh, Bồ Tát Đạo là tiêu chuẩn, chúng ta trong kinh Hoa Nghiêm thấy được Thiện Tài đồng tử tu học, mỗi lần Thiện Tài tham vấn một vị thiện tri thức, sau khi lễ kính tán thán, nhất định tự trình bày rõ lai lịch của mình. Ngài nói, "Tôi đã phát vô thượng Bồ Đề tâm, nếu không biết cách nào để học Bồ Tát đạo, làm sao tu Bồ Tát

hạnh?" Sau khi phát tâm, hai sự việc này là trọng yếu nhất, sự Đạo ở đây bao hàm cả Bồ Tát hạnh.

Đạo là gì? Là Tồn Tâm, Bồ Tát tồn đó là tâm gì? Hạnh là hành vi, sinh hoạt hằng ngày, xử sự, đối người, tiếp vật, Bồ Tát làm cách nào? Đi khắp nơi để tham học, nghe lời giáo huấn của thiện tri thức, tu chỉnh tư tưởng, kiến giải sai lầm của chính mình, đây là thuộc về Đạo, ngôn ngữ tạo tác là thuộc về Hạnh. Đem tất cả những sai lầm tu chỉnh lại gọi là "Tu Bồ Tát đạo". "Cao tài dũng triết, dữ thế siêu dị", hai câu này là tán thán sự tu học thành tựu của Ngài, đây là người khác chẳng thể sánh kịp. Cao là nói về đức hạnh, Ngài có đạo đức cao thượng, Tài là nói về trí tuệ, Ngài có

trí tuệ vượt hơn người, người thường không sánh kịp. Dũng Triết là minh triết, Ngài chẳng mê hoặc, rõ rõ ràng ràng minh minh bạch bạch, Dũng là tinh tấn, dũng mãnh, cố gắng, tinh tấn, nỗ lực. "Dữ thế siêu dị", tỷ người thế gian có một số người bạn thường là trong số bạn học, đều chẳng sánh bằng, trí tuệ của Ngài cao, nguyện lực lớn, nguyện của Ngài vượt hơn những bạn học khác của Ngài.

"Tín giải minh ký", đây là trong quá trình cầu học cần phải cụ bị, điều kiện này rất là quan trọng. Thứ nhất đối với thầy phải có lòng tin, cho nên tôn sư trọng đạo, vì đối với thầy nếu chẳng có lòng tin, cho dù thầy có cao minh hơn nữa, quý vị cũng chẳng thể thành tựu, quý vị sẽ không được gì cả.

Nếu đối với thầy có lòng tin kiên định, có sự kính ngưỡng tôn sùng cao thượng, tuy là thầy chẳng cao minh lắm, quý vị cũng có thể có thành tựu xuất chúng, điều này, trong lịch sử từ cổ chí kim, chúng ta đều có thể thấy được. Cho nên trong lúc học tập, tôn sư tức là trọng đạo vậy; trọng đạo chẳng thể không tôn sư. Như vậy Ngài đối với thầy của Ngài là Tự Tại Vương Phật, đương nhiên là có sự tín ngưỡng kiên định, thanh tịnh, thầy chỉ dạy Ngài có thể tiếp thọ, Ngài có thể lý giải rõ rõ ràng ràng minh minh bạch bạch, Minh Ký, và còn ghi nhớ chẳng hề quên mất. "Tất giai đệ nhất", Tín đệ nhất, Giải đệ nhất, Minh Ký cũng là đệ nhất, đây là điều mà Thế Gian Tự Tại Vương Phật thật sự rất

vui mừng, tìm được người học sinh giỏi nhất có thể trao truyền, truyền pháp của Ngài. Phần phía dưới nói lại càng đáng quý hơn, đây đã là điều chẳng thể có được, đã vô cùng đáng quý, càng đáng quý hơn nữa là:

Kinh văn: "Hựu hữu thù thắng hạnh nguyện, cập niệm tuệ lực, tăng thượng kỳ tâm, kiên cố bất động. Tu hành tinh tấn, vô năng du giả".

Mấy câu này là đặc biệt tán thán đối với Ngài, còn phía trước nói cách khác, đây là điều kiện cần phải hội đủ của người học trò. "Hựu hữu thù thắng hạnh nguyện", những bạn học khác chẳng có điều này, dù có cũng

không thù thắng, chỗ thù thắng này là nguyện vọng vô cùng mãnh liệt, đây tức là Tứ Hoằng Thệ Nguyện. Về sau bốn mươi tám nguyện là do từ chỗ này mà ra, Di Đà Bốn Mươi Tám Nguyện chẳng phải không có căn, căn là ở chỗ này, đây là trước khi chưa xuất gia đã phát đại nguyện này "Phổ độ chúng sanh, viên thành Phật đạo". Trong kinh này nói về đại nguyện bình đẳng thành Phật, đại nguyện này quá thù thắng, nhất thiết chư Phật độ chúng sanh chẳng có nói bình đẳng thành Phật, bình đẳng thành Phật quả thật là thù thắng.

"Cập niệm tuệ lực", chữ Niệm Tuệ này là đầy đủ ngũ căn, ngũ lực, trong kinh Di Đà nói về Tín, Tịnh, Niệm, Định, Tuệ. Tuy chỉ nói có hai

cái, trên thực tế ngũ căn, ngũ lực tất cả đều hội đủ, lấy căn lực "tăng thượng kỳ tâm", chữ Tăng Thượng là đặc biệt tăng cường, tăng cường cái tâm học tập tu trì của Ngài, "kiên cố bất động", câu này là nghĩa bất thoái chuyển. Kế tiếp phần dưới nói về "tu hành tinh tấn, vô năng du giả", hai câu này là tán thán tu hành tinh tấn, chẳng ai có thể sánh bằng Ngài, sự tinh tấn nỗ lực của Ngài người khác chẳng thể sánh kịp. Đến đây Thế Tôn vì chúng ta giới thiệu Pháp Tạng tỳ-kheo theo thầy của Ngài là Thế Gian Tự Tại Vương Phật, và những trạng thái học tập trong lúc bình thường.

Kinh văn: "Vãng nghệ Phật sở, đảnh lễ trường quy, hướng Phật

hiệp chưởng, tức dĩ già-tha tán Phật, phát quảng đại nguyện".

Việc tu học trong lúc bình thường, Phật đích thật đã khen đến cực điểm. Pháp Tạng, có một hôm đến chỗ của thầy, "vãng nghệ Phật sở", đây tức là khi gặp được thầy Thế Gian Tự Tại Vương Phật, "đảnh lễ trường quỵ", đây là lễ tiết, "hướng Phật hiệp chưởng"; đương nhiên Ngài có việc muốn thỉnh giáo với thầy. Sự việc lần này cũng rất đặc biệt, ở trước thầy nói rõ nguyện vọng của mình, xin thầy chứng minh cho Ngài. Già-Tha là Phạn ngữ, dịch sang nghĩa tiếng Hán là cô-khởi-tụng, chữ Tụng này giống như thi ca của Trung Hoa, từ cú rất chỉnh tề. Ở đây mỗi một câu là bảy

chữ, thất ngôn tụng, mỗi bốn câu là một bài, có thể xướng tụng, âm vận đều rất hay. Trước tiên dùng để tán Phật, [sau đó] nói rõ nguyện vọng của Ngài, đều nằm trong kệ tụng này.

Kinh văn: "Tụng viết:"

Phần dưới là lời của Pháp Tạng nói với thầy, tám câu đầu là đối với thầy tán thán, đối với thầy xưng tán. Trước tiên chúng ta xem bốn câu bài thứ nhất:

Kinh văn: "Như Lai vi diệu sắc đoan nghiêm, Nhất thiết thế gian vô hữu đẳng, Quang minh vô lượng chiếu thập phương, Nhật Nguyệt hỏa châu giai nặc diệu".

Hai câu đầu là tán tướng hảo của Phật, hai câu sau là tán quang minh của Phật, Như Lai vi diệu sắc tướng. Đoan Nghiêm là đoan chánh trang nghiêm, Vi Diệu có thể nói là đoan chánh trang nghiêm chẳng gì bằng. Phần trước đã nói cùng với quý vị 'tướng tùy tâm chuyển", tướng do đâu mà có? Do tâm biến hiện. Tất cả pháp từ tâm tưởng sanh, tâm của Phật tốt nên hiện tướng tốt, Phật có ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình hảo. Tướng là quả báo, quả tất có nhân; nhân tốt thì quả tốt, thí dụ trong kinh điển chúng ta thường đọc, tướng lưỡi rộng dài, lưỡi của Phật rất mỏng, lưỡi đưa ra có thể che phủ cả mặt. Thích Ca Mâu Ni Phật đã từng biểu diễn

qua, là để chứng minh gì đây? Chứng minh lời Phật nói, chân thật không lừa dối người.

Phật nói nếu như một người không vọng ngữ, không gạt người trong ba đời thì lưỡi của họ đưa ra có thể liếm đến mũi của mình. Lưỡi của chúng ta rất ngắn liếm chẳng tới, tức là chúng ta thường hay vọng ngữ, gạt người, vậy nhân không tốt thì quả sẽ chẳng tốt. Như vậy lưỡi của Phật vươn ra che khắp cả mặt, điều này nói với chúng ta [Phật] đời đời kiếp kiếp không lừa người, chứng minh lời Phật nói chân thật không hư dối, cho nên nhân tốt thì được tướng tốt. Vậy nếu chúng ta muốn tướng của mình tốt, nhất định phải tu nhân tốt, phải giữ lòng tốt, phải làm người tốt. Lòng tốt,

người tốt, tướng mạo nhất định tốt, đây là đạo lý nhất định. Nếu như tâm hành của mình không tốt, muốn có tướng mạo tốt, hiện nay đi mỹ viện đó đều là giả chẳng phải thật, lại còn có nhiều phản tác dụng, tôi nghe nói có rất nhiều người khi đi mỹ viện rồi mang bệnh quái dị đầy thân, thật quá thua lỗ. Muốn tướng tốt, chẳng khó gì, trước tiên phải tu tâm tốt, nói lời tốt, làm việc tốt. Nói tóm lại, làm người tốt thì tướng sẽ tốt.

"Nhất thiết thế gian vô hữu đẳng", điều này người thế gian không thể nào sánh được, nói một cách khác, trên tâm hạnh người thế gian chẳng cách chi so sánh cùng với Phật được. "Quang minh vô lượng chiếu thập phương", quang minh của Phật từ trên

Lý mà nói, trí tuệ của Phật niệm niệm chẳng bỏ chúng sanh, có một số chúng sanh được Phật gia trì, một số khác không được Phật gia trì, đây là nguyên nhân gì? Nguyên nhân này chẳng ở nơi Phật. Quang minh của Phật là phổ chiếu, là biến chiếu, chẳng có phân biệt cũng chẳng có ưa thích hay ghét bỏ, chúng sanh được lợi ích nhiều hay ít khác nhau, là vì nghiệp chướng của chúng sanh khác nhau. Người nghiệp chướng mỏng thì được lợi ích nhiều, kẻ nghiệp chướng sâu dầy thì được lợi ích ít, đây là chân tướng của sự thật. Vậy thì từ đâu xem nghiệp chướng? Người đối với Phật cung kính, đối với kinh pháp của Phật có thể lý giải, có thể tiếp thọ thì người này có thiện căn dầy, nghiệp chướng

ít. Nếu đối với Phật chẳng tin, đối với kinh pháp của Phật nói không lý giải chính xác, chẳng thể tín thọ phụng hành thì họ được lợi ích ít, điều này nói rõ nghiệp chướng của họ nặng. Quang minh của Phật, Bồ Tát, đích thật là biến chiếu, phổ chiếu.

Câu dưới, "Nhật nguyệt hỏa châu gia nặc diệu", là hình dung ánh sáng của thế gian, thù thắng nhất là mặt trời, mặt trăng. Ánh sáng của nhật nguyệt muốn so sánh cùng với ánh sáng của Phật, thì giống như chúng ta thắp ngọn đèn dưới ánh sáng mặt trời vậy, ngọn đèn rất sáng nhưng dưới ánh sáng của mặt trời thì chẳng hiển hiện ra được, là nặc diệu chẳng thể hiển bày ra được, đây là hình dung ánh quang minh của Phật là vĩ đại.

Phật quang viên mãn cũng là hình dung trí tuệ và lòng từ bi của Phật. Bài thứ hai:

Kinh văn: "Thế Tôn năng diễn nhất âm thanh, Hữu tình các các tùy loại giải, Hựu năng hiện nhất diệu sắc thân, Phổ sử chúng sanh tùy loại kiến".

Bốn câu này cũng là để tán Phật, hai câu trước là tán Phật thuyết pháp, âm thanh của Phật đích thật là vi diệu, vi diệu đến độ chúng ta không thể nghĩ bàn. Phật dùng "nhất âm" để thuyết pháp, tất cả chúng sanh ngôn ngữ chẳng đồng, tuy nhiên, khi mọi người nghe Phật thuyết pháp đều nghe hiểu cả. Giống như chúng ta

nghe tiếng Hoa, Phật thuyết pháp ra tiếng Hoa, còn người kia nghe tiếng Anh thì Phật thuyết ra tiếng Anh. Mỗi người nghe Phật thuyết pháp đều là ngôn ngữ của chính mình, Phật không cần thông dịch, mọi người nghe đều rất hoan hỷ, đều rất hiểu rõ. "Hữu tình các các tùy loại giải", không những người thế gian chúng ta ngôn ngữ bất đồng, mà Phật thuyết pháp thì người người nghe đều hiểu cả. Trong đạo tràng này còn có chư thiên, quỷ, thần, ngôn ngữ của họ cùng với chúng ta lại càng khác hẳn, những chư thiên, quỷ, thần này cũng nghe hiểu, đều giống như nghe ngôn ngữ của họ vậy. Cho nên âm thanh của Phật vi diệu thay, cổ nhân tán thán là "viên minh cụ đức", nó là mật ngữ. Cái đạo lý bên

trong ấy, nhà khoa học hiện đại quả thật là rất thông minh, họ tin, họ từ trên lý luận phân tích, việc đó quả thật là có thể, thế nhưng hiện nay vẫn chưa biết dùng phương pháp gì để đạt được điều đó. Cho nên lý luận của khoa học, có nhóm người đích thật đã đem những phần thâm mật của Phật pháp giúp chúng ta giải quyết được nhiều vấn đề.

Hai câu phía dưới là nói về thân sắc, thân Phật cũng rất vi diệu, "Hựu năng hiện nhất diệu sắc thân, Phổ sử chúng sanh tùy loại kiến", quý vị muốn nói về thân tướng của Phật, thật tại mà nói, thì nói chẳng ra, vì sao vậy? Mỗi người nhìn tướng của Phật đều chẳng giống nhau, Phật có thể khiến tất cả chúng sanh sanh tâm hoan hỷ,

quý vị thích nhìn tướng Phật như thế nào, Phật sẽ là tướng đó tức là cái tướng mà quý vị thích, tùy loại hiện thân. Tùy loại hiện thân, hàm nghĩa rất sâu rộng, cho nên tiêu chuẩn thẩm mỹ của mỗi người không tương đồng, tôi nhìn tướng này thấy thích, quý vị nhìn tướng đó chưa hẳn đã thích. Thế nhưng Phật hiện các tướng, khiến mỗi người nhìn thấy đều thích cả, đích thật như chỗ nói trong kinh Lăng Nghiêm: "Tùy chúng sanh tâm, ưng sở tri lượng", trong Lăng nghiêm đã nói ra cho chúng ta điều này. Không những là thị hiện cái tâm này, cái thân tướng này thiên biến vạn hóa, chẳng phải một tướng cố định. Cho nên có một số đồng tu không rõ sự thật này, tôi thường nghe người ta hỏi tôi:

"Thưa pháp sư, Quán Âm Bồ Tát rốt cuộc là nam hay nữ?" Quán Âm Bồ Tát là nam mà cũng là nữ. Ngài tùy loại hóa thân, quý vị thích nhìn thân nữ thì Ngài hiện thân nữ, quý vị thích nhìn thân nam thì Ngài hiện thân nam, chẳng phải một hình tướng cố định.

Chư Phật, Bồ Tát đã Vô Ngã rồi, Vô Tướng rồi. Quý vị xem, trong kinh Kim Cang, chẳng phải đã nói rồi sao? "Nhược Bồ Tát hữu ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức phi Bồ Tát", chấp tướng đó là phàm phu, Ngài chẳng chấp trước, chẳng còn nữa, bởi vì vô tướng cho nên vô bất tướng. Chúng ta hôm nay thua thiệt quá lớn, chấp trước có một cái tướng nhất định, vì có tướng cho nên chẳng cách chi biến

thành tướng thứ hai. Phật, Bồ Tát vô tướng, các Ngài có thể vì tất cả chúng sanh mà hiện vô lượng vô biên tướng. "Phổ sử chúng sanh tùy loại kiến", phổ biến khiến chúng sanh tùy loại mà thấy. Tám câu này là tán thán Phật, phần dưới trần thuyết nguyện vọng của mình, những điều này chúng ta phải học tập. Quý vị xem, người ta phát tâm như thế nào, phát nguyện như thế nào, tu hành ra sao! Chúng ta muốn đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, muốn thấy A Di Đà Phật thì chúng ta cần phải học A Di Đà Phật. Từ chỗ lúc A Di Đà Phật phát tâm tu hành mà bắt đầu học, đây là thật sự học.

Kinh văn: "Nguyện ngã đắc Phật thanh tịnh thanh, Pháp âm phổ cập vô biên giới".

Chúng ta học Phật, đặc biệt là xuất gia rồi; quốc vương không làm nữa để đi xuất gia, xuất gia để làm gì? Xuất gia, tất phải vì tất cả chúng sanh thuyết kinh giảng đạo. Thuyết kinh giảng đạo quan trọng nhất là âm thanh, ngài Văn Thù Bồ Tát nói rất hay về Sa Bà thế giới chúng ta "Thử phương chân giáo thể, thanh tịnh tại âm văn", cho nên âm thanh cần phải hay. Âm thanh hay, một số người là do trời phú cho, tiền kiếp tu nhân tốt như là tán Phật, tán Pháp, tán Tăng, tán thán Tam Bảo, tán thán người thiện, việc thiện của thế gian thì âm

thanh của họ sẽ hay đây là thiện. Phàm việc gì đều có nhân quả, đây là điều mà chúng ta phải thường xuyên suy ngẫm, chúng ta mong mọi thứ đều tốt thì chúng ta phải tu thiện nhân, ngoài việc tự mình tu hành còn phải cầu Phật gia trì. Cho nên quý vị đồng tu phải biết, quý vị phát tâm giảng kinh thuyết pháp, sau khi lên giảng đài, tướng và âm thanh của người đó đều khác chẳng giống như ở dưới giảng đài. Nếu quan sát kỹ càng quý vị có thể phát hiện, vì sao vậy? Vì trên giảng đài có Phật, Bồ Tát gia trì, xuống giảng đài rồi thì chẳng còn nữa. Cho nên trên giảng đài và dưới giảng đài, tướng mạo không giống nhau, âm thanh cũng chẳng giống nhau, âm thanh cũng là do Phật lực gia trì.

Quý vị quen biết tôi, thời gian này không lâu lắm, có nhiều vị đồng tu ở Đài Bắc đã quen biết tôi từ nhiều năm trước, còn có một số đã quen biết tôi khi tôi mới xuất gia học Phật, lúc đó tướng mạo và âm thanh của tôi so với hiện giờ hoàn toàn khác hẳn. Đây đều là do, sau khi học Phật được oai thần gia trì của Tam Bảo, vậy thì được thanh tịnh âm của Phật, để làm việc lợi ích gì đây?

Kinh văn: "Tuyên dương Giới, Định, Tinh Tấn môn, Thông đạt thậm thâm vi diệu pháp".

Tôi được tướng tốt, âm thanh hay, chẳng phải để khoe khoang với người thế gian: Tôi đẹp hơn anh, chẳng phải

ý này mà là để hoằng pháp lợi sanh, là lợi ích chúng sanh. Vậy lợi ích chúng sanh, thực tế mà nói, tướng phải đẹp, bởi vì chúng sanh đều ưa thích cái đẹp, tướng mạo mà không đẹp thì pháp duyên sẽ không tốt. Cho nên chư Phật thành Phật, đó là trong kinh Đại Thừa mà chúng ta đọc thấy chư Phật thành Phật, sau khi thành Phật các Ngài phải dùng thời gian một trăm kiếp để tu tướng hảo, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp là phước báo do tu mà có, trong thời gian một trăm kiếp để tu tướng hảo. Vì sao thế? Bởi vì tướng hảo thì có thể nhiếp thọ chúng sanh. Chúng sanh vừa nhìn thấy tướng này thì họ sẽ liền theo quý vị, điều này rất lợi hại, họ sẽ không rời khỏi quý vị. Một thí dụ rõ

rệt nhất, chúng ta thấy trong kinh Lăng Nghiêm, A Nan tôn giả vì sao xuất gia? Trong hội Lăng Nghiêm, A Nan tôn giả đã nói ra bởi vì Ngài đã nhìn thấy thân tướng của Thích Ca Mâu Ni Phật quá đẹp, Ngài nói: "Tướng này chẳng phải do cha mẹ sanh, nhất định là do người tu mà thành". Chính vì yêu thích tướng của Thích Ca Mâu Ni Phật mà Ngài xuất gia.

Người thế gian chúng ta cũng thường hay nói: "Tú sắc khả sang", gặp được một người có tướng đẹp này mà ngay cả ăn cơm cũng quên mất. Cho nên Phật rất hiểu được tâm lý của chúng sanh, nhất định phải thị hiện tướng thật đẹp để thu nhiếp hết thảy chúng sanh, đạo lý là ở chỗ này. Chỉ

vì muốn tuyên dương Giới, Định, Tinh Tấn, đây là bao gồm toàn bộ Phật pháp. Giới - Định - Tuệ Tam Học là trung tâm tu học trong pháp Tiểu Thừa, Tinh Tấn là đệ nhất thiện căn của Bồ Tát, cho nên ba thứ này hợp lại tức là Phật pháp Đại Tiểu Thừa, tất cả đều gồm thâu trong đó. Câu dưới đây lại càng đặc biệt hiếm có:

"Thông đạt thậm thâm vi diệu pháp", câu này là chỉ cho cái gì vậy? Lấy Phật pháp bình thường để nói, minh tâm kiến tánh là trong Thiền Tông nói đến, trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói với chúng ta, cái tâm là tâm tác "Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật", đây là "thậm thâm vi diệu pháp" vậy. Nếu như nghiêm

khắc mà nói, chân thật thậm thâm vi diệu pháp tức là niệm Phật vãng sanh bất thoái thành Phật, pháp môn này đích thật là thậm thâm vi diệu pháp, vì sao thế? Tất cả chư Phật đều nói nan tín chi pháp, Tịnh Độ là pháp khó tin. Một số người nghe rồi không tin, nghe xong còn phản đối, bài xích. Xin thưa với quý vị, đây là hiện tượng rất bình thường, điều này chẳng có gì ly kỳ. Tôi nghe rồi thì gật đầu nói: "Đúng, không sai, rất bình thường. Người nghe rồi liền hoan hỷ tiếp nhận, đó là không bình thường, đó là kỳ quái".

Tất cả chư Phật đều nói là pháp môn khó tin, tại sao họ lại có thể tin? Cho nên quý vị có thể tin thì là chẳng bình thường. Phần sau của bộ kinh

này đều có nói đến, quý vị có thể tin pháp môn này là vô lượng kiếp thiện căn của quý vị trong đời quá khứ, ngày nay mới phát hiện. Trong đời quá khứ của quý vị chẳng có thiện căn, phước đức, nhân duyên thật sâu, thì quý vị làm sao có thể tin được? Pháp môn này vừa tuyên dương, người ta vừa nghe thì liền tin, như vậy sao lại gọi là pháp khó tin? Nếu rất dễ tin thì chẳng thể gọi là pháp khó tin được. Cho nên một số người nghe xong không thể tiếp nhận, bài xích, đó là hiện tượng rất bình thường, chúng ta hiểu được đó là do họ nhiều đời nhiều kiếp chẳng có thiện căn này, hoặc giả có thiện căn nhưng chưa thành thục. Vậy do đây có thể biết, nhất định phải thông đạt trước, sau đó

mới có thể tuyên dương một cách thuận lợi vì đại chúng giới thiệu. Chúng ta xem bài phía dưới, sáu câu dưới đây rất quan trọng, tuy là Pháp Tạng tỳ-kheo đề ra, báo cáo về tâm đắc trong việc tu học của mình với thầy, đây cũng là điển hình mô phạm trong việc tu học của bản thân chúng ta.

Kinh văn: "Trí tuệ quảng đại thâm như hải".

Chỗ sở cầu của Phật pháp là trí tuệ, chỗ tu của Đại Thừa Thiền Tông, chẳng phải tu thiền định mà là tu trí tuệ. Quý vị xem, Lục Tổ đại sư trong Đàn Kinh, vừa mở đầu liền nói cùng mọi người: "Tổng niệm Ma Ha Bát

Nhã Ba La Mật Đa", Ngài chẳng bảo họ tu thiền định mà bảo tổng niệm Ma Ha Bát Nhả Ba La Mật Đa. Cho thấy rằng Thiền Tông Trung Hoa là tu Bát Nhã. Tông Môn, Giáo Hạ, Hiển Giáo, Mật Giáo, chẳng có tông nào chẳng dùng trí tuệ để làm mục tiêu, trí tuệ này từ đâu mà có? Từ trong Định mà có. Cho nên Định là then chốt, Trí Tuệ là mục tiêu, Định tức là tâm thanh tịnh.

Kinh văn: "Nội tâm thanh tịnh tuyệt trần lao".

Trần Lao là ô nhiễm, tức là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, những thứ này là trần lao, phải đem những thứ này đào thải cho sạch sẽ rốt ráo,

khôi phục lại tâm thanh tịnh. Thanh tịnh tâm là chân tâm, thanh tịnh tâm tức là bản tánh, Lục Tổ đại sư lúc Ngài thành tựu, hướng về Ngũ Tổ để trần thuật tâm đắc của Ngài. Ngũ Tổ truyền pháp đem kinh Kim Cang giảng cho Ngài, giảng đến chỗ "Ưng vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm", Ngài liền khế nhập, Ngài liền hiểu rõ ngay, Ngài nói ra tâm đắc của mình. Câu đầu tiên liền nói: "Hà kỳ tự tánh, bổn lai thanh tịnh", cho nên tâm thanh tịnh là bổn tâm của chúng ta, là cái tâm vốn sẵn có của chúng ta, hiện nay tâm của chúng ta không thanh tịnh là bị ô nhiễm. Như vậy công việc mà chúng ta phải làm hiện nay là làm thế nào? Từ chỗ nhiễm ô quay về với thanh tịnh, vậy thì phải thật sự tu

hành, quý vị đem cái cương lĩnh tu hành chân chánh đó nắm được, thì quý vị đã thật sự biết dụng công.

Làm cách nào đem cái tâm ô nhiễm của chúng ta khôi phục lại thành thanh tịnh? Tám vạn bốn ngàn pháp môn, Pháp là phương pháp, Môn là cửa đạo, bất luận là pháp môn nào đều vì mục tiêu này, làm thế nào từ nhiễm trở về thanh tịnh? Hôm nay chúng ta dùng phương pháp Niệm Phật, Tịnh Tông là dùng Chấp Trì Danh Hiệu, Tín - Nguyện - Trì Danh, dùng phương pháp này, tâm Tịnh tức độ Tịnh. Đã được tâm thanh tịnh rồi, xin thưa quý vị, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ có được bảo đảm, cùng với Tây Phương Tịnh Độ cảm ứng đạo giao, lúc bấy giờ vãng sanh,

có thể nói là Tự Tại Vãng Sanh. Tự tại vãng sanh này muốn ra đi lúc nào, thì sẽ ra đi lúc đó. Hôm nay chúng ta muốn đi chẳng đi được, đạo lý là ở đâu? Tâm không thanh tịnh, cùng với Tịnh Độ chẳng tương ưng, nhất định phải niệm đến tâm thanh tịnh. Phàm là đối với tâm ô nhiễm chúng ta phải cảnh giác, biết đó là sai lầm cần phải lìa bỏ.

Quý vị xem, Thế Nhiêu Vương, Ngài là quốc vương xử lý việc chính trị của quốc gia, dù làm có tốt đi nữa vẫn là nhiễm ô tâm thanh tịnh, cho nên Ngài cần phải đem ngôi vua của mình xả bỏ, phú quý xả bỏ, vì sao thế? Hy vọng đem tâm nhiễm ô trở về với thanh tịnh, đạo lý chân chánh là ở chỗ

này. Hôm nay thì giờ đã hết, chúng tôi xin giảng đến đây. A Di Đà Phật

Tập 8

Xin lật quyển kinh trang mười sáu, hàng thứ nhất, xem từ câu thứ ba:

Kinh văn: "Siêu quá vô biên ác thú môn, Tốc đáo Bồ Đề cứu cánh ngạn, Vô minh, tham, sân, giai vĩnh vô, Hoặc tận, quá vong, tam-muội lực".

Đoạn này cùng với phần trên tổng cộng là sáu câu, cũng là bài kệ tụng thứ tư, cùng với hai câu trước của bài thứ năm, hoàn toàn giảng về đức tự lợi của Bồ Tát. Bởi vì có trí tuệ sâu rộng, như đã nói ở phần trước, trí tuệ là từ trong tâm thanh tịnh sanh ra, vậy do đây có thể biết tu hành tâm thanh

tịnh, quả thật là then chốt của việc tu học. "Siêu quá vô biên ác thú môn", Ác Thú không những là chỉ cho tam ác đạo, so sánh trong lục đạo, tam thiện đạo so với tam ác đạo thì tốt hơn rất nhiều, chúng ta gọi tam ác đạo là ác thú. Nếu lấy thập pháp giới để mà nhìn, vậy là ngay đến trời, người cũng là ác thú, vì sao thế? Họ chẳng thể thoát ly sanh tử luân hồi. Trong lục đạo này, Phật trong kinh thường cảm thán rằng "Sanh tử bì lao", đây là hiện tượng chân thật. Vậy ngoài tam giới ra, có Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát. Bồ Tát vô minh chưa phá sạch muốn cùng Phật so sánh, vậy họ cũng là ác thú, cho nên ở đây trong "ác thú môn", bao hàm vô cùng rộng lớn.

"Siêu quá vô biên ác thú môn" hàm ý chân thật của câu này là siêu việt cửu pháp giới, bởi vì chúng ta sẽ nhìn thấy rất rõ ràng ở một câu phía dưới "Tốc đáo Bồ Đề cứu cánh ngạn". Chữ Cứu Cánh này là quả địa của Như Lai, bởi vì Đẳng Giác đều chưa cứu cánh, do đây có thể biết, câu "vô biên ác thú môn" ở phía trước bao gồm cửu pháp giới hữu tình chúng sanh, đây mới hiển thị ra sự thù thắng chẳng gì sánh bằng của Tây Phương Tịnh Độ. "Vô minh, tham, sân, giai vĩnh vô", Vô Minh là vọng tưởng, Tham, Sân, Si là phiền não, cũng là nói vọng tưởng, chấp trước vĩnh viễn đoạn trừ rồi. Hoặc là mê hoặc, Quá là lỗi lầm, ý trong đây nói tập khí của tam độc đều hết sạch, làm cách nào

để đoạn dứt sạch chúng nó? Tam-muội lực. Chỗ nói đến chữ Tam, chữ Tam Muội ở đây, tôi tin rằng mỗi vị đồng tu đều thể hội được, Niệm Phật tam-muội.

Trong sáu câu đó, quý vị hãy xem cho kỹ là dùng trí tuệ làm đầu, vừa mở đề là "trí tuệ quảng đại thâm như hải", và lấy tam-muội làm kết thúc, đều quy về chữ tam-muội thì ý nghĩa này mới vô cùng sâu sắc, đây là điều chúng ta cần phải biết, phải cẩn thận thể hội thâm ý của nó. Vậy do đây có thể biết hình dáng của Tam Muội tức là tâm thanh tịnh, chẳng những là Tịnh Tông, Đại Tiểu Thừa Phật pháp đều là tu tâm thanh tịnh. Bởi vì tâm thanh tịnh có cạn, sâu, thuần, tạp, chẳng đồng nhau, cho nên mới nói

Tam Thừa, mới nói quả vị đẳng sai. Thanh tịnh, phải đạt đến cứu cánh viên mãn, đây tức là cảnh giới sở chứng đắc của quả địa Như Lai. Bởi thế nên, chỉ cần là học Phật, bất luận là pháp môn nào, bất luận là tông phái nào, người biết tu, người có công phu đắc lực đều từ trên tâm thanh tịnh dụng công, cũng là nói ra sức tu tam-muội, như vậy mới là đệ tử Phật chân chánh.

Xem tiếp phần kinh văn ở dưới, đây là nói việc cầu trí tuệ, đức năng trên quả địa của Phật. Như thế mới có thể giúp cho người khác giác ngộ, là thuộc về đức giác tha. Phần trước là tự giác, tự giác nhất định phải giác tha.

Kinh văn: "Diệc như quá khứ vô lượng Phật".

Câu này chúng ta cũng phải coi trọng, muốn thành tựu trí tuệ trên quả địa của Như Lai, nhất định phải trì phụng vô lượng Phật mới có thể thành tựu vô lượng trí tuệ. Nếu chúng ta chẳng có năng lực, thật tình mà nói với nghiệp chướng sâu nặng của chúng ta hiện nay, một vị Phật cũng không gặp được, làm sao có khả năng đi trì phụng vô lượng Phật? May thay, Thế Tôn vì chúng ta giới thiệu Vô Lượng Thọ Phật, tức là đại biểu của vô lượng Phật, chúng ta có thể trì phụng Vô Lượng Thọ Phật tức là A Di Đà Phật, thì chắc chắn có cơ hội trì

phụng vô lượng Phật, điều này đến phần sau chúng ta sẽ thấy.

Kinh văn: "Vị bỉ quần sanh đại đạo sư".

Chư Phật, Bồ Tát ứng hóa tại thế gian, dùng thân phận của Phật, thân phận của Bồ Tát, giáo hóa tất cả chúng sanh, khiến tất cả chúng sanh ngay trong một kiếp vãng sanh bất thoái thành Phật, đây là "đại đạo sư", chân thật dẫn dắt chúng sanh liễu sanh tử, xuất tam giới. Vậy nói một cách khác, câu nói này đặc biệt chỉ cho ngũ trược ác thế đạo quy Cực Lạc.

Kinh văn: "Năng cứu nhất thiết chư thế gian, Sanh, lão, bệnh, tử chúng khổ não".

Cửu pháp giới hữu tình chúng sanh, đây là "nhất thiết chư thế gian", tức là vừa rồi chỗ nói ngoài lục đạo, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Bồ Tát nếu chẳng thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thì phiền não vô minh của họ cũng khó đoạn dứt, Bồ Tát cũng cầu vãng sanh. Chẳng những Bồ Tát thông thường cầu vãng sanh, trong kinh Hoa Nghiêm chúng ta thấy ngài Văn Thù, Phổ Hiền đều cầu vãng sanh Tịnh Độ, huống chi những người khác? Chúng ta cần phải cảnh giác điều này. A Di Đà Phật chỉ dùng lục tự danh hiệu

Nam Mô A Di Đà Phật, thì có thể phổ độ cửu pháp giới hữu tình chúng sanh, đây là có thể "cứu nhất thiết chư thế gian", lục tự hồng danh, công đức bất khả tư nghị.

"Sanh, lão, bệnh, tử", đây là lục đạo phàm phu, chẳng một ai có thể tránh khỏi. Trừ bốn chữ này ra, còn có "Cầu bất đắc khổ", "Ái biệt ly khổ", "Oán tắng hội khổ", "Ngũ ấm xí thịnh khổ", đây là trong rất nhiều kinh luận, Thế Tôn nói với chúng ta về Bát Khổ tám thứ khổ cùng lúc dầy vò bức bách con người trong lục đạo. Công đức của danh hiệu có thể cứu, quả thật có thể cứu, ý nghĩa này tức là trong kinh Vô Lượng Thọ hiển thị ra rất rõ ràng minh bạch chân tướng của sự thật, quả thật có thể giúp đỡ cho

chúng ta. Cái khổ lớn nhất của đời người là Tử Khổ, pháp môn này có thể dạy cho chúng ta không chết, có thể dạy chúng ta không sanh bệnh, có thể dạy chúng ta không già, chỉ cần quý vị tin được, thật sự hiểu rõ được ý thú trong kinh điển chỗ nói chịu hết lòng y giáo phụng hành. Vì nguyên nhân gì vậy? Bởi vì những thứ khổ não này bao gồm sanh, lão, bệnh, tử, bát khổ, tam khổ, căn nguyên của nó tức là vọng tưởng, chấp trước là cái căn nguyên này.

Niệm Phật tam-muội, tâm thanh tịnh thì có thể đem những thứ bệnh căn này nhổ trừ, bệnh căn đã nhổ mất rồi thì sự tướng của những thứ khổ não này tự nhiên sẽ chẳng còn nữa, cho nên đây là phương pháp chân

chánh để trị tận gốc. Phật đã truyền thọ cho chúng ta rồi, vấn đề là chính chúng ta có chịu chấp nhận hay không? Quả nhiên hoàn toàn chấp nhận rồi, chấp nhận một trăm phần trăm thì xin chúc mừng quý vị, bệnh gì quý vị cũng chẳng còn nữa. Nếu như chấp nhận được tám phần, vậy thì quý vị vẫn còn hai phần khổ não, quý vị vẫn chưa hoàn toàn thoát khổ.

Do đây có thể biết Phật là toàn bộ chỉ dạy cho chúng ta, xem chính chúng ta lý giải được bao nhiêu, chịu chấp nhận được bao nhiêu, sau đó trong sinh hoạt hằng ngày của chính chúng ta có thể làm được bao nhiêu. Đây đều là việc bên này của chính chúng ta, Phật đã dạy hết rồi. Phần dưới là nói về hành vi sinh hoạt vô

cùng cụ thể, đây là hành vi sinh hoạt khỏe mạnh, hành vi sinh hoạt vui tươi, là hành vi sinh hoạt bình thường của chư Phật, Bồ Tát. Chúng ta phải biết cách làm, đương nhiên càng phải biết vì sao phải làm.

Kinh văn: "Thường hành Bố Thí cập Giới, Nhẫn" Tinh Tấn, Định, Huệ, lục Ba La".

"Thường" là vĩnh viễn không gián đoạn, "hành Bố Thí", bố thí là gì? Là buông xuống, là Xả. Quý vị phải chịu xả, phải chịu buông xuống, buông cái gì đây? Phàm là nhiễm ô tâm thanh tịnh của chúng ta, tất cả phải buông xuống hết, tất cả phải xả bỏ hết. Thế gian danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục

trần, tham, sân, si, mạn đều là những thứ làm nhiễm ô tâm thanh tịnh, đều là bệnh căn của sanh, tử, phiền não, sao chẳng có thể xả? Cho nên phải đem nó xả bỏ cho thật sạch sẽ rốt ráo, cho nên dạy quý vị bố thí. Người thế gian nghe đến Phật pháp, biết Phật pháp là hay, Bồ Tát đã tu Bố Thí Ba La Mật rồi, cũng đều nói ra được điều này, vì sao tự mình không chịu làm? Vì là xả không nổi, nói một cách khác, không buông nổi, vì sao chẳng thể buông xuống? Sinh hoạt của chúng ta quá khổ, khó khăn lắm mới tạo được, rất khó mới tạo được, bảo quý vị phải bỏ, đương nhiên cũng khó.

Chúng ta chẳng biết nhân quả ở bên trong, chẳng biết cái đạo lý bên trong, cho nên mới có rất nhiều

chướng ngại, bởi thế nhất định phải thường thường đọc tụng kinh điển Đại Thừa, phải thể hội giáo nghĩa trong kinh Đại Thừa. Đạo lý hiểu rõ rồi, nhân quả rõ ràng rồi thì quý vị sẽ tự nhiên chịu xả ngay, tự nhiên quý vị sẽ chịu buông xuống, lý đã hiểu rõ rồi, trong tâm khai giải rồi, chúng ta sở dĩ chẳng chịu xả vì e sợ sinh hoạt của mình có khó khăn. Thí dụ nói sau khi xả bỏ tài phú rồi, thì ngày tháng của tôi cũng sẽ rất khổ sở, cái này là do tự chúng ta đang tạo vọng tưởng, nghĩ sai rồi, chẳng phải là chân tướng của sự thật. Cái tiền tài đó càng xả thì cuộc sống của quý vị sẽ càng tự tại, càng phong phú, hoàn toàn cùng với sự tưởng tượng của chúng ta tương phản.

Chúng ta không rõ đạo lý, chẳng biết được chân tướng của sự thật, cho nên trong lòng mới có khan tham. Tham là tham cầu, Khan là không xả được, nên mới có nhiều bệnh như vậy, cho nên xả Tài thì tiền tài của quý vị quyết định không thiếu thốn, quý vị bố thí Pháp nhất định được thông minh trí tuệ, quý vị có thể giúp đỡ tất cả những người chịu khổ chịu nạn, giúp những chúng sanh này thì quý vị nhất định sẽ khỏe mạnh trường thọ, nhân duyên quả báo tơ hào chẳng sai. Bồ Tát tu Bố Thí, đem bố thí liệt vào trong đệ nhất cương lĩnh tu hành, cho thấy nó quan trọng vô cùng.

Phía dưới là chữ "Giới", Giới là trì giới, sáu đại cương lĩnh của Bồ Tát Hạnh, phạm vi của việc trì giới này

vô cùng rộng lớn, là nghĩa rộng chẳng phải nghĩa hẹp. Nói nghĩa rộng là sao? Tức là thủ pháp, tất cả những lời giáo huấn của Phật đối với chúng ta, chúng ta phải tuân thủ, chẳng chỉ là nói Ngũ Giới, Thập Giới, Tỳ-kheo Giới, Bồ Tát Giới. Cái giới điều này không chỉ là những giới này, phạm vi đó quá nhỏ hẹp, tất cả những điều dạy bảo chúng ta đều phải tuân thủ. Ngoài việc này ra, sống tại thế gian ngày nay chúng ta không thể rời khỏi xã hội, không thể rời khỏi quần chúng, chúng ta phải sống chung với xã hội đại chúng. Để duy trì xã hội, quốc gia có hiến pháp, địa phương có luật pháp quy chương, những phong tục tập quán thông thường chẳng có văn tự ghi chép. Như phong tục tập quán,

quan niệm đạo đức, chúng ta đều có nghĩa vụ phải tuân thủ, mới có thể duy trì sự an định, phồn vinh của xã hội, điều này là trong Trì Giới.

Điều thứ ba, phải "Nhẫn Nhục", nhẫn nhục tất cả sự việc, chúng ta phải có lòng nhẫn nại, phải nhẫn nại. Xử sự, đối người, tiếp vật, đều phải nhẫn nại, còn tu học thì sao? Càng phải nhẫn nại được. Trong kinh Kim Cang, Phật nói với chúng ta "Nhất thiết pháp đắc thành ư nhẫn", câu nói này đích thật là chân lý, bất luận là Phật pháp, thế pháp, chúng ta đều phải có cái tâm nhẫn nại. Duy chỉ có tâm nhẫn nại mới có thể đạt đến thành tựu viên mãn.

Phía dưới là "Tinh Tấn", tôi thiết nghĩ câu này người hiện đại có cảm

xúc rất sâu, thời đại này đang tiến bộ không ngừng, đặc biệt là khoa học ngày càng mới lạ, đều đang cầu tiến bộ. Tấn tức là tiến bộ, tuy nhiên Phật dạy cho chúng ta phải tinh tiến, Tinh là thuần mà chẳng tạp, không phải tạp tiến, chẳng phải loạn tiến, là tinh tiến. Điều này dùng cho pháp thế gian cũng vô cùng chính xác, chúng ta học ở trường, khoa hệ mà ta học, một môn tinh tiến quý vị sẽ rất dễ thành tựu, bước vào xã hội, làm bất cứ một ngành nghề nào, quý vị tinh tiến trong ngành nghề của mình, quý vị cũng sẽ rất dễ thành tựu. Cùng một đạo lý, học Phật pháp cũng chẳng ngoại lệ, trong Phật pháp vô lượng pháp môn, pháp môn vô lượng này chẳng phải buộc chúng ta môn nào cũng phải học,

chẳng phải như vậy. Là muốn chúng ta một môn thâm nhập, chẳng phải bảo chúng ta môn môn đều phải học, duy chỉ có một môn mới vào được, cho nên phải tinh tiến, hai môn, ba môn sẽ không vào được.

Giống như giảng đường của chúng ta đây, quý vị xem, ba mặt đều có rất nhiều cửa, quý vị muốn vào chỉ có thể đi vào một cửa, quý vị muốn cùng một lúc đi vào hai, ba cửa, quý vị cứ thử xem, có vào được hay không? Thế nhưng, trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện rõ ràng lại nói: "Pháp môn vô lượng thệ nguyện học", như vậy nghĩa là sao? Quý vị phải biết, đó là sau khi đã vào cửa rồi, quý vị có thể thông đạt tất cả pháp môn để giúp đỡ tất cả mọi người, quý vị xem xét

họ thuộc về căn cơ nào thì quý vị chỉ họ đi từ cửa đó mà vào, cho nên cửa nào quý vị cũng phải biết. Còn khi tự mình nhập môn là chỉ một cửa thôi, một môn vào được rồi thì môn môn đều thông đạt hết. Trong Phật môn chúng ta thường nói, giảng kinh là một bộ kinh thông thì tất cả kinh đều thông, là đạo lý như vậy. Vậy nói một cách khác, chúng ta muốn thông tất cả kinh, làm cách nào để thông đây? Một bộ kinh thông rồi, thì tất cả kinh đều thông, phải biết đạo lý này.

Nếu quả nhiên quý vị hiểu rõ như vậy rồi, thì học Phật sẽ chẳng khó, không hiểu rõ đó mới thật là khó, cho nên quý vị phải thật thông một bộ kinh. Rốt cuộc phải thông đến đâu mới gọi là thông? Phải thông đến Tự

Tánh đó mới là Thông. Nhà Thiền nói minh tâm kiến tánh, kiến tánh thì là thông, Giáo Hạ nói đại khai viên giải, sự đại khai viên giải này cùng với minh tâm kiến tánh của Thiền Tông là đồng một cảnh giới, là một sự việc chỉ là cách nói có khác, vậy thì là Thông. Còn Tịnh Độ Tông chúng ta thì sao? Gọi là Nhất tâm bất loạn. Cho nên chỉ cần quý vị đạt được đến chỗ nhất tâm bất loạn, vậy là quý vị đã Thông rồi. Cho nên nhất tâm bất loạn, đại khai viên giải, minh tâm kiến tánh, danh từ tuy khác, sự thật chỉ là một việc cùng là một cảnh giới, vì sao đến cảnh giới này thì tất cả đều thông? Bởi vì Phật nói với chúng ta, đương nhiên đó là sự thật. Thế, xuất thế gian, tất cả các pháp đều là từ Tự

Tánh lưu xuất ra, đã kiến tánh rồi, vậy còn một pháp nào mà lại chẳng thông? Đương nhiên là thông đạt, đương nhiên hiểu rõ.

Thế, xuất thế gian đều có thể thông đạt hiểu rõ, đây là điều mà người học Phật chẳng thể không biết, khi quý vị thật sự hiểu rõ, quý vị mới một lòng một dạ một môn thâm nhập. Vậy thì trong Tịnh Tông của chúng ta, chúng ta niệm Phật, chúng ta tu hành, mục đích của chúng ta tức là cầu Niệm Phật tam-muội. Niệm Phật tam-muội thành tựu rồi, đó là điều mà chúng ta đã nói ở phía trước, "trí tuệ quảng đại thâm như hải, nội tâm thanh tịnh tuyệt trần lao", cảnh giới này lập tức sẽ hiện tiền, cho nên phải tinh tiến. Tối kỵ nhất là tạp tiến, loạn

tiến, đó thì rất khó thành tựu, bởi thế, học điều gì chẳng thể học tạp nhạp. Trong Tây Phương Xác Chỉ, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát nói với chúng ta: "Niệm Phật, tối kỵ là xen tạp", xen tạp thì rất khó thành tựu. Chẳng những không thể xen tạp pháp thế gian, Phật pháp cũng không thể xen tạp. Tỷ như nói chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, công khóa của chúng ta mỗi ngày chỉ niệm kinh Vô Lượng Thọ hoặc giả niệm kinh A Di Đà, đây tức là chuyên. Ngoài kinh A Di Đà ra, ta còn phải niệm kinh Kim Cang, còn phải niệm Phổ Môn, còn phải niệm kinh Dược Sư, rồi lại phải lạy Đại Bi Sám, đây gọi là xen tạp, vậy cái tiến này là loạn tiến. Quá nhiều thì loạn tiến, hỗn loạn tạp nhạp

là tạp tiến, việc này rất khó mà thu được hiệu quả, cho nên phải biết Chuyên.

Vậy những người thích bái sám, chư Phật, Bồ Tát quả có phương tiện, có Tịnh Độ Sám, nói tóm lại đều chẳng xả bỏ pháp môn này, như thế là đúng. Như lão cư sĩ Hạ Liên Cư biên soạn quyển Tịnh Tu Tiệp Yếu, đây là sám pháp đơn giản nhất, nếu vẫn còn chê chưa đủ, Ngài soạn riêng một bộ Bảo Vương Tam Muội Sám, điều này là được vì đều thuộc về Tịnh Tông, cái này dùng cho những người thích bái sám. Kỳ thật, bất luận là bái sám gì đều chẳng tốt bằng bái A Di Đà Phật, đây mới gọi là tinh chuyên thật sự tinh tiến, sau khi tinh tiến tất có định, chúng ta thường gọi là Thiền

Định. Thiền Định là cách gọi chung, tuyệt đối chẳng phải chỉ cho việc ngồi thiền trong Thiền Tông tu thiền, đó gọi là Thiền Định. Thiền Định trong lục độ là tâm có chủ tể, không thể bị ngoại cảnh bên ngoài cám dỗ, đây gọi là Định. Chúng ta cử một thí dụ trong thế gian pháp, hiện nay ở nơi chợ búa bất luận là sản phẩm gì đều là rất mới lạ, quý vị xem rồi không động tâm, đây là quý vị có Định, đã được Định rồi chẳng thể bị cám dỗ.

Trong việc tu hành rất nhiều pháp môn, rất nhiều phương thức, quý vị nghe qua rồi, quý vị nhìn thấy rồi, tôi vẫn là chỉ niệm A Di Đà Phật của tôi cũng không bị nó lây động, chẳng thể vừa nhìn thấy, "Ôi chao! Có một vị thiền sư mới tới chúng ta đi học ngồi

thiền, đằng kia có một vị thượng sư Mật Tông đến tôi phải theo học niệm chú”, như thế thì đã sai. Cái này tức là quý vị không có Định, cái tâm của quý vị duyên theo cảnh giới mà chuyển, quý vị chẳng làm được chủ tể, cho nên cái Định này là trong tâm có chủ tể không thể bị ngoại cảnh lay chuyển, đây gọi là Thiền Định. Cho đến sinh hoạt hằng ngày của chúng ta, chúng ta tự có quy luật của mình cũng chẳng bị hoàn cảnh chuyển biến, những thứ này đều gọi là Định.

Tuệ, đơn giản mà nói ta có khả năng phân biệt chân giả, hiện nay thế gian này đồ giả nhiều lắm phải có khả năng phân biệt, ngay cả đến Phật pháp cũng có giả. Có chân có giả, có tà có chánh, có thị có phi, có lợi có

hại, quý vị có khả năng phân biệt, đây là trí tuệ. Do đây có thể biết trong Bồ Tát Hành Môn, sáu thứ cương lĩnh này hoàn toàn là dạy cho chúng ta trong sinh hoạt hằng ngày, sinh hoạt của chúng ta cho đến tiêu chuẩn đối người, tiếp vật, xử sự, chúng ta phải phù hợp với tiêu chuẩn này gọi là lục Ba La Mật. Ba La là tiếng Phạn, ý nghĩa là viên mãn, công đức viên mãn. Chúng ta hết lòng tu học thì sẽ nhất định đạt được nguyện vọng sở cầu về việc tu học của chính mình, "Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng".

Kinh văn: "Vị độ hữu tình linh đắc độ, Dĩ độ chi giả sử thành Phật, Giả linh cúng dường Hằng sa thánh,

Bất như kiên dũng cầu Chánh Giác”.

Trong bài thứ bảy này đặc biệt là hai câu sau cùng, vô cùng quan trọng, cho chúng ta sự khải thị rất lớn, đều là yêu cầu chúng ta phải học tập ngay trong sinh hoạt của mình. Người chưa được độ đang vây quanh bốn phía chúng ta, bà con quyến thuộc trong nhà, hàng xóm, đồng hương, bạn bè, bạn học, người đồng sự của chúng ta, rất nhiều người chưa được tiếp xúc với Phật pháp, chưa được độ, chúng ta làm quen với họ, quen biết tức là duyên phần. Tôi học Phật rồi, tôi biết được cái hay của Phật pháp, tôi phải đem Phật pháp giới thiệu cho họ, đây là gì? Đây là trách nhiệm của chúng

ta, là nghĩa vụ của chúng ta. Tôi quen thân với họ, phải đem Phật pháp giới thiệu cho họ, đây tức là người chưa được độ nên cần độ họ, còn những người chúng ta chưa quen biết, người xa lạ, mặc dù là chẳng quen xa lạ, chúng ta cũng có cái tâm độ họ, tâm nguyện này chẳng thể không có.

Cũng phải có một số thiện xảo phương tiện, thí dụ chúng ta là người học Phật, bất luận đi đến chỗ nào quyển sách nhỏ về Phật pháp nên mang theo vài quyển bên mình, vì sao vậy? Biết đâu gặp được người quen thì có thể tặng họ một quyển. Nếu như không có những quyển sách này, chúng ta in rất nhiều danh thiếp, như vật sẽ dễ dàng mang theo. Thường giữ tâm này, thường có ý niệm này,

đem Phật pháp đi khắp nơi truyền cho mọi người. Mỗi một lần tôi đi máy bay, có cái túi ở trước mặt chỗ ngồi của tôi, tôi đều bỏ vài quyển kinh, khi chúng tôi xuống máy bay, quyển kinh đó vẫn để nơi đó cho người đi sau xem. Chúng tôi có những ý niệm như vậy, chúng tôi in rất nhiều, tùy ý mọi người lấy, lấy hết chúng tôi lại in tiếp, phải có cái tâm như vậy. Thường xuyên mang cái tâm này để giúp đỡ cho mọi người, người xa lạ chúng ta còn phải giúp, huống hồ là người quen biết!

"Dĩ độ chi giả" nghĩa là người đã học Phật đối với Phật pháp có tín ngưỡng rất sâu, nên khuyên những người này niệm Phật vãng sanh, khiến cho họ thành Phật. Chúng ta biết được

trong tất cả các pháp môn, ngay trong một kiếp này quyết định có thể thành Phật chỉ có niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, cho nên chúng ta phải đem pháp môn này giới thiệu cho những người đã học Phật rồi. Họ không thể tiếp nhận, đó là do họ có chướng ngại, nếu có chướng ngại chúng ta phải có tâm nhẫn nại, từ từ chờ đợi, khi nghiệp chướng của họ tiêu trừ rồi thì họ sẽ hồi đầu. Cho nên phải có tâm nhẫn nại và phải có thể giúp đỡ họ một cách hoan hỷ.

Hai câu dưới đây quá hay "Giả linh cúng dường Hằng sa thánh", đây là nói về biệt hạnh của chúng ta tu học những pháp môn khác, ý nghĩa là ở chỗ này. Thánh là thánh nhân, Hằng Sa là con số, chư Phật, Bồ Tát, A La

Hán nhiều như số cát của sông Hằng, quý vị cúng dường được nhiều như vậy, phước báo của quý vị đương nhiên rất lớn rất lớn. Phước báo lớn, không thể liễu sanh tử, quý vị phải biết điều này, quý vị xem trong Bảo Đàn kinh, Thiền Tông Lục Tổ Huệ Năng đại sư có nói: "Phước báo chẳng thể cứu", chữ Cứu là nói cái sanh tử luân hồi này vậy, phước báo dù có lớn hơn nữa cũng chẳng cứu được, câu này là nói về tu phước. "Bất như kiên dũng cầu Chánh Giác", Kiên là lòng tin kiên cố vững chắc, chí nguyện kiên cố vững chắc, dũng mãnh tinh tấn để cầu vãng sanh, Chánh Giác ở đây là thành Phật, duy chỉ có vãng sanh bất thoái mới có thể thành Phật. Đây là chúng ta y theo

pháp môn này, ngay trong một đời quyết định có thể thành tựu, cũng tất là bảo nguyện làm cho tất cả chúng sanh lão thật niệm Phật. Chữ Chánh Giác ở đây, chúng ta có thể trực tiếp nói là vãng sanh.

Kinh văn: "Nguyện đương an trụ tam-ma-địa, Hằng phóng quang minh chiếu nhất thiết".

Cầu thành Phật nhất định phải nhiếp Phật Tịnh Độ, như vậy mấy câu này là Pháp Tạng tỳ-kheo hướng về thầy của Ngài đề ra báo cáo về tâm đắc của Ngài, đây đều thuộc về tâm đắc của sự tu học của chính Ngài. Thành tích của Ngài, thành tựu của Ngài cũng là trung tâm của bốn mươi

tám nguyện về sau. "Hằng phóng quang minh chiếu nhất thiết", Tịch mà thường chiếu trí tuệ quang minh, nguyện lực chẳng bỏ tất cả chúng sanh, đức Di Đà đáng được người tán thán, đáng được người bội phục, trên nhân địa khi vừa phát tâm, cái tâm đó thù thắng ngay; quả thật chẳng ai có thể sánh bằng. Ngài chẳng có một ý niệm tự tư tự lợi, chẳng có, niệm niệm đều vì tất cả chúng sanh, niệm niệm hy vọng tất cả chúng sanh được thành tựu viên mãn rốt ráo. Hôm nay Ngài đã nhân viên quả mãn, cho nên cảm được thập phương chư Phật Như Lai đều tán thán, vì sao thế? Tâm nguyện ở nhân địa của chư Phật Như Lai chẳng sánh bằng đức A Di Đà Phật, trong phần kinh văn này, chúng

ta có thể hoàn toàn thấy được điều này.

Kinh văn: "Cảm đắc quảng đại thanh tịnh cư, Thù thắng trang nghiêm vô đẳng luân".

Hai câu này giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới, đây là cái thế giới cực lạc do nguyện lực của A Di Đà Phật hiện thành, "thù thắng trang nghiêm vô đẳng luân", đây là nói sơ lược về trạng huấn thù thắng.

Kinh văn: "Luân hồi chư thú chúng sanh loại, Tốc sanh ngã sát thọ an lạc".

Điều này thật là phi thường, Luân Hồi lúc nãy đã nói Ác Thú, chúng sanh trong lục đạo luân hồi. Chư Thú thì bao gồm cả A Tỳ địa ngục. Nguyện vọng của Pháp Tạng tỳ-kheo là mong những chúng sanh này nhanh chóng vãng sanh Cực Lạc thế giới, đến sát độ đó của Ngài hưởng thụ an lạc, đó là nơi thật sự an lạc, chân thật an lạc. Quay đầu nhìn lại thế giới của chúng ta, thật đúng như lời Phật nói trong kinh Bát Đại Nhân Giác, là quốc độ "nguy thúy", chẳng có thể gọi là an cư lạc nghiệp, an cư lạc nghiệp là huyễn tưởng của chúng ta, chẳng phải là sự thật. Trong những danh từ này đều có quan hệ nhân quả, Lạc là quả, An là nhân. Nếu như thân tâm chẳng an thì làm sao có lạc? Vậy

làm thế nào mới được an? Bình thì là An, bình an mà. Tâm bình thì tự nhiên an, bất bình thì lấy đâu có an? Chẳng có An thì quyết định chẳng có Lạc. Vậy là làm sao để được Bình? Hòa bình. Hòa rất quan trọng, cho nên Phật dạy chúng ta phải tu Lục Hòa Kính. Hòa thì tâm sẽ Bình, Bình thì được An, An thì được Lạc, nó là nhân quả hỗ tương. Cho nên Lục Hòa Kính này vô cùng quan trọng, Lục Hòa Kính là cái nhân chân thật của sự an lạc. Đây là nói rõ, sau khi đức Di Đà thành Phật đích thật là thù thắng siêu tuyệt.

Kinh văn: "Thường vận từ tâm bạt hữu tình".

Đây là đại từ đại bi, Thường là không gián đoạn, là trên mặt thời gian mà nói, Phật lấy tâm đại từ đại bi để giúp đỡ những chúng sanh hữu tình này.

Kinh văn: "Độ tận vô biên khổ chúng sanh".

Còn chữ Vô Biên này là nói về mặt không gian, chữ Thường là nói về thời gian. Nói một cách khác, bi nguyện, bi tâm của Ngài là tận hư không biến pháp giới; phạm vi này quản đại chẳng chi sánh bằng, chẳng phải một khu vực, một quốc gia, một thế giới, mà là tận hư không biến pháp giới tất cả những chúng sanh khổ nạn, Ngài đều niệm niệm không quên. Tâm lượng này thật lớn biết bao,

cũng giống như Địa Tạng Vương Bồ Tát, chúng sanh chẳng thể độ hết thề không thành Phật. Ở chỗ này, chúng ta thấy được sự vĩ đại của A Di Đà Phật, cũng tức là nói, nhất định phải giúp đỡ những chúng sanh khổ não này, giúp họ ngay trong một đời này thành Phật; đây là bổn nguyện của đức Di Đà. Thật tại mà nói, đó cũng là nguyện vọng chung của tất cả chư Phật; Đức A Di Đà Phật, Ngài đã làm được, chư Phật Như Lai vẫn chưa làm được, vì sao Ngài làm được? Ngài dùng phương pháp xảo diệu nhất, dễ dàng nhất, là dùng lục tự hồng danh.

Cho nên tất cả chư Phật Như Lai đều tán thán A Di Đà Phật, đều hộ niệm A Di Đà Phật, là nguyện vọng chung của các Ngài; Ngài đã thực

hiện được, quý vị bảo, có một vị Phật nào mà chẳng hoan hỷ chứ? Cho nên tất cả chư Phật độ chúng sanh thành Phật đạo, độ bằng cách nào? Đều là đem tất cả chúng sanh này giới thiệu đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều trao tặng cho A Di Đà Phật; cũng giống như Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật của chúng ta, Ngài thành tựu cho chúng ta bằng cách nào? Khuyên chúng ta niệm Phật vãng sanh Cực Lạc thế giới. Tất cả chư Phật của thập phương thế giới đều như Thích Ca Mâu Ni Phật, đều khuyên mọi người vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, đến nơi đó để tiếp nhận sự giáo hóa của A Di Đà Phật. Ngay trong một đời bất thoái thành Phật, chẳng có con đường nào nhanh chóng

bằng con đường tắt để thành Phật này. Đến chỗ này là ngài Pháp Tạng đã đem nguyện vọng, sự thành tựu trong việc tu học báo cáo ra rồi, và sau cùng là thỉnh Phật làm chứng minh.

Kinh văn: "Ngã hạnh quyết định kiên cố lực, Duy Phật thánh trí năng chứng tri".

Hoằng thệ của Bồ Tát, chỉ có Phật mới có thể chứng minh cho các Ngài.

Kinh văn: "Túng sử thân chỉ chư khổ trung. Như thị nguyện tâm vĩnh bất thoái".

Hai câu này, chúng ta cần phải học tập, Bồ Tát tự hành, hóa tha;

trong đời quá khứ của chính mình, nghiệp chướng, tập khí từ vô lượng kiếp đến nay, tuy có hoằng nguyện tiêu trừ, tuy có chư Phật gia trì, thế nhưng vẫn không tránh khỏi một số chướng nạn. Từ lúc Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện giáo hóa chúng sanh, từ trong truyện ký, trong kinh điển, chúng ta thấy được, Ngài thành Phật cũng chịu nhiều thử thách và thất bại. Trong số học trò, đồ đệ của Ngài, cũng có hạng chẳng vâng lời, cũng có thứ nghịch ngợm phá phách; nhóm sáu tỳ-kheo này, hằng ngày đều mang đến phiền phức cho Phật. Còn tại Trung Hoa, Thiền Tông Lục Tổ Huệ Năng đại sư, sau khi đắc pháp tại Hoàng Mai, có nhiều người chẳng phục, muốn tìm Ngài để thanh toán,

thậm chí muốn mưu hại Ngài, khiến Ngài phải chạy vào trong đội thợ săn để tị nạn. Ngài trốn hết mười lăm năm mới ra, đây đều là Phật, Bồ Tát làm cái gương cho chúng ta xem, chúng ta, tự mình sống trong thời đại này, cho dù là thành tâm thành ý, nhiệt tâm để hoằng pháp lợi sanh, song chướng nạn quyết định chẳng thể tránh miễn được.

Khi gặp những thất bại thử thách này, phải có tâm nhẫn nại, phải nghĩ đến những lời giáo huấn của Pháp Tạng tỳ-kheo, "Túng sử thân chỉ chư khổ trung, Như thị nguyện tâm vĩnh bất thoái"; Nguyện và Hạnh tương hợp nhau đấy, thì chúng ta mới có thể thành tựu, có Nguyện có Hạnh. Nếu như có Nguyện chẳng có Hạnh thì

nguyện này là giả, chúng ta phải biết điều này; chính chúng ta, rất nhiều người, có nguyện nhưng chẳng làm nổi, ngày ngày đều ở trước Phật, Bồ Tát phát nguyện, nhưng một lần cũng chưa từng làm, thì Nguyện này gọi là Không Nguyện, điều này chẳng thể được. Vậy thì có Hạnh mà chẳng có Nguyện thì sao? Cũng không được. Vì sao vậy? Vì họ chẳng có mục tiêu, chẳng có phương hướng; thì giống như người đi đường, chịu đi thì đi, chẳng biết đi đâu, không biết phải đi đến chỗ nào, cách này cũng chẳng thể thành tựu. Cho nên nhất định phải Hạnh và Nguyện tương hợp, mới có thể thành tựu.

Cầu sanh Tịnh Độ, mỗi vị đồng tu chúng ta đều phát tâm cầu sanh Tịnh

Độ, thì nhất định phải có Đại Nguyện, phải cầu Thượng Thượng Phẩm vãng sanh; đừng học theo cách nói là: "Tôi vãng sanh Hạ Hạ Phẩm là được rồi". Người xưa thường nói, cầu Thượng Thượng Phẩm, nếu như chẳng được, vẫn còn có thể có được Trung Phẩm vãng sanh; nếu như quý vị đem mục tiêu đặt vào Hạ Phẩm, vậy cơ hội chẳng được vãng sanh sẽ rất nhiều, chỗ gọi là thủ pháp hồ thượng, thì chỉ được hồ trung, nếu thủ pháp hồ hạ thì chẳng đạt được mục tiêu. Cho nên nguyện vọng của chúng ta là phải Thượng Thượng Phẩm, cố gắng tiến lên thượng du, đây là chính xác; đương nhiên, đối với phẩm vị đừng so đo, đừng chấp trước, ta nhất định nỗ

lực, ta nhất định hướng thượng, như vậy là chính xác.

Vậy muốn phẩm vị tăng cao, nhất định phải y chiếu lời giáo huấn của Tịnh Độ Tam Kinh, phải đem Tam Kinh là Vô Lượng Thọ Kinh, Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh và A Di Đà Kinh, học cho thuộc, thuộc làu làu, phải thông hiểu rõ ràng. Chẳng những phải thuộc, còn phải liễu giải, phải hiểu rõ; đem những lời giáo huấn trong kinh chỗ nói, biến thành tư tưởng của chính mình, biến thành nguyện vọng của chính mình, biến thành hành vi của chính mình. Như vậy thì trong sinh hoạt hằng ngày, xử sự, đối người, tiếp vật, đều được tương ưng cùng với lời giáo huấn trong kinh điển chẳng trái ngược.

Đây, không những cùng với Di Đà, Thích Ca, cho đến cùng với thập phương chư Phật đồng tâm, đồng nguyện, đồng giải, đồng hạnh; cái duyên này thù thắng không chi sánh bằng, khi vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thì phẩm vị đương nhiên cao, đây là đạo lý nhất định vậy. Cho nên chúng ta phải ghi nhớ "Như thị nguyện tâm vĩnh bất thoái". Lại xem tiếp phẩm dưới.

Chí Tâm Tinh Tấn - Đệ Ngũ

Phẩm này muốn giới thiệu Giải môn của Giải - Hạnh hai môn; Chí tâm tinh tấn, các thứ tâm hạnh, chí thành vô thượng. Những gì chúng ta sẽ học tập trong phẩm này rất nhiều

rất nhiều, người xưa thường nói, "Nhập đạo yếu môn, phát tâm là hàng đầu"; cho nên phát Bồ Đề tâm vô cùng quan trọng. Tu hành tất phải lập nguyện trước tiên, chúng ta muốn tu hành, trước tiên phải có nguyện; nếu chẳng có Nguyện thì sự Hạnh này chẳng có phương hướng, chẳng có mục tiêu, Hạnh sẽ không đạt mục tiêu. Chúng ta xem phần kinh văn:

Kinh văn: "Pháp Tạng tỳ-kheo thuyết thử kệ dĩ, nhi bạch Phật ngôn: Ngã kim vi Bồ Tát đạo, dĩ phát Vô Thượng Chánh Giác chi tâm, thủ nguyện tác Phật, tất linh như Phật. Nguyện Phật vị ngã quảng tuyên kinh pháp, ngã đương phụng trì, như pháp tu hành".

Đây là nói rõ, Ngài đã thật sự phát nguyện, đích thật phù hợp với lời dạy bảo của cổ đức; Ngài nói với thầy của Ngài rằng: "Ngã kim vi Bồ Tát đạo", đây chẳng phải vì mình, Bồ Tát là lấy việc độ chúng sanh làm mục tiêu. Cho nên chúng ta cũng phải nên thường thường phản tỉnh, phản tỉnh trong một đời này của chúng ta rốt cuộc là vì cái gì? Sau khi đã giác ngộ, Pháp Tạng, Ngài là vì Bồ Tát đạo, còn chúng ta, là vì cái gì? Nếu chẳng phải vì Bồ Tát đạo, xin thưa quý vị, thì là vì lục đạo luân hồi. Đây đều là sự thật chân chánh, những gì chúng ta nghĩ, chúng ta làm, hoàn toàn là tạo cái nghiệp lục đạo luân hồi; thì làm sao có thể thoát ly khổ hải chứ? Cho nên ở chỗ này

chúng ta có cảnh giác rồi, nhìn xem người ta, người ta làm quốc vương, họ làm đó là nghiệp luân hồi. Xả bỏ ngôi vua, không cần nữa để xuất gia tu đạo, vì Bồ Tát đạo thì đã siêu việt luân hồi, cho nên họ sống có mục tiêu, tu học có phương hướng. Ta đã phát cái tâm Vô Thượng Chánh Giác, đây tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác; như Thiện Tài đồng tử đi tham phỏng thiện tri thức, vừa mở miệng là nói, tôi đã phát "A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề tâm", cùng với ý nghĩa của câu nói này hoàn toàn giống nhau. Vô Thượng Chánh Giác nói ở chỗ này tức là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.

"Thủ nguyện tác Phật", học Phật rồi, quý vị xem, mục tiêu phương

hướng của người ta chính xác; ta học Phật để làm gì? Học Phật tức là để làm Phật. Vậy thì thử nghĩ, chúng ta ngày nay học Phật, chúng ta cầu cái gì? Cầu Phật, Bồ Tát bảo hộ chúng ta thăng quan phát tài, cầu thân thể ta mạnh khỏe, người nhà bình yên vui vẻ; là cầu những thứ này, có phải tệ hại hay chăng? Chỗ cầu đó vẫn là lục đạo luân hồi. Khẩu khí của người ta khác hẳn, họ là đến để làm Phật, cho nên họ thành Phật, còn trong tâm chúng ta chẳng có cái niệm này, cho nên đời đời kiếp kiếp đều chẳng được làm Phật; nguyên nhân là ở chỗ này, chúng ta không thể chẳng biết. Ngày nay chúng ta muốn học Phật, chúng ta liễu rõ rồi, chúng ta nhất định phải phát nguyện làm Phật, cùng A Di Đà

Phật như nhau; chẳng những tương lai đến Tây Phương Cực Lạc thế giới cùng A Di Đà Phật như nhau, mà ngay bây giờ tâm hạnh của chúng ta cũng phải cùng A Di Đà Phật như nhau.

Tư tưởng hành vi của A Di Đà Phật là ngay trong quyển kinh này, chúng ta ngày ngày tụng kinh này, hy vọng đem chỗ nói trong kinh điển đều biến thành hành vi của chính mình; đây gọi là học Phật đấy. Bởi vì Ngài muốn làm Phật nên mới yêu cầu thầy dạy cho mình phương pháp để làm Phật. "Nguyện Phật vị ngã quảng tuyên kinh pháp", đây là cầu pháp đấy, cầu cái phương pháp; "Quảng tuyên kinh pháp", là pháp môn vô lượng thệ nguyện học. "Ngã đương phụng trì,

như pháp tu hành", hai câu này vô cùng quan trọng, đây là thái độ thỉnh pháp của kẻ làm học trò; nếu như chẳng có thái độ này, thầy đã giảng cho quý vị rồi, giảng rồi vẫn như cơn gió thoảng qua tai, giảng cho quý vị rồi vẫn chẳng làm được, vậy giảng chẳng phải là luống công hay sao? Vậy thì thầy sẽ chẳng giảng cho quý vị. Còn Ngài là thật, Ngài phụng trì, như pháp tu hành, nói một cách khác, Ngài thật sự thực hành, thầy dạy Ngài thế nào thì Ngài làm thế đó, một trăm phần trăm, lão lão thật thật để làm, đây đích thật là một học trò giỏi; một vị thầy gặp được học trò như vậy thì nhất định rất thật lòng, rất dụng tâm để chỉ dạy; đây là thái độ của kẻ làm học trò.

Kinh văn: "Bạt chư cần khổ sanh tử căn bổn".

Mục tiêu thứ nhất của việc tu hành là phải thành tựu đức hạnh của chính mình; muốn thành tựu đức hạnh của chính mình thì phải đem phiền não, tập khí của mình đoạn dứt. Những phiền não tập khí này tức là cái gốc sanh tử trong vô thỉ kiếp, họ phải nhổ trừ, ngay cả cái gốc bứng luôn, cái gốc đó chính là tham, sân, si tam độc phiền não, đây là cái gốc đấy. Thật sự đem cái gốc này nhổ đi, đây mới là chân tu, đây mới là sự giác ngộ chân chánh; quý vị xem, từ nơi trong Thiền Tông Ngữ Lục chúng ta thường thấy tán thán cách tu hành này là từ

căn bản tu. Cái gì là căn bản? Tham, sân, si là căn bản, phải đem những thứ này tẩy trừ hết. Thật sự để tâm để nhổ trừ tham, sân, si thì con người này thật sự là giác ngộ, thật sự đang tu hành.

Kinh văn: "Tốc thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác".

Đây là một câu cầu chứng quả thành Phật đạo vô thượng, là trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện "Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành".

Kinh văn: "Dục linh ngã tác Phật thời, trí tuệ quang minh, sở cư quốc độ, giáo thọ danh tự, giai văn thập phương".

Cái nguyện này rất đặc biệt, các chư Phật khác chẳng có phát qua cái nguyện này, Pháp Tạng thì phát cái nguyện như vậy; khi Ngài thành Phật, trí tuệ, ánh sáng của Ngài, quốc độ chỗ cư trú là Cực Lạc thế giới. "Giáo thọ danh tự", trong đây có người, có pháp; người là A Di Đà Phật, Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, chúng ta gọi là Tây Phương Tam Thánh; còn pháp là lục tự hồng danh, hoặc giả gọi là Tịnh Độ Tam Kinh, danh hiệu công đức, đây là phương pháp. "Giai văn thập phương", chẳng phải một thế giới, hai thế giới, mười thế giới, trăm thế giới, chẳng phải vậy, tận hư không biến pháp giới, chẳng có một nơi nào mà không biết có A Di

Đà Phật, chẳng có một địa phương nào mà không biết có Cực Lạc thế giới. Chúng ta không thể nói đây là Tây Phương, từ chỗ này của chúng ta mà nói Tây Phương Cực Lạc thế giới; nếu như từ Cực Lạc thế giới mà nói là Tây Phương thì sao? Thì người bên đó gọi là Đông Phương Cực Lạc thế giới, có phải không? Cho nên nói, chẳng thể gọi đây là Tây Phương, Tây Phương là chúng ta gọi; trong bốn góc, khi đứng nơi một góc mà gọi, thì hướng đó không như nhau, cho nên nói họ đều biết Cực Lạc thế giới của A Di Đà Phật.

Tất cả chư Phật Như Lai đều giảng Di Đà Tam Kinh, cho nên danh hiệu của Tam Kinh, khắp cả mười phương đều nghe thấy, lúc ban sơ A

Di Đà Phật đã có cái nguyện này; ngày nay đã thành Phật, quả nhiên đã thực hiện được rồi. Điều này là các chư Phật khác, lúc còn trong nhân địa chẳng có phát cái nguyện này; quý vị đồng tu thử nghĩ xem, quý vị đã từng phát cái đại nguyện này chưa? Chúng ta chưa từng phát qua cái nguyện này, niệm cũng chẳng có động qua. Vậy thì tương lai quý vị thành Phật, sánh chẳng bằng A Di Đà Phật, Ngài thật là phi thường, thật là thù thắng.

Kinh văn: "Chư thiên nhân dân cập quyên nhuyễn loại".

Câu nói là nói về thập phương thế giới lục đạo chúng sanh, hầu như thế giới của mỗi một vị Phật đều có lục

đạo; giống như Sa Bà thế giới này của Thích Ca Mâu Ni Phật, đều có lục đạo, lục đạo chúng sanh khổ đấy.

Kinh văn: "Lai sanh ngã quốc, tất tác Bồ Tát".

Hai câu này vô cùng quan trọng, tại sao pháp môn này thù thắng? Tại sao tất cả chư Phật đều tán thán pháp môn này? Thật sự là phi thường. Trong lục đạo, những loại nhuyễn động là chỉ cho tam ác đạo súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, khi sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, tất cả đều là Bồ Tát; nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng có lục đạo. Người, trời đều chẳng có, cũng chẳng có Thanh Văn, Duyên Giác, toàn là Bồ Tát.

Sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới tức là Bồ Tát, vả lại chẳng phải Bồ Tát hạng thường; phía trước đã giới thiệu với quý vị rồi, đều là Phổ Hiền Bồ Tát. Bởi vì sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, tất cả đều "tuân tu Phổ Hiền Đại Sĩ chi đức", tất cả tu Thập Đại Nguyện Vương, tất cả là Phổ Hiền Bồ Tát. Trong tất cả Bồ Tát, Phổ Hiền Bồ Tát là thù thắng nhất; trong kinh Hoa Nghiêm Phật có nói, Bồ Tát mà chẳng tu hạnh Phổ Hiền thì chẳng thể viên thành Phật đạo. Nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới, người người đều tu hạnh Phổ Hiền, cho nên trong một đời thì viên mãn thành Phật. Đây tức là trong vô lượng pháp môn, vì sao chúng ta lại chọn lấy pháp môn Tịnh Độ, tức là

hai câu này; trong các pháp môn khác không có, trong các kinh điển khác cũng không có, đây là lợi ích chân thật. Xin tiếp tục xem hai câu phía dưới, trang nghiêm bất khả tư nghị.

Kinh văn: "Ngã lập thị nguyện, đô thắng vô số chư Phật quốc giả".

Điều này đích thật là hy hữu, trước kia tôi học kinh, khi tôi mới xem quyển Lục Tổ Đàn kinh, đối với Lục Tổ Huệ Năng đại sư, tôi rất bội phục, tâm lượng của Ngài quả thật là phi phàm. Ngài đến Hoàng Mai để lễ bái Ngũ Tổ, Ngũ Tổ hỏi Ngài: "Ông đến đây làm gì?" Ngài nói: "Con đến làm Phật", khẩu khí này thật là phi thường, chúng ta chưa nghĩ đến; từ

trước đến nay chúng ta cũng chưa thấy qua một người đến chùa để học Phật mà nói là: "Tôi muốn đến để làm Phật", chưa từng nghe qua, cũng chưa từng thấy qua. Lục Tổ có cái khẩu khí lớn như vậy nên quả nhiên sự thành tựu của Ngài khác hẳn với người; cho nên nói học Phật để làm Phật, điều này chúng ta có nghe qua.

Còn ngài Pháp Tạng thì lại khác, "Không những tôi phải làm Phật mà còn đều phải vượt hơn vô số chư Phật, tôi phải sánh với tất cả chư Phật khác, còn thù thắng hơn, còn vượt hơn"; điều này chưa từng nghe qua, đích thật trong nhiều kinh điển Đại Thừa chúng ta chưa từng nghe, thấy qua con người có khẩu khí như vậy. Ở chỗ này, chúng ta có thể thấy được

tâm nguyện của Ngài, có thể thấy được nguyện vọng của Ngài; tại sao làm Phật mà còn phải vượt qua tất cả chư Phật? Mục đích là phải phổ độ tất cả chúng sanh. Khiến cho tất cả chúng sanh, với một thời gian nhanh chóng nhất, có thể viên thành Phật đạo, Ngài thật sự đã làm được. Đoạn này là ngài Pháp Tạng trần thuật cái đại nguyện của Ngài, hỏi Phật có thể mãn được cái nguyện này chăng?

Kinh văn: "Ninh khả đắc phủ?"

Ngài phát cái nguyện này, có thể đạt được chăng? Có thể mãn cái nguyện này chăng? Đây là một đoạn, chúng ta lại xem đoạn hai:

Kinh văn: "Thế Gian Tự Tại Vương Phật, tức vị Pháp Tạng nhi thuyết kinh ngôn:"

Vị thầy gặp được một học trò như vậy, trong sự tưởng tượng của chúng ta, nhất định là vui mừng vô hạn, đích thật đã có người để truyền trao, có thể đem gia nghiệp của Như Lai phó thác cho ông ta; cho nên nói pháp cho ông ta, "thuyết kinh" tức là nói pháp cho ông ta.

Kinh văn: "Thí như đại hải, nhất nhân đẩu lượng, kinh lịch kiếp số, thượng khả cùng để".

Đây là trước tiên dùng thí dụ để nói. Phật nói pháp, có rất nhiều người

từ trong thí dụ, đích thật hiểu rõ trở lại, thể hội được chân thật nghĩa của pháp mà Phật nói; cho nên chỗ này cũng dùng thí dụ mà nói. Tỷ như biển lớn, biển thì rất lớn, một người dùng cái đấu để lường, có thể lường hết nước biển chăng? Giả như bảo là trải qua kiếp số, cho ông ta thời gian rất dài, dài vô hạn để ông ta từ từ mà lường, cũng có thể đem lượng nước biển này lường hết vậy; ý này là nói rõ, "thiên hạ vô nan sự, chỉ sợ người hữu tâm", ám chỉ cái nguyện này của Pháp Tạng tỳ-kheo có thể đạt được. Trước tiên cho ông ta một thí dụ ám chỉ, nhiên hậu mới dạy ông ta.

Kinh văn: "Nhân hữu chí tâm cầu đạo, tinh tấn bất chỉ, hội đương khắc quả, hà nguyện bất đắc".

Đây là khẳng định nói với Ngài, nguyện vọng của ông có thể mãn túc, chỉ cần ông chí tâm cầu đạo, tinh tấn không ngừng. Chí Tâm là chân tâm, thành tâm, bằng tâm chân thành để cầu; lại có thể tinh tấn không ngừng, thì quý vị có thể đắc đạo. Vậy thì ngày nay chúng ta học Phật tu đạo, công phu của chúng ta chẳng đắc lực; niệm Phật, hỏi quý vị có nắm chắc được vãng sanh không? Không chắc chắn. Bệnh là từ đâu sanh ra? Là vì chúng ta chẳng có chí tâm, chúng ta cũng chẳng có tinh tấn. Tuy vẫn tụng kinh niệm Phật, nhưng trong tâm thì,

những sự việc hỗn tạp, lộn xộn, bồn chồn, lo lắng vẫn còn, chẳng biết là bao nhiêu; đây tức là không phải là chí tâm, là tạp tâm niệm Phật, vọng tâm niệm Phật; lại chưa thể tinh tấn chẳng ngừng, cho nên công phu này đương nhiên là chẳng đắc lực.

Đạo nghiệp, tiền đồ tự nhiên là mờ mịt; chúng ta đem cái nhân của gốc bệnh này tìm ra rồi, đem cái nhân ấy tiêu trừ mất thì công phu của chúng ta tự nhiên sẽ đắc lực. Cái nguyện này của ngài Pháp Tạng, thật là bất khả tư nghị, vượt qua hoằng nguyện của tất cả chư Phật, Ngài đều có thể thực hiện. Ngày nay chúng ta cầu vãng sanh, nguyện vọng này làm sao có thể chẳng thành tựu chứ?

Chúng ta lại xem phần kinh văn phía dưới:

Kinh văn: "Nhữ tự tư duy, tu hà phương tiện, nhi năng thành tựu Phật sát trang nghiêm. Như sở tu hành, nhữ tự đương tri. Thanh tịnh Phật quốc, nhữ ưng tự nhiếp".

Câu nói này là hỏi ngược trở lại, Tự Tại Vương Phật nói với Ngài, trong một đoạn lời nói này có ba chữ Tự, là "nhữ tự tư duy, nhữ tự đương tri, nhữ ưng tự nhiếp"; trong lời này nói, tất cả tự mình ông đều đã hiểu rõ, chẳng cần tôi chỉ dạy nữa. Cho nên bộ kinh điển này, phía trước đã giới thiệu cho quý vị rồi, phần kinh văn tuy không dài, nhưng đã đem Phật pháp Đại Thừa, tất cả ý thú của tôn giáo

chỗ có được thảy đều bao quát trong đó. Ở chỗ này, chẳng vỏn vẹn chỉ là Giáo, còn có Mật, có Thiền, cách nói của đoạn này hoàn toàn là ngữ khí của Thiền Tông; dụng ý này thật sâu thật sâu. Ba chữ Tự này là trực chỉ nhân tâm, cùng với trong giáo học của Thiền Tông, chẳng hai chẳng khác, hoàn toàn là chỉ cho tự tánh của người đương cơ, chân tâm tự tánh; bởi vì tất cả pháp đều chẳng rời Tự Tánh.

Trong Tịnh Tông chỗ gọi là "Thị tâm thị Phật, thị tâm tác Phật", chúng ta vừa vào cửa Phật thì mong được thọ Tam Quy, Tam Quy gọi là Tam Tự Quy, "Tự quy y Phật, tự quy y Pháp, tự quy y Tăng"; bên trong ý nghĩa rất sâu rất sâu. Phải phát khởi

tâm chân thành, thì nhất định bao hàm quả địa chân thật của chư Phật, vì nhân quả là đồng thời, cho nên Phật lấy hoa sen để biểu trưng, hoa sen là nhân quả đồng thời. Nở hoa là nhân, hoa vừa chợt nở thì trong phần liên bồn đã có hạt, hạt sen là quả; cho nên không dùng các loại hoa khác làm đại biểu mà dùng hoa sen, vì hoa sen tức là đại biểu cho nhân quả đồng thời. Cho nên Bồ Tát vừa phát nguyện thì quả ấy liền âm thầm hàm chứa bên trong rồi, ý nghĩa này thật sâu thật sâu. "Nhân triệt quả hải, quả triệt nhân duyên", trong Phật pháp Đại Thừa thường thường giảng đến điều này, chỉ cần quý vị chịu tinh tấn thì nguyện vọng nhất định sẽ chẳng bao

giờ thất bại, nhất định có thể chứng đắc.

Vậy thì ba chữ Tự này, đây là Tự Tại Vương Phật truyền thọ cho Ngài, chỉ dẫn cho Ngài, hiển thị lòng đại từ, đại bi; đối với Ngài thương yêu bảo hộ thâm sâu như thế đó, chẳng phải người thường có thể thể hội được, có ý nghĩa rất sâu trong đó. Trong phần Chú Giải, cổ đức nói với chúng ta, họ nói trong đây ít nhất có đến ba ý nghĩa. Nghĩa thứ nhất là cái nhân quá khứ của Pháp Tạng tỳ-kheo, nhất định vô cùng vô cùng thâm sâu; sự việc này, chúng ta có thể thể hội được. Nơi trong kinh này Phật nói rất rõ ràng, vào thời kỳ Mạt Pháp, chúng ta nghe đến danh hiệu của Phật, tiếp xúc đến kinh Vô Lượng Thọ, hoặc giả là Tịnh

Độ Tam Kinh, Ngũ Kinh, tin được, nguyện được, hành được; đây là trong đời quá khứ từ vô lượng kiếp đến nay, chỗ trồng thiện căn, phước đức đã hiện tiền thành thục. Nếu như chẳng phải cái nhân sâu dầy như vậy, thì trong kiếp này, cho dù gặp được, cũng chẳng thể tín thọ phụng hành.

Lấy đây mà suy ra, cái nhân của Pháp Tạng tỳ-kheo nhất định là vô cùng vô cùng sâu dầy; cho nên Thế Tôn vừa mới điểm như vậy thì Ngài đương nhiên liền khai ngộ, giống như trong Thiền Tông gọi là ngôn hạ đại triệt đại ngộ. Vị thầy dùng phương pháp này, nhưng ông ta chẳng có biểu diễn như vậy, trong này cũng hàm chứa ý nghĩa thật sâu; bởi vì, nếu tại chỗ này thầy vừa mới điểm, Ngài liền

thoát nhiên đại ngộ thì đây chẳng gọi là Tịnh Tông rồi; thì gọi là Thiền Tông, cũng chẳng phải Tịnh Tông rồi. Cho nên vị thầy dùng đó là phương pháp này, ông ta cố ý giả vờ không biết, đây là tôn trọng nơi Nhị Lực pháp môn, chỉ rõ ý thú của Tịnh Tông, đây là ý nghĩa thứ nhất.

Còn ý nghĩa thứ hai là nói Nhiếp Thủ, quốc độ của chư Phật, cái này cũng chẳng có định pháp, đều là tùy tâm nguyện của cá nhân; có số người thích ở Tịnh Độ, có số người lại thích ở Uế độ, như Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài là ở Uế độ; còn Địa Tạng Bồ Tát thì phát nguyện phải độ chúng sanh nơi địa ngục, địa ngục thì chẳng có ai muốn đến nhưng Ngài lại thích đến; đây là tâm nguyện của cá nhân có

khác. Cho nên câu hỏi này cũng hỏi rất đúng lúc, quốc độ thanh tịnh này là vì do ông tự nhiếp, đây là nguyện vọng của chính ông, cũng chẳng cần Phật đến để chỉ định, chẳng cần; tùy nguyện vọng của chính ông, tùy nguyện đều có thể thành tựu.

Vậy còn nghĩa thứ ba, phàm là Tịnh Độ là có Hóa, có Báo, có Hóa Độ, có Báo Độ; Hóa Báo thì là cao diệu đấy, chẳng phải Bồ Tát có thể nhiếp thủ được, nhất định là quả địa của Như Lai. Tuy nhiên, nhiếp thủ vẫn phải nhờ vào chính mình, cho nên Phật nói: "Nhữ tự đương tri"; vậy thì những chỉ thị này đều là trong Thiền Tông chỗ gọi là "Hướng thượng chi sự". Chữ Thượng trong câu: "Hướng thượng chi sự" này, tức là trên quả địa

của Như Lai, đích thật chẳng phải thân phận của Bồ Tát thông thường; lẽ đương nhiên chẳng phải chỗ phàm phu có thể phỏng đoán đến được, cũng chẳng phải là chỗ phàm tình có thể lý giải nổi. Nó hàm chứa ở bên trong nhiều thâm ý như vậy. Sau đây chúng ta lại xem thái độ của ngài Pháp Tạng.

Kinh văn: "Pháp Tạng bạch ngôn: Tư nghĩa hoằng thâm, phi ngã cảnh giới. Duy nguyện Như Lai Ứng Chánh Biến Tri, quảng diễn chư Phật vô lượng diệu sát. Nhược ngã đắc văn như thị đẳng pháp, tư duy tu tập, thệ mãn sở nguyện".

Đây là nói, Thế Gian Tự Tại Vương Phật vừa mới chỉ dẫn ba chữ Tự này như vậy, Ngài đều chẳng hoát nhiên đại ngộ; tiếp theo phía dưới là không có hoát nhiên đại ngộ vì nếu như vậy thì đã biến thành Thiền Tông mất rồi, Ngài vẫn chưa kết thúc. Ngài chưa kết thúc, trong này cũng hàm chứa ý nghĩa rất sâu, tức là đem chính mình bỏ qua một bên, hoàn toàn nương tựa vào Phật, hoàn toàn nhờ vào Phật; Tịnh Tông gọi là Nhị Lực pháp môn, chúng ta phải nương nhờ Phật lực. Thiền Tông hoàn toàn nhờ vào chính mình, chẳng nhờ Phật lực. Cho nên sự chỉ thị của ba chữ Tự này là chẳng cần nhờ vào Phật lực, tuy nhiên Ngài vẫn chẳng thể đảm đương, vẫn cứ muốn nương nhờ vào Phật;

nếu không thì biến thành Thiền Tông mất rồi, đây là Thiền Tông và Tịnh Tông khác biết ở chỗ này.

"Tư nghĩa hoằng thâm", là chỉ cho vượt qua chư Phật, Ngài thành Phật phải vượt qua chư Phật; Phật quốc này của Ngài phải vượt hơn quốc độ của chư Phật, nghĩa này quá sâu, là chỉ cho ý nghĩa này. "Phi ngã cảnh giới", Cảnh Giới, chẳng phải Bồ Tát có thể lý giải được, đây là cảnh giới của Phật, Bồ Tát chẳng thể lý giải. Thật tại mà nói, đại nguyện của Di Đà là Ngũ Thừa bình đẳng, đồng thời nhập vào Báo Độ; đích thật là trong tất cả sát độ của chư Phật đều chẳng có. Ngũ Thừa là gì? Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền, Duyên Giác, Thanh Văn, phía dưới lục đạo chúng

sanh; đây là phàm phu. Tín - Nguyện - Trì Danh, phương pháp là giống nhau, Bồ Tát cũng dùng phương pháp này, A La Hán cũng dùng phương pháp này, chúng ta cũng dùng phương pháp này, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh cũng vẫn dùng phương pháp này.

Tín - Nguyện - Trì Danh thì có thể vãng sanh đến Cực Lạc thế giới, sanh đến Cực Lạc thế giới thì là bình đẳng, đều làm Bồ Tát; đến Bốn Mươi Tám Nguyện ở phía sau, quý vị sẽ thấy được, tất cả đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát, là địa vị Bồ Tát viên chứng Tam Bất Thoái. Thập phương thế giới này chẳng có cái này, thật tại là vượt hơn tất cả sát độ của chư Phật; trong tất cả kinh luận khác, Thế Tôn đã giới thiệu cho chúng ta chư Phật

thế giới ở tha phương, chưa từng nói qua điều này. Như những chỗ này, chúng ta phải đặc biệt lưu ý mới biết được pháp môn này thù thắng; pháp môn này đối với chúng ta, quan hệ quá mật thiết. Chúng ta có được pháp môn này, thật như là hoạch được vật chí bảo, thù thắng chẳng gì sánh bằng.

Phần dưới là cầu Phật, "Duy nguyện Như Lai Ứng Chánh Biến Tri", chữ Ứng này là Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, đức hiệu này phía trước đã giới thiệu qua. "Quảng diễn chư Phật vô lượng diệu sát", đây là cầu Phật giới thiệu cho Ngài sát độ vô lượng vô biên của chư Phật, đây tức là chỗ Ngài muốn tu học. Người cũng tức là tất cả chúng sanh, hiện tiền có thể có được hạnh phúc vui vẻ, gia

đình mỹ mãn, sự nghiệp thuận lợi thành công, xã hội hòa hài, quốc gia phú cường, thế giới hòa bình, cực kỳ tốt đẹp; đây là mục đích của Phật giáo hóa chúng sanh. Pháp Tạng Bồ Tát là muốn biết, tất cả chư Phật họ tu nhân chứng quả cách nào, chúng sanh trong tất cả sát độ của chư Phật, tướng chân thật của nhân duyên quả báo; Ngài muốn biết những thứ này. Là vì cái gì đây? Là vì muốn xây dựng, Ngài muốn vượt hơn bản mẫu nguyên thủy của tất cả sát độ của chư Phật; cho nên, Cực Lạc thế giới, chẳng phải bỗng dưng tưởng tượng mà thành tựu, mà là sự tập hợp đại thành của những gì tốt đẹp của tất cả chư Phật sát độ.

Những cái tốt đẹp của thập phương chư Phật thế giới, A Di Đà

Phật đều chọn lấy tất cả; còn những gì không tốt thì tất cả đều chẳng cần, tất cả đều xả bỏ. Thí dụ như nói, trong tất cả chư Phật sát độ có tam ác đạo, có lục đạo luân hồi, Ngài chẳng cần, những thứ này là phiền phức, Ngài chẳng cần, trong tất cả chư Phật sát độ có những thứ thù thắng nhất, tốt nhất, Ngài đều chọn lấy tất cả; điều này, thật tại mà nói, là vô cùng hợp lý, hợp tình. Tỷ như quý quốc Tân Gia Ba của quý vị, tuy rằng đất đai chẳng lớn nhưng nhân dân Tân Gia Ba, từ chính phủ đến nhân dân, quý vị đều có trí tuệ, đều có nhãn quan, đến các nước thế giới để tham quan khảo sát, địa phương nào tốt, chúng ta đều học tập, nơi nào con người không tốt chúng ta đều loại ra; thì Tân Gia Ba

sẽ trở thành thế giới cực lạc ngay trên trái đất này của chúng ta. Là làm bằng cách này, chẳng phải chỉ nằm nhà bỗng dưng mà tưởng tượng ra, chẳng phải như vậy. Cho nên Cực Lạc thế giới của A Di Đà Phật là thành tựu như vậy, quả thật điều này khiến người phải bội phục; phương thức suy nghĩ, khảo sát này hợp tình, hợp lý, hợp pháp.

Điều này rất là phi thường, cũng mang đến cho chúng ta một cái gương mẫu tốt nhất; ngày nay chúng ta tu học, là chọn lấy phương pháp này. Chúng ta hãy nhìn xem kẻ khác, người ta vì sao sống hạnh phúc như vậy, vui vẻ như vậy, chúng ta huớng về họ mà học tập; đem cái nguyên nhân không vui vẻ, không hạnh phúc

tìm ra đem nó tiêu trừ, thì quả báo của chúng ta sẽ hiện tiền ngay. Tại sao gia đình của họ lại viên mãn? Tại sao xã hội của họ yên ổn như vậy? Chúng ta tại chỗ này, học được phương pháp rồi, quả nhiên có thể y giáo phụng hành. Cái lợi ích có thể có được ở hiện tiền thì thù thắng chẳng gì sánh bằng; đây là cùng với đức A Di Đà Phật đồng tâm, đồng nguyện, đồng giải, đồng hạnh. Chúng ta lại có một cái tâm thanh tịnh, một cái tâm chân thành, một cái tâm từ bi để cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, thì quyết định được Thượng Thượng Phẩm vãng sanh. Sự lợi ích của kinh điển đích thật là vô lượng vô biên, chúng ta để tâm trong đó để đọc tụng kỹ lưỡng, để tư duy, đem nó dùng vào sinh hoạt

thường ngày của chúng ta, thì kinh điển này mới hữu dụng vậy. Chẳng phải niệm một cách luống công, niệm một cách trống rỗng; nó đích thật hữu dụng, đích thật chắc chắn có thể sửa đổi cuộc sống hiện tại của chúng ta, có thể sửa đổi cuộc đời của chúng ta, khiến cho chúng ta đạt được một mục đích như nguyện, mãn nguyện như thế đó.

Phần sau đây thì dễ hiểu hơn, "Nhược ngã đắc văn như thị đẳng pháp, tư duy tu tập, thệ mãn sở nguyện", đây là chỗ chỗ Ngài đều hướng về thầy, để biểu minh rõ ràng, lời dạy bảo của thầy nhất định phải hết lòng đi làm; hai chữ Tu Tập tức là hết lòng để làm. Cho nên Ngài muốn biết nhiều, hiểu nhiều, hầu tự mình ở

trong đó mới có thể chọn lựa. Hôm nay thì giờ đã hết, chúng tôi xin giảng đến đây. A Di Đà Phật

Tập 9

Xin lật kinh bản trang hai mươi, dòng chót từ câu thứ hai bắt đầu xem:

Kinh văn: "Thế Gian Tự Tại Vương Phật tri kỳ cao minh, chí nguyện thâm quảng, tức vị thuyên thuyết nhị bách nhất thập ức chư Phật sát độ công đức nghiêm tịnh, quảng đại viên mãn chi tướng, ứng kỳ tâm nguyện, tất hiện dữ chi. Thuyết thị pháp thời, kinh thiên ức tuế".

Phía trước, Pháp Tạng tỳ-kheo, sau khi hướng về thầy của Ngài trần thuật nguyện vọng của mình, tiếp theo đó là thỉnh pháp. Thầy vô cùng

từ bi, biết Ngài rất cao minh, Cao là nói đức cao, Minh là nói trí tuệ; người học trò này có phẩm đức cao thượng, có trí tuệ sâu rộng. Càng khó có được là chí nguyện sâu rộng "chí nguyện thâm quảng" của Ngài, hiển thị lòng từ bi chân thật vô tận của Ngài. Vì vậy nên liền đáp ứng lời khải thỉnh mà vì Ngài thuyết pháp, vì Ngài tuyên thuyết; đến chỗ này thì văn tự so ra đơn giản hơn.

Thời gian giáo học của Phật dài lâu, chỉ vài câu thì lướt qua hết, vì Ngài tuyên nói hai trăm mười ức chư Phật sát độ, bởi vì ngài Pháp Tạng yêu cầu, Phật mới nói với Ngài về sự việc trang nghiêm của tất cả chư Phật sát độ. Vậy mục đích của Ngài là ở trong này lựa chọn, gom tập chư Phật

chúng thiện đại thành; để xây dựng một đạo tràng tu học trong lý tưởng của Ngài, mục đích là ở chỗ này. Trí tuệ thật là khó được, chí nguyện khó được, cấu trúc lý tưởng này của Ngài lại càng khó được; cho nên Thế Gian Tự Tại Vương Phật vô cùng hoan hỷ, nói ra cho Ngài vài sự việc, Phật nói, đương nhiên đều là kinh pháp.

Chỗ này, chúng ta nên chú ý là hai trăm mười ức; theo con số mà nói, thì chẳng phải quá nhiều, chẳng phải con số lớn. Nhưng ở chỗ này, Ngài chẳng cho nó là con số để giảng, vậy cho là gì để giảng? Là nghĩa biểu trưng, là biểu trưng trong Mật Tông. Mười sáu đại biểu cho viên mãn, quý vị xem, bộ kinh này của chúng ta, vừa mới mở đầu, trong phần Thượng Thủ

đại chúng, chúng tại gia cư sĩ có mười sáu vị Chánh Sĩ, Hiền Hộ đẳng mười sáu Chánh Sĩ; mười sáu là đại biểu cho viên mãn. Ngoài mười sáu ra, hai mươi mốt cũng đại biểu viên mãn; cho nên chỗ này, hai trăm mười ức là hai mươi mốt mở rộng ra, nó đại biểu cho nghĩa viên mãn. Chẳng phải là con số, nếu là con số thì là quá nhỏ; trong cái thế giới vô lượng vô biên, thì hai trăm mười ức này có được là bao? Đây là đại biểu tận hư không biến pháp giới sở hữu chư Phật sát độ, một cái cũng không sót, là biểu trưng cho ý nghĩa này; vậy thì cách nói này, trong kinh Hoa Nghiêm có nói đến, mối quan hệ của bổn kinh và kinh Hoa Nghiêm vô cùng mật thiết. Vậy chúng ta có thể nói, cái biểu trưng này,

bổn kinh cùng kinh Hoa Nghiêm không hai, không khác; trong Đại Chí Độ Luận cũng có cách nói này.

Cho nên con số "nhị bách thập ức" (hai trăm mười ức), chúng ta phải xem như biểu trưng thì ý nghĩa mới có thể viên mãn, mới chính xác; đây là có thể nói, Thế Gian Tự Tại Vương Phật đã đem hư không pháp giới chỗ có tất cả chư Phật sát độ, trạng huấn nhân quả bên trong, đều thuyết minh tường tận cho Pháp Tạng tỳ-kheo rồi. Công đức bên trong sát độ này, Nghiêm là trang nghiêm, Tịnh là thanh tịnh; tướng quảng đại viên mãn, "quảng đại viên mãn chi tướng" đều nói rõ hết cho Ngài. "Ứng kỳ tâm nguyện tất hiện dữ chi", tại chỗ này cũng hiển hiện ra thần lực bất khả tư

nghị của Phật; chẳng những Phật đã tường tận nói rõ cho Ngài, lại còn đem những chư Phật sát độ này, dùng thần lực biến hiện trước mắt Ngài, khiến Ngài tự mình nhìn thấy; đây chính là, người xưa Trung Hoa chỗ gọi là "Đọc vạn quyển sách, đi vạn dặm đường". Đọc sách, đây là thầy đã chỉ dạy nói với ông ta rồi, đây tức là đọc sách; đem những tướng này hiện cho Ngài thấy, điều này như là đi ngàn dặm đường, khiến Ngài chính mình thấy được cảnh giới này. Giống như hiện nay chúng ta du lịch ngắm cảnh, khảo sát, chính mình đến nơi đó xem một tí; thì học vấn, kiến thức này mới là chân thật, chẳng phải hoàn toàn chỉ nghe truyền thuyết. Đây là

chính mình thân hành đến để thấy được cảnh giới này.

"Thuyết thị pháp thời, kinh thiên ức tuế", Tự Tại Vương Phật dạy Pháp Tạng tỳ-kheo, đã dạy được bao lâu rồi? Lúc bấy giờ thọ mạng con người dài, đã dạy ngàn ức năm, vạn lần vạn là ức, ngàn ức "thiên ức"; đây là nói thời gian dài lâu của sự học tập. Chỉ dạy Ngài thời gian dài như vậy, ở chỗ này chúng ta nghĩ đến lời của Khổng Tử thường nói: "Giáo bất yếm, hối bất nguyện", tinh thần giáo học của Khổng lão phu tử chẳng mệt chẳng chán. Ở chỗ này chúng ta thấy được ngàn ức năm chẳng phải thời gian ngắn, cho nên nếu chẳng có tâm nhẫn nại, thích hợp thì làm sao sự học hành này có thể thành tựu được? Phật từ bi

chỉ dạy, chẳng mỏi mệt; Pháp Tạng, thân phận làm học trò, cũng rất phi thường, học mà không nhàm chán. Vậy thì từ đoạn này chúng ta thấy được sự cầu pháp của ngài Pháp Tạng, quả thật Ngài đã đắc pháp rồi, "Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng", Ngài quả đã đắc pháp.

Chúng ta lại xem tiếp phía dưới, đoạn thứ ba là nói cách tu hành của Ngài:

Kinh văn: "Nhĩ thời Pháp Tạng văn Phật sở thuyết".

Văn là nghe, thính văn, lời dạy bảo của Phật trong ngàn ức năm, nghe Phật chỗ nói:

Kinh văn: "Giai tất đổ kiến".

Vì rằng mỗi khi Phật nói đến một vị Phật, một Phật sát, Phật đều đem cái tướng ấy hiện ra cho Ngài xem, Ngài đều trông thấy cả; đây là thừa oai lực của Phật mới có thể nghe được rõ ràng, thấy được rõ ràng, trong tâm rõ ràng minh bạch.

Kinh văn: "Khởi phát vô thượng thù thắng chi nguyện".

Vậy nên, mới phát khởi cái nguyện vô thượng thù thắng; thì ra Bốn Mươi Tám Nguyện nổi tiếng là có cái lai lịch của nó. Nghe nhiều, xem nhiều, trong tâm cảm xúc nhiều, đây là Văn thành tựu, cũng là căn

nguyên của bốn mươi tám lời nguyện, mai phục ẩn tàng ở chỗ này.

Kinh văn: "Ư bỉ thiên nhân thiện ác, quốc độ thô diệu, tư duy cứu cánh".

Chúng ta nên chú ý đến chỗ này, nơi đây có Tư, quý vị xem, Văn Tư; phần dưới đương nhiên nhất định có Tu, đây là Tam Tuệ; Tam Tuệ của Bồ Tát, người ta là chân dụng công, thật sự chịu làm. "Thiên nhân thiện ác" là nhân, "quốc độ thô diệu" là quả báo; nhân duyên quả báo tơ hào chẳng sai, thiện duyên nhất định được thiện quả, ác nhân nhất định được ác báo. Quả báo của thập pháp giới, Tứ Thánh pháp giới là Diệu, vì người ta tu đó là thiện nhân; còn lục đạo là thô, cái

nhân của lục đạo phàm phu tu đó là bất thiện. Tại trong lục đạo so sánh mà luận, nếu là thiện nhiều ác ít thì sao? Đây tức là tam thiện đạo, so với tam ác đạo thì tốt hơn quá nhiều. Nếu như ác nhiều thiện ít, thì sẽ cảm được rất nhiều cảnh giới rất thô; địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, chúng ta gọi là tam ác đạo. Đây là trạng huống trong mười phương chư Phật sát độ, Pháp Tạng tỳ- kheo đều thấy được tất cả, đều hiểu rõ tất cả, "tư duy cứu cánh".

Kinh văn: "Tiện nhất kỳ tâm, tuyển trạch sở dục, kết đắc đại nguyện. Tinh cần cầu sách, cung thận bảo trì".

Những chỗ này, chẳng những chúng ta hiểu rõ làm thế nào mà có

Tây Phương Cực Lạc thế giới; có thể nói, đoạn này là nói về lịch sử của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đồng thời cũng cho chúng ta một khải thị rất lớn, ngày nay chúng ta muốn vãng sanh, chúng ta muốn làm đệ tử của Phật. Phật trong đời quá khứ, việc hành trì của sự phát tâm này, có thể nói đều là gương mẫu tốt nhất cho việc tu hành của chúng ta; là chúng ta phải nên ghi nhớ lấy, phải nên học tập. Trong đoạn kinh văn này, cái quan trọng nhất của đoạn "tiện nhất kỳ tâm, tư duy cứu cánh", đó đích thật là sau khi hiểu rõ thông đạt, cái Nhất Tâm này tức là chân nhân của Tây Phương Cực Lạc thế giới vi diệu Báo Độ. Do đây chúng ta cũng đã hiểu rõ, cái chư Phật sát độ của thập phương thế giới

này đây, nếu cùng với chỗ này so sánh thì sao? Vừa đúng là một đối chiếu rất rõ ràng, vậy tức là gì? Thập phương sát độ là tạp tâm biến hiện ra mới có thập pháp giới, tạp tâm biến ra; còn Tây Phương Cực Lạc thế giới là Nhất Tâm thành tựu, cho nên cái sát độ này là thanh tịnh, là vi diệu, do Di Đà nhất tâm bất loạn mà thành tựu. Mỗi một người vãng sanh cũng phải niệm đến nhất tâm bất loạn mới có thể cảm ứng, mới được vãng sanh.

Vậy giảng đến chỗ này, có lẽ các bạn đồng tu đã có nghi vấn rồi, cho là nhất tâm bất loạn khó quá; vậy giả như nếu tôi chẳng được nhất tâm thì đời này tôi chẳng còn kỳ vọng gì sao? Đây đích thật là một vấn đề nghiêm trọng, một vấn đề thật. May thay, đức

A Di Đà Phật đích thật là từ bi, chúng ta không cần phải niệm đến nhất tâm cũng được vãng sanh; tuy nhiên nếu tâm tạp loạn thì quyết định chẳng được vãng sanh, tối thiểu cũng phải niệm đến công phu thành một mảng. Công phu thành một mảng là thế nào? Đây là cái bờ mé của sự nhất tâm bất loạn, chưa đến, chỉ mới đạt đến một tí ti, chỉ mới có một tí hình bóng thì được vãng sanh. Điều này thì chúng ta có thể làm được, đây không phải thật sự là nhất tâm, chỉ là nhất tâm tương tự, chỉ giống một tí. Chúng ta công phu niệm Phật đắc lực, có thể đem vọng tưởng phiền não đè xuống. Người xưa có cái thí dụ nói đem đá đè cỏ, cái gốc chưa nhổ thì đem đá đè lên, cỏ chẳng khởi tác dụng nữa; có

được trình độ này thì được vãng sanh. Điều này thì chúng ta mới được yên tâm.

Cho nên điều kiện vãng sanh mà bổn kinh nói đến, chẳng có nói nhất tâm bất loạn; trong phần Tam Bối Vãng Sanh, kinh văn rất rõ ràng, rất minh bạch, dạy cho chúng ta yếu lĩnh của sự Niệm Phật, đó là Nhất Hướng Chuyên Niệm, câu phía trước là Phát Bồ Đề Tâm. Chỉ cần nhất hướng chuyên niệm là được, kinh chẳng có nói nhất tâm bất loạn; nhất hướng chuyên niệm này thì dễ làm hơn. Trong kinh A Di Đà nói đến nhất tâm bất loạn, cái tiêu chuẩn đó thì là cao, tuy nhiên năm xưa Thế Tôn giảng kinh A Di Đà, trên phần nguyên bản tiếng Phạn, không có nhất tâm bất

loạn. Câu Nhất Tâm Bất Loạn này là do người dịch ra, là do ngài Cưu Ma La Thập đại sư dịch, Ngài dịch thành nhất tâm bất loạn, khiến cho chúng ta cảm thấy khó khăn. Còn bản dịch của ngài Huyền Trang đại sư là trực dịch, hiện nay bản này cũng được lưu thông rồi; trong phần đọc bản của Tịnh Độ Ngũ Kinh, chúng tôi thu giữ trong đó, quý vị thử xem bản dịch của Huyền Trang đại sư thì quý vị sẽ rõ, trong kinh chẳng có nói Nhất Tâm Bất Loạn mà nói là Nhất Tâm Hệ Niệm.

Nhất Tâm Hệ Niệm này cùng ý nghĩa của Nhất Tâm Chuyên Niệm giống nhau, cái này thì chúng ta cảm thấy vẫn không phải quá khó. Vậy thì đại sư La Thập có dịch sai không?

Nếu như đại sư La Thập đã đem kinh dịch sai, đại sư Huyền Trang so với đại sư La Thập sau hơn rất nhiều năm, nhất định đã đem nó sửa đúng trở lại; đại sư Huyền Trang chẳng có nói đại sư La Thập dịch không đúng. Vả lại học trò của đại sư Huyền Trang là ngài Khuê Cơ, là truyền nhân của ngài Huyền Trang, là người học trò đắc ý nhất của Ngài, có viết một quyển Chú Giải cho kinh A Di Đà, vẫn chọn bản của ngài La Thập đại sư, vẫn chẳng dùng bản dịch của thầy mình. Do đây có thể biết, thầy trò họ đối với bản dịch của đại sư La Thập vô cùng bội phục vì Ngài dịch không sai.

Vậy thì Nhất Tâm Bất Loạn là sự việc ra sao? Ở chỗ này, chỉ cần chúng

ta niệm đến công phu thành một mảng, lúc vãng sanh Phật đến tiếp dẫn; lúc Phật đến tiếp dẫn, trước tiên là Phật lấy ánh sáng chiếu rọi. Ánh sáng của Phật chiếu vào chúng ta, Phật quang vừa chiếu thì liền đem nghiệp chướng của chúng ta tiêu trừ hết, đem công phu của chúng ta nâng cao lên; cho nên chúng ta chỉ cần niệm đến công phu thành một mảng, lúc lâm chung, vừa thấy được A Di Đà Phật thì địa vị lập tức được nâng cao lên, tăng thêm gấp bội, đạt đến sự Nhất Tâm Bất Loạn. Cho nên Ngài dịch nhất tâm bất loạn là không sai, dịch không sai; giả như chúng ta tự mình thật sự dụng công, thật sự niệm đến nhất tâm bất loạn rồi, thì lúc lâm chung khi Phật đến tiếp dẫn quý vị,

có thể đem công phu lại nâng lên, Sự Nhất Tâm nâng lên đến Lý Nhất Tâm. Sự gia trì của Phật vừa đúng là gấp bội của sự tự mình tu trì của chúng ta, điều này nói rõ, chúng ta tự mình dụng công là vô cùng quan trọng. "Tiện nhất kỳ tâm", vô cùng vô cùng quan trọng.

Ngày nay chúng ta niệm Phật, phải nhất tâm xưng niệm, cũng tức là phải chuyên tâm niệm Phật, tốt nhất là đừng nên có tạp niệm, đừng nên xen tạp. Mới học, đương nhiên chẳng tránh khỏi xen tạp, đều phải đề cao cảnh giác, làm cho sự xen tạp này từng năm từng năm ít dần, từng tháng từng tháng ít dần; đây tức là tiến bộ, đây tức là công phu đắc lực. Nếu như chúng ta niệm Phật, đã niệm được

nhiều năm rồi, mà hiện tượng tạp niệm vẫn y nhiên như cũ, chẳng có cải tiến; đó tức là công phu của chúng ta không đắc lực. Vãng sanh như vậy thì không vững chắc, so ra thì khó khăn hơn; công phu đắc lực, mình vãng sanh thì là vững chắc, đây là sự thọ dụng chân thật. Từ chỗ này chúng ta thấy được, Cực Lạc thế giới, bí quyết là ở tại sự Nhất Tâm.

"Tuyển trạch sở dục, kết đắc đại nguyện", đại nguyện này tức là Bốn Mươi Tám Nguyện, chỗ phía sau nói đến; bốn mươi tám nguyện là Pháp Tạng tỳ-kheo, trong tất cả chư Phật sát độ, tuyển chọn mà thành tựu. Trong chư Phật sát độ, có những thứ không thù thắng, Ngài loại bỏ, như tam ác đạo thì Ngài loại bỏ; những

thứ thù thắng, mặt tốt và thiện thì Ngài chọn lấy, bốn mươi tám nguyện của Ngài là như vậy mà có. "Tinh cần cầu sách", chữ Tinh này là chọn lựa, một tí cũng chẳng cẩu thả qua loa; nhất định phải chọn lựa cái tốt nhất, thù thắng nhất. Cần là cần phấn, thật lòng nỗ lực, không giải đãi, ở đó mà tìm cầu. "Cung thận bảo trì", sau khi đã chọn lựa, phải có thể đem nó bảo trì, mà chẳng đánh mất. Xin xem tiếp phía dưới:

Kinh văn: "Tu tập công đức, mãn túc ngũ kiếp".

Phía trước chúng ta thấy được Văn và Tư, ở đây thấy được Tu; tu được bao lâu mới có thể thành tựu

Tây Phương Cực Lạc thế giới? Tu hết năm kiếp. Năm kiếp này là "tinh cần cầu sách, cung thận bảo trì"; chữ Cung Thận này tức là tâm chân thành, tâm cung kính, khiến cho công đức của chính mình được bảo trì mà chẳng mất. Làm thế nào có thể bảo trì được công đức? Trong Phật pháp thường nói, "lửa thiêu rừng công đức"; chúng ta tu công đức chẳng dễ dàng, một đóm lửa thì thiêu sạch hết. Là lửa gì vậy? Lửa sân hận, vừa nổi sân giận thì công đức ấy mất ngay. Cho nên cái này khó đấy, thử nghĩ chúng ta, nhiều năm nhiều kiếp niệm Phật, tụng kinh, làm công đức, vừa mới nổi cơn giận thì chẳng còn nữa, hết sạch cả; chờ đến sau khi cơn giận tiêu mất, niệm trở lại, tu tập trở lại, nếu như

trước khi quý vị nghe giảng, nổi một trận giận dữ thì hỏng hết, công đức của quý vị đều chẳng còn nữa.

Cần phải biết điều này, cái đáng sợ nhất là sân giận; những người học Phật chúng ta, những người thật sự muốn tu công đức, thì tánh cảnh giác ấy rất cao, nhất định không nóng giận. Bất luận là việc gì dẫn khởi khiến lòng chúng ta không vui, muốn nổi nóng, quý vị phải cảnh giác đến; đó là gì? Là ma chướng. Ma thấy quý vị đã có được không ít công đức thì khuyên quý vị đốt đi, đốt đi; quý vị thật đã vâng lời, liền đem công đức đốt mất. Nếu như quý vị chẳng nổi nóng thì sao? Công đức của quý vị vẫn còn. Bất cứ ai cũng không có cách chi đem công đức của quý vị phá trừ, ma cũng

chẳng có biện pháp; ma vẫn chỉ là bảo quý vị tự đem công đức của mình hủy diệt, chúng chẳng có khả năng. Cho nên quý vị có được tâm cảnh giác, "Ta không làm, ta tuyệt đối không nóng giận, tuyệt đối chẳng nghe theo chúng", thì công đức này mới bảo trì được.

Công đức và phước đức khác nhau. Phước đức, có nổi nóng cũng không sao, phước báo ấy vẫn còn đó; nhưng công đức thì không thể được, vừa nóng giận thì công đức chẳng còn nữa. Như vậy do đây có thể biết, nếu muốn có thể thật sự "cung thận bảo trì", thì tham, sân, si, mạn, phiền não, tập khí, tất cả nhất định đều phải đoạn dứt hết, thì công đức của họ sẽ được bảo trì. Trong kinh Kim Cang dạy cho

người sơ học chúng ta "Nhất thiết pháp đắc thành ư nhẫn", cho nên Nhẫn Nhục Ba La Mật có thể đem công đức bảo trì được. Quý vị xem, Bố Thí, Trì Giới là tu công đức, Nhẫn Nhục là [tu] bảo trì công đức; cho nên nếu chẳng có Nhẫn, tuy tu công đức, nhưng đều có thể bị thiêu hủy mất bất cứ lúc nào, đều mất hết. Cho nên mỗi cái khâu của Bồ Tát Lục Độ đều móc với nhau chặt chẽ, bỉ thử có sự quan hệ mật thiết, đến lúc tinh tấn, thiền định thì công đức của quý vị đã thành tựu; đây mới hiển thị ra cái trí tuệ vô lượng. Vậy ở chỗ này chúng ta thấy được họ tu đã năm kiếp, thời gian dài như vậy.

Kinh văn: "Ư bỉ nhị thập nhất câu-chi Phật độ".

Chữ "câu-chi" là đơn vị con số thời cổ Ấn Độ, tương đương với con số của Trung Hoa mười triệu; mười triệu gọi là một câu-chi. Vậy hai mươi mốt câu-chi tức là hai trăm mười ức Phật sát, cho nên chỗ này dùng câu-chi, hiển thị đây là cách biểu trưng của Mật Tông. Cho nên trong bộ kinh này của chúng ta, có Giáo, có Thiền, có Mật, có Tịnh, vô lượng vô biên pháp môn đều cô đọng trong một bộ kinh này. Cho nên chúng ta đọc tụng, tu học bộ kinh này, thì như là sở hữu tất cả các pháp môn, quý vị đều tu hết cả; đích thật là ý nghĩa này.

Kinh văn: "Công đức trang nghiêm chi sự, minh liễu thông đạt, như nhất Phật sát".

Đây là nói về sự thành tựu của Ngài, chúng ta đối với sự việc trong một Phật sát thì dễ hiểu rõ, còn nơi vô lượng vô biên Phật sát thì là khó; hiện nay tận hư không biến pháp giới, chỗ có tất cả Phật sát, thì Ngài đều thông đạt hiểu rõ, cũng giống như bổn quốc, quốc độ của chính mình, thông hiểu rõ ràng như vậy.

Kinh văn: "Sở nhiếp Phật quốc, siêu quá ư bỉ".

Nguyện vọng của Ngài thật viên mãn, Ngài xây dựng cái Cực Lạc thế

giới đó, đích thật siêu việt hơn sát độ của chư Phật; một đại thành tập hội tất cả công đức viên mãn của chư Phật. Việc này là nói về tu thành tựu, sự thành tựu của việc tu hành của Ngài, thật tại mà nói, chẳng phải đơn giản; chúng ta phải đem chân tướng sự thật này thấu hiểu rõ ràng, thì đối với Tịnh Tông chúng ta mới có thể sanh ra lòng tin kiên định, sẽ chẳng hoài nghi. Cực Lạc thế giới tuyệt đối chẳng phải là sự thành tựu ngẫu nhiên, Tự Tại Vương Phật giảng kinh thuyết pháp cho Ngài hết ngàn ức năm; ngài Pháp Tạng hết lòng chính mình tu học, tinh cần tuyển chọn, thời gian năm kiếp mới đầy đủ; nào phải là chuyện dễ dàng. Cho nên đây là tập hợp tất cả tướng của Phật sát, trang nghiêm

thanh tịnh mà thành tựu; lẽ tự nhiên là siêu việt hơn sát độ của chư Phật, mãn được cái nguyện của Ngài.

Cho nên phần sau, đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật đối với A Di Đà Phật tán thán, nói Ngài là "Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương"; Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán Ngài như vậy, tất cả chư Phật giống như Thích Ca Mâu Ni Phật, đều tán thán Ngài như vậy, cho nên đây chẳng phải là một việc dễ dàng. Vậy chúng ta thấy được đoạn lịch sử này, đoạn kinh lịch này, tự nhiên chúng ta sẽ cảm thấy, đây là vô cùng hợp với tình lý, hợp tình, hợp lý, hợp pháp, đáng cho chúng ta tin theo; tin cái Cực Lạc thế giới, chẳng phải Ngài bỗng dưng tưởng tượng ra. Xưa kia ngài Thiên

Thai đại sư, tức Trí Giả đại sư, nói cho chúng ta đạo lý của sự thông đạt cứu cánh viên mãn, đây là Thiện; tuy nhiên nếu là chấp tướng thì sao? Thì là Bất Thiện. Quý vị thử nghĩ, thông đạt nguyên lý mà chấp tướng còn chẳng gọi là thiện, huống chi là những kẻ khác ư? Từ chỗ này chúng ta thể hội được, cái Tinh của sự lựa chọn của ngài Pháp Tạng.

Cho nên cái tiêu chuẩn thiện ác của Ngài, chẳng phải tiêu chuẩn của chúng ta vậy; trong kinh Hoa Nghiêm Phật nói rất hay, Phật dạy, "Tất cả chúng sanh đều có trí tuệ đức tướng của Như Lai, nhưng vì vọng tưởng chấp trước mà chẳng thể chứng đắc"; cũng đã nói đến cái chấp trước. Cho thấy rằng, trước tướng, trước kiến, đó

là đại bệnh; cho nên Thế Tôn trong kinh Kim Cang, mới cực lực phá trừ sự việc này. Nửa phần trước kinh Kim Cang là phá Tứ Tướng, nửa phần sau là phá Tứ Kiến. Kiến so với Tướng vi tế hơn, Tướng thô, Kiến tế; Kiến là cái niệm trong tâm.

"Nếu Bồ Tát có Ngã tướng, Nhân tướng, Chúng Sanh tướng, Thọ Giả tướng, thì chẳng phải là Bồ Tát"; nửa phần sau thì nói càng vi tế hơn, "Nếu Bồ Tát có Ngã kiến, Nhân kiến, Chúng Sanh Kiến, Thọ Giả kiến, tức chẳng phải Bồ Tát". Cho thấy rằng chấp trước là căn của đại bệnh vậy, trong tất cả pháp Đại Thừa chúng ta tu học, vì sao không thể thành tựu? Tức là không có biện pháp đoạn chấp trước.

Vậy pháp môn này của chúng ta thì sao? Có chấp trước, không sợ, dạy quý vị chấp trì danh hiệu, quý vị tập đừng chấp trước những thứ khác, chấp trước những thứ khác không được, chấp trước danh hiệu này thì được vãng sanh; đây là chấp tướng. Những thứ khác của Đại Thừa không được chấp tướng, còn cái chấp tướng này của chúng ta thì được, tức là gọi Đới Nghiệp Vãng Sanh; đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, sau khi được gặp A Di Đà Phật, chúng ta lại phá chấp trước, lại mới ly tướng. Điều này thật đã mang đến cho chúng ta sự lợi ích chẳng gì sánh bằng, khiến cho tất cả chúng sanh vãng sanh bất thoái thành Phật, là người người đều có phần; điều này thật tại

bất khả tư nghị. Chúng ta lại xem phần kinh văn phía dưới:

Kinh văn: "Ký nhiếp thọ dĩ, phục nghệ Thế Tự Tại Vương Như Lai sở".

Câu "Ký nhiếp thọ dĩ" này tức là nói Ngài đã trải qua năm kiếp tu hành, đã thành tựu rồi, Tây Phương Cực Lạc thế giới tạo thành rồi, xong việc rồi; sau khi xong việc, phải hướng về thầy để báo cáo, đây là việc đại hỷ. Lại đến đạo tràng của Thế Gian Tự Tại Vương Phật, lúc đó Phật trụ thế giáo hóa chúng sanh đã bốn mươi hai kiếp, cho nên Ngài đã xây dựng xong Cực Lạc thế giới rồi, Phật vẫn còn trụ

thế, Phật vẫn chưa viên tịch. Lại đi báo cáo với Phật:

Kinh văn: "Khể thủ lễ túc".

Đây là phần lễ tiết.

Kinh văn: "Nhiễu Phật tam tạp".

Nhiễu Phật cũng là tối lễ kính, tỏ ra trò đối thầy quyến luyến chẳng rời, giống như trẻ con quay quanh người lớn vậy, là lấy ý nghĩa này, tỏ ra rất cung kính.

Kinh văn: "Hiệp chưởng nhi trụ, bạch ngôn Thế Tôn: Ngã dĩ thành

tựu trang nghiêm Phật độ, thanh tịnh chi hạnh”.

Đây là đem Tây Phương Cực Lạc thế giới làm cho thành tựu, điều này chẳng cô phụ thầy chỉ dạy trong ngàn ức kiếp, chẳng cô phụ mình tu trì năm kiếp; đã thành công, đây là công đức viên mãn.

Kinh văn: “Phật ngôn: Thiện tai! Kim chánh thị thời, nhữ ưng cụ thuyết, linh chúng hoan hỷ. Diệc linh đại chúng, văn thị pháp dĩ, đắc đại thiện lợi. Năng ư Phật sát, tu tập nhiếp thọ, mãn túc vô lượng đại nguyện”.

Chỗ này, chúng ta nên đặc biệt lưu ý, "sư tư chi đạo", quý vị xem, thầy và trò; thầy, rất giống một vị thầy, còn học trò thì sao? Cũng rất giống một học trò. Điều này đáng cho chúng ta noi gương, chúng ta phải nên học tập; thầy vừa nghe qua xong liền tán thán rằng "Thiện tai!", tức là quá hay, cách tán thán này, bên trong hàm ý vô cùng thâm sâu. Thật tại là nói, phàm phu chúng sanh nghiệp chướng sâu nặng cũng có cơ hội làm Phật; quý vị bảo điều này chẳng phải quá hay, hay sao? Tây Phương Cực Lạc thế giới là giúp đỡ những chúng sanh này, giúp đỡ chúng sanh có nghiệp chướng sâu nặng, trong một đời có thể thành Phật. Cho nên thầy của Ngài vui mừng tán thán Ngài: "Hôm

nay thật là đúng lúc, 'Nhữ ưng cụ thuyết', ông hãy đem việc thù thắng trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới của ông mà nói với mọi người"; đây là nói cái này, đây là nhóm đồ chúng của đức Tự Tại Vương Phật, số học sinh ấy cũng tức là bạn học của Pháp Tạng tỳ-kheo; hướng về họ đề ra báo cáo. "Linh chúng hoan hỷ", khiến cho chúng sanh hoan hỷ, khiến cho tất cả chúng sanh, ai ai nghe qua đều sanh tâm hoan hỷ. Hiện nay có được một đạo tràng thù thắng như vậy, đến chỗ đó để tu học, chẳng có một ai không thành tựu.

"Diệc linh đại chúng" cũng khiến cho đại chúng, đại chúng nói ở chỗ này tức là học trò của Thế Gian Tự

Tại Vương Phật. Cùng với chúng phía trước [khiến hoan hỷ] không giống nhau, chữ "chúng" đó có thể nói là tất cả chúng sanh của thập phương thế giới; còn đại chúng ở đây là nói nhóm người trong đại hội này, là học trò của Thế Gian Tự Tại Vương Phật, cũng tức là bạn học của Pháp Tạng tỳ-kheo, "văn thị pháp dĩ, đắc đại thiện lợi" khiến chúng sau khi nghe pháp được đại thiện lợi. Đại thiện lợi này là chỉ cho cái gì? Là chỉ cho dục linh thập phương cửu pháp giới chúng sanh "đồng nhập Di Đà, Nhất Thừa nguyện hải"; tất cả hàm linh đều nhờ vậy mà được độ. Chữ Độ này là nói thành Phật, đặc biệt là chỉ cho lục đạo chúng sanh, vì pháp môn này là người người đều được viên mãn thành Phật,

đây gọi là Đại Thiện Lợi, đây là Tuệ Dư, tức là ban lợi ích chân thật cho chúng sanh.

Chúng ta phải đặc biệt lưu ý chỗ này, phải hết lòng để học tập; ngày nay, sự thành tựu của Pháp Tạng tỳ-kheo đã vượt hơn thầy. Thập phương vô lượng vô biên thế giới, không có một người nào chẳng biết A Di Đà Phật; còn những người biết đến Thế Gian Tự Tại Vương Phật, nếu chúng ta chẳng học bộ kinh này thì làm sao biết được? Chẳng biết được. Độ nổi tiếng của học trò so với Ngài còn cao hơn, sự thành công của học trò cũng cao hơn Ngài; thầy chẳng có đố kỵ, nhưng thế gian chúng ta đây thì không thể được! Tuy nói thì rất hay, có câu: "Thanh xuất ư lam, nhi thánh

ư lam”, nhưng thật tình thầy chẳng cảm thấy là thú vị; không giống như vị thầy Thế Gian Tự Tại Vương Phật này, vui sướng cùng cực như vậy, đối với người học trò này thật sự tán thán, thật sự vui mừng.

Trong thế gian chúng ta, triều nhà Hán có một thí dụ nổi tiếng về chuyện thầy đố kỵ học trò; ông Mã Dung là một nhà Nho lớn của Hán triều, học trò của ông ta là Trịnh Huyền tức Trịnh Khang Thành. Trịnh Khang Thành bái ông ta làm thầy, theo ông ta học được ba năm; đem tất cả những gì của ông ta học hết, lại còn vượt hơn ông ấy. Trong lòng ông ta không phục bèn chỉnh cậu học trò này, ông dùng phương pháp gì vậy? Ông mua một tay sát thủ. Vì Trịnh Khang

Thành phải về nhà, ông mai phục trên đường, muốn giết chết hắn ta, cũng tức là chẳng muốn tương lai học trò trội hơn mình. Trịnh Khang Thành quá thông minh, hắn sớm đã dự liệu rồi, hắn rất lợi hại; thủ đoạn của vị thầy cũng cao minh. Trịnh Khang Thành đi về nhà, vị thầy dẫn chúng bạn học khác đi mười dặm đến trường đình để tiễn hắn ta; thầy dẫn đám học trò đến tiễn đưa như thế nào? Mỗi người kính rượu cho hắn, dụng ý phục rượu cho hắn say. Nhưng tửu lượng Trịnh Khang Thành rất mạnh, mỗi người kính ba ly rượu, hắn đã uống hết ba trăm ly; thời xưa chúng ta có câu chuyện cổ điển ba trăm ly, từ đây mà có, câu chuyện của Trịnh Khang Thành quả là sự thật. Hắn đã

uống hết ba trăm ly, chẳng những không say mà những lễ tiết nhỏ nhặt đều chẳng mất; hắn ta biết rõ, hắn đi được nửa đường thì chuyển sang đường khác từ tiểu lộ mà chuồn mất. Vị thầy này chẳng khoan dung học trò, từ xưa đến nay thí dụ này thì rất nhiều.

Chỗ này, chúng ta thấy vị thầy này là bội phục ngay, ông ta đối với thành tích của học trò tán thán, hoan hỷ mà lại còn bảo tất cả học trò của mình phải theo hắn để học, điều này rất hiếm có. Còn trong Phật môn chúng ta, xưa kia chúng ta thấy được, vào đời nhà Đường, Lục Tổ Huệ Năng đại sư; Ngài ở trong đội thợ săn trốn hết mười lăm năm, sau khi trở ra, tại Quảng Châu (Quảng Châu hiện nay) Ngài gặp được Ấn Tông. Ấn

Tông thật là phi thường, năm đó Ấn Tông là thủ lãnh Phật giáo phương Nam, đồ chúng rất là đông. Ấn Tông biết được Ngài là Lục Tổ đắc pháp ở Hoàng Mai, bèn thí pháp cho Ngài, cho nên Ấn Tông là vị Thế Độ Sư của Huệ Năng đại sư, xuất gia là do ngài Ấn Tông thế độ. Sau khi Ấn Tông thế độ cho Ngài thì là đồ đệ của Ấn Tông; song đồ đệ đã khai ngộ, đã minh tâm kiến tánh, đã đắc đạo rồi mà chính mình vẫn chưa xong, quay đầu trở lại để bái Lục Tổ làm thầy. Đây chẳng phải là người bình thường có thể làm nổi; quay đầu trở lại bái đồ đệ làm thầy, đây là người phi thường, chẳng phải người thông thường có thể làm được. Thân phận giá trị của Lục Tổ tức khắc trở nên cao, tất cả những đồ

chúng của Ấn Tông thảy đều quy y Lục Tổ. Quý vị xem, tâm lượng của ngài Ấn Tông, nào phải là người phàm! Làm sao người phàm có thể có được tâm lượng này? Đem đạo tràng nhường cho anh, tất cả đồ chúng nhường cho anh, còn mình thì đi làm học trò, đi làm học trò; thật tại mà nói, điều này là Phật, Bồ Tát đến thị hiện, phàm phu chẳng thể nào có cái tâm lượng lớn như vậy.

Cho nên ở những chỗ này, chúng ta phải chú ý, chúng ta phải học tập, trong tâm thật sự có thể kính ngưỡng đạo đức, tôn trọng hiền năng, phải có thể khiêm nhường cầu học thì mới có thể thành tựu đạo nghiệp của mình. Cho nên đọc đến phần kinh văn này, cảm xúc của chúng ta sẽ rất nhiều.

"Năng ư Phật sát", Phật sát này tức là Cực Lạc Tịnh Độ; "Tu tập nhiếp thọ", Tu Tập, đây là chỉ cho tất cả những người niệm Phật vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, cái đạo tràng này, để tu học. Còn Nhiếp Thọ, đây là chỉ là Pháp Tạng tỳ-kheo, là A Di Đà Phật hiện nay; A Di Đà Phật từ bi nhiếp thọ những đại chúng này, "mãn túc vô lượng đại nguyện". Vậy thì điều này chứng minh, tất cả Như Lai đều hoan hỷ gia trì cho Pháp Tạng; Thế Gian Tự Tại Vương Phật, một vị Phật đối đãi Pháp Tạng Bồ Tát như vậy, thì chúng ta có thể liên tưởng đến, nhất định tất cả chư Phật cùng Thế Gian Tự Tại Vương Phật như nhau, đều xưng tán Pháp Tạng, gia trì cho Pháp Tạng, đều phải hộ trì Ngài.

Cho nên A Di Đà Phật biến thành trung tâm của tất cả chư Phật Như Lai, giống như những vì sao bao quanh mặt trăng, mọi người đều đến ủng hộ Ngài, đều đến để thành tựu cho Ngài. Thành tựu cho Ngài tức là thành tựu chính mình, Tự - Tha không hai. Xin lại xem phần phía dưới phẩm kinh văn này, phẩm kinh văn phía dưới là trung tâm của toàn kinh, tinh hoa của toàn kinh, là A Di Đà Phật tự nói ra. Đây là Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta chuyển nói trở lại, chuyển thuật lại thì đồng như A Di Đà Phật tự nói, chẳng khác.

Phát Đại Thệ Nguyện - Đệ Lục

Đây tức là Bốn Mươi Tám Nguyện trứ danh, nguyện văn, điều mục nhiều ít Ngũ Kinh khác nhau; tức là năm thứ dịch bản nguyên thủy khác nhau. Có những bản dịch, trong đó là hai mươi bốn nguyện, có hai loại dịch bản là hai mươi bốn nguyện; có hai loại dịch bản là bốn mươi tám nguyện, còn có một dịch bản là ba mươi sáu nguyện. Điều mục này, nhiều ít khác nhau, nhưng bên trong nội dung đại để chẳng có sai biệt bao nhiêu. Nội dung đại để là tương đồng, cũng tức là, có lúc thì hai nguyện, ba nguyện hợp thành một nguyện; có lúc thì một nguyện chuyển ra thành hai, ba nguyện; cho nên điều mục của nó khác nhau. Lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập phẩm kinh này, đã tốn nhiều khổ

tâm; nơi trong phần tựa của ông Mai Quang Hy, chúng ta thấy được, đoạn kinh văn này là lão cư sĩ Hạ Liên Cư và Mai Quang Hy, còn có sư phụ của họ, tổng cộng là ba người, đã dùng thời gian là ba tháng để hội tập đoạn này; do đây có thể biết, họ rất đặc biệt coi trọng đoạn kinh văn. Bởi vì đây là Tịnh Tông, có thể nói là cái y cứ nguyên thủy, quyết định chẳng thể khinh suất xem thường.

Hội tập đoạn này, đại phần là hai mươi bốn, tức là lấy hai mươi bốn làm Cương, lấy bốn mươi tám làm Mục; mỗi một nguyện phía sau chúng đó là bốn mươi tám. Đây là bảo, hai mươi bốn cùng bốn mươi tám, tất cả đều lấy bảo trì; làm cho bổn lai diện mục của năm bản dịch nguyên thủy

này, tất cả thảy đều có thể hiển thị ra ở chỗ này; đây là hội tập được hay, đích thật là rất dụng tâm.

Kinh văn: "Pháp Tạng bạch ngôn: Duy nguyện Thế Tôn! Đại từ thính sát".

Trên thực tế, lúc này ngài Pháp Tạng đã thành Phật rồi, tức là A Di Đà Phật đứng trước mặt thầy, vẫn là thân phận đệ tử. Ngài nói: "Bạch Phật ngôn: Duy nguyện Thế Tôn!", đây là lối kính xưng với thầy, "đại từ thính sát"; chữ Sát này tức là quán sát, nếu như có chỗ nào sai thì phải thỉnh thầy chỉ giáo sửa lại; có mang ý nghĩa này. Phía dưới là đoạn thứ nhất, chúng ta tính đoạn, đây là hai mươi bốn đoạn,

hai mươi bốn nguyện, phía dưới tiểu mục này là bốn mươi tám nguyện.

Kinh văn: "Ngã nhược chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề, thành Chánh Giác dĩ, sở cư Phật sát, cụ túc vô lượng bất khả tư nghị công đức trang nghiêm".

Đến chỗ này là một đoạn, đoạn này là tổng thuyết; nội dung thì bao quát toàn bộ bốn mươi tám nguyện, đây là tổng thuyết. "Ngã nhược chứng đắc Vô Thượng Bồ Đề", Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng tức là Ngài đã viên mãn thành Phật rồi. "Thành Chánh Giác dĩ", Ngài đã viên mãn thành Phật rồi, "sở cư Phật sát", nơi sát độ của Ngài cư trú, tức là Cực

Lạc thế giới. Nơi sát độ này, nguyện vọng của Ngài là nhất định phải "cụ túc vô lượng bất khả tư nghị công đức trang nghiêm"; vậy đây là, ở phía trước Ngài ở trước mặt thầy, tỏ rõ nguyện vọng của Ngài nhất định phải thắng hơn chư Phật quốc độ. Bởi vì tất cả chư Phật quốc độ đều có khiếm khuyết, còn chỗ này của Ngài thì không có khiếm khuyết, đây thì thắng hơn chư Phật quốc độ rồi. Còn công đức trang nghiêm? Đương nhiên quá nhiều quá nhiều. Loại công đức nào cho là đệ nhất trang nghiêm? Đó tức là "Thập niệm tất sanh, bất thoái thành Phật", cái này đích thật là đệ nhất công đức trang nghiêm. Bởi vì trong tất cả chư Phật sát độ đều chẳng có, mà Ngài thì có; cho nên là bất khả

tư nghị. Công đức trang nghiêm là đặc biệt chỉ cho một sự việc này, điều này tức là trong bốn mươi tám nguyện, là nguyện thứ mười tám. Chúng ta lại xem tiếp phía dưới, đây là trong bốn mươi tám nguyện, nguyện thứ Nhất là Quốc Vô Ác Đạo Nguyện; tất cả chư Phật sát độ đều có ác đạo, còn ở Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có tam ác đạo.

Kinh văn: "Vô hữu địa ngục, ngạ quỷ, cầm thú, quyên phi nhuyễn động chi loại".

Đây là nguyện thứ Nhất [Vô Tam Ác Đạo] trong Bốn Mươi Tám Nguyện, nguyện thứ nhất chẳng có tam ác đạo. Thông thường mà nói, ác

nghiệp chưa liễu tận thì thiện nghiệp đã thành thục, có thể sanh vào tam thiện đạo; như trạng huống của chúng ta hiện nay, đều là như vậy. Nhưng phước hưởng hết rồi, vẫn phải đọa lạc; cho nên tam thiện đạo chẳng cứu cánh. Vẫn còn một việc chúng ta phải cảnh giác đến, rất nhiều người bởi vì hưởng phước mà tạo ác nghiệp; cái đó thì đọa lại càng nhanh, đọa càng thê thảm, những thứ này đều là chân tướng sự thật, không thể chẳng đề cao cảnh giác. Người thế gian, ai lại chẳng hưởng phước báo? Nào có biết trong phước chôn dấu cái họa hại vô lượng.

Những người không có phước báo, những người rất nghèo khổ, cố nhiên là rất phiền não, quý vị muốn tạo ác

nghiệp, cũng tạo chẳng thành; nói một cách khác, một đời này quý vị chỉ là đang thọ báo, quý vị chẳng dễ dàng tạo tội nghiệp trọng đại; vậy nói một cách khác, kiếp sau quý vị sẽ không đọa lạc. Người hưởng phước thì khác hẳn, chúng ta chẳng cần nói việc khác, tiêu chuẩn cuộc sống hiện nay của những người nghèo khổ được nâng cao cùng khắp; như cỡ lứa tuổi của tôi đây, lúc còn bé sống dưới thôn quê, ăn toàn là rau cải, ăn thịt rất ít, đại khái đều là mồng Một, ngày Rằm mới mua được thịt, gặp ngày Lễ và Tết mới có được một bữa ăn đàng hoàng, ngày thường chẳng có ăn thịt. Nói một cách khác, sát sanh tạo nghiệp thì rất ít rất ít, vì chẳng có cơ hội; còn người giàu có, mỗi ngày đều gà, vịt,

cá, thịt, món nghiệp nợ này thì phải trả đấy, trả không hết được. Chúng ta nhìn thấy họ rất hâm mộ, nhưng đến sau này khi tính sổ nợ, khi quả báo hiện tiền mới biết được, ôi chao! Họ chẳng bằng chúng ta, sánh với chúng ta kém quá xa.

Nhân quả thông ba đời, những chân tướng sự thật này, chúng ta chẳng thể không biết. Địa ngục là cái ác báo do tạo tác thượng phẩm thập ác chỗ cảm được, ngạ quỷ là trung phẩm thập ác, súc sanh là hạ phẩm thập ác. Có những kinh Phật nói với chúng ta, tham, sân, si chỗ chiêu cảm được; sân giận đọa địa ngục, bỏn xẻn tham lam là ngạ quỷ, ngu si là súc sanh; tham, sân, si tam độc phiền não cảm được là tam đồ khổ báo. Tây

Phương thế giới chẳng có tam ác đạo, nói một cách khác, không có người tạo ác nghiệp, chẳng có phiền não của tham, sân, si; chẳng có nhân nên họ không có quả báo. Mỗi một người vãng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, công phu niệm Phật đắc lực rồi, có thể đem tham, sân, si đè xuống; tuy chẳng đoạn được nhưng có khả năng đè xuống. Tôi tự mình có khả năng đè được, khi đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, Phật lực vừa gia trì thì tôi đoạn dứt ngay; cho nên liền được Nhất Tâm, là sự việc như vậy, ưu tiên này chiếm được rất lớn. Học các pháp môn khác, việc đoạn phiền não phải hoàn toàn nhờ vào chính mình; nay thì chúng ta chỉ cần đè một nửa, còn nửa kia Phật giúp đỡ thì

chúng ta sẽ thành công. Cho nên pháp môn này gọi là Nhị Lực pháp môn, ưu tiên này chiếm được rất nhiều rất nhiều. Vậy xem tiếp một đoạn phần dưới:

Kinh văn: "Sở hữu nhất thiết chúng sanh, dĩ cập Diễm Ma La giới, tam ác đạo trung, lai sanh ngã sát, thọ ngã pháp hóa, tất thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, bất phục cánh đọa ác thú".

Đây là nguyện thứ Hai của bốn mươi tám nguyện, Bất Đọa Ác Đạo Nguyện. "Sở hữu tất cả chúng sanh", đây là chỉ cho trong lục đạo, cùng với "dĩ cập Diễm Ma La giới", Diễm Ma La đây, tức là vua Diêm La, chúng ta

thường gọi Thập Điện Diêm Vương thì vị thứ của Ngài là Ngũ Điện; Diêm La Vương Đệ Ngũ Điện rất là lợi hại, Diêm La Vương Đệ Ngũ Điện cũng gọi là Bình Đẳng Vương. Trong Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh, có giới thiệu, có nói rõ Ngài là quản lý địa ngục, trông coi địa ngục; Diêm La Vương là trông coi địa ngục. Trong tam ác đạo, đặc biệt là chỉ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, ác đạo chúng sanh có ác nghiệp tập khí nặng nhất; nếu họ có thể niệm Phật, nghe đến pháp môn này, một lòng xưng niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, cũng được vãng sanh.

Cho nên pháp môn này, chỉ cần đủ ba điều kiện, quý vị thật tin, Tin có A Di Đà Phật, Tin có Tây Phương

Cực Lạc thế giới, Tin niệm Phật nhất định có thể được A Di Đà Phật đến tiếp dẫn vãng sanh; quý vị thật tin, chẳng hoài nghi. Thật sự muốn đi, đây là Nguyện; thật sự muốn đi, tức là chỗ này tất cả phải buông xuống. Một mặt muốn đi đến đó, một mặt khác lại chẳng buông được, đó là giả chẳng phải thật muốn. Thật muốn thì nhất định tất cả đều buông xuống, thân tâm thế giới, tất cả buông xuống; trong tâm chẳng còn chướng ngại nữa, đây mới gọi là thật muốn đi. Tất cả đã buông xuống hết thì quyết định được sanh, A Di Đà Phật sẽ tiếp dẫn quý vị; chúng ta ở đây vừa phát tâm thì Ngài biết ngay, A Di Đà Phật hiểu ngay, cái duyên của chúng ta bên đây thành thục rồi thì Ngài đến tiếp dẫn. Khi thọ

mạng của chúng ta đến thì Phật đến tiếp dẫn, đến bên đó tiếp nhận sự giáo hóa của A Di Đà Phật.

"Thọ ngã pháp hóa", Pháp là phương pháp giáo học, đem ác nghiệp tập khí của chúng ta đều hóa trừ hết, hóa thành công đức vô lượng.

"Tất thành A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề", đây tức là thành Phật rồi; đến được Tây Phương Cực Lạc thế giới tiếp thọ sự giáo hóa của A Di Đà Phật, nhất định là thành Phật, thành cứu cánh viên mãn Phật. "Bất phục cánh đọa ác thú", trong quá trình tu học này, quyết định sẽ chẳng đọa ác đạo nữa, bởi vì trong đời quá khứ có những ác tập khí này. Giả như không phải ở tại Tây Phương Cực Lạc thế giới thì tu hành có tiến, có thoái,

việc thoái chuyển này rất có thể thoái đến tam ác đạo mất; những thí dụ này thì quá nhiều quá nhiều. Đây là nói thập phương thế giới tu hành có khiếm khuyết, tức là nó có thoái đọa; còn Tây Phương thế giới chẳng có thoái chuyển, tuyệt đối sẽ chẳng rơi vào tam ác đạo nữa. Chúng ta đã tạo tội nghiệp cực nặng, sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, hãy yên tâm, một nguyện này của A Di Đà Phật là bảo chứng, bảo đảm quý vị sẽ chẳng rơi vào ác đạo nữa.

Kinh văn: "Đắc thị nguyện, nãi tác Phật. Bất đắc thị nguyện, bất thủ Vô Thượng Chánh Giác".

Nguyện này của tôi phải mãn, thực hiện rồi thì tôi thành Phật; giả như cái nguyện này của tôi phát đó chẳng thể thực hiện, chẳng thể viên mãn, thì tôi thề chẳng thành Phật. Vậy hiện nay, ở Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật thành Phật đã mười kiếp rồi, nguyện của Ngài toàn bộ đã thực hiện, toàn bộ thực hiện rồi; mỗi một câu, mỗi một chữ đều là chân thật bất hư. Vậy do đây có thể thấy, bổn nguyện của A Di Đà Phật, bổn tâm của A Di Đà Phật, là thật sự hy vọng tất cả chúng sanh mau mau thành Phật; đây là nguyện vọng của Ngài. Nguyện vọng này của Ngài vượt qua chư Phật, vả lại Ngài thật sự đã làm được; nguyện vọng này thật đã được thực hiện, vấn đề là chúng sanh

có tin hay không? Có chịu phát nguyện cầu sanh hay không? Chẳng phải A Di Đà Phật không có khả năng! Vấn đề là ở chính chúng ta có chịu hay không! Không chịu thì sao? Đó là chính chúng ta có chướng ngại, không chịu tức là có chướng ngại vậy. Nếu như quý vị hỏi chướng ngại gì đây? Quý vị không mong muốn, đó là chướng ngại; khi ưng chịu thì chướng ngại không còn nữa. Ai chịu niệm Phật thì người đó được vãng sanh, pháp môn này là pháp môn bình đẳng mà; bất luận là quý vị tu học Tiểu Thừa, Đại Thừa, bất luận là quý vị tạo ác, tạo thiện, chẳng có quan hệ, chỉ cần quý vị hồi tâm chuyển ý, thật sự chịu niệm Phật cầu nguyện vãng sanh, thì người người đều được sanh; đây

thật sự là bất khả tư nghị, công đức đệ nhất hy hữu.

Chúng ta lại xem đoạn thứ hai:

Kinh văn: "Ngã tác Phật thời, thập phương thế giới, sở hữu chúng sanh, linh sanh ngã sát, giai cụ tử-ma chân kim sắc thân".

Chúng ta niệm một đoạn này, trong đoạn này có ba nguyện, chúng ta vẫn phải từng nguyện một mà xem, như vậy so ra sẽ rõ ràng hơn; đây là nguyện thứ Ba, là Kim Sắc Thân Nguyện. Ở chỗ này chúng ta phải đặc biệt lưu ý, nó [nguyện này] nói về tất cả chúng sanh thập phương thế giới, trong này chẳng có lựa chọn, tất cả

chúng sanh trong thập phương thế giới đương nhiên bao gồm chúng ta trong đó. Chẳng có nói Sa Bà thế giới chúng sanh trong trái đất này là ngoại lệ, không có nói như vậy; đã là không có cách nói như vậy thì là gồm cả trong đó. Tỳ Lô Giá Na Phật, Hoa Tạng thế giới cũng ở trong đó, bởi vì Ngài chẳng có nói Tỳ Lô Giá Na Phật Hoa Tạng thế giới là ở ngoài; Ngài chẳng có cách nói này. Vậy có thể thấy được tất cả chư Phật sát độ đều bao gồm trong đó, cho nên ngài Văn Thù, Phổ Hiền cũng được vãng sanh. Cho nên chúng ta phải xem cho rõ ràng những chữ này, mới biết được nguyện của Ngài quả thật là vĩ đại.

Sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân tướng chỗ có được là

bình đẳng, đều đầy đủ, người người đều là "Tử Ma chân kim sắc thân", chữ Ma này, ý nghĩa của thời xưa là chỉ cho vàng ròng, chẳng có một tơ hào cặn bã, nó là tinh kim; đây là nói về sắc thân, đây là cái thân thể của chúng ta khi đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Hãy nhìn xem cái thân thể hiện nay của chúng ta, thân thể này vô cùng yếu mềm; nhục thân rất yếu mềm, vừa gặp phải một cơn gió lạnh tí ti thì ngã bệnh rồi, không đứng lên nổi. Còn người của Tây Phương Cực Lạc thế giới, ai ai cũng đều là kim thân, thể chất của họ là thuần kim, thuần kim thân.

Kinh văn: "Tam thập nhị chủng, đại trượng phu tướng".

[Nguyện thứ Tư, Tam Thập Nhị Tướng Nguyện]. Đây là Thích Ca Mâu Ni Phật nói đến thế giới này của chúng ta, bởi vì thế giới này của chúng ta, tâm lượng con người rất nhỏ hẹp; nói ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tướng hảo, đó là đến chỗ cứu cánh viên mãn rồi. Còn nhiều hơn thế nữa thì vô phương tưởng tượng nổi, kỳ thật là không chỉ bấy nhiêu đó; kỳ thật trong Đại Kinh chúng ta thấy được, thân Phật có vô lượng tướng, tướng có vô lượng hảo. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, tướng mạo của chúng ta cùng A Di Đà Phật là một khuôn một mẫu vậy.

Kinh văn: "Đoan chánh tịnh khiết, tất đồng nhất loại. Nhược hình mạo sai biệt, hữu hảo xú giả, bất thủ Chánh Giác".

[Nguyện thứ Năm, Thân Vô Sai Biệt Nguyện]. Câu này, phải ghi chặt vào lòng; người của Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có hai thứ tướng mạo. Quý vị thử xem, đạo tràng hiện nay của chúng ta, mọi người ngồi chung một nơi, tướng mạo mỗi một người đều khác nhau; còn Tây Phương Cực Lạc thế giới, dù nhiều người hơn đi nữa, cũng chỉ có một tướng mạo, tuyệt đối chẳng có hai tướng. Việc này thật là phiền phức, tướng mạo đều như nhau, vậy nếu chúng ta đang nhận diện người, chẳng

phải nhận lầm hay sao? Mọi người cùng Phật đều như nhau, ai là A Di Đà Phật, ai là Quán Thế Âm Bồ Tát đây? Chúng ta đi vãng sanh, chẳng phải đã phân biệt được rõ ràng rồi sao? Việc này, quý vị hãy an tâm, sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta đều có Tha Tâm Thông; quá khứ, hiện tại, vị lai của mỗi người, tất cả thảy đều rõ ràng, thảy đều hiểu rõ, quyết định chẳng nhận lầm người.

Điều này, hàm ý bên trong vô cùng sâu dầy; chẳng phải đã nói phía trước rồi sao! Bốn mươi tám nguyện của Ngài là từ đâu đến? Là vì thấy được rất nhiều chư Phật sát độ, ở trong đó tinh tâm lựa chọn mà có; người của thập phương thế giới, tướng mạo khác nhau, tướng mạo đẹp

thì kiêu ngạo, còn tướng mạo xấu không đẹp thì có tự ti mặc cảm; đây đều là phiền não. Còn Tây Phương thế giới, mọi người tướng mạo đều giống nhau, thì chẳng có kiêu ngạo cũng chẳng có tự ti; quý vị xem, A Di Đà Phật này thật là thông minh, Ngài dùng những phương pháp này, đem tất cả phiền não của quý vị tự nhiên tiêu trừ sạch hết; đến nơi đó tất cả chẳng còn nữa. Phương pháp tuyệt diệu vậy, hiển thị thế giới này của Ngài là pháp giới bình đẳng; cho nên trên đề kinh này, lấy phương pháp Bình Đẳng để độ tất cả chúng sanh, khiến cho tất cả chúng sanh bình đẳng thành Phật, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới là bình đẳng, cùng với A Di Đà Phật không hai, không khác; thập

phương thế giới chúng sanh, hình sắc bất nhất.

Đoan chánh trang nghiêm, có thể khiến người sanh tâm hoan hỷ, sanh tâm cung kính; người của Tây Phương thế giới tướng mạo đoan chánh trang nghiêm, là trong tất cả chư Phật sát độ chẳng sánh bằng. Vì thế nên học trò của A Di Đà Phật, bất luận đi đến một thế giới nào; đây là việc rất bình thường, hằng ngày đều đi đến thập phương thế giới cúng dường chư Phật, đi độ hóa chúng sanh, được sự tôn kính của đại chúng ở tất cả chư Phật sát độ. Đệ tử của Di Đà, người ta phải dùng mắt kính trọng để nhìn, tôi từng nói qua điều này với quý vị; ở thế gian chúng ta, có nhiều người vô cùng ngưỡng mộ Di Lặc Bồ

Tát, ưa thích tương lai sanh đến Tịnh Độ của Di Lặc Bồ Tát, Đâu Suất nội viện. Tương lai Di Lặc Bồ Tát hạ sanh thành Phật, từng người một theo Ngài xuống đây, giống như đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật là Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên theo Phật trở xuống thị hiện độ hóa chúng sanh; họ có cái nguyện này.

Nguyện này có tốt không? Thưa, tốt, vô cùng đáng được tán thán. Tuy nhiên tôi rất hiểu rõ, muốn vãng sanh đến Đâu Suất nội viện chẳng phải một việc dễ dàng. Tại vì sao? Tiêu chuẩn chọn lấy học sinh của Di Lặc Bồ Tát rất cao. Tôi nghĩ lại, nếu tôi muốn vào, điểm của tôi không đủ, chẳng có cách chi, không đi được. Lại thử xem Tịnh Độ của A Di Đà Phật, Ngài chọn lấy

học sinh, điểm rất thấp, vô cùng thấp; tôi nắm chắc có thể đi được. Nếu tôi đến Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi, muốn trở về Sa Bà thế giới; trong kinh này nói mười vạn ức Phật quốc độ, trong một sát-na là về đến. Đi thân cận Di Lặc Bồ Tát, Ngài vừa trông thấy học trò của A Di Đà Phật, vẫn đặc biệt hoan nghênh, lấy mắt khác biệt mà nhìn, so với học trò của Ngài còn tốt hơn rất nhiều. Như những bài tính này, chúng ta phải biết tính, phải biết toán, cho nên chúng ta có thể đến được nội viện Đâu Suất, cũng có thể thân cận Di Lặc Bồ Tát; so với học trò của Ngài còn được đặc biệt chiêu đãi hơn. Chúng ta đến nghe Di Lặc Bồ Tát giảng kinh, nhất định được ngồi ghế thượng tọa, những

hàng ghế phía trước đều nhường cho chúng ta ngồi; còn học trò của Ngài thì ngồi phía sau. Cho nên đây là sự thật, chẳng thể không biết; đây là con đường dễ dàng nhất để thân cận Di Lặc Bồ Tát. Xin xem tiếp đoạn thứ ba:

Kinh văn: "Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sanh, sanh ngã quốc giả, tự tri vô lượng, kiếp thời túc mạng, sở tác thiện ác, giai năng đỗng thị, triệt thính, tri thập phương khứ lai, hiện tại chi sự. Bất đắc thị nguyện bất thủ Chánh Giác".

Trong đoạn này lại bao quát luôn ba nguyện, [thứ Sáu, Túc Mạng Thông Nguyện; thứ Bảy, Thiên Nhãn Thông Nguyện; thứ Tám, Thiên Nhĩ

Thông Nguyện]. Quý vị nên biết, đây tức là người thế tục chúng ta gọi là thần thông; Thông là thông đạt vô ngại, Thần là thần kỳ mạc trắc. Hiện nay ở Đại Lục gọi cái năng lực đặc biệt này là kỳ dị công năng, đặc dị công năng; cách gọi này rất có đạo lý, năng lực này của họ siêu việt người thường. Vậy thì thần thông từ đâu mà có? Là do Báo mà được, do Tu mà được. Như chúng ta vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, sanh đến bên đó thì có, đây gọi là Báo Đức, đây chẳng phải là Tu Đức; cái báo đức này là bổn nguyện gia trì của A Di Đà Phật. Bởi vì sanh đến bên ấy, nếu chẳng có năng lực này thì A Di Đà Phật đã chẳng thành Phật rồi; vừa sanh đến bên ấy thì tất cả đều có năng

lực này, A Di Đà Phật mới thành Phật. Năng lực thần thông đó lớn cỡ nào? Vượt hơn A La Hán. Túc Mạng và Tha Tâm Thông của A La Hán, năng lực này chỉ biết được có năm trăm đời, năm trăm đời về trước thì họ chẳng biết, và năm trăm đời về sau họ cũng chẳng biết được; họ có phạm vi không lớn lắm.

Vậy còn như Thiên Nhãn của Bồ Tát? Tùy vào địa vị của Bồ Tát. Địa vị Bồ Tát càng cao năng lực Thiên Nhãn càng rộng, có thể nhìn thấy một cái đại thiên thế giới, một trăm cái đại thiên thế giới, một ngàn cái đại thiên thế giới; chỉ có Thiên Nhãn của Như Lai mới có thể nhìn đến tận hư không biến pháp giới, sở hữu tất cả chư Phật sát độ, chẳng nơi nào không thấy.

Vậy thì năng lực thần thông này của những người sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị thử xem, trong kinh văn này nói là cùng với A Di Đà Phật như nhau; cái ưu tiên này đã chiếm khá lớn. Trong khi tu các pháp môn khác, phải tu đến Bát Địa Bồ Tát; Bát Địa Bồ Tát cùng với năng lực của Phật rất là kề cận, phải tu ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Chúng ta chỉ mới niệm Phật vài năm, khi vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thì năng lực cùng với Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa Bồ Tát như nhau.

Cho nên những vị Bồ Tát đó nhìn thấy chúng ta, thực tế, nhìn thấy thì lắc đầu chẳng tin được; nhưng cũng là sự thật, cho nên hiểu rõ rồi, không thể chẳng bội phục, reo lên "Ôi chao!

Quý vị thật quá may mắn, thật quá phi thường, chỉ tu vài ngày thì được rồi; còn tôi đã tu ba đại A- tăng-kỳ kiếp, tu đến khổ như thế đó mới có được. Sao anh chỉ trong chốc lát là có được? Vả lại những thứ được đó lại càng thù thắng hơn tôi, còn vượt hơn tôi". Sao có thể chẳng bội phục chứ? Cái này tức là tục ngữ chúng ta nói, "gặp vận hên, gặp vận xui", Bồ Tát không hên, chúng ta rất hên; trong phút chốc gặp được pháp môn này thì là thành công. Cho nên chúng ta phải để tâm quan sát kỹ lưỡng đoạn nguyện văn này.

"Sở hữu chúng sanh, sanh ngã quốc giả", đây là pháp bình đẳng, chẳng có lựa chọn Hoa Tạng thế giới để sanh; đó đương nhiên là Bồ Tát rồi,

địa vị đó cao, còn chúng ta là phàm phu, làm sao có thể so sánh được. Tất cả chúng sanh, đương nhiên tức là thập pháp giới, nói một cách khác, toàn bộ đều bao quát trong đó. "Tự tri vô lượng, kiếp thời túc mạng", chẳng giống như A La Hán chỉ biết năm trăm đời túc mạng, mà vô lượng kiếp thời túc mạng; cho nên vừa sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, cho dù là Hạ Hạ Phẩm vãng sanh, cũng là như vậy. Bởi vì trong nguyện văn của Ngài chẳng có nói, trừ Hạ Hạ Phẩm ra; Ngài không có nói. Cũng chẳng có nói sanh Thượng Thượng Phẩm mới có năng lực thần thông, không có nói cái này; vậy nói một cách khác, Hạ Hạ Phẩm vãng sanh cũng có năng lực này. Đây mới là pháp bình đẳng. Cho

nên đến được Tây Phương Cực Lạc thế giới, [biết được] tiền kiếp trước tiền kiếp của chúng ta.

Hiện nay có rất nhiều người muốn biết tiền kiếp, đi tìm nhiều người thông linh; lại còn có số người đi tìm cái gọi là thuật thôi miên, muốn biết đời trước, nhiều lắm cũng chỉ biết một đời, hai đời, ba đời thì chẳng còn biết nữa. Sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì đời đời kiếp kiếp vô lượng kiếp đến nay, cả thảy quý vị đều biết hết, hà tất phải đi tìm những thứ phiền phức này. Hiện nay trong xã hội này, chuyện lường gạt rất nhiều, những người thông linh này cho quý vị biết đời trước, chưa hẳn là thật; có thể mắc mưu, bị lừa, tự mình vẫn chẳng hay biết; đến được Tây

Phương thế giới, tự mình đều hay biết cả. Việc thiện, việc ác quý vị làm đời đời kiếp kiếp đó, toàn bộ đều biết, tự mình đều hiểu được; trong đời quá khứ, đời đời kiếp kiếp luân hồi tại đâu, từng ở thế giới nào, cũng đều thấy biết cả. Cho nên bà con quyến thuộc của chính mình từ vô lượng kiếp đến nay, thì quý vị thảy đều nhớ hết cả, đều rõ hết; một khi đến Tây Phương thế giới thì có năng lực này.

Đỗng thị, "Giai năng đỗng thị", đây là Thiên Nhãn, cùng với Phật như nhau, ở chỗ này cũng chẳng có nói giới hạn; thập phương sát độ, vô lượng vô biên thế giới, quý vị đều xem được rõ rõ ràng ràng minh minh bạch bạch. Hiện nay chúng ta rất đáng thương, phía dưới lầu bốn hiện đang

có rất nhiều người nghe kinh, chúng ta chẳng thấy được họ; nếu như ở Cực Lạc thế giới là trong suốt, toàn bộ đều thấy cả. Bên kia địa cầu là nước Mỹ, cũng nhìn thấy được rất rõ ràng những người đó đang làm gì!

Càng xa hơn nữa, tha phương thế giới tất cả chư Phật sát độ đều ở trước mắt; họ có được năng lực này. Cho nên, có khi trong lòng chúng ta bị tình cảm ràng buộc đối với người thân của mình, người mà mình ưa thích, đều niệm niệm chẳng quên, hy vọng giúp đỡ họ; chúng ta có cái tâm này, có cái nguyện này nhưng chẳng có năng lực. Cho nên quý vị phải biết, đến được Tây Phương Cực Lạc thế giới thì có cái năng lực này, bất luận thân thích quyến thuộc của chúng ta sanh vào

một đạo nào, quý vị trông thấy họ, quý vị nghe được họ nói chuyện, quý vị thấy rõ ràng minh bạch tình trạng của họ; thời thời khắc khắc quý vị có thể thị hiện đi giúp đỡ họ; đó thật là đã có trí tuệ, có năng lực rồi.

Vãng sanh, tâm nguyện của chúng ta mới gọi là chân thật; không vãng sanh, tâm nguyện của chúng ta đều sẽ chẳng đạt mục đích, quý vị chẳng có năng lực. "Triệt thính" là Thiên Nhĩ, thập phương thế giới tất cả chúng sanh, họ nói những tiếng gì quý vị cũng nghe được rất rõ ràng, dù có nói khe khẽ cũng nghe được rất rõ, thần thông quảng đại. Tôn Ngộ Không trong tiểu thuyết sánh với họ, kém quá xa; Tôn Ngộ Không mới chỉ có bảy mươi hai phép, một cái cân đẩu

nhào lộn là mười vạn dặm, chẳng biết phải lộn bao nhiêu cân đẩu mới lên đến được. Còn đây thì chỉ cần một niệm là đến ngay, cho nên nếu cùng họ so sánh, cách nhào lộn của Tôn Ngộ Không còn thua kém quá xa; năng lực đó quá nhỏ, chẳng đáng nói đến.

Bên trong này có năng lực thần thông như thế; đây đối với tu hành có sự giúp đỡ vô cùng lớn lao. Chúng ta biết người thế gian vì sao có tham, sân, si phiền não, vì sao có thể khởi hoặc tạo nghiệp, thật tại mà nói, tức là Mê nơi chân tướng sự thật của nhân quả, mới có thể khởi dậy sự mê hoặc này, mới có thể tạo nghiệp. Nếu như đối với chân tướng sự thật này đều có thể thông đạt hiểu rõ, làm sao họ có

thể khởi phiền não? Làm sao có thể mê hoặc? Làm sao có thể tạo nghiệp? Cho nên Tây Phương Cực Lạc thế giới, vị A Di Đà Phật này, với những thiết kế của giáo học, thật sự đã khởi dậy tác dụng rất lớn. Tập khí phiền não từ vô thỉ kiếp của chúng ta, khi đến nơi đó thì toàn bộ đều được phá giải hết, tại sao vậy? Sự việc của quá khứ, hiện tại và vị lai đều biết cả, đều thấy được cả, đều nghe được cả, đều hiểu được cả. Điều này so với chư Phật Như Lai khác giảng kinh thuyết pháp, đơn giản hơn quá nhiều; phương pháp đích thật là cao minh.

"Tri thập phương", không gian, quá khứ, vị lai, hiện tại, đây là tam thế; thập phương tam thế, việc gì quý vị đều biết cả, đều rõ cả, đều thấu

hiểu cả. “Bất đắc thị nguyện, bất thủ Chánh Giác”, vậy A Di Đà Phật thành Phật rồi thì cái nguyện này cũng thảy đều thực hiện. Cho nên hiện nay có một số người thế gian nói họ có thần thông, có công năng đặc dị gì đó, thì quý vị có thể nói với họ rằng “Đây chẳng có chi là phi thường, qua vài năm nữa, anh xem tôi đây, anh làm sao sánh kịp?” Đúng là quả thật như vậy. Chúng ta hiểu được chân tướng sự thật này, cho nên hãy đàng hoàng niệm Phật vài năm để vãng sanh thì tất cả đều được hết; vậy thì cùng với thần thông, đức năng trên quả địa của Như Lai, Bồ Tát chẳng có thể so sánh nổi. Tiểu thông của họ ăn thua gì đâu? Những năng lực có được của những người ở Cực Lạc thế giới, chúng ta

gọi là thần thông đức năng, năng lực chỗ có được. Tuyệt đối chẳng phải trong kinh Đại Thừa chỗ nói, những thứ dùng thiền định cùng các phương pháp khác tu được đó, cùng với cái [năng lực] của họ khác nhau.

Khi nãy đã nói, đây là Báo Đức, là sự tu học trong ngàn ức năm của A Di Đà Phật, sự viên mãn thành tựu của năm kiếp, là bằng đức năng như vậy gia trì cho chúng ta. Cái lý bên trong vô cùng thâm sâu, kỳ diệu của sự tướng hiện được chẳng gì bằng; đạo lý vô cùng vô cùng thâm sâu, chẳng phải không có lý luận, y cứ; chẳng có lý luận y cứ, chúng ta xem đến, chỉ là chuyện thần thoại mà thôi. Cho nên pháp môn này là "nan tín chi pháp", đạo lý quá sâu; ngay cả đến

Đẳng Giác Bồ Tát, nếu không được sự gia trì của Như Lai, họ cũng chẳng rõ. Cho nên có thể tin được, chẳng phải dễ dàng. Phía sau kinh nói đến, người có thể tin là trong vô lượng kiếp đời quá khứ, cái thiện căn, phước đức chỗ huân tập được, ngày nay quý vị đã thành tựu rồi. Nếu chẳng phải túc căn thành tựu của vô lượng kiếp, cho dù ngày nay quý vị có gặp được, cũng sẽ đem nó coi như tiểu thuyết để nhìn, coi như truyện kỳ để xem, quý vị sẽ chẳng tin. Cho nên pháp môn này, người thông thường không thể tin được; tôi đã nói rất nhiều lần, đó là việc rất bình thường. Nếu như họ vừa mới nghe, liền tin, liền tiếp thọ, đây là việc rất chẳng bình thường; đây đều là sự thật. Cho nên cái năng lực thần

thông này của họ siêu việt hơn tất cả Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, đó là càng chẳng cần nói nữa. Xin lại xem tiếp đoạn thứ tư:

Kinh văn: "Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sanh".

Phải xem từ cú trong nguyên văn này, "sở hữu chúng sanh" là bình đẳng, chẳng có lựa chọn; cửu pháp giới hữu tình chúng sanh này, nhất luật bình đẳng.

Kinh văn: "Sanh ngã quốc giả, giai đắc Tha Tâm Trí Thông".

[Nguyện thứ Chín, Tha Tâm Thông Nguyện] "Tha Tâm Thông",

Tha Tâm Thông gì đây? Tha là người khác, trong tâm của người khác khởi tâm động niệm, họ đều biết. Cho nên quý vị đồng tu phải để ý, phải cẩn thận, đừng tưởng rằng cái niệm khởi động trong tâm quý vị chẳng có người hay biết; người ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, ai nấy đều biết cả. Nhất cử nhất động của quý vị, họ đều thấy được cả; quý vị nói chuyện khe khẽ với người khác, họ đều nghe được; khởi tâm động niệm, họ cũng biết được. Đừng tưởng không có người biết! Người ở Tây Phương Cực Lạc thế giới quá nhiều quá nhiều, đếm chẳng hết; tất cả thảy đều biết cả. Đây đều là sự thật, cho nên muốn làm một học sinh của A Di Đà Phật, làm một đệ tử Phật, tương lai cùng họ làm bạn

học thì khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác của chúng ta, thì quý vị phải biết, họ đều trông thấy cả, họ đều nghe thấy cả, họ đều hiểu biết cả; chẳng một thứ gì lừa được họ. Chúng ta có đáng tham dự pháp môn của họ chăng? Cho dù A Di Đà Phật có từ bi muốn tiếp dẫn chúng ta, nhưng nhóm bạn học kia chẳng muốn tiếp nhận chúng ta thì A Di Đà Phật sẽ chẳng đến tiếp dẫn; phải nên nghĩ đến những điều này.

Là đức năng tương lai của chính chúng ta, cũng là những bạn đồng tu ấy, hiện nay họ đều đầy đủ cả; cho nên tâm địa người niệm Phật phải thanh tịnh, phải chánh đại quang minh, chẳng làm những việc trái với lương tâm. Kẻ khác có lỗi với ta thì

được, nhưng ta chẳng thể có lỗi với người; kẻ khác gạt ta thì được, nhưng ta chẳng thể gạt người. Vì sao vậy? Họ làm đó là nghiệp luân hồi. Còn ta ngày nay tạo tác là phải sanh về Tây Phương, tất cả những gì mà ta tạo tác, phải lấy Tây Phương Cực Lạc thế giới làm tiêu chuẩn. Tiêu chuẩn của Tây Phương thế giới tức là Bốn Mươi Tám Nguyện, tức là kinh Vô Lượng Thọ. Trong kinh Vô Lượng Thọ chỗ nói đó, ta đều phải làm được, như vậy mới có thể sanh về Tây Phương, như vậy mới có thể tăng cao phẩm vị.

Kinh văn; "Nhược bất tất tri, ức na-do-tha bách thiên Phật sát, chúng sanh tâm niệm giả, bất thủ Chánh Giác".

Phần nguyện văn này rõ ràng biết mấy, minh bạch biết mấy; ức na-do-tha tức là vô lượng vô biên chư Phật sát độ, trong đó tất cả chúng sanh, trong tâm tưởng những gì, niệm những gì, thảy đều biết cả. Cho nên năng lực này đích thật đã vượt hơn Thanh Văn, Duyên Giác, Quyền Giáo Bồ Tát. Cho đến bốn mươi mốt địa vị Pháp Thân Đại Sĩ trên hội Hoa Nghiêm, tuyệt đại đa số đều chẳng thể cùng Ngài so sánh được. Cho nên năng lực này quả là Bát Địa Bồ Tát trở lên, Bát Địa trở xuống đều không thể so sánh với Ngài được; cho nên thần thông trí tuệ của Ngài, cái đạo lực siêu thắng này, quả thật đã đến chỗ cùng cực. Cũng vì sự thật này, tất

cả chư Phật không thể chẳng tán thán A Di Đà Phật, không thể chẳng bội phục A Di Đà Phật, cũng không thể chẳng đem học trò của mình, tất cả thảy đều giới thiệu cho A Di Đà Phật. Cho nên hiện nay chư Phật độ chúng sanh tiện lợi hơn, dùng phương pháp gì? Là đều khuyên họ đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì được phổ độ, đều đem họ đưa về Tây Phương Cực Lạc thế giới giao cho A Di Đà Phật thì là đúng. Cho nên hiện nay, tất cả chư Phật Như Lai, đều như là, ở mười phương thế giới giúp A Di Đà Phật chiêu học sinh. Những người không vâng lời thì cùng họ nói cái gọi là Nhị Thừa, Tam Thừa, nói những thứ Phật pháp này; còn vâng lời thì đều đưa về Cực Lạc thế giới, là lập

tức thành Phật. Ở tại chỗ này, chúng ta mới hiểu rõ chân tướng của sự thật này, mới nhìn ra được.

Những vị Bồ Tát này, những người ở Tây Phương Cực Lạc thế giới có năng lực như vậy, cũng tức là bảo, "tri kỷ tri bỉ". Họ có Túc Mạng Thông, là tự tri; vô lượng kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp tự mình biết rõ, tự mình hiểu rõ. Tự tri là tự biết, biết kẻ khác là tri bỉ, tri kỷ tri bỉ, giáo hóa chúng sanh mới khế cơ; chúng sanh mới dễ được độ. Cho nên mỗi ngày họ đến thập phương chư Phật sát độ, cúng Phật, nghe pháp; còn thì tùy duyên độ chúng sanh, họ có năng lực như vậy. Vậy chúng ta phải hỏi, nếu chúng ta sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, bao lâu mới có được

năng lực này? Chỗ này chẳng có nói sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải một kiếp, hai kiếp mới có được năng lực này, chẳng có nói; vậy thì vừa đến là liền có năng lực này, vậy mới là đúng, nhất định là ý nghĩa này; vừa đến là có, vừa thấy A Di Đà Phật là năng lực này khôi phục ngay.

Thật tại mà nói, đây vẫn không phải khôi phục mà là Phật lực gia trì; mãi cho đến khi chúng ta tự mình tu hành ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, mức tiến bộ vô cùng nhanh chóng, quyết định chẳng thoái chuyển. Bởi vì chẳng phải chỉ tiếp nhận sự giáo hóa của một mình A Di Đà Phật, mỗi ngày quý vị đi tham phỏng thập phương tất cả chư Phật, quý vị thử nghĩ xem, mỗi ngày nghe bao nhiêu

Phật pháp, bao nhiêu vị Phật cùng quý vị nói pháp? Cho nên sự tiến bộ đó đương nhiên nhanh chóng rồi. Cho đến khi mình thật sự đạt đến chỗ này, chính mình thật sự chứng được Thập Địa rồi, A Di Đà Phật vẫn gia trì quý vị, khiến cho đạo lực, trí tuệ, thần thông của quý vị, so với nơi khác đồng đẳng cấp Thập Địa Bồ Tát, còn hiện vẻ cao minh hơn; đây là Tây Phương thế giới thù thắng không chi sánh bằng, làm sao có thể không đi?

Xưa kia thầy Lý có nói, nếu người chẳng chịu vãng sanh, thì người này không phải ngu si thì là cuồng vọng. Nói một cách khác, chẳng bình thường; có một người bình thường nào chẳng tin, chẳng muốn vãng sanh

ư? Thôi được, hôm nay chúng tôi xin giảng đến đây. A Di Đà Phật

Tập 10

Xin lật quyển kinh ra, trang thứ hai mươi sáu, dòng sau cùng. Đây là đoạn thứ năm của đại nguyện, nguyện thứ Mười, thứ Mười Một.

Kinh văn: "Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sanh, sanh ngã quốc giả, giai đắc thần thông tự tại, Ba La Mật Đa. Ư nhất niệm khoảnh, bất năng siêu quá ức na-do-tha bách thiên Phật sát, châu biến tuần lịch, cúng dường chư Phật giả, bất thủ Chánh Giác".

Nguyện thứ Mười này [Thần Túc Thông Nguyện] là cũng thuộc về mấy thứ đặc dị công năng, phía trước đã

giới thiệu qua, đại chúng của Tây Phương thế giới, người người đều cụ túc viên mãn Túc Mạng Thông, Thiên Nhãn Thông, Thiên Nhĩ Thông, Tha Tâm Trí Thông. Hôm nay chúng ta thấy đoạn này là Thần Thông Tự Tại, đây tức là chỉ cho Thần Túc Thông, vốn nghĩa là Viên Mãn; chỗ này nói đó, tức là chúng ta thường nói Biến Hóa Tự Tại, cái này gọi là Thần Túc. Đến bờ bên kia của Niết Bàn, cần có trí tuệ của quả địa Phật; được Phật trí, cần phải phụng sự nhiều vị Phật mới có thể thành tựu trí tuệ của Phật quả.

Giả như tự mình chẳng có thần túc thông thì vô cùng khó làm nổi, bởi vậy cho nên thần túc thông, ở người tu hành mà nói, là vô cùng quan trọng. Thế giới vô lượng vô biên, chư Phật

cũng là vô lượng vô biên, nếu chúng ta đi thừa sự cúng dường từng một vị Phật một, vậy có thể nói là vô lượng kiếp cũng cúng dường chẳng xong hết; vì vậy nên phải có bản lãnh phân thân. Có thể ở tại cùng một lúc phân thân, thiên bách ức hóa thân; giống như trong kinh Phạm Võng chỗ nói giống nhau, Thích Ca Mâu Ni Phật đồng thời đi cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai, vậy mới có thể làm nổi. Đại chúng của Tây Phương Cực Lạc thế giới đích thật có được năng lực này.

Vậy như thân phận chúng ta đây, sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, một phẩm phiền não đều chưa phá, thì làm sao có được những thứ năng lực này? Năng lực này, chẳng

phải tiểu định có thể có được; phải cần công phu đích đáng. Bình thường, người thường tu thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, không khó; túc mạng, tha tâm so sánh thì khó hơn, đến biến hóa tự tại đó thì càng khó hơn nữa. Cho nên Tiểu Thừa có thần túc thông, phải là Tam Quả thánh nhân mới có thể có được; Sơ Quả, Nhị Quả thì chưa có, Sơ Quả có thiên nhãn thông; cho nên đây là công phu rất sâu. Vậy chúng ta đến được Tây Phương Cực Lạc thế giới, thì lập tức năng lực này hầu như cùng với Thập Địa Bồ Tát tương đồng, đây hoàn toàn là nhờ vào bổn nguyện gia trì của Phật, tức là một nguyện này; đây là nguyện lực gia trì cho chúng ta.

Pháp Tạng nói: "Ngã tác Phật thời", lúc Ngài làm Phật, hiện nay Ngài đã làm Phật rồi, đã làm hết mười kiếp rồi, đã thành Phật rồi. "Sở hữu chúng sanh, sanh ngã quốc giả", chúng ta phải đem câu nói này xem cho rõ ràng; câu "sở hữu chúng sanh" này, đương nhiên đã bao gồm Phàm Thánh Đồng Cư Độ, Hạ Hạ Phẩm vãng sanh, đều bao quát trong đó; chúng ta đương nhiên có phần. Sanh đến bên đó đều được "[giai đắc] thần thông tự tại Ba La Mật Đa", thần thông tự tại, khi nãy vừa nói tức là thiên biến vạn hóa. Ba La Mật Đa, câu này là Phạn ngữ, ý nghĩa là Viên Mãn, thần thông tự tại viên mãn; nếu nói một cách nghiêm khắc, chỉ Phật mới có. Năng lực này của Phật mới

chân chánh gọi là viên mãn, Bồ Tát tuy có nhưng chẳng viên mãn; đây là oai thần gia trì của Di Đà, thật tại bất khả tư nghị.

Còn phần dưới [Nguyện thứ Mười Một], không chỉ là một thí dụ nói rõ sự cứu cánh viên mãn của năng lực này, vả lại còn nói cho chúng ta một sự việc bất khả tư nghị, đó tức là cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai. Sự cúng dường này, khi nãy đã nói rồi, nhất định là dùng thần lực phân thân biến hóa, đồng thời đi cúng dường. "Ư nhất niệm khoảnh", vừa một niệm là đến liền, cái nhanh của tốc độ bất khả tư nghị; thời gian một niệm dài cỡ nào? Trong kinh Phật nói với chúng ta, nói một người rất khỏe, rất cường tráng, rất dũng mãnh khẩy

ngón tay; chúng ta thân thể yếu thì khẩy rất chậm, người có sức khỏe tốt khảy rất nhanh lại còn có sức mạnh. Họ khẩy một cái thời gian rất ngắn, một cái khẩy có sáu mươi sát-na; một sát-na có chín trăm cái niệm.

Có thể thấy, niệm này rất là vi tế, thời gian rất ngắn; chỗ này nói "một niệm khoảnh" tức là thời gian rất ngắn, trong tâm vừa động niệm thì đã đến. Cực Lạc thế giới cách Sa Bà thế giới của chúng ta là mười vạn ức quốc độ, một niệm liền đến ngay; kỳ thật, khoảng cách này rất ngắn, chẳng phải dài. Trong kinh Hoa Nghiêm, Thế Tôn nói với chúng ta, Sa Bà cùng Cực Lạc đều ở Hoa Tạng thế giới hải. Hoa Tạng thế giới hải có hai mươi tầng, mà hai thế giới này đều ở tại

tầng thứ mười ba; có thể thấy, đích thật chẳng xa. Như Hoa Tạng thế giới hải, một đại thế giới như vậy, Phật nói, ở giữa cái thái hư không vô lượng vô biên này, khoảng cách đó thì không biết là xa bao nhiêu; khoảng cách này xa cũng là một niệm thì đến ngay. Đây là đạo lý gì? Thật tại mà nói, "vô biên sát hải chẳng ngoài nhất tâm", đều là vật của chân tâm tự tánh chỗ biến hiện ra; cho nên tâm này, vừa động một niệm thì đến ngay. Vậy ngày nay, chúng ta chẳng có cái năng lực phân thân, chúng ta biết động niệm nhưng không đến được; người Tây Phương Cực Lạc thế giới có bản lãnh này, họ vừa động niệm thì hình trạng thân thể của họ đến ngay, đây là

phân thân, là hóa thân; họ có cái năng lực này.

Chúng ta xem phần dưới, "Ư nhất niệm khoảnh, bất năng siêu quá ức na-do-tha bách thiên Phật sát", đây là năng lực của Ngài giữa một niệm, đích thật như trong Đại Kinh chỗ nói: "Thập phương bất ly đương xứ, tam thế bất cách đương niệm"; những thứ này là lợi ích chân thật của trong kinh Đại Thừa chỗ nói đến. Vậy đi đến thập phương Phật sát để làm gì? "Châu biến tuần lịch, cúng dường chư Phật" (Nguyện thứ Mười Một, Biến Cúng Chư Phật Nguyện). Đây là nói Phật quốc độ, chỗ chư Bồ Tát du lịch đến, rộng và nhiều; chỗ cúng dường thừa sự Phật cũng vô cùng vô cùng nhiều. Quý vị đến cúng đường Phật,

quyết chẳng phải cúng dường một cách vô hiệu, Phật nhất định nói pháp với quý vị. Giả vị Phật này, một ngày nói cho quý vị một câu Phật pháp; trong một ngày này quý vị cúng dường vô lượng Phật, thì quý vị nghe vô lượng câu Phật pháp. Đại Tạng kinh này của chúng ta quá ư nhỏ bé, cái pháp mà quý vị nghe được trong một ngày còn vượt hơn Đại Tạng Kinh của chúng ta, [chẳng biết là] ngàn lần, vạn lần. Quý vị bảo, người ở địa phương đó, tiến bộ của sự học tập thì rất nhanh; cho nên, nơi kinh điển của Tịnh Tông, chúng ta quan sát cho kỹ lưỡng, vãng sanh đến Tây Phương thế giới, thành Phật nhanh chóng. Ở tha phương thế giới thành Phật, phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp,

phải mất vô lượng kiếp. Tây Phương thế giới, chúng ta thử tính kỹ lưỡng, cũng chẳng quá ba kiếp, bốn kiếp thì thành tựu. Thì ra, người ta là học tập như vậy, họ có bản lãnh thân cận tất cả chư Phật.

Kinh văn: "Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sanh, sanh ngã quốc giả, viễn ly phân biệt, chư căn tịch tĩnh. Nhược bất quyết định thành Đẳng Chánh Giác, chứng đại Niết Bàn giả, bất thủ Chánh Giác".

[Nguyện thứ Mười Hai, Định Thành Chánh Giác Nguyện]. Cái nguyện này cũng là A Di Đà Phật viết ra cho chúng ta một bảo chứng thư để bảo đảm thành Phật, là văn tự của bảo

chứng thư này; thì nguyện này rất quan trọng. "Sở hữu chúng sanh", tất cả chúng sanh, chúng ta nhìn thấy, những chữ này là bao gồm mình trong đó; sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, "viễn ly phân biệt", đây là Giới cùng với Định, trong Giới có Định. "Chư căn tịch tĩnh", đây là trong Định có Giới; do đây có thể biết, Tây Phương thế giới, cái Giới - Định - Tuệ là viên mãn, viên dung, một tức là ba, ba tức là một. Tùy tiện nói một cái thì nhất định hàm nhiếp hai thứ kia, viên tu viên chứng; phía trước đã nói, biến cúng chư Phật mà có được trí tuệ của Phật, cho nên tu học, chẳng có một pháp nào mà chẳng viên. Tất cả pháp vốn tịch tĩnh, hiện nay, cảm xúc của chúng ta vốn chẳng tịch tĩnh;

thật tại mà nói, nó vốn là tịch tĩnh. Vậy hiện nay thì sao? Hiện nay vẫn là tịch tĩnh. Nếu như chẳng phải tịch tĩnh, vì sao chư Phật Như Lai thấy được đó là tướng tịch tĩnh, còn chúng ta thì chẳng thấy? Vậy do đây có thể biết, chướng ngại này chẳng phải ở nơi trên cảnh giới, là ngay nơi bản thân chúng ta có bệnh, có vấn đề; vấn đề gì đây?

Bản thân chúng ta, tâm đã động; tâm vừa động, chỗ có tất cả pháp đều thành đối lập, có sanh, có diệt, có đến, có đi, có thị, có phi; tâm đã động, sau đó thì sanh ra những hiện tượng này. Những hiện tượng này, vốn là chẳng có; như trong Khởi Tín Luận ngài Mã Minh Bồ Tát nói với chúng ta "Bổn giác bổn hữu, bất giác bổn vô", vốn

nó chẳng có. Đây tức là, chỗ gọi là "Nhất niệm bất giác, nhi hữu vô minh", vô minh tức là tướng động, thì là không tịch tĩnh rồi, cùng với tánh đức trái nhau, trái ngược nhau. Trong Nhất Chân cảnh giới, tức là trong cảnh giới chân thật, phi hữu, phi vô; chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước. Nếu dùng cách nói của chúng ta mà nói, là "Chư căn tịnh tĩnh, viễn ly si ám phân biệt", người học Phật tu hành trong vô lượng kiếp, tu cái gì đây? Tức là tu việc này. Đem cái sai lầm, đem cái tập khí tu chỉnh trở lại, khôi phục đến chư căn tịch tĩnh; đây gọi là tu hành. Tịch tĩnh đến trình độ thích đáng rồi thì là thấy Tánh, hoát nhiên khai ngộ, đây là thấy Tánh; thấy Tánh thì gọi là thành Phật.

"Nhược bất quyết định thành Đẳng Chánh Giác, quyết định chứng đại Niết Bàn", đây là chứng đắc Viên Giáo cứu cánh Phật quả; chúng ta nói thành Phật, Thiên Thai Tông có Tạng, Thông, Biệt, Viên, bốn hạng Phật, quý vị thành đó là hạng nào? Đó là Viên Giáo cứu cánh quả vị. Vậy do đây có thể biết, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong một đời quyết định thành Phật; đây là đại nguyện bất khả tư nghị của A Di Đà Phật. Cho nên người xưa gọi pháp môn này là Phật pháp thành tựu ngay trong đời này; ngoại trừ pháp môn này ra, tu học bất cứ pháp môn nào đều chẳng phải một đời có thể thành tựu, đều là đời đời kiếp kiếp, cho nên phải ba đại A-tăng-kỳ kiếp, phải vô

lượng kiếp. Còn pháp môn này thì sao? Là thành tựu trong một đời này của chúng ta. Có lẽ quý vị sẽ có nghi vấn! Vậy chúng ta chết rồi, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới mới thành tựu! Lời này thì quý vị đã nói sai, cũng đã thấy sai, quý vị cũng đã hiểu lầm rồi; nếu quý vị chết rồi thì là hỏng hết cả, quý vị vẫn còn có thể thành tựu sao? Chết rồi là đi luân hồi. Thật tình xin nói với quý vị điều này, chết rồi thì ghê lắm, chẳng còn thuốc chữa nữa, không thể chết; pháp môn này, không thể chết. Khi thọ mạng chúng ta đến rồi, lẽ ra là phải chết, nhưng không chết; A Di Đà Phật đến tiếp dẫn ta về Cực Lạc thế giới, cho nên quý vị nên biết, vãng sanh là sống mà đi, chưa đứt hơi! Lúc lâm chung

thấy Phật đến, cùng đi với Phật. Thân thể này chẳng cần nữa, vứt bỏ đi; cho nên quý vị phải biết là, sống mà đi chẳng phải chết rồi mới đi, quý vị phải hiểu rõ, phải minh bạch điều này.

Cho nên pháp môn này thật sự là pháp môn Bất Tử. Cái túi da thối này chẳng phải là đồ tốt, là gánh nặng phiền lụy đấy; bình thường chúng ta không cách chi vứt bỏ, khi Phật đến, nhờ Phật lực gia trì chúng ta mới có thể đem cái này vứt bỏ, theo Phật mà đi. Cho nên người có phước báo lớn; con người chẳng thể không tu phước, phước báo vô cùng quan trọng, phải tu phước. Bình thường tôi hay khuyến tấn các bạn đồng tu phải tu Tam Phước, phải tu Lục Hòa, phải tu Lục Độ, đây đều là tu Phước. Tu phước,

đừng hưởng phước, đừng nên đem phước hưởng hết; phước báo giữ lại, sau cùng mới hưởng. Sau cùng là lúc nào vậy? Là ngay lúc vãng sanh, người thật sự có phước báo không sanh bệnh, biết được ngày nào ra đi, giờ nào ra đi, khi Phật đến rước quý vị, ngồi mà đi cũng được, đứng mà đi cũng được; quý vị xem, cách đó tự tại biết bao, đó gọi là có phước báo. Một đời phước báo của họ, giữ lại đến lúc đó mới hưởng, cách này thật tự tại, tự tại mà vãng sanh.

Trước kia khi tôi đang thọ giới, vị giới hòa thượng của chúng tôi là Đạo Nguyên pháp sư kể cho chúng tôi nghe một công án; trong Phật môn gọi là công án, người thường gọi là chuyện cổ tích, nhưng là thật chẳng

phải giả. Xưa kia có một vị xuất gia, lúc vãng sanh bèn hỏi mọi người: "Quý vị từng thấy qua người ngồi mà vãng sanh chưa?" Những người ở đó nói: "Có", "Còn đứng mà vãng sanh thì sao?", "Cũng có nghe qua". Kết cuộc ông ta lộn nhào một cái, đầu xuống dưới đất chân chổng lên trời, ông nói: "Cách vãng sanh như thế này quý vị có nghe qua chưa?" Bảo: "Chưa"; thì ông ta đi mất, đây thật có phước báo, đây là cách du hí nhân gian. Cho nên chúng ta phải vãng sanh như vậy mới tự tại; nằm trên giường mang bệnh mà ra đi, đó thì kém rất xa, đó là chẳng có phước báo. Cho nên đây là rất quan trọng rất quan trọng vậy.

Vậy thì chẳng có phước báo sanh bệnh, lúc lâm chung vãng sanh, chúng ta thường thường giúp người khác trợ niệm thấy được tướng lành; khi họ sắp ra đi, tướng mạo trở thành rất đẹp, miệng vẫn còn đang cử động, nhưng chẳng có tiếng. Những người niệm Phật chúng ta ngỡ rằng họ theo chúng ta mà niệm Phật, kỳ thật chẳng phải. Kỳ thật là họ đang nói đấy, họ nói họ nhìn thấy Phật đến tiếp dẫn họ, họ muốn nói với mọi người cùng mọi người từ biệt, bye bye, nhưng kết cuộc họ chẳng còn âm thanh, thể lực họ không đủ nên nói chẳng ra tiếng. Kỳ thật là họ thấy được Phật, đều là còn sống mà ra đi; không có nói chết rồi mới đi, chẳng có; đều là sống mà ra đi. Cho nên mới nói rõ, pháp môn

này đích thật là pháp môn Bất Tử. Quý vị xem, chúng ta sống mà vãng sanh, sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng là một đời thành Phật, chẳng cần trải qua đời thứ hai, quyết định thành Đẳng Chánh Giác, chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đây mới hiển hiện ra bổn tâm và bổn nguyện của A Di Đà Phật, chỉ một kỳ vọng duy nhất là quảng độ vô biên chúng sanh, giúp đỡ mọi người trong một đời này chứng được cứu cánh Niết Bàn. Phần trên sáu nguyện này đều là thuyết minh cái diệu của Báo Thân khi sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thật sự bất khả tư nghị, không chỉ là cái trí tuệ thần thông đạo lực này đầy đủ, vả lại, đức A Di Đà còn bảo đảm chúng ta trong

một đời viên mãn thành Phật quả. Cho nên khi chúng ta tụng đến chỗ này, làm sao mà không đi cho được, chẳng có lý do không đi. Xin xem tiếp đoạn thứ bảy:

Kinh văn: "Ngã tác Phật thời, quang minh vô lượng, phổ chiếu thập phương, tuyệt thắng chư Phật, thắng vu nhật nguyệt chi minh, thiên vạn ức bội".

Đây là [Nguyện thứ Mười Ba, Quang Minh Vô Lượng Nguyện]. Trên nhiều kinh luận nói, thông thường ánh sáng của chư Phật đại khái đều chiếu một, hai trăm vạn thế giới; Phật quang này có năng lực lớn như vậy, có thể chiếu đến hai trăm vạn thế giới. Ánh sáng của A Di Đà

Phật là vô lượng, là nguyên nhân gì vậy? Trong nhân địa của Di Đà, chúng ta xem qua, Ngài tiếp thọ lời dạy bảo của thầy Ngài ngàn ức năm; thầy vì Ngài giới thiệu tận hư không biến pháp giới, sở hữu tất cả sát độ của chư Phật; vả lại Ngài đều thấy được tất cả. Quý vị thử nghĩ, cái duyên này thật quá thù thắng, Ngài chẳng sót một chư Phật sát độ nào, như là đều đã đi ngắm cảnh tham học qua. Do đây khi Ngài thành Phật rồi, ánh sáng của Ngài chiếu cùng khắp, chẳng phải vài trăm, vài ngàn cái thế giới Phật, mà là vô lượng vô biên chư Phật sát độ, Ngài thảy đều chiếu khắp cả. Quá khứ có nhân duyên này thì ngày nay có quả báo như vậy.

"Tuyệt thắng chư Phật", Tuyệt là tuyệt đối, Thắng là siêu thắng; ánh sáng của tất cả chư Phật chẳng thể so sánh cùng A Di Đà Phật. Cho nên nơi phần sau, Thế Tôn tán thán A Di Đà Phật là "Quang trung cực tôn", đây tức là cái nguyện này. Quang trung cực tôn, nó thắng hơn ánh sáng của nhật nguyệt, ánh quang minh tột cùng của thế giới này của chúng ta là nhật nguyệt; ánh sáng của nhật nguyệt cùng ánh sáng của Phật chẳng thể so sánh nổi. Phật quang lớn, có lẽ có người sẽ hỏi, Phật quang lớn như vậy, sao chúng ta chẳng nhìn thấy? Phật quang thật sự là chiếu khắp, ngày nay chúng ta nhìn chẳng thấy là vì nhãn căn của chúng ta có bệnh, không dùng được.

Khoa học hiện nay chứng minh cho chúng ta điều này, nhà khoa học biết được, giữa vũ trụ ánh sáng có rất nhiều loại, luồng ánh sáng khác nhau. Trong luồng ánh sáng vô lượng này, nhục nhãn chúng ta chỉ có thể nhìn thấy một đoạn nhỏ mà thôi; so với đoạn nhỏ này, dài hơn thì chúng ta không thấy, ngắn hơn chúng ta cũng không thấy. Nhưng lợi dụng dụng cụ khoa học thì có thể trắc nghiệm ra, như quang tuyến X, Tử Ngoại tuyến, nhục nhãn chúng ta nhìn không thấy; quả thật nó tồn tại. Trong dụng cụ khoa học, có thể hiển hiện ra rất nhiều luồng ánh sáng khác nhau; luồng sóng ánh sáng của A Di Đà Phật là chẳng nơi nào chẳng có. Đây là nhãn căn của chúng ta có bệnh, bệnh là từ đâu

đến? Bệnh căn của bệnh này, tức là Phật nói vọng tưởng, chấp trước. Giả sử chúng ta có thể đem vọng tưởng, chấp trước loại mất, khôi phục lại tâm thanh tịnh, thì năng lực của chúng ta liền khôi phục ngay. Phía trước đã nói đến Thiên Nhãn, Thiên Nhĩ, Tha Tâm Thông, đây là bản năng, đều khôi phục được cả thì sẽ thấy được Phật quang của A Di Đà Phật. Thật tại mà nói, ban ngày chúng ta chẳng cần nhờ vào ánh sáng mặt trời, ban đêm cũng chẳng cần nhờ ánh đèn, tại vì sao? Thế giới này là một màn quang minh sáng lạn. Trong kinh Đại Thừa nói đến Đại Quang Minh Tạng, thế giới này của chúng ta cũng là như vậy.

Nếu như quý vị chẳng tin, quý vị có thể xem Niên Phổ của lão hòa

thượng Hư Vân, thư viện của chúng ta ở đây cũng có. Lão hòa thượng Hư Vân không thể nói dối, trong quyển Niên Phổ có ghi lại một đoạn công án. Có một hôm lão hòa thượng trở về lại căn chòi tranh của mình, đường đi rất xa; buổi chiều đi về đến nửa đường gặp được hai người quen, cũng là người xuất gia. Họ cầm đèn lồng, gặp được Hư Vân lão hòa thượng, họ nói: "Ô kìa, lão hòa thượng này, trời đã tối như vầy mà Ngài còn thấy được sao?" Vừa nói lời này thì trước mắt lão hòa thượng trở nên một màn đen dầy đặc, khi sáng mới đi trong lòng của lão hòa thượng vốn là trời sáng, ông chẳng có phân biệt; chiều đến lúc trở về, ông chẳng có cái niệm đối với giờ giấc, cảnh giới ấy vĩnh viễn bảo tồn ở

đó, khi nghe người ta nói trời tối rồi, ông liền khởi dậy phân biệt, thì trời liền tối ngay. Lão hòa thượng Hư Vân này, nếu cứ mãi không có tâm phân biệt, đến ngày hôm sau trời lại sáng, suốt một đêm, trong cảnh giới của ông ta thì trời đều sáng cả; đây là chân tướng sự thật, một tí cũng chẳng giả. Đều là tự mình phàm phu chúng ta, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, tạo ra rất nhiều chương ngại.

Kinh văn: "Nhược hữu chúng sanh, kiến ngã quang minh, chiếu xúc kỳ thân, mạc bất an lạc, từ tâm tác thiện, lai sanh ngã quốc. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác".

[Nguyện thứ Mười Bốn, Xúc Quang An Lạc Nguyện]. Cho nên

Phật được gọi là Vô Lượng Quang Phật, Vô Lượng Quang Phật, quang minh biến chiếu. "Nhược hữu chúng sanh kiến ngã quang minh", hoặc giả là bằng Thiên Nhãn thấy được; Thiên Nhãn của A La Hán và Bồ Tát có thể thấy được; hoặc giả là trong Định thấy được. Những người chân chính tu Định, những người được Định, những người niệm Phật chúng ta được Sự Nhất Tâm, Lý Nhất Tâm; cái Nhất Tâm Bất Loạn này, đây là trong Định có thể thấy được. Vẫn còn một loại là cơ duyên đặc biệt, cảm ứng mà thấy được; thấy được Phật quang. "Chiếu xúc kỳ thân, mạc bất an lạc", Phật quang có sức mạnh tiêu nghiệp diệt tội rất lớn; tam độc, phiền não, dù rằng chẳng thể đoạn, cũng có thể tắt

mất chẳng khởi tác dụng. Nếu như người nghiệp chướng nhẹ, Phật quang này vừa gia trì thì phiền não này thật sự đoạn ngay, tham, sân, si là phiền não rất thô. Đây là an, khổ chẳng còn nữa, khổ diệt rồi thì vui, thảy đều an lạc, an lạc là như vậy.

Phiền não khinh, trí tuệ trưởng thì người này nhất định sẽ sanh khởi từ bi tâm, quyết định không thể làm ác, nhất định sẽ làm thiện. Cái lòng Từ làm việc thiện là tự nhiên sanh khởi, chẳng phải kẻ khác khuyên họ, cũng chẳng phải tự mình miễn cưỡng muốn làm, là tự nhiên. Mỗi ngày, trừ những việc này ra, chẳng có việc khác nào đáng làm, tức là có Đại Từ Bi tâm giúp đỡ tất cả người phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Vậy thì nói cụ thể

một tí, giúp đỡ tất cả người nhận thức Tịnh Độ, hiểu rõ Tịnh Độ, tu học Tịnh Độ, cầu sanh Tịnh Độ; đây là "Từ tâm tác thiện", đạt đến chỗ tối chân thật, chẳng có cái gì chân thật hơn nữa so sánh với cái này, cho nên "lai sanh ngã quốc". Lại xem tiếp:

Kinh văn: "Ngã tác Phật thời, thọ mạng vô lượng".

[Nguyện thứ Mười Lăm, Thọ Mạng Vô Lượng Nguyện]. Một đoạn phía trước là quang minh vô lượng, thật tại mà nói, đức A Di Đà thành Phật là nhất thiết vô lượng. Nhưng Ngài ở trên hội của Tự Tại Vương Phật đề ra báo cáo này, báo cáo Bốn Mươi Tám Nguyện, cũng chỉ đặc biệt nói đến một cái này. Thế Tôn vì

chúng ta giảng kinh A Di Đà, giới thiệu cho chúng ta, cũng đặc biệt chỉ ra Vô Lượng Quang, Vô Lượng Thọ. Trong tất cả vô lượng thì hai ý nghĩa này là tối viên mãn. Quang Minh đại biểu cho mười phương, quang minh chiếu khắp không gian; ngày nay chúng ta nói đến không gian, còn Thọ Mạng? Quá khứ, hiện tại, vị lai, là đại biểu cho thời gian. Người hiện đại gọi là Thời, Không; trong cái thời không này có đủ tất cả, chẳng có thứ nào sót mất. Cho nên vô lượng thọ cùng vô lượng quang đại biểu cho cái thời không quảng đại chẳng bờ mé; bên trong đó tất cả các vô lượng, A Di Đà Phật thảy đều có đủ cả, chẳng thiếu sót một thứ nào, là biểu trưng ý nghĩa này.

Tuy nhiên trong tất cả các vô lượng, thọ mạng là quan trọng nhất; cho nên thọ mạng là đệ nhất đức trong tất cả các vô lượng. Quý vị thử nghĩ xem, nếu như thọ mạng chẳng còn nữa, quý vị được tiền của vô lượng rồi, quyến thuộc vô lượng, ai thọ dụng đây? Toàn bộ đều thất bại cả. Thọ mạng là đệ nhất trọng yếu, có được vô lượng thọ thì tất cả những thứ vô lượng khác quý vị mới có thể hưởng thụ được, mới chẳng đến nỗi phải thất bại; cho nên thọ mạng này vô cùng quan trọng. Vậy thì A Di Đà Phật, tại Tây Phương thế giới thị hiện làm Phật, thọ mạng vô lượng nên gọi là Vô Lượng Thọ Phật; căn bản của Cực Lạc là ở nơi một nguyện này, sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế

giới là vô lượng thọ. Phật vô lượng thọ, vậy chúng ta đi vãng sanh, phần dưới nói:

Kinh văn: "Quốc trung Thanh Văn, thiên nhân vô số, thọ mạng diệc giai vô lượng".

Cùng thọ mạng của A Di Đà Phật như nhau. Phàm ai sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, ở đây đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Chúng ta đọc qua phần trước, nơi đây nói đến Thanh Văn, thiên nhân; làm thế nào có được Thanh Văn và thiên nhân? Thế Tôn, nơi phía sau bổn kinh có nói rõ cho chúng ta, nói rõ chân tướng sự thật này, thì ra danh từ này là thí dụ. Chúng ta sanh đến Tây Phương Cực

Lạc thế giới, Kiến Tư phiền não chưa đoạn hết, đây tức là thiên nhân, tức như là lục đạo chúng sanh của tha phương thế giới. Đây là hoàn toàn nói về trình độ của việc đoạn phiền não, quý vị cùng với lục đạo phàm phu ở tha phương thế giới là tương đồng, phiền não chưa đoạn hết. Kiến Tư phiền não hết rồi, vô minh chưa phá, tức như Thanh Văn của tha phương thế giới, là cách nói như vậy; kỳ thật không phải là trình độ thực chất của chính chúng ta, là như thế đó.

Vậy thì đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát, đó là bổn nguyện gia trì của A Di Đà Phật, chẳng phải chúng ta tu được, là Phật lực gia trì. Còn chính chúng ta thì sao? Chính chúng ta cùng với

thiên nhân nơi tha phương thế giới chẳng sai khác, là sự việc như thế đó; đây là cách nói thứ nhất. Cách nói thứ hai là nói về thân phận của chúng ta trước khi chưa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới; như chúng ta từ con đường nhân đạo mà đi, thì có thiên nhân. Có người chứng đến Sơ Quả, Nhị Quả, Tam Quả, A La Hán, họ do niệm Phật vãng sanh mà đi, vậy là họ thuộc về Thanh Văn, là thân phận trước khi chưa đến Cực Lạc thế giới; là có hai cách nói này. Có vô số người như vậy được vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, số người quá nhiều quá nhiều, thọ mạng cũng đều là vô lượng. "Thọ mạng diệc giai vô lượng", câu này là nói cái gì? Những người mới vãng sanh đều có

vô lượng thọ mạng, còn người ở Tây Phương Cực Lạc thế giới tu được rất lâu, thì không cần nói nữa, Phàm Thánh Đồng Cư Độ, người Hạ Hạ Phẩm vãng sanh đều là vô lượng thọ. Vậy còn người phẩm vị càng cao hơn, còn cần phải nói đến nữa sao? Điều này đã nói rõ, người người đều là vô lượng thọ vậy.

Thọ mạng của Phật dài, thường trụ tại thế gian; còn chúng sanh? Thì đã có nơi nương tựa. Như thế gian này của chúng ta, chúng sanh phước bạc, Thích Ca Mâu Ni Phật trụ thế tám mươi năm, tám mươi tuổi Phật viên tịch; sau khi Phật viên tịch, chúng ta chẳng có nơi nương tựa. Thật tại mà nói, tuy Ngài để lại thế gian nhiều kinh điển như vậy, ngày

nay chúng ta có cơ hội tiếp xúc đến nhiều kinh điển như vậy, vẫn là tu luyện một cách mù quáng, không biết mình phải nên học pháp môn nào, không biết căn tánh của chính mình. Tuy là học Phật, cái nghi hoặc của chúng ta chẳng đoạn, vẫn giữ lấy cái tâm hoài nghi; đây là chướng ngại rất lớn. Phật từng nói, Nghi là chướng ngại lớn của Bồ Tát, huống chi là kẻ sơ học ư? Phật nói nghi hoặc là đại chướng ngại của Bồ Tát, dụng ý đó rất sâu; trước kia chúng ta chẳng hiểu rõ, bây giờ đã biết được một tí, Bồ Tát nghi điều gì? Là hoài nghi Tịnh Độ. Tuy gặp được kinh điền này, nghe Phật nói pháp, họ không thể tiếp thọ, không tin; năm xưa trên hội Pháp Hoa, những người rút lui cũng rất

nhiều, chẳng thể tiếp thọ. Những người không tiếp thọ pháp môn này lại càng nhiều hơn. Cho nên Bồ Tát cần phải tu hành vô lượng kiếp, không thể trong một đời thành tựu, đây tức là cái chướng ngại của họ, đây tức là sự thiệt thòi lớn của họ. Cho nên khi Phật tại thế mới có được nương tựa.

Cái thế giới ấy của A Di Đà Phật, đúng là Thật Báo Trang Nghiêm Độ, là đạo tràng tu hành của Phật và Đại Bồ Tát, còn phàm phu chúng ta? Phía trước đã giới thiệu với quý vị rồi, là Ngũ Thừa khế nhập báo độ. Đây là xưa nay tổ sư chỗ nói đến, Ngũ Thừa [Nhân Thừa, Thiên Thừa, Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, Bồ Tát Thừa] đến Tây Phương Cực Lạc thế giới là

bình đẳng, tất cả đều nhập vào báo độ của Di Đà; điều này là bất khả tư nghị, những Bồ Tát thông thường chẳng thể tin điều này, chẳng thể tiếp thọ. Làm gì có sự việc này? Thật tại, Tây Phương thế giới là vô cùng đặc biệt, cùng với sát độ của chư Phật sát không giống nhau; vị giáo chủ Vô Lượng Thọ này là cái vô lượng chân thật. Những người vãng sanh là vô lượng thọ, thật sự mà nói, cũng là vô lượng chân thật, tại sao vậy? Trong một đời họ phải thành cái Phật quả cứu cánh, thành Phật rồi làm gì còn có thọ mạng! Tự nhiên là vô lượng đấy mà! Cho nên chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thật vậy, Di Đà thị hiện, đó là cái vô lượng của hữu lượng; sau khi chúng ta đến nơi

đó của Ngài, thật sự biến thành cái vô lượng chân thật, Lý như thị, Sự cũng như thị.

Phần dưới, A Di Đà Phật lại cử ra một thí dụ rất hay:

Kinh văn: "Giả linh tam thiên đại thiên thế giới chúng sanh".

[Nguyện thứ Mười Sáu, Thanh Văn Vô Số Nguyện]."Tam thiên đại thiên thế giới chúng sanh", thì chẳng biết là bao nhiêu người, người thì quá nhiều. Quý vị phải biết, chúng sanh này là nói lục đạo chúng sanh, chẳng phải nói nhân đạo, là chúng sanh trong lục đạo. Chúng sanh trên trái đất này, người trên trái đất này không quá nhiều, hiện nay vẫn chưa đến

năm mươi ức, nhưng loài kiến, loài muỗi trên trái đất này là bao nhiêu? Những động vật này là bao nhiêu? Thật chẳng có cách chi tính được. Huống hồ lại còn có ngạ quỷ, còn có địa ngục, [còn có súc sanh], còn có chư thiên; cho thấy ba ngàn đại thiên thế giới lục đạo chúng sanh, thì là quá nhiều quá nhiều. Phật cử ra thí dụ, giả sử nhóm người này:

Kinh văn: "Tất thành Duyên Giác".

Duyên Giác so với A La Hán còn cao hơn một bậc, trí tuệ thần thông so với A La Hán đều cao hơn một bậc.

Kinh văn: "Ư bách thiên kiếp".

Đây là nói về thời gian dài, chẳng phải một, hai ngày, chẳng phải mười, hai mươi năm, hoặc giả là vài trăm năm, vài ngàn năm, chẳng phải vậy; là thời gian dài đến một trăm ngàn kiếp, thời gian dài như vậy.

Kinh văn: "Tất cộng kế giảo".

Tức là nhóm Duyên Giác này; đây là lời giả thuyết. Nhóm Bích Chi Phật nhiều như vậy, với thần thông đạo lực trí tuệ của họ cùng chung với nhau tính toán. Tính toán cái gì? Tính cái thọ mạng dài ngắn này, đều tính không ra.

Kinh văn: "Nhược năng tri kỳ lượng số giả, bất thủ Chánh Giác".

Nói một cách thật tại, thọ mạng của những người ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, trừ Phật với Phật, Đẳng Giác Bồ Tát trở xuống đều chẳng biết; đây tức là cái vô lượng chân thật.

Kinh văn: "Ngã tác Phật thời, thập phương thế giới, vô lượng sát trung, vô số chư Phật, nhược bất cộng xưng thán ngã danh, thuyết ngã công đức quốc độ chi thiện giả, bất thủ Chánh Giác".

[Nguyện thứ Mười Bảy, Chư Phật Xưng Tán Nguyện]. Trong nguyện này, cái mà chúng ta phải chú ý.

"Thập phương thế giới", đây tức là chúng ta thường giảng đến tận hư không biến pháp giới, một thế giới cũng chẳng bỏ sót; vô số chư Phật, một vị Phật cũng chẳng sót. Không có một thế giới nào Phật chẳng giảng Tịnh Độ Tam Kinh, không có một vị Phật nào chẳng khuyên người cầu sanh Tịnh Độ. Trừ phi duyên của quý vị chưa thành thục, có giảng cho quý vị, quý vị không tin; không tin thì quý vị sẽ hủy báng Phật cho nên Phật chẳng nói. Bởi vì báng Phật thì có tội; Phật rất từ bi, chẳng để quý vị hủy báng, chẳng để quý vị tạo nghiệp, chẳng nói với quý vị; đây tức là cái nguyên nhân này.

Ngài thực hiện xong cái nguyện này, mười phương tất cả chư Phật đều

xưng tán A Di Đà Phật, đều xưng tán Tây Phương Cực Lạc thế giới. Bởi vì nếu nói đến độ chúng sanh, độ họ được cùng khắp, độ đến cứu cánh. Cùng khắp tức là trong hư không pháp giới, một chúng sanh đều chẳng bỏ sót; đức A Di Đà Phật độ chúng sanh, trên đến Đẳng Giác Bồ Tát, dưới đến A Tỳ địa ngục, đều bình đẳng được độ. Đây là Phổ, phổ biến; vả lại cứu cánh, có thể khiến cho tất cả chúng sanh bình đẳng thành Phật. Đây là tất cả chư Phật không bằng kịp; quý vị nên biết, chư Phật mà còn chẳng bằng, vậy thì Bồ Tát đương nhiên càng không thể sánh kịp. Chúng ta là người trên thế gian này, cảm tình rất nặng; có số người cùng Bồ Tát có duyên, chẳng niệm Phật mà

muốn niệm Bồ Tát, cảm tình đó khá nặng, xả không nổi thì kinh này phải niệm cho nhiều, phải giác ngộ. Tất cả chư Phật đều chẳng sánh bằng A Di Đà Phật, thì Bồ Tát đương nhiên càng không sánh bằng, vì sao quý vị chẳng niệm A Di Đà Phật, cứ nằng nặng đi niệm Bồ Tát? Một là tình chấp quá sâu, hai là chẳng liễu giải chân tướng, cho nên mới có sự lầm lẫn này.

Có số người niệm Bồ Tát đã niệm được nhiều năm, bây giờ nếu chẳng niệm Bồ Tát mà đi niệm Phật, hình như có lỗi với Bồ Tát; bị lương tâm trách móc. Còn có số người niệm kinh khác, ví như niệm kinh Kim Cang, niệm chú Lăng Nghiêm, niệm được khá nhiều năm; bây giờ bảo họ niệm A Di Đà Phật, niệm kinh Vô Lượng

Thọ, họ cũng không buông được, "Tôi đã niệm được quá nhiều năm rồi, hình như trong lòng có nỗi áy náy chẳng an". Đây đều là vọng tưởng, là phiền não; vọng tưởng, phiền não chẳng buông xuống được. Thật tại mà nói, ngày nay chúng ta hiểu rõ vô lượng thọ, chúng ta biết có A Di Đà Phật, chúng ta đổi lại niệm kinh Vô Lượng Thọ, đổi lại niệm kinh A Di Đà, là đem sự tu hành của chúng ta hướng lên trên thăng tiến, thăng đẳng cấp; đây là việt tốt. Làm gì có cậu học sinh đang học lớp tại trường, qua năm sau lên lớp mà chẳng muốn lên, nói: "Tôi đối với lớp Một cảm tình rất sâu", làm gì có đạo lý như vậy? Tâm lý ngày nay của quý vị là như thế đó, thi cử đã đậu rồi, muốn lên lớp mà xả

chẳng đành. Lẽ ra đã tốt nghiệp trường này rồi, cũng xả chẳng đành, muốn ở lại trường thêm nữa; quý vị bảo có tệ hại không chứ! Điều này là quá đỗi sai lầm.

Cho nên phải biết, có thể niệm Vô Lượng Thọ, có thể niệm A Di Đà Phật, đây là thăng cấp, đã thăng đến đỉnh cao nhất, chẳng còn gì cao hơn cái này nữa. Phật vì tất cả chúng sanh, mang đến lợi ích chân thật, hy vọng tất cả chúng sanh sớm ngày thành Phật, trên đường Bồ Đề thuận buồm xuôi gió, chẳng có chướng ngại. Vậy dùng phương pháp gì vậy? Tức là tiến cử, giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới, vãng sanh đến được Tịnh Độ rồi thì là thuận buồm xuôi gió; chướng ngại gì cũng đều chẳng còn

nữa. Quý vị thử nghĩ xem, giả như A Di Đà Phật không có một nguyện này, nguyện này cần tất cả chư Phật đều tiến cử, đều giới thiệu; nếu không có chư Phật tuyên dương thì chúng ta làm sao có thể biết được Tây Phương Tịnh Độ? Chúng ta làm sao biết được A Di Đà Phật? Cho nên Thế Tôn vì chúng ta tiến cử, giới thiệu. Ngày nay niệm đến một nguyện này, mới biết được Thế Tôn cũng là thọ nhận nguyện lực gia trì của A Di Đà Phật. Bổn nguyện của A Di Đà Phật khiến tất cả chư Phật Như Lai đều đến tán thán, đều đến tiến cử, giới thiệu. Ân đức này quá lớn quá lớn; ân Phật khó báo đáp, điều này là thật.

Kinh văn: "Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sanh, văn ngã danh hiệu, chí tâm tín nhạo, sở hữu thiện căn, tâm tâm hồi hướng, nguyện sanh ngã quốc nãi chí thập niệm, nhược bất sanh giả bất thủ Chánh Giác. Duy trừ Ngũ Nghịch, phỉ báng Chánh Pháp".

[Nguyện thứ Mười Tám, Thập Niệm Tất Sanh Nguyện]. Đây là nguyện thứ Mười Tám, là tinh tủy của Đại Nguyện; cổ đức đem tất cả tinh hoa trong bốn mươi chín năm chỗ thuyết pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật làm một cuộc so sánh. Quý vị hãy xem, Vô Lượng Thọ Kinh Chú Giải của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, ông ta nói được rất rõ ràng; vào thời

Tùy và Đường, nhóm đại đức Nhật Bản, Đại Hàn và Trung Hoa đã làm một thống kê để nói rõ trong tất cả kinh, Hoa Nghiêm là đệ nhất, hầu như mọi người đều công nhận điều này. Kinh mà Thích Ca Mâu Ni Phật giảng trong bốn mươi chín năm, Hoa Nghiêm là đệ nhất. Kinh Hoa Nghiêm cùng kinh Vô Lượng Thọ so sánh thì kinh Vô Lượng Thọ là đệ nhất, đem Hoa Nghiêm so sánh thấp xuống; Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, tất cả so sánh thấp xuống. Là đệ nhất kinh trong bốn mươi chín năm Thế Tôn chỗ giảng, tại vì sao? Đến sau cùng kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát Thập Đại Nguyện Vương đạo quy Cực Lạc rồi thì Hoa Nghiêm mới viên mãn; nếu như chẳng dẫn về Cực Lạc thì Hoa

Nghiêm không thể đạt đến tối cao phong, thì chẳng thể viên mãn.

Vậy do đây có thể biết, sau cùng Hoa Nghiêm tức là trở về Vô Lượng Thọ, Vô Lượng Thọ là tổng kết của Hoa Nghiêm. Do đây mới biết rõ, Vô Lượng Thọ là đệ nhất, kinh Vô Lượng Thọ là tinh hoa của kinh Hoa Nghiêm, là tinh tủy của kinh Hoa Nghiêm. Cho nên cổ đức gọi kinh Vô Lượng Thọ này là trung bản Hoa Nghiêm, tức là kinh Hoa Nghiêm; tám mươi quyển kinh quá lớn, quá dài; còn phân lượng này thì nhỏ, tức là trung bản. Trung bản đương nhiên còn có tiểu bản, còn tiểu bản Hoa Nghiêm thì sao? Phật thuyết A Di Đà Kinh. Kinh A Di Đà so với cái này thì càng ít, văn tự tuy có rộng lược chẳng

đồng; rộng tức là nhiều, lược là ít, khác nhau mà đạo lý chỗ nói bên trong chẳng khác, hoàn toàn tương đồng. Cho nên kinh Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà cùng với Hoa Nghiêm quan hệ vô cùng mật thiết; chúng ta đọc kinh này, quý vị xem, nơi nơi đều nói đến Phổ Hiền hạnh, Phổ Hiền đạo. Liên Trì đại sư chú giải tiểu bổn A Di Đà Kinh, gọi là Di Đà Sớ Sao, Ngài dùng phương pháp gì để chú giải? Hầu như là hoàn toàn dùng Hoa Nghiêm. Cho nên chúng ta đọc quyển A Di Đà Kinh Sớ Sao thì như là đọc một bộ kinh Hoa Nghiêm, phân lượng ấy cũng rất khả quan, nghĩa lý cũng sâu rộng vô lượng, chứng minh tiểu bổn A Di Đà Kinh đích thật là tinh hoa của kinh Hoa Nghiêm, cũng là

tâm kinh của kinh Hoa Nghiêm; điều này không sai.

Bộ kinh Vô Lượng Thọ này, địa vị của nó trong toàn bộ Phật pháp, tánh trọng yếu của nó, chúng ta đã rõ ràng rồi. Kinh Vô Lượng Thọ này của chúng ta có bốn mươi tám phẩm, phẩm nào quan trọng nhất? Chúng ta lại tiếp tục truy tầm. Đương nhiên là phẩm thứ Sáu, Bốn Mươi Tám Nguyện mà chúng ta đang giảng, Bốn Mươi Tám Nguyện là hạch tâm của kinh Vô Lượng Thọ. Lại hỏi, trong bốn mươi tám nguyện này, nguyện nào là tối trọng yếu? Chúng ta tiếp tục chẳng ngừng mà truy tầm, cổ đức có nói với chúng ta điều này rồi, chúng ta chẳng cần phải đi tìm nữa; tức là một nguyện này, nguyện thứ Mười

Tám. Nội dung của nguyện thứ Mười Tám là gì? Nội dung là "Thập niệm tất sanh", đã nói rõ công đức danh hiệu bất khả tư nghị; cho nên nguyện này tức là Nam Mô A Di Đà Phật. Truy đến điểm đỉnh tối cao nhất là một câu Nam Mô A Di Đà Phật, cho nên trước kia chúng ta thường thường nghe nói đến công đức danh hiệu bất khả tư nghị, chúng ta cũng chẳng biết vì sao công đức ấy lại bất khả tư nghị.

Như vậy thì chúng ta đã hiểu rõ, thì ra toàn bộ Phật pháp, đến cuối cùng muốn leo lên đến đỉnh núi, tức là lục tự Nam Mô A Di Đà Phật, sáu chữ này tức là tất cả Phật pháp. Niệm sáu chữ này thì sở hữu tất cả Phật pháp, hết thảy đều niệm đến, chẳng có một bộ kinh nào rời khỏi danh hiệu

này, chẳng có một pháp môn nào rời khỏi danh hiệu này, cũng chẳng có một vị Phật, Bồ Tát nào rời khỏi danh hiệu này. Cho nên quý vị niệm một câu A Di Đà Phật, sở hữu tất cả chư Phật Như Lai thảy đều niệm đến cả, sở hữu tất cả Bồ Tát cũng thảy đều niệm đến cả, chẳng cần phải niệm từng vị Bồ Tát, sở hữu tất cả kinh thảy đều niệm đến tất cả, bất luận là của Giáo Hạ, của Thiền Tông, của Mật Tông, toàn bộ đều niệm đến cả. Quý vị xem, cách này tiện lợi biết chừng nào, "Một tức là tất cả, tất cả tức là Một"; Một tức là Nam Mô A Di Đà Phật vậy. Cho nên, thời tiền Thanh, ngài Quán Đảnh đại sư có nói: "Chúng sanh tội nghiệp cực trọng, bất luận là kinh gì, bất luận là sám gì, đều

chẳng thể tiêu trừ nổi trọng tội ấy; đến sau cùng vẫn có một câu A Di Đà Phật này có thể đem nó tiêu trừ được một cách sạch sẽ rốt ráo".

Vậy hiện nay, người niệm Phật chúng ta rất nhiều, vì sao nghiệp chướng tiêu chẳng nổi? Quý vị thử nghĩ xem, hình như những gì trong kinh nói đến đó có khác; kỳ thật quý vị vẫn chưa hiểu rõ. Thế nào là chưa hiểu rõ? Quý vị, căn bản chưa có niệm Phật đấy mà. Quý vị niệm, chỉ là trên môi niệm A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, còn trong tâm chẳng có niệm, trong tâm vẫn là thị phi, nhân ngã, tham sân si mạn; cách niệm này không được, cách niệm này chẳng thể cảm ứng cùng với Phật. Vậy phải làm gì? Trong tâm phải có Phật. Cho nên

quý vị phải biết, cái niệm này là niệm từ cái tâm, chẳng phải miệng. Thật tại mà nói, văn tự của Trung Hoa, là trên toàn thế giới, bất cứ một quốc gia tân tộc nào đều chẳng có thể sánh nổi. Văn tự là phù hiệu, tổ tiên Trung Hoa sáng tạo ra văn tự này; những phù hiệu này dụng ý vô cùng thâm sâu, tràn đầy trí tuệ. Quý vị thử xem, chữ Niệm, phần trên là chữ Kim, dưới là chữ Tâm, cái tâm hiện tại của quý vị; trong cái tâm hiện tại thật sự có Phật, đấy gọi là niệm Phật. Chẳng phải ở trên miệng, miệng gọi là gì? Miệng gọi là xưng, xưng dương; niệm ở tâm, chẳng phải ở miệng. Trong tâm quý vị nếu thật sự có Phật, đấy gọi là niệm Phật; thì có thể tiêu nghiệp chướng. Miệng có Phật còn trong tâm không

có Phật thì nghiệp chướng chẳng tiêu nổi; cho nên nếu quý vị muốn tiêu tai miễn nạn, tiêu nghiệp chướng này thì trong tâm thật sự phải có Phật.

Cho nên niệm Phật, có rất nhiều cách niệm, trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật dạy chúng ta "Quán tưởng niệm Phật", "Quán tượng niệm Phật", "Trì danh niệm Phật"; phía sau đều có chữ Niệm. Quán Tưởng là trong tâm thường thường nghĩ tưởng, tưởng đến A Di Đà Phật, tưởng đến ba mươi hai tướng, tám mươi chủng hảo của Ngài. Tưởng đến Ngài từ lúc sơ phát tâm, trong kinh Vô Lượng Thọ có nói đến điều này; bái lão sư, cầu học, tu hành, chứng quả, hoằng pháp lợi sanh; nghĩ tưởng đến những điều này, đừng nghĩ cái khác. Nghĩ

cái này, nghĩ đến Tây Phương thế giới y chánh trang nghiêm; trong Thập Lục Quán Kinh có điều này. Trong tâm quý vị thật có, ngoài A Di Đà Phật ra, ngoài Tây Phương cảnh giới ra, trong tâm chẳng có niệm nào khác; đây gọi là Nhất Tâm Niệm Phật. Cho dù tôi muốn y theo kinh này niệm Phật rất thuộc, tôi vẫn nghĩ đến thị phi, nhân ngã, vẫn nghĩ đến tham, sân, si, mạn, cách niệm Phật này gọi là tạp tâm niệm Phật, đa tâm niệm Phật, loạn tâm niệm Phật; cách này chẳng có cảm ứng, cách này không thể tiêu nghiệp chướng. Cho nên phải nhất tâm niệm Phật, đây là dùng phương pháp Quán Tưởng.

Còn Quán Tượng Niệm Phật thì sao? Thông thường nói đó, phải là

người rất có phước báo, trong nhà anh có Phật Đường, cúng dường tượng Phật rất trang nghiêm, tự mình rất nhàn hạ, không làm việc, có người cúng dường cho quý vị. Hằng ngày quý vị tu hành những gì? Là nhìn tượng Phật, quán tượng niệm Phật, đem tướng hảo của Phật in thật sâu vào trong tâm mình; đây là Quán Tượng Niệm Phật. Tuy nhiên, nếu quý vị rời khỏi Phật Đường, rời khỏi tượng Phật thì công phu tu hành của quý vị liền đoạn mất; cho nên quý vị phải có một Phật Đường rất trang nghiêm, vả lại tốt nhất là bốn mặt Phật Đường đều có tượng Phật. Vì sao thế? Vì quý vị xoay chuyển đến phương nào, đều thấy được tượng

Phật cả; đây là Quán Tượng Niệm Phật.

Loại thứ ba gọi là Trì Danh Niệm Phật, đây là tiện lợi nhất. Trì danh, danh hiệu chẳng thể gián đoạn, danh hiệu đánh thức chính mình, trong tâm thật có; cho nên cổ đức dạy chúng ta phương pháp trì danh. Một câu Phật hiệu này của chúng ta từ trong tâm sanh ra, trong tâm có nó; trong miệng niệm ra, lại từ tai nghe trở vô, rồi lại trở về trong tâm; đây là người niệm Phật, đây đích thật là niệm Phật rồi. Mà câu Phật hiệu này chẳng phải chỉ trên đầu môi, còn trong tâm thì chẳng có, tai cũng chẳng có; Phật hiệu như vậy thì là vô dụng, đó tức là lời trào phúng của người xưa, quý vị có hét bể cổ họng cũng luống công, cho dù

niệm mười vạn tiếng Phật hiệu một ngày đều là vô dụng, hét bể cổ họng cũng là luống công. Trong tâm nhất định phải có Phật, điều này quan trọng.

Vậy tôi khuyên các bạn đồng tu sơ học, phải từ đọc kinh mà hạ thủ, trước tiên đem kinh Vô Lượng Thọ niệm ba ngàn biến, tôi yêu cầu đó chẳng phải quá đáng; một ngày niệm ba bộ, ba năm viên mãn, ba năm thì niệm được ba ngàn bộ. Mục đích là ở chỗ nào? Mục đích là ở tu Định. Ba ngàn bộ kinh niệm xong thì tâm được định, sẽ chẳng suy nghĩ bậy bạ nữa. Định vào một môn, định nơi một bộ kinh, vả lại ba ngàn biến niệm xong thì kinh này có thể đọc, tụng thuộc lòng; điều này rất quan trọng. Quý vị

phải nhớ được, nếu chẳng nhớ được, đối với sự tu hành của quý vị, không giúp được chi cả. Thật tại, có thể đọc thuộc lòng kinh này, tôi có thấy qua hai người, tôi rất bội phục, chính tôi đây cũng không có năng lực này. Khi tôi ở Houston Mỹ Quốc, có một bạn đồng tu cũng tạc trung niên, ông ta làm nghề buôn bán công việc rất bận; trong vòng năm tháng ông có thể đọc thuộc lòng. Chính ông cũng chẳng nghĩ đến, ông nói với tôi, ông niệm năm tháng thì có thể tụng thuộc lòng. Tôi nghe nói còn có một vị đồng tu, tôi chỉ gặp qua ông ta một lần ở Đài Bắc, chỉ một tuần là đọc thuộc lòng; đây có lẽ là tiền kiếp có túc căn mới nhanh như vậy. Nhưng ông niệm rất siêng năng, ngày đêm niệm không

ngừng thì một tuần ông có thể đọc thuộc lòng; cho nên hiện nay rất nhiều người có thể tụng thuộc lòng.

Vậy sau ba năm được ba ngàn biến rồi thì sao? Phải chú trọng vào Cầu Giải, ý nghĩa trong kinh phải minh bạch, rõ ràng, tức là phải cầu giải. Đều đã minh bạch rồi, rõ ràng rồi, thì phải làm theo, đó mới gọi là tu hành. Đem đạo lý trong kinh điển biến thành tư tưởng kiến giải của chúng ta, đem những lời giáo huấn trong kinh biến thành cuộc sống hành vi của chúng ta. Trong sinh hoạt ngày thường của chúng ta, xử sự, đối người, tiếp vật, quyết định là y theo lời giáo huấn của kinh Vô Lượng Thọ mà làm; quyết định chẳng trái ngược, đây gọi là chân tu hành. Vì vậy nên tâm của

quý vị cùng A Di Đà Phật như nhau, nguyện của quý vị cũng cùng A Di Đà Phật như nhau.

Quý vị xem, quý vị đã đem bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật biến thành bổn nguyện của chính mình rồi. A Di Đà Phật phát cái nguyện này, ta cũng phát cái nguyện này, cùng A Di Đà Phật nguyện như nhau, cùng A Di Đà Phật đồng giải, đồng hạnh. Thật sự có thể làm được, chao ôi, quý vị tức là hóa thân của A Di Dà Phật, quý vị còn chưa vãng sanh thì ai vãng sanh? Đây quyết định vãng sanh mà, đây gọi là chân niệm Phật; cho nên Niệm Phật, quý vị phải ghi nhớ, chẳng phải có miệng mà không tâm, cách đó không thể được.

Trước kia khi tôi mới học Phật, chúng tôi có vài người bạn đồng tham, bạn bè học Phật thường thường ở một nơi để biện luận, có một bạn học nói trong Phật pháp nói Phật là vạn đức vạn năng. Tôi không tin câu nói này, đây đều là lời tán thán, chẳng phải sự thật; giống như xưa kia thời đại đế vương, chúng ta thông thường tán thán hoàng đế là vạn tuế, vạn vạn tuế. Kỳ thật vua sống đến một trăm tuổi không nhiều, làm gì có đến một vạn tuổi, phải không? Đó là lời dối trá, không phải thật. Phật làm gì có được năng lực này? Nói vạn đức vạn năng, nhất định là để nghe cho hay mà thôi, để tán thán đấy thôi. Tại sao vậy? Giả như có một người đã tạo thập ác ngũ nghịch rất nặng rất nặng, lập tức sẽ

phải đọa địa ngục, Phật có năng lực khiến họ lập tức thành Phật chăng? Nếu như có năng lực này thì là vạn đức vạn năng, chúng ta có thể tin. Nếu như chẳng có được năng lực này, vậy thì là lời ca tụng tán thán, chẳng phải thật; lúc đó đề ra cách nhìn này. Chúng tôi, rất nhiều bạn học đều lặng câm, chẳng nói được lời gì; đáp không ra.

Đến sau này, chúng tôi đọc đến kinh này, đọc đến nguyện này, ồ, mới hiểu rõ, nếu như lúc ấy được đọc đến bộ kinh này thì chúng ta có lời đáp phúc cho họ rồi. Quả thật, thập niệm nhất niệm, thập niệm tất sanh, vừa sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì thành Phật; có thể thấy, vạn đức vạn năng chẳng phải là lời tán

thán, là sự thật. Vậy thì tại sao chúng sanh không thể thành Phật? Vì chúng sanh chẳng chịu làm. Tự mình nghiệp chướng nặng, chẳng thể trách Phật được; thật tại mà nói, dù nghiệp chướng có nặng hơn, nhưng chịu vâng lời, chịu tin Phật, đều có thể lập tức thành Phật. Chỉ vì là chẳng tin, hoài nghi, không chịu làm, vậy thì chẳng còn có cách chi nữa. Những người chịu làm, với một nguyện này, đích thật bất khả tư nghị. Nguyện này là tổng cương lĩnh của toàn bộ Phật pháp, là ngọn núi tối cao trong toàn bộ Phật pháp. Không chỉ là Thích Ca Mâu Ni Phật, mà có thể nói là tất cả mười phương chư Phật Như Lai độ chúng sanh thành Phật đạo, thì cái pháp này là đỉnh núi đệ nhất đấy.

Công đức danh hiệu thật sự bất khả tư nghị. Chúng ta lại xem kỹ một niệm này, trong này một chữ cũng không được buông lỏng. "Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sanh", tất cả chúng sanh đều bao gồm cả bên trong, "văn ngã danh hiệu", Văn là nghe nói, nghe thấy. Trong chữ Văn này, quý vị phải biết, phải bao gồm Chân Tín, Thiết Nguyện, cái này mới gọi là Văn. Nếu như trong Văn chẳng có Tín - Nguyện thì là thính mà chẳng Văn; nghe được rồi nhưng không có Văn. Cho nên phía dưới Ngài nói: "Chí Tâm tín nhạo", đây là bốn chữ then chốt và khẩn yếu. Có thể vãng sanh hay không, đều được quyết định nơi trên bốn chữ này. Chí tâm là chân tâm, chân thành đến chỗ cùng cực

mới gọi là chí tâm; chân thành đến chỗ cùng cực, cái tâm như thế nào mới là chân thành đến chỗ cùng cực? Khi nãy đã nói qua với quý vị, Nhất Tâm. Trong tâm hãy còn một tạp niệm, đó chẳng phải là chí tâm; trong tâm, một tạp niệm cũng không có. Thân tâm thế giới tất cả buông xuống rồi, trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, đây gọi là Chí Tâm. Tín Nhạo là chân tín, một tơ hào hoài nghi đều chẳng có, đây gọi là Tín. Nhạo là ưa thích, ưa thích A Di Đà Phật, ưa thích Tây Phương Cực Lạc thế giới, thật sự muốn đi; như vậy mới được.

"Sở hữu thiện căn, tâm tâm hồi hướng", trong một đời này, một tơ hào việc thiện, tâm thiện, hành thiện đều hồi hướng trang nghiêm Tịnh Độ;

đều đem công đức này hồi hướng trang nghiêm Tịnh Độ, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, "Nguyện sanh ngã quốc". Ngẫu Ích đại sư, trong phần Yếu Giải nói với chúng ta, có thể vãng sanh hay không, quyết định ở nơi Tín - Nguyện có hay không; cũng là từ một nguyện này mà nói. Phẩm vị cao thấp là ở nơi công phu trì danh sâu hay cạn; công phu trì danh sâu thì phẩm vị cao, công phu trì danh cạn thì phẩm vị thấp. Hãy ghi nhớ, công phu trì danh sâu cạn, chẳng có nói trì danh nhiều hay ít; nhiều và ít cùng công phu khác nhau. Trì danh, phải có công phu; cái gì gọi là công phu? Lúc niệm Phật, tâm địa thanh tịnh, không hoài nghi, không xen tạp, gọi là công phu. Nếu như chúng ta

niệm Phật mà hoài nghi, xen tạp, thì cách này chẳng có công phu, cách này chẳng dễ có được lợi ích. Cho nên Đại Thế Chí Bồ Tát dạy cho chúng ta "tịnh niệm tương kế", cái niệm đó phải thanh tịnh, đây mới có cảm ứng, mới tương ứng. Chỗ nay nói với chúng ta, chẳng ở nơi nhiều hay ít.

"Nãi chí thập niệm", Thập niệm thì rất ít; người xưa vì chúng ta giải thích cái niệm này. Thập niệm này là mười niệm của lúc bình thường hay là mười niệm của lúc lâm chung? Nói theo cách nghiêm khắc, thực tế, đây là thập niệm lúc lâm chung; tuy nhiên thập niệm của lúc bình thường cũng giải được thông. Ngài Từ Vân Quán Đảnh pháp sư dạy người pháp Thập Niệm, đó là những người thường làm

việc bận rộn, những người không có thì giờ làm công khóa sáng tối; Ngài truyền một pháp Thập Niệm. Phương pháp là hít đầy một hơi, vậy là một niệm; một hơi này niệm Phật chẳng kể nhiều hay ít, có người hơi dài, có người thì hơi ngắn, không quan hệ, không kể nhiều ít. A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, một hơi này gọi là một niệm, thời gian này chẳng dài. Sáng thức dậy rửa mặt súc miệng xong, có tượng Phật thì đứng trước tượng Phật chấp tay lễ bái niệm mười hơi; nếu chẳng có tượng Phật thì hướng mặt về hướng Tây niệm mười hơi Phật hiệu. Sáng một lần, tối một lần, tập thành thói quen, trong một đời một lần cũng chẳng thiếu; đây cũng gọi là "tịnh

niệm tượng kế". Họ chẳng thiếu mỗi ngày đến lúc thì niệm, phương pháp này rất hay. Trong mấy trăm năm nay, rất nhiều người dùng phương pháp này mà niệm Phật thành tựu.

Tôi còn nhớ lần trước, hình như là năm ngoái, tôi ở tại đây truyền cho quý vị một pháp Thập Niệm mới, cùng với pháp của Quán Đảnh pháp sư khác nhau, so với pháp của Ngài còn đơn giản hơn; của Ngài vẫn còn phải niệm mười hơi, còn của tôi thì chẳng cần. Tức là niệm mười câu A Di Đà Phật, chẳng kể một hơi hay hai hơi, tức là niệm mười câu Phật hiệu; tôi nghĩ thời gian chỉ cần một phút là đủ. Nhưng một ngày phải niệm chín lần, lợi ích nhiều vô cùng. Sáng sớm thức dậy niệm một lần, lúc ăn cơm

niệm một lần; một ngày anh ăn ba bữa cơm, lúc ăn cơm thông thường Phật giáo đồ đều niệm chú Cúng Dường, cúng dường Phật, cúng dường Pháp, cúng dường Tăng, cúng dường tất cả chúng sanh, trên thực tế đều là hữu khẩu vô tâm. Chẳng bằng lão thật niệm Phật, mười câu A Di Đà Phật; cho nên chúng tôi dùng Phật hiệu thay thế cho chú Cúng Dường. Chúng ta niệm A Di Đà Phật, niệm mười câu A Di Đà Phật, dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm cung kính để niệm mười câu Phật hiệu này; niệm xong mười câu Phật hiệu này thì ăn cơm, thân tâm thanh tịnh, ăn thức ăn có thể hấp thụ giúp cho tiêu hóa, lợi ích nhiều, đây là sự thật.

Buổi sáng vào sở, tan sở, buổi chiều vào sở, tan sở, mỗi một lần; ban đêm trước khi ngủ một lần. Một ngày chín lần, tập thành thói quen, thời gian tuy ngắn nhưng khoảng cách không lâu thì có một lần; một ngày chín lần huân tu, hiệu quả này rất lớn. Lúc tôi đề ra phương pháp này, chẳng bao lâu chừng hai tuần sau, những đồng tu ở Mã Lai điện thoại nói với tôi, họ đều cảm thấy có hiệu quả và cảm ơn tôi. Họ thật sự làm theo, cho thấy trong hai, ba tuần thì thấy được hiệu quả, phương pháp hay vô cùng. Những người có công việc, dù bận rộn hơn nữa, đều có thể tu; đối với việc làm của quý vị, đối với cuộc sống của quý vị, chỉ có giúp ích tuyệt

đối chẳng có trở ngại, vậy đây đều là phương pháp dùng thập niệm này.

Nguyện văn phần cuối nói: "Duy trừ Ngũ Nghịch, phỉ báng Chánh Pháp", tội Ngũ Nghịch nặng vô cùng; giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, phá hòa hợp Tăng, làm thân Phật chảy máu; năm tội này là cực trọng. Nhưng trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, Phật dạy cho chúng ta, tội Ngũ Nghịch này niệm Phật, thập niệm lúc lâm chung vẫn có thể vãng sanh; có thể thấy chỗ này, trọng điểm là nơi một câu phía dưới. Nếu như hủy báng Chánh Pháp, họ vốn chẳng tin, họ đương nhiên không tin, không muốn, không chịu niệm, chẳng phải họ không được cứu, là họ chẳng chịu tiếp thọ. Nhưng trong câu này là Phật nói

gì? Hàm ý rất sâu. Phần nhiều những người tạo tội nghiệp cực trọng, rất khó hồi đầu, rất chẳng dễ tin; điều này cũng là sự thật, đều là sự thật. Cho nên từ trong một nguyện này chúng ta biết được yếu quyết của sự niệm Phật, giáo nghĩa căn bản của sự vãng sanh; đương nhiên niệm Phật, niệm được càng nhiều thì càng tốt, đa đa ích thiện. Chúng ta có thể nhất tâm chuyên tu, điểm này vô cùng quang trọng, thật sự đã đem những thứ khác, cả thảy đều buông xuống, phải chuyên tu, chuyên lễ. Mỗi ngày chúng ta lễ Phật, chỉ lễ A Di Đà Phật; chuyên niệm A Di Đà Phật, chuyên tưởng A Di Đà Phật.

Khi nãy đã nói, tâm nguyện giải hành, thứ thứ đều đồng như Phật; đây

tức là trong Quán Kinh chỗ nói: "Thị tâm tác Phật". "Nhất thiết pháp tùng tâm tưởng sanh", cái tâm này của chúng ta thật sự là đang làm Phật. Trong thập pháp giới, chúng ta là chuyên viên Phật pháp giới; đây cũng tức là pháp tu học cụ thể nhất của "Thị tâm tác Phật". Tự tự nhiên nhiên ám hợp đạo diệu, Đạo Diệu tức là "Thị tâm thị Phật"; tự nhiên cùng nó tương hợp. Trước kia, Thiện Đạo đại sư nói với chúng ta bốn mươi tám nguyện, từ phía trước đoạn thứ Bảy mãi cho đến chỗ này; đoạn thứ Bảy là nguyện thứ Mười Ba, cũng tức là nói, trong nguyện thứ Mười Ba đến Mười Tám. "Định thành Chánh Giác, quang minh vô lượng, thọ mạng vô lượng, chư Phật xưng tán, thập niệm tất

sanh”, năm nguyện này là trí tuệ chân thật, là tinh hoa của Bốn Mươi Tám Nguyện, là trung tâm của Bốn Mươi Tám Nguyện. Có thể thấy rằng, năm nguyện này đích thật là hoằng thệ tinh yếu của A Di Đà Phật, bổn hoài của Di Đà. Tại chỗ này chúng ta có thể thấy được rõ rõ ràng ràng minh minh bạch bạch, Ngài là muốn khiến tất cả chúng sanh quyết định thành Phật; chẳng phải nhiều kiếp tu hành, trong một đời là đem vấn đề này giải quyết ngay. Vì để thực hiện đại nguyện này, mới có “thập niệm tất sanh”, cái nguyện vọng thù thắng này, chúng sanh niệm Phật quyết định thành Phật.

Năm trước, tôi đọc Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh; trong Quán Kinh thấy được một đoạn khai thị của

Tam Phước, tôi biết được, đó là cơ sở nhập môn chân thật, tôi rất coi trọng đoạn kinh văn này. Nhưng trong điều thứ ba, "Phát Bồ Đề tâm, Thâm tín nhân quả, Độc tụng Đại Thừa, Khuyến tấn hành giả"; trong bốn câu này, tôi đã suy xét câu "Thâm tín nhân quả" trong nhiều năm mà chẳng giải được, chẳng biết ý nghĩa của nó là gì! Vì sao tôi không hiểu câu nói này? Giả như câu này ở trong điều thứ nhất thì tôi không hoài nghi, nhưng nó ở trong điều thứ ba thì tôi hoài nghi. Điều thứ ba là gì? Điều thứ ba là Bồ Tát, [điều thứ nhất là Nhân Thiên, điều thứ hai là Tiểu Thừa, điều thứ ba là Bồ Tát], Bồ Tát còn phải tin sâu nhân quả! Nhân quả gì? Thông thường, nhân duyên quả báo này

chúng ta đều tin, thiện có thiện báo, ác có ác báo; người người chúng ta đều tin, lẽ nào Bồ Tát chẳng tin? Cho nên đối với cứu cánh, là nhân quả gì đây? Tôi hoài nghi nhiều năm, mới hoảng nhiên đại ngộ, mới hiểu rõ ràng, nhân quả gì đây? Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả; tức là pháp môn này, tức là pháp môn Tịnh Độ. Thật tại mà nói, tôi rất ngu, là ngay trên mặt bản kinh này mà nhìn không ra, phải mất hết nhiều năm mới nhìn ra được. Câu đó chẳng có rời khỏi bản kinh, tức là trong bản kinh này nói đến, niệm Phật là chân nhân, thành Phật là chân quả vậy. Phải biết điều này.

Ngài Thiện Đạo đại sư triều nhà Đường, đây là Đệ Nhị tổ sư trong

Tịnh Tông chúng ta, Đệ Nhị đại tổ sư; Ngài có hai câu danh ngôn, nói rằng: "Như Lai sở dĩ hưng xuất thế, duy thuyết Di Đà bổn nguyện hải", đây là lời của tổ sư Tịnh Tông chúng ta nói. Mà trong truyện ký có người nói Ngài là A Di Đà Phật tái lai; trong lịch sử, hình như thân phận này đã lộ ra, có ba người là A Di Đà Phật tái lai. Người thứ nhất là Thiện Đạo đại sư, vị thứ hai là Vĩnh Minh Diên Thọ, vị thứ ba là trong chùa Quốc Thanh ở Thiên Thai, Phong Can hòa thượng. Phong Can và Hàng Sơn, Thập Đắc; Hàng Sơn, Thập Đắc là Văn Thù, Phổ Hiền, Phong Can hòa thượng là A Di Đà tái lai; đây là thân phận đã lộ ra mà người thời sau chúng ta biết được. Vậy nếu là A Di Đà Phật tái lai, thì

hai câu này là chính A Di Đà Phật nói; nói với chúng ta một sự thật, tất cả chư Phật Như Lai thị hiện Phật thân vì chúng sanh nói pháp. Như Quán Thế Âm Bồ Tát trong ba mươi hai ứng thân, nên lấy Phật thân mà nói pháp, tức hiện Phật thân mà vì đó nói pháp, nói pháp gì vậy? "Duy thuyết Di Đà bổn nguyện hải".

Vậy nói một cách khác, kinh Vô Lượng Thọ, Tịnh Độ Tam Kinh là nói những gì? Tức là nói bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật. Một bộ tám mươi quyển Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh vẫn là nói về Di Đà bổn nguyện, lại mở rộng ra, Thích Ca Mâu Ni Phật, bốn mươi chín năm chỗ nói, chúng ta ngày nay thu thập toàn bộ Đại Tạng Kinh, quý

vị thử nghĩ xem, nói đó là những gì? Cũng là nói bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật. Càng nói càng rộng, càng nói càng tế, nói vô lượng vô biên; đều là nói cái này. Cho nên Bốn Mươi Tám Nguyện là tổng cương lĩnh của tất cả chư Phật nói pháp; nắm được cái này rồi thì nắm được hết thảy tất cả Phật pháp.

Vậy thì nguyện thứ Mười Tám, Thập Niệm Tất Sanh là cương lĩnh của cương lĩnh, trên tột đỉnh; tột đỉnh tức là một câu Phật hiệu này. Đến đây chúng ta mới đem cái giá trị của Phật hiệu ấy thấu hiểu rõ ràng, nếu quý vị chẳng nhận biết rõ ràng, chẳng biết mặt hàng; chẳng biết mặt hàng thì làm sao chịu đem món đồ này cho là của quý chứ? Làm sao chịu hết lòng

tu học? Đến lúc quý vị thật sự hiểu rõ, thật sự nhận thức, nhận thức một cách thấu triệt thì lúc bấy giờ quý vị tự nhiên đem nó xem như trân bảo, quyết định chẳng thể xả bỏ, quyết định chẳng thể buông xuống, nhiên hậu mới có thể làm đến lão thật niệm Phật; lão thật niệm Phật chẳng dễ. Tuy nhiên, có một số người vẫn không hiểu rõ, như có một số cụ bà lớn tuổi, họ có thể lão thật niệm Phật, lúc lâm chúng đứng mà vãng sanh, ngồi mà vãng sanh. Họ cái chi cũng chẳng biết, đó là thiện căn của người ta quá dầy, chúng ta chẳng sánh nổi, nhiều đời nhiều kiếp tu được thiện căn, phước đức, chúng ta làm sao có thể sánh với họ được? Trong tâm họ không có tạp niệm, từ sáng đến tối chỉ

là một câu Phật hiệu; còn chúng ta suốt ngày cứ suy nghĩ bậy bạ, đây là thiện căn, phước đức chẳng bằng họ.

Những người như chúng ta đây, chỉ có một phương pháp, hiểu rõ ràng rồi, minh bạch rồi, thật sự nhận thức rõ ràng rồi, hết lòng hết dạ, thì mới chịu buông bỏ vọng tưởng tạp niệm; nếu chẳng phải thế thì không chịu buông bỏ. Phàm phu có thể trong một đời này khế nhập Thật Tướng, tức là nhà Thiền chỗ nói, minh tâm kiến tánh, chúng ta nói khế nhập Thật Tướng, một đời viên mãn thành tựu. Thật tại mà nói, duy chỉ có lão thật niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Ngoại trừ một môn này ra, tự quý vị nghĩ thử xem, có biện pháp đem cái thị phi, nhân ngã, tham, sân, si, mạn này tẩy

rửa hết chăng? Nếu như cảm thấy không có biện pháp thì hãy gắp rút niệm Phật, có biện pháp thì có thể chẳng cần niệm Phật. Nếu chẳng có biện pháp thì niệm Phật là đệ nhất, chỉ có niệm Phật vẫn là cao nhất. Thôi, hôm nay chúng tôi xin giảng đến nguyện này. A Di Đà Phật

Tập 11

Xin lật kinh bản trang ba mươi, hàng thứ ba, đây là đoạn thứ mười một, nguyện thứ Mười Chín của Đại Nguyện.

Kinh văn: "Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sanh, văn ngã danh hiệu, phát Bồ Đê tâm, tu chư công đức, phụng hành Lục Ba La Mật, kiên cố bất thoái".

Đây là nguyện thứ Mười Chín [Văn Danh Phát Tâm Nguyện].

Kinh văn: "Phục dĩ thiện căn hồi hướng, nguyện sanh ngã quốc, nhất tâm niệm ngã, trú dạ bất đoạn.

Lâm thọ chung thời, ngã dữ chư Bồ Tát chúng, nghênh hiện kỳ tiền, kinh tu du gian, tức sanh ngã sát, tác A Duy Việt Trí Bồ Tát. Bất đắc thị nguyện, bất thủ Chánh Giác".

[Nguyện thứ Hai Mươi, Lâm Chung Tiếp Dẫn Nguyện]. Nguyện Mười Chín này, cổ đức cũng vô cùng coi trọng, bởi vì trong phần Tam Bối Vãng Sanh, Thế Tôn nói với chúng ta cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, cái điều kiện tối cần yếu là cái Thượng, Trung, Hạ tam bối này, đều phải đầy đủ "Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm". Nguyện thứ Mười Tám là: "Nhất hướng chuyên niệm", đây tức là phía trước giảng "Thập Niệm Tất Sanh", là "nhất

hướng chuyên niệm". Còn một niệm này, niệm thứ Mười Chín là "Phát Bồ Đề tâm", có thể thấy được hai nguyện này vô cùng quan trọng.

Trong một nguyện này, chúng ta nhất định phải đem nó nhận thức rõ ràng, đó tức là Phát Bồ Đề tâm, Bồ Đề là tiếng Phạn, dịch thành nghĩa tiếng Hán là Giác Ngộ, là sự giác ngộ chân thật, chân chánh giác ngộ. Trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, Thế Tôn nói với chúng ta Tam Tâm, "Chí Thành tâm", chữ Chí Thành này là chân thành đến chỗ cùng cực, chí thành, "Thâm Tâm, Hồi Hướng Phát Nguyện tâm", đây tức là Bồ Đề tâm. Cùng với trong Khởi Tín Luận, ngài Mã Minh Bồ Tát chỗ nói: "Trực tâm, Thâm tâm, Đại Bi tâm", ý nghĩa

tương đồng. Cổ đức vì chúng ta giảng giải ba cái tâm này, giảng được rất nhiều; thật tại mà nói, chúng ta cũng rất khó thể hội.

Ngược lại, chẳng bằng ngài Ngẫu Ích đại sư, trong A Di Đà Kinh Yếu Giải nói với chúng ta đó, đã rõ ràng lại dễ hiểu. Ngài nói chúng ta chân chánh phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, cái tâm nguyện này là chân thật. Ngài nói cái tâm này tức là Vô Thượng Bồ Đề tâm, cách này chúng ta dễ hiểu. Nói một cách khác, chỉ cần chúng ta một lòng một dạ mơ ước hâm mộ Tịnh Độ, cầu sanh Tịnh Độ, tâm này tức là Vô Thượng Bồ Đề tâm. Trước ngài Ngẫu Ích đại sư, chưa có ai nói qua cách nói này; đây là lối khai sáng đầu tiên, chưa từng có của Ngài.

Nhưng chúng ta càng nghĩ, càng thấy có đạo lý, quả thật phù hợp với bổn nguyện độ sanh của Như Lai, đây tức là quả thật Vô Thượng Bồ Đề tâm.

Trong những kinh Đại Thừa thông thường nói đến Bồ Đề tâm, nhất định bao hàm Tứ Hoằng Thệ Nguyện, cho nên có thể nói là Tứ Hoằng Thệ Nguyện có đủ sự tu học cụ thể của Bồ Đề tâm; có thể thấy, điều này vô cùng quan trọng. Cũng tức là nói, thực hiện Bồ Đề tâm trên việc tu hành tức là Tứ Hoằng Thệ Nguyện; thứ nhất phải phát đại nguyện độ chúng sanh thành Phật đạo, sau khi tâm nguyện này sanh khởi thì có một khối lực lượng bất khả tư nghị đang thúc đẩy quý vị tinh tấn, không giải đãi. Chúng ta học Phật, vì sao có

thể thoái chuyển? Bởi vì học Phật rồi, là muốn tự mình thành tựu; tự mình sớm một ngày thành tựu thì rất tốt, trễ một ngày cũng chẳng sao, bởi thế nên giải đãi. Giả như quý vị phát cái tâm là muốn cứu độ tất cả chúng sanh, cái sứ mạng thì là trọng yếu, tôi thành Phật trễ một ngày thì chúng sanh thọ khổ thêm một ngày; tôi thành Phật sớm một ngày thì họ sẽ thọ khổ ít đi một ngày. Cái sức mạnh này thì lớn, không thể giải đãi; chẳng thể bảo chúng sanh vì ta mà thọ thêm một ngày khổ nạn; sức mạnh này đang thúc đẩy. Cho nên họ có thể hết lòng để đoạn phiền não, tu học pháp môn, viên thành Phật đạo; quay đầu trở lại, thì việc độ vô lượng vô biên chúng sanh này mới có thể đạt được viên

mãn. Như vậy thì chúng ta cũng hiểu việc này rõ rồi, tại sao Bồ Tát tu hành mà không mỏi mệt nhàm chán, họ tinh tiến thế đó, tức là đạo lý này.

"Tu chư công đức", đây là nói, sau khi phát tâm, cái đại hạnh chỗ tu; "phụng hành Lục Ba La Mật", đây là đem cương lĩnh tu hành của Bồ Tát nói ra, tu gì đây? Tu Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Bát Nhã. Phía trước đều đã từng nói qua những thứ này, không cần phải nói nhiều nữa. "Kiên cố bất thoái", họ tại sao có thể kiên cố bất thoái? Tức là vì có Bồ Đề tâm. "Phục dĩ thiện căn hồi hướng", chỗ họ tu tập tất cả thiện căn đều hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ. "Nguyện sanh ngã quốc, nhất tâm niệm ngã, trú dạ bất đoạn",

cần phải rõ ràng điểm này; nhất tâm niệm Phật, chẳng thể gián đoạn, cái niệm này chẳng phải nơi miệng niệm, là trong tâm thật có, trong tâm chúng ta đích thật có A Di Đà Phật. Chẳng những có A Di Đà Phật, mà một niệm duy nhất tức là niệm A Di Đà Phật; nói một cách khác, ngoại trừ A Di Đà Phật ra, trong tâm chẳng có niệm thứ hai, đây gọi là nhất tâm chuyên niệm. Niệm A Di Đà Phật thì phải học A Di Đà Phật, phải noi theo A Di Đà Phật. A Di Đà Phật giữ đó là tâm gì? A Di Đà Phật có nguyện vọng gì? Trong sinh hoạt ngày thường, A Di Đà Phật sống như thế nào? Những chỗ này, chúng ta đều phải học tập. Trong sinh hoạt thường ngày, A Di Đà Phật tận tâm tận lực giúp đỡ tất cả chúng sanh

phá mê khai ngộ, giúp đỡ tất cả chúng sanh Tín - Nguyện - Trì Danh, cầu sanh Tịnh Độ; vậy chúng ta cũng đem sự việc này xem như một việc đại sự trong một đời của chúng ta.

Pháp môn Niệm Phật này hay vô cùng, thù thắng vô cùng, tuyệt đối chẳng làm trễ nải thế gian pháp. Ở trong gia đình, quý vị niệm Phật chẳng trở ngại công việc của quý vị; nếu như quý vị buôn bán, quý vị ở trong ngành nghề, từ chủ nhân đến công nhân quý vị có thể khuyên họ niệm A Di Đà Phật. Quả nhiên đã niệm A Di Đà Phật rồi thì công việc của quý vị có thể làm được càng thoải mái, càng vui thích, càng viên mãn, chẳng cảm thấy mệt nhọc, không thể nhàm chán, đây đều là sự thật. Chỗ

hay ho lợi ích của sự niệm Phật, thật quá nhiều quá nhiều; cho nên không trở ngại việc làm, đối với việc làm chỉ có lợi ích, chẳng có hại. Phàm phu, nếu muốn minh tâm kiến tánh, nếu muốn kiến tánh thành Phật, phương pháp Nhất Tâm Chuyên Niệm cầu sanh Tịnh Độ này, thật tại mà nói, là một con đường vững vàng, yên ổn nhất. Cho nên ở chỗ này Phật dạy cho chúng ta "Nhất tâm niệm ngã, trú dạ bất đoạn", điều này, quý vị biết được trong tâm có chẳng phải chỉ trên miệng xưng niệm; đây là nhân.

Phát Bồ Đề tâm là chân nhân của sự niệm Phật. Phần dưới là nói về quả đức, "Lâm thọ chung thời", thọ mạng con người chúng ta trong một đời này là có nhất định; quả báo này là cái

nhân của kiếp trước tu, kiếp này có được quả báo ấy. Khi quả báo này của chúng ta báo hết rồi, không thể còn luân hồi nữa, lúc bấy giờ thì A Di Đà Phật đến tiếp dẫn chúng ta. Vậy cũng có người thọ mạng được kéo dài, tại thế gian này thọ mạng kéo dài có tốt không? Thật tại mà nói, sống thêm một ngày là thọ tội thêm một ngày; sớm một ngày vãng sanh thì gặp Phật sớm một ngày, chứng quả sớm được một ngày. Cho nên tôi nghĩ rằng, những người thật sự giác ngộ, quyết định chẳng cầu sống lâu, chẳng cầu cái này; tuy nhiên nếu thọ mạng kéo dài rồi, nó có cái nhân duyên của sự kéo dài, nhân duyên đó là gì? Trong Phật pháp thường nói: "Phật chẳng độ người vô duyên; Phật độ chúng sanh,

phải có duyên phần”; người này cùng Phật có duyên. Thế gian này vẫn còn nhiều chúng sanh cùng quý vị có duyên, quý vị khuyên họ, họ có thể nghe; người khác khuyên họ, họ chẳng nghe. Người có duyên nhiều như vậy, cơ duyên được độ của họ đều ở vào lúc này thành thục, vậy thọ mạng của quý vị đến rồi cũng không đi được, vẫn phải sống thêm vài năm giúp đỡ cho họ, điều này là nên. Cho nên người niệm Phật chúng ta, nếu thọ mạng kéo dài rồi, nhất định là lợi ích cho tất cả chúng sanh, giúp đỡ cho càng nhiều người niệm Phật vãng sanh. Nếu chẳng phải lý do này, thật tại mà nói, không có lý do gì ở thêm một ngày tại thế gian này, không có lý do.

"Lâm thọ chung thời, ngã dữ chư Bồ Tát chúng, nghênh hiện kỳ tiền", vào lúc lâm chung Phật đến tiếp dẫn quý vị. Vào lúc này, xem công phu niệm Phật của quý vị, xem duyên phần của quý vị; nếu công phu của quý vị tốt, duyên lại thù thắng, những người cùng với A Di Đà Phật đến tiếp dẫn rất nhiều rất nhiều. Nếu như công phu của quý vị cạn, lúc bình thường lại chẳng thích cùng người kết pháp duyên, vậy khi A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, những người cùng đi chẳng nhiều; chúng ta phải hiểu rõ điều này, phải tranh thủ, đây là lúc bình thường chúng ta một lòng xưng niệm, rộng kết Phật duyên. Phương pháp này là chúng ta rộng kết pháp duyên, sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới,

những người hoan nghênh thì quá nhiều. Vậy trong số người cùng đến với Phật này, có rất nhiều rất nhiều đều là gia thân quyến thuộc, bạn bè đồng tham ở trong đời quá khứ, họ sớm đã vãng sanh rồi, nay nghe được quý vị đã đến, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, họ đều cùng nhau theo Phật đến hoan nghênh quý vị, đến tiếp dẫn quý vị.

Phía trước chúng ta đã đọc qua, oai thần bổn nguyện của A Di Đà Phật vừa gia trì thì túc mạng thông của quý vị liền hiện tiền, vừa gặp mặt nhau thì quý vị đều nhận biết những người [quen] này từ đời đời kiếp kiếp quá khứ; trong đời nào, trong kiếp nào, họ cùng ta có quan hệ gì, hết thảy nhận biết cả, quý vị nhất định

phải biết. Duy chỉ có tại lục đạo luân hồi thì rất cô độc, con người vừa mới chết, vừa mới luân hồi thì gia thân quyến thuộc liền phân tán ngay, muốn gặp lại nhau chẳng dễ dàng, vô cùng khó khăn, hoàn toàn là cảnh giới xa lạ. Duy chỉ có đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân bằng bạn tốt rất nhiều đều là người quen, một tí cũng chẳng xa lạ; điều này đều là sự thật, muôn ngàn lần chính xác.

"Kinh tu du gian, tức sanh ngã sát", đây là nói thời gian vãng sanh vô cùng nhanh chóng; tuy Sa Bà thế giới cách xa Tây Phương Cực Lạc thế giới là mười vạn ức Phật quốc độ, nhưng chỉ một niệm thì đến ngay, tốc độ vô cùng nhanh. Vậy sau khi đến nơi đó, câu kinh văn phía dưới đây là vô cùng

vô cùng khẩn yếu, "Tác A Duy Việt Trí Bồ Tát", tức là trong kinh A Di Đà gọi là A Bệ Bạt Trí, chỗ này dịch thành A Duy Việt Trí; đây là tiếng Phạn, nghĩa là Bất Thoái Chuyển Bồ Tát, viên chứng Tam Bất Thoái. Cho nên người xưa nói đây là tâm tánh cực chí của A Di Đà Phật, công đức tâm tánh này lớn đến điểm cùng cực, trì danh tri kỳ huân. Phương pháp Trì Danh này, công lao bất khả tư nghị, cũng là đại nguyện của A Di Đà Phật, đây là hoằng nguyện của A Di Đà Phật khiến cho mỗi một người vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đều có thể viên chứng Tam Bất Thoái. Thật tại mà nói, địa vị này là Viên Giáo Bồ Tát Thất Địa trở lên; vậy trong kinh Đại Thừa, thông

thường mà nói, ít nhất phải tu hành đầy đủ hai A-tăng-kỳ kiếp mới có thể chứng đắc. Như phàm phu chúng ta, vừa sanh đến đó thì là được ngay, siêu việt khỏi hai A-tăng-kỳ kiếp, điều này là bất khả tư nghị; cho nên nguyện này là vô cùng quan trọng. Cổ đức có nói: "Thập Niệm Tất Sanh", "Văn Danh Phát Tâm", hai nguyện này là tinh tủy trong bốn mươi tám nguyện của A Di Đà Phật, chúng ta có thể tin được lời này. Xin xem tiếp phần kinh văn phía dưới:

Kinh văn: "Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sanh, văn ngã danh hiệu, hệ niệm ngã quốc".

"Thập phương chúng sanh", đương nhiên bao gồm chúng ta; trong "Văn, Danh" nhất định phải bao gồm tín, giải, chúng ta tin sâu chẳng nghi, chúng ta hiểu rõ trong phần kinh văn này bao hàm ý nghĩa này. Còn Hệ Niệm? tức là có Nguyện, có Hạnh, vô cùng mơ ước hâm mộ Cực Lạc thế giới, trong tâm luôn luôn nghĩ đến Phật, cái niệm này tức là Hệ Niệm. Nghĩ đến Phật, chúng ta thường nói mong nhớ, trong tâm luôn luôn mong nhớ; nỗi nhớ mong của người thế gian là bồn chồn lo lắng rất nhiều. Nghĩ lại cho kỹ, những thứ hệ niệm toàn là lục đạo luân hồi, hệ niệm con cái, hệ niệm cha mẹ, hệ niệm gia thông quyến thuộc, hệ niệm tài sản, hệ niệm quyền lực địa vị, toàn là lục đạo,

chẳng ra khỏi lục đạo luân hồi. Ngày nay chúng ta giác ngộ rồi, minh bạch rồi, chúng ta đem hệ niệm đổi thành A Di Đà Phật; những thứ bồn chồn lo lắng của thế gian này, thảy đều buông xuống, nhất tâm hệ niệm A Di Đà Phật thì là đúng, cách này thì là chính xác.

Kinh văn: "Phát Bồ Đề tâm, kiên cố bất thoái, thực chúng đức bổn".

Thực là trồng trọt, đây là thí dụ, nghĩa là thật có rồi, trong tâm đã thật có; Đức Bổn là gì? Tức là chỉ cho thánh hiệu Di Đà, lục tự hồng danh này, trong tâm đã thật có.

Kinh văn: "Chí tâm hồi hướng".

Đây là chân thành tâm hồi hướng.

Kinh văn: "Dục sanh Cực Lạc, vô bất toại giả".

Nguyện này hiển thị, thập phương chúng sanh, nếu muốn cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thật tại là chẳng khó, điều kiện đưa ra rất dễ dàng. Quý vị nên biết, điều kiện đưa ra này, chẳng phải trong kinh thông thường, đây là Bốn Mươi Tám Nguyện, là A Di Đà Phật đưa ra, chẳng phải chư Phật nói, đây là bổn nguyện của Phật; cho nên từ chỗ này mà xem, thì vãng sanh chẳng phải là khó.

Kinh văn: "Nhược hữu túc ác".

Đây là giả thuyết, thật tại mà nói, đây là thật; có một người phàm phu nào chẳng có tạo tội nghiệp? Chúng ta đều biết, nghiệp chướng của mình rất nặng, tội chướng rất nặng, nhưng chẳng sợ.

Kinh văn: "Văn ngã danh tự, tức tự hối quá".

Đây tức là sám hối vãng sanh.

Kinh văn: "Vi đạo tác thiện, tiện trì kinh giới, nguyện sanh ngã sát".

[Nguyện thứ Hai Mươi Mốt, Hối Quá Đắc Sanh Nguyện]. Đây thì rất quan trọng, công đức sám hối rất lớn; thật tại mà nói, toàn bộ Phật pháp, bất luận là một pháp môn nào, nếu luận về tu trì, thì toàn là sám hối, đều tu pháp Sám Hối. Công đức sám hối bất khả tư nghị, pháp môn này là nói về Đới Nghiệp Vãng Sanh. Đới nghiệp vãng sanh thì phải chú trọng Sám Hối, dùng phương pháp gì đây? Niệm Phật. Oai đức Phật hiệu này không thể nghĩ bàn, có thể tiêu được tất cả tội chướng của tất cả chúng sanh; tội chướng có nặng hơn, Phật hiệu đều có thể tiêu trừ. Chính giống như Từ Vân Quán Đảnh pháp sư chỗ nói đó, người thế gian tạo những trọng tội, Ngài nói: "Sở hữu tất cả kinh pháp, sở hữu tất

cả sám pháp, đều trừ chẳng nổi những trọng tội như vậy; đến sau cùng niệm A Di Đà Phật có thể sám trừ". Điều này nói rõ, công đức của Phật hiệu này vượt qua pháp sám hối của tất cả kinh giáo. Thật tại mà nói, chẳng có nhiều người biết được điều này, cảm thấy nghiệp chướng của mình nặng, chẳng biết niệm Phật, còn phải đi bái Lương Hoàng Sám, bái Thủy Sám, bái Đại Bi Sám. Lấy những thứ này để sám hối; tội của chính mình quá nặng, cách này không được, vô hiệu, sám chẳng nổi, chẳng biết pháp môn [Niệm Phật] hay như vậy.

Pháp môn này quả là hữu hiệu, chỉ cần quý vị chí tâm sám hối thì nghiệp chướng này, chẳng có gì là diệt trừ không được. Đây nghĩa là nói,

chẳng cần phải chờ đến mê hoặc hết cũng có thể vãng sanh, đây thật sự là công đức bất khả tư nghị. Cho nên phải biết được sám hối, tự mình phải biết sám hối; vậy thì sám hối, có phải cần hình thức không? Chẳng cần thiết. Trước kia tôi học Phật, trước khi chưa xuất gia, tôi theo học Chương Gia đại sư ba năm; Đại Sư vô cùng từ bi, dạy cho tôi pháp Sám Hối. Sám hối vô cùng quan trọng, sám hối cách nào? Về sau không làm nữa, điều này vô cùng quan trọng; biết lỗi sửa ngay về sau không làm nữa, đây gọi là chân sám hối. Đây là chân sám hối, mà chẳng phải ở nơi hình thức; hình thức ấy giống như hát tuồng vậy, là biểu diễn làm cho những người chưa học Phật xem, là để khuyến đạo mọi

người nên phải tu pháp Sám Hối. Đó là để khuyên người, khiến người nhìn thấy cách sám hối này trang nghiêm như thế, long trọng như thế, là khiến những người thường trong tâm khởi dậy nỗi cảm động; là ý nghĩa này, tác dụng và lợi ích của nó là ở chỗ này.

Nếu chúng ta muốn diệt tội, muốn tiêu tai, đó là tự mình trách tâm sám hối, từ trong tâm địa mà sám hối, tức là chỗ này nói: "Tức tự hối quá"; chú trọng ở chữ Tự. "Vi đạo", trong chữ Đạo này tức là nói đến Định - Tuệ; chúng ta chú trọng tu Định, tu Tuệ. Định tức là thanh tịnh tâm, tâm không bị danh lợi, ngũ dục lục trần của thế gian làm ô nhiễm; không bị nó nhiễm, đây tức là Định. Còn Tuệ, là đối với tất cả pháp đều có thể thông đạt hiểu

rõ mà chẳng mê hoặc, đây tức là Tuệ. Đặc biệt là ở thời đại hiện nay của chúng ta, chính giống như trong kinh Lăng Nghiêm chỗ nói: "Tà sư thuyết pháp như Hằng hà sa", đâu là chánh pháp, đâu là tà pháp, quý vị phải có khả năng biện biệt; đây là Tuệ, chẳng đến nỗi học sai pháp môn. Còn tác thiện là tu phước, phía trước đã nói qua với quý vị, Phước rất quan trọng, chúng ta chẳng thể qua loa cẩu thả. Quý vị xem trong Tam Quy Y, chúng ta quy y Phật, "Quy y Phật, nhị túc tôn", Nhị là hai điều, Túc là nghĩa viên mãn; hai thứ viên mãn, một thứ là trí tuệ viên mãn, một thứ là phước báo viên mãn. Phật có phước báo, phước báo viên mãn; phước báo từ đâu đến? Cũng do tu đấy, không tu thì

làm sao có được? Cho nên Phật dạy chúng ta phải tu Phước, tu Tuệ. Chẳng thể không có phước báo, không có phước báo chẳng thể độ chúng sanh; quý vị muốn độ chúng sanh, nhất định phải có đại phước báo. Có Phước chẳng có Tuệ, không thể độ chúng sanh; có Tuệ chẳng có Phước, cũng không thể độ chúng sanh. Cho nên phải giúp đỡ tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, nhất định phải Phước Tuệ song tu. Chúng ta nhất tâm xưng danh, phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, đây là Tuệ.

Chúng ta tu Tam Phước, tu Lục Hòa, tu Lục Độ, đây là Phước; trong phước có tuệ, trong tuệ có phước, cho nên nhất định phải biết "tác thiện". Quý vị xem, trong kinh chúng ta nhìn

thấy, A Di Đà Phật niệm niệm đều đang tác thiện, giáo hóa tất cả chúng sanh, giúp đỡ tất cả chúng sanh, đây là pháp Bố Thí đấy. Xây dựng Tây Phương Cực Lạc thế giới để cho chúng ta đến bên ấy tu học là Tài bố thí, chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới là hưởng cái phước của A Di Đà Phật. Ở nơi đó Ngài đã xây dựng hoàn toàn rồi, chúng ta đến nơi đó là để hưởng thụ cái Cực Lạc thế giới mà Ngài đã năm kiếp tu thành; chúng ta đến bên ấy để hưởng thụ. Cho nên Ngài thật sự là Tài bố thí, Pháp bố thí, Vô Úy bố thí, ba loại bố thí đều là làm được viên mãn.

"Tiện trì kinh giới", chỗ này nói là chúng ta nhất định phải đọc tụng, phải khuyên kẻ khác; Tam Phước này,

sau cùng là "độc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả". Ngày nay chúng ta đọc tụng Đại Thừa, phải nên từ kinh Vô Lượng Thọ mà hạ thủ, trước tiên học thuộc lòng kinh Vô Lượng Thọ; đến khi bộ kinh này thông đạt rồi, tự mình [nắm vững] vãng sanh, nắm vững rồi mới có thể học qua loa các kinh Đại Thừa khác. Không nắm vững được vãng sanh, chúng ta chẳng cần xem các kinh điển Đại Thừa khác nữa; chúng ta một lòng một dạ chuyên cầu vãng sanh, tất cả kinh giáo thì sao? Khi đến Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi, gặp được A Di Đà Phật chúng ta mới lại đi thực hiện "Pháp môn vô lượng thệ nguyện học". Gặp được A Di Đà Phật thì không lo sợ nữa, bảo đảm thọ

mạng lại vô lượng, có đủ thì giờ; dù có nhiều kinh giáo đi nữa, chúng ta cũng có thể từ từ mà học, có thể yên tâm để học. Bây giờ thì không được, học quá nhiều thứ, học tạp nhạp, e rằng vãng sanh sẽ có vấn đề; cho nên đây là một việc vô cùng vô cùng khẩn yếu. Đây là Tứ Hoàng Thệ Nguyện, hai nguyện đầu là làm ngay bây giờ, còn hai nguyện sau: Học pháp môn, Thành Phật đạo, đến Cực Lạc thế giới mới làm; Tứ Hoằng Thệ Nguyện chia làm hai đoạn.

Kinh văn: "Mạng chung bất phục cánh tam ác đạo, tức sanh ngã quốc. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác".

Đây là những người nghiệp chướng rất nặng, sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, sau khi đã đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, dù cho nguyện lực của quý vị rất lớn, quý vị muốn đến thập phương thế giới để độ hóa chúng sanh, giống như Quán Thế Âm Bồ Tát, tùy loại ứng hóa; vậy những nghiệp chướng cực trọng của quý vị trong quá khứ, vẫn có thể thọ báo chăng? Không thể, quyết định chẳng thể đọa tam ác đạo nữa. Câu này là tông chỉ tối quan trọng của nguyện này, câu này là quan trọng nhất; chẳng cần phải giống như Đề Bà Đạt Đa. Trong kinh chúng ta thấy được Đề Bà Đạt Đa tạo tội ngũ nghịch, trước phải đọa địa ngục; tội ở địa ngục mãn rồi mới có thể trở

ra. Chúng ta niệm Phật đến Tây Phương Cực Lạc thế giới không thể [đọa ác đạo], tuyệt đối không thể như vậy. Đoạn thứ mười ba:

Kinh văn: "Ngã tác Phật thời, quốc vô phụ nữ. Nhược hữu nữ nhân, văn ngã danh tự, đắc thanh tịnh tín, phát Bồ Đề tâm, yếm hoạn nữ thân, nguyện sanh ngã quốc. Mạng chung tức hóa nam tử, lai ngã sát độ".

Đây là nguyện thứ Hai Mươi Hai [Quốc Vô Nữ Nhân Nguyện] và Hai Mươi Ba [Yếm Nữ Chuyển Nam Nguyện], Tây Phương Cực Lạc thế giới là một thế giới bình đẳng; quý vị thử nghĩ, có người nam có người nữ

thì chẳng bình đẳng rồi, vậy thì sẽ phải đánh lộn. Tây Phương Cực Lạc thế giới rất bình đẳng, cho nên A Di Đà Phật rất thông minh, có lẽ thấy nhiều thế giới có đàn ông có đàn bà, ngày ngày đều cải nhau, cải đến bất an, cho nên Ngài nghĩ đến thế giới này của ta, tất cả đều như nhau, toàn là đàn ông, chẳng có đàn bà. Phàm là đàn bà vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, tất cả đều là nam sanh; vả lại thân tướng là như nhau, cùng A Di Đà Phật hoàn toàn tương đồng. Từ trong bổn nguyện của Phật, chúng ta thấy được điều này, thật sự là đệ nhất hy hữu, nơi thập phương chư Phật thế giới không có việc này; nơi đây của Ngài là thật sự đạt đến bình đẳng. Thiện Đạo đại sư nói, đây

là oai thần bổn nguyện của A Di Đà Phật, cho nên người nữ niệm Phật ở thập phương thế giới, lúc lâm chung vãng sanh, tất cả đều là nam sanh, thảy đều là thân tướng của Phật.

Phật vừa đến tiếp dẫn, Phật quang vừa chiếu thì hóa thân này lập tức liền hiện tiền, nhục thân của chúng ta xả bỏ mất, tự mình có được hóa thân mới, cùng Phật hoàn toàn như nhau. Cho nên chẳng phải nói đến Cực Lạc thế giới thì giống như một đứa trẻ dần dần lớn lên, đó tức là có sanh có diệt. Còn Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có sanh diệt, cho nên hoàn toàn là hóa thân; thân tướng chỗ hiện ra lập tức cùng với tướng trạng của A Di Đà Phật như nhau. Chúng ta lại xem một nguyện phía dưới:

Kinh văn: "Thập phương thế giới, chư chúng sanh loại, sanh ngã quốc giả, giai ư thất bảo trì liên hoa trung hóa sanh. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác".

Nguyện này là nguyện [thứ Hai Mươi Bốn, Liên Hoa Hóa Sanh Nguyện], quang cảnh chỗ có của Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là thường trụ, đều là bất sanh bất diệt, vĩnh viễn chẳng có biến hoại; chẳng giống thế gian này của chúng ta, nó đang biến hiện từng sát-na, từng sát-na, nó chẳng thể thường trụ. Sở hữu tất cả vạn vật đều là đang biến hóa, cho nên gọi là Vô Thường; chúng ta xem cái giảng đài này, nó là vô

thường, nó đang biến đổi, nó biến rất chậm, chúng ta chẳng dễ xét thấy được. Một giảng đài mới, nếu để đến vài ngàn, vài vạn năm thì nó tiêu mất, hoặc giả là dưới một vài điều kiện, trạng huống tốt thì nó liền biến thành hóa thạch mất, nó đều đang biến hóa. Sau khi biến thành hóa thạch, vẫn tiếp tục ở đó biến, luôn luôn ở đó biến, đây gọi là Vô Thường, đây gọi là Bất Trụ. Tây Phương thế giới sở hữu tất cả vạn vật là Chân Thường, nó chẳng biến, duy chỉ có một vật ở nơi đó, chúng ta thấy được một vật có thể biến, đó là những đóa hoa sen trong ao thất bảo; hoa sen ấy có thể biến.

Thập phương thế giới có một người thật sự phát tâm niệm Phật, muốn cầu sanh Tây Phương Cực Lạc

thế giới thì ao thất bảo sẽ nở ra một đóa hoa sen; tâm người ấy rất chân thành, niệm Phật rất chuyên cần thì hoa này dần dần càng nở càng lớn. Cho nên hoa sen này lớn nhỏ khác nhau, có loại một do-tuần, có loại mười do-tuần, một trăm do-tuần, ngàn do-tuần; đó là công phu niệm Phật cạn sâu khác nhau, ánh sáng và màu của hoa khác nhau; chỉ có mỗi thứ này nhìn đến là có sanh có diệt. Nếu như niệm Phật được vài năm rồi mà không niệm nữa, đổi ý lại đi học Thiền, đi học Mật thì hoa này liền héo tàn, tiêu mất, hoa sen này chẳng còn nữa.

Lúc chúng ta vãng sanh, A Di Đà Phật liền cầm hoa sen này đến tiếp dẫn quý vị, hoa này là niệm lực của

chính mình hợp cùng nguyện lực của A Di Đà Phật, hai thứ lực lượng này thành tựu; cho nên có cái hiện tượng này. Còn về Tây Phương Cực Lạc thế giới các thứ trang nghiêm, đó là do nguyện lực của A Di Đà Phật thành tựu được; cho nên nói là Chân Thường, nó không có biến hóa, duy chỉ có hoa sen là niệm lực của chúng ta cùng nguyện lực của Phật kếp hợp mà thành.

Vậy hoa này có chân thường không? Hoàn toàn coi chúng ta, phải chân tâm, phải bất thoái, cái tâm niệm Phật này của chúng ta không được thoái chuyển, đây là "tịnh niệm tương kế"; thì hoa này cũng có thể biến thành chân thường, vừa vãng sanh đến bên ấy thì liền biến thành chân

thường, "liên hoa hóa sanh" vậy. Cho nên cổ đức nói: "Cử thể giai thị tối thắng mật mật kiết tường". "Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác", vậy thì từ nguyện thứ Mười Tám "Thập niệm tất sanh", đến chỗ này là "văn danh đắc thù thắng lợi ích chi thượng thừa", lợi ích có được này là thù thắng nhất, chân thật nhất, "liên hoa hóa sanh". Phía dưới một đoạn:

Kinh văn: "Ngã tác Phật thời, thập phương chúng sanh, văn ngã danh tự, hoan hỷ tín nhạo".

Chữ này đọc giọng cao, không đọc Lạc mà đọc là Nhạo, Nhạo là ưa thích, hoan hỷ ưa thích, tin ưa thích. Trong chữ Văn, nhất định có Tín, có Thọ, công đức danh hiệu bất khả tư

nghị; phía trước đã nói qua với quý vị, đó là biểu hiện trong cuộc sống thường ngày.

Kinh văn: "Lễ bái quy mạng".

[Nguyện thứ Hai Mươi Lăm, Thiên Nhân Lễ Kính Nguyện]. Chữ Lễ Bái này, chẳng nhất định là suốt ngày đi lễ Phật, đương nhiên có người lấy phương pháp này để tu hành, mỗi ngày lạy Phật, ba ngàn lạy, hoặc một ngàn lạy; có người chuyên môn tu cái hạnh này, chẳng phải yêu cầu mỗi người đều làm như vậy. Lễ bái là trong tâm có Kính tâm, ta đối với A Di Đà Phật cung kính, niệm niệm chẳng mất, bất luận vào lúc nào đối với Phật tâm cung kính đều có, đây

gọi là lễ bái. Tuy nhiên, tuổi trung niên trở lên, đặc biệt là ở trong xã hội hiện tại, việc làm của chúng ta đều là ngồi mà ít cử động, vì thế nên thiếu vận động; cho nên thông thường là đề xướng vận động.

Người học Phật chúng ta, nếu đem cả thời gian này dùng vào trong những môn vận động khác, cũng đáng tiếc; môn vận động tốt nhất là lạy Phật. Khi chúng ta đã ngồi rất lâu, cần nên hoạt động thì chúng ta nhiễu Phật, lối nhiễu Phật này là đi bách bộ, đi ra ngoài hoạt động bách bộ, trong tâm niệm Phật, thì cùng với nhiễu Phật ở Niệm Phật Đường như nhau. Tuy chẳng phải ở tại Phật Đường, chúng ta đi bách bộ chung quanh, đều giống như nhau; điều tiết thân thể.

Vẫn còn một phương pháp nữa là lạy Phật, lạy Phật là lối vận động tốt vô cùng, tâm địa thanh tịnh chân thành; mỗi một bộ phận khớp xương trong thân thể đều vận động đến, thật là tốt vô cùng. Đối với sức khỏe thân thể có sự giúp đỡ rất lớn; nên biết được sự lợi ích của việc lạy Phật. Vậy còn việc lạy Phật, lạy bao nhiêu lạy là tùy mình, điều này chẳng cần phải hạn định; quý vị có nhiều thì giờ thì lạy thêm vài lạy, quý vị không có thì giờ thì lạy ít vài lạy, chẳng sao cả. "Quy mạng" tức là nương tựa, toàn tâm toàn lực nương vào A Di Đà Phật; bộ kinh này tức là A Di Đà Phật, một lòng y theo đạo lý giáo huấn của kinh điển mà tu học, đây là thật sự quy mạng.

Kinh văn: "Dĩ thanh tịnh tâm".

Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Từ Bi.

Kinh văn: "Tu Bồ Tát hạnh".

"Bồ Tát hạnh" tức là Tam Học, Lục Độ, tức là tu Thiện, tức là lợi ích tất cả chúng sanh.

Kinh văn: "Chư thiên thế nhân, mạc bất trí kính".

Chúng ta hiện nay có được lợi ích, quý vị thật sự có thể tu hành theo như vậy; đích thật bất luận quý vị đi đến đâu, người người đều rất cung kính, đều rất ủng hộ, đây là sự lợi ích mà quý vị có được trước mắt.

Kinh văn: “Nhược văn ngã danh, thọ chung chi hậu, sanh tôn quý gia, chư căn vô khuyết”.

[Nguyện thứ Hai Mươi Sáu, Văn Danh Đắc Phước Nguyện]. Đây là người niệm Phật đối với thế gian này vẫn còn lưu luyến, vẫn chẳng xả được để vãng sanh, vậy thì niệm Phật có lợi ích chăng? Có lợi ích, đời sau sanh vào gia đình tôn quý; vừa sanh ra là hưởng phước, rất có phước báo, cũng khỏe mạnh sống lâu. Đây là quả báo do bởi niệm Phật trong đời quá khứ, tiếc rằng vì họ chẳng có phát tâm, chẳng có phát nguyện vãng sanh, được cái quả báo này.

Kinh văn: "Thường tu thù thắng phạm hạnh. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác".

[Nguyện thứ Hai Mươi Bảy, Tu Thù Thắng Hạnh Nguyện]. "Phạm hạnh" tức là Thanh Tịnh Hạnh, bởi vì họ thiện căn thâm hậu, họ vẫn còn có thể tiếp tục không ngừng học Phật tu hành; đây cũng là bổn nguyện oai thần gia trì của A Di Đà Phật, họ chẳng đến nỗi mê mất chính mình, lúc còn ở nhân gian này vẫn còn có thể tiếp tục tu hành. Vậy có lẽ chúng ta là thuộc về loại này, trong đời quá khứ niệm Phật không xả bỏ được cái thế gian này, cho nên chưa được vãng sanh, kiếp này lại gặp được Phật pháp, đích thật rất giống như cảnh giới hiện

tiền của chúng ta. Vậy thì trong ba nguyện của đoạn này, đều là nói rõ công đức của Văn Danh. Chúng sanh căn cơ bất nhất, tuy là Văn Danh, nhưng cái đại tâm chân chánh này chưa phát, đại tâm này tức là cái tâm cầu nguyện vãng sanh chưa phát. Miệng thì nói vãng sanh, còn trong tâm thì xả chẳng được cái thế gian này; gia tộc quyến thuộc, lo lắng bồn chồn chẳng buông xuống được. Thì cái Tín - Nguyện này chẳng sâu, còn Trì Niệm? Cũng không chuyên. Cho nên cùng đại nguyện tiếp dẫn của A Di Đà Phật vẫn còn có một đoạn cách ly, đây là chưa thể vãng sanh, nhưng họ được phước, họ có được nhân thiên phước báo.

Đây là hiện thị ra danh hiệu Di Đà, chỉ cần nghe được, bất luận vãng sanh hay không vãng sanh, quyết định đều được lợi ích. Vì thế cho nên chúng ta đối với sự hoằng dương danh hiệu này, cũng tức là chúng ta gọi là Phổ Biến, vì tất cả chúng sanh tuyên truyền giới thiệu, lợi ích rất lớn. Đây là chúng ta cần phải làm, bất kể họ có tin hay không, chúng ta đều nên thời thời khắc khắc giữ cái tâm này, có cái nguyện giúp đỡ tất cả chúng sanh, khiến họ có cơ hộ nghe được danh hiệu của A Di Đà Phật. Nếu như có được cơ hội, đem kinh điển này giới thiệu cho họ, thì công đức này lại càng lớn.

Phía dưới là đoạn thứ mười lăm, từ đoạn mười lăm đến đoạn mười tám,

cũng tức là nguyện Hai Mươi Tám đến nguyện Ba Mươi Tám; đoạn này, Phật muốn thuyết minh cho chúng ta, Ngài nhiếp độ chúng sanh trong Tịnh Độ. Nói một cách khác, cũng tức là thuyết minh, sau khi vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, trạng huống sinh hoạt tu học của họ; đương nhiên điều này cùng chúng ta quan hệ rất mật thiết. Bởi vì chúng ta chẳng bao lâu nữa đều đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, cho nên trước hết nên liễu giải, đối với lòng tin của chúng ta có được sự giúp đỡ rất lớn.

Kinh văn: "Ngã tác Phật thời, quốc trung vô bất thiện danh".

[Nguyện thứ Hai Mươi Tám, Quốc Vô Bất Thiện Nguyện]. Chúng ta thử nghĩ, hiện nay tại thế gian này của chúng ta, việc bất thiện quá nhiều quá nhiều; Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng những không có bất thiện, mà cái tên Bất Thiện đều chẳng nghe đến, ví như tham, sân, si, mạn. Ở đây chúng ta có, thật có việc này; còn ở Tây Phương Cực Lạc thế giới cái gì gọi là tham, sân, si, mạn, chẳng có ai nghe qua; quý vị mới biết được cái thế giới này tốt đến trình độ nào.

Kinh văn: "Sở hữu chúng sanh, sanh ngã quốc giả, giai đồng nhất tâm, trụ ư Định Tụ".

[Nguyện thứ Hai Mươi Chín, Trụ Chánh Định Tụ Nguyện]. Câu này thật bất khả tư nghị, ở thế gian này tại sao chúng ta lại tạp loạn như vậy? Vì tất cả chúng sanh, tâm chẳng đồng, tưởng chẳng đồng, niệm chẳng đồng, cho nên thì là phức tạp. Quý vị xem, kẻ xem tướng kia cũng nói Nhân tâm bất đồng, các như kỳ diện, tại sao mỗi người chúng ta đều khác? Vì trong tâm chúng ta nghĩ đó, tưởng đó, kiến giải khác nhau, cho nên diện mạo khác nhau. Còn Tây Phương Cực Lạc thế giới, tướng mạo mỗi người đều tương đồng, tại sao họ tương đồng? Là vì tâm của họ như nhau, tâm gì vậy? Cái tâm niệm A Di Đà Phật. Người người niệm A Di Đà Phật, người người trong tâm tức là A Di Đà

Phật, cho nên biến thành thế giới của A Di Đà Phật. Những người vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, có ai chẳng phải là A Di Đà Phật? Diện mạo mỗi người cùng A Di Đà Phật như nhau, ai ai cũng đều là A Di Đà Phật, "giai đồng nhất tâm", điều này quá quan trọng.

"Trụ ư Định Tụ", chữ Định Tụ này là Chánh Định Tụ, trong Phật pháp có nói đến Tam Tụ, tam tụ này bao quát các loại sở hữu tất cả chúng sanh. Kẻ y theo phương pháp Chánh Định Tụ tu hành, quyết định thành Phật, phương pháp ấy chính xác không có sai, gọi là Định Tụ. Loại thứ hai gọi là Tà Tụ, quý vị y theo phương pháp này tu, bất luận là tinh cần thế mấy, quyết định chẳng thành

tựu, cái đó gọi là Tà Tụ. Còn loại thứ ba gọi là Bất Định Tụ, như căn tánh của chúng ta đây là Bất Định Tụ. Nếu gặp được Định Tụ thì chúng ta thành tựu rồi, còn gặp được Tà Tụ thì chúng ta chẳng thành tựu. Cho nên chúng ta thuộc về Bất Định Tánh.

Kinh văn: "Vĩnh ly nhiệt não".

Nhiệt Não tức là phiền não, ở Tây Phương Cực Lạc thế giới vĩnh viễn chẳng có phiền não, tâm địa đều thanh lương tự tại, phần dưới là:

Kinh văn: "Tâm đắc thanh lương".

Họ cùng tất cả pháp chẳng phân biệt, chẳng chấp trước thì tâm địa này có thể được thanh lương tự tại; đây là chúng ta phải nên học tập. Tức là sống trên thế gian này, chúng ta phải biết đời người rất là ngắn tạm, mấy mươi năm ấm lạnh, vừa khảy móng tay là qua rồi. Chúng ta cùng người, cùng xã hội sống chung với nhau, có gì mà phải khó khăn? Nên dễ dãi một tí, đừng nên cho nó như là thật, đừng nên so đo như vậy, tự tìm lấy cái khổ; một cái khảy móng tay là qua mất rồi. Cho nên cái mà người thông minh chúng ta phải tranh thủ, đó là Tây Phương Cực Lạc thế giới, vĩnh hằng chân thường; đây gọi thật sự thông minh, thật sự giác ngộ. Tại địa phương này chúng ta là lữ khách,

giống khách qua đường, ở quán trọ này có tốt xấu, hà tất phải so đo chứ? Ngày mai là phải lên đường nữa rồi. Không thể đem nó cho là nhà của mình, nhà mình là ở Tây Phương; Tây Phương Cực Lạc thế giới mới là căn nhà cố hữu của mình. Địa phương này chẳng phải là nhà, tạm thời ở đỡ tốt cũng được, chẳng tốt cũng được; kẻ kia đối với ta tốt thì rất tốt, đối với ta không tốt cũng rất tốt; thì là vô sự rồi vậy. Quý vị xem, tâm địa này thì là rất thanh lương, rất tự tại, thì ngày giờ sống được rất vui vẻ, một tí phiền não cũng chẳng có, hoan hoan hỷ hỷ, đây là chính xác, "tâm đắc thanh lương".

Kinh văn: "Sở thọ khoái lạc, do như Lậu Tận tỳ-kheo".

[Nguyện thứ Ba Mươi, Lạc Như Lậu Tận Nguyện]. Lậu Tận tỳ-kheo là A La Hán, chỗ này là tỷ dụ, trên thực tế là siêu việt hơn A La Hán. Tuy A La Hán đã đoạn hết phiền não, Lậu là phiền não, phiền não thảy đều đoạn hết rồi, nhưng trí tuệ chẳng viên mãn. Người ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng những phiền não đã đoạn hết, trí tuệ viên mãn, tuyệt đối A La Hán chẳng có thể sánh kịp.

Kinh văn: "Nhược khởi tưởng niệm, tham kế thân giả, bất thủ Chánh Giác".

[Nguyện thứ Ba Mươi Mốt, Bất Tham Kế Thân Nguyện]. Đây tức là

có số người hoài nghi, nghĩ rằng đến Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi, thì vẫn có thể còn ngã chấp không? Có pháp chấp không? Vẫn có thể động cái niệm nghĩ đến cho riêng mình không? Chỗ này nói, không thể; quyết định không thể. Sự gia trì của bổn nguyện A Di Đà Phật, quý vị sẽ chẳng thoái chuyển nữa; nếu như nói, lại còn tham niệm cái thân này nữa, đó là chấp trước, đó là thoái chuyển; quyết định sẽ không thoái chuyển.

Kinh văn: "Ngã tác Phật thời, sanh ngã quốc giả, thiện căn vô lượng, giai đắc Kim Cang Na La Diên thân, kiên cố chi lực".

[Nguyện thứ Ba Mươi Hai, Na La Diên Thân Nguyện]. Câu phía trước là nói về Nhân, thiện căn vô lượng, bởi vì mỗi người đều là niệm Phật tu thiện, tích đức để đi đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thiện căn vô lượng. Huống chi thiện căn mà tu tập đó, quý vị sợ chẳng đủ, A Di Đà Phật lại có oai thần gia trì quý vị, giúp đỡ quý vị, khiến tiểu thiện căn ấy biến thành đại thiện căn; điều này, học pháp môn khác chẳng thể có được, không có Phật giúp. Chỗ này, tiểu thiện căn của chúng ta có thể biến thành đại thiện căn; cho nên không sợ mình chẳng có thiện căn, chẳng có phước đức, không sợ. Chỉ cần thật sự nỗ lực để tu học, đây là nhân, còn quả báo? Thì là được Kim Cang Bất Hoại thân. Chỗ này

đặc biệt vì chúng ta chỉ ra Kim Cang Na La Diên thân, trong kinh điển không có giải thích Na La Diên, chẳng có giải thích ý nghĩa gì; chỉ nói rõ đây là danh tự của một Kim Cang mà thôi.

Có lẽ trong tất cả loại Kim Cang, thân thể của họ là kiên cố nhất, cường tráng nhất; đây là một oai thần Kim Cang dũng mãnh nhất, danh tự của vị Kim Cang này. Nếu chúng ta từ một góc độ khác để nhìn, thì ý nghĩa của nó khác nhau. Lễ bái thần Kim Cang là Mật Tông trong Phật pháp, thần Kim Cang trong Mật Tông rất nhiều, danh vương rất nhiều, đều hiện ra tướng oai vũ, dõng mãnh, khiến người thường nhìn thấy đều tán đởm kinh hồn, đều khiếp đảm; họ hiện

những tướng đó, không giống như tướng mạo từ bi hiền hòa của những vị Bồ Tát thông thường; đó là thần Kim Cang.

Cho nên ở chỗ này, Kim Cang Na La Diên tượng trưng cho sự thành tựu đại viên mãn của Mật Tông; trong đây chúng ta có Mật pháp, nói một cách khác, tức là Kim Cang Tát Đỏa, tức là Kim Cang Thủ Bồ Tát. Kim Cang Tát Đỏa tức là hóa thân của Phổ Hiền Bồ Tát, đây cũng tức là nói, Phổ Hiền Bồ Tát là căn bản trong Mật Giáo, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới tức là sự thành tựu đại viên mãn trong Mật Tông. Chúng ta hiểu rõ đạo lý này rồi thì lão thật niệm Phật, chẳng cần thiết phải học Mật, đây tức là Mật Tông rồi, Mật pháp chí

cao vô thượng; ý nghĩa này thì là rất hay.

Kinh văn: "Thân đảnh giai hữu, quang minh chiếu diệu. Thành tựu nhất thiết trí tuệ, hoạch đắc vô biên biện tài".

[Nguyện thứ Ba Mươi Ba, Quang Minh Tuệ Biện Nguyện]. Vậy mới có năng lực độ hóa chúng sanh, vì tất cả chúng sanh nói pháp, cần phải có biện tài. Thân, thân có quang minh, Đảnh tức là viên quang; quý vị xem, chúng ta vẽ tượng Phật thì vẽ một vòng viên quang. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, trên Phật đảnh có ánh sáng, thân Phật phóng ánh sáng, mỗi một người vãng sanh cùng với Phật như nhau,

trên đảnh đều có ánh sáng, trên thân cũng phóng quang. Có loại ánh sáng so với ánh sáng của Phật kém hơn một tí, không giống như Phật; đều có ánh sáng. Đây là quang tuyên diệu pháp, trong ánh sáng cũng là biểu trưng; pháp tức là ánh sáng, ánh sáng tức là pháp, chẳng lìa ánh sáng này mà nói pháp này. Cho nên thành tựu tất cả trí tuệ, "thành tựu nhất thiết trí tuệ" cái trí tuệ viên mãn của tất cả chủng trí, trí tuệ thành tựu rồi, đương nhiên có được biện tài vậy; sự vô ngại biện tài cùng trên quả địa của Như Lai phưởng phất giống nhau, là biện tài chỗ đắc của Bồ Tát.

Kinh văn: "Thiện đàm chư pháp bí yếu".

[Nguyện thứ Ba Mươi Tư, Thiện Đàm Pháp Yếu Nguyện]. Thế, xuất thế gian tất cả pháp, chẳng có một pháp nào chẳng thông đạt; chữ Thiện Đàm này là nói vừa đúng chỗ ấy, khế cơ, khế lý, thì gọi là Thiện Đàm.

Kinh văn: "Thuyết kinh hành đạo, ngữ như chung thanh. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác".

Thuyết Kinh là ngôn giáo, Hành Đạo là thân giáo. Ngài đích thật làm cái mẫu cho ta xem, làm cái mẫu gì đây? Trong ngành nghề nào thì làm cái khuôn mẫu của ngành nghề đó; điều này, quý vị xem Đại Kinh Hoa Nghiêm Thiện Tài đồng tử Năm

Mươi Ba Tham Vấn. Năm mươi ba vị thiện tri thức đều là tu hạnh Phổ Hiền, họ trong đó nam, nữ, già, trẻ, các ngành, các nghề khác nhau. Quý vị xem, ở một ngành nghề, họ làm cách nào? Là Bồ Tát đấy, đây tức là từ chỗ này chúng ta học tập. Cho nên cách hành đạo này bao quát vô cùng rộng lớn, là đem trí tuệ của quý vị, lòng từ bi của quý vị, sự tu trì của quý vị, ứng dụng vào trong sinh hoạt, dùng vào trong sự nghiệp của quý vị. Sinh hoạt của quý vị, sự nghiệp của quý vị tức là phổ độ chúng sanh; cho nên bất cứ trong một ngành nghề nào đều có Bồ Tát, bất cứ nơi chốn nào đều là đạo tràng độ hóa chúng sanh của Bồ Tát, không nhất định là tự viện này. Nếu đem tự viện xem như là đạo tràng duy

nhất của Bồ Tát, thì quý vị đã nhìn sai rồi! Bồ Tát ở trong gia đình, gia đình tức là đạo tràng; Bồ Tát ở trong nhà trường, nhà trường tức là đạo tràng; nơi chỗ sở tại đều là đạo tràng, chỗ phổ độ chúng sanh.

Kinh văn: "Ngã tác Phật thời, sở hữu chúng sanh, sanh ngã quốc giả, cứu cánh tất chí, Nhất Sanh Bổ Xứ".

Đây là [Nguyện thứ Ba Mươi Lăm, Nhất Sanh Bổ Xứ Nguyện], nguyện này cũng là cụ thể vì chúng ta đề ra bảo chứng. Phía trước Phật có nguyện Tất Thành Chánh Giác, người vãng sanh đến Cực Lạc thế giới tất thành Chánh Giác, nhất định chứng

đắc Vô Thượng Bồ Đề. Chỗ này nói rõ, trong một đời nhất định chứng đắc Nhất Sanh Bổ Xứ, đây là địa vị của Bồ Tát. Nhất Sanh Bổ Xứ tức là Tất Thành Chánh Giác, đây là nói về vị thứ; Đẳng Giác Bồ Tát là Hậu Bổ Phật. Thật tại mà nói, đại chúng của Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là Bồ Tát, họ là viên giải, viên tu, quả thật khác với cách tu học của chúng ta. Người ta tu, "Nhất tu, nhất thiết tu. Nhất thiết tu, nhất tu", họ là viên dung, cho nên "Sanh giai Bất Thoái, đốn siêu giai thứ". Bình thường chúng ta tu hành ở tha phương thế giới, chứng đến Bồ Tát thì có vị thứ, Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, từng

đẳng cấp một, giống như đi học lớp Một, lớp Hai, lớp Ba, dần dần đi lên.

Còn Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng phải vậy, chẳng phiền phức như vậy, họ “nhất tu, nhất thiết tu”, ví như nói Tiểu Học lớp Một, trong lớp Một có khóa trình của lớp Hai, cũng có khóa trình của lớp Trung Học, cũng có khóa trình của Đại Học, cũng có khóa trình của viện Nghiên Cứu, khóa trình của lớp Bác Sĩ. Họ “nhất tu, nhất thiết tu”, cách này thì nhanh, bất luận tại vị thứ nào thảy đều là viên giải, viên hành. Phương pháp này cực kỳ tuyệt diệu, cho nên họ viên chứng Bổ Xứ, đều là chứng đắc viên mãn. “Cứu cánh tất chí”, ngữ khí này vô cùng khẳng định, khiến chúng ta một tơ hào nghi hoặc đều chẳng có, tức là

khi quý vị đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhất định thành Phật rất nhanh.

Kinh văn: "Trừ kỳ bổn nguyện, vị chúng sanh cố, bị hoằng thệ khải, giáo hóa nhất thiết hữu tình, giai phát tín tâm, tu Bồ Đề hạnh, hành Phổ Hiền đạo".

[Nguyện thứ Ba Mươi Sáu, Giáo Hóa Tùy Ý Nguyện]. Chỗ này chúng ta lại thấy được Phổ Hiền đạo, đây là chúng ta phải coi trọng. Chúng ta phải từ những chỗ này, hiểu rõ được Tây Phương Cực Lạc thế giới là pháp giới của Phổ Hiền Bồ Tát. Những người vãng sanh thảy đều tu hạnh Phổ Hiền, như trong phần Tựa kinh này nói với

chúng ta, "Hàm cộng tuân tu Phổ Hiền Đại Sĩ chi đức"; chỗ này lại thấy được. Nguyện lực của Bồ Tát này, mỗi người khác nhau; có số người hy vọng mình mau mau thành Phật, sau khi thành Phật rồi độ chúng sanh. Có số người cảm thấy chúng sanh quá khổ, ta không thành Phật, ta phải độ chúng sanh trước; điều này rất hiếm có, nguyện này cũng thật là khả quý. Tuy nhiên quý vị nên biết, quý vị độ chúng sanh phải có bản lãnh, chẳng có bản lãnh thì nguyện của quý vị là cái nguyện trống không. Ví như nói, thấy một người rớt xuống nước sắp chết đuối, ôi chao! Tôi phải nhảy xuống cứu họ; nhưng chính mình chẳng biết bơi, vừa nhảy xuống thì uổng mất một mạng người. Khi tôi

muốn cứu kẻ chết chìm kia, trước hết tôi phải học thành một tay có bản lãnh, sau học biết rồi tôi mới đi cứu hắn thì được. Cho nên hiện nay có rất nhiều người phát tâm, tôi rất bội phục, tuy nhiên, làm cách nào thì phiền não của họ vẫn chưa đoạn, nhất định tạo luân hồi. Họ nói kiếp sau chẳng muốn vãng sanh, kiếp sau vẫn muốn làm pháp sư, vẫn muốn giảng kinh thuyết pháp; kiếp sau chưa chắc được thân người, vừa mới chuyển thế thì là mê hoặc điên đảo rồi, kiếp trước đều quên hết sạch sẽ rốt ráo.

Cho nên những hạng người này, nhiệt tâm thì có nhưng trí tuệ thì không đủ; nhất định phải đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, đây là tuyệt đối chính xác. Đến Tây Phương Cực

Lạc thế giới rồi, có người sẽ hỏi: "Vậy ở Tây Phương Cực Lạc thế giới phải chờ bao lâu, chúng ta mới có thể rời khỏi Tây Phương Cực Lạc thế giới để đi độ hóa chúng sanh?" Chúng ta từ trong Di Đà bổn nguyện mà xem, từ trong kinh Vô Lượng Thọ, Tịnh Độ Tam Kinh mà xem, đều chẳng có nói phải hạn định ở Tây Phương Cực Lạc thế giới là bao lâu, chẳng có nói. Chẳng có nói thì dễ làm rồi, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới gặp được A Di Đà Phật, lạy ba lạy, nói với A Di Đà Phật: "Tôi muốn đi cứu chúng sanh, được chăng?" A Di Đà Phật gật đầu nói: "Được, anh có cái nguyện này thì được", Phật sẽ gia trì quý vị, quý vị sẽ có bản lãnh. Quý vị lại quay đầu trở về lại Sa Bà thế giới, quý vị sẽ

chẳng thể thoái chuyển, quý vị cũng sẽ chẳng mê hoặc, đây mới là người thông minh, đây mới gọi là phương pháp chính xác. So với quý vị, luân hồi chuyển thế trở lại thời gian ngắn hơn nhiều, thấy được A Di Đà Phật thì lập tức có thể trở về.

"Bị hoằng thệ khải", chữ Bị này là thí dụ, quý vị có cái hoằng nguyện độ chúng sanh này, trước độ chúng sanh, sau thành Phật đạo; tuy nhiên quý vị phải có bản lãnh, A Di Đà Phật gia trì cho quý vị. Giáo hóa tất cả hữu tình chúng sanh đều phát tín tâm "giáo hóa nhất thiết hữu tình chúng sanh, giai phát tín tâm", đây là tùy ý giáo hóa. Trong việc giáo hóa chúng sanh, phải thật sự thu được hiệu quả, không thể chẳng nghiên cứu điểm này.

Làm thế nào mới thật sự thu được hiệu quả của việc giáo hóa? Nhất định phải khiến cho chúng sanh đối với Tịnh Độ, đối A Di Đà Phật phải thật sự có tín tâm, phải thật sự chịu tu hành, chịu phát nguyện, chịu cầu sanh Tịnh Độ. Bồ Tát đi giảng kinh thuyết pháp giới thiệu, đây là hoằng nguyện riêng của Bồ Tát; A Di Đà Phật lại vừa mới gia trì, còn người nghe? Thật tại mà nói, Phật cũng gia trì người nghe. Nếu Phật chẳng gia trì, quý vị nghe kinh làm sao sanh được tâm hoan hỷ? Quý vị nhất định phải biết, quý vị nghe đến pháp môn này rất hoan hỷ, rất bằng lòng, chẳng phải tôi giảng hay, chẳng liên quan đến những gì tôi giảng, là bổn nguyện oai thần của Di Đà hiện đang gia trì cho quý vị.

Cho nên quý vị nghe được rất minh bạch, nghe được so với tôi giảng còn hiểu rõ hơn; tôi còn chưa giảng rõ thì quý vị đã nghe được rõ ràng rồi, phải không? Đây là Phật lực gia trì, cho nên quý vị có thể sanh được hoan hỷ tâm, một tí cũng chẳng sai. Cho nên họ có được viên mãn, nhóm người nghe kinh này có thể được lục độ, thập độ chuyên niệm, đang tu Bồ Đề hạnh, hành Phổ Hiền đạo; đó tức là tuân tu Thập Đại Nguyện Vương của Phổ Hiền Bồ Tát, cái này là tu hành đạt được khoa mục tối cao phong.

Kinh văn: "Tuy sanh tha phương thế giới, vĩnh ly ác thú".

Đây tức là, bất luận quý vị đến thế giới nào để thuyết pháp, hoàn cảnh của thế giới ấy, dù có tệ hơn quý vị cũng chẳng thể đọa lạc; đây đều là Phật phù hộ cho quý vị, A Di Đà Phật gia trì cho quý vị, A Di Đà Phật thường thường đang chiếu cố quý vị, sẽ chẳng khiến quý vị đọa lạc.

Kinh văn: "Hoặc nhạo thuyết pháp, hoặc nhạo thính pháp, hoặc hiện thần túc".

Đây là cử ra vài cái thí dụ, hoặc giả là hoan hỷ giảng kinh thuyết pháp, đây là Bồ Tát thị hiện từ Cực Lạc thế giới tái lai, hoặc giả là hoan hỷ nghe pháp. Nghe pháp đó cũng là Bồ Tát, vì đại chúng làm ảnh hưởng chúng;

người này nhất định rất có thân phận trong xã hội, rất có địa vị, rất có đạo đức, được đại chúng ngưỡng mộ. Pháp sư thuyết pháp, mỗi buổi giảng họ đều đến nghe, khiến cho kẻ khác nhìn thấy [nghĩ rằng] pháp sư này giảng có lẽ cũng hay, quý vị xem, người kia đều ở đó để nghe, rất chuyên tâm để nghe, ngày nào cũng đến nghe có lẽ cũng hay; ảnh hưởng kẻ khác. Những ảnh hưởng chúng này đều là Bồ Tát hóa thân, điều này rất chẳng phải dễ.

Trước đây tôi giảng kinh tại Đài Bắc, thầy của tôi là lão cư sĩ Châu Bàn Đạo, ông là thầy tại gia của tôi trong thời kỳ kháng chiến, tôi học ở Quý Châu, ông là thầy của tôi. Khi đến Đài Loan học Phật, thường

thường tôi ở bên ngoài giảng kinh, mỗi ngày ông ta đều đến nghe, lại còn ngồi hàng đầu ở phía trước, mỗi lần nghe ông ta lại còn viết bút ký trong quyển sổ mà ông đem theo; hình như ông rất dụng công. Ôi chao! Chúng tôi nhìn thấy, thật rất tôn kính. Còn thầy Lý thì sao? Thường thường đề cử ông là người gương mẫu, nói: "Anh xem, cụ già này có đạo đức, có học vấn, cũng đã làm chẳng ít sự nghiệp. Tuổi tác đã lớn như vậy, nghe kinh vẫn còn hết lòng thế đó". Chẳng kể người nào giảng kinh, người sơ học đến giảng kinh, ông cũng hết lòng để nghe, ông cũng làm bút ký, không biết ông ghi những gì. Mãi cho đến năm trước chín mươi mấy tuổi mới vãng sanh, cho nên thật hiếm có; đây

là ảnh hưởng chúng ưa thích nghe pháp.

"Hoặc hiện thần túc", chữ Thần Túc này tức là thị hiện, thần thông biến hiện tự tại. Tuy nhiên thảy đều là vì ảnh hưởng tiếp dẫn chúng sanh tin sâu Tịnh Độ, phát nguyện cầu sanh, đây thì là đúng. Nếu như thị hiện thần thông, bảo quý vị đừng niệm A Di Đà Phật, vậy đây tuyệt đối chẳng phải, đó là ma thị hiện. Nếu như Bồ Tát ở Tây Phương thế giới đến thị hiện, nhất định là thị hiện khuyên quý vị tin sâu chẳng nghi pháp môn Tịnh Độ này, niệm Phật cầu sanh, đây thì đúng. Điều này, vừa nhìn, cùng chỗ nói trong kinh tương ưng, chúng ta biết được đây là Tây Phương Bồ Tát tái lai.

Kinh văn: "Tùy ý tu tập, vô bất viên mãn. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác".

"Tùy ý tu tập" tức là tất cả tu tập đều là vì độ chúng sanh, đều là vì thành tựu tất cả chúng sanh tiếp thọ sự dạy bảo của A Di Đà Phật cùng chư Phật, đều ưa thích, phát tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

Kinh văn: "Ngã tác Phật thời, sanh ngã quốc giả, sở tu ẩm thực y phục, chủng chủng cúng cụ, tùy ý tức chí, vô bất mãn nguyện".

[Nguyện thứ Ba Mươi Bảy, Y Thực Tự Chí Nguyện]. Nguyện này,

đối với lục đạo chúng sanh của thập phương thế giới mà nói, quan hệ rất lớn; lục đạo chúng sanh này, thiên đạo so ra tốt hơn một tí, chẳng có vấn đề. Thiên đạo phước báo lớn, cuộc sống vật chất chẳng cần bận tâm, tuy nhiên từ nhân đạo trở xuống, cuộc sống đều rất gian nan, mưu sinh chẳng dễ. Cho nên cổ đức thường nói: "Pháp luân vi chuyển, thực môn tiên", chúng ta trước hết phải ăn cho no, mặc cho ấm mới có thể đến học Phật, giả như ba bữa cơm đều ăn chẳng no thì còn tâm tư gì mà học Phật chứ? Cho thấy rằng cuộc sống, thật tại mà nói, chúng ta coi rất nặng; cho nên ở chỗ này Phật vì chúng ta giới thiệu cuộc sống vật chất ở Tây Phương thế giới "tùy ý tức chí", chẳng cần bận

tâm, không cần kinh doanh. Y thực nhất là ẩm thực, những người vừa mới đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, tập khí này vẫn chưa quên, đến giờ ăn cứ nghĩ, sao lâu vậy mà chẳng ăn cơm, họ có khởi cái niệm này. Kỳ thật, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng cần ăn cơm nữa, chẳng cần, cái niệm đó vừa khởi, ồ, thì cơm nước đã bày ngay trước mặt, chẳng cần phải kinh doanh. Bách vị ẩm thực, giống như hoàng đế trước kia, hoàng đế ăn cơm phải là một trăm món ăn, không cần biết vua có ăn hay không, nhất định phải là một trăm món ăn; bách vị ẩm thực đều hiện tiền.

Vừa hiện tiền thì nghĩ đến, giờ đây ta chẳng phải là phàm phu rồi, chẳng cần ăn, nhìn thấy thì đánh thức

mình, chẳng cần nữa. Chẳng cần thì không có nữa, thì hóa trừ mất, cũng không cần thu rửa chén dĩa phiền phức như vậy, không cần, tùy niệm hóa sanh. Cho nên quý vị mới biết sự tốt đẹp của Tây Phương thế giới, thật sự là bất khả tư nghị. Cung điện nơi cư trú sạch sẽ, một hạt bụi cũng không nhiễm, thảnh thơi sảng khoái, một tí vật tạp nhạp đều chẳng có. Khi có khách đến viếng thăm, chỗ ngồi cho khách biến hiện ra; khách đi rồi thì chẳng còn nữa, trống rỗng cả, không cần thu dọn, tùy tâm sở dục, tất cả đều là biến hóa sở tác. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới người người đều có bản lãnh này, đều có thần thông này, năng lực thần thông này là nguyện lực gia trì của A Di Đà Phật.

Kinh văn: "Thập phương chư Phật, ứng niệm thọ kỳ cúng dường. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác".

[Nguyện thứ Ba Mươi Tám, Ứng Niệm Thọ Cúng Nguyện]. Việc cúng Phật này là một việc trọng yếu trong sinh hoạt thường ngày của người ở Tây Phương Cực Lạc thế giới. Người ở Tây Phương thế giới chẳng cần phải đi làm, làm việc thì khá vất vả, kiếm tiền chẳng dễ. Người ở Tây Phương Cực Lạc thế giới không cần đi làm, mọi thứ sinh hoạt vô cùng tự tại, vàng bạc tiền của muốn bao nhiêu thì có bao nhiêu, đều biến hiện ra chẳng có cùng tận. Cho nên đời sống vật chất

phong phú, đó là thập phương thế giới chẳng có; bởi vì nó có thể tùng niệm biến hóa, cho nên cái chi cũng chẳng cần, muốn cái gì thì lập tức có ngay, nó chẳng cần một khối lớn bày ngay ở đó, phiền phức biết mấy! Họ chẳng cần những thứ này, tùy niệm tùy tâm chỗ muốn.

Còn cúng Phật? Cũng như vậy, trong tâm muốn cúng Phật nào thì Phật cảm ứng đạo giao thì Ngài tiếp thọ, tiếp thọ sự cúng dường của quý vị. Cúng Phật đây là tu đại phước báo, cúng Phật thì nhất định phải nghe pháp, nghe pháp thì thành tựu đại trí tuệ. Vậy đây là chúng ta thấy được điểm đích nhỏ bé của trạng huấn sinh hoạt của những người ở Tây Phương Cực Lạc thế giới. Từ những điểm

đích này thì quý vị biết được sinh hoạt của họ tự tại biết bao, mỗi ngày đều là nghe pháp, cúng Phật, đi độ hóa hữu duyên chúng sanh, phạm vi hoạt động là tận hư không biến pháp giới, không chỉ là một cái Cực Lạc thế giới, muốn đến thế giới nào ưng niệm thì đến ngay. Huống chi Tây Phương Cực Lạc thế giới, phía trước đã nói, mỗi người đều có thần túc thông, thì có thể phân thân, thì có thể biến hóa giống như Phật, thiên bách ức hóa thân. "Sở hóa chi thân, tùy chúng sanh tâm, ưng sở tri lượng", trong kinh Lăng Nghiêm Phật nói hai câu này, tức là tùy loại hóa thân, chúng sanh nghĩ đến thân hình như thế nào thì họ hiện thân hình thế đó. Giống như Quán Thế Âm Bồ Tát ba

mươi hai ứng thân, cái này được đại tự tại.

Kinh văn: "Ngã tác Phật thời, quốc trung vạn vật, nghiêm tịnh quang lệ, hình sắc thù đặc, cùng vi cực diệu, vô năng xứng lượng".

Vậy thì từ đây trở xuống đến đoạn hai mươi hai là nói trạng huấn hoàn cảnh của Tây Phương thế giới, trạng huấn hoàn cảnh đương nhiên cũng không thể nói kỹ, sơ lược giới thiệu một, hai việc thì quý vị có thể nhân đây mà suy ra cái đẹp của hoàn cảnh bên ấy. Câu "quốc trung vạn vật", đây là tổng thuyết trang nghiêm thanh tịnh, bởi vì cái Thể của nó sở hữu tất cả vạn vật, cái Thể đều là trân bảo làm

thành, đều là bảo. Đất của Tây Phương thế giới, thế giới đó lớn diện tích đó so với trái đất của chúng ta chẳng biết lớn hơn bao nhiêu lần, lớn đến quá cỡ quá cỡ. Trái đất chúng ta đây là đất cát sỏi đá chẳng sạch, đất ở Tây Phương thế giới là lưu ly. Lưu ly là gì? Tức là thế gian chúng ta gọi là ngọc màu lục, gọi là phỉ thúy, rất là trân quý; người ta gắn một tí vào thẻ bài hoặc nhẫn, đeo trên thân rất đẹp. Vậy vật này là gì? Là đất, là đại địa của Tây Phương Cực Lạc thế giới, đại địa của họ là lưu ly, là ngọc thạch trong suốt. Cho nên từ trên mặt đất có thể nhìn thấu tới dưới đáy, nơi đó của họ sánh với ngọc thạch của chúng ta đẹp hơn quá nhiều.

Ngọc thạch của chúng ta chỉ là trong suốt một nữa, chẳng phải là toàn trong suốt, của họ là toàn trong suốt. Vàng làm đất, trong kinh quý vị thấy được, vàng dùng làm gì? Là để lót đường lộ. Trên đất ngọc thạch, lót một con đường, dùng vật gì để lót? Dùng vàng để lót, vàng dùng để lót con đường, như dầu hắc ở đây của chúng ta. Ở đây chúng ta đeo trên thân mình châu báu rực rỡ, còn người ở Tây Phương Cực Lạc thế giới thấy đó là thô tục không chịu nổi. Cho nên "nghiêm tịnh" trang nghiêm thanh tịnh đều là trân bảo, "quang lệ" quang minh mỹ lệ, đây là quang minh hoa lệ. Tướng vô cùng kỳ đặc, "hình sắc thù đặc", chẳng phải thế gian chỗ có, thế

gian này của chúng ta chẳng thấy được, bên đó của họ đều có.

"Cùng vi cực diệu", bởi vì đều là tánh đức, trong Chân Như bản tánh biến hiện ra. "Vô năng xứng lượng", chữ Lượng này là gì? Phẩm chủng, số lượng chủng loại quá nhiều, không có biện pháp nói ra cho hết được, số lượng cũng quá nhiều.

Kinh văn: "Kỳ chư chúng sanh, tuy cụ thiên nhãn, hữu năng biện kỳ hình sắc, quang tướng, danh số, cập tổng tuyên thuyết giả, bất thủ Chánh Giác".

[Nguyện thứ Ba Mươi Chín, Trang Nghiêm Vô Tận Nguyện]. Đây là nói rõ, Bồ Tát của Tây Phương Cực

Lạc thế giới rất nhiều, còn được oai thần gia trì của A Di Đà Phật, họ có biết không? Họ cũng chẳng biết, họ cũng chẳng có biện pháp. Nếu quý vị hỏi họ có bao nhiêu chủng loại, họ nói không ra; hỏi họ có bao nhiêu số lượng, họ cũng nói không ra. Cho nên chỉ có Phật với Phật mới có thể cứu cánh, Đẳng Giác Bồ Tát trở xuống đều chẳng có biện pháp nói ra được. Đây là tổng thuyết về cái đẹp thù thắng của hoàn cảnh vật chất của Tây Phương Cực Lạc thế giới, quá thù thắng.

Kinh văn: "Ngã tác Phật thời, quốc trung vô lượng sắc thụ".

[Nguyện thứ Bốn Mươi, Vô Lượng Sắc Thụ Nguyện]. Đây là

trong tất cả tướng này, cử ra một thí dụ, cây cối, chúng ta rất ưa thích. Cây cối ở Tân Gia Ba rất nhiều, trong sự tưởng tượng của chúng ta, có lẽ tất cả chúng sanh ở thập phương chư Phật thế giới, đối với cây cối hoa cỏ đều ưa thích, đều có sự ưa thích như nhau; cho nên ở chỗ này Phật cử ra một thí dụ. Vô lượng sắc, cho thấy cây cối này đẹp quá, "vô lượng sắc".

Kinh văn: "Cao hoặc bách thiên do-tuần".

Cây này cao đến một trăm ngàn do-tuần, do-tuần là đơn vị chiều dài của Ấn Độ thời xưa, do-tuần có lớn, trung, nhỏ. Đại do-tuần, theo cách ghi chép thời xưa là tám mươi dặm của

Trung Hoa, trung do-tuần là sáu mươi dặm, tiểu do-tuần là bốn mươi dặm. Nói đến cách đo lường, dặm này so với hiện nay chúng ta ngắn hơn, đó là gì? Thước đo lường ngắn hơn của chúng ta. Quý vị thử xem, Luật Học của Hoằng Nhất đại sư có ba mươi mốt thứ, trong đó có một biến Châu Xích Khảo; thời nhà Châu về trước có một lối khảo sát, khảo chứng, một thước lúc ấy đại khái giống như thước dùng ở chợ, hình như có thể chỉ có sáu tấc, cho nên trong kinh ghi chép, người thời xưa thân cao trượng hai, chúng ta thời nay cho là người khổng lồ, hiện nay đều chẳng thấy nữa. Kỳ thật hiện nay có, có lẽ là chín mươi mấy phân là trượng hai thời đó, cho nên lúc đó thước ngắn; chúng ta hiểu

rõ chân tướng này thì biết ngay, không cảm thấy lạ lùng nữa.

Tuy nhiên, bất luận ngắn cách mấy, trăm ngàn do-tuần vô cùng vô cùng cao, nếu chiếu theo con số này mà nói, nếu cây này ở trên trái đất này của chúng ta, có thể ngọn cây sẽ đụng đến mặt trăng, đụng đến nguyệt cầu rồi; cây cao thế đó. Tại sao có cây cao như vậy? Vì người Tây Phương Cực Lạc thế giới cao lớn, thân thể chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, người ta xem mình như là loài kiến, rất là nhỏ, đây là chúng ta chẳng có phước báo, liệt ứng thân; cho nên thân tướng họ lớn. Quý vị xem, trong Kệ Tán Phật của chúng ta, tán thán A Di Đà Phật "Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di, cám mục

trừng thanh tứ đại hải", vị Phật ấy tướng lớn như thế đó; mỗi người thân tướng cùng A Di Đà Phật như nhau, đều là tướng lớn như thế đó. Nên giống như cây cối, cây cối của chúng ta dù có cao đi nữa, cây này đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đều chẳng thấy, quá nhỏ đi thôi, quá nhỏ chẳng nhìn thấy, nhất định phải lớn như vậy mới có thể tương xứng; phải biết điều này. Cây ở đạo tràng này thì càng trang nghiêm.

Kinh văn: "Đạo tràng thụ cao, tứ bách vạn lý".

Đạo tràng là nơi giảng kinh thuyết pháp của Phật, mà nơi chốn giảng kinh thuyết pháp của Phật rất nhiều, nơi nơi đều có hóa thân của Phật, vậy

có lẽ ở đây nói là nơi chốn thuyết pháp của Báo Thân Phật. Tuy nhiên Tây Phương thế giới Pháp Thân, Báo Thân, Ứng Hóa Thân đều hợp tại một nơi, đều là dung thông cả, tứ độ cũng ở một nơi. Vậy đây là nói rõ các cây của đạo tràng chỗ đức Phật thuyết pháp, nơi nơi cũng đều có thể trông thấy được cùng khắp; quang cảnh này ra sao?

Kinh văn: "Chư Bồ Tát trung, tuy hữu thiện căn liệt giả, diệc năng liễu tri".

Bởi vì sao? Có một vài thứ chúng ta biết, như ở địa cầu này chúng ta, có bao nhiêu loại thực vật, động vật, chúng ta chẳng biết rõ. Quý vị bảo

cây cối thì chúng ta có thể nói ra một vài loại, tình trạng cùng cái tướng này tương tợ; cái này thì càng thù thắng, bất khả tư nghị. Phía dưới:

Kinh văn: "Dục kiến chư Phật, tịnh quốc trang nghiêm, tất ư bảo thụ gian kiến, do như minh kính, đổ kỳ diện tượng. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác".

[Nguyện thứ Bốn Mươi Mốt, Thụ Hiện Phật Sát Nguyện]. Điều này thì là hy hữu, giả như chúng ta muốn thấy tha phương thế giới. Ví như nói chúng ta sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta đối với trái đất này rất tưởng nhớ, mới vừa rời khỏi chỗ này, chẳng biết tình trạng ra sao!

Ở bên đây tướng đó liền hiện ra, giống như trên truyền hình. Còn giữa những hàng cây thì sao? Thì hiện ra tướng, chúng ta hiện nay xem truyền hình là bằng phẳng, còn tướng bên kia là lập thể, thấy được rõ ràng minh bạch, chẳng cần dùng thiên nhãn, cái tướng bên ấy hiện ngay trước mặt, quý vị bảo, điều này thù thắng biết bao. Thập phương tất cả chư Phật sát độ, muốn xem chỗ nào, thì tướng có thể ở chỗ đó hiển hiện ra. Công đức của cây bất khả tư nghị.

Kinh văn: "Ngã tác Phật thời, sở cư Phật sát, quảng bác nghiêm tịnh".

Quảng là quảng đại, bác đại, trang nghiêm thanh tịnh, "quanh anh như kính", bởi vì nó có cái thế giới này, đều là vô lượng bảo chỗ thành tựu. Bảo là khiết tịnh, chẳng nhiễm bụi trần, "bảo" đều phóng quang. Cho nên cái thế giới này là thế giới quang minh.

Kinh văn: "Triệt chiếu thập phương vô lượng vô số bất khả tư nghị chư Phật thế giới".

[Nguyện thứ Bốn Mươi Hai, Triệt Chiếu Thập Phương Nguyện]. Tây Phương thế giới, không chỉ là Phật quang chiếu khắp tất cả sát độ, mà cái thế giới này cũng phóng quang, cũng tức là chúng ta gọi là tinh cầu. Tinh cầu này cũng phóng quang và ánh

sáng của nó cũng chiếu khắp tất cả chư Phật sát độ.

Kinh văn: "Chúng sanh đổ giả, sanh hy hữu tâm. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác".

Nếu chúng sanh nhìn thấy được, sự thấy được này giống như chỗ nói phía trước, hoặc giả là thiên nhãn thấy được, hoặc giả là trong Định thấy được, hoặc giả là có nhân duyên đặc thù, cảm ứng mà thấy được. Thấy được Phật quang, thấy được ánh sáng của Tây Phương thế giới này, nhất định sanh khởi cái tâm hy hữu ngưỡng mộ.

Kinh văn: "Ngã tác Phật thời, hạ tùng địa tế, thượng chí hư không".

Địa Tế là mặt đất, mãi đến tận hư không, đây là nói cái gì? Không trung và mặt đất, chủng chủng các thứ trang nghiêm.

Kinh văn: "Cung điện, lâu quán".

Cho nên lâu đài, đình các. Chỗ này cần thuyết minh là hai chữ Cung Điện này, không thể tưởng tượng đến hình dáng cung điện của Trung Hoa, nếu quý vị nghĩ đến hình dáng này thì sai rồi, chẳng phải sự thật. Khi Phật nói kinh này là ba ngàn năm trăm

năm về trước, nói tại Ấn Độ, cung điện của Ấn Độ lúc bấy giờ cùng với kiểu mẫu của Trung Hoa hoàn toàn chẳng giống nhau. Cho nên vừa nói đến cung điện thì liền nghĩ đến kiểu mái nhà uốn cong, đây là sai. Cho nên quý vị phải biết bổn ý của nó, cái gì gọi là Cung? Cung tức là nhà của tư nhân, còn Điện? Tức là nơi để giảng kinh thuyết pháp và làm việc, đây gọi là Điện; cho nên quý vị phải biết bổn ý của nó. Điện là nơi đại chúng tụ hội, là nơi làm việc, đều gọi là điện, còn nhà ở của tư nhân gọi là Cung. Vậy chỗ này thì quý vị biết được, thập phương tất cả chúng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới nơi mà chính họ ở, họ ưa thích hình dáng ra sao thì biến ra hình dáng như vậy,

chẳng phải hoàn toàn tương đồng. Mỗi một người ưa thích có khác, thích kiểu gì thì là kiểu đó. Còn nơi đại chúng tụ hội thì sao? Cũng chẳng hoàn toàn tương đồng, chúng ta nhất định phải biết điều này. Lâu quán, Lâu, hai tầng trở lên gọi là lầu (lâu).

Kinh văn: "Trì lưu, hoa thụ".

Trì lưu, đây là nói ao thất bảo, Hoa thụ là cây báu.

Kinh văn: "Quốc độ sở hữu, nhất thiết vạn vật, giai dĩ vô lượng, bảo hương hiệp thành".

Thật tại mà nói, cái này là hương báo vốn sẵn có của tánh đức, là

hương báo vốn sẵn có trong Chân Như bản tánh, chẳng phải từ bên ngoài đến. Cho nên tất cả vạn vật, không có một thứ nào chẳng tỏa hương.

Kinh văn: "Kỳ hương phổ huân, thập phương thế giới".

[Nguyện thứ Bốn Mươi Ba, Bảo Hương Phổ Huân Nguyện]. Vậy thì loại hương này, đã là phổ huân thập phương thế giới, những người được Định, những người được Thông đều ngửi được. Người không có Định, không có Thông, nếu như có nhân duyên đặc biệc cảm ứng cũng có thể ngửi được. Tôi nghĩ, trong những đồng tu chúng ta, lúc niệm Phật hoặc

tịnh tọa, lúc có cảm ứng, có thể ngửi mùi hương kỳ dị này. Loại hương này chẳng có ở nhân gian, từ trước đến giờ chưa từng ngửi qua, tôi tin rằng nhất định có một số đồng tu có kinh nghiệm này. Tôi từng có kinh nghiệm này, tôi còn nghe nói, hội Phật giáo ở Dallas chúng ta có vài đồng tu, ban đêm hóng mát ở trong sân, ở đó đang thảo luận Phật pháp, bỗng nhiên có một luồng hương thơm rất nồng, thời gian cũng rất dài, đại khái ba, bốn phút, thời gian này chẳng phải ngắn; mùi hương lạ này, chưa từng ngửi qua. Sau này gặp được tôi, họ đến hỏi tôi, chẳng phải một người, có đến năm, sáu người đều ngửi thấy, có thể thấy đây không phải là giả, đây đều thuộc về loại này. Đây là với nhân duyên

đặc biệt, Phật lực gia trì tăng trưởng lòng tin của quý vị, cho nên thật tại là mùi hương của pháp giới vạn đức.

Kinh văn: "Chúng sanh văn giả, giai tu Phật hạnh. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác".

Ngửi đến, cái loại cảm ứng này, đối với tín tâm của họ, có thể tăng trưởng, nguyện tâm có thể thêm sức mạnh, điều này chẳng phải giả. Tự mình có kinh nghiệm này, điều này vô cùng khó có được. Vậy hai nguyện phía trước này là hương quang trang nghiêm, Phật lấy hương quang phổ nhiếp thập pháp giới chúng sanh, đem Tây Phương Cực Lạc thế giới, hoàn cảnh sinh hoạt của đại chúng vì chúng

ta giới thiệu. Hai đoạn phía dưới (phía sau), là A Di Đà Phật vô cùng từ bi, đặc biệt vì tha phương Bồ Tát mà phát nguyện. Tha phương Bồ Tát cũng nghe đến danh hiệu của A Di Đà Phật, vô cùng tôn kính, vô cùng hoan hỷ, cung kính tán thán, họ chẳng có phát tâm sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật cũng gia trì cho họ. Tại vì sao? Bởi vì họ tuyên dương Tịnh Độ, khuyên mọi người vãng sanh, Phật đối với họ cũng gia trì. Hôm nay thì giờ đã đến, chúng tôi xin giảng đến đây. A Di Đà Phật

Tập 12

Xin lật kinh bản, trang bốn mươi, dòng thứ nhất, đây là hai đoạn chót của đại nguyện. Hai đoạn này tổng cộng có năm nguyện, là sự lợi ích của A Di Đà Phật đối với thập phương Bồ Tát, văn danh chỗ gia trì. Do đây có thể biết lòng từ bi của A Di Đà Phật, đích thật là quảng đại không bờ mé, chính cùng với một đoạn sau cùng của kinh văn trong Tam Bối Vãng Sanh, hoàn toàn tương ưng. Di Đà Tịnh Độ chẳng phải hoàn toàn hạn chế nhất định phải niệm A Di Đà Phật, phải đọc kinh Vô Lượng Thọ, phải trì kinh A Di Đà mới được vãng sanh. Trong kinh nói với chúng ta, kỳ thật tu học Đại Thừa, bất cứ một pháp

môn nào, chỉ cần đầy đủ Tín - Nguyện, chí tâm Hồi Hướng, cầu sanh Tịnh Độ, cả thảy đều được sanh. Cho nên chẳng kể quý vị niệm kinh gì, quý vị niệm chú gì, hoặc giả là niệm danh hiệu của bất cứ vị Phật, Bồ Tát nào, chỉ cần chúng ta tự mình phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, tất cả đều được sanh. Do đây có thể biết, Di Đà pháp môn đích thật là vô cùng vô cùng rộng lớn. Chúng ta xem đoạn kinh văn này:

Kinh văn: "Ngã tác Phật thời, thập phương Phật sát, chư Bồ Tát chúng, văn ngã danh dĩ, giai tất đãi đắc, thanh tịnh giải thoát, Phổ Đẳng tam-muội".

[Nguyện thứ Bốn Mươi Tư, Phổ Đẳng tam-muội Nguyện]. Trong kinh văn, vừa mở đầu thì rất rõ ràng nói ra, đây là "thập phương Phật sát, chư Bồ Tát chúng", đây không phải là chúng sanh thông thường, đặc biệt là chỉ cho chư Bồ Tát của thập phương thế giới. Bồ Tát cũng phải đầy đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên, mới có thể nghe được lục tự hồng danh. Trong phần giảng tập, chúng ta đã nói rất nhiều lần, công đức danh hiệu bất khả tư nghị, họ mới có thể nghe được, có thể tiếp xúc đến kinh Vô Lượng Thọ, đầy đủ tín nguyện. Tuy tự mình chẳng có phát tâm vãng sanh, Bồ Tát vẫn phải phổ độ chúng sanh ở trong tất cả thế giới. Dùng phương pháp gì để độ? Khuyên mọi người niệm Phật cầu

sanh Tịnh Độ, vậy thì được, Di Đà bổn nguyện oai thần gia trì. Bổn nguyện này, tức là năm nguyện sau cùng này, Di Đà muốn gia trì nhóm Bồ Tát này, khiến cho nhóm Bồ Tát này, bất luận ở trong cảnh duyên gì. Chữ Cảnh này, chúng ta nói về hoàn cảnh, hoàn cảnh vật chất, lục đạo cũng được, tam đồ cũng được, đây đều là hoàn cảnh. còn Duyên là hoàn cảnh nhân sự. Cảnh duyên là hoàn cảnh vật chất, hoàn cảnh nhân sự. Họ đều có thể bảo trì thân tâm thanh tịnh, chẳng thể bị ngoại cảnh nhiễm ô, đây là nhờ A Di Đà Phật phù hộ họ, gia trì cho họ, bởi vì Bồ Tát vẫn là hữu tình chúng sanh.

Giải Thoát, chữ này tức là nghĩa tự tại, quyết định sẽ chẳng khởi vọng

tưởng, chấp trước, sẽ chẳng sanh tham, sân, si, mạn; đây là giải thoát. Phổ Đẳng là phổ biến bình đẳng, tâm của họ cùng tâm Phật như nhau. Tam-muội đương nhiên là chỉ cho Niệm Phật tam-muội, Niệm Phật tam-muội là vua trong tam-muội, không có chi thù thắng hơn đây. Những vị Bồ Tát khác không biết, nhóm Bồ Tát này biết, chúng ta phải nhận thức rõ ràng điểm này. Vậy thì pháp môn này, thật sự mà nói, là tất cả chư Phật phổ biến hoằng dương, làm gì có Bồ Tát chẳng biết? Chúng ta nghe đến, nhất định sẽ cảm thấy rất lạ lùng, kỳ thật những Bồ Tát không biết thì rất nhiều. Chính giống như Tịnh Tông này, tại thế giới hiện tại này của chúng ta, cũng là phổ biến hoằng dương, có ai không biết

đến A Di Đà Phật? Những người không niệm Phật cũng biết đến A Di Đà Phật, Cơ Đốc Giáo, Thiên Chúa Giáo cũng biết A Di Đà Phật. Tuy họ biết nhưng họ chẳng tin, họ chẳng lý giải, họ cũng chẳng có nguyện tâm, như vậy thì biết như không biết. Cho nên rất nhiều Bồ Tát là tình hình như vậy, chúng ta nói, họ chẳng nghe, chẳng thấy, là ý nghĩa này. Đúng là con mắt "thị nhi bất kiến, thính nhi bất văn", họ chẳng có tín nguyện, họ chẳng có lý giải; đây là nói tình hình như vậy. Cho nên họ thật sự hiểu rõ tín nguyện, nói một cách thật tại, họ tự mình tu Niệm Phật tam-muội cũng cần phải khuyên tất cả chúng sanh Niệm Phật tam-muội.

Kinh văn: "Chư thâm tổng trì".

Tổng Trì tức là Phạn ngữ, chỗ gọi là Đà La Ni, tổng hết thảy pháp, trì hết thảy ý, như người hiện nay chúng ta chỗ nói, cương lĩnh; đem cương lĩnh của toàn bộ Phật pháp nắm lấy. Nơi trong hành môn này mà nói, cũng có thể nói là thiện, Tịnh Độ chẳng bị mất đi. Chúng ta đều biết tu thiện, tu thiện phải có thiện hạnh, phải có thiện nguyện, còn phải có cơ hội cho quý vị tu; nếu không có cơ hội, tuy muốn tu thiện, cái thiện này vẫn là tu chẳng thành. Mỗi một cơ hội họ đều có thể nắm lấy, đều chẳng thể mất, điều này rất khó. Ác, chẳng sanh, không những việc ác, lời ác đều chẳng có, niệm ác cũng chẳng sanh. Điều này, nơi trong

"chư thâm tổng trì" và hành môn, có thể nói là cương lĩnh vô cùng quan trọng.

Kinh văn: "Trụ tam-ma-địa".

Tam-ma-địa là Phạn ngữ, trong kinh Lăng Nghiêm nói với chúng ta Xa Ma Tha, Tam Ma Địa, Thiền Na, đều là danh xưng của Thiền định. Vậy chỗ này tức là an trụ trong Định, đắc thành Chánh Giác.

Kinh văn: "Chí ư thành Phật".

Đây đều là A Di Đà Phật oai thần gia trì, nhóm Bồ Tát này vì nghe tên mà được lợi ích vô cùng thù thắng.

Kinh văn: "Định trung thường cúng, vô lượng vô biên nhất thiết chư Phật, bất thất Định ý. Nhược bất nhĩ giả, bất thủ Chánh Giác".

[Nguyện thứ Bốn Mươi Lăm, Định Trung Cúng Phật Nguyện]. Thứ lợi ích này, nơi phía trước chúng ta thấy được những Bồ Tát vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, có người đều đầy đủ. Những Bồ Tát nghe danh mà chẳng được sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, có thể có được lợi ích này chăng? Cũng được, đương nhiên nếu như nói là Địa Thượng Bồ Tát, hoặc giả là như trong kinh nói với chúng ta về A Duy Việt Trí Bồ Tát, Thất Địa trở lên, những vị chẳng được Phật gia trì, cũng có năng

lực này. Tuy nhiên, những vị Địa tiền trở xuống không có năng lực này, trí tuệ đạo đức, thần thông của họ chẳng lớn như vậy. Vừa được A Di Đà Phật oai thần gia trì, năng lực của họ hốt nhiên đề cao lên, giống như Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa Bồ Tát như nhau. Có năng lực lớn như vậy, có thể trong một niệm phổ biến cúng dường thập phương vô lượng vô biên chư Phật, cùng với những người được vãng sanh Cực Lạc thế giới chẳng có khác biệt, được lợi ích như nhau. Vậy có thể thấy, tâm Di Đà là bình đẳng, chẳng phải nói anh sanh đến thế giới này của tôi thì tôi gia trì, anh không đến thì tôi chẳng đếm xỉa đến anh, chẳng phải như vậy. Tâm của Di Đà chẳng có phân biệt, chẳng có chấp

trước; cái tâm này thật sự là tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng. Đây cũng là chúng ta phải nên học tập.

Chúng ta học cách nào đây? Trong cái xã hội hiện tại, Phật giáo chúng ta có rất nhiều tông phái, chúng tôi thường thường tiếp xúc đến, ngoài Tịnh Độ ra còn có Thiền Tông, có Mật Tông. Trong Giáo Hạ có Thiên Thai Tông. Chúng ta thường thấy người học Thiên Thai chẳng ít, có người học Pháp Tướng [Pháp Tướng Duy Thức], đây là chúng ta thường thường thấy được người tu học pháp môn này, so ra nhiều hơn một tí. Vậy chúng ta đối với những bạn đồng tu này nên dùng thái độ gì? Nên học A Di Đà Phật. Chẳng thể nói là tôi tu Tịnh Độ, Tịnh Độ là đệ nhất, các anh

chẳng bằng tôi; đã có phân biệt, đã có chấp trước, khởi dậy cống cao ngã mạn, điều này không tương ưng cùng A Di Đà Phật. Di Đà đối với người là bình đẳng, kẻ khác vốn đối với chúng ta không bình đẳng, chẳng có quan hệ, đó là việc của họ. Chúng ta nên phải yêu cầu chính mình, mình đối với kẻ khác phải bình đẳng; bất luận họ tu học pháp môn nào, chúng ta đều hoan hỷ tán thán, quyết định chẳng thể tự tán hủy tha, điều này chẳng dùng được.

Trong Bồ Tát giới, tự tán hủy tha, Du Già Bồ Tát Giới, bản này liệt [tự tán hủy tha] vào điều đệ nhất trong giới, nhất định nên sanh tâm bình đẳng. Bởi vì sở hữu tất cả Phật pháp đều là Phật nói; nếu như chúng ta tự

tán pháp môn này của mình, hủy báng pháp môn kẻ khác, đó tức là báng Phật, báng Pháp, báng Tăng, đó là sai rồi! Cho nên phải giống như Phật, bình đẳng mà đối xử. Họ đối với cái pháp môn thành tựu ngay trong đời này họ tin được, giải được là cái thiện căn trong vô lượng kiếp của họ thành thục. Sau khi nghe rồi họ không tin, họ không thể phát nguyện, thậm chí bài xích, chúng ta biết thiện căn của họ chưa thành thục, chẳng thể trách họ; pháp môn này gọi là Nan Tín Chi Pháp, vậy là được rồi. Cho nên tâm địa chúng ta phải bảo trì thanh tịnh, đây là "Định trung năng cúng Phật", cúng Phật mà chẳng mất đi ý nghĩa của Định, tức là chẳng bị ngoại cảnh sở chuyển.

Kinh văn: "Ngã tác Phật thời, tha phương thế giới, chư Bồ Tát chúng".

Phía trước nói: "Thập phương Phật sát, chư Bồ Tát chúng", chỗ này thì nói: "Tha phương thế giới, chư Bồ Tát chúng", ý nghĩa hoàn toàn tương đồng, đều là chỉ cho chúng Bồ Tát chẳng phải ở Cực Lạc thế giới.

Kinh văn: "Văn ngã danh giả".

Trong chữ Văn này, nhất định bao quát tín giải, bao quát hỷ lạc, ưa thích, ái hảo đối với A Di Đà Phật, có thể sanh tâm cung kính, tâm tôn trọng. Tuy chẳng cầu vãng sanh, họ có thể lấy pháp môn này tự mình tu học, lấy

pháp môn này giáo hóa chúng sanh, nhất định được Di Đà gia trì.

Kinh văn: "Chứng ly sanh pháp, hoạch Đà La Ni".

[Nguyện thứ Bốn Mươi Sáu, Hoạch Đà La Ni Nguyện]. Chữ Sanh này tức là sanh tử, sanh tử có hai loại. Một loại là Phần Đoạn sanh tử, một loại là Biến Dịch sanh tử; phàm phu chúng ta đều có đủ hai loại này. Phần Đoạn là gì? Là từng giai đoạn. Chúng ta từ lúc ban sơ nhất, rõ rệt mà nhìn, giống như con người chúng ta tại nhân gian, từ sanh đến tử, đây là một giai đoạn; sau khi chết rồi lại đi đầu thai, đây lại sanh, sanh rồi lại tử, Phật bảo "sanh tử bì lao", chẳng có ngừng nghỉ. Sanh sanh tử tử, tử tử sanh sanh;

lục đạo phàm phu là làm những việc này. Cho nên mắt Phật thấy được nhóm chúng sanh này là kẻ đáng thương, không có biện pháp đình chỉ, không có biện pháp xuất ly lục đạo luân hồi; đây là nói Phần Đoạn. Còn Biến Dịch thì sao? Là nói biến hóa. Cái này thì thật vi tế, chúng ta cũng có thể xét biết được, tỷ như nói chúng ta một năm già hơn một năm, đây tức là Biến Dịch. Kỳ thật, có phải một năm già hơn một năm chăng? Một tháng già hơn một tháng, một tuần già hơn một tuần, một ngày già hơn một ngày; tôi nghĩ mọi người có thể đồng ý điều này. Lại nói vi tế thêm một tí, một giây già hơn một giây, đây gọi là Biến Dịch sanh tử.

Quý vị xem, như A La Hán trở lên, nhóm thánh nhân này đã liễu Phần Đoạn sanh tử rồi, tức là chúng ta gọi là liễu sanh tử, siêu việt luân hồi rồi, Phần Đoạn sanh tử chẳng còn nữa. Tuy nhiên Biến Dịch sanh tử vẫn còn, đến bao giờ Biến Dịch sanh tử mới dứt? Khi thành Phật thì dứt hết, Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn một phẩm thân tướng vô minh chưa phá, họ phải phá một phẩm thân tướng vô minh đó, vẫn là một lần biến dịch, đó là một lần sau cùng. Điều này là nói rõ hai loại sanh tử này, hoàn toàn chẳng còn nữa là nói cảnh giới trên quả địa của Như Lai. Chỗ này, quý vị xem, A Di Đà Phật giúp đỡ những Bồ Tát này chứng ly sanh pháp, nói một cách cạn cợt là vĩnh thoát tam giới, nói sâu hơn là hai

loại sanh tử; được Phật lực gia trì, họ đều có thể vĩnh ly. "Hoạch Đà La Ni", Đà La Ni tức là tổng trì, tâm an trụ tại trong tổng trì pháp môn. Đà La Ni, trong kinh Đại Thừa thông thường, ý nghĩa đó vô cùng rộng lớn, bởi vì nó nói về cương lĩnh, nói về nguyên tắc. Trong kinh nào, thì xem nó nói về cương lĩnh nào, nguyên tắc nào. Vậy trong kinh điển Tịnh Tông, Đà La Ni tức là lục tự hồng danh.

Tha phương thế giới Bồ Tát nghe được danh hiệu của Phật, biết được công đức danh hiệu bất khả tư nghị, thì tâm an trụ nơi trong lục tự hồng danh; thì có lẽ có bạn đồng tu hỏi rằng, Bồ Tát niệm Phật, tại sao chẳng cầu sanh? Phía trước đã nói qua, mỗi một vị Bồ Tát, mỗi một người,

nguyện lực của họ chẳng giống nhau. Có số Bồ Tát nghe được rồi liền khẩn cấp cầu vãng sanh, tại sao vậy? Vì muốn mau mau thành Phật, sau khi thành Phật mới phổ độ chúng sanh. Còn có một số Bồ Tát, nguyện vọng của họ là chỉ muốn Phật gia trì để độ nhiều chúng sanh, chúng sanh thành Phật rồi họ mới thành Phật; có những hạng người này, đây là chỉ cho loại người này. Nhưng quý vị nên biết, họ đích thật là Bồ Tát, họ đích thật đã ra khỏi tam giới, có bản lãnh giúp đỡ chúng sanh này. Ngày nay chúng ta đã thọ Bồ Tát Giới rồi, phát cái nguyện học theo Địa Tạng Bồ Tát, chẳng thể được vì không có bản lãnh, phiền não chưa đoạn, vẫn phải tiếp tục gây sanh tử luân hồi; cách này thì

chẳng độ được chúng sanh dù có nguyện này.

Nguyện này có thể không có kết quả, làm không nổi, nếu làm chẳng nổi thì quyết định vãng sanh Cực Lạc thế giới. Nếu tự mình có thể làm được thì Kiến Tư phiền não đoạn rồi, ít nhất là trình độ này. Tam giới lục đạo đã chẳng thể ràng buộc quý vị, quý vị có bản lãnh này thì được. Niệm A Di Đà Phật cầu Phật lực gia trì, quý vị quảng độ chúng sanh, chẳng cần phải nóng lòng vãng sanh; cho nên năm nguyện phía sau này là đối với những người này mà nói. Trên thực tế, không phải đối với nhóm người chúng ta mà nói, nhóm người chúng ta này chẳng phải là Bồ Tát, muôn ngàn lần xin quý vị chớ hiểu lầm. Thọ

Bồ Tát Giới rồi tức là Bồ Tát! Đó chỉ là Bồ Tát bằng đất, đó là giả, "hữu danh vô thực", chẳng phải chân Bồ Tát, phải nên biết điều này, đối với chính mình phải nhận thức rõ ràng.

Kinh văn: "Thanh tịnh hoan hỷ, đắc bình đẳng trụ".

Văn danh, tín giải, nguyện tâm hoan hỷ, an trụ nơi trong công đức, an trụ nơi trong pháp môn bình đẳng. Quý vị nên biết, pháp môn bình đẳng tức là kinh Vô Lượng Thọ, tức là lục tự hồng danh; bình đẳng là thể tướng của tất cả pháp. Tất cả các pháp, thể là bình đẳng, thể là gì? Là pháp tánh, cho nên Tướng cũng bình đẳng. Vậy ngày nay chúng ta, trong giữa cảm

giác chẳng phải bình đẳng, nguyên nhân này là gì? Là chính chúng ta đã có tâm phân biệt, đã có tâm vọng tưởng; tâm này chẳng bình đẳng. Vì thế, cho nên nhìn cảnh giới bên ngoài cũng chẳng bình đẳng, chúng ta đem Nhất Chân pháp giới coi thành là thập pháp giới, việc này cũng là từ trên cương lĩnh quy nạp mà nói. Kỳ thật, lúc này pháp giới vô lượng vô biên chẳng bình đẳng, thập phương Bồ Tát, thật tại mà nói, chúng sanh căn tánh thật sự tốt cũng có thể tu Bồ Tát hạnh, cũng có thể học Bồ Tát đạo, cũng có thể được bình đẳng trụ này. Vậy chúng ta đối với A Di Đà Phật, đối với kinh điển của Tịnh Tông; hiện nay kinh điển của Tịnh Tông là Ngũ Kinh, Tịnh Độ Ngũ Kinh, chúng ta có

thể kiến tướng, văn danh. Tướng này có tượng Phật, kinh điển, cũng là Tướng, thấy tướng, nghe danh. Được Phật gia trì, đều có thể có được lợi ích của công đức thù thắng. Tâm bình đẳng, Niệm bình đẳng, đây là cơ sở trong tất cả sự bình đẳng, chúng ta mới thật sự có thể được pháp bình đẳng.

Trong quá trình tu học, một câu Phật hiệu này, thật tại mà nói, tức là toàn thể pháp giới. Mấy ngày trước, trong phần phía trước, đặc biệt là trong nguyện thứ Mười Tám, đã báo cáo với quý vị, trong tất cả kinh cổ đức nghiên cứu, so sánh; so sánh đến cuối cùng, tức là một câu Phật hiệu này. Chúng ta từ trong sự giáo lượng này mà thật sự thể hội đến, nhận thức

đến công đức Phật hiệu bất khả tư nghị, Phật hiệu tức là tất cả pháp; tất cả pháp đều quay về danh hiệu, đến chỗ này đã thật sự bình đẳng. Cho nên đến cuối cùng, cả thảy tất cả pháp môn đều quy về một câu danh hiệu này, cái này là thù thắng không chi sánh bằng. Dụng công, điều khẩn yếu là "tịnh niệm tương kế", đến lúc công phu thành thục, thành tựu, chỗ gọi là niệm mà không niệm, không niệm mà niệm; đây là được bình đẳng trụ rồi. Vậy cái tâm như vậy, hành trì như vậy là Bồ Tát hạnh chân thật. Phía dưới nói:

Kinh văn: "Tu Bồ Tát hạnh, cụ túc đức bổn".

Ở chỗ này, Đức Bổn đặc biệt chú trọng nơi lợi ích chúng sanh. Bằng pháp môn này, chúng ta toàn tâm toàn lực đi đẩy mạnh rộng ra, bởi vì hiện nay chúng ta hiểu rõ rồi, hiện nay liễu giải rồi, chỉ có pháp môn này khiến cho tất cả chúng sanh trong một đời này thật sự được độ. Còn các pháp môn khác, chẳng phải người bình thường có thể tu học được. Cứ lấy Thiền Tông mà nói, Lục Tổ đại sư trong kinh Pháp Bảo Đàn có nói, đối tượng để độ của Ngài là người thượng thượng căn, vậy nói một cách khác, thượng và trung trở xuống chẳng có phần. Lời Ngài nói rất có đạo lý, vì sao? Thiền, chúng ta đừng nói chi đến hạng quá cao, chúng ta chỉ nói đến hạng tối thiểu thấp nhất, vẫn chưa ra

khỏi tam giới. Sơ Thiền trong Sắc Giới, đây là thấp nhất trong Thiền Tông, chẳng thể thấp hơn nữa, là tối thiểu. Sơ Thiền là cảnh giới gì? Sơ Thiền đã lìa khỏi Dục, chẳng phải Dục Giới nữa, đã đến Sắc Giới, đã thoát khỏi Dục rồi. Cái dục gì vậy? Là ngũ dục, tài, sắc, danh, thực, thùy, năm thứ này hết rồi, trong tâm chẳng có niệm này nữa; đây mới có thể đến Sơ Thiền. Tự chúng ta thử nghĩ, năm thứ này vẫn còn, có thể động tâm chăng? Nếu như vẫn có thể động tâm, thì nói một cách khác, anh vẫn còn ở Dục Giới, Sơ Thiền không có phần. Vậy mới biết, thật là khó.

Cho nên khẩu đầu Thiền, tôi cũng có thể giảng, tôi đã từng giảng kinh Kim Cang, từng giảng Lục Tổ Đàn

Kinh, còn giảng qua Vĩnh Gia Thiền Tông Tập, Chứng Đạo Ca, từng giảng qua chẳng ít khẩu đầu Thiền của Thiền Tông. Người ta hỏi tôi: "Thầy biết giảng, tại sao không tu theo?" Tôi bèn nói thật: "Tài, sắc, danh, thực, thùy, cái niệm đó tôi chưa đoạn được, đoạn chẳng nổi", đây là nói thật, đoạn chẳng nổi. Tôi biết được việc ấy quá khó, cho nên mới quay đầu trở lại, nghe nói chẳng cần đoạn cũng có thể vãng sanh. A Di Đà Phật, tôi tức khắc quay đầu trở lại pháp môn này, có phần được cứu. Cách này chẳng cần đoạn, đới nghiệp vãng sanh, cho nên chỉ cần đè phục thì được, không cần đoạn. Có thể thấy, Thiền thật sự chẳng phải dễ dàng. Cho nên trước kia, Đàm Hư lão pháp sư nói, đây là

vị đại đức của Thiên Thai Tông, Ngài niệm Phật vãng sanh. Ngài nói, trong đời Ngài thấy những người tu thiền, nghe nhóm người tu thiền trong Thiền Tông này, đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh, một người Ngài cũng chẳng nghe qua, đương nhiên càng chẳng thấy qua. Nói tu thiền được Thiền Định, có thể sanh Sơ Thiền Thiên, Nhị Thiền Thiên, cái này Ngài thấy qua, Ngài có nghe nói được Thiền Định. Quý vị nên biết, được Thiền Định, được Tứ Thiền Định, được Tứ Không Định, vẫn chẳng ra khỏi tam giới. Khi phước báo hết rồi, vẫn phải đọa lạc, vậy đâu có lợi ích gì, chẳng phải cứu cánh. Muốn từ trong thiền siêu việt tam giới, không phải việc đơn giản, tuyệt đối chẳng phải

người thường có thể làm được! Lục Tổ đại sư nói đó là lời chân thật, là người thượng thượng căn. Nơi trong Thiền Tông chúng ta thấy được, trong nhóm học trò của Lục Tổ đại sư, những người minh tâm kiến tánh kể như là nhiều nhất. Những người theo học Lục Tổ đại sư, có được bao nhiêu? Nào phải chỉ có ngàn vạn người! Mà thật sự thành tựu chỉ có bốn mươi ba người mà thôi, trong Lục Tổ Đàn Kinh chúng ta thấy được. Đây là trong lịch sử Thiền Tông Trung Hoa, những người kiến tánh khai ngộ nhiều nhất rồi đó. Giới hội khai ngộ của những tổ sư đại đức khác, chỉ có một hay hai người, ba, bốn người là nhiều nhất; tự nhiên chúng ta biết được chỗ khó khăn. Còn trong Tịnh Tông,

những người niệm Phật vãng sanh, thật tại mà nói, cho đến nay, những người y theo pháp môn này tu học, được vãng sanh chẳng biết là bao nhiêu, không đếm hết được. Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, truyện vãng sanh thu thập được, đó là chỉ nghe ngóng thôi! Còn có rất nhiều người vãng sanh, cũng chẳng thông tri cho quý vị, cũng chẳng đăng quảng cáo bên ngoài, cho nên thật sự vãng sanh thì chúng ta không biết, quá nhiều quá nhiều. Trong Vãng Sanh Truyện, trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục ghi chép đó là số ít, còn số nhiều thì chẳng biết, chẳng có nghe ngóng được. Do đây mới biết được sự thù thắng của pháp môn này, cổ đức nói muôn tu muôn người đi.

Kinh văn: "Ứng thời bất hoạch, nhất nhị tam Nhẫn".

[Nguyện thứ Bốn Mươi Bảy, Văn Danh Đắc Nhẫn Nguyện]. Đây là nói về văn danh đắc Nhẫn, câu này là Di Đà gia trì, đặc biệt hiển rõ "Nhất, Nhị, Tam Nhẫn", cũng tức là phía sau bổn kinh chỗ nói: "Âm Hưởng Nhẫn, Nhu Thuận Nhẫn, Vô Sanh Pháp Nhẫn" ba thứ này. Tuy nhiên, ba thứ này không có nói rõ là Bồ Tát của địa vị nào, chẳng có nói. Trong kinh Nhân Vương Bát Nhã nói rất tường tận, đem năm mươi vị Bồ Tát, dùng Vô Nhẫn để biểu đạt. Vậy thì Vô Sanh Pháp Nhẫn trong kinh Nhân Vương là Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa; Thập Địa

trở lên là Tịch Diệt Nhẫn, chỗ này chẳng có, chỗ này là Vô Sanh Pháp Nhẫn. Vậy thì chúng ta có thể khẳng định, Âm Hưởng Nhẫn là Sơ Địa Bồ Tát, (Sơ, Nhị, Tam Địa); còn Nhu Thuận Nhẫn là (Tứ, Ngũ, Lục Địa); Vô Sanh Pháp Nhẫn là (Thất, Bát, Cửu Địa). Đây là nói rõ, chẳng có Đăng Địa Bồ Tát. Tam Hiền Vị Bồ Tát vừa được A Di Đà Phật oai thần gia trì, thì đem địa vị của họ đề thăng đến Địa Thượng Bồ Tát; câu này chủ yếu là biểu đạt cho ý nghĩa này.

Kinh văn: "Ư chư Phật pháp, bất năng hiện chứng, bất thoái chuyển giả, bất thủ Chánh Giác".

[Nguyện thứ Bốn Mươi Tám, Hiện Chứng Bất Thoái Nguyện]. Đây là nói rõ, những vị Bồ Tát này ở Cực Lạc thế giới như nhau, viên chứng Tam Bất Thoái. Vậy thì từ một câu này, khẳng định Nhất, Nhị, Tam Nhẫn Bồ Tát phía trước đích thật là chỉ cho quả vị của Địa Thượng Bồ Tát. Đây là Di Đà đối với thập phương Bồ Tát, công đức, lợi ích của sự văn danh, tín nhạo và gia trì. Đến chỗ này, chúng ta đem Bốn Mươi Tám Nguyện đơn giản xin giới thiệu đến đây. Ý nghĩa quá phong phú, chúng tôi vì sự hạn chế của thời gian; hôm nay là ngày thứ mười hai rồi, trong ba mươi ngày chúng tôi phải giảng viên mãn. Cho nên có bạn đồng tu nói với tôi, phía sau vẫn còn dài

như vậy, làm sao đây? Phần sau, chúng ta sẽ giảng mau hơn, đây là bởi thời gian hạn chế; tuy nhiên những chỗ quan trọng đều đã báo cáo ra rồi, đều nói hết rồi. Chúng ta xem phía dưới, phẩm thứ Bảy.

Tất Thành Chánh Giác - Đệ Thất

Phẩm dưới đây vẫn là A Di Đà Phật tự mình tuyên thuyết, cũng tức là tổng kết phía sau của Bốn Mươi Tám Nguyện, lấy kệ tụng này để giải, để thuyết minh cái tâm nguyện của Ngài. Chánh Giác tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tất Thành Chánh Giác là gì? Tức là nhất định thành Phật. Câu này vô cùng vô cùng quan

trọng, chúng ta đến được Tây Phương Cực Lạc thế giới, tương lai chứng được quả vị gì? Nhất định thành Phật. Như vậy mới khiến chúng ta thật sự nhìn ra đại nguyện này của Di Đà thật sự là cứu cánh viên mãn. Phía sau có mười một bài kệ tụng:

Kinh văn: "Phật cáo A Nan: Nhĩ thời Pháp Tạng tỳ-kheo, thuyết thử nguyện dĩ, dĩ kệ tụng viết:"

Nguyện này tức là Bốn Mươi Tám Nguyện, chúng ta xem bài kệ tụng, đây là ngũ ngôn tụng, một câu năm chữ, bốn câu là một bài. Bài thứ nhất:

Kinh văn: "Ngã kiến siêu thế chí, Tất chí Vô Thượng đạo, Tư nguyện bất mãn túc, Thệ bất thành Đẳng Giác".

Bốn Mươi Tám Nguyện của Di Đà, chúng ta cần nên biết, mỗi một nguyện đều hàm nhiếp những nguyện khác. Bốn mươi tám nguyện, trong mỗi một nguyện đều bao hàm bốn mươi bảy nguyện kia, nguyện nguyện đều là viên dung vô ngại như vậy. Chẳng phải nguyện nguyện độc lập, nguyện nguyện chẳng liên quan, không phải vậy; nguyện nguyện đều hỗ tương viên dung, cho nên "Một tức tất cả, tất cả tức Một". Đây là "siêu thế chí", đúng là siêu việt thế, xuất

thế gian, nguyện của Di Đà này thật sự là siêu việt.

"Tất chí Vô Thượng đạo", đây là quả mãn, Ngài nhất định thành Phật, chẳng những thành Phật, chúng ta đã thấy được ở phía trước, Ngài thành Phật vượt qua tất cả chư Phật, chúng tôi chẳng cần giải thích kỹ điều này nữa; nếu quý vị hỏi vì sao có thể vượt qua, phía trước đã nói rồi. Phía sau Thế Tôn còn có dùng lối văn dài để giới thiệu, Ngài thật sự vượt qua, cho nên Ngài là Vô Thượng của Vô Thượng, "tất chí Vô Thượng đạo". "Tư nguyện bất mãn túc", chữ Tư Nguyện này là chỉ cho Bốn Mươi Tám Nguyện phía trước giảng, nguyện nguyện đều mãn túc. Cũng tức là bảo, nguyện nguyện đều đã

biến thành sự thật, chẳng có nguyện nào là không nguyện. Cho nên Ngài đã thành Phật, đây là nguyện nguyện viên mãn, là nhân duyên quả mãn, thành Phật rồi; thành Phật thì là quả mãn. Đức Thích Ca Mâu Ni Phật dạy cho chúng ta, A Di Đà Phật ở Tây Phương thế giới thành Phật đã mười kiếp rồi, nhân duyên quả mãn rồi, nguyện nguyện đều thực hiện rồi. Những lời phía dưới này đều là đức Di Đà thuật nói về phần mình, sau khi Cực Lạc thế giới xây dựng xong, trong những sự tướng lợi ích chúng sanh này, chúng ta phải nên học tập, phải cẩn thận để thể hội, thiết tha để học tập.

Kinh văn: "Phục vi đại thí chủ, Phổ tế chư cùng khổ, Linh bỉ chư quần sanh, Trường dạ vô ưu não".

A Di Đà Phật thật sự đã thành đại thí chủ, Tài bố thí, Pháp bố thí, Vô Úy bố thí; những đối tượng bố thí là tận hư không biến pháp giới tất cả chúng sanh. Tất cả chúng sanh là cửu pháp giới chúng sanh, phía trên là Đẳng Giác Bồ Tát, phía dưới là địa ngục chúng sanh, Ngài bình đẳng bố thí. Tài bố thí là gì? Xây dựng Cực Lạc thế giới, hoan nghênh quý vị đến hưởng thụ, đây là Tài bố thí. Quý vị phải biết Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng phải Vô Sắc Giới, là có thân thể, có sắc thân; có thân thể thì phải có chỗ để cư trú, có không gian

để hoạt động, có tất cả sự hưởng thụ, hưởng thụ viên mãn đầy đủ, tất cả "tùy tâm sở dục". Cái này là A Di Đà Phật bố thí tài đối với chúng ta. Ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng những Phật thuyết pháp, Bồ Tát thuyết pháp, đồng tham đạo hữu thuyết pháp, lục trần đều thuyết pháp; cây cũng biết thuyết pháp, chim cũng biết thuyết pháp, chim đó chẳng phải là súc sanh, là A Di Đà Phật biến hóa ra, nước cũng biết thuyết pháp, gió cũng biết thuyết pháp; chẳng có một thứ nào không biết thuyết pháp. Quý vị muốn nghe pháp nào thì họ sẽ nói pháp ấy cho quý vị, đó là Pháp bố thí.

Sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì được vô lượng thọ, thân Kim Cang bất hoại, sáu thứ thần

thông, chẳng những thứ thứ đầy đủ, sự lớn mạnh của năng lực thần thông hầu như cùng Đẳng Giác Bồ Tát như nhau, Vô Úy bố thí. Cho nên A Di Đà Phật đối với tất cả chúng sanh, ba thứ bố thí viên mãn, là đại thí chủ. Sở hữu tất cả chư Phật Như Lai không thể cùng A Di Đà Phật so sánh, là đại thí chủ chân chánh; cách thuyết pháp này của Ngài, một tí cũng chẳng khoa trương. Vị thầy mà ngày nay chúng ta mơ ước ngưỡng mộ, chúng ta muốn truy cầu vị thầy này, Ngài là một đại thí chủ. Nếu như chúng ta có lòng tham, vẫn còn bỏn xẻn xả chẳng được, thì làm sao có thể theo Ngài được? Nghĩ lại, điều này có vấn đề, niệm Ngài cũng chẳng được, vẫn phải khí phần có một tí tương ưng mới được.

Vì thế, nên chúng ta phải học bố thí, đương nhiên ngày nay chúng ta không có cái năng lực lớn như vậy, chẳng thể xây dựng một cái thế giới để làm vừa lòng dục vọng sinh hoạt vật chất của chúng sanh, chúng ta không có cái đại phước báo này.

Tận tâm tận lực tức là viên mãn, cho nên nhất định phải biết người chúng ta, những người muốn cầu sanh Tịnh Độ, chúng ta nên đem phước báo của chính mình bố thí cho cùng khắp, cho tất cả chúng sanh. Sinh hoạt của mình, nên tiết kiệm một tí, qua loa là được rồi, tu đại phước báo cùng A Di Đà Phật bổn nguyện tương ưng, đây là cái bảo chứng chân chánh của chúng ta lúc vãng sanh. Đương nhiên cái xã hội này hiện nay, ở khu

vực Tân Gia Ba này, khắp nơi đều giàu có, mức sinh hoạt con người đều được nâng cao, chúng ta sống với mức bình thường được rồi; đừng nên xa hoa, đừng nên phung phí nữa. Trong xã hội, không cần thiết cùng người ta tranh thể diện, cái đó gọi là tạo tội nghiệp; chúng ta mặc, được chỉnh tề là được rồi, còn ăn thì có thể lưu tâm vệ sinh, có thể nhiếp thọ dinh dưỡng là đủ rồi, đừng nên quá đáng.

Thời thời khắc khắc nghĩ rằng chúng ta tiết kiệm được một tí thì chúng sanh có được lợi ích, ví như hiện nay quý vị đang cầm quyển kinh này trên tay, một quyển là một đồng Mỹ kim. Bình thường chúng ta tiêu tiền, ta để dành được một đồng thì thế gian này sẽ có thêm được một quyển

kinh Vô Lượng Thọ thì độ thêm được một chúng sanh. Nếu quý vị giữ mãi tâm này thì phước báo của quý vị sẽ lớn, quý vị sẽ cùng với bổn nguyện của Di Đà tương ưng. Ngày nay chúng ta muốn báo ân Phật, ngày ngày đều niệm hồi hướng, "Thượng báo tứ trọng ân, Hạ tế tam đồ khổ", ngày ngày đều niệm, mỗi ngày đều niệm khá nhiều lần, nhưng có làm theo không? Giả như chẳng có làm, thì trong lòng mình tự nghĩ cũng cảm thấy áy náy, gạt mình, gạt kẻ khác, lại còn gạt cả Phật, Bồ Tát; vậy thì làm sao được? Phải nên thật sự giữ cái tâm này, có cái niệm này.

Trong sinh hoạt thường ngày tiết kiệm được một tí, chúng ta in kinh sách, đây là công đức chân thật; hiện

nay còn có thể làm băng cassette, băng video. Có nhiều đạo tràng xa xôi hẻo lánh, không có pháp sư đến giảng kinh thuyết pháp, chúng ta đem số băng cassette, video này cúng dường cho họ, họ sẽ được lợi ích rất lớn. Trong những năm gần đây, tôi biết được có rất nhiều người vì vậy mà nghe được danh hiệu Di Đà, vì vậy mà biết được kinh Vô Lượng Thọ, phát nguyện niệm Phật vãng sanh rất nhiều. Chúng tôi chẳng đi, nhưng họ đã học được từ trên băng cassette, trên kinh bản. Do đây có thể biết, đích thật cách này đã khởi lên tác dụng rất lớn; đây là chúng ta thật sự báo ân, thật sự giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn này, khiến họ được sanh về Phật

quốc trong một đời này, đó mới thật sự là "hạ tế tam đồ khổ".

Phía dưới chỗ nói những phương pháp này, chúng ta đều có thể noi theo. "Phổ tế chư cùng khổ", đây là thí dụ; mê hoặc vô tri tức là Cùng, tức là Khổ. Chữ Cùng này là nghèo, chẳng phải chỉ cho tiền của; ngày nay chúng ta nói đến chữ Cùng, đại khái tức là chẳng có tiền của. Trong Phật pháp không chỉ là chỉ cho cái này, mà chẳng có trí tuệ là Cùng, không có đạo đức là Cùng, chẳng có thiện hạnh là Cùng đấy. Bình thường chúng ta chẳng có nghĩ đến điều này, cho nên đây là mức độ thấp nhất. Chúng ta nên biết, con người không có trí tuệ thì chẳng có phương pháp liễu sanh tử, xuất tam giới, chẳng có phương pháp

đoạn phiền não, chẳng có phương pháp đoạn vọng tưởng; ở tại thế gian này sống trong kiếp số dài lâu, không nơi nương tựa, đây là thật sự cùng khổ. Niệm Phật, thật tại mà nói, ngày nay chúng ta thật sự tìm được nơi nương tựa, chúng ta nương nhờ A Di Đà Phật, chúng ta nương nhờ kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta nương nhờ Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, đây là Tam Bảo của Tịnh Tông chúng ta.

Tôi giảng Tam Quy Y cho quý vị, giảng đến cuối cùng thì tôi thực hiện tại Tam Bảo này. Chúng ta quy y Phật, quy y A Di Đà Phật; quy y Pháp, quy y kinh Vô Lượng Thọ; quy y Tăng là quy y nơi Quán Âm, Thế Chí. Tôi cũng nghe một số người nói Tịnh Không pháp sư có thiện kiến, may là

ở Đại Lục vẫn còn có một vài vị lão pháp sư biện hộ giùm tôi. Tịnh Không pháp sư nói đó không sai; còn có mấy vị lão pháp sư này ủng hộ tôi, tôi rất an ủi. Thật sự nương tựa, nương tựa Phật và Pháp thì chẳng có vấn đề, điều này mọi người có thể biết. Tuy nhiên Quán Âm, Thế Chí thì nương tựa cách nào? Phải biết được Quán Âm là lòng từ bi, chúng ta đối với tất cả người, tất cả chúng sanh có thể sanh từ bi tâm tức là Quán Âm, Từ Bi là Quán Âm. Trí tuệ là Thế Chí, chúng ta xử sự, đối người, tiếp vật, phải dùng lý trí, đừng dùng cảm tình; cảm tình là mê, lý trí tức là Đại Thế Chí Bồ Tát, tức là nơi nương tựa của chúng ta. Chúng ta phải nương nơi Lý Tánh, phải nương nơi Từ Bi, đây là

quy y Tăng. Đây là nơi quy y chân chánh, chẳng phải quy y nơi người nào đó, phải nên biết điều này. Không có nương tựa là khổ, chúng ta có nương tựa giống như đứa trẻ có cha mẹ nương tựa, chẳng có nương tựa là cô nhi, rất đáng thương. Hãy thử xem số chúng sanh không có nơi nương tựa quá nhiều quá nhiều; nghĩ lại chúng ta đây thật may mắn.

Kinh văn: "Xuất sanh chúng thiện căn".

Câu này là nói trí tuệ công đức; không có trí tuệ thì chẳng thể sanh thiện căn. Trong Phật pháp, thiện căn có hai cách nói, một là thiện căn của thế gian, chỗ có tất cả thiện pháp của

thế gian, từ cái gốc này mà sanh ra, đây gọi là thiện căn. Thiện căn này là gì? Không tham, không sân, không si là tam thiện căn. Tam thiện căn này là từ trong trí tuệ chân thật sanh ra, người chẳng có trí tuệ chân chánh đều có tham, sân, si; tham, sân, si gọi là tam độc phiền não. Nói một cách khác, tội ác vô lượng vô biên của thế gian đều từ chỗ này sanh ra, từ tham, sân, si sanh ra; ngược lại với cái này là tam thiện căn. Thiện căn của xuất thế gian, chỉ có một, là tinh tiến, tinh tiến không giải đãi, thì đạo nghiệp rất dễ thành tựu. Tuy nhiên phải nên chú ý hai chữ "tinh tiến", Tiến là tiến bộ chẳng thoái chuyển, Tinh là thuần mà không tạp; một môn thâm nhập, vậy là đúng.

Cho nên chúng ta thấy trong hàng cổ đức, khi họ chưa biết được Tịnh Độ, những thứ họ học vô cùng quảng bác; đến một ngày nào đó họ gặp được pháp môn này, thật sự thấu hiểu lý giải rồi, họ nhất định buông hết tất cả, một môn thâm nhập. Thời xưa có hai vị, ngài Đàm Loan, Đạo Trước là gương mẫu của chúng ta, Đạo Trước đại sư một đời chuyên giảng kinh Di Đà, trong lịch sử vẫn còn ghi việc này; Ngài thuyết kinh Di Đà cũng có thể bao quát luôn kinh Vô Lượng Thọ, bởi vì lúc bấy giờ Ngài ở thời đại Nam Bắc triều; vào thời đó, kinh Vô Lượng Thọ cũng gọi là kinh A Di Đà. Cho nên về sau ngài Đạo Trước đại sư giảng đại bản, tiểu bản, một đời Ngài chuyên giảng hơn hai trăm lần,

Ngài chẳng giảng kinh khác, đây gọi là Tinh Tiến. Cuối triều nhà Minh, Liên Trì đại sư cũng rất hay, Ngài thông Tông thông Giáo, lúc tuổi về chiều chuyên tu Tịnh Độ, tất cả thảy đều buông xuống, "Tam tạng thập nhị bộ, nhường cho kẻ khác ngộ. Tám vạn bốn ngàn hạnh, nhường cho kẻ khác hành", Ngài chỉ một quyển kinh A Di Đà, một câu lục tự hồng danh, tinh tiến; đây gọi là tinh tiến, đây đều là gương mẫu của chúng ta, là mô phạm của chúng ta. "Xuất sanh chúng thiện căn", vô lượng vô biên thiện pháp từ chỗ này sanh ra.

Kinh văn: "Thành tựu Bồ Đề quả".

Bồ Đề Quả tức là chứng đắc Phật quả viên mãn. Vậy chỗ này chúng ta thấy, biết được vị đại thí chủ A Di Đà Phật này bố thí; những người đến chỗ này được cái lợi ích đó là cứu cánh viên mãn. Đây không phải sự bố thí thông thường, là giúp cho chúng sanh thành Phật. Trong tất cả các loại bố thí, đây là bố thí chí cao vô thượng, chúng ta cần phải học điều này. Ngày nay chúng ta học là đem pháp môn Tịnh Độ tự mình hết lòng tu học, có được sự lợi ích thù thắng, có trách nghiệm, có nghĩa vụ để đẩy mạnh rộng ra, chỉ cần đem pháp môn này giới thiệu cho những người quen biết với chúng ta, tiến cử cho họ. Tự chúng ta chẳng làm nổi thì kinh điển ở đây, chú giải ở đây, chỉ cần chúng

ta có lòng, niệm niệm đều đem kinh bản, Phật hiệu gián tiếp lưu thông qua lại thì phù hợp với bổn nguyện của Di Đà. Bên ngoài nơi giảng tập, chúng tôi có nhiều kinh sách biếu tặng để kết duyên, không chỉ là nói bằng miệng, mà thật có hành động để hỗ trợ, hy vọng mọi người lúc kết duyên lấy cho nhiều; tôi chỉ cần lấy một quyển, nếu lấy một quyển thì tâm lượng quý vị quá nhỏ, lẽ nào quý vị chẳng quen được một người nào hay sao? Những người quý vị quen đó, quý vị đều có nghĩa vụ phải tặng cho họ. Kinh sách đó lấy hết không sao! Lấy hết chúng tôi lại in nữa, cuồn cuộn chẳng dứt để bổ sung vào. Cho nên quý vị cũng đừng khách sáo tôi lấy nhiều quá khó coi lắm, tâm lý này

chẳng nên, phải nên lưu thông đại pháp khiến tất cả chúng sanh đều có được lợi ích của công đức thù thắng. Cho nên quý vị mới có thể cùng Phật tương ưng. Xin xem tiếp phần kinh văn phía dưới:

Kinh văn: "Ngã nhược thành Chánh Giác, Lập danh Vô Lượng Thọ, Chúng sanh văn thử hiệu, Câu lai ngã sát trung".

Bốn câu này, thật tại mà nói, là trung tâm đại nguyện của A Di Đà Phật, Bốn Mươi Tám Nguyện là sự triển khai của bốn câu này; thật tại mà nói, bốn câu này tức là toàn thể của Di Đà đại nguyện. Quý vị thử xem, cái mùi vị này, "Ngã nhược thành

Chánh Giác”, chữ Ngã là ngài Pháp Tạng tỳ-kheo tự xưng, hiện nay Ngài thành Phật rồi, gọi là A Di Đà Phật, tức là A Di Đà Phật. Vậy trước tiên, lập danh Vô Lượng Thọ, đã thành Phật, danh hiệu Phật là gì? Là Vô Lượng Thọ Phật, tiếng Phạn gọi là A Di Đà Phật. Chúng ta đem nó dịch thành ý nghĩa tiếng Trung Hoa là Vô Lượng Thọ Phật; trong tất cả công đức, thọ mạng là đệ nhất đức. Trước, chánh danh, “danh bất chánh thì ngôn bất thuận”; thật tại mà nói, cái danh hiệu này rất có sức nhiếp thọ. Danh từ trong Phật pháp, nếu là thế gian pháp mà nói, rất có sức dụ hoặc. Quý vị thử xem, có người nào mà chẳng muốn trường thọ? Cho nên chữ Vô Lượng

Thọ này rất có năng lực, dụ hoặc lôi cuốn.

Ở Mỹ, chúng tôi xây dựng đạo tràng, sau khi đạo tràng xây dựng xong; vì là ở Mỹ, ngày đầu đạo tràng mở cửa, chúng tôi lấy tiệc trà để chiêu đãi láng giềng của chúng tôi. Nhóm người ngoại quốc đến đạo tràng này của chúng tôi rất vô cùng hoan hỷ, tuy họ là tín đồ Cơ Đốc Giáo, tín đồ Thiên Chúa Giáo, đến đạo tràng chúng tôi họ rất hoan hỷ, vì hình thức xây dựng của đạo tràng chúng tôi chẳng phải kiểu chùa của Trung Hoa, là kiến trúc theo kiểu Mỹ. Đến lúc tập họp, tôi đơn giản đem ý nghĩa mục tiêu xây dựng đạo tràng của chúng tôi giới thiệu cho họ, khiến họ đối với chúng tôi có một tí nhận thức và liễu

giải. Họ cũng vô cùng vui mừng, khi họ thấy chúng tôi cúng dường tượng Phật, cúng dường Tây Phương Tam Thánh. Họ hỏi chúng tôi, cúng dường đó là Phật gì? Họ hỏi chúng tôi tu pháp môn gì? Bởi vì người Mỹ biết trong Phật giáo có Thiền, có Mật, các pháp môn này rất thịnh hành ở Mỹ.

Tôi bèn nói với đồng tu phiên dịch: "Anh đừng nói với họ là Tịnh Độ, họ không biết, anh càng nói càng rắc rối, chúng ta phải tốn rất nhiều lời lẽ để tranh luận, vẫn không được rõ ràng"; tôi nói: "Cứ nói với họ, chúng ta học pháp môn này gọi là pháp môn A Di Đà Phật". Anh ta bèn phiên dịch như vậy, họ hỏi A Di Đà Phật là nghĩa gì? A Di Đà Phật có ba nghĩa; thứ nhất là trường thọ, họ nói họ cần,

họ muốn trường thọ. Tôi nói, thứ hai là vui vẻ, họ nói họ cũng cần cái này; thứ ba là trí tuệ, họ nói họ cũng cần. Được rồi, hy vọng về sau mỗi thứ Bảy đến nơi đây, nơi đây có trường thọ, có vui vẻ, có trí tuệ; họ bèn đến. Bởi vì Chủ Nhật họ phải đến nhà thờ, thứ Bảy có thể đến Phật Đường, cùng với nhà thờ của họ chẳng xung đột, như vậy là đem người ngoại quốc tiếp dẫn trở lại. Cho nên vừa đơn giản, vừa rõ ràng, cho họ cái quan niệm vô cùng rõ ràng; tại địa phương này, chúng tôi học đó là trường thọ, vui vẻ, trí tuệ. “Lập danh Vô Lượng Thọ”, rất quan trọng; họ là Cơ Đốc Giáo đồ, Thiên Chúa Giáo đồ, họ cần trường thọ.

"Chúng sanh văn thử hiệu", trong Văn bao quát tín, bao quát hoan hỷ, có tín, nhạo thì họ mới phát nguyện tu học. "Câu lai ngã sát trung", tất cả đều đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, đại thí chủ A Di Đà Phật này hoan nghênh cùng khắp, quả thật là đại hội vô trạch, đại hội bình đẳng, chẳng có tuyển chọn. Cư Sĩ Lâm ở Tân Gia Ba mời tôi đến giảng bộ Bình Đẳng Kinh này, cũng là có cảm ứng; tôi thấy, ở Cư Sĩ Lâm, bữa ăn sáng, trưa, tối cũng là bình đẳng bố thí; điểm này chẳng dễ. Cư sĩ Lý Mộc Nguyên nói với tôi, một năm ba trăm sáu mươi lăm ngày, chỉ có một ngày không cúng dường; đó là mồng Một Tết. Trừ ngày này ra, ngày ngày ba bữa ăn đều cúng dường cả, điều này chẳng phải

dễ, bình đẳng bố thí cùng với bình đẳng giác tha thì là tương ưng.

Kinh văn: "Như Phật kim sắc thân, Diệu tướng tất viên mãn".

Đây là nói, mỗi một người vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới cùng thân tướng của A Di Đà Phật hoàn toàn tương đồng; thân tướng là thân được diệu tướng trang nghiêm. Chúng ta nói ba mươi hai tướng, tám mươi chủng hảo, người người đều đầy đủ.

Kinh văn: "Diệc dĩ đại bi tâm, Lợi ích chư quần phẩm".

Số người vãng sanh này cũng giống như Phật, Phật đại từ đại bi, mỗi một người đi vãng sanh, tâm nguyện tâm hạnh đều giống như Phật, điểm này vô cùng vô cùng quan trọng. Cho nên, từ trong kinh điển, chúng ta phải hết lòng để thể hội, để học tập; chúng ta phải học đại bi tâm. Đại Bi, chữ Đại này tức là bình đẳng, nếu như có lựa chọn, phân biệt thì từ bi đó gọi là từ bi, chẳng gọi là đại từ bi. Đại từ bi là chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước; với tâm bình đẳng để hành từ bi thì gọi là đại từ, đại bi. Chúng sanh cũng có từ bi, người thế gian chúng ta gọi từ bi này là ái tâm; nhà Phật đem danh từ này đổi lại là từ bi, tức là ái tâm. Tại sao chẳng dùng ái tâm? Chữ Ái này, thật tại mà nói,

nó đã hại chết rất nhiều, rất nhiều chúng sanh, tại sao vậy? Vì là tình chấp, là tình ái rất sâu của cảm tình. Trong kinh thường nói: "Ái bất trọng, bất sanh Sa Bà", nói một cách khác, nếu quý vị chẳng có ái tâm sâu nặng thì quý vị sẽ không đọa lục đạo luân hồi. Lục đạo luân hồi làm sao mà có? Là từ cái Ái mà có. Quý vị bảo điều này có tệ hại không chứ!

Người thế gian ngày ngày vẫn chẳng lìa khỏi cái ái, vẫn rất thích cái ái, vậy thì đọa luân hồi rồi; cho nên Phật pháp đem nó đổi danh từ gọi là từ bi. Thật tại mà nói, cái ái của người thế gian là cảm tình, còn cái ái trong Phật pháp nói đến là lý tánh, chẳng phải cảm tình; họ đem nó đổi danh từ lại gọi là từ bi. Thật tại mà nói, từ bi

là chân ái, còn cái ái của người thế gian đó là giả ái, tình ý hư giả. Quý vị xem, nam nữ yêu nhau say đắm rồi kết hôn, hai ngày sau lại ra tòa, lại ly hôn, đó là giả đấy mà; nào phải thật là giả, không tin cậy được. Cho nên từ bi mới tin cậy được, là lý tánh, chẳng phải cảm tình, không thể thay đổi; tình cảm của người thế gian có thể thay đổi, thiên biến vạn hóa, chẳng tin được.

Người học Phật chúng ta, đầu óc so sánh bình tĩnh hơn một tí, anh bảo anh thích tôi, yêu tôi, tôi gật đầu nhưng chẳng tin anh, vì sao thế? Vì biết đó là giả, tình ý hư dối, cho nên muôn ngàn lần xin chớ cho là thật; nếu quý vị cho là thật thì quý vị sẽ thiệt thòi, sẽ bị lừa. Ngay chính bản

thân họ, họ cũng chẳng biết cái tâm đó của họ, hôm nay ưa thích, qua hai ngày sau thì chán bỏ, họ đối với chính mình cũng chẳng nắm vững. Cho nên họ lừa dối kẻ khác, không thể trách họ, họ ngay chính mình cũng lừa dối luôn. Cho nên từ bi là chân ái, vĩnh viễn không thể đổi thay, Phật, Bồ Tát có thể tin cậy được, người thế gian chẳng thể tin cậy được, cho nên chúng ta phải học Phật. "Lợi ích chư quần phẩm", giống Phật chẳng khác, niệm niệm phải lợi ích chúng sanh, phải giúp đỡ tất cả chúng sanh giác ngộ, giúp đỡ tất cả chúng sanh trong lục đạo luân hồi tỉnh ngộ trở lại. Điều này quan trọng, thường có cái tâm này, có ý niệm này, đây là tâm đức.

Kinh văn: "Ly dục thâm chánh niệm, Tịnh tuệ tu phạm hạnh".

Hai câu này là dạy chúng ta trong sinh hoạt thường ngày, xử sự, đối người, tiếp vật, phải nên làm cách nào. Mười chữ này là cương lĩnh, phải ly dục. Dục là dục vọng, dục vọng chẳng có cùng tận, trong dục vọng bao gồm quá nhiều quá nhiều, Phật đem nó quy thành năm đại loại. Tài là tài vật, tất cả phương diện vật chất bao gồm cả tiền tài. Sắc là chỉ cho tình ái nam nữ, chỉ cho cái này. Danh, bên trong bao gồm địa vị, quyền lợi, bao gồm những thứ này; đều là người thế gian hết mình để đi tranh thủ. Thực là ẩm thực, rất nhiều người đối với ẩm thực vô cùng để tâm nghiên

cứu, chỉ vì chính mình, thật tại mà nói, là vì cái lưỡi ba tấc này; sau khi nuốt xuống bụng rồi thì mùi vị gì cũng không biết nữa; có cả trăm cách để nghiên cứu khẩu vị, hương vị. Vì cái lưỡi ba tấc mà tạo chẳng biết bao nhiêu tội nghiệp, chẳng đáng tí nào, đều phải nên giác ngộ. Thùy là ngủ nghỉ. Tài, sắc, danh, thực, thùy là năm cái gốc của địa ngục, đó là tạo tội nghiệp, phải nên giác ngộ, phải biết ly dục; ly dục tức là Tịnh. Phật vì chúng ta chế định rất nhiều giới luật, tinh thần của giới luật tức là Ly Dục, khiến chúng ta khôi phục lại thanh tịnh tâm. Tâm thanh tịnh rồi thì hạnh của chúng ta thanh tịnh, thân tâm thanh tịnh.

Chánh Niệm là định, phải sanh chánh niệm; nói một cách khác, chẳng những tâm chúng ta phải có định, phải có thâm định, như trong kinh Lăng Nghiêm nói đến Thủ Lăng Nghiêm Đại Định. Người niệm Phật chúng ta thì tâm định trong lục tự hồng danh, so với tu Lăng Nghiêm Đại Định tiện lợi hơn nhiều. Mà quả báo, thật tại mà nói, vượt hơn Lăng Nghiêm Đại Định; đây thật sự là bất khả tư nghị. Vậy thì có định đương nhiên là có tuệ vậy, cái định tâm này khởi tác dụng tức là tuệ. Tịnh Tuệ tu vạn hạnh, Hạnh là hành vi, biểu hiện trong sinh hoạt thường ngày, biểu hiện nơi xử sự, đối người, tiếp vật; vạn hạnh, thanh tịnh tâm. Hai câu này là hạnh đức, chúng ta quy nạp cái

tổng cương lĩnh này; còn phương diện tự lợi thì sao? Tức là phải tu Giới - Định - Tuệ. Lúc giúp đỡ kẻ khác tự lợi lợi tha, giúp đỡ kẻ khác ly dục, điểm này vô cùng vô cùng quan trọng. Cái xã hội hiện nay này, điện ảnh, báo chí, tạp chí, đài phát thanh, truyền hình đều là ở trong năm thứ dục này. Chỉ sợ dục vọng của quý vị chẳng mãnh liệt nên dùng các thứ phương pháp để dụ hoặc quý vị, dùng phương pháp này tăng cường dục vọng của quý vị. Nói một cách khác, gia tốc mức độ luân hồi của quý vị, gia tốc quý vị mau đọa tam đồ ác đạo, đấy đúng là ma vậy. Mỗi người trong nhà có ma chưởng, quý vị nhảy chẳng ra khỏi ma chưởng; cái gì là ma chưởng? Máy truyền hình là ma chưởng, quý

vị không biết thứ này là đáng sợ; trẻ con trong gia đình quý vị, suốt ngày cứ xem cái đó, ghê gớm lắm, hậu hoạn mai sau khôn cùng. Đích thật đây là mối âu lo của xã hội, con người hiểu rõ minh bạch, vô cùng sợ điều này. Còn báo chí? Thật tại mà nói, tôi đi qua Đại Lục mấy lần, tôi rất thưởng thức Đại Lục Trung Hoa, báo chí chỉ có hai trang, chẳng có ô nhiễm, chỉ báo cáo tin tức, không có những thứ ô nhiễm như tài, sắc, danh, thực, thùy; chương trình truyền hình so ra cũng rất sạch sẽ, đây là hiện tượng tốt. Cho nên nhân tâm so ra thanh tịnh hơn; ở vùng duyên hải, quý vị thường thường đi tham quan du lịch, cảm thấy ở Đại Lục này, hình như lòng tham con người rất nặng, đó là gì? Họ

sống những ngày cùng khổ đã quá lâu rồi, nhìn thấy nơi vật chất phong phú, tâm tham của họ dẫn khởi; bản thân họ trước kia chẳng có, thời đại về trước họ đúng là đêm chẳng cần đóng cửa. Hiện nay tại sao tăng trưởng tâm tham? Là những người chúng ta đây đem họ dẫn phát ra.

Tôi cảm thấy chẳng phải lỗi của họ mà là lỗi của chúng ta; cho nên quý vị nghĩ lại xem, bất cứ từ phương diện nào để quan sát, đều thấy có đạo lý. Chính phủ Tân Gia Ba là một chính phủ rất có trách nhiệm, quản chế rất nghiêm khắc, thứ ô nhiễm này so với Mỹ, so với Đài Loan còn nhẹ hơn rất nhiều; ô nhiễm của Mỹ thật là ghê gớm lắm, truyền hình suốt hai mươi bốn tiếng đồng hồ không gián

đoạn. Đài truyền hình thì có mấy mươi cái, rất nhiều đài không thể xem được, cho nên trước kia ông Phương Đông Mỹ nói, nếu tương lai Mỹ mất nước, cái nhân tố thứ nhất là truyền hình. Truyền hình là ma chưởng, chúng ta phải cẩn thận lưu ý; đối với con em chúng ta lúc xem truyền hình, phải hạn chế thời gian, chọn tiết mục cho chúng, chẳng thể tùy tiện để chúng xem; đối với thân tâm chúng nó, có phương hại. Sự ly dục này, từ nhỏ thì phải trông nom, phải chiếu cố. Chánh Niệm và Tịnh Tuệ này cùng Vô Lậu Học tương ưng, cho nên trong sinh hoạt ngày thường, xử sự, đối người, tiếp vật, phải giữ cái tâm này, phải thời thời khắc khắc hết lòng đi giúp đỡ người.

Kinh văn: "Nguyện ngã trí tuệ quang, Phỗ chiếu thập phương sát".

Đây là đại dụng của đức tướng của A Di Đà Phật, điều này, cả thảy cũng đã thực hiện rồi.

Kinh văn: "Tiêu trừ tam cấu minh, Minh tế chúng ách nạn".

Tam Cấu tức là tam đồ, Cấu là ô nhiễm, tức là chỉ cho tham, sân, si. Minh tức là vô minh, tức là mê hoặc điên đảo. Câu này, thông thường chúng ta gọi là tiêu nghiệp, Phật quang phổ chiếu sát độ, tiêu trừ tất cả tội chướng của chúng sanh; Phật quang, chúng ta chưa thấy được. Tuy

nhiên, quý vị nên biết nơi chốn có kinh điển của Phật, tức là nơi Phật quang chiếu sáng ngời. Quý vị chịu đọc tụng, chịu đi cầu giải thì quý vị được lợi ích, thì quý vị sẽ biết ta phải nên sống cách nào, ta nên là người cách nào, ta nên xử sự ra sao. Nhờ ánh sáng của Phật gia trì, ánh sáng này tức là trí tuệ; quyển kinh này, mỗi một chữ đều là Phật quang, mỗi một chữ đều là trí tuệ của Tự Tánh. Đọc rồi, sao có thể chẳng khai ngộ chứ? Sao có thể chẳng tiêu nghiệp chướng chứ? Nhưng thật tại mà nói, cũng có một số người niệm rồi, nghiệp chướng cũng không thể tiêu trừ! Họ niệm cách nào vậy? Là vì niệm kinh cầu Phật, Bồ Tát, để cầu ngũ dục lục trần, chẳng cầu cái gì khác; họ chẳng

cầu Giới - Định - Tuệ, họ cầu tham, sân, si, quý vị bảo có tệ hại không chứ?

Mỗi ngày niệm vài biến kinh, niệm vài tiếng Phật hiệu cho Phật, Bồ Tát nghe, cầu Phật, Bồ Tát bảo hộ họ thăng quan phát tài; tài phát càng nhiều càng tốt, tham mà không chán. Đọc kinh cách đó thì Phật quang chẳng chiếu đến quý vị, cách đọc kinh này vô dụng. Phật sẽ chẳng giúp quý vị để tạo tội nghiệp, Phật chẳng thể tăng trưởng tâm tham của quý vị, không có đạo lý này. Làm gì có hạng Phật, Bồ Tát như vậy! Cho nên đọc kinh phải minh lý, biết đoạn dục sanh chánh niệm; "tịnh tuệ tu phạm hạnh", như vậy mới có thể "tiêu trừ tam cấu minh". "Minh tế chúng ách nạn", Minh tức là trí tuệ, duy chỉ có trí tuệ

khai mở rồi, thật sự giác ngộ rồi, tâm ý thanh tịnh thì sở hữu tai nạn sẽ tự nhiên miễn trừ hết vậy.

Kinh văn: "Tất xả tam đồ khổ".

Đây là nói về quả báo, khổ báo đã lìa khỏi rồi.

Kinh văn: "Diệt chư phiền não ám".

Phía trước có hai chữ Tiêu Trừ, chỗ này thì là Diệt, công phu càng sâu hơn. Tiêu chẳng phải là Diệt, ý nghĩa của chữ Diệt so với chữ Tiêu sâu hơn; đây là nhờ Phật lực gia hộ. Diệt nghiệp rồi, so với chữ tiêu nghiệp, công đức lại càng thù thắng.

Kinh văn: “Khai bỉ trí tuệ nhãn, Hoạch đắc quang minh thân”.

Câu “Khai bỉ trí tuệ nhãn” tức là thông thường chúng ta gọi là khai ngộ rồi. “Hoạch đắc quang minh thân” tức là trong Thiền Tông gọi là minh tâm kiến tánh, kiến tánh thành Phật; đây là thân nghiệp thanh tịnh chân thật. Từ phía trước chúng ta xem thẳng xuống dưới, thân, khẩu, ý tam nghiệp thanh tịnh.

Kinh văn: “Bế tắc chư ác đạo”.

Bế Tắc là thí dụ, bởi vì chẳng những ác nghiệp chẳng tạo, ác nghiệp cũng không có; Nhân, cái ác nhân

chẳng có thì đương nhiên quả báo của ác cũng không có. Thế, xuất thế pháp điều không lìa khỏi nhân quả; nhân duyên quả báo tơ hào chẳng sai. Trong toàn bộ Phật pháp cũng chẳng thể lìa khỏi nhân duyên quả báo, cho nên thiện nhân nhất định được thiện quả, ác nhân nhất định có ác báo. Đây là cái nhân ác hoàn toàn chẳng còn nữa, ác báo chẳng còn nữa, thiện nhân thành thục, đây là được vui, lìa khổ được vui rồi.

Kinh văn: "Thông đạt thiện thú môn".

Thiện Thú là phương pháp nhập môn của thiện đạo, phương pháp nhập môn của thiện đạo là gì? Là thiện

nhân. Cái gì là thiện nhân chân chánh, cái gì là thiện nhân cứu cánh? Nếu quý vị hoàn toàn đều hiểu rõ rồi, hoàn toàn đều thông đạt rồi, thì đương nhiên quý vị chịu tu thiện, tự nhiên đoạn ác vậy.

Kinh văn: "Vị chúng khai pháp tạng".

Chúng là chúng sanh, tự mình được lợi ích thì nhất định sẽ giúp đỡ kẻ khác, chủ động đi giúp đỡ người, niệm niệm chẳng quên đi giúp đỡ kẻ khác. Pháp tạng, ý nghĩa thông thường là nói pháp tánh, hàm chứa vô lượng công đức, chúng ta gọi cái này là "pháp tạng"; ở chỗ này là chỉ cho quyển kinh Vô Lượng Thọ này. Quyển kinh Vô Lượng Thọ này tức là

vô thượng pháp tạng, viên mãn pháp tạng, bí mật pháp tạng. "Vị chúng khai pháp tạng", vì tất cả chúng sanh giới thiệu, tiến cử, thuyết minh, khiến cho họ liễu giải, hoan hỷ tín thọ phụng hành.

Kinh văn: "Quảng thí công đức bảo".

Muốn giống như Di Đà, học đại bố thí Tài, Pháp, Vô Úy, thì lấy pháp môn bố thí này của Phật vậy là đã chu toàn, đã viên mãn rồi. Đây có thể thật sự giúp đỡ tất cả chúng sanh giác ngộ, giúp đỡ tất cả chúng sanh hiểu rõ chân tướng của vũ trụ, nhân sinh. Vũ trụ tức là hoàn cảnh sinh hoạt của chúng ta, nhân sinh tức là chính mình.

Thật tại mà nói, thật sự giúp đỡ người biết rõ chính mình cùng với trạng huấn chân thật của hoàn cảnh sinh hoạt của mình. Vậy nếu nói theo Tịnh Tông, cũng có thể nói giúp đỡ người phát bình đẳng tâm, giúp đỡ người nhất tâm niệm Phật, đây là thí công đức bảo.

Kinh văn: "Như Phật vô ngại trí".

Mấy câu sau đây, hy vọng mọi thứ đều có thể có được khí phần của Phật, cùng Phật tương ưng, cũng tức là tục ngữ chúng ta nói, phải được sự bảo hộ gia trì của Phật. Câu này là, hy vọng trí tuệ cùng Phật tương ưng, "Như Phật vô ngại trí".

Kinh văn: "Sở hành từ mẫn hạnh".

Chúng ta phải chú ý chỗ này, trí tuệ là đệ nhất rồi, chẳng có trí tuệ, phần dưới làm không nổi; khuyên họ, khuyến khích họ đều là vô dụng, nhất định phải khai trí tuệ. Nói một cách khác, nhất định phải khiến họ hiểu rõ chân tướng sự thật, nhiên hậu bất luận họ làm cách nào đều là chính xác cả, đều chẳng thể sai, đều có thể hướng về sự lợi ích chân thật, tức là vãng sanh bất thoái thành Phật; đây là lợi ích chân thật. Cho nên, họ có thể giống như Phật đại từ đại bi, "từ mẫn hạnh", lòng từ bi này đồng với Phật. Đối với tất cả chúng sanh chẳng có

phân biệt, không có chấp trước, lấy tâm bình đẳng để giúp đỡ tất cả đại chúng.

Kinh văn: "Thường tác thiên nhân sư, Đắc vi tam giới hùng".

Phía trước đã từng báo cáo qua với quý vị, trong Phật môn xưng hô Đại Sư là cách tôn xưng đối với Phật, chỉ có Phật mới được xưng Đại Sư. Đẳng Giác Bồ Tát như Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền đều xưng là Đại Sĩ, chẳng có xưng Đại Sư. Mà hiện nay thế giới dân chủ tự do cởi mở rồi, dù anh xưng hô cách nào cũng chẳng phạm pháp, chẳng có ai đếm xỉa đến anh. Cho nên đồ đệ đối với sư phụ cung kính đều xưng Đại

Sư, còn người làm sư phụ cũng chẳng nói rõ, cũng nhận đại như vậy, điều này có phần quá đáng. Thật tại mà nói, là không thể được, từ xưa đến nay không có hiện tượng như vậy; hiện nay là thời loạn, hiện tượng quái gỡ này mọc lên như nấm, chúng ta nên biết rõ lý. Tuy nhiên vào thời xưa, chỉ có một ngoại lệ duy nhất, là tổ sư của Tịnh Độ Tông xưng là Đại Sư, cùng Phật như nhau; chúng ta nghĩ lại, vẫn có tí đạo lý.

Bởi vì Phật độ chúng sanh, nhất định khiến chúng sanh trong một đời viên thành Phật đạo, đây là "Thiên Nhân Sư", Đại Sư. Bồ Tát trở xuống, tổ sư đại đức, tuy là độ chúng sanh, trong một đời chẳng thể thành Phật, cũng không thể bảo đảm họ bất thoái,

chẳng có sức mạnh lớn lao như vậy. Duy chỉ có tổ sư của Tịnh Độ Tông hoàn toàn dùng câu A Di Đà Phật để khuyến đạo tất cả chúng sanh, cùng Phật độ hóa chúng sanh thành Phật đạo, không hai, không khác.

Cho nên người đời sau tôn xưng tổ sư Tịnh Tông là Đại Sư, chỉ có một ngoại lệ như vậy. Như ngày nay chúng ta xưng Ấn Quang đại sư, bởi vì Ngài là tổ sư của Tịnh Độ Tông, cái này thì có thể xưng; đây đều là một vài Phật học thường thức, chúng ta cần nên biết đến. "Thường tác thiên nhân sư, đắc vi tam giới hùng", đây là nói Hạnh, giáo hóa đồng với Phật, đức đồng với Phật.

Kinh văn: "Thuyết pháp sư tử hống".

Sư Tử là thí dụ, sư tử vừa mới rống lên, vừa mới kêu lên thì bày thú rừng nhỏ nghe sư tử kêu đều trở nên mềm nhũn, chạy cũng không nổi. Đây là thí dụ Phật nói pháp, tất cả tà môn ngoại đạo, có nghĩa trong tâm đều cảm thấy khủng bố, sợ sệt, đây là thí dụ Phật nói pháp, thuyết pháp sư tử hống.

Kinh văn: "Quảng độ chư hữu tình".

Nguyện nguyện đều là vì dạy dỗ chúng sanh, tâm tâm đều là giúp đỡ tất cả chúng sanh.

Kinh văn: "Viên mãn tích sở nguyện".

Đây là tổng kết, Bốn Mươi Tám Đại Nguyện phía trước.

Kinh văn: "Nhất thiết giai thành Phật".

Câu này vô cùng vô cùng chẳng dễ, vô cùng khó được. Nếu như từ trên quả đức mà nói, cũng từ trên quả báo mà nói, bộ kinh Vô Lượng Thọ này, câu nào là quan trọng nhất? Tức là câu này. Từ trên nhân mà nói, tức là nguyện thứ Mười Tám, "Thập niệm tất sanh", đó là câu tu nhân quan trọng nhất. Còn từ trên quả mà nói, là thành Phật, bình đẳng thành Phật, "nhất thiết giai thành Phật". Văn Thù,

Phổ Hiền phát nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thành Phật rồi. Nhân thiên, ác đạo chúng sanh Tín - Nguyện - Trì Danh sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng thành Phật, "nhất thiết giai thành Phật". Đây là cứu cánh viên mãn, tất đăng bỉ ngạn. Ở phía trước, lúc tiếp dẫn, chúng ta thấy được nào là ngũ thừa nhân, trình độ này cực kỳ sai biệt; từ Đẳng Giác Bồ Tát đến địa ngục chúng sanh, cực kỳ sai biệt.

Vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đều nhập vào Báo Độ của A Di Đà Phật, gọi là "Ngũ thừa bình đẳng, tề nhập Báo Độ". Nhân bình đẳng, đến chỗ này chúng ta thấy được quả bình đẳng, "nhất thiết giai thành Phật"; thật sự bất khả tư nghị.

Cái này mới là bổn thể của Di Đà bổn nguyện, cái lý bên trong đây vô cùng vô cùng thâm sâu, không phải chẳng có đạo lý; lý rất sâu, duy chỉ có Phật cùng Phật mới có thể cứu cánh. Cũng chính vì lẽ này nên pháp môn này gọi là "nan tín chi pháp"; rất nhiều vị Bồ Tát, nhiều vị thiện tri thức chẳng thể tiếp thọ, chẳng thể tin, mà cho là gì? Là việc căn bản chẳng thể có được. Chúng ta thử lật kinh Phật ra, Phật giới thiệu cho chúng ta thập phương chư Phật sát độ, không nghe nói có sự việc này; trong tất cả kinh Phật cũng chẳng có nói qua sự việc này. Còn bộ kinh này thì đặc biệt, kinh này cùng những bộ kinh khác chẳng giống nhau, cho nên đây là pháp môn đặc biệt. Xin xem tiếp một bài sau cùng:

Kinh văn: "Tư nguyện nhược khắc quả".

A Di Đà Phật nói nguyện này của Ngài quả nhiên là viên mãn rồi.

Kinh văn: "Đại thiên ưng cảm động".

Đây là Ngài cầu chứng minh, đại thiên thế giới nhóm thính chúng này, chư Phật đại Bồ Tát phải nên cảm động.

Kinh văn: "Hư không chư thiên thần, Đương vũ trân diệu hoa".

Trong giữa hư không, những vị thiên thần, thần hộ pháp này phải nên rơi xuống mưa hoa, tướng lành này làm chứng minh cho ta, lời ta nói, câu câu đều là chân thật, chẳng có một câu nào là giả dối. Bài sau cùng là cầu tướng lành, cầu chứng minh.

Kinh văn: "Phật cáo A Nan: Pháp Tạng tỳ-kheo thuyết thử tụng dĩ, ứng thời phổ địa lục chủng chấn động".

Đây tức là đại thiên nên cảm động rồi, lập tức tướng lành này liền hiện tiền, chư Phật Như Lai làm chứng minh cho Ngài.

Kinh văn: "Thiên vũ diệu hoa".

Quả nhiên chẳng sai! Thần hộ pháp liên giáng xuống tướng lành để trang nghiêm đạo tràng.

Kinh văn: "Dĩ tán kỳ thượng, tự nhiên âm nhạc không trung tán ngôn, quyết định tất thành Vô Thượng Chánh Giác".

Điều này là chư Phật, Bồ Tát, chư thiên, thiện thần đều làm chứng minh cho A Di Đà Phật. Cho nên chúng ta sau khi đọc, sau khi hiểu rõ rồi, ở đây có nhiều chỗ đáng cho chúng ta ghi chặt vào lòng, đáng cho chúng ta hết lòng cố gắng để noi theo trong sinh hoạt thường ngày. Hôm nay xin giảng đến đây. A Di Đà Phật

Tập 13

Xin lật kinh bản trang bốn mươi bảy, hàng thứ nhất.

Tích Công Lũy Đức - Đệ Bát

Phía trước đã đem A Di Đà Phật tại trong nhân địa phát đại nguyện giới thiệu ra rồi, nguyện nhất định phải có hạnh; nếu chẳng có hạnh thì nguyện này không đạt được mục tiêu, nhất định phải toàn tâm toàn lực đi làm. Vậy trong phần này nói với chúng ta, đó là lấy Hạnh để xây dựng Nguyện, Công tích được dầy, Đức lũy được cao, "tích công lũy đức", như vậy thì cái nhân mới có thể viên mãn.

Nhân duyên quả mãn thì đương nhiên thù thắng rồi.

Chúng ta hãy xem phẩm này, trong phẩm này, những chỗ đáng cho chúng ta học tập, noi gương nhiều vô cùng. Hãy xem Ngài tu hành cách nào, đây là gương mẫu tốt nhất của chúng ta.

Kinh văn: "A Nan! Pháp Tạng tỳ-kheo ư Thế Tự Tại Vương Như Lai tiền, cập chư thiên nhân đại chúng chi trung, phát tư hoằng thệ nguyện dĩ. Trụ Chân Thật Tuệ, dũng mãnh tinh tấn, nhất hướng chuyên chí trang nghiêm diệu độ".

Đến chỗ này là một đoạn, Phật gọi A Nan, gọi tên của ông ta, đặc

biệt đánh thức ông ta phải chú ý. Phần khai thị phía dưới vô cùng quan trọng. Pháp Tạng tỳ-kheo, những cách xưng hô này, chúng ta phải chú ý, có lúc xưng là tỳ-kheo, xưng Bồ Tát, xưng Phật, đây là nói rõ, Ngài tu hành chứng quả từng giai đoạn, từng giai đoạn hoàn thành, thì danh xưng của Ngài cũng có khác. Ở trước mặt Phật phát nguyện, đây là đối Phật phát nguyện, cầu Phật chứng minh cho Ngài. "Cập chư thiên nhân đại chúng chi trung", đây là đương chúng phát nguyện, chẳng phải ở trước mặt mỗi một mình Phật, mà ở nơi đại đình quảng chúng phát nguyện; có thể thấy rằng, nguyện này quyết định chẳng phải giả. Phật làm chứng minh cho Ngài, đại chúng cũng có thể làm kiến

chứng cho Ngài. Nguyện của Ngài phát là chân thật, chẳng hư dối.

"Phát tư hoằng thệ nguyện dĩ", đây là đã phát xong đại nguyện này, vả lại đích thật Ngài cũng đã hoàn thành cái Cực Lạc thế giới rồi, làm thành tựu rồi. Thật tại mà nói, đoạn này là Thế Tôn vì chúng ta bổ sung, nói rõ Ngài xây dựng cái này là năm kiếp tu hành. Phía trước là năm kiếp tu hành, tu cách nào đây? Hôm nay, trong phẩm kinh này thì bổ sung ra; quý vị xem, ngài Pháp Tạng là tu cách nào? Ở chỗ này, chúng ta phải chú ý, phải học tập. Ba câu phía dưới này vô cùng vô cùng quan trọng; "Trụ chân thật tuệ, dũng mãnh tinh tấn, nhất hướng chuyên chí, trang nghiêm diệu độ", câu "trang nghiêm diệu độ"

là quán thông ba câu: "Trụ chân thật tuệ, trang nghiêm diệu độ", "dũng mãnh tinh tấn, trang nghiêm diệu độ", "nhất hướng chuyên chí, trang nghiêm diệu độ". Ở phần sau văn tự chỉ dùng câu này, kỳ thật nó là quán thông ba câu phía trước; chẳng có một thứ nào không phải trang nghiêm diệu độ.

Vậy có đại nguyện mới có thù thắng vi diệu, với đại hạnh của chân như thật tướng, đây là nói về tu hành; còn phát nguyện? Đây là Tín. "Trụ chân thật tuệ", đây là nói về trí tuệ. Phía dưới là tinh tấn, "nhất hướng chuyên chí" là Niệm, nếu như chúng ta từ chỗ này xem cho tỉ mỉ, trong kinh Di Đà nói với chúng ta về Ngũ Căn, Ngũ Lực, Tín, Tịnh, Niệm, Định,

Tuệ. Căn - Lực tương ưng. Đây là điều kiện cơ bản của việc tu hành công phu đắc lực, có thành tựu của người ta. Quay đầu trở lại, chúng ta lại phản tỉnh, chúng ta học Phật, chúng ta cũng nghe pháp, cũng đọc kinh, cũng niệm Phật, tại sao đã nhiều năm như vậy mà công phu chẳng đắc lực? Vì không đạt được sự thọ dụng chân thật. Nguyên nhân tức là trên Tín, Tịnh, Niệm, Định, Tuệ, Ngũ Căn, Ngũ Lực này đã có vấn đề! Nếu như chúng ta muốn tu hành công phu thật sự đắc lực, cùng những vị đại đức, những vị Bồ Tát xưa kia xem ngang hàng với nhau, thì ba câu này tức là cơ bản.

Trụ là an trụ, trong tâm phải tràn đầy trí tuệ mới được; đây là điều kiện

thứ nhất. Chúng ta xem Lục Tổ Đàn Kinh của Thiền Tông, lần đầu tiên Huệ Năng đại sư diện kiến cùng Hoằng Nhẫn ngũ tổ, Ngài nói với Ngũ Tổ rằng: "Đệ tử trong tâm thường sanh trí tuệ", tôi đọc đến câu này thật lấy lòng hâm mộ. Ngày nay nếu chúng ta gặp được những vị đại đức này thì sao? "Đệ tử trong tâm thường sanh phiền não", chúng ta thường sanh phiền não còn họ thì thường sanh trí tuệ. Đây là nói rõ, tâm của người tu hành chân chánh là an trụ trong trí tuệ chân thật, còn chúng ta thì an trụ trong vọng tưởng phiền não, hoàn toàn chẳng tương ưng. Cho nên dù hết lòng niệm Phật thế nào đi nữa, ngày ngày lễ Phật cúng dường Tăng, làm mấy mươi năm vẫn chẳng

có tin tức chi cả, vẫn khổ não như trước; cho nên chúng ta cần phải đem cái nguyên nhân tìm ra, như tìm bệnh căn vậy.

Đem nguyên nhân của bệnh tìm ra, nhiên hậu đối bệnh mà cho thuốc, thuốc đến thì bệnh trừ, chúng ta mới có được ngày khôi phục lại sức khỏe. Giả như chúng ta giống như những người học Phật, hàm hồ khái quát mà học mãi, mấy mươi năm tự biết mình có bệnh, bệnh rất nặng, tại sao bị bệnh thì chẳng biết, bệnh căn ở chỗ nào không biết, thì anh làm sao đối trị? Căn nguyên sở tại này tức là trong tâm chúng ta chẳng có trí tuệ; người ta tu hành là có trí tuệ, đây là căn bản không nên xem thường bỏ qua.

Chúng ta phải "trụ chân thật tuệ", việc trụ chân thật tuệ này, chúng ta rất muốn. Trụ cách nào đây? Phía trước đã báo cáo qua với quý vị rồi, phải nghe kỹ lưỡng, phải ghi nhớ, phải biết dùng vào cuộc sống thì mới được. Chúng ta thường nói, chúng ta phải dùng lý trí, chẳng thể cảm tình hành sự; xử sự, đối người, tiếp vật, tu trì, đều lấy lý tánh làm chủ thể mà chẳng phải cảm tình hành sự, vậy thì gần gũi với "trụ chân thật tuệ" vậy. Trí tuệ của chúng ta chẳng cao như vậy, chẳng viên mãn như vậy; tuy nhiên vẫn phải tương ưng, vẫn phải tiếp cận, đây là bước đầu tiên. Đã có trí tuệ, đã có lý trí, vậy quan trọng nhất là phải thật sự làm, dũng mãnh tinh tấn tức là thật sự làm. Y theo đạo lý trong kinh

Vô Lượng Thọ chỗ nói, y theo phương pháp trong kinh điển chỗ nói, chúng ta hết lòng nỗ lực đi phản tỉnh, đi cải tiến, đi thực hành, đây gọi là dũng mãnh tinh tấn, phải hết lòng nỗ lực.

Nhất tâm, nhất ý, nhất hướng, đây tức là chuyên tâm. Nhất tâm, nhất ý chỉ vì một sự việc, đó là "trang nghiêm diệu độ", trong Kệ Hồi Hướng chúng ta có câu: "Nguyện dĩ thử công đức, Trang nghiêm Phật Tịnh Độ"; cái gì là công đức? Sự hành trì tràn đầy trí tuệ tức là công đức. Cái thiện tâm, thiện hạnh, điểm điểm đích đích hồi hướng Tây Phương Cực Lạc thế giới, ba câu này là cương lĩnh, tông chỉ của Phổ Hiền Diệu Hạnh, là chân nhân của Pháp

Tạng tỳ-kheo xây dựng Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vấn đề này, chúng ta chẳng thể nói chỉ niệm niệm mà thôi, đây là việc của A Di Đà Phật, hình như chẳng liên can đến chúng ta, như vậy là sai rồi. Công việc của A Di Đà Phật cùng với chúng ta quan hệ rất mật thiết, tức là công việc của chúng ta vậy.

Kinh văn: "Sở tu Phật quốc".

Đây là nói sự thành tựu của Ngài, phía trước là nhân, có nhân đương nhiên tức là có quả, trang nghiêm cái quốc độ thanh tịnh.

Kinh văn: "Khai khuếch quảng đại, siêu thắng độc diệu".

Diệu ở chỗ nào? Siêu ở chỗ nào? Người xưa vì chúng ta quy nạp thành bảy điều, nói ra "siêu thắng độc diệu".

- Thứ nhất, Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, Pháp thân, Báo thân, Ứng Hóa thân, Phật có ba thân; ba thân đều ra từ một chỗ, cái này là Diệu. Ba ngàn năm trước, Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện tại thế gian này của chúng ta, chúng ta thấy được Ứng Hóa thân của Thích Ca Mâu Ni Phật, còn Báo thân, Pháp thân của Phật, chúng ta chẳng thấy; là chia ra. Báo thân ở tại Thật Báo Trang Nghiêm Độ, Pháp thân ở Thường Tịch Quang Tịnh Độ; Thích Ca Mâu Ni Phật cũng có bốn loại tịnh

độ. Bốn loại tịnh độ chẳng ở một nơi, chúng ta không thấy, còn Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật bốn loại tịnh độ ở tại một nơi, nó là viên dung. Cho nên một thân tức là ba thân, ba thân tức là một thân; cái này Diệu, cái này thù thắng.

- Thứ hai là thân thể của Phật, quang minh thọ lượng của Ngài vượt hơn tất cả chư Phật Như Lai, vô lượng thọ đấy. Nếu có người hỏi quý vị, tương lai A Di Đà Phật cũng có Bát Niết Bàn, Quán Thế Âm Bồ Tát tiếp đó thành Phật, A Di Đà Phật lúc nào nhập Niết Bàn? Vẫn còn có vô lượng kiếp của vô lượng kiếp. Phía trước, nơi trong nguyện văn chúng ta đọc được, đại thiên thế giới tất cả chúng sanh, giả sử thảy đều thành

Duyên Giác cùng nhau đến để tính thọ mạng của Phật, đều không thể tính ra được; thọ mạng này của Phật quá dài, Phật thành Phật đến nay mới chỉ có mười kiếp. Ví như nói thọ mạng của người này là một trăm tuổi, hôm nay mới chỉ mười ngày, phía sau ngày giờ còn quá dài; thọ mạng chúng ta dài được bao nhiêu? Nếu như chẳng phát nguyện cầu sanh Tây Phương, phải nhờ vào tự mình tu pháp môn khác thành tựu, tôi đến Tây Phương thế giới đã thành Phật rồi, họ vẫn còn trong lục đạo luân hồi, đây là đạo lý nhất định. Thọ mạng thăng quan, thọ mạng siêu quá tất cả chư Phật.

- Thứ ba, lợi ích của danh hiệu bất khả tư nghị, Ngài dùng phương pháp

này để tiếp dẫn nhiếp thọ tất cả chúng sanh; cách này so với phương pháp mà tất cả chư Phật Như Lai dùng đó còn đơn giản, dễ dàng, yên ổn và nhanh chóng hơn. Phương pháp độ chúng sanh, sở hữu tất cả chư Phật không sánh bằng A Di Đà Phật.

- Thứ tư, phía trước đã cùng quý vị nói qua, năng lệnh Ngũ Thừa khế nhập quốc độ, trên từ Đẳng Giác Bồ Tát, dưới đến địa ngục chúng sanh, cũng tức là có thể khiến họ bình đẳng thành Phật; đây là ở tha phương thế giới chẳng có.

- Thứ năm, người Nhị Thừa, người nữ căn khuyết, cực độ bất bình, trên chướng ngại so ra nặng hơn. A Di Đà Phật có thể khiến họ đốn chuyển Nhất Thừa, cùng nhóm Thập

Địa Bồ Tát như nhau; đều này cũng là tha phương thế giới chẳng có.

- Thứ sáu, cách tu hành để được vãng sanh thì dễ dàng đơn giản, không khó; cũng tức là nói người người đều có thể tu, chỉ cần quý vị chịu tu, chẳng có người nào không vãng sanh.

- Điều sau cùng (thứ bảy) là sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thành Phật rồi, quả báo quá lớn, thành Phật quả viên mãn cứu cánh; quả báo này quá lớn, quá nhanh, trong thời gian rất ngắn. Chúng ta y theo kinh điển chỗ nói để tính thử kỹ lưỡng, nhiều nhất là hai, ba kiếp hay bốn kiếp thì thành Phật rồi, chẳng cần đến năm kiếp; quá nhanh.

Đây là bảy loại thập phương thế giới đều không có, tất cả trong kinh điển cũng chẳng có; cho nên nó đích thật là siêu thắng độc diệu. Chẳng có một sát độ của một vị Phật nào có thể cùng Ngài so sánh.

Kinh văn: "Kiến lập thường nhiên".

Thường là thường nhiên, vĩnh viễn chẳng thay đổi, bất sanh bất diệt. Cổ đức vì chúng ta nói, ít nhất có ba việc có thể hiển thị ra. Thứ nhất là "Bổn tánh thường", Pháp thân, đây là từ trên lý mà nói. Thứ hai là "Bất đoạn thường", đây là chỉ có Báo thân; thứ ba là "Tương tục thường", là Ứng Hóa thân. Trong thế gian này của

chúng ta, ngoại trừ bản tánh ra, đều là vô thường. Tây Phương thế giới, thứ thứ đều là chân thường, đây là trong tâm tánh viên mãn của Di Đà hiện ra, pháp tánh diệu độ chỗ thành tựu. Chẳng phải huyễn cảnh của tha phương thế giới, pháp tướng hiển hiện ra hư huyễn chẳng thật. Cái thế giới ngày nay của chúng ta là hư huyễn không thật; nhà khoa học hiện nay nói rất hay, tất cả vạn vật ở thế giới này của chúng ta đều là hiện tượng của nhóm nguyên tử, điện tử, lạp tử tổ hợp mà thành.

Duyên tụ thì hiện tướng, duyên tan thì tướng diệt; duyên tụ, duyên tan tiếp nối, vô thường là cái tướng thế đó. Trong kinh Kim Cang nói với chúng ta “Nhất hiệp tướng”, thế gian này là

nhất hiệp tướng. Nhất tức là chỉ có một thứ cơ bản tổ hợp mà thành, hợp là tác dụng, cùng với cái mà nhà khoa học nói hiện nay, phát hiện hoàn toàn như nhau; vào ba ngàn năm trước, Thế Tôn nói với chúng ta đó, nhà khoa học hiện nay mới phát hiện.

Khoa học đối với Phật pháp đích thật có sự giúp đỡ chẳng ít, chứng minh lời Phật nói, một tí cũng chẳng sai; cái năng lực quan sát của Phật, chẳng phải chúng ta có thể tưởng tượng nổi. Cho nên thế giới ấy xây dựng thường nhiên, không giống như chúng ta là vô thường.

Kinh văn: "Vô suy vô biến".

Đây là theo quả báo của Tây Phương thế giới, quyết định chẳng có

suy thoái, quyết định chẳng có biến hóa, vĩnh hằng là chân thường. Người Tây Phương thế giới là vô lượng thọ, ngày nay chúng ta nghe đến thọ mạng dài thì có thể liên tưởng đến những gì? Là già, già khổ. Cho nên có số người sợ già khổ, tôi không cần trường thọ, sống đến sáu mươi, bảy mươi thì được rồi, tuổi quá lớn thì quá khổ. Người của Tây Phương thế giới tuy là vô lượng thọ, nhìn lại thấy họ thật sự là năm năm đều là mười tám, ngày ngày đều là mười tám, họ không già, điều đó thì thật là vui, thật là tự tại; họ chẳng già, chẳng thay đổi. A Di Đà Phật vô lượng thọ, A Di Đà Phật chẳng có mọc râu, vĩnh viễn là trẻ trung, chẳng đổi thay, "vô suy vô biến".

Kinh văn: "Ư vô lượng kiếp, tích thực đức hạnh".

Đây là Phật, sau khi thành Phật, nhất tâm nhất ý giúp đỡ thập phương nhất thiết chúng sanh viên thành Phật đạo; A Di Đà Phật là làm công việc này, "Tích thực đức hạnh". Nếu như theo giáo nghĩa của bổn tông, nghiêm khắc mà nói, tức là chỉ dạy mọi người nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật, cầu nguyện vãng sanh, bất thoái thành Phật; công đức này là công đức chân thật. Hai câu này là tổng thuyết. Phía dưới lại cử ra vài cương lĩnh khiến cho chúng ta, trong sinh hoạt có chỗ tuân thủ, y cứ; chúng ta nên tuân thủ như thế nào? Làm sao để làm?

Kinh văn: "Bất khởi Tham, Sân, Si, Dục, chư tưởng".

Đây là Phật dạy cho chúng ta làm, Ngài làm như vậy và thành tựu như vậy; nơi thế pháp, nơi Phật pháp đều có thể buông xuống, thân tâm thanh tịnh. Câu này tức là Định, tức là Niệm Phật tam-muội, Muội là bất động, như như bất động, chúng ta phải học điều này. Trong sinh hoạt của chính mình thường ngày, bất luận là sinh hoạt vật chất, sinh hoạt tinh thần, chúng ta đều phải học tập, phải đem tham, sân, si, dục, vọng tưởng buông xuống. Chúng ta rất muốn buông xuống nhưng chẳng có biện pháp, nó cứ nổi dậy, đây tức là nghiệp chướng, đây tức là

tập khí; vậy dùng phương pháp gì để đối trị? Niệm Phật. Cái niệm này vừa khởi dậy, [niệm] A Di Đà Phật, đem nó đổi thành A Di Đà Phật, phải đổi cho nhanh, thời thời đều đổi, chỗ chỗ đều đổi, lâu dần thì công phu này đắc lực, đắc lực rồi thì sao? A Di Đà Phật có sức mạnh, tham, sân, si, dục, vọng tưởng dần dần giảm thiểu, dần dần không còn nữa; đây là công phu niệm Phật, đây là niệm Phật đắc lực.

Nếu như người niệm Phật, từ sáng đến tối vẫn còn "tham, sân, si, dục chư tưởng", đây là rất tệ hại. Như vậy thì người này rất khó vãng sanh, chỉ có thể nói là cùng A Di Đà Phật kết tí duyên mà thôi, vẫn phải chờ đời sau, kiếp sau làm lại mà thôi. Tuy nhiên, đời sau kiếp sau thì quá nguy hiểm,

quá khổ sở; nhất định phải hoàn thành trong đời này, biết những thứ này đều là nghiệp chướng, đều là chẳng nên có; nói một cách khác, đều là sỉ nhục. Tại sao Phật không có? Tại sao Bồ Tát chẳng có? Họ có thể không có thì mình cũng có thể chẳng có; đoạn những thứ này, quả là rất khó, phương pháp của thanh tịnh rất hay, dùng một câu Phật hiệu này để thay thế nó.

Kinh văn: "Bất trước Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp".

Đây là cảnh giới bên ngoài, cũng tức là bảo chúng ta tuyệt đối chẳng thể bị cảnh giới bên ngoài dụ hoặc, "ngoại ly tướng, nội bất loạn". Quý vị có bản lãnh "ngoại ly tướng" này, đây

tức là chân thật tuệ, đây là vốn liếng của sự tu hành của chúng ta; chẳng có đủ điều kiện này thì tu hành chỉ là trên đầu môi, chẳng phải thật. Sự lợi ích thọ dụng của Phật pháp chân chánh, làm sao quý vị có thể đạt được? Vậy trong Thiền Tông, "nội bất loạn" tức là Định, "ngoại ly tướng" tức là Thiền; hai câu này tức là tổng cương lĩnh của nhà Thiền, cương tông của Thiền Tông, tức là trong kinh Kim Cang chỗ nói: "Như như bất động, bất thủ ư tướng". Câu "Bất trước tham, sân, si, dục chư tưởng" tức là "Như như bất động"; "Bất trước sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp" cũng tức là "Bất thủ ư tướng", cùng với kinh Kim Cang nói đó hoàn toàn giống nhau.

Kinh văn: "Đản nhạo ức niệm, quá khứ chư Phật, sở tu thiện căn".

Điều này khiến chúng ta biết tưởng, không thể chẳng tưởng; nếu như thật sự cái chi cũng đều chẳng tưởng thì là hỏng nữa; tại sao lại hỏng? Là rơi vào trong vô minh. Quý vị xem, phàm phu thật phiền phức, chẳng phải vọng tưởng thì là vô minh; vọng tưởng cùng vô minh đều là nghiệp chướng, đều ra không khỏi tam giới. Cho nên phương pháp này rất hay, dạy quý vị nghĩ tưởng Phật, tưởng Phật đây không phải là vọng tưởng, đây không phải là vô minh; cho nên phương pháp này quá hay. Một câu danh hiệu này là đức hiệu chân như bản tánh của chúng ta, không chỉ là danh hiệu của Tây Phương giáo chủ

mà còn là đức hiệu chân như bản tánh của chúng ta. Cho nên niệm câu Phật hiệu này, niệm lâu có thể khai ngộ, có thể minh tâm kiến tánh. Huống chi lại được bổn nguyện oai thần gia trì của A Di Đà Phật, lợi ích quá nhiều, thật nói chẳng hết được.

Dạy chúng ta "đản nhạo", Nhạo là hoan hỷ, rất hoan hỷ để niệm Phật; tại sao chẳng nói niệm A Di Đà Phật hay là niệm quá khứ chư Phật? Phía trước, trong lời khải thỉnh của tôn giả A Nan, chúng ta thấy được tam thế chư Phật, Phật Phật tương niệm; chư Phật đều bỉ thử hỗ tương mà niệm, tất cả chư Phật đều niệm A Di Đà Phật. Cho nên hai chữ Chư Phật này cũng có thể xưng là A Di Đà Phật. Cổ đức giảng giải kinh A Di Đà, chữ Chư Phật nói

trong kinh A Di Đà tức là A Di Đà Phật; cho nên điều này là có lai lịch.

"Sở tu thiện căn", chỗ này dùng chữ Chư Phật, chẳng dùng chữ A Di Đà Phật, ý nghĩa lại càng viên, ý nghĩa lại càng rộng; tại sao thế? Phía dưới có thiện căn chỗ tu, cái thiện căn chỗ tu của chư Phật Như Lai, bản kinh tức là cái tổng cương lĩnh của sự tu hành của tất cả chư Phật Như Lai. Nơi trong một bộ kinh này, chúng ta toàn bộ đều nắm vững rồi, chỉ cần quý vị kỹ lưỡng để thể hội, quý vị dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm cung kính để đọc tụng, để nghiên cứu; mỗi ngày quý vị có thể có những phát hiện mới. Sự phát hiện mới này tức là Phật môn chúng ta gọi là chỗ ngộ; ngày ngày có chỗ ngộ thì người

này sẽ có hoan hỷ, sẽ sanh pháp hỷ. Mỗi một ngày khai một tí ngộ, tích tiểu ngộ thì thành đại ngộ, tích đại ngộ thì thành đại triệt đại ngộ. Phải hết lòng nỗ lực để học tập, y theo cương lĩnh này mà làm.

Kinh văn: "Hành tịch tĩnh hạnh, viễn ly hư vọng, y chân đế môn".

Tu hành, tổng cương lĩnh trong hành môn là Giác, Chánh, Tịnh; mỗi người đều biết, học Phật nhập môn trước hết phải thọ giới Tam Quy Y, thọ giới Tam Quy Y trước. Tam Quy Y là gì? Là đem cái tổng cương lĩnh, phương hướng nguyên tắc tu học của nhà Phật truyền thọ cho quý vị. Từ nay về sau quý vị y theo cương lĩnh

này để tu học, đây là học trò của Phật, đệ tử của Phật; đây là truyền thọ Tam Quy Y. Quý vị đều biết Tam Quy Y, Quy Y Phật, Quy Y Pháp, Quy Y Tăng; Phật, Pháp, Tăng là gì? Phật là tượng Phật, Pháp là kinh bản, Tăng là người xuất gia; thì quý vị hoàn toàn sai hết. Phật, Pháp, Tăng chẳng phải giảng cách đó, quý vị đã hoàn toàn chấp tướng, y văn mà giải nghĩa rồi; Phật đã từng nói: "Y văn mà giải nghĩa, tam thế Phật oan", ba đời chư Phật đều kêu oan uổng; quý vị đem ý của Phật nghĩ sai mất.

Cho nên năm xưa Huệ Năng đại sư truyền thọ Tam Quy Y, Ngài chẳng nói Phật, Pháp, Tăng; có thể lúc bấy giờ đã có rất nhiều người chấp tướng, hiểu lầm. Từ trong kinh

Pháp Bảo Đàn chúng ta thấy được Ngài truyền thọ Tam Quy Y như thế này, Quy Y Giác, Quy Y Chánh, Quy Y Tịnh; Ngài nói cách đó, Phật tức là Giác, Pháp tức là Chánh, Tăng tức là Tịnh. Cho nên Giác, Chánh, Tịnh là tự tánh Tam Bảo của chúng ta, là nơi quy y chân chánh của chúng ta, đây mới là hữu dụng. "Giác mà chẳng mê, Chánh mà chẳng tà, Tịnh mà chẳng nhiễm", bổn tông chúng ta là từ Tịnh nhập môn, Thiền Tông là từ Giác nhập môn, Giáo Hạ từ chánh tri chánh kiến nhập môn. Tịnh Tông chúng ta là từ thanh tịnh tâm nhập môn. "Hành tịch tĩnh hạnh", trong sinh hoạt hằng ngày chúng ta khởi tâm động niệm, tất cả hành vi đều có thể làm nhưng phải bảo trì thanh tịnh tâm; vậy thì là

tương ưng, là như pháp vậy. Nếu như làm nhiễu loạn thanh tịnh tâm của chúng ta, phá hoại thanh tịnh tâm của chúng ta, thì chúng ta nên xa lìa, thì chúng ta không làm hoặc là ít làm; quyết định chẳng thể làm trở ngại thanh tịnh tâm; đây gọi là chân tu hành.

"Viễn ly hư vọng", sự việc hư vọng, quá nhiều quá nhiều, quý vị phải có trí tuệ mới có thể phân biệt được. Xã hội ngày nay này có Phật pháp giả, quý vị xem trong kinh Lăng Nghiêm nói, thời kỳ Mạt Pháp này, tà sư thuyết pháp nhiều như cát sông Hằng; đó tức là hư vọng, quý vị nên nhận biết rõ ràng, quý vị nên xa lìa. "Y chân đế môn", Đế là thật tại, thật tức là không phải giả, chẳng phải hư

vọng là chân thật. Trong bổn tông, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là chân thật trong chân thật, là đáng quý nhất.

Kinh văn: "Thực chúng đức bổn".

Đây là dạy chúng ta phải giống như A Di Đà Phật tu tất cả thiện, thánh hiệu Di Đà đầy đủ vạn đức; chúng ta niệm câu Phật hiệu này, cần nên biết A Di Đà Phật phát tâm tu nhân, chứng quả, phổ độ chúng sanh, trong tâm chúng ta rõ ràng minh bạch, nhất tâm nhất ý noi theo A Di Đà Phật, học tập A Di Đà Phật; đây gọi là người niệm Phật chân chánh. Miệng niệm, tâm phải hành, phải đi làm.

Kinh văn: “Bất kế chúng khổ”.

Chúng ta phải vì khổ nạn đại chúng làm một gương mẫu, tuy Phật dạy cho chúng ta đừng nên tu khổ hạnh, cái khổ hạnh không có lợi ích, chẳng dùng được; nhất định phải có lợi ích thì khổ hạnh này mới cần nên tu. Cho nên Phật lại dạy chúng ta “lấy Khổ làm thầy, lấy Giới làm thầy”; tại sao vậy? Cuộc sống thường thường kham khổ một tí, đối với cái thế gian này chúng ta chẳng có lưu luyến; ngày giờ sống quá thoải mái, quá hưởng thụ, thế giới này sung sướng lắm, vẫn chẳng muốn đi. Thì thật tại mà nói, đây có thể khiến chúng ta đọa lạc; tâm cảnh chúng ta có thể thoái chuyển, cuộc sống thanh bần một tí là

tốt. Quý vị xem, xưa kia vào đời nhà Đường, cư sĩ Bàng Uẩn [Bàng Long Uẩn] là một đại đức vô cùng nổi tiếng trong Thiền Tông, nhà ông vô cùng giàu có, đem gia nghiệp của ông đổi thành tiền; có lẽ tất cả nhà cửa đều bán hết, nhà đất đều bán sạch đổi thành tiền. Mua một chiếc ghe lớn đem vàng bạc của cải trong nhà, tất cả chở lên ghe chèo đến giữa sông, đục một lỗ cho ghe chìm, toàn bộ đều chẳng còn. Có người hỏi ông ta "Ông đã chẳng cần số vàng bạc của cải như vậy, sao chẳng đem nó làm tí việc thiện, cứu tế kẻ khác, chẳng phải tốt hơn hay sao?" Ông ta nói một câu "Việc tốt chẳng bằng vô sự"; rất có đạo lý. Cuộc sống về sau của ông ta ra sao? Ông đan giày lát, hằng ngày

bán giày lát ở Đại Lục; đại khái mỗi đôi giày lát bán được hai xu; bán vài đôi thì đủ ăn, không thành vấn đề. Ông sống cuộc sống thanh bần, ông, vợ ông và con gái đều đắc đạo, đều đã thành tựu, lấy khổ làm thầy; cho nên "bất kế chúng khổ", cuộc sống thanh bần một tí là đúng, gặp lúc cần thiết nên nỗ lực giúp đỡ kẻ khác.

Khi nãy đã cùng quý vị nói qua cách khổ hạnh vô ích đừng nên tu, trước kia tôi học Phật với thầy Lý, lúc bấy giờ thật là thanh bần cực khổ; tôi học thầy Lý mỗi ngày ăn một bữa giữa trưa, thầy rất tán thành, không phản đối. Tôi cũng học ngồi thiền, học ngủ ngồi, thầy phản đối; thầy nói: "Anh ngồi mà ngủ, sao bằng nằm ngủ thoải mái hơn?" Điều này có đạo lý,

rất nhiều người học ngủ ngồi, kỳ thật họ chẳng phải ở trong Thiền Định mà đang ngủ gục, đang ngủ; ngồi để ngủ khó chịu biết mấy, làm sao thoải mái bằng nằm ngủ, cho nên ông ta không tán thành, có đạo lý. Vậy còn một ngày ăn một bữa trưa, trì ngọ, có cần thiết hay không? Thật tại mà nói, là xem nhu cầu của chính quý vị, xem hoàn cảnh sinh hoạt của chính quý vị; nếu chẳng cần thiết cũng đừng nên miễn cưỡng. Có người trì ngọ, ba bữa ăn thành một bữa, ăn một chảo lớn; cho nên tôi thấy rất nhiều người trì ngọ, tôi hỏi họ: "Có phải anh bị bệnh ruột hay bao tử không?"; đều có cả.

Quý vị xem, chẳng những không có ích, lại mang đến một thân bệnh hoạn, đây là sai; cho nên điều này

không thể miễn cưỡng, người ta trì ngọ, một ngày ăn một bữa, một bữa ăn bình thường, tức là một bữa ăn với lượng cơm thông thường, mà chẳng phải đem ba bữa cơm đổi lại thành một bữa ăn; cái đó thì biến thành cách tu khổ hạnh vô ích, điều đó chẳng cần yếu, cho nên là bất kế chúng khổ.

Kinh văn: "Thiểu dục tri túc".

Dục vọng, phải giảm thấp xuống; chúng ta học Phật rồi, hiểu rõ rồi, học Phật tức là người minh bạch chẳng mê hoặc. Cái thân thể này của chúng ta ở thế gian cần phải được nuôi dưỡng, ăn được no, đủ dinh dưỡng, mặc được ấm, có được một căn nhà nhỏ để che mưa nắng thì là đủ rồi;

một đời này vui sướng biết bao. Lão thật niệm Phật, tu thiện tích đức, quý vị bảo vui sướng biết mấy. Ở Mỹ tôi thấy người ta ở nhà lớn, tôi rất cảm thán là kẻ đáng thương; ở nhà lớn sao lại lả kẻ đáng thương? Phụng sự cho căn nhà, ngày ngày phải quét dọn sửa sang mất rất nhiều thời giờ, làm nô lệ cho căn nhà. Cho nên tôi nhìn tình hình này, chẳng phải người ở căn nhà mà là nhà ở người; cho nên chỗ tôi ở càng nhỏ càng tốt, chỉ là một căn nhà thế đó, chỉ vài phút quét dọn là sạch sẽ rồi, giản tiện. Cho nên ở nhà lớn thì khổ lắm, đó đều là mê hoặc điên đảo, cũng giác ngộ, họ mới có thể làm lớn như vậy, tự tìm lấy phiền phức; cho nên phải tri túc, phải thiểu dục.

Kinh văn: "Chuyên cầu bạch pháp".

Bạch pháp là thiện pháp, nhất tâm nhất ý hướng thiện, hành thiện; còn thiện? Quyết định là lợi ích chúng sanh, ban cho chúng sanh lợi ích chân thật. Phía dưới nói:

Kinh văn: "Huệ lợi quần sanh".

Huệ tức là bố thí, ban cho kẻ khác lợi ích chân chánh.

Kinh văn: "Chí nguyện vô quyện, nhẫn lực thành tựu".

Tích công lũy đức, hành thiện vui với cái này chẳng mỏi mệt; càng làm

càng hoan hỷ, pháp hỷ sung mãn. "Nhẫn lực thành tựu", nói một cách đơn giản là công phu thành tựu, Tam Muội thành tựu; trong kinh Kim Cang chỗ nói: "Nhất thiết pháp đắc thành ư nhẫn"; năng nhẫn mới gọi là hữu lực đại nhẫn. Nhẫn không chỉ là đối trị sân giận, có nhẫn lực thành tựu thì người này sẽ chẳng nổi nóng, sẽ chẳng có tâm sân giận; chẳng những trị được tâm sân giận, thật tại mà nói, có thể đoạn được tam độc, bởi vì quý vị nhẫn được thì chẳng tham rồi; nhẫn được thì chẳng ngu si.

Chữ Nhẫn này đối trị rất nhiều rất nhiều căn bệnh; nhẫn lực thành tựu thì nhất định là thiểu dục tri túc. Quý vị xem, người ta tham dục chẳng biết đủ vậy họ làm sao nhẫn được, đây là

việc không thể được, quyết định chẳng đạt được. Cho nên phải "Thiểu dục tri túc, chuyên cầu bạch pháp". Xả kỷ vị nhân, lợi ích chúng sanh đem chính mình quên mất; loại người này mới có thể đắc nhẫn.

Kinh văn: "Ư chư hữu tình".

Đối với tất cả hữu tình chúng sanh.

Kinh văn: "Thường hoài từ nhẫn".

Từ là từ ái, thương yêu bảo hộ tất cả hữu tình chúng sanh gọi là Từ Nhẫn, là sự thương yêu bảo hộ lý trí của chúng ta, chẳng phải cảm tình;

chẳng thể động cảm tình, động cảm tình thì hỏng, là mê rồi. Là một sự thương yêu bảo hộ của lý tánh, thương yêu bảo hộ tất cả hữu tình chúng sanh, đối đãi với họ phải có tiết chế, đây tức là Nhẫn. Sự giúp đỡ với họ là vừa đúng lúc thì họ mới có thể được lợi ích, đây là lý trí. Như ở phía trước tôi cùng quý vị cử vài thí dụ, chúng ta mọi người cúng dường người xuất gia, cúng dường vừa đúng mức; họ có thiếu thốn, chúng ta đều có thể làm cho họ không thiếu thốn, là được rồi. Không thể thái quá, thái quá thì sao? Họ sanh tâm tham. Cho nên vừa đúng mức tức là nhẫn, chẳng thể thái quá mức; vật chất cúng dường thái quá mức thì họ hưởng thụ, hưởng thụ đến cả Tây Phương thế

giới đều quên sạch hết, chẳng muốn đi nữa. Cho nên trong Từ phải có Nhẫn, đây là trí tuệ chân chánh thật sự thương yêu bảo hộ.

Kinh văn: "Hòa nhan ái ngữ, khuyến dụ sách tấn".

Đây là thái độ bình thường tiếp xúc đại chúng, phải hòa mục; nhan sắc phải hòa mục khiến cho người nhìn thấy vui mừng. Ái ngữ, chữ Ái Ngữ này chẳng phải lời nói ngọt ngào; nói lời ngọt ngào chẳng phải hóa ra nịnh hót, nịnh bợ rồi sao? Chữ Ái Ngữ này tức là thương yêu bảo hộ, ý nghĩa tức là chỉ dạy, khuyến thiện, sách tấn, cái này là Ái Ngữ.

Khuyến dụ sách tấn: Khuyến miễn họ, khai đạo họ, cảnh sách họ, giúp đỡ họ tiến bộ, giảng đó đều là nguyên tắc, đều là chúng ta phải nên hết lòng học tập, đây gọi là học Phật. Chúng ta học Phật phải học những gì cùng Phật như nhau, cho dù chẳng thể như nhau, cũng có vài phần tương tợ, nếu hoàn toàn trái ngược nhau, thì chẳng phải học Phật rồi.

Kinh văn: "Cung kính Tam Bảo, phụng sự sư trưởng, vô hữu hư ngụy siểm khúc chi tâm".

Ba câu này là then chốt sở tại, có thể thành tựu hay không của sự cầu học của chúng ta; nhà Phật thường nói: "Sư tư đạo hiệp", ba câu này là

sư tư đạo hiệp. Sư là lão sư, Tư là học sinh; học sinh đối với thầy phải có tâm cung kính chân thành mới có thể được lợi ích. Nếu như học sinh đối với thầy chẳng có tâm cung kính, học sinh đối với thầy có nghi ngờ thì kẻ làm học sinh này; nơi đây tôi xin thành tâm thành ý khuyến dụ dắt dẫn họ, nên rời khỏi vị thầy này, tại vì sao? Là vì quý vị theo vị thầy này chẳng có được lợi ích, thời giờ quý báu tinh lực quý báu của quý vị uổng phí mất, thật quá đáng tiếc. Vị thầy quý vị phải theo ra sao? Vị thầy cùng với trong tâm mục của quý vị thật sự tôn kính, thì quý vị theo họ sẽ có được thành tựu! Tại vì sao? Vì lời vị thầy ấy nói ra, quý vị có thể tiếp thọ, có thể thật sự đi phụng hành; tức là có thể làm

được, thì đây có lợi. Chẳng bởi nơi đức hạnh hoặc sự tu dưỡng cao thấp của thầy, không phải; là bởi nơi sự cung kính của học sinh đối với họ. Vị thầy ấy, chính họ không có chi, nhưng quý vị đối với họ rất cung kính, họ dạy quý vị đó là chánh pháp; quý vị thật sự làm được, tương lai quý vị trội hơn thầy, cho nên gọi là "thanh xuất ư lam, nhi thắng ư lam", tức là đạo lý này.

Thầy thật có đạo đức, thật có học vấn, quý vị không tin, quý vị đi theo họ, học cái chi cũng chẳng được cả; cho nên chúng ta muốn học, tìm người thầy như thế nào? Tìm vị thầy chính mình sùng bái nhất, tôn kính nhất, vậy là được. Đây là then chốt thành bại của kẻ làm học sinh chúng

ta, bí quyết của thành bại ở chỗ này; cho nên ba câu này là trọng yếu "Cung kính Tam Bảo, phụng sự sư trưởng, vô hữu hư ngụy siểm khúc chi tâm". Chúng ta đối với thầy, đối với Tam Bảo, đối với học pháp, cầu học chân thành, thanh tịnh tâm, cung kính tâm, lại cộng thêm từ bi tâm; vậy nhất định anh có thành tựu.

Kinh văn: "Trang nghiêm chúng hạnh, quỹ phạm cụ túc".

Hạnh là hành vi sinh hoạt thường ngày, tư tưởng hành vi của chúng ta tràn đầy trí tuệ, tràn đầy đức hạnh; đây là thật sự trang nghiêm. Chẳng những cái này là mô phạm trong nhóm bạn học, cũng là gương mẫu

của xã hội đại chúng, "quỹ phạm cụ túc".

Kinh văn: "Quán pháp như hóa, Tam Muội thường tịch".

Mấy câu phía dưới này là lý sự cụ túc, hai câu này là lý, là quan niệm của chúng ta, là nhận thức của chúng ta; cũng tức là nói chân tướng của vũ trụ, nhân sinh. Chân tướng là gì? Phật trong kinh thường nói, vạn pháp vô thường; trong kinh Kim Cang nói với chúng ta: "Nhất thiết hữu vi pháp như mộng huyễn bào ảnh, như lộ diệc như điện, ưng tác như thị quán". Lại nói với chúng ta: "Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng"; chư pháp này là tất cả vạn pháp, tất cả vạn pháp là gì? Là

huyễn hóa. Có thể nói là khoa học hiện tại rất tiến bộ, chẳng những chứng minh tất cả vạn pháp, tất cả hiện tượng này là "nhất hiệp tướng".

Trong kinh Kim Cang chứng minh ra, "nhất hiệp tướng" giảng được đơn giản, chẳng phải giảng rất vi tế. Còn phần vi tế kia, hiện nay cũng được chứng minh ra rồi; như bốn câu kệ chỗ nói trong kinh Kim Cang: "Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng", đây là nói về vi tế, so với "nhất hiệp tướng" còn vi tế hơn, còn chân thật hơn, khoa học đã chứng minh ra được.

Hiện nay nhà khoa học đã biết được căn bản là vật chất chẳng có tồn tại, nhất hiệp tướng vẫn còn có vật chất, vẫn tồn tại; hiện nay phát hiện ra

vật này chẳng có tồn tại. Vậy làm sao hiện tượng này sanh ra? Là làn sóng động, đó là hiện tượng của làn sóng động sanh ra; điều này cùng với Phật, nói thật là đã tiếp cận rồi. Phật pháp dạy chúng ta, sở dĩ cái vạn tượng này phát sanh, là một niệm bất giác mà có vô minh. Vô minh tức là làn sóng động, "vô minh bất giác sanh tam tế, lục giới vi duyên tưởng lục thô"; đây là nói rõ lai lịch thành hình của vũ trụ vạn vật này. Là bất giác vô minh, thì cùng làn sóng động của nhà khoa học vô cùng vô cùng gần gũi; chúng ta nên hiểu rõ chân tướng sự thật này.

Chân tướng sự thật này quả nhiên hiểu rõ rồi thì tâm của quý vị sẽ rất thanh tịnh. "Tam Muội thường tịch", bất cứ trong cảnh giới nào tâm của

quý vị đều là Định; tất cả vạn cảnh đang ở bên mình anh, anh sẽ chẳng trước tướng, anh sẽ chẳng thủ tướng, cũng sẽ chẳng khởi tâm động niệm, anh sẽ chẳng để ý nó, tâm thường tịch tĩnh. Đối với tất cả những hiện tượng này, rõ ràng minh bạch, đó là Tuệ; như như bất động là Định; đây là cảnh giới chư Phật, Bồ Tát.

Kinh văn: "Thiện hộ khẩu nghiệp, bất cơ tha quá".

Khẩu nghiệp thanh tịnh, Huệ Năng đại sư nói: "Nhược chân tu đạo nhân, bất kiến thế gian quá", cùng ý nghĩa này tương đồng.

Kinh văn: "Thiện hộ thân nghiệp, bất thất luật nghi".

Thân thể, nhất cử nhất động, đều hợp với quy củ.

Kinh văn: "Thiện hộ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm".

Tâm địa thanh tịnh, không thể có nhiễm ô; nội chẳng sanh phiền não, ngoại chẳng trước chư tướng. Đây là nguyên tắc căn bản nhất của sự tu hành; tam nghiệp thanh tịnh. Phần dưới vì chúng ta cử ra vài thí dụ:

Kinh văn: "Sở hữu quốc thành, tụ lạc".

Chữ Quốc Thành này tức là ngày nay chúng ta gọi là đô thị, đại hoàn cảnh cư trú của chúng ta; Tụ Lạc là tiểu hoàn cảnh cư trú của chúng ta.

Kinh văn: "Quyến thuộc, trân bảo, đô vô sở trước".

Mấy thí dụ này, "đô vô sở trước", đều chẳng chấp trước; chúng ta sống trong thế gian này, tất cả tùy duyên, tùy ngộ mà an; đây là tự tại, là vui vẻ. Không nhất thiết từng thứ một đi lựa chọn, từng thứ một đi so đo, đó là rất khổ não; tất cả tùy duyên, hoàn cảnh tốt cũng rất tốt, hoàn cảnh xấu cũng rất tốt; như thế là tốt cả, như thế mới tự tại. Họ chẳng chấp trước, sinh hoạt cá nhân như vậy thì là đúng.

Kinh văn: "Hằng dĩ Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Trí Tuệ, Lục Độ chi hạnh. Giáo hóa an lập chúng sanh".

Vậy đối đãi với kẻ khác, chúng ta tự mình tu hành sáu đại cương lĩnh của Bồ Tát này, cũng khuyên nhủ, dẫn dắt kẻ khác; nhất định phải chính mình làm ra cái gương mẫu. Tự mình chẳng chịu bố thí mà đi khuyên người bố thí, đó là giả; người ta cũng sẽ chẳng tin. Chúng ta tự mình làm được như vậy, đạt được thọ dụng rất tốt; kẻ khác xem thấy rất hâm mộ.

Chúng ta khuyên nhủ họ, chỉ dạy cho họ như vậy, họ cũng rất hoan hỷ tiếp thọ, họ sẽ chịu học. Cho nên phải

lấy Bồ Tát Hạnh, Bồ Tát Hạnh tức là sáu điều cương lĩnh, chúng ta có thể làm như vậy, giúp đỡ kẻ khác như vậy; đây là "giáo hóa an lập chúng sanh".

Kinh văn: "Trụ ư vô thượng, chân chánh chi đạo".

"Vô thượng chân chánh", Chân là chẳng phải giả, Chân Chánh thì chẳng phải tà; "vô thượng chân chánh chi đạo" là gì? Tức là Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nói một cách khác, nhất định là lấy Tín - Nguyện - Trì Danh, vãng sanh Tịnh Độ khuyến đạo tất cả đại chúng; đây là giúp đỡ họ "trụ ư vô thượng, chân chánh chi đạo".

Kinh văn: "Do thành như thị chư thiện căn cố. Sở sanh chi xứ, vô lượng bảo tạng, tự nhiên phát ứng".

Do nơi phía trước chỗ nói, chân thật diệu hạnh, công đức chân thật, cảm ứng của Ngài chỗ được cái quả báo thù thắng, nhất định hiện tiền. Tây Phương Cực Lạc thế giới làm sao mà có? Chẳng phải A Di Đà Phật cầu được, là do Ngài tu hành năm kiếp, tích công lũy đức mà được cảm ứng tự nhiên. Quý vị chẳng có chân nhân thì từ đâu có được quả thù thắng? Chân nhân mới có thắng quả, điều này quyết định chẳng thể làm giả, quyết định không thể tự gạt. Quả báo chân thật có cái nhân duyên chân thật, cái nhân hư giả nhất định cũng được

cái quả là hư giả; chẳng phải chân thật.

Như chúng ta nhìn thấy thế gian danh văn lợi dưỡng, những kẻ sang giàu, thực tế mà nói, nháy mắt (tức là) trở thành không, chẳng chân thật, giữ chẳng nổi! Chúng ta nhìn thấy nhiều người đại phú quý đến tuổi xế chiều, già yếu rồi, bản thân bất toại, mắc phải chứng mất trí của người già rất nhiều. Đây tức là hiển thị ra quả báo là hư giả, chẳng phải chân thật. Vì sao quả hư giả? Nhân nhất định chẳng chân thật, trong nhân nhất định có vấn đề. Cho nên chỗ này là chân nhân thì nhất định quả cũng chân vậy. "Sở sanh chi xứ, vô lượng bảo tạng, tự nhiên phát ứng", Phát là phát minh, Ứng là cảm ứng, tự nhiên mà đến;

phía dưới cử ra một thí dụ rất rõ ràng cho chúng ta:

Kinh văn: "Hoặc vi trưởng giả, cư sĩ".

Chữ Trưởng Giả, Cư Sĩ của thời cổ Ấn Độ chẳng phải tùy tiện xưng hô, những vị niên cao đức trưởng cũng có tuổi tác, cũng có tiền tài sang giàu, có địa vị trong xã hội, được đại chúng cung kính; đây mới gọi là trưởng giả, cư sĩ.

Kinh văn: "Hào tánh tôn quý".

Người mà chúng ta gọi là sanh trong gia đình đại phú; tôn quý là trong xã hội có địa vị hiển hách.

Kinh văn: "Hoặc vi Sát Lợi quốc vương, Chuyển Luân thánh đế".

Đây là nói về vua Chuyển Luân, nơi đây chúng ta chẳng cần giới thiệu kỹ, những danh tướng này đều có trong phần chú giải thông thường, trong Phật học tự nhiên điều tra được, chúng tôi xin miễn.

Kinh văn: "Hoặc vi Lục Dục thiên chủ, nãi chí Phạm Vương".

Đây là người có phước báo lớn hơn sanh lên trời, ở trên trời là thiên vương, thiên chủ; trong các tôn giáo khác xưng là thượng đế, họ đã làm

thượng đế rồi. Đều là cái quả báo tu hành trong Phật môn, tích công lũy đức chỗ cảm được quả báo thù thắng.

Kinh văn: "Ư chư Phật sở, tôn trọng cúng dường, vị tằng gián đoạn. Như thị công đức, thuyết bất năng tận".

Tuy họ là hào tánh tôn quý, hoặc giả là quốc vương, hoặc giả là thiên vương, họ vẫn tiếp tục không ngừng để hết lòng học Phật, đang hết lòng tu hành. Điều này, từ trong lịch đại đế vương đại thần, chúng ta thấy được chẳng ít, cùng với lời nói trong kinh tương ưng.

Kinh văn: "Thân khẩu thường xuất vô lượng diệu hương. Do như Chiên Đàn, Ưu Bát La hoa. Kỳ hương phổ huân vô lượng thế giới".

Đây là tướng quý, chẳng những con người tướng mạo trang nghiêm, trên thân người có mùi vị; quý nhân, trên thân có mùi hương rất thơm. Người có nghiệp chướng sâu nặng, mùi vị rất khó ngửi; có thể nhìn ra điều này là nghiệp chướng, chúng ta chẳng thấy điều này ở Hư Vân lão hòa thượng. Tôi giảng kinh ở Hong Kong, nghe các đồng tu nói với tôi, Hư Vân lão hòa thượng đã từng đến Hong Kong, có người từng thân cận lão hòa thượng. Trên thân lão hòa thượng có mùi thơm thanh khiết, có

thể ngửi thấy từ rất xa; lão hòa thượng cạo đầu một năm một lần, tắm một lần, trên mình Ngài có mùi thanh hương không thối vì tâm của Ngài thanh tịnh. Ngày ngày chúng ta đều tắm, trên mình vẫn có mùi hôi khó ngửi, đây là nghiệp chướng sâu nặng; cho nên đây là Hư Vân lão hòa thượng, cách chúng ta không lâu lắm; chúng ta có thể có được chứng minh, tâm thanh tịnh thì mùi trên mình khác nhau, có mùi thanh hương. Hiện nay người ta dùng đồ giả, đồ gì giả? Là nước hoa, đó là đồ giả, chẳng phải thật; Hư Vân lão hòa thượng là chân thật, chẳng dùng nước hoa.

"Thân khẩu thường xuất, vô lượng diệu hương", vậy chúng ta phải đề cao cảnh giác chỗ này, chúng ta tu

hành có công phu hay không? Công phu có đắc lực hay không? Tự mình chẳng hay biết, người tiếp xúc thì biết, xem trên thân chúng ta có được mùi gì không, trong miệng chúng ta có mùi gì không; người ta vừa mở miệng thì chúng ta biết rõ ngay, tự chúng ta tu hành có tiến bộ hay không. Trước kia miệng chúng ta hôi thối, mở miệng nói chuyện rất khó ngửi; hiện nay mùi này không còn nữa; vậy là có tiến bộ rồi. Nếu như trong miệng có mùi thơm, vậy công đức này lớn thì có cảm ứng lớn; đây quả thật là như vậy. Cho nên chúng ta thật sự hết lòng tu Lục Độ, hết lòng tu Phổ Hiền đại sĩ chi đức, thì có cảm ứng này; cho nên đây là thật sự bất khả tư nghị, đây là hương trang nghiêm.

Kinh văn: "Tùy sở sanh xứ, sắc tướng đoan nghiêm".

Tướng đoan nghiêm, Đoan là đoan chính, Nghiêm là nghiêm trang.

Kinh văn: "Tam thập nhị tướng, bát thập chủng hảo, tất giai cụ túc".

Đây là quang sắc đều đã đạt đến cảnh giới thù thắng trang nghiêm, tất cả đều là tu được; phải hết lòng nỗ lực để làm, đừng hâm mộ kẻ khác, tự mình phải hết lòng để tu.

Kinh văn: "Thủ trung thường xuất, vô tận chi bảo, trang nghiêm

chi cụ. Nhất thiết sở tu, tối thượng chi vật, lợi lạc hữu tình".

Đoạn này là nói chúng bảo trang nghiêm, quý vị mới có được năng lực cứu độ tất cả khổ nạn chúng sanh; họ thiếu thốn những gì, quý vị đều có thể giúp đỡ họ. Quý vị đều có thể làm thỏa mãn họ, thành tựu cho họ, có được thứ năng lực này. Năng lực này cũng là do đức hạnh của chính mình cảm ứng mà hiện ra; đại đức thì cảm ứng lớn, tiểu đức thì cảm ứng nhỏ. Chẳng sợ cảm ứng nhỏ, chỉ cần hết lòng nỗ lực, tinh tấn không giải đãi, tích tiểu đức thành đại đức thì có thể cùng chư Phật, Bồ Tát, tổ sư đại đức như nhau; có thể phổ biến lợi ích tất cả chúng sanh. Trong phần kinh văn,

tự cú hàm ý là vô tận; chúng ta phải thể hội kỹ càng.

Kinh văn: "Do thị nhân duyên, năng linh vô lượng chúng sanh, giai phát A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề Tâm".

Đây là thành tựu của sự giáo hóa có thể khiến tất cả chúng sanh phát vô thượng đạo tâm; cũng tức là nói, có thể phát tâm cầu sanh Tịnh Độ. Duy chỉ có cầu sanh Tịnh Độ, A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề mới có thể viên mãn chứng đắc; câu này là Phạn ngữ, là mục tiêu học Phật tối hậu của chúng ta. Nếu dùng cách nói hiện nay mà nói, tức là trí tuệ cứu cánh viên mãn, tận hư không biến pháp giới quá

khứ, hiện tại, vị lai, "vô sở bất tri, vô sở bất năng"; câu này là ý nghĩa như vậy. Vậy thì phần trên từ phẩm thứ Tư mãi cho đến chỗ này, đều là thuyết minh cái đại nguyện của Pháp Tạng tỳ-kheo, từ trong nhân địa phát ra đại hạnh chỗ tu. Một phẩm phía dưới, đây là nhân duyên quả mãn, Thế Tôn vì chúng ta giới thiệu sự thành tựu của Ngài.

Viên Mãn Thành Tựu - Đệ Cửu

Tại chỗ này, xin mời quý vị nên chú ý cách xưng hiệu của Pháp Tạng, Ngài từ tỳ-kheo lên đến Bồ Tát, sau cùng lên đến A Di Đà Phật. Trong đoạn này chúng ta thấy rất rõ ràng, điều này rất có thú vị, quý vị xem,

cách tu hành chứng quả của Ngài, từng giai đoạn một.

Kinh văn: "Phật cáo A Nan: Pháp Tạng tỳ-kheo tu Bồ Tát hạnh, tích công lũy đức vô lượng vô biên".

Chỗ này xưng là tỳ-kheo, đây là Thích Ca Mâu Ni Phật đối với Pháp Tạng tán thán cái nhân của Ngài tu được viên mãn.

Kinh văn: "Ư nhất thiết pháp, nhi đắc tự tại. Phi thị ngữ ngôn phân biệt chi sở năng tri".

Đây là nói đến tự thọ dụng, sự lợi ích và sự thọ dụng mà Ngài có được, chẳng phải kẻ khác có thể biết được,

cũng chẳng phải kẻ khác có thể nói ra được. Lúc ban sơ tôi tiếp xúc Phật pháp, là do ông Phương Đông Mỹ của trường đại học Đài Loan giới thiệu; ông nói với tôi: "Phật học là loại triết học tối cao trên thế giới". Lúc bấy giờ tôi đang theo học triết học với ông ta, ông nói: "Học Phật là sự hưởng thụ tối cao của đời người"; tôi bị câu này của ông lay động, nó hay như vậy thì phải nên học Phật cho đàng hoàng. Quả nhiên không sai! Cho nên tôi vô cùng biết ơn thầy chỉ dạy tôi; cuộc đời quả nhiên có được sự hưởng thụ tối cao. "Ư nhất thiết pháp, nhi đắc tự tại", vui sướng không chi sánh bằng; con đường thầy đã chỉ, nếu chẳng có thầy làm sao chúng ta có thể biết? Khi nãy vừa nói điều này, đối với thầy

thật sự tôn kính, thật sự bội phục; thầy chỉ dạy chúng ta, chúng ta hết lòng nỗ lực để làm, quý vị mới có thể đạt được.

Kinh văn: "Sở phát thệ nguyện, viên mãn thành tựu".

Bốn Mươi Tám Nguyện, nguyện nguyện đều thực hiện xong, chẳng có nguyện nào không đạt mục tiêu, nguyện nguyện đều thực hiện cả.

Kinh văn: "Như thật an trụ".

Là như trong nguyện của Ngài chỗ nói, trong nguyện của Ngài chỗ tưởng, chỗ hy vọng an trụ như vậy.

Kinh văn: "Cụ túc trang nghiêm, oai đức quảng đại, thanh tịnh Phật độ".

Mấy câu này cực lực hình dung sự trang nghiêm của Tây Phương thế giới; đây là Thế Tôn tán thán Pháp Tạng, nhân duyên quả mãn. Xin xem tiếp phần kinh văn phía dưới:

Kinh văn: "A Nan văn Phật sở thuyết, bạch Thế Tôn ngôn: Pháp Tạng Bồ Tát thành Bồ Đề giả".

Quý vị xem, chỗ này Pháp Tạng là Bồ Tát rồi, chẳng phải là tỳ- kheo, là Bồ Tát; Thành Bồ Đề là thành tựu viên mãn Đại Bồ Đề.

Kinh văn: "Vi thị quá khứ Phật da? Vị lai Phật da? Vi kim hiện tại tha phương thế giới da?"

Pháp Tạng Bồ Tát thành Bồ Đề, tức là đã thành Phật; Ngài là Phật quá khứ hay là Phật vị lai, hay là Phật hiện tại? Phật hiện tại đương nhiên chẳng phải thế gian này của chúng ta, thế gian này của chúng ta đương nhiên là Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật; nhất định là thế giới khác, tha phương thế giới, A Nan hỏi như vậy.

Kinh văn: "Thế Tôn cáo ngôn: Bỉ Phật Như Lai, lai vô sở lai, khứ vô sở khứ, vô sanh, vô diệt, phi quá hiện vị lai".

Cách đáp phúc của Thế Tôn, câu này là quyết định chẳng thể thiếu được; đây là gì? Là từ căn bản mà đáp phúc, là từ pháp chân thật để đáp phúc. Trong cái pháp chân thật chẳng có lai khứ, "Như Lai giả, vô sở tùng lai, diệc vô sở khứ", đây là lời Phật nói trong kinh Kim Cang, cùng với chỗ này là một nghĩa. Phật làm gì có lai khứ? Phật chẳng có sanh diệt, Phật chẳng có quá khứ, hiện tại, vị lai; anh hỏi như vậy là sai rồi, hỏi sai rồi! Tuy nhiên quý vị phải ghi nhớ, trong kinh Hoa Nghiêm, kinh Viên Giác, Phật đều nói qua với chúng ta "Tất cả chúng sanh vốn là thành Phật"; nói một cách khác, căn bản chúng ta cùng chư Phật Như Lai không hai, không khác.

Bây giờ thì thành ra cái nông nỗi này, thật là đáng thương; tại sao thành ra nông nỗi này? Phật cũng đã nói ra, chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà chẳng thể chứng đắc; đây là quý vị chẳng thể khôi phục được bản lai diện mục. Bởi vì quý vị có vọng tưởng, quý vị có chấp trước, Phật bằng một lời đem bệnh căn của chúng ta nói ra rồi; chỉ cần chúng ta đem vọng tưởng, chấp trước thảy đều tẩy trừ hết, thì chúng ta sẽ khôi phục lại bản lai diện mục, khôi phục đến bất sanh, bất diệt, bất lai, bất khứ; chúng ta vốn là như vậy. Ý nghĩa này rất sâu rất sâu.

Trong Đại Thừa Phật pháp, có hai câu nói rất hay: "Thập phương hư không bất ly đương xứ, tam thế cổ kim bất ly đương niệm"; bởi vì tận hư

không biến pháp giới, sâm la vạn tượng đều là một vọng tưởng, một làn sóng động biến hiện ra, "bất ly đương niệm, bất ly đương xứ". Nếu quý vị chẳng tin, ban đêm quý vị nằm mộng, chẳng phải cảnh giới trong mộng cũng rất trang nghiêm sao, cũng rất rộng lớn sao, nó có rời khỏi chiếc giường của quý vị không? Một tấc, một phân cũng chẳng rời khỏi, "bất ly đương xứ, bất ly đương niệm". Hôm nay hư không pháp giới chúng ta, tức là Chân Như bản tánh của chúng ta đang ở trong giấc đại mộng, là sự việc như thế đó; nhất định phải biết chân tướng. Hai câu này là nói toạc rõ chân tướng, nhiên hậu từ trên Sự mà nói; trên Sự đây tức là Ứng Hóa, đây là từ trên Sự mà nói.

Kinh văn: "Đản dĩ thù nguyện độ sanh".

Khi ấy A Di Đà Phật phát bốn mươi tám lời nguyện, nguyện cũng thực hiện rồi, chẳng thể nói là trống không; lời trống không là vọng ngữ, sao Phật có thể nói lời vọng ngữ? Đã là phát nguyện xong thì nguyện phải thực hiện.

Kinh văn: "Hiện tại Tây Phương".

Hiện là thị hiện, rồi thì thị hiện tại phương Tây; câu nói này là song quang ngữ, cũng có thể nói là hiện tại Ngài ở Tây Phương.

Kinh văn: "Khứ Diêm Phù Đề bách thiên câu-chi na-do-tha Phật sát".

Trong kinh Di Đà nói mười vạn ức Phật sát, "bách thiên câu-chi na-do-tha" tức là mười vạn ức, cách thế giới Sa Bà này của chúng ta mười vạn ức Phật sát; bên ấy có một thế giới.

Kinh văn: "Hữu thế giới danh viết Cực Lạc".

Thế giới ấy danh hiệu gọi là Cực Lạc, thế giới này của chúng ta gọi là Sa Bà.

Kinh văn: "Pháp Tạng thành Phật".

Quý vị xem, từ tỳ-kheo đến Bồ Tát nay thành Phật rồi, Pháp Tạng thành Phật rồi.

Kinh văn: "Hiệu A Di Đà, thành Phật dĩ lai, ư kim thập kiếp".

Chúng ta phải nên ghi chặt vào lòng câu này, thọ mạng của Phật vô lượng kiếp, hiện nay mới mười kiếp. Hiện nay chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị nên biết, tương lai ở Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là bậc tư cách lão luyện. Tại sao vậy? Vì Ngài thành Phật mười kiếp thì chúng ta mới đến; quý vị xem, cơ hội này tốt biết chừng nào, hiếm hoi biết mấy; tương lai tại Tây

Phương Cực Lạc thế giới vị Bồ Tát này có tư cách thâm hậu. Vậy hiện nay chẳng muốn đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, lại còn muốn tự học pháp môn gì để tự mình thành tựu? Chúng ta biết họ đoạn chẳng dứt phiền não, phá chẳng hết vọng tưởng, quyết định vẫn còn luân hồi. Chúng ta đến Tây Phương thế giới sớm đã thành Phật rồi, họ vẫn còn ở trong lục đạo luân hồi; chúng ta có thể tưởng tượng đến được điều này. Loại người như vậy tự cho mình là thông minh, tục ngữ thường nói: "Thông minh phản bị thông minh ngộ", đó mới thật là kẻ đáng thương. Cho nên quyết định chẳng thể bỏ qua cơ hội, chẳng dễ gặp được cơ hội.

Kinh văn: "Kim hiện tại thuyết pháp".

Hiện tại A Di Đà Phật đang ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, đang ở đó nói pháp. Nếu chúng ta muốn học Phật, nghe pháp, nghe một vị pháp sư nào đó, tổ sư đại đức hay Bồ Tát nào nói pháp, cũng chẳng bằng nghe Phật nói pháp. Nghe tất cả chư Phật nói pháp đều chẳng bằng nghe A Di Đà Phật nói pháp; A Di Đà Phật là "Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương".

Kinh văn: "Hữu vô lượng vô số Bồ Tát, Thanh Văn chi chúng cung kính vi nhiễu".

Những người này đều là mười kiếp, trong mười kiếp này nhóm đại chúng từ thập phương thế giới vãng sanh. Nơi phía trước chúng ta đã đọc qua, chúng ta cũng liễu giải, phàm là những người sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, cho dù là Hạ Hạ Phẩm vãng sanh, cũng đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát, bởi vì đây là bổn nguyện của Phật, đều là Bồ Tát viên chứng Tam Bất Thoái, Hạ Hạ Phẩm vãng sanh cũng vậy. Tại sao ở đây Thế Tôn giới thiệu còn có Bồ Tát, còn có Thanh Văn đại chúng? May thay phía sau Thế Tôn vẫn còn thuyết minh bổ sung. Bây giờ chúng ta chẳng thấy được phần kinh văn đó, nơi đây tôi cũng tiết lộ một tí tin tức với quý vị, quyết định chẳng thể hoài

nghi. Sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới làm A Bệ Bạt Trí Bồ Tát chẳng phải là chính mình tu được, mà là bổn nguyện oai thần gia trì của A Di Đà Phật, chúng ta được đó là nhờ gia trì, chẳng phải tự mình đạt được. Tự mình là thân phận gì? Tự mình vẫn còn là người, trời; người Tiểu Thừa vãng sanh là Thanh Văn, cho nên nói Thanh Văn nhân thiên đại chúng; đây là nói bổn phận chính chúng ta, chẳng phải nói A Di Đà Phật gia trì. Nếu như nói là Di Đà gia trì thì mọi người đều như nhau, Tây Phương Bình Đẳng thế giới là gia trì.

Vậy trong Cửu Phẩm của Quán Kinh nói với chúng ta, Phàm Thánh Đồng Cư Độ, Hạ Hạ Phẩm vãng sanh phải trải qua mười hai đại kiếp hoa

mới nở thấy Phật; đó là nói thời gian và năng lực tu trì của chính chúng ta, chẳng nói gia trì! Gia trì đều như nhau, đều là A Bệ Bạt Trí Bồ Tát; đây là nói tự mình tu trì. Vậy còn Hạ Phẩm Trung Sanh thì sao? Là sáu kiếp, thời gian rút bớt hết một nửa, phẩm vị càng cao thời gian càng ngắn, đây là nói ở bên đó tu hành; là tự mình tu hành, chẳng phải Phật gia trì, Phật gia trì thì tất cả chúng ta đều như nhau. Đến khi chúng ta tự phần mình tu hành, công phu đã đạt đến cảnh giới này, Phật vẫn còn gia trì hay không? Phật vẫn cứ gia trì như vậy. Thật sự điều này là bất khả tư nghị, bởi vì trong nguyên văn của Di Đà chẳng có nói, chờ đến lúc anh tự mình tu hành chứng đắc Bát Địa Bồ Tát rồi

thì ta chẳng có gia trì cho con nữa, chẳng có cách nói này. Vậy nhất định là vĩnh viễn gia trì, cho dù ở nơi đó tương lai chúng ta thành Phật rồi, A Di Đà Phật vẫn cứ gia trì cho chúng ta, đây thật sự là bất khả tư nghị. Cho nên phải rất chú tâm để quán sát, để thể hội phần kinh văn này; ý nghĩa chân thật của Như Lai thì chúng ta mới hiểu được một vài thứ.

Trong Khai Kinh Kệ nói: "Nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa", muôn ngàn xin chớ đem ý nghĩa của Phật hiểu sai đi. Hiện nay những người học Phật nghe kinh, đọc tụng rất nhiều, nhưng không nhiều người thật sự lãnh hội được nghĩa chân thật của Như Lai. Rất nhiều người nghe kinh rồi, khúc giải nghĩa

chân thật của Như Lai, giải sai nghĩa chân thật của Như Lai chẳng ít. Chúng ta tự mình phải để tâm cẩn thận, chớ nên khúc giải, chớ nên hiểu lầm, điều này vô cùng vô cùng quan trọng đối với việc vãng sanh của chính mình, có thể tạo thành chướng ngại lớn lao; cho nên phải để tâm để thể hội. Có nghi phải hỏi, đoạn nghi mới có thể sanh tín. Phẩm dưới chẳng dài, ý nghĩa rất sâu.

Giai Nguyện Tác Phật - Đệ Thập

Kinh văn: "Phật thuyết A Di Đà Phật vi Bồ Tát cầu đắc thị nguyện thời".

Phật đây là Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật của chúng ta, chúng ta xem lại đoạn này là người kết tập kinh ghi chép, chẳng phải là Phật nói. Nói lúc Phật giảng kinh, trong nhóm thính chúng có một số người phản ứng, Thích Ca Mâu Ni Phật giới thiệu cho chúng ta, "A Di Đà Phật vi Bồ Tát cầu đắc thị nguyện thời", A Di Đà Phật khi còn là Bồ Tát cầu được nguyện này. Tức là phía trước chỗ nói, lúc ấy tại tọa nghe kinh, từ lúc mở đầu nghe đến phía trước đây, lúc nghe đến phẩm thứ Chín.

Kinh văn: "A Xà vương tử, dữ ngũ bách đại trưởng giả".

Đây là lúc ấy A Xà vương tử tham gia pháp hội, nhóm người này của họ cũng có một đoàn thể nhỏ chí đồng đạo hiệp; bình thường ở một nơi tu hành. Hôm nay ở chỗ này để nghe kinh, nghe Phật giảng Vô Lượng Thọ Kinh.

Kinh văn: "Văn chi giai đại hoan hỷ, các trì nhất kim hoa cái, câu đáo Phật tiền tác lễ, dĩ hoa cái thượng Phật dĩ, khước tọa nhất diện thính kinh".

Sau khi nghe xong, hoan hỷ, "giai đại hoan hỷ"; hoan hỷ rồi cúng Phật, mỗi người tay cầm kim hoa cúng dường Thích Ca Mâu Ni Phật; năm trăm người họ đều cầm kim hoa này

cúng dường Phật. Sau khi cúng dường xong lại trở về chỗ, ngồi xuống để tiếp tục nghe kinh.

Kinh văn: "Tâm trung nguyện ngôn: Linh ngã đẳng tác Phật thời, giai như A Di Đà Phật".

Trong tâm họ đều có cái nguyện này, đều đang có vọng tưởng, "A Di Đà Phật cũng được, tốt lắm, tương lai chúng ta phải làm Phật, cũng giống như A Di Đà Phật không khác"; động cái niệm này. Nghe chỗ nói phía trước thì động cái niệm như vậy, niệm này khó có được; hy vọng các bạn đồng tu tại tọa của chúng ta cũng có cái niệm này, đây gọi là chẳng luống công nghe. Nhưng phải thế nào đây?

Không được học giống người này. Chúng ta lại xem phần kinh văn phía dưới:

Kinh văn: "Phật tức tri chi".

Phật có thần thông, có tha tâm thông, tâm quý vị động một niệm thì Phật biết ngay; cho nên nhóm người này động niệm này thì Phật biết ngay.

Kinh văn: "Cáo chư tỳ-kheo: Thị vương tử đẳng, hậu đương tác Phật".

Nói với đại chúng nghe kinh, nói với mọi người, "thị vương tử đẳng", là nhóm A Xà vương tử cùng năm trăm trưởng giả, đời đời kiếp kiếp họ đều có nhân duyên với nhau. "Hậu

đương tác Phật”, tức như nói thọ ký cho họ, sau này tương lai họ thành Phật.

Kinh văn: “Bỉ ư tiền thế trụ Bồ Tát đạo, vô số kiếp lai, cúng dường tứ bách ức Phật”.

Vị Phật này ra đời, phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp; cúng dường tứ bách ức Phật, quý vị thử nghĩ, thời gian này dài biết mấy. Ngài đã tu được bao lâu?

Kinh văn: “Ca Diếp Phật thời”.

Ca Diếp Phật là một vị Phật trước Thích Ca Mâu Ni Phật, đại kiếp này của chúng ta gọi là Hiền kiếp; trong

đại kiếp này Thế Tôn nói với chúng ta có một ngàn vị Phật ra đời. Vị thứ nhất là Câu Lưu Tôn Phật, vị thứ hai là Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, vị thứ ba là Ca Diếp Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật của chúng ta là vị thứ tư; Di Lặc Phật đương lai hạ sanh làm Phật là vị thứ năm.

Cho nên Thích Ca Mâu Ni Phật là vị thứ tư, còn Ca Diếp Phật thì sao? Phía trước, lúc làm vị Phật thứ ba trong Hiền kiếp thì Thích Ca Mâu Ni Phật là Bổ Xứ Bồ Tát; địa vị ấy cùng với Di Lặc Bồ Tát hiện nay như nhau, là Bổ Xứ Bồ Tát của Ca Diếp Phật.

Kinh văn: "Bỉ đẳng vi ngã đệ tử".

Vào lúc đó, thời kỳ Ca Diếp Phật thì Thích Ca Mâu Ni Phật là Bồ Tát, họ là đệ tử của Bồ Tát cùng Phật có duyên, duyên rất sâu.

Kinh văn: "Kim cúng dường ngã, phục tương trị dã".

Bây giờ ta làm Phật rồi, họ lại đến nghe kinh làm đệ tử của ta, đến cúng dường, lại đến gặp mặt rất vui mừng.

Kinh văn: "Thời chư tỳ-kheo, văn Phật ngôn giả, mạc bất đại chi hoan hỷ".

Thích Ca Mâu Ni Phật nói ra nhân duyên của đời quá khứ, đây mới biết được, người học Phật không đơn giản;

là bạn đồng tham đạo hữu, cũng chẳng phải dễ dàng. Trong đời quá khứ, không có duyên thì gặp mặt là chán ghét chẳng có vui mừng, phải vậy không? Trong đời quá khứ có duyên thì gặp mặt nhau mới hoan hỷ, mới làm bạn đạo đồng tham, chẳng phải là việc dễ dàng; duyên rất sâu rất sâu, chúng ta chẳng có tha tâm thông, chẳng biết được. Vậy đoạn kinh văn này ghép vào chỗ này, có dụng ý gì vậy?

Dụng ý vô cùng vô cùng thâm sâu. Điểm thứ nhất, quý vị xem, trong quá khứ vô lượng kiếp, đời đời kiếp kiếp tu hành, vả lại cúng dường bốn trăm ức Phật, phước báu này lớn biết mấy. Nghe đến Phật giảng kinh Vô Lượng Thọ, động cái niệm ta tương lai thành

Phật cũng phải cùng A Di Đà Phật như nhau; họ chẳng có phát tâm vãng sanh, chẳng có phát nguyện vãng sanh. Điều này đã nói rõ, nghe được kinh này mà tin được, nguyện được, phát nguyện vãng sanh; thiện căn, phước đức, nhân duyên vượt hơn họ. Đời quá khứ của quý vị giống như họ, nếu như nói đời đời kiếp kiếp tu hành, cúng dường tứ bách ức Phật; thiện căn, phước đức, nhân duyên của quý vị vẫn chưa đủ. Trong kinh A Di Đà nói: "Bất khả dĩ thiểu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc", chữ Thiểu này là tiêu chuẩn gì vậy? Nơi đây là tiêu chuẩn, hôm nay chúng ta nghe được bộ kinh này, hoan hỷ phát nguyện muốn trong đời này sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế

giới, chúng ta trong đời quá khứ cúng dường chư Phật vượt hơn bốn trăm ức. Bởi vì quý vị còn thời gian bốn trăm ức, vẫn còn có cái niệm muốn vãng sanh, chỉ có một cái niệm là "Ta tương lai thành Phật giống như A Di Đà Phật" mà thôi, thì quý vị mới biết đây là khó đấy. Pháp môn này khuyên người, bảo người ta tin, người ta chẳng có thiện căn này trong đời quá khứ, Phật cũng chẳng giúp được; chúng ta bằng vào cái gì để giúp được người? thì quý vị biết người nghe được, thật sự hoan hỷ tín thọ phụng hành thì thiện căn của họ thành thục rồi, thật sự bất khả tư nghị. Người này không phải người phàm, chẳng phải kẻ thông thường; trong bộ kinh này, hàm chứa ý nghĩa sâu như vậy.

Còn ý nghĩa thứ hai, tuy tương lai có thể thành Phật, họ chẳng được vãng sanh, chẳng phát nguyện vãng sanh; chẳng phát nguyện vãng sanh, vẫn phải tiếp tục tạo sanh tử luân hồi, vẫn phải thọ vô tận khổ não, không miễn được. Ý nghĩa thứ ba, thầy Lý nói chúng ta đem chân tướng của sự thật này hiểu rõ ràng rồi, minh bạch rồi, nếu như trong một đời này quý vị gặp được pháp môn này, nếu chẳng thật sự phát tâm cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thì nếu quý vị chẳng phải ngu si tức là cuồng vọng, quý vị không phải là người bình thường, đầu óc quý vị không bình thường. Nếu là người bình thường, thấy được chỗ này thì làm sao chẳng cố gắng phấn đấu, làm sao chẳng nỗ

lực! Chúng ta vừa phát tâm thì biết được thiện căn của chính mình thành thục rồi. Cũng vậy, chúng ta cũng hiểu rõ, chúng ta thấy được một số người nghe được pháp môn này vẫn chẳng muốn tiếp nhận, vẫn cứ dùng dằn do dự, hoặc giả còn muốn học các pháp môn khác thì biết được thiện căn của họ còn kém rất xa, không đủ.

Như năm trăm người này, trong đời quá khứ cúng dường tứ bách ức Phật, thiện căn vẫn chưa đủ; tuy là học Phật, chúng ta biết duyên của họ chưa thành thục. Tuy nhiên chúng ta đem pháp môn này giới thiệu cho họ thì được, trong lòng họ sanh hoan hỷ tâm, trồng một chủng tử vào A Lại Da Thức của họ, chờ đến lúc luân hồi trở lại; sau khi luân hồi rồi lại luân hồi,

thiện căn phát hiện rồi thì mới từ từ nói lại thì được. Đến lúc đó chúng ta ở Tây Phương thế giới, dù rằng chưa thành Phật, cũng là đại Bồ Tát rồi, nhìn thấy họ vẫn còn trôi lăn trong lục đạo. Chờ đến khi nào họ chịu chấp nhận, cũng tức là bảo, thiện căn, phước đức, nhân duyên của họ thành thục rồi, chúng ta thừa nguyện trở lại giúp đỡ họ, lại đi độ họ, như vậy là đúng thì là chính xác. Hôm nay chúng tôi xin giảng đến đây. A Di Đà Phật

Tập 14

Xin lật kinh bản, trang năm mươi sáu, hàng thứ nhất.

Quốc Giới Nghiêm Tịnh - Đệ Thập Nhất

Từ chỗ này trở xuống, Thế Tôn vì chúng ta giới thiệu trạng huấn của Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng tức là các thứ trang nghiêm. Phẩm này là rộng nói về quốc độ thanh tịnh, trang nghiêm, cũng tức là Bốn Mươi Tám Nguyện, nguyện thứ Nhất, Quốc Vô Ác Đạo, nguyện thứ Ba Mươi Chín, Trang Nghiêm Vô Tận. Do đây có thể biết, Thế Tôn vì chúng ta giảng bộ kinh Vô Lượng Thọ này, trên thực

tế, tức là đem bổn nguyện của A Di Đà Phật vì chúng ta giới thiệu một cách rộng rãi mà thôi. Bốn Mươi Tám Nguyện đích thật là trung tâm Tịnh Tông, là tổng cương lĩnh của Tịnh Tông. Xin xem phần kinh văn:

Kinh văn: "Phật ngữ A Nan: Bỉ Cực Lạc giới, vô lượng công đức, cụ túc trang nghiêm. Vĩnh vô chúng khổ, chư nạn, ác thú, ma não chi danh".

Vậy đây tức là "Quốc vô ác đạo", Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có ác đạo; ác đạo là quả, nước đó vì sao chẳng có ác đạo? Vì không có người tạo tam ác đạo, chẳng có người tạo Nhân thì đương nhiên không thể

có quả báo này. Từ chỗ này chúng ta có thể thể hội đến sự trang nghiêm chân thật của nó. Hai câu phía trước là nói chung, Cực Lạc thế giới là vô lượng công đức, cụ túc trang nghiêm; hai câu này là tổng cương lĩnh, trang nghiêm như thế nào? Thì phía dưới vẫn là nói sơ lược, nếu như nói kỹ thì nói không hết. Chẳng những là người thường chúng ta nói không hết, đích thật ngay cả chư Phật cũng nói không hết.

Vậy mở đầu vì chúng ta giới thiệu vài nét, thế giới Cực Lạc chẳng có chúng khổ. Thế Tôn, thường thường ở trong kinh vì chúng ta thuyết minh, thế giới này của chúng ta rất khổ; việc khổ quá nhiều, cũng là nói chẳng hết. Phật thuyết pháp thường dùng

phương pháp quy nạp, đem cái khổ vô lượng của chúng ta quy nạp thành ba đại loại, tám đại loại; chúng ta thường nói tam khổ, bát khổ. Tam khổ phạm vi lớn, bát khổ phạm vi nhỏ; tam khổ là nói tam giới, Dục Giới khổ, Sắc Giới khổ, Vô Sắc Giới khổ, tam giới đồng khổ. Trong kinh Pháp Hoa có một thí dụ, tam giới là hỏa trạch giống như trong một căn nhà lớn, lửa đã bốc cháy; tuy chưa cháy đến nhưng vẫn nhất định phải cháy đến, tam giới đồng khổ. Còn bát khổ này thì sao? Đây chuyên nói về Dục Giới, cũng tức là chỗ hiện tiền chúng ta thọ nhận. Tám thứ khổ gì? Cái này chúng ta cũng không thể nói kỹ, chỉ có thể đem danh mục giới thiệu ra thôi. Phía trước bốn thứ là sanh, lão, bệnh, tử,

bốn thứ khổ này; bốn thứ khổ này, có thể nói là chúng sanh của Dục Giới, bất cứ người nào đều chẳng có biện pháp tránh miễn được sanh, lão, bệnh, tử.

Ngoài ra còn những thứ ngoại thân, tức là hoàn cảnh sinh hoạt của chúng ta có, [loại thứ năm] "Cầu bất đắc khổ"; con người chúng ta đều có dục vọng, có người thì dục vọng rất lớn, có người thì dục vọng rất nhỏ. Không kể dục vọng của quý vị lớn hay nhỏ, cầu bất đắc chẳng thể mãn nguyện, điều này rất khổ não. Loại thứ sáu là "Ái biệt ly khổ", người quý vị ưa thích thường thường chẳng được đoàn tụ, đây là việc khổ. Hoàn cảnh quý vị ưa thích cũng thường thường chẳng thể thường trú nơi đó;

không thể hưởng thụ cũng là khổ. Loại thứ bảy gọi là "Oán tắng hội khổ", oan gia đối đầu chẳng thích sống chung một nơi mà vẫn phải gặp mặt nhau, vẫn cứ không thể xa lìa, đây là khổ. Hoàn cảnh không ưa thích mà chẳng có biện pháp thoát ly, đây đều thuộc về oán tắng hội khổ. Điều sau cùng loại thứ tám gọi là "Ngũ ấm xí thạnh khổ", điều này so ra khó hiểu hơn; nói theo cách cạn cợt tức là cái vọng tưởng trong tâm, phiền não quá nhiều quá nhiều. Cái này là nhân, Phật vì chúng ta nói pháp đều là chẳng rời khỏi nhân quả. Bảy thứ khổ phía trước là quả báo, còn điều này là nhân khổ. Tại sao chúng ta có thể có nhiều cái khổ như vậy? Tức là vọng tưởng phiền não của chúng ta quá

nhiều quá nhiều; cho thấy rằng bệnh căn vẫn chẳng rời vọng tưởng, chấp trước, đây quả thật là bệnh căn.

Ở Tây Phương thế giới chẳng có, tại sao không có? Vì chúng ta sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới là liên hoa hóa sanh, không phải cái thân do cha mẹ sanh, cho nên chẳng có bát khổ. Tây Phương thế giới là Nhất Chân pháp giới, chẳng những không có lục đạo mà thập pháp giới cũng chẳng có; vậy thì làm sao có tam khổ? Tam khổ, bát khổ, chẳng những ở Tây Phương Cực Lạc thế giới không có sự việc này, mà cái tên cũng chẳng nghe nói đến, đều chẳng nghe nói qua, "Vĩnh vô chúng khổ, chư nạn ác thú, ma não chi danh". Chữ Nạn này là tai nạn, thiên tai, nhân họa; đây là thế

gian này chúng ta vô phương tránh miễn. Hơn nữa hiện nay công cụ truyền bá của đại chúng phát đạt, hầu như nơi tin tức mỗi ngày chúng ta đều nghe được có rất nhiều tai nạn xảy ra; như là động đất, tại vùng biển duyên hải Đông Nam Á có gió bão, những thứ này đều thuộc về thiên tai. Còn trong nhân họa, lớn là chiến tranh; còn tai nạn nhỏ thì quá nhiều, đều là thuộc về loại này. Thường thấy nhất là tai nạn xe cộ, đều là thuộc về một trong các thứ tai nạn.

Ác Thú là ác đạo, mỗi ngày chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác; ở đó tạo tham, sân, si, ở đó tạo sát đạo dâm vọng thì có quả báo của tam đồ là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; cái này gọi là ác thú. Ma Não, thì như

trong kinh Bát Đại Nhân Giác nói đến bốn thứ Ma. Cái này, những bạn đồng tu học Phật thông thường đều có thể biết Ngũ Ấm ma, Phiền Não ma, Thiên ma, Tử ma; đây là bốn loại. Cái gì là ma? Là chiết ma, khiến thân tâm chúng ta khó chịu đựng; chiết ma. Chữ Ma thời xưa này, phía dưới không có chữ Quỷ, nó là chữ Thạch, nó là hòn đá; sau này đem chữ Ma của chiết ma bỏ đi, đổi thành chữ Quỷ. Chữ này do vua Lương Võ Đế đặt ra, vua Lương Võ Đế nói việc này chịu đựng khó quá, cùng việc gặp ma quỷ như nhau; cho nên đem chữ Thạch đổi thành chữ Quỷ. Đây là về sau trong kinh điển mới có chữ này, trong kinh điển thời xưa không có chữ này. Chúng ta cần phải hiểu rõ điều này,

ma đến não hại; trong kinh Lăng Nghiêm thì giảng được rõ ràng hơn, giảng đến năm mươi thứ ấm ma; cách giảng đó rất là tường tận. Ở Tây Phương thế giới, tên của những việc ác này đều chẳng có, thì làm gì có thể có sự việc này! Hiển thị ra Tây Phương thế giới là vui đấy, chẳng có khổ.

Kinh văn: "Diệc vô tứ thời, hàn thử vũ minh chi dị".

Đây là thuyết minh địa phương ấy thiên thời tốt, thế gian chúng ta có bốn mùa, khí hậu thay đổi rất lớn. Khí cũng chẳng hòa, tượng cũng chẳng tốt; ngày nay chúng ta gọi là khí tượng, khí tượng đều chẳng hòa. Địa phận

Tân Gia Ba này cách xích đạo chỉ có một độ, trong bốn mùa chỉ có một mùa, Tân Gia Ba chỉ có mùa Hè; tuy nhiên thỉnh thoảng rơi xuống cơn mưa thì cũng trở thành mùa Xuân, mùa Thu. Vừa mưa xuống thì thành mùa Xuân - Thu, vậy vẫn là có thay đổi. Không giống như Tây Phương thế giới, vĩnh viễn là hòa mục, nơi đó chẳng có sự thay đổi của khí hậu. Vì vậy cho nên sở hữu tất cả vạn vật đều là thường trụ bất biến; bởi vì biết được có rất nhiều vật chất ở thế gian này của chúng ta đang sanh ra biến hóa theo khí hậu đang biến dịch, còn nơi đó thì chẳng có.

Kinh văn: "Phục vô đại tiểu giang, hải".

Nơi địa phương này của chúng ta có sông ngòi, có sông lớn, có biển cả, ba đào ầm ỷ; dù có đi bằng ghe, hiện nay có ghe lớn, so ra an toàn hơn một tí. Thời xưa hàng hải đều là dùng ghe buồm, ghe không lớn, tánh nguy hiểm rất cao. Trên biển cả gặp sóng lớn, gặp phải bão tố, thường thường ghe bị lật, cho nên có nhiều tai nạn như vậy.

Kinh văn: "Khâu lăng, khanh khảm".

Đây là đất không bằng, đi bộ rất khó khăn.

Kinh văn: "Kinh, cức, sa, lịch, Thiết Vi, Tu Di, thổ thạch đẳng sơn".

Đất chẳng bằng phẳng thì đã khó đi rồi, còn có thêm nhiều chướng ngại như vậy; vật chướng ngại này là Kinh, Cức, là loại thực vật có gai; khi chúng ta không lưu ý thì bị nó chích bị thương. Trong phạm vi lớn như vậy, có núi Thiết Vi, có núi Tu Di cùng những hòn núi đất, đá trên địa cầu chúng ta v.v… đều cao thấp không bằng phẳng; các thứ vật chướng ngại của hoàn cảnh này. Cư ngụ nơi hoàn cảnh này chẳng phải là lý tưởng, ở Tây Phương Cực Lạc thế giới không có những thứ này. Địa phương đó là:

Kinh văn: "Duy dĩ tự nhiên thất bảo".

Điều thật là bất khả tư nghị, Thất là nghĩa tượng trưng, chẳng phải con số, chúng ta nhất định phải nhận thức rõ ràng điểm này. Giả như quý vị cho là Tây Phương thế giới chỉ có bảy thứ bảo thì quá ít, vậy thế giới đó không thể xưng là Cực Lạc được. Trân bảo là vô lượng vô biên, Thất là đại biểu cho viên mãn. Chúng ta thường nói tứ phương, thượng, hạ và giữa, bảy là viên mãn, đại biểu nghĩa này, đại biểu viên mãn, tất cả đầy đủ. Trân bảo của thập phương chư Phật thế giới, Tây Phương thế giới thảy đều đầy đủ, một thứ cũng không thiếu; chữ Thất là đại biểu ý nghĩa này, đều là sự thành tựu của trân bảo.

Kinh văn: "Hoàng kim vi địa".

Cái này, phía trước đã nói với quý vị rồi, Vi Địa là để lát đường lộ, Tây Phương thế giới lấy vàng để lát đường.

Kinh văn: "Khoan quảng bình chánh".

Đường lộ thì rộng; Bình là thẳng, Chánh tức là nghĩa chánh trực, rất ít có đường cong quẹo, đều là đường thẳng. Trong kinh Đại Thừa thường nói, cảnh do tâm sanh; tâm thanh tịnh thì thế giới thanh tịnh. Người của Tây Phương thế giới, mỗi một người được vãng sanh đều là tu Tịnh Nghiệp; nói

một cách khác, đều là tu thanh tịnh tâm. Tâm thanh tịnh thì thân khẩu tự nhiên chẳng tạo ác nghiệp, thì tự nhiên thanh tịnh.

Tam nghiệp thanh tịnh, mỗi một người được vãng sanh đều tu Tịnh nghiệp. Cảnh giới này, do nguyện lực của Di Đà cộng với nghiệp thanh tịnh của đại chúng để thành tựu cái thế giới này.

Kinh văn: "Bất khả hạn cực. Vi diệu, kỳ lệ, thanh tịnh trang nghiêm".

Vi Diệu là nói cái Thể của nó, cùng thập phương chư Phật thế giới, quyết định chẳng tương đồng. Như thế giới chúng ta đây, tất cả vạn vật giống như phía trước nói, đất đai, cát,

sỏi, loại vật chất đều vô cùng thô, vả lại đều là vô thường. Kỳ Lệ, cũng tức là chúng ta thường nói, quang hoa sáng lạn, đẹp chẳng thể tả; thanh tịnh trang nghiêm.

Kinh văn: "Siêu du thập phương, nhất thiết thế giới".

Mười phương tất cả chư Phật thế giới đều không thể cùng Cực Lạc thế giới sánh nổi, đây là Thế Tôn đơn giản toát yếu vì A Nan nói ra sự trang nghiêm đẹp đẽ của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Ngài hướng về A Nan nói, A Nan là đại biểu cho chúng ta, tức là hướng về mọi người chúng ta giới thiệu.

Kinh văn: "A Nan văn dĩ, bạch Thế Tôn ngôn: Nhược bỉ quốc độ, vô Tu Di sơn, kỳ Tứ Thiên Vương thiên, cập Đao Lợi thiên, y hà nhi trụ?"

"A Nan văn dĩ", A Nan tôn giả nghe nói xong; A Nan hoàn toàn đại biểu cảnh giới phàm phu của chúng ta, vọng tưởng, chấp trước, thảy đều vẫn chẳng xả bỏ. Cho nên vừa nghe lời này liền khởi dậy vọng tưởng, chấp trước, bởi vì tất cả chư Phật sát độ đều có thập pháp giới, đều có lục đạo. Sự thành hình của thế giới đều có tiểu thiên thế giới, trung thiên thế giới, đại thiên thế giới; hầu như tất cả chư Phật sát độ, đại để đều là như vậy, đều là hình thức này không có gì đặc biệt.

Ông ta chẳng biết được Tây Phương thế giới là thế giới đặc biệt không có những thứ này, nổi dậy vọng tưởng. Vậy Thế Tôn thì sao? Thế Tôn nói pháp vô cùng tuyệt diệu, chẳng có nói với ông ta Tây Phương thế giới là Nhất Chân pháp giới, không có thập pháp giới, không có lục đạo, Ngài không nói như vậy. Vậy thì cách nói pháp này của Ngài mang đến cho chúng ta sự khải thị rất lớn.

Kinh văn: "Phật cáo A Nan: Dạ Ma, Đâu Suất, nãi chí Sắc, Vô Sắc Giới, nhất thiết chư thiên, y hà nhi trụ?"

Phật hỏi ngược lại A Nan tôn giả, Tứ Thiên Vương Thiên, Đao Lợi

Thiên chẳng lìa khỏi mặt đất, họ là ở trên mặt đất. Tuy nhiên Sắc Giới Thiên cùng Vô Sắc Giới Thiên và Dục Giới Thiên, từ Dạ Ma Thiên trở lên là Không Tụ Thiên, chẳng ở trên mặt đất; đây là Không Tụ Thiên. Còn Đao Lợi Thiên, Tứ Thiên Vương Thiên gọi là Địa Tụ Thiên, chẳng rời khỏi mặt đất. Cho nên chúng ta rất khó tưởng tượng Không Tụ Thiên. Giả như chúng ta nghĩ rằng, có lẽ người xưa nói đến thiên nhân, có thể là người của tinh cầu ngoài thái không đến nơi đây của chúng ta; hoặc là từ trên trời đến. Nói từ trên tinh cầu đến, trong Phật pháp chúng ta biết họ vẫn là người, vì sao? Vì chỉ cần có một tinh cầu thì nó có đất, nó vẫn là địa tụ, nó chẳng phải ở trong không

trung, chẳng phải cái Không này; bất cứ chúng sanh cư trú trong tinh cầu nào đều là địa tụ. Nó có đất đai, cho nên chữ địa tụ ấy không phải chuyên chỉ địa cầu của chúng ta, ngoài địa cầu đều là Thiên Thượng, chẳng phải vậy. Chỉ cần có đất đai, có tinh cầu đều là Địa Tụ Thiên, đều là Địa Tụ. Chữ Không Tụ này rất khó tưởng tượng nổi; kỳ thật trong khoa học hiện nay chúng ta lại phát hiện, có thể giúp cho chúng ta giải thích hiện tượng này trong kinh Phật. Hiện nay nhà khoa học chỗ nói, không gian này có độ số vô hạn, thế gian này của chúng ta có ba độ không gian, bốn độ không gian. Nếu như nâng lên đến năm độ, sáu, bảy độ đến vô hạn độ thì cảnh giới ấy bất khả tư nghị. Điều này

có thể giúp cho kinh Phật làm một chú giải, cảnh giới không tương đồng.

Kinh văn: "A Nan bạch ngôn: Bất khả tư nghị nghiệp lực sở trí".

A Nan đáp rất hay, do nghiệp lực bất khả tư nghị, chỗ đưa đến; A Nan vẫn thuộc hạng thông minh, trả lời chẳng sai, ông thể hội được đến chỗ này.

Kinh văn: "Phật ngữ A Nan: Bất tư nghị nghiệp, nhữ khả tri da?"

Thật tại mà nói, trong này quan trọng nhất tức là vì chúng ta mà nói những lời này, "Bất tư nghị nghiệp, nhữ khả tri da?", ông có biết không?

Kinh văn: "Nhữ thân quả báo, bất khả tư nghị".

Thân thể hiện nay của chúng ta, quả báo của chúng ta bất khả tư nghị; đây là thật chẳng phải giả.

Kinh văn: "Chúng sanh nghiệp báo, diệc bất khả tư nghị".

Chúng ta thấy được tất cả hữu tình chúng sanh, tức là hiện nay chúng ta nói đến động vật; nghiệp báo của sở hữu tất cả chúng sanh cũng bất khả tư nghị.

Kinh văn: "Chúng sanh thiện căn, bất khả tư nghị, chư Phật

thánh lực, chư Phật thế giới, diệc bất khả tư nghị".

Tổng quy là nghiệp lực bất khả tư nghị, nếu như chúng ta thử nghĩ, bình thường chúng ta có thể thể hội được cảnh giới ấy, cảnh giới bất khả tư nghị, cảnh giới trong mộng. Thử hỏi cảnh giới trong mộng đó của chúng ta là trụ trong hư không hay là trụ trên mặt đất? Mỗi người đều nằm mộng, trong mộng có cảnh giới. Thử hỏi khi quý vị nằm mộng, quý vị là trụ tại trên địa cầu hay trụ trong hư không? Ngoại trừ trong mộng ra, trong định cũng có cảnh giới; niệm Phật cũng được, tham thiền cũng được. Khi ngồi thiền nhập định, trong định có cảnh giới; cảnh giới trong định này, rốt

cuộc là ở trên mặt đất hay là ở trong hư không? Thật tại mà nói, thời gian, không gian ấy đã khác nhau, đã chuyển đến trong một thời gian, không gian khác rồi. Đây tức là chỗ này nói, bất tư nghị nghiệp lực. Thiện căn của chúng sanh, giống như trong một đoạn kinh văn phía trước chỗ nói, quý vị xem, A Xà vương tử cùng năm trăm vị trưởng giả trong vô lượng kiếp đời quá khứ đến nay đều học Phật, cúng dường chư Phật Như Lai; đây là nghiệp lực bất khả tư nghị.

Ngày nay chúng ta có duyên gặp được pháp môn thù thắng thế này, có lẽ nghiệp lực của chúng ta cùng họ tương đương, chẳng sai biệt nhiều. Chẳng phải nghiệp lực như vậy thì quý vị không gặp được pháp môn này.

Quý vị có thể gặp được pháp môn này thì có thể nói, trong đời quá khứ của quý vị, cái thiện căn ấy đã cùng với A Xà vương tử chẳng sai biệt bao nhiêu; nếu như sánh với ông ta, quý vị nhiều hơn một tí thì tình hình khác hẳn. Quý vị nghe xong rất ưa thích, liền phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Điều này chứng minh trong đời quá khứ chỗ tu tập thiện căn quý vị vượt hơn A Xà vương tử cùng năm trăm vị trưởng giả, vượt hơn họ. Trong một đời này, quý vị quyết định thành tựu.

"Chư Phật thánh lực", ở chỗ này đặc biệt chỉ cho bổn nguyện oai thần gia trì của A Di Đà Phật. Người niệm Phật chúng ta lúc lâm chung được Phật đến tiếp dẫn, điều này bất khả tư nghị. Vậy "chư Phật thế giới", đặc

biệt là chỉ cho Cực Lạc thế giới. Hoa Tạng thế giới của Tỳ Lô Giá Na Phật, Báo Độ của chư Phật, Thật Báo Trang Nghiêm Độ cùng với Thường Tịch Quang Tịnh Độ thật là bất khả tư nghị.

Kinh văn: "Kỳ quốc chúng sanh, công đức thiện lực, trụ hạnh nghiệp địa, cập Phật thần lực, cố năng nhĩ nhĩ".

Đến chỗ này Phật mới đáp phúc A Nan tôn giả, cuối cùng điều này là sự việc ra sao? "Trụ hạnh nghiệp địa", thấy Phật, được bình đẳng thân nghiệp. Điều này, theo trên Tịnh Tông mà nói, việc này rất khó được, rất hy hữu. Thấy được A Di Đà Phật, đương nhiên khi quý vị sanh đến Tây

Phương Cực Lạc thế giới rồi, nghe tên thì được bình đẳng khẩu nghiệp; cái này, không sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng có được. Còn việc thấy Phật thì nhất định là phải đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Đại chúng của Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân tướng đều là bình đẳng, họ được bình đẳng thân. Còn nghe tên thì sao? Chúng ta ở trong nhân địa là được rồi, chúng ta nghe được Nam Mô A Di Đà Phật; A La Hán, chư Bồ Tát nghe được cũng là Nam Mô A Di Đà Phật, bình đẳng khẩu nghiệp. Gặp được Phật quang, hiểu rõ Phật pháp, được bình đẳng ý nghiệp. Vậy đây tức là vô nhà Như Lai, trụ ở Di Đà hành nghiệp, "trụ hạnh nghiệp địa".

"Cập Phật thần lực", bổn nguyện A Di Đà Phật oai thần biến hiện ra cảnh giới này, chúng sanh bình đẳng nghiệp lực, cho nên nó là tự nhiên. Chúng ta thường nói, "pháp nhĩ như thị", tự nhiên hiện ra một quốc độ quảng đại nghiêm tịnh này. Có cái nhân như thị thì tất có cái quả như thị, chỉ là nhân duyên quả báo.

Kinh văn: "A Nan bạch ngôn: Nghiệp nhân quả báo, bất khả tư nghị".

Đây là một câu tán thán, câu cuối của A Nan. Trong kinh có nói, bất khả tư nghị nghiệp lực, cho dù rất xa cũng nhất định có liên hệ. Khi quả báo thành thục, quyết định chẳng thể

tránh miễn; đây là chân tướng của sự thật. Nếu như chúng ta hiểu rõ thì chúng ta khởi tâm động niệm, tất cả tạo tác thì không thể chẳng cẩn thận; chư vị đồng tu nhất định phải ghi nhớ, Phật chẳng phải là một quốc vương, cũng chẳng phải là một giáo chủ. Tâm Phật thanh tịnh một hạt bụi chẳng nhiễm, Phật đối với chúng ta không có một tơ hào kỳ vọng nào. Phật nói những lời này, lẽ nào lại gạt quý vị hay sao? Gạt người phải có lý do, không có lý do mà gạt người, đó là thần kinh có vấn đề. Quý vị thử xem, Phật có giống người có vấn đề thần kinh không? Giảng ra nhiều kinh như vậy, giảng được thứ tự lớp lang, từng thứ phân minh, không giống như người đầu óc có vấn đề. Vì sao Ngài

lại có thể gạt quý vị? Nếu như nói Ngài là quốc vương, vì chánh trị phải thống trị bá tánh, khiến lúc nào quý vị cũng đều phải nghe lời Ngài, chẳng thể tạo phản; Ngài nói những đạo lý như phải mà chẳng phải, có thể gạt gẫm quý vị.

Nếu như Ngài là một giáo chủ, muốn lôi kéo tín đồ không để tín đồ chạy mất, cũng có thể gạt quý vị. Phật đã không phải là quốc vương, không có mục đích chánh trị, Ngài cũng chẳng phải giáo chủ, chẳng có mục đích tôn giáo; Ngài thành tâm thành ý chỉ dạy chúng ta. Có được lợi ích là cá nhân chúng ta, thật tình mà nói, cùng Ngài chẳng có liên can. Chúng ta được họa, được phước, cùng Phật thảy đều chẳng có liên can; quý vị

nên nhớ rõ ràng điểm này. Đây thật sự là một người tốt, trong một đời này chúng ta khó gặp được; gặp được người tốt như vậy, chỉ dạy chúng ta làm thế nào lìa họa được phước. Cho nên Phật là bằng thân phận vị thầy để xuất hiện; gọi là thầy vẫn là đối với Ngài tôn kính xưng hô, nhưng Ngài chẳng có cái niệm này. Nếu Ngài có cái niệm này, vậy thì Ngài vẫn có mục đích, Ngài không có niệm này; chúng ta nhất định phải rõ điều này.

Cho nên nhân quả báo ứng là chân tướng sự thật của thế, xuất thế gian. Sự tạo tác của thân thể chúng ta, tạo nghiệp là thân tạo nghiệp; ngôn ngữ của miệng chúng ta, thái độ biểu hiện là khẩu nghiệp, thân nghiệp; trong tâm khởi tâm động niệm là ý

nghiệp. Chúng ta tạo nghiệp thiện nhất định được thiện báo, chúng ta tạo nghiệp ác nhất định được ác báo; quả báo thông ba đời. Không nhất định hiện tại ta tạo đó, hiện tại liền được báo, không nhất định. Trong kinh luận thường nói: "Dục tri tiền thế nhân", muốn biết đời trước anh tạo nhân gì, Phật nói: "Kim sanh thọ giả thị"; đời này chúng ta chỗ thọ đó, cái thọ đó là quả. Trong đời này chúng ta rất vui sướng, rất hạnh phúc, vậy thì đời trước tạo đó nhất định là thiện nghiệp, chúng ta được thiện quả. Đời này ngày tháng sống rất cực khổ, rất khó chịu đựng, vậy đời trước chúng ta tạo nghiệp bất thiện, đời này báo được quả báo chẳng tốt; là đạo lý như vậy. Cho nên quả báo là ba đời.

Muốn biết quả báo đời sau như thế nào, Phật dạy chúng ta: "Kim sanh tác giả thị", trong đời này chỗ quý vị tạo tác đó là quả báo kiếp sau. Nếu như chúng ta đem đạo lý này tham thấu rồi, thật sự hiểu rõ khẳng định rồi, thì trong một đời này của chúng ta, bất cứ chịu lấy hoàn cảnh gì, thôi đi! Cứ cắn chặt răng qua rồi thì là hết. Tại vì sao? Vì tự làm tự chịu, là cái nghiệp trước kia vô tri tạo nên, nhưng đời sau tôi nhất định phải tốt hơn đời này. Tôi biết được hiện nay tôi phải tạo nhiều thiện nghiệp thì quả báo đời sau sẽ thù thắng. Vậy đời sau, dù là hạnh phúc mỹ mãn, một đời đều có thể xứng tâm tùy ý, quý vị có thể bảo đảm đời đời kiếp kiếp đều hạnh phúc vui vẻ không? Có thể bảo đảm

đời sau quý vị đều chẳng mê hoặc không? Điều này thì khó.

Quý vị xem, thế gian này hiện nay có rất nhiều người hạnh phúc vui vẻ, họ chẳng học Phật, hằng ngày ở trong chốn hoan lạc sống qua ngày tháng, đi nhảy đầm vui chơi hoan lạc, đời trước học Phật tu những thiện nghiệp được quả báo này. Đời này họ không chịu học Phật nữa, không chịu làm thiện nghiệp, khi phước báo hưởng hết rồi thì nghiệp báo ác hiện tiền, phải đọa lạc; đó mới là khổ. Cho nên mặc dù chúng ta tu thiện được thiện báo, chẳng thể bảo đảm lại gặp được Phật pháp, chẳng thể bảo đảm lại được tiếp tục tu thiện nghiệp, vậy thì là phiền phức. Cho nên người chân chánh thông minh, chân chánh minh bạch

thì phải nghe lời của Phật cầu sanh Tịnh Độ. Cầu sanh Tịnh Độ lợi ích ở chỗ nào? Là vĩnh viễn không mê hoặc, vĩnh viễn chẳng tạo ác nghiệp, đích thật đời đời kiếp kiếp từ nay về sau tích công lũy đức, kết quả nhất định giống như A Di Đà Phật; chẳng thể không biết điều này. "Nghiệp nhân quả báo bất khả tư nghị", chúng ta phải vô cùng coi trọng câu này.

Kinh văn: "Ngã ư thử pháp, thật vô sở hoặc".

Ở chỗ này, A Nan cũng đã nói lên lời chân thật. Với sự việc này A Nan nói rất rõ ràng, rất minh bạch, vậy tại sao phải hỏi như vậy? Hỏi là thay

chúng ta mà hỏi, chẳng phải Ngài không hiểu.

Kinh văn: "Đản vị tương lai chúng sanh, phá trừ nghi võng, cố phát tư vấn".

Đây là A Nan từ bi thay chúng ta để hỏi, ông ta vừa hỏi, Phật vừa nói thì chúng ta nghe hiểu ngay; chẳng phải A Nan không hiểu, đây là đại từ đại bi. Cho nên, giống như cách tu học này, lợi ích chúng sanh là thiện nghiệp, chúng ta phải học. Thật tại mà nói, chúng ta rời khỏi kinh bản, rời khỏi giảng đường thì quên sạch hết, bệnh cũ, tập khí cũ lại hiện tiền; chẳng biết học, chẳng biết tu. Tôi xin cử một thí dụ, thường thường chúng

ta ở nơi công cộng, như ở trong tiệm ăn, có những đồng tu quen biết gặp được tôi, nói: "Thưa pháp sư, hôm nay Ngài ăn gì? Ăn thấy ngon hay không?" Nói những lời vô dụng này, ở nơi đây họ chẳng hỏi một ít Phật pháp: "Pháp sư, Phật pháp là gì?" Tuy họ biết, nhưng rất nhiều người bên cạnh không biết, một khi tôi giảng cho quý vị nghe, quý vị xem, bao nhiêu người nghe được, bao nhiêu người biết được? Đây là cách học A Nan, thì là học biết ngay; không biết hỏi những thứ này, đây là kẻ đáng thương.

Có một lần ở Thượng Hải, tôi đến chùa Ngọc Phật để thăm pháp sư Chân Thiền, đi đến điện Thiên Vương; trong điện, Tứ Đại Thiên Vương rất

trang nghiêm. Có rất nhiều đoàn thể du lịch ở đó, đi cùng với tôi cũng có một vài cư sĩ ở Thượng Hải; tôi bèn đem cách biểu pháp tượng trưng của Tứ Đại Thiên Vương này tường tận tỉ mỉ giảng cho họ nghe.

Kỳ thật là giảng cho họ nghe thì đoàn du lịch đều nghe, đều chú ý, ở đó lắng nghe; đây gọi là cơ hội giáo dục, nhất định phải nắm lấy, chớ nên dễ dàng bỏ qua nó. Có thể khiến cho họ hiểu rõ cái biểu trưng nghệ thuật trong Phật pháp, cái ý nghĩa chân chánh trong sự tạo tượng trong Phật môn, họ mới chẳng đến nỗi mê tín. Cho nên A Nan biết được cơ hội giáo dục, rõ biết nên mới hỏi, hỏi cho mọi người nghe. Hai người họ đang đóng kịch, Thế Tôn cùng A Nan đang đóng

kịch, một hỏi một đáp, chúng ta được lợi ích là bởi chúng ta vô tri, hỏi cũng hỏi không ra; phải nên học tập chỗ này. Cho nên nói ở bất cứ nơi công cộng nào, nếu quý vị gặp được pháp sư, gặp được đại đức, cư sĩ, thì quý vị hỏi họ Phật pháp để cho kẻ khác nghe; chớ nên hỏi quá sâu, sâu thì sao? Người ta nghe không hiểu. Nên hỏi cạn cợt một tí khiến những người không học Phật nghe thử, tiếp dẫn họ, vậy thì đúng. Chúng ta lại xem phẩm phía dưới.

Quang Minh Biến Chiếu - Đệ Thập Nhị

Kinh văn: "Phật cáo A Nan: A Di Đà Phật oai thần quang minh,

tối tôn đệ nhất. Thập phương chư Phật, sở bất năng cập".

Hai phẩm Mười Hai và Mười Ba này hiển thị Chánh Báo trang nghiêm, Chánh báo là A Di Đà Phật, Phật thân chánh báo trang nghiêm. Chúng ta cũng thường thường niệm đến "Quang trung hóa Phật vô số ức", Phật quang chiếu khắp các địa phương tức là có Phật, "quang trung hóa Phật" này đương nhiên vẫn là trong Bốn Mươi Tám Nguyện. Nguyện thứ Mười Ba trong Bốn Mươi Tám Nguyện nói, "Ngã tác Phật thời, quang minh vô lượng, tuyệt thắng chư Phật"; điểm này quả nhiên không sai, Thế Tôn vì chúng ta giới thiệu "oai thần quang minh", oai đức

thần thông của Ngài, quang minh đều là "tối tôn đệ nhất". Chữ "tối tôn đệ nhất" này là cùng với tất cả chư Phật so sánh, là tối tôn đệ nhất; thập phương chư Phật, "sở bất năng cập".

Kinh văn: "Biến chiếu Đông phương Hằng sa Phật sát".

Chữ Hằng Sa tức cát sông Hằng, đây là dùng để thí dụ, cát sông Hằng quá nhiều quá nhiều, chẳng cách chi tính được; hình dung số lượng nhiều của nó, "Hằng sa Phật sát".

Kinh văn: "Nam, Tây, Bắc phương, tứ duy, thượng, hạ".

Cái này hợp lại tức là thập phương, còn phương thứ mười? Phương này giảng rất rõ ràng, chín phương còn lại thì rút gọn lại, chín phương còn lại thảy đều như nhau; phương phương đều là Hằng hà sa số Phật sát.

Kinh văn: "Diệc phục như thị".

Đây là ánh sáng của A Di Đà Phật, đích thật tất cả chư Phật đều chẳng thể sánh kịp.

Kinh văn: "Nhược hóa đảnh thượng viên quang".

Đây là thường quang của Phật, trên đỉnh đầu của Phật có ánh sáng tròn.

Kinh văn: "Hoặc nhất, nhị, tam, tứ do-tuần, hoặc bách thiên vạn ức do-tuần".

Đây là hiển thị ra thường quang của chánh báo, cũng là bất khả tư nghị. Đức Thích Ca Mâu Ni Phật của chúng ta năm xưa ở tại thế gian này, xuất hiện ở thế gian chúng ta, trong kinh ghi chép ánh sáng của Phật là một do-tuần. Một do-tuần là bao lớn? Tám thước là một do-tuần, ánh sáng vòng tròn của Phật là tám thước, có ánh sáng như vậy. Thật tại mà nói, ánh sáng trên thân Phật rõ ràng, trên thân của mỗi người chúng ta đều có

ánh sáng; những người luyện khí công nhìn ra được, họ gọi là khí, Phật pháp chúng ta gọi là quang. Vả lại ánh sáng này của mỗi người lớn nhỏ khác nhau, màu sắc cũng khác nhau; cho nên môn khí công xem trạng huấn thân thể của người, họ từ trên đây mà xem.

Vậy phàm là người học khí công, trước hết phải tu thanh tịnh tâm; tâm không thanh tịnh thì quý vị chẳng thấy được, tâm thanh tịnh thì thấy được. Cho nên người được định thấy được, người có tâm thanh tịnh thấy được. Nếu như màu sắc ánh sáng của quý vị không tốt, là xám tối thì thân thể quý vị có bệnh; nếu như thân thể rất cường tráng, thì màu của ánh sáng rất rõ ràng, rất sáng sủa, cho nên họ

có thể thấy thân thể của quý vị. Vả lại, mỗi một bộ phận đều có ánh sáng khác nhau, cho nên họ biết được quý vị có bệnh ở chỗ nào; đây chẳng phải là mê tín. Ánh sáng của Phật là trăm ngàn vạn do-tuần, điều này bất khả tư nghị, đích thật chư Phật khác không có thể so sánh được điều này. Chúng ta từ trong kinh thấy được, những vị Phật khác, hoặc một, hai, ba, bốn do-tuần, điều này có; đây là Phật quang.

Kinh văn: "Chư Phật quang minh, hoặc chiếu nhất, nhị Phật sát".

Câu "Chiếu nhất, nhị Phật sát" này tức là bản thổ của Ngài, một vị Phật giáo hóa chúng sanh là một cái

tam thiên đại thiên thế giới, là một Phật sát, ánh sáng của Ngài nhất định chiếu đến.

Kinh văn: "Hoặc chiếu bách thiên Phật sát".

Nguyện lực của Phật rộng lớn, chẳng những Ngài phải độ chúng sanh của quốc độ này của chính Ngài, mà tha phương thế giới chúng sanh Ngài cũng phải độ. Vậy thì ánh sáng của Ngài lớn rồi, lớn đến có thể chiếu đến trăm ngàn Phật sát.

Kinh văn: "Duy A Di Đà Phật".

Duy chỉ có A Di Đà Phật.

Kinh văn: "Quang minh phổ chiếu, vô lượng vô biên, vô số Phật sát".

Quý vị phải ghi nhớ, Phật tại nhân địa, Thế Gian Tự Tại Vương Phật đã từng nói qua với Ngài hai trăm mười ức chư Phật sát độ, thanh tịnh trang nghiêm chi sự; vả lại Ngài đều thấy qua. Hai trăm mười ức là biểu trưng, cũng là đại biểu cứu cánh viên mãn, nói một cách khác, tận hư không biến pháp giới sở hữu tất cả chư Phật sát độ, A Di Đà Phật đã từng đến. Thế giới này của chúng ta, đương nhiên Ngài cũng đã đến qua; Ngài đã là đến qua thì nhất định ánh sáng của Ngài cũng sẽ chiếu đến. Duy chỉ có ánh sáng của Di Đà là tận hư không biến

pháp giới, một Phật sát đều chẳng thể sót mất.

Kinh văn: "Chư Phật quang minh, sở chiếu viễn cận, bổn kỳ tiền thế cầu đạo, sở nguyện công đức đại tiểu bất đồng".

Tại chỗ này Phật thuyết minh tại sao Phật quang có lớn nhỏ khác nhau. Khi đã thành Phật rồi, thì Phật Phật đạo đồng; trí tuệ thần thông năng lực của Phật, cả thảy đều bình đẳng. Tại sao Phật quang khác nhau? Chúng ta thấy được tại sao Phật quang chẳng bình đẳng, điều này có nguyên nhân, là lúc đầu tiên nhất Ngài mới học Phật, Ngài phát cái nguyện khác nhau. Có những vị Phật ở nhân địa chẳng

lớn, thấy cái tam thiên đại thiên thế giới này, ta chỉ muốn giúp nhóm chúng sanh này, chỉ muốn độ họ, thì sau khi thành Phật, ánh sáng của Ngài chỉ lớn cỡ đó; từ trong kinh chúng ta thấy được điều này. Nhân địa của A Di Đà Phật, nguyện của Ngài cùng người khác quả thật chẳng giống nhau. Nguyện của Ngài lớn, Ngài phải phổ độ chúng sanh, phải độ hết tận hư không pháp giới tất cả chúng sanh; nguyện của Ngài là phát cách này. Chẳng phải một cái thế giới, hai cái thế giới, một cái Phật sát, hai cái Phật sát, một ngàn cái Phật sát, một vạn cái Phật sát. Ngài không phải phát cách này, cho nên cái nguyện này hy hữu.

Kinh văn: "Chí tác Phật thời, các tự đắc chi. Tự tại sở tác, bất vi dự kế".

Cho nên sau khi thành Phật, cảnh giới này của Ngài tự nhiên hiện ra, không phải trong tâm Ngài nghĩ tưởng, chẳng phải Ngài thích làm như vậy, chẳng phải vậy, là tự nhiên thành tựu. Tức là nói, cái quả ấy, nhất định là ứng với cái nhân này; nhân quả nhất định tương ưng. Giả như tất cả chư Phật muốn phóng quang chiếu khắp pháp giới, họ có cái năng lực này; nếu họ chẳng có cái năng lực này thì đạo của Phật là chẳng đồng. Phật có năng lực này, nếu Ngài chẳng có ý đi phóng quang, vậy thì ánh sáng của Ngài tự nhiên hiển lộ ra, cùng nhân

địa của Ngài có thể tương ưng. Nhân địa của Di Đà cùng nhân địa của chư Phật khác nhau; cho nên ở trên quả địa tự nhiên hiển hiện, Ngài là khác nhau.

Kinh văn: "A Di Đà Phật quang minh thiện hảo, thắng ư nhật nguyệt chi minh, thiên ức vạn bội".

Trong câu này, chúng ta phải đặc biệt chú ý, "Phật quang [minh] thiện hảo", "nhật nguyệt quang (chi) minh", tuy là tốt, nhưng bất thiện. Quý vị xem, ban ngày mặt trời lớn thế đó, rọi lên trên thân khá nóng; tuy có ánh sáng nhưng bất thiện có thể mang đến cho chúng ta rất nhiều phiền não. Mắt chúng ta nhìn mặt trời như chích vào

con mắt, có thể tổn thương mắt; tuy có ánh sáng mà bất thiện. Vậy còn Phật quang thì sao? Là thiện. Chẳng những quý vị tiếp xúc thấy thanh lương, thoải mái, vui vẻ; vả lại còn có thể tiêu nghiệp chướng, khai trí tuệ, đây mới là thiện. Cho nên chữ này quang hệ rất lớn. Phía dưới, chúng ta xem Thế Tôn đối với A Di Đà Phật tán thán, quả thật đã đến chỗ cùng cực.

Kinh văn: "Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương".

Nếu như quý vị có thể đem hai câu nói này của đức Thích Ca Mâu Ni Phật ghi vào lòng, nếu anh niệm A Di Đà Phật, người ta hỏi anh tại sao niệm A Di Đà Phật, tại sao chẳng học thứ

khác, tại sao chẳng niệm Phật, Bồ Tát khác? Anh chỉ cười thôi! A Di Đà Phật là "Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương". Cứ bằng vào sự thật này thì tôi hết lòng để niệm A Di Đà Phật, các vị Phật khác thì tôi không cần niệm nữa, tôi niệm Phật trung chi vương; còn quý vị niệm đó là Phật trung lão bá tánh, tôi niệm đó là Phật trung chi vương! Phải biết điều này, đây là sự siêu thắng của Tịnh Độ, thật sự bất khả tư nghị, chúng ta phải nói ra cho được.

Kinh văn: "Thị cố Vô Lượng Thọ Phật, diệc hiệu Vô Lượng Quang Phật, diệc hiệu Vô Biên Quang Phật, Vô Ngại Quang Phật, Vô Đẳng Quang Phật, diệc hiệu Trí

Tuệ Quang, Thường Chiếu Quang, Thanh Tịnh Quang, Hoan Hỷ Quang, Giải Thoát Quang, An Ổn Quang, Siêu Nhật Nguyệt Quang, Bất Tư Nghị Quang".

Đây đều là biệt hiệu của A Di Đà Phật, tại sao nói nhiều như vậy? Là để hiển quang trung chi đức. Câu phía trước quang minh thiện hảo, chữ Thiện đó là tổng thuyết, chưa giảng kỹ cho quý vị. Rốt cuộc chữ Thiện Hảo thì hảo đến cỡ nào? Phía dưới mười hai cái danh hiệu thì đem cái thiện này hiển thị ra. Vậy do đây có thể biết, Thế Tôn đối với Ngài tán thán "quang trung cực tôn", chẳng phải tùy tiện nói. Mười hai cái danh hiệu này hiển thị ra, ánh sáng của đức

Di Đà đích thật là cực tôn, là chư Phật không thể sánh được.

Nói ra mười hai cái danh hiệu, "Vô Lượng Quang", chữ Lượng là hạn lượng, ánh sáng của A Di Đà Phật chẳng có hạn lượng, chẳng giống như chư Phật; Phật quang chỉ chiếu một, hai Phật sát, chiếu trăm, ngàn Phật sát là có hạn lượng. Còn ánh sáng của A Di Đà Phật thì chẳng có hạn lượng, tận hư không biến pháp giới chẳng nơi nào chẳng chiếu, không chỗ nào không chiếu; đây là vô lượng. Đương nhiên bên trong, Quang đều là tượng trưng cho trí tuệ; Vô Lượng Quang cũng tức là nói rõ trí tuệ của A Di Đà Phật là vô lượng.

"Diệc hiệu Vô Biên Quang", Biên là biên tế, Phật tâm bình đẳng, từ bi

bình đẳng; lấy pháp bình đẳng giáo hóa tất cả chúng sanh, khiến cho tất cả chúng sanh bình đẳng thành Phật. Biên tế, giới tuyến, tất cả giới tuyến thảy đều chẳng có; giải thoát bình đẳng, vạn pháp nhất như. Ý nghĩa của Vô Biên Quang là không có bờ mé, không có giới tuyến; các chư Phật Như Lai khác, như Thích Ca Mâu Ni Phật chúng ta giáo hóa chúng sanh, thật ra chúng ta chứng quả là có đẳng cấp. Có người chứng Tiểu Thừa Sơ Quả, Tứ Quả La Hán, chứng Bích Chi Phật Quả. Còn có Tạng, Thông, Biệt, Viên, đây là Thiên Thai Tông. Hiền Thủ Tông thì có Tiểu, Thủy, Chung, Đốn, Viên, đây đều là có giới tuyến. Khi thành Phật rồi, còn có Tạng Giáo Phật, Thông Giáo Phật, Biệt Giáo

Phật, Viên Giáo Phật; đều chẳng giống nhau. Duy độc nhất chỉ có Di Đà là bình đẳng thành tựu; Tứ Quả, Tứ Tướng của Tiểu Thừa, năm mươi mốt giai cấp của Đại Thừa hoàn toàn đều chẳng còn nữa. Phương pháp ấy của Ngài, quả báo ấy của Ngài là "Một là tất cả, tất cả là Một"; cái này là Vô Biên Tế Quang.

Cái thứ ba là "Vô Ngại Quang Phật", Ngại là chướng ngại, quyết định chẳng có chướng ngại; chướng ngại là từ đâu đến? Chướng ngại là từ phân biệt, chấp trước mà đến. Có phân biệt, có chấp trước thì có chướng ngại; lìa khỏi tất cả phân biệt, chấp trước thì tâm được tự tại, thì không có chướng ngại. Trong tâm chẳng có giới tuyến, đây là Vô Ngại

Quang; nếu lấy Thiền Tông mà nói, thì đây đã đạt đến chỗ cùng cực.

"Vô Đẳng Quang Phật", Đẳng là cùng Ngài ngang nhau, Ngài vượt qua tất cả chư Phật; tất cả chư Phật đều không thể bằng Ngài; bất luận là nhân hành, quả hải, đều vượt cả chư Phật. Trong phần kinh phía trước, chúng ta thảy đều thấy cả.

"Diệc hiệu Trí Tuệ Quang, Thường Chiếu Quang", cái này dễ hiểu; chư Phật đều do Quyền - Thật hai Trí. Di Đà hai trí so với chư Phật lại càng viên mãn hơn, càng cứu cánh hơn. Thường Chiếu Quang là tịch mà thường chiếu. Thanh Tịnh Quang là chiếu mà thường tịch, thanh tịnh bình đẳng; trong Đại Thừa Phật pháp, chữ Chiếu và Tịch là cương lĩnh tu hành

của Bồ Tát, chúng ta phải thể hội cho thật sâu. Chiếu là Dụng, lục căn chúng ta đối với cảnh giới lục trần bên ngoài, đây là Chiếu; tại sao không dùng chữ Kiến? Không dùng chữ Thính? Bởi vì nói kiến, nói thính, nói văn đều lạc vào trong ý thức, quý vị có phân biệt, có chấp trước. Chữ Chiếu này giống như tấm kính, kính chiếu bên ngoài, bên trong nó chiếu rất rõ ràng, nó chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước. Cho nên Phật dạy chúng ta dụng tâm, phải giống như tấm kính. Dùng tâm như kính, lục căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài quán chiếu, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, rõ ràng minh bạch; cái tâm này là Định. Tâm là thanh tịnh, tâm thanh tịnh tức là Tịch; đây tức là

công phu, là Tịch. Còn chữ Chiếu tức là Trí Tuệ.

Cho nên người chân chánh biết tu hành trong đời sống ngày thường, trên Sự thì là Lục Độ sáu điều cương lĩnh; trên Lý là tự mình được thanh tịnh tâm, được trí tuệ Bát Nhã, trên Lý tức là thiền định Bát Nhã, chúng ta phải được cái thọ dụng này. Tâm đã thanh tịnh rồi, đã định rồi, đây thật là đáng quý. Vậy quý vị muốn độ chúng sanh, muốn giúp đỡ tất cả chúng sanh, phải từ Tịch rồi lại Chiếu, lại khởi dậy tác dụng, đó là Bồ Tát. Quang là Tịch chẳng Chiếu, đó thì thành Tiểu Thừa A La Hán, tự liễu mà chẳng giúp đỡ kẻ khác. Cho nên Tịch mà thường Chiếu là Phật, Bồ Tát, Chiếu mà thường Tịch là hiện nay chúng ta phải

dụng công, chúng ta phải học tập; đây đều là từ trên cương lĩnh tu học mà nói.

"Hoan Hỷ Quang", Phật quang có thể khiến tất cả chúng sanh sanh hoan hỷ tâm. Chẳng những sanh hoan hỷ mà còn sanh tín tâm, sanh nguyện tâm; thì cái Quang này mới thiện.

"Giải Thoát Quang", Quang này có thể tiêu nghiệp, có thể tiêu tội, có thể khiến tất cả chúng sanh được đại tự tại, đây là Giải Thoát Quang.

"An Ổn Quang", đây cũng là chỗ hy vọng, mong cầu, mơ ước, hâm mộ của tất cả chúng sanh; làm thế nào mới có thể được sự an ổn chân chánh? Thật tại mà nói, trong tam giới này không có được, trong lục đạo cũng chẳng có; Phật nói tam giới vô an,

chẳng có được. Muốn được an ổn ở trong tam giới, đó là nhất định phải khế nhập cảnh giới Bát Nhã, như trong kinh Kim Cang chỗ nói, quý vị đích thật lìa được Tứ Tướng, lìa Tứ Kiến rồi thì được; ở trong tam giới cũng được an ổn. Tướng Ngã, tướng Nhân, tướng Chúng Sanh, tướng Thọ Giả, tất cả thảy đều lìa khỏi hết, đều không còn nữa, cách này thì được. Tứ Tướng, chỉ cần một tướng chưa lìa khỏi thì cái an ổn đó chỉ là hữu danh vô thực, quyết định chẳng có được.

"Siêu Nhật Nguyệt Quang", cái này dễ hiểu, phía trước nói thắng hơn ánh sáng của nhật nguyệt ngàn vạn ức lần.

"Bất Tư Nghị Quang", câu này là tổng kết; thần quang của Di Đà bất khả tư nghị.

Kinh văn: "Như thị quang minh, phổ chiếu thập phương, nhất thiết thế giới".

Câu nói này chẳng sai, một thế giới cũng không sót, là tận hư không biến pháp giới. Đây là chứng thật chỗ nói phía trước, hai trăm mười ức là biểu trưng không phải là con số; nếu là con số thì hai trăm mười ức chẳng nhiều. Cái này nói, từ Tây Phương Cực Lạc thế giới đến địa phương chúng ta đây, khoảng giữa có mười vạn ức Phật quốc độ; vậy ánh sáng của Phật chỉ có hai trăm mười ức thì

vẫn cách quá xa, so với mười vạn ức, ít đi quá nhiều. Vậy thì Phật quang chẳng tới được chúng ta bên này; đó là biểu trưng, đó chẳng phải con số. Chỗ này đã hiển thị ra rồi, đây là chứng minh "phổ chiếu thập phương nhất thiết thế giới", một thế giới cũng chẳng sót; đều chẳng sót mất.

Kinh văn: "Kỳ hữu chúng sanh, ngộ tư quang giả".

Đây là nói chúng sanh ở thập phương thế giới, nếu gặp được ánh sáng của A Di Đà Phật.

Kinh văn: "Cấu diệt thiện sanh".

Cấu là phiền não, ô nhiễm thì liền được tiêu diệt; thiện căn sanh trưởng. Vậy thì chúng ta phải hỏi, tận hư không biến pháp giới đều ở trong ánh sáng của A Di Đà Phật, tại sao tôi chẳng thấy? Phật ngày ngày đều chiếu soi tôi, phiền não tội nghiệp của tôi cứ từng ngày từng ngày gia tăng không có giảm thiểu! Đây là nguyên nhân gì vậy? Thật tại mà nói, Phật quang là đang chiếu soi, chúng ta chẳng có tiếp nhận, chúng ta ta không cần! Ánh thái dương chiếu rọi anh, anh nhất định lấy chiếc dù để che khuất, chẳng để cho nó chiếu vào; tình trạng chúng ta ngày nay là như thế, chẳng chịu tiếp nhận. Không phải Phật quang chẳng chiếu rọi quý vị, là quý vị không chịu tiếp nhận; vậy thì Phật quang ở đâu?

Phía trước cũng đã từng nói qua với quý vị chỗ sở tại của Phật hiệu, kinh điển, tức là chỗ Phật quang chiếu rọi, tức là có Phật. Nghe được một câu A Di Đà Phật này, chẳng để trong tâm coi như cơn gió thoáng qua tai, quý vị không chịu tiếp nhận. Chỗ sở tại của kinh điển chẳng chịu đi đọc tụng, chẳng chịu đi nghiên cứu, thâm nhập; đây là tự mình làm chướng ngại chính mình! Không phải Phật quang không chiếu đến anh, đây tức là chính mình có nghiệp chướng rất sâu dầy, kháng cự lại ánh sáng của Phật.

Đây cũng là trong Phật pháp thường nói: "Tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt", là nói về lực lượng này; lực lượng của Phật, nghiệp lực của chúng sanh, tâm lực của chúng

sanh là bằng nhau, "tam vô sai biệt". Có thể thấy được, cái nghiệp lực này bất khả tư nghị. Phía trước nói đến nghiệp lực bất khả tư nghị, chúng ta hiểu được đạo lý này, hiểu được chân tướng của sự thật, chúng ta có thể đem tâm lực của chính mình cùng Phật quang của Phật, đem lực lượng này tập hợp trở lại thì có thể chống cự nghiệp lực. Hai lực lượng tập hợp lại thì có thể chống cự một nghiệp lực; tâm lực cùng nghiệp lực của chúng ta tập hợp trở lại thì đem lực lượng đề kháng của Phật che lấp mất, là đạo lý như vậy. Ngày nay chúng ta gặp được A Di Đà Phật, gặp được kinh Vô Lượng Thọ, sanh được tâm hoan hỷ, có thể lý giải được. Dù rằng không thể hoàn toàn lý giải, chúng ta có thể

lý giải phần nào, quả nhiên chịu y giáo phụng hành, quyết định là "cấu diệt thiện sanh".

Kinh văn: "Thân ý nhu nhuyễn".

Biểu hiện trong cuộc sống thường ngày, biểu hiện ôn hòa từ bi, không giống như trước kia cang cường khó giáo hóa; bây giờ hiển thị ra là mềm dẻo từ bi nhu hòa, với trước kia khác hẳn. Cho nên thân tâm thật có chuyển biến.

Kinh văn: "Nhược tại tam đồ cực khổ chi xứ".

Đây là cử một thí dụ, thật tại mà nói, cũng đều là sự thật. Nếu như đọa

lạc vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, Cực Khổ tức là địa ngục đạo.

Kinh văn: "Kiến thử quang minh, giai đắc hưu tức".

Chúng sanh ở địa ngục có thể thấy được Phật quang chăng? Có thể thấy. Địa ngục là nơi tội nghiệp cực trọng chỗ báo được; loại chúng sanh nào ở trong địa ngục có thể gặp được Phật pháp? Là người trong đời quá khứ niệm Phật. Người trong đời quá khứ đều học Phật, cũng có thiện căn rất sâu dầy, mà trong đời này mê hoặc điên đảo, làm sai rất nhiều việc, bất hạnh mà đọa địa ngục. Cho nên Địa Tạng Vương Bồ Tát ở tại địa ngục độ chúng sanh, độ loại chúng sanh này;

nếu như họ chẳng có thiện căn, trong đời quá khứ chẳng có học Phật, chẳng có thiện căn, Địa Tạng Vương Bồ Tát đối với họ cũng chẳng biết làm gì được.

Tuy Địa Tạng Vương Bồ Tát ở trong địa ngục, những người này chẳng thấy, nhìn không thấy Địa Tạng Vương Bồ Tát. Duy chỉ có người niệm Phật với thiện căn thâm hậu, một niệm sai lầm lúc đọa vào địa ngục. Khi họ ở trong địa ngục, một niệm hồi tâm [ăn năn hối cải], biết được mình làm sai rồi! Chỉ cần họ có ý niệm này thì họ sẽ thấy được Địa Tạng Vương Bồ Tát. Địa Tạng Vương Bồ Tát dạy họ niệm Phật, họ liền tiếp xúc với ánh sáng của A Di

Đà Phật thì cái khổ của họ mới có thể chấm dứt, thì là đình chỉ.

Kinh văn: "Mạng chung giai đắc giải thoát".

Vậy nhóm ác đạo chúng sanh này, người ác ở nhân gian vãng sanh đều là thuộc về sám hối vãng sanh. Họ thật sự biết mình đã sai rồi, thật lòng sám hối, sửa lỗi, tu thiện cầu sanh Tịnh Độ. Họ là công đức gì vậy? Tức là cái tâm sám hối, cái tâm sửa lỗi, đó tức là công đức; đem cái này hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ. Một niệm, mười niệm cũng quyết định được sanh; đây tức là nguyện thứ Mười Tám của A Di Đà Phật. Vậy những người này sanh đến Tây Phương Cực

Lạc thế giới thì là phẩm vị gì? Trong Quán Kinh nói, Phàm Thánh Đồng Cư Độ, Hạ Hạ Phẩm vãng sanh. Ác đạo, chân chánh, địa ngục đạo vãng sanh, nếu như tạo tác tội cực trọng, tương lai nhất định đọa A Tỳ địa ngục, tuy nhiên hiện nay phước của họ vẫn chưa hết, vẫn chưa đọa; vào lúc lâm chung gặp được thiện tri thức, thật sự hối lỗi sám hối vãng sanh thì phẩm vị ấy không nhất định.

Trong Quán Kinh chúng ta thấy được vua A Xà Thế hại cha ông ta, hại mẹ ông ta, giết cha hại mẹ, cùng Đề Bà Đạt Đa cấu kết phá hòa hợp Tăng, xuất huyết Phật thân. Tội thập ác ngũ nghịch, ông ta thảy đều tạo hết; thì quả báo của người này tất phải đọa A Tỳ địa ngục. Đề Bà Đạt Đa đời đời

đọa địa ngục, còn vua A Xà Thế lúc lâm chung sám hối, biết mình đã sai, đau lòng để sám hối cầu nguyện vãng sanh; ông ta rất may mắn, ông chẳng đọa địa ngục, ông ta vãng sanh Cực Lạc thế giới. Vậy được phẩm vị gì? Thật sự là bất khả tư nghị, Phật nói với chúng ta, ông là Thượng Trung Phẩm vãng sanh, (Thượng Thượng Phẩm, Thượng Trung Phẩm vãng sanh).

Đây cũng cho chúng ta một khải thị rất lớn, đối với những người làm ác thông thường, chúng ta không thể coi rẻ họ, tại vì sao? Chúng ta thật lòng niệm Phật, tương lai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, còn họ tuy tạo tội nghiệp, lúc lâm chung nếu tâm sám hối nặng thì phẩm vị của họ

vẫn ở trên chúng ta. Chúng ta vẫn chẳng bằng họ, cho nên không thể coi rẻ điều này. Cho nên chúng ta biết được có hai loại vãng sanh, một loại là bình thường niệm Phật tích công lũy đức, dùng phương pháp này mà vãng sanh. Một loại là tạo tội nghiệp đến lúc lâm chung sám hối mà vãng sanh, cho nên lực lượng sám hối này cũng rất bất khả tư nghị.

Kinh văn: "Nhược hữu chúng sanh văn kỳ quang minh, oai thần công đức, nhật dạ xưng thuyết, chí tâm bất đoạn. Tùy ý sở nguyện, đắc sanh kỳ quốc".

Đây cũng là thuộc về niệm Phật, có thể thấy Niệm và Xưng khác nhau;

xưng là tự trong miệng xưng, xưng danh. Còn chúng ta niệm Nam Mô A Di Đà Phật, niệm là trong tâm thật có. “Nhược hữu chúng sanh”, giả như có người, “văn kỳ quang minh, oai thần công đức”, ba thứ này đều ở trong Vô Lượng Thọ Kinh, Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh và Phật Thuyết A Di Đà Kinh; đều ở trong ba loại kinh này. Nội dung nói đến trong ba kinh này tức là cái này, đây là Văn Kỳ, Văn tức là văn kinh; sau khi nghe rồi, đương nhiên quý vị được lòng tin, nếu anh chẳng tin thì anh không tu hành, quý vị nhất định phải tin. Sau khi tin rồi, nhất định chịu học, chịu tu; đây mới gọi là Niệm Phật. Tại vì sao? Vì trong tâm thật có, nhiên hậu mới xưng thuyết; xưng thuyết tức là nói cho

người khác nghe, đây là Xưng Thuyết. Trong Tam Phước, sau cùng là: "Độc tụng Đại Thừa, Khuyến tấn hành giả", khuyên kẻ khác tự hành hóa tha; đây là ý nghĩa này, "tự hành hóa tha".

"Chí tâm bất đoạn", Chí Tâm là Chân Thành tâm, Thanh Tịnh tâm, Từ Bi tâm; Bất Đoạn là tương tục chẳng dứt. Tất cả thời, tất cả chỗ, chúng ta thường nói phải biết cơ hội giáo dục, nắm lấy cơ hội này, đem Phật pháp giới thiệu cho tất cả đại chúng. Quả nhiên chúng ta làm được như vậy thì cầu nguyện vãng sanh, nhất định được sanh "đắc sanh kỳ quốc". Cho nên chúng ta phải hiểu rõ ý nghĩa trong kinh văn, phải biết cách để làm; bởi vì văn tự vô cùng đơn giản, ý

nghĩa vô cùng viên mãn. Chúng ta lại xem tiếp phẩm phía dưới.

Thọ Chúng Vô Lượng - Đệ Thập Tam

Tuổi thọ của Phật vô lượng, chúng sanh có phước, chúng sanh có nơi nương tựa, có thể thường thường theo bên mình Phật. Nguyện lực của Phật cũng là vô lượng vô biên, cho nên có thể rộng nhiếp pháp giới tất cả chúng sanh. Chúng ta xem kinh văn:

Kinh văn: "Phật ngữ A Nan: Vô Lượng Thọ Phật, thọ mạng trường cửu, bất khả xưng kế".

Trong đoạn kinh văn này, ý nghĩa của nó không sâu, rất rõ ràng, rất dễ hiểu. Tuy nhiên nó đích thật có dụng ý rất sâu, chúng ta phải từ phương diện này để thể hội thì tự nhiên có thể sanh khởi cái tâm hâm mộ, mơ ước, hận là không được rất nhanh chóng để được chứng đắc. "Thọ mạng trường cửu, bất khả xưng kế". Thích Ca Mâu Ni Phật cũng nói với chúng ta, A Di Đà Phật lần ở tại Tây Phương Cực Lạc thế giới làm Phật là Ứng Hóa, là giống như Thích Ca Mâu Ni Phật ba ngàn năm trước đến thế gian này của chúng ta chẳng khác, là Ứng Hóa. Vậy thì Ứng Hóa thân là có thọ mạng, cái Ứng Hóa thân này của Thích Ca Mâu Ni Phật ở tại thế gian này của chúng ta là trụ thế tám mươi năm. A

Di Đà Phật tại Cực Lạc thế giới cũng là Ứng Hóa, tuy nhiên sự ứng hóa của Ngài cùng sự ứng hóa của tất cả chư Phật có khác; ngay cả quốc độ của Ngài cũng là ứng hóa. Tây Phương Cực Lạc thế giới vốn là chẳng có, là do Ngài biến hiện ra, ngay cả quốc độ cũng là do Ngài biến hóa. Tất cả chư Phật khác không có, tất cả chư Phật khác tùy theo nghiệp lực của chúng sanh mà biến hiện.

Lại thêm vào nguyện lực của Phật, trước tiên có nghiệp của chúng sanh, sau mới có nguyện lực của Phật. Tây Phương thế giới là trước tiên có nguyện lực của A Di Đà Phật, nhiên hậu là Tịnh Nghiệp của chúng sanh, là như vậy mà có; cho nên tình hình này hoàn toàn khác nhau. Vậy thì

nguyện của Phật lớn thế đó, phải độ tận hư không biến pháp giới hữu duyên chúng sanh, khiến chúng sanh nếu chưa độ tận thì Phật không thể đi; quý vị đồng tu nhất định phải biết điều này, Phật chưa độ hết số chúng sanh này thì Phật chẳng thể đi. Vậy thế nào là độ tận chúng sanh? Những ai có duyên thì được độ, những ai không có duyên thì chẳng tính; có duyên thì được độ. Vậy thì chúng ta phải hỏi, những người nào có duyên cùng A Di Đà Phật vậy? Phàm là ai nghe được danh hiệu của A Di Đà Phật đều có duyên, vậy là độ rồi. Quý vị xem, hiện nay tín đồ Cơ Đốc Giáo, Thiên Chúa Giáo đều nghe được cả phải không? Cho nên A Di Đà Phật phải trụ thế rất lâu, chờ đến khi họ hồi

tâm chuyển ý, người người được độ thì Ngài mới thị hiện nhập Niết Bàn.

Tận hư không biến pháp giới đều đang ở đó tuyên dương, đều đang giới thiệu cho đại chúng, càng giới thiệu càng nhiều; cho nên thọ mạng của A Di Đà Phật càng lúc càng dài, là đạo lý như vậy. Một người niệm Phật chưa vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thành Phật thì A Di Đà Phật đều không thể nhập Niết Bàn. Chúng ta niệm Phật nên yên tâm, dù rằng kiếp này không thể vãng sanh, song đời đời kiếp kiếp hạt chủng tử Kim Cang này, vô lượng vô biên kiếp sau vẫn phải thành thục. Thành thục thì A Di Đà Phật vẫn phải chờ ta đi, hôm qua đã nói qua với quý vị điều này. Đây là cùng A Di Đà Phật có duyên,

quý vị đã từng niệm qua một câu A Di Đà Phật, thì quý vị cùng Ngài có duyên. Còn chưa niệm qua thì sao? Chỉ thấy được sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật, mắt nhìn vào thì cũng có duyên. Cho nên hàng chữ Nam Mô A Di Đà Phật ngoài cửa chúng ta lớn như vậy, phàm những ai đi ngang qua đều sẽ nhìn thấy, đều có duyên rồi; cho nên những ai có duyên đều phải được độ. "Thọ mạng trường cửu" này thì thật sự chẳng thể xưng tính được, chúng ta từ trên những Sự và Lý này mà quán sát thì biết được thọ mạng của Ngài, điều đó thì chẳng có cách chi tính toán được.

Kinh văn: "Hựu hữu vô số Thanh Văn chi chúng".

Học sinh của A Di Đà Phật quá nhiều quá nhiều, trong số học sinh này chỉ cử ra một loại, Thanh Văn; Tây Phương không có Thanh Văn. Loại Thanh Văn này, trên thực tế tức là nói nhóm học sinh tại Tây Phương thế giới, Kiến Tư phiền não đoạn rồi, Trần Sa, Vô Minh vẫn chưa phá, là chỉ cho loại học sinh này, không bao gồm những Bồ Tát đã phá Vô Minh; cũng không bao gồm những phàm phu vẫn chưa đoạn Kiến Tư phiền não, những hạng này đều không tính. Ba loại này, chỉ nói một loại. Chúng Thanh Văn này vô số, số lượng này cũng là vô số.

Kinh văn: "Thần trí đỗng đạt, oai lực tự tại, năng ư chưởng trung trì nhất thiết thế giới".

Thần thông đạo lực này, làm cách nào để hiển thị? Làm sao để hình dung? Cũng cử ra một thí dụ; trong bàn tay của A Di Đà Phật, có thể nắm giữ thập phương tất cả chư Phật sát độ, Ngài có cái năng lực này. Chúng ta thường thường biết được Quán Thế Âm Bồ Tát ngàn tay ngàn mắt, năng lực ấy quá rộng lớn, ngàn tay ngàn mắt; nếu nắm giữ tất cả chư Phật sát độ, Ngài không làm được. Một cánh tay nắm giữ một cái, chỉ có thể nắm giữ một ngàn cái Phật sát, vẫn chẳng đạt đến tất cả thế giới thì quý vị mới

biết được, thần lực của A Di Đà Phật vĩ đại biết mấy.

Phía dưới có một thí dụ hiển thị thọ mạng lâu dài và cái nhiều của nhân số.

Kinh văn: "Ngã đệ tử trung, Đại Mục Kiền Liên thần thông đệ nhất".

Chữ Ngã là Thích Ca Mâu Ni Phật tự xưng, Thích Ca Mâu Ni Phật nói, trong số học trò của ta, Đại Mục Kiền Liên thần thông đệ nhất; đây là mười đại đệ tử của Phật, kỳ thật, nhóm đệ tử này đều là cổ Phật và đại Bồ Tát tái lai thị hiện, là đến để diễn kịch. Thích Ca Mâu Ni Phật đến để đóng vai chính, còn họ đến để đóng

vai phụ, giúp đỡ Thích Ca Mâu Ni Phật hoàn thành nhiệm vụ độ hóa chúng sanh này; họ đều đến để thị hiện.

Kỳ thật, mỗi một vị, đức năng đều là bình đẳng; trí tuệ Xá Lợi Phất đệ nhất, thần thông Xá Lợi Phất chẳng bằng Mục Kiền Liên sao? Không phải đâu, là như nhau. Một vị chỉ có thể đại biểu cho một thứ, tượng trưng thì là dễ dàng; kỳ thật trí tuệ, đức năng của họ thảy đều viên mãn. Nhất là Xá Lợi Phất và Mục Kiền Liên hai người này là cổ Phật tái lai, sớm đã thành Phật rồi. Hiện tại Thích Ca Mâu Ni Phật phải dùng Phật thân độ hóa chúng sanh, họ đến để làm đệ tử của Phật, cùng với A Nan phía trước như nhau, là cố ý hỏi, một hỏi một đáp để

đóng kịch; là ý nghĩa này, "thần thông đệ nhất".

Kinh văn: "Tam thiên đại thiên thế giới, sở hữu nhất thiết tinh tú, chúng sanh".

Chỗ này, chúng ta phải chú ý. Tinh Tú, hiện nay chúng ta gọi là tinh cầu; sở hữu tất cả tinh cầu, chúng sanh trong tinh cầu. Quý vị phải ghi nhớ, trong tam thiên đại thiên thế giới sở hữu tinh cầu, chúng sanh trong tinh cầu là bao nhiêu?

Kinh văn: "Ư nhất trú dạ, tất tri kỳ số".

Mục Kiền Liên tôn giả dùng hai mươi bốn giờ thì tính ra được trong cái đại thiên thế giới này. Đại thiên thế giới lớn cỡ nào? Lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ nói, dải Ngân Hà chúng ta đây là một đơn vị thế giới; vậy tam thiên đại thiên thế giới có bao nhiêu dải Ngân Hà? Một trăm ức dải Ngân Hà. Khoa học ngày nay của chúng ta vẫn chẳng có biện pháp đạt đến, nhà khoa học ngày nay dùng phương pháp khoa học để quan sát trắc nghiệm, đại khái có đến mấy mươi hoặc một, hai trăm dải Ngân Hà mà chúng ta biết được, còn xa hơn nữa thì không biết. Một trăm ức dải Ngân Hà là một cái tam thiên đại thiên thế giới, bên trong đó tất cả những tinh cầu, trong tinh cầu tất cả những chúng sanh, trong

hai mươi bốn giờ, năng lực của Mục Kiền Liên thì đem đáp án này tính ra; thật là phi thường. Ngày nay, chúng ta với loại máy tính điện tử cũng chẳng tính được; thần thông của Mục Kiền Liên đích thật vượt hơn nhà khoa học, dụng cụ khoa học chẳng làm được, không bằng ông ta; lấy đây làm thí dụ. Lại xem tiếp:

Kinh văn: "Giả sử thập phương chúng sanh, tất thành Duyên Giác".

Điều này thật là phi thường, thập phương vô lượng vô biên thế giới, trong cái thế giới này tất cả chúng sanh tất thành Duyên Giác; đây là giả thuyết, chẳng phải thật. Đều đã thành Bích Chi Phật, sánh với A La Hán

còn cao hơn một cấp, giả thuyết tất cả đều chứng quả.

Kinh văn: "Nhất nhất Duyên Giác, thọ vạn ức tuế".

Mỗi một Bích Chi Phật "thọ vạn ức tuế", thọ mạng không giống như Mục Kiền Liên; Mục Kiền Liên thị hiện thọ mạng rất ngắn, cùng Thích Ca Mâu Ni Phật như nhau. Giả như thọ mạng của họ đều là vạn ức tuổi.

Kinh văn: "Thần thông giai như Đại Mục Kiền Liên".

Năng lực thần thông thì giống như Mục Kiền Liên chẳng khác. Năng lực của Mục Kiền Liên có thể trong hai

mươi bốn giờ, đều có thể tính ra được tất cả chúng sanh của tinh cầu trong một trăm ức dải Ngân Hà; có năng lực lớn như vậy.

Kinh văn: "Tận kỳ thọ mạng".

Là mỗi một người tận hết thọ mạng của họ, thọ mạng là vạn ức tuổi, chẳng phải là hai mươi bốn giờ, chẳng phải một ngày một đêm, "tận kỳ thọ mạng".

Kinh văn: "Kiệt kỳ trí lực, tất cộng suy toán".

Cùng nhau chung lại để tính toán, một người tính không ra, thì tất cả cùng chung lại mà tính.

Kinh văn: "Bỉ Phật hội trung Thanh Văn chi số, thiên vạn phần trung bất cập nhất phần".

Những người có thể tính ra được là Thanh Văn trong Cực Lạc thế giới của A Di Đà Phật, trong ngàn vạn phần chưa đầy một phần; một phần của ngàn vạn vẫn chưa đến. Chúng ta biết được ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, số đệ tử của A Di Đà Phật nhiều đến chẳng thể xưng tính được.

Phía trước không thể xưng tính, chúng ta không thể tưởng tượng ra con số lớn, cuối cùng chẳng thể xưng tính đến trình độ nào; vừa nói cách này thì chúng ta có một tí liễu giải, thật sự chẳng thể xưng tính được.

Kinh văn: "Thí như đại hải, thâm quảng vô biên".

Dưới đây lại cử một thí dụ sâu rộng vô biên, ngoài đảo Tân Gia Ba là biển lớn, cách này, thí dụ này rất thân thiết với chúng ta, biển lớn thì quá lớn quá lớn.

Kinh văn: "Thiết thủ nhất mao, tích vi bách phần".

Chữ Nhất Mao này là lông trên thân chúng ta, chúng ta nhổ một sợi lông, lông rất nhỏ. Lại đem sợi lông chẻ thành một trăm phần, (là một phần trăm), cái này phải dùng kính hiển vi để xem phải không, nhục nhãn chúng ta nhìn không thấy.

Kinh văn: "Toái như vi trần".

Đây là đem một sợi lông chẻ thành một trăm sợi, vậy thật giống như là vi trần.

Kinh văn: "Dĩ nhất mao trần, triêm hải nhất trích".

Đem lông mao trần đó nhúng vào trong nước biển một cái thì trên lông có một giọt nước; e rằng nhục nhãn chúng ta không thấy được giọt nước này, phải dùng kính hiển vi để xem.

Kinh văn: "Thử mao trần thủy, tỷ hải thục đa?"

Vậy thì Phật nói, giọt nước này cùng với biển lớn so sánh, cái nào nhiều hơn? Dĩ nhiên là biển nhiều rồi, còn cần phải nói hay sao?

Kinh văn: "A Nan! Bỉ Mục Kiền Liên đẳng sở tri số giả".

Câu bỉ Mục Kiền Liên là thí dụ, tức là thập phương chúng sanh đều thành Duyên Giác, năng lực đều giống như Mục Kiền Liên, thọ mạng là vạn ức tuổi. Mọi người cùng nhau để tính đếm số người của Tây Phương Cực Lạc thế giới, có thể tính ra được đó thì giống như nước trên lông mao trần vậy; còn cái chưa đếm ra được thì như nước của biển lớn. Cái thí dụ thứ hai, đây là số người của Tây

Phương thế giới, trong ba hạng chỉ cử ra một hạng, cử Thanh Văn. Tại sao vậy? Vì ba hạng người này, Thanh Văn ít nhất, Bồ Tát nhiều nhất; giống như chúng ta đới nghiệp vãng sanh vậy, cũng là nhiều nhất, cử ra cái thí dụ tối thiểu. Rồi lại phải thêm vào người đới nghiệp vãng sanh, lại thêm vào Bồ Tát chúng, thì làm sao họ có thể tính ra được? Điều này thật tại bất khả tư nghị. Từ chỗ này chúng ta thể hội để suy nghĩ xem, đoạn phía dưới này là, ngay cả thọ mạng thảy đều bao quát tất cả trong đó.

Kinh văn: "Bỉ Phật thọ lượng".

Cũng là dài lâu, chẳng thể xưng tính được.

Kinh văn: "Cập chư Bồ Tát, Thanh Văn, thiên nhân".

Vừa rồi cử ra thí dụ, Bồ Tát, Thanh Văn, thiên nhân; chỉ nói Thanh Văn, không có nói Bồ Tát, không có nói thiên nhân; bởi vì Bồ Tát, thiên nhân đều nhiều hơn Thanh Văn. Chỉ cử ra hạng người ít nhất, giống như thí dụ phía trước.

Kinh văn: "Thọ lượng diệc nhĩ".

Đây là thọ lượng vô lượng, tuy nói là vô lượng của hữu lượng, trong tâm mục chúng ta, thật sự là vô lượng. Ai có thể tính ra được cái hữu lượng này? Duy chỉ có chư Phật có thể biết, Bồ Tát trở xuống đều chẳng biết, còn

Thanh Văn, Duyên Giác thì lại còn kém hơn; chúng ta phải biết điều này. Chớ tưởng rằng, tương lai A Di Đà Phật sẽ nhập Niết Bàn; chúng ta người niệm Phật, có lẽ đến lúc chúng ta mạng chung thì A Di Đà Phật đã Niết Bàn rồi, vậy thì hỏng cả phải không? Ai đến tiếp dẫn chúng ta? Điều này mới là buồn cười. Người này thật là gì? Cái gì gọi là Vô Lượng Thọ? Họ ngỡ rằng thọ mạng A Di Đà Phật cũng chẳng qua chỉ là mấy mươi tuổi, một trăm tuổi mà thôi! Đây gọi là phỉ báng Phật. Cả ý nghĩa hai chữ Vô Lượng đều không biết, đây là việc đại buồn cười.

Kinh văn: "Phi dĩ toán kế thí dụ chi sở năng tri".

Sự kế toán, tức là lúc nãy đã nói rồi, thập phương chúng sanh đều thành Duyên Giác, năng lực đều giống như Xá Lợi Phất, có thể suy đoán mà tính toán, tính chẳng ra được. Thí dụ như nước biển với mao trần thủy, cũng tính không ra được; chẳng phải toán số thí dụ có thể biết được. Đây là thọ mạng trường cửu không thể xưng tính. Hôm nay chúng tôi xin giảng đến đây. A Di Đà Phật

Tập 15

Xin lật kinh bản, trang sáu mươi lăm, hàng thứ hai.

Bảo Thụ Biến Quốc - Đệ Thập Tứ

Chương này, Thế Tôn vì chúng ta giới thiệu y báo trang nghiêm của Tây Phương thế giới, cũng là sự thực hiện của bổn nguyện Di Đà. Xin xem kinh văn.

Kinh văn: "Bỉ Như Lai quốc".

Câu này là xưng Tây Phương Cực Lạc thế giới, quốc độ của A Di Đà Phật.

Kinh văn: "Đa chư bảo thụ: Hoặc thuần kim thụ, thuần bạch ngân thụ, lưu ly thụ, thủy tinh thụ, hổ phách thụ, mỹ ngọc thụ, mã não thụ, duy nhất bảo thành, bất tạp dư bảo".

Đây cũng là cử vài thí dụ, vậy mấy loại bảo vật này, thế giới này của chúng ta cũng có; sau khi nói ra chúng ta đều có thể có một khái niệm. Vậy thế gian này của chúng ta không có những loại trân bảo nào thì Phật chẳng nói, nói ra rồi chúng ta cũng không biết; cũng vô phương tưởng tượng, vì vậy nên đã rút gọn lại. Mặc dù ở trong kinh Phật nói đến những thứ báu này, trên thực tế, những bảo vật này ở thế gian này của chúng ta

cùng với Tây Phương thế giới tương tự; tức là có giống một tí là được rồi. Bảo vật của Tây Phương thế giới so với nơi đây chúng ta còn thuần hơn nhiều, chẳng những có ánh sáng mà lại còn có mùi thơm; bảo vật của chúng ta nơi đây, trông thì rất đẹp nhưng không thể phóng quang. Vậy có loại ánh sáng màu thì sao? Như đá quý, kim cương, nó là ánh phản xạ, bản thân nó chẳng thể phóng quang; còn bảo vật của Tây Phương, bản thân đều tỏa ra ánh sáng, đều có mùi thơm. Bảo vật tương tự của tha phương thế giới, thật tại mà nói, đều chẳng thể so sánh được.

Kinh văn: "Hoặc hữu nhị bảo, tam bảo, nãi chí thất bảo, chuyển cộng hiệp thành".

Đây là nói rõ, cũng có chẳng ít những thứ cây báu này là do rất nhiều thứ bảo hợp thành, có những thứ đơn thuần, có những thứ hợp thành; cho nên thật tại mà nói, cảnh giới này đẹp kể không xiết. Vậy còn phần dưới cử ra vài thí dụ để nói:

Kinh văn: "Căn, hành, chi, cán, thử bảo sở thành".

Đây là một loại bảo.

Kinh văn: "Hoa, diệp, quả, thực, tha bảo hóa tác".

Còn hoa, cây và trái này là loại trân bảo khác, không giống nhau, đều là biến hóa mà thành.

Kinh văn: “Hoặc hữu bảo thụ”.

Đây là cử ra thí dụ để nói.

Kinh văn: “Hoàng kim vi căn”.

Rễ của nó là bằng vàng.

Kinh văn: “Bạch ngân vi thân”.

Thân tức là thân cây.

Kinh văn: “Lưu ly vi chi, thủy tinh vi sao”.

Sao là phần chót ngọn cây, rất nhỏ, nhánh này gọi là sao.

Kinh văn: "Hổ phách vi diệp, mỹ ngọc vi hoa, mã não vi quả".

Điều này không nhất định, cử một thí dụ mà nói, đây là nói rõ cây bảo thụ là do chúng bảo làm thành, nhiều thứ chân bảo làm thành.

Kinh văn: "Kỳ dư chư thụ, phục hữu thất bảo, hỗ vi căn, cán, chi, diệp, hoa, quả, chủng chủng cộng thành".

Chúng ta phải rất bình tĩnh để tư duy, cảnh giới này đích thật là vô

cùng trang nghiêm; thế gian chúng ta hình dung cái đẹp của hoàn cảnh này, nói quang hoa sáng lạn, đó chỉ là hình dung mà thôi! Tây Phương thế giới, nếu như dùng bốn chữ này, đó đích thật là danh cố kỳ thật, tơ hào chẳng quá đáng; đây là thuộc về quả báo. Từ cái quả thù thắng này, chúng ta nhất định phải liên tưởng đến cái nhân duyên của nó; tại sao thế giới này có cái quả báo thù thắng như vậy? Phật dạy cho chúng ta thế, xuất thế gian pháp, đều chẳng lìa khỏi nhân quả. Có nhân thì nhất định có quả, có quả đương nhiên có nhân. Tây Phương thế giới, lòng người thanh tịnh, bình đẳng, cảm được đại địa quảng bác kỳ bình như thường; có thể thấy được đây là cảm ứng. Vậy những thứ cây báu này,

thật tại mà nói, là vô lượng công đức trang nghiêm. Di Đà từ lúc sơ phát tâm tu nhân chứng quả, quảng độ chúng sanh, công đức nguy nguy. Mỗi một người vãng sanh tạo ác sám hối vãng sanh cũng là thiểu số; công đức ấy cũng chẳng thể nghĩ bàn, chúng ta không có cách chi tưởng tượng đến được.

Vậy thì thần thông Cửu Phẩm vãng sanh, Tín - Nguyện - Trì Danh cũng là tu tập vô lượng công đức trang nghiêm Phật Tịnh Độ; cho nên có quả đức thù thắng như vậy. Chúng ta thấy được trạng huấn này, nhất định phải biết tu nhân. Phật pháp từ thỉ đến chung đều chú trọng ở tu hành, tức là phải thật sự đi làm; cho nên Bồ Tát Tam Tuệ gọi là Văn -Tư

- Tu. Văn - Tư - Tu làm một lần hoàn thành, chẳng phải chia thành ba giai đoạn; quý vị nhất định phải biết điều này. Chỗ gọi là Văn, là nói về tiếp xúc, dùng chữ này để đại biểu; chúng ta mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, sự tiếp xúc này gọi là Văn. Tư là hiểu rỏ, những người chúng ta, bất cứ đối với sự vật gì, thường nói: "Ồ việc này để tôi suy nghĩ, suy nghĩ thì hiểu rõ"; còn Bồ Tát có cần phải suy nghĩ không? Suy nghĩ thì họ sẽ trở thành phàm phu mất, tại sao như thế? Vì đã rời vào trong thức thứ sáu. Bồ Tát vừa tiếp xúc thì hiểu rõ ngay, hiểu rõ ngay lấy chữ Tư này là đại biểu; hiểu rõ thì đương nhiên chẳng mê, không rõ thì là mê. Từ chỗ chẳng mê, chúng ta gọi nó là Tu; vậy do đây có thể biết, Văn

- Tư - Tu Tam Tuệ là một lần hoàn thành, "một mà ba, ba mà một". Nói Văn thì trong đó đồng thời đã đầy đủ Tư, Tu; còn nói Tu thì đồng thời đầy đủ Văn, Tư. Đây là Bồ Tát Hạnh, cùng chúng ta thật chẳng như nhau; năng lực này của Bồ Tát là từ đâu đến? Từ Giới - Định - Tuệ mà đến. Cho nên Tiểu Thừa tu đó là Giới - Định - Tuệ Tam Học; còn Đại Thừa Bồ Tát là Văn - Tư - Tu Tam Tuệ; Văn Tuệ, Tư Tuệ, Tu Tuệ, đều là Tuệ. Tuệ đó là tuệ nào? Tức là chữ Tuệ của Giới - Định - Tuệ; có thể thấy được Bồ Tát Hạnh là lấy Giới - Định - Tuệ Tam Học làm cơ sở.

Vậy Giới - Định - Tuệ Tam Học lại lấy Tam Phước, Lục Hòa làm cơ sở. Tam Phước, Lục Hòa là cơ sở của

cơ sở, phải đi làm mới được, không làm thì không được. Nghĩa là bình thường chúng ta niệm câu A Di Đà Phật này, trong một câu Phật hiệu này thì đầy đủ cả Tam Tuệ, Tam Học, Lục Hòa, Tam Phước. Trong một câu Phật hiệu này thảy đều viên mãn đầy đủ; thì câu Phật hiệu này mới tương ưng. Cổ đức có nói: "Nhất niệm tương ưng nhất niệm Phật, Niệm niệm tương ưng niệm niệm Phật"; cái gì gọi là tương ưng? Tức là chúng ta thật sự làm được, thật sự y giáo phụng hành. Cho nên ở trên quả mới có thành tựu thù thắng trang nghiêm như vậy. Lại xem phần kinh văn phía dưới.

Kinh văn: "Các tự dị hàng, hàng hàng tương trị".

Hai chữ Các Tự này tức là những thứ cây này cũng có phân chủng loại, từng loại, từng loại ngay ngắn chỉnh tề, một tí cũng đều chẳng tạp, đều chẳng loạn. "Các tự dị hàng", nó được chia rất rõ ràng, thì trở nên vô cùng xinh đẹp. "Hàng hàng tương trị", chỉnh tề, nó không phải là lấy nhân công thiết kế để trồng, chẳng phải vậy. Nó là tự nhiên thành tựu thì chỉnh tề ngay thẳng như vậy.

Kinh văn: "Hành hành tương vọng, chi diệp tương hướng, hoa thực tương đương, vinh sắc quang diệu, bất khả thắng thị".

Những thứ cây này, chẳng những chủng loại được phân chia rất rõ ràng, cái tướng lớn của cây thật giống như nhà nghệ thuật vẽ ra, an bày đẹp đẽ như vậy, khiến quý vị lúc nhìn thấy vô cùng đẹp, đẹp không thể tả; chẳng phải mọc rất tạp loạn. Thế gian chúng ta đây, cây cối đều rất tạp loạn, quý vị xem, vẫn phải sửa sang cắt tỉa, vẫn chẳng ngay. Nguyên nhân gì vậy? Là tâm chúng ta rất loạn, niệm rất loạn. Cái này cùng với cảnh giới bên ngoài có quan hệ mật thiết, trong pháp Đại Thừa thường nói, y báo thường theo chánh báo chuyển; y báo là hoàn cảnh chúng ta, chánh báo là nhân tâm. Nhân tâm thanh tịnh rồi thì hoàn cảnh cũng thanh tịnh, nhân tâm tạp loạn thì

cảnh giới bên ngoài cũng tạp loạn; là đạo lý như vậy.

Kinh văn: “Thanh phong thời phát, xuất ngũ âm thanh”.

Cực Lạc thế giới có gió mát, chẳng có gió bão, gió bão rất đáng sợ, không có; Tây Phương thế giới chẳng có. Tây Phương thế giới có gió nhẹ, gió mát, thổi lên trên thân rất thoải mái. Vậy những thứ gió này thổi đến, lá, cây, bông, hoa; quý vị thử nghĩ, những lá, cây, bông, hoa, này đều là chân bảo. Gió vừa thổi vào thì chân bảo này đụng nhau thì âm thanh ấy hay vô cùng. Thế gian chúng ta có chuông gió, cây cối, hoa cỏ của Tây Phương so với chuông gió của chúng

ta còn đẹp hơn, "xuất ngũ âm thanh". Dùng cách nói hiện nay mà nói, năm cái âm thanh này là nhạc giao hưởng, Trung Hoa thời xưa dùng loại đàn như đàn tranh, đều là ngũ âm; cung, thương, giác, trưng, vũ là ngũ âm. Còn hiện nay, nhạc khí Tây phương là dùng bảy âm [do, re, mi, fa, so, la, si bảy âm điệu]; ngũ âm tức là chỉ cho cái này. Vậy đây tức là nói rõ gió thổi vào cây báu thì giống như hòa tấu nhạc giao hưởng vậy.

Kinh văn: "Vi diệu cung thương, tự nhiên tương hòa. Thị chư bảo thụ, châu biến kỳ quốc".

Những thứ cây báu này ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, nơi nơi đều

có thể thấy được. Lại xem tiếp phẩm phía dưới.

Bồ Đề Đạo Tràng - Đệ Thập Ngũ

Kinh văn: "Hựu kỳ đạo tràng, hữu Bồ Đề thụ. Cao tứ bách vạn lý, kỳ bổn châu vi, ngũ thiên do-tuần, chi diệp tứ bố nhị thập vạn lý".

Cái đạo tràng này, trong Phật pháp chúng ta có mấy cách nói. Nơi đức Phật thành đạo chúng ta gọi là đạo tràng, như nơi Thích Ca Mâu Ni Phật thị hiện thành đạo. Cách thứ hai, là nơi tu hành gọi là đạo tràng, bất luận là cá nhân tu hành, bất luận là đại chúng ở tại một nơi cộng tu; nơi

chốn này gọi là đạo tràng. Còn cách thứ ba, là nơi giảng kinh thuyết pháp, đây là đạo tràng. Ở chỗ này, chữ đạo tràng là chỉ cho nơi chốn giảng kinh thuyết pháp của A Di Đà Phật, đạo tràng của Phật giảng kinh thì tự nhiên cảm ứng lại càng bất khả tư nghị. Cho nên cây của đạo tràng sánh với cây thường càng cao hơn, lớn hơn, trang nghiêm hơn; từ chỗ này chúng ta có thể thấy được.

Kinh văn: "Nhất thiết chúng bảo tự nhiên hiệp thành. Hoa quả phu vinh, quang huy biến chiếu".

Vậy đây là cực lực hình dung hoàn cảnh nơi đạo tràng thuyết pháp của Di Đà.

Kinh văn: "Phục hữu hồng, lục, thanh, bạch, chư Ma Ni bảo, chúng bảo chi vương, dĩ vi anh lạc. Vân tụ bảo tỏa, sức chư bảo trụ".

Không chỉ là cây báu thành hàng, giữa hàng cây còn có rất nhiều trang nghiêm; giống như mấy ngày nay, chúng ta thấy con đường Ô Tiết này, đặc biệt là ban đêm khi ánh đèn được mở lên; quý vị xem, những cây trên đường phố đều được trang hoàng rất nhiều, ánh đèn này đẹp không xiết kể. Giữa những hàng cây ở Tây Phương thế giới cũng có, so với đây còn đẹp hơn! Con đường Ô Tiết của chúng ta sánh chẳng bằng nó. Ở đây chúng ta là dùng bóng đèn nhỏ để làm, còn

người ta là dùng vật báu Ma Ni, là vua của chúng bảo. Hột xoàn của thế giới này chúng ta lớn tí ti thì giá trị cao vô cùng, còn hột xoàn của Tây Phương thế giới, quý vị xem, nhỏ nhất, so với cái mõ này của chúng ta đều lớn hơn nhiều, vẫn nhỏ phải không, so với cái này đều phải lớn hơn nhiều, đây là giá trị liên thành, quá nhiều quá nhiều. Màu sắc cũng có rất nhiều thứ, xanh, đỏ, lục, trắng, nhiều màu; Ma Ni là tiếng Phạn, ý nghĩa của nó là Thích Ý, Như Ý; Ma Ni bảo, Như Ý bảo. Chúng ta được thứ bảo này, thì giống như trong truyện ngoại quốc Cây Đèn Thần vậy, chúng ta muốn gì thì nó biến ra thứ đó; Ma Ni bảo của Tây Phương thế giới là như vậy, là vua của chúng bảo, có

thể thấy được màu sắc của loại bảo này; bảo này dù lớn hay nhỏ đều là tối thù thắng ở trong tất cả chư bảo.

"Dĩ vi anh lạc", Anh Lạc này là đồ trang trí trên cây, trang trí giữa các nhánh cây; làm sao biết được ở giữa có những nhánh cây? Vì giữa các nhánh có Trụ, phía dưới đây nói: "Vân tụ bảo tọa, sức chư bảo trụ"; những cây trụ này cũng có thất bảo, giữa những hàng cây sắp bày vô cùng chỉnh tề. Những thứ này cũng chẳng phải nhân tạo, Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có người đi làm những việc này, đều là tự nhiên biến hiện ra.

"Vân tụ bảo tỏa", cái này hình như không thấy ở giảng đường chúng ta đây; ở những nơi có cung điện kiểu xưa Trung Hoa, nơi tiếp nối giữa cây

đà và trụ, có cái khóa đem nó khóa lại, đại khái giống hình tam giác; cái khóa đó gọi là "vân tụ bảo tỏa", là chuyên khóa chỗ nối giữa cây đà và trụ làm cho nó kiên cố. Vậy nó cũng là tác phẩm nghệ thuật cao độ, điêu khắc vô cùng tinh vi xinh đẹp, vậy những thứ này đều gọi là "vân tụ bảo tỏa", đây là vật trang sức trên cây đà và trụ.

Kinh văn: "Kim châu linh đạc".

Đây là nói về linh châu, chúng ta gọi là cái chuông reo.

Kinh văn: "Châu táp điều gian".

Là ở nơi giữa lưới La Võng buộc vào chuông reo, khi gió thổi đến, phát ra âm thanh lại càng hay; có những

cái chuông buộc vào cho nên âm thanh của nó rất là tuyệt diệu. Phía dưới nói:

Kinh văn: "Trân diệu bảo võng, la phú kỳ thượng".

Trên nhánh cây cột trụ là lưới La Võng, những thứ lưới này đều là vật trang sức, Tây Phương thế giới rất thanh tịnh, không có bụi bặm, không có ô nhiễm, cho nên loại lưới này là hoàn toàn để trang sức.

Kinh văn: "Bách thiên vạn sắc, hỗ tương ánh sức. Vô lượng quang viêm, chiếu diệu vô cực. Nhất thiết trang nghiêm, tùy ứng nhi hiện".

Vậy ở chỗ này, cái mà chúng ta phải lưu ý là "nhất thiết trang nghiêm, tùy ứng nhi hiện"; cảnh đã đẹp như vậy rồi, nếu như chỉ là quang cảnh đẹp đẽ thì chẳng kể là hiếm lạ. Điểm hiếm lạ tức là "nhất thiết trang nghiêm, tùy ứng nhi hiện". Hiện cái gì đây? Trong tâm chúng ta muốn xem một thế giới nào, muốn xem một địa phương nào, thì cảnh tượng ấy tùy thời mà hiển hiện ra, giống như chúng ta xem truyền hình vậy; truyền hình còn phải ấn nút, chuyển băng tầng, còn bên đó không cần. Vừa động một niệm, thì cảnh giới ấy liền hiển hiện ngay trong đó. Cho nên chúng ta vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, hốt nhiên nghĩ đến "Ồ, Cư Sĩ Lâm Tân Gia Ba ra sao?", thì quang

cảnh Cư Sĩ Lâm lập tức hiện ngay trước mắt quý vị, thảy đều thấy cả. Cho nên nói thập phương thế giới, quá khứ, hiện tại, vị lai, đều thấy được cả, đây là "nhất thiết trang nghiêm, tùy ứng nhi hiện".

Vậy trong đây, lợi ích thì quá lớn, giả như đối với quá khứ, hiện tại, vị lai chúng ta thảy đều hiểu rõ, cái nhân của quá khứ là cái quả của hiện tại, cái nhân của hiện tại là cái quả của vị lai. Quý vị đối với những nhân nhân quả quả này sẽ triệt để minh bạch, rõ ràng, một tơ hào quý vị chẳng mê hoặc. Phật nói với chúng ta: "Nhất ẩm, nhất trác, mạc phi tiền định"; là đệ tử Phật, chúng ta nghe rồi đương nhiên cũng tiếp nhận. Sự tiếp nhận này chẳng phải thật sự tiếp nhận, bởi vì đã

nghe nhiều rồi, nhiều rồi nên là tiếp nhận một cách chết cứng; hồ đồ cẩu thả mà tiếp nhận. Cứu cánh là sự việc gì vậy? Câu hỏi bên trong rất nhiều. Nếu như quả thật đã hiểu rõ, thật sự chấp nhận rồi, vậy thì quý vị đã trở thành Bồ Tát rồi, thì quý vị chẳng phải là phàm phu. Khởi tâm động niệm của quý vị, tất cả hành trì của quý vị, tự tự nhiên nhiên cùng phàm phu thông thường khác nhau; hạng phàm phu thông thường tội nghiệp thọ báo, còn quý vị thì không. Chân tướng sự thật quý vị đã rõ ràng rồi, vừa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, Phật chẳng cần nói những thứ này, quý vị hoàn toàn đều thấy cả; chính mắt thấy những sự thật này, đừng nói là kẻ khác, chính mình từ vô lượng

kiếp đến nay, đời đời kiếp kiếp việc tạo nhân thọ báo đều rất rõ ràng.

Kinh văn: "Vi phong từ động, xuy chư chi diệp, diễn xuất vô lượng diệu pháp âm thanh. Kỳ thanh lưu bố, biến chư Phật quốc. Thanh sướng ai lượng, vi diệu hòa nhã. Thập phương thế giới âm thanh chi trung, tối vi đệ nhất".

Gió này chẳng những thổi vào cành lá của cây, phát ra âm thanh mỹ miều tuyệt diệu, nó lại còn có thể nói pháp. Điều này, cho dù thế gian này của chúng ta có nhiều chuông gió đi nữa, nó cũng chẳng thể nói pháp, chỉ là vui tai mà thôi! Chẳng thể nói pháp. Diệu âm này ở Tây Phương thế giới

có thể nói pháp, nói đó là pháp môn mà quý vị thích nghe! Thích nghe pháp môn nào, khi nghe được tức là nói pháp môn này. Lại còn có việc kỳ diệu, tôi thích nghe A Di Đà Phật nói pháp, thì nghe được đó là âm thanh của A Di Đà Phật. Còn kẻ kia thích nghe Thích Ca Mâu Ni Phật nói pháp, khi nói, quả nhiên chẳng sai! Là Thích Ca Mâu Ni Phật đang nói pháp. Điều này cực kỳ tuyệt diệu, tất cả cảnh giới tùy tâm biến hóa. Cho nên có vô lượng vô biên pháp môn, tôi cũng thường khuyên các bạn đồng tu, "Pháp môn vô lượng thệ nguyện học", đến Tây Phương Cực Lạc thế giới để học, giản tiện, vững vàng, đến nơi đó học lại. Còn bây giờ thì sao?

Chúng ta hết lòng hết sức cầu vãng sanh, những việc khác không làm, chuyên cầu vãng sanh. Chúng ta biết được, sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, tất cả nguyện vọng của chúng ta đều có thể viên mãn, tất cả nguyện vọng sẽ chẳng có cái nào thất bại. Nếu như không sanh Tây Phương thế giới, thực tế mà nói, những nguyện vọng của chúng ta đó, thảy đều thất bại, nhất định chẳng thể nào trở thành sự thật được. Cho nên câu: "Pháp môn vô lượng thệ nguyện học, Phật đạo vô thượng thệ nguyện thành", nhất định là phải đến Tây Phương Cực Lạc thế giới để viên mãn. Âm thanh thuyết pháp của Phật cùng khắp pháp giới, chỗ này nói, Tây Phương thế giới lục trần thuyết pháp,

pháp âm ấy cũng cùng khắp pháp giới. Do đây có thể biết, lục trần của Tây Phương thế giới đích thật là sự lưu lộ của tự tánh công đức của Như Lai, chẳng phải cái nghiệp báo thiện ác của phàm phu chúng ta. Là sự lưu lộ của tự tánh công đức của Như Lai, cho nên âm thanh của Ngài cùng khắp pháp giới.

Trong đoạn nhỏ này, chúng ta phải chú ý một câu sau cùng là "Thập phương thế giới âm thanh chi trung, tối vi đệ nhất", thập phương thế giới, chỗ có tất cả âm thanh, chẳng thể sánh bằng. Vậy thì chữ Đệ Nhất là gì? Thực tế nghiêm khắc mà nói, tức là diệu âm của lục tự hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật.

Kinh văn: "Nhược hữu chúng sanh, đổ Bồ Đề thụ".

Đương nhiên khi đến được Tây Phương Cực Lạc thế giới, đây có thể nhìn thấy được cây này. Phía trước trong bổn nguyện đã nói với chúng ta, cho dù là kẻ thiện căn kém cũng có thể thấy được rõ ràng, đây là nói chúng ta có thể thấy được; đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì có thể thấy được.

Kinh văn: "Văn thanh, khứu hương".

Nghe được âm thanh của cây báu này nói pháp, Khứu hương, những cây báu này có mùi thơm.

Kinh văn: "Thường kỳ quả vị".

Cây này có trái, quý vị có thể thưởng thức mùi vị của nó.

Kinh văn: "Xúc kỳ quang ảnh".

Đây càng là chẳng thể nghĩ bàn, cây phóng quang, ở dưới ánh sáng cây cũng có bóng, thân quý vị chạm xúc đến.

Kinh văn: "Niệm thụ công đức".

Công đức của cây này, thật tại chẳng thể nghĩ bàn, có thể nói pháp, có thể hiển hiện thập phương ba đời tất cả cảnh giới, nó có thể hiển hiện.

Kinh văn: "Giai đắc lục căn thanh triệt, vô chư não hoạn, trụ bất thoái chuyển, chí thành Phật đạo".

Công đức này của cây thật tại quá lớn, thật là không thể nghĩ bàn, quý vị thấy được cây, nghe đến âm thanh của cây thuyết pháp, ngửi được mùi hương của cây. Cho nên tiếp xúc đến quang ảnh, đều có thể giúp quý vị tiêu nghiệp chướng, đều có thể giúp quý vị diệt tội, đoạn phiền não, giúp quý vị khai ngộ là được lục căn thanh tịnh, chẳng còn các thứ não hoạn; "vô chư não hoạn", tức là đoạn phiền não, tiêu nghiệp chướng. "Trụ bất thoái chuyển", Bất Thoái đương nhiên là

tinh tấn rồi, tinh tấn bất thoái mãi cho đến thành Phật; cái trợ duyên của hoàn cảnh này đối với chúng ta mà nói là vô cùng quan trọng. Chẳng những đối với chúng ta, cho đến đối với Bồ Tát mà nói là vô cùng quan trọng; nếu như chẳng có hoàn cảnh trợ duyên tốt thì rất dễ thoái chuyển. Ở trong cái hoàn cảnh này, tại sao chẳng thoái chuyển? Bởi vì quý vị có thể thấy được sát độ của thập phương chư Phật, quý vị có thể thấy được các thứ hiện tượng của quá khứ, vị lai, quý vị có thể thấy được thập phương chư Phật thuyết pháp. Làm sao người này có thể thoái chuyển? Đây là cái chân nhân của sự bất thoái chuyển.

Kinh văn: "Phục do kiến bỉ thụ cố, hoạch tam chủng Nhẫn".

Đây là sự gia trì của bổn nguyện Di Đà, chúng ta ở trong Bốn Mươi Tám Nguyện đọc qua "hoạch tam chủng Nhẫn".

Kinh văn: "Nhất Âm Hưởng Nhẫn, nhị Nhu Thuận Nhẫn, tam giả Vô Sanh Pháp Nhẫn".

Âm Hưởng, Âm là âm thanh thuyết pháp, Hưởng là chỉ cho phía trước chỗ nói vi phong từ động, đây là "vi diệu cung thương"; những loại âm nhạc giao hưởng này. Nghe đến những thứ hưởng này, một người nghe pháp, pháp lạc này chúng ta có

thể thể hội được. Giảng kinh thuyết pháp, tại trong giảng đường này có rất nhiều người nghe đến cảm thấy rất khô khan, vô vị. Nếu như đem lời giảng kinh phối thành âm nhạc để xướng lên, ôi chao! Cách đó nghe hay quá, thính chúng đó so với hiện tại còn vượt hơn. Quý vị xem, không chỉ là mười lần, một trăm lần; còn có thể bán vé nữa. Nếu như lại còn có phần biểu diễn, lại ở trên sân khấu biểu diễn nữa, vậy thì lại càng thù thắng. Nghe pháp ở Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng phải khô khan, vô vị như vậy! Nó là diễn tấu nhạc giao hưởng, vả lại còn thêm phần biểu diễn cho nên hoàn cảnh đó, sau khi nghe giảng xong, con người rất dễ khai ngộ, rất dễ khai ngộ.

Sau khi khai ngộ, đối với tất cả pháp thảy đều minh bạch, tự nhiên có thể Nhẫn được, không còn so đo nữa. Chính giống như trong kinh Kim Cang chỗ nói: "Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng", còn cái gì đáng để so đo nữa chứ? "Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh" (Hết thảy pháp như mộng, huyễn, bọt, bóng), ở đây chúng ta niệm vài câu kinh văn, rất khó nghĩ đến cảnh giới bên trong; còn ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, mộng huyễn bào ảnh này đều là hư vọng, khiến chính mắt quý vị nhìn thấy, chính thân quý vị tiếp xúc đến. Tại sao thế? Quá khứ, hiện tại, vị lai cả thảy đều ở trước mắt quý vị, quý vị quả nhiên thấy rõ ràng, quý vị mới thật sự biết được chân

tướng sự thật này. Phật vừa nói, quý vị xem lại thì trong tâm đã hiểu rõ, đã định rồi.

Từ chỗ này lại nâng cao lên Nhu Thuận Nhẫn, Nhu là tâm ý nhu hòa, là hằng thuận chúng sanh, Phổ Hiền Bồ Tát "hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức". Lại nâng cao hướng lên nữa, Vô Sanh Pháp Nhẫn, đích thật chứng được tất cả pháp vốn tự chẳng sanh; làm gì còn có diệt? Tất cả pháp chẳng sanh chẳng diệt, thì giống như Lục Tổ lúc khai ngộ chỗ nói: "Hà kỳ tự tánh, bổn lai thanh tịnh", "Hà kỳ tự tánh, bổn vô sanh diệt". Chẳng những không sanh diệt mà cũng không lay động, vốn là đầy đủ nên có thể sanh ra vạn pháp. Ngài nói năm câu này, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới,

quý vị thảy đều tự mình chứng được. Đây tức là đã nhập vào cảnh giới Vô Sanh Pháp Nhẫn rồi.

Vậy ba loại Nhẫn này ở trên địa vị Bồ Tát mà nói, Âm Hưởng Nhẫn là Sơ Địa, Nhị Địa, Tam Địa; đây là Biệt Giáo, chẳng phải Viên Giáo, là Biệt Giáo. Nhu Thuận Nhẫn là Tứ, Ngũ, Lục Địa. Vô Sanh Pháp Nhẫn là Thất, Bát, Cửu Địa; cảnh giới của Địa Thượng Bồ Tát. Trong cảnh giới này, khi chúng ta đi vốn là phàm phu; ở trong hoàn cảnh này tu học đích thật rất dễ dàng, khiến chúng ta thật sự chứng được quả vị Bồ Tát. Phía trước đã nói qua, chúng ta đi, trí tuệ thần thông đạo lực của chúng ta đều là A Di Đà Phật gia trì, hình như đều là Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa Bồ Tát,

đó là Phật lực gia trì chẳng phải tự mình tu thành. Đến chỗ này đích thật là tự phần đề thăng, tự mình đích thật chứng được cảnh giới này.

Kinh văn: "Phật cáo A Nan: Như thị Phật sát, hoa quả thụ mộc, dữ chư chúng sanh nhi tác Phật sự".

Phật sự mà trong Phật pháp chỗ nói, là giúp đỡ tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui; những sự việc này đều gọi là Phật sự. Vậy còn hiện nay thì sao? Thời gian tiếp xúc với kinh điển, cơ hội ít hơn.

Nhìn thấy trong cửa Phật, phần nhiều đều là lấy kinh sám Phật sự siêu độ người chết; đều cho rằng đây là Phật sự. Cho nên vừa nghe nói đến

Phật sự, rất dễ sanh ra hiểu lầm. Những việc siêu độ vong linh này xuất hiện rất trễ, rất trễ trong Phật giáo; thời xưa ở Ấn Độ chẳng có. Khi Phật giáo được truyền đến Trung Hoa, lúc ban đầu cũng chẳng có. Sự việc này xảy ra như thế nào? Chúng ta cũng chẳng có cách chi để mà khảo chứng.

Năm trước tại buổi Phật học giảng tọa tại trường đại học ở Đài Loan do Đạo Am pháp sư chủ trì, đã từng có học sinh nêu ra vấn đề này hỏi qua Đạo Am pháp sư; vừa đúng hôm đó tôi đã có mặt để nghe pháp sư nói. Ngài nói sự việc này, có thể bắt nguồn từ năm Khai Nguyên, giữa năm Khai Nguyên triều nhà Đường; năm đó quốc gia xảy ra tai nạn rất lớn,

gã An Lộc Sơn tạo phản, nhờ có Quách Tử Nghi bình định được nội loạn. Sau này tại mỗi một chiến trường lớn, nhà nước xây một ngôi chùa gọi là Khai Nguyên Tự, là giữa năm Khai Nguyên; cho nên chiến trường cổ xưa đều xây chùa Khai Nguyên Tự. Về sau, hình như những nơi chẳng phải là chiến trường, hình như cũng có Khai Nguyên Tự; ngay cả Đài Bắc ở Đài Loan cũng có Khai Nguyên Tự. Khai Nguyên Tự như vậy mà có, cho nên là nhà nước đề xướng lúc đó. Mở hội truy điệu thỉnh những vị cao tăng đại đức tụng kinh siêu độ, truy điệu; có thể là cái khởi nguồn này.

Vậy nhà nước đã làm như vậy để siêu độ những quân dân tử nạn, về sau

có thể trong dân gian, trong nhà có người chết, cũng thỉnh pháp sư đến để siêu độ; có thể từ đây mà có. Cho nên trong Phật pháp, đây đích thật là việc phụ thêm, chẳng phải công tác chủ yếu của Phật môn, chẳng phải. Nhưng hiện nay thì sao? Đã trở thành chủ yếu rồi! Hiện nay tại Đài Loan, rất nhiều đạo tràng là lấy đây làm chủ yếu; cho dù có giảng kinh, trong một năm thời gian giảng kinh cũng rất ngắn, rất ít. Có những chùa chỉ giảng kinh bốn lần một năm, tức là bốn mùa Xuân, Hạ, Thu, Đông, bốn mùa. Một lần giảng một tuần, một năm giảng bốn tuần lễ, chia thành bốn lần; cho nên giảng kinh đã biến thành phụ. Công việc này [siêu độ] đã biến thành Phật sự chủ yếu rồi vậy; chúng ta phải

đem điều này nhận thức cho rõ ràng, vào đời trước thật sự là giảng kinh thuyết pháp.

Kinh văn: "Thử giai Vô Lượng Thọ Phật, oai thần lực cố, bổn nguyện lực cố, mãn túc nguyện cố, minh liễu kiên cố, cứu cánh nguyện cố".

Đoạn này vô cùng quan trọng, phía trước đều nói về quả đức. Sau cùng Thích Ca Mâu Ni Phật đem nhân duyên này vì chúng ta nói ra, đây là sự biến hóa oai đức thần thông của A Di Đà Phật. Biến hóa chỗ làm ra là "bổn nguyện lực cố" của A Di Đà Phật, Ngài ở nhân địa, hiện nay đã thành Phật rồi, thế giới của Ngài, các

thứ trang nghiêm thật sự đã hoàn thành thực hiện. "Mãn túc nguyện", Mãn là viên mãn, chẳng có một tơ hào khiếm khuyết; vậy do đây có thể biết, tu nhân của Phật viên mãn, nhân viên mãn thì quả mới có thể viên mãn. Chúng ta xem thế giới này, các thứ trang nghiêm của họ đích thật siêu quá tất cả chư Phật sát độ; nhân viên, quả mãn. "Minh liễu" là trí tuệ, thế giới này chẳng chỉ là Phật, Bồ Tát, tất cả đại chúng, sở hữu tất cả vạn sự, vạn vật đều tràn đầy trí tuệ. Cho nên đến nơi đó, là phá mê khai ngộ chẳng khó, nơi đây chúng ta là đại khó đại khó; đến nơi đó, một tí đều chẳng khó. Nguyên nhân là tại nơi đó hoàn cảnh tràn đầy trí tuệ, vạn vật đều tràn đầy trí tuệ. "Kiên cố" là chẳng thoái, ở

trong cái hoàn cảnh này quyết định chẳng có cái duyên thoái. Chỗ có tất cả trợ duyên đều là giúp đỡ quý vị tinh tấn, chẳng có thoái chuyển, chẳng có chướng ngại. Cứu Cánh là nói cứu cánh viên mãn thành Phật, là như vậy mà thành tựu. Đây là đem nhân và duyên vì chúng ta nói ra, chúng ta thấy được đó là nhân viên quả mãn của Di Đà Thế Tôn. Quan trọng là tại chỗ này chúng ta phải học tập, những chỗ nào ở trong sinh hoạt hiện thực, chúng ta phải nên làm sao để tu học. Điểm này rất quan trọng. Phía dưới.

Đường Xá Lâu Quán - Đệ Thập Lục

Đường là giảng đường, là nơi chốn tụ hội của đại chúng, đường cũng gọi là Điện; điện, đường là một nghĩa. Là nơi chốn tụ hội của đại chúng thì gọi là điện, điện đường. Còn Xá là chỗ nghỉ ngơi cư ngụ của tư nhân; Cung của thời xưa, Cung, Xá là ý nghĩa này, là tương đồng. Lâu Quán, đây là hai tầng trở lên, gọi là Lâu. Đây là giống như đình đài, lầu các của Trung Hoa, là một loại nơi chốn để nghỉ ngơi.

Kinh văn: "Hựu Vô Lượng Thọ Phật giảng đường, tinh xá, lâu quán, lan thuẫn, diệc giai thất bảo tự nhiên hóa thành".

Cho nên địa phương đó của Ngài, tất cả những vật kiến trúc chẳng cần

nhân công để xây dựng, là do biến hóa chỗ làm ra; thế gian chúng ta đây, phước báo lớn cũng chẳng cần đi xây dựng. Như tầng trời thứ Năm của Dục Giới gọi là Hóa Lạc Thiên, phước báo lớn; nếu họ muốn ở cung điện, thì tùy niệm biến hóa là thành tựu. Còn tầng trời thứ Sáu, thì phước báo ấy lại càng lớn chẳng cần tự mình biến hóa, Tha Hóa Tự Tại Thiên; từng trời thứ Năm biến hóa để đi cúng dường cho họ, họ chẳng cần chính tự mình biến hóa.

Do đây, Ngũ Thiên đến cúng dường cho họ; đó gọi là Tha Hóa Tự Tại Thiên. Vậy còn Dục Giới chúng ta hai tầng trời cao nhất, vẫn còn có loại thần thông năng lực này. Tây Phương Cực Lạc thế giới, đương nhiên chúng ta có thể tin tưởng, tất cả

đều là biến hóa chỗ làm ra, biến hóa một cách tự nhiên. Sự tự nhiên biến hóa này giống như Tha Hóa Tự Tại Thiên; như nhau, tự nhiên biến hóa.

Kinh văn: “Phục hữu bạch châu, Ma Ni dĩ vi giao lạc”.

Đây là trong loại châu Ma Ni cực kỳ trân quý, là màu trắng trong suốt.

Kinh văn: “Minh diệu vô tỷ, chư Bồ Tát chúng, sở cư cung điện, diệc phục như thị”.

Đây hiển thị ra, Tây Phương thế giới hoàn cảnh sinh hoạt vật chất bình đẳng, cùng A Di Đà Phật chẳng có sai khác; là thế giới chân chánh bình

đẳng. Sự thọ dụng có được của Phật, đương nhiên chẳng có lời gì nói nữa, là sự thành tựu công đức trong vô lượng kiếp của Phật, Bồ Tát, đặc biệt là những vị Bồ Tát mới vãng sanh đến Tây Phương, phiền não vẫn chưa đoạn, Kiến Tư phiền não vẫn chưa đoạn. Chỗ tất cả thọ dụng họ có được cùng A Di Đà Phật như nhau, điều này là bất khả tư nghị. Tuyệt đối chẳng phải công đức tự phần của những người này biến hiện ra, chẳng phải là tự phần mà là bổn nguyện của A Di Đà Phật gia trì. Nguyện lực của Phật gia trì, khiến cho những người mới vãng sanh, chỗ có tất cả thọ dụng đều cùng A Di Đà Phật như nhau; ở tha phương thế giới chẳng có điều này. Duy nhất chỉ có Cực Lạc thế giới, đây

là vượt hơn thập phương tất cả chư Phật sát độ.

Kinh văn: "Trung hữu tại địa giảng kinh, tụng kinh giả; hữu tại địa thọ kinh, thính kinh giả. Hữu tại địa kinh hành giả, tự đạo, cập tọa thiền giả".

Bốn hàng kinh văn phía dưới đây, vì chúng ta miêu tả đại chúng Tây Phương thế giới, trạng huấn sinh hoạt thường ngày của họ, vãng sanh đến Tây Phương để làm gì? Chúng ta ở tại thế gian này đều phải có việc để làm, con người vẫn chẳng thể không làm việc. Tây Phương cũng có việc, việc gì đây? Nghe kinh, tu đạo; ngoài ra chẳng có việc khác. Cho nên có giảng kinh, có ở trên mặt đất giảng kinh, có

tụng kinh; thích tụng kinh thì tụng kinh; thích giảng kinh thì giảng kinh. Có thọ kinh, Thọ là tiếp thọ, y theo lời giáo huấn trong kinh điển để làm, để thực hành; có nghe kinh. Ngoài ra có người đang tư đạo, đang dụng công tư duy, có người đang ngồi thiền. Mấy câu này đại biểu cho pháp môn vô lượng vô biên của Phật pháp. Quý vị đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, bất luận thích tu pháp môn nào, đều chẳng có chướng ngại.

Đây là chúng ta phải đặc biệt chú ý, bởi vì căn tánh của chúng ta khác nhau, ưa thích khác nhau; thí dụ nói, tôi ưa thích Thiền, quý vị ưa thích Mật. Hiện nay ở thế gian chúng ta hai thứ này đều rất khó tu, chúng ta đổi chỗ để tu, đi đến Cực Lạc thế giới để

tu. Niệm A Di Đà Phật trước, niệm đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, tôi mới lại đi tham Thiền, tôi mới lại đi học Mật; pháp môn nào Tây Phương thế giới cũng có cả. A Di Đà Phật vẫn chẳng có hạn định, quý vị không niệm Phật thì không được! Tây Phương thế giới này của ta là chuyên niệm Phật, ngoài việc niệm Phật ra, những thứ khác đều không nhận; chẳng có điều này, Phật chẳng có nói như vậy. Tức là chúng ta nơi phần sau, Tam Bối Vãng Sanh đều nói thật rõ ràng minh bạch. Phía trước, phần Thượng Bối, Trung Bối, Hạ Bối, đây là tu Tịnh Độ niệm Phật đi vãng sanh. Phía sau vẫn còn một đoạn là rộng chỉ tu học tất cả Đại Thừa, chẳng phải tu Tịnh Độ; chỉ cần hồi hướng cầu nguyện vãng sanh,

cả thảy đều được sanh. Khi sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị thích học pháp môn nào thì học pháp môn đó; nơi đây chúng ta thấy được rất rõ ràng. Đoạn này là nói trên mặt đất, còn có người ưa thích trên không trung.

Kinh văn: "Hữu tại hư không, giảng, tụng, thọ, thính giả, kinh hành, tự đạo, cập tọa thiền giả".

Đây là quý vị thích ở trên mặt đất thì ở trên mặt đất, thích ở tại không trung thì ở tại không trung; quý vị xem, tự tại biết bao! Khi ở tại không trung thì ngay cung điện lầu các họ cư trú đều ở tại không trung. Người ở Tây Phương Cực Lạc thế giới đến tha

phương thế giới để tu học, để cúng dường chư Phật giáo hóa chúng sanh, cái cung điện của họ cùng đi theo với họ; cung điện đó liền biến thành công cụ phi hành. Cái nhanh của tốc độ, chúng ta không cách chi tưởng tượng được; thật sự là tự tại. Ngày nay nhà cửa của quý vị rất đẹp, quý vị muốn đến một địa phương khác, chẳng mang đi được; ở Tây Phương Cực Lạc thế giới thì có thể mang đi, bất luận đến nơi nào đều có thể mang đi. Vả lại cung điện này là tùy tâm sở dục, ưa thích kiểu gì thì biến ra kiểu đó, lớn nhỏ đều như ý. Hình thức lớn nhỏ đều tùy tâm ý của mình; ưa thích kiểu gì thì biến ra kiểu đó. Đây là nói rõ, trạng huấn sinh hoạt ngày thường của đại chúng ở Cực Lạc thế giới. Họ

là toàn tâm đều ở trên đạo nghiệp, cách này thì thành Phật mới nhanh.

Kinh văn: "Hoặc đắc Tu Đà Hoàn, hoặc đắc Tư Đà Hàm, hoặc đắc A Na Hàm, A La Hán".

Đây là nói về sự thành tựu của công phu tự phần, chẳng phải nói sự gia trì của Phật, là tự phần. Quý vị đến nơi đó tu trì, Kiến Tư phiền não đoạn hết rồi, thì bằng với Sơ Quả Tu Đà Hoàn của tha phương thế giới. Trên thực tế, cách danh xưng ở Tây Phương thế giới đều chẳng có, đây là Thích Ca Mâu Ni Phật nói với chúng ta, là bằng Sơ Quả Tu Đà Hoàn của thế giới này chúng ta. Họ ở bên ấy, Kiến Hoặc đoạn rồi, vậy thì Tư Hoặc

cũng đoạn luôn, bằng với A La Hán của thế giới này chúng ta. Tư Hoặc, chín lần chín là tám mươi một phẩm; đoạn ba phẩm thô hoặc phía trước chứng Nhị Quả. Lại đoạn sáu phẩm ở phía sau thì chứng Tam Quả, vẫn sót lại bảy mươi hai phẩm. Đó là ở Tứ Thiền Thiên, Vô Bất Hoàn Thiên để đoạn; đoạn hết rồi thì chứng Tứ Quả A La Hán. Đây là nói về tự phần đoạn Kiến Tư phiền não, chẳng nói về oai thần gia trì của Di Đà. Nếu như nói A Di Đà Phật bổn nguyện gia trì, vậy mọi người là bình đẳng, là như nhau, chẳng có sự sai biệt của giai cấp này. Cái này là nói về sự đề thăng của công phu tự phần.

Kinh văn: "Vị đắc A Duy Việt Trí giả".

Đây là nói Di Đà gia trì rồi, sự gia trì của bổn nguyện oai thần của Di Đà. Chưa đắc được A Duy Việt Trí.

Kinh văn: "Tắc đắc A Duy Việt Trí".

A Duy Việt Trí là viên chứng Tam Bất Thoái.

Kinh văn: "Các tự niệm đạo, thuyết đạo, hành đạo, mạc bất hoan hỷ".

Tây Phương Cực Lạc thế giới, xin thưa với quý vị, nó là nơi chốn tu học

điển hình, tiêu chuẩn, mô phạm viên tu, viên chứng của Tam Phước, Lục Hòa, Tam Học, Lục Độ và Thập Đại Nguyện Vương. Chúng ta thật sự đem việc này hiểu rõ ràng minh bạch, thì cái tâm của quý vị khẩn thiết, một lòng một dạ thật sự chịu vãng sanh, thật sự vui lòng đi vãng sanh. Cái tâm này tuyệt đối không thể lay động, quý vị đã rõ ràng rồi, đã minh bạch rồi, đây mới là một hoàn cảnh tốt, thật sự lý tưởng cho sự tu hành. Xin xem phẩm phía dưới.

Tuyền Trì Công Đức - Đệ Thập Thất

Vẫn là giới thiệu hoàn cảnh của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Kinh

văn: "Hựu kỳ giảng đường tả hữu, tuyền trì giao lưu". Câu này là tổng thuyết, Tây Phương thế giới ao báu rất nhiều. Kinh văn: "Tung quảng thâm thiển, giai các nhất đẳng".

"Tung quảng thâm thiển" đều là nói diện tích của ao báu. "Giai các nhất đẳng" là chỉ cho câu phía trước, "Tuyền trì giao lưu, tung quảng thâm thiển"; chữ Nhất Đẳng này là Như Ý.

Kinh văn: "Hoặc thập do-tuần, nhị thập do-tuần, nãi chí bách thiên do-tuần".

Đây là nói về rộng, là chỉ cho lớn, rộng lớn. Một do-tuần này, theo trong kinh mà nói, đều nên chỉ cho đại do-tuần, bằng tám mươi dặm của Trung

Hoa thời xưa. Mười do-tuần là tám trăm dặm, người Hoa xưa kia thường nói, Trung Hoa có cái hồ lớn là Động Đình hồ. Động Đình hồ diện tích bao lớn? Tám trăm dặm, là cái nhỏ của ao thất bảo ở Tây Phương Cực Lạc thế giới; cái này không lớn, là cái nhỏ. Nếu như là lớn, đó tức là trăm ngàn do-tuần, thế giới lớn rồi. Vậy do đây có thể biết, ao báu lớn nhỏ cũng tùy ý của con người. Đương nhiên hình dáng đó cũng là như ý, cạn sâu cũng là như ý; phần sau đều sẽ nói đến cạn sâu cũng rất như ý.

Kinh văn: "Trạm nhiên hương khiết, cụ bát công đức".

Nước trầm này gọi là "Bát công đức thủy", nước có tám đức; trong Quán Kinh vì chúng ta nói rõ:

- Thứ nhất là "trong sạch", tức là nước rất trong sạch. Từ trên mặt nước có thể nhìn thấy đáy ao, rất rõ ràng, nước giống như một mặt kính, một hạt bụi chẳng nhiễm.

- Thứ hai là "trong lành", nước trong, nước rất mát, giống như nước suối của thế gian chúng ta.

- Thứ ba là "ngọt ngào", nước này là ngọt; thế gian chúng ta đây, nước suối ngọt rất ít, cũng có nhưng quá ít.

- Thứ tư là "nhẹ mềm", nước của thế gian chúng ta đây chẳng có, nước ở thế gian chúng ta rất nặng; nước của Tây Phương Cực Lạc thế giới rất nhẹ,

rất nhu nhuyễn, chẳng giống như chất nước của chúng ta.

- Thứ năm là "nhuận trạch", nước ở thế gian chúng ta đây có công năng này, nó có thể thấm nhuần, cho nên tắm trong nước này có thể tắm mát thân thể; bản thân của nước là phần dinh dưỡng tốt nhất.

- Thứ sáu là "an hòa", nước của chúng ta chẳng có điều này, cũng tức là nói, bơi lội hoặc tắm rửa trong nước này, quyết định an toàn không thể có chuyện bị nước nhận chìm chết, chẳng thể có chuyện này. Từ trước đến nay chưa từng nghe qua sự việc này ở Tây Phương thế giới; rất an hòa.

- Thứ bảy là "công đức", đây cũng là nước của thế gian chúng ta không có. Nước của thế gian chúng ta

có thể giải khát, tuy nhiên khi đói bụng chẳng thể khiến cho no. Nhưng nước ở Tây Phương thế giới chẳng những có thể giải khát, cũng có thể trị cơn đói; khi đói bụng uống vài hớp nước thì no ngay. Nó có phần lợi ích này, trừ được tất cả quá hoạn, cũng tức là nói, đương nhiên người của Tây Phương thế giới đều là thân Kim Cang bất hoại, làm gì có bệnh! Đây là thí dụ. Như chúng ta sanh ở thế giới này có rất nhiều bệnh, nếu tắm trong ao đó một lần thì bệnh gì cũng không còn nữa; sánh với tất cả thuốc men đều hay hơn.

- Cái lợi ích thứ tám là "trưởng dưỡng" các căn, nước này là nguồn dinh dưỡng phong phú nhất. Bất luận tắm hoặc giả là quý vị uống nước này,

điều là nguồn dinh dưỡng thù thắng nhất. Nó có tám thứ công đức, cho nên gọi là "Bát công đức thủy".

Kinh văn: "Ngạn biên vô số Chiên Đàn hương thụ".

Đây cũng là thí dụ, thế gian chúng ta đây có cây Chiên Đàn, Đàn Hương. Thật tại mà nói, Đàn Hương của chúng ta đây làm sao sánh nổi với nó được? Sánh chẳng nổi.

Kinh văn: "Cát tường quả thụ, hoa quả hằng phương".

Xin lưu ý chữ Hằng này, Hằng là vĩnh viễn, là cái dáng này. Chẳng giống như thế gian này của chúng ta,

hoa quả, cây cối đều theo bốn mùa mà thay đổi. Mùa Thu lá cây đều rụng cả, nhất định phải đến mùa Xuân mới đâm chồi; Tây Phương thế giới không như vậy, là Hằng Phương, vĩnh viễn là hình dáng này. Bởi vì chúng ta đã nói qua ở phía trước, Tây Phương thế giới chẳng có bốn mùa, cho nên những hoa quả, cỏ cây đều là vô lượng thọ, Phật vô lượng thọ, đại chúng vô lượng thọ, sở hữu tất cả vạn vật đều là vô lượng thọ; gọi là Vô Lượng Thọ Quốc.

Kinh văn: "Quang minh chiếu diệu, tu điều mật diệp".

Chữ Tu là dài, cành cây này rất dài, lá rất khít, cây rất tươi tốt xum xê.

Kinh văn: "Giao phú ư trì".

Cây ở bốn phía bờ cũng rất lớn, đem cái ao này hầu như che lấp cả; trông ao vô cùng xinh đẹp.

Kinh văn: "Xuất chủng chủng hương, thế vô năng dụ. Tùy phong tán phức, duyên thủy lưu phân".

Mùi thơm này theo gió đưa đi thật xa, thật tại mà nói, đức tướng của hoa quả, cây cối và ao nước cũng là châu biến pháp giới.

Kinh văn: "Hựu phục trì sức thất bảo".

Ao này là trang sức bằng bảy báu, đương nhiên đây cũng chẳng phải nhân tạo, là tự nhiên mà có.

Kinh văn: "Địa bố kim sa".

Chữ Địa chỉ cho đáy ao, đáy ao là bằng cát vàng, chẳng giống như đáy ao chúng ta ở bên đây là cát bùn. Người ta là cát vàng; đáy ao là cát vàng.

Kinh văn: "Ưu Bát La hoa, Bát Đàm Ma hoa, Câu Mâu Đầu hoa, Phân Đà Lợi hoa".

Ưu Bát La là màu xanh, Bát Đàm Ma là màu đỏ; đây tức là trong A Di Đà Kinh nói đến tứ sắc liên hoa, màu đỏ này là Xích sắc. Câu Mâu Đầu là

màu vàng, phân Đà Lợi là màu trắng, cùng trong A Di Đà Kinh nói đó như nhau, bốn sắc hoa sen. Trong A Di Đà Kinh chỉ nói bốn sắc, phía sau vẫn còn.

Kinh văn: "Tạp sắc quang mậu, di phú thủy thượng".

Từ hai câu nói phía sau, chúng ta biết được hoa sen trong ao thất bảo, không chỉ có bốn màu; màu sắc vô cùng vô cùng nhiều. Dưới đáy có tạp sắc quang mậu, chẳng phải bốn màu rất đơn thuần. Vậy thì những hoa sen này, những người từ thập phương thế giới vãng sanh, liên hoa hóa sanh, đều là ở trong hoa sen của ao thất bảo hóa sanh.

Kinh văn: "Nhược bỉ chúng sanh, quá dục thử thủy".

Đây là người ở Tây Phương thế giới thường thường đến ao báu để tắm, để bơi lội. Người hiện nay chúng ta gọi là bơi lội, chỗ này nói là Quá Dục, tức là người hiện nay nói bơi lội, đến ao này để bơi lội.

Kinh văn: "Dục chí túc giả, dục chí tất giả, dục chí yêu dịch, dục chí cảnh giả".

Đây là nói nước trong ao này sâu, nó có thể tùy theo ý người. Muốn nước cạn một tí thì nó liền cạn, muốn sâu một tí thì nó sâu, nó có thể làm theo ý người, rất vâng lời, điều này

chẳng dễ. Thế gian này chúng ta hiện nay, cho dù có dùng cơ giới hóa, những loại thiết bị này vẫn chẳng tiện lợi như nó. Chẳng có một thứ gì chẳng tùy theo ý muốn, tự tự nhiên nhiên thành tựu.

Kinh văn: "Hoặc dục quán thân".

Chữ Quán Thân này là nước từ phía trên tưới xuống, giống như hiện giờ chúng ta dùng cách tắm, dùng phương thức tưới như nước mưa. Ở Tây Phương thế giới chẳng cần loại thiết bị này, chỉ cần vừa động một niệm, thì nước tự nhiên vọt lên rồi tưới trở xuống; tự nhiên chảy xuống.

Kinh văn: "Hoặc dục lãnh giã, ôn giả, cấp lưu giả, hoãn lưu giả, kỳ thủy nhất nhất tùy chúng sanh ý".

Cái tốt đẹp của nước ở Tây Phương thế giới, tha phương thế giới đích thật chẳng có.

Kinh văn: "Khai thần duyệt thể, tịnh nhược vô hình".

Quý vị bơi lội trong ao báu này, Khai Thần tức là thông thường chúng ta gọi là khai ngộ; bơi lội trong nước có thể khai ngộ. Duyệt Thể là thân tâm khoái lạc. "Tịnh nhược vô hình", bởi vì nước của nó thanh tịnh, sạch sẽ, hoàn toàn là trong suốt. Không khí

của chúng ta bên đây là vô hình, còn nước bên ấy cũng vô hình.

Kinh văn: “Bảo sa ánh triệt, vô thâm bất chiếu”.

Dưới đáy ao là cát vàng, hình như chỉ nói ra thành phần tỷ lệ của cát vàng nhiều một tí. Lẫn lộn với cát vàng là chúng bảo, là ao báu, là chúng bảo, đều phóng ánh quang minh, chẳng có chỗ sâu nào là không chiếu đến, nước ao đều phát ra ánh sáng.

Kinh văn: “Vi lan từ hồi”.

Đây là vô cùng đẹp đẽ, Lan là cơn sóng, nó chẳng phải sóng lớn rất nhỏ,

có thể thấy nó rất đẹp; Từ là chậm, lại quay quanh chuyển động.

Kinh văn: "Chuyển tương quán chú".

Nước này có thể hỗ tương tưới rót lẫn nhau.

Kinh văn: "Ba dương vô lượng, vi diệu âm thanh".

Nước đã là tưới rót lẫn nhau thì có âm thanh, nước của ao bên đây tưới vào bên kia, nước của ao bên kia lại tưới qua bên kia nữa; chẳng những rất đẹp, vả lại nó có âm thanh. Âm thanh này lại nói pháp, lại là nhạc giao hưởng, lại thuyết pháp, chẳng có một

thứ chi không thuyết pháp. "Ba dương vô lượng, vi diệu âm thanh".

Kinh văn: "Hoặc văn Phật Pháp Tăng thanh".

Âm thanh Tam Bảo, Phật - Pháp - Tăng này, chữ Thanh này đại biểu toàn bộ Phật pháp. Đại Tiểu Thừa Phật pháp đều chẳng ngoài Tam Bảo. Tam Bảo này tức là Giác - Chánh - Tịnh, Giác mà không mê, Chánh mà không tà, Tịnh mà không nhiễm. Đây là đã bao quát tất cả Phật pháp, đây là tổng thuyết.

Kinh văn: "Ba La Mật thanh".

Ba La Mật là tiếng Phạn, dịch thành nghĩa tiếng Hán thời xưa dịch là "đến bờ bên kia"; vậy dùng cách nói hiện nay mà nói, là cứu cánh viên mãn, là ý nghĩa này. Tất cả pháp đều chứng đến cứu cánh viên mãn, đây gọi là âm thanh Ba La Mật.

Kinh văn: "Chỉ Tức Tịch Tĩnh thanh".

Là đối với Thiền môn mà nói, nhà Thiền tu Thiền Định, "Chỉ Tức Tịch Tĩnh" đều là thuộc về Thiền Định.

Kinh văn: "Vô Sanh Vô Diệt thanh".

Câu này chẳng những bao gồm Đại Thừa pháp, đặc biệt là chỉ trong Mật Tông, chỗ đề xướng. Cho nên bổn kinh có Hiển, có Mật, có Tông, có Giáo. Tuy là Vô Thượng Thừa nhưng bên trong cũng bao gồm Tiểu Thừa, đích thật là nền Phật pháp cứu cánh viên mãn; là ở ngay trong một bộ kinh này, hàm nhiếp một cách viên mãn.

Kinh văn: "Thập Lực Vô Úy thanh".

Mười thứ năng lực đặc thù trên quả địa của Như Lai, Bồ Tát chẳng có. Vô Úy tức là mười thứ vô úy của Như Lai.

Kinh văn: "Hoặc văn Vô Tánh, Vô Tác, Vô Ngã thanh".

Cái này là thông Đại Tiểu Thừa pháp. Kinh văn: "Đại Từ Đại Bi Hỷ Xả thanh". Cái này là thuần Đại Thừa Phật pháp.

Kinh văn: "Cam Lộ Quán Đảnh Thọ Vị thanh".

Đây là Mật Tông. Vậy vô lượng vô biên pháp môn, trong tiếng hỗ tương chảy rót của nước công đức của ao báu, chúng ta đều có thể nghe hiểu. Cái này là đức của nước, không chỉ là bát thủy công đức phía trước, mà thật sự là vô lượng công đức.

Kinh văn: "Đắc văn như thị chủng chủng thanh dĩ, kỳ tâm thanh tịnh, vô chư phân biệt, chánh trực bình đẳng, thành thục thiện căn".

Bốn câu này là nói về quả chứng, bốn đều là cảnh giới của trên quả địa của Như Lai, cũng là mục tiêu tu học của chúng ta. Chúng ta tu những gì? Điều này, tự mình chẳng thể không biết. Đề Kinh của bổn kinh nêu ra ba đại cương lĩnh của sự tu hành cho chúng ta Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác, chúng ta là tu cái này. Ba câu này tức là Tam Bảo, tức là Tam Học: Thanh Tịnh là Tăng Bảo, Bình Đẳng là Pháp Bảo, Giác là Phật Bảo. Tam Học là Giới - Định - Tuệ: Thanh Tịnh

là Giới, Bình Đẳng là Định, Giác là Tuệ. Cho nên tổng cương lĩnh của sự tu học của chúng ta tức là Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác.

Chỗ này đã thành tựu rồi, "Kỳ tâm thanh tịnh", tâm thanh tịnh có được rồi. Có được tâm thanh tịnh, đương nhiên chẳng có phân biệt, "vô chư phân biệt". "Chánh trực bình đẳng, thành thục thiện căn", vô lượng vô biên thiện căn của trên quả địa của Như Lai đều từ chỗ này sanh ra. Đây là thành thục thiện căn.

Kinh văn: "Tùy kỳ sở văn, dữ pháp tương ưng".

Chúng ta phải chú ý câu này, cái này cùng với pháp tương ưng, khế cơ,

khế lý thì tương ưng. Điểm này, tại giai đoạn hiện tiền của chúng ta, chúng ta không thể chẳng biết. Thế Tôn đã để lại cho chúng ta rất nhiều kinh điển, người thế hệ sau đem nó phân loại biên tập trở lại, ở Trung Hoa gọi là Đại Tạng Kinh. Đây là Phật để lại cho chúng ta cái chân bảo vô giá; tuy nhiên trong số kinh luận này, có một số khế hợp căn cơ chúng ta, có một số chẳng khế cơ; không thể chẳng hiểu rõ. Những cái chẳng khế cơ với chúng ta, chúng ta miễn cưỡng đi tu học thì chẳng tương ưng; nói một cáck khác, chúng ta không có được lợi ích. Những cái vô cùng thích hợp với căn cơ chúng ta đó thì rất tương ưng, lập tức chúng ta có được thọ dụng, được lợi ích. Phải biết điều

này. Người thời nay, mở miệng hoặc ngậm miệng đều nói đến hiện thực; thật tại mà nói, Phật pháp là nói hiện thực nhất. Người thế gian nói đến hiện thực, cùng Phật pháp so sánh vẫn kém rất xa. Cái gì là hiện thực nhất? Lìa khổ được vui là hiện thực nhất.

Phật pháp cầu đó tức là phải lìa khổ, tức là phải được vui. Phải gấp rút lìa khổ, gấp rút được vui, phải được cái vui cứu cánh, cái vui viên mãn; đây là cái mà Phật pháp cầu. Còn có cái gì sánh với cái này còn hiện thực hơn? Có phải thật sự chúng ta có được không? Thật sự có được! Chỉ cần chỗ tu đó của quý vị cùng pháp tương ưng là được rồi; thì quý vị có được. Cho nên chúng ta học Phật, phải cầu cái pháp tương ưng cùng với

căn tánh của chính mình tương ưng, cùng với trình độ của chính mình tương ưng, cùng với hoàn cảnh sinh hoạt của chính mình tương ưng, cùng với nguyện vọng của chính mình tương ưng; phải chọn lựa pháp môn như vậy thì quý vị học rồi là vui vẻ ngay. Đến Tây Phương thế giới vẫn là như vậy, đều là học những pháp môn đối với chính mình tương ưng.

Kinh văn: "Kỳ nguyện văn giả, triếp độc văn chi, sở bất dục văn, liễu vô sở văn".

Điều này rất hay, quý vị xem, hoa, cây nói pháp, công đức thủy cũng nói pháp. Nếu như những thứ pháp nói đó tôi chẳng muốn nghe, nó cứ khăng

khăng phải nói; quý vị bảo, điều này khó chịu biết mấy? Chẳng muốn nghe thì rất yên tịnh, tiếng chi cũng chẳng có. Còn muốn nghe, muốn nghe Hoa Nghiêm thì nó đều đang nói Hoa Nghiêm, muốn nghe Pháp Hoa thì nó nói đó là Pháp Hoa. Hai người nắm tay nhau, phần ai nấy nghe pháp của họ, một tí đều chẳng trở ngại; điều này hiếm lắm. Cho nên A Di Đà Phật giáo hóa chúng sanh, Ngài thiết nghĩ chu đáo, thật tại khiến cho người ta bội phục năm vóc gieo xuống đất. Chúng ta ngày nay, khoa học kỹ thuật phát đạt, vẫn chẳng thể đạt đến trình độ này. Trước kia tôi cũng đã từng nghĩ rằng, giả như chúng ta có được một đài phát thanh, có rất nhiều tầng số. Chúng ta có rất nhiều loại tầng số,

đem những tầng số này chia ra, một tầng số giảng Hoa Nghiêm, một giảng kinh Kim Cang, một giảng kinh A Di Đà, còn có tầng số để niệm Phật. Quý vị cầm chiếc máy thu thanh, muốn nghe tầng số nào thì nghe tầng số đó. Tuy nhiên cùng với đây so sánh vẫn kém xa, so với Tây Phương Cực Lạc thế giới kém xa, chúng ta vẫn phải cần có một đài truyền thanh, trên tay vẫn phải cầm cái máy mới được; người ta thì không cần! Cái chi cũng chẳng cần.

Thật tại mà nói, đạo tràng hiện đại hóa phải là đạo tràng như vậy, mà chẳng phải xây cất lầu cao, nhà lớn; cái này không có ý nghĩa. Mời pháp sư đến giảng kinh cũng rất nhọc, mọi người đến nghe kinh cũng rất cực khổ.

Nếu như có một đạo tràng như vậy được xây cất, bất luận ở địa phương nào, quý vị vừa mở lên tầng số đều có thể nghe được Phật pháp chính quý vị thích nghe; mọi thứ cùng chính quý vị đều được tương ưng. Về sau này, tôi thì chẳng có phước báo, tôi thường thường hay nói, hy vọng những người có phước báo xây cất đạo tràng như thế đó. Đạo tràng hiện đại hóa, đạo tràng của thế kỷ 21, với đạo tràng này của chúng ta đây khác nhau, chẳng tương đồng.

Kinh văn: "Vĩnh bất thoái ư A Nậu Đa La Tam Muội Tam Bồ Đề tâm".

Đây là dưới hoàn cảnh tu học như thế, là lục căn quý vị chỗ tiếp xúc đều

là Phật pháp cùng với quý vị tương ưng. Thì làm sao cái này có thể thoái chuyển! Quyết định không thể thoái chuyển Vô Thượng Bồ Đề. Trong thời đại hiện tiền của chúng ta, chúng ta thường đi qua rất nhiều quốc gia và địa phương, cơ hồ như khắp nơi đều có một mối cảm xúc, người hoằng pháp quá ít. Vả lại, hình như mỗi một địa phương đều bức thiết nhu cầu nhân tài hoằng pháp; người hoằng pháp ít, quá ít quá ít. Bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp, vô cùng vô cùng khó khăn, đặc biệt là cái xã hội ngày nay, thật sự là quá khó quá khó.

Điều thứ nhất là cần phải có thời gian dài, không đủ mười năm không ra được; phải học ít nhất là mười năm. Hoàn cảnh tu học, điều này vẫn chẳng

kể là khó, vẫn có thể tìm được; cái khó nhất là thầy, tìm thầy quá khó. Số đại đức lớn tuổi phần nhiều đều đã vãng sanh; cho dù chưa vãng sanh vẫn còn đó, đại khái đều đã trên tám mươi tuổi rồi, quý vị yêu cầu họ đến dạy quý vị mỗi ngày vài tiếng là việc chẳng thể được. Nói một cách khác, đều là đến tuổi hưu trí rồi, điều này quá khó. Cái khó khăn hơn nữa là chẳng có học sinh! Có lẽ nói rất nhiều học sinh muốn học, chẳng phải đơn giản như vậy. Học sinh học đạo phải cụ bị điều kiện gì đây? Phải đều buông hết tham, sân, si thì mới có thể học đạo. Ngày nay cái thế giới phồn hoa này, thời thời khắc khắc danh văn lợi dưỡng đang ở đó lôi cuốn quý vị! Quý vị có thể không động tâm thì mới

có thể học được thành công. Tâm vừa động một tí thì liền bị người lôi đi mất; điều này khó. Cho nên tìm học sinh rất khó rất khó; thầy đã là khó, học sinh lại càng khó hơn.

Cho nên chúng tôi nghĩ đến, duy nhất chỉ có một phương pháp, tức là tôi vừa nói đó, là đạo tràng mới của thế kỷ 21 này là đài truyền hình, phát thanh; phương tiện này khởi được tác dụng. Tại vì sao thế? Vì chỉ cần tìm được vài người nhân tài Phật pháp, thì có thể đem Phật pháp phổ biến đến khắp thế giới khiến cho mỗi một người ở trong gia đình có thể mở xem, đều có thể bắt nghe; như vậy mới được. Cho nên thật sự có thể vì lợi ích tất cả chúng sanh, hy sinh tự mình đem cái danh văn lợi dưỡng, ngũ dục

lục trần, tất cả sự hưởng thụ vật chất đều buông xuống. Người như thế ít, số ít vài người cũng được, cũng có thể đem Phật pháp hoằng dương Phật pháp, cách này thì đúng. Nhất định phải vận dụng công cụ khoa học để đem Phật pháp phổ biến, đẩy mạnh rộng ra. Chúng ta xem một đoạn sau cùng.

Kinh văn: "Thập phương thế giới chư vãng sanh giả, giai ư thất bảo trì liên hoa trung, tự nhiên hóa sanh".

Kinh văn này vô cùng rõ rệt, khi vãng sanh đến Tây Phương thế giới, chẳng phải thai sanh của cha mẹ, chẳng phải thai sanh; là "liên hoa hóa sanh". Đây cũng là A Di Đà Phật ở tại

nhân địa lựa chọn; tại sao chẳng chọn thai sanh? Thai sanh, thứ nhất là không thanh tịnh, thứ hai là có tình chấp, như mẹ con có cảm tình; cảm tình này rất khó đoạn. Điều này rất phiền phức, đó là căn bản của lục đạo luân hồi. Cho nên A Di Đà Phật là xả - thủ, xả mất (tình), thủ lấy cái "liên hoa hóa sanh". Liên hoa khiết tịnh, mọc từ bùn nhơ mà chẳng nhiễm, cho nên chẳng có tình chấp ở bên trong. Tâm dễ được bình đẳng, dễ được thanh tịnh, chọn lấy liên hoa để hóa sanh.

Kinh văn: "Tất thọ thanh hư chi thân, vô cực chi thể".

Hai câu này hay lắm, phải cùng với Kim Cang bất hoại thân phía trước thì quý vị mới biết được "thanh hư chi thân, vô cực chi thể" của người ở Tây Phương thế giới. Cho nên họ là vô lượng thọ, vô lượng thọ là chẳng suy, chẳng thay đổi; đạo lý là ở chỗ này, cùng nhục thể của chúng ta hoàn toàn khác nhau. Nhục thể của chúng ta là do tế bào tổ hợp mà thành, bản thân những tế bào này là chẳng thanh tịnh; vả lại là vô thường, thời gian tồn tại của tế bào không dài. Cho nên quá trình bỏ cũ đổi mới này là biến hóa; còn Tây Phương thế giới là chẳng biến đổi.

Kinh văn: "Bất văn tam đồ ác não khổ nạn chi danh".

Tây Phương thế giới chẳng nghe các thứ này, ngay tam đồ này tức là tam ác đạo, các Tam Khổ, Bát Khổ, các thứ tai nạn này, ngay cái tên còn chẳng nghe đến, thì làm sao có thể có sự thật chứ?

Kinh văn: "Thượng vô giả thiết, hà huống thật khổ".

Việc khổ thật sự thì quyết định chẳng có, không những chẳng có những việc khổ này, ngay cả cái danh xưng của những thứ khổ này đều chẳng nghe đến.

Kinh văn: "Đản hữu tự nhiên khoái lạc chi âm".

Cho nên nơi đó, tất cả sự hưởng thụ đều là tự nhiên, sinh hoạt của mỗi một ngày đều là đang tinh tấn, đều là đang dụng công. Đây là trong đoạn này Thế Tôn vì chúng ta giới thiệu đại chúng của Tây Phương thế giới, tình trạng sinh hoạt ngày thường, cùng với cái đẹp của hoàn cảnh y báo của họ; vì chúng ta giới thiệu ra. Ngoại trừ những thứ này, họ cũng có nhiều hoạt động, cái rộng lớn của hoạt động không gian ở phần kinh văn phía sau sẽ nói rõ. Tận hư không biến pháp giới là không gian hoạt động của họ. Họ thường thường đi cúng Phật, đến các chư Phật sát độ khác đi tham phỏng, như chúng ta nói đi du lịch, đi ngắm cảnh, đi khảo sát.

Họ thường thường làm những việc này, trên cúng dường chư Phật, dưới giáo hóa chúng sanh, đi làm những việc này. Cho nên đời sống của họ là nhiều màu mè sắc thái, một tí cũng không hề chết cứng, vui sướng không gì bằng. Chẳng có công việc nặng nhọc, chẳng có áp lực của công việc, chẳng có áp lực của cuộc sống, cho nên nói vui sướng chẳng gì bằng. Đây là tại Cực Lạc thế giới, chỉ có âm thanh tự nhiên khoái lạc.

Kinh văn: "Thị cố bỉ quốc, danh vi Cực Lạc".

Đây là thật, một tí đều chẳng giả. Hôm nay chúng tôi xin giảng đến đây. A Di Đà Phật

Tập 16

Xin lật kinh bản trang bảy mươi sáu, hàng sau cùng.

Siêu Thế Hy Hữu - Đệ Thập Bát

Phẩm kinh này, Thế Tôn muốn vì chúng ta giới thiệu Tây Phương thế giới chánh báo trang nghiêm. Chánh báo tức là vì chúng ta giới thiệu đạo sư A Di Đà Phật, cùng với nhóm đệ tử của Phật.

Kinh văn: "Bỉ Cực Lạc quốc, sở hữu chúng sanh, dung sắc vi diệu, siêu thế hy hữu. Hàm đồng nhất loại, vô sai biệt tướng, đản nhân

thuận dư phương tục, cố hữu thiên nhân chi danh”.

Đoạn kinh văn này rất quan trọng, có thể tiêu trừ rất nhiều sự hiểu lầm của chúng ta. Tây Phương thế giới nơi trong Bốn Mươi Tám Nguyện của Phật, chỗ chúng ta thấy được đó là bình đẳng pháp giới. Chỗ nghe được đó, phàm là những người vãng sanh đến Cực Lạc thế giới, bất luận là Bồ Tát, Thanh Văn, thiên, nhân cho đến ác đạo chúng sanh, bao gồm cả địa ngục chúng sanh, sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát; điều này là chúng ta nghe nói. Vì sao lúc Thế Tôn thuyết kinh vẫn thường giảng Tây Phương thế giới có Thanh Văn,

có thiên nhân đại chúng? Chỗ này vì chúng ta nói ra, thiên nhân đại chúng chẳng phải thật, "thuận dư phương tục", tức là tha phương thế giới tại Cực Lạc thế giới mà nói. Trong chư Phật sát độ khác có Thanh Văn, có thiên nhân, là tùy thuận tha phương thế giới mà nói.

Vậy còn trong đây thì sao? Thì có hai nghĩa, một là đoạn phiền não, giống như chúng ta đới nghiệp vãng sanh, sanh đến Tây Phương thế giới tuy đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí Bồ Tát đó, chẳng phải chúng ta tu được, đó chẳng phải công phu của chính chúng ta mà là Phật lực gia trì, đem chúng ta quyết nâng lên cảnh giới đó, còn chính mình! Thật tại mà nói, một phẩm phiền não đều

chưa đoạn. Vậy từ trên tự phần mà nói, chúng ta là thân phận nhân thiên, được Phật vừa gia trì chúng ta cũng làm được A Duy Việt Trí Bồ Tát, là sự việc như thế đó; quý vị phải hiểu rõ ràng, Phật nói pháp, ý nghĩa là tại chỗ này. Còn ý nghĩa thứ hai là gì? Là nói đến thân phận về trước lúc chúng ta chưa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Chúng ta là từ nhân đạo mà đi, thì Phật nói về người; từ thiên đạo mà đi, thì Phật nói về trời; từ Thanh Văn, Duyên Giác mà đi thì Phật nói Thanh Văn, là ý nghĩa này, mà chẳng phải cách xưng hô tại Tây Phương thế giới. Vậy chỗ này, chúng ta xem thấy được rất rõ ràng, rất minh bạch, Tây Phương thế giới là bình đẳng thế giới.

"Sở hữu chúng sanh", đây là bình thường chúng ta nói cửu pháp giới chúng sanh, tất cả những chúng sanh này sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, bất luận là Phàm Thánh Đồng Cư Độ vãng sanh, Phương Tiện Hữu Dư Độ vãng sanh, Thật Báo Trang Nghiêm Độ vãng sanh, "dung sắc vi diệu, siêu thế hy hữu. Hàm đồng nhất loại, vô sai biệt tướng"; tướng mạo này bình đẳng, chẳng có sai biệt, cùng A Di Đà Phật một mẫu, một thứ; chúng ta nhất định phải ghi nhớ điều này. Quý vị xem, cùng bổn nguyện của Phật hoàn toàn tương ưng; Phật chẳng nói dối. Còn đại nguyện của Phật, nguyện nguyện đều làm được rồi, nguyện nguyện đều thực hiện rồi. Câu "siêu thế hy hữu", ý

nghĩa rất sâu, rốt cuộc hy hữu đến trình độ nào? Phía dưới Phật dùng một phương pháp so sánh khiến cho chúng ta đi thể hội lấy.

Kinh văn: "Phật cáo A Nan: Thí như thế gian bần khổ khất nhân, tại Đế vương biên, diện mạo hình trạng, ninh khả loại hồ?"

Đây là đem người thế gian để làm một thí dụ. Như một người ăn mày xin cơm, còn một người là Đế Vương; hai người này cùng đứng một nơi. Quý vị thử xem, họ có thể so sánh với nhau được không? Đế Vương là người phú quý đến chỗ cùng cực ở thế gian, người phú quý này có cái tướng phú quý của họ; kẻ bần tiện thì

có tướng người bần tiện. Tướng mạo ấy không giống nhau, phong thái tuyệt đối khác hẳn. Thí dụ này rất hay, Phật khiến chúng ta từ chỗ này mà thể hội nhân gian này.

Kinh văn: "Đế vương nhược tỷ Chuyển Luân Thánh Vương, tắc vi bỉ lậu".

Đế Vương của nhân gian, nếu cùng với Chuyển Luân Thánh Vương để so sánh; thật tại mà nói, thì kẻ ăn mày ấy cùng với Đế Vương so sánh chẳng có sai biệt là bao. Chuyển Luân Thánh Vương, ở thế gian này chúng ta chẳng có. Phật trong kinh nói, có bốn loại Chuyển Luân Thánh Vương, có Kim Luân Vương, Ngân Luân

Vương, Đồng Luân Vương, Thiết Luân Vương; có bốn loại, phạm vi thống trị của họ lớn. Kim Luân Vương thống trị một Tứ Thiên Hạ, đây là một hệ tinh cầu, chẳng phải một cái địa cầu, là một hệ tinh cầu. Giả như với cách nhìn của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, trong phần chú giải Vô Lượng Thọ Kinh của Ngài phía sau có một bài văn, dùng nhãn quan khoa học để nhìn thế giới quan của nhà Phật, thì cái hệ tinh cầu này, tức là ngày nay chúng ta gọi là hệ Ngân Hà. Kim Luân Vương là vị vua của hệ Ngân Hà. Vậy địa cầu của chúng ta đây, làm sao có thể cùng Ngài so sánh được? Chẳng thể so sánh được. Tại sao gọi là Luân Vương? Vì Ngài có một bảo bối gọi là Luân Bảo, bảo bối

này là binh khí của Ngài, thế lực của Ngài có thể đạt đến địa phương ấy thì nơi đó mới là phạm vi thống trị của Ngài. Nếu Ngài chẳng đạt đến được, vậy sao có thể cho là thống trị? Vũ lực của Ngài phải đạt đến được.

Luân bảo này là vũ khí của Ngài, giống như không quân của chúng ta bây giờ. Trước, chiến tranh là lấy lục quân làm chủ, về sau, chiến tranh đã phát triển đều lấy không quân làm chủ. Nếu chẳng có quyền giữ được không phận thì quyết định quý vị thắng không nổi trận chiến tranh này. Luân bảo này cũng là công cụ giao thông của Ngài, vật này giống như dĩa bay chúng ta phát hiện những năm gần đây, có thể là Luân Vương hoặc giả là sứ giả của Luân Vương phái

đến; đến địa phương này để tuần tra, để xem xét phải không? Chúng ta chẳng thấy qua Luân Vương. Cho nên cái phước báo lớn của Luân Vương, chẳng phải Đế Vương ở thế gian này của chúng ta có thể cùng họ sánh được.

Kinh văn: "Do bỉ khất nhân, tại Đế vương biên dã".

Phước báo của Chuyển Luân Thánh Vương này lớn. Quý vị xem, Ngài thống trị một hệ Ngân Hà, một vị đại vương thống trị hệ Ngân Hà.

Kinh văn: "Chuyển Luân Thánh Vương, oai tướng đệ nhất".

Oai tướng mạo của Ngài, tại nhân gian chúng ta mà xem, thật sự là đệ nhất.

Kinh văn: "Tỷ chi Đao Lợi Thiên vương, hựu phục xú liệt".

Nếu Ngài cùng Thiên Vương so sánh thì Ngài kém xa, Ngài chẳng bằng Thiên Vương. Chuyển Luân Thánh Vương cùng Đao Lợi Thiên Vương cùng đứng tại một nơi, thì giống như Đế Vương của nhân gian cùng kẻ ăn mày đứng tại một nơi, Ngài kém xa lắm, chẳng thể sánh nổi. Đao Lợi Thiên tức là Đế Thích Thiên, phía dưới nói, giả linh Đế Thích, Đế Thích tức là Đao Lợi Thiên Vương; hiện nay trong rất nhiều tôn giáo, họ

kính ngưỡng thượng đế, thiên chúa, có thể đều là chỉ cho Đao Lợi Thiên Vương. Bởi vì chúng ta thấy được cảnh giới trong kinh điển của họ rất giống Đao Lợi Thiên trong kinh Phật nói đến.

Kinh văn: "Giả linh Đế Thích".

Đế Thích tức là Đao Lợi Thiên Vương, cũng gọi là Đế Thích Thiên Vương.

Kinh văn: "Tỷ Đệ Lục Thiên".

Đây là Dục Giới, tầng trời thứ Sáu; Đao Lợi Thiên là Dục Giới tầng trời thứ Hai. Từ tầng trời thứ Hai đi lên là tầng trời thứ Sáu tức là Tha Hóa Tự Tại Thiên. Đế Thích cùng

Tha Hóa Tự Tại Thiên vương so sánh thì sao?

Kinh văn: "Tuy bách thiên bội bất tương loại dã".

So sánh cách nào cũng chẳng sánh bằng. Quý vị mới biết được, tầng trời này càng đi lên thì tướng mạo càng trang nghiêm, phước đức càng lớn. Không tu đại phước đức thì làm sao có thể sanh lên trời chứ? Sanh thiên phải tu đại phước đức.

Kinh văn: "Đệ Lục Thiên Vương".

Đây là nói về Tha Hóa Tự Tại Thiên Vương.

Kinh văn: "Nhược tỷ Cực Lạc quốc trung, Bồ Tát, Thanh Văn".

Đây là cùng những người vãng sanh đến Cực Lạc thế giới so sánh xem.

Kinh văn: "Quang nhan dung sắc".

Quang thể của Ngài, hoặc nói ánh quang minh của Ngài, tức là ánh sáng dung mạo rực rỡ.

Kinh văn: "Tuy vạn ức bội, bất tương cập đãi".

Quý vị thử nghĩ, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, tướng mạo thật sự là bất khả tư nghị, vượt hơn Đệ Lục Thiên Vương vạn ức lần. Chúng ta ở thế gian này, một đời một kiếp tu hành có thể tu đến Đao Lợi Thiên, là một thiên nhân thông thường đều chẳng dễ dàng. Điều kiện đến Đao Lợi Thiên, phải tu Thượng Phẩm của Thập Thiện Nghiệp Đạo, nghiệp nhân này mới có thể sanh Đao Lợi Thiên. Vẫn chưa thể làm Thiên Vương, phước báo Thiên Vương đó là quá lớn chẳng thể làm Thiên Vương, chỉ có thể đến đó là một thường dân mà thôi! Phải dùng loại công phu này thì chúng ta niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhất định được sanh. Sanh đến

Tây Phương thế giới nhờ sự gia trì bổn nguyện oai đức của A Di Đà Phật khiến cho trí tuệ, đạo lực, thần thông của chúng ta vượt hơn Đệ Lục Thiên Vương chẳng biết bao nhiêu, không có cách chi tính được. Chỗ này tuy nói: "Tuy vạn ức bội, bất tương cập đãi", vậy mới biết được lợi ích của sự niệm Phật vãng sanh; đây là nói Phật đích thật siêu thắng. Nếu chẳng dùng phương pháp này thì chúng ta rất khó thể hội. Cái siêu thắng này đến trình độ nào? Hy hữu đến trình độ nào cũng chẳng biết được, vừa so sánh như vậy thì trong tâm chúng ta sẽ có một khái niệm, thật sự là siêu thắng hy hữu. Phía dưới nói với chúng ta y báo siêu thắng hy hữu, y báo là hoàn cảnh sinh hoạt của họ.

Kinh văn: "Sở xử cung điện".

Hoàn cảnh cư trú.

Kinh văn: "Y phục ẩm thực, do như Tha Hóa Tự Tại Thiên vương".

Sự lớn lao của phước báo này, hy hữu siêu thắng bất khả tư nghị, Tha Hóa Tự Tại Thiên, tức là phía trước nói Đệ Lục Thiên, rất giống Đệ Lục Thiên, so với Đệ Lục Thiên thù thắng quá nhiều. Đệ Lục Thiên làm sao có thể sánh được? Những nơi nào giống Tha Hóa Tự Tại Thiên? Tất cả đều là tự nhiên. Dục Giới tầng thứ Năm gọi là Hóa Lạc Thiên; tầng thứ Năm thì thọ dụng được tự tại, toàn là biến hóa

ra. Cung điện nơi họ cư trú, những thứ cần thiết trong đời sống, chẳng cần chúng ta đi kinh doanh, doanh cầu, đi chế tạo xây dựng, chẳng cần; hoàn toàn là biến hóa ra. Đệ Lục Thiên này tức là Tha Hóa Tự Tại Thiên, chẳng cần tự mình biến hóa; người Đệ Ngũ Hóa Lạc Thiên biến hóa đến cúng dường họ.

Vậy thì chúng ta đến Tây Phương thế giới, chỗ có tất cả thọ dụng, chẳng cần tự mình biến hóa, vậy ai biến hóa cúng dường cho chúng ta? Chẳng phải Hóa Lạc Thiên; Hóa Lạc Thiên biến hóa ra những thứ đó rất thô. A Di Đà Phật biến hóa ra cho chúng ta thọ dụng, Hóa Lạc Thiên Vương làm sao sánh bằng A Di Đà Phật được? Cho nên Tây Phương thế giới A Di

Đà Phật, phía trước chúng ta đã đọc qua, Ngài làm đại thí chủ, Ngài biến hóa cúng dường cho chúng ta hưởng thụ. Cho nên chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới hưởng thụ cái phước báo của A Di Đà Phật; tất cả nhu cầu sinh hoạt, toàn là A Di Đà Phật biến hóa làm ra để cúng dường cho chúng ta. Những người vãng sanh thật là phi thường, A Di Đà Phật đều phải cúng dường cho quý vị! Quý vị xem, phước báo của quý vị lớn biết mấy; phước báo từ đâu mà có? Là niệm Phật được đấy. Cho nên niệm Phật, thật sự là đối với hiện tiền chúng ta mà nói, là đệ nhất đức, đệ nhất đại phước báo.

Người mà không biết niệm Phật, đây là nghiệp chướng nặng. Phải từ

trong tâm để niệm, thành tâm thành ý để niệm, phước báo này bất khả tư nghị. Nếu quý vị cảm được thọ dụng y chánh trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị mới biết được cái lớn của phước báo này; từ trên quả mà xem thì biết ngay. Niệm câu A Di Đà Phật này, người người đều biết niệm, làm gì có phước báo lớn như vậy? Người thường đều hoài nghi, đều chẳng tin, nhưng quý vị phải xem cái thọ dụng khi đến được Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó là cái quả hiện tiền. Quả siêu thắng hy hữu như vậy, mới biết được ngày nay chúng ta niệm câu Phật hiệu này, cái Nhân này siêu thắng hy hữu. Quý vị phải hiểu rõ đạo lý này. Phần dưới lại nói oai đức siêu thắng.

Kinh văn: "Chí ư oai đức, giai vị thần thông biến hóa".

Từ mấy cái này mà nói, trong Oai Đức bao hàm trí tuệ, bao hàm cái chúng ta thường gọi là phẩm đức, đạo đức. Còn Giai Vị? Giai vị tức là ngày nay chúng ta gọi là địa vị, hoặc giả tại Tây Phương Cực Lạc thế giới chúng ta nói phẩm vị của Tứ Độ, Cửu Phẩm. Tha phương thế giới Thanh Văn có Tứ Quả, Tứ Tướng, tám cái giai vị, tám cái giai cấp; Bồ Tát từ Thập Tín đến Đẳng Giác có năm mươi mốt cái giai vị. Giai vị ở Tây Phương này là Bồ Đề, tại sao vậy? Sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì viên chứng Tam Bất Thoái; ác đạo phàm

phu đi vãng sanh cũng là viên mãn Tam Bất Thoái, cũng là vị thế Đẳng Giác. Đây đều là A Di Đà Phật Bốn Mươi Tám Nguyện gia trì, lúc nãy đã nói, chẳng phải là tự phần của chúng ta, là nhờ gia trì.

Nhờ Phật gia trì, chúng ta thật có được thọ dụng, chúng ta biểu hiện ra năng lực của oai đức này, đích thật là giống như Đẳng Giác Bồ Tát. Cho nên cổ đức thường nói, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì cùng Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Thế Chí Bồ Tát, Văn Thù, Phổ Hiền nắm tay đồng hành, tay trong tay địa vị tương đồng; là bạn học, là bằng hữu. Quý vị xem, trong chốc lát đã đem địa vị đưa lên cao như vậy; chúng ta chỉ mới niệm Phật vài ngày. Đây mới biết

được công đức danh hiệu đích thật siêu thắng chẳng thể nghĩ bàn; đạo lý này là ở nơi đây. Đây đều là chân tướng sự thật. Thần thông biến hóa, đều cùng nhóm đại Bồ Tát này chẳng có sai khác.

Kinh văn: "Nhất thiết thiên nhân, bất khả vi tỷ".

Thiên, nhân, Tha Hóa Tự Tại Thiên, lại hướng lên trên là Tứ Thiền Thiên, Tứ Không Thiên, so sánh cách nào cũng chẳng sánh kịp.

Kinh văn: "Bách thiên vạn ức, bất khả kế bội".

Đây là nói số lượng chẳng có cách chi so sánh. Trong phẩm kinh văn này nói với chúng ta, khi vãng sanh đến nơi đó, cái chánh báo của chúng ta, hoàn cảnh sinh hoạt của chúng ta, oai đức giai vị này, là nói, chúng ta hiển thị ra năng lực, đều cùng Đẳng Giác Bồ Tát phưởng phất.

Kinh văn: "A Nan ưng tri: Vô Lượng Thọ Phật Cực Lạc quốc độ, như thị công đức trang nghiêm, bất khả tư nghị".

Đây là tổng kết, nói với A Nan tức là nói với chúng ta, ý nghĩa của kinh văn là cực lực khuyến tấn chúng ta. Phải nên biết sự thật này, phải biết lợi ích chân thật này để mau chóng

cầu nguyện vãng sanh, hà tất phải ở tại thế gian này ngày ngày thọ tội, ngày ngày chịu nhục, thế giới này có nghĩa gì đâu? Chẳng phải không thể đi, nếu là không thể đi thì chẳng nói, có thể đi tại sao quý vị không đi? Vẫn còn ở đây để thọ tội, vẫn còn ở đây để chịu nhục, chẳng phải quý vị là kẻ đáng thương sao? Đây đúng là đáng thương.

Thọ Dụng Cụ Túc - Đệ Thập Cửu

Chương này nói rõ, khi sanh đến Tây Phương thế giới thì phước đức vô lượng, tất cả thọ dụng, khi này đã nói, đều là A Di Đà Phật biến hóa làm ra. Phật là đại thí chủ cúng dường cho

chúng ta, thảy đều đầy đủ, muốn gì thì có nấy, nghĩ gì thì có nấy, chẳng thể có một tơ hào nào khiếm khuyết. Xin xem phần kinh văn.

Kinh văn: "Phục thứ Cực Lạc thế giới, sở hữu chúng sanh, hoặc dĩ sanh".

Dĩ Sanh là những người đã vãng sanh, A Di Đà Phật thành Phật đã mười kiếp rồi. Trong mười kiếp này, số người vãng sanh rất đông; đây là những người đã vãng sanh.

Kinh văn: "Hoặc hiện sanh".

Là hiện tại vãng sanh, tức là chúng ta nhìn thấy rất nhiều người

niệm Phật đã đi vãng sanh rồi, tức là người hiện nay.

Kinh văn: "Hoặc đương sanh".

Đương là hiện nay chúng ta đang niệm Phật muốn đi nhưng vẫn chưa đi, đây là đương sanh; Đương sanh cũng phải rất giỏi, tuy chưa đi nhưng nhất định phải đi. Tại Tây Phương Cực Lạc thế giới đã báo danh rồi, đã ghi danh rồi, quyết định phải đi, sớm muộn gì cũng phải đi; đây là đương sanh, là chỉ cho số người này. Vậy thì làm sao để ghi danh, đăng ký đây? Điều này rất quan trọng, chúng ta có lòng tin kiên định, một tơ hào chẳng hoài nghi, một đời này ta nhất định phải sanh Tây Phương Cực Lạc thế

giới, quyết định phải gặp A Di Đà Phật; quý vị có được cái tâm kiên định như vậy thì đây là đã báo danh rồi. Có thể đem tất cả muôn duyên buông xuống, đối với thế gian này chẳng còn một tơ hào nhớ nghĩ nữa, cả thảy buông xuống hết, một lòng một dạ chỉ nghĩ đến A Di Đà Phật, chỉ nghĩ đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, vậy là quý vị đã ghi danh rồi đó; đây là sớm muộn gì nhất định phải đi. Hiện giờ tuy vẫn còn ở nhân gian, nếu người có thần thông gặp được quý vị sẽ nói: "Ôi chao! Họ là đệ tử A Di Đà Phật", họ là người của Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng phải người của Sa Bà thế giới, họ chẳng bao lâu sẽ đi; cho nên đây là đương sanh.

Kinh văn: “Giai đắc như thị chư diệu sắc thân”.

Sắc thân này trong bổn nguyện nói đến, đều là tử-ma chân kim sắc thân.

Kinh văn: “Hình mạo đoan nghiêm”.

Dung mạo đoan chính, trang nghiêm, Hình là hình trạng, dung mạo đoan chính trang nghiêm; cùng A Di Đà Phật như nhau. Ngày nay chúng ta tạo tượng Phật, vẽ tượng Phật, vẽ không ra. Cái tướng mà chúng ta tạo đó cùng với cái tướng chân chánh của A Di Đà Phật kém rất xa, chúng ta tạo chẳng ra được.

Kinh văn: "Phước đức vô lượng".

Đây là có phước, có đức, phước đức vô lượng; trong phước đức bao hàm đó vô cùng vô cùng rộng lớn. Người Hoa đem nó quy nạp thành năm đại loại, thường gọi là "Ngũ phước lâm môn"; cái phước đức ấy ở Tây Phương Cực Lạc thế giới vô lượng vô biên, không chỉ có năm loại này.

Kinh văn: "Trí tuệ minh liễu".

Nhìn đến phước rồi lại nhìn đến Trí, trí tuệ viên mãn; đối với tất cả pháp thế, xuất thế gian thông đạt, hiểu

rõ. Chẳng những đối với hiện tiền, đối với quá khứ, vị lai đều có thể hiểu rõ.

Kinh văn: "Thần thông tự tại".

Đoạn này, so với phía trước, là bổ sung ý nghĩa phía trước, khiến cho chúng ta xem đến thì càng rõ ràng, càng minh bạch hơn.

Kinh văn: "Thọ dụng chủng chủng, nhất thiết phong túc".

Phong là phong phú, Túc là đầy đủ. Tất cả sự thọ dụng của quý vị, tất cả thọ dụng đều vô cùng phong phú đầy đủ, chẳng có thiếu thốn. Khi nãy đều đã nói qua điều này, là A Di Đà Phật biến hóa làm ra để cung cấp cho chúng ta. Phía dưới nêu ra vài tỷ dụ:

Kinh văn: "Cung điện".

Là nơi chốn để cư trú, ngày nay chúng ta gọi là nhà cửa phòng ốc để cư trú.

Kinh văn: "Phục sức".

Phục là y phục, Sức là trang sức; Bồ Tát cũng có trang sức. Quý vị xem, trên chiếc mão cũng có gắn rất nhiều hoa, trước ngực có khối Anh Lạc, Ngài cũng có trang sức. Những thứ trang sức này đều là chân bảo vô lượng.

Kinh văn: "Hương, hoa".

Là cái mà chúng ta ưa thích, dùng nó để tô điểm hoàn cảnh, bất luận là trong nhà, ngoài nhà.

Kinh văn: "Phan cái, trang nghiêm chi cụ".

Phan Cái là gì? Là như hiện nay chúng ta gọi là cờ xí, cờ để treo, dây màu đều là thuộc về loại này. Bất luận là trong nhà, ngoài nhà cũng đều là công cụ để trang nghiêm.

Kinh văn: "Tùy ý sở tu, tất giai như niệm".

Trong đây có sinh hoạt thường ngày, cái lớn tức là nhà cửa nơi cư trú, đây là lớn; còn trang sức nhỏ như

hương, hoa, phan lọng. Nói cái lớn cái nhỏ, tất cả đều bao quát trong đó, chẳng cần phải từng thứ từng thứ để giảng kỹ. Nói tóm lại, y thực, trú hành, chẳng có cái nào quý vị chẳng tự tại, chẳng có cái nào chẳng phong túc.

Kinh văn: "Nhược dục thực thời".

Đây là nói ẩm thực tự tại, chúng ta là người thế gian này, ẩm thực rất quan trọng. Quý vị thử nghĩ xem, mỗi ngày mọi người dùng thời gian vào việc ẩm thực, hao tốn tinh thần là bao nhiêu? Đặc biệt là những gia đình giàu có hơn một tí, đối với sự ẩm thực vô cùng chú trọng, phung phí thì giờ

và tinh lực rất nhiều. Còn người của Tây Phương thế giới, khi muốn ăn thì:

Kinh văn: "Thất bảo bát khí, tự nhiên tại tiền".

Chữ Bát Khí này, dùng cách nói hiện nay, tức là dụng cụ bàn ăn; hình thức dụng cụ đó rất nhiều rất nhiều, chất liệu đều là bằng thất bảo. Thế gian chúng ta hiện nay, dụng cụ bàn ăn cao cấp nhất là bằng bạc thì sang nhất; cái này, chúng ta còn thấy qua. Còn bằng vàng thì chỉ có nghe chứ chưa thấy qua. Các bậc vua chúa thời xưa có đại phước báo, dụng cụ bàn ăn trong cung đình là bằng vàng. Người hiện nay chúng ta chẳng có phước báo lớn như vậy, bằng bạc thì có,

bằng vàng thì không có. Còn các loại chân bảo khác cũng chẳng có; dụng cụ bàn ăn Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là chế tạo bằng thất bảo.

"Tự nhiên tại tiền", tự mình chẳng cần biến hóa, trong tâm mình vừa chợt nghĩ thì thức ăn liền ở trước mặt, ai biến hóa ra đó! Là A Di Đà Phật tặng cho quý vị đấy; tặng cho, biến ra để tặng cho. Di Đà đối với chúng ta ân đức thật quá lớn quá lớn, chiếu cố đến nơi nơi đều chu đáo, giống như cha mẹ chiếu cố con nhỏ. Toàn tâm toàn lực để chiếu cố, quý vị vừa động một niệm thì Ngài biết ngay, Ngài liền biến hóa tặng đến trước mặt quý vị.

Kinh văn: "Bách vị ẩm thực, tự nhiên doanh mãn".

Trong những dụng cụ trên bàn ăn, các thứ thức ăn ngon đều đầy cả; những chén dĩa chẳng phải trống không, đều đựng đầy cả.

Kinh văn: "Tuy hữu thử thực, thật vô thực giả".

Những thức ăn này hiện tiền rồi, nhưng không ăn nó. Những hiện tượng này đều là khi chúng ta mới đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, tập khí mỗi ngày ăn cơm vẫn chưa quên mất. Thường nghĩ sao lâu quá mà chưa ăn cơm! Cái niệm này vừa động thì hiện tượng này liền hiện tiền.

Đến khi những thức ăn, cơm nước vừa được bày ra trước mặt, trong tâm nghĩ: "Ta nay chẳng phải phàm phu, ta là thể Kim Cang bất hoại, là cái thân thanh hư vô cực, làm gì còn dùng đến những thứ này?" Lúc bấy giờ niệm vừa động thì thức ăn tan mất, thì tự nhiên hóa đi mất. Cho nên nói: "Thật vô thực giả".

Kinh văn: "Đản kiến sắc, văn hương, dĩ ý vi thực".

Thấy đến sắc, nghe đến hương này thì trong lòng rất mãn túc, chẳng cần nữa.

Kinh văn: "Sắc lực tăng trưởng, nhi vô tiện uế".

Nơi đây vì có ẩm thực cho nên chúng ta mới có bài tiết còn Tây Phương thế giới chẳng có; thân thể này đều là trong suốt. Tuy là tử-ma chân kim, thể chất này là trong suốt.

Kinh văn: "Thân tâm nhu nhuyễn, vô sở vị trước".

Trước là trước tướng, tham niệm. Đối với ẩm thực chẳng thể khởi một niệm tâm tham, sẽ chẳng tham trước.

Kinh văn: "Sự dĩ hóa khứ".

Đến khi niệm này minh bạch rồi, nay chẳng cần nữa thì chẳng còn nữa, thì hóa đi mất rồi.

Kinh văn: "Thời chí phục hiện".

Nếu như quý vị lại nổi dậy vọng tưởng, lại nghĩ đến muốn ăn, nó lại hiện ra, thì cảnh giới này lại hiện tiền. Chỗ này cho thấy được cái vẻ tự tại đó. Đoạn phía dưới nói về Y tự tại.

Kinh văn: "Phục hữu chúng bảo diệu y".

Tây Phương thế giới vô lượng chân bảo, bảo ấy là mềm. Chẳng giống như thế gian chúng ta đây, thất bảo đều có độ cứng rất lớn chỉ có thể làm những đồ trang sức, chẳng thể làm quần áo để mặt chỉ vì nó quá cứng. Bảo vật của Tây Phương Cực

Lạc thế giới mềm mại; những thứ vàng, bạc, mã não, lưu ly thì giống như vải sồ của chúng ta, mềm mại như vậy, nên có thể làm quần áo để mặc. Cho nên y phục của họ đều là bảo y; cho nên là "chúng bảo diệu y", đây là bảo của nó mềm mại, bảo này có thể biến rất mỏng, rất mỏng giống như tơ vậy.

Kinh văn: "Quan, đới, anh lạc".

Quan là chiếc mũ, Đới là sợi dây thắt lưng, Anh Lạc là đồ trang sức dùng đeo trên thân; tay và khủy tay đều có thể đeo những thứ Anh Lạc này.

Kinh văn: "Vô lượng quang minh".

Bảo phóng quang.

Kinh văn: "Bách thiên diệu sắc, tất giai cụ túc, tự nhiên tại thân".

Quý vị muốn mặc y phục gì thì nó thành y phục đó, muốn màu sắc gì thì nó biến màu sắc ấy. Tất cả tùy tâm chỗ mong muốn; tâm quý vị chỉ vừa động niệm thì nó tự nhiên biến hóa, không những chẳng cần phiền phức để may, mặc áo cũng phiền phức. Chẳng cần mặc, vừa động niệm thì áo tự nhiên ở trên thân, chẳng cần mặc. Chúng ta mặc đồ cần phải gài vài hột nút, phiền phức biết mấy; ở bên đó

người ta chẳng có, người Tây Phương thế giới y phục chẳng có nút, họ không cần, quý vị mới biết được sự lợi ích, tự nhiên tại thân.

Kinh văn: "Sở cư xá trạch, xứng kỳ hình sắc".

Đoạn này là nói chỗ ở tự tại, chẳng có một thứ nào không tự tại; chữ Xá Trạch tức là nhà cửa để ở. "Xứng kỳ hình sắc", Xứng là xứng tâm như ý. Muốn nhà cửa kiểu gì thì nó thành kiểu ấy, muốn màu gì thì là màu ấy, muốn chân bảo gì thì nó là chân bảo đó tạo thành; tất cả đều là tùy tâm sở dục.

Kinh văn: "Bảo võng di phú, huyền chư bảo linh".

Muốn bên ngoài căn nhà có lưới báo trang nghiêm thì bên ngoài liền có. Còn muốn bên trong cột kèo có lưới báo trang nghiêm thì bên trong liền có; tất cả đều là tùy tâm như ý, biến hóa hiện tiền.

Kinh văn: "Kỳ diệu trân dị, châu biến hiệu sức".

Đây là hình dung chẳng phải sự thật; nghĩa chữ Hiệu này giống như "tịnh tâm thiết kế". Dùng lời hiện đại mà nói, thì chữ Hiệu này là tịnh tâm thiết kế. Kỳ thật địa phương ấy chẳng có người thiết kế làm ra, giống như là

tịnh tâm thiết kế vậy, đẹp đẽ như vậy, trang nghiêm như vậy.

Kinh văn: "Quang sắc hoảng diệu, tận cực nghiêm lệ".

Ánh sáng, màu sắc của nó vô cùng sáng rõ, vô cùng lóe mắt, trang nghiêm đẹp đẽ, đã đạt đến chỗ cùng cực.

Kinh văn: "Lâu, quán, lan thuẫn".

Lan Thuẫn là lan can, trên đài cấp có lan can.

Kinh văn: "Đường, vũ, phòng, các".

Đường là hiện đường, Phòng, Các là nơi chỗ cư trú.

Kinh văn: "Quảng hiệp phương viên, hoặc đại hoặc tiểu".

Quý vị ưa thích lớn thì phòng ốc liền lớn, ưa thích nhỏ thì nó liền nhỏ; đều là xứng tâm như ý.

Kinh văn: "Hoặc tại hư không, hoặc tại bình địa. Thanh tịnh an ổn, vi diệu khoái lạc, ứng niệm hiện tiền, vô bất cụ túc".

Chúng ta đã thấy Tây Phương thế giới, sự hưởng thụ trong đời sống của nhóm đại chúng này. Chúng ta có những cảm tưởng gì? Chúng ta sống

trong thế gian này, cuộc sống quá khổ, chẳng dễ mua một căn nhà. Cho dù đã mua được căn nhà, vẫn phải bảo trì tu sửa hằng năm; quý vị bảo, phiền phức biết mấy, mất bao nhiêu tinh thần để chiếu cố. Lại còn chẳng thể theo ý muốn, chẳng thể xứng tâm như ý. Tôi muốn ở một căn nhà lớn, trong ấy có vườn hoa; ở nơi đây chẳng có được khả năng này. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì là tiện lợi rồi, không có một thứ chẳng xứng tâm, không có một thứ chẳng như ý. Có cảnh tốt như vậy đang chờ đợi quý vị đi, nếu như quý vị không đi, quý vị thử nghĩ xem, trong kinh Phật thường nói là kẻ đáng thương. Chúng ta nghe xong câu nói này mới biết được thế nào là đáng thương! Đây thật là đáng thương,

đáng thương đến trình độ nào, chúng ta cũng có thể thể hội được đôi phần; đang chờ chúng ta đi, hoàn toàn là chân tướng sự thật.

Đức Phong Hoa Vũ - Đệ Nhị Thập

Từ phẩm thứ Mười Bốn, Bảo Thụ Biến Quốc, mãi cho đến chỗ này đều là giới thiệu Tây Phương thế giới hoàn cảnh y chánh trang nghiêm. Đồng thời bên trong cũng nói với chúng ta lục trần thuyết pháp; mà đoạn này, "lục trần thuyết pháp" lại còn rõ rệt. Xin xem kinh văn.

Kinh văn: "Kỳ Phật quốc độ, mỗi ư thực thời, tự nhiên đức

phong từ khởi, xuy chư la võng, cập chúng bảo thụ".

Sự thật này, không nhất định cho là lúc ăn cơm, bởi vì chúng ta được biết người của Tây Phương thế giới chẳng có cái tập quán ăn uống. Khi nãy vừa nói đó, đều là lúc mới đến Tây Phương Cực Lạc thế giới chúng ta có cái tập khí này. Sự thật này, giải thích cách nào đây? Tức là vào một lúc nhất định, giống như chúng ta ăn ba bữa cơm; có một thời giờ nhất định, đem nó xem như là định thời. Đến một lúc nhất định thì nó sẽ có một bầu khí tượng mới mẻ; khí tượng này tức là câu "tự nhiên đức phong từ khởi". Gió cũng có đức, đức của gió ở đâu? Gió này thổi đến trên mình quý

vị, không những quý vị cảm giác rất thoải mái, cũng có thể trừ cấu diệt tội, giúp quý vị khai ngộ; gió này có cái lợi ích như vậy.

Cho nên quang cảnh của Tây Phương thế giới, tất cả đều có thể giúp chúng ta tiêu tai diệt tội, minh tâm kiến tánh; cho nên chữ Đức này là nói những cái này. Từ Khởi là gió nhẹ, cơn gió nhẹ thổi động, một khoảng thời gian có một cơn gió nhẹ; chữ Thực Thời tức là có một thời giờ nhất định, mỗi khi đến thời giờ này thì có một cơn gió, gió này rất nhẹ. "Xuy chư la võng, cập chúng bảo thụ", chữ La Võng, giữa lưới với lưới đều có buộc chuông lớn, chuông báo. Cây, cành, hoa, quả, là đều bằng các loại bảo làm thành; lúc gió vừa thổi,

thì đó đây hỗ tương va chạm phát ra âm thanh. Cho nên phía dưới nói:

Kinh văn: "Xuất vi diệu âm".

Thì giống như nhạc giao hưởng của thế gian này chúng ta, nó có tiết tấu, âm thanh của nó chẳng loạn; nó có tiết tấu vô cùng vui tai. Chẳng những hay, nó lại còn biết thuyết pháp. Pháp của nó thuyết đó, có thể nói là không có một pháp nào mà chẳng thuyết; không những là tất cả pháp mà Thích Ca Mâu Ni Phật bốn mươi chín năm vì chúng ta thuyết đó, nơi ấy tất cả thảy đều thuyết. Thật tại mà nói, thập phương thế giới vô lượng vô biên chư Phật Như Lai vì tất cả chúng sanh chỗ thuyết pháp ấy,

Tây Phương thế giới thảy đều đầy đủ. Vậy nói một cách khác, chúng ta tại cái thế giới Sa Bà này, trên quả địa cầu hiện tại này, Phật pháp quý vị nghe được đó chỉ là Đại Tạng Kinh của Thích Ca Mâu Ni Phật để lại mà thôi! Trừ những thứ nay ra thì quý vị chẳng nghe được. Chúng sanh của thập phương thế giới nếu chẳng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì pháp âm mà họ nghe được đó đều hạn cuộc ở một bộ phận, chẳng có biện pháp nghe được toàn thể. Duy có sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới mới có thể nghe được, mới có thể thấy được tất cả chư Phật chỗ nói, vô lượng vô biên pháp môn, tất cả thảy đều tiếp xúc đến. Vả lại được A Di Đà Phật bổn nguyện oai thần gia trì,

quý vị có trí tuệ, có năng lực, có thần thông đi tiếp thọ. Chúng ta ngày nay, chẳng cần nói tới thứ khác, Đại Tạng Kinh có bày trước mặt quý vị, quý vị cũng chẳng thể tiêu hóa, chẳng thể tiếp thọ, chẳng có trí tuệ này, chẳng có năng lực này. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới có được năng lực này, có trí tuệ này. Pháp của tất cả chư Phật chỗ nói, quý vị thảy đều có thể tiếp thọ tất cả; cho nên đến nơi đó thành Phật nhanh một tí, chướng ngại đều chẳng có.

Kinh văn: "Diễn thuyết Khổ, Không, Vô Thường, Vô Ngã".

Mấy câu này là đã bao quát pháp Tiểu Thừa, pháp Tiểu Thừa phá Ngã Chấp.

Kinh văn: "Chư Ba La Mật".

Câu này là bao quát Đại Thừa Phật pháp, đây thì là toàn bộ Phật pháp rồi. Đại Thừa Phật pháp phá Pháp Chấp. Ngã Chấp phá rồi, chứng Tiểu Thừa Tứ Quả A La Hán. Đại Thừa, Pháp Chấp cũng phá xong thì thành Phật.

Kinh văn: "Lưu bố vạn chủng ôn nhã đức hương".

Phía dưới bốn câu là nói rõ gió đưa mùi diệu hương. Cây có mùi

hương, hoa cũng có mùi hương, chỗ có tất cả vật chân bảo, thảy đều tỏa ra mùi hương. Gió vừa thổi thì mùi hương này, ở xa có thể ngửi được.

Kinh văn: "Kỳ hữu văn giả, trần lao cấu tập, tự nhiên bất khởi".

Quý vị xem, đây là đức của gió, đức của hương, chẳng phải đều đã hiển thị ra rồi sao! Gọi đó là Đức Phong, bởi vì tất cả chúng sanh ngửi được rồi, tiếp xúc được rồi, thì nghiệp chướng liền tiêu trừ. Trần Lao là phiền não, Cấu Tập là tập khí. Phiền não tập khí từ vô lượng kiếp đến nay, ở tại đây tự tự nhiên nhiên tiêu trừ hết; thời thời khắc khắc tiêu trừ hết. Cho nên tiêu nghiệp chướng, đoạn phiền

não, phá vô minh, có tiến chẳng thoái, họ không thoái chuyển, cách này thì nhanh chóng.

Kinh văn: "Phong xúc kỳ thân, an hòa điều thích".

Đây là nói chỗ diệu của gió. Xúc Kỳ Thân, là gió thổi lên trên mình thì thân tâm an hòa. Điều Thích là nói về tâm, trong tâm quý vị cảm giác được vô cùng vui sướng; phiền não, tạp niệm, tập khí chẳng khởi.

Kinh văn: "Do như tỳ-kheo, đắc Diệt Tận Định".

Đắc Diệt Tận Định tức là chứng Tứ Quả A La Hán. Đắc Diệt Tận

Định là đem Kiến Tư phiền não thảy đều diệt hết, là vui sướng giống như thế đó, phiền não vĩnh viễn chẳng sanh.

Kinh văn: "Phục xuy thất bảo lâm thụ".

Gió này thổi lên trên cây báu, Tây Phương thế giới cây báu rất nhiều rất nhiều.

Kinh văn: "Phiêu hoa thành tụ".

Hoa trên cây vừa bị gió thổi, bay bổng trên không trung, vô cùng đẹp đẽ; giữa không trung như là đang rải hoa. Điều càng bất khả tư nghị là, hoa này ở không trung có thể tụ tập trở lại,

giống như phía sau nói, nó có thể trở thành một cái lộng hoa. Ở trên không trung có thể tự nhiên sắp thành đồ án vậy.

Kinh văn: "Chủng chủng sắc quang, biến mãn Phật độ".

Hình dáng của lộng hoa ấy rất nhiều, chủng loại rất nhiều, ánh sáng màu sắc khác nhau. Đây là nét trang nghiêm trên không trung của Tây Phương thế giới. Lúc gió thổi, những cánh hoa này tô điểm trên không trung, đây là nét trang nghiêm chẳng thể nói hết được.

Kinh văn: "Tùy sắc thứ đệ, nhi bất tạp loạn".

Đây tức là nó sắp thành đồ án rất có thứ tự, chẳng phải là sức người thiết kế, cũng chẳng cần người đi sắp đặt. Nó thì tự tự nhiên nhiên tổ hợp; tổ hợp được vô cùng xinh đẹp.

Kinh văn: “Nhu nhuyễn quang khiết, như Đâu La Miên”.

Cái lộng hoa này có thể rơi xuống, sau khi rơi xuống thì giống như hiện nay chúng ta lót thảm trên mặt đất vậy; sau khi hoa bay rơi xuống, lót thành tấm thảm trên mặt đất. Tấm thảm này cũng đẹp vô cùng, có đồ án, một tí đều chẳng loạn.

“Nhu nhuyễn quang khiết”, Khiết là sạch sẽ; hoa của chúng ta bên đây, cho dù đem nó sắp thành đồ án, sắp

thành một cái hoa đàn, những thứ này chẳng thanh tịnh, còn Tây Phương thế giới thì thanh tịnh, đích thật là một hạt bụi chẳng nhiễm. "Như Đâu La Miên", Đâu La Miên là một loại thực vật của Ấn Độ, hơi phảng phất giống như tơ liễu của Trung Hoa, rất mềm, rất nhỏ.

Kinh văn: "Túc lý kỳ thượng, một thâm tứ chỉ".

Người chúng ta đi trên mặt, vì nó mềm nên có thể lún xuống, bốn đầu ngón chân lún xuống.

Kinh văn: "Tùy túc cử dĩ, hoàn phục như sơ".

Nó có đàn tính, chân chúng ta vừa dở lên thì nó lại khôi phục, nó lại nổi lên; nó có tính co dãn.

Kinh văn: "Quá thực thời hậu, kỳ hoa tự một".

Đây là nói thời gian nhất định, mỗi một lúc đều có hiện tượng này; sau khi thời gian này qua rồi, hoa chẳng còn nữa.

Kinh văn: "Đại địa thanh tịnh, cánh vũ tân hoa".

Trải qua một thời gian lại có hoa mới nở ra, Tây Phương thế giới có một tánh chu kỳ nhất định; hiện nay chúng ta gọi là tánh chu kỳ, là nhất

định. Nó có tánh chu kỳ, cho nên nói là không trung, mặt đất trang nghiêm của mưa hoa; đề mục phẩm này gọi là Đức Phong Hoa Vũ, đây là nói hoa rơi xuống.

Kinh văn: "Tùy kỳ thời tiết, hoàn phục châu biến. Dữ tiền vô dị, như thị lục phản".

Chữ Lục Phản này là thí dụ, bởi vì Thế Tôn thuyết pháp ở tại thế gian này của chúng ta, ở Ấn Độ một ngày là sáu thời. Sáu thời là ngày ba thời, đêm ba thời. Một thời ở Ấn Độ là bốn tiếng đồng hồ của chúng ta hiện nay, bốn giờ là một châu kỳ. Cách mỗi bốn giờ có một lần mưa hoa, thời gian này chẳng quá dài cũng chẳng quá ngắn.

Đây là quang cảnh vô cùng vô cùng đẹp đẽ, cái thế giới này quả thật là đẹp không kể xiết.

Bảo Liên Phật Quang - Đệ Nhị Thập Nhất

Trong phẩm kinh này, Phật vì chúng ta nói rõ Bảo Liên, Diệu Quang, hiện Phật thuyết pháp, cảnh giới trùng trùng vô tận, bất khả tư nghị. Xin xem kinh văn:

Kinh văn: "Hựu chúng bảo liên hoa châu mãn thế giới".

Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng gọi là Liên Hoa thế giới, hoa sen của Tây Phương thế giới đặc biệt nhiều, châu biến quốc trung.

Kinh văn: "Nhất nhất bảo hoa bách thiên ức diệp".

Hoa sen của Tây Phương thế giới cùng với hoa sen chúng ta bên đây khác nhau; hoa sen bên đây của chúng ta, cánh hoa rất lớn thì không nhiều. Trong kinh điển thường thường tán thán mắt của Phật đẹp, mắt của Phật giống như cánh hoa của hoa sen xanh. Quý vị thử nghĩ, nếu như giống cánh hoa của hoa sen thế gian chúng ta thì mắt đó chẳng đẹp lắm, phải không? Hoa sen của Tây Phương thế giới giống như bông cúc của chúng ta vậy, nhỏ, dài và nhiều, giống như hoa cúc của thế gian chúng ta; cho nên mắt đó rất là xinh đẹp.

Cho nên hoa sen của họ với chúng ta khác nhau, hoa sen của họ có trăm ngàn ức diệp; chữ Diệp là nói cánh hoa.

Kinh văn: "Kỳ hoa quang minh, vô lượng chủng sắc".

Đây là Phật nói lời thật với chúng ta, hoa sen là vô lượng màu, mà chẳng phải chỉ có bốn màu, không chỉ là bốn màu xanh, đỏ, vàng, trắng, như trong kinh A Di Đà nói đến; mà vô lượng chủng sắc.

Kinh văn: "Thanh sắc thanh quang, bạch sắc bạch quang. Huyền, hoàng, châu, tử, quang sắc diệc nhiên".

Hoa màu gì thì tỏa ra ánh sáng màu đó, hoa sen phóng quang.

Kinh văn: "Phục hữu vô lượng diệu bảo bách thiên Ma Ni, ánh sức trân kỳ, minh diệu nhật nguyệt".

Câu này là nói diệu bảo trang nghiêm. Hoa đã đẹp vô cùng rồi giữa những đóa hoa, hoa giăng tức là trên mặt hoa đều có vô lượng diệu bảo, đây là Ma Ni; Ma Ni là Như Ý bảo châu. Hoa sen phóng quang, bảo cũng phóng quang, câu "Minh diệu nhật nguyệt", ánh sáng của chúng vượt hơn mặt trời, mặt trăng. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng cần đến ánh sáng mặt trời, mặt trăng nên tất cả vạn

vật đều tự mình chúng phóng quang. Thế giới đó cũng gọi là Quang Minh thế giới, trong kinh Phật thường gọi là Đại Quang Minh Tạng, tức là chỉ cho Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Kinh văn: "Bỉ liên hoa lượng". Đây là xem cỡ nhỏ lớn của hoa sen. Kinh văn: "Hoặc bán do-tuần".

Đây là cở nhỏ, hoa nhỏ là cỡ nửa do-tuần.

Kinh văn: "Hoặc nhất, nhị, tam, tứ, nãi chí bách thiên do-tuần".

Hoa sen của ao thất bảo lớn nhỏ bất nhất, chúng ta phải đặc biệt lưu ý điểm này. Nó lớn nhỏ bất nhất nhưng

quý vị phải biết, công năng của nó là như nhau, công năng chẳng có sai khác, chỉ là lớn nhỏ không đồng nhau. Làm thế nào mà có lớn nhỏ? A Di Đà Phật chỉ biến ra hoa sen cung cấp cho chúng ta. Còn cái cỡ lớn nhỏ của hoa sen thì sao? Là cái tâm lượng của chính chúng ta, là công đức niệm Phật của chính chúng ta. Cho nên quý vị niệm Phật, công phu niệm được càng sâu thì hoa sen ở Tây Phương thế giới lớn. Công phu niệm Phật của quý vị cạn, khi quý vị vãng sanh thì hoa sen so với người khác nhỏ hơn; hoa sen cùng với công phu niệm Phật của quý vị là tỷ lệ thuận.

Cho nên quý vị nên biết, hiện nay chúng ta sống trong thế gian này, mọi thứ đều là giả trất; chẳng thứ gì có

được mà mang đi được, chỗ gọi là "Sanh chẳng mang đến, chết chẳng mang đi"; là một màn trống không, một cơn mộng. Duy chỉ có tranh thủ cho được hoa sen lớn nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới, đó mới là thật, phải không? Cái đó thì vĩnh viễn sẽ chẳng tiêu mất, sẽ chẳng diệt mất; cho nên ở điểm này, chúng ta phải thật sự nỗ lực, công phu niệm Phật nhất định phải sâu! Cái này thì chúng ta có thể mang đi được, chẳng mang đi được những thứ khác. Mang đi được là thật, không mang đi được là giả; chỉ có niệm Phật là thật, cái này chẳng giả, chúng ta nhất định phải ghi nhớ, nhất định phải hết lòng, phải nỗ lực.

Kinh văn: "Nhất nhất hoa trung, xuất tam thập lục bách thiên ức quang".

Đây là hoa sen phóng quang, vậy việc phóng quang khi nãy đã nói, cùng với lớn nhỏ chẳng có quan hệ. Hoa sen lớn phóng ra bao nhiêu ánh sáng đó, hoa sen nhỏ cũng phóng ra bao nhiêu ánh sáng đó. Cho nên công năng là như nhau, cỡ hoa lớn nhỏ thì khác nhau; chúng ta phải biết điều này. Về Quang, đều có ba mươi sáu trăm ngàn ức quang, ánh sáng lớn nhỏ này; tôi nghĩ cỡ lớn nhỏ của hoa sen thành tỷ lệ thuận. Hoa sen lớn thì ánh sáng lớn, hoa sen nhỏ thì ánh sáng nhỏ; nhưng con số của ánh sáng, nhất

định là thông nhau, như vậy mới hợp tình, hợp lý.

Kinh văn: "Nhất nhất quang trung, xuất tam thập lục bách thiên ức Phật".

"Quang trung hóa Phật vô số ức", ở chỗ này chúng ta thấy được, trong bài Tán Phật Kệ, tán thán "quang trung hóa Phật vô số ức". Quang gì đây? Ánh sáng của hoa sen phóng ra, quang trung hóa Phật; đây là thật sự bất khả tư nghị.

Kinh văn: "Thân sắc tử kim, tướng hảo thù đặc".

Tất cả đều là hóa thân của A Di Đà Phật, chư vị thử nghĩ, mỗi một đóa hoa sen, A Di Đà Phật đều hóa ra vô số ức hóa thân. Con số hoa sen của Tây Phương thế giới, Đẳng Giác Bồ Tát đều chẳng tính ra, vậy A Di Đà Phật hóa ra bao nhiêu thân? Thế giới vô biên, chúng sanh vô biên. Nếu Phật chẳng có năng lực này thì làm sao có thể rộng độ chúng sanh, làm sao có thể làm cho chúng sanh trong một đời này viên thành Phật đạo? Ở chỗ này chúng ta thấy được đức năng của Phật, đích thật là siêu việt, vượt ngoài tất cả chư Phật Như Lai; tướng hảo thù đặc.

Kinh văn: "Nhất nhất chư Phật, hựu phóng bách thiên quang minh".

Phật lại phóng quang, hoa sen phóng quang. Quang trung hóa Phật, Phật lại phóng quang.

Kinh văn: "Phổ vi thập phương, thuyết vi diệu pháp".

Thuyết pháp lợi sanh, hóa Phật vì thập phương vô lượng vô biên thế giới tất cả chúng sanh thuyết pháp, "thuyết vi diệu pháp".

Kinh văn: "Như thị chư Phật".

Là nói: "Quang trung hóa Phật", những vị Phật này.

Kinh văn: "Các các an lập vô lượng chúng sanh ư Phật chánh đạo".

Mỗi một vị Phật đều "an lập vô lượng chúng sanh", quang trung hóa Phật này thật là vô lượng vô biên; mỗi một vị Phật lại độ vô lượng vô biên chúng sanh. An lập nơi Phật chánh đạo, quý vị phải biết, chữ Chánh Đạo này là chỉ cho Tây Phương Tịnh Độ. Nói một cách khác, chẳng có một vị Phật nào mà không dạy chúng sanh cầu sanh Tịnh Độ. Cầu sanh Tịnh Độ là con đường chánh đạo để thành Phật. Nơi trong phẩm kinh này đã hiển thị ra, trong kinh Hoa Nghiêm, chỗ nói đến cảnh giới Sự Sự vô ngại, trùng trùng vô tận bất khả tư nghị một cách

thâm sâu; chúng ta ở nơi đoạn kinh văn này đã thấy được, trùng trùng vô tận. Sự Sự vô ngại, Tây Phương Tịnh Độ lấy hoa sen làm Phật sự, nơi đây chúng ta cũng đã thấy ra. Bình thường chúng ta nghe nói Liên Hoa Tạng thế giới, ý nghĩa đó chúng ta cũng rất khó thấu hiểu; đọc đến đoạn kinh văn này thì chúng ta thấy rõ sự thù thắng của Hoa Tạng thế giới bất khả tư nghị; vẫn thể hội được một tí. Chúng ta lật qua, xin xem đoạn kinh văn phía dưới.

Quyết Chứng Cực Quả - Đệ Nhị Thập Nhị

Trong phẩm kinh này, chữ Quyết là quyết định; hoàn toàn là ngữ khí khẳng định. Cực Quả là Viên Giáo

Phật, Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, quyết định chứng đắc. Đây tức là cách thuyết minh Bốn Mươi Tám Nguyện, nguyện thứ Hai Mươi Chín, Trụ Chánh Định Tụ và nguyện thứ Mười Hai, Định Thành Đẳng Giác; xem hiện tượng viên mãn của hai nguyện này của Ngài. Trong phẩm kinh này kinh văn không dài, tổng kết thanh tịnh trang nghiêm; cảnh giới trí tuệ viên dung tập hợp lại. Thật sự mà nói, là trí cảnh nhất như, nhân quả như như, những người vãng sanh, sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, nội vô thủ - xả, trụ Chánh Định Tụ, quyết chứng cực quả. Xin xem kinh văn.

Kinh văn: "Phục thứ A Nan! Bỉ Phật quốc độ, vô hữu hôn ám, hỏa quang, nhật, nguyệt, tinh diệu, trú dạ chi tượng".

Tây Phương thế giới chẳng có những thứ này, thế gian này chúng ta có hoàng hôn, có đêm, đêm là tối. Có ánh lửa, có nhật nguyệt, có tinh tú, có ngày đêm, có những hiện tượng này; ở Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có. Tây Phương thế giới là thế giới quang minh, một bầu quang minh, chẳng có hiện tượng này.

Kinh văn: "Diệc vô tuế nguyệt, kiếp số chi danh".

Thế gian chúng ta đây, năm nay là năm nào, tháng nào, ngày nào, thứ mấy? Có mấy thứ này, ở Tây Phương thế giới không có, tất cả thứ này đều không có. Lại còn, thế giới này của chúng ta, mỗi người họ gì, tên gì? Tây Phương thế giới chưa nghe qua. Quý vị cư ngụ tại thành phố nào, đường nào, số nào? Tây Phương thế giới cũng chẳng có! Thật lạ lùng. Cho nên có số người khi nghe xong, thì nỗi ngờ vực âu lo rất nhiều; vì nếu tôi đến Tây Phương thế giới, chúng ta hai người đều đi, vậy tôi muốn tìm anh, đến đâu để tìm? Tây Phương thế giới tuyệt diệu đấy, so với diện mạo chúng ta đây còn tuyệt diệu hơn! Bất luận láng giềng hay thân thích gần xa, sanh đến Tây Phương thế giới, khi tâm vừa

động, muốn gặp họ thì người đó đã đứng trước mặt quý vị rồi, đâu cần phải đi hỏi số nhà để tìm, phải không? Điều đó mất công biết mấy! Quá mất công. Vì sao nơi đó chẳng có? Quý vị hãy nghĩ cho kỹ, những hiện tượng này đều là từ trong tâm phân biệt, chấp trước biến hiện ra; người của Tây Phương thế giới thanh tịnh, chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước! Cái này chẳng có.

Có nhân thì có quả, có quả đương nhiên có nhân; người của Tây Phương thế giới không có phân biệt, không có chấp trước, cho nên cảnh giới của họ đẹp đẽ tốt lành như vậy, tâm địa thanh tịnh, quang minh cho nên cảm được cái tướng thế giới quang minh, chẳng có đen tối. Nơi đây, lòng người chúng

ta có niệm tốt, niệm ác; niệm tốt thì có quang minh, niệm ác thì gọi là đen tối, chúng ta thường gọi là hắc tâm; chẳng tốt tức là hắc tâm, cảm được đó thì có đen tối. Người của Tây Phương thế giới chẳng có, đều là tâm thuần thiện, tâm thanh tịnh, cho nên cảm được đó là một màn quang minh, chẳng có đen tối. Vậy do đây có thể biết, Thế Tôn vì chúng ta nói kiếp số, những con số này đều là tùy thuận những tập khí phân biệt, chấp trước của chúng ta mà nói. Ở Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có! Ví như nói, Phật nói với chúng ta A Di Đà Phật tại Tây Phương Cực Lạc thế giới thành Phật đã mười kiếp rồi; mười kiếp này là từ chúng ta nơi đây mà

nói, chẳng phải từ Tây Phương thế giới mà nói.

Tây Phương thế giới chẳng có những sự việc này, chúng ta biết đạo lý này, sự thật này, chúng ta cũng rất vui vẻ, cũng rất yên tâm; tại sao vậy? Ví như nói, trong Quán Kinh nói người Hạ Phẩm Hạ Sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, mười hai kiếp thì hoa nở thấy Phật; mười hai kiếp này là thời gian của chúng ta bên đây, đó chẳng phải của Tây Phương thế giới. Tây Phương thế giới chẳng có kiếp số như bên đây của chúng ta, thì thời gian này chẳng dài. Lại nói, tâm hoài nghi khi sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, điều này, phía sau chúng ta sẽ đọc đến; tâm hoài nghi sanh đến Tây Phương Cực

Lạc thế giới thì sanh vào biên địa nghi thành. Sau năm trăm tuổi mới có thể thấy Phật nghe pháp, năm trăm tuổi đó cũng là của thế giới này của chúng ta, chẳng phải của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có, làm gì có năm trăm tuổi? Năm trăm tuổi là của thế giới chúng ta. Vậy năm trăm tuổi của thế giới chúng ta đây, ở Tây Phương Cực Lạc thế giới cái đó trong kinh Vô Lượng Thọ nói đâu có là bao lâu! Cho nên, dù cho là nghi tâm sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng rất là phi thường, cũng rất đáng được người người bội phục; vấn đề này lưu lại phía sau, chúng ta sẽ thảo luận trở lại.

Kinh văn: "Phục vô trụ trước gia thất, ư nhất thiết xứ, ký vô tiêu thức danh hiệu, diệc vô thủ xả phân biệt".

Đây là khi nãy vừa nói rồi, Tây Phương Cực Lạc thế giới "trụ trước gia thất" cũng chẳng có. Chữ Vô này, không phải quý vị chẳng có cung điện, chẳng có cư trú, chẳng có thân thể, không phải vậy! Có cư trú, có cung điện. Phía trước đã nói, nơi ăn chốn ở mọi thứ đều tự tại. Chữ Vô này là không chấp trước; chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước. Vì chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, cho nên cái thế giới đó thật sự bình đẳng, thật sự thanh tịnh. Chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, vậy thì tốt đẹp

đến chỗ cùng cực. "Nhất thiết xứ", đây là tổng thuyết; "ký vô tiêu thức danh hiệu", như tôi vừa nói ra thí dụ, mọi người ở chung một nơi, vẫn chẳng có tên đường, cũng chẳng có số nhà, chẳng có những dấu hiệu này.

"Diệc vô thủ xả phân biệt", như trong kinh Kim Cang chỗ nói, điều này thật phù hợp với câu "Vĩnh ly Tứ Tướng, Tứ Kiến". Phật trong kinh Kim Cang nói với chúng ta cái tiêu chuẩn của Bồ Tát, tiêu chuẩn thấp nhất là phải lìa Tứ Tướng, "Nhược Bồ Tát hữu Ngã Tướng, Nhân Tướng, Chúng Sanh Tướng, Thọ Giả Tướng, tức phi Bồ Tát"; đây là Phật chẳng thừa nhận, đó không phải Bồ Tát vì họ còn chấp tướng, có phân biệt, chấp trước. Không giống như nhân gian

chúng ta là nơi kia truyền giới, họ thọ xong Bồ Tát Giới trở về tức là Bồ Tát rồi, tự cho mình là Bồ Tát; kẻ khác cũng xưng là Bồ Tát, họ cho họ là Bồ Tát rồi. Quý vị nên biết, Phật chẳng thừa nhận, Phật vừa nhìn đến "Đây không phải là Bồ Tát", vì sao vậy? Phân biệt, chấp trước chưa lìa khỏi, đó là Bồ Tát giả, mạo nhận là Bồ Tát, chẳng phải Bồ Tát thật. Cho nên phải biết điều này, Cao Đẳng Bồ Tát còn phải phá Tứ Kiến.

Nửa bộ sau kinh Kim Cang so với nửa bộ trước, cảnh giới cao hơn. Nửa bộ sau nói đó là "Nhược Bồ Tát hữu Ngã Kiến, Nhân Kiến, Chúng Sanh Kiến, Thọ Giả Kiến, tức phi Bồ Tát". Chỗ này nói: "Diệc vô thủ xả phân biệt", Tứ Tướng, Tứ Kiến đều chẳng

còn là chân Bồ Tát, đó chẳng phải giả là thật. Vậy như những người đới nghiệp vãng sanh như chúng ta, những tập khí này thường thường vẫn còn. Thật tại mà nói, nhờ bổn nguyện oai thần gia trì, chúng ta đi rồi thì Bồ Tát giả cũng biến thành Bồ Tát thật, cùng thập phương thế giới chư Phật Như Lai cũng chẳng thể coi rẻ. Đây là đệ tử của A Di Đà Phật! Phải đặc biệt đối xử những người này khác với đại chúng, thì quý vị sẽ nghĩ đến nếu chẳng vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì đoạn Tứ Tướng, Tứ Kiến là khó. Nói thì dễ, quý vị thử nghĩ xem, quý vị có thể phá nổi chăng? Đây quả thật chẳng dễ dàng. Hồi tưởng lại Tây Phương thế giới các thứ trang nghiêm, thù thắng chẳng thể

nghĩ bàn, thật sự là khó được. Trong cảnh giới này cũng tức là thường nói: "Tâm trí nhất như, tâm tịnh nhất như", nội tâm cùng cảnh giới bên ngoài nhất như, tất cả phân biệt, chấp trước thảy đều chẳng còn nữa; cái này cũng tức là Thường Tịch Quang Tịnh Độ trong Tứ Độ. Trong phần kinh văn này tuy chẳng có viết như vậy, nhưng cảnh giới này là cảnh giới của Thường Tịch Quang Tịnh Độ rồi vậy. Phía dưới nói:

Kinh văn: "Duy thọ thanh tịnh tối thượng khoái lạc".

Cái Lạc này, chúng ta chẳng nghĩ đến được, chúng ta vô phương thể hội được; tại sao vô phương thể hội? Bởi

vì chúng ta có phân biệt, có chấp trước. Ngày nay chúng ta nói đến chữ Lạc này, đều là cái lạc trong phân biệt, chấp trước của chúng ta, còn cái lạc lìa khỏi phân biệt, chấp trước thì làm sao quý vị có thể thể hội được? Phía trước Phật cho chúng ta một thí dụ, thí dụ "Lậu tận tỳ-kheo", cái niềm khoái lạc như lậu tận tỳ-kheo thì chúng ta cũng chẳng thể thể hội được. Đây là nói những gì? Là nói cạn, chẳng phải sâu. Trong phiền não, chỉ là đem Kiến Tư phiền não đoạn dứt; cảnh giới của Tiểu Thừa A La Hán chỗ chứng, cái lạc đó của họ thì chúng ta chẳng thể thể hội đến được. Vậy chỗ này là Đại Thừa Bồ Tát, cho dù là những người đới nghiệp vãng sanh được Phật bổn nguyện oai thần

gia trì, từng người, từng người đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí Bồ Tát là Thất Địa trở lên, vượt qua Tứ Quả A La Hán quá nhiều quá nhiều. Cái lạc của họ, làm sao chúng ta có thể tưởng tượng đến được? Chúng ta thường hay nghe "tâm tịnh thì độ tịnh", độ tịnh tức là hoàn cảnh bên ngoài thanh tịnh. Cảnh giới, trên thực tế chúng ta cũng chẳng thể tưởng tượng đến được, vô phương thể hội. Đây là Chân Lạc, cho nên xưng là Cực Lạc thế giới.

Kinh văn: "Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược dĩ sanh, nhược đương sanh, giai tất trụ ư Chánh Định chi tụ".

Nơi trong Bổn Nguyện chúng ta cũng có đọc qua điều này; nguyện thứ Hai Mươi Chín trong Bốn Mươi Tám Nguyện. Tuy nhiên Chánh Định ở chỗ này, chúng ta có thể khẳng định là "Phát Bồ Đề tâm, Nhất hướng chuyên niệm", thì tâm này định tại danh hiệu. Danh hiệu của A Di Đà Phật thì định tại Tây Phương thế giới y chánh trang nghiêm. Đặc biệt là nói về "Nhược đương sanh", Đương Sanh chỉ cho hiện tại chúng ta; hiện tại chúng ta niệm Phật phát nguyện, vẫn chưa đi, sắp phải đi, đây là đương sanh. Tâm của chúng ta hiện nay trụ ở "Chánh Định chi tụ". "Chánh Định chi tụ" này tức là nhất tâm, nhất ý niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Tâm định trên cái này! Tuyệt đối chẳng lay động, tuyệt

đối chẳng bị tất cả các pháp thế gian dụ hoặc lay động. Tâm chúng ta định rồi, chẳng bị các pháp môn tông phái khác của Phật pháp lay động. Tâm chúng ta định rồi, đương nhiên sẽ chẳng bị các tôn giáo ngoại đạo khác lay động; đây là hiện nay chúng ta "trụ Chánh Định tụ". Tâm đã định rồi thì tương lai:

Kinh văn: "Quyết định chứng ư A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề".

Đây là nguyện thứ Mười Hai, Định Thành Chánh Giác. Bởi vì hiện nay chúng ta tâm Định thì quyết định vãng sanh, sanh đến Tây Phương Cực

Lạc thế giới quyết định Tam Bất Thoái, quyết định thành Phật.

Kinh văn: "Hà dĩ cố? Nhược Tà Định Tụ, cập Bất Định Tụ, bất năng liễu tri kiến lập bỉ nhân cố!"

Sự thật này, chúng ta cũng phải rõ ràng, phải thấu hiểu. Tà Định Tụ là quý vị một lòng, một dạ đi học các môn phái khác, đây cũng là chuyên tâm học các pháp môn khác, hoặc giả học các thứ ngoại đạo khác, đều rất chuyên tâm để học. Tà Định Tụ này chẳng thể vãng sanh, còn Bất Định Tụ thì sao? Đó thì lại càng tệ hại hơn, cái này cũng muốn học, cái kia cũng muốn học, gọi là tạp tu. Tạp tu, loạn tu là Bất Định Tụ, cái này đều chẳng

thể thành tựu. "Bất năng liễu tri", A Di Đà Phật "kiến lập bỉ", Bỉ là chỉ cho Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng tức là chánh nhân của vãng sanh bất thoái thành Phật.

Quý vị chẳng biết cái tình trạng chân chánh này của Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị chẳng liễu giải; người của Chánh Định Tụ thì liễu giải rõ ràng, minh bạch. Chương phía dưới đây không dài, chúng ta rút lên, bây giờ phải rút độ tiến cho nhanh.

Thập Phương Phật Tán - Đệ Nhị Thập Tam

Đây là nguyện thứ Mười Bảy của A Di Đà Phật Bốn Mươi Tám Nguyện,

sự thực hiện của nguyện thứ Mười Bảy.

Kinh văn: "Phục thứ A Nan! Đông phương Hằng hà sa số thế giới, nhất nhất giới trung, như Hằng sa Phật".

Đây là cử ra một phương, cử ra Đông phương thế giới vô lượng vô biên giống như cát sông Hằng chẳng đếm được, cát sông Hằng là thí dụ; "Nhất nhất giới trung, như Hằng sa Phật", mỗi một vị Phật:

Kinh văn: "Các xuất quảng trường thiệt tướng, phóng vô lượng quang, thuyết thành thật ngôn".

Thành thật là một tí cũng chẳng giả.

Kinh văn: "Xưng tán Vô Lượng Thọ Phật, bất khả tư nghị công đức".

Đông phương này là nói rất tường tận, nói rất rõ ràng, còn các phương khác, có thể tóm tắt.

Kinh văn: "Nam, Tây, Bắc phương Hằng sa thế giới, chư Phật xưng tán diệc phục như thị".

Là giống như phương Đông chẳng khác.

Kinh văn: "Tứ duy, thượng, hạ, Hằng sa thế giới, chư Phật xưng tán diệc phục như thị".

"Tứ duy, thượng, hạ" tức là chỉ cho thập phương. Đông, Nam, Tây, Bắc bốn phương; Tứ Duy là gì? Là Đông Bắc, Đông Nam, Tây Bắc, Tây Nam, bốn góc này gọi là tứ duy; cộng thêm Thượng, Hạ phương là thập phương. Thập phương thế giới tất cả chư Phật, chẳng có một vị Phật nào chẳng tán thán A Di Đà Phật, chẳng có một vị Phật nào chẳng khuyên người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Cho nên nhất định chúng ta phải biết, ngày nay chúng ta đã nghe lời Thích Ca Mâu Ni Phật phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Không chỉ là

khuyến cáo của Thích Ca Mâu Ni Phật, thật tại là thập phương chỗ có tất cả chư Phật đều là khuyến cáo như vậy. Chúng ta quả nhiên y giáo phụng hành thì Phật hoan hỷ, tất cả chư Phật đều hoan hỷ. Phật hộ niệm, Phật thường thường sẽ nhớ nghĩ đến quý vị, giúp đỡ quý vị trong lúc quý vị đang niệm Phật, sẽ chẳng làm quý vị có trở ngại; giúp quý vị trong một đời này vãng sanh một cách thuận lợi. Chỉ cần chính tâm chúng ta định, phía trước nói chúng ta phải "trụ Chánh Định Tụ", thì được tất cả chư Phật hộ niệm. Con đường vãng sanh này của chúng ta sẽ thuận lợi, sẽ chẳng có một tí chướng ngại. Giả như quý vị nói quý vị niệm Phật vãng sanh có chướng

ngại, thì quý vị chẳng phải là Tà Định Tụ thì là Bất Định Tụ.

Chướng ngại là ở nơi chính mình, chẳng phải ở nơi Phật, nhất định phải rõ ràng, phải minh liễu điều này, biết được pháp môn này thật tại bất khả tư nghị. Bởi vì có một số đồng tu trước kia tu các pháp môn khác, hiện nay nghe nói kinh này hay, muốn chuyển trở lại tu pháp môn này, trong lòng thấy lo âu, nghi hoặc, e rằng sợ có lỗi với những vị Bồ Tát trước kia. Ví như trước kia niệm Địa Tạng Bồ Tát, bây giờ tôi niệm A Di Đà Phật, làm sao chẳng có lỗi với Ngài đây? Trước kia niệm kinh Địa Tạng, bây giờ không niệm nữa, hình như trong tâm rất áy náy, thì đây là sai rồi! Quan niệm này quá đỗi sai lầm. Bất luận trước kia

quý vị niệm vị Phật nào, bất luận trước kia quý vị niệm một vị Bồ Tát nào, niệm kinh điển gì, ngày nay quay đầu trở lại niệm kinh Vô Lượng Thọ, niệm A Di Đà Phật thì chư Phật, Bồ Tát đó đều vỗ tay, đều hoan nghênh bảo: "Chao ôi, ngươi đúng rồi, quả nhiên ngươi đúng rồi". Cho nên chớ hoài nghi, đọc xong đoạn kinh văn này, còn gì để hoài nghi chứ? Rõ ràng, minh bạch, tất cả chư Phật đều là một nguyện này.

Kinh văn: "Hà dĩ cố? Dục linh tha phương, sở hữu chúng sanh, văn bỉ Phật danh, phát thanh tịnh tâm, ức niệm thọ trì, quy y cúng dường".

Tất cả chư Phật đều hy vọng chúng ta quy y A Di Đà Phật, tất cả chư Phật đều hy vọng chúng ta cúng dường A Di Đà Phật.

Kinh văn: "Nãi chí năng phát, nhất niệm tịnh tín, sở hữu thiện căn, chí tâm hồi hướng, nguyện sanh bỉ quốc".

Đây là kỳ vọng của tất cả chư Phật đối với chúng ta. Từ mê, tà, nhiễm mà quay đầu, trước kia chúng ta chẳng hay biết, chẳng biết chân tướng sự thật. Hoặc là bái quỷ thần, bái quỷ thần là việc rất bình thường, hoặc là học ngoại đạo, hoặc là học các pháp môn không như pháp khác trong Phật môn. Chẳng biết được đó

đều là mê, đều là tà, đều là nhiễm. Nếu cùng pháp môn này so sánh, đó đều là mê, tà, nhiễm; chúng ta từ đây để hồi đầu, lấy Đại Giác, lấy Chí Chánh, lấy Chân Tịnh; Giác - Chánh - Tịnh. Thập phương chư Phật tán thán Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật là chỗ quy y chân chánh của chúng ta, đây là thập phương chỗ có tất cả Như Lai mách cho chúng ta, chỉ đạo cho chúng ta, dạy chúng ta phát thanh tịnh tâm, ức niệm thọ trì, quy y. Chúng ta chẳng quy y A Di Đà Phật thì quy y ai chứ? Quý vị có thể nói, quy y A Di Đà Phật là sai rồi sao? Nếu quý vị đã nói sai, vậy thì quý vị đã hủy báng Phật, không chỉ hủy báng một vị Phật mà tất cả chư Phật đều

hủy báng. Vậy quý vị còn kham nổi được sao? Tội lỗi này sẽ lớn lắm đấy.

Tôi nghe có người nói là có người phê bình tôi, nói tôi nói Tam Quy Y, cuối cùng đều phải quy y A Di Đà Phật, quy y kinh Vô Lượng Thọ. Họ đều nói tôi đã nói lời thái quá, nói không đúng, nói thái quá. Tôi có căn cứ, tôi căn cứ trên kinh này mà nói, đây là tất cả chư Phật nói đó, làm sao nói sai được? Tức là bảo chúng ta quy y A Di Đà Phật, quy y kinh Vô Lượng Thọ, quy y Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, vậy sao có thể sai được? Tất cả chư Phật là dạy chúng ta như vậy đó. Cho nên chúng ta là từ vô lượng pháp hải hồi đầu, quy y kinh Vô Lượng Thọ, nhất tâm ức niệm, chúng ta

quyết định trong một đời này thành tựu.

Trong việc cúng dường, Phổ Hiền Bồ Tát nói với chúng ta, "Trong tất cả cúng dường, Pháp cúng dường là tối", thập phương tất cả chư Phật Như Lai lấy phương pháp gì để cúng dường A Di Đà Phật? Tức là phía trước chỗ nói, cực lực tán thán, tuyên dương, khuyên tất cả chúng sanh vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới; đây tức là tất cả chư Phật đối với A Di Đà Phật chân thật cúng dường. Chúng ta hiểu rõ rồi, chúng ta cũng học chư Phật Như Lai, tận hư không biến pháp giới tán thán tuyên dương, đến khắp nơi khuyên người niệm A Di Đà Phật. Họ tin thì rất tốt, không tin cũng tốt. Không tin thì sao? Câu A Di Đà Phật

họ nghe rồi, trong Bát Thức điền hạt giống ấy đã trồng xuống rồi. Đời này không tin không được vãng sanh, vẫn có một ngày nào đó hạt giống này mọc lên, duyên của họ thành thục rồi, vẫn là lực lượng của hạt giống này giúp đỡ cho họ phát nguyện niệm Phật được sanh Tịnh Độ. Tương lai họ vãng sanh, cái nhân ấy là do chúng ta giúp họ trồng đó! Cho nên phải nên đến khắp nơi khuyên người niệm Phật, khuyên người cầu sanh Tịnh Độ. Tự mình càng phải làm một cái gương thật tốt, tương lai khi vãng sanh là tự tại vãng sanh, biết trước giờ đi, chẳng có bệnh khổ. Tốt nhất là lúc vãng sanh mở một đại hội vãng sanh để chiêu đãi ký giả; mọi người chẳng phải đã tin rồi sao? Phương pháp rất

nhiều, đây đều là học theo chư Phật làm thế nào để cúng dường A Di Đà Phật; đây là nguyện sanh bỉ quốc.

Kinh văn: "Tùy nguyện giai sanh, đắc Bất Thoái Chuyển, nãi chí Vô Thượng Chánh Đẳng Bồ Đề".

Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì viên chứng Tam Bất Thoái, cho nên pháp môn này chẳng thể nghĩ bàn; một đời thành tựu, Phật pháp thành tựu ngay trong một đời này. Phía trước đã cùng với quý vị báo cáo qua rồi, chúng ta sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới là sống mà đi, một đời chẳng có đến đời thứ hai. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới

cũng là một đời thành Phật. Cho nên tất cả đều là một đời, chẳng có chuyển thế, chẳng có trở lại đời thứ hai, nền Phật pháp trong một đời thành tựu. Chúng ta nhất định phải trân quý nó, nhất định phải đem cơ hội này nắm cho thật chặt; việc gì ở thế gian này cũng đều là hư vọng chẳng thật. Cho nên phải đem việc này xem như là một việc đại sự duy nhất phải làm trong một đời này của chúng ta. Những việc khác, thật sự đều là việc nhỏ nhặt chẳng đáng nói đến, không nên phải đeo mang trong lòng. Hôm nay chúng tôi xin giảng đến đây. A Di Đà Phật

Tập 17

Xin lật kinh bản, trang tám mươi chín, hàng thứ nhì.

Tam Bối Vãng Sanh - Đệ Nhị Thập Tứ

Phía dưới hai phẩm này cũng là bộ phận rất trọng yếu của bổn kinh, Phật muốn vì chúng ta nói rõ phương pháp vãng sanh; toàn kinh, thật tại mà nói, là thời thời đánh thức chúng ta. Hai phẩm này là chuyên giảng về cái nhân năng sanh này, tức là Tín - Nguyện - Trì Danh, ba điều kiện này; trong đoạn này vì chúng ta thuyết minh Tam Bối; Thượng, Trung, Hạ Tam Bối. Quán Vô Lượng Thọ Phật

Kinh nói được tường tận hơn, chúng ta thường nói Tam Bối Cửu Phẩm tức là đem Vô Lượng Thọ Kinh cùng Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh hợp lại, gọi là Tam Bối Cửu Phẩm. Vậy dưới đây một biến, chương Vãng Sanh Chánh Nhân đặc biệt chú trọng phương diện tu hành; đây là chúng ta đặc biệt lưu ý. Xin xem kinh văn.

Kinh văn: "Phật cáo A Nan: Thập phương thế giới, chư thiên, nhân dân, kỳ hữu chí tâm nguyện sanh bỉ quốc, phàm hữu tam bối".

Đoạn này là tổng thuyết, "thập phương thế giới, chư thiên, nhân dân", đương nhiên bao quát chúng ta trong đó, tận hư không biến pháp giới tất cả

chư Phật sát độ, một nơi đều chẳng sót, cả thảy đều bao quát trong đó. Từ chỗ này chúng ta thể hội được nguyện lực rộng lớn, hoằng thâm của A Di Đà Phật; thần thông đạo lực đích thật bất khả tư nghị. Ngài chẳng phải độ một cái đại thiên thế giới, trăm ngàn cái đại thiên thế giới, chẳng phải vậy, mà Ngài là phổ độ. Vậy chư Phật Như Lai đối với Ngài tán thán, xưng tán Ngài là Phật trung chi vương, đích thật là chẳng quá đáng. Dưới đây giảng về duyên thành thục của sự vãng sanh, cơ duyên thành thục rồi. Chí tâm, chân tâm, đây là Tín đầy đủ. Chúng ta Tín - Nguyện - Hạnh, Tín này đầy đủ; Nguyện sanh bỉ quốc, Nguyện này cũng đầy đủ. Ngẫu Ích đại sư vì chúng ta nói rằng, có thể

vãng sanh hay không là quyết định ở nơi Tín - Nguyện có hay không! Nếu như có chân tín, thiết nguyện thì nhất định được sanh. Vậy sanh đến Tây Phương thế giới, xem công phu tu hành của họ đó thì có ba hạng, Tam Bối này tức là ba hạng; kỳ thật, đây là phần Đại. Còn phần Tế? Tức là Cửu Phẩm. Nếu như lại chia Cửu Phẩm nhỏ nữa, trong mỗi một phẩm lại có Tam Bối Cửu Phẩm, càng chia thì lại càng tế vậy. Kỳ thật, chúng ta được biết Tây Phương thế giới là thế giới bình đẳng, chẳng cần phiền phức như vậy, chẳng cần phân biệt, chấp trước như vậy.

Kinh văn: "Kỳ thượng bối giả, xả gia khí dục, nhi tác sa-môn".

Thượng Bối này là xuất gia cầu sanh Tịnh Độ, vậy có số không ít đồng tu đọc xong kinh này đến hỏi tôi, họ nói: "Thưa thầy, chúng ta vãng sanh, chẳng có hy vọng Thượng Bối?" Thượng Bối tức là Thượng Thượng Phẩm, Thượng Trung Phẩm, Thượng Hạ Phẩm trong Cửu Phẩm. Họ nói: "Cái đó nhất định phải là xuất gia mới được, không xuất gia thì chẳng có hy vọng". Tuy nhiên, muôn ngàn xin quý vị đừng quên rằng, bổn kinh vừa mở đầu, trong phẩm Đệ Nhị vừa mở đầu, Phật vì chúng ta nói Hiền Hộ Đẳng thập lục Chánh Sĩ. Đó đều là Bồ Tát tại gia, đều là người tại gia; vả lại đều là người Thượng Thượng Phẩm vãng sanh. Đâu có nói, người tại gia chẳng

có phần? Người tại gia Thượng Bối vãng sanh rất nhiều rất nhiều; vì thế cho nên ở chỗ này, có cách nói khác cho người xuất gia. Chữ Gia này, trong Đại Thừa Phật pháp nói với chúng ta, Gia có nhiều thứ, chẳng phải một thứ. Hiện nay người thường chúng ta cho rằng chữ Gia này tức là quý vị có nhà cửa, tài sản, có gia đình, thân nhân, quyến thuộc; cái này gọi là chữ Gia của gia trạch.

Hiện nay người thường đều nhìn trên hình thức này, Phật dạy chúng ta điều này không sao, điều này một tí quan hệ cũng chẳng có trở ngại. Vậy thì còn có chữ Gia nào sánh với cái này nghiêm trọng hơn? Phật dạy chúng ta, phiền não là gia, phải ra khỏi Phiền Não gia mới được. Tam

Giới là gia, tam giới tức là lục đạo luân hồi, cái này là gia. Có thể thấy rằng, ngoài chữ Gia của gia đình ra còn có gia của tam giới, có gia của sanh tử, có gia của phiền não, còn có ba thứ. Vậy xuất gia, xuất cái đó mới quan trọng, gia trạch không quan trọng.

Còn chữ Xuất thì sao? Cũng có bốn cách nói. Một loại là thân xuất gia rồi, còn tâm chưa xuất; thân xuất, tâm chẳng xuất, cách này vô dụng. Còn cách thứ hai? Như rất nhiều người chúng ta xuất gia, đã cạo đầu thọ đại giới rồi, thân xuất rồi, còn tâm thì sao? Trong tâm vẫn còn danh văn, lợi dưỡng, vẫn tham niệm ngũ dục, lục trần, chưa xuất, tâm chưa xuất; thân xuất rồi còn tâm chưa xuất, đây

vẫn vô dụng. Một loại thứ hai nữa là, tâm xuất, thân chẳng xuất, đây là Bồ Tát tại gia, Hiền Hộ Đẳng thập lục Chánh sĩ, tức là tâm xuất, thân chưa xuất. Đây là nói về loại này; câu "xả gia khí dục" là nói loại này. Loại thứ ba là thân tâm đều xuất, thân xuất, tâm cũng xuất; đây là đệ tử xuất gia chân chánh, hoằng truyền pháp lợi sanh; đây là đệ tử Phật chân chánh. Còn loại thứ tư là thân, tâm đều chẳng xuất; thân tâm đều chẳng xuất, có phải chỉ người thường bên ngoài không? Không phải, mà là chỉ cư sĩ tại gia các anh, thân chưa xuất, tâm cũng chẳng muốn xuất; thân tâm đều chẳng xuất, là hạng người như vậy. Vậy thân tâm đều chẳng xuất thì sao? Hạng này, Thượng Phẩm Thượng Bối

thì chẳng có phần. Nếu như nói là anh thân chẳng xuất mà tâm xuất, Thượng Bối có phần; cho nên ba phẩm trên là có phần. Cho nên trước tiên đem hai chữ Xuất và Gia nhận thức rõ ràng.

"Xả gia khí dục", Dục là ngũ dục lục trần, các thứ trong tam giới lục đạo hồng trần không còn lưu luyến nữa, hết thảy đều đã buông xuống, đây là đã thật sự xuất gia; xuất cái gia của tam giới, xuất cái gia của phiền não, xuất cái gia của sanh tử. "Nhi tác sa-môn", Sa-Môn vốn là cách xưng hô thông thường của người tu đạo thời xưa ở Ấn Độ. Tuy nhiên, sau khi Phật giáo truyền đến Trung Hoa, hầu như đã biến thành cách chuyên xưng người xuất gia Trung Hoa. Nhưng ở chỗ này chẳng coi như là chuyên

xưng người xuất gia, bởi vì kinh là Phật giảng tại Ấn Độ, vậy thì sa-môn vẫn là nghĩa của Ấn Độ, chẳng thể đem nghĩa của Trung Hoa mà giảng; tức là một người tu đạo. Ý nghĩa của nó là "Cần tu Giới, Định, Tuệ, Tức diệt tham, sân, si"; cư sĩ tại gia có thể "Cần tu Giới, Định, Tuệ, Tức diệt tham, sân, si", thì cũng xưng là sa-môn. Cho nên đây là cách thông xưng cho xuất gia và tại gia. Tuy nhiên hạng Thượng Bối vãng sanh, quyết định là tâm địa thanh tịnh, đối với pháp thế, xuất thế gian họ thảy đều buông hết cả; thì ý nghĩa xuất gia ở chỗ này cùng thân xuất gia, chẳng xuất gia chẳng có quan hệ. Đây là trước tiên chúng ta đem nó nhận thức

rõ ràng; vậy cương lĩnh tu hành, xin xem hai câu phía dưới này.

Kinh văn: "Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật".

Trong kinh chỉ ra cho chúng ta rõ ràng minh bạch, cần chúng ta phải: "Nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật", chẳng phải bảo chúng ta niệm Phật, Bồ Tát khác; quý vị xem, thật là rõ ràng minh bạch như vậy. Vậy cái gì gọi là "Phát Bồ Đề tâm"? Bồ Đề là tiếng Phạn, ý nghĩa là Giác Ngộ. "Phát Bồ Đề tâm" tức là chân chánh giác ngộ, thật sự giác ngộ; cũng có thể nói là triệt để giác ngộ, giác ngộ cứu cánh viên mãn rồi. Hạng người

như vậy mới khẳng định muôn duyên buông xuống, nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật. Giả như họ chưa giác ngộ, làm sao họ chịu buông xuống? Chưa giác ngộ, làm sao họ chịu chuyên niệm? Giác ngộ tức là minh bạch thế gian này của chúng ta, Sa Bà thế giới, trạng huấn bên trong hiểu rõ; thập phương chư Phật sát độ, tình hình bên trong, đại để cũng hiểu rõ, các thứ trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng rõ ràng thì người này giác ngộ rồi. Họ biết lựa chọn, họ lựa chọn đó, một tí cũng không sai! Một người có thể chọn Tây Phương Cực Lạc thế giới, một đời vãng sanh bất thoái thành Phật độ sanh; đây chẳng phải sự triệt ngộ cứu cánh viên mãn sao? Triệt ngộ là gì?

Cho nên tôi nói những lời này, ngữ khí này, người khác nghe được thấy hình như tôi quá võ đoán, chẳng nên khẳng định như vậy; nhưng sự thật là như vậy, tôi cũng không quá đáng, tôi là lời thật nói thật, quý vị hãy tỉ mỉ quan sát kinh văn. Kinh là Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta nói, nếu như bảo tôi nói thái quá, đó tức là bảo Thích Ca Mâu Ni Phật nói thái quá, tất cả chư Phật Như Lai đã nói thái quá; chẳng phải tôi nói thái quá. Cho nên chúng ta nên biết, sự thật này là muôn ngàn chân thật, trong một đời này nếu luống qua thì quá đáng tiếc.

Kinh văn: "Tu chư công đức, nguyện sanh bỉ quốc".

Trong câu này, ý nghĩa bao quát thì vô cùng vô cùng nhiều, trong bộ kinh này, phía sau chỗ nói đó quá nhiều quá nhiều; dạy cho chúng ta phải nên tu học cách nào. Nói một cách khác, đơn giản toát yếu là phải đọc tụng; kinh không đọc tụng không được, ngày ngày phải đọc tụng, phải hiểu rõ, phải tùy thời tùy chỗ khuyến tấn dắt dẫn kẻ khác. Đây tức là khuyến tấn hành giả tu Pháp bố thí, lợi ích tất cả chúng sanh, đây là công đức chân thật; chúng ta đem công đức này hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ.

Kinh văn: "Thử đẳng chúng sanh, lâm thọ chung thời, A Di Đà Phật, dữ chư thánh chúng, hiện tại kỳ tiền".

Đây là đắc quả, Phật đến tiếp dẫn vãng sanh.

Kinh văn: "Kinh tu du gian".

Chữ Tu Du này là nói thời gian ngắn tạm, rất nhanh.

Kinh văn: "Tức tùy bỉ Phật vãng sanh kỳ quốc, tiện ư thất bảo hoa trung tự nhiên hóa sanh".

Cái này là Thượng Thượng Phẩm vãng sanh, "hoa khai kiến Phật", vừa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thì là hoa nở thấy Phật.

Kinh văn: "Trí tuệ dũng mãnh, thần thông tự tại".

Cái này là Phật lực gia trì, cũng là công đức của tự mình tu trì thành thục. Vậy đây là đem tu nhân đắc quả vì chúng ta nói ra. Đoạn phía dưới, Thích Ca Mâu Ni Phật vô cùng từ bi, bao lần khuyên nhủ chúng ta.

Kinh văn: "Thị cố A Nan!"

Chữ Thị Cố là, ông xem phía trước chỗ nói về tu nhân đắc quả, lợi ích này là thù thắng chẳng gì sánh bằng; cho nên Thế Tôn lặp đi, lặp lại dặn dò.

Kinh văn: "Kỳ hữu chúng sanh dục ư kim thế kiến A Di Đà Phật giả".

Đây là Thượng Thượng Phẩm vãng sanh, trước khi chưa vãng sanh thì thấy được A Di Đà Phật, cho nên nói Kim Thế. Chúng ta xem truyện ký của tổ sư, sơ tổ Tịnh Tông chúng ta, Huệ Viễn đại sư, Ngài thấy được Tây Phương Tịnh Độ ba lần trong một đời. Thấy được ba lần, Ngài chưa từng nói với ai cả; khi lâm chung Phật đến tiếp dẫn, cảnh giới này lại hiện tiền. Ngài mới nói với học trò, Ngài nói: "Ta phải đi đây, Phật đến tiếp dẫn ta rồi"; Ngài nói quá khứ đã thấy qua ba lần cảnh giới Tây Phương, Ngài mới tuyên bố, mới nói ra cảnh giới Ngài

thấy được đó với chỗ nói trong Vô Lượng Thọ Kinh hoàn toàn tương đồng. Bởi vì vào thời Viễn Công đại sư, Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh và A Di Đà Kinh đều vẫn chưa được phiên dịch ra.

Cho nên lúc bấy giờ Ngài xây dựng đạo tràng ở Lư Sơn, cho việc tu niệm Phật vãng sanh, kinh điển chỗ căn cứ tức là Vô Lượng Thọ Kinh, đó là Tịnh Độ Nhất Kinh, chẳng có Tam Kinh, sau này mới có Tam Kinh; lúc đó được phiên dịch ra tức là bộ kinh này. Ngài bèn y theo bộ kinh này mà tu hành, cho nên ngày xưa gọi bộ Vô Lượng Thọ Kinh này là Tịnh Tông Đệ Nhất Kinh; là có đạo lý của nó. Năm xưa, sơ tổ là y theo bộ kinh này, cảnh giới chỗ Ngài thấy được cùng

trong kinh chỗ nói đó hoàn toàn tương đồng; điều này thì quyết định chẳng sai. Cho nên những người Thượng Bối vãng sanh, cảnh giới thấy được thường thường ở trong định hoặc ở trong mộng. Tuy nhiên quý vị nên biết, cảnh giới chỗ thấy đó nhất định phải cùng chỗ nói trong kinh tương ưng; đây là cảnh giới tốt. Nếu như cùng trong kinh nói đó chẳng tương ưng, thì đó quyết định không phải Tịnh Độ chân chánh.

Mấy năm trước tôi giảng kinh tại Hong Kong, đại khái bảy, tám năm trước giảng kinh tại Hong Kong, Sướng Hoài pháp sư đưa cho tôi xem một quyển sách nhỏ, nói rằng có một pháp sư đã từng đi đến Tây Phương Cực Lạc thế giới; sau khi trở về thì

viết được quyển sách nhỏ này, cũng rất là sôi động, đến khắp nơi lưu thông quyển sách này. Sướng Hoài pháp sư, sau khi xem qua thì hoài nghi, bèn đưa cho tôi xem. Tôi chợt xem, ông ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thấy được toàn là đàn bà; đây là giả, tuyệt đối là giả. Trong bổn nguyện kinh này chẳng có, trong kinh này cũng chẳng có! Tại sao ông ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới mà vẫn thấy nhiều đàn bà như vậy? Điều này không phải thật, với trong kinh nói đó chẳng tương ưng; chúng ta nhất định phải biết điều này.

Chúng ta có tiêu chuẩn của sự thẩm tra, quyết định phải cùng trong kinh nói đó tương ưng; nếu như đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thấy

tầm vóc con người còn có cao thấp khác nhau, đó cũng là giả. Tây Phương thế giới là thế giới bình đẳng, diện mạo của mỗi người cùng Phật hoàn toàn tương đồng; đây mới là thật. Người người đều là kim sắc thân, ai ai cũng đều phóng ánh sáng, đó là thật. Cho nên Phật tại chỗ này đã nói: "Kỳ hữu chúng sanh, dục ư kim thế kiến A Di Đà Phật giả", kẻ muốn trong một đời này thấy được A Di Đà Phật, việc này chẳng phải không thể làm được; có thể làm được.

Kinh văn: "Ưng phát Vô Thượng Bồ Đề chi tâm".

Đây là trước phát hoằng nguyện.

Kinh văn: "Phục đương chuyên niệm Cực Lạc quốc độ".

Đây tức là niệm Phật, "Ức Phật niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật".

Kinh văn: "Tích tập thiện căn".

Chuyên niệm là chánh hạnh, phía trước có nguyện, có tín, có hạnh; "tích tập thiện căn" là trợ hạnh, chánh trợ song tu.

Kinh văn: "Ưng trì hồi hướng".

Lấy công đức như vậy hồi hướng Tây Phương Tịnh Độ.

Kinh văn: "Do thử kiến Phật, sanh bỉ quốc trung, đắc Bất Thoái Chuyển, nãi chí Vô Thượng Bồ Đề".

Đây là Phật đặc biệt khuyên miễn chúng ta, nếu như chúng ta hiểu rõ, chúng ta đối với sự việc này rõ ràng, thật sự chịu nghe theo lời của Thích Ca Mâu Ni Phật, thì Thượng Bối vãng sanh, chúng ta có phần vậy. Đừng nên tự cam đọa lạc, nghĩ rằng mình nghiệp chướng rất nặng, một thân tội nghiệp mình niệm Phật được Hạ Hạ Phẩm vãng sanh thì mình rất mãn nguyện rồi. Thật tại mà nói, chúng ta phải nên cố gắng nỗ lực, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, phải nên đem phẩm vị của chính mình nâng cao lên, đi trước thời gian thành Phật.

Những người Thượng Thượng Phẩm vãng sanh, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thành Phật rất nhanh rất nhanh.

Kinh văn: "Kỳ trung bối giả, tuy bất năng hành tác sa-môn, đại tu công đức".

Trung Bối này, hoặc giả là chính mình căn tánh liệt, phước báo cạn, chướng duyên rất nhiều, chướng ngại của quý vị rất nhiều. Muốn tu thì có người cản trở quý vị, quý vị chẳng thể "đại tu công đức", chẳng thể đem tất cả buông xuống. Tình hình này cũng rất nhiều, một số đồng tu thông thường gánh vác gia đình rất nặng; nào con cái cháu chắc cả lũ thành

đoàn, gia nghiệp rất lớn. Cái đó thì rất phiền phức, quý vị muốn buông xuống nhưng người nhà đều nhờ vào quý vị để sống; cho nên dưới tình hình này thì chẳng có cách chi để tu, tức là cầu Trung Bối vãng sanh.

Kinh văn: "Đương phát Vô Thượng Bồ Đề chi tâm, nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật".

Quý vị xem, trên mặt tu nhân, chẳng có sai khác. Kỳ thật, người người đều có thể cầu Thượng Thượng Phẩm vãng sanh; dù cho có chướng duyên, nếu như quý vị có trí tuệ thì có thể đột phá. Cho nên cổ đức nói chẳng sai, Tây Phương thế giới phẩm vị sai biệt đều ở nơi Duyên.

Chúng ta sanh ra gặp duyên chẳng đồng, trong các duyên tối quan trọng là thiện tri thức. Gặp được thiện tri thức cao minh, họ vừa chỉ điểm cho quý vị thì chướng ngại gì cũng đều chẳng còn nữa; nếu không gặp được chân thiện tri thức, thì nhiều chướng duyên rất khó xả lìa. Cho nên gặp duyên chẳng đồng, câu này nói được vô cùng viên mãn; chẳng gặp được duyên phần tốt.

Kinh văn: "Tùy kỷ tu hành, chư thiện công đức".

Chẳng thể đại tu cũng phải nên tùy duyên mà tu, phía dưới cử vài thí dụ, những thí dụ này là tùy duyên tu. Chúng ta không thể nhìn đến đây là

Thượng Bối vãng sanh, quý vị chẳng có Thượng Bối vãng sanh đó; có, nhưng đã rút gọn đến chỗ này bổ sung ra. Thượng Bối đều có, họ tu Thượng Bối đó là đại tu công đức, chỗ này là tùy duyên. Ví như:

Kinh văn: "Phụng trì trai giới".

Phụng là phụng hành, Trì là thọ trì; còn Trai? Là quá Ngọ không ăn gọi là Trai. Trì giới, "phụng trai trì giới". Công đức của trai giới là thân tâm thanh tịnh, chúng ta trì giới thì thân thanh tịnh, trì trai có thể giúp chúng ta tâm thanh tịnh; phía trước đã nói qua với quý vị điều này rồi. Trai là trai tâm, tâm thanh tịnh gọi là Trai. Người xưa Trung Hoa thường nói,

buổi ăn sáng phải ăn cho ngon, phải chú ý đến dinh dưỡng, buổi trưa phải ăn cho no, buổi tối phải ăn cho ít; đây là đạo dưỡng sinh. Ban đêm ăn ít, quý vị ngủ nhất định ngon, ban đêm ăn rất no thì người sẽ có ác mộng, sẽ hôn trầm; tâm không thanh tịnh. Cho nên năm xưa khi Phật còn tại thế là chỉ ăn một bữa giữa trưa, hiện nay chúng ta cũng học ăn một bữa giữa trưa có được không? Không được. Nghiệp chướng của chúng ta so với người xưa sâu nặng hơn, người xưa phiền não nhẹ, họ tiêu hao năng lượng ít, họ ăn một bữa là đủ. Chúng ta hiện nay nghiệp chướng rất nặng, tiêu hao năng lượng nhiều, nếu quý vị chẳng bổ sung vào thì thân thể quý vị có bệnh. Thứ này không thể miễn cưỡng

học theo; chẳng thể muốn có thể diện, muốn làm tốt.

Quý vị xem, tôi đây chỉ ăn một bữa giữa trưa, tôi trì giới, các anh đều chẳng bằng tôi, cống cao ngã mạn, chẳng phải sanh phiền não rồi hay sao? Một bữa là ăn cách nào đây? Đem ba bữa dồn lại thành một bữa để ăn, chưa đầy nửa năm mang một thân bệnh ruột, bao tử, bệnh gì đều có cả! Đây là sai lầm, quá đỗi sai lầm. Đây là trước tiên chúng ta phải hiểu rõ thân thể là bộ máy, ẩm thực là sự bổ sung của năng lượng, cũng giống như chiếc xe nếu như không có xăng thì không được, nó sẽ không chạy được, đổ xăng vào tức là cho nó ăn cơm, bổ sung năng lượng cho nó. Sự tiêu hao của năng lượng, chín mươi lăm phần

trăm là tiêu hao trên vọng tưởng; chúng ta cứ suốt ngày vọng tưởng, tiêu hao trên cái này. Xưa kia người tu đạo tâm thanh tịnh, vọng tưởng ít, phiền não ít, thì họ tiêu hao ít. Cho nên đây là một hiện tượng rất tự nhiên, vậy chúng ta thấy được hạng người mỗi ngày ăn một bữa thì biết được tâm họ rất thanh tịnh. Cho nên, trước tiên chúng ta phải tu thanh tịnh tâm, phải đem phiền não, phân biệt, chấp trước, vọng tưởng buông xuống, nhiên hậu lượng nhu cầu của quý vị tự nhiên ít đi. Cho nên điều này cũng cần có một tí công phu như vậy, không có công phu thì cưỡng cầu chẳng được. Cho nên cần phải biết rõ đạo lý này, điều này đối với sự tu hành giúp đỡ rất lớn.

Kinh văn: "Khởi lập tháp tượng, phạn thực sa-môn".

Việc này đều tùy duyên mà làm, như ở phía trước, những người có đại phước đức có thể đại tu, có thể xây một tháp tượng, xây một đạo tràng; họ một người đã có khả năng. Chúng ta chẳng có phước báo lớn như vậy, nhìn thấy người khác tu, chúng ta tùy hỷ ra một ít công đức, cái này gọi là tùy phần; ra tiền, ra sức, tùy phần; chẳng giống như phía trước. Phía trước người ta đại tu, chỉ khả năng của một người thì người ta có thể làm được nhiều công đức. Câu "phạn thực sa-môn" này thì giống như chúng ta thường nghe đến cúng trai, hiện nay ở

Đài Loan rất thịnh hành, thiên tăng trai tức là mời khách cúng dường pháp sư ăn cơm, mời một ngàn vị xuất gia làm thiên tăng trai tức là trai tăng; đây là tu phước. Đồng thời cũng là tuyên truyền Phật pháp, tuy nhiên hiện nay thiên tăng trai có lẽ đều là tu phước nhiều. Trong thiên tăng trai, người xuất gia thọ nhận cúng dường, nhất định phải nên thuyết pháp.

Người xuất gia lấy Pháp bố thí, có thể lợi ích đại chúng. Cho nên hiện nay có hình thức này, thực chất đã khác xa hẳn sánh chẳng bằng trước kia. Thời xưa, dụng ý trong lễ thiên tăng trai rất lớn, là tượng trưng của Lục Hòa Kính trong Phật môn. Dùng cách nói bây giờ tức là người xuất gia bỉ thử ý kiến câu thông với nhau, là

một cơ duyên tốt của bỉ thử xây dựng ý thức chung. Lúc bình thường mỗi người ở tại tự viện của mình, mỗi người giáo hóa một phương, nay có được cơ hội tụ tập tại một nơi nghe vị trưởng lão khai thị chỉ đạo. Trong thời đại này chúng ta nên dùng thái độ gì, phương pháp gì, pháp môn gì, để chỉ dẫn tất cả chúng sanh? Để đối trị một số căn bệnh trước mắt? Đều là khai thị những thứ này, cho nên có xây dựng ý thức chung, câu thông ý kiến, có được công đức lợi ích như vậy. Cách phạn thực sa-môn này rất có đạo lý, thật sự có công đức.

Kinh văn: "Huyền tăng nhiên đăng, tán hoa thiêu hương".

Cái này cũng chẳng qua là hình thức, nếu mọi người đều nhìn trên hình thức thì Phật cũng đều rơi lệ, lắc đầu mà nói: "Con đã hiểu sai ý của ta rồi", phải có thực chất. Chữ Tăng này là gì? Tức là tràng phan. Tràng phan dùng để làm gì? Là ý nghĩa hoằng pháp lợi sanh, cũng tức là bảo tùy duyên tùy phận để thỉnh pháp sư đại đức hoằng pháp lợi sanh; "pháp tràng cao thụ" là ý nghĩa này. Tự chúng ta chẳng có khả năng, chúng ta tập hợp nhiều người để thỉnh; đây tức là tùy phận. Người có đại đức, có đại phước báo kia, họ một người là có khả năng thỉnh; chúng ta chẳng có khả năng lớn như vậy, địa phương khác thỉnh thì chúng ta tùy hỷ. Phương pháp này là tu Trung Bối vãng sanh, phải biết tùy

hỷ mời những vị pháp sư đại đức đến hoằng pháp lợi sanh. Nhiên Đăng, Đăng đại biểu trí tuệ, đại biểu tâm địa quang minh, tượng trưng ý nghĩa này.

"Tán hoa thiêu hương", ý nghĩa chân chánh của nó tức là đem Phật pháp truyền bá cho tất cả chúng sanh, đây mới thật sự gọi là tán hoa thiêu hương. Hoa là đại biểu tu nhân, đem phương pháp tu hành giới thiệu cho kẻ khác, đây là "tán hoa". Khuyên kẻ khác cùng tất cả các người khác đối với Phật pháp tín ngưỡng được, thì đây tức là "thiêu hương", Hương đại biểu cho Tín. Ngày ngày đứng trước mặt Phật thắp hương, ngày ngày đều cúng Phật bằng hương thơm hoa quả, những việc này không biết cách làm, thì hương thơm hoa quả cúng suốt

một đời của quý vị, Phật cũng chẳng thấy, cũng chẳng ngửi đến. Quý vị xem, có phải uổng phí cả một đời rồi sao? Cho nên phải hiểu rõ ý nghĩa này, trong đạo tràng những thứ trang nghiêm này là để đánh thức chúng ta. Nhìn đến hoa, Hoa đại biểu Lục Độ, chúng ta thường gọi là Tam Phước, Lục Hòa, Tam Học, Lục Độ, Thập Nguyện, đây đều là Bồ Tát tu nhân; đại biểu này là Hoa đấy. Quả là chúng ta cúng trước bàn Phật cái quả của Tịnh Tông chúng ta tức là vãng sanh bất thoái thành Phật; bày ra nơi đây thời thời khắc khắc đánh thức chúng ta, là ý nghĩa như vậy. Chẳng phải quả dâng cho Phật ăn, hoa là dâng cho Phật xem! Vậy thì quý vị đã hoàn toàn sai mất, hiểu sai mất. Là dùng nó

để biểu pháp tượng trưng; đánh thức chúng ta, là ý nghĩa này.

Kinh văn: "Dĩ thử hồi hướng, nguyện sanh bỉ quốc".

Đây là nói họ chẳng thể đại tu công đức, cũng phải nên tùy phận để tu, cử ra vài thí dụ.

Kinh văn: "Kỳ nhân lâm chung, A Di Đà Phật hóa hiện kỳ thân, quang minh tướng hảo, cụ như chân Phật".

Trung Bối vãng sanh, hóa Phật đến rước, tại chỗ này quý vị chẳng nên phân biệt, chấp trước, nói hóa Phật này chẳng phải chân Phật. Kỳ thật, Phật chẳng có thân tướng, vô

tướng mới là chân thân của Phật; chỉ cần có tướng, đều là hóa thân của Phật. Quý vị thử nghĩ xem, A Di Đà Phật, chẳng phải mỗi một ngày, mỗi một giờ, có thể nói là mỗi một giây, Ngài đều phải đi tiếp dẫn vô lượng vô biên chúng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới; vậy nếu chẳng hóa thân, chỉ có một thân thì mệt chết, làm gì có đạo lý này? Tất cả đều là hóa thân đi, hóa thân là chân Phật, cùng chân Phật chẳng khác. Cho nên ở Tây Phương là Pháp thân, Báo thân, Ứng Hóa thân là một Thể; một tức là ba, ba tức là một, cùng Hóa Phật của tha phương thế giới khác nhau.

Kinh văn: "Dữ chư đại chúng, tiền hậu vi nhiễu, hiện kỳ nhân tiền nhiếp thọ đạo dẫn".

Đây là Phật đến tiếp dẫn, cũng có rất nhiều người cùng Phật đến nghênh tiếp một lúc. Những người cùng đến một lúc này, nhất định cùng quý vị có mối quan hệ. Nếu chẳng có quan hệ, sẽ chẳng cùng Phật đến tiếp dẫn; đều là trong đời quá khứ vô lượng kiếp đến nay, nhóm người đã vãng sanh là bạn học, bạn bè, người nhà, quyến thuộc. Họ niệm Phật đã vãng sanh rồi, lúc đó họ khuyên chúng ta niệm Phật, chúng ta không tin, không ưa thích vãng sanh cho nên chưa đi. Đến bây giờ nghĩ đến muốn đi, họ biết được nên vô cùng vui mừng, vô cùng hoan hỷ cùng Phật đến đón tiếp. Đây là tôi thường nói, Tây Phương thế giới bạn bè thân thiết, người quen của chúng ta

rất nhiều rất nhiều, cho nên đến nơi đó sẽ chẳng thấy xa lạ.

Kinh văn: "Tức tùy hóa Phật, vãng sanh kỳ quốc, trụ bất thoái chuyển Vô Thượng Bồ Đề, công đức trí tuệ thứ như Thượng Bối giả dã".

Sau khi vãng sanh đến được Tây Phương Cực Lạc thế giới, công đức trí tuệ so với Thượng Bối vãng sanh phải kém hơn một tầng; đây là nói chúng ta tự phần tu hành. Tuy nhiên quý vị nên biết, đến bên ấy nhờ Phật lực gia trì chúng ta đều bình đẳng cả. Nếu như chẳng được Phật lực gia trì, Cửu Phẩm thì chẳng bình đẳng. Phật lực vừa gia trì thì cả thảy đều bình đẳng, phải biết điều này. Tây Phương

đệ nhất thù thắng không gì sánh bằng là bổn nguyện gia trì của Phật, khiến chúng ta có thể bình đẳng thành Phật, bình đẳng thành tựu; đây là Ngài thật sự bất khả tư nghị. Chỗ nói nơi đây không nói gia trì, là công phu của chính chúng ta, đến nơi đó thì có sai biệt.

Kinh văn: "Kỳ Hạ Bối giả, giả sử bất năng tác chư công đức".

Nghiệp chướng của Hạ Bối thật sự là nặng, phước đức rất ít, muốn làm công đức cũng chẳng có cơ hội, chẳng có khả năng. Cuộc sống rất thanh bần khổ sở, tiền kiếm được hằng tháng đều không đủ sống, làm sao có thể quyên tiền để làm công đức;

điều này không thể được. Sức ép của công việc hằng ngày rất nặng, một ngày không làm thì một ngày không cơm ăn, làm gì có thì giờ đi làm công đức? Cho nên nói, ra tiền ra sức, thảy đều không làm nổi. Chúng ta biết rõ điều này, thế gian quả thật có chẳng ít những hạng người này; đây là họ không thể "tác chư công đức". Nhưng họ được vãng sanh không? Được. Chỉ cần nhất tâm nhất ý.

Kinh văn: "Đương phát Vô Thượng Bồ Đề chi tâm, nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật".

Thì được rồi, quý vị nên biết, chẳng phải họ không chịu làm công đức, là họ không có khả năng, không có cơ duyên. Công đức, nếu họ có cơ

hội, có khả năng, họ làm theo, chẳng phải họ không làm! Nhưng không có cơ hội, không có duyên phần. Tuy nhiên thật sự phát tâm niệm Phật thì được, quý vị xem, Tam Bối chánh nhân này tương đồng, đều là "Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật"; như vậy mà vãng sanh. Cho nên sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật Bốn Mươi Tám Nguyện gia trì, bình đẳng được độ; điều này có đạo lý, nhân bình đẳng thì quả đương nhiên bình đẳng vậy.

Kinh văn: "Hoan hỷ tín nhạo, bất sanh nghi hoặc. Dĩ chí thành tâm, nguyện sanh kỳ quốc".

Vậy thì công đức của những người này là ở chỗ này, họ đối với Tây Phương Tịnh Độ, đối với A Di Đà Phật vô cùng hoan hỷ, tin sâu chẳng nghi. Chẳng có nghi hoặc, bằng tâm chân thành cầu sanh Tịnh Độ thì được; với điều kiện ấy thì là được.

Kinh văn: "Thử nhân lâm chung, mộng kiến bỉ Phật, diệc đắc vãng sanh. Công đức trí tuệ thứ như Trung Bối giả dã".

Đây là nói công đức tự phần của họ, so với Trung Bối lại phải kém hơn một tầng. Trong Quán Kinh giảng Tam Bối này rất tường tận, tam bối nhân quả đều giảng được vô cùng tường tận. Trước kia chúng ta từng

đem ý nghĩa này tức là một đoạn này trong Quán Kinh, thâu thành một bộ băng cassette. Tức là Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh này chuyên giảng phần Cửu Phẩm vãng sanh là ở chỗ này, cũng là Tam Bối vãng sanh. Có được một bộ băng cassette, chẳng nhiều lắm, quý vị có thể lưu tâm để nghe.

Phía dưới đoạn sau cùng này trước kia Từ Châu lão pháp sư gọi nó là Nhất Tâm Tam Bối; cách nói này hay vô cùng. Đoạn này là nói về tu học các pháp môn Đại Thừa khác, chẳng phải chuyên tu Tịnh Độ. Đem công đức tu học của họ hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, cũng có thể được sanh. Do đây mới thấy rõ, pháp môn Tịnh

Độ quả là quảng đại vô biên. Chúng ta xem phần kinh văn.

Kinh văn: "Nhược hữu chúng sanh, trụ Đại Thừa giả".

Đây tức là tu pháp Đại Thừa, Đại Thừa bao gồm quá nhiều pháp môn; tại Trung Hoa Đại Thừa có tám tông phái. Ngoại trừ Tịnh Độ ra, Giáo Hạ có Thiên Thai Tông, Hiền Thủ Tông; Hiền Thủ Tông gọi là Hoa Nghiêm Tông, có Tam Luận Tông, Pháp Tướng Tông; đây là bốn tông của Giáo Hạ, gọi là Đại Thừa. Ngoài ra còn có Luật Tông; Luật Tông là thông Đại Tiểu Thừa. Tuy nhiên ở Trung Hoa thì sao? Đây là Luật Tông của Đại Thừa. Có Thiền Tông, có Mật

Tông, thêm vào Tịnh Độ; tám cái tông phái này. Đây là ngoại trừ Tịnh Độ ra, "trụ Đại Thừa giả", tu tập các pháp môn Đại Thừa khác, tâm trụ tại Đại Thừa pháp môn. Chữ Trụ này là chữ then chốt, rất quan trọng; Trụ là trong tâm thật có cũng tức là nói, họ thật có công phu tu hành. Nếu như công phu chẳng có, cái đó vô dụng. Thật sự có công phu tu hành, người như vậy thì được.

Kinh văn: "Dĩ thanh tịnh tâm".

Thanh tịnh tâm là Tín tâm, đối với A Di Đà Phật, Tây Phương Tịnh Độ chẳng hoài nghi.

Kinh văn: "Hướng Vô Lượng Thọ".

Một lòng ngưỡng mộ A Di Đà Phật, tôn kính A Di Đà Phật, đây tức là có Nguyện; vậy có Tín, có Nguyện.

Kinh văn: "Nãi chí thập niệm".

Thập niệm là Hạnh. Quý vị xem, Tín - Nguyện - Hạnh. Phía dưới có nói:

Kinh văn: "Nguyện sanh kỳ quốc".

Chữ Nguyện này thì rất hiếm có. Tín - Nguyện - Hạnh, ba điều kiện đầy đủ; họ niệm Phật là thập niệm. Thập niệm này là bình thường chúng ta nói, sáng tối mười niệm. Rất nhiều

Thiền Tông khóa tối ban đêm tụng A Di Đà Kinh, cũng niệm vài câu Phật hiệu; từ trong Thiền môn Nhật Tụng thấy được quyển khóa tụng của Thiền Tông. Cho nên có rất nhiều người học pháp môn khác, trong những khóa tụng sáng tối họ đều niệm vài câu A Di Đà Phật. Đây tức là mơ ước Tây Phương Cực Lạc thế giới, nếu họ thật sự muốn vãng sanh thì được.

Kinh văn: "Văn thậm thâm pháp, tức sanh tín giải".

Thậm thâm pháp tức là bổn kinh. Trong tất cả các kinh, bổn kinh đích thật là thậm thâm pháp. Không những là Thích Ca Mâu Ni Phật một đời chỗ thuyết kinh giáo, thập phương tất cả

chư Phật chỗ thuyết, vô lượng vô biên giáo hải đều chẳng ra ngoài bổn kinh. Cho nên bổn kinh là tổng cương lĩnh của tất cả chư Phật chỗ thuyết chi pháp; quả là thậm thâm pháp tạng. Vậy thì nghe xong Vô Lượng Thọ Kinh, hoặc giả nghe Tịnh Độ Tam Kinh, Quán Kinh, A Di Đà Kinh cũng được. Sau khi nghe xong, họ liền lý giải, họ liền tin.

Kinh văn: "Nãi chí hoạch đắc nhất niệm tịnh tâm".

Bởi vì họ tu học các pháp môn khác, ngẫu nhiên nghe được, thấy rất hoan hỷ, gật đầu rất bội phục, rất tán thán; lâm chung thập niệm, nhất niệm cũng có thể vãng sanh. Lúc bình

thường, khóa sáng tối thêm vào mười niệm này, đương nhiên càng tốt, lâm chung thập niệm, nhất niệm đều có thể vãng sanh.

Kinh văn: "Phát nhất niệm tâm, niệm ư bỉ Phật".

Tức là niệm A Di Đà Phật.

Kinh văn: "Thử nhân lâm mạng chung thời, như tại mộng trung, kiến A Di Đà Phật, định sanh bỉ quốc, đắc Bất Thoái Chuyển, Vô Thượng Bồ Đề".

Vậy đây là nói những người tu học pháp môn khác, bởi thế cho nên nếu chúng ta gặp được một số đồng

tham đạo hữu tu các pháp môn khác, vả lại đã tu rất nhiều năm, đã rất thâm nhập rồi thì chẳng cần khuyên họ đổi mà khuyên họ hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ. Ví như nói, có người niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, khóa sáng tối niệm phẩm Phổ Môn, niệm Đại Bi Chú; họ đã niệm mấy mươi năm rồi, chẳng cần phải bảo họ niệm Vô Lượng Thọ Kinh, chẳng cần. Chỉ bảo họ hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, thì là tốt. Còn có số người niệm Địa Tạng Bồ Tát, niệm kinh Địa Tạng đã niệm nhiều năm rồi, cũng chẳng cần phải đổi. Đoạn kinh văn trong kinh này của chúng ta đã giảng rất rõ ràng, thậm chí với những người học Mật, tham Thiền, thật sự có được công phu, thật sự đã thành tập quán; đều chẳng

cần sửa đổi, chỉ cần sáng tối trì thêm Phật hiệu thập niệm thì là được rồi. Phát nguyện hồi hướng cầu sanh Tịnh Độ, thảy đều được sanh. Phẩm vị cao thấp, đó hoàn toàn xem công phu tu hành sâu cạn của quý vị.

Thật tại mà nói, phẩm vị cao thấp chẳng quan trọng, chẳng quan hệ; bởi vì đến nơi đó, bổn nguyện của Di Đà vừa gia trì thì là bình đẳng rồi vậy, đều đã trở thành A Duy Việt Trí Bồ Tát. Quý vị còn bận tâm về phẩm vị cao thấp này sao? Tuy nhiên chúng ta hiểu rõ đạo lý này, chúng ta có khả năng, có cơ duyên thì nhất định phải đại tu công đức, tại vì sao? Vì là báo Phật ân đấy. Phật đối với chúng ta ân đức lớn như vậy, chúng ta lấy gì để báo đáp? Việc báo đáp này chỉ có y

giáo tu hành, hoằng dương Phật pháp, lợi ích chúng sanh. Ngoại trừ cái này ra, chúng ta chẳng có khả năng báo Phật ân, là ý nghĩa như vậy. Đích thật tức là như trong Hồi Hướng Kệ, "thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ", cho nên chúng ta phải nên toàn tâm toàn lực tu tích công đức, là ý nghĩa như vậy. Chúng ta lại xem tiếp phần phía dưới, phẩm phía dưới đây là phần bổ sung thuyết minh của phẩm phía trước, vô cùng quan trọng. Phía trước chú trọng ở vị thứ, đối với nhân hạnh chẳng có nói kỹ chỉ nói sơ lược; trong phẩm này rộng nói nhân hạnh. Cái quả của nó tức là phía trước nói về Tam Bối vãng sanh.

Vãng Sanh Chánh Nhân - Đệ Nhị Thập Ngũ

Kinh văn: "Phục thứ A Nan! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân, văn thử kinh điển, thọ trì độc tụng, thư tả cúng dường, trú dạ tương tục, cầu sanh bỉ sát".

Trước tiên chúng ta xem đoạn này, vừa mở đầu chúng ta phải chú ý đến thiện nam tử, thiện nữ nhân. Quý vị chú ý đến chữ Thiện này, quay đầu nghĩ lại, chính chúng ta có thiện hay không? Tịnh Tông kinh luận, ba kinh một luận, đây là kinh điển căn bản của Tịnh Độ Tông, bên trong chỗ nói đến thiện nam tử, thiện nữ nhân. Tiêu chuẩn của chữ Thiện đó tức là Tam

Phước của Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh, là lấy đây làm tiêu chuẩn. Đệ nhất là "Hiếu dưỡng phụ mẫu, Phụng sự sư trưởng, Từ tâm bất sát, Tu thập thiện nghiệp", nếu quý vị có thể đem bốn câu này làm được thì quý vị là thiện nam tử, thiện nữ nhân. Tuy nhiên quý vị nên biết, đây là tiểu thiện; tiểu thiện cũng được, đây là Tam bối vãng sanh, là Hạ Bối. Còn cái thiện của Trung Bối thì sao? Còn phải thêm "Thụ trì Tam Quy, Cụ túc chúng giới, Bất phạm oai nghi"; đây là cái thiện của Trung Phẩm. Còn cái thiện của Thượng Phẩm? Vẫn còn phải thêm bốn câu "Phát Bồ Đề tâm, Thâm tín nhân quả, Độc tụng Đại Thừa, Khuyến tấn hành giả", đây là

phía trước nói đến đại tu công đức, đó là đại thiện.

Cho nên trình độ thấp nhất, phải là đến tiểu thiện, mới là trong kinh chỗ nói thiện nam tử, thiện nữ nhân. Cho nên nó có tiêu chuẩn, tiêu chuẩn này rất rõ ràng, rất minh bạch; nghe đến kinh điển này, tức là chỉ bộ Vô Lượng Thọ Kinh chúng ta đây. Sau khi nghe đến rồi, họ có thể thọ trì kinh này, họ có thể tiếp thọ. Phía dưới là nói thọ trì, thọ là tiếp thọ; tiếp thọ đạo lý trong bổn kinh chỗ nói, tiếp thọ phương pháp tu hành trong bổn kinh chỗ nói; tất cả thảy đều tiếp thọ, bảo trì chẳng mất. Bảo là gì? Là quý vị thật sự đi làm, y theo kinh điển này để làm, bảo trì bất thất; câu này là tổng thuyết, thọ trì là tổng thuyết.

Phía dưới là cách giải thích hai chữ Thọ Trì này. Cách thọ trì như thế nào? Là Đọc Tụng. Đối trước kinh bản gọi là Đọc, không đối trước kinh bản gọi là Tụng. Tụng là tụng thuộc lòng, quý vị niệm được rất thuộc, tất cả đều có thể dò được; dò gọi là Tụng. Cầm kinh bản nhìn mà niệm gọi là Đọc; đây là bước thứ nhất của việc thọ trì. Trước hết phải đem kinh bản niệm cho thuộc, ngày ngày phải đọc. Còn Thư Tả? Xưa kia kinh bản rất ít, muốn phát nguyện lưu thông. Dùng phương pháp gì lưu thông đây? Chỉ có sao chép. Hiện nay có thể chẳng cần sao chép, kỹ thuật ấn loát hiện nay rất phát đạt, quý vị có thể in kinh.

Xưa kia ngài Thiện Đạo đại sư đều tiếp nhận số tiền cúng dường cho

Ngài, Ngài dùng số tiền này vào việc gì? Là mời người viết kinh. Trong truyện ký ghi chép, viết A Di Đà Kinh, viết một vạn bộ; A Di Đà Kinh không dài lắm, có lẽ thuê người viết một bộ trả cho họ là bao nhiêu, dùng phương pháp này. Hiện nay tiện lợi hơn, quý vị xem, kinh này là do các bạn đồng tu chúng ta in bên đây, một quyển chỉ cần một đồng Mỹ kim, một vạn quyển chỉ cần một vạn đồng. Hiện nay chẳng cần viết kinh nữa, hiện nay in để lưu thông vô cùng tiện lợi, quà biếu tiết kiệm thực tế; chúng ta nên biết đạo lý này. Còn việc hiện nay viết kinh? Điều đó nhất định là thư pháp chuyên gia, chữ viết vô cùng đẹp, đó là thuộc về tác phẩm nghệ thuật cao độ. Cách viết kinh này có

giá trị, cái này có giá trị, có thể lưu truyền cho hậu thế, cũng có thể làm bản mẫu để in, công đức này rất lớn. Như những người viết chữ không đẹp như chúng ta, viết ra chẳng có ai xem, chẳng ai muốn xem, vẫn là phát tâm in kinh cho mọi người tốt hơn.

Còn phần dưới là cúng dường, đây là nêu ra vài thí dụ, "độc tụng, thư tả, cúng dường"; trong việc cúng dường, ý nghĩa bao quát rất nhiều. Phổ Hiền Bồ Tát trong Hạnh Nguyện Phẩm dạy cho chúng ta, "chư cúng dường trung, Pháp cúng dường tối", tức là trong tất cả sự cúng dường, Pháp cúng dường là tối thù thắng. Đệ tử Phật chúng ta, đặc biệt hơn hết là những người phát tâm cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhất định

phải biết tu Pháp cúng dường. Phổ Hiền Bồ Tát vì chúng ta nêu ra bảy điều, đây là đã quy nạp, nêu ra bảy điều.

- Điều thứ nhất, "Như thuyết tu hành cúng dường", Phật ở trong kinh này chỉ dạy chúng ta thế nào, chúng ta thảy đều làm theo. Đây là chúng ta chân chánh cúng dường Phật, làm học trò tốt của Phật, Phật chỉ dạy chúng ta, chúng ta thảy đều thực hiện cả.

- Điều thứ hai là "Lợi ích chúng sanh cúng dường", y giáo phụng hành là tự lợi, tự lợi nhất định phải lợi tha; như phía trước nói đó, khi viết chép kinh lưu thông, đây tức là lợi tha, lợi ích chúng sanh. Chúng ta ấn tống kinh sách lợi ích chúng sanh, kinh sách người ta xem không hiểu thì

chẳng được lợi ích, phải thỉnh pháp sư đến giảng kinh thuyết pháp thì mọi người đều hiểu rõ cả, mới biết làm cách nào để tu; đây đều thuộc về lợi ích chúng sanh. Vậy hiện nay chẳng mời được pháp sư, thì có băng cassette, băng video để lưu thông, giúp cho những người sơ học, họ đọc kinh chẳng lý giải được nhiều, chúng ta dùng phương pháp này làm lợi ích chúng sanh.

- Điều thứ ba là "Nhiếp thọ chúng sanh", đó thì lại càng tiến thêm một bước, chúng ta tự mình tu hành có công phu, có thành tựu, có thể cảm hóa tất cả chúng sanh; khiến cho chúng sanh cùng chúng ta tiếp xúc thì tự nhiên mơ ước ngưỡng mộ, thì có

thể phát khởi tín tâm, niệm tâm; đây là thuộc về nhiếp thọ.

- Điều thứ tư là "Thay chúng sanh khổ cúng dường". Phật nói nhân quả, "Ông tu ông đắc, bà tu bà đắc", "Nhân duyên quả báo tơ hào chẳng sai". Chúng sanh khổ, chúng ta làm cách nào có thể thay được? Chẳng những chúng ta không thể thay được mà Phật, Bồ Tát cũng chẳng thể thay. Nếu Phật, Bồ Tát có thể thay được, chúng ta rất khổ, Phật, Bồ Tát chẳng thay, vậy thì lòng từ bi của Phật ở đâu? Chỗ nói ở đây "thay chúng sanh khổ", chúng ta tự mình có cái tâm này; nhân quả chẳng có biện pháp. Chúng ta có cái tâm này, có cái nguyện này, nhưng cũng có phương pháp, đem phước báo của chính chúng ta bên

trong giảm thiểu vài phần, chúng ta lấy cái này đi giúp đỡ tất cả chúng sanh, cách này là thay chúng sanh thọ khổ. Ta vốn chẳng phải thọ khổ mà hiện nay ta đang thọ khổ.

Ví như chúng ta đem việc in kinh mà nói, chúng ta mỗi năm, mỗi tháng đem số thu nhập của chính mình tự tính toán đàng hoàng, trừ ra số chi tiêu cho cuộc sống gia đình ra, chúng ta đều đi làm công đức này; đây là thay chúng sanh thọ khổ. Nếu chẳng như vậy thì cuộc sống của tôi càng được sung túc hơn một tí, càng tốt một tí. Chúng ta có thể ở căn nhà lớn hơn nhưng chúng ta mua căn nhà nhỏ, tiết kiệm được ít tiền để lợi ích chúng sanh, đây là thay chúng sanh thọ khổ. Cuộc sống chúng ta có thể rất sung

túc, chúng ta có thể giảm thiểu một tí, ăn uống qua loa đạm bạc là đủ rồi; đây cũng là thay chúng sanh thọ khổ đấy. Cho nên giống như xưa kia ông Phạm Trọng Yêm triều nhà Tống, ông ta có thể sống rất thoải mái, văn võ toàn tài. Tuy nhiên, ông ta sống rất thanh bần cực khổ, đem số thu nhập của mình đem cứu tế những người bần khổ. Trong quyển Nghĩa Điền Ký kể rằng, một mình ông nuôi đến ba trăm gia đình; ba trăm gia đình sống nhờ vào ông, đây là thay chúng sanh khổ. Cho nên công đức này ông làm được lớn, con cháu tử tôn đều tốt cả, đều noi theo Phạm lão tiên sinh; cho nên Ấn Quang đại sư tán thán ông ta.

Lịch sử Trung Hoa có ba nhà, gia đạo từng đời từng đời đều chẳng suy.

Vị thứ nhất là Khổng lão phu tử, hậu nhân của Khổng lão phu tử là ông Khổng Đức Thành, đi đến đâu thiên hạ đều tôn kính. Vị thứ hai tức là Phạm Gia ở Tô Châu, mãi cho đến cuối năm triều nhà Thanh, Ấn Quang đại sư nói, tám trăm năm chẳng suy, gia đình ông đời đời hưng vượng; tại vì sao? Làm được quá nhiều việc thiện. Quả thật ông có thể thay chúng sanh khổ, ông thật sự có thể làm được. Còn vị thứ ba là vị họ Diệp, Diệp Trạng Nguyên, là vào năm đầu mãi cho đến năm cuối triều nhà Thanh, ba trăm năm gia đạo chẳng suy. Đây là Ấn Quang đại sư nói, trong lịch sử Trung Hoa, gia đình ba người này, từng đời từng đời đều biết hành thiện tích đức thay chúng sanh thọ khổ,

đem sự hưởng thụ của chính mình tiết kiệm dành dụm giúp đỡ chúng sanh khổ nạn.

- Điều thứ năm là "Khuyến tu thiện căn cúng dường", khuyên người tu thiện, khuyên người bằng miệng, hiệu quả chẳng rộng. Cho nên người xưa giảng, bách thế khuyên người thì viết thành sách, lưu thông những loại sách thiện này khuyên người làm thiện. Đặc biệt là ở trong cái xã hội hiện nay, chúng ta nhất định phải đề xướng đạo lý, nhân quả, báo ứng, cùng chân tướng sự thật; chớ nên nói đây là mê tín hay không mê tín, nó là sự thật. Người người đều có thể hiểu rõ đạo lý này, liễu giải sự thật này thì khởi tâm động niệm tự nhiên có được kềm chế, chẳng dám làm việc xấu;

làm việc xấu có ác báo, nó không phải chẳng báo, quyết định có báo ứng. Cho nên phải biết "Khuyến tu thiện căn", cái thiện đệ nhất là niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ, chẳng có chi so với cái này thiện hơn. Sanh đến Tịnh Độ, quý vị thử xem, trong một đời thì thành Phật, làm gì có thể sánh với thành Phật càng thiện hơn? Chúng ta phải liễu giải, phải hiểu rõ sự việc này.

Cho nên thế gian này, cho đến trong Phật pháp cũng không ngoại lệ, cư sĩ Viên Liễu Phàm nói rất hay, chúng ta nên mở lớn đôi mắt ra, trong thiện có cái thật, có cái giả. Quý vị phải có khả năng biện biệt có tà, có chánh, có cái thiện giống như phải mà chẳng phải, chẳng phải chân thiện.

Trong kinh Lăng Nghiêm nói năm mươi thứ ấm ma, cảnh giới của ma cao đẳng cùng với Phật, Bồ Tát hầu như là giống nhau, chúng ta chẳng có khả năng biện biệt; cho nên nếu quý vị không đọc kinh Lăng Nghiêm, thì quý vị làm sao biết được? Đọc xong kinh Lăng Nghiêm, thực tế mà nói, cảnh giới hiện tiền e rằng quý vị vẫn chẳng có biện pháp biện biệt. Cho nên tự quý vị chẳng có công phu thì không thể được, công phu này tức là có định lực, có trí tuệ. Có định, có tuệ thì quý vị tự nhiên có thể biện biệt; cho nên trong thiện có đại thiện có tiểu thiện, có cái thiện viên mãn, có cái thiện lệch một bên, chẳng giống nhau.

- Điều thứ sáu là "Bất xả Bồ Tát nghiệp cúng dường", sự nghiệp của Phật, Bồ Tát tức là hoằng pháp lợi sanh, Phật là lấy lợi sanh làm sự nghiệp. Sự nghiệp của Phật, Bồ Tát là xây dựng đạo tràng, truyền bá Phật pháp, tục Phật huệ mạng. Phía trước tôi đã nói với quý vị, vào thế kỷ sau này, chúng ta lợi dụng công cụ khoa học, cũng đem Phật pháp, nền giáo dục Phật Đà bước vào xí nghiệp hóa hiện đại. Lợi dụng công cụ truyền bá của đại chúng, tự mình có khả năng thì thiết lập đài truyền thanh, đài truyền hình. Tự mình không có khả năng, chúng ta nhờ đài của người khác, mua giờ để phát thanh giảng kinh, phát thanh niệm Phật; có thể được. Hiện nay ở Đài Loan đã bắt đầu

rồi, có một số pháp sư mua giờ ở đài truyền hình; bây giờ còn có đài số Bốn, đại khái hiện nay rất nhiều, họ có nhiều thì giờ, họ chẳng có tiết mục, chẳng có chương trình để phát cho nên cũng tìm những băng video Phật giáo. Cũng có nhiều người đề ra, đây là việc rất hay! Cho nên khi chúng ta không có khả năng thiết lập điện đài, chúng ta có thể mua tiết mục của người khác; đây đều là sự nghiệp của Bồ Tát. Đương nhiên trong sự nghiệp của Bồ Tát, căn bản nhất là bồi dưỡng giáo dục nhân tài, đó là tối căn bản. Như là xây Phật học viện, mở lớp bồi huấn để bồi dưỡng nhân tài hoằng pháp lợi sanh, đây là đại căn đại bổn.

- Điều thứ bảy là "Bất ly Bồ Đề Tâm cúng dường", câu này vô cùng

vô cùng quan trọng, "Niệm niệm giác mà chẳng mê, chánh mà chẳng tà, tịnh mà chẳng nhiễm". Phổ Hiền Bồ Tát nói: "Hà dĩ cố? Diệc chư Như Lai tôn trọng pháp cố", tại sao họ tôn trọng pháp? Trong kinh này chúng ta đã giảng rất thấu triệt rồi, bởi vì: "Như thuyết tu hành, tài năng xuất thân chư Phật cố. Nhược chư Bồ Tát tác hành pháp cúng dường, tất đắc thành tựu cúng dường Như Lai, như thị tu hành thị chân cúng dường". Đây là một đoạn khai thị của Phổ Hiền Bồ Tát trong Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm.

"Trú dạ tương tục", đây tức là ý nghĩa chữ Trì, phía trước là "độc tụng, thư tả, cúng dường", đều là Thọ; "trú dạ tương tục", tương tục chẳng dứt,

tức là Trì. Cho nên chỗ này, câu này giải thích là thọ trì; cái gì gọi là Thọ Trì? Muốn thọ trì bổn kinh thì phải "Cầu sanh bỉ sát".

Kinh văn: "Phát Bồ Đề tâm, trì chư cấm giới, kiên thủ bất phạm".

Vậy thì "trì chư cấm giới" này là ngũ giới, ngũ giới là giới căn bản, chúng ta phải tiếp thọ. Nếu như muốn phát tâm xuất gia; xuất gia tối thiểu là phải giữ thập giới, kỳ thật, thập giới đều rất khó, tức là thập giới Sa Di. Hiện nay người xuất gia làm không nổi, vậy thì tỳ-kheo lại càng chẳng thể nói nữa, Sa Di còn chẳng làm nổi. Cho nên hiện nay, thật tại mà nói, chỉ có thể bắt chước Thành Thật pháp sư,

bắt chước Hoằng Nhất pháp sư, lão lão thật thật mà làm một vị xuất gia Ưu Bà Tắc; tức là tôi đã xuất gia rồi, tôi giữ giới gì đây? Giữ năm giới. Năm giới là tại gia Ưu Bà Tắc giữ. Chúng ta là thân phận xuất gia, thân phận chân chánh là xuất gia Ưu Bà Tắc, có thể đem ngũ giới, thập thiện làm cho tốt, trong thời đại này thì vãng sanh có được vững chắc. Đây là "trì chư cấm giới, kiên thủ bất phạm".

Kinh văn: "Nhiêu ích hữu tình".

Nhất định phải tu Pháp cúng dường, nhất định phải tu Bố Thí; phải biết được, bố thí cúng dường nhất định là lợi ích cho chúng sanh, khiến chúng sanh được lợi ích gì đây? Phải

biết điều này, là giúp đỡ chúng sanh khai trí tuệ, giúp đỡ chúng sanh hiểu rõ Phật pháp, đây tức là chân chánh nhiêu ích. Nếu như ở tại Phật môn chúng ta tu cái phước ấy, không thể giúp cho chúng sanh khai trí tuệ, không thể giúp cho chúng sanh hiểu rõ Phật pháp, thì điều này chúng ta nên xét lại. Đặc biệt là chúng ta không phải là những người có phước báo quá lớn, chúng ta nên dùng tiền bạc một cách rất thích đáng; người giàu có thì chẳng sao, họ phung phí một tí tiền, chẳng hề gì. Còn chúng ta là người không có tiền, thì một đồng phải coi như là mười đồng để dùng, chẳng thể phung phí một xu. Mỗi một xu, mỗi một đồng đều dùng vào trên phước điền chân thật thì chúng ta mới

trồng được phước; phải nên biết điều này, có phải có lợi ích chân chánh đối với chúng sanh chăng?

Ấn Quang đại sư khi nãy nêu ra là Thiện Đạo đại sư, quý vị xem, mời người viết kinh lưu thông Phật pháp. Ấn Quang đại sư một đời Ngài chẳng hưởng thụ số tiền người ta cúng dường cho Ngài, Ngài chẳng có nói đem phòng ốc sửa sang lại một tí để ở cho thoải mái, quần áo mua loại vải tốt để mặc cho thoải mái một tí; chẳng có. Chẳng có cải thiện cuộc sống của chính mình, mấy mươi năm đều như vậy, tiền đi đâu hết vậy? Ngài lập một cái Hoằng Hóa Xã, chuyên môn in kinh bố thí; đây là một đời Ngài mang đến cho chúng ta một gương mẫu điển hình, in kinh bố thí.

Việc này chẳng có lỗi, có thể khiến cho chúng sanh được lợi ích chân chánh, việc này chẳng có lỗi lầm.

Như xây cất một đạo tràng tốn kém chẳng ít, trước kia cũng có nhiều người đã từng khuyên tôi, lại còn hiến đất cho tôi, khuyên tôi cất đạo tràng; tôi lắc đầu nói, tôi chẳng có phước báo. Thời kỳ Mạt Pháp đấu tranh kiên cố, trước kia thầy Lý giảng kinh thuyết pháp thường thường đánh thức chúng tôi, đây là lấy việc xây cất đạo tràng làm thí dụ; ông nói, trong lúc xây dựng đạo tràng, mỗi người đều vô cùng sốt sắng, ra tiền ra sức, người người đều là Bồ Tát. Sau khi đạo tràng cất xong, vừa thay đổi thì biến thành La Sát mất; tại sao vậy? Ở đạo tràng này tranh quyền đoạt lợi, tôi đã

bỏ ra bao nhiêu công đức, tôi phải làm chức phận gì, làm trụ trì, làm chủ, làm duy-na, làm tri khách, đoạt lấy chức vị; ngày ngày tranh cãi.

Cho nên không xây cất đạo tràng thì mọi người còn tâm bình, khí hòa; đạo tràng vừa xây cất xong thì đấu tranh huynh loát. Thế là đã tạo tội rồi, số tiền được dùng đó chẳng những chẳng có công đức, mà lại đã tạo tội, chẳng bằng in kinh hay hơn phải không, đem phân phát cho mọi người, chẳng có tệ đoan này.

Kinh văn: "Sở tác thiện căn, tất thí dữ chi, linh đắc an lạc".

Chúng ta chỗ làm tất cả những thiện căn thảy đều bố thí cho tất cả

chúng sanh, khiến cho tất cả chúng sanh đều được an lạc; cái an lạc chân chánh là khai trí tuệ. Trí tuệ khai mở rồi, minh bạch rồi, đạo lý minh bạch rồi, lý đã đắc thì tâm an, tâm an lý đắc. Vì sao tâm được an? Vì đạo lý hiểu rõ rồi thì tâm an. Cho dù chúng ta là những kẻ bần khổ, chúng ta ở trong thế gian này, mọi thứ đều chẳng như ý; chúng ta hiểu rõ đạo lý của nhân quả rồi, chân tướng sự thật rõ ràng rồi thì tâm cũng đã an. Vì sao thế? Là vì tự làm tự chịu, đời trước chẳng trồng nhân tốt đấy mà. Hiện nay nhận lấy quả báo này, phải nên như vậy.

Nhìn thấy kẻ khác thăng quan phát tài, đời trước trồng cái nhân tốt, phải nên như vậy, thì tâm được an. Thì họ chẳng làm loạn, thì xã hội

được an định, thì thiên hạ thái bình rồi, rất quan trọng. Cho nên "linh đắc an lạc", tâm an rồi thì họ vui vẻ; bần tiện có cái niềm vui của kẻ bần tiện, thật sự là vui sướng.

Kinh văn: "Ức niệm Tây Phương A Di Đà Phật".

Đây là niệm Phật.

Kinh văn: "Cập bỉ quốc độ".

Quốc độ là niệm y chánh trang nghiêm của Tây Phương Cực Lạc thế giới, đây là niệm Phật.

Kinh văn: "Thị nhân mạng chung, như Phật sắc tướng, chủng

chủng trang nghiêm, sanh bảo sát trung”.

Bảo Sát tức là Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Kinh văn: “Tốc đắc văn pháp, vĩnh bất thoái chuyển”.

Cái này là loại vãng sanh thứ nhất, thì đây để bổ sung Thượng Bối vãng sanh ở phía trước. Thượng Bối vãng sanh ở chỗ này, trên phần tu nhân nói rất đơn giản, đây là bổ sung thuyết minh. Vậy chúng ta hãy làm một kết luận, loại vãng sanh thứ nhất, trong đó có sáu sự việc. Cái thứ nhất là “Thọ trì bổn kinh”, vậy thọ trì này thì gồm có độc tụng, thư tả, cúng dường,

trú dạ tương tục; đây là thọ trì bổn kinh. Thứ hai là "Cầu sanh Tịnh Độ", thứ ba là "Phát Bồ Đề tâm", thứ tư là "Nghiêm trì giới luật", thứ năm là "Nhiêu ích hữu tình", thứ sáu là "Ức Phật niệm Phật". Cách này so với những cái phía trước tường tận hơn nhiều, cái này là Thượng Bối, cho nên gọi là "Đại tu công đức", đây là phải làm những việc này. Chúng ta lại xem đoạn thứ hai, đoạn hai là Trung Bối.

Kinh văn: "Phục thứ A Nan! Nhược hữu chúng sanh dục sanh bỉ quốc. Tuy bất năng đại tinh tấn Thiền Định, tận trì kinh giới".

Đây là những người không thể đại tu công đức, phía trước nói phải tùy

duyên, phải tùy phận, tùy duyên để tu; phía trước nói được rất tường tận, chỗ này lại phải bổ sung một tí. Vậy trong đây, cái thứ nhất bổ sung là dạy chúng ta phải tu thập thiện, thứ hai phải trú dạ niệm Phật, thứ ba cũng phải biết quy y cúng dường, phải biết cái này. Phía dưới:

Kinh văn: "Yếu đương tác thiện".

Đây là quý vị phải nên. Yếu Đương phải tùy duyên, tùy phận mà tu thiện; phía dưới là đem tiêu chuẩn của chữ Thiện vì chúng ta nói ra.

Kinh văn: "Sở vị: Nhất bất sát sanh, nhị bất thâu đạo, tam bất dâm dục".

Đây là ba điều thiện của Thân.

Kinh văn: "Tứ bất vọng ngôn, ngũ bất ỷ ngữ, lục bất ác khẩu, thất bất lưỡng thiệt".

Bốn điều thiện của Khẩu.

Kinh văn: "Bát bất tham, cửu bất sân, thập bất si".

Ba điều thiện của Ý.

Vậy thập thiện này, chúng ta cũng chẳng cần phải giảng kỹ, nếu giảng kỹ thì hai giờ đồng hồ cũng giảng không hết. May là thập thiện, các bạn đồng tu thường thường đều phải rất

quen thuộc; trong Phật môn thường đều có nói đến.

Kinh văn: "Như thị trú dạ tư duy, Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, chủng chủng công đức, chủng chủng trang nghiêm".

Đây là "Ức Phật niệm Phật", phải đem việc này thường thường để vào tâm, xử sự, đối người, tiếp vật, phải lấy thập thiện làm tiêu chuẩn; đây mới là thiện nam tử, thiện nữ nhân.

Kinh văn: "Chí tâm quy y, đảnh lễ cúng dường".

Phải bằng tâm chân thành, Quy là hồi đầu, Y là nương tựa, phía trước đã

nói kỹ rồi; chỗ này chẳng cần nói nhiều nữa. Phải thật sự hồi đầu, nương tựa A Di Đà Phật, nương tựa Vô Lượng Thọ Kinh.

Kinh văn: "Thị nhân lâm chung, bất kinh, bất bố, tâm bất điên đảo".

Câu "Bất kinh, bất bố" này là chẳng có khủng bố, ra đi rất hoan hỷ, rất tự tại, trong tâm rõ ràng minh bạch được Phật đến tiếp dẫn.

Kinh văn: "Tức đắc vãng sanh bỉ Phật quốc độ".

Vậy đây là loại vãng sanh thứ nhì, phía dưới là loại thứ ba, chánh nhân của loại thứ ba là tu thiện sự của thế

gian, hành thế thiện; trong bận rộn dành được tí nhàn hạ. Quả nhiên là chánh niệm cũng có thể được sanh.

Kinh văn: "Nhược đa sự vật, bất năng ly gia, bất hạ đại tu trai giới, nhất tâm thanh tịnh".

Phía trước đã giảng qua, có các thứ chướng nạn, gặp nhiều nhân duyên nhưng chẳng có biện pháp tu học; thì giờ niệm Phật đọc kinh đều chẳng có. Tuy nhiên phải nên nhất tâm thanh tịnh, đây là then chốt. Tâm tịnh thì độ tịnh, vậy nhất tâm thanh tịnh, nói một cách khác, đối với ngũ dục lục trần, tâm niệm tham rất mỏng, có thể buông xuống được. Nhân duyên của họ, chướng duyên rất nhiều,

trong tâm thì buông được còn thân của họ thì chẳng thể rời.

Kinh văn: "Hữu không nhàn thời, đoan chánh thân tâm. Tuyệt dục khử ưu, từ tâm tinh tấn".

Trong bận rộn tìm được một tí nhàn hạ, khi có được một tí thì giờ nhàn rỗi, họ chẳng bỏ qua, họ thiết tha đi niệm Phật, thiết tha đi tu hành.

Kinh văn: "Bất đương sân nộ tật đố".

Những thứ bệnh, tập khí này nhất định phải sửa đổi; sân giận đố kỵ là nghiệp nhân của địa ngục. Nếu trong tâm thường thường có bất bình,

thường thường có phẫn nộ, thường thường có những thứ phiền não này hiện hành, điều này quyết định chẳng phải việc tốt! Không những chướng đạo mà tiền đồ còn đáng lo âu, đây là sự thật.

Kinh văn: "Bất đắc tham thiết xan tích".

Chữ Tham Thiết là tham ăn, đối với việc ăn uống rất để tâm, rất tham đồ; đây là chỉ cho việc này, vậy đây cũng là thường tình của con người. Chúng ta hãy nhìn xem cái xã hội ngày nay, trong điều này đích thật là đã tạo chẳng ít ác nghiệp, giết hại chúng sanh để ăn thịt. "Xan tích", là keo kiệt bỏn xẻn, tiền của của mình

xả chẳng được để bố thí, không chịu bố thí, chẳng chịu lợi ích cho chúng sanh.

Kinh văn: "Bất đắc trung hối".

Hối là hối hận, ngày nay chúng ta chọn lấy pháp môn Tịnh Độ, y theo Vô Lượng Thọ Kinh mà tu học, quyết định chẳng hối hận.

Kinh văn: "Bất đắc hồ nghi".

Phàm là hối hận thì nhất định là hoài nghi, pháp môn này cứu cánh là thật hay giả? So sánh với Thiền Tông, so sánh với Mật Tông, cái nào cứu cánh cao? Sự hoài nghi và hối hận của họ là từ đây sanh ra. Thật sự rõ

ràng, thật sự minh bạch rồi, đương nhiên sẽ chẳng hối hận, sẽ chẳng hoài nghi nữa. Vậy thì cho dù chúng ta tự mình chịu nhiều khổ nạn một tí, giúp đỡ chúng sanh nhiều một tí, chúng ta cũng rất vui vẻ, cũng chẳng hối hận; như là bố thí Tài, làm công đức, làm việc tốt. Thật sự hiểu rõ ràng minh bạch rồi thì chẳng hối hận nữa; việc này rất khó. Ở Đài Loan, cư sĩ Giảng Phong Văn đã phát tâm rất lớn, cúng dường cho tôi một cái đạo tràng; tôi xưa nay chẳng dám tiếp nhận người cúng dường, tại sao vậy? Cúng dường đạo tràng rồi, đạo tràng này có chi tiêu không? Đương nhiên phải chi tiêu. Số chi tiêu này, cần tôi phải đi hóa duyên mới có được; thì tội này tôi phải lãnh đủ. Tôi nói: "Ông đã hại tôi

rồi, tôi chẳng mắc lừa ông đâu. Ôi chao! Ông đang gài bẫy để tôi nhảy vào, tôi chẳng bị lừa đâu!" Cho nên tôi hỏi ông ta: "Cần phải chi tiêu không?", "Cần chứ". Tôi hỏi: "Mỗi tháng bao nhiêu?" Ông ta tính rồi nói: "Mỗi tháng phải sáu chục ngàn" Tôi nói: "Mỗi tháng ông đem sáu chục ngàn đến đây thì tôi tiếp nhận; ông không đem đến thì tôi không nhận, tôi không bị ông hại đâu!" Kết quả, quả nhiên mỗi tháng ông ta đem đến sáu chục ngàn, đem được ba năm; đến sau cùng đạo tràng thu nhập đủ để chi tiêu, tôi nói: "Ông Giảng Phong Văn, ông có thể không cần đem đến nữa!" Cho nên quý vị phải biết, đây là cạm bẫy, nếu quý vị trí tuệ hơi kém một tí thì

mắc lừa ngay; tôi thì nhìn rất rõ ràng, tuyệt đối chẳng bị lừa.

Tuổi tác lớn rồi, chẳng muốn làm nữa; nếu như trước kia khi còn trẻ cần xây đạo tràng, người ta tặng đất rất tốt cho tôi, anh cứ đem đạo tràng xây xong, tất cả chi tiêu hằng tháng mang đến thì tôi nhận; vậy tôi có thể tiếp nhận. Nếu chỉ cho đất, buộc tôi phải đi hóa duyên xây đạo tràng, cái bẫy lớn này thì không thể làm! Điều này thì phải thông minh, đầu óc phải minh mẫn, chẳng thể mê hoặc điên đảo. Cho nên lúc ấy, sau khi ông Giảng Phong Văn cúng dường, có một lần ông nói với tôi: "Thầy ơi, tôi rất hối hận". Ông nói, hằng đêm, cứ nửa đêm thức giấc, tự hỏi tại sao vô duyên vô cớ đem số tiền nhiều như vậy tặng

cho thầy, thầy này với mình lại chẳng có thân mật gì, trước kia lại chẳng có quen biết, tại sao vô duyên vô cớ lại tặng cho ông ta? Ông nói hối hận nhiều lần, trải qua một năm thì ông không hối hận nữa, ông nói: "Bây giờ thì tôi chẳng hối hận nữa"; qua một năm mới chẳng hối hận, không dễ, "bất đắc trung hối" rất khó rất khó.

Cho nên lúc đó cúng dường đạo tràng này, ông nói chẳng phải ý của chính ông, ông hồ đồ cẩu thả để cúng dường; người thế gian gọi là quỷ mê tâm khiếu mất đi lý trí. Ngược lại ông ta chẳng phải bị quỷ mê, có lẽ là Phật, Bồ Tát gia trì, chẳng phải ý của chính ông. Ông rất ngay thẳng, rất thành khẩn; đây là ý của Phật, Bồ Tát. Phật, Bồ Tát cúng dường, chẳng phải phát

xuất do mình tự ý. Phát xuất ra tự ý mình thì sẽ chẳng hối hận, ông hối hận hơn một năm; ông ta cũng rất có duyên phần, làm nhiều việc thiện như vậy. Hội gây quỹ, sau khi thành lập xong in kinh bố thí cúng dường cho toàn thế giới; mười mấy năm nay cúng dường khả quan, rất là khả quan, pháp duyên kết đến toàn thế giới, ông ta có được duyên phần này.

Kinh văn: "Yếu đương hiếu thuận".

Hiếu thuận cha mẹ, đây tức là Tam Phước, một điều trong Tam Phước phía trước.

Kinh văn: "Chí thành trung tín".

Chí Thành, đây là đối với Tam Bảo, đối với Phật, Bồ Tát, phải bằng tâm chân thành; Trung Tín, là đối với đại chúng, xử sự, đối người, tiếp vật, đối với đại chúng.

Kinh văn: "Đương tín Phật kinh ngữ thâm, đương tín tác thiện đắc phước".

Nhất định phải tin, quý vị tu thiện nhất định được phước báo, quý vị làm ác nhất định có ác báo. Thiện ác nhân quả này, quyết định chẳng thể sai.

Kinh văn: "Phụng trì như thị đẳng pháp, bất đắc khuy thất".

Phải hết lòng đi làm.

Kinh văn: "Tư duy thục kế, dục đắc độ thoát".

Bình thường chúng sanh suy nghĩ, so đo, kế hoạch, dự định; thế gian và xuất thế gian, phải đem nó tính toán rất rõ ràng. Thế gian này là vô thường, thế gian là thật khổ, nhất tâm nhất ý muốn cầu giải thoát, muốn cầu ra khỏi tam giới, liễu sanh tử, đây là nêu ra vài cái thí dụ, cần phải nên tu học như vậy.

Kinh văn: "Trú dạ thường niệm, nguyện dục vãng sanh, A Di Đà Phật thanh tịnh Phật quốc".

Đây tức là Tín - Nguyện - Trì Danh.

Kinh văn: "Thập nhật thập dạ, nãi chí nhất nhật nhất dạ".

Đây là vào lúc bình thường, là nói khi rất không có thì giờ tu hành. Ở Mỹ tôi gặp được một bạn đồng tu, công việc vô cùng bận rộn, mỗi tháng ông ta tu ba ngày. Ba ngày nghỉ này, coi như là bế quan niệm Phật, niệm ba ngày ba đêm; ngày thường công khóa chi cũng không có, cũng chẳng xem kinh, cũng chẳng niệm Phật; không

có thì giờ. Hết lòng hết sức để làm việc, mỗi tháng niệm ba ngày; ông ta dùng phương pháp này, đúng là thật tại chẳng thể được. Mỗi năm tôi lấy một kỳ nghỉ dài hạn niệm mười ngày mười đêm, một năm một lần. Hoặc giả một ngày một đêm, một tháng một lần; dùng phương pháp này, đây là bình thường. Phật dạy phương pháp cho chúng ta, chẳng phải mỗi ngày đi niệm, mỗi ngày chẳng có thì giờ; đem việc này lợi dụng ngày nghỉ để làm, phương pháp này rất hay.

Kinh văn: "Bất đoạn tuyệt giả, thọ chung giai đắc vãng sanh kỳ quốc".

Cách này, lúc thọ chung cũng được, cũng có thể vãng sanh. Phật thật là từ bi, cửa phương tiện này mở rất nhiều, mở được rất rộng, thật sự là hy vọng mỗi một người đều được độ, mỗi một người đều được vãng sanh; đây mới gọi là "Xứng Phật bổn hoài". Thôi, chúng tôi hôm nay xin giảng đến đây. A Di Đà Phật

Tập 18

Xin lật kinh bản, trang chín mươi sáu, hàng thứ nhất, từ câu thứ ba bắt đầu xem.

Kinh văn: "Hành Bồ Tát đạo, chư vãng sanh giả, giai đắc A Duy Việt Trí, giai cụ kim sắc tam thập nhị tướng, giai đương tác Phật".

Từ chỗ này bắt đầu xem, đoạn sau cùng này tức là loại thứ tư vãng sanh, là tu học Đại Thừa pháp môn mà chẳng phải những người chuyên tu Tịnh Độ đi vãng sanh. Điều này, ở phía trước đều đã báo cáo qua với quý vị rồi; vậy còn chỗ này là bổ sung điểm này, khiến cho chúng ta càng rõ

ràng, càng minh bạch. "Hành Bồ Tát đạo", câu này tức là tu học tất cả Đại Thừa pháp môn. Đại Thừa pháp môn tức là Bồ Tát đạo, bao quát Hiển Giáo, Mật Giáo, Tông Môn, Giáo Hạ, chỉ cần họ đối với A Di Đà Phật Tây Phương Cực Lạc thế giới tin được, nguyện được, đều có thể vãng sanh. Đây là thập niệm, nhất niệm cũng có thể thành tựu, những người này vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, cùng với người chuyên tu Tịnh Tông vãng sanh là bình đẳng, điều này là vô cùng vô cùng hy hữu khó được, cũng đều được A Duy Việt Trí, đều chứng, đây có thể coi như là chứng quả rồi vậy; đều là giai vị Thất Địa, Bát Địa trở lên của Bồ Tát.

"Giai cụ kim sắc tam thập nhị tướng", đây tức là từ trong tất cả pháp bình đẳng cử ra một thí dụ. Vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là "tử-ma chân kim" sắc thân, đều đầy đủ tướng hảo quang minh như Phật, chẳng khác; cùng với A Di Đà Phật tương đồng, thế giới này đích thật là thế giới bình đẳng. Còn một câu phía dưới, phía trước chẳng có nói qua, câu này thì quá thù thắng; chư vị cần phải biết, hồi hướng vãng sanh của sự tu học tất cả Đại Thừa Phật pháp, có được thành tựu thù thắng thế đó. Những người chuyên tu Tịnh Độ vãng sanh chúng ta thì đương nhiên không thể ngoại lệ, cho nên trong kinh nói đó, chúng ta đều có phần "giai đương tác Phật". Đến Tây Phương Cực Lạc

thế giới, trong một đời quý vị quyết định có thể làm Phật, đến nơi đó tu hành thành tựu rồi, xem xét tha phương thế giới, thế giới nào trong đó chúng sanh cùng với mình có duyên phần, đây mới có thể được độ. Điều này, trong Phật pháp thường nói, Phật chẳng độ những người vô duyên, cho nên chúng ta trước khi chưa thành Phật nên cùng chúng sanh rộng kết pháp duyên. Duyên này kết được càng nhiều, tương lai quý vị thành Phật, độ chúng sanh cũng nhiều; thì đạo tràng quốc độ được trang nghiêm, cho nên phải rộng kết pháp duyên.

Kinh văn: "Dục ư hà phương Phật quốc tác Phật, tùng tâm sở nguyện".

Duyên của chúng sanh ở một phương nào thành thục rồi, những người nên lấy Phật thân mà được độ thì Bồ Tát hiện Phật thân, giống như phía trước chỗ nói: "Bát Tướng thành đạo", đến thế gian ấy để làm Phật độ chúng sanh, "tùng tâm sở nguyện".

Kinh văn: "Tùy kỳ tinh tấn tảo vãn, cầu đạo bất hưu, hội đương đắc chi, bất thất kỳ sở nguyện dã".

Chỗ này nói với chúng ta điểm này rất quan trọng, Tây Phương Cực Lạc thế giới quyết định là không thoái chuyển. Tuy nhiên, việc thành Phật sớm hay muộn có thể không nhất định! Tại vì sao? Vì có số người đặc biệt tinh tấn thì họ thành Phật sớm hơn;

còn có số người thì qua loa một tí, chỉ cần không thoái là được rồi, vậy thì thời gian thành Phật của họ so ra trễ hơn một tí. Đặc biệt dụng công, đặc biệt tinh tấn thì thành Phật vượt trước, sớm hơn; sớm và trễ chẳng giống nhau, nhưng nhất định đạt được. Trễ, họ cũng có thể thành Phật, chẳng mất sở nguyện; điều này cũng là A Di Đà Phật cho chúng ta sự bảo chứng.

Kinh văn: "A Nan! Dĩ thử nghĩa lợi cố".

Nghĩa là đạo lý, Lợi là lợi ích; bởi vì đạo lý này, lợi ích này.

Kinh văn: "Vô lượng vô số bất khả tư nghị, vô hữu đẳng đẳng vô biên thế giới, chư Phật Như Lai".

Đây chẳng phải đã đem tận hư không biến pháp giới chỗ có tất cả chư Phật Như Lai, cả thảy đều nói đến rồi, một vị cũng chẳng bỏ sót! Tất cả chư Phật Như Lai.

Kinh văn: "Giai cộng xưng tán Vô Lượng Thọ Phật sở hữu công đức".

Bởi vì đích thật là công đức của A Di Đà Phật siêu việt hơn chư Phật, đây là trong mấy phẩm kinh này, sau khi chúng ta đọc rồi, ý nghĩa này, sự thật chân tướng, có thể nói là rõ ràng minh bạch. Thảo nào chư Phật tán

thán Di Đà là “Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương”. Chúng ta lại xem đoạn phía dưới này.

Lễ Cúng Thính Pháp - Đệ Nhị Thập Lục

Phía trước đều là nói về Bồ Tát của Cực Lạc thế giới, đoạn này là nói về tha phương Bồ Tát; tha phương Bồ Tát đến cúng dường A Di Đà Phật.

Kinh văn: “Phục thứ A Nan! Thập phương thế giới chư Bồ Tát chúng”.

Đây là chỉ thị ra cho chúng ta rất rõ ràng, đây là nói thập phương thế giới, tất cả nhóm Bồ Tát hữu duyên

này. Ai là hữu duyên, ai là chẳng hữu duyên? Chúng ta phải nên rõ ràng, tất cả chư Phật đều nói pháp môn này, gọi là pháp khó tin. Vị Bồ Tát nào nghe rồi chịu tin, tức là có duyên, Bồ Tát nghe rồi chẳng tin, thì tức là chẳng có duyên, duyên chưa thành thục. Đây Bồ Tát duyên thành thục, nghe rồi vô cùng hoan hỷ, có thể tiếp thọ.

Kinh văn: "Vị dục chiêm lễ, Cực Lạc thế giới Vô Lượng Thọ Phật".

Nghe đến A Di Đà Phật công đức trang nghiêm như vậy, Bồ Tát đương nhiên đều muốn đi thân cận A Di Đà Phật đến Tây Phương thế giới để

thạm phỏng, cúng Phật nghe pháp; họ có năng lực này. A Di Đà Phật cũng vô cùng hoan nghênh, đây là Bồ Tát đi cúng Phật, chẳng cần A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, họ chẳng phải đi vãng sanh, chẳng cần tiếp dẫn; vậy thì Bồ Tát đều là tự mình đến.

Kinh văn: "Các dĩ hương hoa, tràng phan, bảo cái".

Đây là cử ra thí dụ, đi gặp Phật đều phải mang một ít lễ vật đi cúng dường, chẳng thể đi tay không; nhân tình thế gian cũng là như vậy, đến nơi đó đều mang ít nhiều lễ vật, chẳng thể đi tay không. Bồ Tát đi gặp Phật cũng chẳng ngoại lệ, cũng phải mang theo một tí lễ vật. Đây là cử ra một vài thí

dụ như là hương hoa, tràng phan, bảo cái; các loại này đều thuộc về lễ vật.

Kinh văn: "Vãng nghệ Phật sở, cung kính cúng dường, thính thọ kinh pháp".

Đến đó trước hết cúng dường Phật, cúng Phật xong ngồi xuống nghe A Di Đà Phật giảng kinh, thuyết pháp. Nhiên hậu trở về lại quốc độ của mình, đem những gì nghe được A Di Đà Phật nói đó, lặp đi lặp lại tuyên bố. Tuyên bố tức là tuyên truyền lưu bố, đây tức là nghĩa chuyển pháp luân. Sau khi nghe xong họ trở về kể lại cho người khác.

Kinh văn: "Tuyên bố đạo hóa".

Đạo tức là đạo đức của A Di Đà Phật, A Di Đà Phật giáo hóa chúng sanh như thế nào, lặp lại để tuyên dương lưu bố.

Kinh văn: "Xưng tán Phật độ công đức trang nghiêm".

Xưng tán Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhóm Bồ Tát này đã thân hành đi qua, tất cả đều thấy được; đương nhiên họ cực lực tuyên dương.

Kinh văn: "Nhĩ thời Thế Tôn tức thuyết tụng viết".

Phía trước có tám bài kệ, là Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật đối với

hành vi này của thập phương Bồ Tát tán thán; những vị Bồ Tát này đều là Bồ Tát bất khả tư nghị.

Kinh văn: "Đông phương chư Phật sát, Số như Hằng hà sa".

Thế giới này vô lượng vô biên, trong mỗi một thế giới là:

Kinh văn: "Hằng sa Bồ Tát chúng, Vãng lễ Vô Lượng Thọ".

Thì chúng ta biết được Tây Phương thế giới thời thời khắc khắc tấp nập như nước chảy không ngừng. Người vãng sanh nhiều, nhóm đệ tử của A Di Đà Phật nhiều, những người khách từ bên ngoài đến tham học

cũng nhiều. Tây Phương Cực Lạc thế giới thật là náo nhiệt, quý vị thấy rồi đấy, quả thật là náo nhiệt. Cho nên có số người sợ buồn tẻ, quý vị xem kìa, đều vui biết mấy! Điều này, đích thật khi chúng ta đọc xong đến kinh này thì cảnh giới hình như đang ở trước mặt chúng ta, khác nào như chúng ta thân hành thấy được vậy. Đây là nói về Đông phương, vậy các phương khác thì sao?

Kinh văn: "Nam, Tây, Bắc, tứ duy, Thượng, hạ diệc phục nhiên".

Nam, Tây, Bắc, tứ duy, thượng, hạ, đây là nói chín phương kia, hợp lại thành mười phương, cũng như vậy. Cùng Đông phương như nhau, vô

lượng vô biên Bồ Tát tấp nập không ngừng đến Tây Phương thế giới để tham học. Nghe kinh, nghe A Di Đà Phật thuyết kinh, đương nhiên cũng sẽ cùng với nhóm học trò của A Di Đà Phật, cùng với nhóm người mới vãng sanh trao đổi ý kiến, trao đổi Phật pháp. Trong sự tưởng tượng của chúng ta, tất nhiên là bỉ thử hỗ tương tiếp nhận lời mời, nhóm Bồ Tát như Di Lặc Bồ Tát của chúng ta bên đây cũng thường đến Cực Lạc thế giới. Những người mới vãng sanh, Di Lặc Bồ Tát cũng có thể mời đến Đâu Suất nội viện của Ngài để tham quan. Đây chẳng phải là đã đến Đâu Suất Thiên rồi sao? Cho nên chẳng cần phải tu Duy Tâm Thức Định, cái đó phiền phức lắm! Niệm A Di Đà Phật cũng

đến được Đâu Suất nội viện, đi con đường gần đấy.

Kinh văn: "Hàm dĩ tôn trọng tâm, Phụng chư trân diệu cúng".

Bằng cái tâm chân thành, cung kính nhất đến Tây Phương Cực Lạc thế giới cúng Phật.

Kinh văn: "Sướng phát hòa nhã âm, Ca thán Tối Thắng Tôn".

Sướng là thư sướng, khoan khoái; bởi vì đối với Vô Lượng Thọ Phật đã ngưỡng mộ rất lâu rồi, nhưng đều chẳng có duyên phần đi diện kiến, đi tham phỏng. Ngày nay có duyên này thành thục rồi, quý vị bảo tâm tình này vui sướng biết bao. Cho nên sau

khi gặp được Phật, lễ bái xong, đối A Di Đà Phật tán thán Tối Thắng Tôn, tức là A Di Đà Phật. A Di Đà Phật ở trong chư Phật là đệ nhất siêu thắng.

Kinh văn: "Cứu đạt thần thông tuệ".

Là cứu cánh thông đạt cái trí tuệ thần thông viên mãn.

Kinh văn: "Du nhập thâm pháp môn, Văn Phật thánh đức danh".

Đây tức là danh hiệu công đức bất khả tư nghị, chúng sanh của thập phương thế giới nghe đến danh hiệu Nam Mô A Di Đà Phật đều:

Kinh văn: "An ổn đắc đại lợi".

An là an toàn, Ổn là ổn đáng, vững vàn, ổn thỏa. "Đắc đại lợi" là một đời bất thoái thành Phật, sự lợi ích. Sự lợi ích ở thế, xuất thế gian này, chẳng có gì sánh với cái này lớn hơn; chúng ta phải biết điều này. Gặp được pháp môn này, tâm phải yên xuống, an trụ tại trong pháp môn này. Thân cũng phải an trụ, thân không vọng động nữa; chẳng cần học các pháp môn khác nữa, hết lòng hết dạ lấy một câu A Di Đà Phật này niệm đến cùng. Thân cung kính, khẩu xưng danh, ý quán tưởng thì chúng ta, trong một đời này quyết định được sanh, "an ổn đa đại lợi".

Kinh văn: "Chủng chủng cúng dường trung, Cần tu vô giải quyện".

Cúng dường, phía trước đều đã nói rất rõ ràng, "Siêng tu cúng dường, thượng cúng chư Phật, hạ cúng chúng sanh", Bồ Tát đều là tu Phổ Hiền Hạnh.

Kinh văn: "Quán bỉ thù thắng sát".

Đi tham quan Tây Phương Cực Lạc thế giới, sát độ thù thắng.

Kinh văn: "Vi diệu nan tư nghị. Công đức phổ trang nghiêm".

Công đức là nói đại nguyện của Phật, mỗi một vị vãng sanh đến Tây

Phương Cực Lạc thế giới, những vị Bồ Tát này, sự huân tu của họ, đây là công đức phổ biến trang nghiêm; chẳng có một pháp nào chẳng trang nghiêm. Trang nghiêm này tức là y chánh trang nghiêm Tây Phương thế giới.

Kinh văn: "Chư Phật quốc nan tỷ".

Tất cả chư Phật sát độ cùng Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng có cách chi so sánh nổi.

Kinh văn: "Nhân phát Vô Thượng tâm, Nguyện tốc thành Bồ Đề".

Nhóm Bồ Tát này thấy được tình trạng thịnh vượng, linh đình này cũng đã phát tâm Vô Thượng, cái Vô Thượng tâm này tức là theo chân nối gót A Di Đà Phật, làm học trò của Di Đà. Họ đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, có năng lực đi, chẳng cần phải tiếp dẫn, nhóm Bồ Tát chúng này tự động đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thân cận A Di Đà Phật. Như nhóm người chúng ta đây nghiệp chướng sâu nặng, chẳng có biện pháp, phải nương nhờ A Di Đà Phật đến tiếp dẫn. Họ thì có năng lực, tự mình đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thành Phật, thì là có được bảo chứng nhanh chóng. Cho nên thập phương tất cả Bồ Tát, chẳng có ai chẳng vãng sanh.

Phía dưới đoạn này là A Di Đà Phật vì nhóm Bồ Tát chỗ nói những lời khai thị; là chính A Di Đà Phật tự mình nói ra. Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta chuyển thuật lại, chính đức Thích Ca Mâu Ni Phật nghe rồi, chuyển cáo lại cho chúng ta. Là Thế Tôn chuyển thuật thì đồng như Di Đà thân thuật, chẳng có sai khác.

Kinh văn: "Ứng thời Vô Lượng Tôn, Vi tiếu hiện kim dung".

Đây là trước nhìn tướng lành, nhóm Bồ Tát này đến Tây Phương thế giới thấy A Di Đà Phật, cúng Phật tán thán, A Di Đà Phật mỉm cười. "Ứng thời" là ngay trong lúc này, Phật nhìn

thấy thập phương Bồ Tát đến rồi, nét mặt tươi cười, tỏ vẻ hoan nghênh.

Kinh văn: "Quang minh tùng khẩu xuất".

Miệng Phật phóng quang, quang cũng tức là thuyết pháp.

Kinh văn: "Biến chiếu thập phương quốc Hồi quang hoàn nhiễu Phật, Tam táp tùng đảnh nhập".

Phật là trước dùng ánh sáng để nhiếp thọ nhóm Bồ Tát này, đây là thuộc về mật ý. Phàm phu chúng ta nhìn thấy ánh sáng này, ồ, là từ miệng Phật tỏa ra chiếu khắp mười phương

thế giới. Nhiên hậu ánh sáng này lại trở về, từ trên đảnh Phật chẳng thấy tướng đảnh, lại thu trở vào. Chúng ta nhìn thấy, thật là vui thích; chẳng biết ý nghĩa gì! Bồ Tát thì hiểu được, Bồ Tát biết.

Kinh văn: "Bồ Tát kiến thử quang, Tức chứng Bất Thoái vị".

Nếu Bồ Tát cũng giống như chúng ta, nhìn thấy ánh sáng thì thích thú, thì làm sao có thể chứng vị được, làm sao có thể chứng quả? Cho nên Bồ Tát đối với ý nghĩa hàm chứa của chữ Quang Minh, tất cả thảy đều hiểu rõ. Thật tại mà nói, điều này chẳng phải khó, ví như những người chúng ta sống tại đô thị, mỗi người đều có được thường thức về sự giao thông,

khi đến ngã tư, vừa nhìn thấy đèn đỏ sáng lên thì chúng ta biết được không thể qua đường.

Nếu là người dưới quê từ trước đến nay chưa lên phố, nhìn thấy phút chốc là đèn đỏ, phút chốc là đèn xanh, rất thích thú; họ cũng chẳng biết là chuyện gì! Chúng ta thì hiểu được, biết được. Họ được chỗ hữu ích là ý nghĩa như thế đó; Bồ Tát biết được.

Kinh văn: "Thời hội nhất thiết chúng, Hỗ khánh sanh hoan hỷ".

Đây là Phật phóng quang, mật thuyết; Quang tức là thuyết pháp, Bồ Tát đều chứng đắc Tam Bất Thoái, cho nên mọi người đều bỉ thử hỗ tương chúc mừng lẫn nhau.

Kinh văn: "Phật ngữ phạm lôi chấn".

Chữ Phật này là A Di Đà Phật. Hai câu này là, Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán A Di Đà Phật thuyết pháp, âm thanh tròn đầy; chữ Phật Ngữ này là A Di Đà Phật nói chuyện. Phạm là thanh tịnh, chữ Lôi Chấn tức là thập phương đều có thể nghe được, Lôi Chấn là nghĩa nghe xa, thập phương chư Phật sát độ đều nghe được âm thanh thuyết pháp của A Di Đà Phật.

Kinh văn: "Bát âm sướng diệu thanh".

"Bát âm sướng diệu thanh", chữ Bát này là âm thanh của Phật đầy đủ tám thứ viên mãn cực hảo. Ở đây tôi cũng chẳng nói kỹ điều này nữa, nói kỹ sẽ trễ nãi thì giờ, chúng ta phải gấp rút tăng độ nhanh. Phía dưới tức là A Di Đà Phật thuyết pháp.

Kinh văn: "Thập phương lai Chánh Sĩ, Ngô tất tri bỉ nguyện.

Chí cầu nghiêm Tịnh Độ, Thọ ký đương tác Phật".

Đây là cái pháp của A Di Đà Phật, vì nhóm Bồ Tát này nói ra. "Thập phương lai Chánh Sĩ", Chánh Sĩ tức là Bồ Tát, cách xưng hô đối với Bồ Tát, tức là Chánh Giác Tri Sĩ. "Ngô tất tri bỉ nguyện", Ngô là A Di Đà

Phật tự xưng, A Di Đà Phật nói, tâm nguyện của các ông, tôi đều biết cả. Tâm nguyện gì đây? Là "Chí cầu nghiêm Tịnh Độ", Nghiêm là trang nghiêm, chữ này rất quan trọng, hoằng nguyện của Bồ Tát tức là cầu trang nghiêm Tịnh Độ. Không vỏn vẹn chỉ là trang nghiêm Tịnh Độ của A Di Đà Phật; đây là đối với thầy "Thượng báo tứ trọng ân", đây là trang nghiêm Tịnh Độ của Di Đà, trang nghiêm Tây Phương Tịnh Độ. Rời khỏi Cực Lạc thế giới trở về bổn quốc của mình, là "Hạ tế tam đồ khổ", phải trang nghiêm Tịnh Độ của bổn quốc; cho nên ý nghĩa của chữ Nghiêm này thì rất dài rộng. A Di Đà Phật mang cái nguyện của họ "Thọ ký đương tác Phật", A Di Đà Phật vì họ

thọ ký để làm Phật. Khai thị phía dưới có bốn câu kệ rất là quan trọng.

Kinh văn: "Giác liễu nhất thiết pháp, Do như mộng, huyễn, hưởng".

Tức là chân chánh giác ngộ, triệt để minh bạch, tất cả pháp này thể của nó là Không, tướng là Có; tướng do tâm tạo. Không, Vô, Tự Tánh tức là Thể, là Không, Tướng là tâm biến hiện ra. Cho nên nói: "Giác liễu nhất thiết pháp, do như mộng, huyễn, hưởng". Mộng, huyễn dễ hiểu, Hưởng là gì? Là hồi hướng. Chúng ta đứng ở thung lũng, hú lên một tiếng dài thì có tiếng vang vọng lại, đó gọi là Hưởng; Hưởng là hồi âm, cũng là bất khả đắc.

Tướng Có, thể Không, bất khả đắc. Vậy câu nói này cùng với Thế Tôn trong kinh Kim Cang chỗ nói: "Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng; Nhất thiết hữu vi pháp, như mộng huyễn bào ảnh", ý nghĩa hoàn toàn tương đồng. A Di Đà Phật đối với thập phương Bồ Tát tuyên thị, cũng là như vậy.

Kinh văn: "Mãn túc chư diệu nguyện, Tất thành như thị sát".

Phía trước hai câu là Không, còn hai câu này là Có; hợp chung lại mà xem, đây tức là trung đạo, biết rõ tất cả pháp Không, vẫn cứ sẵn lòng tu Tịnh Độ. Đây là Bồ Tát pháp, đây là nói về [chẳng rơi vào hai bên], "diệu

khế trung đạo", đây là tông chỉ của Tịnh Tông, Không, Hữu, hai bên đều chẳng rơi vào; được cái thọ dụng chân thật. Cho nên "mãn túc chư diệu nguyện", câu "chư diệu nguyện" này, phải nói một cách đơn giản, tức là Tứ Hoằng Thệ Nguyện. Thập phương chư Bồ Tát, chỗ có tất cả thệ nguyện, quy nạp trở lại đều chẳng rời khỏi Tứ Hoằng Thệ Nguyện. Hoặc giả là chỉ bổn nguyện của A Di Đà Phật, Bốn Mươi Tám Nguyện đều giảng được thông. "Tất thành như thị sát", đây là A Di Đà Phật dặn dò nhóm Bồ Tát này, có thể y giáo phụng hành, tương lai quốc độ của các ông cũng trang nghiêm giống như Tây Phương thế giới của tôi; đây là vì họ dặn dò.

Kinh văn: "Tri độ như ảnh tượng, Hằng phát hoằng thệ tâm".

Thập phương thế giới là mộng, huyễn, bào, ảnh, Tây Phương thế giới cũng không thể chấp trước. Tuy cùng thập phương thế giới so sánh, nó đích thật hiển thị ra chân thường; tuy nhiên chẳng thể chấp trước, chấp trước thì sai rồi. Cho nên "tri độ như ảnh tượng", đây là trí tuệ chân thật. "Hằng phát hoằng thệ tâm", giống như Bồ Tát chẳng khác, nhất định phát từ Hoằng Bốn Mươi Tám Nguyện.

Kinh văn: "Cứu cánh Bồ Tát đạo, Cụ chư công đức bổn".

Chữ Công đức bổn này tức là chỉ cho phía trước "chư diệu nguyện" và "Bồ Tát đạo", đây là công đức chân thật. Đạo là thật sự thực hiện, thật sự đi làm; có nguyện chẳng có hành thì nguyện đó là không nguyện.

Nhất định phải đem cái nguyện của mình, cả thảy đều làm đến, giống như A Di Đà Phật chẳng khác. Bốn Mươi Tám Nguyện, nguyện nguyện đều làm đến rồi, thì đây gọi là cứu cánh Bồ Đề đạo. Ngài nguyện nguyện đều làm đến cả.

Kinh văn: "Tu thắng Bồ Đề hạnh".

Thắng là thù thắng, Bồ Đề là ngộ Hoặc tức là chẳng mê, chẳng tà,

chẳng nhiễm. Trong Tam Quy Y thì hiển thị ra cái ý nghĩa này, cái này tức là Bồ Đề tâm.

Kinh văn: "Thọ ký đương tác Phật".

Đây là nói thành tựu, nếu như quý vị tu Bồ Đề tâm, đệ nhất thù thắng không gì sánh bằng, thật tại mà nói, cái này chẳng phải Bồ Tát đạo thông thường. Bồ Tát Hạnh, chuyên học Tịnh Tông, chuyên y Di Đà, nói một cách khác, chuyên y theo Vô Lượng Thọ Kinh. Quý vị đem đạo lý trong Vô Lượng Thọ Kinh chỗ nói, đều có thể đem nó dung hội, quán thông; tất cả lời giáo huấn trong Vô Lượng Thọ Kinh, cả thảy chúng ta đều làm đến.

Phật dạy chúng ta những gì không nên làm, chúng ta quyết định không làm; những gì nên làm chúng ta y giáo phụng hành, đây tức là "tu thắng Bồ Đề hạnh" vậy. Chẳng cần chúng ta phải đến Tây Phương thế giới, hiện tại thì là "thọ ký đương tác Phật", Phật thật sự đã thọ ký cho chúng ta rồi.

Kinh văn: "Thông đạt chư pháp tánh, Nhất thiết không, vô ngã".

Ý nghĩa này trong một đoạn nhỏ thế này, đã nói lặp lại ba lần. Ý nghĩa này bảo chúng ta lìa tất cả tướng, thì bản tánh Bát Nhã trí tuệ hiện tiền. Lìa tất cả tướng tức tất cả pháp.

Kinh văn: "Chuyên cầu tịnh Phật độ, Tất thành như thị sát".

Chỉ dạy chúng ta tu thiện, "chuyên cầu tịnh Phật độ", nhất định phải trong tự tâm cầu, tâm tịnh thì độ tịnh. Chúng ta niệm câu Phật hiệu này, có nhiều đồng tu thường hay nói, tuy niệm Phật song vọng tưởng vẫn còn rất nhiều, vẫn chẳng hàng phục nổi! Đây là nguyên nhân gì? Vì công phu chẳng đắc lực. Khi công phu đắc lực rồi, vọng tưởng tự nhiên ít đi, thì sẽ giảm thiểu; cho nên quý vị không thể hoài nghi, phải hết lòng nỗ lực để niệm. Quý vị niệm quá ít cho nên đè chẳng nổi phiền não, nhất định phải niệm cho nhiều, phải khiến chính mình trong tâm thật sự có Phật. A Di

Đà Phật là mạng sống đệ nhất của chúng ta, trong tâm quý vị thật có mới được! Quý vị chẳng có, trong một niệm Phật trong tâm chẳng có Phật, trong tâm vẫn đang nổi dậy vọng tưởng thì làm sao thành công được chứ? Niệm Phật cách đó, người xưa nói rằng: "Hét bể cổ họng cũng luống công", quý vị chẳng thể đắc lực, chẳng thể vãng sanh, nhất định phải niệm đến công phu đắc lực. Phải đem việc niệm Phật này coi như là đệ nhất đại sự trong một đời chúng ta, chúng ta không ăn cơm không sao, chẳng ngủ nghỉ chẳng sao, không làm việc không sao, nhưng không niệm Phật thì không thể được. Phải như vậy mới được, công phu này quý vị mới có thể đắc lực. Đây là "chuyên cầu tịnh Phật

độ". "Tất thành như thị sát", vậy đến chỗ này, đây là cái pháp của Di Đà chỗ nói. Phía dưới là Thích Ca Mâu Ni Phật nói, là Bổn Sư của chúng ta nói, vì chúng ta mà giới thiệu.

Kinh văn: "Văn pháp nhạo thọ hành, Đắc chí thanh tịnh xứ. Tất ư Vô Lượng Tôn, Thọ ký thành Đẳng Giác".

Thích Ca Mâu Ni Phật tán thán nhóm Bồ Tát này sau khi nghe xong A Di Đà Phật thuyết pháp, rất là hoan hỷ, y giáo phụng hành, là "nhạo thọ hành". "Đắc chí thanh tịnh xứ", chữ Thanh Tịnh này là thanh tịnh tâm; nghe được A Di Đà Phật thuyết pháp, tâm thanh tịnh rồi. Phía dưới hai câu

là đối với họ tán thán, cũng là chúc mừng họ, tương lai họ nhất định ở nơi Vô Lượng Thọ kia, tức là nơi A Di Đà Phật kia thọ ký thành Phật; là chúc phúc những vị Bồ Tát này.

Kinh văn: "Vô biên thù thắng sát".

Là vô lượng vô biên thù thắng sát độ.

Kinh văn: "Kỳ Phật bổn nguyện lực, Văn danh dục vãng sanh, Tự trí Bất Thoái Chuyển".

Bài kệ này là nói với chúng ta lợi ích chân thật của sự viên chứng Tam Bất Thoái, không chỉ là kinh văn này

vô cùng, vô cùng rõ rệt, không chỉ là bổn nguyện của A Di Đà Phật, cũng là bổn nguyện của vô lượng vô biên chư Phật. "Văn danh dục vãng sanh", tất cả chư Phật đều hoằng dương Tịnh Độ, tất cả chư Phật đều niệm A Di Đà Phật, tất cả chư Phật đều khuyên tất cả chúng sanh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. "Tự trí Bất Thoái Chuyển", cái tâm Bất Thoái Chuyển này, tuy là A Di Đà Phật gia trì quý vị, nếu quý vị không niệm, không cầu vãng sanh, vậy quý vị vẫn chẳng đạt được. Tự chúng ta tin sâu, nguyện thiết, cầu sanh Tịnh Độ, khi vừa sanh đến Cực Lạc thế giới thì được Tam Bất Thoái.

Kinh văn: "Bồ Tát hưng chí nguyện".

Hưng là phát khởi, Bồ Tát đã phát đại nguyện.

Kinh văn: "Nguyện kỷ quốc vô dị".

Nguyện cho quốc gia của mình, thế giới của mình, hy vọng cùng Tây Phương Cực Lạc thế giới như nhau "vô dị", Bồ Tát có cái nguyện này.

Kinh văn: "Phổ niệm độ nhất thiết, Các phát Bồ Đề tâm".

Bồ Đề tâm, đích thật cùng với bổn nguyện của A Di Đà Phật tương ưng, đã phát Bồ Đề tâm rồi.

Kinh văn: "Xả bỉ luân hồi thân, Câu linh đăng bỉ ngạn".

Vậy Bồ Tát làm thế nào khiến cho tất cả chúng sanh cũng giống như mình, trong thời gian ngắn ngủi trong một đời có thể thành tựu công đức lợi ích như vậy? Chẳng có phương pháp thứ hai, cũng là khuyên họ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Đem pháp môn này gián tiếp lưu hành giáo hóa tất cả chúng sanh, quả thật đây là đệ nhất pháp môn của tất cả chư Phật độ chúng sanh thành Phật đạo. Chúng ta nơi trên quyển kinh bản có in một dấu ấn nhỏ, dấu ấn này là tôi bảo người ta khắc mấy chữ, "Như Lai sở thuyết đệ nhất kinh", chúng ta phải đem nó nhận thức rõ ràng, gặp được chẳng dễ;

quý vị gặp được, quả là có phước đấy. Thế, xuất thế gian, phước báo của quý vị là lớn nhất thì mới gặp được bộ kinh này, nếu chẳng phải vậy thì quý vị không gặp được. Đây là trong A Di Đà Kinh nói: "Bất khả dĩ thiểu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc", nay quý vị có thể gặp được, chứng minh thiện căn, phước đức, nhân duyên của quý vị là đệ nhất rồi đó, quý vị mới có thể gặp được đệ nhất kinh này.

Kinh văn: "Phụng sự vạn ức Phật, Phi hóa biến chư sát. Cung kính hoan hỷ khứ, Hoàn đáo An Dưỡng quốc".

Đây là nói về thập phương thế giới những người niệm Phật vãng sanh này, sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì có được năng lực phụng sự vạn ức Phật, có thể đến tha phương thế giới tùy thời, tùy chỗ đều có thể đi. Chỉ cần quý vị vừa động một niệm, muốn đến tha phương thế giới để lễ Phật, cúng Phật nghe pháp, đều có thể mãn nguyện. "Phi hóa biến chư sát", Phi là phi hành, Hóa là hóa thân; quý vị muốn đi cúng dường vô lượng vô biên chư Phật, phải hóa rất nhiều thân, cùng lúc mà đi; "cung kính hoan hỷ khứ", cung kính hoan hỷ mà đi. Tới nơi đó cúng Phật nghe pháp, sau khi nghe xong lại trở về Tây Phương Cực Lạc thế giới, "hoàn đáo An Dưỡng quốc". Bài kệ sau

cùng này, tuy kinh văn rất ngắn nhưng đã đem Tây Phương thế giới, những người vãng sanh, những nét về cuộc sống vui vẻ đó đều đã miêu tả ra hết cho chúng ta xem rồi. Lại xem phẩm phía dưới đây.

Ca Thán Phật Đức - Đệ Nhị Thập Thất

Kinh văn: " Phật ngữ A Nan! Bỉ quốc Bồ Tát".

Phẩm này hoàn toàn nói về Bồ Tát của Cực Lạc thế giới, phía trước đoạn đó là nói về Bồ Tát của tha phương thế giới. Còn đây là nói về Bồ Tát của Cực Lạc thế giới.

Kinh văn: "Thừa Phật oai thần".

Đây là nói, nhờ A Di Đà Phật bổn nguyện oai thần gia trì.

Kinh văn: "Ư nhất thực khoảnh, phục vãng thập phương vô biên tịnh sát, cúng dường chư Phật".

Phục Vãng là đi về, tức là về lại, trở về. Trong kinh này chỗ nói, cùng với A Di Đà Kinh Tiểu Bổn chỗ nói: "Kỳ độ chúng sanh, thường dĩ thanh đán, các dĩ y kích, thạnh chúng diệu hoa, cúng dường tha phương thập vạn ức Phật, tức dĩ thực thời, hoàn đáo bổn quốc, phạn thực kinh hành", cùng với đoạn văn đó trong A Di Đà Kinh

như nhau, là một ý nghĩa. Tức là xem thấy được Tây Phương Cực Lạc thế giới là nơi chúng ta đi vãng sanh, trạng huấn sinh hoạt tại bên ấy, quý vị xem, đẹp và tự tại biết bao. Y Kích là để đựng hoa, chứa hoa, đem hoa đi cúng Phật; đựng hoa gọi là y kích. Thế giới của chúng ta đây, một số người Âu Mỹ, so ra giàu có hơn, họ chẳng có duyên phần nghe được Phật pháp; về mặt hưởng thụ vật chất, kể cũng tạm được, nhưng tinh thần rất đau khổ.

Cho nên khi có một ít ngày nghỉ, họ đều đi du lịch các nước ngoài, được đó là cách xả hơi duy nhất của họ; cảm thấy là việc rất vui rồi. Tại thế giới chúng ta đây, bất cứ quý vị đi đến địa phương nào để du lịch, cũng

rất phiền lụy, cũng rất khổ; tôi đi du lịch thường rất khổ. Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị xem, họ đi du lịch, đó thật là tận hư không biến pháp giới, chẳng phải như chúng ta đi trong một địa cầu nhỏ bé, đều chẳng lìa khỏi địa cầu. Họ là thập phương Phật sát không gian du lịch đó thật là quá lớn quá lớn; chúng quả thật là bất khả tư nghị. Quý vị xem, sinh hoạt của người ta, cái niềm vui sướng ấy, rất tiếc người Âu Tây chưa nghe đến; nếu họ nghe đến thì nhất định vô cùng hâm mộ, họ cũng muốn đi.

Kinh văn: "Hương hoa tràng phan, cúng dường chi cụ, ứng niệm tức chí, giai hiện thủ trung, trân diệu thù đặc, phi thế sở hữu".

Mấy câu này là giới thiệu những vị Bồ Tát này của Cực Lạc thế giới, những lễ vật mang đến tha phương thế giới để cúng Phật, đều là vô cùng trân diệu, nhân gian chúng ta chẳng có.

Kinh văn: "Dĩ phụng chư Phật, cập Bồ Tát chúng. Kỳ sở tán hoa, tức ư không trung, hiệp vi nhất hoa, hoa giai hướng hạ, đoan viên châu táp, hóa thành hoa cái".

Đạo tràng của chư Phật trang nghiêm thanh tịnh không chi sánh bằng, công đức cao vọi, thập phương Bồ Tát này đến để tham học cúng dường nghe pháp, đây là việc thường.

Vả lại là tấp nập không ngừng, số người đông đảo, cũng là bất khả tư nghị. Mỗi người đều rải hoa cúng dường, hoa thì quá nhiều. Tuy nhiên những thứ hoa này chẳng tạp loạn, hoa của chư Phật, Bồ Tát rải nơi không trung, hoa này tự nhiên bện thành một hoa cái giống như một bảo cái. Vả lại bảo cái này lơ lửng trên không trung, hoa đều hướng trở xuống; vậy khi nhìn mới đẹp. Nếu hoa đều hướng lên trên thì nhìn chẳng thấy rồi, hoa đều hướng trở xuống cho nên quý vị nhìn thật vô cùng xinh đẹp, vô cùng trang nghiêm, đều là tự nhiên biến hiện ra, chẳng phải do người thiết kế tạo ra; chẳng phải, đều là tự nhiên biến hóa, "hóa thành hoa cái".

Kinh văn: "Bách thiên quang sắc, sắc sắc dị hương, hương khí phổ huân".

Hoa có mùi hương, hoa có ánh sáng, vô lượng tia sáng rực rỡ, vô lượng hương báu.

Kinh văn: "Cái chi tiểu giả, mãn thập do-tuần, như thị chuyển bội, nãi chí biến phú tam thiên đại thiên thế giới".

Hoa này có thể biến hóa ở trên không trung, từ nhỏ càng biến càng lớn, giống như mây màu rực rỡ của thế gian này của chúng ta chẳng khác.

Chúng ta ở thế gian này nhìn thấy mây màu, nét trang nghiêm của không trung cũng vô cùng xinh đẹp, mây màu đó cũng có thể càng tan càng rộng; thế giới Phật này nhìn thấy hoa cái.

Kinh văn: "Tùy kỳ tiền hậu, dĩ thứ hóa một".

Nhóm Bồ Tát này cúng dường xong, đi mất. Những hoa cái này cũng không còn nữa, tan mất, tiêu tan như mây khói, giống như mây màu, tan mất. Phía sau lại có nhóm Bồ Tát đến cúng dường thì hoa cái lại hình thành. Chúng ta nhìn cảnh giới này, nhìn quan cảnh này:

Kinh văn: "Nhược bất cánh dĩ tân hoa trùng tán, tiền sở tán hoa chung bất phục lạc".

Tức là hoa cái, tuyệt đối là thường có; nếu như lại có Bồ Tát đến rải hoa thì sao? Thì một hoa cái mới lại hình thành. Nếu như khi chẳng có Bồ Tát đến tham học, thì cái hoa cái cũ này không tan; cho nên không trung vĩnh viễn là trang nghiêm như vậy. Có hoa, có ánh sáng, có hương; vậy những thứ hoa, ánh sáng, hương này đều có thể giúp đỡ người tiêu nghiệp chướng, đều có thể giúp đỡ người khai trí tuệ, đây đều là công đức vô lượng.

Kinh văn: "Ư hư không trung, cộng tấu thiên nhạc, dĩ vi diệu âm ca thán Phật đức".

Chẳng những thấy được có mùi hương, có ánh sáng, có hoa, lại còn có nhạc trời. Trong loại âm nhạc diễn tấu này, đều là tán thán Phật, đều là tán thán đức của Phật.

Kinh văn: "Kinh tu du gian, hoàn kỳ bổn quốc".

Tu Du là chỉ cho sự ngắn tạm của thời gian, sau khi họ đến cúng dường Phật, nghe Phật thuyết pháp thì trở về bổn quốc. Bổn Quốc tức là trở về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đây là nói về người của Tây Phương Cực Lạc thế giới, thường thường đến chư Phật thế giới khác để tham phỏng; những thứ trang nghiêm này. Cho nên sinh

hoạt của Tây Phương Cực Lạc thế giới, xin thưa với quý vị, đích thật là nhiều màu mè sắc thái, vô cùng khoái lạc, cho nên nơi này gọi là thế giới Cực Lạc. Vậy thì sau khi trở về.

Kinh văn: "Đô tất tập hội, thất bảo giảng đường".

Trở về nhất định đi bái lão sư, nói với thầy: "Tôi đi đến đâu để tham phỏng, những vị Phật đó nói pháp gì với tôi?", làm báo cáo với thầy; thầy là A Di Đà Phật.

Kinh văn: "Vô Lượng Thọ Phật, tắc vị quảng tuyên đại giáo, diễn sướng diệu pháp, mạc bất hoan hỷ, tâm giải đắc đạo".

Sau khi trở về, mỗi người nói tâm đắc của riêng mình, đại khái A Di Đà Phật đem tâm đắc của từng người tổng hợp trở lại, làm một cuộc tổng khai thị. A Di Đà Phật ngày ngày đều vì mọi người làm tổng khai thị, đó là "diễn sướng diệu pháp". Sau khi nghe xong, "tâm giải" tức là khai ngộ, đại khai viên giải; "đắc đạo" tức là chứng quả.

Kinh văn: "Tức thời hương phong xuy thất bảo thụ, xuất ngũ âm thanh, vô lượng diệu hoa, tùy phong tứ tán. Tự nhiên cúng dường như thị bất tuyệt. Nhất thiết chư thiên, giai tê bách thiên hoa hương,

vạn chủng kỹ nhạc, cúng dường bỉ Phật”.

Đây là chư thiên. Chư thiên là phàm phu, Tây Phương Cực Lạc thế giới là Nhất Chân pháp giới, sao có thể có chư thiên xuất hiện vậy? Chư thiên này là thuộc trong lục đạo. Tuy nhiên quý vị nên biết, Tây Phương thế giới còn có nhiều loài chim, Bạch Hạc, Khổng Tước, Anh Vũ, đều có thể giảng kinh thuyết pháp; là do A Di Đà Phật biến hóa làm ra. Những loại phi thiên này cũng là A Di Đà Phật biến hóa làm ra, A Di Đà Phật biến hóa những loại phi thiên này, ở tại không trung rải hoa, diễn tấu diệu nhạc, diễn tấu âm nhạc cúng Phật.

Kinh văn: "Cập chư Bồ Tát, Thanh Văn chi chúng, tiền hậu vãng lai, hy di khoái lạc".

Chúng ta biết được lối sinh hoạt này đích thật là vui sướng, chẳng chi sánh bằng; đây là lối sống của một người chân chánh giác ngộ. Quay đầu lại nghĩ xem, những người đang mê như chúng ta đây, sống trong lục đạo luân hồi khổ lắm khổ lắm. Hai trường hợp này vừa đối chiếu thì biết được, thế gian này của chúng ta là cái thế gian cực khổ, chẳng có một việc gì không khổ nhọc. Cho dù đối với một tí vui ngắn tạm, cũng phải trả một giá rất đắc, quý vị mới có được một tí thôi. Nghĩ lại, trên thực tế, cái được không bù nổi cái mất; khi đã nghĩ

thông rồi thì có lẽ quyết định phải cầu sanh Tịnh Độ, thì sẽ chẳng hoài nghi nữa, sẽ chẳng do dự nữa.

Kinh văn: "Thử giai Vô Lượng Thọ Phật bổn nguyện gia oai".

Đây là nói ra rồi, những người vãng sanh này, như chúng ta khi ra đi là đới nghiệp vãng sanh, một phẩm phiền não đều chưa đoạn, niềm vui sướng hưởng thụ ấy cùng trong kinh nói đó, hoàn toàn giống nhau. Cho nên điểm này thật sự rất khó khiến người ta tin được. Chẳng cần nói người thường không tin, mà rất nhiều vị Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát đều chẳng tin. Nguyên nhân gì vậy? Là A Di Đà Phật Bốn Mươi Tám

Nguyện oai thần gia trì cho quý vị, khiến quý vị có được đấy.

Kinh văn: "Cập tằng cúng dường Như Lai, thiện căn tương tục, vô khuyết giảm cố".

Chỗ này rất có đạo lý, đây là gì? Là giống như phía trước, A Xà vương tử cùng với năm trăm trưởng giả như nhau. Hiện nay chúng ta chẳng biết trong đời khứ, Phật chẳng nói với chúng ta, làm sao chúng ta biết được? Trong đời quá khứ, chúng ta tu hành vô lượng kiếp, đã từng cúng dường vô lượng vô biên Như Lai; thiện căn này tương tục, thiện căn thành thục. A Di Đà Phật Bốn Mươi Tám Nguyện, bổn nguyện gia trì, chúng ta mới có

thể có được quả báo này. Thật tại mà nói, chẳng phải là ngẫu nhiên.

Kinh văn: "Thiện tu tập cố, thiện nhiếp thủ cố, thiện thành tựu cố".

Chẳng có cái nào chẳng thiện. Phía dưới là.

Đại Sĩ Thần Quang - Đệ Nhị Thập Bát

Chỗ này cần phải bổ sung một tí, chữ Thiện này là một chữ then chốt, hoàn toàn dùng pháp môn của Tịnh Tông, đây gọi là Thiện. "Thiện tu tập", chuyên tu Tịnh Tông, "Thiện nhiếp thủ", Nhiếp Thủ là nhiếp thủ

chúng sanh, dẫn dụ chúng sanh; cũng là dùng pháp môn Tịnh Tông. Tất cả thành tựu, cả thảy đều vậy, đặc biệt là chỉ cho một câu danh hiệu, danh hiệu công đức bất khả tư nghị, cái này là thiện, là ý nghĩa chân chánh của chữ Thiện. Xin xem đoạn phía dưới này.

Kinh văn: "Phật cáo A Nan: Bỉ Phật quốc trung chư Bồ Tát chúng, tất giai đỗng thị triệt thính bát phương, thượng hạ, khứ lai, hiện tại chi sự".

"Bỉ Phật quốc trung chư Bồ Tát chúng", Tây Phương Cực Lạc thế giới, phàm là những ai vãng sanh, cả thảy đều là A Duy Việt Trí Bồ Tát. Đây tức là chỉ chung, vãng sanh đến Tây

Phương Cực Lạc thế giới được A Di Đà Phật bổn nguyện gia trì, mỗi một người đều có năng lực này. Năng lực này hầu như cùng với chư Phật tương tự. Đỗng Thị là thiên nhãn thông, thấy được rõ ràng; Triệt Thính là thiên nhĩ thông, nghe được minh minh bạch bạch. Phạm vi này lớn cỡ nào? Là bát phương thượng hạ, Đông, Nam, Tây, Bắc, tứ duy thượng hạ; thập phương, phạm vi là thập phương. Khứ là quá khứ, Lai là vị lai, Hiện tại. Thập phương vô lượng vô biên sát độ, quá khứ, hiện tại, vị lai, họ đều nhìn thấy rõ rõ ràng ràng, nghe được rõ rõ ràng ràng. Ôi chao! Chúng ta đọc phần kinh văn này rồi, quý vị có cảm xúc gì? Tôi cảm thấy sợ dựng tóc gáy, quá kinh khiếp, tại sao vậy? Nếu chúng ta

khởi lên một niệm xấu ác thì họ đã biết, chúng ta làm một việc xấu, họ thấy được, họ nghe được; đây là thật. Mỗi người ở Tây Phương thế giới đều có năng lực này, huống chi là Quán Thế Âm, Đại Thế Chí và A Di Đà Phật ư?

Cho nên chớ tưởng rằng chúng ta làm việc xấu, gạt được người chẳng có ai hay biết, Phật cũng chẳng biết! Vậy thì quý vị đã tự khi, khi người. Người ở Tây Phương thế giới là vô lượng vô biên, ai ai cũng đều biết cả. Nếu chúng ta muốn đi đến Tây Phương Cực Lạc thế giới để nhập vào đội ngũ của họ, nhập ngũ, cùng họ làm đồng loại. Người ta là chư thượng thiện nhân, chúng ta hiện vẫn đang vọng tưởng, vẫn đang có tham, sân, si,

mạn; vậy quý vị có niệm cách nào cũng chẳng thành. Cho dù A Di Đà Phật rất từ bi, hoan nghênh quý vị, trong nhóm đại chúng kia nói: "Người này tâm không tốt, chúng ta không cùng loại với họ"; A Di Đà Phật cũng chẳng có cách chi, cũng không thể đến tiếp dẫn quý vị. Cho nên quý vị biết được, người niệm Phật thì nhiều, người vãng sanh thì ít, tại sao không đi được? Cái ác ẩn tàng trong nội tâm chúng ta, người ta toàn bộ đều biết cả. Quý vị vừa thốt lời khe khẻ, người thứ ba chưa nghe được thì người Tây Phương Cực Lạc thế giới đã nghe hết cả rồi, đây là sự thật. Đọc kinh văn này, dựng cả tóc gáy, muôn ngàn xin chớ tưởng rằng, chúng ta làm việc gì họ chẳng thấy được, chẳng nghe được;

vậy thì quý vị đã quá đỗi sai lầm. Chúng ta lại xem phần kinh văn phía dưới.

Kinh văn: "Chư thiên nhân dân".

Đây là nói thập phương thế giới, như chúng ta là chư thiên nhân dân.

Kinh văn: "Dĩ cập quyên phi nhuyễn động chi loại".

"Quyên phi nhuyễn động" là súc sanh đạo, đây tức là, chẳng những nhất cử nhất động của chúng ta họ thấy được rõ ràng, nghe được rõ ràng. Súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, chỗ có tất cả loại chúng sanh; quả thật, nhất

cử nhất động, nhất ngôn nhất tiếu, trong tâm khởi dậy một niệm, họ toàn đều biết cả. Quý vị xem.

Kinh văn: "Tâm ý thiện ác, khẩu sở dục ngôn, hà thời độ thoát, đắc đạo vãng sanh, giai dự tri chi".

Họ thảy đều biết cả, chẳng có một thứ nào chẳng biết. Người của Tây Phương thế giới thần thông quảng đại, người thông thường chúng ta xem tiểu thuyết, đều cho là Tôn Ngộ Không rất phi thường; nhưng Tôn Ngộ Không làm sao sánh nổi, kém rất xa, quả thật chẳng bì nổi. Chỗ này có một câu, có thể quý vị nghe rồi sẽ có nghi hoặc, "Đắc đạo vãng sanh, giai dự tri chi", họ đều biết trước rồi. Như

vậy thì việc vãng sanh này của chúng ta, có lẽ là chủ định rồi. Đã chủ định thì hà tất nhất định phải niệm Phật? Đến lúc thì vãng sanh rồi mà? Họ đều biết trước rồi. Chữ chủ định này có thể nói là chủ định, tại sao vậy? Vì một câu danh hiệu A Di Đà Phật này, vừa nhập nhĩ căn thì kể như chủ định rồi, tương lai quý vị quyết định được sanh; đây là chủ định. Tuy nhiên thời gian vãng sanh này là có thể sớm hơn; có thể sớm hơn thì đương nhiên là càng nhanh càng tốt.

Chúng ta ở trong chư Phật sát độ lục đạo này thọ tội ít, càng nhanh càng tốt. Đây tức là, tuy quyết định vãng sanh, nếu như chúng ta tinh tấn chẳng giải đãi, khiến cho cái duyên của chúng ta một đời này thành thục.

Giả như chúng ta đã giải đãi, xem đến câu này, "đắc đạo vãng sanh, giai dự tri chi", nghĩ rằng: "Thôi đi, có thể chẳng cần niệm Phật, tham đồ phú quý nhân gian; không quan hệ gì, dù sao vẫn là vãng sanh". Điều này không sai, tuy nhiên, những thứ khổ nạn trong lục đạo này thì quá đủ để cho quý vị thọ lãnh. Vậy chúng ta tinh tấn nỗ lực, thì cái duyên của chúng ta thành thục sớm hơn, họ cũng biết; quý vị giải đãi đọa lạc, họ cũng biết. Chẳng có thứ nào chẳng biết.

Kinh văn: "Hựu bỉ Phật sát chư Thanh Văn chúng, thân quang nhất tầm, Bồ Tát quang minh, chiếu bách do-tuần".

Sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, đây là nói về năng lực của tự phần, chẳng nói Phật gia trì; nếu nói Phật gia trì, đều là như nhau, là bình đẳng. Chỗ này nói đến thiên nhân, nói đến Thanh Văn, nói đến Bồ Tát, là tự phần, chẳng nói gia trì; vừa nói gia trì thì là bình đẳng. Thì cái này đều chẳng có, đây đều là không phải thị hiện, đây nói về là tự phần. Nhưng có hai vị Bồ Tát rất đặc thù, tự phần của họ bất khả tư nghị; thật tại mà nói, hai vị Bồ Tát này đều là cổ Phật tái lai, đương nhiên khác hẳn, phải không?

Kinh văn: "Hữu nhị Bồ Tát, tối tôn đệ nhất, oai thần quang minh, phổ chiếu tam thiên đại thiên thế giới". A Nan bạch Phật: "Bỉ nhị Bồ

Tát, kỳ hiệu vân hà?" Phật ngôn: "Nhất danh Quán Thế Âm, nhất danh Đại Thế Chí".

Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, hai vị đại Bồ Tát này, ở Tây Phương Cực Lạc thế giới giúp đỡ A Di Đà Phật giáo hóa chúng sanh. Người và người đều có duyên phần, chẳng có duyên phần thì tụ họp chẳng được; chư Phật, Bồ Tát ở một nơi độ hóa chúng sanh, cũng phải có duyên phần. Như mối quan hệ giữa Thích Ca Mâu Ni Phật cùng A Di Đà Phật, chúng ta từ trong nhiều kinh điển Đại Thừa thấy được, họ tại trong đời quá khứ đã từng làm qua huynh đệ, từng làm qua thầy trò, từng làm qua đồng tham đạo hữu; cho nên trong đời quá khứ, quan hệ vô

cùng mật thiết. Nếu trong đời quá khứ chẳng có duyên, chẳng có quan hệ mà đời này vừa gặp mặt thì liền có duyên phần tốt, không có đạo lý này! Nói cách nào cũng nói không thông được. Những sự việc này, nếu chúng ta bình tĩnh đi quan sát, đi thể nghiệm, có thể có được chứng minh.

Thí dụ như lần đầu tiên chúng ta đến một địa phương để du lịch, quả thật từ trước đến giờ chưa từng đến, sẽ đột nhiên cảm thấy nơi đây rất quen thuộc; hình như là từng đến qua. Nhưng trong đời này, quả thật là lần thứ nhất, vậy tại sao có thể có cảm giác này? Là vì trong đời quá khứ đã từng đến nơi đây, hoặc giả đã từng ở tại nơi đây. Có những người chúng ta vừa gặp mặt thì vui mừng, rất hợp ý;

tại sao không phải người nào gặp mặt cũng đều hợp ý? Tại sao chỉ có một, hai người ấy là đặc biệt? Là cái duyên phần của kiếp trước đấy, trong đời quá khứ có mối quan hệ này. Quán Thế Âm, Đại Thế Chí cùng A Di Đà Phật cũng là đời đời kiếp kiếp có mối quan hệ xa xưa, họ nhất định phải hỗ tương giúp đỡ lẫn nhau. Quán Thế Âm thành Phật rồi, A Di Đà Phật cũng phải làm Bồ Tát để giúp đỡ cho Ngài. Cho nên nói, cái nhân duyên này của họ vô cùng vô cùng sâu xa.

Kinh văn: "Thử nhị Bồ Tát, ư Sa Bà giới, tu Bồ Tát Hạnh, vãng sanh bỉ quốc, thường tại A Di Đà Phật tả hữu".

Đây là hai vị Bồ Tát giúp đỡ Phật giáo hóa chúng sanh.

Kinh văn: "Dục chí thập phương vô lượng Phật sở, tùy tâm tắc đáo".

Hai vị Bồ Tát này, phạm vi giáo hóa của họ cùng A Di Đà Phật như nhau, tận hư không biến pháp giới, chỗ nào danh hiệu Di Đà đến thì danh hiệu của Quán Thế Âm, Đại Thế Chí cũng đến. Thật là xứ xứ Quán Thế Âm, sát sát đều có A Di Đà Phật.

Kinh văn: "Hiện cư thử giới, tác đại lợi lạc".

Hai vị Bồ Tát này, ở tại Sa Bà thế giới chúng ta, quý vị phải biết, đương

nhiên là hóa thân, tại sao vậy? Họ tận hư không biến pháp giới đều ở, quý vị nói, cái này là chân thân? Có thể nói, mỗi một thân đều là chân thân, mỗi một thân đều là hóa thân, đến để giúp đỡ cho chúng ta, đến để thành tựu cho chúng ta.

Kinh văn: "Thế gian thiện nam tử, thiện nữ nhân, nhược hữu cấp nạn khủng bố, đản tự quy mạng Quán Thế Âm Bồ Tát, vô bất đắc giải thoát giả".

Hai câu này tức là trong một phẩm kinh văn chỗ nói của kinh Pháp Hoa, phẩm Phổ Môn; ở chỗ này, bằng một câu nói lướt qua, nói rõ Bồ Tát ở tại thế gian này "tác đại lợi lạc". Lợi

là lợi ích chúng sanh, Lạc ban cho tất cả chúng sanh niềm vui sướng, giúp đỡ tất cả chúng sanh lìa khổ được vui; thì như phẩm Phổ Môn chỗ nói. Chúng ta lại xem một chương phía dưới.

Nguyện Lực Hoằng Thâm - Đệ Nhị Thập Cửu

Trong phẩm này, hiển thị Tây Phương Cực Lạc thế giới, đại Bồ Tát nguyện lực hoằng thâm, quyết định thành tựu Nhất Sanh Bổ Xứ; nói một cách khác, tức là một đời thành Phật. Tuy sanh Cực Lạc thế giới, nhưng chẳng đem tha phương thế giới lục đạo chúng sanh quên mất, ngược lại là thường thường quan tâm đến, tận

hết tâm lực để giúp đỡ, giáo hóa, vô cùng, vô tận. Chúng ta xem phần kinh văn.

Kinh văn: "Phục thứ A Nan! Bỉ Phật sát trung, sở hữu hiện tại, vị lai nhất thiết Bồ Tát".

Hiện nay những vị Bồ Tát này đã ở tại Cực Lạc thế giới. Vị Lai là những người sắp đi vãng sanh, hiện nay vẫn chưa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Những vị Bồ Tát này.

Kinh văn: "Giai đương cứu cánh Nhất Sanh Bổ Xứ".

Câu này nói rất hay, bởi vì chữ Vị Lai kia, tức là bao gồm những người

chúng ta hiện nay chưa đi; đây thuộc về vị lai. Tuy là vị lai, bởi vì quý vị quyết định vãng sanh, đây mới là Bồ Tát của vị lai, khẳng định phải vãng sanh. Chúng ta tự hỏi, một mình chúng ta có thể khẳng định vãng sanh hay không? Có chắc chắn một trăm phần trăm không? Nhất định phải khẳng định, nhất định phải có! Bằng vào gì đây? Bằng vào A Di Đà Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật phát cho chúng ta cái bảo chứng thư đó, thì đây là khẳng định, bảo chứng thư ở đâu? Quyển sách mà quý vị cầm trên tay đó là bảo chứng thư. Chỉ cần quý vị thật sự y giáo phụng hành thì khẳng định quý vị một đời này vãng sanh; cho nên đây đích thật là bảo chứng thư của sự vãng sanh. Khi nãy vừa

nói, quý vị có thể đem lý luận của trong bộ kinh này, có thể dung hội nơi tâm, những lời dạy đều làm được, y giáo phụng hành, quyết định đắc sanh. Cho nên quyển sách này tức là bảo chứng thư đấy, nắm được bảo chứng thư rồi, làm gì có đạo lý chẳng vãng sanh chứ? Nhưng nên nhớ kỹ, cầm được mà không làm thì không được; vậy là không được vãng sanh! Phải nên ghi nhớ điều này, sách đã cầm trên tay nhưng chẳng y giáo phụng hành thì chẳng thể vãng sanh. Chúng ta lại xem phần kinh văn phía dưới.

Kinh văn: "Duy trừ đại nguyện, nhập sanh tử giới, vị độ quần sanh, tác sư tử hống. Hoàn đại giáp trụ, dĩ hoằng thệ công đức nhi tự trang

nghiêm. Tuy sanh Ngũ Trược ác thế, thị hiện đồng bỉ, trực chí thành Phật, bất thọ ác thú”.

Đây là người tái lai của Tây Phương thế giới, họ chẳng nôn nóng để thành Phật; bởi vì họ có cái nguyện phải giúp đỡ chúng sanh khổ nạn, tâm từ bi nặng. Những người này đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, sau khi gặp được A Di Đà Phật, thường thường lại trở về trong lục đạo luân hồi, “nhập sanh tử giới”, họ về lại trong lục đạo. Về lại trong lục đạo để làm gì? Để thuyết pháp độ sanh, “vị độ quần sanh, tác sư tử hống”; thuyết pháp độ sanh, cái này là từ bi. “Hoàn đại giáp trụ”, đây là thí dụ, thí dụ họ dũng mãnh tinh tấn; thời xưa

khi võ sĩ đi đánh giặc, phải mang áo giáp, áo giáp là để phòng ngự. Vậy còn bây giờ, chiến tranh cùng thời xưa khác nhau, nhưng cách phòng ngự cũng như nhau. Quý vị xem, chiến tranh thời nay, giàn tại tuyến đầu là xe tăng, xe thiết giáp xung phong lâm trận. Đây tức là "hoàn đại giáp trụ", tỏ ra họ dũng mãnh, không sợ tất cả ma chướng khổ nạn, họ phải giúp đỡ tất cả chúng sanh; đây là thệ nguyện của họ đã phát, "Chúng sanh vô biên thệ nguyện độ", họ phải đi làm. Lấy việc này để trang nghiêm chính mình, ở trong lục đạo hoằng pháp lợi sanh để trang nghiêm chính mình.

Vậy thì những vị Bồ Tát này, tuy sống trong Ngũ Trược ác thế, giống

như hoàn cảnh hiện tại của chúng ta đây, "thị hiện đồng bỉ"; họ ở trong Ngũ Trược ác thế, cũng giống như người thường chúng ta không khác. Thị hiện cùng người thường như nhau, tuy nhiên họ được A Di Đà Phật bổn nguyện oai thần gia trì, mãi cho đến tương lai thành Phật, họ đều chẳng thể thọ ác thú này. Họ cũng có thể đi đến trong tam ác đạo, cũng đi biến thành ngạ quỷ, biến thành súc sanh, đi độ những chúng sanh này; họ chẳng phải thật sự thọ nhận cái khổ trong ác đạo, họ chẳng có.

Nhưng họ cũng làm ra vẻ thọ nhận như mọi người, chẳng khác; như Thích Ca Mâu Ni Phật xuất hiện tại thế gian này chúng ta, chẳng phải cũng nhận chịu rất nhiều dầy vò khổ

nạn hay sao? Quý vị hỏi, Thích Ca Mâu Ni Phật có thọ nhận không? Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng có, nhưng giả vờ như vậy, là giống như thọ nhận vậy, khiến cho chúng ta nhìn thấy rất lấy làm cảm động, "Ôi chao! Phật, Bồ Tát vì chúng ta thọ nhận nhiều khổ nạn như vậy!". Chúng ta đối với Phật, Bồ Tát sanh cái tâm cảm kích, trên thực tế, Ngài vẫn chẳng phải thật sự thọ nhận, Ngài rất rõ ràng minh bạch, Ngài là đang đóng kịch, là đang diễn kịch, chẳng phải thật, chúng ta thấy thương hại, chúng ta cho là thật; cho là Phật thật đang thọ nhận.

Kinh văn: "Sanh sanh chi xứ, thường thức túc mạng".

Bất luận họ ở trong một đạo nào, bất luận biến hóa gì, họ đều biết cả, đều rõ cả, chẳng mê hoặc, "thường thức túc mạng", đời đời kiếp kiếp họ rất rõ ràng, rất minh bạch.

Kinh văn: "Vô Lượng Thọ Phật, ý dục độ thoát thập phương thế giới chư chúng sanh loại".

Cho nên thọ mạng của A Di Đà Phật rất dài rất dài, chẳng có cách chi tính được. Bởi vì sao vậy? Nguyện vọng của Phật là phải độ hết thập phương thế giới tất cả chúng sanh chi loại, nếu thời gian không dài thì làm sao Ngài độ cho hết được? Vô lượng thọ là từ chỗ này mà có, vì sao thọ

mạng chúng ta rất ngắn? Vì nguyện rất nhỏ, chỉ một tí ti, chốc lát thì thấy đủ rồi, cho nên thọ mạng liền đến.

Quý vị bảo, thông thường người thế gian vì cái gì? Trước là vì mình, nhiên hậu là vì con cái. Con cái trưởng thành rồi, không còn nữa thì là đi; thì nguyện này không còn nữa, họ không phải là đời đời kiếp kiếp. Cho nên cái nguyện của Di Đà lớn đấy, rất phi thường, Ngài muốn độ hết tất cả khổ nạn chúng sanh.

Kinh văn: "Giai sử vãng sanh kỳ quốc".

Cực Lạc thế giới của Ngài phải thường trụ, nếu chẳng thường trụ thì làm sao đây? Đều phải bảo những

chúng sanh này phải vãng sanh Cực Lạc thế giới. Cho nên quốc độ này cũng vô lượng thọ, Phật vô lượng thọ, quốc độ vô lượng thọ.

Kinh văn: "Tất linh đắc Nê Hoàn chi đạo".

Chữ Nê Hoàn tức là được đại Bát Niết Bàn, đây là dạy họ thành Phật, khiến cho tất cả chúng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới để thành Phật.

Kinh văn: "Tác Bồ Tát giả, linh tất tác Phật".

Thành Phật mới thật sự gọi là cứu cánh viên mãn, không thành Phật thì không viên mãn. Cho nên:

Kinh văn: "Ký tác Phật dĩ".

Những người này đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thành Phật rồi, sau khi thành Phật:

Kinh văn: "Chuyển tương giáo thọ, chuyển tương độ thoát, như thị triển chuyển, bất khả phục kế".

Đây tức là nghĩa chuyển pháp luân, nhóm người này thành Phật rồi, sau khi thành Phật lại độ một số chúng sanh, đem số chúng sanh này độ thành Phật. Những người thành

Phật kia lại độ nhóm chúng sanh nữa, gián tiếp di chuyển, chẳng có cùng tận.

Kinh văn: "Thập phương thế giới, Thanh Văn, Bồ Tát, chư chúng sanh loại, sanh bỉ Phật quốc, đắc Nê Hoàn đạo, đương tác Phật giả, bất khả thắng số".

Sanh đến Tây Phương thế giới, bất luận là thiên nhân, bất luận là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, đến bên đó để thành Phật, số lượng ấy, chẳng có cách chi tính đếm được.

Kinh văn: "Bỉ Phật quốc trung, thường như nhất pháp".

Phía sau một đoạn này hay vô cùng, có số người vọng tưởng nhiều, chấp trước nặng; những người này, cả thảy đều đi đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tây Phương Cực Lạc thế giới có thể dung nạp nổi chăng? Quý vị xem, họ vẫn chưa đi mà đã lo giùm cho A Di Đà Phật rồi. Họ chẳng biết được trạng huấn của Tây Phương Cực Lạc thế giới, ngỡ rằng Tây Phương thế giới giống như địa cầu này của chúng ta, người quá nhiều thì dung nạp chẳng nổi, nhân khẩu bùng nổ; Tây Phương thế giới chẳng có trạng huấn này. "Bỉ Phật quốc trung, thường như nhất pháp", Thường Nhất, Nhất tức là không tăng không giảm, người nhiều hơn đi nữa, chẳng thấy nhiều. Huống chi ở phía trước chúng

ta thấy qua rồi, Tây Phương thế giới tấp nập không ngừng. Giống như một trường học không khác, mỗi năm đều có chiêu học sinh, mỗi năm đều có tốt nghiệp. Thành Phật rồi thì là tốt nghiệp, đi mất, đến tha phương thế giới lại gián tiếp chuyển di, độ hóa. Cho nên một nhóm đến, ngày ngày có người đến, ngày ngày có người thành Phật, ngày ngày có đi đến tha phương thế giới để độ hóa chúng sanh đi thành Phật. Cho nên quý vị hiểu rõ đạo lý này, có đến, có đi. Cho dù chẳng có đi, Tây Phương thế giới cũng quyết định có thể dung nạp nổi, cũng chẳng cần quý vị bận tâm. Phía dưới có cái thí dụ.

Kinh văn: "Bất vị tăng đa, sở dĩ giả hà? Do như đại hải, vi thủy trung vương, chư thủy lưu hành, đô nhập hải trung. Thị đại hải thủy, ninh vi tăng giảm".

Thế Tôn vì chúng ta cử ra thí dụ, người thế gian chúng ta, nhãn quan ngắn cạn, chỗ thấy được của nước lớn, nhất là biển cả. Nước của tất cả sông ngòi trên lục địa đều chảy về biển lớn, suốt ngày cứ chảy mãi, cũng chưa bao giờ ngừng nghỉ. Biển có từng đầy không? Chưa từng nghe qua, vậy thì tình hình này ở Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng giống như vậy. Thật tại mà nghĩ lại, nay chúng ta đã rõ, tại sao nước biển không đầy? Là vì tuần hoàn, nước biển bốc hơi thành hơi

nước, lại biến thành mưa, mưa rơi xuống lục địa, lại từ sông ngòi chảy ra biển, tuần hoàn. Tình hình Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng như vậy, cho nên bên ấy tuyệt đối chẳng có tình trạng nhân mãn. Hiện nay trên lục địa chúng ta, đặc biệt là đô thị, có mối lo về nạn nhân mãn, đi ra phố nhìn thấy toàn là người.

Chúng ta đọc trong sách, thời xưa núi sông xinh đẹp, cái đẹp của phong cảnh, con người sống trong cảnh xinh đẹp như thơ, như họa; bây giờ không thấy nữa. Cho dù nơi khu vực danh lam thắng cảnh, tôi cũng chẳng muốn đi! Vì sao? Đến đó để làm gì, để nhìn đầu người à? Người ta nói chỗ đó vui lắm, được, tôi đi một lần, về sau không đi nữa. Đi ngang qua tôi chẳng

không đi, vì sao? Đến nơi đó chỉ để xem đầu người, người quá đông; người quá đông thì phong thủy bị phá hoại mất. Những cảnh trí xinh đẹp tú lệ liền bị phá hoại mất, không còn nữa. Cho nên bây giờ nghĩ lại, vẫn là lão lão thật thật ở tại nhà niệm A Di Đà Phật, để đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, đến tha phương quốc độ đi du lịch ngắm cảnh, có lẽ chẳng giống như thế này.

Kinh văn: "Bát phương thượng hạ".

Đây là nói thập phương thế giới.

Kinh văn: "Phật quốc vô số".

Thế giới vô biên, chư Phật cũng vô lượng.

Kinh văn: "A Di Đà quốc, trường cửu quảng đại".

Trong tất cả chư Phật sát độ, quốc độ của A Di Đà Phật là trường cửu nhất, rộng lớn nhất.

Kinh văn: "Minh hảo khoái lạc".

Minh là quang minh, thiện hảo, khoái lạc.

Kinh văn: "Tối vi độc thắng".

Chỗ có tất cả chư Phật sát độ đều chẳng thể sánh bằng. Tại vì sao?

Kinh văn: "Bổn kỳ vi Bồ Tát thời, cầu đạo sở nguyện, lũy đức sở trí".

Điều này, nơi phía trước chúng ta đã đọc qua, A Di Đà Phật tại nhân địa phát nguyện cầu đạo, tu hành, tích công lũy đức, thì cùng chư Phật khác chẳng giống nhau.

Kinh văn: "Vô Lượng Thọ Phật ân đức bố thí bát phương thượng hạ, vô cùng vô cực, thâm đại vô lượng, bất khả thắng ngôn".

Nếu chúng ta nói đến ân đức, thật tại mà nói, ân đức lớn nhất tức là A Di Đà Phật. Sự chiếu cố của A Di Đà Phật đối với chúng ta, sự quan tâm đối với chúng ta, đời đời kiếp kiếp vĩnh viễn chẳng có chung đoạn; chúng ta mãi đều là nhờ Ngài chiếu cố. Sự việc này, trong chương A Xà vương tử chỗ thấy được đó, chúng ta là từ vô lượng kiếp đến nay tu tập công đức cúng dường chư Phật. Ngày nay thiện căn thành thục vô lượng kiếp đến nay, đều là A Di Đà Phật chiếu cố. Nếu Phật chẳng đem chân tướng sự thật này nói ra, thì chúng ta làm sao biết được, làm sao hiểu được? Vẫn còn một người như vậy đang ở đó quan hoài chúng ta, ở đó quan tâm chúng ta, thương yêu bảo hộ cho

chúng ta, chúng ta đều chẳng biết. Chương phía dưới này vô cùng quan trọng.

Bồ Tát Tu Trì - Đệ Tam Thập

Trong một chương này, những chỗ đáng cho chúng ta học tập nhiều vô cùng, đây là trạng huấn tu trì của Bồ Tát nơi Cực Lạc. Phía trước phẩm Hai Mươi Tám, Hai Mươi Chín mãi cho đến phẩm Ba Mươi Hai phía dưới đây đều là thuyết minh trạng huấn sinh hoạt của Bồ Tát nơi Cực Lạc thế giới, những công đức bất khả tư nghị của họ. Tuy nhiên, trong phẩm kinh này là muốn vì chúng ta giới thiệu cách tu hành của họ; cho nên rất là trọng yếu.

Kinh văn: "Phục thứ A Nan! Bỉ Phật sát trung, nhất thiết Bồ Tát".

Đây là đã bao quát cả Tứ Độ Cửu Phẩm, chỗ có tất cả Bồ Tát.

Kinh văn: "Thiền định, trí tuệ, thần thông, oai đức, vô bất viên mãn".

Như chúng ta vãng sanh, cho dù đới nghiệp vãng sanh, Hạ Hạ Phẩm vãng sanh, sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều viên mãn cả; đây là Phật lực gia trì, A Di Đà Phật cho chúng ta đó.

Kinh văn: "Chư Phật mật tạng, cứu cánh minh liễu".

Mật là thâm mật, chư vị phải biết, trong Phật pháp chẳng có bí mật; bí mật tức là sự việc không thể nói với người. Sự việc không thể nói với người, thử nghĩ xem, còn là việc tốt hay sao? Tại sao việc tốt lại chẳng thể nói với người? Việc không thể nói với người chẳng phải là việc tốt, cho nên trong Phật pháp chẳng có bí mật. Mật này là thâm mật, quá sâu; những người có trí tuệ cạn, thông thường chẳng có biện pháp lý giải nổi. Có giảng họ cũng chẳng hiểu, Mật đây là thâm mật.

Tạng tức là chứa giấu bên trong, cái thâm mật của tất cả chư Phật là gì? Xin thưa cùng chư vị đồng tu, đó tức là Vô Lượng Thọ Kinh, tức là lục tự

hồng danh Nam Mô A Di Đà Phật vậy; danh hiệu công đức bất khả tư nghị. Duy chỉ có Phật với Phật mới có thể cứu cánh, Đẳng Giác Bồ Tát, nếu chẳng nhờ Phật gia trì, đều chẳng biết được. Vậy chúng ta sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì sao? Đều được A Di Đà Phật, thập phương tất cả chư Phật Như Lai gia trì; cho nên nói đến danh hiệu công đức, Vô Lượng Thọ Kinh triệt để minh bạch, "cứu cánh minh liễu".

Kinh văn: "Điều phục chư căn".

Chư Căn là lục căn, "điều phục chư căn" giống như là Đại Thế Chí Bồ Tát chỗ nói: "Đô nhiếp lục căn", Đô Nhiếp là điều phục.

Kinh văn: "Thân tâm nhu nhuyễn, thâm nhập chánh tuệ, vô phục dư tập".

Tập là tập khí, cho nên đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị xem, Phật quang vừa chiếu, Phật nguyện vừa gia trì thì phiền não tập khí của chúng ta thảy đều tiêu mất, đều chẳng thể khởi tác dụng nữa. Cho nên Tây Phương thế giới thành tựu nhanh chóng đấy. Tất cả những Bồ Tát này hiểu rõ rồi, chẳng có một vị nào mà không mơ ước hâm mộ, người người đều muốn đi đến Cực Lạc thế giới, đều muốn gặp A Di Đà Phật.

Kinh văn: "Y Phật sở hành, thất giác thánh đạo".

Đây tức là trong A Di Đà Kinh nói đến, "Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo".

Kinh văn: "Tu hành Ngũ Nhãn".

Trong kinh Kim Cang nói, Như Lai có Ngũ Nhãn.

Kinh văn: "Chiếu Chân đạt Tục".

Chiếu Chân tức là kiến tánh, minh tâm kiến tánh; Đạt Tục là thông đạt pháp tướng. Thập phương y chánh

trang nghiêm họ đều hiểu rõ, đều rõ ràng. Như phía trước chỗ nói, "Đỗng thị triệt thính", đó là chỉ cho đạt Tục.

Kinh văn: "Nhục nhãn giản trạch".

Là giản biệt, tuyển trạch.

Kinh văn: "Thiên nhãn thông đạt, Pháp nhãn thanh tịnh, Tuệ nhãn kiến chân, Phật nhãn cụ túc".

Danh tự của Ngũ Nhãn ở đây đều nói ra hết, tuy nhiên chẳng có cách chi nói kỹ; nếu nói kỹ thì chúng ta không đủ thời gian. Nghĩ lại hôm nay là ngày thứ Mười Tám rồi, chúng ta chỉ còn mười hai ngày nữa thì viên

mãn, cho nên rất nhiều chỗ đều không thể giảng kỹ. Nhưng đại ý đều nắm vững thì chúng ta sẽ được lợi ích. Vậy chúng ta chẳng có Ngũ Nhãn, chỉ có nhục nhãn, "nhục nhãn giản trạch", chúng ta có thể tuyển chọn pháp môn Tịnh Độ, tuyển chọn Vô Lượng Thọ Kinh, tuyển chọn A Di Đà Kinh. Điều này thật phi thường, đây là đại trí tuệ, đây cùng với Văn Thù, Phổ Hiền chẳng khác biệt. Họ cũng là tuyển chọn cách đó, chúng ta cũng tuyển chọn cách đó vậy.

Kinh văn: "Giác liễu pháp tánh".

Giác là giác ngộ, hiểu rõ thể tánh của chư pháp.

Kinh văn: "Biện tài tổng trì, tự tại vô ngại. Thiện giải thế gian, vô biên phương tiện".

Những gì Phật dạy, những gì Phật nói, đều gọi là phương tiện môn. Tất cả chúng sanh, vì Phật thiện xảo phương tiện mà có thể khế nhập chân thật. Khế nhập tức là chứng đắc, chứng đắc cái chân thật này; chân thật tướng của vũ trụ, nhân sanh; chân tướng.

Kinh văn: "Sở ngôn thành đế, thâm nhập nghĩa vị".

Câu nói này rất là khẩn yếu, những gì Phật nói, từng chữ từng câu

đều chân thành. Chữ Đế là đế thật, quyết định chẳng phải hư giả, từng chữ từng câu đều là chân thật. Người thế gian chẳng biết, đem nó coi như là tôn giáo, đem nó coi như là lừa gạt chúng sanh, đây là đại tội lỗi. Phật ngữ chân thành. "Thâm nhập nghĩa vị", Nghĩa là nghĩa lý, Vị là pháp vị; bên trong là ý vị vô cùng chẳng có cùng tận, Phật pháp, thật thật tại tại là thế đó. Có người hỏi tôi: "Người mới học Phật, phải bắt đầu học từ bộ kinh nào?" Là từ Vô Lượng Thọ Kinh, không sai! "Học xong hai năm, tôi lại học gì đây?" Vẫn là học Vô Lượng Thọ Kinh, cho đến già vẫn học Vô Lượng Thọ Kinh. Tương lai quý vị thành Phật, thành Bồ Tát rồi, vẫn còn học Vô Lượng Thọ Kinh; kỳ vị vô

cùng. Quý vị đọc tụng kinh này, từng biến từng biến mùi vị đều khác hẳn; từng năm từng năm, cảnh giới khác nhau. Đây tức là ý vị, thâm nhập ý vị, nó mới có lực lượng này.

Kinh văn: "Độ chư hữu tình, diễn thuyết chánh pháp".

Độ là giúp đỡ tất cả hữu tình chúng sanh, ngày nay gọi Độ là giúp đỡ họ, hiệp trợ một người "diễn thuyết chánh pháp". Diễn là biểu diễn, là làm cho một người xem, người ta mới tin được. Thuyết là thuyết minh, cho nên Phật pháp, chẳng phải chỉ nói trên đầu môi mà thôi, niệm niệm mà thôi! Cách đó chẳng có lợi ích. Phải làm đến thân, thể, lực, hành; cũng tức

là bảo, ngày nay chúng ta học Tịnh Độ, chúng ta nương nơi Vô Lượng Thọ Kinh, phải đem đạo lý của Vô Lượng Thọ Kinh biến thành tư tưởng, kiến giải của chúng ta. Đem lời giáo huấn của Vô Lượng Thọ Kinh biến thành sinh hoạt hành vi của chúng ta. Chúng ta đem bộ kinh này, cả thảy đều biểu diễn ra trong cuộc sống hằng ngày, đều đem nó làm được; đây gọi là Diễn. Sau khi làm xong, nhất định quý vị là người vui sướng không chi sánh bằng, hạnh phúc chẳng gì sánh bằng của thế gian này. Kẻ khác nhìn thấy hâm mộ, sao quý vị vui sướng như vậy, hạnh phúc như vậy? Thì quý vị hãy nói với họ, là diễn thuyết đấy; lại khuyên họ, thì đương nhiên họ tiếp nhận, tất là tin. Nếu như quý vị học

Phật, học đến suốt ngày mặt mày ủ dột, khổ đến quá chừng; người ta vừa trông thấy, không nên học Phật nữa. Quý vị xem, người kia học Phật như vậy, họ còn có thể diễn thuyết, họ còn có thể khuyên người được sao?

Cho nên nhất định chính mình phải là vô cùng vui sướng, vô cùng viên mãn. Cho nên, quý vị xem, Thích Ca Mâu Ni Phật, Bồ Tát, tướng mạo viên mãn biết mấy, khiến người hâm mộ biết mấy, người ta vừa nhìn tướng mạo này, sẽ hỏi "Tướng mạo của anh sao tốt đẹp như vậy?" Thì quý vị có thể nói với họ, tướng là tu nhân, nhân tốt thì quả tốt, thì họ tin. Cho nên nếu tướng mạo chư Phật, Bồ Tát sanh ra xấu như ma lem thì làm sao độ chúng sanh? Vậy thì không thể

được, cho nên Diễn rất quan trọng. Thường thường chúng ta đọc kinh, thấy đến Diễn Thuyết, ý nghĩa của chữ Diễn chẳng hiểu rõ; Diễn tức là làm được, làm cho người ta xem, "diễn thuyết chánh pháp".

Kinh văn: "Vô tướng, vô vi, vô phược, vô thoát".

Chữ Vô này là không chấp trước, tướng có hay không? Tướng đương nhiên là có. Vi là tạo tác, mỗi ngày Phật, Bồ Tát vì chúng sanh giảng kinh thuyết pháp, đó cũng là Vi, họ cũng làm việc nhưng không chấp trước; làm mà không làm, không làm mà làm. Tâm địa thanh tịnh, một hạt bụi không nhiễm, tùy duyên mà làm; đây

tức là vô tướng, vô vi, không trước tướng. "Vô phược, vô thoát", chữ Phược này tức là phiền não, Thoát là giải thoát. Tâm địa quý vị thanh tịnh, quý vị chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước thì làm sao có thể có phiền não? Làm sao có thể có giải thoát? Phược và Thoát là đối lập, một bên chẳng có thì đương nhiên bên kia cũng không có vậy.

Kinh văn: "Vô chư phân biệt, viễn ly điên đảo".

Phía trước bốn câu: Vô Tướng, Vô Vi, Vô Phược, Vô Thoát. Bốn câu này, hai chữ là một câu; là từ trên cảnh giới mà nói. Phía dưới hai câu: "Vô chư phân biệt, viễn ly điên đảo",

là từ trên công phu mà nói, từ trên tu hành mà nói. Quý vị ở trên đây tu cái hạnh này, dùng cái công phu này, thì cảnh giới phía trước sẽ đạt được; đó là cảnh giới của chư Phật cùng đại Bồ Tát. Đây là tổng cương lĩnh của Bồ Tát tu hành, Bồ Tát Cực Lạc thế giới đều dùng cương lĩnh này.

Kinh văn: "Ư sở thọ dụng".

Cái này là chúng ta quay đầu lại, sinh hoạt trên thực tế; nói theo bây giờ, thực hiện nơi trong cuộc sống hiện thực của chúng ta; tất cả có được thọ dụng rồi.

Kinh văn: "Giai vô nhiếp thủ".

Là trong tâm không chấp trước, trong tâm sạch sẽ thanh tịnh; trong tất cả sự tướng, có hay không? Có. Cả thảy đều có, một thứ cũng chẳng thiếu, nhưng trong tâm chẳng có chấp trước. Cái tốt thì thọ dụng, chẳng có tham ái; cái không tốt, cái ác vẫn thọ dụng, cũng chẳng có chê bỏ. Thật tại mà nói, tốt hay xấu ác, là từ tâm phân biệt mới có; lìa xa tất cả phân biệt thì từ đâu có tốt hay xấu ác? Chẳng có. Những người chúng ta đây đều có phân biệt tâm, cái này tốt, cái kia xấu! Quý vị xem, đứa hài nhi mới vài tháng kia, lớn cỡ năm, sáu tháng. Khi còn chưa có phân biệt, còn chưa có chấp trước, quý vị cho nó ăn cục kẹo, nó cười; quý vị cho nó ăn cục phân, nó cũng cười. Tức là cảnh giới này, vì

nó chẳng có phân biệt; cái tâm ấy của nó là bình đẳng, chẳng có tốt, xấu.

Từ trên đây quý vị quan sát, chúng ta ngày nay bị ô nhiễm rồi, khởi dậy phân biệt, chấp trước. Cho nên trong Bồ Tát Hạnh, có một điều gọi là Anh Nhi Hạnh; học đứa hài nhi này chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước. Thì người đó vui biết mấy, trong tâm chẳng có ưu tư, chẳng có lo lắng, chẳng có khủng bố, chẳng có chi cả, là chân khoái lạc, chân hạnh phúc đấy. Cho nên con người nói "biết việc", biết việc gì? Khổ, thọ khổ, thọ nạn. Thọ khổ, thọ nạn, vừa "biết việc" thì bắt đầu thọ khổ, thọ nạn; thật đáng tiếc! Nào phải là hạnh phúc chứ? "Giai vô nhiếp thủ" là ý nghĩa này.

Kinh văn: "Biến du Phật sát, vô ái, vô yếm".

Trong tất cả chư Phật sát độ, chư Phật có tịnh độ, có uế độ. Trong tịnh độ chẳng có ái tâm, chẳng có ái luyến; trong uế độ như tam ác đạo, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, đi vào trong đó cũng sẽ chẳng chán bỏ, tâm là bình đẳng. Nhóm chúng sanh trong địa ngục kia đang thọ khổ, Bồ Tát đi vào chẳng thọ khổ, tại sao họ chẳng thọ khổ? Nếu họ có phân biệt, chấp trước thì họ thọ khổ, họ chẳng có phân biệt, chấp trước thì họ chẳng thọ khổ; cho nên họ chẳng "thọ". Cái thọ khổ của họ ở trong ấy là gì? Đó là biểu diễn, là đồng tình những kẻ khổ nạn kia;

hình như các anh khổ, tôi cũng khổ như các anh. Đó là giả, chẳng phải thật.

Kinh văn: "Diệc vô hy cầu, bất hy cầu tưởng".

Đây là hy cầu, hy cầu của con người; vì có hy vọng nên có thất vọng. Nếu quý vị vĩnh viễn chẳng có hy vọng thì chẳng có thất vọng; đó thì chính xác. Cho nên đối với thế, xuất thế gian pháp, chúng ta chẳng hy cầu; một thứ cũng chẳng cầu, việc chi cũng đều tùy duyên, đều tùy phận. Hôm nay tôi đã điện thoại cho hội Gây Quỹ Đài Bắc, cư sĩ Giảng Phong Văn than nghèo với tôi, nói: "Hiện nay hội gây quỹ của tôi rất nghèo, vấn

đề in kinh chẳng còn biện pháp". Tôi bèn nói với ông ta: "Sao ông chẳng giữ nguyên tắc? Tiền nhiều in nhiều, tiền ít in ít, không tiền không in, thì vui sướng biết mấy!" Chẳng cần hy cầu mà, tôi phải in bao nhiêu, đó thì khổ chết. Học Phật là phải học khai ngộ, là phải học vui vẻ nhe! Thôi hôm nay chúng tôi xin giảng đến đây. A Di Đà Phật

Tập 19

Xin lật kinh bản trang một trăm mười bốn, hàng thứ tư, từ ba chữ sau cùng bắt đầu xem. Trước tiên chúng tôi đem kinh văn đọc một đoạn để đối chiếu.

Kinh văn: "Diệc vô bỉ ngã, vi oán chi tưởng. Hà dĩ cố? Bỉ chư Bồ Tát, ư nhất thiết chúng sanh, hữu đại từ bi lợi ích tâm cố".

Những đoạn kinh văn này đều là nguyên tắc tu hành của chư Bồ Tát ở Tây Phương thế giới, chúng ta phải nên học tập. Cho dù chúng ta làm không nổi, cũng phải biết chân tướng của sự thật này; phải có tâm mơ ước,

hâm mộ. Có thể làm được bao nhiêu thì làm bấy nhiêu, tận tâm tận lực đi làm, như vậy thì tương ưng. Đoạn này nói đó là lợi ích chúng sanh, phía trước là thuộc về tự lợi; chỗ này là thuộc về lợi tha. Trong lợi tha, quan trọng nhất tức là bình đẳng tâm, thanh tịnh tâm cùng đại bi tâm. Cho nên Phật nói với chúng ta, "diệc vô bỉ ngã", đây là bình đẳng trên nhân sự, chẳng phân tự - tha, "Sanh, Phật nhất thể, tự tha bất nhị". Điều này là nguyên tắc vô cùng quan trọng để lợi ích chúng sanh.

Vi Oán tức là chúng ta thường nói "háo ác", Háo chẳng có đề cập, chỉ nói một chữ Ác; Vi là trái ngược với thường tình, thường lý. Oán là, chẳng những trái ngược, còn có nghĩa oán

hại, thậm chí oán hận. Đây là khi gặp cảnh giới bất như ý, rất dễ sanh khởi những niệm này. Những niệm này đều là phiền não, tập khí từ vô thỉ đến nay; cảnh giới bên ngoài vừa hiện tiền thì tập khí này liền bị nó dẫn dụ ra, nói "diệc vô". Do đây có thể biết, định công của Bồ Tát rất sâu, chẳng bị ngoại cảnh làm lay động; định công của Bồ Tát sâu, công phu sâu. Trí tuệ của Bồ Tát sâu rộng, đem tất cả chúng sanh nhìn được vô cùng thấu triệt. Từ trên tự tánh mà xem, tất cả chúng sanh đều là bình đẳng, đều là thiện lương. Chỉ là từ vô thỉ kiếp số đến nay bị mê, tà, nhiễm, nên họ biến thành nông nỗi này.

Chính giống như một người tỉnh táo, một người rất có lý trí, một người

rất có ái tâm, cùng một bọn người say rượu ở chung một nơi. Kẻ say rượu kia buông lời bậy bạ, thậm chí động tay động chân, một tí lễ độ đều chẳng có. Còn người tỉnh táo kia, [nói là] họ vốn rất tốt, rất dễ thương, uống say rượu rồi, thì có thể tha thứ cho họ. Bồ Tát nhìn chúng sanh chúng ta đây là mê hoặc điên đảo, giống như dáng điệu của kẻ say lúy túy kia, nghiêng qua ngã lại; là tình hình như vậy. Bồ Tát tỉnh táo, cho nên họ có trí tuệ rất sâu, tuyệt đối chẳng trách tội nhóm chúng sanh này; sao có thể nói chúng sanh chẳng làm việc ác chứ? Nếu họ chẳng làm việc ác thì họ đã sớm thành Bồ Tát, thành Phật rồi! Chỉ là vì tập khí xấu rất nặng, thời thời khắc khắc có ác niệm, thời thời khắc khắc

có hành vi ác, Phật, Bồ Tát quyết định không trách tội; tâm họ tịnh, họ bình đẳng. Dưới đây đã nói, "Hà dĩ cố?" Tại sao? Bồ Tát sẽ trách tội nhóm chúng sanh "vi oán" này. "Bỉ chư Bồ Tát, ư nhất chúng sanh, hữu đại từ bi lợi ích tâm cố", đây là đem nguyên nhân nói ra rồi. Nhóm Bồ Tát này đại từ bi, Từ Bi ở trước thêm chữ Đại tức là cái từ bi bình đẳng, cái từ bi chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước thì gọi là đại từ bi. Người thế gian chúng ta cũng có từ bi, trong Phật pháp gọi là Ái Duyên từ bi. Tôi ưa thích hắn, thương hắn, đối với hắn rất từ bi; không thích hắn, không thương hắn thì không từ bi. Người thế gian gọi đây là Ái Duyên từ bi, chẳng bằng Phật và nhóm đại Bồ Tát, họ là Vô

Duyên từ bi. Vô Duyên là không có điều kiện, cái từ bi không có điều kiện gọi là đại từ bi. Chẳng những là đại từ bi, mà còn là "hữu lợi ích tâm cố", khiến cho tất cả chúng sanh được lợi ích chân thật. Nhóm Bồ Tát này thường giữ cái tâm như vậy, đều là hy vọng chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh được lợi ích chân thật.

Kinh văn: "Xả ly nhất thiết chấp trước, thành tựu vô lượng công đức".

Chúng ta thường gọi đây là phá chấp trước, chấp trước có hai loại, Nhân Ngã Chấp, Pháp Ngã Chấp; chấp trước tức là căn nguyện của phiền não. Phật trong kinh Hoa

Nghiêm: "Tất cả chúng sanh chỉ vì vọng tưởng, chấp trước, mà không thể chứng đắc", chữ "không thể chứng đắc" tức này là chẳng thể thành Phật; vọng tưởng, chấp trước đấy. Vậy còn Nhân Ngã Chấp? Nếu lìa xa rồi, xả bỏ rồi, thì Kiến Tư phiền não sẽ đoạn, nói một cách khác, tam giới luân hồi liền vượt qua.

Do đây có thể biết, chỉ cần quý vị có Nhân Ngã chấp trước thì quý vị chẳng ra khỏi lục đạo luân hồi. Chúng ta thường thường nói, "có tôi, có anh, có nó"; quý vị chỉ cần có cái quan niệm này tồn tại, cái niệm này không đoạn thì quý vị không ra khỏi luân hồi. Đến một ngày nào đó, "tôi, anh, nó" không còn nữa thì chứng A La Hán, thì ra khỏi tam giới rồi; đến ngày ấy

quý vị có thể nói là "tôi, anh, nó" chẳng có nữa. Cái Ngã Chấp này phá hết rồi, câu này là phá Ngã Chấp; "xả ly nhất thiết chấp trước, thành tựu vô lượng công đức".

Con người cần phải đến chỗ Vô Ngã, thì cái tâm đó là đại công vô tư, chẳng có lòng riêng tư. Con người có Ngã, quý vị bảo họ không có lòng riêng tư là việc chẳng thể được; có Ngã thì có lòng riêng tư, Vô Ngã mới không có lòng riêng tư. Cho nên từ A La Hán trở lên chẳng có lòng riêng tư; trước khi chưa chứng A La Hán, đều có lòng riêng tư. Chỉ là, thành phần của lòng riêng tư này khác nhau mà thôi! Chấp trước cạn sâu khác nhau, quyết định là có lòng riêng tư, Cực Lạc Bồ Tát chẳng có. Vậy như những

người đới nghiệp vãng sanh chúng ta, chúng ta tự hỏi có hay không?

Thật tại mà nói, một phẩm phiền não chúng ta cũng chưa đoạn; đến bên đó rồi thì cũng chẳng có, tại sao chẳng có? Nhờ bổn nguyện của A Di Đà Phật gia trì. Nếu như chẳng được Phật bổn nguyện gia trì, thì chúng ta vẫn có; điều này thật sự bất khả tư nghị.

Kinh văn: "Dĩ vô ngại tuệ, giải pháp như như. Thiện tri Tập Diệt âm thanh phương tiện. Bất hân thế ngữ, nhạo tại chánh luận".

Đây là y theo trí tuệ vô chướng ngại. "Giải pháp như như", đây thì Pháp Chấp cũng phá rồi. Phía trước

phá Ngã Chấp, câu này là phá Pháp Chấp; Pháp Chấp phá xong thì là thành Phật. Nếu như chúng ta lại đem tiêu chuẩn này hạ thấp xuống nữa, hạ đến thấp nhất, vậy cũng là Đẳng Giác Bồ Tát rồi; là hạng Pháp Vân Địa Bồ Tát, Pháp Chấp đã phá. "Giải pháp như như", Pháp là chỉ cho tất cả vạn pháp; tất cả vạn pháp, "Pháp tướng như kỳ pháp tánh, pháp tánh như kỳ pháp tướng, tánh tướng nhất như". Hai chữ Như, một chữ là từ trên Tánh mà nói, một chữ là từ trên Tướng mà nói, Tánh Tướng như như.

Nếu như đối cách nói này vẫn rất khó thể hội, thì cổ đức có một thí dụ; đem vàng và đồ dùng để làm thí dụ. Vàng ví làm Tánh, đồ dùng ví làm Tướng. Đồ dùng như là chén bát,

giống như dùng kim khí làm ra, dùng vàng để làm; hoặc giả là làm vòng đeo tay, hoặc làm dây chuyền, hoặc làm cái ly, cái chén; đều là bằng vàng. Cái tướng đó không giống nhau, tướng thì là thiên sai vạn biệt; còn Thể của nó? Là một thứ, đều là từ vàng ròng làm ra. Vậy thì chúng ta có thể nói, vàng tức là đồ dùng, đồ dùng tức là vàng; vàng và đồ dùng là một, chẳng phải hai. Cách này dễ hiểu, lấy vàng làm đồ dùng, cái nào cũng đều là vàng. Cách thí dụ này thì quý vị có thể hiểu được, quý vị lại dần dần thể hội lời Phật nói: "Chúng ta, vũ trụ, nhân sinh, sâm la vạn tượng từ đâu mà có?" Đều là từ Tự Tánh biến hiện ra. Cái Tánh này ví như vàng, còn sâm la vạn tượng [Tướng] thì ví như

đồ dùng. Tánh tức là tướng, tướng tức là tánh, "tánh tướng nhất như, tánh tướng bất nhị". Họ đã hiểu rõ rồi, quả nhiên hiểu rồi thì tâm của họ được đại tự tại! Tự tại gì vậy? Ở trong tất cả vạn pháp sẽ cũng chẳng phân biệt, chấp trước nữa, họ hiểu được vạn pháp bình đẳng, vạn pháp nhất như. Đây là Pháp Chấp đã phá luôn rồi, đây tức là cảnh giới của đại Bồ Tát.

"Thiện tri Tập Diệt âm thanh phương tiện", đây hoàn toàn là từ trên ngữ ngôn mà nói; trong ngữ ngôn chúng ta bao quát nghị luận. Nghị luận này cũng nói rõ tư tưởng, kiến giải của tất cả chúng sanh. Thiện Tri, chữ Thiện"này thì rất tuyệt diệu, chữ Thiện này là ý nghĩa gì? Là Không

- Hữu bất nhị đấy; Có tức là Không, Không tức là Có. Từ trên Thể mà nói là Không, từ trên Tướng mà nói là Có. Tánh Tướng đã là nhất như thì Sự Lý đương nhiên là chẳng có chướng ngại. Không những Sự Lý chẳng có chướng ngại, mà Sự Sự đều vô ngại; đây là thật, đích thật là Sự Sự vô ngại. Chỗ có tất cả chướng ngại từ đâu sanh ra? Đều là từ vọng tưởng, chấp trước sanh ra. Lìa khỏi tất cả vọng tưởng, chấp trước thì là vô ngại rồi, nhập Vô Chướng Ngại pháp giới rồi. Cho nên cần phải Thiện Tri, đối với những sự lý nhân quả này, triệt để hiểu rõ, đây gọi là Thiện Tri.

"Bất hân thế ngữ, nhạo tại chánh luận", chữ Thiện đó hiển thị tại chỗ này, nó là tất cả bình đẳng, còn có gì

ưa thích hay không ưa thích? Đương nhiên là chẳng có. Tuy nhiên họ có, tại sao họ lại có? "Hữu đại từ bi lợi ích tâm cố". Nơi họ là chẳng có, họ là thanh tịnh bình đẳng; nhưng mà vô số đông đảo chúng sanh mê hoặc, điên đảo, khổ sở, cho nên phải chỉ dạy chúng sanh làm thế nào lìa khổ được vui. Tại trong thế gian pháp mà nói, tức là từ trong hiện tượng mà nói, những thứ nghị luận của thế gian này, "bất hân" tức là chẳng ưa thích; ưa thích cái gì? "Nhạo tại chánh luận". Chánh Luận tức là chánh pháp đấy, lời dạy bảo của chư Phật, Bồ Tát đối với chúng ta, đây là chánh luận. Tiêu chuẩn của tà, chánh, chân thật ở chỗ nào? Chánh pháp là cùng Tánh tương ưng, tà pháp cùng Tánh trái ngược

nhau; đây là tiêu chuẩn tuyệt đối. Chúng ta khi có thể thể hội được điểm này, mới biết được, Thế Tôn trong bốn mươi chín năm, cái pháp chỗ nói đó là có tiêu chuẩn, chẳng phải tùy tiện nói, đích thật giúp cho chúng ta phá mê khai ngộ vậy. Mê là cùng tự tánh trái ngược, ngộ là cùng tự tánh tương ưng.

Kinh văn: "Tri nhất thiết pháp, tất giai không tịch. Sanh thân phiền não, nhị dư câu tận".

Dư là tập khí, dư tập, cả thảy đều đoạn được sạch sẽ rốt ráo; "sanh thân phiền não" tức là sanh tử phiền não. "Tri nhất thiết pháp, tất giai không tịch", chẳng những Thể không tịch,

thật tại mà nói, Tướng cũng không tịch. Chỉ là chúng ta vì vọng tưởng, chấp trước, chướng ngại nghiêm trọng, chúng ta chẳng thấy được chân tướng. Chư Phật, Bồ Tát tâm địa thanh tịnh, tướng chân thật này bày ở trước mặt, đúng là "không tịch". Tướng cũng là không tịch cho nên mới là Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại. Nếu Tướng chẳng không thì đương nhiên có chướng ngại, Tướng là không; cái này rất khó hiểu, không hiểu cũng chẳng sao, không có quan hệ. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới lại đem nó học cho biết, thì được, bây giờ chúng ta lão thật niệm Phật là được rồi; bây giờ biết được, đương nhiên càng tốt, không biết cũng chẳng

trở ngại vãng sanh; chư vị phải biết đều này, chúng ta biết được điều này.

Kinh văn: "Ư tam giới trung, bình đẳng cần tu, cứu cánh Nhất Thừa".

Đây là nét đặc biệt của sự tu hành của Tịnh Tông. Tam Giới, Dục Giới, Vô Sắc Giới; cái Tam Giới này là cực kỳ chẳng bình đẳng, sai biệt vô cùng lớn, ở trong đây Bồ Tát có thể thị hiện sự tu học bình đẳng, có thể chỉ dạy tất cả chúng sanh tu hành bình đẳng. "Cứu cánh Nhất Thừa" tức là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, cái này là cứu cánh Nhất Thừa pháp.

Kinh văn: "Chí ư bỉ ngạn".

Bỉ Ngạn là thành Phật, tu hành pháp môn này quyết định trong một đời viên mãn thành Phật.

Kinh văn: "Quyết đoạn nghi võng, chứng vô sở đắc".

Hai câu này là thanh tịnh Bát Nhã trí tuệ cứu cánh viên mãn, Thế Tôn xuất hiện tại thế gian vì chúng ta giảng kinh nói pháp, giảng Bát Nhã được hai mươi hai năm. Trong Đại Tạng Kinh mà chúng ta hiện nay giữ lại, bộ kinh lớn nhất là Đại Bát Nhã Kinh, có đến sáu trăm quyển. Sáu trăm quyển Đại Bát Nhã là nói những gì? Trong Tâm Kinh chỗ nói: "Vô trí diệc vô đắc", năm chữ này, Thế Tôn

đã giảng hết hai mươi hai năm, sáu trăm quyển Đại Bát Nhã, là nói cái này, Vô Trí, Vô Đắc. "Quyết đoạn nghi võng, chứng vô sở đắc", Chứng Đắc, trí tuệ Bát Nhã viên mãn, đối với cái này chẳng còn hoài nghi nữa.

Kinh văn: "Dĩ Phương Tiện Trí, tăng trưởng liễu tri".

Chữ Phương Tiện Trí là Dụng, phía trước chữ Vô Sở Đắc là căn bản trí, là trí tuệ chân thật. Phương Tiện Trí là dùng để giáo hóa chúng sanh, là dùng cho người khác; còn căn bản trí, Thật Trí là tự mình thọ dụng. Giáo hóa chúng sanh, tăng trưởng liễu tri, chữ Liễu Tri này là hậu đắc trí, tức là "vô sở bất tri"; phía trước là "vô sở

đắc”, là Bát Nhã vô tri, khi nó khởi tác dụng thì là “vô sở bất tri”.

Kinh văn: “Tùng bổn dĩ lai, an trụ thần thông, đắc Nhất Thừa đạo, bất do tha ngộ”.

Bổn là nguyện bổn, căn bổn, “Tùng bổn dĩ lai, an trụ thần thông”, loại nhân lực này của Cực Lạc Bồ Tát, đều là A Di Đà Phật bổn nguyện oai thần gia trì. Bổn nguyện tức là Bốn Mươi Tám Nguyện, bất cứ một nguyện nào trong Bốn Mươi Tám Nguyện đều hàm nhiếp bốn mươi bảy nguyện kia; nguyện nguyện viên thông, cho nên lực lượng này bất khả tư nghị. “Đắc Nhất Thừa đạo, bất do tha ngộ”, pháp môn này của chúng ta,

Pháp Tạng tỳ-kheo vừa mở đầu liền hiển thị, toàn nhờ vào Phật lực, toàn nhờ vào Di Đà nguyện lực gia trì cho chúng ta. Khiến cho chính chúng ta trên đường Bồ Đề, trong thời gian cực ngắn viên mãn thành tựu. Lại xem phẩm phía dưới, phẩm này cũng rất quan trọng, phẩm này là tiếp tục một phẩm trước, thuyết minh diệu hạnh tự lợi, lợi tha.

Chân Thật Công Đức - Đệ Tam Thập Nhất

Đây đều là nói về trạng huấn của Tây Phương Cực Lạc thế giới, vậy nói một cách khác, cùng chúng ta quan hệ mật thiết. Nguyện vọng của chúng ta tức là hy vọng rất nhanh có

thể sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Kinh văn: "Kỳ trí hoằng thâm, thí như cự hải, Bồ Đề cao quảng, dụ nhược Tu Di".

Phía dưới, tổng cộng có mười lăm câu thí dụ, trước tiên từ trên thí dụ để nói ra trí tuệ đức năng của Cực Lạc thế giới Bồ Tát. Câu thứ nhất nói trí tuệ của họ sâu rộng, giống như biển cả chẳng khác; trí tuệ của họ sâu rộng như vậy. Kỳ thật, biển cả, nếu cùng trí tuệ của Bồ Tát thật sự so sánh, thì kém rất xa rất xa; phàm là thí dụ, chỉ có thể thí dụ cái phưởng phất, chẳng có cách chi so sánh vừa đúng, được hay như vậy, không thể được, so sánh

hơi giống thôi! Khiến cho chúng ta từ trong chỗ này đi thể hội. "Bồ Đề cao quảng", Bồ Đề là giác ngộ, thứ thứ giác ngộ, chẳng có thứ nào không giác; không giác thì mê rồi. Tại sao họ giác ngộ cao độ như vậy? Phía trước, đừng quên cái thứ nhất, trí tuệ; trí tuệ quả thật là căn bản.

Chẳng có trí tuệ thì làm sao quý vị chẳng mê? Đương nhiên mê rồi, sao có thể mê? Tức là vì chẳng có trí tuệ. Trí tuệ đặt ở câu thứ nhất, rất có đạo lý, những phần sau thảy đều phải nhờ vào trí tuệ; không có trí tuệ, hoàn toàn không làm được. Cho nên cái giác ngộ của họ cao rộng. "Dụ nhược Tu Di", thì giống như núi Tu Di; Phật nói núi Tu Di là ngọn núi cao nhất của thế giới này chúng ta, thì chúng ta

gọi nó là núi Tu Di. Tu Di là tiếng Phạn, ý nghĩa là Diệu Cao; ngọn núi này diệu cao. Diệu là chúng bảo làm thành; đây là diệu, núi cao vô cùng.

Kinh văn: "Tự thân oai quang, siêu ư nhật nguyệt".

Trên thân Bồ Tát đều có ánh sáng, chúng ta nơi phía trước thấy qua, đều đọc qua, ánh sáng của họ siêu quá nhật nguyệt; nhật nguyệt chẳng sánh nổi. Đây hiển thị ra đức cao.

Kinh văn: "Kỳ tâm khiết bạch, do như Tuyết Sơn".

Tuyết Sơn, Thế Tôn thường thường dùng thí dụ này, tức là núi Hy

Mã Lạp Sơn, quanh năm tuyết phủ, tuyết không tan. Chúng ta nhìn thấy một màn trắng xóa, trông rất là sạch sẽ, dùng cái này thí dụ cho cái tâm của Bồ Tát thanh tịnh một hạt bụi chẳng nhiễm. Giống như Lục Tổ chỗ nói: "Bổn lai vô nhất vật", thì tâm này sạch sẽ, thanh tịnh.

Kinh văn: "Nhẫn nhục như địa, nhất thiết bình đẳng".

Những chỗ này, chúng ta thảy đều phải học. Chư Phật, Bồ Tát đều có thể nhẫn, tại sao chúng ta chẳng thể nhẫn? Nhẫn nhục, phải học đại địa. Quý vị xem, anh đem nước hoa đổ lên đại địa, nó cũng chẳng cảm thấy anh đối tốt với nó, "ngày ngày tưới nước hoa cho

tôi". Mỗi ngày anh đem phân đổ lên nó, nó cũng chẳng chê bỏ, nó cũng chẳng nói, "anh rất đáng ghét, ngày ngày anh coi rẻ tôi"; cả thảy đều nhẫn được. Sự nhẫn nhục của chúng ta phải như đại địa, chẳng khác, không có một thứ nào chẳng thể dung, không có một thứ nào chẳng thể nhẫn, "nhất thiết bình đẳng".

Kinh văn: "Thanh tịnh như thủy, tẩy chư trần cấu".

Đây là nói sự thanh tịnh của tâm địa, phải tu thanh tịnh hạnh, đem ô nhiễm từ vô thỉ kiếp đến nay của chúng ta tẩy rửa cho sạch. Trong kinh này, Phật dạy cho chúng ta "sái tâm dịch hạnh".

Kinh văn: "Sí thịnh như hỏa, thiêu phiền não tân".

Đây là sí thịnh, hỏa là thí dụ cho trí tuệ; trí tuệ phải thường thường hiện tiền. Trí tuệ hiện tiền thì có thể diệt phiền não, phiền não giống như củi, lửa vừa cháy thì đem nó thiêu sạch hết. Đem phiền não ví như là củi, trí tuệ ví như là lửa. Dùng trí tuệ mới là chân chánh diệt được phiền não, định chẳng thể diệt phiền não, định là phục phiền não. Nhẫn, Định là phục phiền não, không thể diệt; Tuệ khai mở rồi thì phiền não chẳng còn. Chân tướng sự thật hiểu rõ rồi thì phiền não sẽ chẳng sanh nữa.

Kinh văn: “Bất trước như phong, vô chư chướng ngại”.

Bất Trước tức là chẳng trước tướng. Trong chẳng trước tướng của thân tâm, ngoài chẳng trước tướng của chư pháp; vậy là tự tại, thì chẳng có chướng ngại. Chỗ có tất cả chướng ngại, đều từ chấp trước sanh ra; quý vị trước thì có chướng ngại, chẳng trước thì không có chướng ngại. Cho nên chẳng trước thì giống như gió, không khác; gió vừa trước thì gió không còn nữa thì nó đã ngưng, vì nó trước rồi, đây là dùng cái này để thí dụ.

Kinh văn: “Pháp âm lôi chấn, giác vị giác cố”.

Đây là nói Bồ Tát hóa tha, giáo hóa chúng sanh, âm thanh thuyết pháp giống như sấm sét. Tiếng sét nghe rất xa, cảnh giác những kẻ chưa giác ngộ kia.

Kinh văn: "Vũ cam lộ pháp, nhuận chúng sanh cố".

Nước mưa này từ trên trời rơi xuống, cây cối, cỏ hoa đều thấm nhuần, đây là thí dụ cho Phật pháp. Phật pháp có thể làm tươi nhuần thiện căn của tất cả chúng sanh.

Kinh văn: "Khoáng nhược hư không, đại từ đẳng cố".

Chữ Khoáng này là hình dung tâm lượng, tâm lượng lớn như hư không chẳng khác; cho nên đối với tất cả chúng sanh là từ bi bình đẳng, đại từ bi.

Kinh văn: "Như Tịnh Liên hoa, ly nhiễm ô cố".

Thì giống như hoa sen thanh tịnh kia, Phật môn dùng hoa sen để biểu trưng; sen từ bùn nhơ mà không nhiễm. Bùn nhơ thí dụ cho hoàn cảnh, cảnh giới này của lục đạo; chúng ta có thể ở trong lục đạo mà chẳng nhiễm các thứ tập khí trong lục đạo, đó thì giống như hoa sen chẳng khác, lìa ô nhiễm.

Kinh văn: "Như Ni Câu thụ, phú ấm đại cố".

Chữ Ni Câu Thụ này, Ni Câu là tiếng Phạn, là một loại cây đại thụ ở Ấn Độ. Bóng cây này rất rộng lớn, ngồi dưới cây này rất mát. Đó là thời xưa phiên dịch, dịch thành cây Vô Kết, có lẽ cây này mọc rất cao, rất lớn, rất ít nhánh kết, dịch thành Vô Kết. Vậy cái thí dụ này là lấy Phật pháp Đại Thừa để che mát, lợi ích quảng đại chúng sanh, đặc biệt là pháp môn Niệm Phật Tịnh Tông. Cửu giới hữu tình chúng sanh có duyên, tiếp xúc đến đều được lợi ích thù thắng. Nếu tin được, nguyện được, hành được, đều là một đời bất thoái thành Phật,

quả thật như một bóng cây khổng lồ, chẳng khác.

Kinh văn: "Như Kim Cang xử, phá tà chấp cố".

Đây cũng là thí dụ, như Kim Cang lực sĩ, trên tay cầm vũ khí đó là chày Kim Cang. Vào thời xưa, loại vũ khí này là bén nhọn nhất, tất cả khí giới đụng đến nó đều phải hư hoại, chẳng có vật chi có thể làm hư nổi chày Kim Cang. Chày Kim Cang thí dụ cho loại bén nhọn nhất trong các loại vũ khí, có thể phá Tà chấp.

Kinh văn: "Như Thiết Vi sơn, chúng ma ngoại đạo bất năng động cố".

Đây là thí dụ sự kiên định của tín tâm, nguyện tâm, tất cả tà ma ngoại đạo, tất cả tri kiến đều không thể lay động; người này quyết định vãng sanh Tịnh Độ. Phần trên mười lăm câu này đều là thí dụ, chúng ta từ trong thí dụ này để thể hội, đức năng Bồ Tát bất khả tư nghị, trí tuệ đức năng vô cùng quảng đại. Chúng ta sanh đến Tây Phương thế giới đều là như vậy, đây đều là được Phật lực gia trì.

Kinh văn: "Kỳ tâm chánh trực, thiện xảo quyết định, luận pháp vô yếm, cầu pháp bất quyện".

Phía dưới đây thuyết minh cái đại đức của Bồ Tát hoằng pháp lợi sanh,

tâm chánh trực chân thành đến chỗ cùng cực, đây là Bồ Tát tâm. Mã Minh Bồ Tát trong Khởi Tín Luận nói với chúng ta: "Trực tâm, Thâm tâm, Đại Bi tâm"; Trực tâm là Thể của Bồ Đề tâm. Trong Quán Kinh, Thế Tôn nói với chúng ta Chí Thành tâm, cho nên Chánh Trực tức là chí thành, chân thành đến chỗ cùng cực. "Thiện xảo quyết định", đây là trí tuệ quán cơ, ứng cơ thuyết pháp; đây tức là thiện xảo quyết định. Người này căn cơ thế nào thì nói cái pháp thế đó, từ từ đem họ dẫn dụ vào Tịnh Độ; cho nên ngàn kinh muôn luận, chỗ chỗ chỉ quy, đến sau cùng nhất định chỉ về đến Tịnh Độ.

"Luận pháp vô yếm", đây là giác tha, đây là giảng kinh thuyết pháp cho

tất cả chúng sanh, cùng người ta thảo luận, chẳng mỏi, chẳng mệt, chẳng chán.

"Cầu pháp bất quyện", đây là tự tánh, Bồ Tát không ngừng đi cầu pháp; thật tại mà nói, giáo hóa chúng sanh cũng là đang cầu pháp. Cổ nhân thường nói: "Giáo học tương trưởng", đặc biệt là trong lúc vấn đáp; có rất nhiều người nêu ra nhiều vấn đề, chúng ta tự mình chẳng nghĩ đến, họ vừa hỏi thì chúng ta hiểu rõ ngay thì trí tuệ này liền hiện tiền, cho nên giáo học tương trưởng. Bởi thế, nên Bồ Tát không độ chúng sanh thì không thể viên thành Phật đạo, tại sao vậy? Là vì trí tuệ chẳng viên mãn, nhất định phải tiếp xúc với quảng đại quần

chúng mới có thể được trí tuệ viên mãn.

Kinh văn: "Giới nhược lưu ly, nội ngoại minh khiết".

Hai câu này là nói trì giới, nghiêm trì giới luật; nói một cách khác, bất luận Bồ Tát ở trong hoàn cảnh nào, nhất định họ sẽ thủ pháp, quyết định họ chẳng phạm pháp. Chữ Trì Giới này tức là thủ Phật, chúng ta nên rõ ràng điều này. Nếu như đem giới và Phật tách rời ra thì là quá đỗi sai lầm, chữ Giới này tức là pháp luật. Hiện tại chúng ta nói đến pháp luật, trong này bao gồm đạo đức, phong tục, tập quán; thứ thứ đều phải tuân thủ, quyết định chẳng vi phạm. Đây là Bồ Tát

Hạnh, họ giữ được rất nghiêm, rất vi pháp. "Nội ngoại minh khiết", Ngoại là thân hình, Nội là tâm địa, thân tâm thanh tịnh.

Kinh văn: "Kỳ sở ngôn thuyết, linh chúng duyệt phục".

Ngôn luận của Bồ Tát, chúng sanh nghe rồi đều rất hoan hỷ, đều rất vui lòng đi tiếp nhận; đây tức là Duyệt Phục.

Kinh văn: "Kích pháp cổ, kiến pháp tràng, diệu tuệ nhật, phá si ám".

Bốn câu này là hình dung, cũng là thí dụ. Cổ tức là trống, âm thanh này

nghe cũng rất xa. Cho nên thời xưa khi chiến tranh thì đánh trống xung phong, lâm trận đánh trống; có thể khiến lòng người phấn chấn, nghe được rất xa, đây là thí dụ cho thuyết pháp. Thí dụ giảng kinh thuyết pháp, dùng chữ "kích pháp cổ" cùng "chuyển pháp luân"; kích pháp cổ đều là thí dụ cho giảng kinh thuyết pháp.

"Kiến pháp tràng", đây là thí dụ cho xây dựng đạo tràng. Nếu như không có đạo tràng thì sự tu học Phật pháp chẳng có trung tâm, hoằng dương chẳng có cơ sở. Cho nên đạo tràng vô cùng quan trọng, nếu như không có đạo tràng thì pháp môn này chẳng thể kể như là xây dựng tại thế gian này. Cho nên tại Trung Hoa, Đại

Thừa cùng nhiều tông phái; quý vị đều biết, có cái gọi là Tổ Đình.

Tổ đình tức là cái đạo tràng đầu tiên của họ, do tổ tiên xây dựng năm xưa; như cái đạo tràng đầu tiên của Tịnh Độ Tông chúng ta là Huệ Viễn đại sư xây dựng tại Lư Sơn, tức là Lư Sơn Đông Lâm Tự hiện nay, là mở đầu của Tịnh Độ Tông chúng ta, là bắt đầu. Về sau có Huyền Tông Tự bên Ngũ Đài Sơn, là đạo tràng của Tịnh Tông Trung Hưng; đến năm đầu Dân Quốc, cuối đời nhà Thanh, Ấn Quang đại sư, trú ngụ thời gian rất lâu ở tại Linh Nham Sơn Tô Châu. Ở đó chuyên hoằng Tịnh Độ; cho nên Linh Nham Sơn Tự ở Tô Châu cũng trở thành đạo tràng chủ yếu của Tịnh Tông. Cho nên hiện nay có ba cái đạo

tràng chủ yếu của Tịnh Tông, vậy đây là ý nghĩa của chữ "kiến pháp tràng".

"Diệu tuệ nhật", có được pháp tràng, có đạo tràng rồi thì mới có thể đem trí tuệ của Như Lai, cũng tức là trí tuệ vốn sẵn có của tất cả chúng sanh hiển hiện ra; đây phải nhờ sự chỉ dạy tu học Phật pháp của Phật, thì trí tuệ tài năng của chúng ta mới có thể hiện tiền. "Phá si ám", Si Ám là ví cho Vô Minh phiền não; ý nghĩa bên trong rất sâu rất sâu.

Kinh văn: "Thuần tịnh ôn hòa, tịch định minh sát".

Đây là nói về phong độ xử thế, đối người, tiếp vật, biểu hiện của Bồ Tát. Bên trong Thuần, chất phác mộc

mạc, thuần chánh; ngoài thì ôn hòa, đây gọi là thuần tịnh, thanh tịnh, thuần phát thanh tịnh, bên ngoài ôn hòa, ôn lương hòa mục.

"Tịch định minh sát", chữ Tịch Định là nhất định phải làm đến biết sỉ nhục, biết đủ; tri sĩ tri túc thì người này tâm tự nhiên Định. Sau khi Định rồi thì sanh Trí Tuệ, đối với tất cả vạn sự vạn vật nhìn thấy rất rõ ràng.

Tại sao người thông thường chẳng nhìn thấy được? Người thông thường mê trong cảnh này, họ có Đắc, có Thất; họ có Lợi, có Hại, có những thứ này, thì là mê. Lời tục ngữ chúng ta thường nói: "Đương cục giả mê, bàng quan giả thanh", bàng quan gì đây? Bên trong họ chẳng có lợi - hại, chẳng có đắc - thất, họ nhìn được rõ ràng.

Khi có đắc - thất, có lợi - hại thì họ đều đem những thứ này đặt ở tiền đề, lấy cái này làm tiêu chuẩn. Cho nên thường thường chẳng thấy được chân tướng sự thật. Nội tâm Bồ Tát thuần tịnh, tịch định, cho nên cách quan sát của họ chính xác, minh xác.

Kinh văn: "Vi đại đạo sư".

Đại đạo sư là Phật, có thể gọi Bồ Tát như vậy. Bồ Tát có năng lực này, nên lấy Phật thân mà được độ, Bồ Tát liền hiện Phật thân để độ hóa chúng sanh; họ quả thật có năng lực này, có bản lãnh này. Vậy đương nhiên đây là một trong ba mươi hai Ứng Thân của Bồ Tát, họ cũng có thể lấy Bồ Tát thân, cũng có thể lấy thân đồng nam,

đồng nữ; cũng có thể lấy bất cứ một loại thân phận nào. Đây hoàn toàn là quán căn cơ, chúng sanh ưa thích thân phận gì thì họ dùng thân phận ấy để thị hiện.

Kinh văn: "Điều phục tự tha".

Bên trong câu này có chữ Tự, tức là Bồ Tát độ hóa chúng sanh là dùng tự lợi, lợi tha.

Kinh văn: "Dẫn đạo quần sanh, xả chư ái trước".

Đây là nguyên tắc của Phật, Bồ Tát chỉ dạy tất cả chúng sanh, quý vị phải ghi nhớ điều này; giả như Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, dạy quý vị ái,

dạy quý vị tham luyến. Đây nhất định chẳng phải là Phật pháp, đây nhất định là ma rồi.

Phật, Bồ Tát dạy quý vị, nhất định là dạy xả lìa ái dục, đây là Phật, Bồ Tát cùng giáo pháp của Phật tương ưng. Nếu như dùng cái ái dục này để độ quý vị, nói cái này cũng có thể thường tựu, đây chẳng phải lời Phật nói.

Kinh văn: "Vĩnh ly tam cấu".

Tam Cấu là tham, sân, si; vĩnh ly tham, sân, si.

Kinh văn: "Du hý thần thông".

Ở trong thế gian này, chúng ta là thân nghiệp báo, tự mình chẳng làm nổi chủ tể; còn họ là "du hý thần thông", họ có thể làm được chủ tể, thích đến là đến, thích đi là đi, "lai khứ tự như", ở phía trước chúng ta đều đã từng đọc qua điều này.

Kinh văn: "Nhân duyên nguyện lực".

Phật pháp từ thỉ đến chung chẳng lìa khỏi nhân duyên. Không những Phật pháp chẳng lìa nhân duyên, thế gian pháp cũng chẳng lìa nhân duyên. Phật đặc biệt lại càng coi trọng chữ Duyên này, "nhân duyên nguyện lực".

Kinh văn: "Xuất sanh thiện căn".

Đây là nhân duyên của Phật pháp, có thể khiến chúng ta sanh ra thiện căn.

Kinh văn: "Tồi phục nhất thiết ma quân".

Ma Quân là thí dụ, tất cả tà ma ngoại đạo.

Kinh văn: "Tôn trọng phụng sự chư Phật".

Vậy ở chỗ này, chúng ta cần phải nhận rõ cái gì là ma; nếu quý vị chẳng

nhận biết ma thì anh sẽ rơi vào trong cạm bẩy của ma. Chúng ta thường nói, anh thoát ly chẳng khỏi ma chưởng; muốn thoát ly ma chưởng, anh nhất định phải nhận biết ma. Cái gì là ma? Chúng ta phải nhớ cho thật kỹ, trong kinh Bát Đại Nhân Giác vì chúng ta quy nạp thành bốn đại loại, Ngũ Ấm là ma. Ngũ Ấm là gì? Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Chữ Tưởng là vọng tưởng, Sắc là gì? Là sắc thân, thân thể này của chúng ta là ma đấy.

Quý vị xem, hằng ngày phải ăn ba bữa cơm, cực nhọc khổ sở để nuôi dưỡng nó, ma đấy; đây chẳng phải việc tốt. Còn chữ Tưởng kia tức là vọng tưởng, vậy tưởng là ma; phiền não là ma, sanh tử là ma. Còn có các thứ cảnh giới bên ngoài, hoàn cảnh

nhân sự, hoàn cảnh vật chất đều ở đó dẫn dụ anh; đó đều là ma, đó gọi là Thiên Ma.

Cho nên Thiên Ma chẳng phải loại mặt xanh nhe răng trên trời, chẳng phải nói loại đó. Chữ Thiên là nói, trừ ba loại này ra, phàm những gì có thể dụ hoặc anh, khiến cho tâm anh chẳng thể định xuống, chẳng thể khai trí tuệ; cả thảy đều là ma, ma quái quá nhiều quá nhiều. Giống như quân đội vậy, quân đội nhiều, cho nên đem nó thí dụ như là ma quân; nhất định phải có định, phải có tuệ anh mới có thể hàng phục nó.

"Tôn trọng phụng sự chư Phật", chúng ta có thể hàng ma, tức là nói, trong chẳng động tâm, ngoài chẳng nhận dụ hoặc; vậy thì là hàng ma rồi.

Nhiên hậu nhất tâm nhất ý học Phật, theo chư Phật, Bồ Tát học tập. Ngày nay là chúng ta theo A Di Đà Phật học tập, A Di Đà Phật là ở ngay trong bộ kinh điển này, y chiếu theo bộ kinh điển này học tập, tức là theo A Di Đà Phật học tập vậy.

Kinh văn: "Vi thế minh đăng, tối thắng phước điền".

Người có thể tu học như vậy thì họ là ngọn đèn sáng của thế gian này; người thế gian thì mê hoặc điên đảo. Mà họ thì không mê, họ không nhiễm, họ không tà, họ không điên đảo, có thể làm gương mẫu cho người thế gian; chỉ dẫn một con đường quang minh hạnh phúc cho người thế gian.

Đây tức là thế gian minh đăng, phước điền tối thù thắng.

Kinh văn: "Thù thắng cát tường, kham thọ cúng dường".

Câu "kham thọ cúng dường" này, bên trong ý nghĩa rất sâu. Tại vì sao? Bởi vì họ là phước điền tối thù thắng. Chúng ta muốn trồng phước, muốn tu phước, thật tại mà nói, chẳng biết đâu là phước điền. Thường thường chúng ta phát hảo tâm, muốn đi tu phước, kết quả đã làm việc xấu mà chẳng hay biết. Trước kia Đạo Nguyên lão hòa thượng có kể cho chúng tôi một câu chuyện, tức là nói thí dụ người ngu si tu phước, trồng sai phước điền; Ngài dùng thí dụ để kể rằng, có một vị chủ

nhân nuôi một con vật sùng ái, con vật đó là một chú khỉ. Chủ nhân rất ưa thích nó, vô cùng thương yêu bảo hộ nó; chú khỉ này đối với chủ cũng tốt vô cùng, cũng rất biết ý của chủ. Có một hôm người chủ đang ngủ trưa, có một con ruồi đậu ngay trên mũi của chủ nhân, chú khỉ thấy được vô cùng tức giận, lấy hòn đá để đập chết ruồi kia. Chú khỉ có lòng tốt, lấy đá để đuổi con ruồi, nào ngờ ruồi chưa đuổi kịp thì đem cái mũi của chủ nhân mình đập bể mất. Đây ví cho ngu si chẳng có trí tuệ, đã trồng sai phước điền; cho thấy rằng, trồng phước điền chẳng phải là một việc dễ dàng.

Vậy thì có đức lớn như vậy, Bồ Tát có trí tuệ, có đức năng, chúng ta đi nương tựa họ, chúng ta đi cúng

dường họ, cúng dường họ những gì? Họ trồng phước giùm cho chúng ta, tự chúng ta chẳng thể trồng phước, họ sẽ trồng giùm cho chúng ta. Ở chỗ này, ý nghĩa này là họ tối thù thắng, tối kiết tường, "kham thọ cúng dường". Lời Phật nói ở chỗ này là khích lệ chúng ta nên cúng dường nhóm Bồ Tát này; họ làm những sự nghiệp mà chúng ta đều nở mặt, chúng ta đều có một phần công đức lợi ích chân thật.

Kinh văn: "Hách dịch hoan hỷ".

Hách Dịch là vẻ bừng thạnh, là hình dung.

Kinh văn: "Hùng mãnh vô úy, thân sắc tướng hảo, công đức biện

tài, cụ túc trang nghiêm, vô dữ đẳng giả".

Chẳng có ai cùng họ ngang bằng, thật tại là không những nhóm Bồ Tát này tự phần tu hành, tinh tấn dũng mãnh. Vả lại còn được Di Đà oai thần gia trì, thập phương Như Lai hộ niệm, cùng những Bồ Tát thông thường so sánh, đương nhiên là siêu thắng hơn. A Di Đà Phật cùng chư Phật so sánh, Ngài siêu thắng hơn chư Phật vậy; Bồ Tát của Tây Phương thế giới cùng Bồ Tát của tha phương thế giới so sánh, nhất định họ cũng siêu thắng hơn, chẳng ai có thể bằng được, "vô dữ đẳng giả".

Kinh văn: "Thường vị chư Phật, sở cộng xưng tán, cứu cánh Bồ Tát chư Ba La Mật".

Bồ Tát của Cực Lạc thế giới thường thường được thập phương tất cả chư Phật Như Lai tán thán. Trong Bồ Tát đạo họ đích thật rất là viên mãn thành tựu. Chữ "Chư Ba La Mật" tức là viên mãn thành tựu, nếu như nghiêm khắc thì chỉ cho Bồ Tát Hạnh, tức là Lục Độ, từ Bố Thí, Trì Giới đến Bát Nhã, đều làm đến chỗ rất viên mãn.

Kinh văn: "Nhi thường an trụ, bất sanh bất diệt chư tam-ma-địa".

Đây là sự thành tựu chứng quả của Bồ Tát, "Thường" là chẳng phải những người giả vờ nhập định thông thường. Người có định công cạn, cần phải nhập định họ mới có thể nhập vào cảnh giới định; người có định công sâu, đi đứng nằm ngồi đều ở trong định, chẳng cần phải nhập định. Thường là ý nghĩa này, đi đứng nằm ngồi đều ở trong định, "trụ tam-ma-địa" tức là ở trong định.

Kinh văn: "Hạnh biến đạo tràng".

Đạo tràng là thập phương tất cả Phật sát, Bồ Tát thường hay đi du lịch không ngừng.

Kinh văn: "Viễn Nhị Thừa cảnh".

Là tuyệt đối họ chẳng đọa vào Nhị Thừa, Nhị Thừa này là người Tiểu Thừa, chỉ có tự lợi, chẳng chịu lợi tha. Cực Lạc thế giới Bồ Tát chẳng có cái niệm này, niệm niệm đều lợi ích tất cả chúng sanh, niệm niệm đều khuyên người vãng sanh Tịnh Độ. Chỉ có vãng sanh Tịnh Độ mới có lợi ích chân thật cứu cánh; thì là lập tức có được lợi ích, phải biết điều này.

Kinh văn: "A Nan! Ngã kim lược thuyết".

Phật gọi A Nan tôn giả, trên đại hội này, chỉ giới thiệu sơ lược mà thôi.

Kinh văn: "Bỉ Cực Lạc giới, sở sanh Bồ Tát, chân thật công đức, tất giai như thị".

Đây là nói với chúng ta, Bồ Tát chỗ sanh. Chúng ta sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, công đức chân thật thì giống như Phật chỗ nói.

Kinh văn: "Nhược quảng thuyết giả, bách thiên vạn kiếp bất năng cùng tận".

Phật là đơn giản giới thiệu, nếu như nói kỹ thì quá nhiều nói chẳng hết, trăm kiếp, ngàn kiếp, vạn kiếp,

đều nói không hết. Cái thù thắng của Tây Phương thế giới, từ chỗ này chúng ta cũng ít nhiều có thể thể hội được một tí. Phẩm phía dưới đây cũng là một đoạn khai thị rất quan trọng của bổn kinh. Vậy ở chỗ này, cũng đặc biệt dặn dò kỹ lưỡng, từ phía trước mãi cho đến phẩm thứ Ba Mươi Mốt, A Nan tôn giả làm đương cơ, Phật đều gọi A Nan, A Nan. Bắt đầu từ phẩm này, Di Lặc Bồ Tát làm đương cơ.

Thọ Lạc Vô Cực - Đệ Tam Thập Nhị

Mà từ phẩm này trở xuống, tổng cộng có sáu phẩm kinh, có thể nói là đối với chúng ta, hy vọng mỗi một

người cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong sinh hoạt ngày thường, chúng ta phải nên làm thế nào, phải tu trì cách nào; đây là cương lĩnh chân thật, là sự giáo huấn trọng yếu. Cho nên các bạn đồng học Tịnh Tông chúng ta đem đoạn kinh văn này chọn làm khóa tối, vì chúng ta chẳng có thì giờ đọc toàn bộ Vô Lượng Thọ Kinh mỗi ngày, chẳng thể niệm toàn bộ. Khóa sáng chúng ta niệm phẩm thứ Sáu, còn khóa tối thì niệm phẩm Ba Mươi Hai đến Ba Mươi Bảy, niệm sáu phẩm này.

Đây là dạy cho chúng ta tu trì cách nào, lời giáo huấn trong đó, những việc gì Phật cấm chúng ta làm thì chúng ta không nên làm; những việc gì Phật dạy chúng ta phải nên

làm thì chúng ta phải thiết tha nỗ lực để làm! Vậy thì đúng. Xin xem kinh văn.

Kinh văn: "Phật cáo Di Lặc Bồ Tát, chư thiên nhân đẳng".

Di Lặc là thượng thủ, lúc bấy giờ số người tham gia pháp hội rất đông nên nói Chư Thiên. Di Lặc Bồ Tát là vị đại Bồ Tát của Đâu Suất Thiên, cho nên phía dưới nói "chư thiên nhân đẳng".

Kinh văn: "Vô Lượng Thọ quốc, Thanh Văn, Bồ Tát, công đức trí tuệ, bất khả xưng thuyết".

Chúng ta chẳng cần nói kỹ điều này nữa, phía trước đó giảng rất nhiều rồi.

Kinh văn: "Hựu kỳ quốc độ vi diệu, an lạc, thanh tịnh nhược thử".

Tại sao Phật không gọi A Nan mà lại gọi Di Lặc Bồ Tát? Từ câu nói phía dưới của Thế Tôn, chúng ta hiểu rõ ngay. Nói đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, Thanh Văn, Bồ Tát, công đức trí tuệ, lại nói đến Tây Phương thế giới "quốc độ vi diệu, an lạc, thanh tịnh" như vậy. Bởi vì Di Lặc Bồ Tát thường hay đi đến đó, vừa mới đề ra thì Ngài thân thiết biết mấy! A Nan tôn giả vẫn chưa thấy được [quốc độ vi diệu], nói cách nào với

Ngài, Ngài cũng chẳng thể hội đến được. Di Lặc Bồ Tát thường đi, nên gọi Di Lặc nói; đây thì vô cùng vô cùng thân thiết, đây là nói Di Lặc Bồ Tát, Ngài biết, còn kẻ khác không biết, Ngài đã thường đi qua, Ngài phải rất rõ ràng minh bạch đấy; ý nghĩa là ở chỗ này.

Kinh văn: "Hà bất lực vi thiện, niệm đạo chi tự nhiên".

Hai câu nói này là khích lệ Di Lặc Bồ Tát, đồng thời cũng khích lệ đại chúng dự hội, tại sao chẳng nỗ lực tự tu thiện? Tại sao chẳng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ? Thật tại mà nói "niệm đạo chi tự nhiên" tức là khuyên chúng ta phải tin sâu, phát nguyện cầu sanh

Tịnh Độ; cầu sanh Tịnh Độ mới là "niệm đạo chi tự nhiên". Nếu như nghiêm khắc, thật tại mà nói, niệm Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật tức là đại đạo chi tự nhiên. Bởi vì, Phật vì chúng ta nói ra bổn kinh, câu Phật hiệu này tức là đức hiệu tự tánh chúng ta. Đức hiệu của tự tánh, đó chẳng phải tự nhiên thì là gì? Phải biết điều này. Đồng thời là danh hiệu của Tây Phương đạo sư cũng là cách xưng hô của tánh đức của chính mình.

Kinh văn: "Xuất nhập cúng dường, quán kinh hành đạo. Hỷ nhạo cửu tập, tài mãnh trí tuệ. Tâm bất trung hồi, ý vô giải thời. Ngoại nhược trì hoãn, nội độc sử cấp.

Dung dung hư không, thích đắc kỳ trung, trung biểu tương ưng”.

Chúng ta xem đoạn này, trong đây hình dung Tây Phương Cực Lạc thế giới Bồ Tát. Thật tại mà nói, những lời này, Phật chẳng đối A Nan nói mà đối Di Lặc nói. Phía trước đối A Nan nói, nói được cạn; chúng ta nghe rồi cũng có tiếp nhận, hiểu được. Còn đối Di Lặc Bồ Tát nói đó thì nói được sâu, chúng ta chẳng dễ thể hội; tuy nhiên không thể không nói. Tại sao vậy? Nói ra rồi chúng ta mới biết, quả thật Tây Phương thù thắng đệ nhất không gì sánh bằng. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, điều hay ho lợi ích chúng ta có thể thể hội phẩm kinh này,

thì làm gì có cái lý chẳng phát tâm cầu sanh chứ?

"Xuất nhập cúng dường", Xuất là đến tha phương thế giới cúng dường chư Phật Như Lai; Nhập là trở về nhà cúng dường Bổn Sư A Di Đà Phật Như Lai. "Xuất nhập cúng dường", tu phước đấy, đây là cúng dường tu phước. "Quán kinh hành đạo" là tu tuệ đấy, Quán Kinh, chẳng nói đọc kinh, chẳng nói nghiên cứu kinh. Đọc, nghiên cứu, đối với ý kinh chẳng có thấu triệt hiểu rõ; quán là thấu triệt hiểu rõ. Quán là quán chiếu, hoàn toàn là dùng Bát Nhã, chẳng dùng tâm ý thức. Hành Đạo là thân, ngữ, ý, tam ý chi hành; cùng tâm tánh hoàn toàn tương ưng, cùng Bát Nhã hoàn toàn tương ưng; cái này gọi là hành

đạo, đây là thuộc về tu tuệ; Phước Tuệ song tu đấy.

"Hỷ nhạo cửu tập" là hoan hỷ khoái lạc, vĩnh viễn đang tu học, lại càng thâm nhập. "Tài mãnh trí tuệ", là giống như phía trước tán thán A Di Đà Phật cao tài dũng triết. A Di Đà Phật thị hiện tại nhân địa, đó là cao tài dũng triết; chẳng giống như chúng ta ngu si như thế này. Tuy nhiên khi chúng ta sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, oai thần của Phật vừa gia trì, chúng ta cũng trở thành cao tài dũng triết vậy. Vừa đến Cực Lạc thế giới thì biến chất rồi, Phật lực gia trì, lực lượng này bất khả tư nghị.

"Tâm bất trung hồi", Hồi là hồi chuyển tức là nghĩa thoái chuyển; "tâm bất trung hồi" là nghĩa tín tâm

kiên định, quyết định chẳng thoái chuyển. Chư vị đồng tu nên biết, chỗ này Ngài nói đó là Cực Lạc Bồ Tát, chư Phật Như Lai tại thập phương thế giới thành Phật, tu học pháp môn khác nhau. Như chúng ta hiện nay chỗ nói, chỗ biết, có người học Thiền, có người học Mật, có người học Giới Luật, có người học Giáo. Cực Lạc thế giới Bồ Tát ngày ngày đều đi ra ngoài tham phỏng, đi tiếp xúc họ, đi nghe họ giảng kinh thuyết pháp, song vẫn là lão thật niệm A Di Đà Phật; chẳng bị ảnh hưởng của họ. Theo vị Bồ Tát này, "Ồ! Thiền được lắm, mình theo học tham Thiền; vị Bồ Tát kia học Mật cũng hay, mình theo họ niệm chú!", vậy thì tâm này bị trung hồi rồi. Chính giống như trong kinh Hoa

Nghiêm, Thiện Tài đồng tử năm mươi ba tham vấn. Thiện Tài đồng tử tu pháp môn gì? Là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

Năm mươi ba vị thiện tri thức, trừ tỳ-kheo Đức Vân và Phổ Hiền Bồ Tát, hai vị này là tu pháp môn Niệm Phật ra, năm mươi mốt vị thiện tri thức kia, pháp môn chỗ học mỗi vị đều khác nhau. Thiện Tài đồng tử đi tham phỏng, thứ thứ đều rõ ràng, thứ thứ đều thấu hiểu, song vẫn là lão thật niệm Phật, chẳng thay đổi. Làm sao chúng ta biết được Thiện Tài đồng tử là học pháp môn Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ? Vì thầy của Ngài là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, chúng ta đừng quên, thầy của Ngài là Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát. Tại trong kinh Hoa

Nghiêm, Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát là phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ; thầy cầu sanh Tịnh Độ thì môn sinh đắc ý nhất của thầy, còn có thể bảo ông ta tu pháp môn khác được sao? Đương nhiên là đem pháp môn thù thắng đệ nhất không gì sánh bằng để truyền cho học trò chứ? Cho nên là học trò nhất định niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ.

Quý vị xem, vừa tham phỏng, người đầu tiên là tỳ-kheo Đức Vân khuyên Ngài niệm Phật, nhập trước làm chủ; đến sau cùng Phổ Hiền Bồ Tát Thập Đại Nguyện Vương dẫn về Cực Lạc, triệt thỉ triệt chung, một câu Phật hiệu niệm Phật vãng sanh. "Tâm bất trung hồi", Bồ Tát của Tây Phương thế giới, người người chỗ tu

hằng ngày đều là năm mươi ba tham; đó chẳng phải là thiện tri thức thông thường, họ tham phỏng đó là thập phương chư Phật Như Lai; một câu Phật hiệu niệm đến cùng, hoàn toàn giống như Đại Thế Chí Bồ Tát chẳng khác.

"Ý vô giải thời" là một mực tinh tấn, chỉ một mục tiêu, một phương hướng, đúng là trong Tam Bối Vãng Sanh chỗ nói, nhất hướng chuyên niệm. "Ngoại nhược trì hoãn", chữ Trì Hoãn, là giống như rất an nhàn, giống như rất vô sự, từ sáng đến tối chẳng có việc chi, tiêu diêu tự tại. Quý vị nhìn thấy những vị Bồ Tát này, người người đều là chẳng có việc gì hết, tiêu diêu tự tại; trên thực tế thì "nội độc sử cấp", họ bên trong quả

đang dụng công. Từ trước đến nay chẳng có giải đãi, họ dụng công gì? Là nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật, cái niệm trong tâm chẳng chung đoạn. Quý vị xem, cái dáng của họ rất tự tại, rất nhàn hạ, rất vui vẻ, giống như từ sáng đến tối chẳng có việc gì làm vậy, mà câu Phật hiệu kia của họ thì miên miên mật mật, từ trước đến nay chẳng có chung đoạn.

"Dung dung hư không, thích đắc kỳ trung", Dung Dung là nghĩa hòa kính, tức là trong Phật môn chúng ta cũng là giới điều rất quan trọng, Lục Hòa Kính. Kiến Hòa Đồng Giải, Giới Hòa Đồng Tu, Thân Hòa Đồng Trụ, Khẩu Hòa Vô Tránh, Ý Hòa Đồng Duyệt, Lợi Hòa Đồng Quân; dung dung. Tức là đại chúng Tây Phương

Cực Lạc thế giới, quý vị xem, họ vô cùng hòa mục sống chung. Người nhiều thế đó sống chung một nơi, khác nào như cha con, anh em vô cùng thân ái; chẳng có một tí ý kiến, hòa mục biết bao. Hư Không là gì? Tâm mỗi người đều thanh tịnh, giữa hư không một vật cũng chẳng có, tâm thanh tịnh, tâm quảng đại, người người đều là như vậy. "Dung dung hư không" là ý nghĩa này, tâm lượng quảng đại, thanh tịnh chẳng gì bằng.

"Thích đắc kỳ trung", chữ Trung này là trung đạo, Phật dạy chúng ta dùng Trung, nhà Nho Khổng lão phu tử cũng dạy chúng ta dùng Trung; Phật giảng trung đạo đấy, nhà Nho giảng trung dung. Đại thánh nhân của thế, xuất thế gian đều hiểu được dùng

Trung. Trung tức là chẳng thiên lệch, viên dung trung đạo, biết được dùng Trung thì có thể đạt đến Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại; vì nó chẳng thiên lệch đấy mà, Trung thì là bình đẳng rồi. Còn thiên? Tâm thiên rồi thì không bình đẳng, họ có thiên ái, có thiên sai; Trung thì chẳng có thiên sai, phải nên biết dùng Trung. Bồ Tát của Tây Phương thế giới, người người đều biết dùng Trung, "trung biểu tương ưng", phía dưới chữ Trung này là Tâm, Biểu là biểu hiện ở bên ngoài. Hai chữ Trung này, chữ Trung phía dưới cùng chữ Trung phía trên, ý nghĩa hoàn toàn khác nhau. Quý vị phải hiểu, chữ Trung phía trên là nghĩa trung đạo, chữ Trung phía dưới là trung tâm, là bên trong tức là biểu

lý nhất như, tuyệt đối chẳng có hư giả, biểu lý nhất như. Cho nên nội ngoại hoàn toàn như nhau, tâm của quý vị cùng với chỗ biểu hiện nơi bên ngoài của anh sở tác sở vi, hoàn toàn tương ưng; đây là biểu lý nhất như. Cảnh giới này đích thật là nhất như, tức là chúng ta thường nói, vạn pháp viên dung, Sự Sự vô ngại, họ đều đạt đến cảnh giới này.

Kinh văn: "Tự nhiên nghiêm chỉnh".

Là tự tự nhiên nhiên trang nghiêm chỉnh tề, bất luận là sự việc gì đều là tự nhiên trang nghiêm chỉnh tề.

Kinh văn: "Kiểm liễm đoan trực, thân tâm khiết tịnh, vô hữu ái tham".

Vậy chỗ này là nói về nội đức của Ngài, là nói tâm địa của Bồ Tát; cách nói này của Thế Tôn, ý nghĩa chân thật là chỉ dạy cho chúng ta, chúng ta nên phải học tập. Kiểm là kiểm điểm, tức là chúng ta thường thường nói phản tỉnh, Liễm là thu liễm. Nếu như chúng ta nói đến chân chánh tu hành, sáng tối hai thời công khóa. Khóa sáng là đánh thức chúng ta đừng nên quên mất, trong một ngày hôm nay chúng ta phải tuân thủ lời giáo huấn của Phật, tự mình tu chỉnh tư tưởng kiến giải, hành vi; khóa tối là phản tỉnh thật lòng nghĩ lại, trong một ngày

hôm nay Phật chỉ dạy chúng ta, chúng ta có làm hay chưa? Nếu như chưa làm, ngày mai hãy gấp rút làm, những gì đã làm, phải bảo trì nó đàng hoàng, đừng nên đem nó đánh mất; đây là thật sự là khóa sáng tối vậy. Là chân chánh tu hành, tuyệt đối chẳng phải sáng, kinh niệm một biến cho Phật Bồ Tát nghe, Ngài coi tôi đây rất ngoan, tôi đều niệm cho Ngài nghe rồi; đến tối lại niệm một biến cho họ nghe. Cái này gọi là "phu diễn tắc trách", Phật, Bồ Tát đâu cần nghe những thứ này của quý vị làm gì? Cho nên chúng ta đứng trước hình tượng của Phật, Bồ Tát, niệm kinh là cầu Phật làm chứng minh cho chúng ta, tôi nhất định phải tuân thủ lời dạy của Phật, phải hết lòng nỗ lực đi làm. Cho

nên tu hành, tu là tu chỉnh cách nghĩ, cách nhìn, cách nói sai của chúng ta; y theo lời giáo huấn của Phật đem nó tu chỉnh trở lại, đây gọi là tu hành. Cho nên khóa sáng là tự đánh thức mình, khóa tối là phản tỉnh.

"Kiểm liễm đoan trực", Đoan là đoan chính, Trực là chánh trực, đều là từ trên tâm hạnh mà nói, thân tâm khiết tịnh. Tâm thanh tịnh thì thân tự nhiên là thanh tịnh, cho nên thân sẽ chẳng sanh bệnh. Có rất nhiều đồng tu có mối âu lo lớn nhất, là nếu sanh bệnh thì làm sao đây? Quý vị thử nghĩ phải làm sao? Họ thật sẽ sanh bệnh, quyết định họ sẽ chẳng có biện pháp, tại sao thế? Vì tất cả đều từ tâm tưởng sanh. Bây giờ họ chẳng có bệnh mà ngày ngày muốn sanh bệnh, thì làm

sao họ chẳng sanh bệnh chứ? Nhất định họ sẽ sanh bệnh. Đây là sai lầm! Cách nghĩ sai lầm, nên đem nó tu chỉnh trở lại. Tu chỉnh cách nào? Niệm A Di Đà Phật thì không sanh bệnh. Có bao giờ quý vị thấy A Di Đà Phật sanh bệnh chưa? Cho nên ngày ngày chúng ta niệm A Di Đà Phật thì sẽ không sanh bệnh. Tâm lý phải khỏe mạnh, họ chẳng khởi chánh niệm mà ngày ngày cứ sanh tà niệm, muốn bệnh tức là tà niệm, trong tâm không thanh tịnh. Chúng ta niệm Phật thì tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh thì thân thanh tịnh; thân tâm không thanh tịnh sẽ sanh bệnh. Thân thanh tịnh sao có thể sanh bệnh được? Chẳng tu tâm thanh tịnh, chẳng tu thân thanh tịnh, ngày ngày ở đó ô nhiễm, tưởng bệnh,

tưởng khổ, tưởng chết đều là ô nhiễm, ô nhiễm nghiêm trọng đấy. Phật trong kinh chẳng có dạy chúng ta những việc này.

"Vô hữu ái tham", Ái Tham là ô nhiễm nặng nhất; tâm có ái tham thì thân chẳng thanh tịnh, thì sẽ thường thường sanh bệnh. Nếu người chẳng có ái tham mà có bệnh thì hầu như chẳng thể được; cho nên nếu quý vị gặp những người sanh bệnh, quý vị hỏi họ có ái, có tham không? Họ nhất định sẽ có. Ở Đài Loan, ở nước ngoài tôi cũng gặp được nhiều người trẻ tuổi, họ bị ma quỷ nhập vào, bị nó khống chế rất chẳng tự tại; tức là chúng ta thường hay nói ma nhập. Họ tự mình rất rõ ràng, ma thường thường đến quấy nhiễu; hoặc giả thấy

tướng quái lạ, hoặc nghe âm thanh. Thân chẳng làm chủ được, bị lực lượng bên ngoài khống chế. Có những người bị một, hai năm, thời gian lâu rồi; họ đến hỏi tôi, có biện pháp gì có thể lìa khỏi cảnh ma này? Thì câu đầu tiên tôi hỏi họ là có phải anh rất thích thần thông không? Họ nói phải, tức là ái tham thần thông; cho nên ma đến nhập vào thân. Nếu quý vị đối với những chuyện thần thông cảm ứng, hoàn toàn chẳng đếm xỉa đến thì một đời quý vị tuyệt đối sẽ chẳng gặp ma chướng. Đều là bởi ưa thích thần thông, ưa thích cảm ứng, tuổi còn trẻ măng, đều là đại học tốt nghiệp, học hành cũng rất tốt, rất giỏi mắc phải phiền phức này. Thật là đáng thương, đến cuối cùng kết quả

của họ là vô bệnh viện tâm thần; bác sĩ không gọi là ma nhập mà gọi là chứng thần kinh phân liệt! Quý vị bảo, đáng thương biết mấy? Nguyên nhân gì vậy? Là tham ái thần thông, tạo lấy phiền phức này. Cho nên "vô hữu ái tham", đây là lời dạy bảo của Phật đối với chúng ta; chẳng những thế gian pháp chúng ta chẳng có ái tham, mà Phật pháp cũng chẳng có ái tham.

Ngày nay chúng ta chỉ có lão thật niệm Phật cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, đối với Cực Lạc thế giới, các thứ trang nghiêm cũng chẳng phải ái tham mới có thể đi được; dùng cái tâm ái tham thì không thể sanh về Tịnh Độ được. Vậy Phật nói với chúng ta, trạng huấn sinh hoạt ở nơi đó, tất cả đều là tự nhiên nghiêm chỉnh; nếu ái

tham thì chẳng tự nhiên rồi. Ái tham thì phải đi thiết kế, đi kinh doanh, chẳng có ái tham thì là tự nhiên nghiêm chỉnh, chẳng phải nhân tạo, kế hoạch thiết kế, kinh doanh, chẳng phải những thứ này.

Kinh văn: "Chí nguyện an định, vô tăng khuyến giảm".

Chẳng có tăng gia cũng chẳng có giảm thiểu, đây là hình dung "chí nguyện an định"; định là nhất, chuyên niệm A Di Đà Phật, thì lấy cái này để trang nghiêm Tịnh Độ. Cho nên chúng ta cùng tất cả thế, xuất thế gian pháp, tri túc, tri sĩ.

Kinh văn: "Cầu đạo hòa chánh".

Hòa là bình hòa, trung chánh.

Kinh văn: "Bất ngộ khuynh tà".

Chẳng theo tà môn ngoại đạo, không thể đầu cơ thủ xảo, cái đó là sai lầm; đó là khuynh tà. Khuynh là té ngã, Tà là bất chánh.

Kinh văn: "Tùy kinh ước lệnh".

Câu này vô cùng quan trọng, dạy chúng ta phải y giáo tu hành, chúng ta phải tùy thuận theo lời dạy bảo trong kinh điển. Chữ Ước Lệnh tức là giáo huấn, Ước là Phật quy định điều khoản cho chúng ta, Lệnh là mệnh lệnh của Phật đối với chúng ta. Đây

tức là chỉ cho lời giáo huấn trong kinh điển.

Kinh văn: "Bất cảm tha điệt".

Ý nghĩa này tức là nhất định phải tuân thủ, "bất cảm tha điệt" là nghĩa quyết định không dám trái ngược.

Kinh văn: "Nhược ư thằng mặc".

Thằng Mặc là thí dụ chánh tâm, chánh hạnh; thằng mặc là giây mực, hiện nay chẳng thấy nữa. Có lẽ lớp những người già ở trạc tuổi như tôi, nghe quý vị nói giây mực họ vẫn còn ấn tượng; ngày xưa anh thợ mộc muốn cưa gỗ, không như bây giờ

dùng thước vẽ bằng mực, chẳng phải vậy. Họ dùng một cái đẩu gỗ và một sợi giây, tức là dùng ống mực gỗ, một đầu dùng đinh đóng xuống, kéo thẳng một sợi giây, rồi búng một cái ra một đường thẳng, theo đường này mà cưa, gọi là "thằng mặc". Hiện nay không còn dùng nữa, mà dùng cơ giới để vẽ đường tuyến, vẽ rất thẳng, máy cưa cũng là cơ giới, căn bản chẳng cần vẽ đường thẳng, quy cách của nó so với xưa kia tiến bộ quá nhiều. Chữ Thằng Mặc ở chỗ này là thí dụ tâm chánh, hạnh chánh, cùng với phía trước, "bất cảm tha điệt", chẳng dám trái ngược, y giáo phụng hành. Phật dạy chúng ta làm cách nào thì chúng ta làm thế đó.

Kinh văn: "Hàm vi đạo mộ, khoáng vô tha niệm, vô hữu ưu tư".

Ý này nói, Bồ Tát bình thường, chỗ suy tư, chỗ ngưỡng mộ; Mộ là gì? Ngưỡng mộ là đạo, Vô Thượng Bồ Đề đại đạo. Trong tâm chúng ta chỉ hâm mộ cái này, ngoài Vô Thượng Bồ Đề đại đạo ra, chẳng có chi đáng được hâm mộ. Cho nên nói "khoáng vô tha niệm", Khoáng là trong tâm sạch sẽ rốt ráo, trống trải thênh thang, chẳng có vọng tưởng, họ chẳng có vọng tưởng. "Vô hữu ưu tư", Ưu là ưu lự, lo lắng, đây đều là nói về ưu tư, chẳng có ưu tư, chẳng có lo lắng, cho nên tâm người ta thanh tịnh.

Kinh văn: "Tự nhiên vô vi, hư không vô lập. Đạm an vô dục, tác đắc thiện nguyện, tận tâm cầu sách. Hàm ai từ mẫn, lễ nghĩa đô hiệp. Bao la biểu lý, quá độ giải thoát".

Đến chỗ này là một đoạn. "Tự nhiên vô vi", cái tâm này tự tự nhiên nhiên an trụ tại trong pháp vô vi. Cái gì gọi là Vô Vi? Phàm những gì có sanh diệt đều là hữu vi, những gì chẳng có sanh diệt là vô vi. Thiên Thân Bồ Tát trong Bách Pháp Minh Môn Luận, đem tất cả pháp quy nạp thành một trăm đại loại; trong một trăm đại loại này, phần trước chín mươi bốn loại là pháp hữu vi, phần sau sáu loại là pháp vô vi. Trong pháp hữu vi, cái thứ nhất là Tâm Pháp, cái

thứ hai là Tâm Sở Hữu Pháp; Tâm Pháp này tức là Bát Thức đấy, hữu vi pháp. Chỗ này nói tự nhiên vô vi, quý vị xem, người ta Tâm, Tâm Sở đều chẳng trụ; điều này cao minh đến cực độ. Kỳ thật tức là trong kinh Lăng Nghiêm, Giao Quang đại sư, phần chú giải chỗ nói, "xả thức dụng căn", Thức là gì? Tâm, Tâm Sở, xả mất rồi; dùng Căn, dùng Tánh trong Căn.

Chúng ta mắt thấy, chẳng dùng nhãn thức để thấy mà dùng tánh thấy để thấy; chúng ta nghe, chẳng dùng nhĩ thức để nghe mà dùng tánh nghe để nghe, thì đây gọi là "trụ vô vi pháp", cái này tức là tự nhiên vô vi. Họ là được A Di Đà Phật gia trì cho nên tự nhiên vô vi; kỳ thật, pháp vô vi thật sự là tự nhiên, nếu muốn cố ý

làm như vậy thì quý vị đã rơi vào trong tâm ý thức rồi, quý vị đã chẳng phải là pháp vô vi mà là pháp sanh diệt rồi. Cho nên cái này đích thật là công phu chân thật, đây là Phật lực gia trì.

"Hư không vô lập", cái tâm này nhất định phải giống như hư không, một pháp chẳng lập, mới có thể đạt đến cảnh giới này. Phải làm đến "đạm an vô dục", đạm bạc, an nhiên chẳng có tất cả âu lo. Thế gian ngũ dục lục trần chẳng còn nữa, trong Phật pháp, cái dục của sự tu hành chứng quả cũng chẳng còn; thì quý vị mới có thể đạt đến. Trong kinh Phật nói với quý vị làm sao để tu hành chứng quả Bồ Tát vị thứ, đó là cách nói đối với hạng người trung hạ; còn nói với những

người cao đẳng tu hành, những thứ này đều chẳng có. Nếu như vẫn còn những thứ này thì quý vị vẫn còn phân biệt, chấp trước, vậy làm sao quý vị có thể thành tựu? Trong Phật pháp cao cấp chẳng có những thứ này; trong đoạn này nói đó thuần túy là Phật pháp cao cấp, chẳng phải đối với hạng người trung hạ nói. Cho nên Phật phải gọi Di Lặc Bồ Tát để nói với ông ta mà chẳng gọi A Nan, ý nghĩa này rất sâu.

"Tác đắc thiện nguyện, tận tâm cầu sách", chữ Cầu Sách này tức là thường gọi thiện xảo phương tiện; Thiện Nguyện, chư Phật độ chúng sanh thành Phật đạo, đây tức là thiện nguyện. Trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện, "Chúng sanh vô biên thệ

nguyện độ", bổn kinh A Di Đà Phật Bốn Mươi Tám Nguyện là thiện nguyện chân thật. Ngày nay chúng ta làm đệ tử của Phật, những vị Bồ Tát này cũng là đệ tử của Phật. Nhất định là vậy, toàn tâm toàn lực giúp đỡ Phật phổ độ chúng sanh, đây tức là "tác đắc thiện nguyện", "tận tâm cầu sách", đi tìm những thiện xảo phương tiện; chúng ta phải chú trọng đến phương pháp. Như ngày nay trong thời đại khoa học kỹ thuật này, một thời đại phát triển nhanh chóng, chúng ta bèn lợi dụng công cụ của khoa học, đem Phật pháp phát dương quảng đại, đem Phật pháp truyền bá cho quảng đại quần chúng, đây tức là "tận tâm cầu sách"; chúng ta phải lợi dụng công cụ

của khoa học giúp Phật hoằng pháp lợi sanh.

"Hàm ai từ mẫn", chữ Ai là đại bi tâm, Từ Mẫn là đại từ. "Hàm ai từ mẫn", trên thực tế tức là đại từ đại bi. Bi là thấy chúng sanh khổ, chúng ta sanh cái tâm lân mẫn giúp đỡ họ lìa khổ; Từ là cho chúng sanh niềm vui, chúng ta phải giúp đỡ họ có được cái vui. Trong cái vui này, thực tế nhất, cứu cánh nhất, viên mãn nhất, là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, y theo phương pháp của Vô Lượng Thọ Kinh để tu học; chẳng những tương lai có được lợi ích chân thật viên mãn, hiện tại có được sự vui vẻ chân chánh. Hiện tại có được gọi là Hoa báo, vãng sanh bất thoái thành Phật là Quả báo; Hoa, Quả đều thù thắng không gì

sánh bằng. Biểu hiện ở bên ngoài, "lễ nghĩa đô hiệp", hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức; đối với thế gian pháp tuyệt đối chẳng phá hoại. Thế gian pháp thứ thứ đều chú trọng, thứ thứ đều tuân thủ; lễ của thế gian, nghĩa của thế gian, đây tức là chúng ta thường nói, chúng ta học Phật phải biết hiện đại hóa và bổn thổ hóa. Ví như chúng ta sống tại Tân Gia Ba, chúng ta nhất định phải tuân thủ pháp luật của Tân Gia Ba; pháp luật này, mỗi một quốc gia địa phương đều có sự khác biệt. Đến địa phương nào thì nhất định phải tuân thủ pháp luật của nơi đó, phải tuân thủ phong tục tập quán của địa phương đó. Vậy mới có thể được sự hoan nghênh ưa thích của người địa phương, họ hoan hỷ tiếp

nhận. Cho nên nhất định phải biết được hiện đại hóa và bổn thổ hóa; câu "lễ nghĩa đô hiệp" tức là hiện đại hóa và bổn thổ hóa.

"Bao la biểu lý", Biểu là Sự, Lý là đạo lý, chỗ có tất cả Sự Lý, cả thảy đều bao gồm ở trong đó. "Quá độ giải thoát", Quá là siêu quá, Độ là độ thoát, có thể khiến tất cả chúng sanh giống Phật, Bồ Tát chẳng khác, siêu việt thù thắng. Bằng pháp môn này trong một đời đạt được giải thoát, đích thật siêu quá, đây là siêu việt các pháp môn khác; so sánh với các pháp môn khác thù thắng hơn. Giải Thoát, ở chỗ này đều là nói quả đức của sự trạng huấn tu hành. Hôm nay chúng tôi xin giảng đến đây. A Di Đà Phật

Tập 19

Tập 20

Xin lật kinh bản, trang một trăm hai mươi hai, hàng thứ ba từ câu thứ hai bắt đầu xem.

Kinh văn: "Tự nhiên bảo thủ, chân chân khiết bạch. Chí nguyện vô thượng, tịnh định an lạc. Nhất đán khai đạt minh triệt, tự nhiên trung, tự nhiên tướng, tự nhiên chi hữu căn bổn, tự nhiên quang sắc tham hồi, chuyển biến tối thắng".

Từ chỗ này bắt đầu xem, vậy đoạn này đều là thuyết minh những vị Bồ Tát của Tây Phương Cực Lạc thế giới, trạng huấn sinh hoạt của họ, cảnh giới tu học của họ chân thật

công đức, đều là bất khả tư nghị. Vậy phần kinh văn trong đoạn này, Thế Tôn vì chúng ta đã nói tám cái tự nhiên, ý nghĩa này thật tại là sâu rộng vô hạn. Nói một cách khác, đều là cảnh giới của Đại Bồ Tát, hạng độ thấp nhất đều là Biệt Giáo Sơ Địa, cảnh giới của Viên Giáo Sơ Trụ trở lên. Đương nhiên chúng ta ở phàm phu địa, trí tuệ chưa khai mở, rất chẳng dễ để thể hội những cảnh giới này; tuy nhiên chúng ta phải biết có sự việc như vậy. "Tự nhiên bảo thủ", Tự Nhiên tức là chẳng thêm một tơ hào tạo tác nào. Vậy chúng ta thường nói chúng ta hữu tu, hữu chứng, chữ Hữu này thì chẳng tự nhiên rồi; so với cảnh giới này cao hơn một tầng là vô tu, vô chứng. Vậy hiện nay chúng ta

chẳng tu, chẳng chứng, có phải cảnh giới của chúng ta không? Không phải cảnh giới của chúng ta, đó là cảnh giới cao thêm một tầng so với hữu tu, hữu chứng kia càng cao hơn. Bởi vì hữu tu, hữu chứng, họ vẫn còn trước tướng, họ vẫn còn chấp trước cho nên cái tu chứng của họ chẳng phải chân chánh viên mãn.

Phải cần lên thêm một tầng nữa, lại hướng lên để tăng thêm một tầng, cảnh giới ấy mới là viên mãn. Vậy thì hữu tu, hữu chứng là ở phạm vi nào? Chúng ta thường nói thập pháp giới, quý vị xem, lục đạo đi lên thì có Thanh Văn pháp giới, có Duyên Giác pháp giới, có Bồ Tát pháp giới, có Phật pháp giới; đây là thập pháp giới, đây đều là hữu tu, hữu chứng. Cho

nên hữu tu, hữu chứng, Chứng có thể ở tại thập pháp giới thành Phật; vậy bên ngoài thập pháp giới thì sao? Bên ngoài gọi là Nhất Chân pháp giới, đó là thật. Vậy do đây có thể biết, thập pháp giới này chẳng phải thật; Mười có phải thật không? Một tức là thật, trong Một thì chẳng có phân biệt, chấp trước; vừa có phân biệt, chấp trước thì chẳng phải là Một. Cũng tức là bảo chẳng tự nhiên, đến Nhất Chân thì tự nhiên rồi. Cho nên chư vị thử nghĩ xem cảnh giới này, trong Nhất Chân pháp giới chẳng phải thập pháp giới cho nên khó hiểu, đó là tự nhiên, tự tự nhiên nhiên.

Bảo Thủ, Bảo tức là trong Thiền Tông chỗ gọi là Bảo Nhậm; bảo nhậm là ý nghĩa gì? Chữ Nhậm là nghĩa

nhậm vận, cũng là tự nhiên, nhậm vận. Chẳng thêm một tơ hào dụng ý nào, tự tự nhiên nhiên vĩnh viễn bảo trì ở trong cảnh giới này; thì đây gọi là "tự nhiên bảo thủ", hoàn toàn là thể dụng của chân như tự tánh. Chúng ta nói Thể, Tướng, Dụng; nói Thể, Dụng, bên trong nhất định phải bao hàm một cái Tướng. Thể, Tướng, Dụng; "tự nhiên bảo thủ". Phật thấy được cảnh giới này, kỳ thật cảnh giới này cũng đều ở trước mặt chúng ta, chúng ta mê mất đem cảnh giới này mê mất rồi. Đây cũng tức là nói ra thập pháp giới cùng Nhất Chân pháp giới, thật tại mà nói, là không hai, không khác. Giác rồi thì là Nhất Chân pháp giới, chẳng giác mới có thập pháp giới. Phật của thập pháp giới cũng chưa giác, phái

Thiên Thai gọi đây là Tạng, Thông, Biệt, Viên; Phật của Tạng Giáo, Phật của Thông Giáo đều là Phật của thập pháp giới, không tự nhiên. Cho nên là đến "tự nhiên bảo thủ", thật tại mà nói là Phật của Viên Giáo. Biệt Giáo cũng có thể nói, Biệt Giáo cũng có thể giảng được thông; tuy nhiên Tạng Giáo, Thông Giáo thì không được. Cho nên vấn đề thành Phật, cần phải hỏi thành Phật gì, điều này rất quan trọng. Muốn thành một vị Tạng Giáo Phật, điều này chẳng lạ lùng.

"Chân chân khiết bạch", đây là hình dung tự tánh của chúng ta, tự tánh thanh tịnh, Lục Tổ đại sư xưa kia lúc Ngài khai ngộ, câu đầu tiên Ngài nói: "Hà kỳ tự tánh, bổn lai thanh tịnh"; câu "chân chân khiết bạch" là

"bổn lai thanh tịnh", mà cái thanh tịnh này là có thể vĩnh viễn bảo trì; đây gọi là tự nhiên bảo thủ. "Chí nguyện vô thượng", những vị Bồ Tát này cùng những người tu hành thông thường quả thật khác nhau; họ có cái nguyện vọng chí cao vô thượng. Nguyện vọng này là gì? Thượng thành Phật đạo, hiện hóa chúng sanh. Nguyện vọng này là chí cao vô thượng, cùng thập phương tất cả chư Phật Như Lai không hai, không khác. Những vị Bồ Tát này cầu những gì? Đối với chính mình mà cầu, tức là cầu sự giác ngộ viên mãn, đây tức là Phật đạo; Phật đạo tức là sự giác ngộ cứu cánh viên mãn, danh từ trong kinh Phật là A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề, họ là cầu cái này. Còn

Nguyện của họ? Nguyện độ tất cả chúng sanh đồng thành Phật đạo, đây là "chí nguyện vô thượng".

"Tịnh định an lạc", Tịnh là thanh tịnh, Định là bất động, tâm của họ, chí của họ đều chẳng lay động, kiên định; còn chữ Tịnh này? Quyết định chẳng có tạp nhạp, tạp nhạp thì chẳng có thanh tịnh. Họ không có tạp nhạp, chẳng lay động tức là định, bởi thế nên họ có được đó là an lạc. Sự an lạc này tức là pháp hỷ sung mãn, đây là hai chữ hình dung Bồ Tát tại trong tu học chứng quả độ hóa chúng sanh; đều là khoái lạc chẳng gì sánh bằng. "Nhất đán khai đạt minh triệt", sự khai ngộ này là chẳng có dự kỳ, chẳng có nói lúc nào, điều đó không nhất định, đây là vấn đề cơ duyên.

Đương nhiên tự mình dụng công, công phu miên miên mật mật, tương tục không gián đoạn; tất nhiên có một ngày khai ngộ, chữ Nhất Đán tức là có một ngày khai ngộ.

Vả lại, thật tại mà nói, cơ duyên khai ngộ của mỗi người không giống nhau. Có những người nghe kinh khai ngộ, có những người tham Thiền, tức là lúc nhập định khai ngộ, có những người không nhất định gặp được cảnh giới gì, trong phút chốc đem cái ải mê đập vỡ rồi, thì thoát nhiên khai ngộ. Chữ Nhất Đán là nghĩa thoát nhiên. Khai tức là khai ngộ, vén mở ra, Đạt tức là liễu đạt, thông đạt; tất cả pháp thế, xuất thế gian, tất cả pháp quá khứ, vị lai đều thông, đều minh bạch cả. Minh Triệt là minh liễu hiểu rõ, chẳng

những hiểu rõ mà còn triệt để hiểu rõ, đây gọi là khai ngộ; trong Thiền Tông gọi là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh. Tại sao thế, xuất thế gian pháp thảy đều thông đạt hiểu rõ? Quá khứ, hiện tại, vị lai, cũng đều thông đạt hiểu rõ? Duyên cớ gì vậy? Chư vị nên biết, tất cả pháp đều là tâm tánh biến hiện ra. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến", một con người minh tâm kiến tánh, tất cả pháp đã là do tâm tánh chỗ hiện chỗ biến ra, thì sao họ chẳng hiểu rõ chứ, chẳng thông đạt chứ? Người không thấy tánh, không có biện pháp thông đạt, phải từng thứ, từng thứ mà học, hết lòng nỗ lực mà học, chưa hẳn là thật sự hiểu rõ. Lắm lúc rất dụng công để học, học rồi thì giải sai ý

nghĩa chẳng phải chân tướng, giải sai mất, hiểu lầm! Trường hợp này rất nhiều rất nhiều. Cho nên nhất định phải kiến tánh, đó mới là thông đạt minh liễu chân chánh; quyết định sẽ chẳng có giải sai, quyết định sẽ chẳng có hiểu lầm. Vậy thì câu "khai đạt minh triệt" này, thật tại mà nói, tức là minh tâm kiến tánh của Thiền Tông, cũng tức là Tịnh Độ Tông chúng ta gọi là Lý nhất tâm bất loạn. Vậy sau khi đạt đến cảnh giới này thì diện mạo thế giới này lại ra làm sao?

Phía dưới là nói với chúng ta, cái chân tướng của vũ trụ, nhân sinh; chân tướng này là "tự nhiên trung, tự nhiên tướng, tự nhiên chi hữu căn bản, tự nhiên quang sắc tham hồi, chuyển biến tối thắng". Bốn câu này là thuyết

minh đại triệt đại ngộ, sau khi minh tâm kiến tánh thấy được chân tướng của vũ trụ, nhân sinh; tức là bốn câu này. Chúng ta xem chẳng hiểu bốn câu này, tại sao vậy? Vì chúng ta chẳng thấy tánh, chẳng có minh tâm kiến tánh; cho nên bốn câu này rất khó hiểu. Nếu quý vị minh tâm kiến tánh rồi, thì chao ôi! Nghe nói đến bốn câu này, quý vị sẽ gật đầu nói đúng, nói rất đúng; quý vị sẽ hiểu được ý nghĩa bên trong. Ý nghĩa bên trong đích thật vô cùng sâu rộng; chúng ta bắt chước thuật ngữ thường dùng trong kinh Phật, như câu: "Tự nhiên trung, tự nhiên tướng", tức là nhà Thiền thường nói: "Đương tướng tức đạo, tức sự nhi chân" tức là ý nghĩa này; tuy nhiên hai câu nói này

vẫn là chẳng dễ hiểu. Nếu như chúng ta dùng thí dụ của cổ đức, lấy vàng làm đồ vật, vật nào cũng là vàng, cũng là thí dụ cho sự việc này; những người thật sự đã thấy tánh, chân như bản tánh ở đâu?

Nếu thầy hỏi một câu, đứa học trò này đã minh tâm kiến tánh rồi, minh tâm kiến tánh tức là chứng quả, Biệt Giáo tức là Sơ Địa Bồ Tát, Viên Giáo tức là Sơ Trụ Bồ Tát, đây là thấp nhất, cho nên kiến tánh tức là chứng quả. Nếu thầy hỏi, tánh ở chỗ nào? Chúng ta ở trong Thiền Tông thấy được lối giáo học này, là học trò tùy tiện nói một câu, tùy tiện bốc lấy thì vị thầy gật đầu ấn khả, làm chứng minh cho họ. Có pháp nào chẳng phải chân như bản tánh đâu? Thí dụ như khi nãy đã

nói, lấy vàng làm đồ vật, vật vật đều là vàng cả, vàng ở chỗ nào? Tùy tiện bốc lấy một cái, bốc lấy vòng đeo tay cũng được, bông tai cũng được, giây chuyền cũng được; nó là ở đây này, chẳng sai! Thập pháp giới này của chúng ta, đó là y chánh trang nghiêm, đều là chân như bản tánh biến hiện ra, thì có cái nào là chẳng phải? Bốc lấy một ngọn cỏ cũng được, bốc lấy một chiếc lá cũng được, không có một thứ nào chẳng phải! Cho nên nói: "Đầu đầu thị đạo, pháp pháp viên thông" là vậy. Khi quý vị chẳng thấy tánh thì chỗ chỗ đều là chương ngại, người không thấy tánh, khi hỏi vàng ở chỗ nào? Chẳng thấy. Ở đây có vòng đeo tay, có giây chuyền, hỏi đến vàng thì quý vị không biết. Hỏi quý vị vòng

đeo tay ở đâu? Vòng đeo tay ở đây này, giây chuyền ở đâu? Giây chuyền ở đây này, còn vàng thì không biết. Chúng ta hiện nay là thế đó, đã trước tướng nên chẳng thấy tánh; còn họ thấy tánh rồi chẳng trước tướng, tùy tiện bốc lấy một cái đều là vậy, "tự nhiên trung, tự nhiên tướng".

Tánh là tự nhiên, Tướng cũng là tự nhiên; từ chỗ này, chúng ta để tâm để thể hội ý nghĩa này, hiểu rõ chân tướng của vũ trụ, nhân sinh. Nếu liễu giải được chân tướng một, hai phần, đối với sự tu hành, chúng ta đều có lợi ích rất lớn; lợi ích ở đâu? Sẽ không chấp trước nữa, không vọng tưởng nữa. Tại sao có thể có nhiều vọng tưởng như vậy, có cái chấp trước kiên cố như vậy? Vì trước

tướng, chẳng thấy tánh, chẳng liễu giải chân tướng sự thật; họ mới có thể trước tướng. Vừa mới chẳng trước tướng thì là được đại tự tại, thì thật sự đã giải thoát, được đại tự tại! Cho nên nhà Thiền nói: "Đương tướng tức đạo", Đạo tức là Tánh. Ở trên Tướng, Tướng tức là Tánh, Tánh tức là Tướng, Tánh Tướng bất nhị, Tánh Tướng nhất như. "Tức sự nhi chân", bất cứ sự việc gì, Sự tức là Lý, Lý tức là Sự, Lý Sự không hai, Lý Sự nhất như; trên Sự thì thấy Lý, trên Tướng thì thấy Tánh, đây tức là "tự nhiên trung, tự nhiên tướng".

"Tự nhiên chi hữu căn bổn", chữ Tự Nhiên này là nói Tướng, là nói Sự; tất cả hiện tượng, tất cả sự vật, nó có cái căn bản, căn bản tức là Tánh. Tất

cả hữu tình chúng sanh, ngày nay chúng ta nói động vật, thuật ngữ hiện nay gọi là động vật, thực vật, khoáng vật; trong Phật pháp chúng ta gọi là hữu tình, vô tình. Động vật là hữu tình; thực vật, khoáng vật là vô tình, đều là chúng sanh. Ý nghĩa của chữ Chúng Sanh là "Chúng duyên hòa hợp mà sanh", tuyệt đối chẳng phải đơn thuần. Nếu dùng cách nói hiện nay, tức là rất nhiều điều kiện nó mới xuất hiện, chẳng phải rất đơn thuần, có nhiều điều kiện. Người hiện nay gọi là điều kiện, trong Phật pháp gọi là chúng sanh, là chúng; chữ Chúng là nhiều, rất nhiều điều kiện mới xuất hiện hiện tượng này. Vậy nó có cái căn bản, tức là ở nơi động vật, chúng ta gọi nó là Phật Tánh, căn bản của nó

là Tánh; Tánh gọi là Phật Tánh. Còn ở nơi thực vật, khoáng vật thì sao? Chúng ta gọi là Pháp Tánh. Kỳ thật, Phật tánh và Pháp tánh là một tánh, chẳng phải hai tánh; tại sao gọi nó là Phật Tánh? Vì nó có thể giác ngộ, nó có thể giác, chúng ta gọi nó là động vật; động vật có thể giác, thực vật và khoáng vật không thể giác.

Tuy là đồng một tánh, cái tánh này có thể giác, cái tánh kia vẫn không thể giác ngộ; Tánh, sau khi giác ngộ rồi, cái giác ngộ kia theo đó mà giác ngộ một lúc. Chẳng phải thường nói hay sao? "Y báo theo chánh báo chuyển", chánh báo này tức là động vật, hữu tình chúng sanh, hữu tình cũng mê rồi thì cái pháp tánh kia cũng mê, liên hệ với nhau để mê.

Hữu tình chúng sanh giác ngộ rồi thì cái pháp tánh hữu tình kia cũng giác ngộ; cho nên trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Tình dữ vô tình, đồng viên chủng trí"; Đồng là cùng lúc, Viên là viên mãn, Chủng Trí tức là giác ngộ. Tuy nhiên phải biết, chỉ là hữu tình mới có thể giác ngộ, còn vô tình là liên hệ với nhau mà giác ngộ, giác ngộ cùng một lúc. Sự giác ngộ cùng một lúc này, tức là câu thứ nhất phía trước, "tự nhiên trung, tự nhiên tướng", cái này là giác ngộ cùng một lúc; cho nên "tự nhiên chi hữu căn bổn", Căn Bổn là bản tánh. Vậy thì hiện nay trong triết học nói đến đó, tức là bản thể của vũ trụ vạn hữu; tất cả vạn sự vạn vật ở vũ trụ, đều là từ nó sanh ra. Những nhà triết học tuy

biết có cái bản tánh, có cái bản thể. Bản thể là gì? Chẳng có nói rõ. Thực tế mà nói, vẫn chưa phát hiện ra; tuy nhiên trong Phật pháp, đã nói được rõ rõ ràng ràng minh minh bạch bạch.

"Tự nhiên quang sắc tham hồi", Quang là quang minh, Sắc là sắc tướng. Câu này tức là, trong kinh Hoa Nghiêm nói đó: "Duy tâm sở hiện", chỗ hiện ra cảnh giới tướng của thập pháp giới. Nhất Chân pháp giới, cái tướng của cảnh giới này "tự nhiên quang sắc tham hồi". Giống như kinh Vô Lượng Thọ cùng chúng ta giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới y chánh trang nghiêm; từ trong kinh chúng ta thấy được, đây là "tự nhiên quang sắc tham hồi", Tham là tham tạp. "Chuyển biến tối thắng", sự

chuyển biến này tức là thập pháp giới "Duy thức sở biến"; rơi vào trong Thức, thì nó đã biến. Biến lục đạo, biến nhân thiên, biến tam ác đạo, biến ra những cảnh giới này. Cho nên đây là chuyển biến, chuyển biến là Thức khởi tác dụng. Thức là gì? Là phân biệt, chấp trước. Cho nên chư vị phải biết, nếu như chẳng phân biệt, chấp trước, thì pháp giới là Nhất Chân; đây là "tự nhiên quang sắc tham hồi", đây là trang nghiêm vi diệu bất khả tư nghị. Vừa khởi dậy phân biệt, chấp trước, thì chuyển biến rồi. Chuyển biến cái tác dụng của nó, cái tướng nó hiện cũng bất khả tư nghị, thập pháp giới y chánh trang nghiêm; cho nên nói "chuyển biến tối thắng" vậy. Phía dưới.

Kinh văn: "Uất Đan thành thất bảo, hoành lãm thành vạn vật".

Hai câu này là hình dung Tướng, Dụng bất khả tư nghị. Uất Đan là trong Tứ Đại Bộ Châu, có số kinh điển gọi là Bắc Câu Lưu Châu, Uất Đan tức là Bắc Câu Lưu Châu. Trong bốn đại châu, người của châu này, phước báo lớn nhất; ăn mặc, hưởng thụ đều là tự nhiên. Còn thọ mạng? Là một ngàn tuổi, chẳng có chết yểu, chẳng có đoản mạng; phước báo này rất lớn, đây là Bắc Câu Lưu Châu. Vì vậy, chỉ có ba châu mới có Phật pháp, người của Bắc Câu Lưu Châu chẳng muốn học Phật. Bởi vì họ chẳng có khổ, cho nên Phật đến nơi đó hoằng

pháp giảng kinh, chẳng có người nghe, phước báo của họ quá lớn, cho nên phú quý khó học đạo. Cho nên, quý vị xem, trên tấm bản kia, Vi Đà Bồ Tát tam châu cảm ứng, tức là chẳng có Bắc Câu Lưu Châu; Ngài chẳng có cách chi ở Bắc Câu Lưu Châu, chẳng có Phật pháp. Phước báo lớn nên tất cả đều tự nhiên, thức ăn của họ giống như mọc sẵn trên cây; muốn ăn thứ gì thì trên cây có thể rớt xuống. Quý vị xem, chẳng phải bận tâm tí nào cả, ăn mặc ở nghỉ đều là tự nhiên, sự phú quý của nhân gian đã đạt đến chỗ cùng cực. Vậy thì chỗ này tức là lấy ý nghĩa của "tự nhiên", "Uất Đan thành thất bảo", cũng tức là tự nhiên thất bảo vọt hiện ra.

"Hoành lãm thành vạn vật", Hoành Lãm là theo bề ngang mà nhìn, đây là châu biến thập phương. Cho nên trước kia có người nói Uất Đan là nghĩa ba đời, tương xứng với chỗ này, ba đời mười phương; tuy nhiên nói đến ba đời, chẳng phải dễ dàng lắm. Vậy chữ Uất Đan, nếu giảng vẫn là chữ Tự Nhiên hay hơn, chẳng cần phải liên hệ đến ba đời; ý nghĩa của chữ Tự Nhiên hay hơn, bởi vì, nếu từ trên cái chỉnh thể mà quan sát chân tướng sự thật này, đã là "duy tâm sở hiện, duy thức sở biến", thì ý nghĩa của chữ Tự Nhiên viên mãn hơn, chẳng cần phải miễn cưỡng nói đến ba đời. Vậy đây là thuyết minh, hai câu này là thuyết minh, thập pháp giới y chánh trang nghiêm là tự tự

nhiên nhiên từ trong chân như bản tánh lưu lộ ra; hai câu này là ý nghĩa này. Thật tại mà nói, cùng với trong kinh Lăng Nghiêm chỗ nói: "Nguyên là Bồ Đề diệu cảnh minh thể thập giới y chánh", tức là thập pháp giới y chánh trang nghiêm, "tất tùng tự tánh, tự nhiên lưu xuất", cùng với câu này như nhau; tức là ý nghĩa này, tức là trong Hoa Nghiêm tâm hiện thập biến.

Kinh văn: "Quang tinh minh câu xuất, thiện hảo thù vô tỷ".

Quang là quang minh, thật tại mà nói, mọi thứ đều có quang minh. Tại vì sao? Bởi vì tự tánh là quang minh, cái thể năng biến, năng hiện ấy là quang minh. Chỗ hiện của nó làm gì

chẳng có lý phóng quang minh? Cho nên chư Phật, Bồ Tát có ánh sáng, chúng ta mỗi người cũng có ánh sáng, chỗ có tất cả động vật cũng đều có ánh sáng, cho đến cả thực vật, khoáng vật đều có ánh sáng. Tây Phương thế giới, thứ thứ đều phóng ra ánh sáng; có cái đạo lý của nó, có lý luận y cứ của nó. Nơi đây tất cả vạn vật chúng ta cũng phóng quang, tuy nó phóng quang, tại sao chúng ta chẳng thấy? Vì tâm, nhãn của chúng ta bị ô nhiễm, bị vọng tưởng, chấp trước, thất tình, ngũ dục làm ô nhiễm mất, cho nên chẳng thấy được. Vì vậy cho nên người thế gian này chúng ta, khi tâm càng thanh tịnh thì họ sẽ nhìn thấy những hiện tượng này.

Có một phần thanh tịnh tâm thì họ thấy một phần, có mười phần thanh tịnh tâm thì họ thấy được mười phần. Những điều này cũng là tự nhiên, chẳng phải là thần thông hay đặc dị công năng gì; nó là tự nhiên. Cho nên chúng ta biết được đạo lý này, biết được chân tướng sự thật này, nó có quang minh, tinh mỹ, minh tịnh, sạch sẽ, câu suất, chân tướng thập pháp giới là thế đó.

"Thiện hảo thù vô tỷ", cho nên chư Phật, Bồ Tát ở trong thập pháp giới độ chúng sanh, họ chẳng thấy có tướng uế, chúng ta cảm thấy có tướng uế; họ chẳng thấy có ô nhiễm, chúng ta cảm thấy có ô nhiễm. Chúng ta trụ trong lục đạo, họ cùng chúng ta tay trong tay ngồi ngang hàng, nhưng họ

trụ trong Nhất Chân pháp giới; cảnh giới chẳng tương đồng. Họ trụ Nhất Chân pháp giới là tự nhiên, chúng ta trụ trong lục đạo cũng là tự nhiên, cho nên đối này bất khả tư nghị, "thiện hảo thù vô tỷ".

Kinh văn: "Trước ư vô thượng hạ, đỗng đạt vô biên tế".

Chữ Trước là nghĩa hiển trước, rõ ràng. "Vô thượng hạ", câu này là nói cái lý như như, chẳng có quá khứ, chẳng có vị lai. Chữ Thượng Hạ là chỉ quá khứ, vị lai, cái lý như như cũng hiển ra không cổ kim, không ba đời. "Đỗng đạt vô biên tế", chữ Biên Tế là nói thập phương; cũng chẳng có thập phương, chẳng có ba đời, đây

mới là Nhất Chân. Vậy do đây có thể biết, thập phương ba đời là từ đâu đến? Từ trong vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà đến. Lìa khỏi tất cả vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì chẳng có những; pháp giới này vốn là Nhất Chân. Cái lý này sâu, cảnh giới cũng sâu, tuy nhiên nó đích thật là cảnh giới chân thật của người thấy tánh; cũng tức là chúng ta nói, chư pháp thật tướng, chân tướng của vũ trụ, nhân sinh. Chúng ta, ở tại thế gian này, muốn thấy được chân tướng này, khó đấy! Khó ở chỗ nào? Là vì vọng tưởng, phân biệt, chấp trước đoạn không nổi, là khó ở chỗ này. Nếu thật sự đoạn được rồi, thì chẳng khó; chính vì cái khó đoạn này, nên chúng

ta chẳng có biện pháp chứng đắc chư pháp thật tướng.

Đây mới phải niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, chờ khi đến Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi, có A Di Đà Phật bổn nguyện oai thần gia trì cho chúng ta. Chúng ta phiền não vẫn chưa đoạn. vọng tưởng, phân biệt, chấp trước vẫn chưa đoạn, chúng ta được Phật lực gia trì cũng có thể thấy được. Cho nên sự việc này, rất nhanh thì có thể thấy được, Thế Tôn đem những sự việc này nói rõ ràng với Di Lặc Bồ Tát. Thật tại mà nói, nói với Di Lặc Bồ Tát cũng tức là nói với chúng ta; phía trước nói với A Nan cũng là nói với chúng ta. Chỗ này đổi thành Di Lặc Bồ Tát bởi vì Di Lặc Bồ Tát là Đẳng Giác Bồ Tát, Ngài đối với cảnh giới

Tây Phương rất quen thuộc, vừa nói như vậy thì Ngài đương nhiên gật đầu, hoàn toàn khẳng định. Vậy đối với kẻ sơ học như chúng ta mà nói, là đã tăng trưởng cái lòng tin kiên định vậy; tuy chẳng phải cảnh giới của chúng ta, chúng ta nghe rồi cũng sẽ chẳng hoài nghi, cũng đều có thể chấp nhận, đều có thể tin. Phía dưới là lời khuyến khích của Thế Tôn đối với chúng ta.

Kinh văn: "Nghi các cần tinh tấn, nỗ lực tự cầu chi".

Nghi là phải nên, mỗi người đều phải nên cần phấn, phải nên tinh tấn nỗ lực tự cầu; điều này chẳng phải cầu không được. Trong các pháp môn khác, cho dù có nỗ lực tinh tấn, thực

tế mà nói, chưa hẳn có thể cầu được; bởi vì muốn đoạn phiền não, phải đoạn Hoặc, điều này khó. Trong pháp môn này, chúng ta chỉ cầu vãng sanh; cho dù có tạo tác tội nghiệp rất nặng, nếu có thể chân chánh sám hối, cũng có thể thập niệm nhất niệm vãng sanh. Đây tức là nói rõ vãng sanh, chúng ta người người đều có phần. Bất luận người gì, người thiện người ác, cả thảy đều có phần; chỉ cần quý vị chịu tin, chỉ cần quý vị chịu đi. Quý vị bằng lòng đi, quý vị hết lòng lão thật niệm Phật thì là được.

Kinh văn: "Tất đắc siêu tuyệt khứ, vãng sanh vô lượng thanh tịnh A Di Đà Phật quốc".

Đây là chỉ thị được rõ ràng minh bạch, khiến cho chúng ta một tơ hào hoài nghi đều chẳng có. Chữ Tất Đắc, ngữ khí này vô cùng khẳng định; nhất định quý vị được đi, siêu tuyệt mà đi. Chữ Siêu Tuyệt là siêu việt, những người tu hành thông thường, họ phải ba đại A-tăng-kỳ kiếp, còn quý vị chẳng cần, siêu quá rồi, khoảnh khắc thì siêu việt. Siêu việt Bồ Tát năm mươi mốt cái giai cấp, Bồ Tát đó phải trải qua Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa. Quý vị chẳng cần dài dòng, chỉ trong khoảnh khắc thì vượt qua, siêu tuyệt vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới; là như vậy mà vượt qua, cho nên đây là pháp khó tin. Ở chỗ này, Phật

khuyến tấn, khích lệ chúng ta, quyết định chẳng phải giả.

Câu câu đều chân thật, thật tại mà nói, chúng ta là may mắn không gì sánh bằng, trong một đời này gặp được pháp môn này. Nếu quý vị không gặp được pháp môn này, dù quý vị có khổ tu thế mấy, đều chẳng có biện pháp vượt khỏi luân hồi. Không ra khỏi luân hồi, công đức khổ tu đó biến thành lai sanh phước báo, đi hưởng phước mất; đây là chẳng cứu cánh. Gặp được pháp môn này thì hay lắm, bảo đảm trong một đời này có thể xuất ly lục đạo luân hồi, vãng sanh thì một đời bất thoái thành Phật. Phía dưới nói.

Kinh văn: "Hoành tiệt ư ngũ thú".

Ngũ Thú tức là lục đạo, pháp môn này của chúng ta là hoành siêu; pháp môn khác tu học chẳng được thành tựu như vậy, nó phải từ người tu đến thiên đạo, giống như Thiền Định, phải từ Sơ Thiền tu đến Nhị Thiền, Nhị Thiền đến Tam Thiền, Tam Thiền đến Tứ Thiền, Tứ Thiền lại đến Tứ Không, như vậy mới ra khỏi được lục đạo luân hồi, họ phải trải qua thứ tự như vậy. Còn cách này của chúng ta không cần, chúng ta từ nhân đạo, từ bên cạnh mà chuồn mất, chẳng cần phiền phức như vậy; cách kia tu rất khổ, rất chẳng dễ dàng. Cho nên

hoành tiệt, hoành siêu đấy, chẳng cần trải qua nhiều giai đoạn như vậy.

Kinh văn: "Ác đạo tự bế tắc".

Ra khỏi lục đạo luân hồi rồi, cho dù chúng ta có ác nghiệp đi nữa, cũng chẳng thể thọ báo, vì sao? Vì Tây Phương thế giới chẳng có tam ác đạo. Cho dù chúng ta có nghiệp nhân của tam ác đạo, song chẳng có chỗ để thọ báo thì ác đạo đó tự nhiên bế tắc. Huống chi nhờ Phật lực gia trì, chúng ta chỉ có tiến bộ, sẽ chẳng thoái chuyển.

Kinh văn: "Vô cực chi thắng đạo".

Đây là câu tán thán đến chỗ tột đỉnh rồi, đạo này là tối thù thắng, đại đạo vô cực thù thắng, một đời viên mãn thành Phật. Đây là chỉ cho niệm Phật vãng sanh, đây là thắng đạo vô cực.

Kinh văn: "Dị vãng nhi vô nhân".

Tây Phương Cực Lạc thế giới rất dễ đi, than ôi! Rất tiếc là chẳng có ai đi. Tại sao lại chẳng có người đi? Vì quý vị không tin. Vậy thì chẳng có cách chi, quý vị chẳng tin, chẳng chịu phát nguyện. Quý vị thử nghĩ xem, địa phương đó tốt lành như vậy, đây thật đáng tiếc biết mấy.

Kinh văn: "Kỳ quốc bất nghịch vi, tự nhiên sở khiên tùy".

Chữ Bất Nghịch Vi tức là nói rất dễ vãng sanh, vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới rất dễ dàng, tuyệt đối chẳng phải là một việc khó khăn; "tự nhiên sở khiên tùy" cũng là hình dung sự dễ dàng chẳng khó, tùy niệm thì mãn nguyện, một đời là được bất thoái chuyển địa. Đây là dễ hành mà khó tin, cho nên pháp môn này gọi là pháp khó tin; đây là chư Phật tán thán "nan tín chi pháp" đấy. Cho nên quý vị đem Tịnh Tông giới thiệu cho người khác, khuyên người ta, người ta không tin, quý vị nên cười thôi! Đây rất bình thường. Khi họ vừa tin thì lạ lùng đấy, sao họ có thể tin? Đây là

pháp khó tin, sao họ có thể tin? Họ tin được, nhất định là có cái nhân duyên bất khả tư nghị, họ không phải người thường; là như Phật nói trong kinh này, đó chẳng phải người thường. Mấy câu phía dưới là khuyến đạo chúng ta vãng sanh, chân chánh phát tâm vãng sanh. Trong một đời này muốn vãng sanh Cực Lạc thế giới, phải nên ghi nhớ lời giáo huấn này của Phật.

Kinh văn: "Quyên chí nhược hư không".

Quyên là xả bỏ, giống như chúng ta quyên góp tiền bạc, tiền xả mất rồi, quyên mất rồi, còn Chí là gì? Là những dục vọng của thế gian, phải

đem nó xả bỏ. Người thế gian hiện nay lập chí là gì? Kiếm nhiều tiền, lập chí kiếm nhiều tiền, có người lập chí làm quan lớn, phải có quyền có thế; đều là tạo danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, theo đuổi tìm cầu những thứ hưởng thụ này. Phật dạy chúng ta, những thứ này phải xả bỏ, khiến cho tâm giống như hư không chẳng khác; danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần cả thảy đều bỏ sạch, thiện đạo thanh tịnh không nhiễm.

Kinh văn: "Cần hành cầu đạo đức".

Chúng ta đem thế gian pháp xả bỏ hết rồi, chúng ta cầu gì đây? Cầu đạo đức, cầu con đường thành Phật, cầu

cái đức độ sanh. Chữ Đức này là năng lực, chúng ta phải cầu cái năng lực chân chánh có thể phổ độ chúng sanh. Điều này, chỉ có thể đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thân cận A Di Đà Phật để học tập cái đạo đức chí cao vô thượng, thì chúng ta đều có thể thành tựu.

Kinh văn: "Khả đắc cực trường sanh, thọ lạc vô hữu cực".

Sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thọ mạng dài, cực trường thọ, cực khoái lạc; thọ lạc đều là vô cực. Cho nên thế giới này gọi là Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật xưng là Trường Thọ Phật, sanh đến Tây Phương thế giới đều là Trường Thọ

Bồ Tát, cùng A Di Đà Phật thọ mạng dài như nhau. Hai câu sau cùng này là một thứ cảm thán của Phật đối với chúng ta.

Kinh văn: "Hà vi trước thế sự, nao nao ưu vô thường?"

Địa phương tốt lành như vậy, dễ đi như vậy mà quý vị không đi, tại sao phải chấp trước việc ngũ dục lục trần của thế gian, từ sáng đến tối, mãi ở đó để tạo vô thường? Điều này thật là đáng thương; không nên thế đó. Đây là đánh thức chúng ta, muốn kêu gọi chúng ta giác ngộ, phải chân chánh giác ngộ. Vậy mấy chương kinh văn này, chỉ có trong một phẩm này nghĩa kinh sâu nhất, khó hiểu

nhất, vì sao? Nó là nói cảnh giới sau khi minh tâm kiến tánh của Bồ Tát; cho nên sau khi chúng ta xem thì điều này rất khó hiểu, chỉ có đoạn này. Vậy đoạn này, cũng cần phải nói là chúng ta thật sự mơ ước hâm mộ, thật sự luyến mộ. Người Đại Thừa học Thiền cũng được, học Giáo cũng được, học Mật cũng được, đều hy vọng đạt đến cảnh giới này. Đều ngỡ rằng người niệm Phật không đạt đến cảnh giới này. Phật vừa nói như vậy, thì ra người niệm Phật, sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, cũng đạt được đến cảnh giới này. Vậy hà tất phải gây ra phiền phức? Những pháp môn khác khó tu, pháp môn này dễ tu, tại sao chẳng bỏ khó để theo dễ? Cho nên tuy pháp môn dễ dàng song thành

công cao, thành tựu là thù thắng không gì bằng. Lại xem phẩm thứ Ba Mươi Ba.

Khuyến Dụ Sách Tấn - Đệ Tam Thập Tam

Chúng tôi đều chọn những phần kinh văn này để làm khóa tối cho chúng ta, khiến cho chúng ta mỗi ngày đọc tụng, mỗi ngày phản tỉnh, kiểm điểm, y giáo mà tu hành.

Kinh văn: "Thế nhân cộng tranh bất cấp chi vụ".

Chữ Bất Cấp tức là những việc không khẩn yếu, chữ Vụ là sự việc; người thế gian từ sáng đến tối hấp tấp

bận rộn, làm đó là những gì? Đều là những việc chẳng khẩn yếu. Việc gì là khẩn yếu? Liễu sanh tử, xuất tam giới là khẩn yếu đấy. Việc gì không khẩn yếu? Việc tạo lục đạo luân hồi có gì là khẩn yếu đâu? Người thế gian này, hằng ngày làm những gì? Đều là tạo lục đạo luân hồi, suốt ngày bận rộn đến tối, bận tạo lục đạo luân hồi; đây là chúng ta phải thật sự giác ngộ. Bồ Tát, tuy có thể tùy loại hóa sanh, có thể ứng hóa trong các ngành các nghề, song phải giác ngộ; không giác ngộ thì đó là phàm phu.

Sự giác ngộ chẳng phải đơn giản, chẳng phải dễ dàng, nếu không có thời gian dài của Đại Thừa huân tập sâu rộng, quả thật rất chẳng dễ giác ngộ. Nay chúng ta gặp được duyên

phần này cũng chẳng phải ngẫu nhiên, quả thật là trong đời quá khứ, chỗ tu thiện căn phước đức nhân duyên thì mới có thể gặp được. Sau khi đã gặp, huân tập với thời gian lâu dài không dứt, dần dần hiểu rõ. Có một tí giác ngộ rồi, sự hành trì của chính mình mới có một tí giống người tu hành, có một tí giống người tu Bồ Tát Hạnh. Niệm Phật cầu sanh cách này mới thật sự gọi là có bảo đảm.

Kinh văn: "Ư thử kịch ác cực khổ chi trung".

Đây là nói cái thế gian này của chúng ta, chúng ta ở trong lục đạo cực khổ kịch ác, là đại ác. Trong thập ác nghiệp, sát - đạo - dâm - vọng - tham

- sân - si - mạn là đại ác đấy. Vì tạo đại ác thì quả báo là khổ, trong hoàn cảnh sinh hoạt của chúng ta đây, thọ đó là cực khổ trong hoàn cảnh này.

Kinh văn: "Cần thân doanh vụ".

Tức là phía trước gọi là cộng tranh, mọi người ở đó tranh. Doanh là kinh doanh, Cần tức là rất cần khổ. Quý vị đang ở đó kinh doanh, đang ở đó tạo tác, Vụ tức là tạo tác.

Kinh văn: "Dĩ tự cấp tế".

Đây là nói rõ những thứ "bất cấp chi vụ", cử vài thí dụ để nói; ngày ngày đều tạo cái này. "Dĩ tự cấp tế" là để thỏa mãn dục vọng của mình.

Kinh văn: "Tôn ty, bần phú, thiếu trưởng, nam nữ".

Tóm lại, mấy câu này là thế nhân, người thế gian này.

Kinh văn: "Lũy niệm tích lự, vị tâm tẩu sử".

"Lũy Niệm", Niệm là cái niệm, niệm nhiều rồi, lũy tích trở lại; Lự là là kế hoạch. Ý này là hằng ngày đang nghĩ tưởng, hằng ngày đều đang kế hoạch. Nghĩ những gì, kế hoạch những gì? Là hại người lợi mình, đều nghĩ đến những cái này. Người hiện nay kiếm tiền, nghĩ cách làm thế nào đem tiền trong hồ bao của kẻ khác,

khiến cho nó lọt vào hồ bao của mình; ngày ngày đều nghĩ cái này. "Vị tâm tẩu sử", chữ Tâm này là vọng tâm, tham tâm. Cái tâm tham, sân, si này ở đó làm chủ quý vị, thì thân của quý vị liền nghe, tâm này đang chỉ huy tạo tội nghiệp. Trong tâm tràn đầy tham, sân, si, thì thân liền giúp cho cái vọng tâm này muốn cầu, làm mãn cái nguyện của nó. Kết quả ra sao? Là một trường trống không, tâm là giả đấy mà, chẳng phải thật. Cho nên nói bận rộn vội vàng cả một đời, đến lúc lâm chung, nếu như quý vị muốn giác ngộ hồi đầu nghĩ lại, một đời quý vị đã làm những gì, toàn là những việc hư vọng, chẳng có một thứ là chân thật. Một đời này chỗ làm đó đều là

tội nghiệp, lợi mình hại người. Phía dưới lại nêu lên vài thí dụ rõ ràng.

Kinh văn: "Vô điền ưu điền, vô trạch ưu trạch".

Đây là hiện nay người thông thường chúng ta gọi là tài sản, tài phú. Những người không có thì ngày ngày âu lo, làm cách nào để được có. Nếu bảo, những thứ này, ưu tư lo lắng thì có thể có được, thì chư Phật đều bái quý vị làm thầy mất rồi? Quý vị bảo anh có tâm tư gì, có chủ ý gì, có thủ đoản gì, mà anh có thể có được, thì Phật sẽ bái anh làm thầy rồi! Vì sao? Vì Phật, Bồ Tát không làm được. Thủ đoản chi cũng đều chẳng được cả, thông minh trí tuệ gì đi nữa cũng đều

chẳng được! Vậy thì những thứ tiền tài, của cải này của người thế gian từ đâu đến? Từ quả báo mà có được. Trong mạng quý vị có, dù có vất đi cũng không vất được, đến lúc là nó lại đến; nếu trong mạng chẳng có, có cầu thế nào cũng chẳng cầu được.

Cần phải biết điều này, cho nên tôi dạy các bạn đồng tu sơ học, nếu quý vị muốn học Phật, trước hết nên đem quyển Liễu Phàm Tứ Huấn niệm ba trăm biến, tại sao vậy? Người học Phật, tâm phải thanh tịnh mới có thể nhập vào Phật pháp vị; tâm không thanh tịnh, nghe kinh vô dụng, không nhập vào được. Tại sao tâm không thanh tịnh? Tham, sân, si, mạn vất đi chẳng nổi! Niệm ba trăm biến Liễu Phàm Tứ Huấn thì sẽ biết nhân quả

báo ứng, thì sẽ chẳng tham nữa, vì sao? Vì tham cũng không được.

Có câu, "Nhất ẩm, nhất trác, mạc phi tiền định", trong mạng anh năm nào phát tài, anh xem thầy bói, vừa xem chẳng phải đã bói ra rồi sao? Vì sao bói ra được? Vì trong mạng anh có sẵn, nếu trong mạng anh chẳng có thì không được. Cho nên nói anh phải có bao nhiêu tiền của, là trong mạng anh có; mỗi ngày anh phải ăn bao nhiêu hột gạo, cũng là trong mạng anh chủ định, ăn ít một hột cũng không được, ăn nhiều một hột cũng không có, là trong mạng chủ định rồi đấy. Anh sống được bao nhiêu tuổi cũng có nhất định, anh xem, anh còn làm được gì nữa chứ?

Cho nên sau khi hiểu rõ rồi, ông Viên Liễu Phàm chẳng còn một niệm nào cả, tại sao vậy? Ông biết tất cả niệm đều là vọng tưởng, chẳng giúp được gì, tâm ông thanh tịnh; tâm định rồi, Vân Cốc thiền sư khai thị cho ông, ông mới nghe lọt vào tai, ông mới có thể ngộ đạo. Người thế gian chúng ta chẳng biết được "nhất ẩm, nhất trác, mạc phi tiền định", vẫn muốn đi tranh, tạo một đời tội nghiệp. Kết quả vẫn là bấy nhiêu đấy thôi, anh bảo có oan uổng hay không? Vậy anh muốn tiền của, thì cứ tu nhân đi.

Phật dạy chúng ta, bố thí tài thì được tiền của. Hôm nay trong đời anh có thể phát tài là trong đời quá khứ anh bố thí tài nhiều, đời này được tiền của nhiều. Trong đời quá khứ anh

không bố thí thì đời này anh cũng nghèo như tôi, chẳng có tiền của; là vì đời trước chẳng chịu tu bố thí tài. Anh muốn được thông minh trí tuệ thì anh phải tu bố thí pháp, anh muốn được khỏe mạnh sống lâu thì anh tu bố thí vô úy; đây là quả báo, quả nhất định có nhân. Anh tu nhân, sau này nhất định có được quả báo, đây là đạo lý nhất định; không tu nhân, ngày ngày cứ vọng tưởng mà đi cầu quả báo, chẳng có đạo lý này, chỉ là tạo tội nghiệp mà thôi! Phải hiểu rõ ràng điều này, khi minh bạch rồi thì có gì đáng lo buồn nữa chứ? Ông ta không lo buồn nữa. Không hiểu rõ là người mê, ngày ngày nổi dậy vọng tưởng.

Kinh văn: "Quyến thuộc tài vật, hữu vô đồng ưu".

Không có thì lo buồn, lo nghĩ, không có rất khổ, muốn được; ngày ngày nổi dậy vọng tưởng, muốn có được. Sau khi có rồi cũng lo buồn, lo buồn việc gì? Sợ mất đi. Quý vị xem, anh có nhiều tiền rồi, sợ tiền mất giá, lại sợ người ta cướp giựt, lại sợ người ta lấy trộm. Ôi chao! Những việc lo lắng quá nhiều, thật là chuyện đáng thương; có cũng khổ mà không có cũng khổ. Chớ tưởng rằng người giàu rất vui sướng, người giàu không vui! Giàu có cái khổ của giàu, nghèo có cái khổ của người nghèo; nghèo giàu đều khổ cả. Ôi, đây là cái thế giới khổ đấy mà!

Kinh văn: "Hữu nhất thiếu nhất, tư dục tề đẳng".

Đây là cái khổ não lớn nhất của người thế gian này, tức là ở chỗ này, hơi có một tí thì họ muốn cùng người khác so bì; phải cùng người có mức sống cao để chạy đua, vậy thì quá khổ. Có một lần tôi đi xe taxi ở Đài Bắc, chú tài xế tâm sự với tôi rằng: "Cuộc sống quá khổ!" Tại sao rất khổ? Vì người láng giềng vừa mua được một cái tủ lạnh mới, anh ta nhìn thấy rất ham muốn, rất khó chịu trong lòng. Tôi bèn nói với anh ta: "Một cái tủ lạnh, nếu bảo trì đàng hoàng có thể dùng mười năm. Nếu cẩn thận có thể mặc một chiếc áo hai mươi năm

không hư; cái xã hội hiện tại này, hai mươi năm mặc không hư. Mọi thứ anh đều có thể tiết kiệm một tí thì ngày tháng chẳng phải dễ sống hay sao?" Anh ta nghe qua, cảm thấy cũng khá đúng.

Tôi nói: "Anh chạy taxi kiếm tiền cũng chẳng ít, mỗi tháng anh chạy mười ngày thì đủ rồi, còn hai mươi ngày nằm đó để hưởng thụ, đừng nên chạy đua với người ta! Nếu anh chạy đua với họ, anh tiêu một ngày bằng hai ngày, thì anh vẫn khổ đấy, vĩnh viễn anh theo chẳng kịp; anh đuổi theo chẳng kịp mức sống xa hoa này đâu! Ta chẳng đuổi theo thì ta được đại tự tại, tri túc là thường lạc mà". Anh ta lại nói: "Lời này không sai, nhưng đồ chúng tôi dùng và mặc đó

đều là cũ rách, người ta nhìn thấy sẽ cười chết!" Tôi nói: "Như vậy thì dễ giải quyết, cười chết là hắn chết, ta không chết". Có phải không? Cười chết là hắn chết, ta chưa chết, ta tự tại là tốt rồi.

Quan niệm của người hiện nay không chuyển trở lại được, khi chuyển trở lại rồi thì là tự tại. Hiện nay ở Đài Loan kiếm tiền không khó, ngày tháng dễ sống, tri túc là thường lạc, không tri túc thì quý vị thọ khổ, cần gì phải vậy chứ? Cho nên tại sao người giàu có lại khổ? Cái khổ không tri túc của họ cùng với cái khổ của anh tài xế taxi chẳng có sai khác; cho nên họ không tri túc, vĩnh viễn ở trong cái khổ. Vừa mới tri túc thì vui sướng, tâm khai ý giải. "Hữu nhất

thiếu nhất, tư dục tề đẳng", đây là tự tìm lấy cái khổ, căn nguyên là tại chỗ này.

Kinh văn: "Thích tiểu cụ hữu, hựu ư phi thường".

Tiểu, Hữu là vừa mới có một tí tiểu khang, có được một tí rồi lại sợ mất đi, lo được lo mất, lại sợ mất đi.

Kinh văn: "Thủy hỏa đạo tặc, oán gia trái chủ, phần phiêu kiếp đoạt, tiêu tán ma diệt".

Sợ những thứ này, lửa có thể thiêu rụi, nước lớn đến rồi có thể nhận chìm, còn có đạo tặc có thể trộm cướp tiền tài của quý vị, là sợ những thứ

này, thường thường lo lắng. Những người không tiền, đối với sự việc này chẳng lo lắng một tí nào; người có tiền ngày ngày lo những thứ này. Cho thấy họ bận lo, họ rất khổ; dù cho thấy cuộc sống họ có được một tí hưởng thụ, còn cuộc sống tinh thần vô cùng đau khổ. Cuộc sống của họ có áp lực rất nặng.

Kinh văn: "Tâm xan ý cố, vô năng túng xả".

Những người có của rồi thì ngược lại bỏn xẻn, ngược lại xả không được. Điều này, thật tại mà nói, thiên đạo quả là rất công bằng, người có tiền chẳng chịu bố thí, bỏn xẻn, đời sau làm người nghèo. Còn người nghèo rất rộng rãi chịu bố thí, đời sau làm

người giàu có; điều này, nghĩ lại cũng rất đích thật công bằng. Quý vị xem, những người đến đạo tràng để bố thí, đều chẳng phải người có tiền; người có tiền rất khó bố thí. Họ càng có càng muốn có, một sợi lông họ cũng chẳng chịu bỏ ra; còn người không tiền thì rất sảng khoái rộng rãi, dù sao tôi cũng không có, xả bỏ rất tự tại, rất vui; rất tự tại thì họ xả bỏ được. Còn người có tiền chẳng chịu bố thí thì đời sau sẽ nghèo, phước báo hưởng hết rồi, chẳng có trồng nhân; còn người không tiền thì ngày ngày trồng nhân, cho nên đời sau sẽ giàu.

Chúng ta thường nói, phong thủy luôn lưu chuyển. Cứu cánh là luôn lưu chuyển cách nào? Chư vị biết đạo lý này thì biết được. Ồ! Thì ra là

chuyển cách đó. Người giàu nếu chịu bố thí thì đời sau được đại phú, còn người bần cùng kia chẳng chịu bố thí, đời sau lại càng bần cùng, vậy là khổ, khổ não rồi. Cho nên phải biết đây là bệnh căn, đây là rất chấp trước, "vô năng túng xả".

Kinh văn: "Mạng chung khí quyên, mạc thùy tùy giả, bần phú đồng nhiên, ưu khổ vạn đoan".

"Mạng chung khí quyên", đây là đến khi thọ mạng quý vị đến rồi, một hơi thở chẳng còn nữa, bình thường rất keo kiệt chẳng xả được, cả thảy vẫn phải bỏ hết, một thứ quý vị cũng chẳng mang theo được. Cho nên là "sanh chẳng mang đến, chết chẳng

mang đi", hai câu nói này, người người đều biết, nhưng người người đều chẳng làm được. Tại sao không làm được? Vì mê hoặc điên đảo, đúng là mê hoặc điên đảo; họ không biết được, đây là chân tướng sự thật. Thật sự hiểu rõ, sanh chẳng mang đến chết chẳng mang đi, thì người này giác ngộ rồi. Vì sao? Thì ra tất cả những thứ này, giả thiết mà nói, tiền tài phú quý, những sản nghiệp này bày ra trước mặt cho ta xem, song chẳng phải sở hữu của ta, là cho ta xem thôi! Trong giai đoạn hiện tiền này, ta có quyền đi chi phối nó. Chư vị phải biết, anh có quyền chi phối, anh quyết định chẳng có quyền được lấy; anh quyết định chẳng được lấy, anh có quyền chi phối. Chi phối được thỏa đáng thì

tích công lũy đức, chi phối không thỏa đáng thì tạo tác tội nghiệp; tội phước là ở giữa một niệm này. Chi phối được thỏa đáng, tôi lấy tiền của làm lợi ích tất cả chúng sanh, đây là tích công lũy đức. Chi phối không thỏa đáng, tôi lấy làm của riêng, một tơ hào cũng chẳng chịu làm lợi ích kẻ khác, thì đây là tạo tội nghiệp.

Cho nên từ xưa đến nay, tiền tài gọi là lưu thông, tức là bảo anh lưu thông; giống như nước vậy, nó lưu thông, không lưu thông thì biến thành nước chết, tử thủy; thì đồng tiền đó gọi là đồng tiền thối. Nước chết chẳng lưu thông thì nước đó hôi thối, cho nên nhất định phải lưu thông. Ở trước mặt chúng ta, chúng ta phải giúp đỡ nó lưu thông, khiến nó lưu thông một

cách vô cùng thuận lợi, lợi ích tất cả chúng sanh, thì đây là đúng. Cho nên xả - đắc; mọi người cũng thường thường gắn trên đầu môi, nhưng anh chẳng biết ý nghĩa này. Ý nghĩa này là anh xả thì có đắc, anh không xả thì không đắc; xả thì đắc vậy. Anh xả được nhiều thì anh đắc nhiều, xả ít thì đắc sẽ ít; đây là đạo lý nhất định, đây là chân lý. Cho nên đến lúc mạng chung, một thứ cũng chẳng mang đi được.

“Bần phú đồng nhiên”, bần cùng và phú quý đều như nhau; “ưu khổ vạn đoan”, thế gian này chẳng có chi chẳng khổ. Người làm quan lớn có nỗi khổ của việc làm quan lớn, tôi nhìn thấy những người làm quan lớn, tôi cảm thấy tôi không dám. Từ điểm

nào xem mà chẳng dám? Ngày ngày phải cùng người ta bắt tay thì tôi chẳng dám, việc này nhọc lắm, phải ko? Không thích bắt tay với họ cũng phải bắt tay, thứ này phiền phức lắm, hội họp quá khổ, bắt tay rất khổ; nhìn hai việc này thì tôi chẳng dám. Đây chẳng phải việc của người tự tại chịu làm, chúng ta thích tự tại, tự do chẳng có ràng buộc. Chúng ta lại xem tiếp đoạn hai, Phật khuyên chúng ta giữa người với người phải hỗ tương tôn trọng, phải hỗ tương hòa mục, không nên có đố kỵ, sân giận. Đoạn thứ nhất phía trước là nói với chúng ta tham độc, xan tham, đều nói về keo kiệt tham lam, xả chẳng được, chẳng thể bố thí; điều này, đối với chính mình làm tổn thương vô cùng vô cùng lớn.

Sự tổn thương trước mắt, tức là anh khổ; thân khổ, tâm cũng khổ. Còn sự tổn thương xa là anh chẳng có biện pháp tiếp xúc đến Phật pháp; cho dù có tiếp xúc, anh cũng chẳng nghe lọt vào tai. Dù có nghe, anh cũng chẳng thể khai ngộ! Tại sao vậy? Vì cái bỏn xẻn, tham lam làm chướng ngại tánh giác ngộ của anh, anh không thể khai ngộ được, nhất định phải đem nó xả bỏ.

Kinh văn: "Thế gian nhân dân, phụ tử, huynh đệ, phu phụ, thân thuộc, đương tương kính ái, vô tương tăng tật".

Tăng là ghét hận, đây là Phật chỉ dạy cho chúng ta, đây là Phật pháp,

muôn ngàn lần xin chư vị hãy nên ghi nhớ; cho nên câu thứ nhất trong Tam Phước, Phật khuyên chúng ta phải hiếu dưỡng phụ mẫu. Cho nên ở thế gian, cha con, anh em, chồng vợ, thân thuộc đều là có nhân duyên rất sâu trong đời quá khứ; nếu chẳng có duyên thì không thể trở thành người một nhà. Mà những thứ duyên này rất phức tạp, chúng ta tự mình nhất định phải hiểu rõ; duyên rất phức tạp. Duyên có thể biến hóa, thiên biến vạn hóa; duyên tốt có thể biến thành duyên ác, duyên ác cũng có khả năng biến thành duyên tốt. Đây phải xem lực lượng nội ngoại, nội thì phải nhờ vào giác ngộ, ngoại thì phải nhờ vào thiện tri thức, phải nhờ thiện hữu.

Vậy Phật nói với chúng ta, sanh làm người trong một nhà, có bốn loại quan hệ. Đây là bốn đại loại: báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ; nếu chẳng có mối quan hệ này thì không thể cùng đến trong một nhà. Kẻ báo ân đến, đây là tốt, đều là hiếu tử, hiền tôn, phụ từ, tử hiếu; là báo ân mà đến, chẳng cần người dạy, là tự tự nhiên nhiên. Còn kẻ báo oán đến, đó tức là đứa con phá của, đây có thể khiến cả nhà anh bất an; nếu là nghiêm trọng thì có thể khiến cho nhà tan người chết, là báo oán mà đến. Còn kẻ đòi nợ đến, đòi xong thì đi mất! Xem anh thiếu nó bao nhiêu, thiếu ít thì lúc nhỏ nó đi mất; thiếu nhiều, có thể nuôi nó đến đại học tốt nghiệp, sắp sửa có thể đi làm thì nó đi mất; đó là thiếu nó

nhiều. Còn kẻ đến để trả nợ, thì đứa bé này đối với cha mẹ không có tâm cung kính, không tôn kính, tuy nhiên nó có thể cúng dường nhu cầu sinh hoạt cho anh, nó có thể cung cấp cho anh. Nếu nó thiếu nhiều, nó chiếu cố rất đầy đủ, cho anh tài dụng rất dồi dào. Nếu thiếu ít, nó có thể rất so đo, mỗi tháng có thể cấp cho anh vài đồng phí tổn cho cuộc sống là đủ rồi; nó không cho nhiều.

Trong xã hội thường thường thấy được điều này, người thế gian chẳng biết, chúng ta biết, hiểu được mối quan hệ này; cho nên đòi nợ, trả nợ, báo ân, báo oán, là quan hệ như vậy. So ra, hơi sơ hơn một tí thì trở thành thân thích bạn bè; thân thích bạn bè cũng là mối quan hệ này, đây là

chúng ta phải nên biết. Bất luận là thiện duyên, là ác duyên, gặp được thiện tri thức thì thiện duyên này lại càng thiện hơn, ác duyên cũng trở thành thiện; vậy là tốt rồi, đừng nên đi so đo nữa cái ác của quá khứ. Cho nên Phật dạy chúng ta "đương tương kính ái", bỉ thử mới có thể dung nhẫn, mới có thể tôn trọng, tương thân tương ái. "Vô tương tăng tật", người chẳng phải thánh hiền, phải có thể bao dung, đừng nên ghét hận, đừng nên đố kỵ. Đây vô cùng vô cùng quan trọng, nuôi dưỡng cái đức của chính mình, hóa giải những mối oan kết này. Người và người trong đời quá khứ là có oán mà đến, cách này có thể đem oán hóa giải được.

Kinh văn: "Hữu vô tương thông".

Câu "vô hữu tương thông" này, cái thứ nhất là tài vật ta có, còn họ thiếu thốn, ta phải giúp họ, phải tặng cho họ; làm cho sinh hoạt của họ có thể dễ sống, đây là trên vật chất. Cái thứ hai là trên mặt tinh thần, cũng phải hỗ tương chi viện, hỗ tương an ủi. Ta có tài nghệ, họ không có, ta phải chỉ dạy họ, đây là một phương diện của trí tuệ, phải hết lòng giúp đỡ họ, chỉ dạy họ, là "hữu vô tương thông".

Kinh văn: "Vô đắc tham tích".

Đừng nên có tâm tham, đừng nên keo kiệt, giúp đỡ người phải toàn tâm

toàn lực; phải tận tâm tận lực giúp đỡ người, quyết định có lợi ích. Điều này cũng khó, chẳng dễ. Lúc ban sơ tôi mới học Phật, vị thầy đầu tiên của tôi là Chương Gia đại sư. Ngày thứ nhất mới quen biết ông ta, lúc đó tôi học Phật mới được một tháng, tiếp xúc Phật giáo mới có một tháng, tôi quen biết được Chương Gia đại sư. Tôi bèn hướng về ông thỉnh giáo, tôi nói: "Con biết Phật pháp hay, Phật pháp vô cùng thù thắng, con rất muốn học, phải từ đâu để nhập môn?" Tôi hướng về Ngài nêu ra vấn đề này, hướng về Ngài thỉnh pháp. Ông ta nhìn tôi, nhìn nửa tiếng đồng hồ, một câu cũng chẳng nói; tôi cũng nhìn ông, chúng tôi bốn mắt nhìn nhau. Tôi chờ đợi nửa giờ đồng hồ, tâm định trở lại; quả

thật một vọng niệm cũng chẳng có. Tôi tập trung tinh thần chờ ông đáp phúc, phương pháp giáo học của ông thật đặc biệt, rất là đặc biệt. Trước tiên dạy anh đem toàn bộ tinh thần tập trung định xuống, nhiên hậu mới nói với tôi một chữ Có, chỉ nói một chữ, sau đó không nói nữa.

Nghe nói Có rồi, tôi liền đặc biệt chú ý, tinh thần phấn chấn lên, đặc biệt chú ý; đại khái lại chờ thêm năm phút nữa, mới nói sáu chữ, "Nhìn được thấu, buông được xuống", mới nói sáu chữ, Ngài nói rất chậm, chẳng nhanh như tôi. Sáu chữ này nghe xong, tôi hình như cũng hiểu được một tí, phải nhìn thấu, phải buông xuống. Tôi hỏi tiếp, từ đâu hạ thủ? Phản ứng của tôi thật nhanh, lần này

ông ta lại nhìn tôi, không lâu lắm, đại khái nhìn tôi mười phút hay mười mấy phút gì đó, rồi nói với tôi hai chữ "Bố Thí". Ngày đầu tiên gặp mặt, đại khái là hơn hai giờ, thì nói mấy câu như vậy; tôi rất có thọ dụng, khi tôi cáo từ, ông ta tiễn tôi đến tận cửa, vỗ lên vai tôi nói: "Hôm nay tôi nói cho anh sáu chữ, anh phải đi làm cho đàng hoàng trong sáu năm nhé!"

Lúc đó tôi bị ông ta làm cảm động, trở về tôi thật sự làm theo; trước đó tôi cũng rất keo kiệt, lúc đó tôi kiếm được rất ít tiền, một xu đều chẳng chịu tiêu bậy thì nói chi đến bố thí? Một sợi lông chẳng mất, vậy nghe thầy dạy đến bố thí, song tôi chẳng tiêu tiền bừa bãi; tiền của tôi đều đem mua sách cả. Từ nhỏ là ưa thích đọc

sách, có bao nhiêu tiền đều mua sách hết; sách của tôi chẳng chịu cho ai mượn xem cả, anh xem, keo kiệt biết mấy! Vì sao? Cho người mượn sách, người ta có thể làm dơ, điều này thì tôi không thích, cho nên tôi không chịu cho người mượn sách xem. Nghe thầy nói bố thí, thì tôi có thể cho người mượn sách xem. Cho mượn sách gì? Là số sách cũ tôi đã xem qua, sách cũ; sách mới không cho mượn! Thật chẳng phải dễ, thật phải mất đi nhiều năm, nhiên hậu dần dần cũng có thể bố thí sách mới. Mặc dù là sách mới mua chưa xem qua, người khác muốn xem, được, lấy đi, không trả cũng không sao! Cả mấy năm mới bồi dưỡng được, chẳng quá so đo nữa, là mới đầu thầy dạy cho đấy. Chúng

tôi cũng thật chịu học, dần dần đem cái tánh bỏn xẻn, tiếc rẻ đạm hóa mất, đoạn dứt. Thật tại không phải dễ dàng, nếu chẳng phải từ trên đây dụng công thì là rất khó.

Đây là ngày đầu thỉnh pháp nơi Chương Gia đại sư, tôi có được sự lợi ích chân thật; cho nên hiện nay vẫn còn có một tí phước báo, tức là bắt đầu từ ngày Chương Gia đại sư dạy cho tôi bố thí, tu cái nhân ấy, nay được quả báo này. Nếu ông không dạy tôi, thì đời này tôi khổ rồi! Đó là quả thật nghèo vô cùng. Cho nên tu học, đây là chính bản thân tôi thể nghiệm được, cũng hoàn toàn là sự thật; càng xả càng nhiều. Hình như tất cả đều xả sạch hết, qua vài ngày nó lại đến nữa, so với trước kia còn

nhiều hơn một tí, hình như có lợi tức vậy; càng xả thì càng nhiều. Cho nên một ít phước báo của tôi là trong đời này tu được, sau khi gặp được Chương Gia đại sư mới có được; không có thầy chỉ dạy như vậy, không có thầy dùng thủ đoạn thế đó thì chúng ta cũng rất khổ. Thủ đoạn của ông ta khác với người thường, chúng ta hỏi người khác vừa hỏi thì họ liền đáp ngay, tràng giang đại hải nói rất nhiều, đến lúc họ đi rồi chẳng biết họ nói gì nữa?

Không giống như Chương Gia đại sư, trong hai giờ chỉ nói vài câu, mà vài câu nói này, từng chữ đều in sâu vào trong đầu óc quý vị; ấn tượng thật sâu, vĩnh viễn quý vị không thể quên được. Cho nên lối dạy bảo là cách dạy

bảo chân thật, tôi đã thân cận rất nhiều vị thiện tri thức, từ trước đến giờ chưa có vị nào giống như Chương Gia đại sư, có định công thế đó, trầm tĩnh thế đó; chưa thấy có người thứ hai, đây là vị thiện tri thức phi thường.

Kinh văn: "Ngôn sắc thường hòa".

Ngôn là ngôn ngữ, Sắc là dung mạo; đối đãi người phải hòa mục, ngôn ngữ phải êm dịu, phải hòa mục. Đặc biệt là thời đại nay, người thông thường hay vội vàng nóng nảy, rất dễ bị xung đột. Chúng ta nói lời hơi không cẩn thận một tí thì đắc tội với họ, thì rắc rối lập tức xảy ra, cho nên phải đặc biệt lưu tâm, phải cẩn thận.

Trước kia còn có quan hệ về luân lý, hiện nay mọi người đều không chú trọng nữa, chúng ta cũng đừng quá quan trọng việc này. Cha đối với con phải khách sáo, hiện nay thì thời đại khác rồi, phải đem con đối xử như bạn bè; còn sư phụ đối với đồ đệ cũng phải khách sáo, cũng phải đem đồ đệ xem như bạn bè, đồng tham.

Không thể dùng thái độ của luân lý xưa kia mà đối xử, nguyên nhân ở đâu? Vì người thời nay không nhận được nền luân lý giáo dục thời xưa. Thời của chúng tôi thì có, thời hiện nay thì không có; chúng ta chẳng thể đem tiêu chuẩn của mình để nhìn họ, thì bên trong sẽ có va chạm, sẽ có sự ngăn cách của thế hệ, thì có vấn đề. Cho nên, chỗ chỗ chúng ta đều phải

nhìn vào hiện thực, phải nhìn vào xã hội hiện tiền, phải nhìn vào quan niệm của nhóm người trẻ tuổi, xem cách nhìn cách nghĩ của họ, chúng ta phải thuận theo họ, kéo họ trở lại, cùng họ như nhau; vậy thì được. Cho nên đây là cách độ chúng sanh trong Phật pháp; ở chỗ này Phật giáo huấn vô cùng vô cùng quan trọng.

Kinh văn: "Mạc tương vi lệ".

Đây tức là khi nãy tôi vừa nói đó, chúng ta cần phải đem tiêu chuẩn hạ thấp xuống. Trước kia khi tôi đi học, thầy Lý thường thường dạy cho chúng tôi, học Phật tức là phải chấp tay dập đầu lễ bái đi cầu Phật pháp, mới cầu được. Mai sau, quý vị muốn đem Phật pháp giới thiệu cho chúng

sanh, nếu như chờ người khác chấp tay lễ bái để hướng về anh mà cầu, thì một người cũng chẳng có, thật vậy! Thì làm sao đây? Chúng ta quay ngược trở lại, chấp tay dập đầu lễ bái để biếu tặng, chưa chắc người ta đã cần! Đúng là như vậy. Tịnh Tông chúng ta ngày nay chấp tay lễ bái để đem Phật pháp tặng cho người. Nhất định phải biết thời đại này, phải hiểu rõ chúng sanh của thời đại này, anh mới có thể đem Phật pháp giới thiệu cho họ, mới có thể khiến họ từ từ giác ngộ; từ trong Phật pháp họ có được sự thọ dụng chân thật. "Mạc tương vi lệ", ý nghĩa câu này sâu dầy lắm.

Kinh văn: "Hoặc thời tâm tránh, hữu sở khuể nộ. Hậu thế chuyển kịch, chí thành đại oán".

Người và người sống chung là khó nhất, làm việc khó, làm người càng khó; người và người sống chung với nhau, lắm lúc đều chẳng tránh khỏi ý kiến bất đồng, cách nhìn không nhất trí. Lúc đó, nếu một bên không chịu nhẫn nhường thì bỉ thử trong tâm đều chẳng vui; cho nên sự bất hòa này là có oán. Nếu oán không giải trừ được, tích lũy lâu rồi thì biến thành hận, thì biến thành sự việc rắc rối; cho nên "hữu sở khuể nộ". Trong bản của Khang Tăng Khải, trong câu này còn có hai câu: "Kim thế hận ý, biến tương tăng cực", trong đời chúng ta

chỉ có một tí oán hận nho nhỏ, có một tí sự việc không vui, nhưng đến đời sao là chuyển kịch, "hậu thế chuyển kịch". Nếu quý vị không chịu hóa giải thì là chuyện rắc rối, mối oán hận này càng tích lũy càng nghiêm trọng, biến thành mối thù hận lớn, "chí thành đại oán".

Cho nên gọi là oan oan tương báo, chẳng hết, chẳng liễu. Sống trong thế gian này, chúng ta tỉ mỉ mà quan sát giữa người và người, báo ân thì ít, báo oán thì nhiều; người nhà cha con đều chẳng ngoại lệ, báo oán nhiều. Còn vợ chồng? Thử xem, hiện nay Trung Hoa và ngoại quốc, nơi nơi đều thấy, quý vị xem con số ly hôn cao biết mấy? Chẳng phải ban đầu rất tốt hay sao? Qua vài ngày thì trở mặt, trở

thành oán gia đối đầu. Cho nên chúng ta vẫn phải nhìn cho rõ, giả đấy chẳng phải thật. Chớ quá tha thiết, đời người tại thế gian này mấy mươi năm thì cũng giống như người lữ khách vậy, qua hai ngày thì đi rồi. Hà tất cùng địa phương này hết lòng thiết tha như vậy? Cùng họ kết oán thù như vậy? Chẳng có ý nghĩa chi cả, đây là cái lỗi lầm lớn nhất. Hãy thường thường nghĩ đến, ta là kẻ lữ hành, ta là khách chỉ vài ngày lại phải ra đi; cùng với mọi người hoan hoan hỷ hỷ sống chung với nhau, thì tốt biết mấy? Bất cứ việc chi khó khăn thảy đều tha thứ cho họ, đừng nên để trong lòng, như vậy thì tốt, thì tự tại vậy.

Kinh văn: "Thế gian chi sự, cánh tương hoạn hại, tuy bất lâm thời, ưng cấp tưởng phá".

Đây là nói với chúng ta, sự việc trên thế gian này đều là hỗ tương báo đền lẫn nhau; hỗ tương báo đền. Nếu như hiểu rõ đạo lý này, biết được chân tướng sự thật này thì tự nhiên tâm quý vị sẽ định. Ví như nói, ngày nay chúng ta sống trong xã hội này bị kẻ khác đánh lừa, bị kẻ khác làm thiệt thòi, kỳ thật chẳng có sự việc này. Tại vì sao? Nó có báo đền. Bởi thế nên quyết định chẳng có một người nào thật sự thiệt thòi, cũng chẳng có một người nào thật sự chiếm ưu thế của kẻ khác, chẳng có. Anh đã đoạt lấy tiền của người ta, tương lai phải trả nợ;

anh hại mạng người ta, tương lai phải đền mạng. Thiếu mạng phải trả mạng, thiếu tiền phải trả tiền, nhân quả thông ba đời đấy mà! Chẳng có ai thiếu ai được cả. Cho nên chân tướng sự thật này quả nhiên thông đạt rồi, tiền tài của tôi bày ra nơi đó, tôi tuyệt đối nhìn cũng chẳng thèm nhìn; người ta lấy đi, tùy tiện ai lấy cũng được. Nếu là của tôi thì tương lai anh cũng sẽ phải cúng dường cho tôi; nếu là của anh thì anh nên lấy đi, phải không?

Cho nên anh sẽ chẳng để ý, chẳng để ý thì tâm an rồi, thì vui vẻ rồi, thì sẽ chẳng vì những sự việc này mà ưu sầu; đây đều là chân lý, chân tướng của sự thật. Vậy còn chúng ta xử thế, đối người, tiếp vạn vật, tâm địa chúng ta thanh tịnh tự nhiên chánh trực, sẽ

chẳng khởi tâm tham đi lợi dụng người ta. Tôi lợi dụng người ta, kiếp sau phải trả nợ, việc này rắc rối biết mấy! Những gì họ thiếu tôi, thôi bỏ đi, chẳng cần nữa, toàn bộ thủ tiêu. Tôi chẳng cần họ trả nữa, trả cũng rắc rối, món nợ này dứt hết rồi. Ta thiếu họ thì phải trả, họ thiếu ta thì chẳng cần; thì là tự tại vậy. Cho nên gọi là "ưng cấp tưởng phá", phải mau mau tưởng phá; tưởng phá tức là nhìn thấu, nhìn thấu rồi thì đương nhiên có thể buông xuống. Tại sao người không buông xuống được? Vì chưa nhìn thấu, nhìn thấu thì có thể buông xuống.

Kinh văn: "Nhân tại ái dục chi trung, độc sanh độc tử, độc khứ độc

lai, khổ lạc tự đương, vô hữu đại giả".

Cái này là chân tướng sự thật, tất cả phải hiểu rõ, một người ở tại thế gian này, ở trong lục đạo đều là cái nghiệp của chính mình tạo, chính mình thọ báo. Có thể nói, bất luận chúng ta trong đời này rất hạnh phúc, hoặc giả là rất khổ não đều là tự làm tự chịu. Quyết định không thể oán trời trách người, không thể được; đều là cái nghiệp của tự mình tạo, tự mình đang thọ báo. Cho nên "Độc sanh độc tử, độc khứ độc lai", chẳng có người làm bạn; vợ chồng ân ái thế mấy, lúc mạng chung đều phải phân ly, cũng chẳng nhận nhau nữa, cũng chẳng gặp mặt nhau nữa! Đây là sự thật, nhất

định phải biết. Tại sao vậy? Họ hai người tạo nghiệp khác nhau, làm sao họ có thể đi cùng một đạo được? Cho nên "khổ lạc tự đương", chữ Tự Đương tức là tự mình thọ lãnh, tự làm tự chịu, chẳng có ai có thể thay thế được.

Kinh văn: "Thiện ác biến hóa, truy trục sở sanh, đạo lộ bất đồng, hội kiến vô kỳ".

Đây là nói, một người sau khi chết đi luân hồi, mỗi một người tùy các nghiệp của họ, "thiện ác biến hóa"; thiện có thiện quả, ác có ác báo.

Truy Trục tức là cái nghiệp lực này đang chi phối anh, khiến anh đến đó đi đầu thai, "đạo lộ bất đồng, hội

kiến vô kỳ". Cho nên anh hiểu rõ sự thật này, anh mới biết được cái khả quý của Tây Phương thế giới. Tây Phương thế giới đích thật là, người thân, bạn lành, đồng tham của chúng ta trong đời quá khứ đã niệm Phật vãng sanh; chúng ta đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thì mới thường thường tụ hội ở một nơi. Nếu như chẳng sanh đến Tây Phương thế giới, nếu muốn tương lai sanh đến lại tụ hội một chỗ, đó là vọng tưởng của anh chẳng phải sự thật. Sự thật là "hội kiến vô kỳ", cái này mới là sự thật.

Kinh văn: "Hà bất ư cường kiện thời, nỗ lực tu thiện, dục hà đãi hồ?"

Ở chỗ này Phật khuyên chúng ta, hiện tại thân thể chúng ta rất khỏe mạnh, rất cường tráng, tại sao chẳng thừa dịp này nỗ lực niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ? Chỗ này nói đến vấn đề tu thiện, tức là chỉ cho niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Tuân thủ giáo giới của Phật, đoạn tất cả ác, tu tất cả thiện. Đồng tu Tịnh Tông chúng ta đặc biệt đề ra năm khoa mục của lúc bình thường tu thiện; năm khoa mục thì dễ nhớ.

- Khoa mục thứ nhất là Tam Phước, Tam Phước là đại căn đại bổn. Điều thứ nhất: "Hiếu dưỡng phụ mẫu, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu thập thiện nghiệp". Điều thứ hai: "Thọ trì Tam Quy, cụ túc chúng giới, bất phạm oai nghi". Điều thứ ba:

"Phát Bồ Đề tâm, thâm tín nhân quả, độc tụng Đại Thừa, khuyến tấn hành giả"; đây là Tam Phước đấy, là khoa mục thứ nhất.

- Khoa mục thứ hai là Lục Hòa: "Kiến hòa đồng giải, Giới hòa đồng tu, Thân hòa đồng trụ, Khẩu hòa vô tranh, Ý hòa đồng duyệt, Lợi hòa đồng quân"; đây là Lục Hòa. Giới điều cơ bản này, nhất định phải tuân thủ.

- Khoa mục thứ ba, từ trên cơ sở này lại tu Tam Học, Giới Học, Định Học, Tuệ Học.

- Khoa mục thứ tư, lại học cách giữ nguyên tắc xử thế, đối người của Bồ Tát là Lục Ba La Mật: Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Bát Nhã.

- Khoa mục thứ năm, sau cùng lại tu Thập Đại Nguyện Vương của Phổ Hiền Bồ Tát, từ “Lễ kính chư Phật, Xưng tán Như Lai” đến “Phổ giai hồi hướng”; đây là trong sinh hoạt ngày thường của chúng ta, xử thế, đối người, tiếp vật, tất phải tuân theo lời giáo huấn. Điều này tức là nỗ lực tu thiện vậy, nhiên hậu lại phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật, cầu sanh Tịnh Độ. Như vậy thì cái thiện này của anh mới viên mãn, cái thiện này của anh sẽ chẳng thoái chuyển, đó mới gọi là Chân Thiện. Giả như không cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, tương lai cái thiện của anh có thể được nhân thiên đại phước báo, đời sau là nhân thiên đại phước báo. Khi phước báo

hưởng hết rồi là phải đọa lạc; cho nên cái thiện đó là không cứu cánh, chúng ta nhất định phải tu cái thiện chân thật cứu cánh viên mãn, tức là quyết định phải cầu sanh Tịnh Độ.

"Dục hà đãi hồ", tức là không thể chờ đợi thêm nữa, anh còn phải chờ đến bao giờ? Ngay bây giờ thì phải làm, không thể chờ đợi thêm nữa. Trước kia khi tôi xuất gia chẳng bao lâu, tôi có quen một vị trưởng lão ở Đài Loan, tôi đi gặp ông ta lúc đó ông đã hưu trí, tôi nói sự lợi ích của Phật pháp với ông ta, ông cũng tán thành. Đối với sự xuất gia của tôi, ông rất tán thành, ông nói con đường của thầy đi rất chính xác, không sai. Tôi khuyên ông ta niệm Phật, ông nói, tôi còn phải chờ thêm vài năm nữa, bây

giờ còn có việc phải làm vẫn chưa được, tôi phải chờ thêm vài năm nữa. Mới có hai năm thì ông ta chết mất, lại phải đi luân hồi nữa. Không thể chờ, chờ không được, xin chớ tưởng rằng hiện nay tôi còn trẻ, tôi còn có sự nghiệp, còn phải chiếu cố trong gia đình, chờ thêm vài năm nữa mới tu. Anh có ký hợp đồng với vua Diêm Vương không? Anh biết anh vẫn có thể trụ thế bao nhiêu năm nữa hay sao? Nên biết rằng, một hơi thở không hít vào nữa thì là đời sau rồi, không thể nói hãy còn trẻ, "huỳnh tuyền lộ thượng vô lão thiểu". Chúng ta hãy thử nhìn những bia mộ nơi nghĩa trang kia, những bài vị siêu độ, biết bao nhiêu là người trẻ? Cho nên quyết định không thể chần chờ! Chúng ta

nghe được rất hiểu rõ rồi thì hãy lập tức đi làm, hãy hết lòng nỗ lực để tu hành, lão thật niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ vậy. Thôi, hôm nay chúng tôi xin giảng đến đây. A Di Đà Phật

Tập 21

Xin lật kinh bản, trang một trăm hai mươi sáu, hàng sau cùng, từ câu cuối bắt đầu xem.

Kinh văn: "Thế nhân thiện ác, tự bất năng kiến, cát hung họa phước, cạnh các tác chi".

Từ chỗ này bắt đầu xem, đây là đoạn thứ tư trong phẩm này. Thế Tôn nói với chúng ta, mê hoặc điên đảo là một việc rất đáng buồn, đây là nói về ngu si. Phước trước giảng qua tham độc, sân độc, đây là si độc; thông thường chúng ta gọi nó là tam độc phiền não. Người thế gian, đối với cái gì là thiện, cái gì là ác, họ chẳng phân

biệt rõ, chẳng thể "tự bất năng kiến". Cho nên thường hay đem nó hiểu sai, tự cho là thiện nào ngờ phía sau đó kết quả lại là ác. Thường thường tự mình thấy là ác, song hậu quả của nó đích thật lại là rất thiện; quả thật đây là phải có trí tuệ, không có trí tuệ có thể nào biện biệt được! Cái tiêu chuẩn của thiện ác, tiêu chuẩn tối cao, tiêu chuẩn tuyệt đối là tự tánh cùng với chân tâm tự tánh tương ưng, đây là thiện; cùng tự tánh trái ngược, đây là ác.

Cái tiêu chuẩn cao thế đó, thông thường đều là Bồ Tát đã minh tâm kiến tánh, họ mới biết được. Cho dù Phật đã vì chúng ta nói được rất rõ ràng, rất minh bạch, song chúng ta trong sinh hoạt ngày thường vẫn

chẳng thấy được. Do đó Phật rất từ bi, thương xót chúng sanh chúng ta, bèn ở trong cảnh giới của chính chúng ta, trong sinh hoạt ngày thường vì chúng ta chỉ thị ra những gì là thiện, những gì là ác. Tam độc là ác, tham, sân, si là ác; vậy ngược lại, không tham, không sân, không si, đây tức là thiện. Sát, đạo, dâm là ác; không sát, không đạo, không dâm là thiện. Vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, ỷ ngữ là ác; nếu không vọng ngữ, không lưỡng thiệt, không ác khẩu, không ỷ ngữ, đây là thiện. Thế Tôn dạy cho chúng ta, cho những người có trình độ này. Tiêu chuẩn thập thiện nghiệp đạo, chúng ta đã học Phật rồi, cái thập thiện này tôi nghĩ mọi người đều có thể nói ra được; nhưng mà thường thường là "tự

bất năng kiến” đấy. Rồi lại đi tạo tác, cảnh giới này hiện tiền lại mê hoặc điên đảo, chẳng dễ dàng. Phật bèn vì chúng ta nói ra rõ ràng như vậy, chúng ta vẫn cứ thời thời chỗ chỗ mê hoặc; vẫn tạo ác như cũ, chẳng biết tu thiện.

“Cát hung họa phước, cạnh các tác chi”, những người thật sự minh bạch, những người đã giác ngộ, chúng ta chẳng phải nói đại giác mà giác ngộ nho nhỏ, có thể nghe hiểu lời Phật nói, tin sự giáo huấn của Phật mà y giáo phụng hành; đây là giác ngộ vậy. Nghe hiểu rồi nhưng chưa làm được, đó không kể là giác ngộ; giác ngộ thì nhất định là có thể làm được! Vì sao? Bởi làm thiện thì được kiết cát, kiết tường, được phước. Còn tạo

ác, tạo thập ác, được đó là hung, được đó là họa. Cho nên "cát, hung, họa, phước" là cái nhân của mình tạo, quả báo chính mình thọ lãnh, chẳng phải từ bên ngoài, tự làm tự chịu. Tiếc thay, người thế gian đối với nhân duyên của thiện ác vẫn cứ mê hoặc điên đảo.

Kinh văn: "Thân ngu thần ám".

Ngu là ngu xuẩn, Thần là nói tâm thần, chúng ta gọi là tâm tư; tâm tư mê hoặc. Còn chữ Ám này tức là không có trí tuệ, trong tâm chẳng có trí tuệ, thân thể tạo tác ngu si.

Kinh văn: "Chuyển thọ dư giáo, điên đảo tương tục, vô thường căn bổn".

Câu này là một câu khai thị tối quan trọng trong đoạn kinh văn này, bởi vì thân ngu si chẳng có trí tuệ, bèn có thể nghe theo ngoại giáo, Dư Giáo tức là không phải lời dạy của Phật. Xưa kia lúc Thế Tôn còn tại thế, Ấn Độ có đến chín mươi sáu thứ ngoại đạo, đây là trong kinh chúng ta có ghi chép. Đi tiếp thọ những loại giáo hóa này, những cách dạy dỗ chỉ dẫn này đều không thể liễu sanh tử, đều không thể xuất tam giới. Nếu như tôn giáo này là thiện, là hay, thì đời sau chỉ có thể được nhân thiên phước báo. Nếu như giáo môn này là tà, là ác, thì đời sau nhất định đọa tam đồ; đây tức là "điên đảo tương tục". Nhân điên đảo, duyên điên đảo, quả báo

điên đảo, "vô thường căn bổn"; chữ Vô Thường này tức là chỉ cho lục đạo luân hồi, sanh tử chẳng dứt.

Câu này nói được vô cùng có đạo lý, nói được vô cùng sâu sắc. Từ chỗ thiển cận mà nhìn, một con người trong một đời có thể có được hạnh phúc khoái lạc, gia đình mỹ mãn, sự nghiệp thuận lợi thành công; đều phải nhờ vào nền giáo dục hay tốt. Cho nên thời xưa, phàm là một người lãnh đạo quốc gia, vào lúc đó xưng là hoàng đế, đế vương, ông ta đối với quốc dân toàn quốc phải có trách nhiệm giáo dục. Cho nên Trung Hoa trước kia, người thay mặt cho vua để lo việc chính trị, ngày nay chúng ta gọi là quan chánh vụ; đây là đại diện cho kẻ thống trị để xử lý chánh vụ.

Vậy tầng thấp nhất là thị trưởng huyện, ngày xưa gọi thị trưởng huyện là quan phụ mẫu, họ phải thương yêu dân như con. Cho nên họ có ba chức trách là: "Tác chi quân", Quân là người lãnh đạo, người lãnh đạo của một huyện thị này. "Tác chi thân", họ là phụ mẫu, đối với con dân phải chiếu cố vô cùng chu đáo, phải thương yêu bảo hộ con cái của mình. "Tác chi sư", họ là thầy của lão bá tánh, phải dạy dỗ dắt dẫn họ đàng hoàng. Xưa kia quan chánh vụ là vậy, đều là Quân, Thân, Sư, là thân phận như thế.

Hiện nay thời dân chủ đã khác rồi, quan viên thời dân chủ hiện nay là công bộc của nhân dân. Chư vị hãy thử nghĩ, người làm của nhà anh đối

với anh tốt hay là cha mẹ anh đối với anh tốt? Người làm của anh đối với anh chu đáo hay là cha mẹ anh chiếu cố anh chu đáo? Đây là giáo dục. Cho nên những bậc thánh hiền thời xưa dạy cho những kẻ thống trị, nói rất hay: "Kiến quốc quân dân"; xây dựng một chánh quyền, anh muốn thống trị lão bá tánh này, việc nào là tối quan trọng? Là giáo dục. Giáo dục dạy đó là những gì? Dạy đó là khiến cho nhân dân toàn quốc hiểu rõ mối quan hệ giữa người với người, đây tức là luân thường, luân lý; hiểu rõ mối quan hệ giữa người với người, chức trách nghĩa vụ giữa người với người. Mối quan hệ giữa người với trời đất, mối quan hệ giữa người với hoàn cảnh đại tự nhiên; đây là giáo dục,

đây là căn bản. Vậy chúng ta thử nhìn thời nay, hiện nay có giáo dục không? Chẳng có nữa. Ít nhất sự việc này, về mặt này chẳng để ý, nền giáo dục hiện nay là nền giáo dục khoa học kỹ thuật; sự quan hệ giữa người với người chẳng hay biết. Cho nên nước không ra nước, nhà không ra nhà, xã hội đại loạn, thế giới đại loạn, nguyên nhân là ở chỗ này; sự giáo dục thật quá quan trọng.

Phật pháp là nền giáo dục chí thiện mỹ mãn, sau khi Phật pháp được truyền đến Trung Hoa, thì được nhiều triều đình và dân gian Trung Hoa hoan nghênh tiếp thọ; vả lại những vị lịch đại đế vương dốc sức đẩy mạnh, tại vì sao? Vì nó đích thật là nền giáo dục hoàn hảo nhất, cùng các nền giáo

dục khác không giống nhau. Phật pháp, chẳng những có thể giải quyết tất cả vấn đề hiện thực trong xã hội hiện tại của chúng ta, nó còn có thể giúp cho chúng ta giải quyết những vấn đề căn bản, liễu sanh tử, xuất tam giới; điều này thì đạo khác làm không nổi, Phật pháp có thể làm được. Cho nên chúng ta nhất định phải coi trọng giáo dục, đặc biệt phải coi trọng nền giáo dục của Phật Đà. Bất cứ một việc tốt nào, nếu như được lưu truyền lâu dài tại thế gian, đều có thể biến chất, Phật pháp cũng chẳng ngoại lệ. Phật pháp được lưu truyền đến ngày nay, nếu y cứ theo lịch sử Trung Hoa ghi chép, đã có đến ba ngàn năm rồi. Ba ngàn năm gián tiếp tương truyền; tránh không khỏi có chỗ truyền sai, có

chỗ truyền bậy. Thậm chí còn có người cố ý trêu chọc Phật pháp, lợi dụng Phật pháp, có đấy!

Ma vương ngoại đạo muốn phá hoại Phật pháp, thì nghĩ cách lợi dụng Phật pháp để phá hoại Phật pháp. Năm xưa, Thế Tôn khi còn tại thế giảng kinh thuyết pháp, ma vương Ba Tuần cũng thường thường tại tọa, cũng đến nghe kinh, cũng hoan hỷ nghe pháp. Tuy nhiên ma vương rất chấp trước, Thích Ca Mâu Ni Phật độ chúng sanh, đều từng người từng người khiến họ liễu sanh tử, xuất tam giới, ma vương thấy vậy, trong lòng rất khó chịu. Tất cả chúng sanh ở thế gian đều do ma vương thống quản, đều do hắn thống trị; nhìn thấy từng người hình như đều ra nước ngoài cả,

đều chẳng trở về nữa, hắn nhìn thấy rất khó chịu. Có một hôm hắn ta bèn nói với Thích Ca Mâu Ni Phật rằng: "Tôi phải tìm cách phá hoại Phật pháp". Thế Tôn nói: "Pháp của ta là Chánh Pháp, tà không thể thắng chánh, ngươi không có khả năng phá hoại Phật pháp của ta". Ma vương bèn nói: "Chờ đến thời kỳ Mạt Pháp của ông, tôi bảo ma con ma cháu của tôi, có thể đều xuất gia hết, đều khoác lên ca-sa để phá hoại Phật pháp của ông". Thích Ca Mâu Ni Phật vừa nghe qua, một câu cũng chẳng nói, nước mắt tuôn chảy; chỗ gọi là: "Tỷ như sư tử trùng, hoàn thực sư tử nhục". Thế Tôn nơi trong kinh Lăng Nghiêm nói đến "thời kỳ Mạt Pháp, tà sư nói pháp như cát sông Hằng"; tà sư này, chẳng

phải bên ngoài Phật giáo mà là ở trong Phật môn, tức là con cháu của ma vương Ba Tuần, hiện nay cũng đã đều đã xuất gia, đều thọ giới, đều đã khoát lên ca-sa. Điều này là việc làm cho Thế Tôn đau đầu, chúng ta phải biện biệt được.

Trong kinh này nói: "Chuyển thọ dư giáo", chúng ta phải đặc biệt lưu ý điểm này. Vậy thì bộ kinh này, chúng ta phải tin nó cho thật sâu, nó quyết định là chân, quyết định là chánh, quyết định chẳng sai! Vì sao? Vì nó được truyền đến Trung Hoa sớm nhất, trong lịch sử đều có ghi chép rõ ràng, phiên dịch nhiều nhất. Từ Hán triều mãi cho đến Tống triều, thời gian tám trăm năm đã từng phiên dịch mười hai lần. Cho nên người xưa nói,

truyền đến sớm nhất, phiên dịch nhiều nhất, có đến mười hai loại dịch bản. Xưa kia, kinh bản đều là sao chép bằng tay, chẳng có ấn loát, cho nên số lượng ít, rất dễ thất truyền. Truyền đến ngày nay, trong Đại Tạng Kinh chúng ta còn giữ lại đó, chỉ có năm loại dịch bản, còn bảy loại dịch bản đã thất truyền rồi. Tuy nhiên đề kinh và mục lục vẫn còn, trong mục lục Tàng Kinh thời cổ thấy được, nhưng sách thì không còn; cho nên mười hai lần phiên dịch.

Còn về hội tập, lần hội tập thứ nhất, cư sĩ Vương Long Thư triều nhà Tống đã làm một bản hội tập; còn lần thứ hai, triều nhà Thanh giữa năm Càn Long, cư sĩ Bành Thiệu Thăng có một bản hội tập, chẳng phải ông ta

hội tập mà là tiết lục. Lần thứ ba, cư sĩ Ngụy Nguyên có một bản hội tập. Đại sư Ấn Quang đều đã xem qua những bản hội tập này, cũng rất tán thán; tuy nhiên chẳng đủ viên mãn, cho nên tổ Ấn Quang không chủ trương lưu thông. Vì vậy, cho nên vào năm đầu Dân Quốc, chúng ta có phước, cảm được lão cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập trở lại; tức là bảo với chúng ta đây bản hội tập này, ông đã dùng hết thời gian ba năm trường. Bản thảo đầu tiên hoàn thành, sau đó không ngừng để tu sửa; đến bản mà chúng ta hiện đang dùng này là mười năm mới hoàn thành. Thời gian mười năm dần dần đi tu sửa, cho nên đã trở thành một quyển kinh Vô Lượng Thọ vô cùng hoàn thiện; rất đáng tiếc là

đại sư Ấn Quang đã vãng sanh nên Ngài chưa xem qua bản này. Nếu Ngài xem qua, chúng tôi tin chắc nhất định Ngài vô cùng tán thán, nhất định khuyến khích chúng ta dốc sức để hoằng dương lưu thông, đây là chánh pháp đấy; chúng ta y theo bản này mà tu hành là quyết định sẽ chẳng sai lầm. Cho nên cảm thán đây là chẳng có phước báo, chẳng có trí tuệ, gặp phải tà sư họ truyền thọ đó là chẳng có cách liễu sanh tử, xuất tam giới; điều này thật đáng thương tiếc.

Kinh văn: "Mông minh để đột, bất tín kinh pháp. Tâm vô viễn lự, các dục khoái ý. Mê ư sân khuể, tham ư tài sắc. Chung bất hưu chỉ, ai tai khả thương!"

Cho nên Thế Tôn thấy được những hiện tượng của người thế gian này, tham trước dục độc. Mông Minh, tức là ngày nay chúng ta gọi là hồ đồ, ngu si, mông muội, hồ đồ cẩu thả. Chẳng có trí tuệ để biện biệt chân vọng, chẳng có khả năng biện biệt tà chánh, thị phi. Để Đột, tức là hiện nay chúng ta gọi là cố chấp, họ vẫn chẳng nghe người khuyến cáo; chấp trước làm chủ, cố chấp. "Bất tín kinh pháp" chẳng tin kinh pháp. Đối với kinh điển Đại Thừa chẳng chịu tiếp thọ, còn về phương pháp tu hành họ cũng chẳng cho là đúng. Đặc biệt là Tịnh Tông nói một câu Phật hiệu thì có thể liễu sanh tử, xuất tam giới. Họ nghĩ làm gì có việc dễ dàng như vậy?

Nghe rồi họ cũng chẳng tiếp thọ, những người như vậy rất nhiều rất nhiều.

"Tâm vô viễn lự", cái gì gọi là viễn lự? Vì kiếp sau để lo nghĩ, đây tức là "viễn lự". Con người một đời này đích thật rất ngắn tạm, mấy mươi năm ấm lạnh, một cái khảy móng tay thì qua rồi! Có lẽ người học Phật đều tin ba đời, đều tin ba đời luân hồi đó; chúng ta có đời sau, đời sau phải làm sao đây? Đời sau so với bây giờ còn khẩn yếu, chỗ gọi là "nhân vô viễn lự, tất hữu cận ưu"; nếu chúng ta nghĩ đến kiếp sau, cho dù kiếp sau sanh đến nhân thiên đi hưởng phước, chẳng thể ra khỏi luân hồi, vậy vẫn là vấn đề nghiêm trọng, vấn đề chẳng có giải quyết. Tất phải siêu việt tam giới,

đó mới là thật sự giải quyết vấn đề. Hiện nay chúng ta gặp được pháp môn này, pháp môn này đích thật giúp cho chúng ta trong một đời có thể thoát ly luân hồi, có thể ra khỏi tam giới. Chẳng những như thế, mà còn bảo anh trong một đời này viên thành Phật đạo. Đến đâu để tìm cái cơ hội này? Cho nên người xưa nói: "Vô lượng kiếp đến nay hy hữu khó gặp"; ngày nay chúng ta gặp được rồi, điều này so với trúng số độc đắc còn khó hơn. Đáng tiếc thay, những người nghiệp chướng sâu nặng chẳng có tin, họ chẳng nghĩ đến kiếp sau, đời sau, chẳng nghĩ đến vấn đề này.

"Các dục khoái ý", tham đồ sự hưởng thụ trước mắt; đây thật tại là lòng dạ sắt đá bất nhân. "Mê ư sân

khuể", đây là thật; cái xã hội hiện tại này những sự kiện của bạo lực, sự kiện của sân nộ, so với quá khứ nhiều hơn quá nhiều. Nếu quý vị bình tâm định tĩnh để suy nghĩ, trong xã hội hai, ba mươi năm trước đây rất ít thấy người nổi giận; đặc biệt tại những nơi công cộng, rất ít thấy được. Còn hiện nay? Bất cứ lúc nào, chỗ nào, anh đều có thể thấy cả. Chúng ta ở nơi công cộng, nhất cử nhất động, đều phải lưu tâm cẩn thận. Không nhất định người ta nhìn chẳng vừa ý thì rắc rối liền đến với anh; vô duyên vô cớ, tôi chẳng có đắc tội với họ, nếu họ cảm thấy không vừa ý thì họ liền gây rắc rối. Sự kiện bạo lực quá nhiều quá nhiều, điều này tức trong kinh gọi là "mê ư sân khuể"; chữ Mê này là tâm

mê, chưa chi thì đã thô lỗ. Trước kia chúng ta đọc phần kinh văn này, chẳng nghĩ ra ý nghĩa này; hiện nay trong xã hội thường thường có tình hình này. Cho nên vừa nhìn đoạn kinh văn này, thật chẳng sai! Thích Ca Mâu Ni Phật thật là phi thường, ba ngàn năm trước thì đã đem cái xã hội hiện tại của chúng ta nói ra; quý vị xem, Ngài nhìn thấy được rõ ràng như vậy.

"Tham ư tài sắc", hiện nay từ trên báo chí, tin tức truyền thanh, truyền hình cho chúng ta thấy người hiện đại. Đích thật hai câu nói này của Thế Tôn miêu tả được tâm ý thấu triệt cuộc sống của người hiện đại. Hiện nay là cái xã hội gì đây? Tức là cái xã hội này, "mê ư sân khuể, tham ư tài sắc,

chung bất hưu chỉ”. Hiện nay tốc độ tăng trưởng càng gia tăng, nó không thể điều chỉ; việc này rắc rối đấy, quả báo thì chẳng thể nghĩ tưởng được. Thời loạn tức là như vậy mà hình thành. Lời Phật nói rất hàm xúc, “Ai tai khả thương”; trong bốn chữ này, có nỗi cảm than vô cùng tận. Tại sao người thế gian có thể biến thường nông nỗi này? Tức là vì “bất tín kinh pháp”, là vì “chuyển thọ dư giáo” đấy mà; nguyên nhân là ở chỗ này. Ngày nay hiện tượng của toàn thể thế giới của chúng ta động loạn, quý vị xem trong kinh này căn nguyên của sự động loạn, bốn câu nói mười sáu chữ, chúng ta chẳng thể không bội phục. Nhân quả nói được rõ ràng như vậy, minh bạch như vậy.

Kinh văn: "Tiên nhân bất thiện, bất thức đạo đức, vô hữu ngữ giả, thù vô quái dã".

Đây là chỉ cho lúc ban sơ, lúc đầu tiên nhất ngu muội vô tri; việc này có thể tha thứ. Đây là chỉ cho lúc nào? Lúc Phật chưa ra đời. Phật chưa ra đời, thế gian này chẳng có Phật pháp, có thể tha thứ; hoặc giả khu vực này không có Phật giáo, đây cũng có thể tha thứ. Nhưng ngày nay ngoài cái thế giới ngũ đại châu chúng ta đây, quả thật cũng còn nhiều địa phương, Phật pháp vẫn chưa được truyền đến nơi đó, từ trước đến nay chưa nghe qua cái tên của Phật, chưa thấy được kinh điển của Phật, vẫn còn những địa

phương này. Vậy thì họ ngu muội vô tri, chẳng thể trách họ điều này.

"Bất thức đạo đức", chữ Đạo Đức này là "Thành Phật chi đạo, lợi sanh chi đức", chẳng có ai dạy họ. "Vô hữu ngữ giả", chẳng có ai nói qua với họ, điều này có thể tha thứ chẳng trách họ. Ý nghĩa này là nói, chúng ta nơi đây có Phật pháp, có kinh điển, mọi người đều tiếp thọ Phật pháp, nếu vẫn ngu si mông muội thì chẳng thể tha thứ được! Đặc biệt là gặp được Chánh pháp.

Kinh văn: "Tử sanh chi thú, thiện ác chi đạo, đô bất chi tín, vị vô hữu thị".

Phía sau, tuy nói về những nơi Phật pháp chưa đến được, khu vực Phật pháp được hoằng dương thì lại càng nghiêm trọng; tức là khi nãy nói, đó là không thể tha thứ. "Tử sanh chi thú", tức là lục đạo luân hồi; "thiện ác chi đạo", đây là nghiệp nhân của lục đạo. "Tử sanh chi thú", chữ Thú tức là ngũ thú luân hồi, đó là quả báo đối với nhân quả của thiện ác luân hồi. Họ ngu si mông muội nên đều chẳng tin tưởng, họ ngỡ rằng cái này chẳng có, cái này là giả và đây là gạt người; họ chẳng thể tin, chẳng thể tiếp thọ.

Kinh văn: "Cánh tương chiêm thị, thả tự kiến chi".

Trong miệng chẳng tin, trong tâm nghi hoặc. Tại vì sao? Lắm lúc những hiện tượng này bày ở trước mặt, quý vị có thể nhìn thấy được. Đích thật cũng có số ít người thế gian này của chúng ta biết những việc đời trước, đi kiểm điểm đối chiếu thử; quả nhiên không sai, chúng ta bèn truyền ra tin này. Vậy như những sự việc này, thời xưa, thời nay, Trung Hoa, ngoại quốc, đều có xảy ra; chẳng thừa nhận có ma mà cứ mãi có nhà ma, vẫn mãi thấy ma, vậy còn cách chi nữa đâu? Ở Los Angeles, có một vị đồng tu mua được căn nhà, trước đó không hay biết; sau khi mua xong dọn vào ở mới biết là căn nhà ma. Trước kia ở căn nhà này là nữ chủ nhân, sau khi chết rồi, hồn bà ấy chẳng có rời xa vẫn ở trong nhà;

cho nên trong nhà này, cửa tự mở mà chẳng có người động đến, cửa sổ cũng tự mở, rèm cửa sổ cử động, sợ đến chết người. Có một hôm nọ lão cư sĩ đang tắm, ở bên ngoài có một tiếng động, ông bèn hỏi, tên gì đó? Người ấy bất chợt đáp lại một tiếng, đem tên nói toạt ra; ông ta giật mình, chưa kịp mặc đồ liền chạy trở ra. Quý vị xem, quả thật có ma đây chẳng phải giả; bà ấy bất chợt đem tên báo cáo ra, việc này rất nhiều ở ngoại quốc. "Cánh tương chiêm thị, thả tự kiến chi", tuy nhiên ông ta vẫn cố chấp cứ nói không tin, vẫn cứ nói chẳng có. Vậy thì còn cách chi nữa đâu? Nhưng mà đến lúc sanh ly tử biệt:

Kinh văn: "Hoặc phụ khốc tử, hoặc tử khốc phụ, huynh đệ phu phụ, cánh tương khốc khấp".

Đó có ích gì đâu? Vô dụng. Phải nên sanh tử cách nào, vẫn phải sanh tử cách đó.

Kinh văn: "Nhất tử nhất sanh, điệt tương cố luyến, ưu ái kết phược, vô hữu giải thời, tư tưởng ân hảo, bất ly tình dục".

Đây tức là căn bản của lục đạo sanh tử luân hồi, cũng là cách nói rộng của hai câu phía trước, "mê ư sân khuể, tham ư tài sắc". Nêu ra cho quý vị vài cái thí dụ, khiến cho quý vị suy nghĩ; tức là hai câu nói phía trước

đó. Hai câu phía trước là tổng thuyết, quý vị "bất tín kinh pháp, chuyển thọ dư giáo", tự mang đến rắc rối. Không ai có thể thay quý vị giải quyết những thứ rắc rối này, cũng không ai có thể thay quý vị đảm đang; tự làm thì tự chịu vậy.

Kinh văn: "Bất năng thâm tư thục kế, chuyên tinh hành đạo".

Đây là tại chỗ này, Phật dạy bảo khuyến miễn chúng ta; những người này chẳng thể "thâm tư", chẳng thể "thục kế", Kế là kế toán, không có tính toán đàng hoàng. Hiện tại sống tại thế gian này, ngày giờ chẳng dài cho dù thọ khổ cũng rất có hạn; giả như nếu kiếp sau đọa vào tam đồ thì

năm tháng là trường cửu, địa ngục thì chẳng cần nói nữa, người chết làm ngạ quỷ là chuyện rất bình thường. Vả lại, đa số người chết rồi đều đi đến quỷ đạo, cho nên thế gian thường nói người chết rồi thì làm quỷ, không nhất định như vậy. Lục đạo luân hồi, làm gì vừa đúng lúc thì đến quỷ đạo sao? Nhưng người ta nói những người chết rồi đều làm quỷ, cũng chẳng thể bảo là vô lý! Tại sao vậy? Đại đa số đều đi đến quỷ đạo, vì sao? Loài quỷ, tâm tham nặng; người tâm tham nặng, hành động quỷ quyệt. Người có tâm tham ái nặng, quỷ quyệt gian trá, sau khi chết đều đi làm quỷ.

Làm quỷ phiền phức lắm, một ngày ở trong quỷ đạo là một tháng trên nhân gian chúng ta, thọ mạng của

nó rất dài; đoản mạng cũng phải một ngàn tuổi. Quý vị thử nghĩ, một tháng là một ngày, một năm ba trăm sáu mươi ngày, phải sống đến một ngàn tuổi thì cái khổ đó quá dài, vừa tính như vậy thì quỷ đạo không thể đi! Vậy địa ngục càng không thể đi, thầy Lý nói với chúng ta, một ngày ở địa ngục là nhân gian chúng ta hai ngàn bảy trăm năm. Trung Hoa xưng là năm ngàn năm lịch sử, tại địa ngục mới chỉ là hai ngày mà thôi. Thọ mạng ngắn cũng phải một ngàn tuổi, còn dài thì phải vạn vạn tuổi; quý vị bảo, làm sao có thể đi được chứ! Điều này, khiến quý vị phải "thâm tư thục kế", thật quá đáng sợ; nếu quý vị đem sự việc này suy nghĩ nhiều một tí, thì quý vị sẽ "chuyên tinh hành đạo", quý

vị mới biết được cái khả quý của pháp môn này, sự khó được của cơ hội này. Chúng ta thật sự nắm vững rồi, nhân thời tiết nhân duyên tốt lành này, thân thể còn đang tráng kiện, khỏe mạnh, hãy gắp rút đi làm công việc này.

Kinh văn: "Niên thọ toàn tận, vô khả nại hà?"

Nếu như quý vị chẳng thừa dịp này sớm làm việc này, đến khi thọ mạng đến rồi, quý vị muốn làm cũng chẳng kịp nữa; lúc đó thì than "nại hà?" cũng luống công. Tu hành, phải nhân lúc còn trẻ, càng trẻ càng tốt; tuổi trẻ niệm Phật, làm việc đạo càng có tinh thần, có thể lực. Ví như làm một Phật Thất, họ chẳng mệt; niệm

một ngày một đêm, hai ngày hai đêm, chẳng sao. Còn tuổi già bảy, tám mươi tuổi rồi thì không được, rất muốn niệm Phật, niệm vài tiếng Phật hiệu thì mệt đừ, muốn đi nghỉ ngơi giây lát. Quý vị bảo, như vậy thì làm sao được? Cả thảy đều phải nhân lúc tuổi trẻ, lúc thân thể cường tráng, phải thật sự nỗ lực đi làm.

Kinh văn: "Hoặc đạo giả chúng, ngộ đạo giả thiểu".

Hoặc là mê hoặc, đối với đại đạo chân thật người mê hoặc thì nhiều, người giác ngộ thì ít; cho dù là người niệm Phật, chúng ta thường nói người niệm Phật nhiều, người vãng sanh ít. Nguyên nhân gì vậy? Người niệm

Phật cũng mê hoặc, ngu si, mông muội, tham ái; họ chẳng đoạn. Niệm Phật cách này không thể vãng sanh, có nhiều người niệm Phật, mục đích của họ là cầu nhân thiên phước báo. Họ chẳng có nghĩ đến cái đáng sợ của sanh tử luân hồi, vẫn cứ tham đồ sự hưởng thụ hiện tiền. Điều này thì khó, người thật sự giác ngộ ít.

Kinh văn: "Các hoài sát độc".

Người người chúng ta bình thường, thường thấy ba bữa ăn còn phải ăn thịt; chẳng những phải ăn thịt, còn phải ăn sống. Ăn sống thì phải sát sanh, tại sao phải ăn? Là tham đấy, tham độc. Chẳng phải họ hận nó, muốn ăn nó, họ là thích nó muốn ăn

nó. Quý vị tự nghĩ thử xem, thích nó muốn ăn nó, cho nên được ưa thích đến cực điểm thì sẽ bị họ ăn mất, điều này không tốt, chẳng phải việc tốt. Sân này có sát, trong tham ái cũng có sát, "các hoài sát độc".

Kinh văn: "Ác khí minh minh".

Đây thật tại mà nói, những người ngu si chúng ta, những người tâm không thanh tịnh chẳng nhìn ra được; những người có định công, những người tâm địa thanh tịnh sẽ thấy được. Tục ngữ chúng ta gọi là sát khí; đây là "ác khí minh minh", tức là sát khí. Địa phương này có sát khí thì làm sao địa phương này có thể tốt được? Làm

sao có thể thái bình? Đây là người, quỷ, súc sanh, oan oan tương báo.

Kinh văn: "Vi vọng hưng sự".

Vọng là vọng tưởng, cả thảy đều là vì vọng tưởng, đang ở đó tạo tác.

Kinh văn: "Vi nghịch thiên địa".

Chữ Thiên Địa này là nói đại tự nhiên, ngày nay chúng ta nói tự nhiên sanh thái; tự nhiên sanh thái là nó có trật tự. "Vi nghịch thiên địa", tức là trái ngược lại với sanh thái của đại tự nhiên; thì tội đã tạo này rất nặng. Cho nên chúng ta dùng tự nhiên sanh thái để giải thích câu nói này, thì ấn tượng của mọi người sẽ rất rõ ràng, rất minh

bạch. Khoa học kỹ thuật thời nay phát đạt, đối với nhân luân thiên địa mọi người đều chẳng tin, đều chẳng quan tâm; cho nên phá hoại đến sanh thái là vô cùng vô cùng nghiêm trọng.

Nhà khoa học làm một cuộc thống kê, làm bản báo cáo, cũng đề ra cảnh cáo nghiêm trọng; trên trái đất này, nếu như đối với tự nhiên sanh thái, hoài bão mà chẳng nỗ lực thật sự cải thiện nên họ đề ra cảnh cáo, năm mươi năm sau trái đất này không thích hợp cho loài người sanh tồn. Nguyên nhân là gì? Là nước có độc. Con người cần phải uống nước, nước có độc, không khí có độc. Có thể là nhân loại sẽ giống như loại khủng long trước kia đột nhiên mất tích trên thế giới này, việc này rất có thể xảy ra.

Hiện nay tầng dưỡng khí đều bị phá hoại; quả thật là trời bị ô nhiễm, đất bị ô nhiễm, nước bị ô nhiễm. Có phương pháp nào có thể cải thiện chăng? Theo cách nhìn của tôi, rất chẳng thể được. Tôi căn cứ gì đây? Căn cứ Phật pháp. Phật dạy chúng ta, "y báo tùy theo chánh báo chuyển", hoàn cảnh là thuộc về y báo; nay y báo đã bị ô nhiễm nghiêm trọng như vậy, khởi nguyên tại đây? Khởi nguyên là từ sự ô nhiễm của nhân tánh. Cho nên từ trên căn bản mà cải cách, trước tiên cần mọi người đều có thể tu thanh tịnh tâm; nhiên hậu sự ô nhiễm của hoàn cảnh có thể cải thiện.

Nếu như con người chẳng tu thanh tịnh tâm, tâm địa ô nhiễm, từng ngày từng ngày vẫn đang tăng trưởng

mà muốn hoàn cảnh ô nhiễm có thể cải thiện, sự việc này rất chẳng thể được! Thì vấn đề này càng nghiêm trọng rồi. Sau năm mươi năm không thể sanh tồn trên trái đất này, thì hãy gắp rút di dân đến Tây Phương Cực Lạc thế giới; chúng ta nắm được bảo chứng thư, chúng ta có biện pháp đi. Đáng thương thay, còn rất nhiều người, rất nhiều người vẫn chưa lấy được bảo chứng thư, họ không đi được. Đây là sự thật đang bày ra trước mắt chúng ta, "vi nghịch thiên địa".

Kinh văn: "Tứ ý tội cực".

Cái này là chúng ta tự tạo lấy tội nghiệp đấy.

Kinh văn: "Đốn đoạt kỳ thọ".

Quý vị xem, vốn thọ mạng anh được một trăm tuổi, năm mươi năm sau trái đất này không thể sống nữa thì thọ mạng của anh liền giảm ngắn đi, thì anh sẽ bị đoạt mất.

Kinh văn: "Hạ nhập ác đạo, vô hữu xuất kỳ".

Nếu không thể vãng sanh, ba thứ độc vẫn ở trong tâm thì chẳng có việc ác nào mà chẳng làm; tương lai nhất định cảm được tam ác đạo. Những lời này của Phật là ba ngàn năm trước nói ra; ngày nay chúng ta đem đối chiếu với cái xã hội hiện thực, thì giống như

mới nói với chúng ta ngày nay vậy. Hoàn cảnh của chúng ta ngày nay, câu câu đều ứng nghiệm cả; cùng lời Ngài nói, một mẫu một thứ. Đoạn sau cùng này Thế Tôn khuyến miễn chúng ta.

Kinh văn: "Nhược tào đương thục tư kế".

Chữ Nhược Tào là câu khẩu đầu ngữ vào triều nhà Hán, tức là mọi người các ông, chư vị mọi người, là ý nghĩa này; mọi người các ông phải nên "thục tư", hãy đi tính toán. Tính toán một cách thâm sâu, đi suy nghĩ cho thật nhiều đi.

Kinh văn: "Viễn ly chúng ác".

Phật ở trong kinh nói với chúng ta thứ nào là ác hạnh, thứ nào là ác sự, chúng ta quyết chẳng thể làm; những thiện hạnh, thiện sự nào, chúng ta phải hết lòng nỗ lực đi làm.

Kinh văn: "Trạch kỳ thiện giả, cần nhi hành chi".

Chúng ta phải đoạn ác tu thiện.

Kinh văn: "Ái dục vinh hoa".

Đây là chỗ theo đuổi tìm cầu của con người, nhưng quý vị phải giác ngộ.

Kinh văn: "Bất khả thường bảo".

Chẳng giữ được.

Kinh văn: "Giai đương biệt ly, vô khả lạc giả".

Phải đem điều này nhìn thấu, "ái dục vinh hoa", phải nhìn thấu được, phải buông xuống được. Nhiên hậu biết tiết kiệm đi làm thật nhiều việc tốt, giúp đỡ thật nhiều thật nhiều người giác ngộ; đây là đệ nhất đại sự trong tất cả việc tốt. Giúp đỡ người giác ngộ, gọi người thức tỉnh hồi đầu, đây là đệ nhất thiện hạnh.

Kinh văn: "Đương cần tinh tấn, sanh An Lạc quốc".

Chúng ta phải cần phấn, phải tinh tấn, phải nỗ lực cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ; An Lạc quốc này tức là Tây Phương Tịnh Độ.

Kinh văn: "Trí tuệ minh đạt, công đức thù thắng".

Chúng ta có cái tâm này, có cái nguyện này, thiết tha nỗ lực để tu, giúp đỡ kẻ khác, khuyên người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đây tức là có trí tuệ. "Trí tuệ minh đạt", tức là "công đức thù thắng".

Kinh văn: "Vật đắc tùy tâm sở dục, khuy phụ kinh giới, tại nhân hậu dã".

Đây là khuyên chúng ta muôn ngàn lần chớ nên tùy theo tâm tham, tùy theo tâm sân giận, tâm ngu si mà đi tạo tác; thì là sai rồi. Phật giảng kinh, giáo, giới, quý vị đều chẳng tin, quý vị đều đem nó coi như là gió bên tai. Lần này quý vị nghe đến Phật pháp, nghe đến danh hiệu Di Đà, đương nhiên đây là chủng tử Kim Cang. Song quý vị chẳng tránh khỏi luân hồi thọ khổ, các bạn đạo đồng tham của quý vị đều đã vãng sanh, đều đã đến Tây Phương Cực Lạc thế giới làm Bồ Tát, làm Phật rồi! Quý vị vẫn còn ở trong lục đạo luân hồi. Tương lai đương nhiên cũng có thể đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thì

ở phía sau của người ta, quý vị rơi ở phía sau người ta quá nhiều.

Tâm Đắc Khai Minh - Đệ Tam Thập Tứ

Trong phẩm này, Di Lặc Bồ Tát nghe đến lời dạy của Phật ở phía trước, Ngài đã minh bạch, Ngài đã giác ngộ.

Kinh văn: "Di Lặc bạch ngôn: Phật ngữ giáo giới, thậm thâm thậm thiện".

Phần mở đầu là đối với Thế Tôn, tán thán lời dạy bảo của Phật đối với chúng ta. Nếu như nói một cách rộng ra, là Thế Tôn đối với bốn mươi chín

năm chỗ nói tất cả kinh pháp. Nếu như theo nghĩa hẹp mà nói, là chuyên chỉ kinh Vô Lượng Thọ, tức là trên hội này những giáo giới chỗ ban cho chúng ta. Thậm Thâm là nói về Lý, lý rất sâu. Thậm Thiện là nói về phương pháp, phương pháp là Tín - Nguyện - Trì Danh thì được vãng sanh.

Phương pháp này thật tại quá hay, đơn giản dễ dàng, vững vàng nhanh chóng, chẳng đi tìm lấy phiền phức như vậy. Hạng người nào cũng đều biết niệm câu A Di Đà Phật, chỉ cần nhất tâm nhất ý đi niệm; thật sự tin, thật sự ưng chịu thì được vãng sanh, phương pháp này là "thậm thiện".

Kinh văn: "Giai mông từ ân, giải thoát ưu khổ".

Ưu Khổ là tam giới lục đạo, từ vô thỉ kiếp đến nay. Ưu là tâm ưu, Khổ là thân thọ, chẳng có được biện pháp giải thoát. Lần này có được giáo giới của Phật, Tín - Nguyện - Trì Danh vãng sanh Tịnh Độ thì vấn đề này giải quyết rồi, thì giải thoát.

Kinh văn: "Phật vi Pháp Vương, tôn siêu quần thánh".

Phật đích thật là Pháp Vương, chữ Pháp Vương là thí dụ, tại trong tất cả pháp đều chẳng mê hoặc, đều triệt để thông đạt hiểu rõ, cùng với pháp tự tại nên xưng là Pháp Vương. "Tôn siêu quần thánh", chữ Quần Thánh, thông thường mà nói, là Thập Địa Bồ Tát; chúng ta thường nói, Tam Hiền Thập

Thánh. Bởi vì Di Lặc Bồ Tát tán thán Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật là "tôn siêu quần thánh", song chúng ta cũng có thể hướng lên trên để thể hội. Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta giảng pháp môn này chẳng khác nào A Di Đà Phật, cùng A Di Đà Phật không hai, không khác. Vậy A Di Đà Phật thì sao? Là "tôn siêu quần thánh", đó tức là siêu thắng tất cả chư Phật Như Lai. Cho nên chúng ta có thể thể hội như vậy, quyết định chẳng sai. Tất cả chư Phật, nếu như giảng kinh Vô Lượng Thọ, giảng kinh A Di Đà, thì công đức của các Ngài đều siêu việt tất cả chư Phật, cùng A Di Đà Phật là tương đương. Câu "tôn siêu quần thánh" ở chỗ này có ý nghĩa thật sâu.

Kinh văn: "Quang minh triệt chiếu, đỗng đạt vô cực".

Quang Minh là trí tuệ, hơn nữa là Thế Tôn vì chúng ta giảng pháp môn này; ở phía trước chúng ta đã từng xem qua. Trong phần Phát Khởi tự xem qua, Thế Tôn ngày hôm đó quang minh thù hảo, siêu việt hơn lúc bình thường, nguyên nhân gì vậy? Bởi vì Ngài muốn giảng kinh Vô Lượng Thọ, muốn giới thiệu pháp môn Tịnh Độ, thì có sự gia trì của A Di Đà Phật. Đồng thời lại có được thập phương tất cả Như Lai gia trì, cho nên ngày nay quang minh tướng hảo của Phật đặc biệt kỳ đặc, "quang minh triệt chiếu, đỗng đạt vô cực"

vậy. Chúng ta nghĩ lại đoạn kinh văn phía trước, trước sau chiếu ứng lẫn nhau.

Kinh văn: "Phổ vị nhất thiết thiên nhân chi sư".

Câu "nhất thiết thiên nhân" tức là tam thiên đại thiên thế giới.

Kinh văn: "Kim đắc trị Phật, phục văn Vô Lượng Thọ thanh, mỵ bất hoan hỷ, tâm đắc khai minh".

Ngày nay có duyên gặp được Phật, gặp được Phật chẳng dễ; chúng ta thường giảng "nhân thân nan đắc, Phật pháp nan văn", được thân người khó đấy! Được thân người rồi, lại gặp

được Phật, đó thì lại càng khó. Gặp được Phật, vừa đúng lúc nghe Phật giảng kinh Vô Lượng Thọ, là cái khó trên cái khó. Quả thật đây là từ vô lượng kiếp đến nay là việc hy hữu khó gặp; trong bài Khai Kinh Kệ có nói: "Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ", ngày nay chúng ta gặp được rồi, sao có thể chẳng hoan hỷ chứ? Vì sao họ hoan hỷ? Sau khi nghe Phật khai thị thì "tâm đắc khai minh", họ đã khai ngộ, giác ngộ rồi. Minh là minh bạch, Khai là khai ngộ, minh bạch rồi. Tục ngữ người Hoa thường nói: "Mao đắc đốn khai", từ trước đến nay chẳng hiểu, hôm nay vừa nghe Phật thuyết pháp thì hiểu rõ ngay, đây là "mao đắc đốn khai". Đây là Di Lặc Bồ Tát tán Phật, đồng thời nêu ra tâm đắc

nghe Phật của Ngài; Ngài nghe hiểu rõ ràng.

Kinh văn: "Phật cáo Di Lặc".

Đây là Phật lặp đi lặp lại dặn dò phó chúc, thật tại mà nói, làm gì Di Lặc Bồ Tát chẳng hiểu? Nói với Di Lặc Bồ Tát thật tại tức là đối với chúng ta mà nói, mọi người chúng ta phải hết lòng để học tập.

Kinh văn: "Kính ư Phật giả, thị vi đại thiện".

Đối với Phật phải kính ngưỡng, Phật là thầy; câu nói này phải dùng lời thế tục của Trung Hoa mà nói, tức là tôn sư trọng đạo, "thị vi đại thiện";

câu "kính ư Phật giả" tức là tôn sư trọng đạo. Ai là thầy của chúng ta? Phật là thầy của chúng ta. Cho nên tôi truyền thọ Tam Quy Y cho quý vị, cách truyền thọ này của tôi rất đặc biệt. Có nhiều người nói cách truyền thọ của tôi không đúng, nói cách truyền của tôi quá hẹp nghĩa. Tuy nhiên tôi nghe bên Đại Lục có nhiều vị lão pháp sư rất tán thành cách truyền của tôi, nói cách truyền của tôi không sai! Tôi cũng rất an ủi. Cách truyền của tôi, Quy Y Phật là Quy Y A Di Đà Phật, Quy Y Pháp là Quy Y kinh Vô Lượng Thọ, Quy Y Tăng là Quy Y Quán Thế Âm, Đại Thế Chí. Quán Thế Âm, Đại Thế Chí là Bồ Tát Tăng đấy. Tam Bảo này là tuyệt đối có thể tin cậy được.

Nếu quy y một người xuất gia nào đó, người xuất gia này lại chẳng tu hành đàng hoàng; Bồ Tát bằng đất qua sông, tự thân còn khó giữ, nếu nương tựa họ thì có vấn đề đấy. Cho nên bây giờ chúng ta tìm ba ngôi Tam Bảo này thì quyết định tin cậy được, tuyệt đối không thể xảy ra vấn đề. Cho nên Quy Y Phật, Pháp, Tăng, là tôi thực hiện ngay trên Tây Phương Tam Thánh và Vô Lượng Thọ Kinh, khiến cho mọi người thật sự có nơi nương tựa. Thông thường nói Quy Y Phật, Pháp, Tăng; Phật quá nhiều, Pháp cũng quá nhiều, Tăng cũng quá nhiều, cuối cùng là quy y ở đâu? Thật tại mà nói, cách quy y đó thật là mù mịt, giống như chiếc thuyền đi trên biển cả chẳng có phương hướng, rất

mù mịt. Khi tôi vừa chỉ điểm như vậy thì họ có được một con đường, có được một phương hướng, một tí đều chẳng mê hoặc. Đây là "kính ư Phật giả, thị vi đại thiện", có thể tôn sư trọng đạo. Đối với A Di Đà Phật tôn kính, đối với Vô Lượng Thọ Kinh tôn trọng, thì phải y giáo phụng hành. Không thể y giáo phụng hành thì chẳng thể tôn trọng. Lời của thầy, từng câu từng câu ghi chặt vào lòng, đây là "kính ư Phật giả", chẳng ghi vào lòng, thì sao có thể gọi là "kính ư"?

Kinh văn: "Thật đương niệm Phật".

Câu này là dạy chúng ta phải chân chân thật thật, lão lão thật thật niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ. Cách niệm Phật này, chẳng phải niệm các vị Phật khác mà niệm A Di Đà Phật.

Kinh văn: "Tuyệt đoạn hồ nghi".

Đối với Tây Phương Tịnh Độ quyết định chẳng hoài nghi.

Kinh văn: "Bạt chư ái dục, đỗ chúng ác nguyên".

Đây là quyết định chẳng xen tạp; chẳng hoài nghi, chẳng xen tạp, chẳng gián đoạn thì công phu chúng ta được thành tựu. Vậy chỗ này nói về ái dục,

là nói về thế gian pháp và xuất thế gian pháp. Thế gian pháp, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, đây là tham ái, chúng ta xả bỏ. Xuất thế gian pháp, tất cả các pháp môn Đại Thừa khác, kinh luận Đại Thừa, chúng ta cũng đem nó buông xuống. Chuyên nương nhờ bộ kinh này, chuyên nương nhờ một vị Phật. "Đỗ chúng ác nguyên", chữ Ác Nguyên này là tham, sân, si đấy. Đối với thế gian pháp chẳng thể tham, sân, si mà đối với Phật pháp cũng chẳng thể tham, sân, si. Cách này mới đem "ác nguyên" đoạn mất. Nhiên hậu:

Kinh văn: "Du bộ tam giới, vô sở quái ngại. Khai thị chánh đạo, độ vị độ giả".

Đây thì có thể giống như tất cả đại Bồ Tát tùy duyên, tùy xứ, tùy cơ giáo hóa tất cả chúng sanh, chẳng có chướng ngại đấy. Chánh Đạo, là chánh đạo trong chánh đạo, tức là vãng sanh Tịnh Độ; chúng ta nhất định phải phát tâm giúp đỡ những người chưa được độ. Họ vẫn chưa biết sự lợi ích của pháp môn này, ngày nay chúng ta đem Phật pháp giới thiệu cho người. Đây là hai giai đoạn, giai đoạn thứ nhất, những người đối với Phật pháp chưa biết chi cả, chúng ta phải giúp họ nhận thức Phật pháp. Người thời nay ưa thích đơn giản, bởi vì họ bận rộn công việc, thì giờ có hạn, sức ép của cuộc sống nặng nề, nhìn đến những thứ dài dòng thì họ

chẳng muốn xem. Cho nên nói càng tinh yếu đơn giản càng được hoan nghênh. Vậy chúng ta có một quyển sách nhỏ Nhận Thức Phật Giáo, giúp đỡ tất cả mọi người hiểu rõ cứu cánh của Phật pháp là gì. Khi họ đối với Phật pháp có hứng thú, muốn tu học thì chúng ta đem kinh Vô Lượng Thọ giới thiệu cho họ, đây là "khai thị chánh đạo, độ vị độ giả".

Kinh văn: "Nhược tào đương tri, thập phương nhân dân, vĩnh kiếp dĩ lai, triển chuyển ngũ đạo, ưu khổ bất tuyệt".

Đây là ở chỗ này, Phật quả là "khổ khẩu bà tâm", lặp lại nhiều lần khuyến cáo chúng ta, mọi người phải

nên biết. "Thập phương nhân dân", đó là không hạn định Sa Bà thế giới chúng ta, lục đạo chúng sanh của trong thập phương tất cả chư Phật sát độ, đều là tình trạng như vậy. "Vĩnh kiếp dĩ lai", Vĩnh Kiếp là vô lượng kiếp, quá khứ vô thỉ vô lượng kiếp đến nay đều là đang tạo sanh tử luân hồi. "Triển chuyển ngũ đạo", còn ngũ đạo? Thì chẳng nói A Tu La đạo. Nếu là nói lục đạo thì là thêm A Tu La đạo.

Cho nên ý nghĩa "ngũ đạo" và "lục đạo" là hoàn toàn tương đồng, vậy tại sao chẳng thêm A Tu La? Trong kinh Lăng Nghiêm, Thế Tôn nói với chúng ta rất rõ ràng, trên trời có A Tu La, nhân gian có A Tu La, súc sanh, ngạ quỷ, bên trong cũng có A Tu La. A Tu La ở đạo nào thì kể

chúng ở đạo đó, cho nên gọi là ngũ đạo; trong địa ngục đạo chẳng có A Tu La. Vậy thì nếu như nói lục đạo là chuyên nói thêm A Tu La của thiên đạo, còn nhân đạo A Tu La kể là nhân đạo, chẳng gọi là A Tu La; chỉ riêng nói A Tu La trên trời. Cho nên những loại này đều ở lục đạo luân hồi.

"Ưu khổ bất tuyệt", chữ Ưu và Khổ này, nói chẳng hết được. Vậy nếu quý vị muốn biết nhiều thêm một tí thì trong kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện nói nhiều hơn. Trong kinh Lăng Nghiêm cũng có phần kinh văn rất dài, đem cái nhân nhân quả quả của lục đạo luân hồi cũng nói được rất tường tận. Đặc biệt là địa ngục đạo, nói được rất tường tận, "ưu khổ bất tuyệt".

Kinh văn: "Sanh thời khổ thống".

Lúc đến thì rất khổ.

Kinh văn: "Lão diệc khổ thống".

Con người ưa thích sống lâu, sống lâu thì phải nhận chịu sự khảo nghiệm của cái già; nói một cách khác, phải nhận lấy cái già khổ. Không ưa thích già khổ, vậy là đoản mạng rồi? Quý vị vẫn phải nhận chịu.

Kinh văn: "Bệnh cực khổ thống, tử cực khổ thống".

Sanh, lão, bệnh, tử, chúng sanh trong lục đạo, chẳng có một ai có thể tránh miễn được; tất cả đều phải tiếp nhận. Là nói với quý vị, thế gian này chẳng có vui, chỉ có khổ; khổ là thật, còn vui là giả. Quý vị cứ ngỡ rằng thân thể này rất khỏe mạnh, rất vui vẻ, kỳ thật là một thân bệnh hoạn. Vui ở chỗ nào đâu? Ba bữa ăn là ba bữa ăn thuốc. Quý vị xem, không ăn thì đói khổ, cái khổ này lập tức đến liền. Đến lúc thì phải cho quý vị một ít thuốc để điều trị, không điều trị thì bệnh lại bộc phát, là bệnh đói đấy. Quý vị mới biết được, cái thân này chẳng phải là đồ tốt. Ngoại trừ sanh, lão, bệnh, tử ra, còn có:

Kinh văn: "Ác xú bất tịnh".

Tân Gia Ba ở vùng nhiệt đới, một ngày không tắm thì mùi hôi thối toàn thân tỏa ra, có gì là khả ái đâu?

Kinh văn: "Vô khả lạc giả?"

Những chân tướng của sự thật này, tại sao chúng ta có thể sơ suất được? Vì chẳng có phát hiện. Người minh nhãn thấy được rõ rõ ràng ràng minh minh bạch bạch, thế gian này chẳng có một thứ nào là khả ái cả; đều là giả, chẳng có một thứ nào là thật cả. Cho nên người đừng nên tự mê, kẻ mê khác chẳng thể làm anh mê, là tự mình làm mình mê, tự mình hồ đồ đấy; tự mình tạo tội nghiệp. Cái hiện tượng mê này, chúng ta cử một thí dụ,

người thế gian mê nơi tài bảo; hiện tượng này rất phổ biến. Quý vị thử nghĩ xem, có phải tự mình đã mê rồi sao? Tài bảo là của anh à! Địa phương Tân Gia Ba này chính trị thanh minh, lòng người chất phác mộc mạc, trị an rất tốt. Đối với thế giới này, ngày nay đây là một địa phương hiếm có.

Trước kia tôi giảng kinh tại Hong Kong, trong nhóm bạn học cũng có rất nhiều người có tiền, giàu có. Lúc tôi không giảng kinh, họ đưa tôi đi dạo phố, đi xem nơi tàng trữ vàng bạc châu báu của họ. Tàng trữ ở đâu? Ở trong tủ bảo hiểm dưới hầm của ngân hàng; họ chẳng dám để ở nhà, sợ bị trộm ăn cắp. Cũng chẳng dám đeo trên thân, sợ bọn cướp cướp mất, tay

còn bị chúng chặt nữa; bỏ vào tủ bảo hiểm. Tôi xem rồi rất cảm thán, tôi hỏi: "Đây là của anh à?" "Dạ phải". "Một tí này thì tôi hơn anh quá nhiều, một tí này có gì lạ lùng mà mời tôi đi xem?" Anh ta cảm thấy rất kinh ngạc, nói: "Pháp sư, Ngài có à?" Tôi nói: "Quá nhiều quá nhiều!" "Thầy để ở đâu?" Tôi nói: "Tôi không để trong tủ bảo hiểm, tôi để ở các tiệm vàng". Quý vị thử xem, đến đó nhìn và sờ thì cho là của mình; không dám đem về nhà, lại không dám đeo trên tay thì để trong tiệm vàng cũng vậy! Tôi muốn xem thì đi xem, lấy ra sờ một tí cũng được, họ sẽ ngoan ngoãn đem ra. Tại sao? Là vì như vậy cho là của tôi, thì tiệm vàng khắp trong thiên hạ đều là của tôi rồi. Con người là mê đến cỡ

đó, ngu si đến thế đó, chẳng biết đem những thứ này đi làm việc thiện, chẳng biết lấy số của cải này đi tích công lũy đức, đi làm việc thiện! Cất giấu ở đó mà cho là của mình, quý vị bảo có ngu ngốc hay không chứ? Chao ôi, ngu si đến thế đó! Cho nên khi quý vị thấy rõ ràng rồi, là giả chẳng phải thật, "vô khả lạc giả". Khi nhìn thấy rõ ràng rồi, minh bạch rồi thì rất vui vẻ, anh có, tôi nhiều hơn anh quá nhiều, thì rất vui vẻ rồi.

Kinh văn: "Nghi tự quyết đoạn".

Trong tâm mình phải hiểu rõ, phải có quyết đoạn.

Kinh văn: "Tẩy trừ tâm cấu".

Chữ Cấu này là ô nhiễm, ô nhiễm gì đây? Là tham, sân, si, mạn, những thứ này. Phải đem những độc tố, những thứ ô nhiễm ở trong tâm này, đem nó tẩy rửa cho sạch sẽ.

Kinh văn: "Ngôn hạnh trung tín, biểu lý tương ưng".

Cái tiêu chuẩn của ngôn ngữ, hành vi là trung tín, chẳng tự khi, chẳng khi người. Biểu lý nhất như, nội trung thành, ngoại trung tín.

Kinh văn: "Nhân năng tự độ, chuyển tương chửng tế".

Câu thứ nhất là nói về tự tu, tự mình tu hành, tự mình độ mình. Câu thứ hai là hóa tha, ngoại trừ tự độ ra phải giúp đỡ kẻ khác, "chuyển tương chửng tế".

Kinh văn: "Chí tâm cầu nguyện, tích lũy thiện bổn".

Chí Tâm là chân thành tâm, thanh tịnh tâm, từ bi tâm. Sở cầu chi nguyện: Một cái là "Nguyện thành Phật đạo", cái thứ hai là "Nguyện độ chúng sanh", đây là đại nguyện chân thật. Có cái tâm nguyện này thì phải đi làm, phải thật sự đi thực hành, đó là thật sự đi "tích lũy thiện bổn". Nếu quý vị hỏi Thiện Bổn là gì? Những gì trong

kinh này giảng đó đều là căn bản của Thiện.

Kinh văn: "Tuy nhất thế tinh tấn cần khổ, tu du gian nhĩ".

Đây tức là chúng ta phải "thâm tư thục kế", một đời này của chúng ta "tinh tấn cần khổ", thời gian không dài. Ở chỗ này Phật nói "tu du gian" trong thời gian rất ngắn, cái khổ này đáng giá. Sự nỗ lực này thì có thể hoạch được cái giá trị rất lớn, đáng cho chúng ta đi làm.

Kinh văn: "Hậu sanh Vô Lượng Thọ quốc, khoái lạc vô cực".

Ngày nay chúng ta chẳng chịu thọ cái khổ này thì cái "khoái lạc vô cực", quý vị chẳng có được. Chúng ta muốn được vô lượng thọ, muốn được cái khoái lạc chân thật, một tí khổ trước mắt này, có được là bao? Cho nên quả thật là phải tính toán cho tinh mật. Trong cuộc sống chúng ta có thể tiết kiệm nhiều một tí, chẳng phải tôi đã nói với quý vị rồi sao? Anh có thể tiết kiếm được một đồng thì thế gian này có thêm được một quyển kinh Vô Lượng Thọ, thì có thêm được một người có cơ hội được độ; chúng ta phải hướng về mặt này mà tính toán. Phật dạy chúng ta làm như vậy, chúng ta tiết kiệm một tí thì người thế gian được phước vậy. Đặc biệt là bộ kinh điển này, đích thật có thể giúp cho

chúng sanh trong một đời này giải quyết sanh tử đại sự, được bất thoái vãng sanh thành Phật. Công đức lợi ích này vô lượng, vô biên; chúng ta thường thường đem sự việc này để vào trong lòng, đi làm việc này.

Kinh văn: "Vĩnh bạt sanh tử chi bổn".

Lục đạo luân hồi, sanh sanh tử tử vĩnh viễn xa lìa rồi, vĩnh viễn chẳng làm nữa.

Kinh văn: "Vô phục khổ não chi hoạn".

Kiến Tư phiền não, Trần Sa phiền não, Vô Minh phiền não, cả thảy đều

đoạn hết, sẽ chẳng bị những thứ khổ não này nữa.

Kinh văn: "Thọ thiên vạn kiếp, tự tại tùy ý".

Cái hay ho lợi ích này, đến đâu để tìm? Tại sao chúng ta chẳng ở trên đây để suy nghĩ cho kỹ lưỡng. "Tự tại tùy ý", trong bốn chữ này bao gồm sự hạnh phúc vô tận, niềm khoái lạc viên mãn; chẳng có một sự việc nào mà chẳng xứng tâm như ý. Chính như phía trước chỗ nói đó, cái không gian sinh hoạt của chúng ta là tận hư không biến pháp giới. Người khác muốn thân cận, muốn thấy mà chẳng thấy được chư Phật Như Lai, chúng ta có thể thấy được bất cứ lúc nào, tùy

niệm thì thấy được. Sự tự tại khoái lạc này, thật tại bất khả tư nghị. Chỉ cần chúng ta có thể y giáo tu hành thì trong một đời này chúng ta có thể chứng đắc. Cho nên phía dưới Phật dặn dò chúng ta.

Kinh văn: "Nghi các tinh tấn".

Nghi là nên, phải nên; mỗi một người phải nên tinh tấn. Đặc biệt phải chú ý chữ Tinh, Tinh là thuần nhất, thì gọi là Tinh; xen tạp thì chẳng tinh. Phải chuyên tu, phải tinh tấn.

Kinh văn: "Cầu tâm sở nguyện".

Chẳng cầu thứ khác, chỉ cầu cái tâm nguyện duy nhất của chúng ta là vãng sanh Tịnh Độ, gặp A Di Đà Phật, nhất tâm nhất ý trang nghiêm Phật Quốc Độ.

Kinh văn: "Vô đắc nghi hối, tự vi quá cữu".

Đây là khuyên chúng ta, đối với Tịnh Tông pháp môn, quyết định đừng nên hoài nghi. Y theo pháp môn này tu học, quý vị quyết định đừng nên hối hận, đừng nên thấy người ta học Mật, học Thiền, hình như họ đều là tức thân thành Phật rồi, sánh với chúng ta cao hơn. Ôi chao! Chúng ta chẳng bằng họ, sau khi học rồi thì hối hận; cái này thì sai quá rồi! Đây là

quá đỗi sai lầm, đây là tự chúng ta tạo lấy lỗi lầm.

Kinh văn: "Sanh bỉ biên địa thất bảo thành trung, ư ngũ bách tuế thọ chư ách dã".

Nghi hối, cũng có người được vãng sanh, đây rốt cuộc là sự việc như thế nào? Họ tu rồi nhưng lại nghi, hoài nghi, rốt cuộc Tây Phương thế giới có hay không? Chẳng cần nói có hay không, chúng ta cứ hết lòng nỗ lực mà niệm, có thì ta vãng sanh, không thì thôi! Bởi vì thái độ thiết tha nỗ lực niệm Phật như vậy, họ quả nhiên vãng sanh rồi, sanh đến đâu? Sanh đến biên địa. Chữ "biên địa" này, về sau còn nói, còn có giải thích,

là sự việc như vậy. Nghĩa là họ vẫn là với một cái tâm hoài nghi đi niệm Phật; tuy nhiên họ niệm Phật rất tha thiết, họ thật sự vãng sanh rồi, cho nên họ sanh đến biên địa.

Còn "thất bảo thành trung", biên địa cũng là thất bảo làm thành. "ư ngũ bách tuế thọ chư ách dã" tức là năm trăm thọ chư khổ ách, năm trăm năm họ không thấy Phật, chẳng nghe pháp. Cái khổ của họ là ở chỗ này, tức là bởi vì họ có hoài nghi, cho nên họ phải thọ cái tội này. Vậy năm trăm năm đây, quý vị phải biết, là năm trăm năm của nhân gian chúng ta, chẳng phải của Cực Lạc thế giới.

Kinh văn: "Di Lặc bạch ngôn: Thọ Phật minh hối".

Minh là lời dạy bảo rõ ràng, minh minh bạch bạch.

Kinh văn: "Chuyên tinh tu học, như giáo phụng hành, bất cảm hữu nghi".

Di Lặc Bồ Tát vì chúng ta đã làm một gương mẫu tốt, một học sinh tốt. Một học sinh tốt đối với lời dạy bảo của Phật nghe được rõ ràng, minh bạch như vậy, thì phải "chuyên tinh tu học". Chuyên tinh, rất khó đấy, chuyên tinh là vô cùng đáng quý. "Như giáo phụng hành", Phật dạy thế nào thì chúng ta làm thế đó; "bất cảm hữu nghi", quyết định chẳng có hoài

nghi. Chúng ta lại xem phẩm phía dưới.

Trược Thế Ác Khổ - Đệ Tam Thập Ngũ

Trong phẩm này khuyên chúng ta đoạn ác tu thiện, đoạn ác tu thiện mới có thể lìa khổ được vui. Cái nào là ác, cái nào thiện? Ở chỗ này Phật vì chúng ta chỉ thị ra rất rõ ràng.

Kinh văn: "Phật cáo Di Lặc: Nhữ đẳng năng ư thử thế, đoan tâm chánh ý, bất vi chúng ác, thậm vi đại đức".

Đây là Phật đối với Di Lặc Bồ Tát một loại hành giả, một loại người cùng Di Lặc Bồ Tát tu hành, đối với

họ tán thán. Các ông có thể ở trong thế gian này, thế gian này là ngũ trược ác thế, đây là một hoàn cảnh rất xấu. Trong hoàn cảnh ác liệt như vậy mà các ông có thể tu thiện, có thể hướng thiện, không tạo ác, điều này thật hiếm có! Đây quả thật là đại đức. Chữ Đức này là đức hạnh, đây chẳng phải là đức hạnh thông thường, là thật sự có đại đức hạnh.

Vậy trong câu nói này, tổng cương lĩnh là "đoan tâm chánh ý", câu này tức là chân thành tâm; nhà Nho gọi là thành ý chánh tâm. Còn đoan tâm? Tức là chánh tâm. Còn chữ Chánh Ý phía dưới tức là thành ý, tâm địa chân thành; bằng tâm chân thành để xử thế, đối người, tiếp vật, thì gọi là đoan tâm. Cho nên ý thành

thì sau tâm mới chánh vậy, cái tâm đó là nói tác dụng của tâm; Thành là cái thể của tâm. Cái này cũng tức là trong Đại Thừa Phật pháp gọi là đại Bồ Tát tâm; đây tức là đại Bồ Tát tâm. Phía dưới nói:

Kinh văn: "Sở dĩ giả hà?"

Vì sao Thế Tôn, đối với nhóm người này tán thán như vậy? Nhất định sự tán thán này có đạo lý, câu "sở dĩ giả hà?" là câu tán thán như vậy.

Kinh văn: "Thập phương thế giới, thiện đa ác thiểu, dị khả khai hóa".

Thập phương chư Phật sát độ, người thiện nhiều, người ác ít, Phật ở nơi đó dễ dàng giáo hóa chúng sanh, "dị khả khai hóa". Khai là khai thị, là Phật giảng kinh thuyết pháp. Người thiện nhiều đều ưa thích nghe thì giảng kinh thuyết pháp dễ dàng, còn thính chúng? Giác ngộ nhiều. Chữ Hóa này tức là biến hóa khí chất, sau khi nghe xong họ liền biến hóa. Trước kia, mục đích của nền thế gian giáo dục Trung Hoa là để biến hóa khí chất; Phật giáo hóa chúng sanh, mục đích là chuyển phàm thành thánh, tức là hóa phàm thành thánh. Cho nên chữ Hóa này là sự thành tựu của giáo học; hai chữ này, Khai là nhân, Hóa là quả. Phật thuyết pháp, đều chẳng rời khỏi quan niệm và sự thật của nhân quả.

Vậy thì thập phương thế giới? Thật tại mà nói, cũng bao gồm Sa Bà thế giới chúng ta. Sa Bà thế giới cũng có lúc tốt, hiện nay là lúc xấu; phong thủy luôn lưu chuyển, có lúc gặp vận hên, có lúc gặp vận xấu. Hiện nay trái đất đang gặp vận xấu, cả trái đất bị cộng nghiệp chỗ cảm. Vậy lúc này thập phương thế giới đang gặp vận hên, còn chúng ta thì gặp vận xấu. Chẳng phải toàn là ngũ trược ác thế, chỉ có thế giới này của chúng ta có; mà tha phương thế giới cũng có, tuy nhiên chẳng phải là lúc này.

Kinh văn: "Duy thử ngũ ác thế gian, tối vi kịch khổ".

Đây là Phật cảm thán thế giới này của chúng ta, thế gian này của chúng ta là ngũ ác, tất cả chúng sanh đang tạo tác ngũ ác; mà ngũ ác tại thế gian này thì là vô cùng vô cùng phổ biến, vô cùng vô cùng nghiêm trọng. Ngũ ác là gì? Là sát, đạo, dâm, vọng, tửu. Là mặt trái của ngũ giới, ngũ ác thế giới. Cho nên trong đoạn này, chúng ta quan sát phần kinh văn này, tức là nói về ngũ giới. Vậy nói một cách khác, quý vị có thể trì ngũ giới, đây tức là thiện; ngược lại, lúc tạo tác, đó tức là ác. "Tối vi kịch khổ", bên trong có nhân duyên quả báo, chúng sanh đích thật chẳng có trí tuệ, chẳng có đạo nhãn, chẳng thấy được mê hoặc điên đảo, cho nên chấp ý, đang tạo tác.

Đến lúc quả báo hiện tiền, hối hận cũng chẳng kịp.

Cho nên chúng ta phải hết lòng để đọc tụng đoạn kinh văn này cho đàng hoàng.

Kinh văn: "Ngã kim ư thử tác Phật, giáo hóa quần sanh, linh xả ngũ ác, khử ngũ thống, ly ngũ thiêu, hàng hóa kỳ ý, linh trì ngũ thiện, hoạch kỳ phước đức".

Một tiết nhỏ kinh văn này là tổng thuyết, tổng cương lĩnh của phẩm kinh này. Dưới đây chia thành từng đoạn để nói kỹ. "Ngã" là Thích Ca Mâu Ni Phật tự xưng, "Ư thử" là tại thế gian này của chúng ta, tại trên địa cầu ba ngàn năm trước của chúng ta,

thị hiện làm Phật giáo hóa chúng sanh. Sự dạy dỗ cơ bản của Phật là dạy chúng ta xả bỏ ngũ ác, đây là nhân; ác là nhân. Phía dưới chữ Thống và Thiêu là quả báo, cái nhân quý vị tạo, tương lai nhất định phải thọ nhận quả báo. Thống là trong đời này của quý vị, sự thống khổ mang đến trong cuộc sống gọi là Hoa báo, giống như hoa nở sau đó thì kết trái. Còn chữ Thiêu, Thiêu là địa ngục; sau khi chết thì đọa địa ngục, gọi là Quả báo. Hoa nở sau đó thì kết quả, hoa là gì? Là thống khổ.

Cho nên đời người chúng ta, đời này cuộc sống rất thống khổ thì cái quả sau đó chẳng thể tốt; hoa chẳng nở tốt thì làm sao quả có thể tốt được? Nếu như trong đời này đích thật tâm

khai ý giải, rất vui sướng thì tương lai quả báo của quý vị sẽ tốt; cho dù chẳng học Phật cũng không thể đọa tam ác đạo. Một người tâm địa thiện lương, xử thế, đối người chánh đại quang minh, tâm họ thanh tịnh, quang minh, thì cuộc sống của họ rất vui sướng, sẽ rất tự tại. Nếu như ngày ngày tự tư ích kỷ, đều là hại người lợi mình, ngày ngày đều làm những việc này, đây là tạo tác tội nghiệp đấy.

Cho dù có được một tí lợi ích, song trong tâm họ không an, lương tâm cắn rứt, ban đêm đều nằm ác mộng. Sống trong thế gian này thường thường buồn lo, sợ người ta khám phá chỗ yếu của mình, sợ kẻ khác ám hại họ, thời thời khắc khắc phập phòng lo sợ, nằm ngồi chẳng an;

cuộc sống này là khổ, thì là thống khổ. Cho nên ngũ thống này, năm thứ ác nhân này mang đến cho quý vị năm thứ đau khổ của cuộc sống, tương lai cảm được khổ báo của địa ngục; nền giáo học cơ bản mà Phật giáo hóa chúng sanh tức là điểm này. Khiến cho chúng ta minh bạch, khiến cho chúng ta liễu giải chân tướng sự thật này, "hàng hóa kỳ ý"; chữ Ý này tức là vọng tưởng, tham, sân, si. Chúng ta minh bạch rồi, hiểu rõ rồi thì cái tham tâm, sân giận tự nhiên hàng phục. Biết được việc này không thể làm, sau khi làm rồi thì hậu quả chẳng thể thiết tưởng nổi; vẫn là ít làm, không làm thì hay hơn, "hàng hóa kỳ ý".

Trong kinh Kim Cang, Tu Bồ Đề tôn giả nêu ra hai vấn đề, tôi nghĩ rất

nhiều người trong quý vị đã niệm qua kinh Kim Cang, kinh Kim Cang nói đó là những gì? Nói hai vấn đề. Tu Bồ Đề tôn giả hướng về Thích Ca Mâu Ni Phật thỉnh giáo, "Vân hà hàng phục kỳ tâm?" Tâm của chúng ta từ sáng đến tối, vọng tưởng, tạp niệm, phiền não lung tung, làm thế nào có thể hàng phục nó? Điều này đích thật là một vấn đề. Thứ hai là "Ưng vân hà trụ?" Tâm này của chúng ta, rốt ráo phải an trụ ở đâu? Thích Ca Mâu Ni Phật đã nói hết một bộ kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật để giải đáp hai vấn đề này.

Tôi tin tưởng có nhiều đồng tu đều đọc qua kinh Kim Cang, thậm chí đều nghe qua kinh Kim Cang, quý vị biết được làm thế nào để "hàng phục

kỳ tâm”? Tâm quý vị an trụ ở đâu? Nếu như vẫn chẳng biết, thì kinh Kim Cang đã niệm cũng luống công. Kinh Kim Cang là đối với Tu Bồ Đề tôn giả nói, do đây có thể biết, kinh Kim Cang nói với chúng ta thì chẳng khế cơ. Chúng ta có hai vấn đề chưa giải quyết, những lời Phật nói với chúng ta đó, chúng ta không hiểu, “mạc tri kỳ vân”, chẳng biết Ngài nói những gì.

Vẫn là pháp môn này hay, “Vân hà hàng phục kỳ tâm?”, Nam Mô A Di Đà Phật. Quý vị xem, khi vọng tưởng đến trong tâm thì Nam Mô A Di Đà Phật, Nam Mô A Di Đà Phật, vọng tưởng đoạn rồi thì là hàng phục tâm rồi. “Ưng vân hà trụ?”, tâm quý vị an trụ ở đâu? Nam Mô A Di Đà Phật, an trụ tại trên danh hiệu A Di

Đà Phật. Quý vị xem, chẳng phải vấn đề đã giải quyết rồi sao? Một câu A Di Đà Phật đem vấn đề của Tu Bồ Đề tôn giả triệt để giải quyết ngay, đâu cần dùng đến kinh Kim Cang phiền phức như vậy? Quý vị mới biết được tại sao pháp môn này xưng là đệ nhất, đạo lý là ở chỗ này. Cho nên đích thật một câu Nam Mô A Di Đà Phật "hàng hóa kỳ ý", là cực kỳ cao minh, cực kỳ thỏa đáng; vả lại còn mau chóng.

Kinh văn: "Linh trì ngũ thiện".

Tâm ý hàng phục rồi, có nơi an trụ rồi, quý vị khuyên họ hành thiện thì dễ dàng, đây là việc rất dễ dàng, tự nhiên hướng thiện. Quý vị chẳng dạy

họ, họ cũng muốn học thiện, vừa mới dạy thì lại càng tốt hơn nữa.

Kinh văn: "Hoạch kỳ phước đức".

Con người như vậy thì họ tự nhiên có phước rồi, vì sao? Vì là hành thiện. Tâm thiện, hành thiện, quả báo là phước, là đức. Chữ Đức này cùng với chữ Đắc của Đắc Thất là cùng một nghĩa, quý vị đã được phước báo chân chánh rồi. Quý vị tu như vậy mới có được phước báo chân chánh, cho nên kiết, hung, họa, phước, là mỗi người tự mình cảm chiêu mà đến, chẳng phải kẻ khác cho quý vị. Người ngu cầu Phật, Bồ Tát ban phước, đó là ngu si đấy; Phật, Bồ Tát đâu có quyền

lực ban phước cho quý vị! Tự mình đã tạo một thân tội nghiệp rồi, hướng về Phật, Bồ Tát hối lộ, cầu Phật, Bồ Tát tha thứ.

Tội nghiệp của quý vị tạo đó cùng Phật, Bồ Tát vô can, Phật, Bồ Tát cũng chẳng có quyền lực tha thứ cho quý vị; đây là thật. Phật, Bồ Tát giải đạo lý cho quý vị, giải chân tướng sự thật cho quý vị. Đạo lý minh bạch rồi, chân tướng sự thật rõ ràng rồi thì quý vị biết được phải nên làm thế nào! Đây là Phật, Bồ Tát chỉ dạy cho chúng ta. Phật, Bồ Tát chẳng phải thần minh, thần minh cũng chẳng thể bảo hộ, giúp đỡ chúng ta được, cũng chẳng thể giáng phước cho chúng ta. Nếu chúng ta chẳng có phước báo, nếu họ thật sự giúp đỡ chúng ta, giáng

phước cho chúng ta, thì họ tạo tội nghiệp. Phước báo, nhất định phải tự mình tu.

"Linh trì ngũ thiện" tức là bảo chúng ta tu nhân. Tu thiện nhân, chắc chắn chúng ta được thiện quả, đây là chánh thuyết, đây là chánh giáo. Vậy phía dưới là vì chúng ta tường tận nói rõ ra năm thứ ác này; bề trái của ngũ ác này tức là ngũ thiện. Cái thứ nhất là "Sát sanh ác", thứ hai là "Thâu đạo ác", thứ ba là " Dâm dục ác", thứ tư là " Vọng ngữ ác", sau cùng là "Ẩm tửu ác"; năm thứ này. Đây là năm đoạn trong bổn kinh. Hôm nay thì giờ đã đến. A Di Đà Phật

Tập 22

Xin lật kinh bản, trang một trăm ba mươi bốn, hàng thứ ba, từ câu thứ ba bắt đầu xem. Chúng tôi đem kinh văn đồng loạt để đối chiếu.

Kinh văn: "Hà đẳng vi ngũ? Kỳ nhất giả, thế gian chư chúng sanh loại, dục vi chúng ác, cường giả phục nhược, chuyển tương khắc tặc, tàn hại sát thương, điệt tương thôn đạm".

Từ chỗ này bắt đầu xem phẩm kinh này, trên thực tế, tức là chánh thọ của ngũ giới. Có nhiều người trong các bạn đồng tu yêu cầu, ở trong giữa pháp hội thọ Tam Quy,

Ngũ Giới. Phần Tam Quy, chúng tôi có tập sách nhỏ truyền thọ; Ngũ Giới là một phần khai đạo tối thù thắng, nếu như chúng ta tỉ mỉ đem nó xem, minh bạch rồi, y giáo phụng hành, đây tức là đệ tử ngũ giới chân thật của Thế Tôn. Một tiết ở phía trước nói được vô cùng rõ rệt, Thế Tôn thị hiện tại thế gian này làm Phật, chỉ dạy chúng ta nhất định phải xả bỏ ngũ ác. Nói một cách khác, tức là chỉ dạy chúng ta phải nghiêm trì Ngũ Thiện. Ngũ Thiện nói ở chỗ này tức là Ngũ Giới. Như vậy mới có thể có được phước báo chân thật; vậy loại phước báo này trong cuộc sống hiện thuộc, có thể mang đến sự yên ổn cho chúng ta, thân tâm yên ổn, hạnh phúc vui vẻ,

cũng là cơ sở niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ của chúng ta.

Bởi vì Tây Phương thế giới, trong phần kinh văn của Đại Tiểu bản, đều nói với chúng ta nơi đó là "chư Thượng Thiện Nhân câu hội nhất xứ". Nếu như chúng ta, ngay ngũ giới đều chẳng thể thanh tịnh, thì niệm Phật cho dù quý vị có hết lòng niệm đi nữa, cũng rất khó tham dự pháp hội của Tây Phương chư Thượng Thiện Nhân. Người ta đều là người thiện, còn chúng ta bất thiện, thì làm sao có thể tham dự được? Vì vậy cho nên, chỗ nói trong phẩm kinh này là cái căn bản trong căn bản, cái cơ sở của cơ sở; quyết định chẳng thể thấp hơn dưới mức độ này. Vậy chúng ta cầu vãng sanh mà không hiểu rõ căn bản này,

trong một đời này vãng sanh thì chẳng có hy vọng; cho nên các bạn đồng tu phải đặc biệt lưu ý. Hôm nay chúng tôi bắt đầu giới thiệu từng đoạn một, đoạn thứ nhất là "Sát sanh ác"; sát sanh là đại ác đấy, không sát thì đây tức là thiện. Phía dưới đoạn văn này rất dài, đây là Thế Tôn lòng từ bi vô tận vì chúng ta nói ra chân tướng sự thật của nhân duyên quả báo.

"Kỳ nhất", đây là đoạn thứ nhất, "Thế gian chư chúng sanh loại", câu này bao quát phạm vi vô cùng rộng lớn. Chúng sanh, nếu nói rộng, cửu pháp giới đều là hữu tình chúng sanh. Tuy nhiên ở trong đây, Tứ Thánh pháp giới, họ là giác mà không mê, họ chẳng thể tạo ác. Trong lục phàm pháp giới cũng tức là chúng ta nói lục

đạo, thiên nhân thì trí tuệ cao, phước báo lớn, cũng chẳng sát sanh; điều kiện sanh thiên là thượng phẩm của Thập Thiện Nghiệp Đạo. Trong Thập Thiện Nghiệp Đạo, điều thứ nhất là không sát sanh; đương nhiên là sẽ không làm ác. Người làm ác, sao có thể sanh thiên được? Vậy thì chúng ta minh bạch điều này rồi, có thể tạo ác nghiệp là nhân đạo trở xuống, người, súc sanh, ngạ quỷ. Còn địa ngục? Thật tại mà nói, là thọ báo, cũng sẽ chẳng tạo tội nghiệp; nó là việc hoàn toàn đang thọ khổ báo. Vậy đây là nói về nhóm chúng sanh dễ dàng tạo tác ác nghiệp này.

"Dục vi chúng ác", tạo ác, có cái dục vọng. Cái dục vọng này, tóm lại mà nói, đều là tự tư ích kỷ, hại người,

lợi mình; đều là cái nhân tố như vậy. Nếu như chẳng phải nhân tố này, đó tức là cái ngu si nghiêm trọng; cũng có thể tạo tội nghiệp. "Cường giả phục nhược", đều là kẻ mạnh hiếp đáp kẻ yếu. Cũng như chúng ta thấy các em bé đi bắt chuồn chuồn, bươm bướm để chơi, mãi đem nó chơi đùa cho đến chết mới thôi. Đây là sát hại đấy. Quý vị bảo, Chúng có dục vọng gì đâu? Chúng chỉ là chơi đùa mà thôi. Chúng lớn hơn động vật nhỏ, Chúng có thể hiếp đáp chúng nó, đây tức là "cường giả phục nhược". Phía bên trong vẫn chẳng có tâm tham, cũng chẳng có tâm sân giận, là ngu si đấy. Tạo xong ác nghiệp như vậy, thứ ác nghiệp này, chúng ta thấy các em nhỏ thường tạo. Nghĩ lại chúng ta lúc còn

nhỏ cũng làm những việc này, chẳng biết đã làm bao nhiêu lần rồi. Có tội nghiệp hay không? Đương nhiên là có tội nghiệp, con vật nhỏ cũng là một mạng sống.

Chúng ta đã học Phật rồi, hiểu rõ chân tướng sự thật rồi, mới biết được cái nhân quả lợi hại. Thiếu mạng phải trả mạng, thiếu tiền phải trả nợ; chỗ gọi là báo ân, báo oán, đòi nợ, trả nợ chẳng dứt chẳng liễu. Chẳng phải chúng ta cố ý là vô ý, không sai, là cái nghiệp vô ý tạo đấy; tương lai vẫn thuộc về vô ý để đền đáp. Cái nhân gì thì có cái quả báo nấy, điều này chúng ta không thể chẳng biết. Phật vì chúng ta nói đó, toàn là chân tướng của sự thật.

"Chuyển tương khắc tặc", đây tức là hỗ tương đền trả, tức là ý nghĩa này. Đời này quý vị hiếp đáp họ, đời sau họ hiếp đáp quý vị; đáp đền qua lại. "Tàn hại sát thương", cái này là tàn khốc nhất trong khổ báo. "Điệt tương thôn đạm", câu sau cùng này, đặc biệt là nghiệp nặng trên việc ăn uống. Nhà Phật thường nói, trong đời này chúng ta ăn nó nửa cân, kiếp sau phải trả nó tám lạng. Ngày nay quý vị thích ăn thịt, đến kiếp sau thì súc sanh kia… cho nên nói người chết làm dê, dê chết làm người; quý vị ăn thịt dê, dê chết rồi kiếp sau làm người. Cho nên nói người chết rồi kiếp sau đầu thai làm dê, lại bị nó ăn, lại bị nó giết; là sự việc như thế đó, ăn qua ăn lại. Sự

việc này, oan oan tương báo, vô cùng đáng sợ.

Phật pháp, tuy trong giới luật chẳng có bảo chúng ta ăn trường trai, trong giới luật chẳng có; trong giới luật chỉ dạy chúng ta ăn tam tịnh nhục. Tam tịnh nhục này tức là, chẳng thấy giết, chẳng nghe giết, chẳng phải vì ta mà giết. Vậy hiện nay những đồ đông lạnh bày bán trên thị trường đều thuộc về loại tam tịnh nhục này. Vậy tại sao Phật nói như vậy? Quý vị nhất định phải biết, Thế Tôn năm xưa khi còn tại thế, trong Tăng đoàn chẳng có nấu nướng; hằng ngày đều đi ra ngoài khất thực. Trong khi khất thực, nếu nhất định buộc người ta phải nấu đồ chay để cúng dường, thì chẳng phải

khiến người ta phiền phức lắm sao? Cho nên Phật lấy từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa, việc khất thực này, người ta cho gì thì ăn nấy; là phương thức sinh hoạt lúc bấy giờ. Sau khi Phật pháp truyền đến Trung Hoa, mới có việc nấu nướng trong Tăng đoàn.

Tập quán của người Hoa, nếu như nhìn thấy đi ra ngoài khất thực là đi xin cơm, là kẻ ăn mày, người Hoa không tôn trọng. Tuy nhiên thời xưa ở Ấn Độ, như hiện nay ở Shri-Lanka, Thái Lan, xã hội đại chúng đều vô cùng tôn trọng người xuất gia ra ngoài khất thực. Hoàn cảnh tại Trung Hoa, nếu ra ngoài khất thực xin cơm là kẻ ăn xin, chẳng có ai tôn trọng cả; ngược lại khiến cho người ta tạo

nghiệp. Huống chi Phật giáo truyền đến Trung Hoa, là Trung Hoa phái đặc sứ đi nghênh thỉnh qua, mục đích đến Trung Hoa với thân phận là đế vương sư. Vậy sao hoàng đế có thể bảo thầy mình đi ra ngoài xin cơm chứ? Làm gì có đạo lý này? Cho nên chỉ ở tại chùa, sẽ có cúng dường rất tốt. Phương thức sinh hoạt đã hoàn toàn thay đổi sau khi đến Trung Hoa; hoàn toàn là Trung Hoa hóa rồi.

Y phục, mặc đều là y phục Trung Hoa, chúng ta mặc loại áo tay rộng, là lễ phục thời Hán triều gọi là Hải Thanh, là của người đi học mặc. Vậy còn người tại gia thì sao? Thì trên y phục có thêu rất nhiều hoa văn; hoa văn đó đại biểu cho thân phận của họ, chẳng phải có thể tùy tiện thêu. Vậy

còn y phục của người xuất gia? Thì trên mặt chẳng có hoa văn, màu sắc đơn sơ mộc mạc hơn, sai biệt là ở chỗ này. Cho nên khi đã đến Trung Hoa thì hoàn toàn là Trung Hoa hóa, ở Trung Hoa thành bổn thổ hóa rồi. Vậy còn việc ăn chay của Trung Hoa? Là do Lương Võ Đế đề xướng, vua Lương Võ Đế đọc kinh Lăng Già thấy Phật nói trong kinh, Bồ Tát đại từ đại bi không ăn thịt chúng sanh. Sau khi vua Lương Võ Đế đọc xong, rất lấy làm cảm động, tự mình từ đó ăn trường trai, ông là vị đại hộ pháp của Phật môn chúng ta, lấy thân phận một quốc vương để hộ trì Phật pháp.

Đương nhiên việc phát khởi cuộc vận động ăn chay tại trong Phật giáo, lập tức liền có tiếng vang rất tốt, cho

nên học Phật ăn chay trong Phật môn là nét đặc sắc của Phật giáo Trung Hoa. Hiện nay chúng ta đi khắp nơi trên thế giới, có rất nhiều quốc gia Phật giáo trên toàn thế giới không có ăn chay. Chẳng những Tiểu Thừa đi khất thực không ăn chay, mà Phật giáo Nhật Bản cũng không ăn chay, Đại Hàn cũng không ăn chay. Cho nên có nhiều quốc gia Phật giáo ở ngoại quốc đều không ăn chay; duy chỉ có Phật giáo Trung Hoa ăn chay. Chúng tôi đi đến các quốc gia Phật giáo khác thăm viếng, thấy họ ăn thịt, lại còn uống rượu, chúng tôi cảm thấy rất lạ lùng.

Quý vị xem Phật giáo Nhật Bản, trước bàn Phật, Bồ Tát, những thứ rượu cúng đó đều là rượu ngon rất nổi

tiếng, họ đem cúng Phật rồi tự lấy uống. Chúng tôi nhìn thấy rất lạ lùng, họ nhìn thấy chúng tôi không uống rượu, không ăn thịt cũng cảm thấy rất khó chịu; chúng ta liễu giải những trạng huấn lịch sử này thì hiểu được. Việc không ăn thịt chúng sanh quyết định là chính xác; vả lại đối với sức khỏe có lợi ích rất lớn. Hiện nay có rất nhiều người Mỹ đều ăn chay, họ chẳng phải học Phật, họ là vì sức khỏe của thân thể; cho nên đối với sức khỏe, ăn chay có lợi ích rất lớn. Vậy chúng ta hiểu rõ đạo lý này, cho nên mới áp dụng phương thức sinh hoạt này.

Năm hai mươi sáu tuổi tôi học Phật, học Phật được nửa năm thì tôi ăn trường trai; tôi bèn tiếp thọ cái

quan niệm này, cảm thấy việc ăn chay đối với chúng ta đích thật là một chọn lựa rất hay. Mối oán thù đời đời kiếp kiếp của chúng sanh, chúng ta từ nay trừ bỏ sạch hết, chẳng cùng với chúng sanh kết oán nữa. Không những không sát sanh mà còn tích cực phóng sanh, hộ sanh, không ăn thịt chúng sanh. Nếu như quý vị nói không ăn thịt đối với sức khỏe thân thể có trở ngại, thì quý vị xem tôi, nay đã bảy mươi rồi, đâu có kém hơn quý vị? Hai mươi sáu tuổi tôi học Phật, lúc đó tôi cảm thấy học Phật quá trễ, thật tại mà nói, càng sớm càng tốt. Sở dĩ đây là ý nghĩa của hai câu kinh văn này vô cùng sâu xa, nhất định phải rõ lý, phải biết chân tướng sự thật, sự lựa chọn của chúng ta là chính xác.

Kinh văn: "Bất tri vi thiện".

Ở chỗ này, chữ Vi Thiện tức là nói giới sát; trường trai tức là nói ăn trường chay, điều này là thiện hạnh. "Bất tri vi thiện", chẳng biết hành thiện.

Kinh văn: "Hậu thọ ương phạt".

Hậu là hậu thế, quả báo đời sau ấy thì rất đáng sợ. Ở chỗ này Phật nêu lên vài thí dụ rất rõ ràng.

Kinh văn: "Cố hữu cùng khất".

Đây tức là kẻ ăn xin, xin cơm, cùng khất. Vì sao họ có thể thọ quả

báo này? Vì sát nghiệp của đời trước tạo đó quá nặng.

Kinh văn: "Cô độc".

Phàm là phá hoại gia đình của chúng sanh, không thể chẳng thọ báo ứng này. Những cái chúng ta thường thấy nhất, chim nhỏ cũng có gia đình, anh đi bắt chim này, lấy đi trứng, anh phá hoại gia đình người ta, anh làm cho gia đình người ta nhà tan người chết, đời sau anh sanh làm người cũng có cái báo ứng nhà tan người chết này. Nhân thế nào thì quả báo thế ấy! Quả báo thế nào thì trong đời trước nhất định có nhân duyên; cho nên thành "cô độc".

Kinh văn: "Lung manh, ám á, si ác".

Si là ngu si, người thường thế gian chúng ta gọi là bạch si.

Kinh văn: "Uông cuồng".

Tức là hiện nay chúng ta gọi là thần kinh thất thường, trong xã hội thời nay thường gọi là bệnh người già, chứng ngu đần; đều thuộc về loại này. Đây đều có quả báo, trong đời quá khứ chúng ta đã tạo các ác nghiệp này. Quả báo này trong đời này có thể miễn trừ được chăng? Có thể được, nếu quý vị biết đạo lý, biết phương pháp, hết lòng đi tu học, sức mạnh thiện của quý vị vượt qua lực lượng

của ác nghiệp thì thiện nghiệp được báo trước. Còn ác nghiệp này, chẳng phải không báo mà đem ác nghiệp đặt ở phía sau, kéo dài ra sau; cái thiện báo trước. Còn tối thiện? Thì chúng ta sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi, cái ác phía sau đó vĩnh viễn chẳng báo trở lại nữa. Đây là phương pháp bảo đảm nhất, an toàn nhất để ra khỏi tam giới. Nếu chẳng ra khỏi tam giới, khi nhân duyên tụ hội thì quả báo vẫn chẳng thể tránh miễn được, đó vẫn là một sự việc rắc rối. Tức là nhất thời tránh miễn được, không tránh miễn được lâu dài. Phải nên biết điều này, đây là nói lên vài cái thí dụ.

Kinh văn: "Giai nhân tiền thế bất tín đạo đức, bất khẳng vi thiện".

Đời trước, đối với đạo đức họ chẳng tin, chữ Đạo Đức này, nếu nói theo nghĩa rộng là bao gồm luôn cả luân lý đạo đức trong đó; nói theo nghĩa hẹp tức là chỉ cho ngũ giới thập thiện của Phật nói. Ngũ giới thập thiện là đạo đấy, anh tu được cái đạo này thì tương lai anh được thiện quả, đó tức là đức. Anh "bất khẳng vi thiện", anh sở dĩ mới có loại quả báo này hiện tiền. Vậy trở ngược lại mà nói…

Kinh văn: "Kỳ hữu tôn quý".

Hiện nay trong xã hội, chữ Tôn Quý này là nói có địa vị, được đại chúng tôn kính.

Kinh văn: "Hào phú".

Thế gian này của chúng ta, như hạng có xí nghiệp phát đại tài, có đại tài phú; "hào phú".

Kinh văn: "Hiền minh, trưởng giả".

Người này có trí tuệ, thông minh, có đức hạnh, bậc trưởng giả có đạo đức, đều là hạng này. Ở Ấn Độ xưng là trưởng giả, không những có tuổi cũng là cao tuổi còn phải có học vấn, có địa vị, có tài phú, đây mới có thể xưng là trưởng giả.

Kinh văn: "Trí dũng, tài đạt".

Bốn chữ này, tức là ngày nay chỗ gọi là văn tài võ lược. Trí Dũng là thuộc về cái này, ở thế gian này gọi những loại quan võ này. Còn Tài Đạt là văn tài, văn học; những thứ này đều là quả báo tốt. Chỗ ước mơ mong cầu của người thế gian chúng ta là quả báo của loại này.

Kinh văn: "Giai do túc thế từ hiếu, tu thiện tích đức sở trí".

Nó có nguyên do, chẳng phải vô duyên vô cớ mà có thể có được. Túc Thế là không chỉ có một đời, chúng ta có thể tin điều này. Cần phải nên biết, quả báo tốt của đời này, có lẽ đều là tu được từ mấy đời trước; tu từ bi tâm, tu hiếu kính tâm. Phật dạy chúng ta

không chỉ là phải hiếu thuận cha mẹ, trong Đại Thừa Bồ Tát Giới Kinh nói với chúng ta, phải đem cái tâm hiếu thuận cha mẹ đẩy rộng ra, hiếu thuận tất cả chúng sanh; đây mới là tận hiếu. Cho nên Đại Thừa Phật pháp là xây dựng trên cơ sở của hiếu đạo, chúng ta phải đặc biệt coi trọng chữ này.

Nếu như có người hỏi, toàn cả Phật pháp là nói những gì? Có thể nói, toàn cả Phật pháp tức là một chữ Hiếu. Cái đẹp, cái thiện của văn tự Trung Hoa, là bất cứ một quốc gia dân tộc nào trên toàn thế giới, đều chẳng thể sánh nổi. Văn tự Trung Hoa là cái phù hiệu, trong cái phù hiệu này tràn đầy trí tuệ, khiến người thoạt nhìn liền có thể lãnh ngộ. Trong văn tự ngoại quốc, đều không có điều này. Chữ Hiếu là

thuộc về hội ý, quý vị xem, phần trên chữ này là chữ Lão, phần dưới là chữ Tử. Ý này là nói, đời trên cùng đời dưới là một Thể; người Tây phương gọi là có sự ngăn cách của thế hệ. Có sự ngăn cách của thế hệ thì chẳng có hiếu, đời trên vẫn còn đời trên nữa là "quá khứ vô thỉ"; đời dưới vẫn còn đời dưới nữa là "vị lai vô chung". Triệt thỉ triệt chung là một cái chỉnh thể, cái chỉnh thể của một sanh mạng; đây là từ trên chiều dọc mà nói, chiều dọc đã hiểu rồi thì chiều ngang tức là biến pháp giới đấy. Cho nên cái phù hiệu này đại biểu gì đây? Là đại biểu tận hư không biến pháp giới là một Thể. Trong Phật pháp chúng ta nói đó là gì? Đó là Pháp Thân đấy. Cái phù hiệu này đã hiển thị ra Pháp Thân của

mỗi một người, cho nên chữ Hiếu này là Pháp Thân. Thập phương ba đời Phật, cộng đồng một Pháp Thân.

Nếu quý vị nói là tận hiếu, thật chẳng dễ dàng; người nào mới có thể đem chữ Hiếu này làm được viên viên mãn mãn? Là thành Phật. Thì chữ Hiếu này mới được viên mãn, Đẳng Giác Bồ Tát vẫn còn một phẩm sanh tướng vô minh chưa phá thì hiếu đạo kia vẫn còn một phần khiếm khuyết, vẫn chưa viên mãn. Chữ này quả thật là đại đạo vậy, cái đại đạo vô cực; từ đâu bắt đầu làm? Từ hiếu cha mẹ bắt đầu làm. Nhiên hậu dần dần mở rộng đến tôn trưởng của quý vị, thầy của quý vị, lại mở rộng đến thân hữu của quý vị, lại mở rộng đến tất cả chúng sanh. Lấy đại từ đại bi để thực hiện

hiếu đạo, đây là căn bản của đạo đức. "Tu thiện tích đức", cái gì là thiện, cái gì là ác? Trong bộ kinh này, Thế Tôn chỉ thị cho chúng ta vô cùng tường tận rõ ràng, chúng ta từ trên cương lĩnh mà nói, Tịnh Độ Tông là một trong tất cả tông phái, đạo dễ tu nhất, phương pháp của nó đơn giản nhất, kinh điển ít nhất, rất thích hợp cho người thời đại hiện nay tu học.

Ngoại trừ Tín - Nguyện - Trì Danh ra, Tín - Nguyện - Trì Danh còn là chánh tín. Trước khi chưa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, vẫn còn ở nhân gian này, chúng ta không thể rời khỏi xã hội, không thể rời khỏi quần chúng. Người niệm Phật chúng ta phải nên cùng đại chúng chung sống như thế nào? Phật dạy cho chúng ta

vài cái nguyên tắc, những cái nguyên tắc này được gọi là trợ hạnh, chánh trợ song tu, như đôi cánh của chim, hai bánh của cái xe; như vậy mới có thể đạt đến nguyện vọng của chúng ta. Trong cách trợ tu, quan trọng nhất là Tam Phước trong Quán Kinh; câu thứ nhất trong Tam Phước là "Hiếu dưỡng phụ mẫu, Phụng sự sư trưởng, Từ tâm bất sát, Tu thập thiện nghiệp".

Quý vị xem, tiêu chuẩn này chẳng phải đã vì chúng ta nói ra rõ rõ ràng ràng minh minh bạch bạch rồi sao? Chúng ta phải tin, phải liễu giải, phải hết lòng đi làm. Cho nên Tam Phước sẽ thành tựu cơ sở tu hành của chính mình; cùng đoàn thể chung sống, đặc biệt là Tăng đoàn. Mọi người khi quy y đã từng niệm qua "Quy Y Tăng,

chúng trung tôn"; quý vị biết niệm, câu này có ý nghĩa gì thì nhất định phải biết, Chúng tức ngày nay chúng ta gọi là đoàn thể. Tăng đoàn là tôn quý nhất trong tất cả đoàn thể thế, xuất thế gian, là đoàn thể đáng được người tôn quý nhất, tại vì sao? Bởi vì nó tu Lục Hòa Kính. Tu Lục Hòa Kính tức là Thế Tôn dạy cho chúng ta làm sao cùng với đoàn thể đại chúng chung sống; đây là giới điều trọng yếu. Sáu điều này là "Kiến hòa đồng giải, Giới hòa đồng tu, Thân hòa đồng trụ, Khẩu hòa vô tránh, Ý hòa đồng duyệt, Lợi hòa đồng quân"; chẳng thể giảng kỹ cái này. Đây là chúng ta nhập chúng, một cái đoàn thể có thể làm được sáu điều này thì đại chúng đều có thể tuân thủ. Đoàn thể này là

có chư Phật, Bồ Tát hộ niệm, long thiên ủng hộ.

Khoa mục thứ ba là Tam Học, Giới Học, Định Học, Tuệ Học, khoa mục thứ tư là Lục Độ, khoa mục thứ năm là Phổ Hiền Thập Đại Nguyện Vương. Trong sinh hoạt ngày thường chúng ta cùng đại chúng chung sống, xử thế, đối người, tiếp vật, phải tuân thủ năm khoa mục này. Đây tức là "tu thiện tích đức", phải thật sự làm. Ở chỗ này Thế Tôn đem những nhân quả này đều vì chúng ta khai thị ra một cách rõ ràng.

Kinh văn: "Thế gian hữu thử mục tiền hiện sự, thọ chung chi hậu, nhập kỳ u minh. Chuyển sanh thọ thân, cải hình dịch đạo. Cố hữu Nê

Lê, cầm thú, quyên phi nhuyễn động chi thuộc".

"Thế gian hữu thử mục tiền hiện sự", đây là chúng ta mắt chỗ thấy, tai chỗ nghe, thân chỗ tiếp xúc, những sự việc của nhân duyên quả báo này. Chỉ cần chúng ta bình tĩnh lưu ý đi quan sát, chẳng cần phải nói thêm nhiều nữa, nó rõ rõ ràng ràng minh minh bạch bạch. Người tạo tác ác nhân, người tạo tác ác duyên, sau khi thọ chung, họ đọa tam đồ, "nhập kỳ u minh", U Minh là rộng chỉ cho tam đồ. "Chuyển sanh thọ thân, cải hình dịch đạo", sau khi đã mất đi thân người thì xem trong đời này, cái hành nghiệp chỗ tạo tác đó, hành vi của chúng ta, cái nghiệp mà chúng ta tạo

đó. Nếu là thiện nghiệp, đương nhiên là tam thiện đạo thọ thân; nếu là ác nghiệp thì đi thọ báo tam ác đạo; "chuyển sanh thọ thân", cái thân thọ đó có khác. "Cải hình dịch đạo", hình dạng đổi mất trong lục đạo, tức là người tạo ác nghiệp đọa súc sanh, từ nhân đạo đọa đến súc sanh đạo, thay đường, đổi đường. Thân người đổi thành thân súc sanh, đây là đã đổi hình, hình dáng khác nhau.

Sự việc này, thế gian chúng ta đây thường có. Kể lại sự việc này, mấy năm trước, có lẽ có đến hai mươi năm rồi, tại Cao Hùng ở Đài Loan xảy ra một chuyện thật lạ lùng. Tiểu cảng ở Cao Hùng là một thị trấn nhỏ, có một cái miếu nhỏ, trong miếu có nuôi một con chó; chú chó đối với ngôi miếu

này rất có hội kỳ, công khóa sáng tối nó đều tham gia. Nhưng lạ lùng thay, vừa mới làm lễ Tam Quy Y thì nó bỏ đi mất, giống cái gì? Giống như lão hòa thượng, thái độ cao ngạo rất lớn. Về sau người ta phát hiện chú chó này rất lạ lùng, có một vị pháp sư nói pháp với nó. Biết được trong miếu này, trước kia vị lão hòa thượng ấy chết rồi đầu thai tức là nó. Bèn nói với nó rằng: "Bây giờ ngươi chẳng phải trụ trì nữa rồi, ngươi là súc sanh, công khóa sáng tối phải làm xong mới được đi, không thể lúc làm lễ Tam Quy Y là bỏ đi nhe!" Quả nhiên nó nghe lời, từ đó về sau, trong khóa sáng tối nó đều làm xong; song chỉ hai, ba tháng sau thì nó chết. Cho nên linh tánh của nó vẫn còn đó, tức là đời

quá khứ của lão hòa thượng của ngôi miếu này; quả thật là "chuyển sanh thọ thân, cải hình dịch đạo". May thay thiện căn của nó vẫn chưa hoàn toàn diệt mất, vẫn có thể nghe pháp sư khai thị, vẫn có thể tiếp tục đi niệm Phật. Điều này vẫn chẳng tệ, tôi nghĩ, sau khi nó rời khỏi thân chó rồi, có thể sẽ có quả báo tốt hơn. Tuy nhiên, nếu lại vừa mê thì rất khổ.

"Cố hữu Nê Lê", tức là địa ngục, có địa ngục. "Cầm thú, quyên phi nhuyễn động chi thuộc" là súc sanh, đây tức là có ngạ quỷ, địa ngục, súc sanh, những thứ báo ứng này. Phía dưới là thí dụ.

Kinh văn: "Thí như thế pháp lao ngục, kịch khổ cực hình".

Đây là ví như anh tạo tác tội nghiệp, nhất định anh phải tiếp thọ sự chế tài của pháp luật; tam ác đạo này thì giống như lao ngục của thế gian vậy. Anh tạo tác tội nghiệp nào, anh phải nên đi thọ lãnh quả báo nấy; trong ấy "kịch khổ cực hình", hình phạt rất nhiều, rất tàn khốc, vô cùng đau khổ.

Kinh văn: "Hồn thần mạng tinh, tùy tội thú hướng. Sở thọ thọ mạng, hoặc trường hoặc đoản".

Khi anh đi đầu thai, đương nhiên chẳng phải cái thân này đi đầu thai; tục ngữ chúng ta có câu là "linh hồn ấy đi đầu thai". Trong Phật môn

chúng ta gọi đó là thần thức, người thế gian gọi là linh hồn, điều này là sai lầm, quan niệm sai lầm! Cái hồn đó quyết định chẳng linh, nếu là linh thì sao chúng có thể đi biến thành súc sanh, biến thành ngạ quỷ? Chúng không linh nên cái hồn đó rất mê hoặc, điên đảo, gọi là mê hồn mới đúng; mê hồn điên đảo đấy mà, chúng chẳng biết chọn lựa. Khổng lão phu tử ở Trung Hoa, anh xem, đây là người của gần hai ngàn năm trăm năm về trước, trong Kinh Dịch Ngài có nói, cũng rất có đạo lý, Ngài gọi là du hồn. Cách nói này, cùng với Phật pháp vô cùng kề cận; bởi vì cái hồn này có tốc độ rất lớn, nó chạy lung tung, đích thật là du hồn. Trong đại ý nói: "Du hồn vi biến, tinh khí vi vật", cùng với

cách giải thích trong kinh điển của nhà Phật về chân tướng của vũ trụ, nhân sinh vô cùng kề cận, rất gần.

Vậy nó đi đầu thai, "tùy tội thú hướng", tùy theo tội nghiệp của nó đến một đạo nào đi đầu thai; thọ mạng chỗ thọ đó dài ngắn khác nhau. Ví như trong súc sanh đạo, có những súc sanh thọ mạng rất dài, có những súc sanh thọ mạng rất ngắn. Chúng ta thấy loại phù du trên mặt nước, sáng sanh tối chết, thọ mạng của nó chỉ có mấy tiếng đồng hồ; nhưng cũng có loại thọ mạng rất dài. Vậy trong ngạ quỷ đạo, trong địa ngục cũng khác nhau; trong địa ngục có căn bản địa ngục, có Vô Gián địa ngục, đó thì thọ mạng dài, đó thì quá dài quá dài, dài đến quá kinh khiếp. Tuy nhiên, vẫn

còn những thứ gọi là du tăng địa ngục, biên địa trên địa ngục; thọ mạng trên cái tiểu địa ngục này thì không dài lắm. Đây là tùy tội nghiệp nặng nhẹ của họ mà thọ báo chẳng tương đương.

Kinh văn: "Tương tùng cộng sanh, cánh tương báo thường".

Đây là nói tất cả chúng sanh, một cái là mạng, một cái là nợ, hỗ tương báo đền, quả thật là chẳng dứt, chẳng liễu; đây là một việc thật đáng sợ. Cho nên chúng ta không có học Phật thì chẳng rõ đạo lý này, chẳng biết chân tướng sự thật, ngày nay minh bạch rồi, rõ ràng rồi, những gì chúng ta thiếu của người, nhất định phải đền

trả; những gì người ta thiếu mình, chẳng cần nữa. Từ trên tâm đoạn dứt, chẳng cần nữa, giản tiện; đòi qua, đòi lại, rất là khổ não, chẳng dứt, chẳng liễu. Chúng ta hy vọng trong một đời này, cả thảy đều đem nó thanh toán, dứt điểm nó. Nhiên hậu mới dễ đi đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, nhẹ nhàng thoải mái mà đi vãng sanh, chẳng có một tơ hào chướng ngại; vậy thì đúng.

Kinh văn: "Ương ác vị tận, chung bất đắc ly. Triển chuyển kỳ trung, lũy kiếp nan xuất. Nan đắc giải thoát, thống bất khả ngôn".

Ương là mối họa ương của anh, cái ác nghiệp của anh tạo tác, anh

chưa báo hết, anh còn thiếu cái nợ mạng chưa trả xong. Làm sao anh có thể thoát ly lục đạo? Anh ngỡ rằng những oan gia trái chủ không gây rắc rối cho anh ư! Người tu hành cũng chẳng tránh khỏi. Không biết ở đây quý vị có bái Tam Muội Thủy Sám hay không? Nếu anh có bái Tam Muội Thủy Sám, anh xem Ngộ Đạo quốc sư kia, mười đời cao tăng vẫn có oan gia trái chủ chờ đợi trước mặt ông. Ngày nào đó anh phá giới, ngày nào đó anh tạo ác nghiệp thì lập tức báo thù ngay trên thân anh; anh mới biết được việc này thật đáng sợ. Ngộ Đạt quốc sư, thực tế mà nói, không có cái duyên phần tốt như chúng ta, chẳng có gặp được pháp môn Tịnh Độ. Nếu gặp được pháp môn Tịnh Độ này,

chẳng phải đã sớm được vãng sanh rồi sao? Oan gia trái chủ chẳng tìm đến trên thân của ông ta, vì ông ta chưa thể vãng sanh, cho nên oan gia trái chủ vẫn cứ ở mãi bên mình, yên tâm để chờ đợi, chờ đến khi đạo tâm ông vừa thoái thì rắc rối liền đến. Trường hợp này, kể như là tu hành gặp được tôn giả Ca Nặc Ca giúp ông điều giải, Tam Muội Thủy Sám này là do nhân duyên như vậy mà có.

Cho nên nói: "Ương ác vị tận, chung bất đắc ly", muốn thoát ly lục đạo luân hồi, đích thật là việc chẳng dễ dàng. "Triển chuyển kỳ trung", Triển Chuyển tức là tạo luân hồi, ở trong lục đạo luân hồi. "Lũy kiếp nan xuất", thời gian này là lấy kiếp để tính, lũy kiếp, vô lượng kiếp; vô lượng

kiếp đến nay chúng ta đều chẳng có cách chi ra khỏi. Tu hành muốn ra khỏi tam giới, ít nhất phải đoạn Kiến Tư phiền não. Không đoạn được Kiến Tư phiền não thì chẳng khỏi được tam giới. Đoạn Kiến Tư phiền não, khó đấy. "Nan đắc giải thoát", khó được giải thoát, Tứ Quả A La Hán mới chỉ ra khỏi tam giới, cho nên ở trong lục đạo luân hồi là "Thống bất khả ngôn", ở trong đó thì quá khổ quá khổ vậy.

Kinh văn: "Thiên địa chi gian, tự nhiên hữu thị. Tuy bất tức thời báo ứng, thiện ác hội đương quy chi".

Đơn giản mà nói, mấy câu nói này tức là "nhân quả bất hư, tất thọ kỳ

báo”. Sự việc này, chẳng phải có người đang chủ tể, chẳng phải vua Diêm La đang chủ tể, cũng chẳng phải thượng đế đang chủ tể, Phật, Bồ Tát càng chẳng đếm xỉa những việc này. Nhân duyên quả báo là hiện tượng tự tự nhiên nhiên, ví như nói làm việc xấu, đã làm một việc xấu, tự mình cảm thấy tâm bất an, ban đêm có thể nằm thấy ác mộng. Vậy ban đêm nằm ác mộng, ai sai bảo anh nằm mộng? Ai đang ở đó làm chủ tể, bảo anh đi nằm thấy ác mộng? Chẳng có ai chủ tể cả, “tự nhiên hữu thị”. Cho nên ban ngày có chỗ nghĩ, ban đêm có chỗ mộng, “tự nhiên hữu thị”, chẳng có thần minh quỷ thần nào làm chủ tể cho anh. Vậy thì hiện tượng lục đạo luân hồi này cũng là như vậy, vua

Diêm La, tiểu quỷ, chúng là người chấp pháp, giống như thế gian chúng ta là cảnh sát, quan tòa phán tội; anh không phạm pháp thì họ chẳng dám bắt anh. Khi anh phạm pháp, họ mới chấp pháp, họ mới đến chấp hành. Vua Diêm La và tiểu quỷ là kẻ chấp pháp trong đạo ngạ quỷ mà thôi, anh không phạm pháp thì họ đối với anh chẳng làm được gì, họ cũng chẳng dám tùy tiện trêu chọc anh. Trêu chọc anh thì họ phạm pháp, cho nên phải biết, đây là định luật tự nhiên.

"Tuy bất tức thời báo ứng", quả báo trong ba đời, có hiện thế báo, có lai thế báo, có hậu thế báo. Hậu thế, không nhất định thời gian dài ngắn; cho nên tạo tác ác nghiệp, cho dù hiện tiền chúng ta chẳng thấy được báo

ứng, phải biết "thiện ác hội đương quy chi", tức là khi nhân duyên tụ hội thì quả báo nhất định hiện tiền.

Đây là đoạn thứ nhất, Thế Tôn vì chúng ta nói về quả báo của việc sát sanh; chúng ta phải biết, phải hiểu rõ, đây mới thật sự đề cao tâm cảnh giác. Chẳng những không sát sanh, mà từ nay về sau chúng ta quyết định không ăn thịt chúng sanh, nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ. Trong đời quá khứ, thiếu món nợ mạng của chúng sanh, trong một đời này, thiếu món nợ mạng của chúng sanh, tính đếm không hết, trả không hết! Lẽ này những oan gia trái chủ này chịu tha cho anh sao? Đâu có đơn giản như vậy.

Cho nên người niệm Phật chúng ta, tại sao mỗi ngày phải tụng kinh, mỗi ngày phải niệm Phật? Tại sao phải hết lòng để tu hành? Còn phải hết lòng để hồi hướng? Trong Hồi Hướng Kệ: "Thượng báo tứ trọng ân, hạ tế tam đồ khổ", đem công đức chính mình tu tập đó cùng họ cộng hưởng; đây tức là báo đáp họ, hy vọng họ có thể tiếp thọ, đừng đến gây rắc rối nữa. Tôi thành Phật, đối với quý vị, cả thảy đều có lợi ích. Trước kia sai rồi, là chúng tôi ngu muội vô tri mà tạo, gây ác nghiệp, đây tức là phương pháp điều giải đấy. Nếu anh không hết lòng tu hành, họ vừa nhìn thì thấy anh là giả, anh chẳng phải thật tu hành, họ quyết định chẳng chịu tha cho anh đâu! Nhìn thấy anh tu

hành, họ bội phục anh, khi anh thành tựu họ cũng nở mặt. Cho nên anh phải thật tu, những oan gia trái chủ này sẽ chẳng tìm đến anh; nếu tu giả vẫn là không tránh miễn được. Lại xem đoạn thứ hai, đoạn này là nói về ác nghiệp của sự thâu đạo, ác đạo, ác báo.

Kinh văn: "Kỳ nhị giả, thế gian nhân dân, bất thuận pháp độ".

Pháp là pháp luật, Độ là chế độ. Trái với pháp luật, trái với chế độ, đây gọi là "bất thuận pháp độ".

Kinh văn: "Xa dâm kiêu túng, nhậm tâm tự tứ".

Cái này là nói theo cái ngu si. Tham, sân, si, mạn của họ, mặc tình tạo tội nghiệp, mưu đồ cái vui nhất thời, tạo những tội nghiệp này.

Kinh văn: "Cư thượng bất minh, tại vị bất chánh".

Đây là nói những người có quyền lực, có địa vị; đây tức là trong xã hội thời nay, chúng ta gọi là "tham tàn vô pháp", tức là lợi dụng luật pháp để hối lộ. Bất Minh tức là không phân biệt thị phi, không thể minh sát sự lý. "Tại vị bất chánh", lấy được quyền lực địa vị của họ để tác oai tác quái, là loại người này.

Kinh văn: "Hãm nhân oan uổng, tổn hại trung lương".

Vì tự tư tự lợi mà hại kẻ khác, tổn hại, hãm hại trung lương. Tại vì sao? Những bậc chánh nhân quân tử này, chắc chắn đối với chúng bất lợi, đối với chúng có phương hại. Vì muốn thực hiện tư dục của riêng chúng, phàm là quần chúng có chướng ngại, chúng cần phải đem nó thảy đều nhổ trừ hết, cho nên là lợi dục huân tâm đấy. "Tổn hại trung lương", trong lịch sử Trung Hoa, có một cái gương rõ rệt, đó là Tống Cao Tông giết chết Nhạc Phi. Nhạc Phi có tội gì? Tống Cao Tông có biết ông ta là trung không? Thưa biết. Biết trung nhưng tại sao phải giết ông ta? Đạo lý là nói, nếu như Nhạc Phi còn tiếp tục không ngừng, sau khi đem người Kim đánh

bại, đem Huy Tông, Khâm Tông hai vị hoàng đế đón về. Vua Tống Cao Tông thoạt nghĩ trong lòng, Huy Tông là cha ông ta, đương nhiên là thoái vị rồi. Lúc đó hoàng đế là Khâm Tông là anh ông ta, anh ông ta trở về rồi, ông ta muốn làm vua, liệu anh có nhường ngôi hay không? Ông ta vừa chợt nghĩ. Ồ! Vẫn là chẳng cần hai người này, tốt hơn ta tự làm hoàng đế. Còn Nhạc Phi, ngu si đấy, ông nhất định đi đánh lính Kim rước hai vị hoàng đế về, đó là cây gai trong mắt của Tống Cao Tông, sao ông ta chẳng giết hắn chứ? Cho nên Nhạc Phi rất ngu si đấy, nếu Nhạc Phi thông minh, hiểu được tâm lý của Tống Cao Tông thì tốt nhất là về hưu phải không? Rút về hưu thì là vô sự, cho nên đây là

ngu trung. Tần Cối là Thừa Tướng, sau khi hai vị vua Huy Tông, Khâm Tông trở về, chức thừa tướng của Tần Cối nhất định phải nhường cho Nhạc Phi, chức hoàng đế của Tống Cao Tông phải nhường cho Khâm Tông. Sao hai người này có thể cam tâm tình nguyện được chứ? Thôi được, giết quách nó đi, trung cũng chẳng thể được, trung cũng đem nó giết quách. Vì quyền lợi dục vọng của mình, "tổn hại trung lương", sự việc là như vậy, quá nhiều quá nhiều. Cổ kim trung ngoại, nếu đầu óc chư vị hơi định tĩnh một tí thì có thể nhìn thấy rất rõ ràng, rất minh bạch.

Kinh văn: "Tâm khẩu các dị".

Trong tâm nghĩ tưởng đó, cùng lời trong miệng thoát ra khác nhau.

Kinh văn: "Cơ ngụy đa đoan".

Cơ là nói cơ trác, cái tâm tự lừa, lừa người. Ngụy là hư ngụy.

Kinh văn: "Tôn ty trung ngoại, cánh tương khi cuống".

Tôn là đối với trưởng bối của mình, Ty là đối với thuộc hạ của mình, đều chẳng nói lời thật thà, đều là dùng thủ đoạn gạt gẫm.

Kinh văn: "Sân khuể ngu si, dục tự hậu kỷ, dục tham đa hữu. Lợi hại thắng phụ, kết phẫn thành

thù. Phá gia vong thân, bất cố tiền hậu”.

Những thứ này đều thuộc về đạo tâm, như khi nãy tôi vừa nói về Tống Cao Tông, đây là đạo tâm, đoạt lấy ngôi vua của anh mình. Chữ Đạo này, bất luận anh dùng thủ đoạn gì, chẳng phải đồ của người ta tình nguyện cho anh, anh lấy nó đều gọi là đạo, tức là trộm đạo. Tống Huy Tông vẫn chẳng có truyền ngôi cho Tống Cao Tông. Khi anh đã làm hoàng đế thì cự tuyệt hắn, chẳng để hắn về nước, đây là đạo tâm đấy. Cho nên từ trong thí dụ này thì quý vị có thể hiểu rõ phạm vi của chữ Đạo này vô cùng rộng lớn. Trong kinh điển Phật giải thích ý nghĩa của chữ Đạo là “bất dữ thủ”, vật ấy có

chủ, họ chưa bằng lòng cho anh, thì anh lấy về, bất luận dùng thủ đoạn gì. Phía trước có nói là, "cư thượng bất minh, tại vị bất chánh", Tại Vị là tại địa vị này họ có quyền lực, ngày nay muốn nhờ họ làm một việc gì, họ cần hối lộ thì anh cam tâm tình nguyện đem tiền tặng cho họ, trên thực tế, nào phải cam tâm tình nguyện đâu? Bất đắc dĩ mà cho họ đấy, cũng là trộm lấy thì cái đó cũng gọi là Đạo, tại vì sao? Vì chẳng phải anh cam tâm tình nguyện cúng dường cho họ, là họ lấy quyền thế bức bách anh, anh không thể không tặng lễ vật cho họ. Cách này đều là đạo tâm, đây đều là đã phạm cái gọi là đạo ác đấy.

"Sân khuể ngu si, dục tự hậu kỷ", hy vọng tự mình có được lợi ích

phong mạo. "Dục tham đa hữu", đối với thế gian này, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, tham mà không chán. "Lợi hại thắng phụ", đây là nói chỗ họ có được, có lợi có hại, có thắng có thua. Trước mắt thì anh có lợi đấy, có thắng; tuy nhiên, oán thù kết xong rồi thì quả báo chẳng thể tránh miễn.

"Kết phẫn thành thù", đến lúc quả báo hiện tiền, "phá gia vong thân", đây là hiện thế báo; những sự việc này đều có trước mắt. Trong lúc họ đắc chí, chẳng thể đời đời có quyền có thế, đến lúc họ xuống đài rồi, những người trước kia đắc tội với họ, đều đến để gây rắc rối, đều muốn đến để trả thù. Lịch sử là một tấm gương, trong lịch sử chúng ta thấy được những nhân vật oai thế cực thịnh một

thời, có mấy ai có thể truyền được ba đời. Đến lúc tuổi về chiều, phần nhiều đều chẳng đảm bảo, một đời đều chẳng đảm bảo; con cháu, càng chẳng cần nói nữa, quá nhiều quá nhiều, chẳng biết tu thiện tích đức. Lúc còn đương quyền, có quyền có thế, vào lúc này, người có trí tuệ, người thông minh, tự mình đại tu thiện đức, thì quả báo của họ sẽ thù thắng. Nếu tác oai tác thế, lấy cái này để khinh khi hiếp đáp kẻ khác, vậy thì tội ác ghê gớm lắm. Đến cuối cùng thì là "phá gia vong thân, bất cố tiền hậu", chữ Tiền Hậu này tức là nói nhân quả, tiền nhân hậu quả đấy. Anh tạo nhân gì thì quả báo theo sau đó, quả báo đó đang chờ đợi anh. Quả báo đang chờ anh này, là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Kinh văn: "Phú hữu xan tích, bất khẳng thí dữ".

Thật tại mà nói, Phú Hữu là quả báo của đời trước tu bố thí, tại sao họ có được quả báo tốt lành này, lại chẳng chịu tu nhân nữa? Là vì ngu si. Lời Phật nói, tu phước không tu tuệ có được đại phú, họ ngu si, chẳng biết tiếp tục tu thiện nữa thì cái phước báo ấy sẽ hưởng hết đời này. Một đời hưởng hết, thì một đời này họ tạo đó là ác nghiệp; ác nghiệp thành thục rồi lại đọa lạc trở xuống, nhà Phật gọi là "Tam thế oan". Đời thứ nhất tu phước. Đời thứ hai hưởng phước, tạo nghiệp; phước hưởng hết rồi, ác nghiệp thành rồi. Đời thứ ba đọa lạc, tam thế oan,

oan uổng đấy. Nếu như thật sự hiểu rõ rồi, thật sự biết được những chân tướng sự thật này rồi, trong đời này ta giàu có, hy vọng đời đời đều giàu có, thì cứ bố thí tài đi. Tài bố thí thì được tài phú, tài bố thí là tu nhân, được tài phú là quả báo. Ngày nay, trong nhóm đồng tu chúng ta cũng có nhiều người rất giàu có, tôi đều nói với họ, anh cứ tưởng rằng anh có tài cán, kiếm được tiền, anh sai rồi! Những người tài cán hơn anh khá nhiều, những người có cơ hội tốt hơn anh, cũng khá nhiều, tại sao những người đó chẳng phát tài, mà chỉ mình anh phát tài? Là nhờ đời trước anh tu đó.

Đời trước anh tu bố thí tài, đời này anh được số tài phú này, là có nhất định. Trước kia anh tu được

nhiều thì đời này có được nhiều; trước kia tu được ít thì đời này được ít. Trước kia khi bố thí, hoan hoan hỷ hỷ khoái khoái lạc lạc, thì đời này cũng kiếm được tiền một cách hoan hỷ khoái lạc, một tí cũng chẳng nhọc tâm. Quá khứ bố thí rất khó khăn như cắt thịt mình vậy, ôi chao! Đời này anh buôn bán để kiếm tiền, kiếm được đó rất cực khổ. "Nhân duyên quả báo tơ hào chẳng sai", tức là sự việc như thế đó mà thôi; phải biết điều này. Pháp bố thí là nhân, thông minh trí tuệ là quả; chúng ta muốn có được thông minh trí tuệ, phải tu Pháp bố thí. Khỏe mạnh sống lâu là quả báo, phải tu Vô Úy bố thí; chư vị biết được, trì giới tức là Vô Úy bố thí.

Ví như nói, anh giữ cái giới không sát sanh, những loại động vật nhìn thấy anh sẽ không sợ hãi, tại sao vậy? Vì anh chẳng làm hại chúng, chúng nó không sợ, chúng nó không bị khủng bố, không sợ hãi. Anh giữ cái giới không trộm cắp, thì tiền bạc của họ để sờ sờ trước mắt, người này giữ giới không trộm cắp, chẳng sao cả, họ sẽ chẳng trộm của tôi, họ sẽ chẳng có cái tâm sợ hãi, lìa xa khủng bố. Cho nên Vô Úy bố thí, được khỏe mạnh sống lâu. Quả báo thế nào thì có cái nhân thế đó. Cho nên xan lận, là xả chẳng được để giúp đỡ kẻ khác, chẳng chịu bố thí, ban cho, đây là quả báo ở sự bần cùng ở đời sau.

Kinh văn: "Ái bảo tham trọng, tâm lao thân khổ".

Chữ Ái này là tham ái, tham ái vàng bạc của cải của thế gian. Tâm tham rất nặng, họ đều muốn có thể bảo trì giữ lấy, kỳ thật cái chi cũng chẳng được cả, đều là ngu si, đều là ở đó nổi dậy vọng tưởng. Người thế gian thường nói, "sanh chẳng mang đến, chết chẳng mang đi", họ vẫn chưa chết cho nên họ vẫn muốn bảo trì; kỳ thật, mỗi người chúng ta, mỗi đêm đều phải chết một lần. Thật tình mà nói, lúc anh ngủ, thân thể của anh bị người ta khiêng, anh cũng đều chẳng hay biết, huống chi là vàng bạc của cải ư? Anh thử nghĩ xem, anh nằm mơ khi đang ngủ, cái nào là của

anh? Chẳng có một thứ nào là của anh cả. Phải giác ngộ, phải thật sự biết tu thiện tích đức. Vật ở thế gian này, chẳng có một thứ nào có thể được cả, gồm cả cái thân thể của chính anh, đều chẳng thể được mà; nếu như thân thể có thể được, vậy anh có muốn già không, anh có muốn bệnh không? Người người đều muốn năm năm đều là mười tám cả; tuổi thanh xuân giữ không nổi tức là thân thể chẳng thể có được.

Chẳng có một thứ nào có thể có được, thân thể chẳng thể có được, huống chi là vật ngoại thân ư? Cho nên nhất định phải nhìn lạc quan, phải nhìn thấu; thật sự có thể buông xuống rồi thì người này được đại tự tại, đó

thật là hạnh phúc khoái lạc đấy. Cho nên việc buông xuống là phải nên, phải nên buông xuống, vì sao? Là vì chẳng thể được. Chẳng thể được thì tại sao chẳng buông xuống? Quả nhiên đã được rồi. Nếu anh chẳng buông xuống thì Phật cũng gật đầu, Phật cũng tán thán, bởi vì chính anh nghĩ thế nào cũng đều là không, đều chẳng thể được, một trường trống không.

Cho nên Phật dạy chúng ta buông xuống, là việc tối chính xác. Là vì lý do gì? Bảo chúng ta buông xuống, tức là bởi vì vốn anh chẳng thể có được. Cho nên kẻ ngu si, kẻ mê hoặc kia, thật là đáng thương, "tâm lao thân khổ", họ ngu si, chẳng được chi cả mà

họ nằng nặc muốn được thì đây là khổ, thân tâm đều khổ cả.

Kinh văn: "Như thị chí cánh, vô nhất tùy giả".

Đây là đến sau cùng, một hơi thở không hít vào nữa thì chẳng có một thứ nào mang theo được; tức là chết chẳng mang theo đấy.

Kinh văn: "Thiện ác họa phước, truy mạng sở sanh".

Có một thứ có thể mang đi, đó nghiệp lực thiện ác có thể đi theo anh; trong đời này anh hành thiện thì phước sẽ theo sau anh, anh có phước báo. Trong đời này anh làm ác thì tai họa theo anh, anh chẳng tránh khỏi

thọ khổ thọ nạn; "thiện ác họa phước, truy mạng sở sanh", bất luận anh đến đạo nào, nó sẽ đi theo anh.

Kinh văn: "Hoặc tại lạc xứ, hoặc nhập khổ độc".

Nếu như là thiện, là phước, đó là tốt thì anh sẽ sanh nơi lạc xứ, anh hưởng phước. Nếu như anh tạo tác ác nghiệp đa đoan, vậy nhất định tương lai anh đi vào tam ác đạo thọ khổ.

Kinh văn: "Hựu hoặc kiến thiện tăng báng, bất tư mộ cập. Thường hoài đạo tâm, hy vọng tha lợi. Dụng tự cung cấp, tiêu tán phục thủ".

Đến đoạn này, đây là đem đạo tâm, hành vi của đạo tức là tâm và

hành vi trộm đạo, hiển thị ra vô cùng rõ ràng. Nhìn thấy kẻ khác thiện, kẻ khác có thiện hạnh, thiện sự, thiện phước, họ khó chịu trong lòng; đố kỵ thành thù hận, muốn tìm cách phá hoại nó, muốn đem lợi ích của nó quy về làm của mình, chiếm làm của mình, đây là đạo tâm. Thấy thiện, ghét hận, hủy báng, đây là tạo nghiệp rồi. "Bất tư mộ cập", họ chẳng biết cũng chẳng hiểu được, gặp người thiện, việc thiện phải nên hân hoan, ngưỡng mộ; phải nên biết tùy hỷ "thành nhân chi thiện". Thấy người ta thiện, thấy người ta có chỗ hay, chúng ta sanh lòng hoan hỷ tâm, đây tức là tu phước, đây tức là tích đức; nếu như, sau khi nhìn thấy liền sanh đố kỵ, có sân giận, còn muốn tìm cách đi phá hoại thì tội

nghiệp này tạo rất nặng. Họ chẳng biết mộ cập, chẳng biết tu tùy hỷ công đức.

"Thường hoài đạo tâm", trong mỗi niệm đều có ý niệm của trộm đạo; "hy vọng tha lợi, dụng tự cung cấp", đây tức là muốn tìm phương cách đoạt lấy lợi ích của người khác. Ở phía trước chúng tôi có nói đến Tống Cao Tông, là làm cách này; Tống Cao Tông cùng Tần Cối đem công lao lợi ích lúc bấy giờ của Nhạc Phi chiếm làm của riêng. "Tiêu tán phục thủ", dùng hết rồi, hưởng hết rồi, thì làm lại; lại đi đoạt lấy của kẻ khác, tội nghiệp này tạo rất nặng vậy.

Kinh văn: "Thần minh khắc thức, chung nhập ác đạo. Tự hữu

tam đồ vô lượng khổ não, triển chuyển kỳ trung, lũy kiếp nan xuất, thống bất khả ngôn”.

Họ chẳng có nghĩ đến quả báo theo sau thật quá đáng sợ, “thần minh khắc thức”; chữ Thức này đọc là Xược, là nghĩa ghi chép, tức là anh đang tạo tội nghiệp thì có trời đất quỷ thần đều ghi vào sổ sanh tử của họ cả, là ý nghĩa này. Chỗ gọi là bên cạnh vua Diêm Vương có vị phán quan, tức là ghi chép sự thiện ác của một đời người; “thần minh” tức là những vị phán quan. Họ ghi chép tất cả, một việc cũng chẳng sót. Vậy đây là từ trên Sự mà nói, nếu như từ trên Lý mà nói thì sao? Trong lương tâm của anh, chẳng có cách chi tiêu diệt cái tội

nghiệp này, đây là từ trên Lý mà nói. "Chung nhập ác đạo", kết quả của anh, quyết định đọa tam ác đạo, "tự hữu tam đồ", ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục; cứ xem tội nghiệp anh tạo đó là nhẹ hay nặng, tương lai anh phải đến đạo nào để đi thọ tội. Chúng ta phải cảnh giác điều này, phải thật sự bừng tỉnh; tại thế gian này, cho dù chúng ta đang hưởng phước, hưởng được mấy ngày?

Của cải bất nghĩa, mà chúng ta dùng thủ đoạn chẳng chánh đáng đi đoạt lấy, không nên có được; cho dù hưởng thụ được một trăm năm đi nữa, người sống đến một trăm tuổi không nhiều, anh phải đọa lạc đến tam đồ, quả báo đó thật là ngàn ngàn tuổi, vạn vạn tuổi đấy nhe! Thật sự không đáng như vậy. Tại sao chẳng chịu cắn chặt

răng mình, sống cho qua ngày tháng cực nhọc vài năm, tương lai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới được vô lượng thọ, khoái lạc không chi sánh bằng, hà tất phải tạo tội nghiệp này? Đây là tại trong kinh này, Thế Tôn nhiều lần bảo chúng ta phải thâm tư, phải thục kế, phải suy nghĩ cho đàng hoàng, phải tính toán cho đàng hoàng kỹ lưỡng. Đây quả là được chẳng đủ bù chỗ mất; quyết định không thể làm, lợi ích quá ít oi nhưng hậu quả quá khổ quá khổ. Đây là nói về cái ác của sự thâu đạo, nhân quả báo ứng đều vì chúng ta nói ra hết. Đoạn thứ ba là nói về cái ác của dâm dục.

Kinh văn: "Kỳ tam giả, thế gian nhân dân tương nhân ký sanh, thọ mạng kỷ hà?"

Đây là, vừa mở đầu, Thế Tôn liền đem chân tướng của thế nhân vì chúng ta nói ra rồi. "Thế gian nhân dân tương nhân ký sanh", chữ Tương Nhân là hỗ tương, nương tựa nhau; đích thật con người chẳng thể độc lập sanh tồn tại thế gian này. Quý vị xem, ba bữa ăn của chúng ta, có bao nhiêu người ở đó kinh doanh cung cấp cho chúng ta? Anh nông phu canh tác, chúng ta mới có lúa thóc; trồng rau cải, chúng ta mới có cải này để ăn; những thứ dầu, muối, tương, dấm, bột ngọt, bao nhiêu công nhân, công xưởng đang làm việc? Còn quần áo

chúng ta mặc, bất luận là gòn, bất luận là tơ, bất luận là thành phần hóa học hiện đại, bao nhiêu công nhân đang ở đó đổ mồ hôi? Phật hiểu rõ ràng minh bạch, chúng ta sống trong thế gian này, bao nhiêu người có ân đức với chúng ta? Làm cách nào chúng ta báo đáp họ?

"Tương nhân ký sanh", hỗ tương chi viện đấy mà. Thiếu một ngành nghề nào đều chẳng được, điều này giống như là tự nhiên sanh thái, thiếu đi một ngành nghề đều chẳng được.

"Thọ mạng kỷ hà?", ở tại thế gian này, chúng ta có thể sống được mấy năm? Thật tại thì chúng ta cùng với vua Diêm La đâu có khế ước gì? Một hơi thở không còn nữa thì một đời qua rồi. Trong kinh Phật nói với

chúng ta, mạng người ở giữa sự hô hấp, đây đều là nói lời thật. Cho nên nhất định phải biết cảnh giác, lấy thời gian có hạn của chúng ta để đi tu tích công đức cho đàng hoàng.

Nhất là gặp được pháp môn này, pháp môn này thật tại khó gặp được. Gặp được pháp môn này, nói một cách khác, quý vị có cơ hội siêu việt lục đạo luân hồi, quý vị có cơ hội một đời thành Phật làm Tổ đấy. Chẳng gặp được pháp môn này, chẳng gặp được kinh điển này thì quý vị không gặp được cơ hội này; tạo lục đạo luân hồi, theo tình thì tha thứ được, có thể tha thứ. Nếu gặp được cơ hội này mà vẫn đi tạo lục đạo luân hồi thì đây không thể tha thứ; cho nên nhất định phải đề cao cảnh giác. Phía dưới nói:

Kinh văn: "Bất lương chi nhân".

Bất Lương tức là bất thiện, chúng ta thường gọi là người ác; Phật nói chuyện rất hàm xúc, chẳng nói người ác mà nói "bất lương chi nhân".

Kinh văn: "Thân tâm bất chánh, thường hoài tà ác".

Chữ Tà này tức là nói tà dâm, cái xã hội thời nay này, mọi người chẳng nói đến luân lý đạo đức; xã hội xưa kia bảo thủ, mọi người đều thủ lễ. Hiện nay tự do cởi mở nên hiện tượng này trong xã hội này vô cùng phổ biến; so với trước kia chẳng biết tăng trưởng hơn bao nhiêu bao nhiêu lần. Cho nên làm sao thế gian này chẳng

loạn được chứ? Điều này có thể nói là, căn nguyên của xã hội động loạn.

Kinh văn: "Thường niệm dâm dật, phiền mãn hung trung, tà thái ngoại dật".

Hai câu này là hình dung tâm dâm rất mạnh, đây là phiền não, dục vọng như lửa thiêu, chẳng khác.

Kinh văn: "Phí tổn gia tài".

Đây là nói kẻ lãng tử, ăn uống chơi bời, cờ bạc, là đứa con phá của.

Kinh văn: "Sự vi phi pháp".

Sự việc này, quyết định là phạm pháp, quyết định là trái với lễ nghi,

làm không hợp lý, làm phạm pháp, trái với luân lý đạo đức.

Kinh văn: "Sở đương cầu giả, nhi bất khẳng vi".

Đương Cầu là chúng ta thủ lễ, thủ pháp, họ chẳng chịu làm; họ vẫn làm những việc xấu xa này, muốn đi làm những việc tà ác này.

Kinh văn: "Hựu hoặc giao kết tụ hội, hưng binh tương phạt. Công kiếp sát lục, cưỡng đoạt bức hiếp. Quy cấp thê tử, cực thân tác lạc. Chúng cộng tăng yếm, hoạn nhi khổ chi".

Đoạn lời nói này, e rằng các bạn đồng tu, thông thường chẳng lý giải được dễ dàng lắm; đọc thuộc lịch sử thì quý vị sẽ hiểu rõ ý của Phật muốn nói chỗ này. Vào thời xưa Trung Hoa, nhiều cuộc chiến tranh đều là bởi tham đồ nữ sắc mà dẫn khởi. Quốc phá gia vong, vua Trụ làm thí dụ, Châu Vương làm thí dụ; trong lịch đại, chỉ cần đã phạm nhiều hay ít sự việc này, không phải mất nước thì có lẽ cũng gần như vậy. Đường Minh Hoàng, chư vị đều biết vì sủng ái Dương Quý Phi, cơ hồ gần mất nước.

Bởi nhờ một người tốt là Quách Tử Nghi, nếu chẳng có Quách Tử Nghi bình định được An Lộc Sơn thì triều nhà Đường sẽ chẳng còn, là vì cái gì? Vì Dương Quý Phi. Khi Mãn

Thanh nhập quan, Ngô Tam Quế tiếp dẫn quân Thanh, vì cái gì? Chẳng phải vì bảo vệ quốc gia, là vì yêu cô Trần Viên Viên; đều là vì đàn bà. Đoạn này là nói những sự việc này,“giao kết tụ hội, hưng binh tương phạt, công kiếp sát lục, cưỡng đoạt bức hiếp, quy cấp thê tử”, là đi làm những sự việc này.

Trong lịch sử Trung Hoa có, lịch sử ngoại quốc cũng có. Hiện tại trên xã hội này, tình hình của loại này quá nhiều quá nhiều. Tuy nhiên, họ chẳng có oai quyền cao như vậy, chẳng có tổn hại lớn như vậy. Hằng ngày, từ trên báo chí chúng ta thấy được, từ trên tin tức thấy được, mang đến sự bất an cho xã hội. Chỉ cần phạm rồi, mặc dù chẳng phải nhà tan người chết,

mang đến cho chính họ, mang đến cho rất nhiều người bị họ hại. Hại người, quyết định chẳng phải chỉ hại một người; hại một người, họ còn có thân thuộc, còn có cha mẹ, thậm chí còn có con cái gia đình của mình. Vậy điều này đích thật là thấy được vô cùng phổ biến trong xã hội chúng ta ngày nay.

"Chúng cộng tăng yếm", chữ Chúng Cộng là xã hội đại chúng, thấy được những hành vi này đều chán ghét họ, chẳng thích nhìn thấy. "Hoạn nhi khổ chi", mang đến cho xã hội sự bất an, bất định, mang đến cho đại chúng sự ưu hoạn, mang đến đau khổ; tội nghiệp do tổn hại tạo nên thì nặng rồi. Vậy những người tạo tác tội nghiệp ở thế gian này họ có thể chẳng

nghĩ đến, họ chẳng nghĩ đến tầm vóc thương hại lớn như vậy, thương hại có thể sâu như vậy; họ chẳng nghĩ đến. Đây là ngu si mông muội, chẳng có trí tuệ.

Kinh văn: "Như thị chi ác".

Đây là chỉ cho tà dâm, trong tà dâm có thể dẫn khởi trộm đạo, có thể dẫn khởi sát hại. Tuy nhiên, cái nguyên nhân căn bản kia là vì tà dâm, cho nên nó cả thảy đều quy ở dâm ác, quy ở trong cái này. Vì cái động cơ này tạo tác tội nghiệp vô lượng vô biên.

Kinh văn: "Trước ư nhân quỷ".

Chữ Trước này là hiển trước, người nhìn thấy rõ rõ ràng ràng minh minh bạch bạch, quỷ thần cũng nhìn thấy rõ rõ ràng ràng minh minh bạch bạch.

Kinh văn: "Thần minh ký thức, tự nhập tam đồ".

Đây là nói quả báo tương lai nhất định được cái báo ứng của địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Kinh văn: "Vô lượng khổ não, triển chuyển kỳ trung. Lũy kiếp nan xuất, thống bất khả ngôn".

Quả báo cùng với cái ác phía trước chỗ tạo, sát sanh, trộm cắp,

chẳng có khác nhau, rất là nghiêm trọng. Xin xem tiếp đoạn thứ tư, đoạn này là nói về cái quả của vọng ngữ, cùng với sự báo ứng của nó.

Kinh văn: "Kỳ tứ giả, thế gian nhân dân bất niệm tu thiện".

Chữ Thiện này là chỉ cho khẩu nghiệp, thiện nghiệp của miệng.

Kinh văn: "Lưỡng thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ỷ ngữ".

Lưỡng Thiệt là khiêu khích thị phi; Ác Khẩu là lời nói thô lỗ làm tổn thương tôn nghiêm của người ta; Vọng Ngôn tức là vọng ngữ để tâm gạt người, lừa gạt người; Ỷ Ngữ cũng

là gạt người, tuy nhiên ngôn ngữ dùng để nói đó là hoa ngôn xảo ngữ. Nếu quý vị chẳng có trí tuệ, chẳng có khả năng biện biệt, họ nói rất hay thường thường bị mắc lừa. Phạm vi của ỷ ngữ bao quát vô cùng rộng, giống như trên nhiều quảng cáo hiện nay chúng ta gọi là quảng cáo màu vàng, quảng cáo màu xám, những loại này. Như âm nhạc, điện ảnh, ca kịch, chỉ cần là nội dung dụ người ta đi làm sát đạo dâm vọng, đều gọi là ỷ ngữ; phạm vi của nó bao quát rất rộng rất rộng. Tạo tác tội nghiệp thì vô cùng vô cùng nặng, bởi vì nó ảnh hưởng cả cái xã hội, dẫn dụ cái nhân tâm của xã hội.

Kinh văn: "Tăng tật thiện nhân, bại hoại hiền minh".

Những người vọng ngữ này, đối với người tốt, người hiền thiện, chẳng những họ chẳng tôn kính, họ còn đố kỵ, làm hại người ta, tìm biện pháp phá hoại họ.

Kinh văn: "Bất hiếu phụ mẫu, khinh mạn sư trưởng".

Đây là đạo lý nhất định, giả như họ hiếu thuận cha mẹ, tôn sư trọng đạo thì quyết định sẽ chẳng vọng ngữ, tại vì sao? Là vì tiếp nhận sự chỉ dạy của sư trưởng. Làm gì có cha mẹ, sư trưởng dạy đệ tử đi gạt người? Không có việc này. Đây là ngay cả cha mẹ, sư trưởng đều lừa gạt cả, đều chẳng tôn kính, "khinh mạn sư trưởng".

Kinh văn: "Bằng hữu vô tín".

Những hạng người này trong xã hội, trong tâm mục của họ chỉ có lợi hại, chỉ cần đối với họ có lợi thì chẳng có việc ác nào mà chẳng làm. Nếu chẳng có lợi thì họ hoàn toàn bài xích, cho dù là phụ mẫu sư trưởng, gia thân quyết thuộc, họ cũng chẳng nhận ra, họ chỉ biết tham đồ hưởng thụ, tham đồ lợi nhỏ trước mắt.

Kinh văn: "Nan đắc thành thật".

Họ chẳng biết thành thật, đây là sự việc gì đây?

Kinh văn: "Tôn quý tự đại, vị kỷ hữu đạo".

Đây tức là kiêu mạn, cái ngạo mạn từ vọng ngữ lừa gạt kẻ khác mà sanh ra; loại mạn này, trong Phật pháp gọi là ty mạn. Thật tại mà nói, từ trong tự ty cảm này, sanh cái ngạo mạn rất mãnh liệt. "Tôn quý tự đại, vị kỷ hữu đạo", câu này, trong Phật pháp gọi là đại vọng ngữ. Trong Giới Kinh, Phật nói với chúng ta, quả báo của đại vọng ngữ là tại A Tỳ địa ngục, tại vì sao? Bởi vì họ phá hoại Tam Bảo. Bất luận tại gia hay xuất gia, người học Phật phải trì giới, phải chân thành; lấy Phật pháp đi lừa người thì tội ấy lớn đấy. Lừa những người nào vậy? Lừa những tín đồ rất thật thà, rất cung

kính thành thật. Tín đồ chẳng có hoài nghi, thấy anh là đại thiện tri thức, là đại pháp sư, là đại đức, cư sĩ, trưởng giả, họ tin tưởng anh; nếu anh giữ lấy tâm thâu đạo, giữ tâm lừa gạt thì tội anh nặng rồi. Những hạng người này tuyên bố ra sao? Họ tuyên bố chính họ đã đắc đạo rồi.

Trong xã hội hiện nay này, chúng ta thường thường nghe thấy, có người cho tôi hay, người nào đó nói họ là Bồ Tát gì đó tái lai, là Phật gì đó tái lai. Ồ! Sao quá nhiều người tái lai như vậy? Đích thật có người tái lai trong Phật môn chúng ta, tuy nhiên, một khi thân phận người tái lai đó vừa lộ thì họ liền đi ngay. Nếu như thân phận lộ ra rồi mà vẫn còn đó, chưa đi! Đây là điều quái lạ. Chư vị biết được,

trong Phật môn, Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư là người tái lai, là A Di Đà Phật tái lai, trong lịch sử có ghi chép điều này. Tuy nhiên, thân phận người ta vừa lộ ra thì liền đi mất. Xưa kia, chùa Quốc Thanh ở núi Thiên Thai có Phong Can, Hàn Sơn, Thập Đắc là người tái lai; thân phận người ta vừa lộ ra là đi ngay. Từ trước đến nay chưa từng nghe nói qua một người nào, thân phận lộ ra rồi mà không chịu đi, chưa thấy qua; nhưng bây giờ nhiều lắm. Rốt cuộc là thật hay giả, tự anh đi biện biệt, chúng tôi chẳng cần nói nữa.

"Vị kỷ hữu đạo", đây là đại vọng ngữ đấy, chưa được thiền định, nói đã được thiền định; chưa khai trí tuệ, nói đã khai trí tuệ. Ôi chao! Đây là rất

nhiều rất nhiều. Mấy năm về trước tôi giảng kinh ở Los Angeles, ở đây có năm thanh niên; tôi nghe người ta nói năm người thanh niên này đều khai ngộ cả. Tây Tạng có một số Lạt Ma, Nhân Ba Thiết qua bên ấy hoằng pháp, thọ ký cho năm người này, chứng minh họ đã khai ngộ.

Ở bên đó, sau khi tôi giảng kinh xong, họ đến tìm tôi cũng hỏi tôi họ có khai ngộ không? Tôi đều nói lời thật, tôi nói, các anh chưa khai ngộ. Họ liền rất tức giận, nói: "Phật sống Nhân Ba Thiết đều nói tôi đã khai ngộ, sao thầy nói tôi chưa khai ngộ?" Tôi bèn nói: "Tôi chưa khai ngộ, anh đến hỏi tôi thì anh nhất định chưa khai ngộ đấy. Anh đã khai ngộ, còn đến hỏi tôi sao?" Thế gian là có những

chuyện quái gỡ như vậy, đúng là chuyện quái gỡ; cho nên tôi không nói vọng ngữ, tôi nói lời thật. Đây là lừa gạt người, tự gạt, gạt người.

Kinh văn: "Hoành hành oai thế, xâm dịch ư nhân".

Cho nên hoành hành bá đạo, xâm phạm kẻ khác.

Kinh văn: "Dục nhân úy kính, bất tự tàm cụ".

Thật tại mà nói, mục đích của họ rất đơn giản, tức là hy vọng kẻ khác đối với họ cung kính, cầu danh văn lợi dưỡng. Hơn nữa là cái xã hội hiện nay chẳng kể thủ đoạn, cái gọi là đề

cao độ nổi tiếng, làm những việc này. Đây đều là vọng ngữ ác, chẳng biết hổ thẹn, chẳng sợ nhân quả báo ứng.

Kinh văn: "Nan khả hàng hóa".

Phật, Bồ Tát đối với những người này cũng chẳng có biện pháp dắt dẫn dạy dỗ, tại vì sao? Vì chẳng chịu tiếp thọ, chẳng chịu học cái tốt.

Kinh văn: "Thường hoài kiêu mạn, lại kỳ tiền thế, phước đức doanh hộ".

Hiện nay họ sống cuộc sống rất được chẳng tệ, hình như có vẻ rất có phước báo. Nguyên nhân gì vậy? Trong đời quá khứ tu phước báo đó

lớn, cho nên trong đời này cái tội nghiệp tạo tác đó, quả báo ác chưa hiện tiền; đời hiện tại này, chỗ họ thọ đó là phước báo của đời trước tu được. Nhà Phật thường nói: "Dục tri quá khứ nhân, kim sanh thọ giả thị", họ hưởng thụ trong đời này đó là đại phước báo tu được trong đời quá khứ; cho nên hiện nay họ hưởng phước. "Dục tri lai thế quả, kim sanh tác giả thị", đời này họ làm việc đại ác như vậy, quả báo chưa hiện tiền, quả báo là ở đời sau. Cho nên hiện nay rất nhiều người chẳng tin nhân quả báo ứng. Xem kìa, hình như không đúng, quý vị xem, người thiện làm việc tốt mà họ đáng thương như vậy, nghèo khó như vậy, chẳng có hảo báo. Còn những kẻ kia làm ác mà lại đại phú

đại quý, diệu võ dương oai; nhà Phật nói về nhân quả báo ứng, hình như là giả chẳng phải thật. Họ chẳng biết là nhân quả, quả báo là ba đời đấy, họ chẳng biết được đạo lý này.

Kinh văn: "Kim thế vi ác, phước đức tận diệt".

Phước báo ấy của họ, phước báo của đời trước tu đó, bởi vì đời này làm ác, phước báo của họ hưởng hết sạch, dư phước đều chẳng còn; phước báo đó hưởng hết rồi.

Kinh văn: "Thọ mạng chung tận, chư ác nhiễu quy".

Đến khi thọ mạng của họ hết rồi, phước báo hưởng hết rồi, nghiệp lực của ác hiện tiền rồi thì đọa lạc; lúc đó thì khổ chẳng thể nói nữa, "chư ác nhiễu quy". Quyết định họ chẳng thể miễn trừ được.

Kinh văn: "Hựu kỳ danh tịch".

Tên tuổi của họ, những sự tích của họ, tội tích của sự tạo tác những điều ác này, tội nghiệp chồng chất.

Kinh văn: "Ký tại thần minh, ương cữu khiên dẫn, vô tùng xả ly".

Họ là quyết định chẳng thể thoát ly, họ nhất định phải nhận chịu quả báo.

Kinh văn: "Đản đắc tiền hành, nhập ư hỏa hoạch".

Hỏa Hoạch tức là chúng ta gọi là đỉnh dầu, trong địa ngục có đỉnh dầu, chảo dầu. Nhập vào cái đỉnh này.

Kinh văn: "Thân tâm tồi toái, thần hình khổ cực, đương tư chi thời, hối phục hà cập".

Đến trong địa ngục để thọ báo này, núi đao, cây kiếm, đỉnh dầu, thọ những thứ khổ báo, lúc đó hối hận cũng chẳng kịp nữa. Hôm nay thì giờ đã đến. A Di Đà Phật

Tập 23

Xin lật kinh bản, trang một trăm bốn mươi mốt, hàng thứ tư, từ câu thứ hai bắt đầu xem.

Kinh văn: "Kỳ ngũ giả, thế gian nhân dân tỷ ỷ giải đãi. Bất khẳng tác thiện, trị thân tu nghiệp. Phụ mẫu giáo hối, vi lệ phản nghịch. Thí như oán gia, bất như vô tử. Phụ ân vi nghĩa, vô hữu báo thường".

Đến chỗ này là một đoạn nhỏ, đoạn thứ năm phía sau; trong năm giới, đây là giới uống rượu. Trong đoạn này nói với chúng ta cái lỗi của rượu, đồng thời trong đoạn văn này hàm nghĩa rất rộng; vậy cũng đề cập

đến tham, sân, si, đây là tam ác của ý nghiệp. Vậy do đây có thể biết, trong phẩm kinh này chẳng những là nói ngũ giới, trên thực tế cũng đem Thập Thiện bao gồm luôn trong đó. Ví như chúng ta đọc đến vọng ngữ ác, trong vọng ngữ, Ngài cũng nói đến bốn cái lỗi của miệng, ác khẩu, lưỡng thiệt, vọng ngữ, ỷ ngữ. Trên thực tế, kinh văn này là rất viên mãn, đã bao quát Thập Thiện Nghiệp Đạo. Ngũ Giới cùng với Thập Thiện Nghiệp Đạo, khi chúng ta đọc đến phần kinh văn, vừa đề ra một tí thì quý vị hiểu rõ ngay; vừa mới mở đầu, vẫn là nói về tạo nhân.

"Thế gian nhân dân tỷ ỷ giải đãi", chữ Tỷ Ỷ tức là tâm bất định, có vẻ do dự không quyết định; chữ Giải Đãi

là biếng nhác. Ý của bốn chữ này là hình dung một con người ở thế gian này, chẳng có mục tiêu, chẳng có phương hướng, do dự không quyết định; giải đãi biếng nhác là hình dung cái vẻ này. “Bất khẳng tác thiện, trị thân tu nghiệp”, hai câu này nói trở lại mà xem, tức là tục ngữ chúng ta thường nói, có nghĩa là “bất vụ chánh nghiệp”. Cẩu thả, phóng dật, chẳng chịu theo đuổi chức nghiệp chánh đáng, công việc chánh đáng để mưu sinh; là ý nghĩa này. Vậy còn đối với lời dạy bảo của cha mẹ, “vi nghịch” tức là chẳng muốn tiếp nhận. “Phản nghịch”, đó thì càng nghiêm trọng, phản kháng; chẳng những không thể tiếp nhận mà lại còn phản kháng.

"Thí như oán gia, bất như vô tử", khiến cho cha mẹ đối với con cái thật là thất vọng; vì con cái mà bận tâm âu lo. Chẳng bằng ngược lại, không có con cái thì tốt hơn. Vậy thì từ chỗ này thấy được nỗi thất vọng của cha mẹ đối với con cái, đã đạt đến mức độ đau lòng rồi. "Phụ ân vi nghĩa, vô hữu báo thường", cô phụ cái ân cha mẹ dạy dỗ, dưỡng dục, họ chẳng biết hiếu dưỡng cha mẹ. Việc hiếu dưỡng cha mẹ là nghĩa, phải nên làm; ngay cả động vật, có những loài đều biết báo ân. Trong sách vở chúng ta thấy được loài "quạ lối phản bộ", đút mồi ngược lại; quạ kia đã già rồi thì quạ con có thể ra ngoài tìm thức ăn để về đút lại cho quạ già kia. Còn loài dê thì có "quỵ nhũ chi ân", quý vị xem, chú dê

con kia khi bú sữa, đều quỳ trước mặt mẹ nó. Còn con người thì như vậy, thật tại mà nói, ngay cả loài vật cũng chẳng bằng.

Kinh văn: "Phóng tứ du tán, đam tửu thị mỹ. Lỗ hỗ để đột, bất thức nhân tình".

Đoạn này là nói về Tham, "phóng tứ du tán" tham chơi đùa, du thủ háo nhàn. "Đam tửu thị mỹ", đây là tham ăn; chữ Mỹ ở chỗ này là chỉ cho mỹ vị, ẩm thực, ưa thích uống rượu, ưa thích ăn ngon, để tâm những thứ này. Đây đều thuộc về tham, sân, si bên trong; tham ác là ba nghiệp của ý. "Lỗ hỗ để đột", chữ Lỗ là thô lỗ, Hỗ là bạt hỗ cường ngạnh, Để Đột là

chẳng thuận theo nhân tình. Tức là khi chúng ta nói, hoặc giả là trên ngôn ngữ, hoặc giả là trên thái độ, có sự xung đột, tức là nghĩa này. "Bất thức nhân tình", chẳng thể thông tình đạt lý.

Kinh văn: "Vô nghĩa vô lễ, bất khả gián hiểu".

Nếu như có thể tiếp nhận sự khuyên lơn của kẻ khác thì vẫn là khá, vẫn có thể hồi đầu; song những người này, quý vị khuyên họ, chẳng những họ không tiếp nhận, lại còn chống chọi. Cũng tức là họ dùng thái độ của ác ngôn, ác ngữ để đáp lại, chẳng thể tiếp nhận. Trong Phật pháp gọi điều này là ngu si, nghiệp chướng rất nặng

vậy, chẳng thể nghe người khuyến cáo.

Kinh văn: "Lục thân quyến thuộc, tư dụng hữu vô, bất năng ưu niệm".

Một người bình thường, họ biết hiếu thuận cha mẹ. Đối với bạn bè thân thiết biết thường thường quan tâm, thường thường niệm ở trong tâm. Cuộc sống của họ hiện nay ra sao? Họ biết quan tâm. Câu "lục thân quyến thuộc, tư dụng hữu vô, bất năng ưu niệm" nghĩa là đối với thân thích bạn bè đều chẳng có một tí quan tâm.

Kinh văn: "Bất duy phụ mẫu chi ân".

Chữ Duy là tư duy, họ chẳng nghĩ đến ân dưỡng dục của cha mẹ.

Kinh văn: "Bất tồn sư hữu chi nghĩa".

Bất Tồn, Tồn là tồn niệm; nghĩa của thầy, bạn cũng chẳng hoài niệm. Thầy đối với họ dạy dỗ thế nào, lời khuyên trung trực của những bạn tốt đối với họ, trong tâm họ hoàn toàn chẳng có, họ không nghĩ đến những thứ này.

Kinh văn: "Ý niệm thân khẩu, tằng vô nhất thiện".

Đây là nói về thân, khẩu, ý ba nghiệp, chẳng có một việc nào là thiện cả; nói một cách khác, đây thật sự gọi là tạo ác đa đoan đấy. Tìm không ra một việc tốt nào của họ đáng cho người tán thán; tìm không được. Trong đoạn này chúng ta thấy được tham ác.

Kinh văn: “Bất tín chư Phật kinh pháp, bất tín sanh tử thiện ác”.

Hai câu này là nói ngu si. Phật là thiên nhân đạo sư, thế, xuất thế gian đại thánh nhân, Phật là một bậc giác ngộ viên mãn, đối với Thật Tướng của thế, xuất thế gian của các pháp, Ngài đều minh bạch cả, đều giác ngộ cả. Vì sao Ngài có thể cứu cánh viên

mãn giác ngộ? Phật nói với chúng ta, đây là vì tâm địa Ngài thanh tịnh; cùng thế, xuất thế gian tất cả pháp triệt để minh bạch giác ngộ. Phật đã nói rồi, đây là bản năng của mỗi một chúng sanh; sự việc vốn là như vậy. Vì sao chúng sanh chẳng giác? Tại sao có thể mê? Tức là vì có vọng tưởng, chấp trước. Phật đã buông xuống vọng tưởng, chấp trước rồi, đoạn trừ hết rồi, cho nên bản năng này của Ngài tự tự nhiên nhiên khôi phục, chẳng phải từ bên ngoài học được.

Phật đem kinh nghiệm của Ngài nói với chúng ta, đem chân tướng sự thật nói với chúng ta, hy vọng chúng ta cũng có thể nhanh chóng khôi phục cái bản năng của chính mình. Chỉ cần

đem vọng tưởng, phân biệt, chấp trước buông xuống, thì năng lực này của chúng ta rất nhanh khôi phục lại. Phật pháp giáo hóa chúng sanh, thì chỉ là như vậy mà thôi! Cho nên chúng ta phải tin những kinh mà Phật đã nói, phải tin phương pháp Phật đã chỉ dạy cho chúng ta. Kinh điển chỗ nói về luân lý, cảnh giới, quyết định là chân thật; kinh điển chỗ truyền về phương pháp tu học cho chúng ta, quyết định là chính xác nhưng họ không tin, đó là ngu si đấy. Trước kia thầy Lý có nói, đó chẳng là ngu si thì là cuồng vọng; cuồng vọng vẫn là ngu si, đều chẳng rời khỏi ngu si. "Bất tín sanh tử thiện ác", sanh tử thiện ác là sự thật, đang bày ra trước mặt chúng ta; cái này tức là quả báo của lục đạo

luân hồi. Thiện nhân thiện hành, nhất định có thiện quả; ác nhân ác hành, nhất định là ác báo của tam ác đạo, quyết định chẳng thể tránh miễn được, phải tin điều này. Thật sự tin rồi, chúng ta khởi tâm động niệm, ngôn ngữ tạo tác, tự tự nhiên nhiên sẽ có thâu liễm, chẳng dám tạo ác. Tại vì sao? Tạo tác ác nhân thì ác báo theo sau đó, thọ chẳng nổi. Đây tức là người thông minh, đây tức là người có trí tuệ; họ chẳng thể tin, chẳng thể tiếp thọ, họ là ngu si đến chỗ cùng cực.

Kinh văn: "Dục hại chân nhân, đấu loạn tăng chúng".

Hai câu này là sân khuể, từ cái tâm đố kỵ, sân khuể sanh ra. Chân

Nhân là người tu đạo, người có đạo đức, có tu hành; họ nhìn người tu đạo chẳng thuận mắt, muốn đi hại họ, đi hủy báng họ. Tăng đoàn là đoàn thể truyền trì Phật pháp. Phật pháp ở tại thế gian, quyết định là lợi ích cho một phương này. Phần kinh văn phía sau là để tường tận nói rõ, địa phương chẳng có Phật pháp thì chúng sanh sẽ khổ; cho nên trên kinh điển cũng thường thường đem Phật pháp thí dụ cho cây đèn sáng. Ở trong tăm tối có một ngọn đèn sáng, có thể chỉ dẫn phương hướng cho chúng ta. Họ muốn đem sân khuể phá hòa hợp Tăng đoàn; câu "đấu loạn tăng chúng" tức là phá hòa hợp Tăng đoàn. Cho nên tham, sân, si trong đoạn này là ý

của tam ác, đây là trong thập thiện chỗ nói.

Kinh văn: "Ngu si mông muội".

Đây là nói về nỗi đau của si ác.

Kinh văn: "Tự vi trí tuệ".

Họ tự cho là thông minh, tự cho là rất có trí tuệ. Đây là chúng ta thường nói thế trí biện thông, tự cho là đúng. Con người như thế.

Kinh văn: "Bất tri sanh sở tùng lai, tử sở thú hướng".

Hai câu này Phật nói rất hay, anh tự cho mình thông minh, tự cho là

đúng, anh từ đâu sanh đến, sau khi chết đi đến nơi nào, có biết hay không? Không biết không biết. Đó tức là chẳng phải chân trí tuệ, người thật sự có trí tuệ biết được chúng ta từ đâu sanh đến, sau khi chết đi đến nơi nào, rõ rõ ràng ràng minh minh bạch bạch. Đại khái học Phật, ở trên Phật pháp hơi có một tí tu dưỡng, thật sự có được một tí tâm đắc, đều sẽ chẳng mê hoặc, đều sẽ rất rõ ràng. Vậy thì hiện nay chúng ta học Phật, học đã nhiều năm rồi, nhìn thấy hai câu này trong kinh, chúng ta cũng chẳng biết, cũng hồ đồ ngớ ngẩn. Nếu là tình hình này, vậy mấy năm nay chúng ta học đó là hồ đồ Phật; tại sao học Phật rồi, càng học lại càng mê hoặc? Vì chưa rõ ràng điều này. Chẳng những đồng tu

tại tọa chúng ta, những người học Phật một cách hồ đồ, ngớ ngẩn quá nhiều quá nhiều. Có được mấy người chân chánh học Phật, đem Phật pháp hiểu được rõ ràng? Chẳng nhiều người hiểu rõ ràng.

Giả nhiều người hiểu rõ ràng rồi thì xã hội này sẽ chẳng thể nói người học Phật chúng ta là mê tín. Hiện nay chúng ta ra ngoài đường, rất nhiều người trẻ tuổi, phần tử trí thức gặp chúng ta như thế này thì nói mê tín, họ nói mê tín ở sau lưng chúng ta. Chúng ta cũng gặp phải nỗi oan không thể bộc bạch được, đây là lý do gì? Người thật sự hiểu rõ ràng, thật sự minh bạch rồi, không phải số nhiều, là số ít. Chúng ta phải cực lực hoằng dương điều này, cũng tức là bảo,

chúng ta phải tận tâm tận lực vì xã hội đại chúng nói rõ công đức lợi ích chân thật của Phật pháp, đối với chúng ta có lợi ích thiết thật. Mỗi người chúng ta đều muốn sống khoái lạc, sống rất hạnh phúc, đích thật Phật pháp có thể giúp cho chúng ta đạt được điều này.

Kinh văn: "Bất nhân bất thuận, hy vọng trường sanh".

Nhân là nhân từ, họ chẳng có lòng nhân từ, họ cũng chẳng thể tùy thuận đại chúng, lại còn hy vọng trường sanh, lại còn hy vọng trường thọ. Cho nên từ trên phần kinh văn này xem, thì trong hạng người như vậy là tràn

đầy tham, sân, si; hy vọng trường sanh là tâm tham đấy.

Kinh văn: "Từ tâm giáo hối, nhi bất khẳng tín".

Ai dạy bảo họ? Là cha mẹ, sư trưởng. Dù đứa con này hư hỏng đi nữa, cha mẹ vẫn quan tâm đến nó, vẫn thương yêu bảo hộ nó, vẫn chỉ dạy nó. Tuy nhiên nó không tin, nó chẳng thể tiếp nhận; thầy cũng như vậy. Tuy nhiên cái thế gian hiện nay này, sư đạo cũng chẳng còn nữa. Sự quan hệ giữa thầy giáo và học trò ở nhà trường hiện nay, cùng với sự quan hệ giữa thầy giáo và học trò trước kia đã có sự sai biệt rất lớn. Xưa kia, sự quan tâm thương yêu bảo hộ

của thầy đối với học trò còn vượt hơn cha mẹ, vì sao? Là vì, phải tìm một người để truyền thọ đạo đức học vấn của thầy; tìm một truyền nhân để truyền, con nhất định không truyền được, học sinh thì truyền được. Cho nên đem đạo học xem như vô cùng quan trọng, cậu học trò nào mà có thể truyền đạo được thì thầy có thể quan tâm thương yêu bảo hộ, quyết định còn vượt hơn con cái của chính mình. Cho nên thầy trò như là cha con vậy, có mối quan hệ sâu dầy thế đó, tuyệt đối chẳng phải mối giao hảo thông thường, ân tình như vậy. Người hiện nay chẳng có phước báo này! Hiện nay, đến giờ thì thầy giáo lên lớp, sau khi hết giờ thì xuống lớp; thầy giáo và học sinh chẳng có tiếp xúc gì. Vì sao

thầy giáo lên lớp? Là vì đồng lương, vì phí tổn tính giờ. Vì sao học sinh đến cầu học? Vì điểm, vì thi cử. Mỗi người có mục đích của riêng mình, bỉ thử chẳng có quan tâm.

Như tuổi của tôi đây, thật vẫn kể như là rất có phước; lúc nhỏ đi học, trong thời kỳ kháng chiến, chúng tôi rời xa quê nhà, không có cha mẹ chăm lo. Nhà trường thu nhận thì thầy giáo thay thế cho cha mẹ; cho nên thầy đối với chúng tôi chiếu cố trên cuộc sống, sinh hoạt tại một nơi, trường học là một mái ấm gia đình. Cho nên sự cảm niệm ân đức, nhớ nghĩ của chúng tôi đối với thầy, người hiện nay chẳng có cách chi tưởng tượng được. Sinh hoạt ngày thường, thảy thầy đều chiếu cố đến, đêm đến

thầy đều đến phòng ngủ của chúng tôi, phải xách chiếc đèn lồng nhỏ đến trông coi hai lần; sợ học trò chưa ngủ say đạp rơi chiếc mền xuống đất, thầy còn phải đắp mền giùm cho. Cho nên đối với thầy, chúng tôi rất hoài niệm, rất cảm kích, đây là "từ tâm giáo hối". Còn không tin thì chẳng có cách chi, không tin thì chẳng thể tiếp thọ. Đây thì chẳng còn có cách chi nữa.

Kinh văn: "Khổ khẩu dữ ngữ, vô ích kỳ nhân".

Đây là cha mẹ và sư trưởng từ bi chân thành nhiều lần dạy bảo; nhưng đối với họ mà nói, chẳng có lợi ích. Tại sao không có lợi ích? Vì chẳng thể tiếp nhận.

Kinh văn: "Tâm trung bế tắc, ý bất khai giải".

Hình như trong tâm của họ có vật gì nghẹt cứng, bế tắc, nghẹt cứng, chẳng thể khai ngộ, chẳng thể minh bạch; người này ngu si đến trình độ như vậy, cái này gọi là nỗi đau của si ác, đích thật là như vậy. Phía trước là nói về nhân, còn trong đoạn này có "phóng tứ du tán, đam tửu", có câu này, cho nên ở trong ngũ giới này, đây là thuộc về ẩm tửu ác. Nhưng trong toàn bộ kinh văn lại nói đến tham, sân, si ác, cho nên bao gồm thập ác nghiệp; ngược lại thập ác là thập thiện. Chúng ta xem quả báo.

Kinh văn: "Đại mạng tương chung, hối cụ giao chí".

Đến lúc thọ mạng chung, cái ác báo này hiện tiền rồi; con người trong lúc lâm chung, quả báo hiện tiền, vậy nhất định cái đó là cảnh giới rất xấu, thấy quỷ vô thường, thấy đầu trâu mặt ngựa; thấy những thứ này. Đây là lúc lâm chung họ có thể thấy được, đây là quả báo hiện tiền, lúc này có những khủng bố, sợ sệt, hối hận thì cũng vô dụng; không kịp nữa.

Kinh văn: "Bất dự tu thiện".

Dự là dự phòng trước, chẳng biết dự phòng trước để tu thiện.

Kinh văn: "Lâm thời nãi hối, hối chi ư hậu, tương hà cập hồ!"

Hối hận cũng vô dụng, chẳng kịp nữa rồi, vẫn phải nhận lấy ác báo. Phần kinh văn phía dưới là Thế Tôn khuyên chúng ta; phải thời thời khắc khắc đi phản tỉnh, đi kiểm điểm những ác nhân, ác duyên, ác quả đã nói rất rõ ràng, rất minh bạch phía trước. Chúng ta có phạm những lỗi lầm này không? Nếu như có những lỗi lầm này thì phải mau mau sửa đổi.

Kinh văn: "Thiên địa chi gian, ngũ đạo phân minh. Thiện ác báo ứng, họa phước tương thừa. Thân tự đương chi, vô thùy đại giả".

Giữa trời đất tức là giữa vũ trụ, ngũ đạo là thiên đạo, nhân đạo, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, thật có đấy chẳng phải giả. Phân Minh là rõ rõ ràng ràng minh minh bạch bạch, tại sao có thể có những sự việc này? Những sự việc này là thiện ác báo ứng. Những người tu thiện vào nhân thiên đi hưởng phước, những người tạo ác vào tam đồ đi thọ báo; có phước, có họa, "họa phước tương thừa". Ý nghĩa chữ Tương Thừa này là thuyết minh trong phước có họa, trong họa có phước; họa hưởng hết rồi, một chút thiện mà họ đã tu đó liền hiện tiền. Người hưởng phước rất dễ tạo tội nghiệp, quý vị xem, hai chữ Họa với Phước rất giống nhau đấy, chẳng có sai biệt bao nhiêu, phải quan

sát kỹ lưỡng. Cuối cùng, là phước hay họa, ôi, cũng chẳng dễ biện biệt; người ngu si thường thường đem họa cho là phước, đem phước cho là họa, ngu si làm sai mất. Cho nên "thân tự đương chi, vô thùy đại giả", chẳng có ai có thể thay thế được. Cái thiện ác quả báo này thật là tự làm tự chịu, chẳng có ai có thể thay thế được.

Kinh văn: "Thiện nhân hành thiện, tùng lạc nhập lạc".

Thiện nhân, thiện duyên, thiện quả, đây là chân chánh được lạc; duy chỉ có hành thiện mới có thể được lạc.

Kinh văn: "Tùng minh nhập minh".

Minh là tâm địa có trí tuệ, thông minh; càng ngày càng có trí tuệ, càng ngày càng thông minh.

Kinh văn: "Ác nhân hành ác, tùng khổ nhập khổ".

Đây gọi là thân khổ, càng ngày càng khổ; trong đời người này rất khổ, đời sau phải biến súc sanh, biến ngạ quỷ thì thân ấy lại càng khổ.

Kinh văn: "Tùng minh nhập minh".

Minh [này, ở đây] là ngu si, hồ đồ, càng ngày càng hồ đồ, càng ngày càng ngu si. Đây là hiện tượng chỗ

hiển hiện ra của thiện ác; đích thật là cách đó.

Kinh văn: "Thùy năng tri giả, độc Phật tri nhĩ".

Người nào đối với sự việc này liễu giải được rõ rõ ràng ràng minh minh bạch bạch, Phật sẽ biết. Vậy thì lời Phật chỗ nói đó, tại sao chúng ta không thể tin? Chỗ Phật chỉ dạy chúng ta đó, sao không đi phụng hành chứ?

Kinh văn: "Giáo ngữ khai thị, tín hành giả thiểu".

Phật hiểu được, Phật rõ ràng minh bạch, Phật chỉ dạy cho chúng ta, vì

chúng ta khai thị; tuy nhiên người nghe, người tin chẳng nhiều. Người tin chẳng nhiều, Phật vẫn cứ phải nói, tại vì sao? Vì tất cả chúng sanh từ vô thỉ kiếp, sanh tử luân hồi, ngu si, tập khí rất nặng; làm gì chỉ nghe một lần khai thị thì liền khai ngộ? Chẳng có đạo lý này. Cho nên nhất định là phải trường kỳ nghe, huân tập lâu dài. Ôi! Họ hoát nhiên khai ngộ, minh bạch rồi. Chúng ta nhất định phải rõ ràng điểm này, nhất định phải thấu hiểu, nghe kinh, không thể nghe một lần thì minh bạch, thì tỉnh ngộ trở lại, nhất định phải nghe nhiều lần. Vào thời kỳ trước kia, rất khó có cái duyên này. Chỉ có cách là có pháp sư giảng kinh ở một địa phương, quanh năm không ngừng giảng kinh. Quý vị thường

thường nghe kinh, nghe một, hai, ba năm, giác ngộ hồi đầu rồi. Đây là phải cần có thời gian dài như vậy để huân tập, mới có hiệu quả. Thế gian hiện nay này, pháp sư đại đức giảng kinh rất ít, thỉnh thoảng tình cờ mới có một pháp sư đến giảng kinh một ngày hoặc vài ngày; giảng xong thì họ đi mất. Một ngày ấm, mười ngày lạnh; quý vị ở đây, một năm mới nghe được một tháng, còn mười một tháng kia khởi dậy vọng tưởng, quý vị nghĩ xem, vậy có lợi ích gì đâu? Cho nên chẳng có hiệu quả.

Hiện nay, pháp sư giảng kinh tuy ít, song công cụ khoa học so với trước kia tiến bộ, chúng ta có thể lợi dụng. Không có pháp sư giảng kinh, ở đây chúng ta có băng cassette, băng video,

nghe đi nghe lại bộ kinh này. Nếu như nghe được ba mươi lần, nghe được năm mươi lần, thì hiệu quả đó khác hẳn. Chẳng có ba mươi, năm mươi lần thì không được! Chẳng có lợi ích. Đây là nếu quý vị thật sự muốn trên Phật pháp có được thọ dụng, thì quyết định phải huân tập thời gian dài; từ xưa đến nay, chư vị tổ sư đại đức Trung Hoa cũng đều chẳng ngoại lệ. Từ trên lịch sử chúng ta thấy được, đời Đường có Đạo Tuyên Luật Sư ở Chung Nam Sơn, đây là học giới luật, Ngài chuyên công Tứ Phần Luật; nơi nào có pháp sư giảng Tứ Phần Luật, thì Ngài nhất định đi nghe. Ngài đã nghe hết hai mươi lần bộ Tứ Phần Luật, đương nhiên chẳng phải một người giảng, cũng chẳng phải một địa

phương; ở đâu giảng thì đến nơi đó để thảo kinh đơn. Hồi xưa gọi là thảo kinh đơn, tức là tôi muốn nghe một bộ kinh, tôi muốn đến ở chỗ của anh, anh cũng cho tôi một chút việc làm, tôi cũng làm việc cho anh. Giống như nửa làm, nửa học, ở tại chùa này thảo kinh đơn; vậy nghe hết bộ kinh này thì Ngài đi. Hai mươi lần nghe đó thật là cực nhọc, Tứ Phần Luật cũng khá dài, giảng một biến cũng phải mất mấy tháng; học hành lúc đó khổ lắm.

Còn hiện nay, băng video mang về nhà, vặn tivi lên, ngã mình trên ghế nệm, pha một bình trà ngon, sướng biết mấy; điều này khác hẳn, người xưa khổ biết bao, người hiện nay là hưởng thụ, hy vọng mọi người hết lòng để hưởng thụ. Chẳng có thời

gian hai, ba năm thì Phật pháp cứu cánh lợi ích ra sao, anh thật chẳng đạt được; nhất định phải thật sự hạ thủ công phu, công phu ba năm, năm năm này, chúng ta mới có thể nếm được pháp vị. Pháp vị nếm được rồi thì là pháp hỷ sung mãn, anh mới thật sự nhập vào được.

Cho nên trong kinh văn này nói, "tùng lạc nhập lạc", anh mới nhập vào được; "tùng minh nhập minh", anh thật sự đã nhập vào rồi. Nhập Minh là khai ngộ rồi, Nhập Lạc là được pháp hỷ, chân khoái lạc; nhiên hậu anh mới biết được, thật sự đời người là hạnh phúc, thật sự khoái lạc, vì anh nếm được rồi. Bây giờ nói với anh, đời người thật sự khoái lạc, thật sự hạnh phúc, anh chẳng thể hội được!

Vì sao? Vì anh chưa hưởng thụ qua, anh chẳng thể hội được, chỉ có ở trên đây hạ thủ công phu thì anh sẽ đạt được.

Kinh văn: "Sanh tử bất hưu, ác đạo bất tuyệt".

"Sanh tử bất hưu", câu này là nói về luân hồi, ở trong luân hồi xả thân, thọ thân; sanh sanh tử tử, tử tử sanh sanh, chẳng dứt, chẳng liễu. Nghiệp lực chi phối anh, người này thật là đáng thương, người này thật khổ.

Kinh văn: "Như thị thế nhân, nan khả cụ tận".

Người thế gian giống như loại người này, "nan khả cụ tận", thì quá nhiều quá nhiều, nói không hết.

Kinh văn" "Cố hữu tự nhiên tam đồ, vô lượng khổ não, triển chuyển kỳ trung".

Lục đạo luân hồi này, chẳng phải Phật tạo cũng chẳng phải thượng đế an bày. Là từ đâu đến? Là do nghiệp lực biến hiện ra. Giống như nằm mộng, cảnh giới trong mộng là từ đâu đến? Là do nghiệp lực của chính mình biến ra, cho nên nói là "tự nhiên tam đồ", chẳng có ai chế tạo ra, là nghiệp lực thiện ác biến hiện ra. Vậy bên trong có vô lượng chỗ khổ, anh phải ở trong đó thọ cái báo ứng này. Chỉ cần

chẳng ra khỏi luân hồi, quý vị nhất định phải ghi nhớ, ở trong ác đạo nhất định là thời gian dài, ở trong thiện đạo thời gian ngắn! Đây là đạo lý nhất định. Nếu anh hỏi, rốt ráo là tại sao vậy? Anh thử nghĩ thì rõ ngay, trong một ngày từ sáng đến tối, niệm ác của chúng ta nhiều hay là niệm thiện nhiều? Từ việc này thì hiểu rõ ngay. Ác niệm thì là vì chính mình, cái niệm tự tư tự lợi là ác niệm, vào tam ác đạo thọ báo; biết niệm đến kẻ khác, biết niệm niệm vì kẻ khác tốt, niệm này là thiện niệm; đem hai cái so sánh thì biết ngay. Ác niệm nhiều, đương nhiên thời gian trong ác đạo dài lâu, thiện niệm ít, đây là thời gian của thiện đạo ngắn tạm. Chúng ta được thân người, thân người là thiện

đạo, sống được bao nhiêu năm? Nhiều lắm là một trăm tuổi. Tuy nhiên tam ác đạo thì thời gian dài lâu, đọa vào tam ác đạo thì mạng ấy nhất định không chỉ là một trăm tuổi! Cho nên nói là "vô lượng khổ não, triển chuyển kỳ trung".

Kinh văn: "Thế thế lũy kiếp, vô hữu xuất kỳ".

Chúng ta ở trong lục đạo, đã là vô lượng kiếp của vô lượng kiếp rồi, chẳng có biện pháp ra khỏi.

Kinh văn: "Nan đắc giải thoát, thống bất khả ngôn".

Chẳng có cách chi giải thoát, chẳng có biện pháp vượt khỏi; đời đời kiếp kiếp tu hành cũng chẳng thành công. Tại sao tu hành mà chẳng thành công? Phía trước Phật nói những lỗi lầm mà chúng ta đã phạm, cố ý phạm, vô ý phạm, đều tạo thành chướng ngại của sự giải thoát, cũng tạo thành chướng ngại của sự vãng sanh, niệm Phật chẳng được vãng sanh.

Kinh văn: "Như thị ngũ ác, ngũ thống, ngũ thiêu, thí như đại hỏa, phần thiêu nhân thân".

Tiết này là thí dụ, ngũ ác tức là [sát, đạo, dâm, vọng, tửu], bên trong còn bao quát tham, sân, si; đây là ác. Tạo tác ngũ ác, trong một đời này tự

nhiên anh chẳng có khoái lạc hạnh phúc; có thể nói, anh sống cuộc sống rất là đau khổ. Thống là hoa báo, ngày tháng của anh sống chẳng vui; quý vị phải hiểu rõ, những người phú quý thế gian. Tuy họ là đại phú đại quý; giống như thời cổ chẳng khác, "quý vi thiên tử, phú hữu tứ hải", nhưng ngày tháng của họ cũng chẳng vui sướng. Chúng ta từ trên lịch sử thấy được, có được bao nhiêu đế vương có cuộc sống tự tại, được vui sướng? Quá ít quá ít. Cho nên chúng ta thấy được, quý mà chẳng vui, phú mà chẳng vui. Tại sao phú quý mà chẳng vui? Đó là vì tạo cái nhân không tốt. Họ tạo ngũ ác, ngũ thiêu là quả báo của đời sau, tức là tam đồ, địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. "Thí như

đại hỏa, phần thiêu nhân thân", tạo cái ác nghiệp này giống như lửa đốt, thọ quả báo giống như thân thể bị lửa đốt, đau đớn thế đó. Ba hàng sau cùng này, Phật mới vì chúng ta truyền thọ ngũ giới, thập thiện. Nói nhiều như vậy, đến chỗ này mới chính thức truyền thọ.

Kinh văn: "Nhược năng tự ư kỳ trung, nhất tâm chế ý, đoan thân chánh niệm, ngôn hạnh tương phó, sở tác chí thành, độc tác chư thiện, bất vi chúng ác".

Nhược là giả thuyết, giả thuyết tự anh có thể ở trong ngũ trược ác thế này; chữ Kỳ Trung là phía trước nói ngũ trược ác thế. Ở trong hoàn cảnh

này, chúng ta có thể "nhất tâm chế ý", tức là có thể khắc phục tạp niệm của chính mình, những cái niệm bất chính đáng, như những niệm sát đạo, dâm vọng, tham, sân, si, chúng ta có thể khống chế được. Chữ Chế tức là chế phục, khắc chế, đem những vọng tưởng, phiền não này chế phục lấy.

"Đoan thân chánh niệm", nhất cử nhất động, nhất ngôn nhất hành của thân thể đều tuân theo giáo giới của Phật, đều như pháp luật chế độ của thế gian.

"Ngôn hạnh tương phó", trong ngoài nhất trí, trong tâm nghĩ tưởng cùng với chỗ nói, chỗ hành quyết định là tương ưng, mà chẳng phải "khẩu thị tâm phi". "Sở tác chí thành", lấy tâm chân thành đối với mình,

cũng lấy tâm chân thành đối với người, đối với sự, đây tức là một tâm chân thành.

"Độc tác chư thiện", chữ Chư Thiện này tức là không sát sanh, không trộm cắp, không tà dâm, không uống rượu, không vọng ngữ, cho đến không tham, không sân, không si; chư Thiện này tức là Ngũ Giới, Thập Thiện. Anh làm được, người khác lại làm không được, cùng ta chẳng có liên quan gì, ta phải làm; ta là đệ tử của Phật, ta nhất định phải tuân thủ giáo giới của Phật. Đây là tiêu chuẩn tối thiểu để làm đệ tử của Phật, nhất định phải tuân thủ ngũ giới, thập thiện. "Bất vi chúng ác", phía trước chỗ nói những việc ác đó, quyết định không làm.

Kinh văn: "Thân độc độ thoát, hoạch kỳ phước đức, khả đắc trường thọ Nê Hoàn chi đạo. Thị vi ngũ đại thiện dã".

Ngũ ác, lật ngược trở là là ngũ đại thiện, người khác chẳng có biện pháp siêu việt lục đạo luân hồi, nhưng thân này của chúng ta có thể, thì một đời này ta siêu việt lục đạo luân hồi rồi. Chữ Thoát này là thoát ly tam giới, thoát ly luân hồi, thoát ly lục đạo; đương nhiên đây là trì giới niệm Phật. Đoạn này là nói về trì ngũ giới, thập thiện, trì giới niệm Phật; vậy mới có thể liễu sanh tử, xuất tam giới, có thể được trường thọ, vãng sanh Tây

Phương Cực Lạc thế giới thọ mạng vô cực, vậy thì được vô lượng thọ đấy.

Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, một đời bất thoái thành Phật, "Nê Hoàn cho đạo", thì đại Bát Niết Bàn tức là thành Phật, trong một đời này thoát ly lục đạo luân hồi, vãng sanh bất thoái thành Phật. Ngũ thứ thiện này đã giúp đỡ lớn lao đáng kể, cho nên gọi là Ngũ Đại Thiện. Kinh văn chúng ta giảng đến chỗ này, đây mới là chân truyền, chánh thọ của ngũ giới, thập thiện. Ngày nay, mọi người cũng thấy đều đã thọ xong Ngũ Giới rồi, đều thọ xong Thập Thiện Nghiệp Đạo rồi. Chúng ta lại xem phía dưới.

Trùng Trùng Hối Miễn - Đệ Tam Thập Lục

Nơi phẩm kinh này, Phật hiển thị cái ác nhân, ác quả, nên phải hoài cái tâm sợ hãi. Không thể không sợ điều này, không thể không cảnh giác. Lại khuyên chúng ta thành tâm thành ý, chẳng quên công phu để tránh hối hận. Xin xem kinh văn.

Kinh văn: "Phật cáo Di Lặc: Ngô ngữ nhữ đẳng".

Đây vẫn gọi tên của Di Lặc Bồ Tát, những lời phía dưới vô cùng quan trọng, gọi Di Lặc Bồ Tát là để đánh thức mọi người chú ý.

Kinh văn: "Như thị ngũ ác, ngũ thống, ngũ thiêu".

Tức là trong phẩm này, phía trước chỗ nói đó.

Kinh văn: "Triển chuyển tương sanh".

"Triển chuyển tương sanh" thế nào đây? Anh tạo ngũ ác thì anh được cái quả báo thiêu đốt đau đớn; lúc đang thọ báo, họ lại mê hoặc điên đảo, lại tạo ngũ ác nữa. Bởi thế nên nhân quả tuần hoàn, điều này rắc rối lớn đấy; họ chẳng giác ngộ. Ví như người thế gian thọ báo cái ác này, họ chẳng cam tâm, họ cho rằng ông trời không công bằng, tại sao đối với họ xấu như vậy? Vì thế nên càng tạo tội nghiệp,

quả báo đời sau thì lại càng khổ; họ sẽ chẳng hồi đầu.

Cho nên sự luân hồi này rất đáng sợ, thông thường trong các buổi giảng tôi khuyến miễn các bạn đồng tu, cái luân hồi này là một đời khổ hơn một đời. Anh nói, đời sau có thể tốt hơn đời này, nhưng mà quá ít quá ít, đó là hạng người học Phật, hết lòng tu hành mà chưa được vãng sanh; chỉ có loại người này, đời sau sẽ tốt hơn đời này một tí. Ngoại trừ điều này ra, khi đọa lạc xuống thì nhất định là một đời chẳng bằng một đời; chúng ta thường nói: "Nhất đại bất như nhất đại", đây là sự thật, rất đáng sợ, rất đáng sợ.

Kinh văn: "Cảm hữu phạm thử, đương lịch ác thú".

Nếu anh dám làm, thì nhất định anh phải trải qua ác đạo, anh phải nhận chịu sự hành hạ.

Kinh văn: "Hoặc kỳ kim thế, tiên bị bệnh ương, tử sanh bất đắc, thị chúng kiến chi".

Những thứ này, Phật tại trong kinh nói câu này. Điểm rõ rệt nhất, tức là hiện nay chúng ta gọi là bệnh người già; bác sĩ cũng chẳng chẩn đoán ra bệnh gì cho họ. Tuy nhiên họ vẫn nằm trên giường bệnh đó, cựa quậy chẳng được; mơ mơ màng màng, mỗi ngày phải ba cử y tá đến chăm sóc, họ cũng không chết. Cho nên cầu sống không được, cầu chết chẳng thể,

mang chứng bệnh quái lạ như vậy. Đây là ác nghiệp sở cảm đấy, thống đấy. Đây là chữ Thống của ngũ thống, đời sau quyết định đi vào ác đạo. "Tử sanh bất đắc, thị chúng kiến chi", khiến cho mọi người nhìn vào, nhất là những người có trí tuệ, có tánh cảnh giác cao vừa nhìn thấy thì giác ngộ ngay, hiểu rõ ngay. Còn người ngu si vẫn chẳng giác ngộ, họ vẫn chẳng hiểu.

Kinh văn: "Hoặc ư thọ chung, nhập tam ác đạo. Sầu thống khốc độc, tự tương tiều nhiên".

Điều này, hoặc giả là con người vào lúc lâm chung, chúng ta nhìn những hiện tượng lâm chung rất

khủng bố này, cũng có thể khiến người giác ngộ. Tại sao lúc ra đi họ có cái tướng khó coi như vậy? Khủng bố như vậy? Phàm là ra đi như vậy, nhất định là nhập vào tam ác đạo; giả như lúc sanh tiền họ có tạo thiện nhân thì lúc ra đi, cái tướng đó nhất định rất đẹp giống như đang ngủ vậy, tướng mạo rất từ bi an tường, sắc diện rất đẹp. Đây là hảo tướng, loại người này dù cho không niệm Phật, họ cũng sẽ chẳng đọa tam ác đạo. Cho nên từ trên tướng này chúng ta có thể nhìn ra được, có thể phán đoán họ có thể đến thiện đạo hay ác đạo, có thể biết được, chẳng khó.

Kinh văn: "Cộng kỳ oán gia, cánh tương sát thương. Tùng tiểu vi khởi, thành đại khốn kịch".

Đoạn này, là từ trên nhân dạy chúng ta từ bi chân thành, nhiều lần chỉ dạy; "cộng kỳ oán gia, cánh tương sát thương", đây nói về oan oan tương báo. Oan oan tương báo thường thường từ nguyên nhân rất nhỏ, "tùng tiểu vi khởi", là cái nhân nhỏ không đáng kể lại có thể biến thành một kết cuộc thảm khốc, trở "thành đại khốn kịch"; Kịch là kịch liệt, kịch khổ. Cùng với oan nghiệp đời trước có quan hệ, vì vậy cho nên người giác ngộ, người học Phật phải biết nhẫn nhường, đừng nên so đo, chỗ chỗ đều nhẫn nhường, thời thời khắc khắc đề

cao cảnh giác. Đặc biệt là ở xã hội này, thời đại này, chịu thiệt thòi một tí, bị lừa một tí, thật tại mà nói, là tiêu tai miễn nạn đấy; đừng nên đi so đo.

Kinh văn: "Giai do tham trước tài sắc".

Đây là nói rõ nguyên do sự tranh chấp giữa người với người, đều chẳng ngoài việc tham tài, tham sắc, bỉ thử chẳng tương nhượng, mới có thể tạo nên đại họa sắc thân.

Kinh văn: "Bất khẳng thí huệ".

Chẳng chịu bố thí, chẳng chịu giúp đỡ kẻ khác. Những người giàu có phải biết "thí huệ" thì phước báo

của anh mới được hưởng thụ lâu dài. Giả như anh có tài phú, anh chẳng chịu bố thí, chỉ biết hưởng thụ một mình; người Hoa thường nói, "Một nhà no ấm, ngàn nhà oán", kẻ khác nhìn thấy anh, họ đố kỵ, sân hận. Đố kỵ, sân hận thời gian lâu rồi, thì rắc rối sẽ đến với anh; ví như nói, anh bị nhà cháy, người bên cạnh nói: "Cháy tốt lắm, vi phú bất nhân đấy mà". Nhà anh bị cướp, bị mất cắp, ở bên cạnh trông thấy họ cũng chẳng báo cảnh sát, "Ôi chao! Cướp hay lắm".

Đây là lòng người bất bình, phải biết điều này; nếu như anh giàu có, đặc biệt là đối với người láng giềng cùng quê, cùng làng với anh, anh thường thường cúng dường chiếu cố họ. Dịp Tết, ngày lễ đều có lễ vật nhỏ

để làm quà biếu họ, chiếu cố họ, họ cảm ơn, mong anh phát tài. Tại sao vậy? Vì anh phát tài thì mọi người đều được lợi. Anh phát tài càng nhiều thì họ càng vui mừng, trong nhà anh có việc gì thì mọi người đều đến giúp đỡ; có khác đấy.

Cho nên đây mới gọi là thật sự có trí tuệ, có thể bảo toàn; một nhà như vậy, quý vị thử nghĩ, một nước cũng như vậy, quốc gia anh giàu có rồi, anh có thể giúp đỡ quốc gia khác, thường thường đối với người ta có ân huệ thì mọi người ủng hộ anh. Có thể ủng hộ đến mức coi anh như là một lãnh đạo của nhiều quốc gia, tôn trọng anh; giả như anh cũng là hạng giàu và bất nhân, thường thường bóc lột tiền bạc kẻ khác, làm nhục kẻ khác thì các

quốc gia khác sẽ đối địch lại anh, xem anh như kẻ thù địch. Oán chồng chất lâu ngày, đối với anh chẳng có lợi chi cả, là cùng một đạo lý. Cho nên lúc có được phước báo, tự mình phải biết tu phước thêm nữa; muôn ngàn xin chớ đem phước báo của mình hưởng hết, thì đó là đáng thương lắm. Cái nghiệp quả của cái ác đó sẽ hiện tiền, quả thật đây là ngu si. Cho nên loại người này là "tham trước tài sắc, bất khẳng thí huệ".

Kinh văn: "Các dục tự khoái, vô phục khúc trực".

Chỉ tham đồ sự hưởng thụ của riêng mình, chỉ tham đồ sự khoái lạc của riêng mình, họ đâu biết được, bên

trong loại phước báo này chứa dấu cái họa căn đấy. Cho nên người xưa nói: "Phước khởi họa sở y", trong khi anh đang hưởng phước, cái họa căn đã ẩn tàng ở phía dưới rồi; đây là chẳng có trí tuệ. "Vô phục khúc trực", Khúc Trực là nói đạo lý, cho nên gọi là hoành hành bá đạo, chẳng nói lý.

Kinh văn: "Si dục sở bách".

Đây là nguyên nhân gì? Là ngu si, dục vọng, khiến họ tạo tác những tội nghiệp này.

Kinh văn: "Hậu kỷ tranh lợi".

Đều hy vọng mình chiếm ưu thế, chiếm hết tất cả ưu thế, thật tại mà nói,

đó là thiệt thòi lớn; làm gì có thể tranh mà được mối lợi này? Không tranh được đâu! Những gì tranh được đó vẫn là trong mạng sẵn có, thì anh mới tranh được; không tranh cũng có được, vậy hà tất phải đi tranh? Tại sao họ tranh? Vì ngu si, không rõ lý. Người rõ lý thì không đi tranh, trong mạng có thì quyết định là có. Trong mạng không có, thì tranh cũng chẳng được.

Kinh văn: "Phú quý vinh hoa, đương thời khoái ý".

Thật tại mà nói, sự phú quý vinh hoa của nhân gian, thời gian đó vô cùng ngắn tạm. Thật vậy, người xưa nói: "Hoa Đàm nhất hiện, thạch quả

hiện quang", trong chốc lát thì hết ngay.

Kinh văn: "Bất năng nhẫn nhục, bất vụ tu thiện".

Nhẫn Nhục tức là nhẫn nại, tự mình có thể nhẫn được một tí, nhẫn được thì có thể giúp đỡ kẻ khác; có thể hoan hoan hỷ hỷ giúp đỡ người khác. Người thông minh nhất, người có trí tuệ nhất, có thể từ của cải của họ, tự lấy ra bao nhiêu để đủ cho nhu cầu cuộc sống của mình. Họ có thể bố thí hết cả số của cải còn lại, đây là người đại trí tuệ, đại thông minh. Ấn Quang đại sư của chúng ta tán thán nhất là nhà họ Phạm ở Tô Châu, Phạm Trọng Yêm của đời Tống, cả nhà họ từng đời, từng thế hệ đều làm

như vậy. Cho nên Phạm gia ở Tô Châu, từ Phạm tiên sinh đến nay, gần khoảng một ngàn năm mà gia đạo không suy. Từng đời đều có hiền nhân xuất hiện, đều có con cháu tốt. Nguyên nhân gì vậy? Nhờ tích đức tu thiện đấy. Tự mình có thể ăn được no, có thể mặc được ấm là đủ rồi; số tiền còn dư lại, có thể giúp đỡ xã hội, có thể giúp đỡ tất cả khổ nạn chúng sanh; họ làm như vậy.

Nơi trong lịch sử chúng ta đọc truyện ký của Phạm tiên sinh, khi ông còn đi học, gia cảnh vô cùng thanh bần; đi học thì mượn một căn phòng ở trong chùa, học tại chùa. Hằng ngày đâu có cơm mà ăn, có lẽ nấu cháo đặc một tí, mỗi nồi cháo nhỏ cắt thành bốn miếng, mỗi buổi ăn một miếng;

sống qua tháng ngày cực khổ như vậy. Tuy nhiên người này niệm niệm đều chẳng nghĩ đến sự bần khổ của mình, ông chẳng nghĩ đến! Tâm niệm của ông chỉ nghĩ đến sự khổ nạn của chúng sanh, ông chẳng nghĩ đến mình, một đời đều chẳng đổi ý niệm này. Có một lần ông cũng đi gặp một ông thầy bói xem tướng coi bói, ông hỏi thầy bói rằng: "Ông xem tương lai tôi có thể làm thừa tướng không?" Thầy bói cười nói: "Giọng điệu của ông quá lớn"; ông ta lập tức nổi giận nói: "Ông xem tôi có thể làm thầy thuốc không?" Người thầy bói thấy lạ lùng nói: "Sao ông vừa mới rơi thì rơi xuống tận dưới đáy?" Ông nói: "Làm thừa tướng có thể cứu thiên hạ, nhưng nếu không được thì tôi làm thầy thuốc,

cũng có thể cứu người vậy". Người xem tướng rất bội phục nói: "Tâm của ông quả là thừa tướng thật"; sau này, quả nhiên ông làm thừa tướng.

Cho nên từ nhỏ ông có cái niệm chẳng phải vì mình, là vì cứu chúng sanh trong thiên hạ. Đến lúc ông đã thật làm thừa tướng, anh xem bài văn chương Nghĩa Điền Ký của ông rồi sẽ rõ; ông đem bổng lộc, tức là phần lương nhà nước cấp cho ông, đem đi nuôi dưỡng ba trăm gia đình, chẳng đi hưởng thụ, chẳng có cải thiện cuộc sống của chính mình. Tự mình chẳng muốn ăn ngon một tí, mặc đàng hoàng một tí, nhà cửa đẹp một tí, chẳng có, vẫn sống cuộc sống với mức thấp nhất; đem tiền của ông có được đi cứu tế những người bần cùng

khổ nạn. Ông nuôi trên ba trăm gia đình, đây là cái gương tốt của chúng ta. Nếu nói là tích thiện tu đức, thì ông Phạm Trọng Yêm đã làm được rồi, còn chúng ta tích đó là cái thiện gì, tu đó là cái đức gì? Có một vạn đồng, lấy ra hai, ba đồng đi bố thí, nói tôi đã làm được rất nhiều việc tốt, tôi đã làm việc thiện rồi; so với người một sợi lông chẳng xả tốt hơn nhiều, kể như anh đã bỏ được một sợi vậy. Điều này không được, như vậy tương lai đọa lạc như thế nào thì vẫn phải đọa lạc thế đó, chẳng có cách chi cả! Cho nên anh phải thật sự đi tu thiện, thật sự đi tích đức, đó mới là hữu dụng. Chúng ta nhất định phải biết điều này, phải nhẫn được.

Như Phạm tiên sinh, ông nhẫn được, nhẫn chịu được cuộc sống gian nan khốn khổ ấy, ông ta nhẫn chịu được. Đây cũng tức là trong Phật pháp chúng ta gọi là "thay chúng sanh khổ", ông có thể sống được giàu sang một tí, tự mình vẫn sống những ngày tháng cực khổ, hy vọng những kẻ khác có thể sống sung sướng hơn một tí; đây là lòng dạ của Bồ Tát, quả là đại từ đại bi. Cho nên người có minh nhãn thấy được, thời gian phú quý vinh hoa quá ngắn ngủi, chẳng đáng; phải nên chắt chiu tiết kiệm đi giúp đỡ cho kẻ khác. Người mê hoặc điên đảo chẳng biết, họ chẳng nhẫn chịu được, họ tham đồ hưởng thụ, "bất vụ tu thiện", chẳng phải hết lòng nỗ lực đi tu thiện.

Kinh văn: "Oai thế vô kỷ, tùy dĩ ma diệt".

Oai là chúng ta thường nói, người nào đó rất oai phong, rất có thế lực. Cái oai phong thế lực chẳng được mấy ngày, thời gian rất ngắn ngủi thì là báo mất. Họ chỉ có phước báo lớn cỡ đó thì báo mất, bởi vì họ chẳng có tiếp tục tu thiện, cho nên cái phước báo ấy của họ hưởng rất nhanh. Hơn nữa lúc hưởng phước thì đang tạo tội nghiệp, phạm vào ngũ ác, thập ác phía trước; vậy thì cái phước báo này của họ, rất nhanh thì tiêu mất, báo sạch hết.

Kinh văn: "Thiên đạo thi trương, tự nhiên củ cử, quỳnh quỳnh chung chung, đương nhập kỳ trung. Cổ kim hữu thị, thống tai khả thương".

Thiên Đạo tức là cái lý của tự nhiên, là nhân duyên quả báo đấy, tự làm tự chịu. Cho nên là "tự nhiên củ cử", chẳng phải kẻ khác đến sửa sai, kiểm điểm cử chỉ hành vi mà là tự tự nhiên nhiên. Nếu phước báo anh hết rồi thì ác nghiệp hiện tiền, nhất định phải chịu ác báo. "Quỳnh quỳnh chung chung", đây là hình dung người này trong tâm không có chủ tể, kinh hoảng, lúng túng, thất thường, không nơi nương tựa, thân tâm bất an; là ý nghĩa này, đây là hình dung trạng

thái này. "Đương nhập kỳ trung", chữ Trung này là tam ác đạo, anh nhất định phải nhập vào ác đạo, nhất định phải chịu cái khổ của luân hồi. "Cổ kim hữu thị", cổ kim trung ngoại, định luật của nhân duyên quả báo là sự thật, điều này chẳng phải giả; đến lúc đó thì là "thống tai khả thương", quả báo này vô cùng, vô cùng khổ. Trong Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh nói rất nhiều, rất rõ ràng về khổ báo của địa ngục. Phía dưới là lời giáo huấn của Thế Tôn đối với chúng ta.

Kinh văn: "Nhữ đẳng đắc Phật kinh ngữ, thục tư duy chi".

Chữ Nhữ Đẳng tức là nhóm đại chúng tại hội cùng với Di Lặc Bồ Tát, cũng bao gồm chúng ta ngày nay trong đó. Ngày nay chúng ta học kinh Phật, đương nhiên cũng bao gồm chúng ta trong đó. Ngày nay chúng ta đọc được kinh Phật, đọc được lời giáo huấn của Phật, đương nhiên phải "thục tư duy chi", sau khi đọc rồi, phải đi suy nghĩ cặn kẻ, suy nghĩ lời Phật chỗ nói, đạo lý của Phật nói, phải suy nghĩ cho nhiều, suy nghĩ cặn kẻ. Khi anh nghĩ minh bạch rồi, nghĩ thông rồi, thì anh tự tự nhiên nhiên sẽ tuân thủ, sẽ tiếp thọ.

Kinh văn: "Các tự đoan thủ, chung thân bất đãi".

Chữ Đãi là giải đãi, mỗi người chúng ta đều phải nên tự mình hết lòng "đoan thủ", cung cung kính kính để tuân thủ giáo giới của Phật. Chữ Đoan là nghĩa cung kính, bằng tâm chân thành cung cung kính kính đi tiếp thọ lời dạy của Phật, tuân thủ sự giáo huấn của Phật, suốt đời chẳng lười. Trong một đời, thời thời khắc khắc đề cao cảnh giác, chẳng thể giải đãi.

Kinh văn: "Tôn thánh kính thiện, nhân từ bác ái".

Phật đề ra cho chúng ta vài cái cương lĩnh trọng yếu, đối với thánh hiền nhân, nhất định phải tôn trọng; kỳ thật, trong chữ này tức là tôn sư

trọng đạo. Kính Thiện, phía trước vì chúng ta nói về thiện nhân, hiền nhân, thiện sự, ngũ giới, thập thiện, chúng ta phải kính trọng, phải nhân từ, phải bác ái. “Nhân từ bác ái” là dạy cho chúng ta đối người, đối đãi tất cả chúng sanh, chúng ta nên dùng cái tâm gì, dùng cái thái độ gì? Nên dùng nhân từ bác ái đối đãi tất cả chúng sanh. Quả nhiên được nhân từ bác ái rồi thì tự tự nhiên nhiên giống như ông Phạm Trọng Yêm, có thể xả kỷ vì người. Thì nhân từ bác ái này mới thật sự vì người biểu hiện trên sự thật, chẳng phải chỉ ở đây hô to khẩu hiệu, chúng ta phải làm thật, thật sự đi giúp đỡ người.

Kinh văn: "Đương cầu độ thế, bạt đoạn sanh tử chúng ác chi bổn. Đương ly tam đồ, ưu bố khổ thống chi đạo".

Hai câu này là dạy chúng ta phải lập chí, phải lấy vĩnh thoát luân hồi làm mục tiêu, đừng nên có ý niệm ta còn phải ở trong thế gian này. Có cái ý niệm này thì chẳng thể ra khỏi luân hồi, là luân hồi tâm. Niệm niệm cầu độ thế, siêu việt thế gian, tức là siêu việt luân hồi đấy. Vậy nếu muốn siêu việt luân hồi, tất phải "bạt đoạn sanh tử chúng ác chi bổn"; phải đoạn ác, "sanh tử chúng ác chi bổn" tức là tham, sân, si, đây là căn bản. Phẩm phía trước chỗ nói đến ngũ ác, thập ác, đều là "sanh tử chúng ác chi bổn", chúng ta phải nhổ trừ nó từ cái gốc.

Chẳng những không tạo tác, mà ngay cả trong tâm, cái ác niệm này đều chẳng có; đây gọi là nhổ trừ, ý niệm ác này đều chẳng có thì mới được. "Đương ly tam đồ", Tam Đồ là tam ác đạo, là cái tâm buồn lo, khủng bố, thân khổ đau; đây là hình dung cái khổ của tam ác đạo. Chúng ta phải nhất định có cái ý niệm xuất ly lục đạo luân hồi của tam giới này.

Kinh văn: "Nhược tào tác thiện, vân hà đệ nhất?"

Đây là Phật dạy cho chúng ta tu thiện, chữ Nhược Tào là mọi người các ông; mọi người các ông phải làm thiện, phía trước nói đó là đoạn ác. Ác phải đoạn, còn thiện phải tu, tu cách

nào đây? Phật nói với chúng ta, đây là đệ nhất thiện.

Kinh văn: "Đương tự đoan tâm".

Tâm là căn bản, không chỉ là các vị đại đức của Thiền Tông, nói đến tu hành là từ trên căn bản tu. Cái gì là căn bản? Tâm là căn bản, chúng ta phải biết điều này. Cho nên pháp Đại Thừa cùng pháp Tiểu Thừa, chỗ chẳng tương đồng là người tu Tiểu Thừa chú trọng trên sự tướng; cho nên giới luật của Tiểu Thừa, tiêu chuẩn kết tội là luận Sự chẳng luận Tâm. Ví như sát sanh, anh đã động cái niệm muốn sát sanh nhưng anh chưa làm, thì không phạm giới trong

giới Tiểu Thừa, tôi chưa giết nó. Trong giới Đại Thừa thì khác, giới Đại Thừa là luận Tâm chẳng luận Sự; trên sự anh không có giết nó nhưng trong tâm động niệm muốn giết nó thì đã phá giới rồi. Cho nên giới điều Đại Thừa ít nhưng khó giữ, giới điều Tiểu Thừa tuy nhiều nhưng dễ giữ, cùng với pháp luật của thế gian như nhau, luận sự chẳng luận tâm. Đại Thừa Bồ Tát thì luận tâm chẳng luận sự, cho nên Đại Thừa tâm thanh tịnh đấy, còn giới luật người Tiểu Thừa rất nhiều mà tâm chưa chắc thanh tịnh, cho nên họ không ở chỗ khởi tâm động niệm để kết tội. Bồ Tát giới là ở trên khởi tâm động niệm mà kết tội.

Nếu ví như nói là Bồ Tát tuyệt đối chẳng có khởi tâm động niệm mà đã

ngộ sát một chúng sanh, có kể như là đã phạm giới chăng? Không kể. Tại sao? Vì trong tâm họ chẳng có cái niệm này, cho nên họ không bị kết tội nơi trên sự mà là kết tội nơi trên tâm. Tuy nhiên, người Tiểu Thừa nói tôi chẳng có khởi tâm động niệm, nhưng tôi đã giết người thì kể như bị kết tội rồi; người Tiểu Thừa thì kết tội, người Đại Thừa thì vô tội. Cho nên lối kết tội chẳng tương đồng, tiêu chuẩn khác nhau; chúng ta phải nên biết điều này. Kinh này là kinh Đại Thừa, cho nên "đoan tâm" là lấy tiêu chuẩn của Bồ Tát giới, chúng ta nhất định phải đoan tâm. Phải làm sao tâm mới thật sự đoan chánh? Dùng Nho gia để nói, tức là chánh tâm thành ý; đoan tâm tức là chánh tâm thành ý.

Phía bên trong cũng có nhiều tiêu chuẩn của trình độ khác nhau, nếu như lấy tiêu chuẩn của thế gian mà nói, ngũ giới, thập thiện, tâm này tức là đoan tâm; đây là tiêu chuẩn của thế gian.

Nếu như lấy tâm của Bồ Tát, Bồ Tát là Lục Độ vạn hạnh tự lợi lợi tha, đây là đoan tâm của Bồ Tát. Trong Tịnh Tông chúng ta, đoan tâm này tức là trong bổn kinh, trong Tam Bối Vãng Sanh chỗ nói đến, "Phát Bồ Đề tâm, Nhất hướng chuyên niệm A Di Đà Phật"; đây là đoan tâm của Tịnh Tông, đây là đệ nhất. Chúng ta phải đem tâm an trụ tại trong câu A Di Đà Phật, phải định tại Tây Phương Cực Lạc thế giới, thì đây là đúng rồi.

Kinh văn: "Đương tự đoan thân, nhĩ, mục, khẩu, tỵ, giai đương tự đoan".

Đây là dạy cho chúng ta trong sinh hoạt thường ngày, chỗ gọi là thủ khẩu, nhiếp ý, thân đừng phạm. Phật vì chúng ta chế định giới luật, quyết định không thể vi phạm; thứ thứ đều hợp với quy củ, hợp với lễ pháp. Tuy nhiên thời nay rất phiền phức, lễ chẳng còn nữa, pháp cũng chẳng còn nữa. Anh bảo, quy củ nào là đúng? Thật tại mà nói, vì chẳng có tiêu chuẩn nên đều là đúng cả. Có một lần ở Đài Loan, tôi thấy người thế gian, người già lúc qua đời, trong tang lễ có một số con cháu mặc áo gai để tang, mặc y phục trắng đội áo gai; có số

mặc áo dài đen. Có bạn đồng tu bèn đến hỏi tôi, họ nói: "Thưa pháp sư, lễ này ai đúng ai sai vậy?" Tôi bèn nói, đều đúng cả! Thế nào là đều đúng? Bởi vì chẳng có lễ, làm cách nào anh cũng đều đúng cả. Mặc y phục màu trắng, đội mão gai là lễ thời Mãn Thanh, từ khi Dân Quốc thành lập đến nay chẳng có chế lễ làm nhạc, đó là lễ của Mãn Thanh. Còn mặc áo dài đen là lễ của ngoại quốc, là lễ của Tây phương; chẳng có lễ chi cả, anh chỉ dùng cái lễ đó! Tôi nói như vậy, có lẽ nói được thông. Đây là thời loạn, thật là đáng buồn, chẳng có tiêu chuẩn.

Vì vậy cho nên chỗ này nói "đoan thân, nhĩ, mục, khẩu, tỵ", điều này thì khó! Chúng ta nhất định phải biết, tâm thành thì hạnh liền chánh, phải từ

chỗ này để thể hội tất cả. Tâm chúng ta đoan chánh, trong tâm chẳng có tà tư, chẳng có tà niệm, thân khẩu tạo tác thì phải biết thời nào, phải biết giờ nào, chỗ nào, phong tục tập quán của mọi người. Chúng ta phải tuân thủ những thứ này thì chẳng vi phạm lỗi lầm, thì chẳng vi phạm lỗi lớn. Đương nhiên giáo giới của Phật là tinh thần cơ bản, ứng dụng vào trong cuộc sống thực tế, phải biết giờ nào, chỗ nào, chúng ta chớ nên trái ngược tập tục của mọi người, chúng ta đều tuân thủ mọi thứ thì là được rồi.

Kinh văn: "Thân tâm tịnh khiết, dữ thiện tương ưng".

Đây là một tiêu chuẩn rất tốt, trong thời đại mà lễ nhạc đều hư hỏng này, chúng ta vẫn có thể giữ lấy nguyên tắc này thì khá lắm rồi. Chúng ta, thân thanh tịnh, tâm thanh tịnh; quý vị nên biết, chữ Thanh Tịnh ở chỗ này, chẳng phải nói anh đem thân thể tắm rửa cho sạch sẽ, đương nhiên tắm rửa sạch sẽ cũng là quan trọng. Tuy nhiên, ý của Phật chẳng phải như vậy! Ý là đoạn trừ tất cả ô nhiễm thì anh được thanh tịnh. Trong tâm chúng ta xa lìa tham, sân, si, mạn. Tham, sân, si, mạn là ô nhiễm, danh văn lợi dưỡng là ô nhiễm, ngũ dục lục trần cũng là ô nhiễm, chúng ta phải xa lìa những thứ này. Trừ những thứ này ra, đối với lời dạy bảo của thánh hiền nhân, nếu như hoài nghi không tin, đó

cũng là ô nhiễm, đó là ngu si, vô minh đấy. Đem những thứ ô nhiễm này, cả thảy đều xa lìa hết, thì tâm chúng ta sẽ thanh tịnh. Tâm thanh tịnh rồi, còn thân chúng ta thanh tịnh thế nào? Tất cả thân tạo tác thì sẽ tự nhiên như pháp, như lý, tức là có thể tuân thủ ngũ giới, thập thiện. Thân không tạo sát, đạo, dâm, thân thanh tịnh; khẩu không có vọng ngữ, ác khẩu, ỷ ngữ, lưỡng thiệt, khẩu thanh tịnh. Gọi thân thanh tịnh là ý nghĩa này, mà chẳng phải bảo anh đem cái thân này tắm rửa cho sạch sẽ, ăn mặc cho chỉnh tề, chẳng phải ý nghĩa này. "Thân tâm tịnh khiết, dữ thiện tương ưng", điều này, nếu cùng với phía trước mà nói, cùng ngũ giới, thập

thiện tương ưng. Ngũ giới, thập thiện, anh đều đã làm được cả.

Kinh văn: "Vật tùy thị dục".

Đây là tâm, muôn ngàn xin chớ chạy theo tâm tham và sự ngu si của mình. Không thể chạy theo cái tâm này, những dục vọng này.

Kinh văn: "Bất phạm chư ác".

Đây là thân, thân nhất định phải giữ giới, nhất định là hành thiện; cho nên hai câu này tức là thân và tâm. Người thế gian tạo ác, đều là trong tâm có ác niệm, có dục vọng; cái này là căn bản của tất cả ác. Đối với dục vọng, Phật dạy chúng ta phải xả bỏ,

phải biết nó là độc tố trong tâm của chúng ta; trong tâm chúng ta có độc đấy. Chẳng những chúng ta phải xả dục vọng của thế gian, mà ngay dục vọng đối với trong Phật pháp cũng phải xả, bởi vì xả đó là dục vọng chẳng phải đổi đối tượng. Đối tượng thế gian đổi lấy đối tượng Phật pháp, đó vẫn không thể được, cái dục vọng đó trong anh vẫn còn tồn tại. Dục vọng tức là tâm tham, tức là tâm si, cho nên nhất định phải xả cho được sạch sẽ rốt ráo. Nhiên hậu thì thân khẩu của chúng ta tự nhiên khiết tịnh, thì sẽ chẳng phải phạm thêm lỗi lầm nữa.

Kinh văn: "Ngôn sắc đương hòa".

Trong khi chúng ta xử thế, đối người, ngôn ngữ của chúng ta, dung mạo của chúng ta, thái độ của chúng ta phải ôn hòa. Ngôn ngữ phải nhu nhuyễn, thái độ phải hòa mục.

Kinh văn: "Thân hạnh đương chuyên".

Hàm ý trong câu này rất sâu. Trong sinh hoạt thì ý nghĩa của chữ Chuyên là Tinh, Chuyên là chuyên nhất, chuyên nhất là đại biểu cho kính; chúng ta kính người, kính sự, kính vật. Nếu như trên sự học Phật, sự cầu Phật trên những việc này mà nó chuyên nhất, tức là "nhất môn thâm nhập", anh mới có được thành tựu. Cho nên

"giáo chi đạo, quý dĩ chuyên", sự cầu học của thế gian đây cũng là một khoa hệ. Anh học đại học, học khoa hệ thì anh chẳng thể học rất nhiều khoa hệ. Nếu học rất nhiều khoa hệ thì suốt đời anh không tốt nghiệp nổi, anh học tạp. Nếu anh chuyên tâm học một khoa hệ, bốn năm thì tốt nghiệp rồi; vậy ở trong xã hội làm các ngành nghề cũng phải Chuyên. Chuyên tâm nỗ lực nơi một ngành nghề thì dễ thành công. Vậy có rất nhiều nhà đại xí nghiệp kinh doanh nhiều sự nghiệp, nhất định là sau khi họ thành tựu một sự nghiệp rồi, mới có thể kinh doanh khác khắp đến tất cả, là đạo lý như vậy. Phật pháp cũng thường nói, thí dụ nói học kinh, một bộ kinh thông đạt rồi, nhiên hậu tất cả kinh mới có

thể thông đạt. Một pháp môn thành tựu rồi, tất cả pháp môn đều thành tựu, là cái đạo lý như vậy. Lúc bắt đầu học, nhất định phải chuyên, chuyên tại trên một môn, đây mới có thể có được sự thọ dụng chân thật. Cho nên trong chữ này bao hàm ý nghĩa rất sâu, rất rộng, chúng ta phải để tâm đi thể hội, thường thường đi nhai nhỏ cái mùi vị của nó.

Kinh văn: "Động tác chiêm thị, an định từ vi".

Đây thật tại là nói về tu dưỡng, thật sự là một người đại phước đức, một người đại trí tuệ, cử chỉ của họ nhất định vô cùng an tường, sẽ chẳng rất nóng nảy; phàm là người nóng

tánh, thành tựu đều sẽ rất có hạn. Thật sự lập đại công, lập đại nghiệp, từ xưa đến nay, thái độ đều là rất đoan trang; mấy chữ này, họ thật sự làm được, tâm an, thân an, tâm định. Từ là chậm rãi, một tí hiện tượng nóng nảy vội vàng đều chẳng có, vô cùng an tường. Phật ở chỗ này chỉ dạy chúng ta điểm này, nhất định phải học. Trước kia, trong phần gia thư, gia huấn của ông Tăng Quốc Phiên, chúng ta thấy được cách dạy con cháu của ông, vãng bối của ông. Tăng tiên sinh đối với bốn chữ "an định từ vi" này, vô cùng coi trọng.

Nói năng phải cầu chậm rãi, đi đứng phải cầu chậm rãi, chẳng để anh nóng nảy vội vàng; làm việc cũng yêu cầu anh chậm chậm mà làm, việc việc

đều phải là đến chắc thật. Ông yêu cầu cái này, tối kỵ nhất là nông nổi, cách này chẳng thể lập đại công, thành đại nghiệp. Lập đại công, thành đại nghiệp, nhất định là phải "an định từ vi".

Kinh văn: "Tác sự thương tốt".

Đây là hoàn toàn tương phản, là nóng nảy vội vàng.

Kinh văn: "Bại hối tại hậu".

Hiện nay hình như có được thành tựu, nhưng tương lai nhất định anh có thể thất bại. Việc nhỏ còn là như vậy, nếu như sự việc càng làm càng lớn, càng là đại sự thì càng phải kỹ lưỡng,

càng phải chăm lo chu đáo tường tận. Khi nóng nảy vội vàng, việc nhỏ nóng nảy chẳng sao, nhưng khi xử lý việc lớn, nóng nảy vội vàng thường thường sẽ có sơ suất cẩu thả. Sự sơ suất cẩu thả trở thành khó khăn rất lớn, thậm chí tạo thành sự thất bại rất lớn; lúc đó hối hận cũng chẳng kịp nữa, cho nên là "bại hối tại hậu" vậy. Thế, xuất thế gian đều chẳng thể trái ngược nguyên tắc này, tu hành càng về sau càng thấy công hiệu, càng về sau càng thấy khó khăn; điều này cũng là đạo lý nhất định. Cho nên Phật dạy chúng ta tu nhẫn nhục Ba La Mật, anh nhẫn được mới có thể an, mới có thể được định đấy; anh chẳng nhẫn được, an và định này anh chẳng có được. Cho nên Bồ Tát tu Lục Độ,

nhẫn nhục mới có thể tiến bộ, mới có thể tinh tiến; tinh tiến mới có thể được định. Nếu là tạp tiến, loạn tiến thì không thể được định; phải tinh tiến mới có thể được định. Tinh tức phía trước gọi là Chuyên, "thân hạnh đương chuyên", họ mới có thể được định; cho thấy rõ điều này rất quan trọng, rất quan trọng. Trong an định thì có được trí tuệ chân chánh, trí tuệ mới có thể đem tất cả sự việc nhìn được rõ ràng, nhìn được minh bạch; anh đi chỉ huy, anh đi kinh doanh, sẽ chẳng mang đến tai họa. Cổ kim trung ngoại đều chẳng thoát ly khỏi nguyên tắc của những sự việc này; tuy hình thái xã hội hiện tại cùng quá khứ khác nhau, nhưng cái nguyên tắc này vẫn

còn thọ dụng, vẫn không thể trái ngược được.

Kinh văn: "Vi chi bất đế, vong kỳ công phu".

Đó là chân thật, nếu chỗ hành anh không cẩn thận, không thiết thực; chữ Bất Đế tức là không thiết thực, không cẩn thận, công phu của anh có thể toàn bộ bỏ hết, vậy thì rất là đáng tiếc. Cho nên, hơn nữa là những việc lớn, chúng tôi thấy được một việc, công ty điện não Vương An ở Mỹ vô cùng nổi tiếng; quý vị xem, ông Vương An vừa mới qua đời chưa đến một năm thì hết sạch, đây chính là "vi chi bất đế, vong kỳ công phu", việc này là một điển hình. Cho nên quý vị xem, những sự

việc lớn lao, khi nó thất bại rất nhanh thì hết sạch; những sự thật này, nếu quý vị hơi bình tĩnh một tí, tùy thời tùy chỗ đều thấy được. Khi nhìn thấy quý vị hãy suy nghĩ cặn kẻ, trên kinh nói "tác sự thương tốt, bại hối tại hậu", cùng với Phật dạy hoàn toàn như nhau. Phật đem nguyên nhân tại sao nó có thể thất bại nhanh như vậy, tiền nhân hậu quả nói được rõ ràng như vậy, tường tận như vậy. Cho nên chúng ta vừa đọc, nghĩ lại điều này hoàn toàn chính xác, thì điều này cho chúng ta một sự cảm kích rất cao. Nhất định chúng ta phải tuân thủ lời dạy của Phật, tuân theo sự giáo huấn của Phật, thì công phu của chúng ta sẽ chẳng đến nỗi mất mát. Hôm nay xin giảng đến đây. A Di Đà Phật

Tập 24

Xin lật kinh bản, trang một trăm bốn mươi chín, hàng thứ nhất.

Như Bần Đắc Bảo - Đệ Tam Thập Thất

Trong phẩm kinh này, Phật muốn nói với chúng ta thiện nhân, thiện quả, khuyến miễn chúng ta tinh tấn nỗ lực tu thiện đoạn ác. Ở chỗ này chúng ta cũng có thể thấy được lòng từ bi khuyên lơn của Phật, xin xem phần kinh văn.

Kinh văn: "Nhữ đẳng quảng thực đức bổn, vật phạm đạo cấm.

Nhẫn nhục, tinh tấn, từ tâm chuyên nhất”.

Đây là một đoạn nhỏ, đoạn nhỏ này là tổng thuyết. Nghĩa của chữ Quảng này là nhiều. Theo cách nói của bổn tông, Đức Bổn tức là Tín - Nguyện - Trì Danh, đây là cái gốc của đại đức chân thật. Bởi vì nếu như tu hành chẳng thể đem mục tiêu đặt tại việc thành Phật, thì sự tu hành này chẳng cứu cánh, thì chẳng viên mãn, nhất định phải biết điều này. Vậy thì mục tiêu đặt tại việc thành Phật, theo những kinh luận thông thường mà nói, thành Phật phải mất ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Trong kinh Hoa Nghiêm nói, thành Phật phải mất vô lượng kiếp; hình như cái mục tiêu này, nếu muốn

đạt thành cơ hồ là quá xa vời. Cách nghĩ, cách nói này đều chẳng phải là vô lý; tuy nhiên nơi pháp môn này thì có khác. Đây là trong một đời này quyết định có thể đạt đến nguyện vọng cứu cánh viên mãn, cho nên Tín - Nguyện - Trì Danh là cái gốc của đại đức chân thật.

Phía dưới, câu "vật phạm đạo cấm" rất trọng yếu, chúng ta quyết tâm chọn lấy Tịnh Độ; có thể thật sự được vãng sanh một đời này hay không? Phải xem cách tu trì của anh. Cái chướng ngại lớn nhất trong cách tu trì của anh tức là tạo tác ác nghiệp; vậy ở chỗ này, chỗ gọi là "đạo cấm", nói một cách cứu cánh, tức là phía trước chỗ nói về ngũ giới, thập thiện, quyết định chẳng thể trái ngược. Cũng tức

là bảo nhất định phải lấy tâm thanh tịnh, quyết định để thọ trì, trì giới niệm Phật. Vậy đây là nghĩa hẹp, còn nói theo nghĩa rộng, chúng ta cũng chẳng nên đẩy quá rộng, tức là nơi bản kinh chỗ Thế Tôn nói, thậm chí đến trong Tịnh Độ Tam Kinh chỗ nói, Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh cùng với A Di Đà Kinh. Vậy thì lại mở lớn thêm một tí, hiện nay chúng ta thấy được Tịnh Độ Ngũ Kinh, bao quát Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện Phẩm, Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương, những lời giáo huấn bên trong chỗ nói đều chẳng thể trái ngược. Kỳ thật Tịnh Độ Ngũ Kinh, Nhất Luận bên trong chỗ nói đó, trong Vô Lượng Thọ Kinh thảy đều đầy đủ cả. Ở nơi phần kinh vừa mở

đầu, phẩm thứ hai Đức Tuân Phổ Hiền thì đã đem tinh yếu của Hạnh Nguyện Phẩm bao gồm nơi trong bản kinh rồi.

Do đây có thể biết, nền giáo học của Vô Lượng Thọ Kinh là vô cùng viên mãn; vậy đây là lời giáo huấn trong kinh điển, chúng ta phải đều thiết tha nỗ lực. Điều thứ nhất là phải đem nó ghi nhớ, phải học thuộc, phải ghi nhớ. Điều thứ hai, phải cầu giải ý nghĩa của Phật giảng, chúng ta phải thật sự hiểu rõ, chẳng thể đem nghĩa kinh giải sai đi, chẳng thể hiểu lầm, khúc giải; cái này chẳng dùng được. Vậy lại tiến thêm một bước, phải đem những lời giáo huấn này đều làm được trong sinh hoạt thường ngày của chúng ta. Đây mới gọi là học Phật,

học Phật cùng Phật như nhau, cái này gọi là học Phật. Nếu như chẳng làm được, chỉ là niệm kinh, chỉ là giảng giải, nghiên cứu, thảo luận, mà chẳng thể thiết tha đi làm. Cách này, cho dù một ngày niệm mười ngàn tiếng Phật hiệu, cũng rất khó vãng sanh, tại sao vậy? Anh đã vi phạm đạo cấm rồi. Phía dưới đây ba câu đều là phá trừ chướng ngại vãng sanh của chúng ta, đây thật là khẩn yếu. Điều thứ nhất là phải trì giới, phải đem lời giáo huấn của Phật Đà hết lòng làm cho bằng được.

"Nhẫn nhục, tinh tấn", Nhẫn Nhục là nói anh tu học phải có tánh nhẫn nại, phải nhẫn nại được. Năm xưa, nhóm pháp sư dịch kinh đem chữ Nhẫn Nại dịch thành Nhẫn Nhục là có

đạo lý, bởi vì người xưa Trung Hoa chẳng phải người Hoa hiện nay, đối với sỉ nhục coi rất nặng. Chỗ gọi là "sỉ khả sát, bất khả nhục", chặt đầu không hề gì, nhưng làm nhục thì không thể được, không thể nhẫn chịu. Những vị pháp sư dịch kinh nói, quý vị đối với chữ Nhục coi trọng như vậy, nhẫn nhục, nhục đều có thể nhẫn được thì đương nhiên chẳng có việc chi chẳng nhẫn được. Cho nên chữ Nhẫn Nhục là như vậy mà dịch qua, cho nên phải có tâm nhẫn nại rất lớn. Trong kinh Kim Cang Phật nói rất hay: "Nhất thiết pháp đắc thành ư nhẫn", thế gian pháp, xuất thế gian pháp, sự nghiệp lớn phải có tâm nhẫn nại lớn, sự nghiệp nhỏ phải có tâm

nhẫn nại nhỏ. Không có tâm nhẫn nại thì không thể thành tựu.

Cho nên cầu đạo phải nhẫn nại được, còn công phu niệm Phật thì chẳng thể thiếu; ví như nói mọi ngày khóa tụng sáng tối, một khóa cũng chẳng thiếu, đây tức là tâm nhẫn nại rất lớn. Nếu như chính mình có thì giờ thì khóa của chúng ta phải thêm nhiều, chữ Nhiều này chẳng phải chủng loại nhiều, mà là trên số lượng thêm nhiều. Ví như hiện nay công việc tôi vô cùng bận rộn, sáng tối chỉ niệm mấy mươi tiếng Phật hiệu, khi có thì giờ thì Phật hiệu tăng nhiều lên, thêm đến một trăm tiếng, thêm đến một ngàn tiếng, thêm đến một vạn tiếng, thêm đến hai, ba vạn tiếng, đem nó thêm nhiều lên. Cách này thì gọi là

tinh tiến đấy, Tiến là tiến bộ, không thể thoái bộ. Cho nên người mới học Phật, đạo tâm rất dũng mãnh, thường thường định công khóa thì định rất nhiều; làm được vài ngày không có thì giờ rồi thì giảm thiểu chút ít, tướng này là tướng suy đấy, là đi xuống dốc. Tướng suy là không tốt, cho nên người mới học phải nên định công khóa rất ít, làm được rất như pháp, làm được rất hoan hỷ, nhiên hậu lại thêm một tí. Làm cách này mới chính xác, trong tiến bộ phải thuần mà không tạp, gọi là tinh tiến.

"Từ tâm chuyên nhất", vậy điều này cũng vô cùng quan trọng, A Di Đà Phật, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí đều là đại từ, đại bi, lòng đại từ bi của họ đích thật vượt hơn chư Phật rất xa,

chư Phật chẳng sánh kịp. Ngày nay chúng ta muốn làm học trò của A Di Đà Phật, chẳng có từ bi tâm thì làm sao được? Cho nên phải bồi dưỡng từ bi tâm, phải có thể chỗ chỗ tha thứ cho chúng sanh; tất cả chúng sanh đối với chúng ta có lỗi lầm, đừng đem nó để trong lòng, chẳng cần phải đi so đo, hoan hỷ cùng chúng sanh chung sống. Tu đạo phải chuyên nhất, phía trước nói tinh tấn, nhất định phải chuyên nhất; chỉ có chuyên thì thành tựu mới vững vàng, mới nhanh chóng, đơn giản dễ dàng, quyết định chẳng thể làm cho phức tạp. Tạp tu, loạn tu, cho dù rất dụng cộng, chẳng dễ vãng sanh; bởi vì điều kiện vãng sanh, trong kinh nói rất rõ ràng, đặc biệt là A Di Đà Kinh, là "nhất tâm bất loạn", đây là

điều kiện vãng sanh. Bản kinh tuy chẳng có nói nhất tâm bất loạn, là nói "nhất hướng chuyên niệm", một phương hướng, một mục tiêu chuyên niệm mới được.

Đây là trong một đời này, chúng ta muốn thoát ly lục đạo luân hồi, vãng sanh bất thoái thành Phật; đó là nhất định phải tuân thủ, quyết định chẳng thể sơ suất, phải chuyên. Người chuyên tu Tịnh Độ, tổ sư đại đức thuở xưa là cái gương mẫu tốt cho chúng ta, một mình họ dụng công trong một Phật Đường nhỏ kia; một mình một người thanh tu. Phật Đường này giống như Phật Đường của Ấn Quang đại sư, Linh Nham Sơn Tự ở Tô Châu, là quang phòng của Ngài; quý vị có cơ hội đi Tô Châu, có thể đến xem

Phật Đường của Ngài. Trong Phật Đường của Ngài chỉ có một tượng A Di Đà Phật, phía trên tượng A Di Đà Phật, Ngài viết một chữ Tử thật lớn, ngày ngày nhìn thấy chữ Tử, ta sẽ phải chết. Phía dưới là một tượng A Di Đà Phật, niệm Phật cầu Phật đến tiếp dẫn. Ngoại trừ cái này ra, những tượng Phật, Bồ Tát khác đều chẳng thờ, vì sao? Là nhất tâm chuyên niệm, sợ phức tạp đấy. Phải chuyên, phải tinh, chuyên nhất vậy là đúng. Còn kinh? Chỉ tụng một bộ. Tổ Ấn Quang chỉ niệm A Di Đà Kinh, thờ một tượng A Di Đà Phật thì niệm một bộ A Di Đà Kinh; thêm nữa là Phật hiệu Di Đà, ngoài ra không có chi cả, quả thật gọi là tinh chuyên.

Từ chỗ tâm biểu hiện đó là Văn Sao của tổ Ấn Quang, một đời Ngài chẳng thường giảng kinh, có lẽ quan hệ vì giọng miền Bắc của Ngài; Ngài nói chuyện, người ta nghe không hiểu. Vào thời kỳ đó, đi tìm người phiên dịch, không tiện, cho nên Ngài rất ít giảng kinh; chỉ có một lần tại Thượng Hải, trong pháp hội Hộ Quốc Tức Tai, Ngài giảng khai thị được một tuần, ngày chót Ngài làm lễ Quy Y cho mọi người; việc này có văn tự ghi chép lưu truyền về sau. Còn những việc khác, phần nhiều là những người học Phật hoặc giả là học giả, đối với tu hành Phật pháp có những nghi vấn, viết thư cho Ngài thì Ngài dùng văn tự phúc đáp; sau này hội tập trở lại tức là Văn Sao, Ấn Quang Đại Sư

Văn Sao. Từ trong Văn Sao xem, anh thấy được Ngài độ chúng với từ tâm; xem Văn Sao mà được độ thì chẳng biết bao nhiêu người. Những năm về già, tín đồ quy y đông, ngưỡng mộ Ngài đông, cúng dường cũng nhiều, Ngài đem số tiền cúng dường này lập được một sở lưu thông kinh Phật. Tên của sở lưu thông kinh Phật này gọi là Hoằng Hóa Xã, ở Linh Nham Sơn Tự ở Tô Châu. Cái quỹ đó tức là số tiền nhóm tín đồ cúng dường cho lão pháp sư, thì đem làm việc này. Từ chỗ này thấy được "từ tâm chuyên nhất", Ngài quả thật là chuyên.

Kinh văn: "Trai giới thanh tịnh, nhất nhật nhất dạ, thắng tại Vô Lượng Thọ quốc vi thiện bách tuế".

Có một số người thấy câu kinh văn này thì không muốn đi đến Tây Phương Cực Lạc thế giới nữa, vì sao? Vì tôi ở nơi đây tu hành một ngày một đêm thắng hơn tu hành ở Tây Phương Cực Lạc thế giới một trăm năm. Một trăm năm này là cách tính của địa phương này của chúng ta, chư vị nhất định phải biết, bởi vì Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có năm, tháng, ngày, giờ; không có, chỉ có địa phương này chúng ta mới có. Phàm là nói đến con số, thảy đều là lấy nơi chúng ta để tính; vậy thì nói một cách khác, chúng ta tu hành ở địa phương này, đích thật là rất có công đức, vả lại là rất chẳng dễ, đúng là siêu việt Tây Phương Cực Lạc thế

giới. Tuy nhiên quý vị phải biết một sự thật, tại sao Phật lại nói như vậy? Địa phương này khó tu, quá khó; đây là hình dung "nan năng khả quý". Tu hành ở Tây Phương thế giới quá dễ dàng, quý vị thử nghĩ xem, dễ là tốt hay khó là tốt? Mùi vị là ở chỗ này. Quý vị chẳng thể giải sai ý nghĩa, đó là khúc giải Như Lai chân thật nghĩa, giải sai nghĩa chân thật của Như Lai quá nhiều quá nhiều. Chỗ này khó, một vạn người tu hành, khó được có một người thành tựu; còn người ở Tây Phương Cực Lạc thế giới tu hành, một vạn người tu hành là một vạn người thành tựu. Bên ấy dễ, bên này khó; khó cho nên mới đáng quý. Ở bên đó chúng ta tu hành là đại khởi đại lạc, dễ dàng thành công; quý vị

xem, đây là trong một đời này, vãng sanh bất thoái thì thành Phật rồi. Còn những người chẳng thành công thì đọa tam ác đạo, vẫn cứ trôi lăng trong lục đạo luân hồi, ý nghĩa của câu nói này là ở chỗ này, chẳng thể hiểu sai.

Vậy thì Tây Phương Cực Lạc thế giới là duyên tốt đấy, A Di Đà Phật là thầy, A Di Đà Phật là Phật trung chi vương; chẳng có một vị Phật nào mà có thể so sánh được với A Di Đà Phật. Một vị thầy giỏi như vậy, thập phương chư Phật đều giúp A Di Đà Phật giáo hóa chúng sanh, những vị Bồ Tát khác thì càng chẳng cần nói nữa. Chúng ta sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, địa vị thì khác hẳn. Hiện tại ở đây thấy Quán Thế Âm, Đại Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền Bồ

Tát ở tận trên cao, còn chúng ta thì úp mặt sát đất. Còn khi đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì những người này là bạn đồng học, đứng ngồi ngang hàng, họ là học trò của A Di Đà Phật, chúng ta cũng là học trò của A Di Đà Phật, đó thì khác hẳn. Cho nên cổ đức thường nói: "Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới cùng Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí nắm tay đồng hành", đến bên ngoài đi du ngoạn, tay trong tay cùng đi chơi đùa, là tình hình như vậy. câu là hình dung cái khó, dễ.

"Trai giới thanh tịnh", đây là thuyết minh cái "trai giới thanh tịnh" này, chẳng phải dễ; ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, người người đều thanh tịnh. Nghĩa của chữ Trai là thân

tâm thanh tịnh, vậy người hiện nay đem việc ăn chay; việc trai lạt gọi là ăn chay, điều này là sai lầm. Từ trên sinh hoạt mà nói, chữ Trai này là ăn một bữa giữa trưa, gọi là Trai; người thường chúng ta hiện nay gọi là trì ngọ. Trì ngọ này là sai, bởi vì trì ngọ là từ mười một giờ đến một giờ, là giờ Ngọ; còn giữa trưa là quá mười hai giờ, quá mười hai giờ thì đã phá trai rồi. Nếu như trì ngọ đến một giờ vẫn còn là giờ Ngọ, cho nên nói trì ngọ thì là sai; phải là ăn một bữa giữa trưa. Tuy nhiên chúng ta nên biết, cái địa cầu này là tự nó xoay, có sự sai biệt của thời gian; các nơi mỗi ngày giữa trưa đều khác nhau. Cho nên người chân chánh trì trai, đại khái đều là buổi sáng mười một giờ ăn cơm;

đây là quyết định chẳng thể quá Ngọ. Vậy vào thời xưa, dùng cái bóng của mặt trời để trắc lượng thời giờ; trời dăm thì không cách chi. Hiện nay so với trước kia đích thật tiện lợi quá nhiều, có đài thiên văn, có lịch thiên văn. Tôi không biết ở Tân Gia Ba có phát hành hay không; ở Đài Loan có phát hành lịch thiên văn, có thể mua được ở các tiệm sách. Vậy lịch này ghi rõ cho anh, giữa trưa mỗi ngày là mấy giờ, mấy phút, mấy giây, ghi chép rất rõ ràng. Chúng ta muốn thật sự phát tâm trì trai, dùng loại lịch thiên văn này thì tiện lợi rất nhiều.

Tuy nhiên vẫn còn có một cái phiền phức, nếu thường đi du lịch thì sao? Mỗi một địa phương thời gian khác biệt rất xa. Cái trắc này thật là

phiền phức, ví như nói ở đây chúng ta bây giờ là ban đêm, ở bên Mỹ là ban ngày, cần phải biết điều này. Dụng ý của chữ Trai ở chỗ nào? Dụng ý là giúp đỡ tâm thanh tịnh, ăn uống không thể chẳng có, chúng ta phải nhờ ăn uống để duy trì mạng sống, để nuôi cái thân này. Tuy nhiên người xưa lại nói, bệnh từ miệng vào; do đây có thể biết, ăn uống chẳng thể không chú trọng, phải chú trọng dinh dưỡng, phải chú trọng vệ sinh, phải chú trọng đúng lượng. Tức là phân lượng phải vừa đủ, đừng nên tham ăn. Tham ăn, ăn quá nhiều, vượt hơn phân lượng này thì sẽ dễ sanh bệnh, hệ thống tiêu hóa, ruột, bao tử của quý vị chịu đựng không nổi thì vấn đề sẽ nghiêm trọng. Vậy mỗi người quý

vị, năng lực cơ thể khác nhau, cũng tức là tình trạng sức khỏe của thân thể khác nhau, năng lượng tiêu hao cũng khác nhau. Giống như chiếc xe, có xe ít hao dầu, có xe hao dầu. Xe ít hao dầu thì vài ngày đổ dầu một lần là được, còn xe hao dầu, có lẽ một ngày phải đổ một, hai lần; phải biết điều này.

Vậy còn thân thể chúng ta, tiêu hao năng lượng, rốt cuộc là bao nhiêu? Tiêu hao nhiều hay ít? Không thể chẳng biết điều này, tiêu hao nhiều thì anh phải bổ sung nhiều, nếu không thì thân thể suy yếu, làm việc gì cũng không nổi, làm việc đạo cũng chẳng được. Anh nói niệm Phật, ngồi ở đó cũng không nổi, bụng đói khó chịu lắm, làm gì còn đâu lòng dạ để niệm

Phật? Vậy sự tiêu hao của năng lượng, chín mươi lăm phần trăm là tiêu hao trên vọng tưởng, quý vị phải biết điều này. Cho nên tại sao người tu hành ăn một bữa giữa trưa vì ít có vọng tưởng, ít có tạp niệm, ít phiền não; họ hao năng lượng ít, mỗi ngày họ bổ sung một lần thì đủ rồi. Còn người hiện tại chúng ta, suốt ngày cứ suy nghĩ bậy bạ, bổ sung ba bữa cũng không đủ! Còn phải ăn điểm tâm, ăn khuya mới duy trì được, phải không? Vậy những hiện tượng này, xin thưa với quý vị, tất cả đều là bình thường, họ tiêu hao nhiều như vậy thì nhất định là phải bổ sung nhiều như vậy.

Xưa kia lúc Phật còn tại thế, Phật cũng chẳng có ý đề xướng ăn một bữa giữa trưa, Phật chẳng coi trọng vấn đề

này. Là vì năm Phật Đà còn tại thế, Ấn Độ đích thật gọi là quốc gia của tôn giáo; Ấn Độ có vô cùng nhiều tôn giáo, trong kinh Phật chỗ ghi chép có đến chín mươi sáu thứ, những nhóm tôn giáo này đều ăn ngày một bữa. Cho nên Phật ra ngoài đi giáo hóa chúng sanh, người ta vừa thấy Thích Ca Mâu Ni Phật mỗi ngày ăn ba bữa, thì mọi người sẽ có ấn tượng chẳng tốt đối với Ngài, phải không? Anh xem, vẫn chẳng bằng các tôn giáo kia. Vì thế cho nên Phật cũng áp dụng phương thức sinh hoạt của họ, ngày ăn một bữa; đương nhiên tâm Phật thanh tịnh, nhóm đệ tử của Ngài thân tâm thanh tịnh, một bữa ăn này đích thật là đầy đủ rồi. Vậy thì phân lượng của một bữa ăn bằng với phân lượng

của một bữa ăn bình thường, mà chẳng phải đem ba bữa ăn dồn thành một bữa để ăn! Tôi thấy chẳng ít người trì ngọ, cái bát của họ khá lớn. Lượng của một bát cơm đó, chúng ta chia ra ba bữa cũng ăn chẳng hết; quả nhiên họ có thể ăn sạch trong một bữa. Cho nên hãy đi nghe ngóng kỹ lưỡng những người trì ngọ, hầu như trong một trăm người có đến chín mươi người đều mang bệnh ruột, bao tử, phải không? Phô trương đến hư hỏng rồi.

Cho nên chúng ta phải biết điều này, đừng nên coi thường đi học cái này; bởi vì trong kinh điển Tịnh Độ, vãng sanh là Tín - Nguyện - Trì Danh. Không có nói nhất định phải trì ngọ mới được vãng sanh, không trì ngọ thì

không được vãng sanh; điều này, trong Tam Kinh, Ngũ Kinh, chúng ta đều chẳng có nghe nói cách này. Cho nên nơi phương diện ẩm thực, quý vị nên yên tâm, tu hành phải có một thân thể khỏe mạnh, một tinh thần no đầy. Cho nên anh ăn quá nhiều có thể hôn trầm, tinh thần nâng lên không nổi, khi bụng anh trống đói cũng không được, cũng chẳng có cách chi làm việc đạo. Cho nên Thiền Tông đối với vấn đề này thì không chú trọng lắm. Trước kia, lão pháp sư nói chúng ta, trong thiền đường của Thiền Tông, trừ ba bữa ăn ra họ còn có ba món điểm tâm, tại vì sao? Bởi vì tịnh tọa trong thiền đường, phải bảo trì không đói, không no; cho nên họ áp dụng cách này, là ăn ít mà nhiều lần. Bởi vì

ăn no rồi, anh ngồi nơi đó ngủ gục, thì là hôn trầm rồi; còn không ăn thì trong tâm phát hoảng, ngồi chẳng được. Cho nên họ nhất định phải duy trì trạng huấn này, là không no, không đói; đây là rất chính xác.

Thật tại mà nói, trong Niệm Phật Đường tại sao chẳng từng như vậy ư? Chúng ta nhất định phải biết điều này. Cho nên có thể đem ẩm thực giảm thiểu, đích thật là một việc tốt, đơn giản; anh xem, suốt ngày bận lo cho ba bữa cơm, mất nhiều thời giờ để lo liệu sắp xếp, thật tại mà nói, là chẳng có ý nghĩa chi cả, quả thật là rất lãng phí. Trước kia ở Đài Trung, Lý Bỉnh Nam lão cư sĩ ăn một ngày một bữa giữa trưa, nhưng ông không chú trọng ăn quá ngọ. Vì sao ông ăn một ngày

một bữa? Vì giản tiện. Nấu ba bữa ăn, phiền phức biết mấy, một bữa giản tiện hơn; vì để giản tiện nên ăn một bữa. Lượng ông ăn rất ít, thầy Lý quả thật vô cùng hiếm có, mãi vẫn chỉ có một mình ở trong một căn nhà nhỏ; nấu cơm, giặt giũ ông đều làm một mình, chẳng có ai chiếu cố. Mãi cho đến chín mươi mấy tuổi mới có một cậu học trò đến chiếu cố ông; hơn chín mươi tuổi mới chịu nhận người chiếu cố, trước đó ông chẳng để ai chiếu cố cả, ông đều tự mình làm lấy. Chúng ta rất quen với ông, cũng học theo cách sống của ông; ông ăn cơm, vẫn là một chảo nhỏ có cán, có tay cầm; chảo cũng nó, chén cũng là nó, ông nấu cơm và thức ăn chung với nhau.

Anh xem, giản tiện biết mấy, khi rửa thì chỉ rửa một cái, phải không? Thật sự là đơn giản, vô cùng đơn giản; người khác nhìn thấy, ôi chao thật khổ quá chừng, riêng ông thì vui sướng quá chừng.

Niềm vui này ở bên trong, nhờ vậy mà ông có được nhiều thì giờ để đi làm việc hoằng pháp lợi sanh của ông. Còn có số tín đồ mời ông đi ăn cơm ban đêm, ông cũng chẳng từ chối, ông cũng vẫn đi tham gia, cũng xã giao một tí. Đây là Đại Thừa Bồ Tát pháp, đối với việc này ông chẳng có câu thúc. Đương nhiên ông chẳng phải ban đêm ông muốn ăn, cố ý bảo người ta mời ông, không phải, đó là sai! Đó thật sự gọi là phạm giới, phá

trai. Cho nên chúng ta phải biết ý nghĩa của chữ Trai, là giúp cho thân tâm thanh tịnh, là ý nghĩa này. "Trai thanh tịnh", trai tức là tâm thanh tịnh, thân thanh tịnh, giới luật thanh tịnh. Giới luật gọi là hành vi, sự tạo tác của thân và ý, tu thiện, đoạn ác, giới thanh tịnh. Còn Trai? Là thân tâm thanh tịnh, là ý nghĩa như vậy.

Vậy ở thế gian này, chúng ta thật sự muốn làm được tâm, thân, hành vi đều thanh tịnh, thật tại là khó khăn. Thứ nhất là bên trong chúng ta có phiền não tập khí, bên trong bất tịnh, còn bên ngoài? Có danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần dụ hoặc, có mấy ai có thể chịu đựng nổi sự dụ hoặc này? Tu tâm thì là khó cho nên hành trì, thân tâm phải thanh tịnh, vô

cùng vô cùng chẳng dễ. Nếu như trong một ngày, một đêm hai mươi bốn giờ, anh thật sự có thể thanh tịnh thì Phật nói, anh "thắng tại Vô Lượng Thọ quốc vi thiện bách tuế", vượt qua Cực Lạc thế giới vi thiện bách tuế rồi đấy. Kỳ thật Phật đã nhìn thấu rồi, trong hai mươi bốn giờ quyết định anh làm không nổi; cho nên Phật mới nói như vậy. Đây là thật, đừng nói đến một ngày, một đêm, mà chỉ mười phút chúng ta cũng làm không nổi, đây là lời nói thật. Thâm ý của Phật ở chỗ này, chúng ta hiểu rõ nó có ý nghĩa thật sâu, đó tức là khuyên chúng ta nhất định phải cầu sanh Cực Lạc thế giới; đến được Cực Lạc thế giới thì việc trai giới thanh tịnh. Có thể nói, người người đều là một trăm

phần trăm đủ điểm. Phía dưới, Phật đem nguyên nhân này nói ra.

Kinh văn: "Sở dĩ giả hà?"

Đây là tại sao vậy?

Kinh văn: "Bỉ Phật quốc độ, giai tích đức chúng thiện, vô hào phát chi ác".

Đây là nói rõ, hoàn cảnh Tây Phương Cực Lạc thế giới tốt, mỗi một người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là thành tựu tịnh nghiệp của chính mình. Chúng ta niệm Phật vãng sanh là đang tu Tịnh Nghiệp; điều này chẳng phải Thiện Nghiệp, chẳng phải Ác Nghiệp, mà là

Tịnh Nghiệp. Đây là tu thân thanh tịnh, hành vi cũng thanh tịnh. Trong hành vi đoạn ác tu thiện mà chẳng trước cái tướng của đoạn ác tu thiện; thì cái hành vi này là thanh tịnh rồi. Nếu như chúng ta làm xong việc tốt, thường thường vẫn còn nhớ nghĩ đến ta đã làm bao nhiêu việc tốt; thứ thứ đều nhớ mãi trong lòng, đều chẳng thể xả bỏ thì đây là việc thiện, cái này chẳng phải là tịnh nghiệp. Tâm không thanh tịnh còn có nhớ nghĩ, cho nên đoạn ác tu thiện đều chẳng đem nó để trong lòng. Chúng ta phải hết lòng nỗ lực đi làm, tùy thời tùy xứ đi làm mà đừng để trong tâm thì cái tâm này sẽ thanh tịnh. Trong tâm chỉ có A Di Đà Phật, chỉ có Tây Phương thế giới y chánh trang nghiêm, đây gọi là Tịnh

Nghiệp, đây là nói chỗ lợi ích ở bên đó.

Kinh văn: "Ư thử tu thiện".

Chữ Thử là thế giới này của chúng ta, tại thế giới này của chúng ta.

Kinh văn: "Thập nhật thập dạ".

Mười ngày, mười đêm, đương nhiên điều này thì càng khó.

Kinh văn: "Thắng ư tha phương chư Phật quốc trung, vi thiện thiên tuế".

Đây là cái thí dụ thứ hai, cái thí dụ thứ nhất là dùng Tây Phương Cực

Lạc thế giới. Còn đây là dùng tha phương chư Phật quốc độ.

Kinh văn: "Sở dĩ giả hà?"

Tại sao vậy?

Kinh văn: "Tha phương Phật quốc, phước đức tự nhiên, vô tạo ác chi địa".

Đến đây là một đoạn nhỏ nói rõ tha phương quốc độ, tại trong một thời kiếp nhân duyên, tại trong cùng một thời gian của chúng ta, hoàn cảnh hiện tại của họ tốt hơn chúng ta. Hiện nay chúng ta là ngũ trược ác thế, tạo ác nghiệp dễ dàng hầu như chẳng thể không tạo ác nghiệp; còn tha phương thế giới người thiện nhiều, chẳng có

những ác hạnh này, cho nên cơ hội tạo ác chẳng có, cũng tức là cái duyên tạo ác chẳng có. Vậy thì hoàn cảnh tốt hơn so với chúng ta bên đây rồi, đây là chuyên nói về "trai giới thanh tịnh", "tích đức chúng thiện", chuyên từ trên này mà nói.

Kinh văn: "Duy thử thế gian, thiện thiểu ác đa, ẩm khổ thực độc, vị thường ninh tức".

Câu nói này, trước kia những vị đại đức này nghe Phật nói xong như vậy, chúng ta chẳng biết họ thể hội ra làm sao! Còn ngày nay chúng ta đọc đoạn Phật kinh này, đích thật có sự thể hội rất sâu. Ngày nay chúng ta uống đó là đắng, ăn đó là độc đấy;

điều này, một tí cũng chẳng sai. Hiện nay, không những trong các loại thịt có độc, mà ngay trong thức ăn chay cũng có độc. Anh xem, trong các loại rau cải có thuốc hóa học, xưa kia chưa có phát minh thuốc hóa học nên mùi vị của rau cải lúc đó cùng bây giờ khác nhau. Các loại rau cải bây giờ có vẻ đẹp hơn trước kia, anh xem, đem rau cải của Đài Loan so với rau cải của Đại Lục, thì rau cải Đài Loan đẹp hơn; nhưng mùi vị rau cải Đại Lục tươi ngon hơn. Rau cải Đài Loan có độc, có thuốc hóa học; gạo cũng như vậy, gạo của Đài Loan so ra đẹp hơn, nghe nói bên trong có loại bột hóa thạch, đều là đồ hóa học bỏ vào trong đó. Cho nên hiện nay con người ăn ba bữa cơm mỗi ngày là ăn chất độc đấy,

đây là thật chẳng phải giả. Còn nước chúng ta uống? Quả thật trong nước cũng có độc, quả là "ẩm khổ thực độc, vị thường ninh tức".

Còn vấn đề ăn thịt thì càng chẳng cần nói nữa, trong sự tưởng tượng của chúng ta, quyết định có vấn đề. Trước kia, năm đó có một lần tôi đi thăm mẹ của thầy Phương, Phương sư mẫu, tôi thỉnh giáo bà một vấn đề, tôi nói: "Tôi học Phật rất lâu rồi, đã dứt bỏ ăn thịt rất lâu, thưa sư mẫu, hai mươi, ba mươi năm trước bà ăn thịt, mùi vị của thịt lúc đó cùng với mùi vị thịt bây giờ, bà thấy có giống nhau không?" Bà suy nghĩ rất lâu, nói với tôi: "Không giống nhau", tại sao không giống nhau? Nói về heo, trước kia loại heo để ăn thịt được nuôi ở ngoài.

Trước khi nó bị giết, nó rất tự do, chạy rong khắp nơi, thân tâm nó vui vẻ; cái cảm giác đó khác hẳn. Hiện nay heo được nuôi trong chuồng, sau khi sanh ra là kể như bắt nó ngồi tù suốt đời trong lao ngục; đến lúc là đem nó ra giết mất, tâm tình nó buồn khổ biết bao. Thịt của nó còn ngon hay sao? Anh xem, loại gà được nuôi trong trại gà cũng ngồi tù, từng con ép chặt lấy nhau, cử động chẳng được. Tâm tình của chúng là thế nào? Cho nên gà được nuôi trong nông thôn thì khác hẳn, chẳng giống nhau. Từ chỗ này tôi tưởng tượng, mùi vị của thịt họ ăn đó tuyệt đối khác nhau. Tôi thỉnh giáo họ, quý vị nghĩ lại, quả nhiên khác hẳn; đây cũng tức là nói rõ, những thứ thịt hiện nay không nên ăn.

Vậy thử so sánh đồ ăn ở biển, so ra tốt hơn một tí; tuy nhiên hiện nay hải dương cũng ô nhiễm, cũng không được. Hải dương đã bị ô nhiễm, nước ô nhiễm, nói một cách khác, những sinh vật trong loại thủy tộc, có lẽ mùi vị cũng đã thay đổi, cũng đã khác hẳn.

Đây là một thế giới khổ, ngày ngày chúng ta đang chịu khổ, phải giác ngộ điều này. Cho nên thế gian này "thiện thiểu ác đa", thiện ít ác nhiều, đây là nói, người tạo ác nghiệp nhiều, người tu thiện thì ít, xã hội này làm sao có thể chẳng có vấn đề chứ? Chúng ta muốn cứu vãn cái xã hội này, nguyện tâm này đáng ca ngợi, đáng được kính trọng bội phục, nhưng năng lực làm không nổi. Không những chúng ta làm không nổi

mà chư Phật, Bồ Tát, thần tiên có đến, đều làm không nổi. Anh sẽ hỏi tại sao, vì là cộng nghiệp chỗ cảm. Trong kinh Phật thường nói: "Tâm, Phật, chúng sanh, tam vô sai biệt", lực lượng này là tương đương, cho nên nghiệp lực này của chúng sanh quá lớn. Trong kinh Địa Tạng có nói, "nghiệp lực chi đại, năng địch Tu Di", nghiệp lực này bất khả tư nghị. Vậy thì chỉ có một phương pháp duy nhất, tức là trong cộng nghiệp còn có biệt nghiệp, tự chúng ta hiểu rõ, tự mình nhận thức rõ ràng nơi trong cộng nghiệp, tự chúng ta có thể bảo toàn. Tuy nhiên thiện nghiệp nhất định phải biện biệt rõ ràng, phải biết đoạn ác tu thiện, chúng ta mới có thể tránh miễn được, quyết định phải cầu sanh Tịnh

Độ mới có thể vĩnh viễn, mới có thể giữ lấy khoái lạc hạnh phúc của chúng ta. Đây là Phật đem cái nguyên nhân này vì chúng ta mà nói ra.

Kinh văn: "Ngô ai nhữ đẳng, khổ tâm hối dụ, thọ dữ kinh pháp, tất trì tư chi, tất phụng hành chi".

Đoạn này, Phật dạy chúng ta phải thọ trì kinh pháp, nỗi khổ tâm của Phật hoàn toàn đã lưu lộ ra; thọ trì là ban cho chúng ta. Trong kinh điển, vì chúng ta thuyết minh chân tướng của vũ trụ và nhân sinh, khiến cho chúng ta giác ngộ. Pháp là phương pháp tu học, đem phương pháp tu học nói với chúng ta, chúng ta y theo phương pháp này đi làm, cũng có thể như Phật

chẳng khác, phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui, thành tựu viên mãn. Ngày nay chúng ta có được kinh pháp rồi, kinh này là đệ nhất kinh trong tất cả kinh; cổ đại đức vì chúng ta làm một cuộc so sánh tường tận khiến chúng ta, chỗ thấy tất cả trong bốn mươi chín năm của Thế Tôn để nhận thức bộ kinh nào là đệ nhất.

Những vị cao tăng, đại đức thời đại nhà Tùy - Đường, Trung Hoa, Đại Hàn, Nhật Bản đã làm một cuộc so sánh. Kết quả lần so sánh này, mọi người đều công nhận trong tất cả kinh, Hoa Nghiêm là đệ nhất, Hoa Nghiêm là pháp luân căn bản. Kinh Hoa Nghiêm cũng đích thật là Phật học khái luận của một đời thời giáo của Thích Ca Mâu Ni Phật, cái pháp luân

viên mãn. Toàn bộ Phật pháp đều bao gồm cả trong đó, bất luận là Tông Môn, Giáo Hạ, Hiển Giáo, Mật Giáo, toàn bộ đều nằm trong Hoa Nghiêm. Phần sau cùng của Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát Thập Đại Nguyện Vương đạo quy Cực Lạc, thì Hoa Nghiêm mới đạt đến chân cứu cánh viên mãn. Viên mãn cách nào vậy? Đi Tây Phương Cực Lạc thế giới để viên mãn, phải hiểu rõ điều này. Cho nên đem kinh Hoa Nghiêm cùng với kinh Vô Lượng Thọ làm một cuộc so sánh, thì kinh Vô Lượng Thọ là đệ nhất, đem Hoa Nghiêm sánh thấp xuống. Tại vì sao? Bởi vì phần quy túc của kinh Hoa Nghiêm là bộ kinh này, tổng kết của kinh Hoa Nghiêm là bộ kinh này. Hoa Nghiêm là quy về Vô

Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ là đệ nhất vậy.

Trong bản kinh Vô Lượng Thọ của chúng ta đây có bốn mươi tám phẩm, phẩm nào là đệ nhất? Chúng ta không ngừng tiếp tục truy tầm thì phẩm thứ Sáu là đệ nhất, phẩm thứ Sáu là Bốn Mươi Tám Nguyện là căn bản của Tịnh Tông. Quý vị xem, Thế Tôn vì chúng ta giảng bộ kinh Vô Lượng Thọ này, có một câu nào, một chữ nào rời khỏi Bốn Mươi Tám Nguyện đâu? Đều là sự thuyết minh tường tận của Bốn Mươi Tám Nguyện mà thôi. Cho nên chúng ta chọn Bốn Mươi Tám Nguyện để làm phần kinh văn tụng niệm trong khóa sáng, đạo lý là ở chỗ này; đây là đặc biệt vì các bạn đồng học Tịnh Tông

chúng ta biên soạn ra bản khóa tụng này. Trong Bốn Mươi Tám Nguyện có bốn mươi tám điều, điều nào là đệ nhất? Điều này, hầu như là cổ đức đều công nhận nguyện thứ Mười Tám là đệ nhất. Nguyện thứ Mười Tám là gì? Là Thập Nguyện Tất Sanh, đây tức là danh hiệu công đức bất khả tư nghị. Nguyện thứ Mười Tám tức là Nam Mô A Di Đà Phật, lục tự hồng danh đấy. Cho nên toàn bộ Phật pháp, quy nạp đến sau cùng tức là một câu Phật hiệu; một câu Phật hiệu này triển khai là Bốn Mươi Tám Nguyện. Bốn Mươi Tám Nguyện triển khai là kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ lại mở lớn ra tức là kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm lại mở lớn ra tức là Thế Tôn bốn mươi chín năm chỗ nói

tất cả pháp là tột đỉnh đấy; chúng ta phải đem nó nhận thức rõ ràng.

Trước kia, đối với Hoa Nghiêm tôi đặc biệt ưa thích, đặc biệt ái hảo; vừa xuất gia là ưa thích kinh Hoa Nghiêm. Trước kia giảng kinh Hoa Nghiêm hết mười bảy năm. Hiện nay không giảng kinh đó nữa mà giảng Vô Lượng Thọ Kinh; đây là tôi tinh tấn, tôi tiến bộ, chẳng phải thoái bộ, là tôi tinh tấn. Cho nên chúng ta nhất định phải nhận thức rõ ràng, vậy còn khóa tối? Thì chúng ta chọn từ phẩm Ba Mươi Hai đến phẩm Ba Mươi Bảy để làm kinh văn của khóa tụng buổi tối, vì sao? Là để trì giới niệm Phật, sửa lỗi tự tân. Trong sáu phẩm kinh này, nói rõ cho chúng ta đâu là ác, đâu là thiện. Mỗi ngày chúng ta đọc

tụng, trong tâm rõ ràng rồi, ác nhất định phải đoạn, quyết định không thể làm. Thiện, nhất định phải tu, thì biết làm thế nào đoạn ác tu thiện.

Cho nên đặc biệt chọn hai đoạn kinh văn này làm khóa tụng sáng tối của chúng ta. Sau khi đưa ra quyển khóa tụng này, nhiều đồng tu đã dùng nó, đến cho chúng tôi hay, có được lợi ích. Chúng ta học xong, quả thật dùng được, tu hành lối này mới có lợi ích chân thật; cho nên phải "tất trì tư chi", Trì là thọ trì, chúng ta phải tiếp thọ, tiếp thọ qua rồi phải bảo trì, không thể bỏ mất. Phải thường thường đi tư duy, tư duy chỗ Phật nói đạo lý, tư duy phương pháp Phật dạy cho chúng ta. "Tất phụng hành chi", sau khi tư duy, hiểu rõ rồi thì phải đi

làm, phải đem nó làm cho bằng được. Đây gọi là học Phật, học đến tâm của chúng ta cùng tâm của A Di Đà Phật như nhau, nguyện của chúng ta cùng nguyện của A Di Đà Phật như nhau. Khóa sáng chúng ta niệm Bốn Mươi Tám Nguyện, chẳng có mục đích chi khác, tâm nguyện của chúng ta cùng Phật như nhau. Khóa tối niệm phẩm Ba Mươi Hai đến Ba Mươi Bảy, mục đích của chúng ta là hy vọng giải hành của chúng ta cùng A Di Đà Phật như nhau. Tâm, Nguyện, Giải, Hành cùng Phật đều đồng, thì làm sao anh chẳng có thể vãng sanh chứ? Quyết định vãng sanh đấy mà, anh không thể đi đến địa phương nào khác, tự tự nhiên nhiên cảm ứng đạo giao, tất định đắc sanh. Cách này là phương

pháp tu hành quyết định được sanh về Tịnh Độ, cho nên nhất định phải phụng hành, phải hết lòng đi làm.

Kinh văn: "Tôn ty, nam nữ, quyến thuộc, bằng hữu, chuyển tương giáo ngữ".

Đây là Phật dạy cho chúng ta, chẳng những chúng ta phải tự mình hết lòng làm như vậy, mà chúng ta phải học lòng từ bi của Phật, là Phật phải độ tất cả chúng sanh. Việc phải độ tất cả này, là trước phải độ người nhà đã; bậc tôn trưởng trong gia đình, Tôn là trưởng bối, Ty là vãng bối. "Nam nữ, quyến thuộc" đây là nói gia thân quyến thuộc, "bằng hữu" là, nói một cách khác, phàm những người

anh quen biết, anh đều có nghĩa vụ khuyên họ học Phật, anh đều phải nên giúp đỡ họ học Phật. "Chuyển tương giáo ngữ", anh phải dạy họ, phải đem đạo lý của Phật pháp, chỗ lợi ích của Phật pháp, lợi ích chân chánh, phải nói rõ cho họ.

Cách truyền thọ của Phật pháp, phải biết quán cơ; cho nên anh xem Phật, Bồ Tát tiếp dẫn chúng sanh, họ cũng có vài nguyên tắc, những nguyên tắc này gọi là Tứ Tất Đàn. Tất Đàn là Phạn ngữ, tiếng Ấn Độ, dịch thành tiếng Hán là Biến Thí, tức là phổ biến bố thí. Tứ Tất Đàn là bốn loại bố thí phổ biến. Cái thứ nhất là Thế Giới Tất Đàn, nội dung của nó trong đó là gì? Tức là khiến cho tất cả chúng sanh sanh hoan hỷ tâm, chớ

nên đề ra chủ trương trái ngược với người. Khi chúng ta muốn khuyên họ học Phật thì nên xem họ thích những gì, tùy thuận theo sự ưa thích của họ thì họ sẽ thích nghe. Ví như nói họ ưa thích đánh bài, thì anh nói với họ, nếu anh muốn đánh bài giỏi, đánh bài hay nhất thì tôi chỉ cho anh một phương pháp; phương pháp gì vậy? Là Phật pháp đấy. Thì họ sẽ tiếp nhận rất dễ dàng, trong Phật pháp có cái này sao? Có, cái chi Phật pháp cũng có. Cho nên họ ưa thích những gì thì anh nói với họ những cái đó, vì sao? Thì họ hoan hỷ, họ cảm thấy điều này có lợi ích thì họ rất dễ dàng tiếp nhận; đây đều là chân thật, chẳng phải giả.

Trong Phật pháp có khai trí tuệ, đã có trí tuệ thì là cao minh rồi, vì vậy

bất luận làm việc gì đều là đệ nhất cả, chẳng có đệ nhị. Cho nên họ thích ca hát, thích khiêu vũ, [anh phải tùy thời mà dẫn dụ họ] học Phật là đệ nhất, nhất lưu; nếu như anh không biết, [làm trái ngược cùng họ] thì cái đó là tạo tội, cái đó không được, người ta sẽ quay đầu đi mất, làm sao anh khuyên người được? Nhất định phải biết cách đó không được. Cho nên trong lợi hành nhất định phải biết liễu giải tâm lý của họ, tuân thủ nguyên tắc tiếp dẫn chúng sanh của Phật. Dần dần khiến họ hiểu rõ đạo lý này, "Phật pháp tại thế gian bất ly thế gian pháp, Phật pháp tại thế gian bất hoại thế gian pháp" đấy mà. Nhất định phải đem thế gian pháp dẫn vào đường chánh, nói một cách khác,

trong tất cả trường hợp anh hoan lạc, mà có thể bồi dưỡng được tâm thanh tịnh, bồi dưỡng được chân thật trí tuệ, vậy chẳng phải đệ nhất thì là thứ gì?

Tiểu Thừa Phật pháp là bảo thủ, cho nên giới luật rất nghiêm, thích hợp cho thời đại nông nghiệp xưa kia, là thời đại bảo thủ mà mọi người ưa thích hình thức đó. Cái thế kỷ hiện nay này là thời đại khai phóng, cho nên loại bảo thủ đó rất khó khiến cho người ta chấp nhận hiện nay. Cho nên Đại Thừa Phật pháp là khai phóng, anh xem, Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh trong Bích Họa Đôn Hòa, chúng ta chưa thấy qua lúc Phật thăng tòa giảng kinh, bao nhiêu đại chúng đang nghe, rất nhiều thiên nữ trên không trung tấu nhạc, xướng ca, vừa

ca vừa múa; hiện trường đó đẹp đẽ biết bao, đây là Đại Thừa pháp. Còn Tiểu Thừa vừa nhìn thấy là quay đầu chạy mất. Cho nên Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh Pháp Hoa, có đến năm ngàn người Tiểu Thừa thoái tịch bỏ đi, họ nhìn không quen thì họ bỏ chạy mất. Đại, Tiểu Thừa có khác. Anh nên biết vì lợi ích chúng sanh, phải biết được mà gián tiếp đi giáo hóa.

Kinh văn: "Tự tương ước kiểm, hòa thuận nghĩa lý, hoan lạc từ hiếu".

Mấy câu này là dạy cho chúng ta tự hành, tự chúng ta tu hành phải biết được "ước kiểm". Ước là ước thúc,

không thể buông lung phóng dẫn, phải biết được thu liễm, phải biết được ước thúc, phải biết kiểm điểm; như vậy thì thân tâm mới được thanh tịnh. "Hòa thuận nghĩa lý", cùng chúng sanh sống chung phải hòa mục, phải tùy thuận. Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta: "Hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức" là nghĩa hòa thuận. Phải hiểu rõ chữ Nghĩa tức là nên làm, Lý là hợp lý, nói cách khác là hợp tình hợp lý, "hoan lạc từ hiếu" đấy; nghĩa của chữ Hiếu này thì bao hàm quá rộng, quá sâu. Bao hàm đó là viên mãn chân thật, chúng ta nói hạnh phúc mỹ mãn, chữ Hiếu này là bao hàm viên mãn, thật sự là cứu cánh viên mãn; tất cả đều ở tại trong chữ này. Hoan, Lạc, Từ đều là khởi dụng

của chữ Hiếu kia, đều là Hiếu biểu hiện tại trong hành vi sinh hoạt.

Kinh văn: "Sở tác như phạm, tắc tự hối quá".

Nếu như là ngôn ngữ tạo tác của chúng ta đã vi phạm giáo giới của Phật, thì phải nên đi sám hối. Chư vị nên ghi nhớ, Sám Hối là một khoa mục tối quan trọng trong việc tu hành. Sám hối chẳng phải là cầu Phật, Bồ Tát thứ lỗi cho chúng ta, chẳng phải cầu Phật, Bồ Tát tha miễn cho chúng ta, chẳng phải ý nghĩa này. Rất nhiều người sám hối là mang tâm thái này mà sám hối, thì sai mất rồi.

Ý nghĩa chân chánh của sám hối là sửa lỗi tự tân, về sau không làm

nữa! Tức là Khổng lão phu tử chỗ nói "bất nhị quá", tôi biết lỗi lầm rồi, lần sau tôi chẳng phạm lỗi lầm như thế nữa đây gọi là chân chánh sám hối. Cho nên nhất định phải biết, trong việc sám hối, điều thường thấy nhất là "trách tâm sám hối", lương tâm chúng ta bị trách móc, chúng ta không làm việc ác này nữa.

Kinh văn: "Khử ác tựu thiện".

Tức là đoạn ác, đoạn tất cả ác, tu tất cả thiện.

Kinh văn: "Triêu văn tịch cải".

Buổi sáng nghe được một số đạo lý, sau khi nghe rồi thì phải nghĩ đến

sửa lỗi tự tân, đây gọi là chân chánh tu hành.

Kinh văn: "Phụng trì kinh giới, như bần đắc bảo. Cải vãng tu lai, sái tâm dịch hạnh. Tự nhiên cảm giáng, sở nguyện triếp đắc".

Lúc đầu tiên nhất khi tôi mới học Phật, lúc bấy giờ đại khái tiếp xúc Phật pháp chưa đầy nửa năm, có một hôm thầy của tôi là Chương Gia đại sư nói với tôi. Lúc đó tôi hướng về ông thỉnh giáo một vấn đề, bởi vì cảm thấy Phật pháp đích thật là hay, tuy nhiên lúc đó tôi có làm việc, không thể chuyên tâm để tu học. Vậy chuyên tâm tu học, đương nhiên lý tưởng nhất là lúc xuất gia, đem tất cả buông

bỏ hết để chuyên tâm tu học. Tôi bèn hướng về Chương Gia đại sư thỉnh giáo: "Nguyện vọng này có thể thành tựu chăng?" Chương Gia đại sư bèn nói với tôi: "Phật thị môn trung, hữu cầu tất ứng". Nhiên hậu ông giải thích cho tôi nghe, ông nói: "Tuy có rất nhiều người cầu, cầu rồi mà chẳng có ứng"! Ông nói: "Không phải chẳng ứng, họ cầu không như lý như pháp. Nếu họ như lý như pháp mà cầu, nhất định có cảm ứng, không như lý như pháp thì nhất định không có cảm ứng". Đoạn kinh văn này tức là ý nghĩa này, tức là hữu cầu tất ứng.

"Phụng trì kinh giới, như bần đắc bảo", đây là nói thái độ của chúng ta đối với kinh Phật, phải đem kinh Phật coi như trân bảo chân thật. Chư vị

phải biết, bất cứ trân bảo gì của thế gian đều là giả cả, có ích lợi gì đâu? Không thể giải quyết vấn đề sanh tử. Quý vị có nhiều trân bảo thế đó, vua Diêm La cũng chẳng nhận nhiều hối lộ. Quý vị cũng không thể sống thêm được một ngày, không thể mua được mạng sống, không thể miễn được ác đạo; do đây có thể biết trân bảo đó là vô dụng. Cho nên, tôi thấy người ta đeo những thứ đó, tôi đều gọi nó là viên gạch, miếng ngói, đồng bể sắt vụn đấy thôi; vàng bạc người ta đeo đó, tôi vừa nhìn đều là đồng bể sắt vụn cả, gạch cục, ngói miếng, vô dụng mà! Chẳng thể giải quyết vấn đề. Quý vị nói, nó giúp cho anh sống được giàu có một tí, nói một cách khác, tạo tội đấy. Thầy Lý ăn ngày

một bữa, vui sướng chẳng gì bằng; tôi học với thầy, tôi đích thật học phương thức sinh hoạt của ông ta. Tôi học hết năm năm, cũng mỗi ngày ăn một bữa; ăn đến tháng thứ tám tôi mới cho ông ta hay. Ông hỏi: "Con đã ăn được tám tháng rồi!", tôi nói: "Dạ phải", ông nói: "Con cảm thấy thế nào?", tôi nói: "Thân thể khỏe lắm"; ông đập bàn một cái nói: "Cứ vĩnh viễn như thế mà làm".

Một đời chẳng cầu ai cả, con người đến lúc chẳng cầu thì phẩm hạnh tự nhiên cao, tri túc tức là giàu có; tuy anh có tài phú nhưng vẫn không tri túc. Quý vị nghe đây, như tôi đây là vô sự, tất cả của cải giàu sang đối với tôi đều chẳng khởi tác dụng; tri túc mới gọi là chân lạc,

thường lạc đấy. Cuộc sống đơn giản thì chi tiêu rất ít, ngày tháng rất dễ sống; anh bảo, cách này vui sướng biết mấy? Cái vui chân chánh này người có trí tuệ biết được, người thế gian thông thường chẳng biết! Người thường chỉ biết có tiền, có tài sản cho nhiều; mới thấy cái đó của họ nặng nề, vô dụng biết mấy? Ví như nói, nhà cửa anh dột thì phải tìm người đến sửa, việc này phiền phức biết mấy? Còn phải nạp thuế, điền đơn cùng những việc tùm lum; những việc này đều là việc phiền phức. Như tôi đây thì việc gì cũng chẳng có, anh xem, tự tại biết bao; việc chi đều chẳng có, bất cứ một việc gì ở thế gian này đều chẳng có quan hệ với tôi, chẳng liên

can gì cả; đây mới gọi là chân chánh tự tại.

Cái gì là Bảo? Kinh điển là Bảo, đặc biệt là kinh Vô Lượng Thọ này, đây là Bảo trong đệ nhất Bảo. Chúng ta có được nó thì có thể liễu sanh tử, có thể ra khỏi lục đạo luân hồi, có thể trong một đời vãng sanh bất thoái thành Phật. Có vật gì có thể cùng nó so sánh? Tiếc thay, những người thế gian chẳng nhận thức được, cầm trên tay mà vẫn coi rẻ, chẳng biết được giá trị của nó. Ở chỗ này, Phật điểm tỉnh chúng ta là giống như kẻ bần cùng được của quý, vui mừng như thế đó, quý trọng thương tiếc như thế đó; thì chúng ta thể hội được điểm này. Sau khi có được rồi, thì bằng vào vật quý này để sửa đổi dĩ vãng, tu sửa tương

lai, “cải vãng tu lai, sái tâm dịch hạnh”. Đọc kinh, nghĩ đến trong kinh thì trước kia chỗ nghĩ, chỗ làm, chỗ hành cùng trong kinh chỗ nói đó đều tương phản; thì mới biết rõ trước kia sai rồi. Y theo tiêu chuẩn của kinh điển, đem nó sửa đổi trở lại, “cải vãng tu lai”, sửa dĩ vãng, tu vị lai. Quá khứ cũng chẳng cần hối hận vì quá khứ cũng đã qua rồi, chỉ cần có thể đem căn bệnh tập khí sửa đổi trở lại thì là được rồi.

“Sái tâm dịch hạnh”, chữ Sái này cùng với chữ Tẩy Rửa là một nghĩa. Đem vọng tưởng, chấp trước, phiền não tập khí, tẩy rửa cho sạch sẽ, dùng vật để tẩy rửa? Đọc kinh niệm Phật, dùng phương pháp đọc kinh niệm Phật để tẩy rửa cho sạch sẽ những thứ

dơ bẩn trong tâm. Hạnh là hành vi, hành vi quá khứ sai lầm, bây giờ cả thảy đều đổi trở lại; chữ Dịch này là sửa đổi trở lại. Trước kia là ác hành, bây giờ đổi lại thành thiện hành, trước kia là nhiễm ô, bây giờ đổi lại thành thanh tịnh hạnh; vậy là được rồi. Làm được như vậy, thì hữu cầu tất ứng. "Cảm Giáng", Cảm là cảm ứng, cảm ứng giáng lâm; tự tự nhiên nhiên thì là cảm ứng, vì sao? Vì tâm chúng ta là thiện tâm, thiện nguyện, thiện hành.

Tất cả chư Phật, Bồ Tát đều thiện, thiện với thiện cảm ứng, cảm được chư Phật hộ niệm, thiện thần ủng hộ. Nếu như ác niệm trong tâm chúng ta nhiều, tâm ác, hành ác, đó cũng có cảm ứng. Cùng với gì cảm ứng? Giữa cái vũ trụ này có rất nhiều ác quỷ, ác

thần; cùng chúng chí đồng đạo hiệp, chúng cảm ứng rồi cũng đến gia trì anh. Gia trì anh cái gì đây? Khiến anh làm ác càng nặng hơn, làm ác càng lớn hơn, tương lai đọa vào loại địa ngục càng khổ hơn; chúng đến giúp anh làm cái này. Cho nên loại cảm ứng này là tự nhiên, thiện cùng thiện cảm ứng, ác cùng ác tương cảm. "Sở nguyện triếp đắc", hữu cầu tất ứng, chúng ta cầu vãng sanh Tây Phương, vậy sao lại chẳng thể được chứ? Nhất định có thể được. Đoạn kinh văn này, chúng ta phải ghi nhớ đàng hoàng, là cách giáo huấn vô cùng quý báu. Phía dưới đoạn văn này.

Kinh văn: "Phật sở hành xứ, quốc ấp khâu tụ, my bất mông hóa".

Đây là nói về thành quả cụ thể của Phật giáo hóa. "Phật sở hành xứ", ý nghĩa này là nói nơi chốn Phật pháp, nền giáo dục của Phật được thực hành rộng rãi, là ý nghĩa này. Là nơi chốn nền giáo dục của Phật được thực hành rộng rãi, nơi chốn hoằng dương, nơi chốn giáo hóa, là ý nghĩa này. Chẳng phải nơi Phật đi qua, cũng không phải nói nơi đây thờ một tượng Phật, cái đó chẳng có ích chi cả; ở tại nơi đây, nền giáo học của Phật, giáo dục của Phật là hoằng dương cùng khắp. Một địa phương thế đó, vậy thì chữ Đại chữ Quốc là quốc gia này, Ấp là thành thị. Năm xưa khi Thế Tôn còn tại thế còn là thời kỳ thượng cổ, trên trái đất này vẫn chưa có những quốc

gia thống nhất lớn xuất hiện, vẫn chưa có. Trung Hoa đến thời đại Tần Thủy Hoàng mới thống nhất, mới xuất hiện, thời gian trước đó đều là chư hầu, đều là những nước nhỏ; giống như bộ lạc, đều là nước nhỏ.

Vậy chữ Quốc Ấp tức là đô thành của một quốc gia, thật tại mà nói, lúc bấy giờ một quốc gia chỉ có một thành thị; một nước có hai, ba thành thì là một nước rất lớn rồi. Khâu Tụ tức là hương thôn, đây là nói, đô thị và hương thôn, chẳng có nơi nào chẳng nhờ Phật Đà giáo hóa. Chỉ cần nền giáo dục của Phật được xây dựng tại địa phương đó thì nhất định được sự giáo hóa của Phật.

Kinh văn: "Thiên hạ hòa thuận".

Đây là nói nhân hòa, Phật dạy chúng ta đoạn ác tu thiện, Phật dạy chúng ta phải từ bi, phải hòa mục; đặc biệt là dạy chúng ta Tam Phước, Lục Hòa. Người người đều có thể tuân thủ thì sao thiên hạ có thể không hòa thuận? Chỉ cần người hòa thì phong điều vũ thuận, tại vì sao? Vì hoàn cảnh ấy theo tâm người mà chuyển, tâm người lương thiện thì hoàn cảnh sẽ vô cùng đẹp đẽ, y báo tùy theo chánh báo chuyển, bởi vì y báo là một phần do chánh báo biến hiện ra. Vậy mối quan hệ mật thiết bên trong đó, duy chỉ có Phật nói được rất tường tận, rất rõ ràng trong kinh. Cho nên là "thiên hạ hòa thuận", đây là người và người sống chung, đều có thể tùy

thuận, người người đều có thể hằng thuận chúng sanh, đều có thể hòa mục sống chung, chỗ cảm được "tự nhiên cảm giáng", là chỗ cảm được.

Kinh văn: "Nhật nguyệt thanh minh, phong vũ dĩ thời, tai lệ bất khởi".

"Nhật nguyệt thanh minh, phong vũ dĩ thời" là gì? Là thiên hòa, lúc phải nên mưa thì có nước mưa, lúc phải nên tạnh thì trên không, trời xanh vạn lý, chẳng có tai hại. "Tai lệ bất khởi", đây là thời hòa, chẳng có gió mạnh. Như thế gian chúng ta có giông tố, gió mạnh, bão, đây đều mang đến tai hại, mưa lớn cũng có thể mang đến tai hại; những thứ này đều

chẳng có. Vậy thì trên địa cầu này của chúng ta còn có động đất, còn có sóng thần; những thứ tai hại này thảy đều chẳng có, đây là thiện tâm sở cảm.

Kinh văn: "Quốc phong dân an".

Phong là phong phú, có hai loại phong phú, một là sản phẩm phong phú, thì ở trên sinh hoạt vật chất hưởng thụ sẽ được nâng cao; ngoài ra là văn hóa đại đức phong phú, thì cuộc sống tinh thần mỹ mãn, cuộc sống vật chất và tinh thần đều tốt đẹp cả. "Quốc phong dân an", lão bá tánh, người người đều an cư lạc nghiệp, thân tâm an ổn; đây là sự thành tựu của Phật giáo hóa.

Kinh văn: "Binh qua vô dụng".

Câu này là nói, quốc gia này chẳng có ngoại loạn, cho nên không cần nuôi rất nhiều quân đội để bảo vệ nước này, vì nó chẳng có ngoại hoạn, chẳng có người hiếp đáp, chẳng có chỗ dụng võ.

Kinh văn: "Sùng đức hưng nhân".

Trong nền giáo dục của Phật là sùng kính đạo đức, trong tâm mỗi một người đều giữ lòng nhân ái, nghĩ về mình cũng có thể nghĩ đến kẻ khác.

Kinh văn: "Vụ tu lễ nhượng".

Người người biết lễ, người người đều có thể nhẫn nhượng thì quốc gia này, từ trên xuống dưới chẳng có tranh chấp. Hiện nay sự cạnh tranh quá kịch liệt, cạnh tranh sẽ mang đến sự động loạn bất an của cả cái xã hội. Trong nền giáo dục của Phật đề xướng, đó là "lễ nhượng", mỗi người đều có thể thủ lễ, có thể nhẫn nhường.

Kinh văn: "Quốc vô đạo tặc, vô hữu oan uổng. Cường bất lăng nhược, các đắc kỳ sở".

Câu "các đắc kỳ sở" này hay lắm, từ một đoạn nhỏ này chúng ta xem chánh trị của nó, xem kinh tế, văn hóa, xã hội an toàn, phúc lợi; chỉ vỏn vẹn mấy câu kinh văn, đều nói hết rồi.

Đoạn kinh văn này thật sự cũng nói rõ, Phật pháp là chỗ tất yếu cần thiết của đời nay vậy. Đây là trước kia ông Âu Dương Cánh Vô tại trường Trung Sơn đại học đã một lần diễn giảng: "Phật pháp chẳng phải tôn giáo, chẳng phải triết học, Phật pháp là chỗ cần yếu của đời nay", chúng ta xem thấy đoạn văn này mới biết được, đích thật là cần yếu. Đích thật nó mang đến cho chúng ta hạnh phúc mỹ mãn, sự nghiệp thành tựu, xã hội an toàn, quốc gia phú cường, thế giới hòa bình; nền giáo dục của Phật đích thật là có thể giúp cho chúng ta làm được. Hiện nay có rất nhiều người đã hiểu lầm, cho rằng Phật giáo là tôn giáo, cho rằng Phật giáo là mê tín; vì chướng ngại này cho nên họ chẳng tiếp xúc, họ

chẳng có cách chi nhận thức được cái trân bảo này, họ chẳng được thọ dụng. Cho nên sự mê tín này thật tại là sự chướng ngại vô cùng to lớn.

Trước kia lúc chúng tôi còn trẻ, cũng cho Phật giáo là mê tín; bởi nó là mê tín cho nên ý nguyện tiếp xúc với nó chẳng có, kém rất xa, chẳng bằng các tôn giáo khác. Phật pháp này là do ông Phương Đông Mỹ giới thiệu cho tôi; tôi học triết học với ông, ông xem Phật pháp như là một khoa mục triết học để giảng cho tôi. Ông làm một đơn nguyên gọi là Phật Kinh Triết Học, sau khi tôi nghe xong mới biết Phật giáo hay như vậy, mới biết được. Đích thật, giống như trong kinh Hoa Nghiêm, trong Đại Trí Độ Luận chỗ nói đó: "Phật pháp vô nhân

thuyết, tuy trí mạc nan giải”; chúng ta đã biết rồi, hiểu rõ rồi thì có trách nhiệm, có nghĩa vụ đi hoằng dương, đi đẩy mạnh rộng rãi. Trong kinh nói đó: “chuyển tương giáo ngữ”, chúng ta phải đem nó làm được. Hiện nay thật tại mà nói, công cụ khoa học giúp đỡ rất lớn, chúng ta có băng cassette, băng video, đã cho in số lớn loại kinh sách này; so với mấy năm trước kia đích thật có tiến triển rất lớn, tuy nhiên còn phải nỗ lực. Đa số người đều hiểu rõ chân tướng của Phật pháp, biết sự lợi ích của Phật pháp thì cái xã hội này có thể tiếp thọ sự chỉ dạy của Phật pháp, thì chúng ta sẽ có được quả báo thù thắng như vậy, đều có thể sống cuộc sống hạnh phúc mỹ mãn.

Kinh văn: "Ngã ai như đẳng, thậm ư phụ mẫu niệm tử".

Ngã là Thích Ca Mâu Ni Phật tự xưng, Phật đối với chúng ta quả thật vượt hơn lòng thương yêu bảo hộ của cha mẹ đối với chúng ta. Sự quan tâm đối với chúng ta.

Kinh văn: "Ngã ư thử thế tác Phật, dĩ thiện công ác, bạt sanh tử chi khổ. Linh hoạch ngũ đức, thăng vô vi chi an".

Tại thế gian này Thế Tôn thị hiện làm Phật, đương nhiên vào lúc bấy giờ có một số người duyên đã thành thục. Như trong Phổ Môn Phẩm chỗ nói, nên lấy Phật thân để được độ thì

Thích Ca Mâu Ni Phật liền hiện Phật thân để độ những chúng sanh này; đây là đến thị hiện thành Phật. Những gì Phật dạy cho chúng ta, tức là "dĩ thiện công ác", lấy thiện đối trị ác nghiệp; khiến chúng ta tu thiện để đối trị với làm ác. Ác là nghiệp nhân của tam giới lục đạo, sanh tử lưu chuyển; Thiện thì có thể liễu sanh tử, xuất tam giới, "dĩ thiện công ác". "Bạt sanh tử chi khổ", lục đạo luân hồi đã quá khổ quá khổ, chúng ta phải nhất định giác ngộ điều này. Cho nên chữ Thiện mà Ngài nói phía trước này, chẳng phải cái Thiện thông thường, chẳng phải chữ Thiện của tam thiện đạo trong lục đạo, mà là siêu việt lục đạo; phải liễu sanh tử, phải xuất tam giới.

"Linh hoạch ngũ đức", chữ Ngũ Đức này tức là phía trước nói về ngũ giới; "thăng vô vi chi an", tấn thăng hoạch đắc vô vi chi an. Vô Vi tức là bất sanh bất diệt, cũng tức là thông thường chúng ta nói đến liễu sanh tử, xuất tam giới; hữu vi tức là hữu sanh hữu diệt, vô vi là vô sanh vô diệt. Vãng sanh đến Tây Phương thế giới, đó tức là "vô vi chi an", không còn luân hồi nữa, cũng chẳng còn sanh tử nữa. Đến được Tây Phương thế giới là vô lượng thọ, thật tại mà nói, là vĩnh viễn vô lượng thọ, chân thật vô lượng thọ, mà chẳng phải cái vô lượng của hữu lượng; vô lượng của hữu lượng là ứng hóa của A Di Đà Phật. Anh đến nơi đó thì đã thành Phật rồi, thành Phật là cái vô lượng

chân thật, chẳng phải cái vô lượng của hữu lượng.

Kinh văn: "Ngô bát Nê Hoàn, kinh đạo tiệm diệt. Nhân dân siểm ngụy, phục vi chúng ác. Ngũ thiêu, ngũ thống, cửu hậu chuyển kịch".

Nhìn theo hiện tại, thì đoạn kinh văn này của Phật là dự ngôn của Thích Ca Mâu Ni Phật; lời dự ngôn này đều đã thực hiện rồi. "Ngô bát Nê Hoàn", sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật viên tịch còn người thế tục nói, sau khi Phật chết rồi; "kinh đạo tiệm diệt", sự giáo hóa của Phật, thời đại truyền xuống lâu rồi, dần dần biến chất đến cuối cùng cũng có thể đoạn diệt. Vậy pháp vận của Phật, tổng cộng một vạn

hai ngàn năm. Một ngàn năm đầu gọi là Chánh Pháp, được truyền xuống đó rất là thuần chánh. Nếu y theo Phật pháp này tu hành, hầu như đều được chứng quả. Một ngàn năm thứ hai gọi là Tượng Pháp, đã dần dần biến chất chẳng thuần như trước kia; Tượng tức là tương tự, tuy chẳng thuần vẫn rất giống, cho nên người tu hành được chứng quả ít đi; tuy nhiên những người khai ngộ được định sanh lên trời rất nhiều. Sau đó một ngàn năm thứ ba, tổng cộng có một vạn năm gọi là thời kỳ Mạt Pháp, hiện nay là chúng ta ở thời kỳ Mạt Pháp một ngàn năm đầu.

Nếu theo cách tính của người Hoa là mở đầu của một ngàn năm thứ hai, quý vị xem, Hư Vân lão hòa thượng,

Ấn Quang đại sư, quý Ngài áp dụng cách tính truyền thống của Trung Hoa. Dùng cách tính của họ, năm nay là sau Thích Ca Mâu Ni Phật diệt độ, đại khái là ba ngàn lẻ hai mươi mốt năm; tức là một ngàn năm thứ hai mới vừa bắt đầu. Càng truyền thì càng tệ, có đồ giả lẫn lộn bên trong không còn thuần nữa, Phật pháp này chẳng còn thuần nữa, "kinh đạo tiệm diệt". "Nhân dân siểm ngụy", nhân tâm đối với Phật pháp cũng chẳng tôn trọng giống như trước kia, cũng chẳng thiết tha như trước kia; cho dù tin Phật, tuy tin nhưng bên trong đánh rất nhiều dấu hỏi hoài nghi. "Phục vi chúng ác", đây là bệnh cũ, tập khí cũ lại tái phạm; ý vị trong câu nói này rất sâu. Quý vị thử nghĩ xem, lại phạm nữa, đây là ý

vị gì? Lúc Phật còn tại thế, có thể chúng ta cũng học Phật, chúng ta tiếp thọ Phật pháp, đem căn bệnh tập khí của chúng ta đều sửa hết. Ở trong luân hồi lại chuyển mấy vòng, hiện nay bệnh cũ lại phạm nữa; là cái ý nghĩa này.

Vì sao có thể gặp phải những khó khăn vậy? Thật tại mà nói, lúc Phật Đà còn tại thế, giảng kinh này cho chúng ta, chúng ta không tha thiết muốn vãng sanh. Nếu muốn vãng sanh thì vô sự và hiện nay đều làm Bồ Tát cả rồi, thì chẳng phải là phàm phu nữa. Đây là một sai lầm lớn, chẳng có cầu vãng sanh, chẳng có vãng sanh! Quý vị xem, có bao nhiêu người học Phật, có mấy người cầu vãng sanh? Những người chẳng cầu vãng sanh,

vừa mới chuyển thế thì bệnh cũ lại phạm. Khi phạm, chẳng phải nhẹ, lại đi tạo ác; phía trước chỗ nói đến ngũ ác thập ác, đều phạm cả. "Ngũ thiêu, ngũ thống, cửu hậu chuyển kịch", cái khổ nạn này, nhất định là phải một đời nặng hơn một đời, một đời khổ hơn một đời đấy. Đây toàn là sự thật, mắt Phật nhìn thấy rõ rõ ràng ràng minh minh bạch bạch; sao chúng ta chẳng có thể cảnh giác chứ?

Kinh văn: "Nhữ đẳng chuyển tương giáo giới".

Tại chỗ này Phật lại khuyến đạo chúng ta, ngày nay chúng ta hiểu rõ rồi, đây là điều rất may mắn; quả thật đã hiểu rõ Phật pháp rồi, minh bạch

rồi, thì chúng ta được độ. Tuy nhiên, nhìn thấy rất nhiều người vẫn đang mê hoặc điên đảo; những người chưa tiếp xúc đến Phật pháp thì còn có thể tha thứ. Đã tiếp xúc đến Phật pháp, hiện đang hết lòng nỗ lực tu học Phật pháp mà tu đó là điên đảo, tu đó là vấn đề không giải quyết được trong một đời này, thì đời sau căn bệnh tập khí vẫn phải sanh ra; đó là chẳng cứu cánh, nhất định phải giúp đỡ họ.

Kinh văn: "Như Phật kinh pháp, vô đắc phạm dã".

Nhất định phải y giáo phụng hành, quyết định chẳng thể vi phạm; tâm của Phật sánh với tâm của cha mẹ chúng ta còn từ bi hơn. Phật là niệm

niệm đều hy vọng chúng ta tốt, hy vọng chúng ta phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui. Quý vị bảo, chúng ta phá mê khai ngộ rồi, lìa khổ được vui rồi, đối với Ngài có lợi ích gì? Thật tại mà nói, chẳng có liên quan gì với Ngài, Phật vô cầu nơi chúng ta. Thật tại mà nói, chúng ta đối với Phật, chẳng thể báo đáp được; cái chi Phật cũng đều chẳng cần, vậy lấy cái gì để báo đáp? Chẳng có cách chi báo đáp, duy nhất để báo đáp đó là "y giáo phụng hành, chuyển tương giáo giới". Nếu chúng ta có thể chuyển tương giáo giới, đây tức là nguyện vọng của Phật; phù hợp nguyện vọng của Phật, đây mới có thể báo Phật ân mà thôi.

Kinh văn: "Di Lặc Bồ Tát hiệp chưởng bạch ngôn: Thế nhân ác khổ, như thị như thị".

Từ phẩm thứ Ba Mươi Hai đến chỗ này, sau khi nghe xong nhiều lời dạy bảo của Phật như vậy, Di Lặc Bồ Tát bèn nói, người thế gian cái ác chỗ làm, cái quả báo chỗ thọ, "như thị như thị", cùng với Phật nói đó hoàn toàn như nhau; Phật đều thấy hết cả. Phật đều nói ra hết, nói được rõ rõ ràng ràng minh minh bạch bạch. Ở chỗ này, cũng có thể nói là Di Lặc Bồ Tát làm kiến chứng cho chúng ta đấy. Di Lặc là Đẳng Giác Bồ Tát, là người hậu bổ của Thích Ca Mâu Ni Phật, Ngài đã đi qua Tây Phương Cực Lạc thế giới, Ngài cũng rõ ràng lục đạo

luân hồi, Ngài đến để làm kiến chứng cho chúng ta, chứng minh lời Phật nói hoàn toàn là sự thật, hoàn toàn là chân tướng.

Kinh văn: "Phật giai từ ai, tất độ thoát chi".

Đây là đối với Phật tán thán, Phật đối với chúng sanh, những người thế gian này là từ bi bình đẳng; chữ Giai này là bình đẳng chẳng có sai biệt, là cái từ bi bình đẳng. Ai là lân mẫn, nguyện vọng của Phật là "tất độ thoát chi", là hy vọng nhóm chúng sanh này, người người đều thành Phật; vả lại còn hy vọng mọi người mau chóng để thành Phật. Không hy vọng anh ở trong lục đạo này cứ mãi kéo lê, hy

vọng anh mau mau thành Phật. Vậy chúng ta mau mau thành Phật, ngoài pháp môn này ra thì chẳng có pháp môn thứ hai nữa.

Cho nên cổ đức nói, Tịnh Độ pháp môn gọi là "môn dư đại đạo", Môn là tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn; một con đường đại đạo bên ngoài của vô lượng pháp môn, thành Phật đại đạo. Cho nên kinh này tức là con đường thành Phật, chúng ta phải đem nó nhận thức, phải biện biệt rõ ràng thì tâm của chúng ta sẽ được định. Định tại trên một bộ kinh này, trong một đời này chẳng có hoài nghi, chẳng có âu lo, quyết định thành tựu.

Kinh văn: "Thọ Phật trọng hối".

Ở chỗ này Phật dặn dò, một rồi ba, ba rồi bốn, lặp đi lặp lại khuyến miễn chúng ta, dạy dỗ chúng ta. Đây là từ bi đã đến chỗ cùng cực.

Kinh văn: "Bất cảm vi thất".

Chúng ta cũng phải nên giống như Di Lặc Bồ Tát vậy, chẳng dám trái ngược, chẳng dám rời khỏi lời dạy bảo của Phật. Thất tức là rời khỏi; chẳng thể trái ngược, chẳng thể rời khỏi. Cho nên kinh điển ngày ngày đọc tụng mà ý nghĩa chẳng hiểu, muốn nghe kinh duy chỉ có thật sự rõ ràng, thật sự minh bạch, mới biết được tự mình phải nên làm cách nào;

làm tức là tu. Hôm nay chúng tôi xin giảng đến đây. A Di Đà Phật

Tập 25

Xin lật kinh bản, trang một trăm năm mươi ba, hàng thứ nhì.

Lễ Phật Hiện Quang - Đệ Tam Thập Bát

Trong phẩm kinh này, chúng ta có thể thấy được Tây Phương thế giới cùng Sa Bà thế giới chúng ta, hai vị đạo sư gia trì đại chúng dự hội, khiến mọi người đều có thể thấy được Tây Phương Cực Lạc thế giới y chánh trang nghiêm; đây tức là Tác Chứng Chuyển trong lần tam chuyển pháp luân này. Đây là lấy chứng cứ đem ra cho chúng ta xem, khiến cho chúng ta biết Tây Phương thế giới đích thật tồn

tại, quyết định chẳng phải hư vọng. Lúc đó có tình trạng này xảy ra, tuy sự việc cách nay ba ngàn năm rồi, theo sự ghi chép của kinh điển, sự truyền thừa nhất định là có căn cứ, quyết định chẳng phải là hư vọng. Chúng ta phải tin tưởng sự ghi chép của kinh điển, tin tưởng lịch sử. Xin xem kinh văn.

Kinh văn: "Phật cáo A Nan: Nhược tào dục kiến Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác, cập chư Bồ Tát, A La Hán đẳng sở cư quốc độ".

Đây là Thế Tôn ban cho đại chúng tại hội lúc đó một sự biểu thị, ngày nay chúng ta gọi là đề nghị, mọi

người quý vị có muốn thấy "Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác" không? Vậy tại chỗ này chúng ta thấy được một cái biệt hiệu khác của A Di Đà Phật, tức là Vô Lượng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác; cho nên đây là biệt hiệu của A Di Đà Phật. Vậy cũng tại trong đề kinh này hiển thị ra, đây tức là A Di Đà Phật. "Cập chư Bồ Tát, A La Hán đẳng", cùng với chư Bồ Tát, A La Hán, đây là học sinh của Tây Phương thế giới của A Di Đà. Vậy trong chúng học sinh, thảy đều nói cái năng lực của tự phần, chẳng nói Phật gia trì. Còn nếu nói Phật gia trì, phàm là vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, tất cả thảy đều là bình đẳng. Nếu như nói tự phần công phu tu chứng, giả như là đã phá xong vô minh. Phá

một phẩm Vô Minh chứng một phần Pháp Thân, đây là Bồ Tát. Nếu như chỉ phá Kiến Tư vẫn chưa đoạn Vô Minh, thì bằng với A La Hán của tha phương thế giới; cho nên danh từ này là chỗ xưng hô tự phần. Nếu như là Phật lực gia trì thì thảy đều bình đẳng cả, chúng ta cần phải liễu giải, phải rõ ràng chỗ này, cùng với quốc độ nơi họ cư ngụ, Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Kinh văn: "Ưng khởi Tây hướng, đương nhật một xứ, cung kính đảnh lễ, xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật".

Đây là Phật pháp, Phật dạy cho mọi người, Phật giảng kinh, mọi

người đều ngồi đó để nghe. Vậy anh muốn thấy Tây Phương thế giới y chánh trang nghiêm thì anh phải đứng dậy, mặt hướng về phương Tây, nơi mặt trời lặn, "cung kính đảnh lễ xưng niệm Nam Mô A Di Đà Phật". Trong hai câu này đã nói rõ tam nghiệp thanh tịnh, tam nghiệp chân thành, tam nghiệp cung kính. Tam nghiệp này tức là thân, khẩu, ý, cái này có thể khởi dậy tác dụng của cảm ứng đạo giao.

Kinh văn: "A Nan tức tùng tọa khởi".

Tại trong đại hội, A Nan vô cùng lanh lợi, vừa nghe Phật nói như vậy

thì ông lập tức từ chúng đứng dậy; động tác của ông nhanh hơn kẻ khác.

Kinh văn: "Diện Tây hiệp chưởng, đảnh lễ bạch ngôn: Ngã kim nguyện kiến Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật, cúng dường phụng sự, chủng chư thiện căn".

Ở phía trước A Nan tôn giả đã từng nghe Thế Tôn giảng về Tây Phương Cực Lạc thế giới, đã tường tận giới thiệu cho mọi người. Cho nên Ngài vô cùng hoan hỷ muốn gặp A Di Đà Phật, muốn thấy trạng huấn thù thắng của Tây Phương. Lại còn phát nguyện "cúng dường phụng sự, chủng chư thiện căn".

Kinh văn: "Đảnh lễ chi gian, hốt kiến A Di Đà Phật, dung nhan quảng đại, sắc tướng đoan nghiêm. Như hoàng kim sơn, cao xuất nhất thiết chư thế giới thượng".

Từ chỗ này chúng ta thấy được cái nhanh của sự cảm ứng, bất khả tư nghị của sự cảm ứng. Anh xem, A Nan vừa mới lạy xuống, còn chưa đứng dậy, thì nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới A Di Đà Phật đã hiển hiện trước mặt Ngài. Ngài đều trông thấy cả, thấy được A Di Đà Phật, Dung Nhan là dung mạo, nhan sắc, đã rộng lại lớn. Nơi trong bài Tán Phật Kệ: "Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di, cám mục trừng thanh tứ đại hải", chúng ta thấy được tán thán Báo Thân

của Phật, thân tướng của Phật hiện ra thì giống như ở giữa hư không. "Như hoàng kim sơn", Phật thân đều hiện ra sắc vàng, "cao xuất nhất thiết chư thế giới thượng", đương nhiên tất cả chư Phật thế giới, lúc bấy giờ cũng hiển hiện ra. Chẳng những thấy được Tây Phương Cực Lạc thế giới mà thập phương chư Phật sát độ đều thấy được cả; chúng ta xem phần dưới thì sẽ rõ.

Kinh văn: "Hựu văn thập phương thế giới, chư Phật Như Lai, xưng dương tán thán A Di Đà Phật chủng chủng công đức, vô ngại vô đoạn".

Do đây có thể biết trong lần hội này, Thế Tôn giới thiệu cho chúng ta

đó, chẳng sai! Quả thật thập phương chư Phật đã đến làm chứng minh. Tất cả chư Phật đều tán thán, giống như đức Bổn Sư tán thán A Di Đà Phật chẳng khác. Đức Bổn Sư tán thán thế nào? Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta giảng Tịnh Độ Tam Kinh, trong đó tán thán A Di Đà Phật, tất cả chư Phật Như Lai cũng tán thán như vậy. Trong đây có một câu tán thán tối thù thắng, chúng ta phải nên ghi nhớ thật kỹ, đó là "quang trung cực tôn, Phật trung chi vương"; đây là đem A Di Đà Phật tán thán đến cực điểm rồi. Nếu chư vị có thể lưu tâm để tỉ mỉ thể hội ý nghĩa này, A Di Đà Phật là "Phật trung chi vương", vậy thì kinh Vô Lượng Thọ nhất định cũng là "Kinh trung chi vương", là

cùng một đạo lý. Danh hiệu A Di Đà Phật là thập phương tất cả danh hiệu chư Phật Như Lai chi vương, anh phải biết được ý nghĩa này.

Khổng lão phu tử nói "cử nhất ngu", chúng ta phải nói "tam dĩ phản", tức là "cử nhất phản tam"; anh mới thấy được bộ kinh điển này là pháp môn thù thắng không gì sánh bằng! Nhiên hậu chúng ta mới hoảng nhiên đại ngộ, tại sao từ xưa đến nay rất nhiều đại đức, đến tuổi xế chiều đều tiếp xúc đến pháp môn này, thì tất cả thảy đều buông xuống hết, chuyên niệm A Di Đà Kinh, chuyên niệm A Di Đà Phật; đạo lý là ở chỗ này vậy. Họ đã thật sự minh bạch, thật sự rõ ràng rồi! Nếu như họ chưa thật sự rõ ràng thì làm gì chịu buông xuống?

Chúng ta nói, làm sao buông xuống, làm sao xả được? Khi thật sự rõ ràng minh bạch rồi, thì ra là "Kinh trung chi vương, Phật trung chi vương"; chúng ta chẳng quy y vị đó, thì quy y ai đây?

Câu sau này thật hiếm có: "Vô ngại vô đoạn"; Vô Ngại là chẳng có chướng ngại, tức là tất cả sự tán thán của chư Phật, tận hư không biến pháp giới đều nghe được rõ rõ ràng ràng minh minh bạch bạch, đây là vô ngại. Còn Vô Đoạn? Tức là từ trước đến nay chư Phật Như Lai đối với A Di Đà Phật tán thán, chẳng có chung đoạn qua. Do đây có thể biết, kinh Vô Lượng Thọ là tất cả Như Lai ở tận hư không biến pháp giới diễn thuyết chưa từng gián đoạn. Phật tại nơi

chúng ta đây giảng, đến một địa phương khác cũng giảng; bất luận đến địa phương nào, đích thật chẳng chung đoạn qua. Cứ lấy Thích Ca Mâu Ni Phật mà nói, khu giáo hóa của Thích Ca Mâu Ni Phật là tam thiên đại thiên thế giới. Nếu theo ý kiến của ông Hoàng Niệm Tổ thì cái tam thiên đại thiên thế giới lớn cỡ nào? Là một trăm ức dải Ngân Hà. Ở nơi chúng ta đây Phật giảng rồi, có thể sẽ đi đến các tinh cầu khác luân phiên đi giảng, chưa từng gián đoạn.

Kinh văn: "A Nan bạch ngôn".

A Nan tôn giả thấy được, bèn thưa với Thế Tôn rằng:

Kinh văn: "Bỉ Phật tịnh sát, đắc vị tằng hữu".

Sau khi Ngài đã thấy sát độ của thập phương chư Phật, sau khi so sánh, đều chẳng sánh bằng Cực Lạc thế giới trang nghiêm. Cực Lạc thế giới tối thù thắng, tối trang nghiêm là gì? Chúng ta phải rõ ràng, tuyệt đối chẳng phải cái trang nghiêm trên sự thọ dụng của vật chất. Nếu như nói trên vật chất, đây là theo trên sự thọ dụng cảnh lục trần mà nói. Thế Tôn nói với chúng ta, những Phật quốc sánh với Tây Phương Cực Lạc thế giới trang nghiêm hơn rất nhiều rất nhiều; Tây Phương thế giới chẳng bằng. Vậy thì nó trang nghiêm như thế nào mà khiến tất cả chư Phật tán

thán như vậy? Trang nghiêm của giáo học, trang nghiêm của chứng quả, đây là thế giới chư Phật chẳng có. Anh xem, tất cả những người vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, đều trở thành A Duy Việt Trí Bồ Tát, điều này chẳng dễ. A Duy Việt Trí là Thất Địa trở lên, như phàm phu chúng ta đây, một phẩm phiền não đều chưa đoạn, sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới liền làm Thất Địa Bồ Tát, điều này bất khả tư nghị; trong tất cả chư Phật thế giới chẳng có.

Ở tha phương quốc độ tu hành thành Phật phải mất ba đại A-tăng- kỳ kiếp, vô lượng A-tăng-kỳ kiếp; còn Tây Phương Cực Lạc thế giới, chúng ta thử tính xem, đại khái chỉ cần ba kiếp, bốn kiếp thì thành Phật rồi. Ba

kiếp, bốn kiếp cùng ba cái đại A-tăng-kỳ kiếp cùng vô lượng kiếp thì không thể sánh nổi; ví như là muốn học một môn nào nào đó, người ta phải học hai, ba trăm năm, đều chẳng học được, còn nơi A Di Đà Phật kia, hai, ba tiếng đồng hồ là học xong, là ví cho nhanh chóng thế đó. Đây là trong tất cả chư Phật sát độ chẳng có, cho nên chư Phật tán thán. Lúc A Nan thấy được thì:

Kinh văn: "Ngã diệc nguyện nhạo sanh ư bỉ độ".

Vậy thì bây giờ chúng ta hỏi, hiện nay A Nan tôn giả đang ở đâu? Ở Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì sao? Nơi đây thấy được Ngài phát nguyện,

A Nan cầu sanh. A Nan là người truyền thừa Giáo Hạ của Thế Tôn mà chúng ta được biết, Tam Tạng kinh điển là do Ngài kết tập, là do Ngài truyền xuống. Ngài lại là người truyền thừa của Thiền Tông, Ngài là tổ thứ hai của Thiền Tông. Thiền Tông là Thế Tôn truyền cho Ma Ha Ca Diếp, Ma Ha Ca Diếp truyền cho A Nan; cho nên A Nan cũng là người truyền thừa của Thiền Tông. Hiện tại Ngài đang ở đâu? Ngài đang ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, làm sao anh biết được? Trong kinh Vô Lượng Thọ ở đây có nói, Ngài phát nguyện cầu sanh Tây Phương, cho nên đây là chứng minh.

Kinh văn: "Thế Tôn cáo ngôn: Kỳ trung sanh giả, dĩ tằng thân cận vô lượng chư Phật, thực chúng đức bổn".

Chúng ta phải ghi chặt vào lòng phần kinh văn này, hạng người nào được vãng sanh? Trong đời quá khứ "dĩ tằng thân cận vô lượng chư Phật, thực chúng đức bổn", chúng ta thử nghĩ, ở phía trước chúng ta thấy được A Xà vương tử cùng năm trăm trưởng giả đã từng cúng dường bốn trăm ức Phật trong đời quá khứ; vạn lần vạn là ức, bốn trăm ức đấy. Quý vị thử nghĩ, cúng dường bốn trăm ức Phật, xong nghe đến Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh Vô Lượng Thọ vẫn chưa phát tâm muốn vãng sanh, chỉ là động

một niệm nhân hy vọng tương lai thành Phật cùng A Di Đà Phật như nhau; vẫn chẳng có ý muốn vãng sanh. Vậy thì thiện căn của A Nan tôn giả vượt hơn họ, A Nan có ý muốn vãng sanh nên vừa mới nghe qua thì Ngài động cái niệm muốn vãng sanh. Ngày nay chúng ta có duyên, duyên thành thục rồi, duyên gì đây? "Dĩ tằng thân cận vô lượng chư Phật, thực chúng đức bổn". Cái duyên này thành thục rồi, làm sao biết được thành thục? Chúng ta cũng đã phát cái niệm vãng sanh.

Đặc biệt hơn nữa là một niệm vãng sanh mạnh mẽ quyết liệt, muôn duyên đều buông xuống, nhất tâm niệm Phật. Đây tức là từ vô lượng kiếp đến nay anh đã từng cúng dường

vô lượng chư Phật Như Lai, trong một đời này cái thiện căn này đã thành thục. Trong A Di Đà Kinh nói rất hay, "Bát khả dĩ thiểu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc", trước kia chúng ta niệm A Di Đà Kinh, chẳng biết trong kinh nói đến "thiểu thiện căn", thiểu đến trình độ nào? Không thể thiểu, vậy cần đến con số tương đương, vậy con số tương đương cuối cùng là bao nhiêu? Chúng ta không biết. Vừa niệm kinh Vô Lượng Thọ thì mới biết được, vậy ít nhất chúng ta được biết, cái thiện này phải vượt hơn bốn trăm ức Phật. Trong đời quá khứ anh cúng dường chư Phật, đã vượt hơn bốn trăm ức Phật thì so với A Xà vương tử, anh

mới mạnh hơn thì anh mới có cái niệm vãng sanh này.

Cho nên thông thường chúng ta khuyên người tu pháp môn này, người ta không thể tiếp nhận, không thể hết lòng tu hành; chúng ta gật đầu đồng ý, vì sao? Vì rất bình thường, một tí đều chẳng lạ lùng. Nếu họ nghe rồi liền tin muốn phát tâm vãng sanh, ôi chao, người này phi thường lắm, người này không bình thường, người này không đơn giản! Vì sao? Chúng ta liền biết, thiện căn của họ thành thục. Vả lại, quả thật là thiện căn bất khả tư nghị, thiện căn thành thục rồi. Nếu thiện căn chẳng thành thục thì tâm ấy chẳng khởi dậy được, cho nên đây là cái đệ nhất đẳng thiện căn của thế gian; tôi thường nói đệ nhất đẳng

phước báo của thế gian. Nếu chẳng có đệ nhất đẳng thiện căn phước báo, thì pháp môn này họ chẳng thể động niệm, họ chẳng thể động tâm. Đệ nhất đẳng thiện căn phước báo có được mấy người! Đây là đạo lý nhất định, cho nên pháp môn này gọi là pháp môn khó tin, cho nên chúng ta phải trân quý cái nhân duyên này. "Thực chúng đức bổn", chữ Đức Bổn được nói ở chỗ này tức là cùng A Di Đà Phật kết duyên rồi, anh mới có thể vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đã cùng A Di Đà Phật kết duyên.

Kinh văn: "Nhữ dục sanh bỉ, ưng đương nhất tâm quy y chiêm ngưỡng".

Câu này khẩn yếu, đây là Thích Ca Mâu Ni Phật chỉ dạy A Nan tôn giả phương pháp vãng sanh; câu này là phương pháp vãng sanh. A Nan muốn vãng sanh, đây là phía trước Thế Tôn chứng minh cho Ngài, thiện căn của ngài thành thục, trước kia Ngài đã từng thân cận vô lượng chư Phật, thiện căn thành thục. Vậy làm sao để đi đây? Phương pháp đã dạy cho Ngài, phương pháp chỗ này nói đó, so với Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh nói đó đơn giản hơn. Có thể nói là, Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh là sự thuyết minh tường tận của câu này, phải nên "ưng đương nhất tâm quy y". Cái gì gọi là Quy, cái gì gọi là Y? Buổi chiều hôm nay đạo tràng chúng ta đây đã cử hành lễ Quy Y, tôi thấy

đại khái có đến hơn ba trăm vị đồng tu, thật là phi thường. Quý vị nhất tâm quy y chiêm ngưỡng A Di Đà Phật, tương lai của trên ba trăm người này đều được vãng sanh, hơn ba trăm vị Phật xuất thế đấy; việc này thật là phi thường. Trước kia chúng ta quy y, có một cuộn băng cassette, các vị đồng tu bên đây phát tâm từng làm thành dĩa CD, loại dĩa cực quang, hy vọng mọi người có thể nghe thêm nhiều biến. Trước đây có vài đồng tu từ trong băng cassette viết ra, tốt nhất là nghe băng cassette, tại đây có băng cassette.

Chữ Chiêm Ngưỡng tức là niệm Phật, bởi vì trong Quán Vô Lượng Thọ Phật Kinh nói với chúng ta về phương pháp niệm Phật, có ba cách;

Quán Tượng Niệm Phật, Quán Tưởng Niệm Phật và Trì Danh Niệm Phật. Cách Quán Tượng và Quán Tưởng đều thuộc về chiêm ngưỡng, vậy do đây có thể biết, Thế Tôn chẳng dùng Niệm Phật mà dùng Chiêm Ngưỡng, dụng ý này cũng sâu vô cùng, có thể cùng với Niệm Phật hội họp trở lại thì chúng ta sẽ liễu giải nghĩa chân thật của nó. Ý nghĩa này tức là bảo, Niệm Phật thì nhất định trong tâm phải có Phật; miệng niệm Phật mà trong tâm chẳng có Phật thì không được, cách ấy chẳng có lợi ích chi cả. Người xưa chế diễu những hạng người này, nói rằng: "Thét bể cổ họng cũng luống công", tại sao vậy? Là vì chẳng tương ưng. Nhất định là phải Tâm, Nguyện, Giải, Hành đều có thể tương ưng cùng

với Phật; như vậy mới là chân chánh niệm Phật, đây mới là thật sự Chiêm Ngưỡng.

Kinh văn: "Tác thị ngữ thời, A Di Đà Phật tức ư chưởng trung phóng vô lượng quang, phổ chiếu nhất thiết chư Phật thế giới. Thời chư Phật quốc, giai tất minh hiện, như xử nhất tầm".

Quý vị xem, Thế Tôn, Thích Ca Mâu Ni của chúng ta cùng A Di Đà Phật câu thông nhanh biết mấy, lời này của Thế Tôn vẫn chưa nói hết thì A Di Đà Phật liền phóng quang ra. Sự câu thông phối hợp của họ vô cùng mật kế, rất đầy đủ; Thích Ca Mâu Ni Phật vừa nói xong thì A Di Đà Phật

liền phóng quang. Sự phóng quang này liền vì Thế Tôn chứng minh, chỗ Phật nói đó không sai, phương pháp của Phật dạy đó cũng không sai; đồng thời trong Phật quang này đã xuất hiện vô lượng vô biên chư Phật thế giới. Từ trong ánh sáng của Phật xuất hiện thì đây gọi là Phật quang, "phổ chiếu nhất thiết chư Phật thế giới". "Giai tất minh hiện", Minh là rõ rõ ràng ràng minh minh bạch bạch, hiển hiện tại nhãn tiền. "Như xử nhất tầm", Nhất Tầm là khoảng cách rất ngắn; vậy nói một cách khác là tại nhãn tiền quý vị có thể thấy được rất rõ ràng, rất minh bạch. Chữ Nhất Tầm là bao nhiêu dài? Nó là đơn vị của cách đo lường độ dài thời xưa; tám thước gọi là nhất tầm, mười thước gọi là nhất

trượng. Có thể thấy vẫn chưa đến một trượng, cự ly chỉ xa cách có tám thước, vậy đương nhiên quý vị thấy được rất rõ ràng, rất minh bạch.

Kinh văn: "Dĩ A Di Đà Phật thù thắng quang minh, cực thanh tịnh cố".

Phật quang chiếu rọi vào, bình thường chúng ta thấy ánh sáng là từ nhật nguyệt đăng quang; ánh sáng chúng ta tiếp xúc hiện nay là nhật nguyệt đăng quang. Mặt trời, mặt trăng, ánh đèn, chiều dài làn sóng này, bây giờ chúng ta thường thường nói là làn sóng ánh sáng. Thường thường có ánh sáng dài hơn ánh sáng này, chúng ta không nhìn thấy; ngắn hơn

làn sóng ánh sáng này, chúng ta cũng chẳng nhìn thấy. Cho thấy rằng năng lực nhục nhãn của chúng ta vô cùng có hạn, vẫn không thấy được nhiều; còn Phật quang thì bất khả tư nghị. Hiện nay chúng ta nhờ vào dụng cụ khoa học, chúng ta biết có quang tuyến X, có hồng ngoại tuyến; hiện nay chúng ta có thể biết được còn có nhiều loại làn sóng độ dài ngắn khác nhau, nhưng những thứ làn sóng ánh sáng này có thể xuyên qua vật chất, có thể xuyên qua thân người. Mặt trời, mặt trăng, ánh đèn, làn sóng ánh sáng này khác nhau, còn làn sóng ánh sáng của Phật thì càng kỳ diệu hơn, ánh sáng này vừa chiếu, chúng ta chẳng cần dùng dụng cụ trong thế gian này mà trạng huấn bên trong lục đạo luân

hồi đều thấy được cả. Còn thiên đạo chúng ta chẳng thấy được, cũng chẳng thấy được địa ngục đạo, cũng chẳng thấy được ngạ quỷ đạo; Phật tại trong kinh nói với chúng ta, thế gian này có "Hắc sơn, Tuyết sơn, Kim Cang, Thiết Vy", chúng ta cũng đều chẳng thấy được. Ánh sáng của Phật vừa chiếu vào thì tất cả thảy đều hiện rõ, toàn bộ đều thấy hết.

Kinh văn: "Ư thử thế giới sở hữu Hắc sơn, Tuyết sơn, Kim Cang, Thiết Vi, đại tiểu chư sơn, giang hà, tùng lâm, thiên nhân cung điện".

Đây là chư thiên, Sắc Giới Thiên, Dục Giới Thiên, "thiên nhân cung điện", cung điện của thiên nhân.

Kinh văn: "Nhất thiết cảnh giới, vô bất chiếu kiến".

Trong tất cả bao quát ngạ quỷ đạo cùng địa ngục đạo, ở trong Phật quang cả thảy đều xuất hiện, Phật nói đó chẳng sai. Đây là A Nan cùng đại chúng đến dự hội, mọi người chính mắt thấy được; cho nên kể như đoạn này là kiến chứng của lịch sử, ngày nay chúng ta nhìn xem, là kiến chứng của lịch sử, thì sao có thể chẳng tin chứ? Phía dưới là thí dụ.

Kinh văn: "Thí như nhật xuất".

Đây là đem Phật quang tỷ dụ cho mặt trời mọc.

Kinh văn: "Minh chiếu thế gian".

Trong đêm tối ở tại thế gian này của chúng ta, tất cả cảnh giới chúng ta cũng chẳng thấy; khi mặt trời mọc lên thì chúng ta mới nhìn thấy. Đây giống như Phật quang vừa xuất hiện, thì chư Phật sát độ cùng lục đạo luân hồi thảy đều thấy được cả. Phía dưới bổ sung thêm.

Kinh văn: "Nãi chí Nê Lê".

Nê Lê là địa ngục, địa ngục cũng nhìn thấy được.

Kinh văn: "Khê cốc, u minh chi xứ".

Chữ U Minh là chỉ cho ngạ quỷ đạo, còn bên trong Khê Cốc là gì? Là chỗ cư trú của loài rồng, rồng ở trong súc sanh đạo. Có rất nhiều chúng sanh mà nhục nhãn chúng ta chẳng thấy, cái này cũng nhìn thấy được.

Kinh văn: "Tất đại khai tịch, giai đồng nhất sắc".

Bởi vì Phật quang chiếu rọi đến đều được sự gia trì của ánh sáng của Phật, chỗ có tất cả chúng sanh đều được lợi ích thù thắng.

Kinh văn: "Do như kiếp thủy di mãn thế giới, kỳ trung vạn vật, trầm một bất hiện".

Đây là thí dụ, giống như thế gian này, chủng loại thế giới động vật, thực vật rất nhiều; nếu như chìm ở trong nước lớn, thì chỉ thấy màu sắc của nước, ngoài ra đều chẳng thấy. Trên thí dụ "giai đồng nhất sắc", dưới ánh kim quang của Phật chiếu rọi, sở hữu tất cả cảnh giới đều biến thành kim sắc; thí dụ này chúng ta chẳng khó hiểu lắm. Bởi vì hiện nay rất nhiều người đeo kính râm, nếu kính râm màu đỏ thì cảnh giới thấy được giống như mạ lên màu đỏ; đeo kính màu xanh thì nhìn thấy đều là màu xanh, mắt kính màu lục thì nhìn thấy đều là màu lục. Phật là kim quang sở chiếu, sở hữu cảnh giới đều hiện

thành màu kim sắc; đây là nghĩa này, dùng nước để làm thí dụ.

Kinh văn: "Hoảng dạng hạo hãn, duy kiến đại thủy".

Dùng cái này để làm thí dụ.

Kinh văn: "Bỉ Phật quang minh, diệc phục như thị".

Phật quang cũng giống như vậy, nhìn thấy tất cả cảnh giới đều là kim sắc; đây là vì ánh sáng kim sắc chỗ chiếu đến. Nói đến chỗ này, Phật phóng quang, Bồ Tát phóng quang, A La Hán cũng phóng quang; đương nhiên ánh sáng lớn nhỏ khác nhau. Tuy nhiên nhãn quang phàm phu

chúng ta rất cạn, phàm phu nhìn thấy đại khái đều như nhau; tâm lượng chúng ta không rộng lớn. Ma cũng có thể phóng quang, yêu quỷ ma quái cũng biết phóng quang; ánh sáng của ma cũng là kim sắc, ma cũng có tu trì, cũng có đại phước báo. Ánh sáng của chúng cũng là kim sắc quang minh cùng Phật quang khác ở chỗ là, khi quý vị tiếp xúc đến kim quang của Phật, trên thân cảm giác vô cùng vui sướng, vô cùng thoải mái. Ánh sáng là nhu nhuyễn, không làm xốn mắt; còn ánh sáng kim sắc của ma làm quý vị xốn mắt như ánh mặt trời vậy. Khi thân tiếp xúc đến thì khó chịu, cảm giác chẳng thoải mái giống như những ngày nóng bức đứng dưới mặt trời chẳng thấy thoải mái, ánh sáng

làm xốn mắt. Cùng là kim sắc nhưng từ chỗ này có thể biện biệt, ánh sáng cũng có sự phân biệt tà chánh. Bên trong ý nghĩa rất sâu, rất rộng, quý vị vị phải rất bình tĩnh để quan sát thì có thể khai trí tuệ.

Kinh văn: "Thanh Văn, Bồ Tát nhất thiết quang minh, tất giai ẩn tế, duy kiến Phật quang, minh diệu hiển hách".

Đoạn này cũng là một cuộc so sánh, Thanh Văn là A La Hán, Bồ Tát thì bao gồm Đẳng Giác Bồ Tát, rất tiếp cận cùng với Phật; tuy nhiên ánh sáng của Bồ Tát, ánh sáng của Thanh Văn, Duyên Giác, dưới ánh Phật quang của Di Đà thì hoàn toàn chẳng

còn nữa, hiển hiện không ra. Ví như ánh đèn bên đây chúng ta rất sáng, nhưng dưới ánh mặt trời thì ánh đèn không còn nữa, vì sao thế? Ánh thái dương quá mạnh, hiển không ra ánh sáng của nó. Cho nên ánh sáng của Bồ Tát, dưới ánh Phật quang thì giống như ánh lửa con đôm đốm sánh với mặt trời chẳng khác.

Kinh văn: "Thử hội tứ chúng, thiên long bát bộ, nhân phi nhân đẳng, giai kiến Cực Lạc thế giới, chủng chủng trang nghiêm".

Cho nên hội này thật tại là bất khả tư nghị, chẳng những Thế Tôn đem Tây Phương Cực Lạc thế giới y chánh trang nghiêm đã vì chúng ta làm một

báo cáo tường tận. Nào ngờ ở tại chỗ này A Di Đà Phật đã xuất hiện, thảy đều vì mọi người đã đem chỗ nói của Thế Tôn làm một chứng minh khiến cho quý vị thấy được cả. Điều này là sự gia trì của nhị độ Thế Tôn, A Di Đà Phật gia trì đại chúng, Thích Ca Mâu Ni Phật gia trì đại chúng thấy được rồi. "Thử hội tứ chúng", chữ Tứ Chúng là xuất gia hai chúng, tại gia hai chúng; xuất gia hai chúng là tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni; tại gia hai chúng là Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, ngày nay chúng ta gọi là nam cư sĩ, nữ cư sĩ, đây là bốn loại. Trừ bốn loại này ra, đạo tràng nơi Phật giảng kinh đều có thiên long bát bộ tham dự; họ không chỉ là hộ pháp, họ cũng đến nghe kinh. Đạo tràng này của chúng ta hôm nay

cũng chẳng ngoại lệ, cũng có Bồ Tát, Thanh Văn, thiên long bát bộ, nhục nhãn chúng ta chẳng thấy được; họ thấy được chúng ta, chúng ta không thấy được họ. Tất cả thảy đều đã thấy được Cực Lạc thế giới, đều đã thấy được A Di Đà Phật, cùng với hoạt động của nhóm đệ tử của A Di Đà Phật ở Tây Phương Cực Lạc thế giới. Những cảm ứng này, thảy đều thấy được hết, giống như phía trước chỗ Thế Tôn nói đó.

Kinh văn: "A Di Đà Phật, ư bỉ cao tọa".

A Di Đà Phật ngồi trên giảng đài.

Kinh văn: "Oai đức nguy nguy, tướng hảo quang minh. Thanh Văn, Bồ Tát, vi nhiễu cung kính".

Thấy được pháp hội của Thế Tôn nói pháp, đây cũng tức là trạng huấn của pháp hội. "Bồ Tát cung kính vi nhiễu", đây cũng là chư Phật chỗ tán thán, cũng là siêu thắng đệ nhất. Nói rõ sự "sư tư đạo hiệp", A Di Đà Phật là thầy còn ngoài ra là học trò; thầy chân thành, từ bi, nhiệt tâm chỉ dạy, còn học trò chân thành, thân cận, cung kính học tập. Đối với thầy chẳng có tơ hào hoài nghi, một trăm phần trăm thuận theo, có thể y giáo phụng hành. Nhìn thấy trạng huấn này, đây cũng là trong chư Phật sát độ ít thấy lắm! Quý vị xem, Bổn Sư Thích Ca

Mâu Ni Phật của chúng ta trong pháp hội giảng kinh năm xưa, vẫn có một số đệ tử đối với chỗ giảng của Ngài vẫn hoài nghi, vẫn phản đối. Người cầm đầu là Đề Bà Đạt Đa, người này cũng là quy y Thích Ca Mâu Ni Phật, cũng là đệ tử thế độ đã thọ giới của Thích Ca Mâu Ni Phật. Hắn dẫn đầu một nhóm hoang đàng phá phách chuyên môn gây rắc rối cho Phật, chuyên môn làm những việc xấu ở ngoài, làm bại hoại vinh dự của Tăng đoàn! Quý vị xem, vẫn còn hạng đệ tử này. Thích Ca Mâu Ni Phật là như vậy thì chư Phật khác cũng chẳng ngoại lệ; duy độc nhất A Di Đà Phật thì chẳng có loại học trò này, người người đều là học trò tốt. Cho nên đây cũng là trong sự trang nghiêm, chỗ

siêu việt hơn chư Phật, thù thắng không gì sánh bằng của A Di Đà Phật.

Kinh văn: "Thí như Tu Di sơn vương, xuất ư hải diện. Minh hiện chiếu diệu, thanh tịnh bình chánh. Vô hữu tạp uế, cập dị hình loại. Duy thị chúng bảo trang nghiêm, thánh hiền cộng trụ".

Đây là thí dụ, giống như núi Tu Di, nó chẳng phải là núi Tu Di thông thường, nó là Tu Di sơn vương. Vậy chúng ta được biết, ở trong kinh Phật nói đến một đơn vị thế giới có một ngọn núi Tu Di, tam thiên đại thiên thế giới có một trăm ức đơn vị thế giới; vậy nói một cách khác, có một trăm ức ngọn núi Tu Di. Đương nhiên

mỗi một ngọn núi Tu Di không thể có độ cao hoàn toàn như nhau, thế giới này chúng ta, nhân tâm khác nhau cho nên hoàn cảnh y báo khác nhau. Tây Phương Cực Lạc thế giới nhân tâm như nhau; sao lại như nhau? Trong nhân tâm của mỗi người tức là A Di Đà Phật, ngoài A Di Đà Phật ra chẳng có cái niệm thứ hai, chẳng có niệm bồn chồn lo lắng. Cho nên tâm của mọi người đều thanh tịnh, nên hiện ra thế giới thanh tịnh bình đẳng. Vậy thì ở trong trạng huấn không bình đẳng, núi Tu Di ấy lớn nhỏ nhất định cũng khác nhau; còn Tu Di sơn vương, trong một trăm ức ngọn núi Tu Di nó là lớn nhất nên nó trở thành vương; cử ra cái thí dụ này.

"Xuất ư hải diện", núi Tu Di vượt ngoài mặt biển là một hòn núi rất cao lớn; thật tại mà nói, núi Tu Di chẳng có trên địa cầu này của chúng ta, cho nên chúng ta chẳng thể đem núi Hy Mã Lạp Sơn cho là núi Tu Di. Nếu quý vị đem núi này cho là núi Tu Di thì có rất nhiều chỗ giảng không thông, Phật nói với chúng ta ở phía Bắc của núi Tu Di là Bắc Câu Lưu Châu, là một địa phương có phước báo lớn nhất của thế gian này. Ăn mặc ở Bắc Câu Lưu Châu đều tự nhiên, con người chẳng cần phải đi lao động làm lụng; ăn mặc đều tự nhiên, còn thọ mạng? Thì là một ngàn tuổi, chẳng có đoản mạng. Hiện nay ngọn núi cao nhất trên địa cầu này của chúng ta là Hy Mã Lạp Sơn, phía

Bắc của Hy Mã Lạp Sơn là Tây Tạng, người Tây Tạng chẳng sống đến một ngàn tuổi, không có người người sống đến một ngàn tuổi. Điều này chứng minh núi Tu Di không ở trên địa cầu này của chúng ta; hoặc giả núi Tu Di là trung tâm của dải Ngân Hà của chúng ta, đây là cách nói của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, nói cũng rất có đạo lý.

Trong kinh Phật chỗ nói đó đều là cảnh giới hiện lượng của Phật, chỗ gọi là hiện lượng tức là chính mắt thấy được, chẳng phải suy đoán, chẳng phải lý tưởng, là chính mắt chỗ thấy. Nhục nhãn của phàm phu chúng ta, năng lực của cái thấy quá nhỏ bé; khi nãy đã nói, ở trong vô lượng làn sóng ánh sáng, chúng ta chỉ thấy được

một đoạn nhỏ, so với đoạn nhỏ này, dài hơn thì không thấy, ngắn hơn cũng chẳng thấy. Mắt của Phật, thì chỗ có tất cả vô lượng làn sóng ánh sáng, Ngài đều thấy rất rõ ràng, minh bạch. Cho nên thế giới mà Ngài nhìn thấy với cái thế giới mà chúng ta nhìn thấy khác nhau, chẳng tương đồng. Nếu y theo cái thấy của chúng ta, y theo tâm lượng của chúng ta đi suy đoán cảnh giới của Phật, thì sẽ là quá đỗi sai lầm. Vậy có thể Phật gạt chúng ta chăng? Phật chẳng gạt chúng ta, tại sao vậy? Cảnh giới của Phật, chúng ta có thể chứng minh, đó tức là chúng ta phải làm cách nào đột phá năng lượng lục căn của chúng ta.

Ví như mắt của chúng ta ngày nay chỉ có thể thấy được làn sóng ánh

sáng này; làm cách nào đột phá để khiến cho dài hơn làn sóng này chúng ta thấy được, ngắn hơn làn sóng này chúng ta cũng có thể thấy được. Chúng ta cùng Phật hoàn toàn như nhau, có thể đột phá được chăng? Được. Dùng phương pháp gì để đột phá? Phật nói với chúng ta, dùng định công. Cho nên Phật đã nói, chúng ta đã mất năng lực và nguyên nhân nào làm mất nó. Vốn năng lực của chúng ta cùng Phật hoàn toàn như nhau, bây giờ đã mất rồi, vì sao có thể mất? Trong kinh Hoa Nghiêm Phật nói rất rõ ràng: "Nhất thiết chúng sanh giai hữu Như Lai trí tuệ đức tướng", cùng Phật hoàn toàn như nhau; chỉ vì vọng tưởng, chấp trước mà không thể

chứng đắc! Đây là câu nói đem bệnh căn của chúng ta nói toạc ra hết.

Bởi vì chúng ta có vọng tưởng, có chấp trước, cho nên đem năng lượng của chúng ta biến thành nhỏ bé thế đó; thật là đáng thương. Giả như chúng ta đều đoạn dứt vọng tưởng, chấp trước, thì chúng ta khôi phục được năng lượng của chúng ta. Lời chỉ dạy của Phật đối với tất cả chúng sanh chẳng có chi khác, chẳng ngoài phá vọng tưởng, chấp trước mà thôi, quý vị nhất định phải hiểu rõ. Vậy đã là phá vọng tưởng, chấp trước, tại sao trong nhiều kinh điển Phật lại dạy chúng ta chấp trước, dạy chúng ta vọng tưởng? Đây là Phật đối với người sơ học, quý vị phải biết, đây gọi là lấy "độc công độc" cho người sơ học đấy. Cho nên

"trạch thiện cố chấp", Phật giáo chế định nhiều giới luật bảo anh tuân thủ, đó tức là chấp trước, đó là lấy độc công độc. Chẳng phải phía trước đã nói rồi sao! Lấy thiện công ác, anh biết được nghĩa này thì đây là tầng thứ nhất trong giáo học. Tương lai lại đề thăng hướng lên, càng đề thăng hướng lên thì cái chấp trước, vọng tưởng kia càng ngày càng mở rộng ra, đến trên hội Hoa Nghiêm thì hoàn toàn khai phóng. Trên hội Hoa Nghiêm, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại, là pháp giới của vô chướng ngại; hơi có một tí chấp trước, đó là chướng ngại. Đến Hoa Nghiêm, pháp giới vô chướng ngại, đó là tu hành tối cao cấp.

Khổng lão phu tử nói, ông đến lúc bảy mươi tuổi, bảy mươi thì "tùy tâm sở dục", hợp với quy tắc; cái tùy tâm sở dục ấy giống như Sự Sự vô ngại. Tuy là Sự Sự vô ngại mà việc việc đều hợp quy tắc, chẳng có loạn. Mọi việc đều như pháp độ, vẫn chẳng phá hoại pháp luật, phá hoại chế độ, mọi việc đều hợp pháp, mọi việc đều tự tại; đã nhập vào cảnh giới này rồi vậy. Cho nên tầng thứ là phải hướng lên trên, không ngừng để thăng tiến thì là đúng; không thể chấp trước ngưng lại tại một giai đoạn. Giống như chúng ta đi học, năm nay học lớp Một, thầy rất tốt cùng học trò đối xử cũng rất tốt, nên chẳng muốn lên lớp nữa, có hạng người này hay không? Hy vọng sang năm vẫn học lớp Một, năm tới nữa

vẫn học lớp Một; đó tức là ngu si đấy, là sai rồi. Sang năm phải thăng tiến học lớp Hai chứ! Sang năm nữa lại thăng lên đến học lớp Ba, hướng lên trên mà đi thì phía dưới xả bỏ buông xuống, xả bỏ hết. Phần dưới chẳng chịu xả, cứ mãi chẳng chịu buông xuống, vậy nói một cách khác là anh sẽ ngưng lại tại một giai đoạn này; cảnh giới của anh không thể hướng lên thăng tiến. Chúng ta phải hiểu rõ điều này, phải biết lý luận của Phật dạy học, chúng ta phải biết được lý thú của giáo học, phương pháp của giáo học.

Vậy thì Phật nói với chúng ta, núi Tu Di là tứ bảo làm thành, cho nên núi này có thể phóng ra ánh sáng. "Vô hữu tạp uế", thanh tịnh quang

minh, "cập dị hình loại", chẳng có tạp hình loại khác, nó rất trang nghiêm, rất chỉnh tề. "Duy thị chúng bảo trang nghiêm, thánh hiền cộng trụ", ở giữa núi Tu Di là nơi cư trú của Tứ Thiên Vương, trên đỉnh núi Tu Di là Đao Lợi Thiên còn gọi là tầng trời thứ Ba Mươi Ba, là nơi cư trú của Đao Lợi Thiên Vương. Trong này có thánh, có hiền, có Bồ Tát, có chư Phật, hóa hiện ở bên trong, cho nên nói là "thánh hiền cộng trụ".

Kinh văn: "A Nan cập chư Bồ Tát chúng đẳng, giai đại hoan hỷ".

Một đoạn lớn phía trước đều là A Nan tôn giả ghi lại trạng huấn long trọng lúc đó khi đức A Di Đà hiện

thân phóng quang; A Nan tôn giả ghi lục trở lại. "A Nan cập chư Bồ Tát chúng đẳng, giai đại hoan hỷ", thấy được cảnh giới này vô cùng hoan hỷ.

Kinh văn: "Dũng dược tác lễ, dĩ đầu trước địa, xưng niệm Nam Mô A Di Đà Tam Miệu Tam Phật Đà".

Đây là xưng niệm danh hiệu của A Di Đà Phật, Tam Miệu Tam Phật Đà là Chánh Đẳng Chánh Giác, là Nam Mô A Di Đà Chánh Đẳng Chánh Giác; nếu chúng ta lấy tiếng Hán để phiên dịch, là phiên dịch như vậy, đây là cung kính lễ bái xưng niệm.

Kinh văn: "Chư thiên nhân dân, dĩ chí quyên phi nhuyễn động, đổ tư quang giả, sở hữu tật khổ, mạc bất hưu chỉ, nhất thiết ưu não, mạc bất giải thoát. Tất giai từ tâm tác thiện, hoan hỷ khoái lạc".

"Chư Thiên" bao gồm có Dục Giới sáu tầng trời, Sắc Giới mười tám tầng trời, đều thấy được ánh sáng; "quyên phi nhuyễn động" súc sanh, đây là về động vật nhỏ, giống như muỗi, kiến, những loại động vật nhỏ này. Phàm là Phật quang chiếu thẳng vào, chúng đều có được ưu điểm, đều có được lợi ích. Vào lúc này, dưới ánh sáng của Phật, nỗi đau khổ của chúng cũng dừng lại nửa chừng, ngưng chỉ và sanh tâm hoan hỷ. Ưu

Não tức là ưu bi khổ não, dưới ánh Phật quang nó cũng dừng lại nửa chừng, lúc này nó cũng đã đình chỉ.

"Mạc bất giải thoát", chữ Giải này là giải mở cái tâm niệm này, chỗ gọi là tâm kết phiền não; phiền não tiêu trừ rồi, thì đây gọi là giải. Còn Thoát là lìa xa khổ não, thoát là từ trên lìa khỏi khổ não tức là giải thoát.

"Tất giai từ tâm tác thiện", lìa khổ được vui, phá mê khai ngộ đều có thể sanh khởi từ bi tâm, đều muốn làm việc tốt, đều muốn tác thiện.

"Hoan hỷ khoái lạc", được lợi ích cạn hay sâu, đương nhiên là người người chẳng tương đồng, nguyên nhân chẳng tương đồng ở chỗ nào? Mỗi một chúng sanh, tập khí, nghiệp lực của họ khác nhau; người với

nghiệp lực nhẹ, người với tập khí mỏng có được lợi ích lớn. Ngược lại, người với phiền não nặng, người với tập khí sâu, lợi ích họ được đó thì nhỏ. Tóm lại, chẳng có ai chẳng được lợi ích. Đoạn phía dưới đây là nói về sự cúng dường của thiên nhạc.

Kinh văn: "Chung, khánh, cầm, sắt, không hầu, nhạc khí, bất cổ tự nhiên giai tác ngũ âm".

Chữ Cổ là cổ động, tức là ngày nay chúng ta gọi là diễn tấu; chẳng có người diễn tấu, tự tự nhiên nhiên có âm nhạc tại không trung. Ngũ âm, nói theo bây giờ tức là nhạc giao hưởng, bởi vì nó có nhiều thứ nhạc khí, đây

là nhạc giao hưởng, đây là thiên nhạc cúng dường.

Kinh văn: "Chư Phật quốc trung, chư thiên nhân dân, các trì hoa hương, lai ư hư không, tán tác cúng dường".

Đây là thiên nhân của các Phật quốc khác rải hoa cúng Phật, mọi người cũng thấy được. Cho nên thấy được Tây Phương thế giới, thấy được chư Phật quốc độ, là một bức họa vô cùng sống động, chẳng phải chết cứng, rất sống động. Phật cùng Bồ Tát, nhất thiết đại chúng cùng sinh hoạt của họ, tất cả thảy đều thấy được.

Kinh văn: "Nhĩ thời Cực Lạc thế giới, quá ư Tây phương bách thiên câu-chi na-do-tha quốc, dĩ Phật oai lực, như đối mục tiền".

Tây Phương Cực Lạc thế giới cách Sa Bà thế giới chúng ta mười vạn ức Phật quốc độ, bách thiên câu-chi na-do-tha tức là mười vạn ức Phật quốc độ, khoảng cách xa như thế đó. Thích Ca Mâu Ni Phật dùng lực thần thông của Ngài khiến cho chúng ta thấy được, vả lại Tây Phương Cực Lạc thế giới như đang ở trước mắt chúng ta.

Kinh văn: "Như tịnh thiên nhãn, quán nhất tầm địa".

Thiên nhãn vô cùng minh định, nhìn khoảng cách tám thước; mắt chúng ta cũng nhìn thấy rất rõ ràng khoảng cách tám thước, không cần đến "tịnh thiên nhãn". Đây tức là nói nhìn được vô cùng kỹ lưỡng, nhìn được vô cùng rõ ràng.

Kinh văn: "Bỉ kiến thử độ, diệc phục như thị".

Chúng ta thấy họ, họ có thấy chúng ta hay không? Họ cũng đã thấy chúng ta. Giống như hiện nay chúng ta đang xem truyền hình, chúng ta thấy họ, họ cũng chẳng thấy chúng ta; mắt có mở lớn hơn nữa họ cũng chẳng thấy chúng ta. Vậy trong quang cảnh này chúng ta thấy họ, họ thấy

chúng ta, bỉ thử có thể đối thoại, đây quả thật là bất khả tư nghị.

Kinh văn: "Tất đổ Sa Bà thế giới, Thích Ca Như Lai, cập tỳ-kheo chúng, vi nhiễu thuyết pháp".

Họ cũng thấy được ở tại đây Thích Ca Mâu Ni Phật giảng kinh Vô Lượng Thọ, đại chúng đang bao quanh để nghe, cái trạng huấn hoan hỷ này, người của thế giới A Di Đà Phật thấy được, những người của mười phương chư Phật sát độ cũng đều thấy được. Vậy thì chúng ta sẽ hỏi, họ có thấy hội hiện tại này của chúng ta hay không? Đương nhiên là thấy được, nhất định như vậy. Nơi quốc độ Phật, cõi trời ấy thấy được

đạo tràng này của chúng ta, nghe được đạo tràng này của chúng ta, biết được hiện tại chúng ta đang làm gì. Không chỉ như vậy mà cũng biết được trong tâm mỗi một người đang nghĩ gì, cho nên không thể suy nghĩ bậy bạ. Điều tôi nói với quý vị đó đều là lời thật, chúng ta có thể đem đoạn kinh văn này coi như là kiến chứng lịch sử để xem, hiển thị Tây Phương Cực Lạc thế giới mà Thế Tôn nói đó là chân thật bất hư. A Nan tôn giả vừa trông thấy thì liền muốn đi, hiện nay chúng ta chẳng muốn đi cho nên chẳng thấy được, chẳng nghe được. Ngày nay xem đến đoạn kinh văn này thì như là thấy được rồi, A Nan thấy được rồi, chúng ta cũng đều thấy

được rồi. Xin xem tiếp phẩm Ba Mươi Chín phía dưới.

Từ Thị Thuật Kiến - Đệ Tam Thập Cửu

Di Lặc Bồ Tát vì chúng ta đến làm chứng, chứng minh lời của Thích Ca Mâu Ni Phật, câu câu đều chân thật giúp cho chúng ta đoạn nghi sanh tín. Xin xem kinh văn.

Kinh văn: "Nhĩ thời Phật cáo A Nan, cập Từ Thị Bồ Tát".

Hai vị này đều là người đương cơ của pháp hội.

Kinh văn: "Nhữ kiến Cực Lạc thế giới, cung, điện, lâu, các, tuyền, trì, lâm thụ, cụ túc vi diệu, thanh tịnh trang nghiêm phủ?"

Hỏi họ, các ông có nhìn rõ ràng Tây Phương Cực Lạc thế giới, cung, điện, lầu, các, chỗ cư trú của Phật; cung, điện, lầu, các, chỗ cư trú của đại chúng. "Thất bảo trì, bát công đức thủy, thất trùng hàng thụ, thất trùng la võng", có thấy được sự trang nghiêm trên mặt đất hay không?

Kinh văn: "Nhữ kiến Dục Giới chư thiên, thượng chí Sắc Cứu Cánh Thiên, vũ chư hương hoa, biến Phật sát phủ?"

Đây là sự trang nghiêm trên không trung, không trung có Dục Giới Thiên, có Sắc Giới Thiên, có Sắc Cứu Cánh Thiên, là thiên nhân của Sắc Giới, thiên nhân ở trên không trung rải hoa để cúng dường Phật cùng đại chúng, không trung trang nghiêm. Tôi sợ mọi người hoài nghi chỗ này, chẳng phải chúng ta đã nói về Tây Phương thế giới rồi sao? Là Đại Thừa trong Đại Thừa, Nhất Thừa trong Nhất Thừa, sao có thể có Dục Giới, Sắc Giới Thiên? Nếu như có Dục Giới, Sắc Giới Thiên, chẳng phải đã biến thành lục đạo rồi sao? Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có lục đạo.

Đúng thế, câu này hỏi rất hay, những loại chư thiên này đều là A Di

Đà Phật biến hóa làm ra! Chẳng phải lục đạo thiên nhân thật đến rải hoa. Sao thiên nhân trong lục đạo có thể đi đến Tây Phương Cực Lạc thế giới được? Chính giống như Tây Phương Cực Lạc thế giới có nhiều loại chim, giống như trong kinh A Di Đà nói đó, Bạch Hạc, Khổng Tước, Anh Vũ, đều có thể nói chuyện, đó đều là A Di Đà Phật biến hiện hóa làm ra, chẳng phải súc sanh đạo thật! Là do A Di Đà Phật biến hóa làm ra, chẳng phải thật. Nhóm thiên nhân này cũng đều như vậy, trang nghiêm của không trung.

Kinh văn: "A Nan đối viết: Duy nhiên dĩ kiến".

Duy Nhiên là đáp phúc một cách rất cung kính, Phật vừa hỏi thì trả lời, "Thưa phải, đã thấy rồi", Duy nhiên là đã thấy rồi, đều đã thấy rồi cả.

Kinh văn: "Nhữ văn A Di Đà Phật đại âm tuyên bố, nhất thiết thế giới, hóa chúng sanh phủ?"

Phía trước là thấy, thấy sắc tướng, còn đây là nghe âm thanh, Phật ở đó giảng kinh thuyết pháp, các ông có nghe thấy hay không? Nghe thấy rồi, A Di Đà Phật đang giáo hóa chúng sanh đấy. Những chúng sanh ở chỗ này tức là đại chúng vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, bởi vì ngoài Phật ra, tất cả đều xưng là chúng sanh, cửu pháp giới hữu tình

chúng sanh, cho nên Tây Phương thế giới chỉ có Bồ Tát, Bồ Tát cũng là chúng sanh.

Kinh văn: "A Nan đối viết: Duy nhiên dĩ văn".

A Di Đà Phật giảng kinh thuyết pháp, đương nhiên trong khi đại chúng nghe kinh, nhất định cũng có nêu lên câu hỏi, cũng có thảo luận; đây thì cũng chẳng cần nói kỹ, chúng ta đều có thể liên tưởng được đến trạng huấn này. A Nan đều nghe được cả, A Nan biểu thị người người trong đại chúng đều nghe được cả, đều thấy được cả.

Kinh văn: "Phật ngôn: Nhữ kiến bỉ quốc tịnh hạnh chi chúng, du xử hư không, cung điện tùy thân, vô sở chướng ngại, biến chí thập phương, cúng dường chư Phật phủ?"

Đây là bổn nguyện của Di Đà mà bổn kinh chỗ diễn tả, Phật tại trong kinh A Di Đà chỗ nói đó, chúng ta làm chứng minh. Anh có thấy chăng? Cực Lạc thế giới xưng là Tịnh Hạnh, phàm là sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là tu hành Tịnh nghiệp; chúng ta phải biết điều này, phải rõ ràng, minh bạch. Chúng ta là tu Tịnh Nghiệp mới có thể vãng sanh Cực Lạc thế giới, nếu như tại thế gian này anh tu Thiện nghiệp mà chẳng phải Tịnh nghiệp, tương lai chỉ có thể tại

tam thiện đạo hưởng phước, chẳng thể vãng sanh. Niệm Phật cũng chẳng thể vãng sanh, tại vì sao? Vì nghiệp của anh chẳng Tịnh. Tây Phương thế giới được xưng là Tịnh Độ, phải rất rõ ràng, rất minh bạch điều này. Tịnh cách nào đây? Tâm thanh tịnh. Làm sao tâm thanh tịnh? Đối với thế gian này chẳng có một tơ hào nhiễm ô thì tâm anh sẽ thanh tịnh.

Thử nghĩ, hằng ngày chúng ta niệm Phật, ở trước mặt Phật, Bồ Tát phát nguyện, chúng ta phải cầu sanh Tịnh Độ; ngày ngày đều niệm Hồi Hướng Kệ, nguyện sanh Cực Lạc quốc, ngày ngày đều niệm. Tuy nhiên tâm không thanh tịnh, thân không thanh tịnh, chẳng thể vãng sanh; tức là trong kinh nói đó, trong đời quá

khứ đã từng cúng dường vô lượng chư Phật rồi, tại sao chẳng thể vãng sanh? Tức là vì tâm chẳng thanh tịnh, hành chẳng thanh tịnh. Hành là hành vi sinh hoạt biểu hiện ở bên ngoài, tâm là bên trong, trong ngoài đều chẳng thanh tịnh, niệm Phật hồi hướng chỉ có thể cùng A Di Đà Phật kết duyên mà thôi, đi không được. Nếu quyết định trong một đời này muốn đi, thì nhất định phải trong ngoài đều thanh tịnh. Thanh tịnh ở bên trong là đối với thế gian này; chẳng những thế gian, xuất thế gian, thế pháp, Phật pháp, thảy đều buông xuống. Thế pháp, Phật pháp đều phải buông xuống cả.

Quý vị thử xem, Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát, trong phần mở đầu của

Tây Phương Xác Chỉ, Ngài nói với chúng ta rằng niệm Phật tối kỵ nhất là xen tạp. Trong xen tạp bao gồm tụng kinh, ví như nói chúng ta một lòng cầu sanh Tịnh Độ, mỗi ngày chúng ta niệm kinh Kim Cang, niệm kinh Phổ Môn, niệm kinh Địa Tạng, ồ, niệm một đống lớn kinh; đó là xen tạp đấy, chẳng thể vãng sanh. Khi xen tạp thì tâm chẳng thanh tịnh, sao lại không thanh tịnh? Tự quý vị bình tĩnh nghĩ lại thì việc này chẳng cần tôi phải nói nhiều. Những việc lo lắng bồn chồn trong thế gian pháp rất nhiều, trong tâm buông chẳng được; cái tâm này không thanh tịnh, thế, xuất thế gian pháp đều đã bị nhiễm ô. Nếu như muốn đạt đến chỗ thanh tịnh thì thế, xuất thế gian pháp thảy đều buông

xuống; tất cả trong tâm đều buông xuống thì tâm của chúng ta mới có thể thanh tịnh.

Buông xuống, hãy nghe cho kỹ, là bảo anh buông xuống trong tâm, chẳng phải bảo anh buông xuống trên sự! Sự vẫn cứ làm, nên làm gì để sống thì vẫn cứ làm việc đó để sống. Sự vẫn làm mà trong tâm chẳng tiêm nhiễm; vậy thì anh làm những việc này, đoạn tất cả ác là làm việc đấy, tu tất cả thiện cũng là làm việc đấy. Thì việc này chẳng gọi là thiện nghiệp mà gọi là tịnh nghiệp, đoạn ác tu thiện đều là thuộc về tịnh nghiệp; tâm thanh tịnh rồi, chẳng nhiễm trước nữa. Tôi làm việc thiện này, làm được việc thiện rồi, trong tâm cứ khư khư nhớ mãi! Anh xem, tôi đã quyên bao

nhiêu tiền, làm bao nhiêu công đức, suốt đời suốt kiếp đều chẳng quên; đó là thiện chẳng phải tịnh, tâm bị ô nhiễm rồi. Cho nên Phật dạy cho chúng ta, đặc biệt là trong kinh Bát Nhã chỗ nói đó, "tam luân thể không", khi làm phải hết lòng nỗ lực đi làm, quyết định chẳng trước tướng, chẳng chấp trước, tâm sạch sẽ; được vậy thì tâm thanh tịnh, hành cũng thanh tịnh, đây gọi là Bồ Tát đấy. Cho nên chẳng phải đã thọ Bồ Tát giới thì là Bồ Tát, tuy anh không thọ Bồ Tát giới, chư Phật, Bồ Tát nhìn thấy anh, đều cung kính anh là Bồ Tát, đều thừa nhận anh là Bồ Tát. Thọ xong Bồ Tát giới mà trong tâm chẳng thanh tịnh, người khác gọi anh là Bồ Tát, tự mình cũng cảm thấy là Bồ Tát rồi; nhưng chư

Phật, Bồ Tát chẳng thừa nhận. Ngay đến quỷ thần cũng chẳng thừa nhận anh là Bồ Tát, anh là Bồ Tát giả, không phải thật! Mạo xưng là Bồ Tát, đó là giả, là mạo xưng, không những chẳng có lợi ích lại còn có tội lỗi. Không phải là Bồ Tát mà mạo xưng là Bồ Tát, điều này kham chẳng nổi đâu! Cho nên nhất định phải biết, phải tu Thanh Tịnh Tâm.

Quyển kinh này hay lắm, trên đề kinh là Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác. Quý vị xem, nêu lên biểu thị này rõ ràng biết mấy, minh bạch biết mấy, đơn giản toát yếu, đây là ưu điểm lớn nhất của bộ kinh này. Vì sao chúng ta chẳng đọc Hoa Nghiêm, chẳng giảng Hoa Nghiêm? Nếu như tôi giảng kinh Hoa Nghiêm giống như tốc độ tôi

giảng kinh này, thì giảng một bộ kinh Hoa Nghiêm phải mất năm ngàn giờ. Hiện nay có mấy ai có thời gian dài đến năm ngàn giờ để nghe một bộ kinh Hoa Nghiêm? Không thể được. Cho dù có giảng khái quát, không cần kỹ, đơn giản toát yếu để giảng, muốn giảng viên mãn kinh Hoa Nghiêm, ít nhất cũng phải mất ba ngàn giờ. Kinh Hoa Nghiêm rườm rà lắm đấy, tường tận thì có tường tận nhưng có vẻ quá dài dòng, không nắm được cương lĩnh; còn bộ kinh này hay lắm, là cô động của kinh Hoa Nghiêm. Toàn bộ kinh Hoa Nghiêm tức là kinh Vô Lượng Thọ, kinh Hoa Nghiêm là cách nói kỹ của kinh Vô Lượng Thọ, nói được tường tận hơn một tí. Tuy nhiên, nếu quá tường tận thì chẳng nắm được

cương lĩnh, tâm chúng ta quá thô; người thông minh, người có tế tâm thì được. Chúng ta vô ý sơ suất như vậy thì chẳng nắm được cương lĩnh của kinh Hoa Nghiêm; kinh này thì còn được, kinh này không quá dài.

Nếu như nơi kinh này mà còn chẳng nắm được cương lĩnh thì niệm kinh A Di Đà tiểu bổn. Kinh A Di Đà tiểu bổn so với kinh này càng dễ dàng hơn, càng đơn giản hơn, đó mới có thể được thọ dụng. Cho nên không thể không biết điều này, đối với một đời này của chúng ta, có thành tựu được chăng, then chốt là ở chỗ này. Cho nên Tịnh Hạnh rất quan trọng, trong sinh hoạt hằng ngày, từ sáng thức dậy cho đến tối đi ngủ, xử thế, đối người, tiếp vật, ở trong đấy tu hành thanh

tịnh Tâm, tu thanh tịnh Hạnh. Quả nhiên anh biết được rồi, ôi chao, vậy trong một đời này anh được vãng sanh rồi, quyết định là Thượng Phẩm, chẳng phải Trung, Hạ. Tịnh Hạnh là Phổ Hiền Bồ Tát tu đó, chẳng phải Bồ Tát thông thường; bất luận làm việc gì, thân tâm thanh tịnh, sự sự thanh tịnh. Tâm thanh tịnh, ngữ thanh tịnh, ngôn thanh tịnh, hạnh thanh tịnh, chẳng có thứ chi chẳng thanh tịnh; đây gọi là "tịnh hạnh chi chúng". Tại Tây Phương Cực Lạc thế giới họ đều là Phổ Hiền Bồ Tát, họ đều là tu Phổ Hiền Hạnh. Phổ Hiền Hạnh là tối cao cấp, chúng ta cũng đem nó liệt vào trong năm khoa mục tu hành; giống như năm tầng lầu lớn, Phổ Hiền Hạnh là tầng cao nhất. Tầng cao nhất, phía

dưới phải có nền móng, vậy chúng ta tu cách nào đây? Trước tiên chúng ta tu tầng thứ nhất, tầng thứ nhất là gì? Là Tam Phước. Chúng ta bắt đầu từ chỗ này mà tu, trong Tam Phước bao gồm mười một điều:

- Đệ Nhất Phước có bốn câu: "Hiếu dưỡng phụ mẫu, Phụng sự sư trưởng, Từ tâm bất sát, Tu thập thiện nghiệp". Trong quyển kinh của chúng ta đây, từ phẩm Ba Mươi Ba đến phẩm Ba Mươi Bảy, tức là Đệ Nhất Phước.

- Đệ Nhị Phước có ba câu: "Thọ trì tam quy, Cụ Túc chúng giới, Bất phạm oai nghi", cũng ở trong đoạn này; có thể thấy rằng phẩm Ba Mươi Ba đến phẩm Ba Mươi Bảy bao gồm hai thứ phía trước trong Tam Phước.

Tam Quy, cái gì gọi là Tam Quy Y? Nên hiểu rõ ràng, minh bạch, cơ sở của Tam Quy Y là xây dựng trên cơ sở của Hiếu Thân Tôn Sư, và Thập Thiện Nghiệp Đạo. Sự xây dựng của Tam Quy, Ngũ Giới, nếu phía dưới chẳng có cái cơ sở này thì Tam Quy, Ngũ Giới đều chẳng có chỗ dựa. Giống như xây nhà lầu, chúng ta chẳng có tầng thứ nhất thì làm sao có thể xây dựng tầng thứ hai? Chẳng thể không biết điều này.

- Đệ Tam Phước là: "Phát Bồ Đề tâm, Độc tụng Đại Thừa, Thâm tín nhân quả, Khuyến tấn hành giả", đây là hiện nay tu hành tầng thứ nhất, giống như nhà lầu tầng thứ năm; tầng thứ nhất bao gồm nhiều nội dung như vậy. Tầng thứ hai là Lục Hòa, dạy

cho chúng ta sống chung cùng người như thế nào. Cái khó khăn nhất khi sống chung cùng đại chúng là sự câu thông của ý kiến, việc này khó nhất. Kiến Hòa Đồng Giải, điều này khó nhất. Làm cách nào để chúng ta có thể cùng với mọi người làm đến Kiến Hòa Đồng Giải? Sau khi nghe rồi, quyết định người thông thường làm không nổi; có phải quả thật là làm không nổi chăng? Quả thật là không nổi. Phật dạy chúng ta cách nào để làm nổi? Tâm thanh tịnh là làm nổi. Họ tranh, ta chẳng tranh thì ta cùng họ liền hòa ngay. Thanh tịnh có thể bao dung không thanh tịnh, không thanh tịnh chẳng thể bao dung thanh tịnh; thanh tịnh có thể bao dung không thanh tịnh. Chính giống như

lời Lục Tổ chỗ nói đó "Nhược chân tu đạo nhân, bất kiến thế gian quá", thế gian có lỗi không? Lỗi rất nhiều. Cái gì gọi là bất kiến? Chẳng phải mắt anh không thấy, chẳng phải tai anh không nghe; mắt cũng thấy, tai cũng nghe; mắt thấy tai nghe, tại sao chẳng thấy? Vì là tâm thanh tịnh, chẳng có để trong tâm.

Thì Kiến Hòa liền giải rồi, đồng với chư Phật, Bồ Tát; chẳng phải bảo anh đồng với mọi người, mà đồng với chư Phật, Bồ Tát. Đồng chân tâm pháp tánh, bảo anh đồng ở chỗ này; chẳng phải bảo chúng sanh đồng trên vọng tưởng, đồng trên nơi phân biệt, chấp trước, cái đó chẳng thể đồng được. Đó là vọng, chúng ta phải cùng Chân mà đồng. Cùng chân tâm đồng,

cùng bản tánh đồng thì là được rồi. Chỉ cần cái này vừa đồng thì năm cái phía dưới liền được giải quyết ngay, một tơ hào khó khăn đều chẳng còn nữa. Giải Đồng Tu, thủ pháp, tất cả đều tự nhiên thủ pháp. Thân Đồng Trụ, đồng tại quốc độ này, đồng tại xã hội này. Khẩu Vô Tranh, họ tranh ta không tranh thì chẳng có tranh. Khi gặp tranh luận, thì phương pháp này rất hay, họ nhìn anh thấy trái mắt, chửi anh thì anh ngoan ngoản nghe; họ chửi hai tiếng đồng hồ, mệt rồi thì không chửi nữa, phải không? Vô sự, vô sự, cười thôi, vô sự. Phương pháp này thật hay, người ta muốn đánh anh, anh đừng đánh trả, nhường cho họ đánh hết vài cái họ không tiếp tục đánh nữa. Anh xem, đánh mà người

ta không đánh trả, không đánh thì sao? Không tiếp tục nữa. Hai người chửi nhau, hai người đánh nhau, trình độ cao như nhau; nếu một người cao một người thấp thì tuyệt đối vô sự, có bao giờ anh thấy một cụ già đánh lộn với em bé ba tuổi không? Chắc không thấy qua. Một người cao, một người thấp, đánh chẳng được, chửi cũng chẳng được. Một người tâm thanh tịnh, một người tâm ô nhiễm, họ đánh chẳng được, cãi nhau cũng chẳng được.

Khẩu Vô Tranh, Ý Đồng Duyệt, Lợi Đồng Quân, cho nên khó nhất là Kiến Hòa Đồng Giải, Kiến Giải phải tương đồng. Cách giảng của tôi với quý vị hôm nay là đã thâm nhập thêm một tầng, điều này là hoàn toàn chân

thật. Lại hướng lên trên, đây mới có thể thật sự nhập Phật học Tam Học, Giới - Định - Tuệ Tam Học, lại học thêm Lục Độ của Bồ Tát, cao cấp nhất là Phổ Hiền Thập Nguyện. Phổ Hiền Thập Nguyện hoàn toàn là từ thanh tịnh, bình đẳng, giác để tu. Nếu như chẳng có thanh tịnh, bình đẳng, giác, thì từ đâu có được Phổ Hiền Thập Nguyện? Cho nên đó là cách tu hành tối cao cấp, chúng ta mơ ước, chúng ta hiểu rõ, chúng ta là từ tầng cơ bản nhất để làm. Hướng về mục tiêu này thì là đúng, bước bước đều chắc thật, cảm ứng của họ bất khả tư nghị.

"Du xử hư không", tại sao họ có thể du hành tại hư không? Đạo lý ở chỗ nào? Vì là họ vô tâm đấy, thì là tự

tại rồi. Vì sao chúng ta không thể du hành trong hư không? Vì trong tâm chúng ta có áp lực rất nặng nề, ép xuống đất phải không? Nặng thêm tí nữa thì đi trở xuống rồi, vậy làm sao có thể bay lên được! Chẳng có áp lực, cho nên nói một thân nhẹ nhàng đây là thực tế. Nếu anh muốn thí nghiệm thì leo thang lầu là biết ngay, anh từ dưới thang lầu từng bước lên đến lầu năm, anh cảm thấy một thân nhẹ nhõm giống như đang đi trên đất bằng thì chứng minh trong tâm anh chẳng có áp lực; tâm anh so ra thanh tịnh hơn. Nếu như khi đi lên, từng bước so với từng bước mệt hơn, khi lên đến trên thì thở hổn hển, chẳng đi nổi nữa thì biết được anh rất nhiều phiền não,

áp lực rất nặng, nếu phải leo núi thì càng rõ ràng hơn.

Đây là thật chẳng phải giả, trước kia chúng tôi ở Đài Trung, khi lập trường đại học Phật Học Giảng Tòa, có một hôm thầy dắt một số học sinh đi du ngoạn. Lúc đó nơi du ngoạn gần nhất là Bát Quái Sơn ở Chương Hóa. Vào thời đó, ba mươi năm về trước, Bát Quái Sơn chỉ có một con đường công lộ rất hẹp để đi, phía trên nhà cửa chẳng nhiều. Thầy Lý dẫn nhóm học sinh trẻ tuổi này leo núi, thầy là người thứ nhất leo đến đỉnh núi, thầy đã bảy mươi tuổi ngoài. Học sinh khi leo lên đến, đứa nào cũng thở hổn hển, thầy nói: "Xem các anh kìa, nhóm trẻ con vô dụng, ta bảy mươi tuổi rồi, lúc đi lên đến đỉnh núi không thấy mệt,

không thở hổn hển". Tâm thanh tịnh, thân thể nhẹ, thân thể thanh tịnh, leo núi như đi trên đất bằng. Chúng ta thấy được chỗ này là quả, thì anh sẽ nghĩ đến đó là cái nhân gì, là Tịnh Hạnh đấy, thân tâm thanh tịnh chẳng có mảy may ô nhiễm, cảm thấy như "du xử hư không".

"Cung điện tùy thân", câu này là chứng minh y báo theo chánh báo chuyển, cho nên đây là sự chứng minh thập túc. "Vô sở chướng ngại, biến chí thập phương cúng dường chư Phật phủ?", đây là nói về cái lớn của không gian hoạt động, thập phương thế giới tận hư không biến pháp giới, nhóm đại chúng ở Cực Lạc thế giới, đại hoàn cảnh sinh hoạt của họ. Chúng ta đọc đến chỗ này, đích thật

là vô cùng hâm mộ; hâm mộ thì phải gấp rút mà đi. Từ Đài Loan chúng tôi bay đến đây hơn bốn tiếng đồng hồ, người ta thì không cần, chỉ trong một niệm thập phương chư Phật sát độ liền đến ngay.

Kinh văn: "Cập kiến bỉ đẳng niệm Phật tương tục phủ?"

Câu này là "tịnh niệm tương kế", anh xem, Tây Phương Cực Lạc thế giới nhóm Bồ Tát này vẫn niệm A Di Đà Phật không ngừng, chẳng có nói, chúng tôi niệm Phật sanh đến Cực Lạc thế giới, sau khi đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì chẳng cần niệm A Di Đà Phật nữa. Đã đến Cực Lạc thế giới rồi vẫn niệm A Di Đà Phật,

điều này thật là lạ lùng, A Di Đà Phật nghe chúng tôi niệm Ngài, tai Ngài chẳng thấy phiền. Đây là một thứ vọng tưởng của người thế gian chúng ta. Kỳ thật, ý nghĩa của câu A Di Đà Phật, chúng ta phải thêm vào chữ Nam Mô, là quy y Vô Lượng Giác. A Di Đà là Vô Lượng, Phật là Giác; là quy y Vô Lượng Giác đấy. A Di Đà Phật nghe được cũng gật đầu, chính xác đấy, niệm niệm không quên quy y Vô Lượng Giác. Tất cả thời, tất cả chỗ, chúng ta phải giác mà chẳng mê, A Di Đà Phật là ý nghĩa này, sao Ngài có thể chán ghét chứ? Niệm đến thành Phật rồi, thành Phật vẫn niệm Phật hiệu này. Vì sao? Là vì giáo hóa chúng sanh. Chúng ta là nhờ vào pháp môn này mà thành tựu, mà thành Phật,

vẫn lấy pháp môn này mà độ chúng sanh; "tịnh niệm tương kế".

Kinh văn: "Phục hữu chúng điểu trụ hư không giới, xuất chủng chủng âm, giai thị hóa tác, nhữ tất kiến phủ?"

Đều là A Di Đà Phật biến hóa làm ra, ông có thấy không?

Kinh văn: "Từ Thị bạch ngôn: Như Phật sở thuyết, nhất nhất giai kiến".

Tại chỗ này, Di Lặc Bồ Tát trả lời, giống như Phật chỗ nói, từng việc từng việc chúng tôi đều thấy cả. Chẳng những thấy được những thứ

này, Phật vẫn chưa nói, chưa đề ra. Di Lặc Bồ Tát còn thấy được Tây Phương Cực Lạc thế giới, có một số người vẫn còn ở đó thọ khổ.

Kinh văn: "Phật cáo Di Lặc: Bỉ quốc nhân dân hữu thai sanh giả, nhữ phục kiến phủ?"

Tây Phương Cực Lạc thế giới có thai sanh, các ông có thấy không? Thai sanh này chẳng phải thật, vẫn là liên hoa hóa sanh, chữ Thai là hình dung chỗ Khổ, thai sanh khổ. Có một số người ở Tây Phương Cực Lạc thế giới vẫn đang sống trong ngày tháng đau khổ, Thế Tôn đem nó thí dụ cho thai sanh, hỏi Di Lặc Bồ Tát, các ông

có thấy được chăng? Di Lặc Bồ Tát cũng thấy được rồi.

Kinh văn: "Di Lặc bạch ngôn: Thế Tôn! Ngã kiến Cực Lạc thế giới nhân trụ thai giả, như Dạ Ma Thiên, xử ư cung điện".

Anh xem, những người ấy vui sướng biết bao, tuy là thọ khổ, thọ cái khổ gì vậy? Vì chưa thấy Phật, chưa được nghe pháp. Ngoại trừ thấy Phật, nghe pháp ra, tình trạng sinh hoạt của họ giống như Dạ Ma Thiên nhân vậy. Dạ Ma Thiên sánh với Đao Lợi Thiên còn cao hơn một cấp; giống như thiên nhân vui sướng vậy. Vậy họ khổ ở chỗ nào? Chẳng thấy Phật là khổ, chẳng nghe pháp là khổ. Chẳng thấy

Phật, chẳng nghe pháp giống như phía trước người của Cực Lạc thế giới "du xử hư không, cung điện tùy thân, biến chí thập phương cúng dường chư Phật"; họ chẳng có, họ chẳng làm nổi. Đây là thí dụ cho thai sanh, là ý nghĩa như vậy. Tại sao có trạng huấn này? Một phẩm phía dưới là để thuyết minh tường tận, Thế Tôn vô cùng từ bi, hy vọng chúng ta chớ đi làm như những loại chúng sanh này. Kỳ thật không thấy Phật, không nghe pháp cũng chẳng qua là năm trăm năm mà thôi! Năm trăm năm là năm trăm năm của thế gian này chúng ta, còn thọ mạng con người ở Cực Lạc đều là vô lượng, năm trăm năm đó có là bao? Cho nên nói, cho dù có ở biên địa cũng rất hạnh phúc, ta cũng rất chúc

mừng họ, cũng thật hiếm có, vẫn kể như là siêu việt lục đạo luân hồi rồi. Chẳng qua so với những người Cửu Phẩm vãng sanh kia trễ nải một tí thời gian mà thôi.

Kinh văn: "Hựu kiến chúng sanh, ư liên hoa nội kết già phu tọa, tự nhiên hóa sanh".

Đoạn này là Di Lặc Bồ Tát thấy được những người niệm Phật thông thường được Cửu Phẩm vãng sanh. Cửu Phẩm vãng sanh đều là "liên hoa hóa sanh", Ngài thấy được rất rõ ràng.

Kinh văn: "Hà nhân duyên cố, bỉ quốc nhân dân, hữu thai sanh giả, hữu hóa sanh giả?"

Kỳ thật thai sanh vẫn là hóa sanh, xin chớ hiểu lầm chỗ này! Vì duyên cớ gì vậy? Thật tại mà nói, vì duyên cớ gì mà có số người sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì thấy Phật, nghe pháp, mà có một số người sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới mà chẳng thấy Phật, nghe pháp? Nghi vấn của họ ở chỗ này. Chỗ gọi là thai sanh, phẩm kinh phía dưới muốn vì chúng ta nói rõ nguyên nhân; vậy thì tại chỗ này chúng tôi xin sơ lược nêu lên, họ là chưa đoạn hết tâm hoài nghi, nghi hoặc. Đã là chưa đoạn hết hoài nghi, thì làm sao họ có thể vãng sanh chứ? Họ chẳng giống như kẻ khác! Họ là với một loại tâm tình thử thăm dò, nghe nói Tây Phương tốt đẹp như vậy, thì ta cứ cố hết sức niệm

Phật để vãng sanh, không vãng sanh được thì thôi, vãng sanh được thì chẳng phải càng tốt hơn sao? Với cái tâm như vậy, mà không phải hoàn toàn khẳng định; chẳng có tơ hào tâm hoài nghi, thì người ta đã Cửu Phẩm vãng sanh rồi. Họ đối với chính mình hoặc đối với A Di Đà Phật chưa đoạn cái nghi này. Thế nên ở chỗ này có một tí chướng ngại, cho nên sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới không thể lập tức thấy Phật, nghe pháp. Phật dùng thai sanh làm thí dụ. Nếu như muốn nói một cách nghiêm khắc, tất cả những người vãng sanh, bao gồm luôn chỗ này gọi là thai sanh biên địa đều là liên hoa hóa sanh.

Thế Tôn vì chúng ta nói rất rõ ràng về Tây Phương thế giới, là thế

giới bình đẳng. Vào ngày đầu tiên lúc chúng tôi giới thiệu đề kinh đã nói rõ cùng chư vị rồi, sở dĩ A Di Đà Phật được xưng là "Phật trung chi vương", là vì những công đức trang nghiêm của Ngài thì thập phương chư Phật chẳng có; tức là dùng pháp bình đẳng độ tất cả chúng sanh. Tất cả chúng sanh không bình đẳng, anh xem, trên từ Bồ Tát, dưới đến địa ngục chúng sanh, làm sao cửu pháp giới có thể bình đẳng được chứ? Trong một pháp giới là đã có vô lượng sai biệt rồi, huống là cửu pháp giới? Quyết định là chẳng bình đẳng. Người dùng một pháp bình đẳng, đây là trong chư Phật sát độ chẳng có! Pháp gì bình đẳng đây? Là Tín - Nguyện - Trì Danh. Văn Thù, Phổ Hiền cũng là Tín -

Nguyện - Trì Danh cầu sanh Tịnh Độ. Ngày nay chúng ta vẫn là dùng Tín - Nguyện - Trì Danh mà vãng sanh. Chúng ta cùng Văn Thù, Phổ Hiền sai biệt quá lớn, tuy nhiên phương pháp vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới của chúng ta ngẫu nhiên tương đồng; điều này bất khả tư nghị. Sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì quả bình đẳng, Ngài là lấy pháp bình đẳng khiến tất cả chúng sanh bình đẳng thành Phật. Nhân bình đẳng, quả bình đẳng, trong tất cả kinh chẳng có, trong tất cả thế giới chẳng có, cho nên Ngài được xưng là "Phật trung chi vương".

Tức là bằng vào cái này sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, Bốn Mươi Tám Nguyện của A Di Đà Phật

gia trì cho người này, khiến cho người này lập tức ngang bằng với Thất Địa Bồ Tát trở lên. Hạng phàm phu nghiệp chướng sâu nặng, phút chốc thì kéo anh đến cảnh giới của Thất Địa Bồ Tát. Chỗ mà anh hiển hiện ra là trí tuệ thần thông đạo lực chẳng có sai khác với nhóm đại Bồ Tát này. Thất Địa, Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa chẳng có sai khác. Đây là từ đâu đến? Là A Di Đà Phật bổn nguyện oai thần gia trì, cho nên bất khả tư nghị. Đối với những người còn giữ lấy nghi tâm mà vãng sanh, những người vãng sanh này vẫn là Tín - Nguyện - Trì Danh, tức là trong Tín còn có một tí hoài nghi. Tôi cố gắng hết sức mình, tôi rất hết lòng nỗ lực để niệm, thiết tha cầu A Di Đà

Phật, tuyệt đối không thể thua nơi Cửu Phẩm. Một niệm của họ cho dù có cũng tốt thì họ cũng sanh rồi, không có, không có thì thôi, cũng chẳng sao cả. Chính vì một niệm như vậy, một niệm nghi tình chưa đoạn, cho nên đây là những người sanh đến biên địa. A Di Đà Phật là bình đẳng gia trì, tại sao họ chẳng có được? Vì một niệm nghi tình này của họ chưa đoạn.

Là nghiệp chướng của họ làm chướng ngại sự gia trì của Phật lực; nếu họ vừa giác ngộ, cái niệm này vừa đoạn rồi thì lập tức Nhập Phẩm. Năm trăm năm là thời hạn cao nhất, có số người đến bên ấy vài ngày thì họ đã giác ngộ, họ chẳng hoài nghi thì lập tức Nhập Phẩm rồi. Có số người

phải chờ đến vài năm, không chừng mấy mươi năm, dài nhất là năm trăm năm. Ngày mai chúng ta thảo luận đoạn này, đoạn này cũng rất có thú vị.

A Di Đà Phật

Tập 26

Xin lật kinh bản, trang một trăm sáu mươi ba, hàng thứ nhất.

Biên Địa Nghi Thành - Đệ Tứ Thập

Chúng ta xem phần kinh văn.

Kinh văn: "Phật cáo Từ Thị: Nhược hữu chúng sanh, dĩ nghi hoặc tâm, tu chư công đức, nguyện sanh bỉ quốc. Bất liễu Phật trí, bất tư nghị trí, bất khả xưng trí, Đại Thừa quảng trí, vô đẳng vô luân, tối thượng thắng trí, ư thử chư trí, nghi hoặc bất tín. Do tín tội phước,

tu tập thiện bổn, nguyện sanh kỳ quốc".

Vậy đây là loại thứ nhất. Loại người thứ nhất sanh đến biên địa của Phật, những chỗ này chúng ta phải lưu ý. Thế Tôn tại trong đoạn khai thị này, chủ yếu là đánh thức chúng ta, vãng sanh tốt nhất là đừng nên sanh tại biên địa. Sanh tại biên địa, thấy Phật, nghe pháp, phải trễ nải mất năm trăm năm, thời gian dài như thế đó. Tuy rằng nói, ở Tây Phương Cực Lạc thế giới, trong thọ mạng là của vô lượng thọ, năm trăm tuổi đích thật là vô cùng ngắn tạm. Tuy nhiên chúng ta thử nghĩ, nếu như ở thế gian này phải rớt ở phía sau năm trăm năm, chúng ta nhất định có thể giác biết

được, lúc đó có rất nhiều đồng tu ở phía sau đến Tây Phương Cực Lạc thế giới vượt qua phía trước chúng ta quá nhiều quá nhiều. Chúng ta, tuy sanh đến Tây Phương nhưng lại rớt ở phía sau của họ, nhất định là trạng huống này, Phật ở chỗ này rất từ bi đánh thức chúng ta.

Trong đoạn thứ nhất này là chẳng thể liễu giải cái trí tuệ bất khả tư nghị của Phật, ở chỗ này bèn khởi dậy nghi hoặc "nghi hoặc tâm". Tuy là nghi hoặc, họ vẫn cứ "tu chư công đức nguyện sanh bỉ quốc"; hai câu này rất quan trọng. Tuy rằng nghi hoặc, tại sao họ còn vãng sanh? Có thể thấy rằng, họ tu hành, đích thật chẳng có rớt sau người ta. Bên trong đây, tu chư công đức là tối quan trọng, tức là

Tín - Nguyện - Trì Danh, đây là công đức đấy. Tín - Nguyện - Trì Danh là công đức, cho nên họ được sanh Tây Phương Tịnh Độ. Tại sao không thể Nhập Phẩm? Chữ Phẩm này tức là Cửu Phẩm, tại sao chẳng thể Nhập Phẩm? Là vì họ "bất liễu Phật trí", câu nói này là tổng thuyết, Phật trí nào vậy? Phía dưới vì chúng ta đã nói bốn thứ. Phật trí là tổng thuyết.

"Bất tư nghị trí", Phật có cái trí tuệ bất khả tư nghị, cổ đại đức đem đoạn kinh văn này phối vào trong Tứ Trí, để vì chúng ta mà thuyết minh thì chúng ta mới dễ hiểu được. Trong Pháp Tướng Duy Thức, nói về Tứ Trí, Tứ Trí này là: Thành Sở Tác Trí, Diệu Quang Sát Trí, Bình Đẳng Tánh Trí và Đại Viên Kính Trí, chúng ta

cũng gọi nó là Tứ Trí Bồ Đề. Bồ Đề là nghĩa giác ngộ, bốn thứ giác ngộ này. Tứ Trí Bồ Đề là đối với mê tình phàm phu mà nói, bởi vì phàm phu đã mê mất tự tánh, đem tự tánh biến thành bát thức. Bát thức này chẳng phải là giác ngộ, bát thức này là mê hoặc mới có đấy; còn giác ngộ thì đem bát thức chuyển đổi thành Tứ Trí. Cho nên Giáo Hạ thì nói, tu hành quý tại chuyển Thức thành Trí, câu này đích thật nói chẳng sai! Tu hành, thành tựu của việc tu hành là gì? Tức là chuyển Thức thành Trí, chuyển Bát Thức thành Tứ Trí. Lời này nói chẳng sai, tuy nhiên phải thật sự biết chuyển, đích thật rất chẳng dễ dàng.

Kinh Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm, tại trong giới Phật giáo

Trung Hoa là rất nổi tiếng, hầu như chẳng có ai mà không biết đến bộ kinh điển này. Từ xưa đến này, về phần chú giải, có trên một trăm thứ, có thể thấy sự yêu chuộng của mọi người đối với bộ kinh này, có nhiều người chú giải như vậy. Trong đó phần chú giải thuộc hạng loại quyền uy, cũng tức là mọi người đều công nhận chú giải hay, ít nhất có đến mười mấy loại. Vào cuối năm triều nhà Minh, có Giao Quang đại sư, Ngài cùng Liên Trì đại sư là cùng một thời đại. Giao Quang đại sư cũng là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, chúng ta nơi phần chú giải kinh Lăng Nghiêm của Ngài gọi là Chánh Phái Sớ. Trong phần tựa, Ngài viết về nhân duyên Ngài chú giải kinh, Ngài là vào lúc

vãng sanh đã đến, cũng tức là thọ mạng đã đến, A Di Đà Phật đến tiếp dẫn Ngài, Ngài hốt nhiên chợt nghĩ, Ngài nói, kinh Lăng Nghiêm từ xưa đến nay tuy có rất nhiều chú giải nhưng vẫn chưa đem ý của Phật nói rõ ràng, đều chỉ ở đó suy đoán mò mẫm. Ngài muốn phát tâm làm chú giải cho kinh Lăng Nghiêm, hướng về A Di Đà Phật xin phép, thưa rằng: "Cho con đem kinh này chú giải xong rồi mới vãng sanh". A Di Đà Phật liền gật đầu đồng ý rồi đi mất, bệnh của Ngài cũng lành hẳn.

Sau khi lành bệnh thì làm chú giải của kinh Lăng Nghiêm này, vậy thì phần chú giải của Ngài cũng đã chú giải, cùng với phần chú giải xưa khác nhau, kiến giải cũng đích thật chẳng

giống nhau. Chú giải xưa phần nhiều là phối hợp Tam Chỉ, Tam Quán của Thiên Thai Tông, hướng về phương hướng này để giải thích Lăng Nghiêm. Còn kiến giải của Giao Quang đại sư là đã thoát ly Thiên Thai, hoàn toàn theo trong kinh điển chỗ nói về ý thú đó để giải kinh; giải thích về Sa Ma Tha, Tam Ma Địa, Thiền Na. Người xưa, họ đem ba thứ phối hợp vào Tam Chỉ, Tam Quán của Thiên Thai Tông. Đương nhiên trong đó, cái quan trọng nhất, tức là Ngài đề xướng về "xả thức dụng căn"; bởi vì chú giải xưa đều chẳng có rời khỏi bát thức. Cách nhìn của Ngài, như trong Lăng Nghiêm chỗ nói về Sa Ma Tha, Tam Ma Địa, Thiền Na, là lìa khỏi bát thức, quyết định chẳng dùng bát thức năm

mươi mốt tâm sở. Cách nói này thật là cao minh, đích thật cùng với cách nhìn của cổ đức có khác; cách giải thích này chẳng sai! Tuy nhiên, có được mấy ai có thể xả thức mà dụng căn chứ? Chữ Căn này là cái tánh trong căn.

Ví như giảng Căn, chúng ta thấy Sắc là dùng nhãn thức để thấy sắc, Thức là phân biệt, thức thứ sáu phân biệt. Chúng ta thấy được là hoa, là lá, đây là đỏ, đây là vàng, phân biệt đấy. Cái phân biệt này là thức thứ sáu, ý thức đang khởi tác dụng; chẳng những phân biệt mà lại còn chấp trước. Chấp trước là thức thứ bảy, vẫn phải rơi xuống ấn tượng rất sâu, vĩnh viễn chẳng thể quên. Cái ấn tượng này tức là thức thứ tám. Vậy thì Giao

Quang đại sư giảng trong kinh Lăng Nghiêm, Sa Ma Tha, Tam Ma Địa, Thiền Na, chẳng dùng thức mà dùng cái Tánh trong Căn. Cũng tức là bảo, mắt thấy sắc, phải dùng Tánh thấy để thấy, tai nghe tiếng, phải dùng Tánh nghe để nghe, chẳng dùng sáu thức, dùng căn tánh của trong giữa sáu căn; tánh là căn tánh, là bản tánh. Vậy người biết dùng Tánh tức là minh tâm kiến tánh đấy, vậy kiến tánh thì thành Phật rồi! Đích thật phù hợp với giáo nghĩa của Phật chỗ nói trong kinh Lăng Nghiêm. Ý thú này, Ngài giải thích chẳng sai; tuy nhiên rất khó.

Nếu như y theo sự giải thích trong kinh điển, kinh văn cũng dài, cũng rất khó hiểu, rất khó thể hội. Có một số đồng tu đã từng hỏi tôi, họ nói, dùng

lời đơn giản nhất để nói: "Cái gì gọi là Thức? Cái gì gọi là Căn? Cái gì gọi là xả Thức dụng Căn?" Lời này hỏi rất hay, cái đơn giản nhất mà chúng ta có thể thể hội được là, từ trên sự tác dụng của Thức mà đi; tác dụng của thức thứ sáu là phân biệt, tác dụng của thức thứ bảy là chấp trước (Mạc Na), tác dụng của A Lại Da là hàm tàng. A Lại Da giống như cái kho, tàng thức, giống như cái kho chỗ có tất cả ngũ trần, "lạc ma ảnh tử", cả thảy đều chứa dấu ở chỗ này, là cái kho; cho nên chúng ta gọi, tác dụng của nó là trí ức. Vì sao anh biết nhớ? Bởi vì anh chứa dấu tại trong A Lại Da Thức.

Làm sao xả thức dụng căn? Thật tại mà nói, xả thức, vậy khởi tác dụng

tức là căn; chẳng cần phải đi suy nghĩ cái gì gọi là căn nữa, đừng đi suy nghĩ những thứ này nữa, khi nghĩ những thứ này thì lại rơi vào tâm ý thức. Cổ đức chỗ gọi là chỉ cần đem Vọng lìa khỏi, đừng nên cầu Chân; lìa khỏi Vọng thì tự nhiên tức là Chân rồi vậy, nếu anh lại đi cầu Chân thì lại biến thành Vọng rồi! Anh có cái tâm Cầu đó tức là vọng tâm, thì chẳng phải chân tâm rồi. Chỉ cần đem vọng xả bỏ hết, chỉ cần đem thức xả bỏ hết, chỗ anh khởi tác dụng đó đương nhiên là tự tánh vậy. Vậy thì chúng ta thấy sắc, phải thấy cách nào? Chẳng có phân biệt. Chẳng có phân biệt cũng thấy được rất rõ ràng, không phải nói chẳng có phân biệt thì thấy không rõ. Giống như một tấm kính, kính chiếu

vào cảnh vật bên ngoài, chẳng phải đã chiếu được rất rõ ràng rồi hay sao? Nó có phân biệt không? Nó chẳng có phân biệt.

Chúng ta dùng tâm, phải giống như tấm kính, thấy sắc, chẳng phân biệt sắc tướng; sắc tướng rõ rõ ràng ràng minh minh bạch bạch. Chẳng dùng tâm phân biệt, cũng đừng chấp trước. Chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, xin thưa quý vị, anh chỗ thấy sắc tướng đó, tất cả sắc tướng quyết định là bình đẳng. Tại sao không bình đẳng? Bởi vì anh có chấp trước, có phân biệt thì nó chẳng có bình đẳng. Lìa khỏi phân biệt, chấp trước thì là bình đẳng. Quyết định chẳng rơi ấn tượng, điều này quá khó quá khó. Chẳng giữ ấn tượng tức là

chẳng dùng A Lại Da Thức, chẳng chấp trước tức là chẳng dùng Mạc Na thức, chẳng phân biệt tức là chẳng dùng thức thứ sáu, đây gọi là xả Thức đấy. Tác dụng sau khi xả thức, thì chúng ta mắt thấy sắc là cái thấy của Tánh thấy, tai nghe tiếng là cái nghe của Tánh nghe. Đây tức là chỗ nhà Thiền gọi là minh tâm kiến tánh, cảnh giới như vậy; cái này là thô thuyết, lược thuyết, chúng ta có thể thể hội được một tí ý nghĩa này. Nói sâu, nói rộng, thì là bất khả tư nghị; cho nên chỗ này lại thêm vào "Bất tư nghị trí", bất tư nghị này tức là Thành Sở Tác Trí. Thành Sở Tác Trí, phía trước thêm năm thức, nó có thể thành tựu tất cả Phật pháp.

Phật pháp là pháp giác ngộ, quý vị phải ghi nhớ, Phật là nghĩa Giác Ngộ. Nói Phật pháp tức là pháp giác ngộ, nói Phật là môn học của giác ngộ; phải biết điều này. Trong tất cả cảnh giới đều có thể "giác mà chẳng mê, chánh mà chẳng tà, tịnh mà chẳng nhiễm". Phật cùng chư Đại Bồ Tát tại cửu pháp giới, tại lục đạo, đặc biệt tại trong tam đồ độ hóa tất cả chúng sanh; tự họ chẳng mê. Nói một cách khác, tự họ chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng giữ ấn tượng; đây là chẳng mê, chẳng tà, chẳng nhiễm. Có thể khiến tất cả chúng sanh phá mê khai ngộ, nghiệp chướng tập khí của chúng sanh dù nặng hơn, họ đều có thiện xảo phương tiện giúp đỡ cho chúng sanh. Việc khai ngộ này, không

phải trong một ngày thì khai ngộ, hai ngày thì khai ngộ, những người nghiệp chướng nặng thì phải nhiều đời nhiều kiếp. Trong phần kinh văn phía trước, chúng ta đọc qua, người có thể niệm Phật phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ, chúng ta vốn chẳng biết được, ngỡ rằng người này, bảo họ niệm Phật thì họ liền niệm Phật, vẫn rất vâng lời. Đâu có biết người này trong đời quá khứ đã cúng dường vô lượng vô biên chư Phật, điều này chúng ta chẳng biết. Thiện căn của họ sâu dầy như vậy, đã hiện tiền; cho nên họ nghe rồi mới tiếp nhận được, họ mới hoan hỷ, chẳng phải là việc dễ dàng.

Chúng ta nhìn phàm phu, chỉ nhìn một đoạn này, chẳng nhìn thấy phía

sau, chỉ nhìn thấy hiện tại, chẳng nhìn thấy phía trước. Phật và Bồ Tát đem sự việc trong đời quá khứ của người này, nhìn được quá rõ ràng, nhìn được quá minh bạch; cho nên họ biết được thiện căn người này thành thục, quả thật là không dễ dàng, thật hiếm có, quá hiếm có. Vậy trong thời gian dài như vậy, A Di Đà Phật, chư Phật, Bồ Tát, chẳng có xả bỏ chúng ta một lần nào. Nói một cách khác, đời đời kiếp kiếp, thời thời khắc khắc đều đang chiếu cố chúng ta, đang giúp đỡ chúng ta. Đời này, duyên này đã viên mãn thành thục, chúng ta đột nhiên phát tâm cầu sanh Tịnh Độ. Tín - Nguyện - Trì Danh, quả thật là bất khả tư nghị, đây là "Thành Sở Tác Trí". Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng

nói với chúng ta, thì chúng ta làm sao biết được? Cho nên đối với vấn đề này, một số người hoài nghi, cũng chẳng lạ; đích thật là khiến người ta phải hoài nghi.

Cái thứ hai là "Bất khả xưng trí", Xưng là xưng dương, bao gồm tán thán; chẳng có cách chi tán thán, đây là nói về Diệu Quang Sát Trí, Quang là một nguyên tắc tu hành trong Phật môn. Trong Phật môn, có thể nói, lưu thông phổ biến nhất là Bát Nhã Tâm Kinh, là kinh lưu thông phổ biến nhất, chẳng có một ai không biết, chẳng có một người nào không niệm qua Bát Nhã Tâm Kinh. Trong Bát Nhã Tâm Kinh, chữ thứ nhất là Quán, anh quán được thì anh liền tự tại; anh chẳng biết quán thì anh đương nhiên không

tự tại. Quán là gì? Là khi nãy vừa nói, chẳng dùng thức thứ sáu, chẳng dùng thức thứ bảy, chẳng dùng thức thứ tám; đó gọi là Quán. Nếu như dùng tâm ý thức, đó chẳng gọi là quán mà gọi là Tình, cho nên anh thấy nó gọi là tình kiến, trong kiến giải này của anh mang theo cảm tình; chúng ta gọi là cảm tình, Phật pháp gọi là mê tình. Phàm là tình đều là mê cả, đều chẳng phải trí tuệ, tình là mê, không phải thứ tốt. Tình kiến tức là mê hoặc điên đảo, còn Quán là lý tánh, lý trí. Lìa khỏi tâm ý thức, chẳng dùng tâm ý thức, đây gọi là Quán; quán mới có thể thấy được chân tướng sự thật, nếu có Tình bên trong thì không thấy được chân tướng sự thật. Tại vì sao? Vì anh sanh ra biên kiến, biên hải đấy.

Chân tướng sự thật liền chẳng thấy được.

Tục ngữ chúng ta thường nói: "Đương cuộc giả mê, bàng quan giả tỉnh", bàng quan là đối với chính họ chẳng có quan hệ lợi hại, thì họ nhìn được rất rõ ràng; còn kẻ đương cuộc kia, đối với họ có quan hệ lợi hại, đắc thất, cho nên sự lợi hại, đắc thất này liền đem trí tuệ của họ che lấp mất. Họ quan sát một sự việc, họ trước hết từ trên sự lợi hại của chính mình, từ góc độ này mà nhìn, chúng ta gọi đó là chủ quan mà không phải khách quan. Vậy đây là "Bất khả xưng trí", tức là "Diệu Quang Sát Trí"; chuyển ý thức thứ sáu chẳng có phân biệt, cái quan sát đó thì là Diệu. "Đại Thừa quảng trí", câu này tức là chuyển Mạc

Na thành Bình Đẳng Tánh Trí; Bình đẳng thì là rộng rồi. Trí tuệ của người thế gian chúng ta rất nhỏ, nguyên nhân ở đâu? Bởi vì tâm của mình chẳng bình đẳng. Nó vốn là bình đẳng, cái tâm lượng này vốn là vô lượng vô biên. Hiện nay cái tâm lượng này biến thành rất nhỏ, tự tư tự lợi, cùng với ai cũng chia cách giới tuyến, chia cách rất nhiều giới tuyến. Thì cũng giống như loại tằm kia làm kén tự trói; vốn là biển trời thênh thang bao la mà tự mình nhất định phải làm cái kén đem mình nhốt vào trong đó. Anh bảo việc này khổ biết bao, đây tức là chấp trước đấy, pháp chấp, ngã chấp. Lìa khỏi tất cả chấp trước thì tâm bình đẳng liền hiện tiền, tâm bình đẳng rộng lớn chẳng có bờ mé.

"Vô đẳng vô luân", Đẳng là chẳng có gì bình đẳng với nó, Luân là chẳng có gì đồng loại với nó, đây là nói đến chỗ cùng cực rồi. "Tối thượng thắng trí", cái trí tuệ tối thượng thù thắng, đây là Đại Viên Kính Trí, Đại Viên Kính này là thí dụ, quảng đại viên mãn giống như một tấm kính, tận hư không biến pháp giới, quá khứ, hiện tại, vị lai đều chiếu cả trong đó, chiếu được rõ rõ ràng ràng minh minh bạch bạch. Năm loại trí này đều là chân tâm bản tánh của chúng ta, câu sau cùng là cái Thể của chân tâm bản tánh; phía trước bốn câu đều là nói về tác dụng. Tác dụng chỗ nói, nói rằng: "Ư thử chư trí", đây là chỉ cho năm loại trí tuệ bất tư nghị của Phật, họ có hoài nghi. Vậy những người đối với trí tuệ

này của Phật sanh hoài nghi, chúng ta có thể tha thứ được. Chân chánh đoạn nghi sanh tín, thật tại không phải là một việc dễ dàng; ngược lại thì những người lão thật niệm Phật chẳng hoài nghi. Hạng người nào hoài nghi? Những người nghiên cứu giáo hoài nghi, pháp sư giảng kinh nói pháp hoài nghi. Tại vì sao? Vì kinh họ đọc quá nhiều, Phật pháp họ liễu giải quá nhiều. Cứ mãi suy nghĩ, Phật thật sự có trí tuệ lớn như vậy sao? Có thể đây chỉ là lời tán thán Phật, chẳng phải thật? Giống như chúng ta bình thường hay nói: "Phật vạn đức vạn năng, vô sở bất tri, vô sở bất năng", đây là lời của các nhà tôn giáo tán thán Thượng Đế; chúng ta tán thán Phật, cũng tán thán như vậy. Xưa kia lão bá tánh tán

thán hoàng đế vạn tuế, vạn vạn tuế, có vị hoàng đế nào sống được vạn tuổi đâu? Còn người làm hoàng đế cũng rất dại dột, anh xem, nói lời vọng ngữ ngay trước mặt họ, họ chẳng cản ngăn, họ còn mĩm cười, còn tiếp nhận. Bị lừa ngay trước mặt, vạn tuế, vạn vạn tuế là giả, chẳng phải thật.

Vì thế nên trong Giáo Hạ, có rất nhiều pháp sư, đại pháp sư, lão pháp sư đều có cả, nếu anh thỉnh giáo với họ rằng, trí tuệ của Phật có phải là viên mãn không? Họ cũng sẽ nói, Phật đích thật là đại trí tuệ, tuy nhiên cũng chẳng phải là viên mãn chân chánh. Họ liền hoài nghi, vì sao? Vì Phật cũng có chỗ bất năng, vậy thì trí tuệ của Phật cũng chẳng viên mãn rồi? Kỳ thật, trí tuệ của Phật là viên mãn,

Phật chẳng có chi bất năng. Chúng ta nhìn thấy, hình như vẫn còn nhiều chúng sanh chẳng thể được độ như vậy, đó chẳng phải là Phật không có khả năng độ, chẳng phải Phật không có trí tuệ, chẳng phải Phật không có phương pháp độ! Mà là chúng sanh chẳng tiếp nhận Ngài độ, điều này thì chẳng còn cách chi nữa. Cho nên Phật nói rất hay, Phật chẳng độ người vô duyên. Thế nào gọi là người vô duyên? Là không chịu tiếp nhận. Tôi muốn giúp anh, quả thật có khả năng giúp anh, nhưng anh không chịu, chẳng tiếp nhận, vậy là vô phương, phải hiểu rõ chân tướng sự thật này.

Không phải trí tuệ của Phật có vấn đề, khả năng của Phật có vấn đề, đặc biệt là sau khi chúng ta đọc xong

bộ kinh này, thì cái nghi vấn này có thể nói là đã triệt để giải quyết rồi. Trước kia, khi chúng tôi mới học Phật, thì cũng đã từng nổi dậy vọng tưởng như vậy; giả như người này đã tạo ngũ nghịch thập ác, tội nghiệp cực nặng lập tức phải đọa địa ngục, Phật có khả năng khiến họ lập tức thành Phật chăng? Nếu chưa có thể khiến họ lập tức thành Phật, thì chúng tôi thừa nhận chẳng có lời gì để nói nữa. Trí tuệ của Phật viên mãn, năng lực của Phật viên mãn, quả đúng là vạn đức vạn năng; nếu như Phật chẳng thể khiến người này lập tức thành Phật, thì trí tuệ của Phật chẳng viên mãn. Chúng ta nơi trong kinh này thấy được, đích thật ngũ nghịch thập ác chúng sanh, lúc lâm chung hối cải lỗi

lầm, một niệm, mười niệm thì được vãng sanh, bất thoái thành Phật. Đáp án này ở tại nơi trong kinh này; chúng ta mới liễu giải được, trí tuệ của Phật đích thật là viên mãn đấy. Chúng ta đối với Ngài hoài nghi, tạo thành chướng ngại cho chính mình. Loại người này, tuy đối với trí tuệ của Phật hoài nghi, tuy nhiên họ vẫn cầu sanh, cho nên họ có cái nguyện vọng kiên định cầu sanh Tịnh Độ. Họ cũng niệm Phật, họ cũng tu thiện, họ cũng tích đức, họ sanh đến Cực Lạc thế giới mất rồi. Đương nhiên lúc lâm chung, Phật vẫn đến tiếp dẫn họ, nếu Phật chẳng tiếp dẫn họ, làm sao họ biết được Tây Phương ở đâu? Phật vẫn đến tiếp dẫn họ, thì họ ở lại tại biên địa. Trên thực tế, biên địa hóa thành

đều là thí dụ, tiếp dẫn họ vẫn là hoa sen hóa sanh. Tuy nhiên ở trong hoa sen thì chẳng thấy được Phật, chẳng nghe được Phật nói pháp. Phía trước đã nói, ở trong hoa sen rất là sung sướng, giống như ở tại Dạ Ma thiên cung vậy.

Chờ đến khi nào họ giác ngộ rồi, biết được rồi, ồ, ta sai rồi, ta chẳng nên hoài nghi trí tuệ của Phật. Họ có được một niệm này khởi dậy rồi họ liền Nhập Phẩm thì thấy Phật, nghe pháp, là sự việc như thế đó. Cho nên họ đối với trí tuệ này của Phật "nghi hoặc bất tín, do tín tội phước"; họ đối với nhân quả báo ứng, những đạo lý vãng sanh, công đức lợi ích thù thắng thì họ tin. Cho nên họ "tu tập thiện bổn, nguyện sanh kỳ quốc"; chữ

Thiện Bổn nói ở chỗ này tức là niệm Phật, niệm Phật là chí thiện, vượt hẳn tất cả thiện pháp thế, xuất thế gian, chẳng có gì thiện hơn cái này. Điều này chư vị phải biết, người không niệm Phật, đúng như trong kinh chỗ nói là kẻ đáng thương; vì sao họ chẳng niệm Phật? Vì thiện căn của họ chưa thành thục, cho nên dù anh nói với họ, họ cũng chẳng tin, họ cũng chẳng tiếp nhận.

Họ không chịu niệm, anh vẫn cứ nói với họ, về sau họ hồi đầu chịu niệm rồi, điều này cũng rất hiếm có. Đây là sự việc ra làm sao? Thiện căn của họ chưa thành thục, chỉ còn sai một tí ti, bên ngoài tăng thượng duyên tốt giúp đỡ họ thì đem điểm này bù đắp trở lại, họ liền thành thục, là sự

việc như vậy. Cho nên thiện hữu, thiện duyên tức là hoàn cảnh niệm Phật rất tốt. Họ có thể thường thường tiếp xúc với các bạn đồng tu niệm Phật, được họ bồi dưỡng, dần dần họ cũng hiểu rõ rồi, hồi đầu rồi, đây là thiện tri thức chân chánh. Vậy đây là nói về (loại thứ nhất) cái nguyên nhân thứ nhất sanh nơi biên địa.

Kinh văn: "Phục hữu chúng sanh, tích tập thiện căn, hy cầu Phật trí, phổ biến trí, vô đẳng trí, oai đức quảng đại, bất tư nghị trí. Ư tự thiện căn, bất năng sanh tín. Cố ư vãng sanh thanh tịnh Phật quốc, ý chí do dự, vô sở chuyên cứ. Nhiên do tục niệm bất tuyệt, kết kỳ thiện nguyện vi bổn, tục đắc vãng sanh".

Vậy đây là loại người thứ hai sanh đến biên địa, vậy thì loại người này đối với trí tuệ của Phật, chẳng có vấn đề, họ có thể tin. Họ biết "tích tập thiện căn hy cầu Phật trí", vậy thì chỗ này nói về "Phổ Biến trí, Vô Đẳng trí". Phổ Biến trí tức là Diệu Quang Sát Trí, Thành Sở Tác Trí. Vô Đẳng trí tức là Bình Đẳng Tánh Trí. "Oai đức quảng đại, bất tư nghị trí" tức là Đại Viên Kính Trí, đối với trí tuệ bất tư nghị của Phật, họ chẳng có vấn đề, họ chẳng hoài nghi; mà hoài nghi tự mình tạo nghiệp chướng quá nặng, tạo tội nghiệp quá sâu, sát, đạo, dâm, vọng, đã làm nhiều việc xấu này. Họ tự hỏi: "Giống như hạng người xấu như tôi đây, vãng sanh được chăng?"

Đối với vấn đề này âu lo, tuy gặp được thiện hữu, thiện tri thức khuyên bảo: "Chẳng quan hệ gì, chỉ cần có thể sám hối vãng sanh thì vẫn được sanh", họ là bán tín bán nghi. "Nghe nói Phật từ bi như vậy, được, thì tôi niệm, tôi quyết định cầu vãng sanh". Tuy nhiên đối với chính mình vẫn là nghi tình chẳng dứt, không thể đoạn được sạch sẽ rốt ráo, vẫn tưởng rằng nghiệp chướng của mình rất nặng, tội nghiệp quá sâu. Cho nên nói: "Ư tự thiện căn, bất năng sanh tín".

Vậy thì sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, "vãng sanh thanh tịnh Phật quốc" tức là Tây Phương Cực lạc thế giới, "ý chí do dự, vô sở chuyên cứ", hai câu nói này, chúng ta chẳng thể y văn giải nghĩa. Y văn giải

nghĩa thì biến thành chướng ngại nghiêm trọng thì vốn chẳng thể vãng sanh. Mà hiện tượng này thì vô cùng nhẹ, yếu, nếu như nặng thì họ không thể vãng sanh, chỉ có với trạng huống nhẹ yếu. Phía dưới, "nhiên do tục niệm bất tuyệt", Phật hiệu, họ chẳng chung đoạn; ý nguyện cầu sanh họ có, Phật hiệu chẳng chung đoạn. Vậy do đây có thể biết, họ đối chính mình với lòng tin này đích thật là có, nhưng chẳng có chuyên như người cầu nguyện vãng sanh, không mạnh mẽ, không kiên định như vậy. Họ chẳng có, so với những người kia kém hơn một tầng, là ý nghĩa như vậy, cho nên họ cũng được vãng sanh, "tục đắc vãng sanh", họ cũng được vãng sanh. Vậy thì đây là thuyết minh hai hạng

người này, trong hai loại này, đương nhiên trong đó nhẹ, nặng, rộng, hẹp, phạm vi là vô cùng sâu rộng.

Vậy do đây có thể biết, pháp môn Niệm Phật này, nhất định phải tin sâu chẳng nghi; trong việc tin sâu, nhất định phải bao gồm sự đối với trí tuệ của Phật phải tin sâu. Bởi vì Tây Phương Cực Lạc thế giới là sự xây dựng trí tuệ của A Di Đà Phật, Phật trí chỗ xây dựng đây là Phật bất tư nghị trí, chỗ lập nên; là Bất khả xưng trí, chỗ thành tựu; là Đại Thừa quảng trí, chỗ cảm ứng; là Vô đẳng vô luân tối thắng, chỗ phát hiện. Trong kinh Hoa Nghiêm nói: "Duy tâm sở hiện" là từ cái tâm này hiện ra, cũng tức là bảo, trong Đại Viên Kính Trí hiện ra Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vậy do

đây có thể biết, đây là Tây Phương Cực Lạc thế giới y chánh trang nghiêm, là sự thành tựu của năm thứ trí của A Di Đà Phật. Chúng ta đối với việc này tin sâu chẳng nghi, cần phải hiểu rõ Phật trí, mãi cho đến năm thứ trí tuệ trong Thắng Trí, đây mới gọi là Chân Trí; có thể sanh đến Tây Phương thế giới thấy Phật, nghe pháp.

Vậy từ loại người thứ hai này thì chúng ta hiểu rõ, chúng ta nhất định tin nơi tự tánh vốn đầy đủ tất cả trí tuệ, "phàm thánh nhất như", vốn là thành Phật. Đây là Phật, nơi trong kinh Đại Thừa, thường thường vì chúng ta khai thị, chúng ta chẳng thể tự ti, không thể tự cảm thấy lạc hậu. Tuy tạo tác nhiều tội nghiệp, tại sao có thể tạo tác? Là bởi vì mê mà chẳng giác, nên mới

phạm phải lỗi lầm; vừa quay đầu lại là giác ngộ rồi, đó gọi là chân sám hối. Cái gì gọi là sám hối? Sám hối là chân giác ngộ. Giác ngộ cái gì? Giác ngộ "phàm thánh nhất như", giác ngộ tất cả chúng sanh vốn là thành Phật. Điều này vô cùng quan trọng, đây là đem cái tâm của chúng ta chuyển trở lại, cái niệm của chúng ta chuyển trở lại. Vậy do đây có thể biết, nhất định phải có cái trí tuệ quyết định mới có thể có được tín tâm kiên định, nhiên hậu mới quyết định vãng sanh. Đây là chúng ta có được lời giáo huấn từ trong hai đoạn này. Chúng ta lại xem tiếp kinh văn:

Kinh văn: "Thị chư nhân đẳng, dĩ thử nhân duyên, tuy sanh bỉ

quốc, bất năng tiền chí Vô Lượng Thọ sở. Đạo chỉ Phật quốc giới biên, thất bảo thành trung”.

Đây là lúc vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, sanh đến Cực lạc thế giới chẳng thấy được Phật; tự nhiên đến nơi đó thì đình chỉ. “Đạo chỉ Phật quốc giới biên”, Tây Phương Cực Lạc thế giới có biên giới không? Thực tế mà nói, không có biên giới. Trong ao thất bảo, liên hoa hóa sanh; tuy nhiên ở trong liên hoa, hoa cũng không nở, trong hoa cũng chẳng có Phật. Biên giới, đó là thí dụ; biên giới, nghi thành, thai sanh, thảy đều là thí dụ. Chẳng phải nói, ngoài Tây Phương Cực Lạc thế giới ra, còn có một cái biên địa, không có. Vậy là

chẳng phải bình đẳng pháp giới rồi, Tây Phương thế giới là bình đẳng thế giới, cho nên đây thảy đều là thí dụ. "Thất bảo thành trung" này cũng là thí dụ, Thành, nhốt ở trong đó cũng không thể ra được, là biểu thị không tự do, thảy đều là thí dụ.

Kinh văn: "Phật bất sử nhĩ, thân hành sở tác, tâm tự thú hướng".

Lời này nói ra, đó có phải là A Di Đà Phật cố ý trừng phạt chăng? Chẳng phải vậy, Phật tâm là bình đẳng. Điều này không phải là chướng ngại của Phật, là họ tự mình "tâm tự thú hướng", tức là trong tâm họ vẫn còn một tí hoài nghi đó, biến thành chướng ngại. Đây thì chúng ta mới

hiểu rõ, Thế Tôn tại trong kinh Đại Thừa thường nói Nghi là chướng ngại lớn nhất của Bồ Tát. Chúng ta ở trong kinh có nghe cách nói này, không biết cái nghi này là chướng ngại lớn nhất của Bồ Tát. Chướng ngại lớn đến trình độ nào? Chúng ta không biết. Chỗ này thấy được vãng sanh Tây Phương Cực lạc thế giới, chướng ngại là anh chẳng thể thấy được Phật, nghe pháp. Thế mới biết được, cái nghi này đích thật là một vấn đề rất nghiêm trọng. Đây là một trong căn bản phiền não, tham, sân, si, mạn, nghi, một trong căn bản phiền não, có thể khởi lên tác dụng lớn như vậy.

Kinh văn: "Diệc hữu bảo trì liên hoa".

Họ cũng là ở trong ao báu hoa sen.

Kinh văn: "Tự nhiên thọ thân".

Họ là hóa thân, "tự nhiên thọ thân", chẳng phải là thai thân, vẫn là hoa sen hóa thân.

Kinh văn: "Ẩm thực khoái lạc, như Đao Lợi Thiên". Phía trước nói Dạ Ma Thiên, chỗ này nói Đao Lợi Thiên. Kinh văn: "Ư kỳ thành trung, bất năng đắc xuất".

Họ chẳng có cách chi rời khỏi phạm vi của họ, không giống như những người Cửu Phẩm vãng sanh, tuy ở trong hoa sen, nhờ được Phật

lực gia trì. Những người này có thể tùy hỷ đến mười phương thế giới đi cúng Phật, nghe pháp, còn họ thì không được, họ chẳng thể ra ngoài.

Kinh văn: "Sở cư xá trạch tại địa, bất năng tùy ý cao đại".

Cung điện họ cư trú là ở trên mặt đất, chẳng thể nổi lên không trung, chẳng thể thăng lên đến không trung, chẳng thể tùy ý lớn nhỏ. Muốn chỗ ở lớn thì nó lớn, muốn nhỏ một tí thì nó nhỏ. Họ chẳng thể tùy ý lớn nhỏ, chẳng thể ở trên không trung.

Kinh văn: "Ư ngũ bách tuế, thường bất kiến Phật, bất văn kinh

pháp, bất kiến Bồ Tát, Thanh Văn thánh chúng".

Cái khổ não của họ tức là loại này, đem nó ví cho thai sanh, ví cho biên địa. Biên địa là gì? Địa phương nào không có Phật pháp gọi là biên địa, là ý nghĩa này. Tuy họ cũng ở trong ao thất bảo, cũng là hoa sen hóa sanh, tuy nhiên trong hoa sen chẳng thể thấy Phật, nghe pháp; đây tức là cái nghi tình của chính họ chưa có đoạn dứt, sanh ra chướng ngại. Vậy do đây có thể biết, ngày nay chúng ta niệm Phật, trong kinh Lăng Nghiêm nói rất rõ ràng, Đại Thế Chí Bồ Tát nói đó: "Ức Phật niệm Phật, hiện tiền đương lai, tất định kiến Phật". Hiện Tiền là hiện nay, hiện nay chúng ta có mấy

người thấy được Phật? Còn anh tại sao chẳng thấy Phật? Anh thử nghĩ, hai thứ nghi hoặc này có hay không? Nếu như có thì chẳng thấy Phật, điều này không gì lạ lùng, tôi có chướng ngại đấy mà.

Giả như hai thứ chướng ngại này đích thật không còn nữa, thì hiện tiền cũng có thể thấy Phật, có cảm ứng. Giống như trước kia chúng tôi đọc truyện ký, Viễn Công đại sư ở Lư Sơn, Ngài trong một đời đã từng ba lần thấy qua Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tại sao Ngài thấy được, còn người khác tại sao không thấy? Vì Ngài chẳng có hoài nghi, chẳng có chướng ngại thì là cảm ứng đạo giao. Tuy thấy qua ba lần, nhưng từ trước đến nay chưa từng nói qua với một

người nào cả! Thì anh sẽ thấy tâm của Ngài thanh tịnh biết chừng nào. Thật tại mà nói, ngày nay chúng ta không thấy Phật. Vừa thấy Phật thì tâm đã phát cuồng lên, nhất định đi khắp nơi reo lên, "Tôi thấy Phật rồi! Tôi thấy Phật rồi!", thì sự thanh tịnh của anh chẳng còn nữa.

Cho nên A Di Đà Phật biết rõ trình độ của chúng ta chẳng đủ, chịu cũng chẳng chịu nổi cho nên Phật cũng không hiện thân cho chúng ta thấy. Con người giống như Viễn Công thì Phật hiện ba lần! Anh xem, Ngài như như bất động, tâm địa y nhiên là thanh tịnh chẳng nhiễm; đây thì có tư cách tiếp nhận sự cảm ứng của Phật. Chúng ta ngày nay chẳng có tư cách, không phải Phật chẳng từ bi,

không phải; không thể trách Phật thì phải trách chính mình, mối nghi của chúng ta rất chưa đoạn, tâm của chúng ta rất nhu nhược, chịu không nổi sự khảo nghiệm của cảnh giới, là nguyên nhân như vậy. Vậy thì Viễn Công đến lúc vãng sanh, khi sắp ra đi mới nói với mọi người; lúc sắp ra đi, cảnh giới của Tây Phương Cực Lạc thế giới hiện tiền, Ngài nói: "Duyên đã thành thục rồi, tôi phải vãng sanh". Cảnh giới này trước kia đã từng thấy qua ba lần mà bây giờ mới nói ra, khi sắp đi mới nói ra. Cho nên thấy Phật, nghe pháp, đây là thù thắng không gì bằng; chẳng thấy Phật, chẳng nghe pháp tức là biên địa, tức là thai sanh. Ý nghĩa là ở chỗ này, cho nên mọi người đừng nên nghĩ, Cực Lạc thế

giới vẫn còn có một nơi biên địa, rốt cuộc là ở đâu? Vậy thì nghi vấn này của anh lại càng lớn, e rằng muốn đi cũng chẳng đi được, e rằng vấn đề của anh lại càng nhiều.

Kinh văn: "Kỳ nhân trí tuệ bất minh, tri kinh phục thiểu. Tâm bất khai giải, ý bất hoan lạc. Thị cố ư bỉ vị chi thai sanh".

Câu này hay lắm, Thích Ca Mâu Ni Phật giải thích cách này chẳng phải là thật sự là thai sanh, là thí dụ; thai sanh là thí dụ tức là giả danh thai sanh, không phải thật. Là vì trí tuệ người này không minh mẫn, tức là vì họ có nghi hoặc. Mối nghi tình này đích thật là rất bạc nhược nhưng

chẳng có nghiêm trọng; nghiêm trọng thì không thể vãng sanh. Họ có thể vãng sanh, nhưng chỉ trễ nải một khoảng thời gian là chẳng thể thấy Phật; nghi tình này rất nhẹ yếu. Đây tức là nói họ "trí tuệ bất minh, tri kinh phục thiểu". Chỗ này chúng ta phải đặc biệt lưu ý, như chúng ta hiện nay niệm một bộ kinh, thậm chí có rất nhiều cụ già, một đời chỉ niệm một câu A Di Đà Phật, kinh điển chẳng biết niệm; họ cũng được vãng sanh, vậy có phải họ cũng sanh đến biên địa nghi thành không? Không hẳn vậy, có rất nhiều cụ già vãng sanh, tướng lành vô cùng tốt đẹp, biết trước giờ chết, đứng vãng sanh, ngồi vãng sanh đều có cả, sao họ có thể sanh tại nghi thành chứ?

Cho nên chỗ này, câu "tri kinh phục thiểu", Thiểu là gì? Thiểu là nói họ lý giải quá ít, là ý nghĩa này, tức là anh giải đó, lý giải được quá ít, anh hiểu biết được rất cạn cợt, chưa đủ chiều sâu, chưa đủ sâu rộng; ý nghĩa là ở chỗ này. Anh đối với nghĩa kinh phải có sự lý giải sâu rộng thì mối nghi của anh mới đoạn được. Chúng ta giảng kinh, nghe pháp, nghe kinh, dụng ý ở chỗ nào? Tức là đem đạo lý nói rõ ràng, chân tướng sự thật nói rõ ràng, phương pháp tu hành nói rõ ràng, cảnh giới của lưỡng độ nói rõ ràng. Cả thảy đều rõ ràng rồi thì đoạn nghi sanh tín, mục đích là ở chỗ này. Thật sự tin rồi, một tơ hào hoài nghi đều chẳng có nữa thì kinh này, nghe hay không nghe chẳng có quan hệ,

chẳng quan trọng. Quan trọng là lão thật niệm Phật, đây mới là quan trọng. Chỗ có tất cả kinh tôi chưa nghe đó, đến Cực Lạc thế giới thấy được A Di Đà Phật rồi, nghe cũng chẳng muộn. Có nghi, mối nghi này phải đoạn dứt, sức mạnh của kinh này giúp cho chúng ta đoạn nghi sanh tín.

"Tín tâm thanh tịnh, tất sanh thật tướng", đây là lời Phật nói trong kinh Kim Cang; quả nhiên tín tâm thanh tịnh thì kinh này chẳng cần nữa. Trong kinh Kim Cang có thí dụ là: "Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp", chữ Pháp này tức là Phật pháp. Đến khi tín tâm của anh thanh tịnh rồi, thì kinh này có thể xả bỏ, nhất tâm chuyên niệm quyết định đắc sanh. Pháp môn này thù thắng biết chừng

nào, hiếm có biết bao! Đích thật là đơn giản, dễ dàng, vững vàng, nhanh chóng, đâu cần rườm rà phiền phức như vậy. Những điểm thù thắng này tức là đạo lý, sở dĩ tất cả chư Phật xưng tán A Di Đà Phật là "Phật trung chi vương". Phật Phật đạo đồng, Phật Phật đều bình đẳng, tại sao lại xưng A Di Đà Phật là Phật trung chi vương? Bởi vì phương pháp tiếp dẫn chúng sanh của A Di Đà Phật quá ư thiện xảo thần diệu vậy.

Kinh văn: "Nhược hữu chúng sanh, minh tín Phật trí, nãi chí thắng trí".

Giả thuyết có chúng sanh hiểu rõ, tin sâu, chẳng nghi, "Phật trí, nãi chí

thắng trí" tức là phía trước nói đến năm loại trí tuệ của Phật, tin sâu chẳng nghi. Tại sao chúng ta, đối với trí tuệ của Phật hoài nghi? Có thể sanh ra trở ngại lớn như vậy? Bên trong có cái đạo lý của nó, chúng ta phải biết. Năm loại trí tuệ này, tức là cái trí tuệ vốn sẵn có của Tự Tánh chúng ta; anh chẳng tin trí tuệ của Phật tức là chẳng tin trong tự tánh có cái trí tuệ này, thì sức mạnh chướng ngại này quá lớn. "Sanh Phật bất nhị, phàm thánh nhất như", cái đạo lý chân chánh là ở chỗ này; cho nên Phật giảng được rất rõ ràng. Chẳng phải Phật muốn làm như vậy, cũng không phải Phật cố ý làm như vậy, là tự tự nhiên nhiên trở thành một thứ chướng ngại. Cho nên Ngẫu Ích đại

sư, trong phần Yếu Giải, nói với chúng ta, Tín - Nguyện - Hạnh. Ngài đem Tín nói ra sáu thứ, thứ nhất là Tín Tự, thứ hai là Tín Tha; ý nghĩa này, chúng ta phải hiểu rõ. Niệm Phật thành Phật, phải có lòng tự tin quyết định, ta niệm Phật có thể thành Phật. Ta tin A Di Đà Phật, tin Thích Ca Mâu Ni Phật, là tin họ đề ra cung cấp cho chúng ta những phương pháp này, quyết định giúp cho ta thành Phật, đây là Tín Tha. Tự là chủ, còn Tha là giúp đỡ; tự mình đối với mình chẳng có tín tâm thì Phật chẳng giúp được. Anh tự mình có một phần tín tâm, Phật giúp anh một phần; anh có mười phần tín tâm thì Phật giúp mười phần. Người này có chín phần tín tâm, thiếu một phần cho nên Phật cũng chỉ có

thể giúp chín phần, còn một phần kia để cho anh tự làm lấy, là đạo lý như vậy. Cho nên:

Kinh văn: "Đoạn trừ nghi hoặc".

Phía trước là "minh tín Phật trí, nãi chí thắng trí", tức là tin chính mình. Đoạn trừ nghi hoặc là tin Phật lực, tin trí tuệ của Phật.

Kinh văn: "Tín kỷ thiện căn, tác chư công đức, chí tâm hồi hướng".

Phải tin thiện căn của chính mình, đặc biệt là Phật nơi trong bản kinh chỗ nói với chúng ta, chúng ta đối với Tịnh Tông, đối với A Di Đà Phật, đối

với kinh Vô Lượng Thọ, tin sâu chẳng nghi; đó tức là trong kinh chỗ nói, từ vô lượng kiếp đến nay anh đã cúng dường vô lượng vô biên chư Phật Như Lai, cái thiện căn này đã thành thục rồi. Chúng ta phải tin thiện căn của chính mình, nếu chẳng có thiện căn thâm hậu như vậy, thì tiếp xúc với với pháp môn vô thượng này, đệ nhất pháp môn anh không thể chẳng hoài nghi. Cho nên một người chân chánh không hoài nghi, quả thật thiện căn đã thành thục rồi. "Tác chư công đức", lúc bấy giờ làm công đức, tuyệt đối chẳng cần người khuyên anh, không cần người cổ vũ khích lệ, quyết định là tự động, tự phát; cản cũng chẳng cản được. Làm công đức gì vậy? Là đoạn tất cả ác, tu tất cả thiện.

Trong việc tu thiện, quyết định là toàn tâm toàn lực đem pháp môn này giới thiệu cho tất cả đại chúng, làm công đức này.

"Chí tâm hồi hướng", chí tâm là chân tâm, chẳng có một tí hư giả, là chân tâm; có được một tơ hào việc thiện nhỏ nhặt, đều đem trang nghiêm Phật Tịnh Độ. Trang nghiêm cách nào? Quý vị phải biết, tận hư không biến pháp giới đều là Phật Tịnh Độ; chúng ta khuyên một người cải ác hướng thiện, đây tức là trang nghiêm Phật Tịnh Độ; chúng ta khuyên một người trường trai niệm Phật, đây tức là trang nghiêm Phật Tịnh Độ. Xã hội này, thêm được một người tốt, thêm được một người không làm ác, thêm được một người niệm Phật; niệm Phật là

người tối thiện. Trang nghiêm cái xã hội này, trang nghiêm quốc gia này, trang nghiêm thế giới này tức là trang nghiêm Phật Tịnh Độ. Cho nên một người hồi đầu, một người đoạn ác hướng thiện, sẽ ảnh hưởng đến một nhà; cả nhà nhận chịu sự cảm động. Cả nhà hành thiện có thể ảnh hưởng đến thân thích, bạn bè của họ, láng giềng, đồng hương của họ, thì là ảnh hưởng đến xã hội. Đây tức là Phật ở phía trước, dạy chúng ta phải đem nền giáo dục của Phật đẩy mạnh rộng ra. "Phật sở hành xứ", là khiến chúng ta đẩy mạnh rộng nền giáo học của Phật Đà; khiến cho tất cả chúng sanh đều có thể có được sự lợi ích chân thật của Phật pháp, tức là "chí tâm hồi hướng".

Kinh văn: "Giai ư thất bảo hoa trung, tự nhiên hóa sanh, già phu nhi tọa. Tu du chi khoảnh, thân tướng quang minh, trí tuệ công đức, như chư Bồ Tát, cụ túc thành tựu".

Đây là nói về Cửu Phẩm vãng sanh, những người chẳng có nghi hoặc, họ tin vào thiện căn của mình, "tác chư công đức, chí tâm hồi hướng", đi vãng sanh như vậy; Cửu Phẩm vãng sanh, thảy đều là liên hoa hóa sanh. Trong kinh văn này, rõ rõ ràng ràng minh minh bạch bạch, đều là liên hoa hóa sanh. "Tu du chi khoảnh" là nói cái nhanh của tốc độ đó; chúng ta thường nói một sát-na giữa một niệm tức là nói ý nghĩa này.

Sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân tướng của họ, ánh sáng, trí tuệ, công đức của họ thì cùng với những vị Đại Bồ Tát kia chẳng có sai khác. Bởi vì Di Đà Thế Tôn, trong hoằng nguyện của Ngài nói rằng, sanh đến Tây Phương Tịnh Độ đều làm A Duy Việt Trí Bồ Tát. A Duy Việt Trí là Thất Địa trở lên, sanh đến nơi đó đều là Thất Địa Bồ Tát trở lên; đây là nói Phật nguyện lực gia trì, không phải tự phần.

Trong kinh nói đến Bồ Tát, Thanh Văn, thiên nhân, đó là nói công phu của chính chúng ta có sai biệt, Phật lực vừa gia trì thì là như nhau, anh quyết định chẳng phân biệt ra được, chẳng có sai biệt. Thành thật mà nói, bởi vì chúng ta nơi đây có phân biệt,

có chấp trước, có vọng tưởng; Thế Tôn thì theo sự phân biệt, vọng tưởng của chúng ta mà nói có Bồ Tát, có Thanh Văn, có thiên nhân. Khi anh đến được Tây Phương Cực Lạc thế giới, mọi người, ngay cả cái niệm này đều chẳng có. Tại sao không có cái niệm này? Vì là bình đẳng pháp giới, bình đẳng thế giới, quyết định chẳng có cái niệm này. Cho nên quan niệm của người ở bên đó cùng chúng ta khác nhau, chúng ta đều rơi vào tâm ý thức, tâm ý thức làm chủ; người ta bên đó chẳng dùng tâm ý thức, hoàn toàn là cùng với trên quả địa của Như Lai, Tứ Trí Bồ Tát tương ưng, không dùng tâm ý thức.

Kinh văn: "Di Lặc đương tri, bỉ hóa sanh giả, trí tuệ thắng cố".

Họ có trí tuệ, họ chẳng có phân biệt, chẳng có chấp trước, chẳng có hoài nghi; đây tức là "trí tuệ thắng". Trí tuệ cùng với thông minh khác nhau, không thể đem thông minh của thế gian cho là trí tuệ; chúng ta gọi cái đó là Thế Trí Biện Thông, nó chẳng phải là trí tuệ, còn đây là trí tuệ, "trí tuệ thắng cố". Cho nên những cụ già kia không biết chữ, kinh cũng chưa nghe qua, hỏi họ cái gì cũng chẳng hiểu biết cả; A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, chân trí tuệ đấy, đại trí tuệ đấy. Chúng ta giảng kinh, nói pháp, hình như thế gian, xuất thế gian như nhau, chẳng có trí tuệ. Vì sao? Là

vì chẳng tin, chẳng chịu lão thật niệm Phật. Cho nên trí tuệ và thông minh khác nhau, đó mới gọi là chân chánh trí tuệ; cho nên "trí tuệ thắng cố".

Kinh văn: "Kỳ thai sanh giả, ngũ bách tuế trung, bất kiến Tam Bảo, bất tri Bồ Tát pháp thức".

Chữ Pháp Thức là nói tu học, chẳng biết cách tu học của Bồ Tát ở Tây Phương Cực Lạc thế giới. Bồ Tát, trong sinh hoạt ngày thường, tu hành cách nào.

Kinh văn: "Bất đắc tu tập công đức, vô nhân phụng sự Vô Lượng Thọ Phật".

Bởi vì họ chẳng thấy Phật, không nghe pháp, cũng chẳng thấy được Hải Hội đại chúng này, chỉ ở trong hoa sen ấy để hưởng lạc, hưởng cái lạc thanh tịnh này.

Kinh văn: "Đương tri thử nhân, túc thế chi thời, vô hữu trí tuệ, nghi hoặc sở trí".

Đem cái nguyên nhân của nó nói cho chúng ta, đó là quá khứ của họ, tức là trước khi chưa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nếu như nói chúng ta ở nhân đạo thì chúng ta có cái nghi hoặc này, hoặc giả là nghi Phật, hoặc giả là nghi chính mình, đều tạo thành chướng ngại như vậy. Phía dưới vẫn tiếp tục để giải thích đoạn này, một số

ý vẫn chưa nói hết, cần phải giải thích thêm. Vậy cái năm trăm tuổi, rốt cuộc có phải nhất định là cần phải năm trăm tuổi không? Năm trăm tuổi này rốt cuộc là năm trăm tuổi của thế gian chúng ta hay là năm trăm tuổi của Tây Phương Cực Lạc thế giới? Đây đều là một số nghi vấn.

Hoặc Tận Kiến Phật - Đệ Tứ Thập Nhất

Hoặc tức là mê hoặc, tức là cái nghi ấy; nghi phải đoạn dứt thì họ mới thấy Phật, thì được nghe pháp, Hải Hội đại chúng, họ đều thấy được cả.

Kinh văn: "Thí như Chuyển Luân Thánh Vương".

Chúng ta xem phần kinh văn, nó vừa đúng tiếp theo ở phía trước.

Kinh văn: "Hữu thất bảo ngục, vương tử đắc tội, cấm bế kỳ trung. Tằng lâu, ỷ điện, bảo trướng, kim sàng. Lan, song, tháp, tọa, diệu sức

kỳ trân. Ẩm thực, y phục, như Chuyển Luân Vương. Nhi dĩ kim tỏa hệ kỳ lưỡng túc. Chư tiểu vương tử, ninh nhạo thử phủ?”

Nếp sống thế này, họ có vui sướng hay không? Dùng cái thí dụ này, thí dụ những người sanh tại biên địa; loại người vãng sanh này, phía trước nói hai loại người vãng sanh, dùng cái thí dụ này để thí dụ. Chuyển Luân Thánh Vương, hiện nay cái thế gian này của chúng ta không có, trong kinh có nói qua, khi thọ mạng con người đến hai vạn tuổi thì Chuyển Luân Thánh Vương xuất hiện tại thế gian. Thọ mạng con người dài tức là phước báo lớn, nhân tâm thuần thiện rất ít làm ác thì thọ mạng dài, điều

này đích thật phù hợp với điều Phật thường thường nói trong kinh, "Phước báo, trí tuệ, thọ mạng của con người chúng ta đều là có nhân quả". Tại sao thọ mạng dài, tại sao thọ mạng ngắn? Dài, ngắn là quả, phía trước có nhân. Là vì sát hại chúng sanh, ăn thịt chúng sanh, nên thọ mạng chẳng rất dài; điều này quý vị phải hiểu.

Đây chẳng phải cái nhân của trường thọ, cho nên Phật nói Tài bố thí, đây là nhân, được tài phú là quả báo. Pháp bố thí là nhân, hôm nay quý vị in kinh bố thí, đây là pháp bố thí, quả báo là thông minh trí tuệ. Vô úy bố thí là nhân, quả báo được đó là mạnh khỏe sống lâu. Vậy cho nên có thể biết, thọ mạng con người hai vạn

tuổi, thì tâm địa của họ nhất định vô cùng từ bi, đối với tất cả động vật biết thương yêu bảo hộ. Chẳng những đối với những động vật đều thương yêu bảo hộ, đối với thực vật cũng đều thương yêu bảo hộ; họ có cái ái tâm đó, thọ mạng họ được đó thì dài. Cho nên nói nhân gì thì được quả nấy, thế gian, xuất thế gian đều chẳng ngoài định luật của nhân quả.

Có số người phát tài rồi, "Anh xem, tôi rất có khả năng kiếm được rất nhiều, rất nhiều tiền"; chúng ta nghe qua, "Anh có khả năng gì? Sao anh kiếm được nhiều tiền như vậy?" Vì đời trước anh tu bố thí tài, trong đời này anh được quả báo đấy; người thông minh có nhiều khả năng hơn anh, người có cơ hội vượt hơn anh, tại

sao người ta chẳng phát tài? Vì đời trước chẳng chịu tu. "Nhất ẩm nhất trác, mạc phi tiền định", một tơ hào đều không thể miễn cưỡng. Phật đem đạo lý này, chân tướng sự thật này, đã nói được rất rõ ràng, rất minh bạch. Chúng ta để tâm suy nghĩ lời của Phật, rất có đạo lý, chúng ta có thể tin được. Có thể tin được nhưng bên trong vẫn còn một tí nghi hoặc, đây gọi là sơ học. Thật sự hiểu rõ rồi, quyết định tin, một tơ hào đều chẳng hoài nghi, không có nghi hoặc. Chuyển Luân Vương không ở trên thế gian chúng ta, Chuyển Luân Vương ở đâu? Có thể ở trong thái hư không của chúng ta, có các tinh cầu khác thọ mạng rất dài, phước báo của con người rất lớn, Chuyển Luân Thánh Vương là ở nơi

đó. Tuy nhiên Chuyển Luân Thánh Vương cũng thường thường đi tuần tra xem xét khu vực ông cai quản; cho nên lúc đó tôi thường hay nghĩ, ngoài thái không thường có vật phi hành, không rõ, dĩa bay gì đó, có lẽ là Chuyển Luân Thánh Vương đến thị sát. Nếu chẳng phải Chuyển Luân Thánh Vương tự mình đi đến thị sát thì nhất định ông phái đại biểu đến để thị sát, để xem; bởi vì có Luân Vương, tại sao xưng là Luân Vương?

Vì công cụ giao thông của ông giống như một bánh xe hình tròn, tốc độ nhanh vô cùng, Phật trong kinh nói, trong một ngày một đêm ông có thể đi tuần xem Tứ Đại Bộ Châu. Tứ Đại Bộ Châu này, nếu theo lời của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, tức là một hệ Ngân

Hà. Ông có thể trong hai mươi bốn giờ, đem hệ Ngân Hà đi quanh một vòng, đều nhìn thấy rất rõ ràng. Điều này giống như hiện nay chúng ta trông thấy dĩa bay vậy; vật ấy là hình tròn, đó là công cụ giao thông của Luân Vương. Cho nên rất có thể điều này là chẳng phải Chuyển Luân Thánh Vương đến, là phái sứ giả đến để xem xét; tất cả tinh cầu đều là do ông ta cai quản, đều là bên trong phạm vi của ông, (cái luân bảo này).

Đây là thí dụ ông có cái nhà giam thất bảo, người nào phạm tội vậy? Là hoàng tử phạm tội, người niệm Phật này là đệ tử của A Di Đà Phật. Đệ tử của A Di Đà Phật phạm tội rồi, phải đem họ nhốt vào trong nhà giam, đây là thí dụ chẳng phải thật, "cấm bế kỳ

trung". Vậy thì trong cái bảo ngục này, tất cả hưởng thụ cùng trong cung điện chẳng có sai khác, là thí dụ sự hưởng thụ tại trong biên địa nghi thành, là giống như sự hưởng thụ của Đao Lợi Thiên cung, giống như Dạ Ma Thiên cung chẳng khác; đây là dùng thí dụ này, ẩm thực, ở nghỉ đều như nhau. "Nhi dĩ kim tỏa", đây là bằng vàng, có thể thấy loại xiềng xích này chẳng phải là bình thường, là loại xiềng xích làm bằng vàng. Đem anh xiềng lại, anh thấy thoải mái hay không, tự tại hay không? Dùng thí dụ này nói với Di Lặc Bồ Tát.

Kinh văn: "Từ Thị bạch ngôn: Bất dã Thế Tôn! Bỉ u trập thời, tâm bất tự tại".

Di Lặc Bồ Tát bèn nói: "Ngài nhất định không thể vui được!" Vì sao? Vì bị u cấm. Huống chi tay chân còn mang gông xiềng, Ngài làm sao tự tại được, làm sao vui sướng được? Vì đang ngồi tù.

Kinh văn: "Đản dĩ chủng chủng phương tiện, dục cầu xuất ly".

Những tiểu vương đang bị nhốt trong lao ngục này, nhất định cũng niệm niệm đều nghĩ phương cách để mau ra khỏi ngục tù, nhất định là niệm này. Sao có thể ở trong lao tù hưởng phước được? Là việc không thể được.

Kinh văn: "Cầu chư cận thần, chung bất túng tâm".

Cầu những vị đại thần này để giúp đỡ; đại thần này, tâm có dư nhưng lực chẳng đủ, không có biện pháp giúp đỡ anh.

Kinh văn: "Luân Vương hoan hỷ, phương đắc giải thoát".

Chuyển Luân Thánh Vương mới vui lòng: "Được, hãy tha nó ra", như vậy mới được. Nếu như Luân Vương chẳng chịu, thì những đại thần phía dưới chẳng làm chủ được. Vậy thì chỗ này đem Luân Vương ví cho ai đây? Luân Vương là ví cho tâm thanh tịnh của anh. Tâm anh thật sự giác

ngộ rồi, hồi đầu rồi, nghi hoặc dứt hết rồi thì anh liền thấy Phật, nghe pháp.

Kinh văn: "Phật cáo Di Lặc: Thử chư chúng sanh, diệc phục như thị".

Việc vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, những người đọa lạc tại trong nghi thành, thì giống như thí dụ chỗ nói ở phía trước.

Kinh văn: "Nhược hữu đọa ư nghi hối, hy cầu Phật trí, chí quảng đại trí. Ư tự thiện căn, bất năng sanh tín. Do văn Phật danh, khởi tín tâm cố, tuy sanh bỉ quốc, ư liên hoa trung, bất đắc xuất hiện".

Đây tức là giống như vị hoàng tử bị nhốt vào bên trong ngục báu, người này đọa vào nghi hoặc, trong tâm của họ có nghi, có hối. Hối là hối hận. Hối cũng là phiền não, cho nên có một số đồng tu tạo tác tội nghiệp, thật sự muốn cầu sám hối, có đến hỏi tôi: "Thưa pháp sư, con phải dùng phương pháp gì để sám hối tội lỗi của con?" Tôi bèn hỏi họ: "Có phải thường thường anh có cái tâm hối hận phải không?" Họ nói: "Có", tôi nói: "Vậy thì anh hỏng rồi!" Họ hỏi: "Tại sao vậy?" "Mỗi một lần anh hối hận thì lại tạo thêm một lần, thì tội nghiệp của anh đến ngày nào mới sám hối hết được?"

Quý vị thử nghĩ có đúng không? Mỗi một lần trong tâm nghĩ tưởng thì

lại tạo thêm một lần, con đã làm việc xấu, đối trước Phật, Bồ Tát nói một lần, lại tạo thêm một lần. Ngày mai trước Phật, Bồ Tát lại tạo thêm một lần, có phải là tệ hại không chứ? Đây đâu có gọi là sám hối? Phật, Bồ Tát chẳng có biện pháp tha thứ cho anh đâu nhe! Anh đang tạo tội không ngừng, đây đâu gọi là sám hối được?

Cho nên vốn chẳng biết ý nghĩa của việc sám hối, Sám Hối là về sau không làm nữa; anh thân thì chẳng tạo nhưng tâm thì vẫn còn đang tạo. Thì làm sao được? Phải nên làm cách nào để sám hối? Chỉ lão thật niệm Phật mà thôi. Trong tâm thảy đều là A Di Đà Phật, A Di Đà Phật, A Di Đà Phật thì tội nghiệp gì cũng hết sạch, tiêu được một cách sạch sẽ rốt ráo. Tôi nói

thì họ bán tín bán nghi, vậy có cách chi nữa đâu, vậy chẳng còn có biện pháp, chẳng còn có cách chi nữa; đầu óc quý vị phải rõ ràng, nhất định phải nghĩ cho rõ ràng. Trong tâm chỉ có Phật, một phiến Phật hiệu, cho nên công phu thành phiến thì tội nghiệp tiêu được sạch sẽ rốt ráo. Cái chi cũng chẳng còn nữa, cho nên người ta niệm Phật vãng sanh thù thắng thế đó, đạo lý là ở chỗ này. Khi anh tạo tội nghiệp, mỗi ngày hướng về Phật, Bồ Tát cầu sám hối, con đã làm việc xấu gì đó, anh lại tạo thêm một lần nữa. Ngày mai lại sám hối, rồi lại tạo thêm một lần nữa, thì tội nghiệp này của anh vĩnh viễn chẳng dứt, càng tạo càng sâu! Anh xem, ấn tượng càng rơi

càng sâu, tội nghiệp ấy đến ngày nào mới tiêu hết?

Rất sẵn sàng cầu sám hối, nhưng chẳng biết cách sám hối, ngày ngày đang tạo nghiệp, mà cho là sám hối, anh bảo đây có oan uổng hay không chứ? Cho nên phải hiểu điều này, sám hối, đệ nhất thù thắng tức là niệm Phật, rất ít người biết được. Trước kia tôi học Phật, học kinh Quán Vô Lượng Thọ, phần Chú Giải của Từ Vân Quán Đảnh pháp sư, Ngài viết rất hay. Ngài thường nói việc này: "Người thế gian tạo tội nghiệp cực trọng, chỗ có tất cả kinh sám pháp, đều tiêu diệt không nổi tội nghiệp này. Niệm Phật có thể tiêu trừ được, có thể đem nó tiêu trừ một cách sạch sẽ rốt

ráo". Có đạo lý, vô cùng có đạo lý, chúng ta phải hiểu rõ điều này.

Vậy lợi ích của nó tức là vẫn phải "Do văn Phật danh, khởi tín tâm cố". Nghe được sự thù thắng của Tịnh Độ pháp môn, danh hiệu công đức bất khả tư nghị, họ vẫn cứ thật lòng niệm Phật, vẫn cầu vãng sanh, họ sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, nơi trong hoa sen chẳng được xuất hiện, tức là đọa tại biên địa nghi thành; dùng cách này để thí dụ cho họ.

Kinh văn: "Bỉ xử hoa thai".

Họ ở trong hoa sen.

Kinh văn: "Do như viên uyển cung điện chi tưởng".

Giống như họ ở trong hoa viên, ở trong cung điện.

Kinh văn: "Hà dĩ cố? Bỉ trung thanh tịnh, vô chư uế ác".

Tây Phương thế giới là Tịnh Độ, trong hoa sen là Tịnh Độ, quyết định chẳng có ô uế, quyết định chẳng có tạo tội nghiệp.

Kinh văn: "Nhiên ư ngũ bách tuế trung, bất kiến Tam Bảo".

Đây tức là trong năm trăm năm; năm trăm năm này là năm trăm năm của thế gian chúng ta. Tại vì sao? Vì Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có năm, tháng, ngày, giờ. Phía trước

đã nói rất rõ ràng, nói với anh bao nhiêu kiếp số, bao nhiêu thời gian, toàn bộ đều là cách nói của địa phương chúng ta đây, không phải của Tây Phương Cực Lạc thế giới. Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng có năm, tháng, ngày, giờ cũng chẳng có bao nhiêu kiếp; thành Phật mười kiếp là địa phương này của chúng ta đây nói. Thì anh biết được, người Tây Phương thật thanh tịnh, họ không có phân biệt, không có chấp trước. Năm, tháng, ngày, giờ là từ trong phân biệt, chấp trước xây dựng nên. Lìa khỏi phân biệt, chấp trước, thì làm gì có năm, tháng, ngày, giờ? Cho nên chúng ta nhất định phải rõ ràng điều này. Vậy thì chẳng thấy Tam Bảo, không thấy A Di Đà Phật, chẳng thấy

Hải Hội đại chúng. Hải Hội đại chúng là gì? Là Tăng Bảo. Chẳng thể nghe Phật nói pháp, đây là Pháp Bảo. Cho nên hoạt động thù thắng này của Tây Phương Cực Lạc thế giới, họ chẳng có biện pháp tham gia, chẳng có cách chi tham dự; vậy đây tức là cái khổ của họ.

Kinh văn: "Bất đắc cúng dường phụng sự chư Phật".

Chẳng được cúng dường phụng sự chư Phật. Tây Phương thế giới, mỗi một người là tùy niệm, tùy theo ý niệm của chính mình có thể đến nơi mười phương chư Phật sát độ cúng Phật nghe pháp, cũng giúp cho Phật giáo hóa chúng sanh hữu duyên. Đây

là nơi trong kinh Vô Lượng Thọ, nơi kinh A Di Đà chúng ta đều thấy được, Phật đều đã nói qua với chúng ta những sự việc này.

Kinh văn: "Viễn ly nhất thiết thù thắng thiện căn".

Đây tức là thù thắng thiện căn, tức là chỉ cho thấy Phật, nghe pháp, cúng Phật, nghe pháp. Đây là thiện căn thù thắng chẳng gì sánh bằng, lúc đó họ chẳng có được.

Kinh văn: "Dĩ thử vi khổ, bất sanh hân nhạo".

Đây là thí dụ cho thai sanh, thí dụ cho biên địa, là ý nghĩa như vậy.

Kinh văn: "Nhược thử chúng sanh".

Là chỉ cho những người này.

Kinh văn: "Thức kỳ tội bổn, thâm tự hối trách, cầu ly bỉ xứ. Vãng tích thế trung, quá thất tận dĩ, nhiên hậu nãi xuất".

Đây thì giống như Luân Vương đã hoan hỷ rồi, đem họ thả ra, thí dụ cho ý nghĩa này. Vậy thì đoạn này là nói về sám hối, biết được cái lỗi lầm của mình, căn bệnh phát sinh tại chỗ nào, chữ Tội Bổn là gì? Tức là hoài nghi đấy, một là đối với Phật trí hoài nghi, một là đối với thiện căn của

mình hoài nghi. "Thâm tự hối trách", câu này tức là lúc nãy mới nhất tâm nhất ý niệm Phật, chân thành tâm niệm Phật. Trong sự thanh tịnh chân thành, một tơ hào hoài nghi đều không có, lúc bấy giờ họ liền thấy Phật, nghe pháp. Hoạt động của Cửu Phẩm đại chúng, họ đều có phần, họ đều có được.

Kinh văn: "Tức đắc vãng nghệ, Vô Lượng Thọ sở".

Chỉ cần họ vừa giác ngộ, thì lỗi lầm của họ không còn nữa, thì họ thấy được A Di Đà Phật.

Kinh văn: "Thính văn kinh pháp, cửu cửu diệt đương, khai giải hoan hỷ".

Vẫn còn phải nghe một đoạn thời gian, tại sao vậy? Vì họ mới vừa giác ngộ trở lại, khả năng lãnh ngộ vẫn chẳng cao, vẫn còn một tí chướng ngại; vậy họ cần phải trải qua một đoạn thời kỳ, dần dần khôi phục lại năng lực của mình. Có được Phật lực gia trì, đây là đương nhiên thì rất mau, chẳng cần đến thời gian rất lâu dài thì họ có thể hoan hỷ, có thể khai giải. Phật thuyết pháp, có thể biết được ý của Phật.

Kinh văn: "Diệc đắc biến cúng vô số vô lượng chư Phật, tu chư công đức".

Thì cùng với người Cửu Phẩm vãng sanh như nhau, có thể phi hành, biến hóa, phân thân đến mười phương Phật sát cúng dường chư Phật, đến nghe Phật pháp, tu tích công đức. Những việc này đều là chân tướng sự thật, Phật chẳng thể nào gạt gẫm chúng ta, chúng ta phải tin Phật; từng câu nói đều là lời chân thật. Nơi chốn thù thắng thế đó, chúng ta sao có thể chẳng đi chứ? Trừ phi anh không biết, nếu anh thật sự biết được có một địa phương như vậy, thì bất cứ lực lượng gì đều chẳng cản trở được; quyết định phải đi đấy mà. Cho nên đối Tây

Phương thế giới liễu giải rõ ràng, đối với thế giới này của chúng ta cũng rõ ràng, cũng minh bạch, thì thế giới này là giả đấy. Giữa người với người, ái tình dù có nặng hơn, xin hãy nhớ kỹ, là hư tình giả ý đấy, làm gì có thật? Nếu anh cho rằng thật thì anh là kẻ đáng thương rồi, anh sẽ phải nhận chịu hết mọi đau khổ. Cho nên biết được nó là giả, không phải thật, vì sao? Vì họ dùng đó là giả tâm, dùng đó là tâm ý thức. Tâm ý thức là vọng tưởng, vọng tâm; họ chẳng phải dùng Tứ Trí, Tứ Trí là chân tâm, cho nên người thế gian đều là giả tâm cả. Họ dùng giả tâm, ta cũng dùng giả tâm, thì bỉ thử đều rõ ràng minh bạch cả thì ngày tháng dễ sống. Xin chớ tưởng rằng họ là thật, ta là thật! Vậy thì khổ chết; cái

đó gọi là mê hoặc điên đảo. Anh quả nhiên giác ngộ rồi, ôi! Ta dùng giả tâm, họ dùng giả tâm, vậy thì rõ ràng cả, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới là chân tâm, Phật, Bồ Tát đều là chân tâm, chúng ta dùng đó là chân tâm. Chân tâm vĩnh viễn bất biến, giả tâm thì sáng tối nhiệt độ đều khác nhau, đều có sai biệt; điều này phải biết. Cho nên mình chẳng thể lừa dối chính mình, chẳng thể gạt gẫm chính mình, điều này vô cùng quan trọng.

Kinh văn: "Nhữ A Dật Đa!"

A Dật Đa là tên của Di Lặc Bồ Tát, Từ Thị là họ của Ngài; cũng có một số kinh nói, A Dật Đa là họ, Từ Thị là tên của Ngài. Vậy là cái nào

đây? Tuy nhiên đều có căn cứ, đây tức là Di Lặc Bồ Tát, gọi Di Lặc Bồ Tát.

Kinh văn: "Đương tri nghi hoặc ư chư Bồ Tát vi đại tổn hại, vi thất đại lợi. Thị cố ưng đương minh tín chư Phật vô thượng trí tuệ".

Câu nói này rất quan trọng, chúng ta phải ghi nhớ cho thật kỹ. Nghi hoặc, vì sao có thể tạo thành tổn hại lớn? Mất đi lợi ích lớn nhất tức là chẳng muốn vãng sanh Tịnh Độ. Họ có nghi hoặc, không muốn vãng sanh Tịnh Độ, đây tức là nghi hoặc. Nếu như chẳng có nghi hoặc, rõ rõ ràng ràng minh minh bạch bạch, chẳng có một vị Bồ Tát nào mà không muốn cầu sanh

Tịnh Độ. Tại vì sao? Bởi vì sanh Tịnh Độ, thấy được A Di Đà Phật, anh tự tu hành cùng độ hóa chúng sanh, có được tăng thượng duyên viên mãn. Tôi muốn tu hành, thì có A Di Đà Phật giúp đỡ, điều này quá dễ dàng, trên con đường Bồ Tát đạo được thuận buồm xuôi gió, chỗ có tất cả chướng ngại đều chẳng còn nữa. Giáo hóa chúng sanh, trí tuệ thần thông và thiện xảo phương tiện của anh được oai thần của A Di Đà Phật gia trì, thì cùng chư Phật, Đại Bồ Tát giáo hóa chúng sanh, chẳng có sai khác.

Có vị Bồ Tát nào chẳng muốn sanh Tịnh Độ? Có vị Bồ Tát nào không muốn thấy A Di Đà Phật? Chỉ có những người đối với Tây Phương thế giới, đối với kinh Vô Lượng Thọ

hoài nghi; cho nên sự tổn hại của họ thì quá lớn quá lớn, đã mất đi lợi ích rất lớn. Cho nên ở chỗ này Phật khuyến miễn chúng ta: "Ưng đương minh tín", có thể thấy rằng chẳng phải là mê tín; Phật không bảo chúng ta mê tín, tại sao tin được? Vì tất cả thảy đều rõ ràng minh bạch rồi, chúng ta tin. Tin trí tuệ vô thượng của chư Phật, thì đương nhiên anh sẽ tin A Di Đà Phật, bốn mươi tám nguyện, bổn nguyện oai thần gia trì. Tin trí tuệ của Phật thì tin nguyện lực gia trì của Phật, bổn nguyện gia trì của Phật. Hiện tại thì là gia trì, chưa đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, tín tâm này của tôi vừa sanh thì liền được Phật lực gia trì rồi, thì liền được oai thần bất khả tư nghị.

Kinh văn: "Từ Thị bạch ngôn".

Di Lặc Bồ Tát bèn nói.

Kinh văn: "Vân hà thử giới nhất loại chúng sanh, tuy diệc tu thiện, nhi bất cầu sanh?"

Di Lặc Bồ Tát đương nhiên là thay cho chúng ta để hỏi, sao Ngài lại chẳng biết? Nhưng chúng ta không biết. Thế gian này có chẳng ít người tu thiện, chữ Tu Thiện này là chỉ cho học Phật. Tu học các pháp môn khác, tu học các tông phái khác mà chẳng cầu sanh Tịnh Độ, là nói loại người này.

Kinh văn: "Phật cáo Từ Thị: Thử đẳng chúng sanh, trí tuệ vi thiển. Phân biệt Tây Phương, bất cập thiên giới, thị dĩ phi lạc, bất cầu sanh bỉ".

Phật đem nguyên nhân nói ra rồi, nguyên nhân gì vậy? Vì những người tu hành này "trí tuệ vi thiển", chẳng có trí tuệ. Trong kinh A Di Đà đã nói: "Bất khả dĩ thiểu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc", thiện căn của họ ít, phước đức ít. Tuy là có duyên gặp được rồi, vì chẳng có thiện căn, chẳng có phước đức, đây tức là chẳng có trí tuệ, cho nên họ đang trong vọng tưởng, họ đang phân biệt, chấp trước; Tây Phương Cực Lạc thế giới không sánh bằng thiên

giới. Thiên giới này là chỉ cho thiên giới nào? Chư vị đồng tu, quý vị nhất định rất rõ ràng, đó tức là thiên giới của Di Lặc Bồ Tát phải không? Là Đâu Suất Thiên. Cho nên có nhiều người muốn cầu sanh Di Lặc Tịnh Độ, anh xem bao nhiêu người tham thiền, mục tiêu của họ đều là ở nơi Đâu Suất Thiên. "Thị dĩ phi lạc", chữ Phi Lạc (Phi Nhạo) này là không ưa thích, không ưa thích Tây Phương Cực Lạc thế giới, không ưa thích vãng sanh Tịnh Độ. "Bất cầu sanh bỉ", họ chẳng có cái tâm cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Kinh văn: "Từ Thị bạch ngôn: Thử đẳng chúng sanh, hư vọng

phân biệt. Bất cầu Phật sát, hà miễn luân hồi?”

Di Lặc Bồ Tát nói đó là lời thật, tại vì sao? Thật tại mà nói, muốn vãng sanh đến nội viện Đâu Suất của Di Lặc Bồ Tát chẳng phải dễ dàng; quá khó lắm đấy. Đến chẳng được nội viện, lại còn phải vào lục đạo luân hồi, vậy thì sự tổn thất này quá lớn quá lớn. Sanh lên nội viện Đâu Suất so với vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, khó hơn quá nhiều quá nhiều. Tiêu chuẩn nơi đó của Di Lặc Bồ Tát rất cao, nếu chẳng đạt được tiêu chuẩn ấy thì không vào được, không giống như Tây Phương thế giới. Tiêu chuẩn của Tây Phương thế giới thấp nhất, mỗi người đều có phần; chỗ đó

của Ngài tiêu chuẩn rất cao, phải tu Duy Tâm Thức Định. Nếu anh chẳng có công phu này thì anh làm sao đến được Đâu Suất Thiên? Thật tình mà nói, thế gian chúng ta thường thường tu phước, những người sanh được lên Đao Lợi Thiên thì chẳng nhiều. Muốn lên Đao Lợi Thiên thì phải có Thượng Phẩm Thập Thiện Nghiệp Đạo. Thập Thiện Nghiệp Đạo đó, ít nhất phải đạt được chín mươi lăm điểm trở lên thì được sanh lên Đao Lợi Thiên; anh mới biết được khó đến dường nào! Còn Dạ Ma Thiên, Đâu Suất Thiên? Phải tu định, chẳng có công phu thiền định thì không đến được cảnh giới ấy. Nội viện, công phu lại càng cao; ngoại viện là phàm phu thiên, định công đó so với nội viện kém rất nhiều

rất nhiều; nội viện là công phu thiền định rất cao. Cho nên mấy câu nói này của Di Lặc Bồ Tát hay vô cùng, cũng là một gậy đem chúng ta đánh thức, đây là "hư vọng phân biệt". "Bất cầu Phật sát", chữ Phật Sát này tức là Tây Phương Cực Lạc thế giới. Nếu anh chẳng cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, "hà miễn luân hồi?" Làm sao anh có thể miễn trừ được lục đạo luân hồi?

Kinh văn: "Phật ngôn: Bỉ đẳng sở chủng thiện căn, bất năng ly tướng, bất cầu Phật tuệ, thâm trước thế lạc, nhân gian phước báo. Tuy phục tu phước, cầu nhân thiên quả, đắc báo chi thời, nhất thiết

phong túc, nhi vị năng xuất tam giới ngục trung".

Một đoạn này nói được rất rõ ràng, rất hiện thực; những người học Phật chúng ta hiện nay, có rất nhiều người là học Phật theo kiểu này. Họ học Phật, tu gì đây? Là nhân thiên phước báo. Thiện căn mà họ trồng đó, chẳng thể ly tướng, chấp trước một cách rất sâu nặng, ngày ngày đều đang tính toán, ta đã làm được bao nhiêu công đức, làm được bao nhiêu việc tốt, hình như còn có quyển sổ tay để ghi chép; quá sợ quên mất đi. "Thâm trước thế lạc", đối với sự hưởng thụ của thế gian, chấp trước sâu nặng, tham đồ sự hưởng thụ của thế gian, tham đồ phước báo của nhân gian.

Tuy đang ở trong cửa Phật tu phước, nhưng họ cầu đó là cái quả nhân thiên, họ cầu cái này, cầu cái phú quý của nhân gian; đương nhiên có thể được. "Đắc báo chi thời, nhất thiết phong túc", tu nhân, nhất định đắc quả; khi có được quả báo, trong đoạn thời gian này, anh tu được nhiều thì anh được nhiều; phía trước đã nói qua. Anh bố thí Tài nhiều thì trong một đời này anh được nhiều tài phú.

Cho nên nói "phú khả để quốc", gia tài của họ có thể tương đương bằng một quốc gia, điều này là đích thật chính xác. Hiện nay trên thế giới này, người đại phú quý, tài sản riêng tư của họ đạt đến mấy mươi ức, là có đấy. Là do đời trước tu được nhiều thì đời này có được nhiều; đời trước tu

bố thí Pháp nhiều thì đời này thông minh trí tuệ vượt hơn kẻ khác; đời trước tu Vô Úy bố thí thì đời này được khỏe mạnh sống lâu, đây là quả báo đấy mà. Tuy nhiên đều là nhân thiên "nhất thiết phong túc", tất cả thứ này đều đã mãn cái nguyện của anh, tu nhân đắc quả; chẳng phải là Bồ Tát ban phước, chẳng phải là thiên thần ban phước. Quý vị phải biết, là do anh tự mình tu tự mình được, trồng dưa thì được dưa, trồng đậu thì được đậu. Phật, Bồ Tát bảo hộ cách nào? Phật, Bồ Tát là đem đạo lý này nói rõ cho chúng ta, đem phương pháp nói rõ cho chúng ta, đây tức là Phật, Bồ Tát bảo hộ cho chúng ta, là sự việc như vậy. Muôn ngàn lần xin chớ tưởng rằng, đây là Phật, Bồ Tát ban bố cho

chúng ta nên tôi ngày ngày cúng dường Phật, Bồ Tát, ngày ngày đều lễ lạy Ngài, ngày ngày cúng dường hoa thơm, trái cây, vậy thì hiểu lầm rồi. Tưởng rằng xả một mà được vạn báo, ngày nay tôi cúng dường Phật, Bồ Tát một vạn đồng, ngày mai sẽ có được một trăm vạn. Nào có biết, tiền tài của anh đó là do đời trước anh tu được, chẳng phải là do Phật, Bồ Tát ban phước cho anh; là đạo lý như vậy, cho nên trong cửa Phật chẳng có mê tín.

Tuy "nhất thiết phong túc", anh phải ghi nhớ, anh chưa có siêu việt tam giới, anh chưa có thoát ly luân hồi, khi phước báo của anh đã hưởng hết, thì làm sao đây? Đây là một vấn đề rất thực tế. Có được mấy gia đình, đang khi có được đại phước báo, mà

vẫn chịu tiếp tục tu phước? Cho nên người thật sự có đại phước báo, ngược lại, tu phước tu được ít; họ có tài sản một trăm vạn, lấy ra một vạn đồng để tu phước, đều cảm thấy rất đau lòng, đều cảm thấy đau đớn như là đang cắt thịt mình vậy, chẳng chịu tu phước, là mê đấy. Cho dù có tu phước, xin thưa thật, vì họ không có trí tuệ, không có phước đức, nên đã trồng sai phước điền, chẳng có trồng đúng phước điền chân chánh. Bị người lừa mất, ngỡ rằng mình đang tu phước, bị người lừa mất, là phước điền giả đấy mà.

Quý vị xem, trong kinh Lăng Nghiêm chẳng phải đã nói rồi sao? "Thời kỳ Mạt Pháp, tà sư thuyết pháp như Hằng hà sa"; phước điền giả

nhiều như cát sông Hằng, còn phước điền thật thì rất ít, anh làm sao nhận thức được? Anh trồng phước, tất cả đều trồng trên đá, trên sỏi, luôn cả vốn liếng đều lỗ sạch hết phải không? Chẳng những không có phước, còn tạo phiền phức đủ điều; điều này phải nên biết, rất chẳng dễ gặp được phước điền chân chánh. Ngược lại thì người bần cùng dễ gặp được, cái phước của người bần cùng trồng đó, sánh với người đại phước báo trồng đó nhiều hơn. Trồng phước trong Phật môn, chẳng tính theo tiền tài nhiều hay ít, là theo tỷ lệ mà tính. Mỗi tháng anh chỉ có một ngàn đồng thu nhập, anh có thể lấy ra năm trăm đồng để làm việc thiện, anh lấy ra năm mươi phần trăm, tỷ lệ này lớn biết mấy! Quá lớn.

Mỗi tháng anh thu nhập mười vạn đồng, anh lấy ra một vạn, là một phần trăm; còn người ta là năm mươi phần trăm. Tương lai được quả báo, thì quả báo của họ vượt hơn anh, vượt hơn quá nhiều quá nhiều. Anh hiểu rõ đạo lý này thì biết được ông trời vốn là rất công bằng, người giàu đời sau thì nghèo, kẻ nghèo đời sau thì giàu; chẳng phải giàu thì vĩnh viễn giàu, nghèo thì vĩnh viễn nghèo, rất là công bằng. Đặc biệt hơn cả là những kẻ ăn xin, rất nghèo khổ, họ xin được một đồng, vài xu, họ đem toàn bộ cúng Phật, cúng dường cả một trăm phần trăm; thì kiếp sau, phước báo họ được đó là viên mãn, không ai có thể sánh bằng họ! Tại vì sao? Vì toàn bộ tài sản của họ đều bố thí hết cả, có ai có

thể sánh bằng? Phật trong kinh nói đó, chẳng thể có sai trái. Thôi, chúng tôi hôm nay xin giảng đến đây. A Di Đà Phật

Tập 27

Xin lật kinh bản, trang một trăm bảy mươi hai, hàng thứ nhất. Xin xem kinh văn.

Kinh văn: "Giả sử phụ mẫu, thê tử, nam nữ, quyến thuộc, dục tương cứu miễn, tà kiến nghiệp vương, vị năng xả ly, thường xử luân hồi, nhi bất tự tại".

Vậy đến chỗ này là một đoạn nhỏ, trong đoạn khai thị này của Phật đều là nói sự thật của luân hồi; chỉ đơn độc nương nhờ sự tu phước thì chẳng có biện pháp xuất ly luân hồi. Những sự giáo huấn trong kinh cùng với chỗ nói của Lục Tổ đại sư trong Đàn Kinh

hoàn toàn tương đồng, vậy do đây có thể biết, tu Tuệ thật tại sánh với tu Phước lại càng quan trọng hơn, mà "Trụ chân thật tuệ" tức là cầu sanh Tịnh Độ. Phía trước nói ra, tuy tu phước có thể được nhân thiên phước báo, nhưng không thể ra khỏi tam giới. Tiếp theo ở đây lại nói "giả sử phụ mẫu, thê tử, nam nữ, quyến thuộc", cho dù cha mẹ, vợ con, nam nữ quyến thuộc, gia tộc quyến thuộc muốn giúp đỡ anh; vậy thì chúng ta có thể thấy được cách giúp đỡ này trong sự tu trì ngày thường. Một loại là tu trì vì gia thân quyến thuộc hồi hướng, một loại kia là sau khi gia thân quyến thuộc qua đời, chúng ta tụng kinh bái sám siêu độ cho họ. Có phải thật sự có thể giúp được chăng? Đương nhiên là có

thể giúp được, tuy nhiên chẳng có biện pháp giúp họ thoát ly luân hồi mà là có thể giúp họ giảm thiểu khổ đau ở trong lục đạo; có thể giúp họ được phước báo. Nếu là giúp họ liễu sanh tử, xuất tam giới thành Phật, làm Tổ thì chẳng làm được sự giúp đỡ này, nhất định phải rõ ràng, phải minh bạch. Tại sao không giúp được? Nơi đây đã đem nguyên nhân nói ra.

Kinh văn: "Tà kiến nghiệp vương".

Nghiệp tức là chúng ta thường nói nghiệp lực, tà kiến nghiệp lực tức là ác nghiệp. Sao lại gọi ác nghiệp là vương? Vương là thí dụ lực lượng của nó quá lớn, nghiệp lực quá lớn, có thể sánh bằng núi Tu Di, sâu như biển cả,

đây là trong kinh Địa Tạng hình dung nghiệp lực này quá lớn. Nguyên nhân là ở chỗ nào?

Kinh văn: "Vị năng xả ly".

Nghiệp chưa tiêu thì phước chẳng thể cứu. Vậy thì quý vị phải biết, Tuệ mới có thể tiêu nghiệp, Định có thể phục. Định công sâu đem nghiệp đè phục xuống, nó chẳng khởi tác dụng, chúng ta cũng có thể tạm thời được tự tại. Sau khi Tuệ sanh ra rồi, thì nghiệp lực liền chuyển biến, chuyển phiền não thành Bồ Đề, Tuệ rất khẩn yếu, duy chỉ có Tuệ mới có thể thật sự giải quyết vấn đề. Người này chẳng có trí tuệ, chẳng có định lực, chỉ riêng nhờ vào phước thì không thể cứu họ được,

đây tức là "tà kiến nghiệp vương, vị năng xả ly", ác nghiệp của họ chưa tiêu mất, là nguyên nhân như vậy. "Thường xử luân hồi, nhi bất tự tại", ở trong luân hồi lục đạo, xả thân, thọ thân là do nghiệp lực chi phối. Nghiệp lực đang làm chủ, tự anh chẳng có biện pháp muốn đi đến đâu thì đến đó được. Muốn đầu thai sanh đến đạo nào thì đến đạo đó, điều này anh chẳng làm nổi vì nghiệp lực đang chi phối anh.

Kinh văn: "Nhữ kiến ngu si chi nhân, bất chủng thiện căn, đản dĩ thế trí thông biện, tăng ích tà tâm. Vân hà xuất ly, sanh tử đại nạn?"

Trong những lời giáo huấn này của Phật, chẳng những chúng ta tự mình có được sự lợi ích thù thắng, biết cách nào tu hành, đồng thời khiến cho Tuệ nhãn của chúng ta phát hiện. Tuệ nhãn đã phát hiện làm cho chúng ta có thể quan sát tà chánh, thị phi trong thế gian pháp. Trong thế gian này, chúng ta chẳng mê nữa; càng quan trọng hơn nữa là trong Phật pháp cũng có chân vọng, cũng có tà chánh, thị phi. Chúng ta chẳng có Tuệ nhãn, đem Phật pháp giả cho là thật, đem tà pháp cho là chánh pháp; thật tại mà nói, chẳng những như vậy, vì không có trí tuệ thậm chí chúng ta đều chẳng thể biện biệt thiện ác, đều chẳng thể hiểu rõ lợi hại, đây gọi là ngu si. Chúng ta phải niệm đoạn kinh

văn này nhiều lần, phải đem nó ghi nhớ cho thật thuộc, đây là nói những người ngu si; đây là Phật nói với Di Lặc, A Nan, các ông xem người thế gian ngu si. Có thể là chính chúng ta là người ngu si này, điều này một tí cũng chẳng giả! Chúng ta có khả năng biện biệt thị phi, biện biệt thiện ác, biện biệt chân giả không?

Nhưng phải bình tĩnh, đừng nên dùng cảm tình, phải dùng lý trí tỉ mỉ để quan sát thì chẳng khó thể hội được. Bởi vì chỗ này có tiêu chuẩn, "đản dĩ thế trí thông biện", họ là dùng cái thông minh trí tuệ của thế gian, đây chẳng phải chân trí tuệ. Cái gì gọi là thế gian thông minh trí tuệ? Cái gì gọi là Phật pháp chân trí tuệ? Ở bề ngoài xem, thì là biện tài vô ngại, thật

chẳng dễ nhìn ra được; tuy nhiên nếu kỹ lưỡng mà quan sát thì chẳng khó nhìn ra được. Từ chỗ nào để nhìn? Chân trí tuệ là từ trong thanh tịnh tâm sanh ra, cái tâm địa vô ngại biện tài ấy của họ thanh tịnh. Tâm địa thanh tịnh thì quyết định chẳng có tham, sân, si, mạn, nghi, những thứ phiền não này, đây là chân trí tuệ, đây là thật. Nếu như tham, sân, si, mạn vẫn còn tiếp tục tăng trưởng, Tăng Ích tức là thêm, Tăng cũng là nghĩa tăng gia, vậy thì đây quyết định là "thế trí thông biện". Thế trí thông biện chẳng phải là việc tốt, trong Phật môn chúng ta thường nói Bát Nạn, trong Bát Nạn này có thế trí thông biện thì người này sẽ có gặp nạn, gặp nạn gì vậy? Là chẳng thể học Phật, chẳng thể khai

ngộ, cũng tức là bảo họ chẳng thể được định, chẳng thể khai ngộ.

Từ chỗ này mà bình tĩnh để quan sát, tà chánh thị phi chẳng khó biện biệt. Sau khi hiểu rõ rồi, chúng ta tự tâm thanh tịnh, chẳng phải Chánh pháp, chẳng phải chẳng Phật pháp chân chánh thì thái độ của chúng ta đối với họ thì như "kính nhi viễn chi", bởi vì chúng ta học Phổ Hiền Hạnh, đối với tà môn ngoại đạo, đối với yêu ma quỷ quái đều cung kính. Đều cung kính giống như Phật, chẳng có sai biệt, chỉ là không thêm sự tán thán; chẳng tán thán, chẳng theo học họ tức là "viễn chi". "Kính nhi viễn chi", Kính là lễ kính, quyết định là lấy tâm chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi để cung kính, đây tức là Chánh pháp, sự

tà chánh là từ chỗ này mà biện biệt. Ở chỗ này Phật dạy cho chúng ta, tâm không thanh tịnh, tâm không bình đẳng, tham, sân, si, mạn trong tâm, những thứ phiền não tập khí vẫn chưa đoạn hết thì:

Kinh văn: "Vân hà xuất ly, sanh tử đại nạn?"

Đây tức là lục đạo luân hồi, quyết định họ chẳng thể vượt qua lục đạo luân hồi.

Kinh văn: "Phục hữu chúng sanh, tuy chủng thiện căn, tác đại phước điền".

Ở thế gian chúng ta, thường thường thấy những hạng người này

rất nhiều. Đặc biệt là tại thế gian này, những nhà đại phú đại quý có địa vị sùng cao trong xã hội, có lực lượng tiền tài hùng hậu, họ tu bố thí, ở trong Phật môn họ tác chư công đức, "tác đại phước điền".

Kinh văn: "Thủ tướng phân biệt, tình chấp thâm trọng. Cầu xuất luân hồi, chung bất năng đắc".

Hai câu này là không được rồi, trong lịch sử chúng ta có một thí dụ rất nổi tiếng, xưa kia khi vua Lương Võ Đế còn tại thế, địa vị của ông là quốc vương nên ông đã làm chẳng ít việc thiện, tu phước trong Phật môn. Nam triều có bốn trăm tám mươi ngôi tự viện, là do ông xây cất; ông độ

được mấy chục vạn người xuất gia, ông là vị đại hộ pháp. Lúc đó tổ sư Đạt Ma đến Trung Hoa, cùng vua Lương Võ Đế diện kiến. Lương Võ Đế nghe nói có một vị cao tăng từ Ấn Độ đến, là truyền nhân của Thích Ca Mâu Ni Phật; vua rất tôn trọng, dẫn mời vào trong cung đình để cúng dường. Vua Lương Võ Đế bèn hướng về tổ sư Đạt Ma thỉnh giáo, ông hỏi: "Một đời này trẩm đã làm nhiều việc thiện trong Phật môn như vậy, công đức này của trẩm có lớn chăng?" Tổ sư Đạt Ma đã thốt lên một câu nói lão thật, nói lời chân thật, Ngài nói: "Chẳng có công đức". Vua Lương Võ Đế như bị tưới nước lạnh lên đầu, hứng thú đều tiêu tan mất, cho nên nghe xong đương nhiên chẳng vui

lắm; còn tổ sư Đạt Ma dùng cơm xong thì đi ngay, từ đó về sau chẳng đếm xỉa đến ông ta nữa. Cho nên từ đó tổ sư Đạt Ma chẳng có người hộ pháp, bèn đi đến Thiếu Lâm Tự diện bích hết chín năm mới chờ được một Huệ Khả nhận biết được Ngài.

Trong Phật môn chẳng nói vọng ngữ, chẳng tâng bốc người. Giả như lúc đó vì vua Lương Võ Đế tán thán, "Ồ! Công đức của Ngài quá lớn, thật quá phi thường" thì Lương Võ Đế nhất định sẽ là người đại hộ pháp của Ngài. Tuy nhiên không thể làm như vậy trong Phật môn, ông làm đó là gì? Là Phước đấy. Quý vị xem, trong tâm và miệng của Lương Võ Đế biểu hiện ra đó là "thủ tướng phân biệt, tình chấp thâm trọng"; công đức liền mất

hết. Giả như ông ta hỏi: "Phước báo của trẫm có lớn không?", thì tổ sư Đạt Ma nhất định sẽ nói: "Lớn lắm lớn lắm". Ông ta tu đó là phước, chẳng phải công đức, công đức và phước đức khác nhau. Công đức được liễu sanh tử, xuất tam giới, còn phước đức thì không thể được, phước đức chỉ có thể được phước báo nhân thiên, chỉ được cái này; chúng ta nhất định phải biện biệt cho thật rõ ràng điều này. Hy vọng chúng ta phải biết được tu công đức mà chẳng tu phước đức. Còn Thủ Tướng tức là trước tướng, làm được ít việc thiện thì niệm niệm chẳng quên. Quý vị xem, trong Phật môn chúng ta có rất nhiều người làm việc thiện, hiện nay xây cất một cái đạo tràng, tên tuổi nhất định phải treo

lên trên. Bỏ tiền ra để làm một cây cột, trên cột phải khắc tên, cái này của đệ tử gì đó phụng hiến, phải khắc tên vào. Đây là trước tướng đấy, sợ rồi Phật quên mất công đức của họ, khắc tên cho Phật thường thường nhìn thấy, đây là trước tướng, phân biệt, cái này không thể được, cách này đều biến thành phước đức rồi.

Cái gì gọi là Công Đức? Công là công phu, Đức là sự thu hoạch của anh. Trì giới là công, được định là đức. Tu định là công, khai trí tuệ là đức. Công là nhân, Đức là quả báo. Cho nên Công Đức, kẻ khác không thể tu thế, còn phước đức thì được. Tôi có phước, có thể cho anh; tôi có tiền, có thể tặng cho anh dùng; tôi có nhà cửa, có thể tặng cho anh ở. Còn

công đức thì sao? Tôi có trí tuệ, tôi chẳng có biện pháp tặng trí tuệ của tôi cho anh; tôi có khả năng, tôi chẳng có biện pháp tặng khả năng của tôi cho anh, đó là Đức. Cho nên Phước Đức, có thể cùng người cộng hưởng, còn Công Đức này thì chẳng thể có biện pháp chia cho người, một tơ hào đều chẳng có cách chi chia cho người khác. Nhất định phải tự mình tu, cho nên "ông tu ông đắc, bà tu bà đắc; không tu thì không đắc". Phải biết cách tu học, cho nên chúng ta phải đoạn ác tu thiện, chớ nên trước tướng, chớ nên phân biệt, phải đem tình thức xả bỏ. Tình là gì? Là cảm tình, là cảm tình dụng sự; phải nên xả bỏ Tình. Phải thì dùng cái gì? Dùng trí tuệ, phải dùng lý trí. Thật tại mà nói, tình

và trí biểu hiện bên ngoài, tác dụng là như nhau, là tương đồng; rất khó biện biệt điều này. Biểu hiện bên ngoài là gì? Tức là Ái, Phật pháp chúng ta gọi là Từ Bi, người thế gian gọi là ái. Nếu cái ái này có phân biệt, có chấp trước, thì tức là Tình; lìa khỏi tất cả phân biệt, chấp trước, cái ái bình đẳng, cái ái chân thành, đó tức là trí tuệ. Cho nên Trí và Tình là hai mặt của một thể; cái tình của giác ngộ gọi là trí, nếu trí đam mê thì gọi là tình, là sự việc như thế đó.

Mê ngộ khác nhau, nói hai danh từ nhưng là một sự việc; mê rồi gọi là tình, ngộ rồi gọi là trí; cho nên trí và tình là một sự việc. Chư Phật, Bồ Tát ngộ rồi, họ có trí; thật tại mà nói, trí là cảm tình chân thật, là chân tình. Cái

tình của kẻ hay dùng đó, phía trước đã nói qua với quý vị, là hư tình giả ý, chẳng phải thật. Giác ngộ là chân, vì sao? Vì vĩnh viễn chẳng thể thay đổi, cái mê tình đó là chẳng tin tưởng được, là thời thời khắc khắc có thể biến hóa; cho nên đây là "cầu xuất luân hồi, chung bất năng đắc". Tu phước như vậy, dù tu được cái phước lớn hơn đi nữa, giống như cách của vua Lương Võ Đế, muốn vượt khỏi lục đạo luân hồi, đều chẳng làm nổi. Chư vị phải biết điều này.

Kinh văn: "Nhược dĩ vô tướng trí tuệ, thực chúng đức bổn. Thân tâm thanh tịnh, viễn ly phân biệt. Cầu sanh tịnh sát, thú Phật Bồ Đề,

đương sanh Phật sát, vĩnh đắc giải thoát".

Một đoạn sau cùng, Phật dạy cho chúng ta phải nên tu cách nào mới như pháp. Phật dạy cho chúng ta phải ly tướng, đừng nên trước tướng, đừng nên phân biệt, đừng nên chấp trước. Chẳng phân biệt, chẳng dùng ý thức thứ sáu; chẳng chấp trước, chẳng dùng ý thức thứ bảy, chẳng dùng Mạt Na thức. Đây tức là chuyển thức thành trí, chẳng dùng thức thứ sáu tức là Diệu Quang Sát Trí; chẳng dùng thức thứ bảy tức là Bình Đẳng Tánh Trí. Chuyển thức thành trí, thức thứ sáu và bảy chuyển trước, nhân địa chuyển thì trên quả, thức thứ năm và tám chuyển; cho nên thức thứ sáu và

bảy chuyển rồi thì thức thứ năm và tám tự nhiên chuyển theo. Tức là đạo lý như vậy, cho nên tu hành quý ở chỗ chuyển thức thành trí; chỗ anh tu đó quyết định là phước báo, không thể liễu sanh tử thì không thể ra khỏi tam giới.

Cho nên chúng ta phải luyện tập trong sinh hoạt hằng ngày, xử thế, đối người, tiếp vật, phải học không phân biệt, phải học không chấp trước. Giả như cái phân biệt, chấp trước của chúng ta, năm nay so với năm trước đã lợt đi thì anh có tiến bộ; một năm so với một năm nhẹ đi, một năm so với một năm lợt đi, đây là công phu của anh đắc lực, công phu đang tiến bộ. Giả như phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, phiền não của anh cùng

với quá khứ chẳng sai khác, vẫn còn nhiều như vậy, thậm chí so với trước còn nhiều hơn; thì không học Phật không có phiền não mà khi học Phật thì phiền não càng nhiều, vậy thì anh đã đi sai đường lối. Nhất định anh đã có vấn đề trên phương pháp, hoặc giả có vấn đề trên lý luận; bởi vì khi anh học, chỗ học có kết quả đó cùng với Phật pháp chỗ nói đó hoàn toàn tương phản. Nếu là chân chánh học Phật, chỗ anh được đó nhất định là tâm thanh tịnh hơn sau mỗi năm; vọng tưởng phiền não ít hơn sau mỗi năm, vui vẻ hơn sau mỗi năm, có trí tuệ hơn sau mỗi năm. Cái gì gọi là có trí tuệ? Là xử thế, đối người, tiếp vật minh bạch; trước kia nhìn người, nhìn sự, đều nhìn chẳng rõ, nhìn sai! Bây

giờ không sai nữa, bây giờ nhìn rất chuẩn, vậy thì trí tuệ đã hiện tiền rồi. Cho nên lợi ích của sự học Phật, trong cuộc sống thì có thể xét nghiệm ra được; điểm này là sự thọ dụng chân thật của Phật pháp.

"Thực chúng đức bổn", Đức Bổn tức là nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật, đây là đức bổn vô thượng; Đức tức là cái mà anh có được, Bổn tức là chân như bổn tánh, tức là thành cứu cánh viên mãn Phật. Duy chỉ có pháp môn này khiến cho chúng ta một đời này quyết định chẳng luống qua, quyết định có thể có được thân tâm thanh tịnh. "Thân tâm thanh tịnh, viễn ly phân biệt", thì hiện nay đã được rồi; khi nãy nói với quý vị một năm so với một năm thanh tịnh hơn, một tháng so

với một tháng thanh tịnh hơn; đến giai đoạn một tháng so với một tháng thanh tịnh hơn thì có thể nói anh đã có bảo đảm chắc chắn vãng sanh. Mỗi tháng anh đều có thể tiến bộ, tháng tháng đều khác nhau thì quyết định là anh được bảo đảm, chắc chắn vãng sanh. Nếu như mỗi tuần đều khác nhau, một tuần so với một tuần thanh tịnh hơn, vậy thì xin chúc mừng anh, anh đã có thể tự tại vãng sanh rồi, muốn đi lúc nào thì đi lúc đó; điều đó thật là phi thường, quyết định có thể tự tại vãng sanh. Muốn ở thêm vài năm cũng chẳng có trở ngại, tùy thời đều có thể ra đi, sanh tử tự tại rồi vậy.

"Viễn ly phân biệt", vậy thì phân biệt và chấp trước, có một số đồng tu nghe rồi, họ nói: "Vậy đối với việc

chi cũng chẳng phân biệt, chẳng chấp trước thì chẳng phải tôi đã trở thành ngu ngốc rồi sao?" Người ta hỏi tôi: "Cái này là gì?" "Không biết, không phân biệt". Vậy thì pháp này, rốt cuộc tu cách nào đây? Phật là dạy chúng ta không phân biệt, không chấp trước, là từ trên Tâm. Trên tâm chẳng thể phân biệt, chấp trước, chẳng phải nói trên Sự. Trên Sự là gì? Quý vị phân biệt, chấp trước gọi cái này là cái khăn lông, tôi cũng nói nó là cái khăn lông; tôi cũng chẳng chấp trước cái khăn lông này là cái khăn lông, tôi cũng chẳng có phân biệt; là quý vị phân biệt, chấp trước. "Hằng thuận chúng sanh", "Tùy hỷ công đức", anh phân biệt anh nói như vậy, tôi là theo anh mà nói, nhưng trong tâm tôi tuyệt đối

chẳng chấp trước nó là cái khăn lông, chẳng chấp trước nó là màu vàng, chẳng chấp trước; là anh phân biệt. Phải học cách này. Cho nên ứng dụng là quyền trí, thiện xảo phương tiện; hằng thuận chúng sanh, tự mình thọ dụng là thực chất, là chân trí tuệ. Trong chân trí tuệ chẳng có phân biệt, chấp trước, thân tâm thanh tịnh. Hôm nay là ngày mấy, tháng mấy, là quý vị phân biệt tháng mấy, ngày mấy; còn tôi thì chẳng phân biệt tháng mấy, ngày mấy. Anh hỏi tôi, tôi tùy thuận sự phân biệt của quý vị, hôm nay là ngày Hai Mươi Tám tháng Mười Một; đây là quý vị phân biệt, còn tôi chẳng có phân biệt. Bây giờ là lúc mấy giờ? Là tám giờ rưỡi của quý vị, còn tôi chẳng có tám giờ rưỡi; làm như vậy

thì là đúng, chẳng sai. Cho nên đây là "viễn ly phân biệt", là viễn ly cách này, chẳng phải trên sự; trên sự là tùy chúng sanh, còn trên tâm quyết định là thanh tịnh, đây gọi là chân chánh tu, "thân tâm thanh tịnh, viễn ly phân biệt".

"Cầu sanh tịnh sát", Tịnh Sát đây tức là Tịnh Độ, quốc độ của A Di Đà Phật. Nhất định chúng ta phải có một nguyện vọng mãnh liệt cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ. "Thú Phật Bồ Đề", Thú là thú hướng, mục đích của chúng ta, phương hướng của chúng ta, là Vô Thượng Bồ Đề. Đến Tây Phương Cực Lạc để làm gì? Để thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, để chứng minh Phật quả cứu cánh viên mãn; Phật nói người như vậy thì "đương

sanh Phật sát", nhất định họ có thể sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, vĩnh viễn được giải thoát. Sau cùng Thế Tôn dạy cho chúng ta cương lĩnh tu hành chính xác; trong một phẩm kinh này, chúng ta phải ghi nhớ, Phật nói với chúng ta ba loại người không thể vãng sanh được. Loại thứ nhất là "tham trước sự hưởng thụ của thế gian", mong cầu phước báo nhân thiên, tham đồ sự hưởng thụ của thế gian; loại người này không thể sanh Tịnh Độ được, niệm Phật cũng chẳng thể đi đến Tịnh Độ. Loại người thứ hai là "thế trí thông biện", tà kiến thâm trọng; song đối với loại người này, chúng ta phải có trí tuệ thích hợp, đầu óc rất tỉnh táo thì mới có thể xét biết được. Nếu

chẳng phải thế mà qua loa sơ suất, anh thường đem họ cho là chánh pháp; đem họ cho là thiện tri thức chân chánh, vậy là sai rồi. Còn loại thứ ba tức là "thủ tướng phân biệt", tình chấp sâu nặng; loại người thứ ba này chẳng có cách chi vãng sanh, chỗ họ tu đó thảy đều là phước báo. Chúng ta xem phần kinh văn phía dưới.

Bồ Tát Vãng Sanh - Đệ Tứ Thập Nhị

Tại trong phẩm kinh này Phật nói với chúng ta trạng huấn của thập phương Bồ Tát cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, chúng ta nghe rồi, chúng ta xem rồi, có cảm tưởng gì? Nếu như là người đầy đủ thiện căn, nhất định sẽ

cảm động sâu sắc, khích pháp nguyện vọng cầu sanh của chúng ta; vậy đây cũng là dụng ý của Phật vì chúng ta giới thiệu tại chỗ này. Xin xem kinh văn.

Kinh văn: "Di Lặc Bồ Tát bạch Phật ngôn: Kim thử Sa Bà thế giới".

Sa Bà thế giới là cái đại thế giới, giáo khu của Thế Tôn là cái thế giới rất rộng lớn.

Kinh văn: "Cập chư Phật sát".

Ngoại trừ Sa Bà thế giới chúng ta ra, còn có thập phương chư Phật sát độ.

Kinh văn: "Bất Thoái Bồ Tát đương sanh Cực Lạc quốc giả, kỳ số kỷ hà?"

Những vị Bồ Tát đã chứng đắc quả vị Bất Thoái, vậy thì câu nói này, Ngài chẳng có nói được rất tường tận. Bất Thoái có ba loại, vậy rốt cuộc là loại nào đây? Một loại cạn nhất là Vị Bất Thoái. Nếu như nói Vị Bất Thoái thì đích thật địa vị này chẳng kể là cao, là Sơ Tín Bồ Tát của Viên Giáo, còn Biệt Giáo thì sao? Là Bồ Tát của Sơ Trụ, Biệt Giáo Sơ Trụ ngang với Sơ Tín của Viên Giáo. Vị Bất Thoái thì Kiến Tư phiền não đã đoạn, vậy thì ở Tiểu Thừa là Tứ Quả A La Hán, Bích Chi Phật, hạng người với thân phận như vậy. Vậy có bao nhiêu

người vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới? Nếu như là Niệm Bất Thoái, thì địa vị ấy cao; Niệm Bất Thoái ở Biệt Giáo là Sơ Địa Bồ Tát, ở Viên Giáo là Sơ Trụ Bồ Tát, địa vị này thì cao. Tuy nhiên chỗ này chẳng có thuyết minh chỗ chẳng có nói rõ ràng, do đây có thể biết, Ngôi Bất Thoái này, trong nhãn quang phàm phu chúng ta, quyết định là thánh nhân. Tiểu Thừa Tứ Quả A La Hán là thánh nhân, chẳng phải phàm phu. Công phu đoạn chứng của Đại Thừa Bồ Tát ngang bằng, tương đương với A La Hán, Kiến Tư phiền não đều đoạn rồi, trí tuệ của Bồ Tát quyết định cao hơn A La Hán; A La Hán chẳng thể sánh bằng. Những người với thân phận như vậy, "đương sanh Cực Lạc

quốc giả", con số có được bao nhiêu? Di Lặc Bồ Tát thay mặt chúng ta nêu ra vấn đề này.

Kinh văn: "Phật cáo Di Lặc: Ư thử thế giới, hữu thất bách nhị thập ức Bồ Tát".

Thử Thế Giới tức là Sa Bà thế giới, quý vị nên ghi nhớ, thế giới này của chúng ta không chỉ là địa cầu này của chúng ta, đây là chỉ cho tam thiên đại thiên thế giới; theo cách nói của lão cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, là ngày nay chúng ta nói đến dải Ngân Hà. Đây là hệ tinh cầu rất lớn, một trăm ức hệ Ngân Hà là giáo khu của Thích Ca Mâu Ni Phật, là phạm vi giáo hóa của Ngài, một trăm ức hệ Ngân Hà. Địa

cầu chúng ta cũng ở trong hệ tinh cầu lớn này, cho nên đây là nói Bất Thoái Bồ Tát ở đại thế giới này có bảy trăm hai mươi ức. Từ trên con số này mà nhìn, có lẽ là Niệm Bất Thoái Bồ Tát chứ chẳng phải là Vị Bất Thoái. Nếu là Vị Bất Thoái thì con số phải cao hơn, không chỉ có bấy nhiêu đó, quyết định là chẳng nói đến Vị Bất Thoái. Vị Bất Thoái Bồ Tát thì là cao rồi.

Kinh văn: "Dĩ tằng cúng dường vô số chư Phật".

Chúng ta phải ghi nhớ câu này, phía trước A Xà vương tử cùng năm trăm trưởng giả đã cúng dường bốn trăm ức chư Phật trong đời quá khứ, vẫn không thể vãng sanh được. Phải

cúng dường “vô số chư Phật”, thiện căn này đã quá sâu dầy.

Kinh văn: “Thực chúng đức bổn”.

Câu này là từ vô lượng kiếp đến nay đời đời kiếp kiếp đều niệm A Di Đà Phật, “thực chúng đức bổn” này, có lẽ anh sẽ hỏi, tại sao đời đời kiếp kiếp niệm A Di Đà Phật mà đều chẳng vãng sanh? Tức là ba thứ nguyên nhân phía trước, là tham niệm phước báo của thế gian, cầu nhân gian phước báo. Nếu anh không tin, anh cứ nghe ngóng những người niệm Phật, có người nào mà chẳng vì tham đồ phước báo thế gian mà niệm A Di Đà Phật? Vậy thì chẳng thể vãng sanh được, một đời này vẫn chẳng đi được.

Loại thứ hai là thế trí thông biện, tà tri tà kiến. Loại thứ ba là tình chấp rất nặng, chẳng có cách chi lìa khỏi, đều là những căn bệnh này. Nếu như tại trong một đời này chúng ta thật sự có thể làm được chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng gián đoạn, chẳng xen tạp, vậy thì một đời này thành công rồi, một đời này là công đức viên mãn. Đây là điều kiện của việc vãng sanh chân chánh.

Kinh văn: "Đương sanh bỉ quốc".

Tức là có bảy trăm hai mươi ức vị Bồ Tát, cơ duyên vãng sanh của họ được thành thục rồi, họ có thể vãng sanh với số người đông như vậy.

Kinh văn: "Chư tiểu hạnh Bồ Tát, tu tập công đức, đương vãng sanh giả, bất khả xưng kế".

Vậy còn một số tiểu hạnh Bồ Tát. Tiểu hạnh Bồ Tát tức là Bồ Tát chưa chứng đắc Vị Bất Thoái. Tiểu hạnh Bồ Tát này là ai? Tất cả quý vị có mặt tại tọa đều là tiểu hạnh Bồ Tát. Bởi vì ở trong lục đạo quý vị tiến tiến thoái thoái, quý vị chưa chứng được Vị Bất Thoái. Tiến tiến thoái thoái cũng được vãng sanh, tại vì sao? Bởi vì cũng là trong đời quá khứ đã từng cúng dường vô số chư Phật, "thực chúng đức bổn". Cái nhân là như nhau, cho nên trong đời này duyên thành thục rồi thì anh có thể chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, công phu

chẳng xen tạp, chẳng hoài nghi, chẳng gián đoạn, trong một đời này anh là "đương vãng sanh giả", thì số người nhiều rồi, "bất khả xưng kế", chẳng có cách chi tính đếm được con số này, cũng chẳng có biện pháp nói ra được, nói không ra được, vô phương tính toán. Số người quá nhiều là chỉ cho số người chúng ta đây, là tiểu hạnh Bồ Tát. Vậy đoạn này đáp phúc về Sa Bà thế giới, Di Lặc Bồ Tát còn hỏi về chư Phật sát độ thì sao. Phía dưới là:

Kinh văn: "Bất đản ngã sát chư Bồ Tát đẳng, vãng sanh bỉ quốc, tha phương Phật độ, diệc phục như thị".

Ngoại trừ Sa Bà thế giới chúng ta ra, tha phương chư Phật quốc độ, tha phương này tức là chỉ cho thập phương thế giới. Thế giới vô lượng vô biên, số người vãng sanh cũng là vô lượng vô biên, chẳng biết được có bao nhiêu. Vậy ở đây Phật nêu ra vài cái thí dụ vì chúng ta thuyết minh.

Kinh văn: "Tùng Viễn Chiếu Phật sát, hữu thập bát câu-chi na-do-tha Bồ Tát Ma Ha Tát, sanh bỉ quốc độ".

Cách đáp phúc phía dưới này là nói với quý vị, toàn là Bất Thoái Bồ Tát. Làm sao biết được? Bồ Tát Ma Ha Tát là Đại Bồ Tát, minh tâm kiến tánh Bồ Tát, chẳng phải Bồ Tát thông

thường. Cho nên đây là Bất Thoái Bồ Tát, đều là chỉ cho Bất Thoái Bồ Tát mà nói. Con số tiểu hạnh Bồ Tát quá nhiều thì không đề cập nữa, có mười tám câu-chi na-do-tha.

Kinh văn: "Đông Bắc phương Bảo Tạng Phật sát, hữu cửu thập ức Bất Thoái Bồ Tát, đương sanh bỉ quốc. Tùng Vô Lượng Âm Phật sát, Quang Minh Phật sát, Long Thiên Phật sát, Thắng Lực Phật sát, Sư Tử Phật sát, Ly Trần Phật sát, Đức Thủ Phật sát, Nhân Vương Phật sát, Hoa Tràng Phật sát, Bất Thoái Bồ Tát đương vãng sanh giả, hoặc số thập bách ức, hoặc số bách thiên ức, nãi chí vạn ức".

Phật đã tổng thuyết rồi, không phải từng vị từng vị mà nói; từng vị mà nói thì nói chẳng hết, nên chỉ nêu vài thí dụ. Công đức của Bất Thoái Bồ Tát, chúng ta cũng phải hiểu rõ sơ lược. Như trong kinh chỗ nói, thứ nhất là cúng dường vô số chư Phật, vô lượng kiếp đến nay, cúng dường vô số chư Phật. Như vậy, ngày nay chúng ta phải làm sao đây? Phật không còn ở thế gian, chúng ta làm sao để cúng dường chư Phật? Chúng ta có nghĩ ra một biện pháp tốt chăng? Quý vị nghĩ thật sự không ra thì tôi sẽ chỉ cho quý vị, niệm kinh Vô Lượng Thọ, niệm A Di Đà Phật tức là cúng dường vô lượng chư Phật. Tại vì sao? Vì tất cả chư Phật đều giảng kinh Vô Lượng Thọ. Chúng ta niệm kinh Vô

Lượng Thọ, tất cả chư Phật nghe được đều hoan hỷ, thì là cúng dường họ; tất cả chư Phật đều khuyên chúng ta niệm A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, chúng ta tiếp thọ lời dạy của Phật, hết lòng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, chẳng có một vị Phật nào chẳng hoan hỷ, chẳng có một vị Phật nào chẳng hộ niệm. Đây là chỗ tất cả chư Phật thảy đều cúng dường đến cả.

Phổ Hiền Bồ Tát dạy cho chúng ta: "Chư cúng dường trung, pháp cúng dường tối", Pháp cúng dường, đã nói hết bảy điểm, điều thứ nhất là "Như thuyết tu hành cúng dường". Chúng ta dùng câu "Như thuyết tu hành cúng dường" này để cúng dường tất cả chư Phật; cho nên chúng ta làm được, chẳng phải làm không được. Mọi

người chúng ta ngày ngày đang làm mà chẳng biết, anh bảo có oan uổng hay không chứ? Hỏi anh có phương pháp gì, thì nói không ra; trên thực tế là đang làm đấy, anh đều chẳng biết, mỗi ngày đều đang cúng dường vô lượng chư Phật mà tự mình chẳng hay biết. Vậy thì ngoài việc này ra, chúng ta phải toàn tâm toàn lực đem kinh này, đem pháp môn này giới thiệu cho tất cả chúng sanh, dùng các thứ thiện xảo phương tiện khiến cho tất cả chúng sanh trên quả địa cầu này đều biết đến, đều tiếp xúc đến, đây là "cúng dường vô số chư Phật".

Thứ hai là "thực chúng đức bổn", câu này tức là nhất tâm chuyên niệm A Di Đà Phật. Câu thứ ba là "Đắc Bất Thoái Chuyển", chúng ta có tín tâm

kiên định cầu sanh Tịnh Độ, tuyệt đối sẽ chẳng bị các pháp môn khác, các tôn giáo khác làm ảnh hưởng, làm chuyển biến, vậy là bất thoái chuyển. Nghe tham thiền thì muốn đi học Thiền, nghe học Mật thì muốn đi niệm chú, vậy thì anh đã thoái chuyển, anh chẳng có được bất thoái chuyển. Bất luận nghe một pháp môn nào, bất luận cùng người nào tiếp xúc, tuyệt đối không thể bị ngoại cảnh lay động. Tín tâm thanh tịnh, tín tâm kiên định, một lòng mơ ước Cực Lạc thế giới, đây là bất thoái chuyển; thì chúng ta sẽ thành công trong một đời này. Có nhiều người chẳng thể thành tựu, thoái chuyển; thấy số người tu theo các pháp môn khác, biểu diễn một tí cảm ứng, biểu diễn một tí thần thông,

thật là phi thường thì họ lập tức đi theo, không cần A Di Đà Phật nữa. Nếu là hạng người như vậy thì là đã thoái chuyển, chẳng thể vãng sanh; cho nên họ không biết được, vì những thứ thần thông cảm ứng đó mà chướng ngại anh, tức là đến phá hoại anh, không để cho anh trong một đời vãng sanh, không để anh thành Phật, đem anh kéo trở lại lục đạo luân hồi, vẫn đi trong tam ác đạo. Họ ngu si, họ chẳng có trí tuệ, chẳng có phước báo thì họ bị lôi đi mất, điều này chúng ta cũng thấy rất nhiều.

Điều kiện thứ tư là phải có trí tuệ dũng mãnh, đây là có thể bảo chứng chúng ta bất thoái, chúng ta có lý trí, chẳng phải cảm tình dụng sự cho nên mới không thể bị ngoại cảnh sở

chuyển. Vậy còn có thêm một điều kiện, nhất định phải thú hướng Nhất Thừa; tức là chúng ta có một phương hướng, một mục tiêu, đó là Tây Phương Cực Lạc thế giới, chính giống như Thiện Đạo đại sư trong kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, chương Thượng Phẩm Thượng Sanh chỗ nói đến. Chương ấy tức là đoạn kinh văn này, tôi đã từng đặc biệt giảng qua một lần, có giữ lại băng cassette; Thiện Đạo đại sư đã nói rất nhiều thí dụ, giảng rất hay. Ngày nay chúng ta gặp được Tịnh Độ pháp môn, anh đã quyết phát tâm niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, nếu anh gặp được một vị cao Tăng thật sự đắc đạo đến khuyên anh rằng: “Tịnh Độ chẳng cứu cánh, ta còn có pháp môn khác hay hơn

pháp môn này, thành Phật càng nhanh", thì anh có động tâm chăng? Anh không động tâm thì tín tâm rất hiếm có, anh gặp phải một người chứng A La Hán quả, họ đến nói với anh, anh có động tâm chăng? Vẫn chẳng động tâm, là Tiểu Thừa nên chẳng động tâm. Lại gặp phải một vị Đại Bồ Tát minh tâm kiến tánh, anh vẫn chẳng động tâm chăng? Đây thì là khó nói.

Hoặc giả gặp một vị Đẳng Giác Bồ Tát, địa vị cùng với Quán Thế Âm, Đại Thế Chí ngang nhau, đến khuyên anh đi tham Thiền, học Mật, anh vẫn có động tâm chăng? Một người tín tâm kiên định, tuyệt đối chẳng bị lay động. Vậy thì Phật đến để khuyên anh, bảo ta còn có một pháp môn khác

sánh với pháp môn Tịnh Độ này còn hay hơn, thì anh làm sao? Thích Ca Mâu Ni Phật đến rồi, cũng chẳng động tâm, vậy thì mới được! Thiện Đạo đại sư nêu ra rất nhiều thí dụ, tín tâm kiên định, phải kiên định đến trình độ nào? Thập phương chư Phật đến khuyên anh, đều chẳng lay động, ta vẫn là quyết tâm cầu sanh Tịnh Độ, vẫn là quyết tâm phải gặp A Di Đà Phật. Chư Phật Như Lai đến khuyên, tôi đều chẳng động tâm, đều chẳng thay đổi ý niệm, thì người này mới gọi là thật sự tin chính mình, chân chánh tin A Di Đà Phật, tin Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kinh văn: "Kỳ đệ thập nhị Phật danh Vô Thượng Hoa, bỉ hữu vô số

chư Bồ Tát chúng, giai bất thoái chuyển. Trí tuệ dũng mãnh, dĩ tằng cúng dường vô lượng chư Phật, cụ đại tinh tấn, phát thú Nhất Thừa. Ư thất nhật trung, tức năng nhiếp thủ bách thiên ức kiếp, Đại Sĩ sở tu kiên cố chi pháp. Tư đẳng Bồ Tát, giai đương vãng sanh".

Đoạn này, tức là vừa rồi tôi đã tổng hợp báo cáo với quý vị, đây là những điều kiện tất cần phụ bị của Bất Thoái Bồ Tát, chúng ta nhất định phải học tập. Niệm Phật, phải hết lòng, chẳng có việc gì khẩn yếu hơn việc niệm Phật, chẳng có việc gì lớn hơn việc niệm Phật. Chúng ta phải nên đem việc niệm Phật này coi như là đại sự nghiệp để làm trong một đời

chúng ta. Những việc khác có thể chậm hoãn, nhưng việc này quyết định chẳng thể hoãn được; những việc khác có thể tạm thời ngưng lại nhưng việc này thì một giờ một khắc đều chẳng thể ngưng. Trong vòng bảy ngày, chúng ta kiết thất niệm Phật, tức là từ đây mà có, kinh A Di Đà nói với chúng ta "nhược nhất nhật, nhược nhị nhật cho đến nhược thất nhật"; cho nên Phật tâm này tức là từ đây mà có. Trong bảy ngày này, thân tâm thế giới tất cả buông xuống; vậy thì hôm nay chúng ta làm Phật Thất này, là pháp hội Phật Thất. Là một thứ nghi thức, mọi người ở tại một nơi tu niệm Phật. Phải nên niệm cách nào đây? Chỉ đề xướng niệm Phật, cử hành một cái hình thức niệm Phật, đề ra cho

mọi người tham khảo; còn làm Phật Thất chân chánh, chẳng phải hình thức này. Phật Thất chân chánh thì một câu Phật hiệu, ngày đêm không thể ngưng, tức là niệm bảy ngày bảy đêm, chẳng thể chung đoạn.

Niệm bảy ngày bảy đêm, chư vị thử nghĩ xem, người có thân thể kém thì không được, người lớn tuổi cũng không được; cho nên tu hành, phải còn trẻ, phải ít tuổi, bảy ngày bảy đêm không ngủ, tinh thần vẫn còn có thể chống đỡ nổi. Vậy số người tham gia Phật Thất là bao nhiêu? Không thể quá hơn mười người, vì sao? Vì tinh thần của chủ thất sư chuyên chú không nổi nếu trên mười người, ông chiếu cố không nổi; cho nên thật sự làm Phật Thất, số người chẳng thể

vượt hơn mười người. Tuy nhiên cách làm Phật Thất như vậy, tôi cũng chẳng hy vọng mọi người qua loa học theo, vì sao? Vì có tánh nguy hiểm, nếu như học không như pháp có thể sẽ bị ma nhập. Pháp hội Phật Thất này của chúng ta hiện nay vô cùng vững vàng, tuyệt đối không bị ma nhập, cái này vô cùng an toàn, vô cùng vững vàng. Cho nên loại Phật Thất chân chánh, vị chủ thất sư thật sự phải có bản lãnh, có thể hàng ma, đều rõ ràng minh bạch trạng huấn và cảnh giới của mỗi một người đồng tu niệm Phật. Hơi vừa có một tí sai thì lập tức đem họ sửa sai trở lại; cho nên nếu số người đông thì chẳng có cách chi, thì chuyên chú chẳng nổi. Cho nên hiện nay chúng ta đề xướng niệm

Phật, là tác dụng của việc tuyên truyền, chẳng phải làm việc khác.

Mọi người đều đến để đóng kịch, đến để biểu diễn, để cho nhóm đồng tu rộng lớn chưa học Phật này xem. "Ồ! Đông thế đó, niệm Phật trang nghiêm như vậy, có lẽ khác lắm" thì họ liền đến, là ý nghĩa như vậy. Cho nên mục tiêu, tánh chất đều chẳng tương đồng. Vậy thì chân chánh kiết Phật Thất, cái duyên bảy ngày bảy đêm này nhất định là vô cùng thù thắng. "Ư thất nhật trung, tức năng nhiếp thủ bách thiên ức kiếp, Đại Sĩ sở tư kiên cố chi pháp", Đại Sĩ là Bồ Tát, là hạng Bồ Tát nào? Chúng ta thường thường niệm đó là Bồ Tát Ma Ha Tát, Ma Ha Tát tức là Đại Sĩ. Trong cách xưng hô thông thường,

nhất định là Sơ Địa Bồ Tát trở lên, chẳng phải Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng của Tam Hiền vị. Đây gọi là Bồ Tát Sơ Địa trở lên, thì gọi là Đại Bồ Tát, Đại Sĩ; cho nên Đại Sĩ là cách tôn xưng đối với Bồ Tát Ma Ha Tát, họ tu cái pháp kiên cố trong trăm ngàn ức kiếp. Người niệm Phật, bảy ngày thì tu thành công, anh có thể tin được chăng? Là pháp khó tin. Chúng ta chỉ tu có bảy ngày mà vượt qua họ trăm ngàn ức kiếp. Xin thưa với quý vị, đây là thật. Nếu chẳng phải siêu việt một cách thù thắng như vậy, thì chẳng thể trong một đời anh niệm Phật vài năm thì đến Tây Phương Cực Lạc thế giới làm A Duy Việt Trí Bồ Tát. Người ta tu trăm ngàn ức kiếp vẫn chưa thấy được

A Di Đà Phật, vẫn chẳng biết có Tây Phương Tịnh Độ; thật sự là siêu việt.

Cho nên anh mới biết được, pháp môn này là chân thật bất khả tư nghị. Tất cả chư Phật tán thán thì tuyệt đối chẳng phải là ngẫu nhiên. Vậy những Bất Thoái Bồ Tát này, tất cả đều cầu sanh Tịnh Độ. "Kỳ đệ thập tam Phật danh viết Vô Úy". Đây là Phật sát thứ Mười Ba, phía trước nói về từ Mười Hai đến Mười Ba, nhất định là từ Viễn Chiếu Phật sát. Viễn Chiếu là cái thứ Nhất, cái thứ Hai là Đông Bắc phương Bảo Tạng Phật sát mãi cho đến chỗ này, họ theo tuần tự này mà xếp, đây là thứ Mười Ba, nêu ra thí dụ mười ba cái Phật sát. Phật danh là Vô Úy.

Kinh văn: "Bỉ hữu thất bách cửu thập ức đại Bồ Tát chúng".

Đại Bồ Tát chúng này tức là nói Bất Thoái Bồ Tát.

Kinh văn: "Chư tiểu Bồ Tát cập tỳ-kheo đẳng".

Đây tức là nói về tiểu hạnh Bồ Tát; là những người vãng sanh.

Kinh văn: "Bất khả xưng kế, giai đương vãng sanh".

Tại chỗ này Thế Tôn vì chúng ta sơ lược nêu ra mười ba cái Phật sát, một câu phía sau là tổng kết.

Kinh văn: "Thập phương thế giới chư Phật danh hiệu, cập Bồ Tát chúng đương vãng sanh giả, đản thuyết kỳ danh, cùng kiếp bất tận".

Chẳng cần nói cái khác, chỉ cần nói tên của Phật, những vị Bồ Tát vãng sanh, nói một kiếp cũng nói không hết; thì giống như cách nói đơn giản này, nói một kiếp cũng nói không hết. Thì anh biết được, nhóm Bất Thoái Bồ Tát này vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, có bao nhiêu người? Tại sao có nhiều người muốn cầu sanh Tịnh Độ như vậy? Tất nhiên có đạo lý, nhất định có đại lợi ích, có lợi ích chân chánh người ta mới chịu đi. Chúng ta nhìn thấy, có thể không

động tâm được sao? Nhìn thấy vẫn là chẳng động tâm, vậy người này nghiệp chướng sâu nặng; thì là đúng như vậy. Vì nghiệp chướng làm chướng ngại khiến cho họ chẳng động tâm, nếu là người có cái chướng này hơi cạn một tí, thấy tình trạng này nhất định sẽ động tâm, nhất định đi hỏi tại vì sao; họ cũng muốn cầu vãng sanh, điều này đều là chân tướng sự thật. Anh bảo, Thích Ca Mâu Ni Phật khuyên chúng ta vãng sanh Tây Phương thế giới, thập phương tất cả chư Phật khuyên chúng ta vãng sanh, đây là chứng minh. Tại trong Tam Chuyển Pháp Luân điều này gọi là Chứng Chuyển, đem chứng cứ ra cho anh xem, người vãng sanh nhiều như thế đó. Cho nên bản kinh là Tam

Chuyển Pháp Luân, có lý luận, có thí dụ, có chứng minh. Đoạn này là chứng minh.

Đến chỗ này, phần Chánh Tông của bản kinh đã giảng xong, còn phía dưới, từ phẩm Bốn Mươi Ba trở xuống là phần Lưu Thông của bản kinh. Kinh văn của kinh Vô Lượng Thọ đích thật chẳng dài, chỉ một quyển sách nhỏ, kinh văn không dài; song cấu kết của nó bày tại nơi đây quả là cấu kết của một bộ đại kinh, cùng kinh Hoa Nghiêm, Pháp Hoa chẳng khác, tại vì sao? Vì phần Tựa dài, phần Lưu Thông dài; chẳng giống như những kinh điển thông thường, phần tựa và phần lưu thông chỉ có vài hàng kinh văn. Còn nó thì rất dài, cho nên đây là kết cấu của đại kinh; có

nhiều người hiểu lầm, cho là chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, cho là Tự Liễu Hán, là người Tiểu Thừa. Nếu tự chúng ta đối với Tịnh Tông chẳng có nghiên cứu, nghe người ta phê bình như vậy, nghĩ lại cũng đúng, họ học Đại Thừa còn mình học Tiểu Thừa, mình chẳng bằng họ, thôi, mình không học Tịnh Độ nữa, không niệm Phật nữa, theo họ đi học Đại Thừa. Đây là đối với Tịnh Tông chẳng liễu giải, chẳng nhận thức, phạm phải lỗi lầm, tự mình tạo thành chướng ngại, tạo thành sự tổn thất nghiêm trọng. Vậy ở đây Phật nói với chúng ta minh minh bạch bạch, nói rõ với chúng ta, pháp môn này chẳng phải Tiểu Thừa.

Phi Thị Tiểu Thừa - Đệ Tứ Thập Tam

Kinh văn: "Phật cáo Từ Thị".

Gọi Di Lặc Bồ Tát, nói với Ngài, gọi tên của Ngài là phía dưới có đoạn khai thị quan trọng, đánh thức sự chú ý của Ngài.

Kinh văn: "Nhữ quán bỉ chư Bồ Tát Ma Ha Tát, thiện hoạch lợi ích".

Câu này là tổng kết một phẩm phía trước, ông hãy xem, thập phương thế giới Bồ Tát vãng sanh Cực Lạc thế giới đó, ông hãy xem những vị Bồ Tát Ma Ha Tát kia, xem họ "thiện hoạch lợi ích". Chữ then chốt này là ở

tại chữ Thiện, thiện hoạch cái gì? Họ biết đấy, họ biết hoạch được phương pháp lợi ích, phương pháp này là tối thiện xảo, tối thù thắng. Chữ Thiện này, thiện đến trình độ nào? Chư vị có thể trả lời được chăng? Đáp án đều tại trong kinh văn, tức là "Ư thất nhật trung, tức năng nhiếp thủ bách thiên ức kiếp, Đại Sĩ sở tu kiên cố chi pháp"; đây chẳng phải là thiện hay sao? Điều này quả thật bất khả tư nghị.

Kinh văn: "Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân".

Đây là Phật nói giả thuyết có thiện nam tử, thiện nữ nhân.

Kinh văn: "Đắc văn A Di Đà Phật danh hiệu, năng sanh nhất niệm hỷ ái chi tâm".

Anh nghe danh hiệu của A Di Đà Phật, nghe đến rất hoan hỷ, sanh được một niệm tâm này.

Kinh văn: "Quy y chiêm lễ, như thuyết tu hành, đương tri thử nhân, vi đắc đại lợi".

Chữ Đại này, chẳng có cách chi hình dung được, từ vô lượng kiếp đến nay chúng ta chẳng thể thoát ly sanh tử luân hồi, vô lượng kiếp đến nay cúng dường vô lượng chư Phật trồng thiện căn; thử nghĩ xem, ngày nay chúng ta vẫn còn là tình trạng này.

Niệm Phật vừa được vãng sanh thì phàm phu địa của chúng ta phút chốc thì kéo anh đến Thất Địa, Bát Địa Bồ Tát, còn nhanh hơn là ngồi phi cơ, trực thăng; còn gì lớn lao hơn lợi ích này nữa? Theo cách giảng thông thường, phàm phu chúng ta thật sự đã đoạn hết Kiến Tư phiền não rồi, như pháp tu hành, tu đến Thất Địa Bồ Tát, phải dùng hết hai A-tăng-kỳ kiếp. Còn chúng ta vài ngày thì thành công, anh bảo lợi ích này lớn đến trình độ nào. Trong kinh nói đến lớn, rốt cuộc lớn cỡ nào? Trong tâm chúng ta phải có cái khái niệm, không thể hàm hồ khái quát mới có thể biết được lợi ích chân thật của nó.

Vậy trong đây hai câu này là vô cùng quan trọng, "quy y chiêm lễ,

như thuyết tu hành", anh có thể được lợi ích lớn như vậy chăng? Trong khoảnh khắc thì từ phàm phu địa siêu việt thành Thất Địa Bồ Tát, then chốt là ở hai câu này. Chỉ cần đem hai câu này hiểu rõ ràng và làm được rồi, thì chư Phật Như Lai thấy được lợi ích của anh đều hoan hỷ; tất cả Bồ Tát thấy được anh đều bội phục. Đến Tây Phương Cực Lạc thế giới gặp được anh, những vị Đại Bồ Tát kia đều vỗ vai anh mà nói, anh quả là phi thường! Tại vì sao? Họ tu đã ba đại A-tăng-kỳ kiếp mới được địa vị này, còn sao anh một khoảnh khắc thì được liền? Sao họ có thể chẳng bội phục chứ? Giống như ngôi nhà lầu cao năm mươi tầng, họ là leo thang lầu từng bước, khổ nhọc lắm mới lên đến đỉnh; còn anh

thì đi thang máy, phút chốc thì lên rồi, sao họ chẳng bội phục được chứ? Thật sự bội phục, tốc độ này của anh quá nhanh; đây gọi là nhất bộ đăng thiên.

Cho nên Quy Y, đây là điều kiện thứ nhất, Quy là hồi đầu, từ lục đạo luân hồi hồi đầu; Y là nương vào Tây Phương Cực Lạc thế giới. Việc của lục đạo luân hồi tôi không làm, tôi đều hết lòng đem nó xả bỏ hết, nhất tâm hâm mộ mơ ước Tây Phương Cực Lạc thế giới, nương tựa Tây Phương Cực Lạc thế giới. Từ tất cả chư Phật, Bồ Tát quay đầu trở lại, trước kia tôi hay lạy Phật, lạy Bồ Tát, đã lạy một đống lớn, bây giờ tôi hồi đầu rồi, chuyên lạy A Di Đà Phật; tôi phải nương tựa A Di Đà Phật, nương

tựa một vị Phật. Trước kia tôi đã niệm nhiều kinh điển, nào là kinh Hoa Nghiêm, kinh Pháp Hoa, kinh Kim Cang, một đống lớn, bây giờ cả thảy tôi đều chẳng niệm nữa, chuyên môn nương nhờ vào kinh Vô Lượng Thọ. Anh phải biết từ đâu mà quy, quy cái gì? Anh phải biết rõ đạo lý này. Chúng ta từ thế, xuất thế gian mà hồi đầu.

Chẳng những thế gian pháp mà xuất thế gian pháp thảy đều hồi đầu, chuyên nương vào kinh Vô Lượng Thọ, đây gọi là Quy Y. Lại khi niệm A Di Đà Phật, vẫn chẳng thể quên được Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, vì cảm tình sâu dầy, không thể quên được Ngài. Lại chẳng thể quên Quán Thế Âm Bồ Tát, nghĩ rằng khi tôi gặp

nạn, Ngài chẳng đến cứu tôi. Còn cũng phải niệm Dược Sư Như Lai, vì gặp lúc đau bệnh còn có biện pháp có người đến giúp đỡ. Anh đem chư Phật, Bồ Tát, chia một người làm một sự việc, đắc tội một vị nào cũng không được, vị nào có liên quan đến cuộc sống của tôi, cả thảy đều phải niệm. Đây là tạp niệm rồi, loạn niệm rồi, đây tức là chẳng có Quy cũng chẳng có Y, cách này không được. Chư vị phải biết, đặc biệt là anh niệm A Di Đà Phật, thì sở hữu tất cả chư Phật đều tôn kính anh, nếu anh có bệnh, sao Dược Sư Phật không thể đến? Hắn là học trò của A Di Đà Phật, hãy mau đến. Anh niệm Ngài, ngược lại chưa chắc Ngài đến, nói: "Ngươi nịnh ta, thôi đi, chưa chắc ta nhận sự nịnh

bợ của ngươi", Ngài vẫn chẳng giúp anh! Còn anh niệm A Di Đà Phật thì Ngài chẳng thể không giúp.

Tất cả chư Phật Như Lai đều tôn trọng, đều hộ niệm học trò của A Di Đà Phật; học trò của A Di Đà Phật thật là phi thường. Chư Phật hộ niệm, long thiên ủng hộ, cho nên anh phải biết được Quy Y. Chiêm Lễ tức là niệm Phật, thân lễ kính A Di Đà Phật. Thân lễ kính, vậy cách lễ kính này, tôi cũng đã từng nói qua với quý vị phía trước rồi, không nhất định là phải lạy bao nhiêu lạy mỗi ngày, chẳng phải nghĩa này. Anh có thì giờ lạy Phật, đương nhiên rất tốt, không có thì giờ cũng không sao, lễ kính là anh với tâm chân thành cung kính đối với A Di Đà Phật, đối với Tây Phương Cực

Lạc thế giới, đây tức là lễ bái, đây tức là Lễ. Chiêm tức là niệm, miệng xưng danh, trong tâm quán tưởng, trong tâm nghĩ tưởng A Di Đà Phật, miệng niệm danh hiệu của A Di Đà Phật, thân lễ kính A Di Đà Phật, tam nghiệp cung kính.

"Như thuyết tu hành", Như Thuyết tức là Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta giảng bộ kinh Vô Lượng Thọ này, y theo lý luận, phương pháp, lời dạy của bộ kinh này mà tu hành. Đem cái tư tưởng hành vi sai quấy của chúng ta, lấy tiêu chuẩn của kinh Vô Lượng Thọ để tu chỉnh trở lại, đây gọi là "như thuyết tu hành", thì chúng ta hiểu rõ. Làm được như vậy thì Tâm của chúng ta, Nguyện của chúng ta, Giải của chúng ta, Hạnh của chúng ta

đều cùng A Di Đà Phật như nhau; đây gọi là chân chánh học Phật.

Học vị Phật nào đây? Học vị Phật trung chi vương A Di Đà Phật, lấy A Di Đà Phật làm gương mẫu, lấy A Di Đà Phật làm điển hình, chúng ta y theo mẫu mực này để tu chính mình, đem tự mình tu được cùng với A Di Đà Phật một mẫu, một thứ. Vậy thì làm sao chẳng thành Phật chứ, làm sao chẳng vãng sanh chứ? Người này đã được lợi ích đấy, lợi ích lớn đến ngay cả Phật cũng chẳng nói ra hết được.

Kinh văn: "Đương hoạch như thượng, sở thuyết công đức".

Nhất định họ có thể hoạch được công đức lợi ích như phía trước chỗ nói đó, họ có thể nói được.

Kinh văn: "Tâm vô hạ liệt, diệc bất cống cao".

Cái tâm này chẳng hạ liệt, tức là người thông thường hiện nay gọi là tự ti mặc cảm. Họ sẽ chẳng có tự ti, họ cũng chẳng có ngạo mạn, tâm của họ thanh tịnh. Bởi vì họ hiểu rõ đạo lý Phật nói, biết được Sanh Phật bình đẳng, biết được Tánh Tướng nhất như, cho nên họ đối với tất cả pháp đều chẳng phân biệt, chẳng chấp trước. Tâm của họ là thanh tịnh, bình đẳng, giác. Cho nên cái tự ti và ngạo mạn đều chẳng còn.

Kinh văn: "Thành tựu thiện căn, tất giai tăng thượng".

Thiện căn chỗ họ thành tựu đó, ngày ngày đang tăng trưởng, Tăng Thượng là nghĩa tăng trưởng. Do đây có thể biết, họ chẳng thoái chuyển, ngày ngày đang tiến bộ.

Kinh văn: "Đương tri thử nhân phi thị Tiểu Thừa, ư ngã pháp trung, đắc danh đệ nhất đệ tử".

Chúng ta đọc xong câu kinh văn này, cảm thấy hân hoan an ủi chẳng gì bằng; chẳng những chúng ta là đang học Phật, chúng ta là đệ nhất đệ tử của A Di Đà Phật. Tại nơi đây Thế Tôn vì chúng ta thọ ký, chỉ cần chúng

ta làm được tám chữ ở phía trước, "quy y chiêm lễ, như thuyết tu hành", thì anh là đệ nhất đệ tử của A Di Đà Phật. Chỉ cần anh đem tám chữ này làm được thì Thích Ca Mâu Ni Phật thọ ký cho anh, anh là Như Lai đệ nhất đệ tử, nếu như anh thật sự rõ ràng rồi, thật sự minh bạch rồi, anh có thể chẳng làm hay sao? Di Đà đệ nhất đệ tử, anh nghĩ thử xem, có vị Phật nào chẳng hộ niệm cho anh? Có vị thần hộ pháp nào chẳng bảo hộ cho anh? Hiện nay ở tại thế gian này anh vẫn chưa vãng sanh đến Cực Lạc thế giới, tôi tin tưởng sâu sắc rằng, anh có được tự tại vô ngại rồi, đã là sự sự như ý rồi. Bởi vì chư Phật hộ niệm anh, tất cả chư Phật, thiện thần đều bảo hộ, phò trợ cho anh, làm sao anh

chẳng như ý, làm sao anh chẳng tự tại chứ?

Đều bởi vì anh là Như Lai đệ nhất đệ tử, câu kinh văn chỗ này cùng bản kinh. Trong phẩm thứ Nhất, trong phần Chánh Tín Tự, anh xem, được liệt vào hàng Thượng Thủ; người thứ nhất là tôn giả Kiều Trần Như. Kiều Trần Như là sau khi Thích Ca Mâu Ni Phật thành Phật, người đầu tiên chứng quả A La Hán; đem người thứ nhất kia đặt tại phía trước nhất trong kinh điển. Thì chỗ này nói: "Đương tri thử nhân, phi thị Tiểu Thừa, ư ngã pháp trung, đắc danh đệ nhất đệ tử", thì trước sau hộ ứng với nhau. Vậy do đây có thể biết, bộ kinh này tức là Như Lai chỗ nói Đệ Nhất Kinh, đây làm sao có thể sai lầm được? Lúc

chúng ta in kinh sách này, tôi có khắc một con dấu với chữ Như Lai Sở Thuyết Đệ Nhất Kinh, in nơi phía trên, tức là căn cứ chỗ này nói đó. Mất hết bao nhiêu năm, nay mới biết giá trị của món hàng; trước kia chẳng biết giá trị của nó, kinh điển nhiều như vậy chẳng biết bộ nào là đệ nhất, giờ đây mới nhận chân, thật sự đem nó nhận ra rồi, kinh này là đệ nhất kinh, pháp môn này là đệ nhất pháp môn, người y theo pháp môn này tu hành là Như Lai đệ nhất đệ tử.

Vậy Như Lai nào nhận anh làm đệ nhất đệ tử? Đương nhiên là Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật cùng A Di Đà Phật quyết định thừa nhận. Không những hai vị này thừa nhận, mà sở hữu tất cả chư Phật Như Lai đều thừa

nhận anh là đệ nhất đệ tử của họ. Đệ nhất đệ tử là học trò vâng lời nhất, là học trò ưa thích nhất, tại sao ưa thích nhất? Bởi vì anh sẽ lập tức thành Phật rồi, sao họ chẳng ưa thích chứ? Vừa vãng sanh thì thành Phật, quyết định một đời thành Phật, là đạo lý như vậy. Chư vị thử nghĩ xem, còn có một bộ kinh điển nào, còn có pháp môn nào có thể có sự thù thắng như vậy? Trong thế pháp, trong Phật pháp, tôi là người rất biết lựa lọc, cái gì mà không tốt, tôi quyết định chẳng cần nó, nhất định tôi phải chọn cái tốt nhất; chọn được các thứ khác càng tốt hơn thì phía trước lập tức bỏ đi. Anh coi tôi đây, trước kia nghiên cứu Lăng Nghiêm, nghiên cứu Pháp Hoa, đến khi tiếp xúc với kinh Vô Lượng Thọ

thì tất cả thảy đều bỏ hết, đều chẳng cần nữa, tôi đã rõ ràng, tôi rất biết lựa chọn. Câu này vô cùng vô cùng quan trọng, thật tại là câu kinh bất khả tư nghị, chúng ta phải hết lòng, phải trân quý. Nếu sau này người ta nói anh là hạng tu Tiểu Thừa, tu Tự Liễu Hán, anh đem đoạn kinh văn này niệm cho họ nghe.

Kinh văn: "Thị cố cáo nhữ thiên nhân thế gian A Tu La đẳng, ưng đương ái nhạo tu tập, sanh hy hữu tâm".

Đoạn kinh văn này là Thế Tôn khuyến dẫn đại chúng y giáo tu hành, chẳng nên nghi hoặc. Thị Cố là vì

phía trước chỗ nói cái duyên cớ này, nên Phật mới nói với nhóm thiên nhân dự hội. Thiên nhân ngu si, mê hoặc, chẳng biết giá trị món hàng, chẳng biết pháp môn này là đệ nhất. A Tu La, khi đề cập đến A Tu La thì biết trong đại chúng dự hội có bát bộ quỷ thần, những người này đều là lục đạo phàm phu. Cho nên ở chỗ này Phật đặc biệt khuyến miễn họ phải nên "ái nhạo tu tập", phải nên ưa thích bộ kinh điển này, chữ Nhạo là ưa thích pháp môn này. Thì giống như chỗ Phật nói ở phía trước, "quy y chiêm ngưỡng, như thuyết tu hành, sanh hy hữu tâm", câu này nói được vô cùng hay. Cổ đức thường nói, từ vô lượng kiếp đến nay hy hữu khó gặp, bộ kinh điển này đích thật là như

vậy, vô lượng kiếp đến nay hy hữu khó gặp. Anh chớ xem thường, chẳng phải hiện nay chúng ta gặp được rồi sao! Chẳng phải rất dễ gặp được. Kinh Vô Lượng Thọ đã in nhiều như vậy, phân phát đến khắp nơi, chẳng phải rất dễ gặp được sao? Không dễ dàng, quá khó quá khó. Trong vô lượng kiếp khó gặp được một lần, cho nên phải "sanh hy hữu chi tâm".

Kinh văn: "Ư thử kinh trung, sanh Đạo Sư tưởng".

Đạo Sư là Phật, dẫn đạo chúng ta đoạn phiền não chứng Bồ Đề, dẫn đạo chúng ta liễu sanh tử, xuất tam giới, dẫn đạo chúng ta phá mê khai ngộ lìa khổ được vui, dẫn đạo chúng ta vãng

sanh Tịnh Độ, chứng cứu cánh Phật quả; là Đạo Sư đấy. Vị thầy này là ai vậy, tức là kinh Vô Lượng Thọ. Kinh Vô Lượng Thọ tức là đạo sư của chúng ta, kinh Vô Lượng Thọ tức là thiện tri thức của chúng ta, là thiện hữu của chúng ta. Mỗi ngày chúng ta đem nó niệm một biến tức là tiếp thọ sự chỉ dạy của thầy. Thầy từ bi chỉ dạy, chúng ta phải tín thọ phụng hành, chúng ta phải tin, chẳng hoài nghi, phải tiếp thọ, phải như thuyết tu hành. Phụng hành tức là "như thuyết tu hành", đây là tự tu, tự lợi.

Kinh văn: "Dục linh vô lượng chúng sanh, tốc tật an trụ đắc bất thoái chuyển".

Chúng ta còn có tâm từ bi, ta có được lợi ích rồi, có được chỗ tốt rồi; nhìn thấy có rất nhiều chúng sanh, bao gồm gia thân quyến thuộc và bạn bè của chính chúng ta, họ vẫn chưa có được. Chúng ta hy vọng họ đều có thể có được thảy, "dục linh vô lượng chúng sanh". Tốc tức là nhanh chóng đều có thể có được, đều có thể giống như chúng ta an trụ đắc bất thoái chuyển, chúng ta thân tâm an ổn, trụ tại bất thoái chuyển địa. Câu bất thoái chuyển địa này, đã nói rất tường tận ở phía trước, rất minh bạch, quyết định chẳng vì thế pháp sở động; trong thế pháp, danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, không bị nó sở động. Chẳng bị bất cứ một bộ kinh điển nào, bất cứ một pháp môn nào trong Phật pháp sở

động, cương quyết một lòng, nhất tâm nhất ý chuyên Tịnh Độ, đây là "an trụ bất thoái chuyển địa".

Kinh văn: "Cập dục kiến bỉ quảng đại trang nghiêm, nhiếp thọ thù thắng Phật sát, viên mãn công đức giả, đương khởi tinh tấn, thính thử pháp môn".

Đây là chúng ta muốn giúp đỡ chúng sanh, giúp đỡ họ thì làm thế nào? Vẫn phải khuyên họ nghe pháp môn này, khuyên họ đọc kinh Vô Lượng Thọ, khuyên họ nghe kinh Vô Lượng Thọ. Trong câu thứ hai này, lợi ích lại càng thù thắng, vì sao? Muốn thấy Tây Phương Cực Lạc thế giới "quảng đại trang nghiêm nhiếp

thọ thù thắng". Bốn chữ Nhiếp Thọ Thù Thắng này, hiện nay chúng ta đọc rồi, có được một tí ấn tượng, có một tí khái niệm. Vậy thù thắng đến trình độ nào? Phía trước chỗ Phật nói, thập phương vô lượng vô biên Phật sát, trong mỗi một Phật sát có vô lượng vô biên Bồ Tát, hết thảy đều đi vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đây là thù thắng của sự nhiếp thọ, đều là Bất Thoái Bồ Tát đi vãng sanh.

"Viên mãn công đức", thập phương thế giới tu hành, tuy có vô lượng công đức nhưng chưa có viên mãn; nếu đã viên mãn rồi thì hà tất phải đến Tây Phương Cực Lạc thế giới? Chúng ta đọc kinh Hoa Nghiêm, trong kinh Hoa Nghiêm thấy được Văn Thù, Phổ Hiền cùng bốn mươi

mốt vị Pháp Thân Đại Sĩ vẫn phải phát nguyện cầu sanh Cực Lạc thế giới, vì sao? Nếu như tại trên hội Hoa Tạng thế giới Tỳ Lô Giá Na Phật, cũng có thể được viên mãn công đức thì nhóm người này chẳng có cái tất yếu phải phát nguyện cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, chẳng cần yếu. Họ vẫn phải cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, điều này nói rõ, Tây Phương Tịnh Độ là viên mãn công đức, cứu cánh viên mãn. Cho nên ngay cả hai vị Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền ở hai bên Tỳ Lô Giá Na Phật còn phải cầu sanh Cực Lạc thế giới, đạo lý là ở chỗ này.

Chúng ta thấy được sự thật này rồi, có thể chẳng cầu sanh hay sao? Có thể chẳng muốn thấy A Di Đà Phật hay sao? Nhất định là đạo lý

hiểu rõ ràng rồi, chân tướng sự thật thảy đều hiểu minh bạch thì tự nhiên sẽ sanh tâm tinh tấn, muốn nghiên cứu pháp môn này, nghiên cứu kinh điển này, muốn đi thâm nhập. Duy chỉ có đoạn nghi thì tín tâm thanh tịnh của chúng ta mới sanh ra được, anh mới có thể chân tâm niệm Phật, chân tâm cầu sanh. Người niệm Phật thì nhiều, người vãng sanh thì ít, tại sao vậy? Vì người niệm Phật chẳng có chân tâm, tại sao chẳng có chân tâm? Vì đạo lý chưa thấu rõ, chân tướng sự thật chưa rõ ràng. Cho nên tuy họ niệm Phật, tuy họ cầu sanh, song tâm nguyện của họ chẳng khẩn thiết, nếu như bây giờ có những lợi ích khác hiện tiền thì họ lập tức đi mất. Tối nay có thể lời được một triệu Mỹ kim

thì anh sẽ đến nghe kinh không? Không nghe, tôi kiếm tiền quan trọng hơn! Anh xem, một triệu Mỹ kim thì liền đem cái lợi ích thù thắng của anh đoạn mất, lời được một triệu Mỹ kim vẫn là sanh tử luân hồi, là mối lợi quá nhỏ. Còn đây là đại lợi nhưng anh chẳng nhận thức, anh chẳng biết đây là đại lợi; anh đem cái này coi là nhỏ, đem cái kia coi là lớn, điên đảo vọng tưởng đấy, lập tức liền mê hoặc điên đảo. Người ngu si như vậy ở thế gian rất nhiều, có thể chính mình cũng vậy. Vì sao đêm nay quý vị đến nghe kinh? Vì đêm nay chẳng có kiếm ra tiền, chẳng dễ dàng đâu, thật tại chẳng dễ dàng.

Kinh văn: "Vị cầu pháp cố, bất sanh thoái khuất siểm ngụy chi tâm".

Vì cầu pháp, chân tâm chân ý, chẳng thể thoái khuất, chẳng phải hư ngụy, chẳng phải dã tâm. Nếu anh cho là anh chân tâm, cái thí dụ vừa rồi của tôi là rất thực tế, nếu như lợi ích này bày ở trước mặt anh, anh rất động tâm, anh mới biết được tâm của anh là "thoái khuất siểm ngụy", thì vốn anh không phải là chân tâm. Tuy nhiên chính anh chẳng hay biết việc này, anh tự cho là anh rất chân tâm, thành tâm thành ý đang học Phật. Cái thành tâm thành ý của anh chịu không nổi sự khảo nghiệm, tại vì sao? Vì danh văn lợi dưỡng vừa dụ hoặc thì lập tức hiện nguyên hình ra, chịu không nổi

sự khảo nghiệm, chẳng phải chân tâm. Cho nên chân tâm thì thế, xuất thế gian pháp gì có bày ra, đó thì tuyệt đối chẳng lay động, anh xem mấy câu phía dưới:

Kinh văn: "Thiết nhập đại hỏa, bất ưng nghi hối".

Cho dù là bảo anh nhảy vào lửa mạnh, anh cũng chẳng hoài nghi, anh cũng chẳng hối hận, khảo nghiệm chân tâm của anh, anh chân thành đến trình độ nào? Có thể vãng sanh bất thoái thành Phật trong một đời này chăng?

Kinh văn: "Hà dĩ cố? Bỉ vô lượng ức chư Bồ Tát đẳng, giai tất

cầu thử vi diệu pháp môn, tôn trọng thính văn, bất sanh vi bội”.

Phật nói đến thập phương thế giới vãng sanh, những vị Bất Thoái Bồ Tát này, vì sao họ thành tựu? Vì họ thật sự cầu pháp môn này, là chân cầu; pháp môn này là đệ nhất “vi diệu pháp môn”, vượt hơn trên tất cả kinh luận. Không chỉ là Thích Ca Mâu Ni Phật bốn mươi chín năm chỗ nói, mà còn là kinh của thập phương ba đời tất cả chư Phật chỗ nói, kinh Vô Lượng Thọ, thảy đều siêu việt tất cả, cho nên nó quả thật là Như Lai chỗ thuyết đệ nhất kinh. Điều này chẳng phải là tôi tu Tịnh Độ, ở nơi đây đang khoe khoang Tịnh Độ, chỗ gọi là “cụ Vương bán dưa, tự bán tự khoe”,

chẳng phải thế! Sự thật là như vậy, thứ thứ đều như ý, y theo sự thật mà nói, tuyệt đối chẳng có khoe khoang, sự thật nó là như thế. Nếu anh cho là ở đây tôi đang khoe khoang vì tôi tu Tịnh Độ, đang tán dương Tịnh Độ! Ôi chao, điều này hơi quá lời một tí. Anh mang cái tâm nghi hối thì anh sai rồi, cho nên chư vị đọc kinh văn cho kỹ lưỡng, kỹ lưỡng để thể hội, để phỏng đoán thì anh biết được là thật, một tí đều chẳng giả. Cho nên nhóm Bồ Tát đó, khi tiếp xúc đều "tôn trọng thính văn"; duy có tôn trọng thính văn cho nên gọi là tôn sư trọng đạo, đối với thầy tôn kính, vì sao? Vì tôn sư trọng đạo, cách thính văn như vậy thì họ được lợi ích.

Trước kia đã từng có người thỉnh giáo Ấn Quang đại sư rằng: "Học Phật có bí quyết hay không?" Đây là Ấn Quang đại sư viết trong Văn Sao, Ấn Quang đại sư đáp phúc họ rằng: "Có". Là hai chữ "Thành Kính", là bí quyết của sự học Phật. Thành Kính, có một phần thành kính thì được một phần lợi ích, hai phần thành kính thì được hai phần lợi ích, mười phần thành kính thì được mười phần lợi ích; sự tôn trọng thính văn tức là thành kính. Nếu người có được mười phần thành kính, thì nghe kinh có thể khai ngộ. Vì sao nghe kinh chẳng thể khai ngộ? Vì tâm thành kính không đủ. Cho nên cái tâm thành kính của người thông thường lúc nghe kinh chỉ có một, hai phần, cho nên được chẳng

nhiều lợi ích; nếu có được chín, mười phần thì có thể khai ngộ. Những vị Bồ Tát này mười phần cung kính, "bất sanh vi bội". Câu "bất sanh vi bội" này hàm chứa chỗ giảng phía trước về "quy y chiêm lễ, như thuyết tu hành", họ chẳng trái ngược, thảy họ đều làm được cả. Cho nên họ sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới, được thấy A Di Đà Phật, thấy Phật, nghe pháp, viên mãn công đức là sự việc như vậy. Câu sau cùng này là cho chúng ta một sự cảnh giác rất lớn.

Kinh văn: "Đa hữu Bồ Tát, dục văn thử kinh nhi bất năng đắc".

Đây là sự thật, tại sao có nhiều vị Bồ Tát muốn nghe kinh này mà nghe

chẳng được! Bồ Tát nếu biết có bộ kinh này, làm gì có đạo lý chẳng có được? Là Bồ Tát nghĩ rằng, tốt nhất có được một bộ kinh, có được một phương pháp có thể khiến chúng ta mau mau thành Phật, chẳng cần đến ba đại A-tăng-kỳ kiếp, chẳng cần phải mất vô lượng kiếp, chẳng cần phải dài dòng phiền phức như vậy! Nghĩ có bộ kinh này không? Họ chẳng biết, chưa nghe nói qua, vô duyên nên chẳng có duyên phần. Cho nên là "dục văn thử kinh, nhi bất năng đắc", chẳng biết có bao nhiêu Bồ Tát, số người này so với số người vãng sanh kia, không biết là nhiều hơn bao nhiêu lần.

Kinh văn: "Thị cố nhữ đẳng ưng cầu thử pháp".

Bởi vì duyên cớ này, ngày nay quý vị có duyên, thiện căn, phước đức, nhân duyên trong giờ phút này ba điều kiện này thảy đều đầy đủ cả. Ở chỗ này Phật khuyên chúng ta ưng cầu thử pháp, quý vị phải nên hết lòng để cầu sanh Tịnh Độ, quy y chiêm lễ như thuyết tu hành; thì đây là đúng. Anh xem, ở chỗ này Phật khuyến cáo bao nhiêu lần, khuyên chúng ta cầu sanh Tịnh Độ. Hôm nay xin giảng đến đây. A Di Đà Phật

Tập 28

Xin lật kinh bản, trang một trăm tám mươi, hàng thứ nhất.

Thọ Bồ Đề Ký - Đệ Tứ Thập Tứ

Xin xem kinh văn.

Kinh văn: "Nhược ư lai thế, nãi chí chánh pháp diệt thời, đương hữu chúng sanh, thực chư thiện bổn, dĩ tằng cúng dường vô lượng chư Phật. Do bỉ Như Lai gia oai lực cố, năng đắc như thị quảng đại pháp môn".

Đến chỗ này là một đoạn nhỏ, trước tiên chúng ta xem thử; trong

này vì chúng ta giảng về Phật pháp tại thế gian này, có bốn thời kỳ. Vậy đây là sau khi Phật diệt độ, pháp vận của Phật tổng cộng có một vạn hai ngàn năm, Chánh Pháp một ngàn năm. Trong kinh văn nói: "Nhược ư lai thế", ý nghĩa của câu này là sau khi Phật diệt độ; vậy thì Chánh Pháp một ngàn năm nói là: "Nãi chí Chánh Pháp diệt thời", đây tức là sau khi Phật diệt độ một ngàn năm sau. Vậy sau đấy là thời kỳ Tượng Pháp cùng với thời Mạt Pháp, Mạt Pháp là một vạn năm; nói một cách khác, chúng ta ở trong thời đại hiện nay này, vừa đúng bao gồm trong thời kỳ này. Cũng tức là bảo, kinh này là vì chúng ta mà nói.

"Đương hữu chúng sanh", đây là nói chúng sanh có duyên, nhân duyên gì vậy? Cái nhân duyên này thật là sâu rộng vô hạn. "Thực chư thiện bổn", trong đây một câu khẩn yếu nhất tức là xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật, đây là "thực chư thiện bổn". "Dĩ tằng cúng dường vô lượng chư Phật", ở chỗ này chúng ta thấy được cái sâu, cái rộng của duyên. Vô lượng chư Phật, thật tại chẳng có phương pháp tính ra được, đây gọi là vô lượng chư Phật; đây là trong đời quá khứ của họ, thiện căn sâu dầy, thiện căn, phước đức sâu dầy. Trong kinh chỗ nói đến, "bất khả dĩ thiểu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc", đây là thiện căn, phước đức sâu dầy.

"Do bỉ Như Lai, gia oai lực cố", chữ Bỉ này, không chỉ là Tây Phương thế giới A Di Đà Phật, mà là anh đã từng cúng dường vô lượng chư Phật; những vị Phật Như Lai đều lấy bổn nguyện oai thần gia trì cho anh. Ngày nay anh tiếp xúc đến bộ kinh này, tiếp xúc đến pháp môn này, nghe rồi anh mới có thể sanh hoan hỷ tâm, mới có thể khởi dậy tín nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Nói một cách khác, nếu như chẳng có cơ sở thâm hậu như vậy, thì cho dù anh có gặp được pháp môn này, anh cũng rất khó tin tưởng, chẳng dễ tiếp thọ; đây là chỗ chư Phật gọi là "nan tín chi pháp". Tại sao khó? Chúng ta hãy xem đoạn kinh văn này thì biết được nguyên nhân của cái Khó ấy, là trong đời quá khứ của họ,

thiện căn, phước đức không đủ; phải nên bồi dưỡng thiện căn, phước đức này cho thật sâu.

"Năng đắc như thị, quảng đại pháp môn", pháp môn này, Thế Tôn, Thích Ca Mâu Ni Phật tự xưng tán, pháp môn này là pháp môn rộng lớn nhất trong tất cả pháp môn. Rộng thế nào, lớn thế nào? Chúng ta đều đọc qua hai phẩm phía trước rồi, đều thấy được sự thật này.

Kinh văn: "Nhiếp thủ thọ trì".

Nhiếp thủ là A Di Đà Phật tiếp dẫn chúng ta, Nhiếp thủ tức là nghĩa tiếp dẫn, Ngài đến hoan nghênh chúng ta, nghênh tiếp chúng ta. Còn Thọ trì? Là công việc của chính

chúng ta, chúng ta phải tiếp thọ, chúng ta phải bảo trì, không thể đem nó đánh mất, thì công đức lợi ích thù thắng này, tự nhiên liền có được.

Kinh văn: "Đương hoạch quảng đại Nhất Thiết Trí Trí".

Đây là nói anh chắc chắn có thể có được. Có được cái gì? Được cái trí tuệ trên quả địa của Như Lai. Câu: "Nhất Thiết Trí Trí" này tức là "nhất thiết chủng trí", hai chữ Trí, một chữ là nói Căn Bản Trí, một chữ là nói Hậu Đắc Trí; phía trên có chữ Nhất Thiết, đây tức là hai thứ trí tuệ viên mãn trên quả địa của Như Lai.

Kinh văn: "Ư bỉ pháp trung, quảng đại thắng giải".

Chữ Bỉ Pháp này là chỉ cho Tịnh Độ pháp môn. Trong Đại Kinh, Thích Ca Mâu Ni Phật thường nói Tịnh Độ pháp môn là "duy Phật dữ Phật phương năng cứu cánh", chỉ có những người thành Phật rồi, họ mới thật sự triệt để hiểu rõ. Nếu như Đẳng Giác Bồ Tát chẳng được chư Phật oai thần gia trì, cũng chẳng thể cứu cánh viên mãn; có thể thấy pháp môn này quả là rất sâu, rất rộng. Vậy ngày nay chúng ta tiếp xúc đến kinh điển này, đọc tụng, nghe giảng, cơ hồ như chẳng khó! Chúng ta cũng có thể lý giải được mà, đây là nguyên nhân gì vậy? Là "do bỉ Như Lai gia oai lực cố",

anh mới hiểu rõ được. Cùng một đạo lý, tôi đang ngồi tại đây giảng, cũng chư Phật Như Lai oai thần gia trì. Nếu chẳng gia trì thì tôi cũng chẳng thể nói được, quý vị nghe cũng chẳng hiểu. Bây giờ tôi có thể nói được một tí, quý vị nghe cũng hiểu được một tí, cả thảy đều là hiệu quả trong đời quá khứ cúng dường vô lượng chư Phật, A Di Đà Phật Bốn Mươi Tám Nguyện gia trì; cho nên chúng ta năng giải. Chẳng những năng giải mà còn thắng giải, Thắng là thù thắng, cũng tức là nói lý giải của chúng ta có trình độ thấu triệt tương đương, chẳng phải là cái trí cạn cợt tầm thường.

Kinh văn: "Hoạch đại hoan hỷ, quảng vị tha thuyết, thường nhạo tu hành".

Có được chân chánh pháp hỷ sung mãn, có cái tâm hoan hỷ này, cho nên mới ưa thích đến khắp nơi khuyến miễn kẻ khác, đem pháp môn này giới thiệu cho kẻ khác, tiến cử cho người khác; đây tức là "quảng vị tha thuyết". Còn chính mình thì vô cùng ưa thích, y theo lý luận của kinh điển này để tu hành. Hai câu phía sau này, quyết định chẳng phải miễn cưỡng; là tự tự nhiên nhiên nhất định anh sẽ làm như vậy. Phải hỏi, vì nguyên nhân gì mà làm như vậy? Tức là phía trước "ư bỉ pháp trung, quảng đại thắng giải, hoạch đại hoan hỷ". Quả thật anh đã

hiểu rõ rồi, thật sự thấu triệt rồi, gặp được lợi ích chân thật này thì nhất định sẽ làm như vậy.

Kinh văn: "Chư thiện nam tử, cập thiện nữ nhân, năng ư thị pháp, nhược dĩ cầu, hiện cầu, đương cầu giả, giai hoạch thiện lợi".

Phía trước chỗ Phật nói đoạn này, đây là cái đại tiền đề, nói rõ trạng huấn của Tượng Pháp về sau; Tượng Pháp về sau vừa đúng lúc Phật pháp truyền đến Trung Hoa. Phật pháp truyền đến Trung Hoa vừa vào lúc Phật diệt độ một ngàn năm, là truyền đến Trung Hoa vào thời đại Hậu Hán, thời vua Hán Minh Đế thập niên Vĩnh Bình. Vậy trong thời gian một ngàn

chín trăm năm nay, từ Hán Minh Đế tính đến ngày nay, là hơn một ngàn chín trăm năm, gần hai ngàn năm. Tại lịch đại Trung Hoa, từ trong lịch sử ghi chép chúng ta thấy được, đích thật như trong kinh chỗ nói sự hoằng truyền của Tịnh Tông, mỗi một triều đại đều có rất nhiều người, không chỉ là nhóm tổ sư đại đức. Ngày nay đọc phần kinh văn này chúng ta mới hoảng nhiên đại ngộ! Thì ra những người này, trong đời quá khứ, thiện căn, phước đức, nhân duyên đều là thù thắng chẳng gì sánh bằng. Tự mình tích đức thâm hậu, hiện tiền được Phật lực gia trì, tự mình có thành tựu, có thể đem pháp môn này tận tâm tận lực đẩy mạnh rộng rãi; điều này là chỗ nói phía trước đó.

Còn đoạn này Phật đã nói, "chư thiện nam tử cập thiện nữ nhân", trong hai câu này bao gồm tứ chúng đệ tử, hai chúng tại gia và hai chúng xuất gia. Sự hoằng truyền của Tịnh Tông, đích thật là người xuất gia đã chiếm ưu thế rất lớn, đặc biệt hơn hết là trong thời đại Mạt Pháp này, anh xem, rất nhiều địa phương đều có xây cất Liên Xã, mà người chủ trì Liên Xã là người tại gia nhiều hơn người xuất gia. Người chủ trì Liên Xã như Cư Sĩ Lâm của địa phương này, nghe cái danh xưng này thì anh liền biết là tại gia cư sĩ chủ trì. Vô cùng phù hợp chỗ bổn kinh nói, nơi trong phần Tựa kinh này chúng ta thấy được, Thế Tôn vì chúng ta liệt kê ra những vị Thượng Thủ dự hội, có mười sáu vị tại gia cư

sĩ, đại đức xuất gia chỉ kê ra có năm vị. Tại gia có mười sáu vị, đây tức là pháp môn này quả thật là lấy tại gia đồng tu làm chủ. Anh hỏi tại sao vậy? Vì tại gia đồng tu đã từng cúng dường vô lượng chư Phật trong quá khứ, là đạo lý như vậy. Người xuất gia quả thật là số ít, là đảm nhiệm công tác hoằng truyền, đây tức là chư vị lịch đại tổ sư đại đức, họ gánh vác trách nhiệm hoằng truyền.

Vậy thì câu "thiện nam tử, thiện nữ nhân", tứ chúng đệ tử "năng ư thị pháp", chữ Thị Pháp tức là chuyên chỉ cho kinh Vô Lượng Thọ, chuyên chỉ cho Tịnh Tông pháp môn, "nhược dĩ cầu", đã phát tâm cầu nguyện vãng sanh. Hoặc giả là "hiện cầu", hiện tại cầu. Hoặc giả là "đương cầu", tương

lai cầu; Đương là tương lai. Mạt Pháp là một vạn năm, vẫn còn chín ngàn năm, đây là chiếu theo lối ghi chép trong lịch sử Trung Hoa; một ngàn năm thứ nhất của Mạt Pháp đã qua rồi, hiện tại là mở đầu của một ngàn năm thứ hai. Cho nên đây là phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ về sau, chỉ cần chân chánh phát tâm, những người y theo lý luận phương pháp của bộ kinh điển này để tu học, thì là "giai hoạch thiện lợi", chữ Giai là bình đẳng, đều có thể hoạch được sự lợi ích tối thiện. Thiện là thiện hảo, dùng cách nói bây giờ là tốt lành nhất. Cái gì gọi là Thiện? Tiêu chuẩn của thiện ở đâu? Thật tại mà nói, tức là chỉ cho các thứ lợi ích thù thắng chỗ nói trong bộ kinh này, toàn bộ anh đều có thể có

được. Không chỉ là tương lai vãng sanh bất thoái thành Phật, mà hiện tiền có thể được đại tự tại.

Người thế gian chúng ta thường thường chúc phúc người, nói "chúc anh được sự sự như ý, sự sự xứng tâm", thật tại mà nói, xứng tâm như ý chỉ là lời cung chúc mà thôi, chẳng phải sự thật. Duy chỉ có y theo pháp môn này tu học, anh mới có thể có được, bằng vào gì mà có được? Bằng vào chư Phật Như Lai oai thần gia trì. Phật gia trì anh những gì? Gia trì anh khai ngộ, anh đọc kinh rõ lý rồi, đây là Phật lực gia trì; sau khi hiểu rõ đạo lý rồi, anh biết được anh nên làm người cách nào, nên xử sự cách nào. Người xưa chúng ta chỗ nói "tự cầu đa phước", đó là anh phải tự mình tu;

nếu anh chẳng chịu tự mình tu thì Phật chẳng có biện pháp gia trì cho anh. Đây là ở phía trước chúng ta đã từng đọc qua, là ở trong một phẩm trước, "Đắc văn A Di Đà Phật danh hiệu, năng sanh nhất niệm, hỷ ái chi tâm, quy y chiêm lễ, như thuyết tu hành", anh chỉ cần đem câu nói này làm được rồi, thì trong một đời này, anh được sự sự như ý; đó là thật, chẳng phải giả. Đây là Phật dạy cho chúng ta, Phật dạy tức là gia trì, Phật dạy tức là phù hộ. Bên trong chẳng có mê tín.

Có những bạn đồng tu nói với tôi, sự nghiệp của họ rất thành công, kiếm được khá nhiều tiền, tự mình tưởng rằng rất có tài cán. Chẳng phải anh có tài cán gì, anh ngỡ rằng tiền bạc là do

anh kiếm được ư? Anh sẽ nói, nếu chẳng phải kiếm được thì từ đâu mà đến? Là tôi cực khổ lắm để kiếm ra đó, sai rồi. Là cái Nhân anh có ở đời trước, thì cái Quả ở đời này có được đấy; nhân duyên quả báo tơ hào đều chẳng sai, nào phải là anh kiếm được đâu? Ở trong kinh, Phật đem chân tướng sự thật này nói rất rõ ràng, rất minh bạch với chúng ta, tài phú anh có được là quả báo, quả báo tức là phải có nhân. Đời trước anh chịu bố thí, tài bố thí là nhân; đời này có được tài phú, đây là quả báo. Anh có thể hành pháp bố thí thì anh được thông minh trí tuệ, anh có thể tu vô úy bố thí thì anh được khỏe mạnh sống lâu. Tài phú, thông minh, khỏe mạnh sống lâu là Quả, ba loại bố thí là Nhân.

Phật đem chân tướng sự thật này nói với chúng ta, đây tức là phù hộ chúng ta, đây tức là gia trì chúng ta; chúng ta giác ngộ rồi, minh bạch rồi thì ta sẽ chịu tu nhân. Ta thật sự chịu làm thì ta mới có thể được quả báo; anh bố thí một cách thống khoái, bố thí một cách rất hoan hỷ thì đời này tài phú anh kiếm được đó cũng rất dễ dàng, cũng rất vui vẻ, một tí cũng chẳng bận tâm. Anh kiếm tiền, có được tiền một cách rất cực khổ, đó là nguyên nhân gì vậy? Là đời trước tu bố thí tài, bố thí một cách chẳng thống khoái, chẳng hoan hỷ, bố thí như là cắt thịt mình vậy, khó chịu quá, thì đời này cực khổ lắm anh mới kiếm được; nhân thế nào thì quả như thế đó, nhân duyên quả báo tơ hào chẳng sai.

Bộ kinh này tức là chư Phật Như Lai, A Di Đà Phật gia trì cho chúng ta, cũng tức là nói, bộ kinh này là chư Phật Như Lai, A Di Đà Phật phù hộ cho chúng ta, họ dùng kinh điển này để phù hộ cho chúng ta, chúng ta nên hết lòng để đọc, hết lòng để học tập thì anh sẽ được hết thảy tất cả lợi ích.

Kinh văn: "Nhữ đẳng ưng đương an trụ vô nghi".

Anh phải đem tâm an trụ tại trong kinh này, kinh này tức là căn bản một đời tu học của chúng ta, là kim chỉ nam của việc xử sự, đối người, tiếp vật của chúng ta. Khởi tâm động niệm, tất cả tạo tác đều chẳng trái ngược với lời giáo huấn của kinh điển. Thì người này tức là Như Lai đệ nhất đệ

tử như phía trước đã nói, cho nên anh an trụ trên kinh giáo này, quyết định chẳng hoài nghi.

Kinh văn: “Chủng chư thiện bổn”.

Không chỉ là Tín - Nguyện - Trì Danh, nhất định phải đem lời dạy trong kinh nói đó làm được, đặc biệt là Ngũ Giới, Thập Thiện, chỗ phẩm Ba Mươi Lăm phía trước nói đó.

Kinh văn: “Ưng thường tu tập, sử vô nghi trệ”.

Ưng Thường là thường thường, tức là quyết định không thể gián đoạn, Tu là tu hành, trước kia chúng ta có

nhiều cách nghĩ, đối với chính mình, đối với hoàn cảnh sinh hoạt, đối người, đối sự, những cách nghĩ sai lầm, cách nhìn sai lầm, cách làm sai lầm, cả thảy đều đem nó tu chính trở lại; đây gọi là tu hành. Tập là học tập, y theo đạo lý, phương pháp trong kinh điển chỗ nói để tu học, học tập, tu tập; làm con người mới. Trong kinh nói với chúng ta "sái tâm dịch hạnh", câu này tức là chúng ta làm con người mới trở lại. Trước kia làm đó đều là tạo nghiệp lục đạo luân hồi, đều là ở đó tạo tam ác đạo nghiệp, vô cùng đáng sợ. Ngày nay chúng ta thay đổi mặt mày, chúng ta phải học Phật, chúng ta phải học Bồ Tát, chúng ta phải làm một con người thiện chân chánh, trong một đời này quyết định

thoát ly lục đạo luân hồi vãng sanh bất thoái thành Phật; đây tức là tu tập. "Sử vô nghi trệ", chúng ta hết lòng đi làm như vậy, bất luận đối với lý, đối với sự, chúng ta chẳng có hoài nghi, chẳng có chướng ngại. Trệ tức là chướng ngại, trở ngại, chẳng có nữa.

Kinh văn: "Bất nhập nhất thiết chủng loại trân bảo, thành tựu lao ngục".

Lao Ngục, đương nhiên chúng ta nhìn thấy rất khủng bố, rất khiếp sợ; có ai chịu vào lao ngục. Lao ngục gì đây? Tam giới, lục đạo tức là lao ngục. Trong lao ngục có khổ cũng có vui, cái khổ là gì? Tam ác đạo là lao ngục thọ khổ, còn tam thiện đạo, đặc

biệt là thiên đạo, A Tu La đạo, đó là trân bảo lao ngục. Anh có chịu đi không? Có nhiều người ở thế gian muốn sanh thiên, sự khoái lạc trên trời, thọ mạng rất dài, đây là tất cả sự thọ dụng đều tự nhiên, chẳng cần phải khổ nhọc lắm để kinh doanh. Thiên phước thì rất dụ hoặc con người, chúng ta hiểu rõ, trời chẳng phải cứu cánh; thọ mạng dài như là trường thọ thiên Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ Thiên, thọ mạng tám vạn đại kiếp, đây là thọ mạng dài nhất trong phàm phu. Tám vạn đại kiếp, nếu đem so sánh cùng vô lượng kiếp thì chẳng dài, cũng rất ngắn tạm; sau khi tám vạn đại kiếp đến rồi thì vẫn phải luân hồi, vẫn phải đọa lạc. Tại vì sao? Vì họ đã leo lên đến đỉnh, chẳng leo lên được

nữa. Khi thọ mạng đến, chỉ có đọa lạc trở xuống.

Trong kinh Lăng Nghiêm giảng rất rõ ràng, Tứ Thiền Thiên, Tứ Không Thiên, sau khi thọ mạng hết rồi, phần nhiều đọa vào tam ác đạo, rất khổ rất khổ. Nếu anh hỏi nguyên nhân gì vậy, tôi cũng chẳng cần phải nói nhiều, quý vị đi niệm kinh Lăng Nghiêm thì biết ngay. Vậy câu "nhất thiết chủng loại trân bảo lao ngục" tức là chỉ cho Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới, chư thiên. Đánh thức chúng ta rằng trời vẫn chẳng cứu cánh, ở trên trời hưởng lạc thì giống như trân bảo lao ngục, chẳng khác, anh chẳng thể ra khỏi tam giới.

Kinh văn: "A Dật Đa! Như thị đẳng loại đại oai đức giả, năng sanh Phật pháp, quảng đại dị môn. Do ư thử pháp, bất thính văn cố, hữu nhất ức Bồ Tát, thoái chuyển A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề".

Đoạn này là nói, chẳng nghe pháp môn này, chẳng thể tin pháp môn này, chẳng thể tiếp thọ pháp môn này, rất khó không thoái chuyển; không thoái chẳng phải dễ. Phật gọi A Dật Đa, A Dật Đa tức là Di Lặc Bồ Tát, gọi tên của Ngài, đánh thức Ngài chú ý, những lời nói phía dưới là rất quan trọng. "Như thị đẳng loại, đại oai đức giả", câu này là chỉ cho đối với pháp môn Tịnh Tông này, chẳng hoài nghi, tín tâm thanh tịnh, tín tâm kiên định,

là chỉ cho loại người này. Nếu như đối với pháp môn này chúng ta rất rõ ràng, rất minh bạch, đích thật chẳng thể bị bất cứ cảnh giới nào lay động, thì tức là nơi đây anh được gọi là "đại oai đức giả"; anh có đại oai đức. Người như thế "năng sanh Phật pháp quảng đại dị môn", ý nghĩa của câu này tức là họ có tư cách, họ có khả năng nhập vào Tịnh Độ pháp môn. Phật pháp quảng đại này gọi là "dị môn", Dị là đặc biệt, pháp môn này chẳng phải là pháp môn thông thường, pháp môn thông thường tức là thường được gọi là tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn. Trong Tứ Hoằng Thệ Nguyện gọi là: "Pháp môn vô lượng thệ nguyện học", là pháp môn thông thường; còn pháp

môn này, cổ đức thường gọi là "môn dư đại đạo", tức là ngoài chỗ có tất cả pháp môn đây là một đại đạo để thành Phật, đường tắt để thành Phật, gọi là Dị Môn, cùng với pháp môn thông thường khác nhau. Cho nên tất phải là người đại oai đức, họ mới có thể sanh được.

"Do ư thử pháp, bất thính văn cố", nói được rất rõ ràng, rất minh bạch, bởi vì một số Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, chẳng có nghe đến pháp môn này, hoặc giả là nghe rồi mà họ chẳng thể tin, họ chẳng thể, chẳng chịu cầu sanh Tịnh Độ; cái này là nghe thì như chẳng nghe, gặp được như là chẳng gặp được. Chẳng thể sanh đến Cực Lạc thế giới thì khó tránh khỏi không thoái chuyển, thì quả nhiên không sai

họ đã thoái chuyển. Nếu họ không thoái chuyển, thật tình mà nói, thành Phật đâu cần phải ba đại A-tăng-kỳ kiếp. Cần thời gian dài như vậy tức là tiến tiến thoái thoái, thoái thì nhiều, tiến thì ít; cho nên tu hành khó khăn thế đó. Bồ Tát thoái chuyển, đã làm Bồ Tát rồi thoái chuyển sẽ chẳng thoái thành phàm phu, chư vị phải biết điều này, họ thoái có giới hạn sẽ chẳng thoái đến phàm phu vị. Anh xem, Tiểu Thừa Tu Đà Hoàn là Vị Bất Thoái, họ chứng đến Nhị Quả, Tam Quả có thể lại thoái đến Sơ Quả, tuy nhiên, chẳng thể thoái đến thấp hơn Sơ Quả, chẳng thể thoái đến phàm phu. Cho nên đích thật là tiến tiến thoái thoái. Tiểu Thừa sau khi chứng đắc Tu Đà Hoàn, Phật nói với

chúng ta "thiên thượng nhân gian bảy lần vãng lai" chứng A La Hán quả. Bảy lần vãng lai, nhân gian thọ mạng ngắn, trên trời thọ mạng dài, thành được A La Hán rất chẳng dễ dàng, tức là họ thoái rất nhiều.

Còn Bồ Tát thành Phật thì lại càng khó, nhân duyên thoái đọa vô cùng nhiều, cho nên có thể cầu sanh Tịnh Độ, bảo chứng chúng ta vĩnh viễn chẳng thoái; điều này thì khó có được, quá hy hữu. Trong Bốn Mươi Tám Nguyện chúng ta đọc đến, năm nguyện sau cùng là A Di Đà Phật đặc biệt gia trì thập phương tất cả Bồ Tát, đối với Tịnh Tông này, có thể tin sâu chẳng nghi, hoan hỷ tán thán y giáo phụng hành, đặc biệt gia trì cho những người đó. Thì những người đó

có cơ hội nghe được pháp môn này, Bồ Tát chẳng có nghe được pháp môn này thì là thoái chuyển. "Hữu nhất ức Bồ Tát", câu "nhất ức Bồ Tát" này, chẳng phải chỉ thập phương thế giới, là chỉ cho Sa Bà thế giới chúng ta, Thích Ca Mâu Ni Phật, là sự việc sau khi diệt độ, là chỉ cho Sa Bà thế giới có một ức "thoái chuyển A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề". Tâm này vừa thoái chuyển, chư vị phải biết nếu như Kiến Tư, Kiến Hoặc đoạn, Kiến Tư phiền não, Kiến Hoặc đoạn hết rồi thì họ thoái đến Sơ Tín Bồ Tát vị. Giả như Kiến Hoặc chưa đoạn thì lại thoái chuyển làm phàm phu, lại đi luân hồi trong lục đạo nữa, người như vậy rất nhiều.

Rốt cuộc người như vậy là những người nào? Là người người chư vị đồng tu chúng ta tại tọa ở đây. Tại vì sao? Trong kinh nói rất rõ ràng, là anh đã từng cúng dường vô lượng chư Phật; đã từng cúng dường vô lượng chư Phật mà nay còn lẫn lộn đến trình độ này, vậy chẳng phải đây là thoái chuyển hay sao? Là chẳng có đem Kiến Tư phiền não đoạn hết, lại thoái chuyển đi tạo luân hồi! Anh thử xem, thành Phật thì ba A-tăng- kỳ kiếp là thành tựu rồi, còn chúng ta thì đã tạo hết vô lượng kiếp. Vô lượng kiếp lẫn lộn đến ngày nay thì như thế đó, nếu anh hỏi nguyên nhân gì vậy? Vì là "ư thử pháp môn bất thính văn cố". Ngày nay chúng ta có thính văn không!

Ngày mai sẽ có thể giảng viên mãn bộ kinh này, trong hai mươi chín ngày này, ngày ngày quý vị đều đến nghe, một buổi cũng chẳng vắng mặt, nhưng đã thính văn chưa? Không hẳn vậy. Vì sao? Có phải thật sự anh đang nghe hiểu chăng? Có phải thật sự anh giác ngộ rồi chăng? Có phải thật sự tin chăng? Có phải có thể "như thuyết tu hành" chăng? Trong hai mươi chín ngày này, quả nhiên làm được, thật sự "quy y chiêm lễ, như thuyết tu hành" thì xin chúc mừng anh, anh là thính văn rồi, anh nghe được rồi! Trong một đời này anh vãng sanh bất thoái thành Phật. Nếu như đối với thế gian anh vẫn còn tham luyến, vẫn xả chẳng được, không muốn rời khỏi thế gian này, thì anh là "do ư thử pháp, bất

thính văn cố", vẫn phải tiếp tục tạo lục đạo luân hồi, một đời này chẳng thể vãng sanh. Điều này là gì? Là "thính nhi bất văn", Văn là nói khai trí tuệ, nghe rồi chẳng có giác ngộ.

Nói hơi dễ nghe một tí, thì giống như phía trước chỗ nói, A Xà vương tử cùng năm trăm trưởng giả nghe Phật giảng kinh Vô Lượng Thọ, họ nghe xong rất hoan hỷ, tương lai ta thành Phật cũng giống như A Di Đà Phật vậy, có phải cần phát nguyện vãng sanh không? Vẫn chẳng chịu phát nguyện vãng sanh, người như thế đó đã từng cúng dường bốn trăm ức Phật trong đời quá khứ. Còn người ở chỗ này là đã từng cúng dường vô lượng chư Phật, so với bốn trăm ức thì hơn quá nhiều; cho nên chẳng có

thiện căn sâu dầy như vậy, thính cũng là chẳng văn. Anh mới biết được, tất cả chư Phật nói pháp môn này gọi là nan tín chi pháp; lời này nói có đạo lý, đích thật chẳng dễ dàng.

Kinh văn: "Nhược hữu chúng sanh, ư thử kinh điển, thư tả, cúng dường, thọ trì, độc tụng, ư tu du khoảnh vị tha diễn thuyết, khuyến linh thính văn, bất sanh ưu não, nãi chí trú dạ, tư duy bỉ sát, cập Phật công đức, ư vô thượng đạo, chung bất thoái chuyển".

Đoạn này là nói tín, thọ, phụng hành, tu hành bất thoái đây là trong một đời này thiện căn, phước đức, nhân duyên thành thục. Chúng ta thử

nghĩ, chúng ta có phải là loại người này hay không? "Ư thử kinh điển", đều chỉ cho kinh điển này; nếu như đem phạm vi mở rộng ra một tí, tức là chỉ cho Tịnh Độ Tông Tam Kinh, hoặc giả là hiện nay chúng ta gọi là Ngũ Kinh Nhất Luận, đều là chuyên môn nói về Tịnh Độ, chuyên môn khuyên người vãng sanh. Thư Tả tức là lưu thông, kỹ thuật ấn loát thời xưa chưa được phát minh, kinh bản đều phải nhờ viết chép bằng tay, còn bây giờ? Không cần viết nữa, hiện nay chúng ta in kinh lưu thông; vậy kinh điển ở thế gian này càng nhiều thì càng nhiều người có cơ hội tiếp xúc, càng nhiều người có cơ hội được độ.

Xưa kia Đại Từ Bồ Tát nói, anh độ được một người vãng sanh, độ

được hai người thật sự vãng sanh thì sánh với công đức chính mình anh tu hành đó lớn hơn rất nhiều. Anh độ được mười mấy người, vậy anh tức là Bồ Tát rồi, mười mấy người này thảy đều vãng sanh; độ được mười mấy người vãng sanh, vậy thì quả thật anh là Bồ Tát. Chúng ta in một vạn quyển kinh lưu thông, hy vọng có được mười người được độ đến Tây Phương thành Phật, vậy là phi thường rồi. Chớ tưởng rằng tôi có một vạn quyển sách này thì có một vạn người thành Phật, đó là việc không thể được. Một vạn quyển sách được lưu thông, có được mười người được lợi ích chân thật, vậy thì công đức của anh bất khả tư nghị; cho nên nhất định kinh sách phải được lưu thông cho thật nhiều.

Cúng dường là nghĩa phụng hiến, trong việc cúng dường, phía trước đã nói với quý vị rất nhiều; thật tại mà nói, có hai loại cúng dường thù thắng nhất. Một loại là "như thuyết tu hành cúng dường", trong kinh điển chỗ Phật nói đó, chúng ta thảy đều đem nó làm được, đây là chân chánh cúng dường, đây là tự lợi.

Cái thứ hai tức là lấy Phật pháp cúng dường cho bạn bè thân thiết của anh, cúng dường cho tất cả đại chúng, đem cái tâm chân thành cung kính tặng cho họ. Hiện nay, không những in kinh, băng cassette, băng video, những loại lưu thông này đều là sự cúng dường tối thù thắng. Trong sinh hoạt ngày thường của chúng ta, hôn lễ, tang lễ và các tiết mục ăn mừng, cùng

bạn bè thân thiết qua lại, đều có thể tặng một ít lễ vật nhỏ, lễ vật gì tốt nhất? Là kinh Vô Lượng Thọ, chẳng có gì tốt hơn cái này, phía trước nói trân bảo chân chánh. Có số người nói tập tục người Hoa khi ăn Tết, mọi người đều cờ bạc muốn ăn tiền, tặng sách là Su cho họ, Su đồng âm với chữ Xui là thua hết, điều này cấm kỵ. Cho sách không tốt, nhưng tôi cho đó là kinh Vô Lượng Thọ, anh cần vô lượng thọ không? Nếu anh không cần thì thọ mạng không còn nữa. Vậy có cần Kinh không? Chữ Kinh với chỗ Kim của hoàng kim có cùng ý nghĩa, tôi tặng đó là kinh Vô Lượng Thọ, là lễ vật trân quý nhất, nên tặng cái này, chúng ta mới thật sự có cái tâm giúp đỡ họ, thật sự giống như Phật phổ độ

chúng sanh. Cho nên phải giữ cái tâm này, phải hết lòng nỗ lực để làm, đây là nói về cúng dường.

Thọ Trì là nói tu hành, chúng ta phải tiếp thọ, hoàn toàn tiếp thọ bằng tâm chân thành, bằng tâm thanh tịnh, bằng tâm cung kính để tiếp thọ, y giáo tu hành, đây gọi là thọ trì. Độc Tụng là tự lợi lợi tha, trong lịch sử có một thí dụ rất rõ ràng, chúng ta xem Lục Tổ Thiền Tông Huệ Năng đại sư, nhân duyên học Phật của ngài Huệ Năng là gì? Là khi Ngài đi bán củi, có một người đang tụng kinh Kim Cang, Ngài đứng bên cạnh để nghe; anh xem, thì đem Huệ Năng độ liền, độ Ngài xuất gia thành Phật. Cho nên đọc kinh là tự lợi lợi tha, phải đọc cho ra tiếng, tự mình nghe rất rõ ràng,

khiến kẻ khác cũng nghe được rất rõ ràng; gọi là đọc kinh. Cách đọc này, phải nghiên cứu đến âm điệu trầm bổng du dương, khiến kẻ khác nghe ra sao? Không những rõ ràng còn có thể sanh hoan hỷ tâm. Như bình thường chúng ta tụng kinh, lúc đánh mỏ, từng chỗ, từng chỗ bình bình, không những nghe chẳng rõ ràng, vả lại e rằng khiến người nghe sanh phiền não, tại vì sao? Đây là siêu độ người chết, hình như rất chẳng kiết tường, tạo thành sự hiểu lầm rất lớn; cho nên không thể đọc cách đó.

Đọc cách đó, hiện nay hành không thông đó là của thời xưa, thời đại ấy qua rồi; thông thường hiện nay chúng ta tụng lớn tiếng, họ dùng phương pháp gì để tụng lớn tiếng?

Cùng với người xưa ngâm thường hát xướng, khác nhau, giọng điệu khác nhau. Chúng ta là người hiện đại, phải dùng phương pháp hiện đại để tụng ra từng chỗ tròn đầy, âm điệu trầm bổng du dương, khiến người ta nghe được rất thoải mái, họ chịu nghe, họ nghe hiểu được, đấy là tự lợi lợi tha.

"Ư tu du khoảnh", đây là nói thời gian ngắn; thời gian bất luận dài ngắn, người hiện nay gọi là cơ hội giáo dục. Nắm được cơ hộ rồi thì giảng, trong việc giao tế cùng đại chúng tiếp xúc thì tìm được cơ hộ liền khuyên người niệm A Di Đà Phật, liền cùng họ giảng kinh Vô Lượng Thọ. Bộ kinh này, anh không biết giảng, biết một câu thì giảng một câu, biết hai câu thì giảng hai câu, là tốt rồi. Như trong

kinh Kim Cang nói đến bốn câu kệ; bốn câu thì gọi là một bài kệ, bất cứ bốn câu nào. Hai câu là nửa bài kệ, anh có thể giảng bốn câu cho người ta, hoặc giảng hai câu cũng được. Cho nên ngày ngày đọc kinh, đọc rất thuộc thì rất dễ vì người giảng nói.

"Khuyến linh thính văn", khuyên người ta phải đọc kinh này, đem cái hay ho, công đức lợi ích giới thiệu cho người. Thí dụ những người thông thường hiện nay muốn phát tài không? Muốn thông minh không? Muốn mạnh khỏe sống lâu không? Đều muốn cả. Thì tôi có một phương pháp là kinh Vô Lượng Thọ, nếu anh không tin, anh xem, hiện nay tôi phát tài, tôi rất thông minh, tôi mạnh khỏe sống lâu, là tôi niệm kinh Vô Lượng

Thọ. Chính mình phải làm chứng minh cho người ta xem thì họ tin, khuyên họ đọc, khuyên họ nghe. Hiện nay băng cassette vô cùng tiện lợi, pháp sư giảng kinh thì chẳng dễ nhưng băng cassette lưu thông thì vô cùng sâu rộng, khuyên họ nghe, khuyên họ đọc, khuyên họ học tập.

"Bất sanh ưu não", Ưu là tâm, Não là thân, là phiền não đấy; ưu lự phiền não đều xa lìa. "Bất sanh ưu não" thì người vui vẻ hạnh phúc, đây chính là chỗ tìm cầu của tất cả chúng sanh, mà tìm cầu chẳng được. Trong kinh này có lý luận, có phương pháp. "Nãi chí trú dạ, tư duy bỉ sát", đây là niệm Phật, trú dạ không ngừng, đây là Quán Tưởng Niệm Phật; trong câu này hàm nhiếp Quán Tượng, Xưng

Danh. Chúng ta niệm câu A Di Đà Phật này, những người niệm kinh rất thuộc, đề khởi Phật hiệu thì sẽ nghĩ tưởng đến Phật Đà, phát tâm cầu học tu đạo, cùng với thành Phật, độ sanh, các thứ công đức trang nghiêm, nói chẳng hết được; đề khởi Phật hiệu thì anh sẽ nghĩ tưởng đến.

"Cập Phật công đức, ư vô thượng đạo", Vô Thượng Đạo là vãng sanh bất thoái thành Phật. "Chung bất thoái chuyển", quyết định chẳng thể thoái chuyển, cùng với phía trước Bồ Tát "bất văn thử kinh" mà thoái chuyển, vừa đúng thành một tỷ lệ đối chiếu mãnh liệt, quả là bất thoái chuyển.

Kinh văn: "Bỉ nhân lâm chung, giả sử tam thiên đại thiên thế giới

mãn trung đại hỏa, diệc năng siêu quá, sanh bỉ quốc độ”.

Câu này, đối với người hiện tại chúng ta mà nói, là vô cùng khế cơ. Khoa học thời buổi hiện đại này, tuy rất phát đạt nhưng mang đến cho chúng ta tai nạn họa hại, thật là vô cùng âu lo. Giả như thế giới đại chiến thứ Ba bùng nổ thì là chiến tranh hạt nhân; chiến tranh hạt nhân thì khắp nơi đại họa. Trong cuộc đại nạn này, những người niệm Phật có tâm bất thoái đều có thể thuận lợi vãng sanh, đều có thể được Phật tiếp dẫn. Cho nên tai nạn này chẳng hại họ được, tai nạn này hiện tiền đúng là lúc cơ duyên vãng sanh của họ thành thục.

Kinh văn: "Thị nhân dĩ tằng trị quá khứ Phật, thọ Bồ Đề ký. Nhất thiết Như Lai, đồng sở xưng tán".

Người này tức là một loại người mà Phật nói đó, hy vọng các đồng tu tại tọa chúng ta đều là thuộc về loại này; cái nhân thâm sâu của họ bất khả tư nghị, vì sao? Vì trong đời quá khứ đã từng gặp được vô lượng vô biên chư Phật, chữ Trị tức là gặp được. Gặp được Phật thì làm gì có đạo lý chẳng cúng dường chứ? Tằng Trị là từng gặp, từng cúng dường quá khứ vô lượng vô biên Phật. "Thọ Bồ Đề ký", chư Phật Như Lai đã từng thọ ký cho họ. "Nhất thiết Như Lai đồng sở xưng tán", chư Phật Như Lai xưng tán họ, cũng tức là chư Phật hộ niệm.

Kinh văn: "Thị cố ưng đương chuyên tâm tín thọ, trì tụng, thuyết hành".

Phật, đích thật là từ bi vô tận, sau cùng nhiều lần đã dặn dò phó chúc chúng ta phải nên chuyên tâm, phải hành, phải tiếp thọ, phải y giáo phụng hành, phải mỗi ngày đọc tụng, như thuyết tu hành, trong câu này, Thuyết còn bao gồm khuyến dẫn kẻ khác, phải vì người khác nói, vì người khác giới thiệu. Lại xem tiếp phẩm phía dưới.

Độc Lưu Thử Kinh - Đệ Tứ Thập Ngũ

Kinh văn: "Ngô kim vị chư chúng sanh thuyết thử kinh pháp, linh kiến Vô Lượng Thọ Phật, cập kỳ quốc độ nhất thiết sở hữu. Sở đương vi giả, giai khả cầu chi. Vô đắc dĩ ngã diệt độ chi hậu, phục sanh nghi hoặc".

Đoạn này là nói rõ sau khi Thế Tôn viên tịch, trạng huấn của chúng đệ tử tu học. Chữ Ngô là Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni Phật tự xưng, ngày nay vì mọi người, "vị chư chúng sanh" đây là bao gồm luôn chúng sanh lúc bấy giờ cùng với hậu thế. Như chúng ta cũng bao gồm trong đó, có cơ hội đọc đến bộ kinh này, nghe đến bộ kinh này đều bao gồm trong một câu này, "vị chư chúng sanh", có chúng

sanh lúc đó và chúng sanh hậu thế. “Thuyết thử kinh pháp”, nói kinh Vô Lượng Thọ này, phát tâm niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ. “Linh kiến Vô Lượng Thọ Phật”, mục đích của bộ kinh này tức là hy vọng mọi người phát tâm đi gặp A Di Đà Phật, Vô Lượng Thọ Phật tức là A Di Đà Phật, vãng sanh Cực Lạc thế giới. “Cập kỳ quốc độ” là Cực Lạc thế giới. “Nhất thiết sở hữu” tức là y chánh trang nghiêm của Cực Lạc thế giới, đã từng nói qua ở phía trước rồi.

“Sở đương vi giả, giai khả cầu chi”, cầu sở đương vi giả, Vi là tạo tác. Việc phải nên làm là trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ chúng sanh, đây là Bồ Tát “sở đương vi giả”; đều có thể ở tại nơi Vô Lượng Thọ Phật

cầu đạo, vả lại sẽ có được viên mãn. Phía trước nói về công đức viên mãn, Phật giống như cách khai thị trong kinh này, thật sự đã nói rất nhiều, rất nhiều, không chỉ là một lần, hai lần. Từ chỗ này chúng ta thấy được sự thương yêu bảo hộ của Thế Tôn đối với chúng ta, sự quan tâm đối với chúng ta, quả thật là đại từ, đại bi, vượt hơn cha mẹ sư trưởng. "Vô đắc dĩ ngã diệt độ chi hậu, phục sanh nghi hoặc", không thể được, muôn ngàn không thể, vì sau khi Phật diệt độ không còn ở thế gian nữa, song kinh điển vẫn còn lưu lại ở thế gian. Phật không còn nữa, chúng ta đối với kinh này cũng chẳng còn tin tưởng nữa đã nghi hoặc, vậy thì sai rồi. Đích thật có không ít người như vậy ở hậu thế, lúc

Phật tại thế thì tin, chẳng thể không tin; sau khi Phật diệt độ thì không tin, thì hoài nghi, phiền não, nghiệp chướng hiện hành.

Kinh văn: "Đương lai chi thế, kinh đạo diệt tận, ngã dĩ từ bi ai mẫn, đặc lưu thử kinh chỉ trụ bách tuế".

Đoạn phía dưới này, hàm ý rất sâu, rất sâu. Chúng ta phải cẩn thận để thể hội. "Đương lai chi thế" là chỉ cho tương lai, "kinh đạo diệt tận", Kinh là kinh điển, Đạo tức là lý luận và phương pháp của sự tu hành; ở tại thế gian này dần dần tiêu mất. Đây là chỉ cho lúc nào vậy? Pháp vận của Phật đến cuối cùng của Mạt Pháp là một

vạn năm, khi hết một vạn năm thì thế gian này chẳng còn Phật pháp nữa, lúc này con người rất đáng thương, tại vì sao? Vì cơ hội xuất ly lục đạo không còn nữa. Đối với chân tướng của vũ trụ, nhân sinh, chẳng có cách chi hiểu rõ. Chân vọng, tà chánh, thị phi cho đến lợi hại, đều chẳng có khả năng biện biệt. Tạo nghiệp, thọ báo vô cùng khổ sở, Phật vẫn rất từ bi lưu lại bộ kinh này. Chỗ có tất cả kinh đều không còn nữa đều diệt hết, chỉ riêng bộ kinh này diệt sau cùng.

Nó còn trụ tại thế gian một trăm năm, một trăm năm này là nguyện lực của Thích Ca Mâu Ni Phật, oai thần của Ngài gia trì; cho nên pháp vận này của Phật biến thành một vạn hai ngàn lẻ một trăm năm. Một trăm năm

cuối cùng là nguyện lực gia trì của Thích Ca Mâu Ni Phật. Bên trong đây hàm ý rất sâu, sâu ở chỗ nào? Đây là nói với chúng ta, vì sao Phật pháp có thể diệt, Phật pháp là pháp chân thật, Chân thì chẳng phải giả, Chân thì sẽ chẳng diệt, tất nhiên là thường trụ tại nhân gian. Phật pháp hưng diệt đều là Duyên, chúng sanh có duyên, duyên gì vậy? Là Tin được, Nguyện được, Hành được thì Phật liền xuất hiện tại thế gian. Chúng sanh chẳng tin, chẳng nguyện, chẳng chịu tu hành thì Phật liền diệt độ, kinh cũng chẳng còn nữa.

Do đây có thể biết, pháp vận của Phật, không phải ở nơi Phật bên kia mà nói, mà là ở chúng sanh bên đây mà nói. Giống như phía trước chỗ nói, sau khi Phật diệt độ, chúng sanh tạo

tác ngũ ác, ngũ thống, ngũ thiêu, lâu rồi trở nên kịch liệt. Vấn đề này, ngày ngày càng nghiêm trọng, đến cuối cùng chỗ có tất cả kinh pháp, người thế gian đều chẳng tin nữa. Vẫn còn cực thiểu số người, giống như trong phần kinh văn nói phía trước, đã từng cúng dường vô lượng chư Phật Như Lai trong đời quá khứ, được tất cả Như Lai oai thần gia trì, họ tiếp xúc đến quyển kinh này, đây là Duyên. Thiện căn, phước đức của họ thành thục rồi, có câu: "Phật thị môn trung, bất xả nhất nhân", Phật rất từ bi, nhất định đem kinh pháp dạy cho họ. Đây tức là thành tựu cái nhân duyên của họ, khiến cho ba điều kiện thiện căn, phước đức, nhân duyên của họ đồng thời đầy đủ, thì trong một trăm năm

sau cùng, nghe được bộ kinh này vẫn có thể được độ.

Kinh văn: "Kỳ hữu chúng sanh, trị tư kinh giả, tùy ý sở nguyện, giai khả đắc độ".

Một trăm năm sau cùng này, gặp được bộ kinh này, đều có thể mãn cái nguyện của họ, thì xem thiện căn, phước đức của họ cạn hay sâu. Có người phát thiện tâm muốn được nhân thiên phước báo, có người muốn sanh thiên, có người muốn chứng A La Hán quả, có người muốn chứng Bồ Tát quả; khi có được bộ kinh này thì cả thảy đều có thể thực hiện như nguyện. Những ai mong muốn vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới,

đó là thiện căn thành thục viên mãn, họ chứng đó là cái quả cứu cánh; cùng chỗ phía trước nói đó hoàn toàn khác nhau, cho nên là "tùy ý sở nguyện". Tức là mỗi người phát tâm khác nhau, nguyện vọng khác nhau, đều có thể giúp cho họ mãn nguyện, "giai khả đắc độ" có nghĩa là đều có thể giúp cho họ mãn nguyện. Vậy do đây có thể biết, trong tất cả các kinh độ chúng sanh, hiệu quả oai lực lớn nhất đều không qua kinh này. Đọc đến đoạn này chúng ta phải thể hội ý nghĩa này, mới thật sự hiểu rõ, trong tất cả các kinh, bộ kinh này là đệ nhất vậy.

Cho nên Từ Vân Quán Đảnh pháp sư nói rất hay, tất cả chúng sanh tạo tác cực trọng ác nghiệp, nghiệp

chướng, bất cứ kinh gì, bất cứ tu hành kinh pháp gì, đều chẳng có biện pháp diệt được tội của họ, đều chẳng có biện pháp tiêu tai cho họ. Duy chỉ có một bộ kinh này, duy chỉ có một danh hiệu này là được, nó có sức mạnh tiêu trừ tai chướng của họ, tiêu trừ tội nghiệp của họ; hiển thị ra bộ kinh này, pháp môn này là đệ nhất trong đệ nhất. Người niệm Phật có đại phước báo, so với tu bất cứ phương pháp nào, người niệm Phật tiêu tai diệt tội đều nhanh hơn; đặc biệt hơn hết là chuyên tâm niệm Phật. Trong những năm gần đây tại thế gian này, trong nhiều quốc gia khu vực, chúng ta khuyên người niệm Phật, có nhiều nơi đã tiếp nhận, đã thật chịu niệm rồi; niệm đến nửa năm, một năm, đến cho tôi hay thật sự

có hiệu quả, thật hữu hiệu. Thân thể trở nên mạnh khỏe, dung nhan rực sáng, gia đình rất mỹ mãn, sự nghiệp cũng rất thuận lợi; quả báo trước mắt đều được cả. Phiền não, vọng niệm ít, tâm thanh tịnh, trí tuệ tăng trưởng, nửa năm, một năm thì thấy hiệu lực, nhanh như vậy. Còn tu các môn khác, tu cả mấy mươi năm vẫn chẳng thấy hiệu quả.

Pháp môn này, chỉ trong vài tháng thì có thể thấy được hiệu quả rồi; có thể thấy Phật nói đó là lời thật, tổ sư đại đức chỗ thấy được đó cũng chẳng phải giả. Chỉ cần anh tin được, chỉ cần anh thật sự chịu làm, thì anh có thể được công đức lợi ích thù thắng này; đích thật cả thảy đều được độ. Vậy hiện nay chúng ta cách thời kỳ

pháp diệt tận, vẫn còn đến chín ngàn năm, thời gian này hãy còn quá dài; vậy do đây có thể biết, ngày nay chúng ta gặp được kinh điển này, gặp được pháp môn này, đây là phước báo lớn biết chừng nào. So với những người ở phía sau thì phước báo của chúng ta thù thắng quá nhiều quá nhiều; chẳng những chúng ta so với người sau có phước hơn, thật tình mà nói, so với tiền nhân chúng ta cũng có phước hơn. Đương nhiên những người tiền nhân đã vãng sanh là ngoại lệ, phước báo của họ lớn hơn chúng ta; vậy so với những người nào có phước hơn? Là những người nghe đến pháp môn Tịnh Độ này mà chẳng muốn vãng sanh, so với họ, phước báo của chúng ta lớn hơn, tại vì sao? Bởi vì

chẳng có nghe đến bộ kinh này, chưa thấy được kinh bản này.

Trước kia những bản đã được phiên dịch, nghĩa kinh đều không viên mãn, bởi vì năm xưa khi Thích Ca Mâu Ni Phật còn tại thế đã nhiều lần khuyên giảng, chẳng phải chỉ một lần, đã giảng rất nhiều lần. Có rất nhiều nguyên bản khác nhau truyền vào Trung Hoa, không chỉ có một bản nguyên bản tiếng Phạn. Vậy tại Trung Hoa, tổng cộng có mười hai lần phiên dịch, mười hai thứ dịch bản, trong đó chênh lệch rất lớn. Điều này chứng minh Phật đã nhiều lần tuyên thuyết, cho nên nếu anh chỉ xem một bản thì anh chẳng có biện pháp liễu giải ý nghĩa viên mãn được, anh phải xem toàn bộ những bản dịch này; vào thời

xưa, quả thật không thể làm được. Cư sĩ Vương Long Thư vào thời Tống triều đích thật có tiền của, lại có địa vị, lại có thông minh trí tuệ; cái nhân ông tu từ đời trước rất tốt, ông làm một bản hội tập. Trong những nguyên bản phiên dịch này, ông chỉ thấy được bốn bản dịch, còn các loại dịch khác ông chưa thấy qua; ông chưa thấy qua bản phiên dịch của triều nhà Đường. Thì anh mới biết được, thời xưa, lượng kinh bản lưu thông rất ít; có được kinh bản là vô cùng vô cùng khó khăn. Không giống như hiện nay kỹ thuật ấn loát phát đạt, khối lưu thông rất lớn, chúng ta có được rất dễ dàng. Đây là so với người xưa, người hiện đại có phước báo hơn, chẳng thể nói người xưa có phước báo hơn chúng ta.

Bốn mươi năm về trước, tôi học Phật lúc hai mươi sáu tuổi, lúc đó kinh bản ở Đài Loan rất ít; toàn cả Đài Loan chỉ có ba tiệm bán kinh sách, vả lại số lượng rất ít. Chúng tôi muốn xem kinh sách, phải làm sao? Phải đến mấy chùa lớn, trong đó mới có tàng kinh, như chùa Thiện Đạo ở Đài Bắc, bên trong mới có một bộ đại tàng kinh hoàn chỉnh; chúng tôi đến đó để mượn mà chép. Hiện nay đâu có người chép kinh, lúc đó chúng tôi phải chép kinh, không chép thì không có; bây giờ thì tiện lợi quá, bây giờ có máy photocopy, phước báo của người hiện nay so với chúng tôi lớn hơn quá nhiều. So với những người trước chúng tôi, đương nhiên càng khó khăn. Cho nên người hiện nay có

phước, nhất định phải trân quý phước báo của mình, trân quý nhân duyên của mình; từ chỗ này chúng ta thấy được cái giá trị của kinh, công lực của kinh, thật tại là bất khả tư nghị.

Kinh văn: "Như Lai hưng thế, nan trị nan kiến".

Một đoạn phía dưới này là Phật hiển thị sự cảm thán vô tận; Phật xuất hiện tại thế gian, thật quá hiếm hoi. "Nan Trị", Trị là gặp được, đừng nói là cùng Phật đồng một thời đại. "Nan Kiến", anh không thấy được. Trong câu này bao gồm toàn cả pháp vận của Phật, tức là một vạn hai ngàn năm; tuy Phật chẳng còn tại thế ở thế gian này, kinh điển còn tại thế gian này thì

đồng như Phật còn tại thế. Chúng ta có thể y giáo phụng hành, cùng với lời dạy của Phật năm xưa không khác, cho nên đây là rất khó được tao ngộ. Thí dụ anh nói, Thích Ca Mâu Ni Phật một vạn hai ngàn năm, sau khi qua rồi, thế gian này không còn Phật pháp, Phật pháp diệt rồi, Thích Ca Mâu Ni Phật là vị Phật thứ Tư trong Hiền kiếp; vậy trước Ngài thì có Câu Lưu Tôn Phật, đây là vị thứ Nhất. Sau khi Ngài diệt độ, vị thứ Năm là Di Lặc Phật. Lúc nào Di Lặc Phật mới đến thế gian này để thành Phật? Trong kinh Di Lặc Hạ Sanh nói với chúng ta, năm mươi sáu ức bảy ngàn vạn năm sau, con số này là con số thiên văn. Trong thời gian dài như vậy, thế giới này chẳng có Phật pháp,

có thể thấy thời gian có Phật pháp ấy vô cùng ngắn tạm. Sao anh may mắn vừa sanh nhằm thời kỳ này? Gặp được kinh điển của Phật, điều này còn khó hơn là trúng số độc đắc đấy. Ngày nay chúng ta đã trúng số rồi, thật chẳng dễ dàng, cho nên phải trân quý cái nhân duyên này.

Di Lặc Phật hạ sanh, có lẽ khoảng cách của mỗi một vị Phật hạ sanh, đại để đều là như vậy. Từ chỗ nào mà biết được? Bởi vì Bổ Xứ Bồ Tát đều ở tại Đâu Suất Thiên, là tầng trời thứ Tư của Dục Giới, thọ mạng của người ở Đâu Suất Thiên là bốn ngàn tuổi, tuy nhiên một ngày của Đâu Suất Thiên là bốn trăm năm của nhân gian. Cho nên người của Đâu Suất Thiên nhìn thấy chúng ta đáng thương, anh

xem, có mấy giờ là một đời anh hết rồi; con người có ý nghĩa gì đâu? Cho nên thời gian này có thể thử tính ra được, một năm là ba trăm sáu mươi lăm ngày, một ngày là bốn trăm năm thời gian chúng ta; lại nhân lên bốn ngàn thì ra ngay con số này. Vậy chúng ta thử nghĩ, quá khứ của Thích Ca Mâu Ni Phật, mấy vị Phật kia xuất hiện tại thế gian, đại khái cũng là như vậy, cũng là tình hình này.

Vị thứ Hai là Câu Na Hàm Mâu Ni Phật, thứ Ba là Ca Diếp Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật là vị thứ Tư, Di Lặc là vị thứ Năm. Bởi vì trước khi chưa thành Phật họ đều làm Bổ Xứ Bồ Tát ở Đâu Suất Thiên; cho nên tình hình này đại để là tương đồng. Thế gian này, thời gian có Phật rất

ngắn, thời gian không có Phật rất dài rất dài, đây tức là Như Lai thị hiện thế gian, Hưng Thế tức là xuất hiện tại thế gian, rất khó gặp được. Phải vừa đúng lúc chúng ta ở tại thế gian này được thân người, bởi vì trong lục đạo chỉ có được thân người thì có cơ duyên học Phật là dễ dàng nhất. Phước báo nhân thiên quá lớn, hưởng phước thì chẳng chịu tu hành, vậy còn ở tam ác đạo? Quá khổ sở, khuyên họ học Phật, cũng vô cùng khó khăn, thật giống như trong kinh chỗ nói "phú quý học đạo khó". Những người học Phật thì nghe kinh, còn con nhà phú quý chẳng nghe kinh, người phú quý học Phật như thế nào? Khi có đại pháp hội, họ đến thắp một cây nhang thì đi mất, tiền hô hậu ủng vô cùng

oai phong, là học Phật thế đó! Ở chùa bỏ ra tiền và ra một tí sức; trên thực tế ra tiền rất nhiều, nhưng so sánh với của cải của họ, có thấm vào đâu? Lại còn tác oai tác phước, bảo họ đến nghe kinh họ chịu không nổi. Phú quý học đạo khó, họ bỏ đi chơi, đi nhảy đầm, đi làm những thứ này, họ không học đạo.

Còn bần cùng cũng khó học đạo, ba bữa cơm đều chẳng no, anh bảo họ đến nghe kinh là việc chẳng thể được. Cho nên trong lục đạo, tam ác đạo là bần cùng, thiên nhân là phú quý; nhân là tiểu khan, miễn cưỡng sống qua ngày tháng, cũng chẳng quá giàu có, cũng vừa đủ ăn, người như vậy học đạo dễ. Cho nên trong lục đạo, Phật thường tán thán "nhân thân nan đắc",

thân người là đáng quý nhất, tức là rất dễ tiếp xúc Phật pháp. Sau khi tiếp xúc, dễ tín thọ phụng hành; đạo lý là ở chỗ này, đây là cơ duyên khó.

Kinh văn: "Chư Phật kinh đạo, nan đắc nan văn".

Đây là nói về kinh Phật, chúng ta được thân người; ở thế gian này hiện nay, có bao nhiêu được thân người? Được thân người rồi, có thể trong một đời này gặp được kinh Phật, gặp được phương pháp tu hành cũng là chiếm thiểu số, chẳng phải đa số. Cứ lấy thí dụ Tân Gia Ba này mà nói, Tân Gia Ba có ba triệu người, anh xem, thính chúng chúng ta nơi đây chỉ có trên một ngàn người; trên một ngàn người

cùng ba triệu người so sánh thì rất ít rất ít. Thì anh mới biết được, "chư Phật kinh đạo, nan đắc nan văn", rất chẳng dễ dàng. Vậy địa phương này vẫn kể là nhiều, các quốc gia địa phương khác khi chúng tôi giảng kinh, thính chúng chẳng đông như thế này. Tình cờ tổ chức một pháp hội có thể người rất đông, liên tục giảng kinh trong một tháng, có nhiều người đến nghe như thế này, ngày ngày rất là hy hữu, rất ít rất ít. Chứng minh "chư Phật kinh đạo, nan đắc nan văn", đây là cái khó thứ hai.

Kinh văn: "Ngộ thiện tri thức".

Đây là cái khó thứ ba, làm gì có thể gặp được một vị thiện tri thức?

Tiêu chuẩn của thiện tri thức thời xưa là người tu hành chứng quả, mới là thiện tri thức. Đương nhiên là họ đã tu hành chứng quả, đối với lời trong kinh giáo chỗ nói sẽ chẳng hiểu sai khác, bản thân họ chứng minh rồi. Hiện nay, người tu hành chứng quả chẳng có nữa, những người có thể chịu y giáo phụng hành, y giáo tu hành đã không còn nhiều! Đến đâu để mà tìm thiện tri thức? Chẳng gặp thiện tri thức, tuy chúng ta gặp được kinh giáo, nhưng chẳng thể thông đạt nghĩa lý, chẳng thể hiểu rõ, đúng như trong Đại Kinh chỗ nói: "Phật pháp vô nhân thuyết, tuy trí mạt năng giải", thế gian thông minh trí tuệ, muốn giải ý nghĩa của kinh Phật, là điều chẳng thể được. Đạo lý gì vậy? Tất cả lời

Phật nói là từ trong thanh tịnh tâm chảy ra, là từ trong chân thật tâm chảy ra; ngôn ngữ văn tự đều là từ thanh tịnh tâm, chân thật tâm chảy ra. Người thế gian không thể lìa xa vọng tưởng, chấp trước, làm sao có thể giải được chân thật nghĩa của Như Lai? Cho nên người thế gian này giải thích kinh Phật, thường thường là giải sai, khúc giải, lấy cái vọng tưởng, phân biệt của mình để giải nghĩa kinh; điều này không thể được. Cho nên nhất định phải cầu thiện tri thức, thiện tri thức khó gặp, chẳng dễ.

Kinh văn: "Văn pháp năng hành".

Đây là cái khó thứ tư, cho nên câu phía dưới là tổng kết.

Kinh văn: "Thử diệc vi nan".

Đây là bốn cái khó; được rồi, chúng ta nghe rõ ràng rồi, nghe minh bạch rồi, có thể làm theo được chăng? Nếu như chẳng thể làm theo, như vậy thì thật đáng tiếc, chúng ta chẳng có được sự lợi ích thù thắng đệ nhất. Đó thật sự gọi là luống qua trước mặt, đáng tiếc biết mấy. Ngoài bốn cái khó này, phía dưới vẫn còn một cái.

Kinh văn: "Nhược văn tư kinh, tín nhạo thọ trì, nan trung chi nan, vô quá thử nan".

Cái khó thứ năm là khó tại trên kinh này, phía trước là nói "chư Phật kinh đạo", kinh điển thông thường của Đại, Tiểu Thừa đều khó như vậy; còn kinh này là cái khó trên cái khó. Tư Kinh là bản kinh, anh có thể nghe đến kinh Vô Lượng Thọ hoặc giả là kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, kinh A Di Đà, Tịnh Độ Tam Kinh này; sau khi anh nghe đến, anh có thể tin được. Chữ Nhạo là anh rất ưa thích, Thọ Trì là "như thuyết tu hành", Phật nói thế nào, anh thật sự làm theo, đó gọi là "nan trung chi nan", chẳng có chi vượt hơn cái khó này; đây là đạt đến tột đỉnh rồi đấy.

Nếu như anh không còn cái khó này nữa, vậy thì xin chúc mừng anh, vì anh chẳng phải là người nữa, anh

đã là Bồ Tát của Cực Lạc thế giới rồi vậy. Đó chẳng phải phàm phu là Bồ Tát của Cực Lạc thế giới rồi, hiện tại tuy chưa đi song đã ghi danh ở Cực Lạc thế giới rồi, đã có tên rồi, chẳng bao lâu nữa anh sẽ đi. Cho nên anh chẳng phải là người của Sa Bà thế giới nữa, thật sự là Di Đà chư Phật đệ nhất đệ tử. Cho nên anh nghĩ xem, điều này khó biết mấy! Làm Di Đà chư Phật đệ nhất đệ tử, đó không phải là việc dễ dàng, đích thật là "vô quá thử nan".

Kinh văn: "Nhược hữu chúng sanh đắc văn Phật thanh".

Chữ Phật Thanh này là chỉ cho âm thanh niệm Phật hiệu, chúng ta

nghe được có người đang niệm Nam Mô A Di Đà Phật, hoặc giả là niệm A Di Đà Phật, nghe được âm thanh niệm Phật này.

Kinh văn: "Từ tâm thanh tịnh".

Nghe được âm thanh này liền khởi dậy từ bi tâm, thì tâm đã thanh tịnh, đây tức là khi nghe được Phật hiệu, những âu lo, vọng tưởng, phiền não trong tâm anh đều dừng lại, đều tắt lịm. Nhất tâm nơi duyên Phật hiệu, sanh tâm hoan hỷ.

Kinh văn: "Dũng dược hoan hỷ".

Là vô cùng hoan hỷ, hoan hỷ đến chân tay múa máy, là hình dung cái dáng của tâm hoan hỷ đó.

Kinh văn: "Y mao vi khởi, hoặc lệ xuất giả".

Y là khi anh nhảy múa, chiếc y bay lên, Mao là lỗ chân lông của anh dựng lên. Đây là chỉ trình độ của sự hoan hỷ, không gì bằng hoan hỷ tâm, đây là một hiện tượng. Ngoài ra còn có một hiện tượng khác, "hoặc lệ xuất giả", chẳng phải những tướng hoan hỷ này mà là họ bật lên khóc, nước mắt trào ra. Hai loại hiện tượng này đều là do cảnh động mà sanh. Vì sao cảm động?

Kinh văn: "Giai do tiền thế tằng tác Phật đạo, cố phi phàm nhân".

Đời trước đã đọc qua kinh này, học qua pháp môn này, đến lúc mạng chung vì một vọng tưởng làm trễ nải chẳng có vãng sanh. Lần này gặp được rồi, ôi chao, rất là cảm động, thì có hiện tượng này hiện tiền. Cho nên họ không phải người thường, quá khứ đã từng học qua pháp môn này, vậy những hiện tượng này của nhóm đồng tu chúng ta ở trong đạo tràng có khi thật có thấy được. Chúng ta nhìn thấy chẳng biết là do duyên cớ gì, có số người vừa nghe đến Phật hiệu thì họ liền khóc, chảy nước mắt khóc òa lên, họ nói là họ cảm động. Có những người nghe đến Phật hiệu thì tay chân

múa máy, vô cùng vui mừng, chúng ta chẳng biết nguyên nhân gì, ngỡ rằng họ "tẩu hỏa nhập ma". Ngày nay chúng ta đọc đến đoạn kinh văn này mới hoảng nhiên đại ngộ, thì ra là nguyên nhân như vậy! Sự cảm động này là tâm họ có chỗ cảm, chính họ cũng chẳng biết được là nguyên nhân gì, tại vì sao? Việc trong đời quá khứ họ quên mất, tuy đã quên hết, trong A Lại Da Thức của họ vẫn có chủng tử, cho nên vừa gặp duyên này thì chủng tử của họ liền thành, là cái xúc động như vậy nên mới có hiện tượng này. Cho nên hiện tượng này là một hiện tượng tốt chẳng phải xấu, chớ nên vì hiện tượng này mà có khủng bố sợ sệt, có sự hoài nghi, vậy là sai. Tuy nhiên, điều đáng được cho chúng ta chú ý là

nay hiện tượng này thường xảy ra, đó là “tẩu hỏa nhập ma”. Lúc mới tiếp xúc đầu tiên nhất, lúc mới nghe đến Phật hiệu đầu tiên nhất, có vài lần thì chẳng sao, đây tức là trong kinh chỗ nói.

Nếu mỗi lần đều như vậy, đó tức là trong kinh Lăng Nghiêm nói đến ma nhập vào thân, trong kinh Lăng Nghiêm có Hoan Hỷ ma, Bi ma. Hoan hỷ ma thì hiện hoan hỷ, Bi ma thì ngày ngày khóc lóc rơi lệ, khi nghe đến thì rơi lệ, đó thật sự gọi là ma nhập. Cho nên nếu chẳng phải thường có thì không phải ma nhập, đây là lần đầu nghe được, lần đầu tiếp xúc có cái cảm động này, về sau thì thường không có nữa. Lại có người thấy lạ lùng, có phải tôi bị thoái tâm

không? Trước kia tôi có cảm ứng, nay sao lại chẳng có cảm ứng? Kỳ thật, đây là bình thường, cảm ứng chỉ có một, hai lần, chẳng thể có rất nhiều. Cái này là chủng tử của mình trong A Lại Da Thức hiện tiền, một loại khác là Phật lực gia trì, giúp cho anh phát hiện thiện căn. Người có thiện căn, nếu không xúc động của duyên thì rất khó phát hiện; thí dụ như người sơ học Phật, thấy ánh sáng, ngửi thấy mùi hương lạ, thấy được tướng lành, họ xúc động, họ thật sự tin, đây đều là cái duyên bên ngoài, Phật, Bồ Tát giúp họ khai phát tín tâm. Họ thật đã tin rồi, về sau cảnh giới này không còn nữa, chẳng phải thoái tâm. Có một số đồng tu sơ học thường ngửi thấy mùi hương, tâm tôi rất vui mừng,

mấy năm sau này chẳng thấy nữa, hỏi tôi: "Thưa pháp sư, có phải tôi đã thoái tâm rồi không?" Đâu biết rằng đó là hiện tượng bình thường, đó chẳng phải là thoái tâm. Nếu như thường thường có hiện tượng này, đó tức là yêu ma quỷ quái đang tác quái rồi, chẳng phải Phật, Bồ Tát. Cho nên chúng ta cần phải biện biệt cho rõ ràng điều này. Chúng ta lại xem đoạn sau cùng.

Kinh văn: "Nhược văn Phật hiệu, tâm trung hồ nghi, ư Phật kinh ngữ, đô vô sở tín, giai tùng ác đạo trung lai. Túc ương vị tận, vị đương độ thoát. Cố tâm hồ nghi, bất tín hướng nhĩ".

Giả như nghe đến Phật hiệu mà hoài nghi, chúng ta cũng thấy được việc này rất nhiều; đọc đến bộ kinh này chẳng thể tin, nghe giảng bộ kinh này hoài nghi, cũng chẳng thể tiếp thọ, đây tức là "ư Phật kinh ngữ, đô vô sở tín". Đây là nguyên nhân gì vậy? Là nghiệp chướng. Hoặc giả là nói một cách khách sáo là tội chướng, tội nghiệp sâu nặng làm chướng ngại họ; chúng ta không thể nói thẳng điều này với họ, chỉ biết trong tâm thôi, nói như vậy rất tổn thương người ta. Cho nên đây là khi giảng kinh, giảng đến chỗ không thể chẳng nói, bình thường chẳng thể nói như vậy; tất cả chúng sanh đều có lòng tự ái của họ. Anh không thể nói là anh từ trong ác đạo đến, chúng ta không thể nói lời này.

Thật tại mà nói, là từ trong ác đạo đến; không những ở chỗ này Phật đánh thức chúng ta, từ trong kinh điển Đại Thừa chúng ta thấy được câu này rất nhiều. Thường khi tạo tác tội nghiệp đọa địa ngục, sau khi từ địa ngục ra vẫn phải biến ngạ quỷ. Sau khi tội thọ đây ở ngạ quỷ đạo rồi, vẫn phải biến súc sanh để trả nợ; nợ trả hết rồi mới có thể được thân người. Được thân người vẫn còn có dư tập, tập khí chưa dứt; cho nên chướng ngại của họ tại thế gian này nhiều hơn rất nhiều so với người thường. Cùng với chân chánh Đại Thừa Phật pháp này, họ rất khó tiếp thọ, cho nên anh biết được, tạo tác tội nghiệp là phiền phức biết mấy.

Khi tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, người có Phật tánh đều nên làm Phật. Chướng duyên này quá sâu, mặc dù từ bi vô tận, Phật đều chẳng giúp được. Chúng ta nhất định phải ghi nhớ thật kỹ điều này, quyết định chẳng thể tạo tác ác nghiệp; tạo tác ác nghiệp, khổ báo vô biên. Cho nên họ không thể tiếp thọ, không thể tin, đây tức là "túc ương vị tận", tức là nói tập khí của họ còn, tập khí chưa có thể đoạn dứt. "Vị đương độ thoát", đây là một đời chúng ta đọc bộ kinh này nhiều như vậy, đã nghe nhiều lần như vậy, thì nhất định phải biết được, chữ Độ Thoát là thành Phật. Chẳng phải kinh điển, pháp môn thông thường giúp cho anh sanh thiên được thiên phước, giúp cho anh chứng A La Hán

quả, giúp cho anh thành Bồ Tát; kinh này là trực tiếp giúp anh thành Phật. Anh thử nghĩ xem, có người nào trong một đời này giống như có cái vẻ thành Phật? Chúng ta chiếu thử trong kính, có giống Phật không?

Pháp môn này là giúp cho anh trong một đời này đắc đạo thành Phật, đắc đạo tức là vãng sanh bất thoái, quả báo là thành Phật, cứu cánh viên mãn Phật, chẳng phải Tạng Giáo Phật, Thông Giáo Phật. Tạng Giáo Phật so với cái này thì dễ dàng hơn quá nhiều, đây là cứu cánh viên mãn Phật; anh mới biết được, đó là phước báo lớn biết chừng nào. Họ là "túc ương vị tận, vị đương độ thoát", cơ duyên thành Phật của họ chưa thành thục; cho nên gặp được kinh điển này, gặp

được pháp môn này, trong tâm họ liền khởi lên nghi hoặc, họ chẳng thể tin, chẳng thể "nhất hướng chuyên niệm", họ chẳng làm được. Hôm nay xin giảng đến đây. A Di Đà Phật

Tập 29

Xin lật kinh bản.

Cần Tu Kiên Trì - Đệ Tứ Thập Lục

Từ phẩm Bốn Mươi Sáu bắt đầu xem, phẩm kinh này là phó chúc lưu thông, xin xem kinh văn.

Kinh văn: "Phật cáo Di Lặc: Chư Phật Như Lai vô thượng chi pháp, thập lực vô úy, vô ngại vô trước, thậm thâm chi pháp, cập Ba La Mật đẳng Bồ Tát chi pháp, phi dị khả ngộ. Năng thuyết pháp nhân, diệc nan khai thị. Kiên cố thâm tín, thời diệc nan tao. Ngã kim như lý

tuyên thuyết như thị quảng đại vi diệu pháp môn, nhất thiết chư Phật chi sở xưng tán. Phó chúc nhữ đẳng, tác đại thủ hộ”.

Đến chỗ này là một đoạn, đoạn này là Thế Tôn phó chúc Di Lặc cùng với một nhóm đại Bồ Tát dự hội, phải nên hộ pháp, hộ niệm tất cả chúng sanh. Trước tiên, Phật vì chúng ta tuyên bố “chư Phật Như Lai vô thượng chi pháp” là chỉ cho trụ Đại Thừa pháp, “thập lực vô úy, vô ngại vô trước” đều là Như Lai cùng với nhóm đại Bồ Tát quả địa chỗ chứng. Ba La Mật là chỉ chung sự tu học của Bồ Tát, như Lục Ba La Mật, Thập Ba La Mật. Ba La Mật là tiếng Phạn, ý nghĩa là cứu cánh viên mãn. Vậy thì

Đại Thừa Phật pháp rất chẳng dễ gặp được. "Phi dị khả ngộ", là chẳng phải dễ gặp được.

"Năng thuyết pháp nhân, diệc nan khai thị", người biết nói pháp cũng rất khó đem Đại Thừa Phật pháp giảng rõ ràng, giảng minh bạch, tại vì sao? Thứ nhất là cảnh giới chẳng đạt đến, tự mình chưa chứng được cảnh giới này nên đương nhiên nói không ra; chẳng những nói không ra, ngay cả thể hội cũng khó. Thứ hai là Đại Thừa pháp sâu rộng vô tận; cho dù là do chư Phật cùng đại Bồ Tát tuyên giảng, nghiệp chướng, tập khí chúng sanh rất nặng cũng rất khó lý giải, có nhiều sự thật như vậy, cho nên nói là "diệc nan khai thị". "Kiên cố thâm tín, thời diệc nan tao", đây là nói người nghe pháp,

người thọ trì có được lòng tin kiên cố. Đây cũng là rất chẳng dễ thấy được cũng vô cùng hy hữu, đây là "thời diệc nan tao", nan tao ngộ. Phía trước này không chỉ cho Đại Thừa pháp môn, còn phía dưới đây là nói đến bản kinh, đó là cái khó trong cái khó.

"Ngã kim như lý tuyên thuyết như thị quảng đại vi diệu pháp môn", đây là chỉ cho kinh Vô Lượng Thọ, cũng bao gồm kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật cùng kinh A Di Đà, Tịnh Độ Tam Kinh. Ba bộ kinh này là "quảng đại vi diệu pháp môn", vượt qua trên Đại Thừa phía trước cũng nói, vượt qua. Chẳng những như vậy, pháp môn này cùng ba bộ kinh này là "nhất thiết chư Phật chi sở xưng tán", câu nói này quan trọng. "Nhất thiết chư Phật

chi sở xưng tán", nếu anh hiểu rõ sự thật này, những người y theo bộ kinh này tu hành, cũng được "nhất thiết chư Phật chi sở xưng tán", cùng một đạo lý. Hiện nay đem kinh này "phó chúc nhữ đẳng", giao phó cho các ông, truyền thọ cho các ông, "tác đại thủ hộ", hộ pháp, hộ người, hộ trì kinh pháp, hộ trì người tu hành theo kinh pháp này. Dặn dò nhóm đại Bồ Tát này phải bảo hộ họ. Đây là ở trong pháp hội này Thế Tôn khai thị một cách rõ ràng, ngày nay chúng ta y theo lý luận, phương pháp của bộ kinh này để tu hành thì biết được, nhất định tất cả chư Phật hộ niệm, chư đại Bồ Tát hộ trì. Đây là Thế Tôn phó chúc cho họ, nhất định là họ y giáo phụng hành.

Kinh văn: "Vị chư hữu tình trường dạ lợi ích, mạc linh chúng sanh luân đọa ngũ thú, bị thọ nguy khổ. Ưng cần tu hành, tùy thuận ngã giáo".

Đoạn này là phó chúc, nếu như muốn hộ niệm chúng sanh, thì không thể thiếu pháp môn này. Bồ Tát là Lục Độ tâm, thường thường giữ lấy cái tâm độ chúng sanh, niệm niệm hy vọng tất cả chúng sanh cùng mình viên thành Phật đạo như nhau. Đây là Bồ Tát tâm, cho nên vì tất cả hữu tình chúng sanh "trường dạ lợi ích"; chữ Trường Dạ là vô minh chưa phá, chẳng thể siêu việt tam giới; cái này tức là cái khổ của lục đạo luân hồi,

Bồ Tát giúp đỡ những người này. “Mạc linh chúng sanh luân đọa ngũ thú”, đừng nên khiến chúng sanh luân hồi trong lục đạo, Ngũ Thú tức là lục đạo. Ở trong lục đạo quá khổ quá khổ; cho nên Bồ Tát phải giúp đỡ những chúng sanh này liễu sanh tử, xuất tam giới. Vậy thì phải làm cách nào đây?

“Ưng cần tu hành tùy thuận ngã giáo”, chữ Ngã Giáo tức là chỉ cho bộ kinh này; trong bộ kinh này, chỗ chỉ dạy cho anh đó, anh có thể tùy thuận, có thể y giáo tu hành thì có thể trong một đời này vĩnh thoát luân hồi, lìa khổ được vui.

Kinh văn: “Đương hiếu ư Phật, thường niệm sư ân. Đương linh thị pháp cửu trụ bất diệt. Đương kiên

trì chi, vô đắc hủy thất. Vô đắc vi vọng, tăng giảm kinh pháp".

Câu thứ nhất là dạy chúng ta phải hiếu với Phật, Phật đối với chúng ta, ân đức vượt hơn cha mẹ. Ở thế gian, Phật vì chúng ta xây dựng Đại Thừa, vì chúng ta xây dựng Tịnh Độ, chúng ta mới có thể được độ. Thường niệm sư ân, đây là đời đời tổ sư đại đức đem Phật pháp truyền thừa xuống, chúng ta mới có thể có được. Nếu như chẳng có những vị tổ sư đại đức này từng đời từng đời tuyên truyền, thì làm sao chúng ta có thể gặp được pháp môn thù thắng như vậy? Cho nên đối với vị lão sư truyền pháp, chúng ta phải thường thường niệm ở trong tâm ân đức này; đây là người

truyền pháp. "Đương linh thị pháp cửu trụ bất diệt", làm thế nào Pháp có thể trụ thế lâu dài được? Thứ nhất, chúng ta phải y theo phương pháp này tu hành chứng quả; thứ hai, phải rộng lưu thông, tuyên truyền thì pháp này sẽ không diệt.

"Đương kiên trì chi", dùng cái lòng tin kiên định, giữ mà chẳng mất; cho nên "vô đắc hủy thất", phải đem cái pháp này bảo trì cho được hoàn chỉnh, từng đời từng đời truyền xuống. "Vô đắc vi vọng, tăng giảm kinh pháp", ở chỗ này chúng ta đọc đến câu này, cảm động rất sâu. Vào thời kỳ Mạt Pháp, người thời nay sửa kinh rất nhiều, tùy ý đem kinh văn sửa đổi; thời xưa rất ít, bây giờ rất nhiều. Tại chỗ này, với một câu này Phật đánh

thức chúng ta, nếu như chân chánh hộ pháp, đối với kinh điển không thể sửa đổi một chữ, không thể thêm vào một chữ, không thể bớt đi một chữ. Nhất định là nguyên nguyên bổn bổn, từng đời từng đời tuyên truyền, phải nên đem hết hình hài, thọ mạng để tín thọ phụng hành, làm đệ nhất đệ tử của Phật.

Bản kinh, trước kia có bản hội tập của cư sĩ Vương Long Thư, có tiết bản của Bành Thiệu Thanh, có bản hội tập của cư sĩ Ngụy Nguyên. Trong Văn Sao của Ấn Quang đại sư đều có phê bình ba bản này, nguyên nhân tại đâu? Tức là có sự thêm bớt kinh pháp. Trong hội tập của họ, có khi đem kinh văn sửa đổi; thật tại mà nói, họ sửa rất hay, sửa đó khiến

chúng ta khi xem càng dễ hiểu hơn. Tuy nhiên về nguyên văn, nếu như họ mở đầu cách làm này, mở ra cái lệ này, họ có thể sửa; thì sau này chúng ta, nếu cảm thấy Vương Long Thư có thể sửa thì chúng ta cũng có thể sửa. Vậy mỗi người đều sửa vài chữ thì kinh điển này truyền xuống thì diện mục hoàn toàn khác hẳn; cho nên đối với việc này, Ấn Quang đại sư khiển trách rất mạnh, quở trách họ đã làm một cái sai lầm rất lớn. Vì vậy nên bản hội tập này của ngài Hạ Liên Cư, có nhiều đồng tu đem năm loại bản dịch đã tìm ra để đối chiếu với bản này, đích thật ông ta chẳng có sửa đổi. Mỗi một chữ, mỗi một câu đều là nguyên văn, chỉ là sắp trở lại, tổ chức trở lại mà thôi; chữ chữ câu câu đều

là nguyên văn, chẳng có sửa đổi qua một chữ! Rất tiếc là Ấn Quang đại sư chưa thấy qua bản này, Ngài đã vãng sanh khi cư sĩ Hạ Liên Cư hội tập thành công; nếu chẳng như vậy thì tổ Ấn Quang thấy được bản này, có lẽ Ngài sẽ gật đầu, bản này đúng, có thể lưu thông. Bản này đích thật là vô cùng vô cùng hiếm có.

Kinh văn: "Thường niệm bất tuyệt, tắc đắc đạo tiệp. Ngã pháp như thị, tác như thị thuyết. Như Lai sở hành, diệc ưng tùy hành. Chủng tu phước thiện, cầu sanh Tịnh sát".

Câu phía sau, ý nghĩa đích thật là rất sâu, rất rộng; phía bên trong đây có mùi vị của Thiền. "Thường niệm

bất tuyệt”, tức là chỉ cho niệm Phật pháp môn, bao gồm hành, giải, cầu sanh; vậy thì anh đắc đạo nhanh chóng, trong một đời anh vãng sanh bất thoái thành Phật. “Ngã pháp như thị, tác như thị thuyết”, hai câu này, thật tại là tổng kết của toàn kinh, cũng là tổng kết của Thích Ca Mâu Ni Phật bốn mươi chín năm chỗ thuyết của tất cả Phật. “Ngã pháp như thị, tác như thị thuyết”, cùng với mở đầu câu kinh “như thị ngã văn”, ý nghĩa trước sau nhất quán. Chữ Như Thị, dùng cách nói hiện đại để nói, tức là chân tướng sự thật, pháp của Phật nói đó tức là chân tướng của vũ trụ, nhân sinh. Ta chỉ đem cái chân tướng này nói ra mà thôi, nói một cách khác, cũng là chẳng có thêm một tí, chẳng có giảm

một tí; chân tướng là thế nào thì ta nói thế đó. Cho nên Phật nói, chẳng phải Ngài tưởng tượng ra tất cả kinh, chẳng phải Ngài tự suy đoán, chẳng phải dự ngôn của Ngài, chẳng phải như vậy! Hoàn toàn là chân tướng sự thật. Như kinh Pháp Hoa nói đến "thật như thị, như thị thể, như thị tướng, như thị dụng", đến "như thị nhân duyên quả báo"; chẳng qua là Phật nói đến cái này mà thôi. Cho nên vừa mở đầu là "như thị", Phật nói những gì? Phật nói cái như thị kia, bốn mươi chín năm là nói cái "như thị". Anh hãy đem hai chữ "như thị" hiểu được rồi thì chỗ có tất cả Phật pháp anh đều minh bạch cả.

"Như Lai sở hành, diệc ưng tùy hành", ý nghĩa bên trong đây cũng vô

cùng sâu rộng, ngày nay chúng ta chuyên tu Tịnh Độ, chuyên cầu vãng sanh, điều này rất chính xác. Tâm của Như Lai rộng độ tất cả chúng sanh, giả như chúng ta có cái năng lực này thì đối với việc vãng sanh của chính mình chẳng có trở ngại; điểm này đặc biệt trọng yếu. Nếu như đối với việc vãng sanh của chính mình có chướng ngại thì không được, nếu chẳng có chướng ngại thì có thể tùy hành, tùy hỷ công đức đấy. Bởi vì tất cả chúng sanh, căn tánh chẳng tương đồng, thiện căn, phước đức chẳng giống nhau. Dùng cách nói bây giờ để nói, tức là trí tuệ chẳng ngang nhau, hoàn cảnh sinh hoạt khác nhau, bối cảnh văn hóa khác nhau, vì vậy cho nên tư tưởng, kiến giải, dục vọng, mong cầu

của họ, người người chẳng tương đồng.

Vì thế cho nên Thế Tôn hằng thuận chúng sanh, diễn thuyết vô lượng pháp môn, khiến cho tất cả chúng sanh, người người đều được mãn nguyện; đây là đại từ, đại bi. Ngày nay, nơi trong vô lượng pháp môn, chúng ta thật là vô cùng may mắn gặp được đệ nhất pháp môn; chữ Đệ Nhất này là một đời tôi y theo pháp môn này, quyết định vĩnh thoát tam giới lục đạo, viên chứng Phật quả, đây tức là đệ nhất. Tuy nhiên đối với những người căn tánh chẳng thành thục, cần phải dùng pháp môn khác để dẫn dụ, đây tức là "chư Phật sở hành".

Chúng ta có khả năng, chúng ta tự mình vãng sanh, có được chắc chắn rồi thì cũng có thể "tùy hành", có thể dùng pháp môn khác giúp đỡ những chúng sanh căn tánh không đồng. Tuy nhiên, điều này nhất định phải chẳng làm trở ngại chính mình vãng sanh, điều này rất quan trọng; cho nên nó gọi là "tùy hành", chẳng có nói nhất định phải hành, là tùy hỷ đi làm. "Chủng tu phước thiện", phải chủng phước, phải tu thiện; chủng phước tu thiện, tuy đối với chúng ta cầu sanh Tịnh Độ, cũng không hẳn là việc rất quan trọng, tuy nhiên chúng ta cũng phải hết lòng đi "tùy hành", tại vì sao? Là vì tất cả chúng sanh là một cái gương tốt, chúng sanh ở tại thế gian này đã quá khổ quá khổ rồi, tại sao

khổ như vậy? Vì chẳng có phước. Tại sao chẳng có phước? Vì họ chẳng có tu thiện. Thiện là nhân, phước là quả; không chịu tu thiện thì phước từ đâu đến?

Đặc biệt là thời đại hiện tiền này của chúng ta, rất nhiều chúng sanh chẳng những chẳng biết tu phước, tu thiện, chủng phước, trong tâm tràn đầy tham, sân, si, mạn; tham sân si gọi là Tam Độc. Trong tâm đã tràn đầy độc tố rồi, họ còn có thể được lợi ích gì chứ? Người học Phật, đối với sự việc này, phải nên thấy rõ ràng minh bạch; ở trong kinh này Phật dạy cho chúng ta "sái tâm dịch hạnh", tức là đem tam độc rửa cho sạch sẽ, bồi dưỡng khôi phục cái tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm từ

bi của chúng ta thì anh liền có phước rồi. Phước là từ đây mà có, trong tam độc quyết định chẳng có phước; trong tam độc có khổ, cái khổ vô lượng vô biên. Thế gian hiện nay này, chúng sanh khổ não, căn nguyên của sự khổ não tức là tam độc. Độc thì làm sao chẳng khổ chứ? Cho nên nhất định phải biết đem nó rửa cho thật sạch sẽ, người học Phật chúng ta nên vì người thế gian làm một cái gương tốt, chẳng những là chúng ta khuyên họ nên trồng phước, phải tu thiện. Chính chúng ta làm cho họ xem, làm cái gương cho họ xem, giáo hóa chúng sanh cầu sanh Tịnh Độ, đây là phước thiện cứu cánh viên mãn. Nếu chẳng thể cầu sanh, chẳng thể sanh Tịnh Độ, thì cái thiện và phước này đều chẳng

phải cứu cánh. Cũng có thể nói, Thế Tôn nói kinh, nói đến chỗ này, thì việc giáo hóa chúng sanh có thể nói là đã đạt viên mãn rồi. Phần kết luận cuối cùng này, kết luận quá hay quá hay. Phía dưới một đoạn là kệ tụng, phần kệ tụng này là Trùng Tụng; dùng thể tài của trùng tụng để nói lại ý nghĩa của phía trước một lần nữa, xin xem kinh văn.

Phước Tuệ Thỉ Văn - Đệ Tứ Thập Thất

Kinh văn: "Nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết tụng viết: Nhược bất vãng tích tu phước tuệ, Ư thử chánh pháp bất năng văn, Dĩ tằng cúng dường chư Như Lai, Tắc năng hoan hỷ tín thử sự".

Kệ này tổng cộng có tám bài, đây là bài thứ nhất. Bài thứ nhất nói với chúng ta cái thị phi của chân tướng có thể thấy được, chúng ta gặp được pháp môn này, gặp được kinh điển này, thật tại chẳng dễ dàng nếu chẳng phải trong đời quá khứ, Vãng Tích là trong đời quá khứ tu phước, tu tuệ. Nơi trong phần kinh văn phía trước

chúng ta đọc qua chữ Vãng Tích, thời gian quá dài, vô lượng kiếp; bởi vì anh đã từng cúng dường vô lượng chư Phật Như Lai, do đây có thể biết, thời gian này vô cùng vô cùng lâu xa. Nếu chẳng phải thiện căn, phước đức sâu dầy như vậy, thì "ư thử chánh pháp bất năng văn", câu này là chỉ cho kinh Vô Lượng Thọ không chỉ cho các pháp môn khác, chuyên chỉ cho kinh Vô Lượng Thọ, chuyên chỉ cho Tịnh Tông pháp môn. Nếu anh chẳng có phước đức căn cơ sâu dầy như vậy thì anh chẳng gặp được pháp môn này, chúng ta nghe xong lời này, phải bình tĩnh để quan sát.

Anh xem cái thế gian này, cái hiện tại thế giới này, gần năm mươi ức người, trong số năm mươi ức

người này, có được mấy phần trăm đã từng được tiếp xúc đến Phật pháp trong một đời này? Đã từng nghe qua kinh điển Đại Thừa? Lại có mấy phần trăm nghe qua kinh Vô Lượng Thọ? Theo đây từng từng mà đào thải đến sau cùng thì còn lại chẳng được mấy người, anh mới biết được lời Phật nói có đạo lý. "Dĩ tằng cúng dường chư Như Lai", chính là phía trước trong kinh văn chỗ nói, A Xà vương tử cúng dường bốn trăm ức Phật, mới hoan hỷ tin việc này. Thật sự có thể tiếp xúc đến pháp môn này, nghe đến kinh điển này, sanh tâm hoan hỷ tin được, gần như cùng với A Xà vương tử như nhau; anh trong đời quá khứ đã từng cúng dường bốn trăm ức Phật. Nếu như anh lại phát nguyện trong

một đời này quyết định cầu sanh Tịnh Độ, vậy thì thiện căn, phước đức của anh vượt hơn A Xà vương tử và năm trăm trưởng giả; quyết định vượt hơn họ. Cho nên trong kinh A Di Đà nói "bất khả dĩ thiểu thiện căn, phước đức, nhân duyên, đắc sanh bỉ quốc", chữ Bất Thiểu, rốt cuộc là tiêu chuẩn như thế nào? Từ trong kinh này chúng ta thấy được, tiêu chuẩn của nó không phải tiêu chuẩn thông thường; anh thử xem, nghe được kinh điển này, sau khi nghe rồi có thể ưa thích, chẳng phải dễ. Tuy nhiên tôi nhìn thấy quý vị nghe đến rất ưa thích, điều này đều chẳng phải dễ dàng.

Kinh văn: "Ác kiêu giải đãi cập tà kiến, Nan tín Như Lai vi diệu

pháp, Thí như manh nhân hằng xử ám, Bất năng khai đạo ư tha lộ”.

Bài kệ này, Phật vì chúng ta nói ra nghiệp chướng sâu nặng của một số người; nói một cách khác, trong một đời này họ vẫn chưa có cơ duyên vãng sanh, nói một cách khác nữa, họ không thể vãng sanh. Những nghiệp chướng sâu nặng nào vậy? Tại chỗ này Phật nêu ra vài thí dụ, thứ nhất là Ác, tạo tác thập ác nghiệp, người như vậy không thể vãng sanh. Trong thập ác nghiệp này: Thân tạo sát - đạo - dâm; Khẩu nghiệp là vọng ngữ - lưỡng thiệt - ác khẩu - ỷ ngữ; Ý nghiệp là tham - sân - si. Nếu như là người tạo tác thập ác nghiệp này thì không thể vãng sanh, đây là chướng

ngại. Thứ hai là Kiêu, kiêu tức là cống cao, ngã mạn, rất tự đại, coi rẻ người. Đề kinh này nói với chúng ta Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác, người kiêu mạn tự đại thì tâm chẳng thanh tịnh, tuyệt đối chẳng bình đẳng, thì Giác từ đâu mà có? Người như thế, nghiệp chướng cũng nặng. Thứ ba là Giải Đãi, giải đãi là lười biếng, chẳng chịu dụng công; tuy chẳng có cái ác nghiệp ở phía trước, vừa lười biếng thì là hỏng hết.

Cho nên trong Bồ Tát Lục Độ, Tinh Tấn tức là đối trị lười biếng; người lười biếng, một đời không thể vãng sanh. Muốn vãng sanh thì hãy cần mẫn, mau mau niệm Phật, nếu như anh vì cuộc sống, công việc bận rộn, quả thật chẳng có thì giờ, anh

cũng phải nhín ít thì giờ, phải tinh tấn, không giải đãi. Trong Tam Bối Vãng Sanh nói rất rõ ràng, nhất định tinh tấn, không thể lười biếng, khi mệt rồi thì nghỉ chốc lát, đây không phải việc tốt, phải hết lòng nỗ lực để niệm Phật. Cho nên giải đãi là cái chướng ngại rất lớn, chớ nên xem thường nó.

Vậy còn một cái nữa (thứ tư) là Tà Kiến, cái này thật là phiền phức; có thể nói là cái chướng ngại rất nặng rất nặng. Đối với pháp môn này, người có tà kiến hoài nghi, không thể tiếp thọ. "Nan tín Như Lai vi diệu pháp", vi diệu pháp tức là chỉ cho Tịnh Độ pháp môn, tức là chỉ cho bản kinh, những hạng người này khó mà tin được. Họ không tin, đương nhiên sẽ chẳng phát nguyện cầu sanh, họ

cũng sẽ chẳng chịu niệm Phật, cho nên thí dụ phía dưới "thí như manh nhân hằng xử ám". Manh là người mù, người mù lại ở trong chỗ tối tăm, trong tối lại thêm tối, thí dụ cho loại người phía trước, đây là Thế Tôn nêu ra vài thí dụ. Chúng ta từ trong thí dụ này mà liên tưởng, tất cả sự hoài nghi do dự đối với pháp môn này, phiền não tập khí rất nặng đều có thể tạo thành chướng ngại cho việc vãng sanh, là chúng ta phải nên cảnh giác.

"Bất năng khai đạo ư tha lộ", người mù đều chẳng thể tự mình biết đường, làm sao có thể chỉ dẫn đường cho kẻ khác? Ý nghĩa này là nói với chúng ta, những người tự mình hoài nghi, lại còn chướng ngại kẻ khác, thấy người khác niệm Phật cầu sanh

Tịnh Độ, lại khuyên họ rằng "Pháp môn Tịnh Độ không tin được, làm gì có việc dễ dàng như vậy!" Khuyên họ đi học Thiền, học Mật, học các pháp môn khác, là ý nghĩa như vậy, lấy mù để dẫn mù. Tội lỗi này thì nặng, chính anh chẳng biết đường, đi lạc rồi đọa lạc chịu khổ, đây là tự làm tự chịu; đằng này kẻ khác đi đường chánh không sai, anh đi chướng ngại họ, lôi họ trở lại để đi đường sai. Đây thì phải chịu trách nhiệm nhân quả, tội lỗi này thì nặng đấy.

Kinh văn: "Duy tằng ư Phật thực chúng thiện, Cứu thế chi hạnh phương năng tu".

Hai câu kệ phía dưới này, Phật vì chúng ta nói rõ, người thật sự có thể vãng sanh cần nên cụ bị những điều kiện gì. Thứ nhất là, duy chỉ có độc nhất là ở nơi Phật trồng thiện căn; đây tức là phía trước nói đến trong đời quá khứ đã từng cúng dường chư Như Lai. Đây là thiện căn của quá khứ vô lượng kiếp, ý nghĩa bên trong câu này là tương quang hai mặt. Còn hiện nay gặp được Thích Ca Mâu Ni Phật, tuy Thích Ca Mâu Ni Phật không còn tại thế nhưng kinh điển của Phật còn lưu tại thế gian, chúng ta gặp được kinh điển này, thì cùng với gặp Phật chẳng khác. Chỉ cần có thể y theo lý luận, phương pháp của kinh điển để tu hành, cùng với năm xưa thân cận Phật là như nhau. Gặp được A Di Đà Phật,

gặp được Thích Ca Mâu Ni Phật, chúng ta có một cái nguyện vọng thượng cầu mãnh liệt "thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh". "Hạ hóa chúng sanh" tức là câu phía dưới "cứu thế chi hạnh phương năng tu", chữ Hạnh này là thiện hành, mới có thể tu.

Chúng ta có thể giúp đỡ người thế gian, đại chúng thời đại này cần yếu cấp bách là những gì? Chúng ta thử nghĩ, con người thời đại hiện nay, căn bệnh nào là nặng nhất? Tham, sân, si, mạn, bệnh này nghiêm trọng nhất. Chúng tôi đã từng đi qua rất nhiều quốc gia, địa phương, thấy được cái tham, sân, si của con người, là từng năm so với từng năm tăng trưởng. Nó chẳng phải suy thoái, nó đang tăng

trưởng; tham mà không chán, điều này ghê gớm lắm. Chẳng những điều này mang lại cho xã hội sự động loạn, nó có thể mang lại cho xã hội tai nạn của sự hủy diệt, tại vì sao? Vì người người đều đi tranh quyền lợi, vậy còn yên được sao? Đây là một hiện tượng rất đáng sợ, chúng ta biết được chỗ sở tại của bệnh căn này, biết được hậu quả không thể tưởng tượng được, con đường để cứu vãn tức là phải đánh thức nhân tâm của họ. Vì sao họ có thể tham, sân, si, mạn? Vì họ mê. Nếu như quả thật giác ngộ trở lại rồi, thì họ sẽ biết được những thứ này là tam độc phiền não, là căn nguyên của tất cả khổ nạn. Không nhổ trừ cái này thì không thể lìa khổ.

Con người sống tại thế gian này vốn là cầu cái vui, cầu khoái lạc, cầu hạnh phúc; lấy tham, sân, si để cầu thì làm sao có thể được hạnh phúc, khoái lạc? Vậy có thể dùng phương pháp gì mới có được hạnh phúc, khoái lạc? Dùng Tam Học, Lục Độ để cầu, anh mới thật sự có thể có được. "Tam Học là Giới - Định - Tuệ; Lục Độ là Bố Thí, Trì Giới, Nhẫn Nhục, Tinh Tấn, Thiền Định, Bát Nhã"; Lục Độ tức là triển khai của Giới - Định - Tuệ, ứng dụng vào trên cuộc sống. Được như vậy, chúng ta mới thật sự có được hạnh phúc, khoái lạc mỹ mãn, vì vậy cho nên cái hạnh phúc ở cuối đời của chúng ta, chúng ta mới biết được từ đâu để làm. Ấn Quang đại sư vì chúng ta đã làm cái gương mẫu rất tốt,

đó là ở trong cái thời đại này, duy có Tịnh Độ mới có thể cứu thế. Kinh luận của Tịnh Độ, giảng yếu rõ ràng, đơn giản, tất yếu, cũng rất là tường tận minh bạch, người hiện đại có thể tiếp thọ được. Còn đại kinh, đại luận, người ta vừa nhìn thấy một quyển dầy thế này, họ sẽ chẳng muốn xem, cái ý muốn đọc cũng chẳng có. Lòng người hiện nay nông nổi hấp tấp, cho nên anh cho họ vật chi càng ít thì càng tốt, càng có hiệu quả; quá nhiều, quá phức tạp ngược lại chẳng thu được hiệu quả.

Cho nên phải đơn giản, phải toát yếu, vì thế nên kinh điển Tịnh Tông cũng phù hợp thời đại này, pháp môn niệm Phật này đơn giản dễ hiểu. Xử thế, đối người là cương lĩnh trong

hành môn, chế định của chúng ta cũng vô cùng đơn giản là Tam Phước, Lục Hòa. Từ đâu chúng ta bắt đầu tu hành? Từ Tam Phước bắt đầu tu, từ "Hiếu dưỡng phụ mẫu, Phụng sự sư trưởng, Từ tâm bất sát, Tu thập thiện nghiệp"; từ đây bắt đầu tu. Chỗ Thế Tôn nói đến những chướng ngại tập khí, cả thảy chúng ta đều chẳng có, nhiên hậu Tam Quy, Ngũ Giới. "Phát Bồ Đề tâm, Thâm tín nhân quả, Độc tụng Đại Thừa", từ chỗ này chúng ta hạ thủ. Có thể thấy đây là hành môn rất chắc thật, thật sự chúng ta có thể được phước, thật sự có thể được tự tại.

Kinh văn: "Văn dĩ thọ trì cập thư tả, Độc tụng, tán diễn, tinh cúng dường".

Phía trước nói được rất nhiều, nói được rất tường tận, Phật chỉ dạy chúng ta như vậy. Văn Dĩ là nghe được bộ kinh điển này, sau khi nghe rồi, phải tiếp thọ, hoàn toàn tiếp thọ; chẳng thể chỉ tiếp thọ vài phần, phải hoàn toàn tiếp thọ. Kinh Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà cùng với trước kia quý vị đại đức thêm vào Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyện Phẩm, Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông Chương. Ngũ Kinh, Nhất Luận, đều là phần bổ sung của kinh Vô Lượng Thọ, Phật tổ duy sợ rằng chúng ta chẳng thể lý giải bộ kinh này một cách thấu triệt. Đọc tụng Đại Thừa, đọc tụng từ kinh nhất luận khác, khiến cho chúng ta đối với kinh Vô Lượng Thọ càng thêm thâm

nhập, càng lý giải thấu triệt hơn; đây là khiến cho chúng ta toàn bộ tiếp thọ, tiếp thọ được một trăm phần trăm. Sau khi tiếp thọ qua rồi thì phải y giáo phụng hành. Chẳng những là tận hết hình thọ y giáo phụng hành, câu tận hình thọ tức là tôi sống được một ngày thì tôi làm một ngày. Chúng ta phải phát đại nguyện, đời đời kiếp kiếp y giáo phụng hành, tuyệt đối chẳng trái ngược! Đây không chỉ là một đời, một kiếp, phát đại nguyện lớn thế đó, xin thưa với quý vị, đó cùng với Đại Thế Chí Bồ Tát trở thành đồng chí rồi. Đại Thế Chí Bồ Tát đời đời kiếp kiếp đều tu pháp môn này, cho nên đây gọi là Trì, vĩnh viễn bảo trì.

"Cập thư tả", Thư Tả là lưu thông, cũng tức là nói, chúng ta cần phải đem pháp môn này lưu thông qua lại, khiến cho tất cả chúng sanh thế gian này đều có cơ duyên gặp được pháp môn này, đều có cơ hội gặp đến kinh điển này. Chúng ta cho họ cơ hội, cho họ nhân duyên thì công đức này vô lượng vô biên; cho nên kinh sách, chúng ta phải in ra số nhiều, không ngừng mà in. Hiện nay chẳng cần viết chép nữa, viết chép chẳng dễ! Anh xem, lão cư sĩ họ Trương ở Canada viết kinh Vô Lượng Thọ, ông phải mất hết thời gian mười tháng để viết được một quyển, vô cùng hiếm có. Ông là nhà thư pháp hiện đại, chữ của ông viết quả thật rất đẹp; cứ đem bản chữ thiếp so sánh với thời cổ Tiểu

Khải Linh Phi kinh, viết còn đẹp hơn, đây là tác phẩm nghệ thuật cao độ. Cho nên kinh ông ta viết, chúng tôi đã đem nó in ra rất nhiều, số lượng rất lớn; vậy một nhà nghệ thuật như vậy đích thật viết được rất đẹp. Vĩnh viễn bảo tồn lưu thông, khiến mọi người nhìn đến kinh bản này đều có thể sanh tâm hoan hỷ, đây là vô lượng công đức, mỗi người chúng ta đều có trách nhiệm lưu thông.

"Độc Tụng", Độc là đối trước kinh bản, mỗi người chúng ta phải đọc, Tụng là đọc thuộc lòng, không cần xem kinh bản; chúng ta dò được, đọc thuộc lòng. Đọc tụng phải dùng thái độ gì? Chúng ta phải dùng tâm chân thành, tâm thanh tịnh, tâm cung kính tiếp thọ lời chỉ dạy của Phật.

Kinh điển tức là lời giáo huấn của Phật; như vậy mới có thể được sự lợi ích chân thật, đọc tụng như vậy sẽ khai ngộ, chỗ gọi là "thành tất linh" đấy. Tâm anh Thành thì có cảm ứng, huống chi bộ kinh này, anh niệm một biến, trong Mật Tông gọi là Quán Đảnh, tức là chư Phật Như Lai quán đảnh cho anh một lần. Anh niệm hai biến thì quán đảnh cho anh hai lần, mỗi ngày niệm mười biến thì mười lần quán đảnh. So với những vị Lạt Ma Nhân Ba Thiết còn cao minh hơn quá nhiều, phải nên biết điều này. Anh phải biết được ý nghĩa của việc quán đảnh này, chẳng phải tưới lên vài giọt nước lên đầu gọi là quán đảnh; đó chỉ là hình thức, là tượng trưng.

Nếu như rưới vài giọt nước là quán đảnh thì khí hậu Tân Gia Ba này rất nóng bức, mỗi ngày tắm nhiều lần, anh xem đó chẳng phải là quán đảnh rồi sao! Là đại quán đảnh rồi. Cho nên ý nghĩa chữ Quán Đảnh là từ bi gia trì, Đảnh là pháp môn tối cao; ý nghĩa quán đảnh tức là Phật với tâm đại từ bi, đem đại pháp tối cao vô thượng truyền thọ cho anh, nghĩa này gọi là quán đảnh. Bộ kinh này, chúng ta biết là Như Lai chỗ thuyết đệ nhất kinh, là đảnh pháp không gì cao hơn cái này, quả là đảnh pháp. Chúng ta cung kính đọc tụng, tức là tất cả Như Lai vì chúng ta quán đảnh một lần, cái này là đại pháp của Mật Tông.

Tán là xưng tán, xưng dương; còn Diễn tức là trong cuộc sống ngày

thường, đem nó làm được. Diễn là biểu diễn, chúng ta đem lời giáo huấn trong kinh áp dụng vào sinh hoạt, cả thảy đều làm được cả, khiến cho mọi người đều nhìn thấy, đây là Diễn, làm cho người khác xem. Anh xem, đọc tụng, tán thán là ngôn giáo, diễn là thân giáo, phía dưới cúng dường; "tinh cúng dường" là thân giáo. Chúng ta làm ra gương mẫu cho kẻ khác xem, trong cúng dường nhất định phải tuân tu Phổ Hiền Bồ Tát pháp cúng dường, ít nhất phải đem bảy câu của pháp cúng dường thảy đều làm được, tận tâm tận lực để làm. Trong bảy câu này, quan trọng nhất là "như thuyết tu hành", Phật nói thế nào thì chúng ta làm thế đó, câu này là tổng cương lĩnh. Đồng thời chúng

ta đem cái tâm cúng dường chư Phật để cúng dường tất cả chúng sanh.

Kinh văn: "Như thị nhất tâm cầu tịnh phương, Quyết định vãng sanh Cực Lạc quốc, Giả sử đại hỏa mãn tam thiên, Thừa Phật oai đức tất năng siêu".

Như Thị, giống như phía trước chỗ nói về thiện căn, phước đức, nhân duyên, nhất nhất hồi hướng Tây Phương cầu sanh Tịnh Độ, đây tức là "nhất tâm cầu tịnh phương". Chúng ta phải toàn tâm toàn lực để làm, tại thế gian này, chúng ta sống một ngày thì chúng ta làm một ngày, tự mình cầu sanh Tịnh Độ, giúp Phật tiếp dẫn chúng sanh; đệ tử Phật ở thế gian là

chỉ việc này. Bất luận là xuất gia hay tại gia, bất luận nam nữ già trẻ, bất luận một loại nghề nghiệp nào, chúng ta đều phải giữ cái tâm này, đều phải có cái ý niệm này, đem cái chánh pháp này truyền bá hoằng dương, tận tâm tận lực để giới thiệu cho kẻ khác. Những câu hay ho trong kinh quá nhiều quá nhiều, chúng ta có thể đem nó làm thành những tấm thiệp (card) nhỏ, tiết kiệm và lợi ích thật tế; tấm thiệp nhỏ đến khắp nơi tặng cho người. Anh tặng một quyển kinh cho người ta, người không học Phật sẽ chẳng nhận, anh tặng cho họ một tấm thiệp xinh đẹp, họ xem thấy rất ưa thích; bên trong in vài câu kệ thì nó sẽ rơi vào trong bát thức điền. Chúng ta có cái tâm này thì thường hay làm

như vậy; điều này vô cùng có ý nghĩa, cùng với lời dạy của Phật hoàn toàn tương ưng, như vậy mới có thể bảo chứng, trong một đời này của chúng ta được sanh đến Phật quốc, vãng sanh Cực Lạc thế giới. Hai câu phía sau này, chúng ta cũng có niệm qua trong văn trường hàng phía trước, cho nên đây là thuộc về trùng tụng.

"Giả sử đại hỏa mãn tam thiên", đây là gặp phải đại tai nạn. Ở trong kinh Phật nói với chúng ta, đại tai nạn này có tiểu tam tai, có đại tam tai; đây là nói đại tam tai. Tiểu tam tai là gì? Là đao binh kiếp (tức là chiến tranh), ôn dịch (là bệnh truyền nhiễm), thứ ba tức là nạn đói (con người không có thức ăn sẽ đói); tiểu tam tai. Phật nói với chúng ta, khi tiểu tam tai này đến,

đao binh kiếp là bảy ngày bảy đêm (bảy ngày), còn ôn dịch là bảy tháng bảy ngày, còn nạn đói là bảy năm, bảy tháng, bảy ngày. Trước kia chúng ta từ trên kinh thấy được cái này, đều nghĩ chẳng ra, từ cổ chí kim trên lịch sử chiến tranh phát sanh, không biết là bao nhiêu. Trước kia Trung Hoa cùng người Nhật đánh hết tám năm, đó không tính là đao binh kiếp.

Mười mấy năm trước tôi đến Nhật Bản để viếng thăm, đến quảng đảo Trường Kỳ để xem, mới hoảng nhiên đại ngộ, thì ra Phật nói về cái tiểu tam tai, tức là thế giới đại chiến thứ Ba, chiến tranh hạch nhân. Có lẽ cuộc chiến này chỉ có bảy ngày thì kết thúc, mang lại bụi nguyên tử; những chứng bệnh di hại về sau của chất bụi phóng

xạ này tức là bệnh truyền nhiễm. Nếu như anh không chết sau bảy ngày, vậy thì anh vẫn có thể sống được; thông thường thời gian này là quyết định chẳng thể tránh miễn được. Nếu như sau khi anh bị quang tuyến của nó chiếu qua thì rất khó sống sót, những chỗ bị bom hạch nhân dội qua, đích thật phải sau tám năm, đất này mới có thể mọc cỏ. Cho nên những nơi bị bom hạch nhân dội qua, những nơi bị bụi hạch nhân rơi xuống thì cây cỏ ở đất đai này không mọc được; phải trải qua bảy năm, bảy tháng thì cỏ mới có thể mọc. Thì chẳng phải con người sống lúc đó mà chết đói hay sao? Cho nên thì ra Thế Tôn nói đến cái tiểu tam tai, tức là chiến tranh hạch nhân.

Anh xem, ba ngàn năm trước mà Ngài nói rõ ràng minh bạch như vậy.

Còn đại tam tai là cái đại tai nạn của toàn cả vũ trụ, như tinh cầu với tinh cầu đụng nhau, cái này thì phiền phức lớn đấy; cho nên Phật nói với chúng ta Thủy, Hỏa, Phong. Cái thứ nhất là hỏa tai, lửa cháy đến Sơ Thiền Thiên, cái này là Hỏa, tức là rất nhiều tinh cầu đều tiêu mất hết, đều hủy diệt hết. Nước ngập cả Nhị Thiền, Gió thổi đến Tam Thiền; đến Tứ Thiền thì chẳng có tam tai, phước báo của Tứ Thiền Thiên rất lớn, Tứ Thiền Thiên gọi là Phước Thiên. Đây là nói hỏa tai của trong đại tam tai, lửa thiêu đến Sơ Thiền Thiên. "Giả sử đại hỏa mãn tam thiên", đây là nêu lên cái thí dụ; những người niệm Phật, những người

hành thiện, những người tu phước, đều có thể được Phật lực gia trì vãng sanh Tịnh Độ, sẽ chẳng thọ tai nạn này. Thế gian có tai nạn này, song họ đã vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi. Hai câu này là vì chư vị đồng tu nói rõ, chúng ta có thể đem nó coi như là bảo chứng thư của A Di Đà Phật, Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta mở ra. Bảo chứng chúng ta không gặp nạn, bảo chứng vãng sanh Cực Lạc thế giới. Cho nên tôi thường nói, tôi có sự vãng sanh chắc chắn; người ta hỏi sao pháp sư có được vãng sanh chắc chắn, công phu của thầy đến trình độ nào? Tôi chẳng có công phu. Tại sao có được chắc chắn như vậy? Bởi vì bảo chứng đang ở trên tay đây. Quý vị đã cầm được bảo

chứng thư ở trên tay mà chẳng biết mặt hàng, chẳng nhận thức; tôi biết mặt hàng, có bảo chứng thư trong tay, quyết định được sanh. Chỉ cần anh có thể tin sâu chẳng nghi, y giáo phụng hành, không có một người nào chẳng được sanh. Trước kia Thiện Đạo đại sư nói, pháp môn này là muôn người tu, muôn người đi, một người cũng chẳng sót.

Kinh văn: "Như Lai thâm quảng trí tuệ hải, Duy Phật dữ Phật nãi năng tri, Thanh Văn ức kiếp tư Phật trí, Tận kỳ thần lực mạc năng trắc".

Hai bài phía dưới này là tán thán trí tuệ của Phật sâu, đức hạnh của

Phật cao. Nếu như chúng ta đối với sự việc này chẳng thể nhận thức rõ ràng, chẳng thể khẳng định thì anh sẽ không tránh khỏi vài hoài nghi. Hoài nghi chính giống như phía trước trong kinh có nói, đó là chướng ngại lớn nhất của Bồ Tát. Vậy thì bộ kinh này là sự hiển thị của cái biển trí tuệ cứu cánh viên mãn sâu rộng của Như Lai, là bộ kinh này. Vậy trên thực tế, tức là chỉ cho Tây Phương Cực Lạc thế giới y chánh trang nghiêm, là cảnh giới của biển trí tuệ sâu rộng, chỗ hiện của Như Lai. Đây là "duy Phật dữ Phật nãi năng tri", cho nên thập phương tất cả chư Phật tán thán A Di Đà Phật, thập phương tất cả chư Phật xưng dương A Di Đà Phật, thập phương tất cả chư Phật đều khuyên

tất cả chúng sanh. Tất cả chúng sanh này bao gồm luôn Đẳng Giác Bồ Tát; cầu sanh Tịnh Độ, thân cận A Di Đà Phật. Nguyên nhân gì vậy? Tức là Tây Phương thế giới y chánh trang nghiêm là cảnh giới của trong biển trí tuệ sâu rộng chỗ hiện của Như Lai. Bộ kinh này, đương nhiên phần kinh văn này cũng là từ trong biển trí tuệ chỗ hiện ra, duy Phật với Phật mới có thể biết được. Chúng ta phải tin sâu, chẳng nghi.

Còn Thanh Văn, như trong kinh chỗ nói phía trước đó, như Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên tôn giả thần thông quảng đại. Nhóm người này là ức kiếp, đây là nói thời gian dài, muốn nghĩ đến trí tuệ của Phật, họ cũng chẳng nghĩ nổi. Phía trước, nơi

trong phần thí dụ, chúng ta đã đọc qua thí dụ của Phật, chúng ta phải lưu tâm thể hội. Phật đã nói, trí tuệ của Mục Kiền Liên có thể trong một ngày, một đêm tính ra được con số của chúng sanh trong tam thiên đại thiên thế giới. Tam thiên đại thiên thế giới, đây là năng lực của A La Hán; giả sử thập phương thế giới, tất cả chúng sanh đều chứng đến Bích Chi Phật quả, năng lực đều giống như Mục Kiền Liên, mọi người cùng nhau đến để tính toán, tính số người của Tây Phương Cực Lạc thế giới, tính thọ mạng của A Di Đà Phật, dù cho họ có thời gian ngàn ức kiếp, họ cũng chẳng tính ra được.

Chúng ta có thể tin được lời này, nếu như từ trên lý luận thông thường

mà nói thì chúng ta tin, quyết định tin, vì sao? Bởi vì Phật độ chúng sanh là duyên phần, sự xuất hiện của Phật giống như trong phẩm Phổ Môn chỗ nói đó: "Ưng dĩ Phật thân nhi đắc độ giả, tức hiện Phật thân nhi vị thuyết pháp". A Di Đà Phật tại Tây Phương thế giới hiện Phật thân, vậy những người có duyên với A Di Đà Phật tại thập phương thế giới thì là vô lượng vô biên. A Di Đà Phật thành Phật ở nơi nào, phải đem những người này cả thảy được độ thành Phật, vậy đến bao giờ Ngài mới độ hết được? Vô lượng kiếp, Ngài có thọ mạng vô lượng.

Cho nên từ chỗ này anh suy nghĩ, cái vô lượng thọ kia, cái thọ mạng ấy thì thật là dài; đó là chẳng phải giả rồi.

Đích thật như chỗ Phật nói: "Thanh Văn ức kiếp tư Phật trí, tận kỳ thần lực mạc năng trắc", tận hết lực lượng thần thông của họ cũng chẳng có cách chi trắc độ được. Trước kia thầy Lý giảng đến chỗ này, Ngài nói nếu như tu học các tông phái khác, đối với sự việc này của Tịnh Tông, họ không có cách chi lý giải nổi.

Kinh văn: "Như Lai công đức Phật tự tri, Duy hữu Thế Tôn năng khai thị".

Trên quả địa chư Phật, chứng đến Phật quả cứu cánh viên mãn, công đức ấy họ tự mình biết được, tất cả chư Phật biết được, Đẳng Giác Bồ Tát trở xuống đều chẳng biết. Hà huống

A Di Đà Phật không biết? Cho nên "duy hữu Thế Tôn năng khai thị", ý nghĩa này là nói, Bồ Tát có thể nói pháp, A La Hán có thể nói pháp, tổ sư đại đức cũng có thể nói pháp. Những người có thể nói pháp này, nếu nói đến công đức trên quả địa của Như Lai, họ cũng chẳng có cách chi nói được, họ nói cũng nói không ra. Ngoại trừ Phật lực gia trì cho họ, nếu Phật không gia trì, thì họ cũng chẳng có biện pháp gì! Vậy thì chư vị thử nghĩ, bộ kinh này tức là công đức của Như Lai. Phía trước nói là trí tuệ sâu rộng của Như Lai, cũng là công đức của Như Lai. Tây Phương Cực Lạc thế giới y chánh trang nghiêm cùng với Tịnh Độ Tam Kinh cũng là trí tuệ công đức của Như Lai. Chúng ta nói

được, nghe được, giải được, tin được, toàn là chư Phật Như Lai oai thần gia trì; nếu chẳng được chư Phật Như Lai oai thần gia trì, thì Bồ Tát đều không có cách chi để nói, thì làm gì chúng ta có năng lực này?

Kinh văn: "Nhân thân nan đắc Phật nan trị, Tín tuệ văn pháp nan trung nan".

Sự thật này, chúng ta phải thường thường ghi nhớ, thường thường lấy nó để cảnh sách, khuyến khích lấy mình, được thân người vô cùng khó khăn. Nơi trong kinh điển Phật có nhiều khai thị, nhiều thí dụ, được thân người thật chẳng dễ dàng, mất đi thân người vô cùng dễ dàng, thân người là

khó được nhưng rất dễ mất đi. Sau khi mất đi rồi, được thân người trở lại thì quá khó; được thân người, nếu chẳng gặp được Phật pháp, thật tại mà nói, cũng vô cùng đáng tiếc. Cái đáng quý của thân người tức là gặp được Phật pháp, dễ khai ngộ, dễ tiếp thọ; rất khó gặp được Phật pháp, "Phật nan trị". "Tín tuệ văn pháp nan trung nan", anh nghe được Phật pháp, anh có thể tin, anh có thể khai trí tuệ, anh có thể y giáo phụng hành; trong "tín tuệ văn", chữ Văn là văn tuệ của Bồ Tát, bao gồm Văn - Tư - Tu, là một mà ba, ba mà một, là "nan trung nan", quá khó quá khó. Những ải khó khăn này, chúng ta đều đột phá rồi thì chúng ta đều được cả, thì mới biết được đây là may mắn đến dường nào.

Kinh văn: "Nhược chư hữu tình đương tác Phật, Hạnh siêu Phổ Hiền đăng bỉ ngạn".

Thật tại câu này đã nói đến chỗ cùng cực rồi. Phía trước nói với chúng ta về tu Phổ Hiền Hạnh, "tuân tu Phổ Hiền Đại Sĩ chi đức", "hành Phổ Hiền đạo", đó thì đã là trang phong đạo cực rồi; chỗ này là siêu Phổ Hiền, vượt hơn. Vượt hơn cách nào vậy? Những người y theo pháp môn này tu học, tức là nên làm Phật; Phật vượt hơn Phổ Hiền Bồ Tát, có phải chúng ta là hạng người này chăng? Tức là có phải thật sự "quy y chiêm lễ, như thuyết tu hành" chăng? Chỉ cần làm được hai câu này, thì

người này là "đương tác Phật", họ "hạnh siêu Phổ Hiền đăng bỉ ngạn". Câu "đăng bỉ ngạn" là vãng sanh bất thoái thành Phật, cho nên nhất định có pháp môn này anh mới có thể chân chánh siêu vượt. Chẳng những siêu vượt những đại Bồ Tát thông thường, mà siêu việt luôn cả Phổ Hiền Bồ Tát. Điều này quả là tán thán đến chỗ cùng cực, không còn cách chi tán thán thêm nữa. Nghe Phật nói như vậy, nếu chúng ta lại còn chẳng tin, nếu lại còn chẳng cố gắng, chẳng hết lòng nỗ lực thì còn mặt mũi nào đối với Phật? Còn mặt mũi nào đối với lịch đại tổ sư đời đời truyền thừa? Thật sự cũng có lỗi đối với chính mình. Vô lượng kiếp đến nay hy hữu khó gặp, trong vô lượng kiếp có thể gặp được bộ

kinh này một lần, thì không phải dễ dàng; lần này gặp được rồi, thì phải biết trân quý nó, phải hết lòng nỗ lực. Phía dưới Phật khuyến miễn chúng ta.

Kinh văn: "Thị cố bác văn chư trí sĩ, Ưng tín ngã giáo như thật ngôn".

Câu này là Phật khuyến miễn những thiện hữu lợi căn, những vị Bồ Tát học rộng nghe nhiều này, những bậc Bồ Tát, Thanh Văn có trí tuệ rộng lớn này. Nói một cách khác, những người tu học tất cả pháp môn Đại Thừa khác; Phật khuyên họ hồi đầu, khuyên họ niệm Phật. Thì giống như trong kinh Hoa Nghiêm, sau cùng Phổ Hiền Bồ Tát Thập Đại Nguyện

Vương đạo quy Cực Lạc, phổ biến để khuyến đạo bốn mươi mốt vị Pháp Thân Đại Sĩ của thế giới Hoa Tạng niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ; đây tức là ý nghĩa này. Phải nên tin tưởng, Ngã là Thích Ca Mâu Ni Phật tự xưng, tin lời ta chỉ dạy lần này; "như thật ngôn" là chỉ dạy lần này chân thật đấy. Vậy nói một cách khác, ngoài lần này ra thì sao? Ngoài lần này là phương tiện thuyết, lần này là chân thật thuyết. Tại trên hội Pháp Hoa, Thế Tôn từng nói qua: "Pháp Hoa khai quyền hiển thật", trước Pháp Hoa là phương tiện thuyết của Phật, Pháp Hoa là chân thật thuyết. Vậy thì so sánh kinh này cùng Pháp Hoa, Pháp Hoa là chân thật thuyết, kinh này là chân thật thuyết của cứu cánh viên mãn. Học

Hoa Nghiêm, học Pháp Hoa cũng phải quay đầu trở lại để quy về kinh Vô Lượng Thọ. Văn Thù, Phổ Hiền là làm cái gương mẫu tốt, sao chúng ta có thể không quy y? Sao có thể chẳng hồi đầu? Tại chỗ này Phật khuyến đạo như vậy.

Kinh văn: "Như thị diệu pháp hạnh thính văn, Ưng thường niệm Phật nhi sanh hỷ, Thụ trì quảng độ sanh tử lưu, Phật thuyết thử nhân chân thiện hữu".

Bốn câu kệ sau cùng này là tổng kết toàn kinh. "Như thị diệu pháp hạnh thính văn", chữ Diệu Pháp tức là chỉ cho kinh Vô Lượng Thọ, chúng ta rất may mắn, may mắn chẳng gì sánh

bằng, ngày nay có thể nghe được. Nhất định phải nghe cho được rõ ràng, nghe cho được minh bạch cái đạo lý, phương pháp, cảnh giới bên trong. "Ưng thường niệm Phật nhi sanh hỷ", đây là sự thọ dụng của chính mình, nếu anh thật sự nghe được rõ ràng minh bạch, câu phía dưới này là hiện tượng tất nhiên sanh khởi. Anh nhất định biết niệm Phật, chẳng cần người khuyên anh, chẳng cần người dạy anh, anh nhất định biết niệm Phật; vả lại anh nhất định sẽ có được pháp hỷ sung mãn. Nói một cách khác, anh ở trong cuộc sống hiện tại này, sẽ nhất định sống một cách vô cùng vui sướng, vô cùng hoan hỷ, là quả báo có được ngay bây giờ. Anh xem, phá mê khai ngộ lìa khổ được vui rồi đó!

Niềm vui này là bây giờ có được rồi, niềm khoái lạc hiện tiền, tất cả nỗi ưu bi khổ não thảy đều không còn nữa, tại vì sao? Vì đã khai ngộ.

Ngộ cái gì? Lục đạo luân hồi rõ ràng rồi, Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng rõ ràng rồi, tôi hạ quyết tâm xa lìa lục đạo để lấy Tây Phương Cực Lạc thế giới; đây gọi là khai ngộ, thật sự giác ngộ. Thế, xuất thế gian tất cả pháp thảy đều buông xuống hết, chân chánh giác ngộ, cho nên họ sanh tâm đại hoan hỷ, chính mình đã được độ rồi. Giống như phía trước nói với quý vị, chúng ta đã đăng ký, đã báo danh ở Tây Phương Cực Lạc thế giới rồi, quyết định có phần, sao họ chẳng vui mừng chứ? Thế gian chẳng có bất cứ

sự việc gì vui mừng hơn so với cách này, việc này là thật.

"Thọ trì quảng độ sanh tử lưu, Phật thuyết thử nhân chân thiện hữu", hai câu đây là hóa tha lợi ích tất cả chúng sanh. "Ưng thường niệm Phật nhi sanh hỷ" là tự lợi, tự lợi nhất định có lợi tha; chúng ta "thọ trì quảng độ sanh tử lưu", trong lục đạo chúng sanh đang luân hồi sanh tử, chúng ta dùng pháp môn này, dùng kinh điển này để giúp đỡ nhóm người này, khiến cho từng người họ đều có thể thoát ly biển khổ sanh tử, vãng sanh bất thoái thành Phật. Đây tức là hành Bồ Tát đạo, chúng ta làm được như vậy; lấy bộ kinh điển này để tự hành hóa tha, Phật bảo người này là "chân thiện hữu", thiện hữu tức là thiện tri

thức chân chánh. Thiện hữu xuất xứ từ nơi kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài đồng tử Năm Mươi Ba Tham Vấn, chỗ tham phỏng đều là thiện hữu. Bởi thế nên thiện hữu là biệt danh của Bồ Tát, năm mươi ba vị thiện hữu đều là Pháp Thân Đại Sĩ. Chỗ họ thị hiện đó là Viên Giáo Sơ Trụ Bồ Tát đến Đẳng Giác Bồ Tát, đều xưng là thiện hữu. Nhóm tri thức thiện hữu mà Thiện Tài đồng tử đi tham phỏng là chân thiện hữu trên hội Hoa Nghiêm. Lại xem tiếp một phẩm cuối cùng.

Văn Kinh Hoạch Ích - Đệ Tứ Thập Bát

Kinh văn: "Nhĩ thời Thế Tôn thuyết thử kinh pháp".

Đây là đem bộ kinh này giảng xong rồi; phẩm này tức là lời ghi chép của người kết tập kinh này, ghi lại trạng huấn linh đình trọng thể lúc Phật thuyết kinh. Nhĩ Thời tức là lúc Thích Ca Mâu Ni Phật giảng bộ kinh này.

Kinh văn: "Thiên nhân thế gian hữu vạn nhị thiên na-do-tha ức chúng sanh, viễn ly trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh".

Đây là nói đại chúng dự hội gồm có người, có chư thiên, có Bồ Tát, chúng Thanh Văn từ tha phương thế giới đến. Trên kinh chỗ ghi chép về những tứ chúng đệ tử đến dự hội, có

tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, xuất gia, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, tại gia. Tứ chúng đệ tử trên pháp hội này có hai vạn người, còn có những vị Bồ Tát, Thanh Văn, thiên long bát bộ mà nhục nhãn nhìn chẳng thấy, con số này thì không biết bao nhiêu tham dự lần pháp hội này. Tại đây, tôn giả A Nan ghi lại, nhóm đại chúng căn tánh chẳng tương đồng này được lợi ích chẳng bằng nhau; đoạn này là nói về người Tiểu Thừa được lợi ích của Tiểu Thừa. Có "vạn nhị thiên na-do-tha ức chúng sanh", một vạn hai ngàn na-do-tha ức chúng sanh trên trời và nhân gian, con số này cũng là con số thiên văn; "viễn ly trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh", Trần Cấu là đại danh từ của phiền não, "viễn ly trần cấu" tức là đoạn Kiến

Tư phiền não rồi. Đoạn được nhiều ít khác nhau, có người đoạn được nhiều. Kiến Hoặc có tám mươi tám phẩm, Tư Hoặc có tám mươi mốt phẩm. Sau khi nghe xong pháp môn này, ít nhiều đều có thể đoạn được một tí. Đoạn được nhiều ít, người người khác nhau, đoạn Hoặc thì "đắc pháp nhãn tịnh, tâm địa thanh tịnh".

Kinh văn: "Nhị thập ức chúng sanh đắc A Na Hàm quả. Lục thiên bát bách tỳ-kheo, chư lậu dĩ tận, tâm đắc giải thoát".

Vậy đây vẫn là Tiểu Thừa, từ chỗ này mà xem, được pháp nhãn tịnh, phải nên là Sơ Quả, Tu Đà Hoàn quả; có "nhị thập ức", hai mươi ức chúng

sanh đắc A Na Hàm quả, đây là chứng quả vị Tiểu Thừa. Có "lục thiên bát bách", sáu ngàn tám trăm tỳ-kheo, "chư lậu dĩ tận, tâm đắc giải thoát", đây là chứng Tứ Quả A La Hán. Tứ Quả A La Hán, "chư lậu" đã hết, Kiến Tư phiền não đoạn hết rồi, tâm được giải thoát, đây là những vị chứng quả bậc Tiểu Thừa. Người căn tánh Tiểu Thừa nghe đến pháp môn này cũng được lợi ích. Phía dưới là bậc căn tánh Đại Thừa, chỗ được lợi ích vượt hơn người Tiểu Thừa.

Kinh văn: "Tứ thập ức Bồ Tát, ư Vô Thượng Bồ Đề trụ Bất Thoái Chuyển, dĩ hoằng thệ công đức nhi tự trang nghiêm".

Đây là được sự lợi ích của Bất Thoái Bồ Tát. Bồ Tát có Tam Bất Thoái, thứ nhất là Vị Bất Thoái, thứ hai là Hạnh Bất Thoái, thứ ba là Niệm Bất Thoái. Ở chỗ này là, ít nhất họ có được Hạnh Bất Thoái, cái gọi là Hạnh Bất Thoái tức là quyết định sẽ chẳng thoái đến Nhị Thừa nữa, đời đời kiếp kiếp hành Bồ Tát đạo. Huống chi, nơi trong kinh điển này, nếu đã phát tâm rồi, thì nhất định được A Di Đà Phật bổn nguyện gia trì, chẳng những là Hạnh Bất Thoái, nhất định cũng đạt đến Niệm Bất Thoái. Điều này, trong Bốn Mươi Tám Nguyện, từ trên khai thị của bản kinh, chúng ta có thể có được một kết luận như vậy. Quyết định Bồ Tát có thể có được cái Tam Bất Thoái này.

Kinh văn: "Nhị thập ngũ ức chúng sanh, đắc Bất Thoái Nhẫn".

Đây là nói về lợi ích của việc Bất Thoái Nhẫn, chữ Nhẫn là tâm định tại trên pháp môn này, thừa nhận pháp môn này sẽ chẳng hoài nghi, y theo pháp môn này tu học sẽ chẳng thoái chuyển, đây là được Bất Thoái Nhẫn. Đoạn phía dưới này hình như là nói về mọi người chúng ta, cho nên chúng ta cũng bao gồm luôn tại trong pháp hội này.

Kinh văn: "Tứ vạn ức na-do-tha bách thiên chúng sanh, ư Vô Thượng Bồ Đề vị tằng phát ý, kim thỉ sơ phát. Chủng chư thiện căn,

nguyện sanh Cực Lạc, kiến A Di Đà Phật".

Anh xem, có phải chúng ta có hạnh này không? Chúng ta, vào lúc chưa có tiếp xúc với Phật pháp, chẳng có Phát Bồ Đề tâm; sau khi tiếp xúc với Phật pháp cũng chẳng có Phát Bồ Đề tâm. Bồ Đề tâm này tức là cái tâm thành Phật, quý vị có phát cái tâm này không? Ta trong một đời này muốn thành Phật, anh có được cái niệm này, vậy tức là anh đã phát Bồ Đề tâm rồi. Làm sao thành Phật? Niệm Phật vãng sanh Tịnh Độ thì anh thành Phật, một tí đều chẳng giả. Phát cái tâm này mới gọi là Phát Bồ Đề tâm, trước kia chưa phát, sau khi học Phật, đã phát chưa? Hiện nay nghe rồi, phát rồi, quý vị đã

phát chưa? Nếu chưa thì bây giờ phát. Nhất định phải phát cái tâm thành Phật, trong một đời này quyết định phải thành tựu, có cái ý niệm kiên quyết, "kim thỉ sơ phát", bây giờ mới phát.

"Chủng chư thiện căn", câu này tức là Tín - Nguyện - Trì Danh, trong bản kinh dạy cho chúng ta "nhất hướng chuyên niệm"; Bồ Đề tâm đã phát rồi, bây giờ tiếp theo đó là nhất hướng chuyên niệm, đó tức là "chủng chư thiện căn, như thuyết tu hành, nhất hướng chuyên niệm". "Nguyện sanh Cực Lạc, kiến A Di Đà Phật", gặp được A Di Đà Phật thì nguyện của chúng ta mới viên mãn. Phần dưới đây là Phật thọ ký cho chúng ta.

Kinh văn: "Giai đương vãng sanh bỉ Như Lai độ".

Đây là Phật chứng minh cho chúng ta, quý vị có thể phát tâm, có thể làm được như vậy thì đều được vãng sanh Cực Lạc thế giới của A Di Đà Phật. "Bỉ Như Lai độ" tức là Cực Lạc quốc của A Di Đà Phật.

Kinh văn: "Các ư dị phương thứ đệ thành Phật, đồng danh Diệu Âm Như Lai".

Đây là nói Sa Bà thế giới chúng ta, có nhiều người sơ phát tâm như vậy, tương lai đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thành tựu rồi. Thế giới vô lượng vô biên, thế giới nào cùng anh

có duyên, anh xem xét chúng sanh của thế giới ấy, nên lấy Phật thân để độ thoát, thì anh đến nơi đó hiện Phật thân, đến nơi đó thành Phật đi độ chúng sanh bên ấy. Tên vị Phật này gọi là gì? Gọi là Diệu Âm Như Lai, "đồng danh Diệu Âm Như Lai", cho nên việc quy y của chúng ta, trên tấm thẻ quy y với pháp danh Diệu Âm kia, tức là từ chỗ này mà có. Quý vị lấy được chứng thư quy y, Diệu Âm cư sĩ, hãy xem, cái tên của quý vị tại trong kinh Vô Lượng Thọ. Điều này còn giả được hay sao? Không phải giả, tên của anh tại trong kinh Vô Lượng Thọ, tương lai quý vị đều thành Phật cả, thì đây tức là Diệu Âm Như Lai.

Hiện nay đều là Diệu Âm cư sĩ, nhân quả tương ưng, pháp danh của

chúng ta là từ đây mà có. Vậy do đây có thể biết, bộ kinh này cùng với chúng ta mật thiết biết bao. Kinh này tức là Phật vì chúng ta mà nói, chẳng phải vì kẻ khác nói. Cho nên đây là nguyên lai của pháp danh quy y là ở chỗ này, chữ Diệu Âm là xuất xứ từ đây. Vậy Diệu Âm là gì? Diệu Âm tức là Nam Mô A Di Đà Phật, cái âm này là Diệu đấy, tận hư không biến pháp giới tất cả chúng sanh nương nhờ vào âm thanh này mà vãng sanh bất thoái thành Phật. Còn có âm thanh nào so với âm thanh này càng diệu hơn sao? Chúng ta phải biết, thường thường đem âm thanh này niệm trên miệng, khiến cho tất cả chúng sanh đều nghe được, Diệu Âm tức là âm

thanh niệm Phật, chẳng phải chỉ cho thứ khác, là chỉ cho âm thanh này.

Kinh văn: "Phục hữu thập phương Phật sát".

Đây là nói đến cái lợi ích phổ biến, lợi ích quả thật là vô lượng vô biên.

Kinh văn: "Nhược hiện tại sanh, cập vị lai sanh".

"Hiện tại sanh" là những người hiện tại vãng sanh; "vị lai" là những người tương lai gặp được cái duyên này, niệm Phật vãng sanh.

Kinh văn: "Kiến A Di Đà Phật giả, các hữu bát vạn câu-chi na- do-

tha nhân, đắc thọ ký Pháp Nhẫn, thành Vô Thượng Bồ Đề”.

Đây là Thế Tôn nói với chúng ta, thập phương tất cả chư Phật sát độ, số người đi vãng sanh nhiều như vậy. Vậy do đây có thể biết, tất cả chư Phật, chẳng có một vị Phật nào chẳng giảng kinh Vô Lượng Thọ, chẳng có một vị Phật nào chẳng khuyên người niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Chúng ta thử nghĩ đến trạng huấn này, tư duy cảnh giới này, mới biết sơ lược pháp môn này rộng lớn không thể nghĩ bàn. Chúng ta mới biết sơ lược một vài nét, thật tại là cảnh giới của tất cả chư Phật đều chẳng thể sánh bằng.

Kinh văn: "Bỉ chư hữu tình, giai thị A Di Đà Phật túc nguyện nhân duyên, câu đắc vãng sanh Cực Lạc thế giới".

Câu này là Thế Tôn vì chúng ta làm cái tổng kết luận của thập phương thế giới chúng sanh được độ, thử giới tha phương, những người niệm Phật vãng sanh đều là trong đời quá khứ đã cùng A Di Đà Phật kết mối nhân duyên. Hiện tại nhân duyên đã thành thục rồi, cho nên cái quả là được vãng sanh Cực Lạc thế giới này, từ chỗ này hiển thị ra, nhân quả chẳng hư dối. Như thị nhân thì diệu như thị quả, chúng ta niệm Phật, nhớ Phật là cái nhân của niệm Phật, nhất định được

thấy Phật là quả vãng sanh; nhân quả tương ưng.

Kinh văn: "Nhĩ thời tam thiên đại thiên thế giới lục chủng chấn động, tịnh hiện chủng chủng hy hữu thần biến, phóng đại quang minh, phổ chiếu thập phương".

Phía dưới là A Nan tôn giả ghi lại pháp hội viên mãn, thị hiện các thứ tướng lành bất khả tư nghị. Tướng lành thứ nhất tức là đại thiên chấn động, đại thiên này không phải là địa cầu này của chúng ta, chẳng phải khu vực của Thế Tôn giảng kinh mà là tam thiên đại thiên thế giới. Vậy việc chấn động này có sáu thứ, sáu thứ chấn động này, trong kinh luận thường nói, các bạn đồng tu đọc kinh

thường thường thấy được. Giả như không biết được nghĩa này thì anh sẽ hoài nghi. Chẳng những hoài nghi mà còn bị khủng bố, tại vì sao? Mặt đất thình lình nổi lên rồi thình lình chìm xuống, thình lình lay động. Đây là động đất lớn, chẳng phải nguy lắm rồi sao? Điều này ghê gớm lắm. Đây là thí dụ chẳng phải chỉ cái đó! Mà là chỉ cho lòng người chấn động. Chúng ta nói, từ trước đến nay chưa nghe qua pháp môn thành Phật này, là nghĩa của sự phấn khởi, nghĩa của cảm ân, là nói niệm tâm tam thiên đại thiên thế giới tất cả chúng sanh, khi nghe được Phật nói lời này, chẳng ai không cảm động, chẳng ai không động tâm, là ý nghĩa như vậy.

Còn loại thứ hai là "chủng chủng hy hữu thần biến", chữ Thần Biến này đều là những vị thần hộ pháp biến hiện ra các thứ tướng lành trang nghiêm đạo tràng, điều này là cảnh giác lòng người. Phóng đại quang minh phổ chiếu thập phương, quang minh phổ chiếu, những chỗ Phật quang chiếu đến tức là chỗ sở tại của Phật pháp, đặc biệt là kinh điển này, pháp môn này. Là thập phương tất cả chư Phật cộng đồng hoằng dương, cộng đồng xưng tán. Cho nên Phật nói kinh, thì cảm động tất cả chư Phật Như Lai gia trì. Ánh sáng chiếu lẫn nhau, tận hư không biến pháp giới đều ở trong ánh sáng của Phật. Mà ánh sáng này hiển thị kinh Vô Lượng

Thọ, hiển thị công đức của tất cả chư Phật bất khả tư nghị.

Kinh văn: "Phục hữu chư thiên".

Đây là thiên nhân tán thán, cúng dường.

Kinh văn: "Ư hư không trung, tác diệu âm nhạc, xuất tùy hỷ thanh. Nãi chí Sắc Giới chư thiên, tất giai đắc văn, thán vị tằng hữu. Vô lượng diệu hoa, phân phân nhi giáng".

Đây là thiên nhân ở tại đạo tràng nghe pháp, lấy thiên nhạc, thiên hoa để trang nghiêm đạo tràng, tán Phật, tán Tăng, tức là xưng tán Tam Bảo.

Đây là tướng lành không gì bằng của pháp hội.

Kinh văn: "Tôn giả A Nan, Di Lặc Bồ Tát".

Hai vị này là người đương cơ của pháp hội, A Nan phải chịu phụ trách truyền thừa kinh điển. Còn tại bản kinh, Di Lặc Bồ Tát là nhận lãnh lời phó chúc của Phật phải hộ trì kinh điển. Phải hộ pháp, phải hộ trì những người y theo pháp môn này tu hành, phải hộ pháp, hộ người. Điều này là Thích Ca Mâu Ni Phật phó chúc cho họ. Cho nên những người tu Tịnh Độ chúng ta, những người niệm Phật cầu vãng sanh, nhất định được sự ủng hộ

của Di Lặc Bồ Tát cùng chư đại Bồ Tát.

Kinh văn: "Cập chư Bồ Tát, Thanh Văn, thiên long bát bộ, nhất thiết đại chúng, văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành".

Chúng ta phải noi theo, phải học tập, phải giống như nhóm đại chúng tham gia pháp hội năm xưa vậy. Sau khi nghe được Phật nói xong bộ kinh này, đương nhiên sanh tâm đại hoan hỷ. Quan trọng là quyết định tin tưởng, hoàn toàn tiếp thọ y giáo phụng hành. Tức là phía trước chỗ nói đến "quy y chiêm lễ, như thuyết tu hành", vậy là được rồi. Pháp hội của

chúng ta đến nay đã viên mãn. A Di Đà Phật

Phật Thuyết Đại Thừa Vô Lượng Thọ Trang Nghiêm Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh.

Giảng Ký Chung

Nguyện dĩ thử công đức
Trang nghiêm Phật Tịnh Độ
Thượng báo tứ trọng ân
Hạ tế tam đồ khổ
Nhược hữu kiến văn giả
Tức phát Bồ Đề tâm
Tận thử nhất báo thân
Đồng sanh Cực Lạc Quốc

Nam Mô A Di Đà Phật

"Hoan nghênh ấn tống, công đức vô lượng"